

SỐ 1721

PHÁP HOA NGHĨA SỞ

Tác giả: Cát Tạng

QUYỂN 1

PHẨM TỰA THỨ NHẤT

(Phần 1)

Muốn đi vào văn kinh thì trước nói ba nghĩa, một là bộ loại khác nhau, hai là thứ lớp các phẩm khác nhau, ba là chi chia khoa toàn kinh.

I. Bộ loại khác nhau lược: chia làm bảy phần: Một là Kinh thuộc một hội được xếp vào một bộ, như kinh Thập Địa v.v... Hai là kinh thuộc nhiều hội xếp vào một bộ, như kinh Hoa Nghiêm. Ba là phần đầu kinh được xếp vào một bộ, như kinh Nê-hoàn (loại sáu quyển). Bốn là đầy đủ hai phần được xếp vào một bộ, như kinh Đại Bát Niết-bàn. Năm là bản lược được xếp vào một bộ, như kinh Tiểu Phẩm, v.v,v.v... Sáu là bản rộng được xếp vào một bộ, như kinh Đại Phẩm. Bảy là một phẩm được xếp vào một bộ, như phẩm Quán Thế Âm. Nay kinh Pháp Hoa này đối với bảy loại trên là bản đầy đủ, như y theo văn tiếng Phạn thì nói lược có sáu ngàn bài kệ.

II. Nói về thứ lớp phẩm khác nhau, lại chia ra năm nghĩa. Một là sanh khởi thứ lớp, hai là nói về ý nghĩa đầy đủ nhiều ít. Ba là nói về thứ lớp phẩm trước sau. Bốn là nói về phẩm có hoặc không. Năm là giải thích riêng phẩm tựa.

1. Sanh khởi thứ lớp tức phần lớn nói về thứ lớp, gồm có hai môn: Một là căn duyên thứ lớp, nghĩa là thích ứng căn cơ mà nói pháp. Hai

là nghĩa lý thứ lớp, tức dựa theo nghĩa lần lượt sanh nhau. Song, Phật nói kinh tuy có đủ hai môn này nhưng thường là y theo loại căn duyên thứ lớp. Các đệ tử soạn luận cũng đầy đủ hai môn này nhưng thường y theo nghĩa lý thứ lớp. Nay hai mươi tám phẩm thứ lớp sanh nhau nghĩa là. Hễ đến người nói pháp ắt có lý do ghi chép nên ban đầu nói phẩm Tựa, Tựa xong mới thích hợp khai mở phần chánh tông. Vì muốn nói lên Nhất thừa là chân thật, nên trước khai Ba thừa làm phương tiện, nên kế đến nói phẩm Phương tiện. Hàng thượng căn nghe nói pháp trước liền lãnh ngộ, người trung căn chưa thể lìa lời nói mà hiểu được pháp, cho nên đợi dùng thí dụ, nên kế là nói phẩm Thí Dụ dựa theo pháp đã nói trước mà nêu ra thí dụ sau. Lại đồng lãnh giải nên có phẩm Tín Giải, ấn chứng sự tin hiểu ấy là thật, khởi lại thí dụ thuật nghĩa thành tựu nên có phẩm Được Thảo dụ.

Lãnh thọ sự hiểu biết ở trước, thuật thành ở sau đương quả có thể mong, nhận lãnh sự thọ ký nên có phẩm Thọ ký. Từ đầu đến phẩm này người thượng căn, trung căn đều đã lãnh ngộ, người hạ căn còn chưa hiểu rõ nên nói bắt đầu kết duyên ở quá khứ, ví dụ hóa thành hiện tại mà có phẩm Hóa Thành Dụ.

Người hạ căn nghe nói hai châu trên và nghe nhân duyên đời sau liền được hiểu rõ, có khả năng được thọ ký nên có phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký. Chúng hiền danh đã lãnh giải, người mật hạnh, lại được ngộ nên có phẩm Thọ Hữu học, Vô Học Nhân Ký.

Ba lần nói pháp đã rồi, ba căn đều được lãnh ngộ, lại muốn truyền pháp này cho thế gian khác đều nghe, nên khen ngợi pháp mầu nhiệm, khiến người mở rộng đạo lớn, nên có phẩm Pháp sư. Muốn chứng minh ba lần nói pháp trước đây là không lường dối, lại muốn chỉ bày pháp thân quả đức, nên có phẩm Hiện Thập bát. Pháp sư, thập bát, tuy là khen ngợi người chứng pháp nhưng chưa bằng lý do gần Đạt-đa mà tự đến thành Phật, đề cao vực này để chứng nghiệm khuyên muôn vật mở rộng kinh, nên có phẩm Đề-bà-đạt-đa.

Ba phẩm trên là khen người, khen pháp để khuyến khích mở rộng kinh, Bồ-tát Thanh văn vâng lời giảng nói giữ gìn nên có phẩm Trì. Đã ở trong đời ác muốn mở rộng đạo thiện thì có nhiều khổ nạn, nên nói về phương pháp mở rộng kinh khiến cho an trụ vào bốn hạnh, thân tâm vui sướng, nên có phẩm Hạnh an lạc. Nhân bốn hạnh thành tựu, quả mầu nhiệm thích hợp nói lên. Nhưng có Bồ-tát Dũng xuất mở ra duyên thọ từ lâu xa nên có phẩm Dũng xuất. Duyên khai phát rõ, tuổi thọ, chánh tông thích hợp nói lên nên kế là phẩm Thọ Lượng. Nghe nói tuổi thọ

được mười hao lợi ích, nay phân biệt rộng nên có phẩm Phân Biệt Công Đức.

Từ đầu cho đến phẩm Phân Biệt Công Đức là nói về hai quyền hai thật, thường là nghịch tai trái tâm. Nếu có thể tùy hỷ thì phước ấy vô lượng, nên có phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đệ tử tùy hỷ phước đã vô biên, Pháp sư giảng nói hành trì thì sáu căn được thanh tịnh, nên có phẩm Pháp Sư Công Đức.

Tuy đã nêu năm loại pháp sư được sáu ngàn công đức, nhưng nay lại dẫn việc tự thân chứng đắc không luống dối ở đời quá khứ, bao gồm nói về các công đức ở phẩm trên, nên có phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát. Các phẩm trước đây là khen pháp, khen người, nghĩa đã rõ, Chư Phật mười phương thấy chúng sanh trong hai đời tin hiểu và thọ trì kinh này nên tâm sanh vui mừng, hiện ra bảy thứ thần lực nên có phẩm Như Lai Thần Lực.

Nói về phần truyền bá thì gồm có hai phần, một là khen ngợi, hai là phó chúc. Trước đây đã khen ngợi rồi, nay kế phần phó chúc nên có phẩm Chúc Lụy. Ngài Dược Vương theo lời dạy của kinh, tự thân được lợi ích, xả bỏ thân mạng, tài vật để cúng dường báo ân, để làm gương cho người thọ mệnh mở rộng thông kinh, nay nói duyên xưa lợi ích cho hội bấy giờ, nên có phẩm Dược Vương Bồ-tát bốn sự.

Dược Vương tuy báo ân cúng dường mà vẫn chưa nói về nghĩa giảng nói truyền bá pháp này, nên mời ngài Diệu Âm nói về phân thân trong sáu đường vì chúng sanh để mở rộng kinh, nên có phẩm Diệu Âm Bồ-tát. Chúng sanh tuy muốn trì kinh nhưng có nhiều tai nạn, phải khắp, chỉ bày các pháp môn đại bi cứu giúp, nên kế là nói phẩm Quán Thế Âm. Đã nói người tức Quán Thế Âm cứu nạn, kế nói pháp Thần chú để hộ trì nên có phẩm Đà-la-ni.

Vì chúng sanh mở rộng kinh, bởi chúng sanh này đúng là thiện tri thức, nên nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự. Tu hành Nhất thừa tức là thực hành hạnh của ngài Phổ Hiền, vì thế ngài Phổ Hiền từ phương xa đến khen ngợi khuyến khích phát khởi, nên có phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát.

Kế phần thứ hai là nói đầy đủ ý nghĩa nhiều ít. Tuy có hai mươi tám phẩm mà tên gọi thì có ba loại: Một là dùng một nghĩa mà được tên gọi. Hai là dùng hai nghĩa mà được tên gọi. Ba là do ba nghĩa mà được tên gọi.

Dùng một nghĩa mà được tên gọi: lược có bốn loại: Một là từ pháp mà được tên gọi, như phẩm Phương tiện v.v... Hai là từ thí dụ làm tên

gọi như phẩm Thí dụ. Ba là từ người mà được tên gọi như phẩm ĐỀ-bà-đạt-đa. Bốn là từ việc mà làm tên gọi, như phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Do hai nghĩa mà được tên gọi: Hoặc nêu cả người và pháp như phẩm Phổ môn Quán Thế Âm, hoặc Năng sở hợp làm tên gọi như phẩm Hiện Thập bát.

Do ba nghĩa mà được tên gọi: Như phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký, Ngũ Bá là số, đệ tử là tên gọi của người, thọ ký là pháp.

Hỏi: Tên phẩm là do Phật nói, là do người kiết tập kinh đặt, hay do người đời sau chế ra?

Đáp: Nói đủ có ba nghĩa:

1) Nếu trong văn kinh có nêu tên phẩm như chép: “Nghe phẩm Được Vương Bản Sự này thì công đức vô lượng”, đây chính là do Phật nói.

2) Nếu nêu tên phẩm đặt ở phần đầu văn kinh, đây là do người kiết tập kinh lấy ý của Phật mà đặt tên phẩm.

3) Như chín mươi chương của kinh Đại Phẩm, không có tên phẩm, đều là do người đời sau chế ra.

Trong bài tựa kinh Đại Phẩm do Duệ Pháp Sư thuật lại lời ngài Cư ma la-thập rằng:

“Kinh Đại Phẩm chỉ có ba phẩm là phẩm Tựa, phẩm Ma-sự và phẩm A-bệ-bạt-trí. Do phẩm chẳng phải do Phật nói nên lược bỏ hai phẩm, chỉ giữ lại phẩm Tựa”, vì vậy biết chẳng phải Phật nói mà do người đời sau chế ra.

Phần thứ ba nói về thứ lớp trước sau của các phẩm. Các kinh có phẩm Chúc Lụy thường là đặt ở cuối kinh, còn như kinh Pháp Hoa thì đặt sau phẩm Như lai Thân Lực, là do y theo bản Phạm và luận Pháp Hoa. Lại nữa, ở đất Tần lúc mới dịch kinh Pháp Hoa thì đặt phẩm Chúc Lụy ở cuối kinh, sau đó ngài La-thập giỏi về ngôn ngữ đời Tần hiểu được ý chỉ kinh, liền đặt phẩm Chúc Lụy ở sau phẩm Như lai Thân Lực, hẳn là có ý sâu xa. Vì sao như vậy?

Vì nếu phẩm Chúc Lụy đặt ở cuối kinh thì khi nói kinh xong mới khiến phân thân trở về bốn quốc, như vậy khi nói kinh xong còn là Tịnh độ, sao khi Bồ-tát Diệu Âm đến Phật còn căn dặn là “ở cõi này chớ sanh ý tưởng thấp kém”?

Lại nữa, Bồ-tát phương dưới đã đánh lễ khắp phân thân, bậc thượng nhân ở Đông độ không nên chỉ lễ Phật Đa Bảo, ngài Quan Âm dâng chuỗi hạt châu lễ ra không nên chỉ chia làm hai phần theo đây mà

sét, thì biết phẩm Chúc Lụy không đặt ở cuối kinh, mà đặt sau phẩm Như lai Thần Lực.

Nói về Nhất thừa gồm có hai hạng, một là Phật thừa, hai là Bồ-tát thừa, cho nên trong luận Thập Nhị Môn chép: “Sở thừa của Chư Phật đại nhân lẽ ra gọi là Đại, sở thừa vững chắc của các Đại sĩ như Quán Âm, Di-lặc v.v... nên gọi là Đại.

Từ đầu kinh cho đến phẩm Như lai Thần Lực là nói pháp sở thừa của Chư Phật, Phân thân Chư Phật vì muốn nói lên tuổi thọ nên đến, nói lên tuổi thọ dài lâu xong mỗi vị đều trở về bốn quốc thì cõi trở lại uest, ý nghĩa chương này nói xong rồi cho nên phó chúc.

Từ phẩm Dược Vương Bồ-tát đến phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát là nói về sở thừa của Bồ-tát, hai thừa nhân quả đã tròn đầy nên đại chúng đều phân tán, vì nhân duyên này nên đặt phẩm Chúc Lụy trước phẩm Dược Vương Bốn Sự. Lại nữa, Một phẩm Chúc Lụy đã nói về việc phó chúc, mà các phẩm Dược Vương về sau là thọ nhận mở rộng kinh, do đây suy ra thì không nên để phẩm Chúc Lụy ở cuối kinh.

Phần thứ tư nói về phẩm có và không. Ngài La-thập dịch kinh chỉ có hai mươi bảy phẩm, về sau lại có thêm phẩm Đề-bà-đạt-đa.

Theo sách của ngài Thích Đạo Tuệ đời Tống đời Tề chép: “Ngài Thích Pháp Hiến ở chùa Định Lâm Thượng thuộc nước Vu-diễn tìm được phẩm này, Sa môn Thích Pháp Ý ở chùa Ngõa Quan dịch thành phẩm Đề-bà-đạt-đa vào tháng mười hai năm, niên hiệu Vĩnh Minh thứ tám đời Tề, nhưng chưa nhập vào kinh Pháp Hoa. Cuối đời Lương có người ở Ưu Thiên Ni thuộc nước Tây Thiên-trúc tên là Bà-la Mạt-đa (Hán dịch là Chân-đế) lại dịch phẩm này, mới xếp vào sau phẩm Hiện Thập bát.

Hỏi: Ngài Trúc Pháp Hộ dịch kinh Chánh Pháp Hoa, sau phẩm Hiện Thập bát có việc Đề-bà-đạt-đa, vì sao ngài La-thập không dịch? Đáp:

Việc này lại khó nói về, nay tạm dùng ba nghĩa để giải thích.

1) Là do nước ngoài truyền vào, phía Tây vùng Lưu-sa thường có phẩm này, nhưng phía Đông vùng Lưu-sa thì không có phẩm này. Vì sao? Vì phái Tiểu thừa đều cho rằng kinh các nơi là do Điều-đạt sáng tác, cho nên các nước hoặc có, hoặc không có phẩm này, ngài La-thập lại ở nước Quy-tư nên không thấy phẩm này, vì vậy không dịch.

2) Ngài La-thập dịch kinh quán xét thấy căn cơ, tình lý mỗi việc quá nhiều nên lược bớt, nếu dịch đầy đủ như luận Trí Độ thì gấp mười lần ở đây, sợ rằng tìm tòi khó nên lược thành một trăm quyển. Nếu dịch

thành một trăm bộ luận thì vô ích ở Trung hoa còn năm mươi bài kệ, vì thế kinh Chánh Pháp Hoa gồm có mười quyển nên mà bỏ bớt văn rườm rà nên lược bảy quyển.

3) Phẩm Hiện Tháp báu làmệnh lệnh thọ trì, phẩm Trì ứng với mệnh lệnh nên nói về thế kế nối, nếu ở giữa chen vào phẩm Đề-bà-đạt-đa thì lời văn dường như sai, lại sợ người đời sau nghi ngờ nên lược bỏ.

Phần thứ năm giải thích riêng phẩm Tựa: Tựa nghĩa là dần dần, mượn thời gian, mượn nơi chốn mà làm mưa hoa, mặt đất rung chuyển để đến phần Chính là nói, do chuyển dần ấy nên gọi là tựa. Lại, Tựa cũng có nghĩa là thứ lớp, là kế đầu tiên nói về duyên khởi, kế là nói phần chánh kinh, nên là nghĩa lý thứ lớp. Lại nói tựa cũng là thứ lớp tốt lành, ở đầu kinh đã nêu việc thứ lớp tốt lành có thể xét thấy. Tựa cũng có nghĩa là mở ra, vì muốn nói lên sự và nghĩa mở rộng ra nên gọi là Tựa. Chữ phẩm, tiếng Phạm gọi là Bạt Cừ, Hán dịch là Phẩm, phẩm gọi là phẩm riêng, bởi hai mươi tám chương ý nghĩa mỗi chương khác nhau nên gọi là biệt, cũng gọi là phẩm loại, do ý nghĩa mỗi phần có bộ loại.

III. Phần thứ ba nói về chương đoạn khác nhau.

Hỏi: Nước Thiên-trúc và Trung hoa khi chép kinh hoặc truyền miệng để giảng nói kinh luận thì không ngoài hai thứ, một là khoa chương, hai là thẳng giải thích. Như ngài Thiên Thân giải thích kinh Niết-bàn có bảy phần, ngài Long Thọ giải thích kinh Bát-nhã không có chương môn, bởi các luận sư Thiên-trúc chia ra hai loại khai và không khai. Ngài Hà Tây chú sớ kinh Niết-bàn chia làm năm môn, Ngài Đạo Dung giảng bộ kinh Pháp Hoa bản tân dịch chia làm chín phần (Triệt) còn tập giải lời ngài Tịnh Danh soạn chú thích văn Pháp Hoa chỉ chia chẻ nhỏ nhặt mà không nói hết phần khoa, bởi các sư Trung quốc lấy hai nghĩa khai và không khai. Nay giải thích ý nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Luận rằng thích ứng việc giáo hóa thì không cần phương cách, rèn luyện dẫn dụ thì chẳng phải một, xét thấy tâm Thánh lấy dứt lo sanh tử đứng đầu đích, ý chủ thống giáo lấy việc khai đạo làm tông. Nếu do khai mà ngộ thì Thánh giáo sẽ vì khai, nếu do hợp mà thọ lãnh đạo thì Thánh giáo sẽ vì hợp, nếu cả hai cùng sáng tỏ là cam lộ còn cả hai đều mê thì thành thuốc độc. Như vậy, đâu thể giữ riêng một lối để ngăn chặn chín đường?

Hỏi: Có người chép: Kinh thì không có đại, tiểu, chia ra ba đoạn là phần tựa, chánh kinh và truyền bá, việc này thế nào?

Đáp: Lãnh giải hướng Viên mà luận thông suốt, vì khai đạo nói dứt mối lo sanh tử biết đủ các đường đúng sai, sao lại hỏi về sự được

mất của ba đoạn ư? Nếu tùy tiện chấp ba chương thì có nhiều lỗi, nếu do phần đầu mà ngộ thì phần đầu là chánh kinh, nhờ chương sau mà vào đạo thì chương sau chẳng phải phụ, sao lại nói là phần đầu phần sau chẳng phải chánh kinh, phần giữa mới là chánh tông? Đem điều trái chấp giữ khuôn phép, lấy hạn cuộc mà giải thích Đại ư!

Hỏi: Đoạn đầu nói việc nhập định, phát ra ánh sáng, hoa tuôn rãi như mưa, mặt đất rung chuyển là lý do dẫn dẫn đến chính là nói, sao gọi là chánh kinh?

Đáp luận rằng: Nê-hoàn, Pháp bảo vào có nhiều cửa, kinh khen ngợi kinh được ngộ khác nhau, Phật sự chẳng phải một hoặc dựa vào âm thanh để chuyển phàm, hoặc do im lặng mà thành Thánh, hoặc nhờ ánh sáng để ra đời tục, hoặc nhờ hương Phạn mà vào đạo, cho nên ba nghiệp đều là duyên thuận lợi, sáu trần đều là Phật sự. Đây chính là bậc Thánh trước đối với Viên hóa mà giống như ở cuối, bó buộc ở văn chặt hẹp, chưa thể gọi là đúng!

Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chia kinh này thành năm đoạn.

1. Từ sau câu “Tôi nghe như vậy” đến hết phẩm Tựa là nói tướng chuyển của kinh Pháp Hoa.

2. Từ phẩm Phương Tiện đến hết phẩm Pháp Sư là nói về pháp không có hai thể của kinh Pháp Hoa.

3. Từ phẩm Hiện Thập bát đến hết phẩm Như lai Thọ Lượng là nói về quả thường trú pháp thân của kinh Pháp Hoa.

4. Từ phẩm Phân Biệt Công Đức đến hết phẩm Chúc Lụy là nói về việc tu hành Pháp Hoa phát sanh công đức.

5. Từ phẩm Dược Vương Bồ-tát bốn sự cho đến hết kinh là nói về quy cách truyền bá của kinh Pháp Hoa.

Hai Pháp sư Long và Quang lại chia kinh này thành hai đoạn: Từ phẩm Tựa đầu đến phẩm Hạnh an lạc, mười ba phẩm này là khai Ba thừa bày Nhất thừa. Từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến hết kinh, mười bốn phẩm này là bỏ gần mà bày xa. Trong hai đoạn này, mỗi đoạn lại chia làm ba phần là tựa, chánh kinh và truyền bá, hợp lại thành sáu đoạn.

Pháp sư Ấn lại chia kinh này thành bốn đoạn.

1. Phẩm Tựa là phần lời tựa.

2. Từ phẩm Phương Tiện đến hết phẩm Hạnh an lạc, mười hai phẩm này là bỏ ba thừa bày Nhất thừa, nói về thừa phương tiện, thừa chân thật.

3. Từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến hết phẩm Phân Biệt Công

Đức, Di-lặc nói kệ về trước gồm hai phẩm rưỡi là bỏ gần mà bày xa, nói về thân phượng tiện, thân chân thật.

4. Từ phẩm Phân Biệt Công Đức đến hết kinh là phần truyền bá.

Tuy nói rằng trước phẩm Hạnh an lạc là phần nhân, nhưng từ phẩm Hiện Tháp báu trở xuống ba phẩm lại lý do thứ lớp của tông quả, phải hai hướng đều xem. Vì sao? Vì phẩm Hiện Tháp báu là Phật Đa Bảo giúp bảo tìm người truyền bá kinh, cho nên mới có phẩm Trì và phẩm Hạnh an lạc truyền bá ở nhân, vì thế thuộc về phần nhân. Kế đến có Bồ-tát từ đất vọt lên chánh là thứ lớp tuổi thọ, do trước có mang lệnh nên mới vọt lên, thì ba phẩm trước lại có ý nghĩa nói về tuổi thọ, cho nên phải luận cả hai hướng.

Hỏi: Lời các sư nói lấy gì hướng về tông?

Đáp: Nếu tất cả đều có thể khai đạo để thích ứng với cơ duyên, thì đối với lời nói đều là chánh tông. Nhưng suy văn xét nghĩa thì ba đoạn rất dài, cho nên phải sử dụng.

Hỏi: Ban đầu nói về ba đoạn có chỗ mất, sao nay lại sử dụng?

Đáp: Ý nghĩa có hai, là chung và riêng. Nói theo chung thì ngộ cả ba tức ba phần đều là chính là nói. Nói theo riêng thì nên chia làm ba đoạn, nếu lãnh ngộ đầy đủ ý nghĩa chung và riêng, theo lý thì không có thiếu sót.

Hỏi: Lập ba đoạn là có ý nghĩa gì?

Đáp: Nói lược có mười nghĩa:

1. Bậc thánh nói pháp thì có giải thích phần tựa, dùng lý sâu mà giáo hóa phàm phu phải làm cho tai mắt kinh sợ, tự nhiên nói thì không khởi tâm cung kính, cho nên phần đầu kinh phải đặt phần tựa. Đã tĩnh tâm tín ngưỡng thì mới khai tông trao pháp, vì vậy kế là có phần chính là nói kinh. Chúng sanh vô cùng nên tạm đại bi vô hạn, vì muốn truyền dạy nên kế là phần lưu thông.

2. Vì đối với ngoại đạo nên nói ba phần. Ngoại đạo nói rằng: Chỉ ban đầu là tốt lành, phần giữa phần sau không có tốt lành. Hoặc nói do phần đầu tốt nên phần giữa phần sau lại tốt. Phật Pháp thì không đúng, chia làm ba phần mà ba phần đều tốt. Cho nên trong kinh chép: Lời đầu thiện, lời giữa thiện, lời sau cũng thiện.

3. Luận Đại Trí Độ chép: Chư Phật có ba thời làm ích lợi: Lúc làm Bồ-tát ở thời quá khứ làm lợi ích chúng sinh, lúc thành Phật ở đời hiện tại làm lợi ích chúng sinh, sau khi diệt độ ở đời vị lai làm lợi ích chúng sinh. Phần tựa, phần chính là nói tức là đời hiện tại làm lợi ích chúng sinh, phần truyền bá tức là đời vị lai làm lợi ích chúng sinh.

4. Phần tựa nói phát khởi tín tâm, phần chánh kinh nói phát sanh trí tuệ. Cho nên trong Đại luận chép: Biển lớn Phật Pháp, tin là vào được, có trí là có thể vượt qua, hai thứ này là tự thực hành. Kế phần truyền bá là để giáo hóa mọi người, tức gọi là hóa tha.

5. Đây có hai hạng người, người có phước tuệ sâu dày gặp Phật nghe pháp nên hiểu phần tựa, nhập vào chánh kinh. Người phước tuệ yếu kém chỉ gặp kinh quyển thì phải dùng phần truyền bá. Cho nên phẩm Thường Đề trong luận Đại Trí Độ chép: Người có phước tuệ dày thì hướng về Bồ-tát Đàm Vô-kiệt nghe nói Bát-nhã, người phước tuệ mỏng thì chỉ gặp Bát-nhã trên giấy, tức là việc này.

6. Mở rộng chánh pháp của Như lai gồm có hai loại, một là thấp đèn sáng, hai là nối kế đèn. Thấp đèn sáng tức là phần tựa và phần chánh kinh, nối kế đèn là phần truyền bá.

7. Chư Phật ba đời gồm có hai việc: Một là nhận lời phó chúc của Phật đời trước, hai là phó chúc cho Phật đời sau. Phần tựa và chánh kinh tức là nhận lời phó chúc của. Phật trước, phần truyền bá là phó chúc cho Phật đời sau.

8. Đây chỉ có ba phần, một là tiền phương tiện tức phần tựa, hai là thể của kinh tức phần chính là nói, ba là dụng của kinh tức là phần truyền bá.

9. Đây cũng có ba phần: một là lý do dẫn nói, hai là chính là nói, ba là khen ngợi, khen ngợi tức là truyền bá.

10 Căn tánh có ba bậc thượng, trung, hạ, đức Như lai nói pháp có đủ ba thời. Một phẩm đầu gọi là phần tựa, từ phẩm phương tiện đến phẩm Phân Biệt Công Đức trừ bài kệ còn mười lăm phẩm rưỡi gọi là phần chánh kinh, từ bài kệ cho đến hết kinh gồm mười một phẩm rưỡi gọi là phần truyền bá.

Hỏi: Phần tựa đã gọi là phẩm Tựa, còn phần chánh kinh và phần truyền bá sao không gọi là phẩm Chính là nói và phẩm truyền bá?

Đáp: Phẩm tựa văn ít mà nghĩa sáng, không có lẫn lộn nên chỉ gọi là phẩm Tựa. Phần chính là nói thì văn dài mà nghĩa rộng, cho nên bỏ tên gọi chung, tùy theo nghĩa riêng mà gọi tên, phần truyền bá cũng vậy. Ba đoạn này mỗi đoạn lại chia làm hai chương, phần tựa có tựa chứng tín và tựa phát khởi. Chứng tín khiến cho chúng sanh đời sau sanh tâm tin đối với kinh, phát khởi là dựa vào sự linh thiêng khác thường mà phát khởi chánh kinh, lợi ích ở hiện tại để giáo hóa thấm nhuần đời này đời sau, cho nên nói cả hai lời tựa. Phần chính là nói có hai chương, từ phẩm Phương tiện đến phẩm Pháp Sư là nói về thừa phương tiện, thừa

chân thật, từ phẩm Hiện Thập bát đến phẩm Phân Biệt Công Đức trừ bài kệ là nói về thân phương tiện, thân chân thật. Sở dĩ chia làm hai, vì thừa gọi là pháp sở thừa, thân gọi là người năng thừa, có hai thừa này thì nghĩa mới đầy đủ.

Hỏi: Thân phương tiện, thân chân thật sao lại là người?

Đáp: Luận Pháp Hoa giải thích tuổi thọ nói ba Phật mà kinh Kim Quang Minh nói ba Phật là phẩm Ba Thân, cho nên biết ba thân tức là ba Phật, Phật tức là người.

Hỏi: Thừa phương tiện, thừa chân thật, tức Nhất thừa là thật, hai thừa là phương tiện, còn ý nghĩa thân thì thế nào?

Đáp: Trong ba thân thì pháp thân là thật, ứng thân và hóa thân là thân phương tiện.

Hỏi: Pháp thân là thật, đến cảm là ứng, chỉ lập một chân một ứng, còn thừa có được như vậy hay không?

Đáp: Dùng Đại thừa làm thật, Tiểu thừa làm phương tiện, lại được một phương tiện, một chân thật.

Nhưng y cứ việc xưa nay khác nhau gồm có ba nghĩa: Song nói, song phú và song khai.

Song nói tức lúc đầu thành Chánh giác, nơi đạo tràng vắng lặng, Phật vì các Bồ-tát nói cả hai nghĩa. Như phẩm Tín Giải nói ông Trưởng giả là dụ cho thân chân thật, vật báu la liệt là dụ cho thừa chân thật. Song phú là cùng che, như cõi y phục quý giá để mặt y phục dơ xấu, đây là dùng thân phương tiện che thân chân thật, ẩn nấp bên người hầu lại sai khiến người khác, đây là dùng thừa phương tiện che thừa chân thật. Nhưng khai là cùng khai mở, nói ba thừa ngày trước là phương tiện, Nhất thừa ngày nay là thừa chân thật, nói thân ngày trước là phương tiện, thân nay là chân thật.

Nhưng thừa và thân chẳng phải hai thể, tức chỉ một chánh quán nhưng tùy nghi mà nói, vận dụng tự tại nên gọi là Thừa, thể có khuôn phép nên gọi là pháp, lấy pháp làm thân nên gọi là pháp thân.

Truyền bá cũng có hai phần, từ bài kệ trong phẩm Phân Biệt Công Đức cho đến phẩm Như lai Thần Lực gọi là khen ngợi truyền bá. Từ phẩm Chúc Lụy cho đến hết kinh là nói về phó chúc truyền bá. Sở dĩ nói hai nghĩa này, là vì muốn phó chúc khiến mở rộng kinh thì phải khen ngợi công năng kinh sâu xa, khen người có đức dày để chúng sanh ưa thích lợi ích này rồi mới thọ mệnh mở rộng kinh. Cho nên, trước nói hen ngợi, sau mới nói về phó chúc.

Nay giải thích phần tựa chứng tín gồm có hai ý: Một là giải thích

chung, hai là giải thích riêng, trong phần giải thích chung lại chia làm sáu phần:

1) Lý do lời tựa, Chư Phật ba đời giảng nói mười hai bộ kinh đều có sáu việc, nhưng phải đợi thị giả thưa hỏi rồi mới nói khiến được an ổn. Như kinh Tập Pháp Tạng chép: Thị giả A-nan hỏi bốn việc: một là lấy ai làm thầy, hai là nương vào đâu để hành đạo, ba là làm sao để ở chung với người xấu ác, bốn là trong kinh Phật trước tiên nên đặt lời gì?

Như lai đáp rằng: Giới luật có công năng dạy bảo nên lấy giới làm thầy, nương vào bốn niệm xứ mà hành đạo, dùng pháp im lặng phạm hạnh để hàng phục người xấu ác, và tất cả kinh trước đều phải nêu sáu việc thành tựu.

Hỏi: Vì sao ngài A-nan chỉ hỏi bốn việc mà không nhiều hơn hay ít hơn?

Đáp: Ban đầu nói về chánh hành, thứ hai nói về chánh giải, thứ ba nói về duyên trừ chướng ngại để tu hành, mà cả ba pháp này phải y vào Thánh giáo, hỏi bốn việc là đã gồm nhiếp tất cả, vì thế không nhiều hơn hoặc ít hơn.

2) Xét định về Pháp nhiều ít, các kinh xưa chỉ nói năm việc, giải thích này thiếu nghĩa, không có văn nên không dùng. Nay giải thích gồm có sáu việc. Một là như vậy: là pháp được nghe, hai là tôi nghe: tức là người nghe, ba là một thuở nọ: tức là nghe pháp có thời gian, bốn là Phật là vị giáo chủ, năm là xứ tức là chỗ nghe pháp, sáu là đại chúng cùng nghe pháp, đủ sáu nghĩa này thì ý nghĩa mới tròn đầy. Như bài kệ trong Đăng luận của ngài Thiên Thân chép: Ba việc trước nói về đệ tử, ba việc sau là làm chứng lời Phật nói, tất cả pháp môn Tu-đa-la đều là như vậy, cho nên biết sáu việc phát xuất từ lời văn chân thật.

Ba việc trước nói về đệ tử: “Như thị” nghĩa là lòng tin của đệ tử, câu kế là đệ tử tự gọi là “ngã”, câu thứ ba là nói về nghe pháp có thời gian. Từ chữ “Phật trừ” trở đi là nói về Phật, cho nên biết ba câu sau là làm chứng lời Phật nói.

3) Ý nghĩa của lời tựa, lập sáu việc này gồm có ba ý: Một là sanh tâm tin, chữ như vậy là tin, năm câu kế theo cũng là sanh tâm tin. Luận Trí Độ chép: Nói “Thời, phương, người”, khiến cho sanh tâm tin. Thời là một thuở nọ, Phương là trú xứ, người là ngài A-nan, Phật, và đại chúng đồng nghe, cho nên ba việc này gồm nhiếp cả năm việc trước, do có thời gian, nơi chốn và người cho nên chỗ truyền bá là đáng tin cậy. Hai là: lập sáu việc này là để phân biệt ngoại đạo, kinh của ngoại đạo

ban đầu đều nêu hai chữ “A Ủ”, đức Như lai dạy ban đầu nêu sáu việc là xuyên suốt tất cả. Ba là để khác với luận, đệ tử soạn luận thì quy kính Ba bảo, kinh của Như lai thì để sáu việc này ở đầu kinh.

4) Nói về việc có và không: Ngay khi Phật nói kinh thì có đủ sáu thể, nhưng chưa viết thành văn, đến lúc sắp nhập Niết-bàn mới dạy khiến đệ tử sắp xếp lúc kết tập kinh tạng mới nêu ở đầu kinh.

5) Nói về đủ và không đủ: Các kinh khác đủ sáu việc, nhưng kinh kim Quang Minh thì không có việc thứ sáu là đại chúng đồng nghe, về sau mới có.

6) Nói về việc trước và sau, các kinh thường chép rằng: Tôi nghe như vậy: vì bởi tín là bước đầu tiên để vào Phật pháp cho nên trước nêu chữ “như vậy”, muốn chứng minh thành tựu nghĩa tin cho nên kế là nói “tôi nghe”. Như kinh Ôn Thất chép: “như vậy tôi nghe”, Đây là trước nêu người có khả năng tin, sau mới sanh tâm tin đối với kinh.

Hỏi: Lúc Phật nói kinh vì sao có sáu việc?

Đáp: Do có tín tâm mới có thể nói pháp, nên biết có lời “như vậy lúc Phật nói kinh, tức là có thị giả nghe pháp, thời gian giáo chủ, trú xứ, và đại chúng đồng nghe, cho nên biết thật có sáu việc.

Kế theo giải thích riêng sáu việc tức là sáu Pháp thành tựu: tín, văn, thời, chủ, xứ, chúng.

Tín: Chữ “như vậy” Chú giải kinh Pháp Hoa chép: Như vậy là đầu mối của cảm ứng, chữ như là do thuận căn cơ mà có tên, chữ vậy là do không có điều gì trái mà gọi là vậy. Chúng sanh lấy việc không có điều trái làm cảm, Đức Phật dùng thuận căn cơ làm ứng, người truyền kinh lấy tên gọi, giáo pháp từ chỗ cảm ứng cho nên nói là: như vậy.

Lại chú giải Kinh Vô Lượng Thọ rằng: Đến người nói pháp chỉ là nói lên chữ Như, chỉ có “Như” là đúng nên nói rằng “như vậy”. Dao Công chép: Chữ như vậy, là sắp truyền đạt lời nói đã nghe cho người chưa nghe, bởi là lý do đáng tin. Nay nói về lời nói có truyền đạt, tức nói là rất ráo vậy, khéo hiểu lý ấy không mất cơ hội nên gọi là như vậy.

Đàm Sằn chép: Chữ như vậy, là lời nói không chê bai, không khen ngợi.

Ba tạng Chân-đế chép: Chữ như vậy là xa lìa năm thứ chê bai nên nói như vậy, năm loại ấy là:

1) Như nói kinh này quyết định nhân quả là có, gọi là tăng ích báng.

2) Như nói kinh này quyết định nhân quả là không, gọi là tổn giảm

báng.

3) Như nói kinh này nhân quả vừa có vừa không, gọi là Tương vi báng.

4) Như nói kinh này là nhân quả chẳng phải có chẳng phải không, gọi là ngu si báng.

5) Như nói kinh này nhân quả chẳng phải không có, chẳng phải không không, gọi là hý luận báng.

Xa lìa năm thứ báng này gọi là như vậy.

Quang Trạch chép: Chữ như vậy, là sắp truyền điều trước kia đã nghe mà nêu lên một bộ, như vậy một bộ kinh tôi đích thân nghe từ Phật, cho nên chữ “tôi nghe” nối liền sau đó.

Lương Vũ chép: Chữ như vậy, là lời nói như thế, là do Phật nói nên nói là như vậy.

Có người chép: Chữ như vậy, gồm có ba loại, một là Phật, hai là lý, ba là A-nan.

Nói là Phật: nghĩa là Chư Phật ba đời nói pháp không khác nhau nên gọi là như, do đồng nói nên gọi là thị, Chư Phật đồng nói cho nên đáng tin.

Nói là lý; nghĩa là thật tướng các pháp xưa nay chẳng khác nên gọi là như, đáng tin nên gọi là như vậy.

Nói là A-nan; bởi A-nan mong Phật giáo được truyền thừa không khác nhau nguồn gốc nên gọi là như, mong về lý tức là có pháp nói vô sai biệt nên gọi là thị.

Có người chép: Chữ như vậy, là văn như, lý thị, hai vật tương tự nên gọi là như, một vật không trái nên gọi là thị. Do văn năng thuyên ở lý tương tự nên gọi là như, lý là xác đáng không trái nên gọi là thị.

Nay nói chữ như vậy, luận Trí Độ hỏi rằng: Tất cả kinh điển, ban đầu vì sao gọi là như vậy. Đáp: Biển lớn Phật pháp tin thì vào được, có trí là vượt qua được. Chữ như vậy tức là tin, do lòng tin nên nói như vậy, nếu không tin tức là nói “bất như vậy”, vì thế kinh Phật ban đầu nêu chữ “như vậy”.

Hỏi: Như và thị có gì khác nhau?

Đáp: Như gọi là như thật không luống dối, thị có nghĩa là chính xác không trái, do tin Phật pháp như thật không luống dối, chẳng phải tà mà chánh, vì vậy tin gọi là như vậy.

Hỏi: Chữ như vậy là y cứ vào thể của tín hay do tướng của tín?

Đáp: Như thị là tướng của tín, chẳng phải thể của tín. Do lời nói phát ra bên ngoài nên gọi việc này là như vậy, tức tiêu biểu trong tâm

có thành tín, vì thế luận nói như vậy là tướng của tín.

Hỏi: Như thị là căn cứ năng tín hay sở tín?

Đáp: Biển lớn Phật pháp tín là vào được, tức biết Phật pháp là sở nhập, do vậy biết chữ như vậy là năng tín. Nếu nói việc này là như vậy, thì việc này thuộc về sở tín, tức nói như vậy là gồm cả năng và sở.

Hỏi: Như thị là tin chung hay tin riêng?

Đáp: Tin sự chân chánh của Phật pháp tức là không tin tà của ngoại đạo, bởi chữ thị là bắt đầu phân tà chánh, gieo trồng nền tảng các đức, nên thuộc về tin chung. Nhưng kinh thì có đại, tiểu, giáo pháp thì có quyền, thật, tin là tin đại chẳng phải tin tiểu, đây tức là tin riêng.

Hỏi: Nói ngài A-nan tin hay người khác tin?

Đáp: Người có tín tâm thì là vào Phật pháp, do vậy khuyến khích chung tất cả tin nhận, chẳng phải riêng ngài A-nan.

Hỏi: Hạng người nào có khả năng tin Nhất thừa?

Đáp: Có sáu hạng người không thể sanh tâm tin:

1. Chúng sanh khởi tâm ái, tham đắm sự vui ở đời không thể tin nhận.

2. Hạng người khởi tà kiến cho mình là đúng người khác là sai, không thể sanh tín.

3. Người cầu Nhị thừa chấp mắt cá là châu báu, ném dạ quang mà cầm dao cho nên người Đại thừa, Tiểu thừa ở nước ngoài chia sông mà uống nước, vì thế nói Nhất thừa thì không sanh tâm tin nhận.

4. Cho rằng giáo Pháp Hoa vẫn là vô thường, nghe nói thường trụ thì không sanh tâm tin nhận.

5. Cho rằng kinh này che lấp tướng nói về thường, khi nghe nói rõ về thường thì không sanh tâm tin nhận.

6. Cho rằng kinh này nói lên thường, chấp thành thường kiến, nghe nói đạo vắng lặng chẳng thường chẳng vô thường nên không sanh tâm tin nhận.

Cho nên phẩm Hiện Thập bát cháp: Dùng tay nắm hư không cũng chưa gọi là khó, tin nhận thọ trì kinh này mới gọi là khó. Lời nói này có thể chiêm nghiệm. Nay nếu lià các lỗi trên, tâm còn nương tựa, chính là có thể tin nhận.

“Tôi nghe”: đối với câu “như vậy” là quả của tín sở sanh, năm việc sau là nhân của tín năng sanh. Bởi ngài A-nan thấy ba việc chê bai có tám công đức, nên tự thân làm thị giả đức Như lai hơn hai mươi năm, truyền bá lời Phật nói thì chúng sinh sẽ tin, cho nên chữ tôi nghe là nhân sanh tín.

Hỏi: Nửa đêm hôm Phật đắc đạo thì ngài A-nan ra đời, đến năm hai mươi lăm tuổi mới làm thị giả Phật, như vậy Phật nói kinh trong hai mươi lăm năm ấy ngài A-nan không nghe, những lời Phật nói trong hai mươi lăm năm sau ngài đều được nghe. Những kinh nghe trong hai mươi lăm năm gồm có ba thứ:

1. Được nghe, như nghe kinh Pháp Hoa, v.v...
2. Không nghe, như kinh Niết-bàn, v.v...
3. Vừa nghe vừa không, như kinh Tịnh Danh.

Lại gồm có bốn hội, hai hội Am-la thì A-nan được nghe, hai kiết tập ở Tỳ-da thì A-nan không nghe, vậy lấy nghĩa gì mà kinh điển trong một đời đều gọi là tôi nghe.

Đáp: Nay dẫn hai kinh căn cứ vào bản, tích để giải thích. Một là căn cứ kinh Niết-bàn, ngài A-nan là bậc học rộng, tự nhiên có thể hiểu rõ thường và vô thường, đã tự nhiên hiểu rõ thì cũng tự nhiên được nghe. Hai là theo kinh Báo Ân căn cứ tích mà giải thích, do Đức Phật nói lại nên nói là được nghe.

Hỏi: Ngài A-nan dựa vào đức gì, Tam-muội gì mà có thể thọ trì kinh Phật?

Đáp: Ngài Thích Đạo An chép: Trong kinh Thập Nhị Du có chép: Ngài A-nan được truyền Tam-muội ý Phật.

Kinh Kim cương Hoa chép: Ngài A-nan được truyền pháp tánh, giác ngộ Tam-muội.

Hỏi: Sự thật là tai nghe, sao lại xưng tôi nghe?

Đáp: Gồm có bảy ý nghĩa nên gọi là tôi nghe.

1. Phật có dạy gọi là tôi nghe, nay thuận lời Phật nên nói là tôi nghe.

2. Lúc kiết tập pháp, ngài Ca-diếp hỏi A-nan lần đầu tiên Phật nói pháp ở chỗ nào? A-nan liền đáp tặng chúng gọi là “tôi nghe như vậy”.

3. Do người truyền pháp chứng minh để tin nên gọi là tôi nghe. Cho nên, nói ba thứ thời gian, nơi chốn, và người lại khiến sanh tâm tin.

4. A-nan nghe Phật nói pháp mà phát sanh ba tuệ, tự tại xưng tôi, nên nói là tôi nghe.

5. A-nan nghe Phật nói pháp tâm không tán loạn, như đồ vật không bị che đậy, tâm không quên sót như đồ vật không bị chảy, tâm không điên đảo như đồ vật không bị hôi. Ban đầu là định lực, kế đến là trì lực, sau hết là trí tuệ lực. Đủ ba lực tự tại, được gọi là tôi nên nói là tôi nghe.

6. Tai là riêng, tôi là chung, lập chung bỏ riêng nên nói là tôi nghe.

7. Tôi là gốc, tai là ngọn, lập gốc bỏ ngọn nên nói là tôi nghe.

Hỏi: Nghe cái gì, là người nghe, căn nghe, thức nghe hay trần nghe?

Đáp: Do nhân duyên nên nghe, nhân duyên nghe tức là không có chỗ nghe.

Vì thế Trung luận chép: Pháp do nhân duyên sanh tức là tánh vắng lặng, cho nên nghe rõ ràng mà không nghe, cũng không nghe rõ ràng mà nghe. Do nghe rõ ràng mà không nghe nên không hoại, giả danh mà nói thật tướng; do không nghe rõ ràng mà như nghe nên không động đến Chân-đế mà kiến lập các pháp.

Lại, nghe rõ ràng mà không nghe, nên là nghe không nghe, không nghe rõ ràng mà nghe, nên là không nghe cái nghe. Không nghe cái nghe đâu phải là nghe, nghe cái không nghe đâu phải là không nghe, cho nên chẳng phải nghe, chẳng phải không nghe gọi là Trung đạo. Nghe mà không nghe gọi là giả danh, cho nên luận rằng: cũng là giả danh, cũng là nghĩa Trung đạo.

Nhưng Trung đạo, giả danh tức là nhân duyên, cho nên trung gọi là giả trung, giả gọi là trung giả trung giả chẳng phải giả, giả trung chẳng phải trung, cho nên chẳng phải trung chẳng phải giả.

Nói tướng vắng lặng, chẳng phải biến chuyển pháp trước mới gọi là vắng lặng, tức là nhân duyên nghe xưa nay vốn vắng lặng, cho nên kinh này chép: các pháp từ xưa đến nay tướng thường tự vắng lặng.

Hỏi: Nói chữ nghe này được lợi ích gì?

Đáp: Kinh chính là nói về đại sự nhân duyên, nghĩa là khai tri kiến Phật.

Tri kiến Phật gọi là bốn trí gồm: Như lai trí, trí Phật, Tự nhiên trí và Vô sự trí. Do biết rõ nghe không có chỗ nghe nên sanh trí Như lai, không có chỗ nghe mà nghe nên sanh trí Phật. Hai trí này liên tục hiện tiền nên gọi là trí tự nhiên, ba trí này không do thầy mà có nên gọi là trí vô sự. Nghe đã phát sanh bốn trí, nếu làm việc gì đều phải biết rõ nhân duyên và sanh bốn trí, vào tri kiến Phật.

Thời: Chữ “nhất thời”: nghĩa là Phật nói kinh có thời gian nên đáng tin, nay nói lược bốn nghĩa:

1. Đức Phật nói pháp trong năm mươi năm gồm có nhiều thời, nay đối với nhiều thời kia mà nói kinh này nói trong một thời nên nói một thời.

2. Chữ nhất là một bộ kinh, bởi đây là thời gian nói một bộ kinh nên gọi là nhất thời.

3. Khi tâm chúng sanh hành có thể nhất, tức là khi căn cơ Nhất thừa phát, nói giáo pháp Nhất thừa, nên nói là nhất thời.

Hỏi: Tất cả kinh đều gọi là nhất thời, có thể nói đều nói Nhất thừa chăng?

Đáp: Kinh này chép: Những điều đã làm đều vì một việc, cho nên biết nói tất cả giáo pháp là vì khai mở một đạo, đều gọi là nhất thời.

4. Căn cơ và giáo pháp phù hợp không khác thời nên gọi là nhất thời.

Hỏi: Là giả thời hay thật thời?

Đáp: Luận Chánh Quán chép: Chư Phật hoặc nói ngã, hoặc nói vô ngã, trong thật tướng các pháp không có ngã, không có vô ngã. Nên nói rằng: Chư Phật hoặc nói giả, hoặc nói phi giả, trong thật tướng các pháp chẳng phải giả, chẳng phải phi giả.

Hỏi: Vì sao nói giả và phi giả?

Đáp: Giáo hóa đệ tử mà kiết giới, nên nói là thời phi giả; giáo hóa chung cả tại gia và xuất gia nên nói là thời giả danh, như trong luận đã nói rộng.

Phật: Thứ tư là nêu giáo chủ, sở dĩ nêu chữ Phật gồm có năm nghĩa:

1. A-nan trả lời ngài Ca-diếp. Ca-diếp hỏi rằng: Lần đầu tiên Phật nói pháp ở chỗ nào. Vì thế nêu chữ Phật.

2. Nếu không nêu Đức Phật mà chỉ nói năm món thành tựu kia, thì không biết kinh này là ma nói hay Phật nói, là nội đạo nói hay ngoại đạo nói. Nay muốn phân biệt tà, chánh, nội, ngoại, cho nên nêu chữ Phật.

3. Trong Phật pháp có năm hạng người nói pháp đó là: Phật nói, đệ tử nói, chư nói nghiêng lệch, tiên nhân nói và hóa nhân nói. Nay muốn nói kinh này là Phật nói, chẳng phải người khác nói, cho nên nêu tên Phật.

4. Vì chúng sanh đời sau nghe Phật nói thì khởi lòng kính tin sâu xa cho nên nêu tên Phật.

5. Vì muốn thành tựu kinh cho nên nêu tên Phật. Hễ là Phật nói cũng phải nêu tên Phật, đệ tử nói càng phải nêu tên Phật, như kinh Duy Ma Cật, Thắng-man.v.v. đều nêu tên Phật. Nếu không nêu tên Phật thì không thành kinh.

Phật có ba nghĩa:

1. Tự giác, khác với kẻ phàm phu.
2. Giác tha, khác với người Nhị thừa.
3. Giác hạnh tròn đầy, khác với Bồ-tát.

Nếu y theo sự phán xét từ trước nói có ba hạng Phật thì chẳng phải nghĩa giác.

1. Nếu kinh này nói về Phật còn là vô thường thì chỉ là giác ở vô thường mà chưa ngộ về các pháp thật, cho nên không gọi là giác.

2. Nếu nói kinh này là che tướng nói về thường, đã là che giấu thì vẫn chưa giác, nên không gọi là Phật.

3. Nếu nói kinh này nói về Phật định là thường trụ, tức là thường kiến còn là vô minh, nên không gọi là giác. Nay nói chữ giác, là giác ngộ các pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cũng chẳng phải là bốn câu nội ngoại, tột cùng liễu gipháp ác thật nên gọi là giác.

Hỏi: Trong kinh này thì chỗ nào có văn nói về nghĩa ấy?

Đáp: Phẩm Như lai Thọ Lượng chép: Như lai biết đúng như thật tướng của ba cõi, không có sanh tử, hoặc thoát đọa, hoặc ra ngoài, không có tại thế và diệt độ, chẳng thật, chẳng dối, chẳng như, chẳng khác, sáu đường chẳng có, bốn loài cũng không, chính là ý này.

Tiếng nước ngoài gọi Phật là trống trời, lúc giặc muốn đến trống trời tự kêu, lúc giặc muốn đi trống trời cũng kêu, khi trống trời kêu thì tâm chư ma trởnh mẽ, lúc trống trời kêu thì Tu-la kinh sợ. Chúng sanh có phiền não đến thì Đức Phật liền nói pháp, chúng sanh hết phiền não thì Đức Phật cũng nói pháp. Lúc Phật nói pháp tâm đệ tử mạnh mẽ, lúc Phật nói pháp thì các ma kinh sợ.

Trống trời vô tâm nên có thể làm bốn việc, đức Như lai tuy nói pháp nhưng cũng vô tâm, cho nên nói Phật ví như trống trời. Lại nữa, Đức Như lai tuy giác mà thật không có chỗ ngộ, dụ cho trống trời tuy kêu mà vô tâm.

Xứ: Chữ trụ, nay lấy nghĩa là năng trụ, cho nên ý nghĩa chữ trụ thuộc về Phật. Trụ có hai thứ, là thân trụ và tâm trụ, thân trụ có bốn nghĩa:

1. Hóa xứ trụ: Chư Phật mười phương mỗi Phật đều có cõi nước riêng.

2. Dị tục trụ, Chư Phật trong ba đời thường là trú ở ià lam.

3. Chứa xả tuổi thọ trụ: Phật chưa nhận lời xin của ma vương nên có tuổi thọ vô lượng, do nhận lời xin mà chỉ ở lại đời hơn tám mươi năm và xả tuổi thọ. Luận Tạp Tâm chép: Xả phần thứ năm của tuổi thọ, Bởi tuổi thọ trong một trăm năm thì hai mươi năm làm một phần, Phật nhận

lời xin của ma vương mà xả tuổi thọ hai mươi năm, chỉ còn lại tám mươi năm, cho nên nói xả tuổi thọ phần thứ năm. Pháp Hoa cách Niết-bàn gần, nên là xả thọ phần Trụ.

4. Oai nghi trụ, nghĩa là đi đứng nằm ngồi đều gọi là Trụ.

Tâm trụ cũng có bốn nghĩa:

1. Thiên trụ: là trụ nơi bố thí, giữ giới, tinh tấn, nhẫn. nhục, thiền định, trí tuệ.

2. Phạm trụ: là trụ ở bốn tâm vô lượng.

3. Thánh trụ: là trụ ở Tam-muội, Không, Vô tướng, Vô nguyên.

4. Phật trụ: là trụ ở mười lực. v.v.

Đức Như lai đầy đủ tám thứ trụ này, tức là không trụ mà trụ, trụ mà không có chỗ trụ, cũng như ngài Văn-thù không đến mà đến, đến mà không có chỗ đến, cũng như phẩm Sư Tử Hống trong kinh Niết-bàn biện luận trụ ở rừng Sa-la.

Thành Vương Xá là phần thứ năm nói về trụ xứ: nói phải có nơi chốn cho nên đáng tin. Đây khác với ngoại đạo hoặc nói kinh là từ trong hư không trao cho, hoặc nói từ loài chim đò ngậm đem đến, đều không có căn cứ. Trụ xứ lại có hai nghĩa: đó là xứ chung và xứ riêng. Ngay cả hình người còn không có nơi nhất định, huống chi nơi chốn mà thường sao? Chỉ vì ý nghĩa thành tín nên phải nương theo quanh co để nói. Lại nữa, giáo hóa gồm cả nơi ồn náo và thanh tịnh nên nói cả tên núi, tên thành.

Nước tên là Ma-già-đà, Hán dịch là Bất Hại, người tuy phạm tội mà không bị hình phạt giết nên gọi là Bất Hại. Thành tên vương Xá, nước nhỏ thì gọi là thành, như nước Tỳ-da-ly cũng gọi là thành Tỳ-da-ly, nay là nước lớn cho nên nước và thành có khác. Tiếng nước ngoài nói đủ là La Duyệt-kỳ Ma-ha Già-la. La-duyet-kỳ Hán dịch là Vương Xá, Ma-ha tức là lớn, Già-la dịch là thành, trong mười sáu nước lớn và sáu thành lớn thì thành này là lớn nhất, cho nên gọi là đại thành Vương Xá.

Luận Trí Độ chép: Sau khi Phật diệt độ, vì nhân dân ngày càng ít cho nên vua A-xà-thế mới bỏ thành lớn này xy6 một thành nhỏ, nhưng đối với các thành khác thì vẫn còn lớn, huống là thành Vương Xá cũ?

Thiện Kiến Tỳ-bà-sa chép: Thành ấy rộng mỗi bề ba trăm do tuần, có tám ức muôn hộ dân, có tám muôn thôn xóm, ấy là thành Vương Xá.

Hỏi: Sáu thành lớn đều có nhà của các vua, sao chỉ có thành này gọi là Vương Xá?

Đáp: Luận Trí Độ có ba cách giải thích: Thuở xưa vua Ma-ha-đà

sanh con có một đầu, hai mặt và bốn tay, người bấy giờ cho là điềm xấu nên chặt đầu và thân rồi đem quăng ở chỗ vắng, có quỷ La-sát nữ tên là Lợi-lam bèn ghép thân ấy lại và dùng sữa nuôi, sau thành người to lớn có sức lực có thể thâm tóm các nước, bắt lấy một muôn tám ngàn vua đặt ở năm ngọn núi này, rồi dùng sức lực trị vì cõi Diêm-phù-đề. Ý này nói về có nhiều vua ở thành này nên gọi là thành Vương Xá. Hai cách giải thích sau đều như văn luận. Lại có người chép: có vị vua không có chánh đạo, ngàn nước cùng phết vua và đặt ở Ngũ Sơn, sau đó vua suy nghĩ và sửa đổi lỗi lầm rồi cùng trị nước, cho nên gọi thành này là Vương Xá.

Ba Tạng Chân-đế dẫn lời trong luật Tỳ-bà-sa: Hễ khi có vua Chuyển Luân ra đời thì đều lần lượt đến ở Ngũ Sơn, cho nên chỉ có thành này tên là Vương Xá.

Lại nữa, luật Tỳ-bà-sa giải thích rằng: Xưa có bốn vị Thiên Vương cùng đi nhật sửa biển, tìm được cam lộ nhưng chưa chia, bèn cất nhà ở Ngũ Sơn để giữ, bảy ngày sau mới chia, cho nên gọi đây là Vương Xá. Trước thì nói vua loài người xây nhà sau thì vua cõi trời xây nhà.

Kinh Nhân Vương chép: vua Ban-túc bắt được ngàn vị vua và đem đến Ngũ Sơn, đây cũng từ ý nghĩa nhiều vua mà đặt tên. Các thành khác không có các việc này, cho nên chỉ riêng thành này là Vương Xá. Chung quanh Ngũ Sơn như ngôi thành, mà xây nhà ở trong đó, hai việc này hợp thành gọi là thành Vương Xá.

Hỏi: Nếu hai việc hợp lại gọi là thành Vương Xá, thì không nên có hai chỗ là núi và thành?

Đáp: Có tên là thành Vương Xá là do hai việc hợp lại mà nói, nhưng vua ở trong Ngũ Sơn lại xây thành riêng, cho nên có hai chỗ là núi và thành.

Núi Kỳ Xà Quật, Hán dịch là Thứu-đầu Sơn, bởi năm ngọn núi cao này mỗi ngọn đều có hình tượng, nay hòn núi này giống như đầu chim Thứu nên gọi là Thứu đầu. Sau khi Phật diệt độ, vua A-dục thấy đỉnh núi này giống như chim Thứu, bèn sai thợ đẽo làm hai cánh, hai chân và đuôi, cho nên toàn bộ như hình chim Thứu. Trong Lục Đẳng Địa Lý chép: Thành và núi cách nhau đến mười lăm dặm.

Hỏi: Tâm đại từ của Phật rộng cùng khắp, vì sao thường lại nói pháp ở thành Vương Xá?

Đáp: trong luận Pháp Hoa có hai nghĩa:

1. Muốn do nơi chốn mà biểu thị giáo pháp, tất cả các thành thì thành này lớn nhất, tất cả núi thì núi này là cao đẹp nhất, đây biểu thị

kinh Pháp Hoa là trên hết trong các kinh.

2. Muốn thị hiện sự thành tựu công đức tự tại, ở đây chỉ nêu thành Vương Xá làm ví dụ, như vua tự tại ở thế gian, nói lên kinh này đứng đầu các kinh. Dùng Nhất thừa gồm nhiếp tất cả thừa, tất cả thừa quy về Nhất thừa.

Thích luận nói gồm có sáu nghĩa:

1. Vì muốn báo ân pháp thân, đức Như lai vốn thành đạo tại nước Ma-già-đà, vì muốn báo ân này cho nên Phật thường ngự ở đây.

2. Xứ này đất rộng dân nhiều, thọ nhận sự giáo hóa rộng rãi nên thường ngự ở đây.

3. Xứ này có nhiều vị, thông minh trí tuệ như ngài Ca-diếp, Xá-lợi-phất Lục sư, Trưởng giả v.v,v.v... muốn hàng phục họ nên Phật thường ngự ở đây.

4. Nước này có hai anh em Long vương, thời gian luôn mưa nên trong nước không bị mất mùa, người xuất gia có thể giúp thân thì tu niệm cũng dễ nên Phật thường ngự ở đây.

5. Xứ này có nhiều Tinh xá, đất bằng phẳng lại có rừng trúc già lam, năm ngọn núi có năm Tinh xá, các nước khác có ít cho nên Phật thường ngự ở đây.

6. Là xứ này có hoa thơm cỏ lạ, yên tĩnh thanh khiết thật là nơi dừng chân của các Thánh, là chốn nương nấu của thần tiên cho nên Phật thường ngự ở đây.

Chúng: Ở đây nói phần thứ sáu là đại chúng cùng nghe tức câu “dữ đại Ty-kheo chúng”. Chương này lược chia thành sáu phần là: lai ý, định số chúng, quyền và thật, có và không, thứ lớp, đủ và không đủ.

Phần một: Nói lai ý, lược có mười nghĩa:

1. Là thành tựu sự nghe của A-nan, do A-nan cùng nghe với những người tối thắng, cho nên kinh truyền bá là đáng tin.

2. Vì nói lên đức hạnh của Phật, Phật là bậc tối thắng, đại chúng thường vây quanh nên đức hạnh của Phật càng tôn quý, đã tôn quý người thì phải thọ nhận pháp ấy.

3. Vì muốn phát khởi chánh kinh, như do ngài Xá-lợi-phất ba lần xin cầu mới khai thừa phương tiện, bày thừa chân thật, do Ngài Di-lặc ba lần xin mới bày thân phương tiện, thân chân thật.

4. Giúp Phật giảng nói giáo hóa, như Phật ba châu nói Pháp Hoa, các Thánh đệ tử nghe phần Tựa mà được lãnh ngộ cũng ba châu mà nói, ngài Di-lặc lãnh ngộ khen ngợi việc ấy cũng vậy.

5. Là muốn cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Đức Phật,

như phần sau kinh có nói.

6. Là muốn phát thệ nguyện mở rộng kinh, như phẩm Trì và phẩm Như lai Thần Lực có nói.

7. Là muốn dẫn dắt chúng sanh đến với Phật.

8. Là muốn nghe Phật nói pháp để mong cầu sự giác ngộ sâu xa.

9. Vì muốn chứng minh kinh nên đến, như phân thân Phật nhóm họp.

10. Ví thực hiện giáo môn nên đến, như phẩm Diệu Âm, Quán Âm, tức dùng Bồ-tát để thành Phật sự cho nên đến.

Phần hai: Là môn ấn định số chúng, kinh này từ đầu đến cuối gồm có hai hội chúng, hội đầu nhóm họp có hai mươi ba chúng, hội sau nhóm họp có sáu chúng, hợp lại là hai mươi chín chúng. Trong hai mươi ba chúng gồm có:

1. Tăng chúng có hai chúng
2. Ni chúng có hai chúng
3. Bồ-tát chúng có năm chúng
4. Thánh chúng có năm chúng
5. Phạm chúng có mười tám chúng
6. Các tầng trời cõi Dục có mười chúng
7. Chúng cõi trời Thiên quang
8. Chúng cõi trời Quang âm
9. Chúng cõi trời Vô lượng quang
10. Chúng cõi trời Tứ thiên vương
11. Chúng cõi trời Đế-thích
12. Chúng cõi trời Tự Tại
13. Chúng cõi trời Đại Tự Tại
14. Cõi sắc có hai chúng
15. Chúng cõi trời Thi-khí
16. Chúng cõi trời Quang Minh.
17. Chúng cõi trời Đại Phạm có mười hai chúng

Trên đây là mười bảy chúng, cộng với sáu chúng đủ loại, thành ra hai mươi ba chúng, đọc trong văn để biết.

Hội sau gồm sáu chúng

1. Trong phẩm Hiện Thập bát có chúng của Phật Đa Bảo
2. Chúng phân thân tập hội
3. Chúng ở cung rồng trong phẩm Đề-bà-đạt-đa
4. Chúng ở phương dưới tập hội trong phẩm tùng Địa Dũng Xuất
5. Chúng tập hội trong phẩm Diệu Âm Bồ-tát

6. Chúng tập hội trong phẩm Phổ Hiền Khuyển Phát

Phần ba: môn quyền thật. Có người chép: Đại chúng cùng nghe đều là chúng thực hành nghe kinh. Có người chép: Đều là những vị quyền hành ảnh hưởng chứng minh kinh. Nay nói việc này thật khó biết! Nếu cho là chúng thật hành thì mất chúng ảnh hưởng, nếu đều là chúng ảnh hưởng thì không có chúng thọ nhận giáo pháp, cho nên hai nghĩa đều lấy.

Nếu là vua, là chủ, thường là quyền hành, nếu là quyền thuộc thường là thật hành. Chẳng Đại, chẳng Tiểu, làm phương tiện Tiểu để dẫn dắt Tiểu quyền thuộc đồng quy về Nhất thừa cho đến chẳng phải Thánh, chẳng phải phàm, làm phương tiện phàm để dẫn dắt quyền thuộc phàm cùng nhập pháp môn không hai.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Các Bồ-tát đều là bạn lành đời trước của Phật Lô-xá-na.

Luận Niết-bàn chép:

Nói đại chúng nhóm họp nhiều là nói lên thần thông bất khả tư nghị.

Luận Pháp Hoa giải thích chúng có bốn hạnh:

1. Hạnh Thanh văn, như phẩm Tựa nói các chúng Thanh văn.
2. Hạnh Bồ-tát, như phẩm Tựa nói các chúng Bồ-tát.
3. Hạnh Bất định, như Bồ-tát Thiệt Thủ thị hiện làm bốn chúng, tám bộ v.v...

4. Định hạnh: người xuất gia hình nghi hoàn toàn nhất định. Do đây mà biết đại chúng gồm đủ cả quyền và thật.

Phần bốn: Là có và không. Ngài Long Thọ chép: Kinh Tiểu thừa ban đầu không có chúng Bồ-tát. Kinh Đại thừa ban đầu có đủ hai chúng Đại thừa và Tiểu thừa. Nhưng lời nói này là chưa tận cùng ý nghĩa. Các kinh Đại thừa gồm có bốn câu.

1. Chỉ có chúng Bồ-tát, không có chúng Thanh văn, như bảy hội Hoa Nghiêm.

2. Chỉ có chúng Thanh văn, không có chúng Bồ-tát, như kinh Kim cương, Bát-nhã.

3. Có đủ cả hai chúng, như kinh Pháp Hoa.

4. Không có cả hai chúng như kinh Kim Quang Minh.

Hỏi: Vì sao kinh Kim Quang Minh lại không có hai chúng?

Đáp: Lúc Phật Thích-ca ở núi Linh Thứu riêng nhập vào chánh định Tam-muội, chưa có chúng nhóm hội nên không có chúng đồng nghe, những người có lòng tin đều mộng thấy, đến sáng hôm sau đại

chúng mới cùng đến chỗ Phật.

Phần năm: Là nói về thứ lớp. Đại chúng chia thành ba phần riêng, trước là chúng Thanh văn, kế là chúng Bồ-tát và sau cùng là chúng Phạm phu.

Hỏi: Nếu theo thứ lớp số lớn thì chúng Bồ-tát trước, rồi đến chúng Thanh văn, sau cùng là chúng Phạm phu. Nếu theo số nhỏ thì chúng Phạm phu trước, rồi đến chúng Thanh văn, sau cùng là Bồ-tát. Nay vì sao nói chúng Thanh văn trước, rồi đến Bồ-tát, sau cùng là Phạm phu?

Đáp: Như phẩm Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Ngũ Trước, thì trước nêu Bồ-tát sau nêu Thanh văn, đây là ý nói đức hạnh mà làm thứ lớp từ cao quý đến yếu kém. Kinh này trước nêu Thanh văn sau nêu Bồ-tát là theo thứ lớp lấy hình tướng bên ngoài, tâm Thanh văn có đủ trí đoạn hình tướng đầy đủ pháp nghi, tâm và hình đều cao quý nên nêu trước. Tâm Bồ-tát tuy ngộ đạo nhưng hình tướng thì bất định, hoặc là đạo hoặc là tục, tâm cao quý nhưng hình tướng thì yếu kém nên nêu thứ hai; tâm và hình tướng phạm phu đều kém cho nên nêu sau cùng. Đây là xét theo hình nghi bên ngoài theo thứ lớp từ cao quý đến yếu kém.

Phần sáu: Là nói đủ và không đủ. Theo kinh Nhân Vương thì có chúng biến hóa, chúng Duyên giác, chúng cõi trời Vô sắc. Theo kinh Đà-la-ni thì có chúng địa ngục, nhưng hội này không có. Theo văn sau của kinh này thì có đủ bốn chúng tám bộ và chúng vua Chuyển Luân. Nay phần Tựa không có vua Chuyển Luân, trong tám bộ lại không có hai bộ chúng là Dạ-xoa và Ma-hầu-la-già, trong bốn chúng thì không có chúng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Lại chia chúng Thanh văn làm hai loại, trước là tăng, sau là ni. Vì sao nêu tăng trước ni sau, đây có bảy nghĩa:

1. Vì nam tôn quý, nữ thấp hèn, nên nêu tăng trước ni sau.
2. Vì tăng vào đạo trước, ni vào đạo sau.
3. Vì tăng làm thầy, ni làm đệ tử.
4. Vì tăng truyền bá và nắm giữ chánh pháp, cho nên trong hai mươi lăm người đều là tăng. Ni thì không thể.
5. Vì tăng có thể kết tập kinh tạng Đại thừa Tiểu thừa; Ni không thể làm.
6. Vãng tăng được ở chung với Phật, Ni thì ở riêng.
7. Vì chúng tăng đông, chúng ni ít.

Nêu Tăng chúng có hai phần, một là chúng hiển danh, hai là chúng mật hạnh. Trước đã chép: “Chúng sở tri thức”, nên biết đây là chúng hiển danh, phần sau không nói chúng sở tri thức mà nói đồng được thọ

ký thành Phật, đây là chúng mật hạnh. Do thích ứng nhiều cách giáo hóa, cho nên bậc Thánh hoặc hiển bày, hoặc bí mật. Lại nữa, ban đầu chỉ thuần là chúng Vô học, cho nên nêu trước, kế đến là bao gồm cả chúng Hữu Học và chúng Vô học cho nên nêu sau, và cũng do số chúng trước nhiều hơn số chúng sau cho nên như.

Chúng Vô học theo văn chia làm sáu phần: danh hiệu chung, nêu số lượng, phân địa vị, khen đức hạnh, nêu tên và tổng kết.

1. Danh hiệu chung, như câu: “cùng chúng đại Tỳ-kheo”. Xuất gia mà chưa thọ giới cụ túc bất luận Thánh, phàm đều gọi chung là Sa-di, thọ giới cụ túc rồi thì Phàm hay Thánh đều gọi chung là Tỳ-kheo.

Nay nói chữ đại Tỳ-kheo, bởi trong Tỳ-kheo có hai phần là Đại và Tiểu; ba quả của phàm phụ gọi là tiểu Tỳ-kheo, người chứng quả A la hán thì gọi là đại Tỳ-kheo. Lại nữa, La-hán cũng có hai bậc, La-hán độn căn thì gọi là tiểu, La-hán lợi căn thì gọi là đại. Nói về Đại, trong luận Trí Độ có chép: Đại là lớn nhất trong tất cả chúng, là đã dứt hết các chướng ngại lớn, được hàng đại nhân, vua, trời cung kính. Ba Tạng Chân-đế chép: Đại gồm có ba nghĩa:

1. Thắng đại, như bậc đại vương cao quý hơn mọi người nên gọi là đại. Các bậc La-hán là tối thắng trong hạng Học và Vô học nên gọi là Đại.

2. Hình lượng đại, thí như núi, biển, vì hình lượng lớn nên gọi là đại sơn, đại hải, các bậc La-hán có công đức và trí tuệ hết sức cao rộng nên gọi là Đại.

3. Vì số nhiều nên gọi là Đại, ví như đại quân do số binh lính nhiều mà gọi là đại, các vị La-hán với số lượng một muôn hai ngàn nên gọi là Đại.

Nếu y theo kinh này thì có hai nghĩa:

Đại Tỳ-kheo là nêu chương môn, năm đoạn dưới đây là giải thích chương môn.

1. Nói một muôn hai nghìn người là số đại
2. Đều là A la hán tức vị đại
3. Các lậu đã dứt là đức đại
4. Tên của vị ấy là danh đại.
5. Mọi người đều biết là tri thức đại

Tỳ-kheo gọi là khát sĩ, trên khát cầu giáo pháp của Như lai để tu tinh thần, dưới xin cơm của người thế tục để nuôi thân, cho nên gọi là khát sĩ. Người xin ở thế gian thì chỉ xin cơm áo mà không xin pháp, cho nên không phải là Tỳ-kheo. Lại nữa, Tỳ-kheo xin cơm nhưng khác với

sự xin ăn của người thế gian, lười thì không có sự phiền lụy về cất chứa, tiến thì có công ban phước cho mọi loài. Đây là lợi mình lợi tha, khác với người xin ăn ở thế gian. Còn ý nghĩa Bố ma, Phá ác, Tịnh mạng thì trong luận Trí Độ có giải thích rộng.

Hai là nêu số, tức câu: “cùng một muôn hai nghìn người”. Đây là giải thích nghĩa chữ chúng ở trên, từ bốn người trở lên cho đến số một muôn hai nghìn người thì gọi là chúng. Sở dĩ nêu số nhiều vì có hai nghĩa:

1. Nếu A-nan cùng nghe với ít người thì không đáng tin, do cùng nghe với số đông nên đáng tin

2. Nếu số ít vây quanh Phật thì đức hạnh chưa đủ để tôn quý, đông người cung kính mới nói lên đức hạnh tôn quý.

3. “Đều là A-la-hán” là nói về vị thứ ba, tuy nói là đại Tỳ-kheo mà chưa biết được là người ở địa vị nào, cho nên phải nói về địa vị.

Lại nữa, dùng địa vị để giải thích chữ đại, do địa vị là Vô học cho nên gọi là đại Tỳ-kheo. Chữ A-la-hán là tiếng Phạm, gồm có ba nghĩa:

1. Sát tặc, tức là dùng dao trí tuệ để giết giặc phiền não, đây là dứt nhân tai họa, là nói ở hiện tại.

2. Bất sanh, tức vất bỏ hạt giống phiền não nên không sanh trong ruộng đời sau nữa, đây là luận dứt quả tai họa ở vị lai.

3. Ứng cúng: tức là đầy đủ trí đoạn đáng thọ nhận cúng dường. Trong Luận Pháp Hoa gồm có mười lăm nghĩa để giải thích chữ cúng dường, nay nói lược đại ý, nghĩa là bên trong hợp với chân lý nên bên ngoài đáng cúng dường. Trong Tập Tâm dịch chữ La-hán là Vô trước, cho nên kinh dịch chữ A-La-Ha cũng là Vô trước, nghĩa là Như lai không mê đắm điều gì, là bậc chí chân đẳng chánh giác.

Là khen ngợi đức hạnh, tức câu: “các lậu đã hết” trở xuống: Trên là nói về địa vị La-hán, nay nói về đức hạnh, tức là địa vị đức hạnh thành một căn. Phần trên tuy nói có nhiều người nhưng không có đức hạnh cao quý, không đủ để làm chứng lòng tin và nói lên đức tôn quý của Phật, các bậc này có đức hạnh cao quý nên thành hai nghĩa. Câu đều là A-la-hán là nêu tên La-hán, câu các lậu đã hết trở xuống là giải thích tên La-hán tức nêu lên một cặp. Trong phần khen ngợi đức hạnh, lại có sáu nghĩa giải thích: trên và dưới, chung và riêng, đặc và lìa, ba hạng người, ba đức, bốn trí.

Trên và dưới, tức trên dưới giải thích cho nhau, gọi là A-la-hán vì các lậu đã hết, nói các lậu đã hết vì không còn phiền não. Đây là dùng

dưới giải thích trên, sau là dùng trên giải thích dưới, nếu không còn phiền não thì được lợi mình, đã hết các kết lậu nên tâm tự tại.

Chung và riêng: La-hán là nói chung bốn câu dưới: các lậu đã hết, v.v... là nói riêng.

Được và lìa: Khen ngợi BỒ-tát dùng lợi mình lợi tha làm chính, khen ngợi Thanh văn dùng được và lìa làm tông. Trong bốn câu này thì cả hai cặp đều nói về được và lìa, cặp đầu y cứ lìa nhân tai họa hiện tại mà luận về được và lìa, cặp kế căn cứ lìa quả tai họa vị lai mà nói về được và lìa. Nói các lậu đã hết là khen ngợi lìa.

Hỏi: Trong được và lìa, vì sao trước khen ngợi lìa, sau khen ngợi phần được?

Đáp: Đây có hai nghĩa: ý căn bản và nghĩa trước sau.

1. Ý căn bản là người Thanh văn sở dĩ xuất gia tu đạo là do sợ già, bệnh, chết cho nên dứt trừ tham sân si. Do tâm tham dục đưa đến bệnh, do sân nhuế đưa đến già, do ngu si đưa đến chết. Như kinh Pháp Hoa chép: Thuê gã cùng tử hốt phân, bởi đây là đại tông của Tiểu thừa.

2. Nghĩa trước sau tức là người Tiểu thừa ham thích Niết-bàn vô vi an vui, nhưng trước phải dứt phiền não sau mới được Niết-bàn, cho nên trước lìa sau được. Trong phẩm Tín Giải chép: Trước hỏi giá cả rồi mới hốt phân.

Nói các lậu đã hết, gồm có ba lậu:

- Tất cả phiền não trong cõi Dục trừ vô minh, gọi là dục lậu

- Tất cả phiền não trong cõi Sắc, Vô sắc trừ vô minh, gọi là hữu lậu

- Vô minh trong cả ba cõi thì gọi là vô minh lậu.

Hỏi: Các kinh sao không nói các lậu như bốn lưu, bốn thủ, cho đến mười sử v.v... mà chỉ nói về lậu tận?

Đáp: Ba lậu là tóm lược ý nghĩa tất cả, lại dùng vô minh làm gốc, nên bao gồm hết các tên lỗi lầm, người bộ khác nói có bốn lậu, thêm phần kiến lậu. Hoặc nói có bảy lậu: kiến lậu, tư duy lậu, hai phần này là thể của lậu, thọ lậu và niệm lậu, hai phần này là nhân lậu mà nói lậu, còn ba lậu căn bản trên là duyên theo lậu mà nói lậu. Luận A-tỳ-đàm cho rằng phiền não là thể của lậu, khổ và tập đều có ở lậu nên gọi là lậu. Luận Thành Thật cho rằng bỏ lý lấy tướng tâm thì gọi là lậu, vì tâm có ở lậu nên gọi là hữu lậu.

Kế là nói câu: không còn các phiền não.

Hỏi: Ba lậu gồm hết một trăm lẻ tám phiền não, vì sao nói không còn phiền não?

Đáp: theo luận Trí Độ, trong phần khen ngợi “liạ” gồm có hai thứ:

- Các lậu đã hết là riêng khen ngợi liạ
- Không còn phiền não là tổng khen ngợi liạ.

Ba lậu là một trong các khoa nên gọi là riêng. Các Ách, Lưu, Kiết, Phược, Triền, Cấu gọi chung là phiền não, tức gọi là chung liạ, đây là chung riêng một cặp.

Ý theo luận Pháp Hoa thì các câu lậu đã hết là nói về chương, không còn phiền não là giải thích chương. Vì không còn phiền não cho nên các lậu đã hết, đây là một cặp nêu tên và giải thích. Theo ý Luận Thành Thật thì do tâm lấy tướng bỏ lý nên gọi là lậu, tức là căn bản, thập sử phiền não gọi là ngọn. Các lậu đã hết là dứt trừ căn bản, không còn phiền não thì ngọn cũng mất nghĩa là nói một cặp gốc ngọn. Theo luận Tỳ-đàm chép: Đắc Tận trí nên gọi là lậu tận, đắc Vô sanh trí nên gọi là không còn phiền não. Lại thẳng theo văn giải thích thì do các lậu đã hết nên không thể khiến tâm phiền, không thể khiến tâm não nên nói không còn phiền não. Nói được lợi mình tức khen ngợi sở đắc, phiền não đã hết tức được Niết-bàn, nhưng quả Niết-bàn chỉ thuộc về La-hán, không thuộc về ba quả dưới, nên gọi là lợi mình. Luận Tỳ-bà-sa chép: Giải thoát là tên gọi chung Hữu học và Vô học, tên gọi Niết-bàn là chỉ riêng bậc Vô học, ý luận Pháp Hoa cũng như vậy, chứng Niết-bàn nên gọi là lợi mình. Lại nữa, tài sản thế gian thuộc năm nhà thì không gọi là lợi mình, vật báu xuất thế gian chỉ thuộc về người tu hành nên gọi là lợi mình. Lại nữa, Bồ-tát tu hành chỉ vì lợi tha, người Nhị thừa tu tập chỉ vì mình nên gọi là lợi mình.

Diệt hết các hữu kiết, đây là nói về được và liạ. Hữu là ba cõi, kiết là kiết chiêu cảm ba cõi ở vị lai, do dứt hết kiết chiêu cảm ba cõi, cho nên kiết ba cõi cũng diệt, vì thế nói diệt hết các hữu kiết. Luận Trí Độ chép: Kiết gọi là chín kiết. Tham, sân, si, mạn, vô minh, năm độn sử này lấy làm năm kiết. Thân kiến, tà kiến, biên kiến, ba kiến này xếp vào kiến kiết. Giới thủ, kiến thủ, xếp vào thủ kiết, năm lợi sử này làm hai kiết. Lấy hai triền san tham và ganh ghét trong mười Triền hợp làm chín Kiết.

Hỏi: Vì sao chỉ nêu san tham và ganh ghét?

Đáp: Trong luận Tạp Tâm chép: Hai loại này chỉ là bất thiện, lại nó chỉ tự sanh riêng cho nên nói riêng. Luận Tỳ-bà-sa chép: Do Đế-thích và Tu-la, cho nên chỉ lấy san tham và ganh ghét đưa vào phần cửu kiết. Đế-thích thì bỗn sển thức ăn cam lộ mà ganh ghét gái đẹp của A

tu-la, Tu-la bồn sển gái đẹp mà ganh ghét thức ăn cam lộ của Đế-thích. Vì vậy nên xếp san tham và ganh ghét vào phần chín kiết.

Câu: tâm được tự tại là nói về phần được, do không bị phiền não ở hiện tại sai khiến, lại không bị chiêu cảm kiết ràng buộc trong ba cõi ở vị lai, cho nên tâm được tự tại. Lại nữa, đắc lợi mình là nói công đức vô vi, tâm được tự tại là công đức hữu vi. Cho nên hai phần lìa mà có, trước sau khác nhau, hai phần được thì giữa hữu vi, vô vi khác nhau. Trên đây đã giải thích xong phần được và lìa.

Giải thích ba hạng người: Ba câu đầu: Cùng chúng đại Tỳ-kheo, một muôn hai nghìn người, đều là A la hán, tức giải thích đức hạnh của bậc La-hán. Câu: diệt trừ các hữu kiết là phân biệt khác với bậc Hữu học. Câu: tâm được tự tại là phân biệt khác với phàm phu. Ba hạng người này theo thứ lớp.

Giải thích về ba đức: Hai câu đầu là giải thích ý Sát tặc, đắc lợi mình là giải thích nghĩa Ứng cúng, hai câu sau là giải thích nghĩa Bất sanh.

Giải thích về bốn trí. Hai câu đầu là giải thích sự sanh tử của ta đã hết, đắc lợi mình là giải thích trí phạm hạnh đã lập, dứt trừ kiết các hữu là giải thích không còn thọ thân sau, tâm được tự tại là giải thích trí tạo tác đã xong.

Hỏi: Bốn câu này thuộc về trí nào?

Đáp: Luận Tỳ-bà-sa chép: Sự sanh tử của ta đã hết là thuộc về Tận trí; ba câu sau là thuộc về Vô sanh trí. Lại nữa, hiểu được sự sanh tử của ta đã hết là khổ trí, phạm hạnh đã lập là đạo trí, việc làm đã xong là diệt trí, không thọ thân sau là tập trí.

Là nên tên, tức câu: “Tên các vị ấy là”.

Trước tuy là khen ngợi đức hạnh mà chưa biết tên các vị ấy, cho nên phải nêu tên. Các kinh nêu tên gồm có hai phần:

1. Y theo đức hạnh cao quý hay yếu kém để làm thứ lớp, như phẩm Đệ Tử trong kinh Tịnh Danh chép: Vì khiến đến thăm bệnh thì phải có trí tuệ biện tài.

2. Trong hai mươi một người này đều là theo thứ lớp xuất gia đắc đạo, cho nên lấy trước sau làm thứ lớp.

Kinh Thập Nhị Du chép: Lúc Phật mới thành đạo vào năm thứ hai nói pháp cho năm vị, năm thứ ba giáo hóa cho ba anh em Ca-diếp, năm thứ năm độ ngài

Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, do ngài Kiều-trần-như đắc đạo trước nhất cho nên nêu tên trước. Trong luận Phân Biệt Công Đức chép rằng:

Người lớn nhất trong Phật pháp là Kiêu-trần-như, người nhỏ nhất là Tu-bạt-đà-la.

Hỏi: Vì sao kinh này lấy việc đắc trước sau làm thứ lớp?

Đáp: Thuở xưa chia một làm ba thì bắt đầu từ người này, nay gom ba về một cũng đối với đây, do ngài Trần-như ban đầu lãnh thọ sự giáo hóa nghiêng lệch nên làm gốc chệch bỏ cho giáo nay.

Tên “A-nhã-kiêu-trần-như”, tên này có đầu có đuôi. Kiêu-trần-như, Hán dịch là Hỏa khí, tên này vốn là từ họ mà gọi, A-nhã là tên sau khi đắc đạo mới thêm vào. Chữ A là nghĩa không, chữ Nhã là trí do ngộ “không” mà sanh trí nên gọi là A-nhã, đây là đạo tục đều nêu hợp cả tên và họ.

Hỏi: Những người khác cũng ngộ “không” mà sanh trí, vì sao không gọi là A-nhã?

Đáp: Bởi Trần-như là người đắc đạo đầu tiên, ngộ “không” ngay trước Phật cho nên được tên này, mọi người đắc đạo sau lại được tên khác. Kinh Vô Lượng Thọ chép: “Tôn giả đã liễu ngộ cùng tận căn bản”, Tôn giả tức là Trần Như.

Các kinh khác lại dịch A-nhã là Sơ Trí, A là Sơ, Nhã là trí.

Hỏi: Ai đặt tên này?

Đáp: Kinh chép: Cõi trời Tịnh cư thấy Trần Như đắc đạo đầu tiên nên gọi là A-nhã.

Tên “Ma-ha Ca-diếp”, kinh Văn-thù vấn dịch là Đại Quy, là dòng họ lớn của nước Ma-già-đà, đây là từ họ mà đặt tên. Tên khác là Tất Bát-la, do ngài hạ sanh dưới cây Tất-bát-la nên gọi là Tất-bát-la đồng tử. Lúc còn ở thế tục cha mẹ ngài cầu nguyện thiên thần, có vị Phạm thiên giáng trần và gá sanh như các kinh khác có nói rộng.

Thập Bát Bộ luận Sơ chép: Tên gọi đầy đủ là Ca-diếp-ba, Hán dịch Ca-diếp là Quang, Ba là Âm, hợp lại là Âm Quang. Âm là họ của ngài. Đời thượng cổ có vị tiên tên là Âm Quang, do vị tiên này thân có ánh sáng làm cấp át các ánh sáng khác. Nay ngài Ca-diếp là dòng họ của vị tiên Âm Quang, tức lấy việc lấn át ánh sáng làm họ, từ họ mà đặt tên là Âm Quang. Lại nữa, vị La-hán này cũng có việc lấn át ánh sáng. Thân Ngài có ánh sáng sắc vàng, do vàng Diêm phù đàn ở dưới đáy nước phát ánh sáng lên khỏi mặt nước, lúc vua Chuyển Luân ra đời có các Dạ-xoa đến lấy vàng này đem vào nhân gian đổi chác, vì thế trong nhân gian có vàng này, khi có vàng này thì các thứ vàng trong nhân gian không hiện ra, nhưng vàng này cũng không sánh bằng sắc vàng của ngài Ca-diếp cho nên ngài, cũng có tên là Âm Quang.

“Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp”, ba ngài Ca-diếp dưới đây là ba anh em, chẳng phải cùng hạng với ngài Đại Ca-diếp Ưu-lâu-tần-loa, Hán dịch là Mộc Qua Lâm, hoặc là Ưu-lâu-tần-loa Tụ Lạc. Chỗ rừng này có năm trăm nhà, cho nên người dịch kinh nêu cả hai việc là rừng và nhà. Ngài ở trong rừng này tu đạo cho nên đặt tên như vậy, trước kia kinh dịch là Thượng thời Ca-diếp.

“Dà-da Ca-diếp”, Dà-gia là tên thành, Hán dịch là thành Thiết Trụng, ngài ở nơi thành này tu đạo cho nên đặt tên như vậy, trước kia kinh dịch là Tượng đầu Ca-diếp, chỗ này có núi Tượng đầu, nên từ núi mà đặt tên, do chỗ này cũng có thành, cho nên nêu cả hai nghĩa.

“Na Đề”, Na Đề là tên sông, trước kia kinh dịch là Giang Ca-diếp.

“Xá-lợi-phất”, nói đầy đủ là Xá-lợi-phất-la, Xá-lợi dịch là Thân, Phất-la dịch là Tử, lược bớt chữ La nên chỉ nói là Xá-lợi-phất. Gọi Xá-lợi-phất có hai nhân duyên. Một là từ quá khứ do phát thệ nguyện đặt tên, thuở quá khứ Thích-ca là người thợ gốm, khi gặp Phật Thích-ca, Phật liền phát thệ nguyện, nguyện đời sau thành Phật hiệu là Thích-ca, đệ tử tên là Xá-lợi-phất, cho nên từ nguyện xưa nay mà đặt tên. Hai là từ mẹ mà có tên, do mất mẹ Ngài như mất chim Xá-lợi cho nên tên mẹ Ngài là Xá-lợi, mẹ Ngài là người thông minh bậc nhất trong các người nữ, do người đời tôn trọng mẹ ngài nên gọi ngài là Xá-lợi Tử, đây là người đời đặt tên. Các kinh xưa thì gọi là Thu Lộ Tử, Thu Lộ Tử là lấy tên loài chim, có người nói chim Xá-lợi giống như chim Thu Lộ.

Cha ngài tên là Đề-xá theo cha mà đặt tên nên gọi là Ưu-bà-đề-xá. Ưu Bà là theo, Đề-xá là tên một vì sao. Kinh chép: Ban đầu Phật thấy có hai người đi đến, bèn khiến đổi tên Đề-xá, trở lại chữ gốc là Xá-lợi-phất, do thệ nguyện ở quá khứ nên tên là Xá-lợi-phất, nên đổi tên như ngày nay.

Mục-kiền-liên”, Mục-liên họ là Đại Mục-liên, là họ mẹ. Hán dịch là Tán Tụng, cũng dịch là Lai Phục Căn, tự là Câu-luật-đà. Cha mẹ ngài không có con nên cầu nguyện ở thần cây Câu-luật-đà, do đó mà sanh Ngài, và lấy tên cây để đặt tên. Ba Tạng Chân-đế chép: Nên gọi là Vật-già-la. Vật-già, Hán dịch là Hồ Đậu, chữ La dịch là Thọ, hợp lại gọi là Thọ Hồ Đậu, đây là họ Ngài.

Thuở xưa có một vị tiên tên là Vật-già-la, không ăn vật gì, chỉ ăn thứ đậu này nên gọi tên là Thọ Hồ Đậu, ngài thuộc dòng họ vị tiên này nên lấy đó đặt tên.

“Ca-chiên-diên”, xưa dịch là Kiên Thừa, hai chữ này là lằm, nên

đọc là Phiến Thăng. Cha Ngài mất sớm, mẹ ở vậy nuôi con như dây đàn quạt nên gọi Phiến Thăng. Ngài Ba Tạng chép: Thuở xưa có một vị tiên tên là Hà-la, Hán dịch là Tư Thắng, vị này có đủ sự nghe và hiểu biết hơn mọi người nên gọi là Tư Thắng, thuộc dòng họ vị tiên này nên cũng gọi là Tư Thắng.

Chú Pháp Hoa kinh chép: Dòng họ ngài Ca-chiên-diên là lớn nhất trong môn đồ nên gọi là Đại, nay y như chú thích.

Luận Trí Độ chép: Có vị đạo sĩ dòng Bà-la-môn họ là Ca-chiên-diên, cũng lấy tên là Phiến Thăng, cho nên Ca-chiên-diên là họ, Phiến Thăng là tên của ngài.

“A-nậu-lâu-đà”, Hán dịch là Như Ý, cũng dịch là Vô Bản. Thời quá khứ ngài cúng dường cho vị Bích-chi-phật một bữa ăn, do đó trong mười lăm kiếp được sanh về cõi trời thọ hưởng vui sướng sau cùng đắc quả La-hán, thường được như ý không có nghèo khổ, là con của vua Cam Lộ Phạn.

“Kiếp-tân-na”, Hán dịch là Phòng Túc, là trú ngụ trong phòng Tăng. Do Phật thấy duyên đạo của ngài sắp khởi, liền hóa thành Tỳ-kheo cùng Ngài chung phòng tá túc qua đêm, do đây Ngài đắc đạo, nên lấy việc đó đặt tên. Lại nói rằng do cha mẹ ngài cầu đảo sao Phòng mà sanh ngài nên lấy đó đặt tên. Lại nói Kiếp-tân-na cũng là tên nước, từ nước mà đặt tên.

“Kiều-Phạm-Ba-Đề”, Hán dịch là Ngưu Ty. Kinh Vô Lượng Thọ chép: Thời quá khứ tôn giả Ngưu Vương có làm Tỳ-kheo, có bứt một cọng lúa dưới ruộng người, bỏ vào miệng nhai xem đã chín chưa, có vài hạt rơi xuống đất mà năm trăm đời làm trâu để đền trả. Nay gặp Phật Thích-ca và đắc đạo, chân xoạc ra giống như chân trâu, sau khi ăn còn nhai lại, do đó mà gọi tên. Đức Phật sợ kẻ phàm phu chê cười đắc tội, nên đã dẫn ngài đặt dưới cây Thi-lợi-sa trên cung trời Đao-lợi. Ngài là đệ tử của Xá-lợi-phất, cùng tụng luật với ngài Ưu-ba-ly, sau khi Phật diệt độ, ngài ở trên cõi trời mà nhập Niết-bàn.

“Ly Bà Đa”, Hán dịch là Giả Hòa Hợp, như trong luận giải thích việc hai con quỳ ăn thịt người, cũng dịch là Ly Việt.

Kinh Vô Lượng Thọ chép: Tôn giả là Đại hiệu.

“Tất-lãng-già-bà-la”, Hán dịch là Dư Tập, cũng dịch là ác miệng. Thuở Phật còn tại thế, tất cả Tỳ-kheo trở xuống trừ Phật đều gọi là Hương Nhữ, cho đến mắng nhiếc thân sông Hằng do đây Phật chế giới, từ nay về sau không được nói Hương Nhữ. Nhớ lời Phật dạy cho nên theo đó mà đổi tên, ngài đã làm vị Bà-la-môn trong năm trăm đời cho

nên có tập khí kiêu mạn này. Lại giải thích rằng Tất-lãng-già là họ, Bà-sa là tên.

“Bạc-câu-la”, Hán dịch là Thiện Dung. Do ngài giữ giới không sát sanh nên được quả báo năm điều không chết.

1. Bỏ vào nồi nấu không chết
2. Bỏ vào chậu luộc không chết
3. Xuống nước bị chìm không chết
4. Vào bụng cá không bị nát vữa
5. Dao chém không thương tổn

Kinh chép: Ngài xuất gia trong tám mươi năm mà mắt không nhìn mặt người nữ, không bước vào chùa ni, cũng không vì người nữ nói một câu kệ. Vua A-dục cúng dường và bố thí trải qua rất nhiều tháp, đến tháp Bạc-câu-la nghe kể lúc ở đời ngài sống rất thiếu dục tri túc, không nói pháp cho người nữ dù là một câu kệ, vua cúng dường tháp một tiền nhưng tháp ấy không nhận. Vua A-dục chép: đây thật là chân thiếu dục tri túc cho đến một tiền cũng không nhận.

“Ma-ha Câu-hi-la”, Hán dịch là Đại Tất, đây là vị Phạm Chí có móng tay dài, là cậu ngài Xá-lợi-phất.

“Nan-đà”, Hán dịch là Vui mừng, hoặc nói là Mục Ngưu, Nan-đà đợi người ở thôn A Do mới được đắc đạo. Hoặc nói ngài thuộc dòng họ

Thích, dòng họ Thích có mười muôn người xuất gia, Nan-đà là một trong số ấy, tánh rất mềm mỏng mà thông minh, có âm thanh bất diệu.

“Tôn-đà-la-nan-đà”, đây là Nan-đà em của Phật, do bà Đại ái Đạo sanh ra, thân cao một trượng năm thước hai tấc, lúc Phật đến thành Ca-tỳ-la hai ngày và độ cho ngài xuất gia. Chữ Tôn-đà-la Hán dịch là Đuan chánh, cũng dịch là mềm mại, vì muốn phân biệt với ngài Nan-đà trước nên dùng tên vợ để gọi.

“Phú-lâu-na”, Hán dịch là Mãn, là con của vị Bà-la-môn ở thành Vương Xá xưa kia ông Ngài dẫn cha mẹ Ngài ra bờ sông cúng tế trời để xin con sắp bày hương hoa cúng dường Phạm Thiên và tụng các bài chú. Đến đêm mẹ ngài mộng thấy có người cầm đồ vật đựng đầy đồ báu đến trao cho, người này đặt trước bụng mẹ ngài và đồ báu ấy bỗng nhiên đi vào bụng. Khi tỉnh dậy bà nói cho chồng nghe, người chồng bảo: Đây là vị Phạm Thiên đem con đến cho, đứa con này ngày sau sẽ là của báu, có thể hiểu biết tất cả. Do đây sanh ra ngài rất thông minh, học được tất cả kỹ thuật của thế gian, sau xuất gia thì đắc quả La-hán, lúc Phật nói pháp có thể tụng trì, khéo hiểu ý nghĩa, hàng phục ngoại đạo. Do điềm mộng là vật đựng thứ báu và hiểu biết nhiều nên gọi là Mãn.

“Di-đa-la”, Hán dịch là Từ Hạnh, trong Tứ Vi Đà có tên phẩm này, mẹ ngài trì tụng và lấy đó đặt tên là Từ Hạnh.

Chữ Ni dịch là nữ, nước Thiên-trúc gọi nữ là Ni, gọi nam là Na, nhưng tên Phú-lâu-na thì có nhiều nên lấy tên mẹ để nêu. Đại ý chữ Mãn là con của bà Từ Hạnh. Xưa nói Phú-lâu-na cũng không khác trên. Di-đa-la cũng dịch là thiện tri thức, có chỗ gọi là Mãn Nguyệt Tử.

“Tu Bồ-đề”, Hán dịch là Không sanh, bởi lúc sanh Ngài thì các vật đều trống không. Thầy tướng nói: đứa con này chắc chắn là người hiểu về Không bậc nhất nên gọi là Không Sanh, cũng gọi là Thiện Cát. Nước Xá-vệ có Trưởng giả tên là Câu-lưu, vì không có con nên cầu xin thiên thần mà được, về sau lớn lên xin Phật xuất gia theo Phật ở tinh xá Kỳ Hoàn và làm Tỳ-kheo, ấy chính là ngài.

“A-nan”, Hán dịch là Vui mừng, một là do hình dáng khôi ngô đẹp đẽ người thấy vui mừng, hai là sanh ra trong đêm Phật đắc đạo, nghĩa là sanh trong ngày vui mừng nên gọi là Hoan Hỷ, ba là đời quá khứ có phát nguyện tên là Hoan Hỷ. Chi Đạo Lâm dịch là Bác Môn, hoặc là Vô Nhiễm Trước, do lúc mới chứng Sơ quả còn phiền não, nhưng thấy Long nữ cõi trời mà không khởi tâm nhiễm ô, vì vậy tên là Vô Nhiễm, là con của vua Học Phạm.

“La-hầu-la”, Hán dịch là Phú Chướng, do sáu năm ở trong thai, bị thai che lấp nên gọi là Phú Chướng. am tạng chép: Phú Chướng vốn là tên của A-tu-la, A-tu-la này có thể lấy tay che mặt trắng, nếu dịch đầy đủ là Chướng Nguyệt Phật Tử, cho nên đặt tên này là mượn thí dụ để gọi. Phật tự chép: “Chánh pháp của ta như mặt trăng, người con này che lấp mặt trăng, muốn xuất gia học đạo mà có người con này sẽ chướng ngại, tuy là chướng ngại nhưng Như lai có thể xả bỏ. Phật tự chép: Trong đời quá khứ, La-hầu-la đã nhiều lần làm chướng ngại đạo, ta cũng nhiều lần có thể xả bỏ. Lại có tên là Cung Sanh. Phật xuất gia rồi Da-du mới có mang, dòng họ Thích tra vấn, Da-du đáp: Xin đợi sau khi sinh con sẽ chứng nghiệm. Sau khi sinh con, Da-du đốt đồng lửa lớn rồi ôm con mà lập lời thề rằng: “Nếu chẳng phải con Phật thì mẹ con đều bị cháy”. Nói xong bèn nhảy vào đồng lửa, lửa liền tắt, mẹ con Da-du không hề gì, Dòng họ Thích nói rằng: Thật đúng là con Phật. Về sau Phật đến thành Ca-tỳ-la bảy ngày và độ cho La-hầu-la xuất gia.

Tổng kết: tức câu: “các vị mà mọi người đều biết như thế”. Đại A-la-hán, luận Pháp Hoa chép: Đến bờ bên kia nên gọi là Đại A-la-hán. Luận Tạng Tâm gọi là: Thanh văn Ba-la-mật, cũng là một nghĩa mà thôi.

Câu chúng sở tri thức, luận Pháp Hoa nói có hai hạng chúng:

1) Vua trời, vua người là đại chúng tri thức.

2) Thanh văn, Bồ-tát, Phật là Thánh chúng tri thức

Biết đức hạnh bên trong, thức hình tướng bên ngoài. Lại nữa, chúng xa thì biết, chúng gần thì thức. Có biết mà không thức v.v... có bốn câu.

Lại có bậc Hữu Hữu học, Vô học gồm hai nghìn người: Câu này nêu mật hạnh của chúng. Trong sáu đoạn trên thì có phần nêu địa vị và số lượng nói về hạnh này, ba quả dưới thuộc về bậc Hữu học, quả La-hán là bậc Vô học, đều là tâm hội lý, có sự tấn cầu đầy đủ nên gọi là Hữu Hữu học, Vô học, đây đã là người có mật hạnh thường là Đại thừa phương tiện, nên y cứ Bồ-tát để nói về Hữu Hữu học, Vô học. Từ hàng Sơ địa trở lên cho đến Thất địa có công dụng đạo gọi là Học, từ Bát địa trở lên, vô công dụng đạo gọi là Vô học. Trong Đại phẩm có nói về Bồ-tát Hữu Hữu học, Vô học, tức nghĩa này. Lại nữa, trước nói là đại La-hán, hai nghìn người này đức hạnh chưa tròn đầy, chẳng phải chỗ kính ngưỡng của đại chúng, cho nên nói riêng.

Câu “Ma-ha Ba-xà-ba-đề”, trở xuống, v.v... là nêu Ni chúng, cũng chia làm hai hạng: Đại danh văn chúng và Tiểu danh văn chúng. Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Hán dịch là Đại ái Đạo. Da-du-đà-la, Hán dịch là Danh Thịnh. Kinh Biệt Hữu chép: Đà La là con gái của Kiên-kiền-bà, Kiên-kiền-bà có con trai tên là Lạc Thần, sanh con gái là Ngọc nữ, trong các người con gái có Danh Thịnh. Bà Đại ái Đạo và Đà-la có thứ lớp trước sau, theo thế gian thì mẹ chồng cao, con dâu thấp theo luật thì Ba-xà-bà-đề vào đạo trước, Da-du vào sau.

Hỏi: Kinh Vị Tăng Hữu, kinh Tu Thái Noa và kinh Thụy Ứng đều chép: La-hầu-la là con của Cù-di, như kinh Pháp Hoa thì nói con của Da-du, Kinh chép: Da-du là vợ thứ hai, Cù-di là vợ thứ nhất. Vì thế kinh Thập Nhị Du chép: Thái tử có ba người vợ, thứ nhất tên là Cù-di, thứ hai tên là Da-du tức là Da-du-đà-la, thứ ba tên là Lộc-dã, ba người này mỗi người thống lãnh hai muôn thể nữ cho nên thái tử có sáu muôn thể nữ. Vì sao có hai nói khác nhau?

Đáp: La-hầu-la đúng là con của người vợ thứ hai, Cù-di là mẹ lớn, do các kinh khác nêu tên người mẹ lớn, kinh Pháp Hoa nêu tên người mẹ sanh ra La-hầu-la cho nên không trái nhau. Cù-di Hán dịch là Minh Nữ, Luận Đại Trí Độ chép: Cù-tỳ-đà là Bảo Ngọc Nữ cho nên không mang thai, Cù-tỳ-đà tức là Cù-di, tức là đã làm chứng cho việc này.

Lại nữa, kinh chép: Phật có ba người con, đó là Thiện Tinh, Ưu-

ba-ma-na và La-hầu-la, do ba phu nhân sanh ra, nhưng Cù-di không sanh con được đây là người mẹ lớn có nuôi nấng nên nói.

Kinh chú thích rằng: trong ni chúng chỉ nêu hai người này, không phải chỉ nêu người thân thuộc, mà do hai tên này để giao cho tông chỉ. Kinh Tịnh Danh chép: Trí độ Bồ-tát là mẹ, lấy phương tiện là cha, pháp hỷ là vợ, do muốn nói lên sự tu độ của mình từ nghĩa này mà sanh khởi, theo lời nói mà hiểu nghĩa, có thể không thấy tướng mà an tâm sao. “Bồ-tát Ma-ha-tát”, thứ hai là nói chúng Bồ-tát, sở dĩ nói chúng Bồ-tát gồm có ba ý:

1) Muốn chứng minh A-nan nghe kinh là có thể tin, nếu A-nan cùng với người Tiểu thừa nghe Đại pháp thì chưa đáng tin, nay cùng người Đại thừa nghe Đại pháp thì có thể tin.

2) Nếu người Tiểu thừa vây quanh Phật thì đức hạnh của Phật chưa tôn quý, nay cùng bậc Đại thừa vây quanh thì đức hạnh của Phật mới tôn quý.

3) Muốn nói lên kinh Đại thừa, do kinh Thanh Văn ban đầu không có chúng Bồ-tát.

Lời văn này gồm sáu phần: Nêu danh hiệu chung, nêu số lượng, nói về địa vị, khen ngợi đức, nêu tên và tổng kết.

1) Là nêu danh hiệu chung, Bồ-tát nói đủ là Bồ-đề-tát-đỏa, Bồ-đề dịch là Đạo, là quả đạo vô thượng chánh biến tri. Tát đỏa dịch là chúng sanh, vì cầu đạo quả nên gọi Đạo chúng sanh. Xưa dịch là Đạo sĩ, tiếng ấy là tối thắng, mà sự học ở thế gian như đạo của Trương, Lý vốn gọi là Trị Đầu và Quỷ Tốt, sau trộm lấy tên Đạo sĩ của Phật pháp.

Hỏi: Người Ba thừa đều có Bồ-đề, vì sao hai hạng đầu không gọi là Đạo chúng sanh?

Đáp: Vì muốn nói lên ý nghĩa cao thấp của ba thừa. Đạo Tiểu thừa thấp, từ Thanh giáo mà đặt tên nên gọi là Thanh Văn. Trung thừa ít cao quý, từ nghĩa mà đặt tên nên gọi là Duyên giác, mười hai nhân duyên là pháp nghĩa. Đại thừa là tối thắng, từ quả đức mà đặt tên. Lại nữa, hai hạng đầu chẳng phải Trung đạo, cho nên không gọi là Đạo, hạng sau là Trung đạo, cho nên xưa là chữ Đạo. Chữ Ma-ha-tát đỏa, Ma ha dịch là đại. Luận Thập Địa chép: Đại có ba hạng: Nguyện đại, Hạnh đại, và độ chúng đại. Tát đỏa dịch là Chúng sanh, tức là đại chúng sanh.

Hỏi: Vì sao Thanh Văn, Duyên giác chỉ có một tên, Bồ-tát lại có cả hai tên gọi?

Đáp: Hai thừa trên chỉ có thể siêu phàm cho nên chỉ đặt một tên, Bồ-tát có đức hạnh vượt cả phàm Thánh cho nên có hai tên gọi. Bồ-tát

khác với phàm phu, do phàm phu không cầu ở đạo nên chẳng phải là Đạo chúng sanh. Ma-ha-tát cũng khác với hai thừa trên chỉ cầu đạo nhỏ, nay nói cầu ở đạo lớn nên gọi là Đại chúng sanh. Luận Nhiếp Đại Thừa Số có ba nghĩa giải thích:

a) Đây đủ Bát-nhã nên gọi là Bồ-tát, đầy đủ đại bi nên gọi là Ma-ha-tát.

b) Đây đủ tuệ chân thật nên gọi là Bồ-tát, đầy đủ tuệ phương tiện nên gọi là Ma-ha-tát.

c) Đây đủ trí tuệ nên gọi là Bồ-tát, đầy đủ phước đức nên gọi là Ma-ha-tát. Đây là nội tâm đặc Trưng đạo chánh quán, dựa theo đức mà đặt tên Trưng đạo.

2) Nêu số lượng, tức câu: “tám muôn người” ở trên tuy nêu danh hiệu chung mà chưa biết có bao nhiêu người, cho nên ở đây nói về số lượng.

3) Nói về địa vị, tức câu: “đều Bất thoái chuyển đối với đạo Bồ-đề”. Ở trên tuy nói số lượng mà Bồ-tát gồm hai hạng, nói lược thì có mười bốn địa vị Hiền Thánh, nói rộng thì có năm mươi một địa vị. Mười bốn địa vị Hiền Thánh gồm có: ngoại phàm và ba Hiền, Thập địa của nội phàm. Năm mươi một địa vị gồm có: Thập tín, Thập trụ; Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác địa. Diệu giác địa thuộc Phật địa, không thuộc Bồ-tát địa. Nay chưa biết người ở địa vị nào, cho nên nói về là người ở Vị Bất thoái chuyển. Nhưng trong văn kinh chỉ nói Bất thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề, chỉ vì xưa nói có ba hạng bất thoái: Vị Bất thoái, Hành Bất thoái và Niệm Bất thoái.

Giải thích ba hạng Bất thoái gồm có bốn nói khác nhau:

1) Trong Thập trụ thì sáu tâm trước chưa hiểu về Giả nên lui sụt tâm Bồ-đề là người Nhị thừa. Từ tâm thứ bảy trở lên đã hiểu về Giả nên gọi là Bồ-tát, chỉ thành tựu riêng tánh Địa mới thoát khỏi vị thoái chuyển.

Từ Sơ địa, cho đến Lục địa, mọi người tu tập có lúc không tiến lên, gọi là Hành thoái, Thất địa không có hành thoái, Địa thứ bảy có khi khởi ái tập còn có công dụng nên gọi là Niệm thoái. Từ Bát địa trở lên đã nhập đạo vô công dụng, không bao giờ có ba loại thoái trên nên gọi là Bất thoái chuyển.

2) Sáu tâm của ngoại phàm gọi là Vị thoái, từ tâm thứ bảy trở lên gọi là Vị Bất thoái, hai Bất thoái còn lại giải thích không khác trước.

3) Tập chủng tánh gọi là Vị Bất thoái, đạo chủng tánh giải hành thuần thực nên gọi là Hành Bất thoái. Từ Sơ địa trở lên đặc Vô sanh

nhẫn không còn Sanh tâm động niệm, nên gọi là Niệm Bất thoái.

4) Có người nói có bốn loại Bất thoái: Thập tín. Thập trụ là Tín Bất thoái; Thập hạnh là Vị Bất thoái, Thập hồi hướng là Hành Bất thoái, Thập địa là Niệm Bất thoái. Nay cho rằng kinh, luận khác nhau, khó có thể hiểu rõ ràng.

Kinh Bốn Nghiệp Anh Lạc chép: Trong Thập trụ thì trụ thứ sáu vẫn còn thoái tạo năm tộingịch, huống chi là người Nhị thừa? Trong Thập Tín thì tín thứ sáu gọi là Bất thoái tâm, tức biết tử tín thứ sáu trở lên gọi là Bất thoái.

Luận Địa Trì chép: Chủng tánh Bồ-tát hoặc tiến hoặc lùi, tức ý này hơi có chỗ đồng với kinh Bốn Nghiệp. Nhưng thường là tâm thứ sáu của ngoại phạm đã thoát khỏi địa vị thoái, làm sao biết như vậy? Trong Thập Tín thứ sáu gọi là Bất thoái tâm, do năm căn đã lập nên về sau được Bất thoái, tức biết từ tâm thứ sáu trở lên không có thoái chuyển. Lại kinh chép: Bồ-tát Thập tín hành đạo trong mười ngàn kiếp.

Luận Nhiếp Đại thừa nói là tu hành trong một a tăng kỳ kiếp, mà Ngài Xá-lợi-phất hành đạo trong sáu mươi kiếp trụ và thoái ở tâm thứ sáu, đây là kính ngưỡng tín thứ sáu mà chưa đến tín thứ sáu. Nhưng kinh Anh Lạc chép: Lục trụ thoái. Ngài Long Thọ giải thích lời này rằng: Vì muốn làm cho, Bồ-tát Địa liên sợ hãi mau vào Sơ địa nên nói là thoái, thật ra là Bất thoái. Nay kinh nói Bất thoái chuyển: Luận Pháp Hoa chép: Đó là hàng Bồ-tát Bát-địa trở lên thuộc Vị Bất thoái.

Hỏi: Kinh Tích La-hán chép: Thất địa bất thoái, cho nên A Bộ Bát Trí nói việc Thất địa, Bát Chu Tam-muội nói việc Bát địa, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm làm rõ việc Thập địa. Nay vì sao nói Bát địa bất thoái?

Đáp: Thất địa đắc vô sanh nhẫn gọi là Bất thoái, Bát địa đắc vô công dụng nên gọi là Bất thoái, vì thế cũng gọi là Bất động địa.

Hỏi: Bất thoái và Bất chuyển có gì khác nhau?

Đáp: Kinh luận giải thích lời Di-lặc hỏi rằng: Được công đức bên trong gọi là Bất thoái, được công đức bên ngoài gọi là Bất chuyển. Lại nói rằng: Đắc trí tuệ là Bất thoái, được công đức là Bất chuyển. Lại chép: Được Bát-nhã là Bất thoái, được phương tiện là Bất chuyển. Ý của luận Pháp Hoa là: Bát địa đắc vô công dụng, không bị công dụng làm động, lại không bị địa trên làm động, tự nhiên mà hành nên gọi là Bất thoái.

Bốn là phần khen ngợi đức, tức câu: “đều được Đà-la-ni” trở xuống. Sở dĩ nói khen ngợi đức, bởi ở trên nói địa vị, nay nói về đức

hạnh, tức là địa vị và đức hạnh cùng nêu. Theo luận Pháp Hoa thì trên nói chung về Bất thoái, nay giải thích riêng về Bất thoái. Luận Trí Độ chép: Trên nêu Bồ-tát Ma-ha-tát, nay nói đủ về đức này nên gọi là Bồ-tát, tức dùng đức để giải thích tên. Lại, muốn phân biệt bí mật để nói lên hai giáo. Nói lên giáo là giáo Tiểu thừa, nói Bồ-tát vẫn còn là phạm phu. Nay khen ngợi Bồ-tát được Vô sanh nhẫn đầy đủ sáu thông, phiền não thanh tịnh, gọi là bí mật giáo Đại thừa. Lại khen ngợi Bồ-tát, khiến mọi người tìm kinh mà bỏ Tiểu thừa tin Đại thừa. Văn khen ngợi đức chia làm bốn phần: khen ngợi đức hiện tại, khen ngợi nhân quá khứ, khen ngợi thật thể và khen ngợi danh hiệu. Ban đầu cả nhân và quả đều tốt, sau thì cả thể và danh đều khen ngợi, là lược nhiếp đức hạnh của Bồ-tát.

1) Khen ngợi đức hiện tại, trước khen ngợi tự hành, sau khen ngợi hóa tha.

Hỏi: Vì sao khen ngợi Đà-la-ni trước?

Đáp: Có hai nghĩa, một là Đà-la-ni là năng trì, các đức ở dưới là sở trì, cho nên trước khen ngợi gốc, sau khen ngợi ngọn. Ngài Tịnh Danh chép: Tổng trì là bao quanh, tức làm chứng việc này. Hai là trong pháp Tiểu thừa không nói Đà-la-ni, nay khen ngợi Bồ-tát Đại thừa, cho nên trước khen ngợi Tổng trì Đà-la-ni.

Hỏi: Trong pháp Tiểu thừa sao không nói về pháp Tổng Trì?

Đáp: Người Tiểu thừa vì sợ khổ sanh tử nên muốn mau chứng Niết-bàn, không muốn rộng tu các hạnh, vì thế không nói. Bồ-tát đã độ khắp chúng sanh, lại tu đủ các hạnh, muốn khi qua đời không mất sự tu hành trong nhiều kiếp, cho nên Phật vì nói pháp này. Tổng trì có hai nghĩa là giữ thiện không để mất và ngăn ác không để sanh.

Hỏi: Lấy gì làm thể của trì?

Đáp: Luận Trí Độ chép: Hoặc nói niệm, hoặc nói định hoặc nói tuệ, nay nói một chánh quán, tùy theo nghĩa mà khác tên, nhớ nghĩ không mất, có thể chiếu rõ thật pháp nên gọi là Bát-nhã. Luận chép: Ở tâm Thanh văn gọi là đạo phẩm ở tâm của Bồ-tát gọi là Đà-la-ni.

Hỏi: Trong đây nói về Đẳng trì nào?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Là Văn trì Đà-la-ni, nhưng Bồ-tát pháp thân đầy đủ văn nghĩa Đẳng trì, nay chỉ nói lược một loại đầu mà thôi. “Nhạo nói biện tài”: là khen ngợi hóa tha, trên là năng trì, nay nói về sở trì, do bên trong có đức tổng trì, bên ngoài có ngộ vật. Bồ-tát có bốn pháp vô ngại. Nay nói về đức hóa tha nên chỉ nêu pháp sau cùng là

nhạo nói biện tài. Nói nhạo nói biện tài gồm có hai nghĩa:

Một là Bồ-tát tự đắc pháp cao quý nên ưa nói pháp cho chúng sinh nghe, thí như cha mẹ được việc lợi nên vui mừng muốn trao cho con.

Hai là biết chúng sanh ưa thích nên nói pháp cho họ nghe, vì có đủ hai pháp này.

Nói biện có chung và riêng. Nếu đối cảnh mà phân biệt được thì bốn thứ đều gọi là biện, đó là ở mắt thì thấy, ở tai thì nghe, ở tâm thì trí, ở miệng thì nói, đây là nghĩa riêng. Mau chóng thích ứng căn cơ gọi là biện, lời nói bao gồm cả văn lẫn nghĩa thì gọi là tài, đây là nghĩa chung. “Xoay bánh xe pháp bất thối chuyển”, ban đầu nói nghe pháp không quên, thứ kế nói bên trong biết căn cơ ham muốn, bên ngoài có lời nói vô phương, đủ hai món này mới có thể nói pháp cho người nghe.

Nay chính là nói về pháp được nói, tức ba câu thứ lớp. Thể của chánh quán vô sánh có thể làm gương mẫu thì gọi là Pháp, truyền bá viên thông ràng không buộc người nào thì gọi là luân, chánh quán Vô sanh không lụy không hoại cũng gọi là luân, sở đắc không mất gọi là bất thoái, từ mình đến người nên gọi là chuyển.

Hỏi: Ở đây khen ngợi người ở địa vị nào?

Đáp: Theo luận Pháp Hoa, ban đầu nói bất thoái chuyển là khen ngợi người Bát địa, đều được tổng trì nhạo nói biện tài là khen ngợi người Cửu địa, do Bồ-tát người Cửu địa đắc thắng tấn Đà-la-ni và mười loại, bốn vô ngại trí, ở địa vị Đại pháp sư. Xoay bánh xe bất thoái là khen ngợi người Thập địa, chỉ mình Phật mới có khả năng xoay bánh xe pháp, Bồ-tát Thập địa đã hộ địa vị Phật, nên biết như Phật cũng có thể chuyển.

2) Khen ngợi nhân quả khứ, tức câu “cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật”. Do nhân quá khứ mà có đức hiện tại, khen ngợi nhân quá khứ là giải thích đức hiện tại. Do quả rõ nhân vi tế, cho nên trước khen ngợi quả hiện tại sau khen ngợi nhân quá khứ, cũng có hai câu: Câu đầu nói cúng dường Phật, Phật là chân thiện tri thức của chúng sanh, các công đức trước do Phật mà có cho nên nói cúng dường Phật, cúng dường thì dùng hai thứ tài và pháp, hoặc thân miệng cung kính khen ngợi, gọi chung là cúng dường. Câu kế là: “Gieo trồng gốc các đức đối với Chư Phật”. Tám muôn bốn ngàn Ba-la-mật gọi là các đức, dùng các đức này làm gốc Bồ-đề nên gọi là gốc, Bồ-tát y theo giáo pháp tu hành tức là gieo trồng. Lại nữa, các đức là quả đức của Phật, tu hành là gốc của các đức; cũng như kinh Tịnh Danh chép: Đại trí là gốc, thực hành đều được thành tựu. “Thường được Chư Phật khen ngợi”, trên nói

sự tu hành do Phật mà thành tựu, nay nói về đạo hợp với Phật. Nếu tu hành có thiện sở đắc thì sự tu hành trái với Phật, không phải là gốc Bồ-đề, cho nên bị Phật quở trách. Nay tu hành thiện vô sở đắc, tức đạo hợp với Phật, cho nên được Phật khen ngợi. Mà nói thường khen ngợi, là do Bồ-tát thường thực hành quán sát không mê đắm, không để tâm niệm gián đoạn, cho nên thường được Phật khen ngợi. Luận Pháp Hoa chép: Do dứt nghi nên được Phật khen ngợi.

3) Khen ngợi thật thể: tức câu “dùng đức từ để tu thân”. Cũng có hai câu: ban đầu khen ngợi thân, sau khen ngợi tâm. Bồ-tát đã gieo trồng gốc đức, nay muốn dạy chúng sanh cùng gieo trồng gốc lành, nên vì chúng sinh mà thọ thân, cho nên khen ngợi thân. Người phạm phu, Nhị thừa do kết nghiệp huân tập nên thọ thân trong ba cõi. Bồ-tát dùng tâm vô duyên đại từ nên có thể hiện thân trong sáu đường. Ngài Tăng Triệu nói: Pháp thân vô sanh mà chẳng chỗ nào không sanh, vì vô sanh nên cửa các đường đều đóng, chẳng chỗ nào không sanh mà sanh năm đường. “Khéo hội nhập trí tuệ Phật” là phần khen ngợi tâm. Lại trước là khen ngợi công đức, nay là khen ngợi trí tuệ. Luận Trí Độ chép: Bồ-tát ở bậc Thất trụ định tuệ đều bình đẳng, đắc Vô sanh nhẫn nên gọi là nhập mắt Phật địa, nhưng vẫn là công dụng nên chưa gọi là khéo nhập. Nay khen ngợi Bồ-tát Bát địa là vô công dụng tâm gọi là khéo nhập. “Thông đạt đại trí”, trong kinh luận thường nói tuệ môn thì chiếu không, trí môn thì chiếu hữu. Trên nhập tuệ chiếu không, của Phật, là dùng tâm Bát-nhã mà nhập Tát-bà nhã, nay thông đạt đại trí dùng phương tiện của Bồ-tát mà chứng nhập Nhất thiết chủng trí của Phật. Vì thế Bồ-tát dùng hai tuệ làm năng nhập, Như lai có hai trí là sở nhập, nhưng hai tuệ hai trí không có hai thể, do mê và ngộ khác nhau nên chia ra nhân và quả khác nhau. Cho nên nói rằng: ở tâm Bồ-tát gọi là Bà-nhã, ở tâm Phật gọi là Tát-bà-nhã.

Hỏi: Luận Pháp Hoa chép: Thông đạt đại trí là trí chiếu không, vì sao còn chiếu hữu?

Đáp: Như trước đã giải thích, trong kinh thường nói chiếu không là tuệ, chiếu hữu là trí. Nay luận nói chiếu không là trí, chiếu hữu là tuệ, tức lại có một nghĩa này. Đắc trí môn thì rõ cả không và hữu, cho nên phẩm Ba tuệ Bát-nhã chép: Biết tất cả pháp là một tướng, đó là Nhất thiết trí. Lại chép: Biết đủ các thứ tướng nên gọi là nhất thiết chủng trí, ở trí rõ cả không và hữu, nghĩa chữ tuệ cũng vậy. “Đến bờ giải thoát”, trước khen ngợi hai tuệ năng chiếu, nay khen ngợi hai cảnh sở chiếu. Do hiểu cùng tận nguồn chân và tục nên gọi là đến bờ kia. Nên kinh Đại

Phẩm chép: Đến bờ kia của hữu vi, vô vi, tức là việc này. Lại nữa, trước khen ngợi năng liễu tuệ của Phật, tuệ ấy gọi là liễu ngộ quả Bồ-đề. Nay khen ngợi đến bờ giải thoát, tức liễu ngộ đức đại niết bàn của Phật. Lại, trước khen ngợi “quán” chẳng có gì là không rõ, nay khen ngợi “lự” chẳng có gì là không vắng lặng, tức là bờ vắng lặng vậy, như nói xưa nay vắng lặng, tức là Niết-bàn.

4) Khen ngợi danh dự, tức câu “tiếng tăm truyền khắp” cũng có hai câu: Do đức bên trong đầy nên danh tràn ra ngoài. “Có thể độ vô số trăm ngàn chúng sanh”, đức vững danh truyền cho nên có công độ khắp. Trong bốn lần khen ngợi trên mỗi lần đều có hai câu cũng là sự kế nối chặt chẽ, có thể tìm hiểu ý chỉ văn này. Luận Pháp Hoa dùng bốn phương tiện để gồm nhiếp các câu này:

Một là: Nhiếp thủ diệu pháp phương tiện, nghĩa là ban đầu đắc Văn trì Đà-la-ni, kế đến đắc Nhạo nói biện tài, sau là vì người xoay bánh xe pháp, tổng hợp ba câu này gọi là thâm lấy phương tiện diệu pháp.

Hai là: Nhiếp thủ thiện tri thức phương tiện: nghĩa là cúng dường Chư Phật, gieo trồng các gốc lành, thường được Chư Phật hộ niệm, gọi là gồm nhiếp phương tiện thiện tri thức.

Ba là: Nhiếp thủ chúng sanh phương tiện, nghĩa là không bỏ chúng sanh, do dùng đức từ tu thân nên không bỏ chúng sanh.

Bốn là: Nhiếp thủ trí phương tiện, là giáo hóa chúng sanh khiến chứng nhập trí Bát-nhã của Phật, tức là khéo nhập tuệ Phật, gọi là gồm nhiếp phương tiện trí.

Bốn phương tiện này là thứ lớp, có thể xét kỹ.

5) Nêu tên: tức câu “tên các vị ấy là”: Ở trên tuy khen ngợi chung đức hạnh nhưng chưa nêu tên từng vị, nay nói về nêu tên.

Hỏi: Trong đây nêu tên mười tám vị, vì sao nêu ngài Văn-thù trước?

Đáp: Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh do Bồ-tát Diệu Quang xin mà nói kinh Pháp Hoa, Phật Thích-ca Mâu-ni cũng do ngài Văn-thù-sư-lợi xin mà nói kinh Pháp Hoa, đã có công khai mở giáo pháp cho nên nêu đầu tiên.

Hỏi: Vì sao do ngài Văn-thù mà nói kinh này?

Đáp: Do ngài Văn-thù giải thích sự nghi ngờ của đại chúng mà nói về Phật xưa nói kinh, rồi nói về Phật Thích-ca mở bày giáo pháp. Biết trước sự nhen nhúm nghi ngờ và chê bai trong chúng mà ngăn dứt, khai mở tin hiểu dần cho người, sau đó Phật Thích-ca mới xuất định nói

pháp, vì thế nói do ngài Văn-thù mà nói kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao không do Bồ-tát khác mà lại do ngài Văn-thù?

Đáp: Do ngài Văn-thù nên được khai thừa phương tiện, thừa chân thật, vì vậy nhờ ngài Văn-thù mà nói phần đầu kinh Do ngài Văn-thù là thầy Phật Nhiên Đăng, mà Phật Nhiên Đăng là thầy của Phật Thích-ca, do đây che xa mà nói, được nói thân phương tiện, thân chân thật, tức là phần sau kinh, văn dưới sẽ nói đủ. Lại nữa, ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chép: Văn-thù là Bồ-tát có mặt khắp nơi, các pháp hội trong mười phương phần nhiều do ngài khai phát, cho nên nói nghiêng về ngài Văn-thù. Lại nữa, ngài Văn-thù là Phật Vui mừng Tạng Ma Ni Bảo Tích ở thế giới Vui mừng phương Bắc, trong hiện tại nếu ai nghe được danh hiệu Phật này còn diệt được bốn tội nặng, nay ngài thị hiện làm Bồ-tát để giúp đỡ Phật Thích-ca, do có công đức này nên nêu ở đầu. Lại nữa, Văn-thù có đủ Phật ba đời, đời quá khứ là Phật Long Chung Tôn, đời hiện tại là Phật Ma-ni Bảo Tích, đời tương lai cũng thành Phật, cho nên nêu tên ngài trước.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm cũng nói tại thành Vương Xá, vì sao nêu tên Bồ-tát Bạt Đà trước?

Đáp: Bạt-đà là người cũ ở thành Vương Xá, kinh Đại Phẩm thì Phật tự khai nói, cho nên người cũ là khách làm thứ lớp. Kinh Pháp Hoa là do người khác mà khai nói, vì thế nên nêu ngài Văn-thù ở đầu.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm vì sao Phật tự khai nói, còn kinh này lại do người khác mà khai nói?

Đáp: Kinh Đại Phẩm là nói lên giáo pháp Bồ-tát thành Phật, ng- hĩa ấy rất dễ hiểu, do Bồ-tát không tự chấp thủ, lại có căn tánh lạnh lợi. Kinh này nói lên để dạy người Thanh Văn, Thanh Văn còn tự chấp thủ, lại là căn tánh chậm lụt cho nên phải do ngài Văn-thù khai kinh. Văn-thù, Hán dịch là Diệu Đức, do thấy rõ Phật tánh, về đức thì chẳng gì không tròn đầy, sự hệ lụy chẳng gì không trừ sạch, nên gọi là Diệu Đức. Bồ-tát Quán Thế Âm ở phẩm sau sẽ giải thích rộng. Bồ-tát Đại Thế Chí: Những chỗ đi qua thế giới đều rung chuyển, không có đường ác. Thường Tinh Tấn: do chúng sanh thường có các khổ cho nên Bồ-tát thường phải cứu vớt, vì vậy nói Thường Tinh Tấn.

Bất Hư Tức: ở trên lấy sự tinh tấn làm tên, nay lấy việc lia lổ làm tên, như cứu lửa cháy đầu, không thể dừng nghỉ.

“Bảo Chưởng”: Tay lấy ra các cửa báu ban phát không có cạn kiệt.

“Dược Vương”: Do đời quá khứ dùng thuốc để chữa bệnh, do

đây mà gọi tên. Nhưng Bồ-tát này có hai thứ thân. Một là Như Ý Châu Vương thân, có thể tùy ý ban cho tất cả thuốc, y theo đây đặt tên nên gọi là Bảo Chưởng. Hai là Dược Thọ Vương Thân, nếu ai thấy nghe thì chẳng khổ nào không diệt, y theo đây đặt tên nên gọi là Dược Vương.

“Dũng Thí”: Bồ-tát hiểu rõ ráo về không, xả bỏ thân mạng tài vật mà không sanh khiếp sợ, nên gọi là Dũng Thí.

“Bảo Nguyệt”, do trí tuệ sáng suốt mát mẻ không có ba độc nóng bức, quý giá như mặt trăng.

“Nguyệt Quang”: do trí tuệ xua tan bóng tối, như ánh sáng mặt trăng.

“Mãn Nguyệt”: các đức đều tròn đầy, chiếu sáng cùng khắp.

“Đại lực”: Nói theo sự thì có thể rung chuyển cả Đại thiên, theo lý thì nếu có phiền não đầy ba cõi, người Nhị thừa mê muội, Bồ-tát có sức mạnh có thể phá trừ đại ác này, nên gọi là Đại lực.

“Vô lượng lực”, theo sự thì có thể nhắc cả mười phương làm vô lượng lực, theo lý là lực Vô tướng, không dùng hữu lượng làm tên.

Vượt ba cõi: Vì trí tuệ vượt khỏi đạo sanh diệt, vượt qua ba cõi.

“Bạt-đà-bà-la”, Hán dịch là Hiền Thủ, gần sát bậc Thánh nên gọi là Hiền, mở rộng đạo vững chắc nên gọi là Thủ.

“Bảo Tích”: Vì tài báu và pháp báu đều chứa nhóm đầy đủ.

“Di-lặc”, Hán dịch là Từ Thị, do đời quá khứ gặp Phật Di-lặc mà phát nguyện lấy tên Di-lặc. Kinh Nhất Thiết Trí Quang Tiên Nhân chép: Thuở xưa, Di-lặc là vị tiên Nhất Thiết Trí Quang, gặp Phật Từ Thị nói kinh Từ Tâm Tam-muội, nên gọi là Từ.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Ban đầu chứng đắc Tam-muội từ tâm gọi là Từ.

“Đạo Sư”, dùng pháp dẫn chúng sanh khéo đạt chánh tà, như người thầy đi biển khéo chỉ bày chỗ bằng phẳng, hiểm nguy.

Hỏi: Trang, Chu còn nói rằng: Đến như người vô tâm, thần nhân vô công, Bậc Thánh vô danh. Còn Bồ-tát pháp thân không thể dùng tượng để biết hình, không thể dùng trí để biết tâm, vì sao còn đặt tên?

Đáp: Kinh Niết-bàn chép: Đê-la-bà-di thật không ăn dầu mà gượng gọi là ăn dầu, Niết-bàn cũng như vậy, trong không có tên tướng mà gượng nói danh tướng. Niết-bàn là pháp sở thể nay đã không tên mà ép đặt tên, người thể theo đạo không tên mà gượng đặt tên. Đây là lời nói một chiều mà thôi, còn chưa đủ để hiểu trong ngoài. Còn như người chẳng danh chẳng vô danh, có thể danh, có thể vô danh; tuy có thể danh có thể vô danh mà bất động danh tướng của chẳng danh chẳng

vô danh.

Cho nên Thiên nữ vặn hỏi Xá-lợi-phất: Ngài tuy biết giải thoát là vô danh, mà chưa ngộ danh là giải thoát. Nay cũng vậy.

6) Phần tổng kết, tức câu: “như vậy đấng” trở xuống.

Hỏi: Số lượng Bồ-tát đông nhiều, vì sao chỉ nêu mười tám vị?

Đáp: Tuy nói mười tám vị, mà bao gồm tất cả, như ngài Hiền Thủ, v.v... là Bồ-tát tại gia, ngài Văn-thù, v.v... là Bồ-tát xuất gia. Lại nữa, Di-lặc, v.v... là Bồ-tát sẽ thành Phật, Quán Âm, v.v... là Bồ-tát đã thành Phật. Văn-thù, Di-lặc ở cõi này, Quán Âm ở cõi khác, Hiền Thủ là người cũ ở thành Vương Xá, Bảo Tích là khách ở nước Tỳ Da ly, do bốn cặp này mà tóm thâu cả tám muôn người.

“Lúc bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân”: đây là nói chúng phàm. Trên nói về Thanh văn, Bồ-tát chắc chắn là Thánh chúng. Nay chẳng phải Đại thánh, Tiểu thánh nên chỉ bày phàm phu, vì vậy nói phàm chúng. Nhưng hễ Chư Phật giảng sanh thì có đồng hành, thân ở khắp trong sáu đường, lúc Phật nói pháp thì đều dẫn quyến thuộc của họ đồng vào Nhất thừa, vì thế theo chủ mà nói, thì phần nhiều là phương tiện.

Văn này chia hai phần là chúng ẩn và chúng hiển, chúng ẩn có đạo hạnh cao quý, có thế lực lớn nên nêu trước, chúng hiển đạo kém, không có thế lực nên nêu sau, tức là từ cao đến thấp. Như trước nói Thanh văn hơn Bồ-tát, tăng chúng hơn ni chúng, trước nói chúng khách, sau nói chúng cũ.

Trong phần chúng ẩn gồm có sáu chúng như trong văn đã nói trong sáu đường thì không có chúng địa ngục, do chịu khổ nặng nên không đến được. Kinh Đà-la-ni có nói chúng địa ngục, là có nhân duyên riêng, như văn ấy đã giải thích. Trong ba cõi thì không có cõi Vô sắc gồm có hai nghĩa: một là do các kinh Đại thừa, Tiểu thừa phần nhiều nói về cõi Vô sắc vì không có hình tướng nên không đến nghe pháp. Hai là nếu có hình thể nhỏ bé mà vì không có nhân duyên nên không thể đến.

Hỏi: Chỉ kinh Đại thừa nói cõi Vô sắc có hình sắc nhỏ, kinh Tiểu thừa có nói như vậy không?

Đáp: Kinh A-hàm chép: Cõi trời Vô sắc thấy Xá-lợi-phất Niết-bàn mà khóc như mưa. Tức biết Tiểu thừa cũng nói có sắc, nhưng theo phần nhiều mà nói Vô sắc mà thôi.

Trong tám bộ thì không có Dạ-Xoa và Ma-hầu-la-già, do lược cho nên nói.

Ban đầu nói chúng cõi trời gồm chúng cõi trời cõi Dục và chúng cõi trời cõi Sắc. Trước đây nói chúng thường là từ cao đến thấp, nay thì

từ thấp đến cao, gồm có hai nghĩa.

1. Nói lên ý Tiểu thừa: Trời cõi Dục có sơ nhập Thánh đạo, trời cõi Sắc thì không thể, tức là từ cao đến thấp.

2. Trời cõi Dục là đàn việt của Phật, là cõi gần gũi Phật cho nên nêu trước.

“Thích-đề-hoàn-nhân”, Tiếng nước ngoài nói đủ là Thích-ca-đề-hoàn-nhân-đà-la. Thích-ca là Năng, Đề-hoàn là Thiên, nhân-đà-la là Chủ, do trời ấy ở Pháp thiện đường giáo hóa khiến chư thiên hài lòng, nên gọi là Năng Thiên Chủ. Trong cõi trời ba mươi ba thì có ba mươi hai hần, bốn phương mỗi phương có tám vị thần thành ba mươi hai, một trời giữa là chủ, thành ra ba mươi ba Trời.

Luận Đại Trí Độ chép: Trong Ba tạng thì nói Thích-đề-hoàn-nhân đắc quả Tu-đà-hoàn, trong Ma-ha-giảng nói ngài là Bồ-tát pháp thân. Lại nữa, Thích-đề-hoàn-nhân là họ, tên là Kiều-thi-ca, vốn là người cũ ở nước Ma-kiệt-đà, vì thế nêu tên trước.

Lại có “Minh Nguyệt Thiên Tử”, Chú giải rằng: là thần phụ tá của Đấng-thích. Có người chép: Nguyệt Thiên Tử là vua mặt trăng. “Phổ Hương Thiên Tử” là vua các vì sao. “Bảo Quang Thiên Tử” là vua mặt trời, là ba thứ ánh sáng cho nên nêu sau, ý này lấy từ kinh Chánh Pháp Hoa.

Lại có kinh chép: Quán Thế Âm tên là Bảo Ý. Làm thiên tử mặt trời, Đại Thế Chí tên là Bảo Cát Tường, làm thiên tử mặt trăng, Hư Không Tạng tên là Bảo Quang, làm thiên tử các vì sao.

“Bốn vị đại thiên vương cùng với quyến thuộc,v.v...” Phẩm Thế Kỳ trong Kinh Trường A-hàm nói về Bốn Thiên Vương rằng: cách núi Tu-di về phía Đông khoảng ngàn do tuần có thành của Thiên Vương Đề-đầu-lại-tra tên là Hiền Thượng, rộng mỗi bề sáu ngàn do tuần, thành này tô điểm bằng bảy thứ báu. Cách núi Tu-di về phía Nam khoảng ngàn do tuần có thành của Thiên Vương Tỳ-lưu-lặc-xoa tên là Thiện Kiến. Cách núi Tu-di về phía Tây khoảng ngàn do tuần có thành của Thiên Vương Tỳ-lâu-bác-xoa tên là Châu-la Thiện Kiến. Cách núi Tu-di về phía Bắc khoảng ngàn do tuần có thành của Thiên Vương Tỳ-sa-môn, thành này có ba tên là Khả Úy, Thiên Kính và Chúng Quy, rộng mỗi bề sáu ngàn do tuần. Luận Trí Độ chép: Thiên Vương ở phương Đông tên là Đề-đầu-lại-tra, Hán dịch là Trị Quốc Chủ, thống lĩnh hai bộ quỷ thần là Kiên-thất-bà và Tỳ-xá-xà, ủng hộ người ở cõi Phát-bà-đề không bị quỷ thần xâm phạm. Thiên Vương ở phương Nam tên là Tỳ-lưu-ly, Hán dịch là Thêm lớn Chủ, thống lĩnh Cửu-bàn-trà và Tiết-lệ-đa, che chở

người Diêm-phù-đề không để cho xâm hại Thiên vương ở phương Tây tên là Tỳ-lưu-bác-xoa, Hán dịch là Tạp Ngũ Chủ, cai quản tất cả các rồng và Phú-đơn-na, che chở người Cù-da-ni không để cho xâm hại. Thiên Vương ở phương Bắc tên là Tỳ-sa-môn, Hán dịch là Đa Văn Chủ, cai quản Dạ-xoa và các La-sát, che chở người Uất-Đan-Việt không để cho xâm hại, cho nên gọi là Bốn Thiên Vương hộ thế.

“Tự Tại Thiên Tử trở xuống, Chú giải rằng: Tự Tại thiên tử tức là đại thần binh chủ của Đế-thích. “Đại Tự Tại Thiên Tử”, là Ma-hê-thủ-la, tức là Thầy của Đế-thích.

Trên đã nêu hai vị trời đầu tiên của cõi Dục, Đế-thích đứng đầu cõi mặt trời, mặt trăng, tinh tú, còn bốn góc chung quanh làm thần. Nay nêu hai cõi trời sau ở cõi Dục là trời Hóa Lạc và trời Tha Hóa Tự Tại. Vì sao không nói cõi trời Dạ Ma và Trời Đâu-suất, do nêu bốn cõi trước và sau, thì hai cõi giữa có thể biết, vì vậy không nêu. “Chủ cõi Sa bà: đây là nêu chung các trời cõi Sắc. Thế giới Sa bà, Hán dịch là Tạp Ác, cũng dịch là Tạp Hội. Đại Phạm Thiên Vương tên là Thi-khí. Có người chép: Đại Phạm Thiên Vương là Phạm Vương ở cõi Sơ thiên, Thi-khí là Phạm Vương ở cõi Nhị thiên, Quang Minh Đại Phạm là Phạm Vương ở cõi Tam thiên. Chử vân vân là những vị ở cõi Tứ thiên, như Ngài Quang Trạch đã giải thích.

Có người chép: Chủ thế giới Ta-bà là Ma-hê-thủ-la, là Phạm Vương ở cõi Tứ thiên, Thi-khí là Phạm Vương cõi Tam thiên, Quang Minh là Phạm vương ở cõi Nhị thiên, chử vân vân là những vị ở cõi Sơ thiên.

Theo luận Trí Độ chép quyển thứ 1: Chủ cõi Sa bà là Phạm thiên vương tên là Thi-khí. Nói chủ cõi Sa bà, là nêu nơi chốn để nói lên người đứng đầu, Đại Phạm thiên vương ở địa vị này, Thi-khí là tên của vị chủ này. Trong kinh Kim Quang Minh cũng giải thích như. Thi-khí, Hán dịch là Hỏa. Có người chép: vị Phạm thiên vương này nhập định Hỏa Quang, trên đánh có ánh lửa nên gọi là Hỏa.

Có người chép: Các vị Phạm thiên khác đều bị hỏa tai đốt cháy, riêng vị này không bị đốt cháy nên gọi là Hỏa.

Lại dịch là Đảnh Kế, có chỗ nói vị Phạm thiên này trên đảnh đầu có ngọn lửa như búi tóc, nên gọi là Đảnh Kế.

Kinh Trường A-hàm chép: Thi-khí là Phạm Vương ở cõi sơ thiên, cũng tên là Cư-ma-la-già, Hán dịch là Đồng Tử thiên, do nhan sắc như đồng tử nên gọi như vậy, tay cầm linh, nắm phước đồ, cưỡi chim công.

Hỏi: Kinh Thập Địa nói Ma-hê đứng đầu ngàn thế giới, nay vì sao

nói Phạm Vương ở cõi Sơ thiên đứng đầu ba ngàn thế giới?

Đáp: Có bốn loại Phạm Vương:

1. Kinh chép: Trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức Phạm vương, trăm ức Phi tướng, đây là hạ phẩm Phạm vương.

2. Luận Trí Độ chép: Phạm vương đứng đầu ngàn thế giới, Trường A-hàm cũng nói như vậy, đây là thứ phẩm Phạm vương.

3. Bồ-tát Cửu Địa làm Phạm Thiên Vương, cai quản hai ngàn thế giới, đây là thượng phẩm Phạm vương.

4. Cai quản ba ngàn đại thiên thế giới, đây là thượng thượng phẩm Phạm vương. Ma Vương, vua Chuyển luân cũng có hai loại: Kinh Đại Tập chép: Có Ma Vương cai quản ba ngàn thế giới.

Kinh Đại Phẩm chép: Hóa thành vua Chuyển luân, cũng cai quản ba ngàn thế giới.

Vì thế không thể phán xét theo một chiều.

Hỏi: Thi-khí là vua cõi Đại thiên, vậy trụ ở trung gian thiên nào?

Đáp: Có trăm ức trung gian thiên, nay trụ ở trung tâm, như Phật trụ ở trung ương thế giới đại thiên. Quang Minh Đại Phạm, là vị Phạm thiên ở cõi Nhị thiên, cho nên cõi Nhị thiên gọi là Quang Âm, Thiếu Quang, Vô Lượng Quang.

“Có tám vị Long vương”: phần này nêu long chúng, rồng là loài súc sanh kém trong các cõi. Nói chúng rồng sau trời là có bốn nghĩa:

1. Sức lực lớn nhất, trong năm thứ bất tư nghị thì rồng là bậc nhất.

2. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Rồng ác trợ giúp Tu-la, rồng thiện trợ giúp trời, nay là rồng thiện cho nên xếp ở sau chúng trời.

Luận Bà-sa chép: Lúc trời sắp đánh nhau với A-tu-la, trước sai rồng đi đánh, cho nên biết rồng giúp Trời.

3. Có ân đức điều hòa âm dương ở nhân gian, cho nên xếp ở sau cõi trời.

4. Giữ gìn ngàn tạng kinh Phật, nên xếp ở kế sau cõi trời.

Có sách chép rằng: Rồng là loài lớn nhất trong loài có vảy, có thể lớn hoặc nhỏ, có thể ẩn hoặc hiện, mùa xuân thì bay lên trời, mùa đông thì ẩn trong khe sâu.

Sách Quãng Nhã chép: Rồng có vảy gọi là giao long, có cánh gọi là phi long, có sừng gọi là cầu long, không có sừng gọi là ly long. Trong Phật Pháp nói rồng có bốn thứ sanh:

1. Noãn sanh: Chim càn vàng có thể ăn trứng sanh ra rồng.

2. Thai sanh: Chim càn vàng có thể ăn thai rồng và trứng rồng.

3. Thấp sanh: Chim cành vàng có thể ăn ba loài rỗng sanh bằng trứng, bằng thai, và loài rỗng sanh nơi ẩm ướt.

4. Hóa sanh: Chim cành vàng có thể ăn hết bốn loài rỗng này.

Nan-đà, Hán dịch là Vui mừng.

Bạt Nan-đà, Hán dịch là Hiền Vui mừng, hai vị Long vương này là anh em, thường sai khiến gió không thành bão, mưa không làm lụt, người thấy đều vui mừng nên gọi là Vui mừng, xưa kia cũng ở thành Vương Xá cho nên nêu trước.

Ta-dà-la, có chỗ nói đây là theo tên nước mà gọi, do ở tại nước Ta-dà-la. Nước này có vị tiên ở gần, do nhà vua xúc phạm đến vị tiên, vị tiên liền đọc chú khiến nước này thành biển, rỗng Tà-dà-la ở trong này, cho nên nói theo nước cũ mà đặt tên. Có chỗ cho rằng Tà-dà-la là tên biển này.

Hòa-thuyết-cát, Hán dịch là Đa đầu, rỗng này có chín đầu gọi là Thủy sanh long, vì sống dưới nước.

Đức Xoa Ca, Hán dịch là Đa thiệt (nhiều lưỡi), rỗng này ở trên mặt đất.

A-Na-Bà-Đạt-Đa, Hán dịch là Vô Nhiệt, đây là theo ao mà gọi tên, ao này ở trên đỉnh Hương Sơn, phía Bắc Diêm-phù-đề và dưới vì sao Thiên Tê, nước ao mát mẻ nên gọi là Vô Nhiệt, trong ao có năm cây cột nhà, rỗng ở trong ấy. Luận Trí Độ chép: Rỗng này là Bồ-tát Thất trụ. Kinh Hoa Nghiêm chép: Đối với pháp môn mây lớn trùm khắp lìa được khổ nên được tự tại. Lại, giải thích Vô Nhiệt là: Tất cả loài rỗng có ba thứ khổ, một là gió thổi, cát nóng dính vào thân, thân thể tan nát. Hai là: Gió thổi khiến mũ báu và y phục bay mất, thân rỗng lộ ra, nên tâm sanh buồn khổ. Ba là lúc quyến thuộc rỗng vui chơi, chim chim cành vàng vào cung bắt quyến thuộc của rỗng mang đi, vì thế tâm sanh nóng bức. Lại nữa, kinh chép: Các loài rỗng ăn cơm thơm ngon biến thành cóc nhái, hoặc thân có vảy ngược nên đất đá bám vào thân, lại khi giao cấu thân rỗng lộ ra như hai con rắn quấn nhau. Nhưng loài rỗng Vô Nhiệt không có các thứ khổ trên.

Ma-Na-tư Long Vương: Hán dịch là Từ Tâm. Kinh Hoa Nghiêm chép: Lúc muốn làm mưa thì trước đó bảy ngày kéo mây, đợi khi làm xong việc mới cho mưa xuống, tức có tâm từ. Cũng dịch là Duyệt Ý. Ưu Bát La Long Vương, là lấy tên của ao sen. Có bốn vị Khẩn-na-la Vương.

Hỏi: Khẩn-na-la thuộc loài nào?

Đáp: Luận Tạp Tâm chép: Thuộc loài súc sanh.

Hỏi: Trong tám bộ chúng thì thường nêu tên sau Càn-thát-bà, nay vì sao nêu trước?

Đáp: Càn-thát-bà là loài quỷ thần, Khẩn-na-la là loài súc sanh cho nên nêu ở sau. Nay vì loài này tấu pháp nhạc nên nêu trước.

Khẩn-na-la, Hán dịch là Nghi Thần, cũng dịch là Phi nhân. Do thân hình giống như người mà trên đầu có một sừng, vì nghi ngờ chẳng biết có phải là người hay không, bèn dùng đó đặt tên. Khẩn-na-la Vương tên là Đôn luân Ma, gầy đàn cầm khen ngợi Phật cho đến ngài Ca-diếp không thể tự an.

Pháp: là Khẩn-na-la Vương, tấu pháp Tứ Đế. Diệu Pháp: Khẩn-na-la Vương tấu pháp mười hai nhân duyên. Đại Pháp: Khẩn-na-la Vương, tấu pháp sáu độ. Trì Pháp: Khẩn-na-la Vương tổng trì ba pháp trên, tức là Đà-la-ni. Càn-thát-bà, Hán dịch là Hương Âm, do vị này ăn hương ở hư không, lại nữa, thân thường toát ra mùi thơm nên gọi là Hương Âm. Luận Trí Độ chép: Càn-thát-bà vương tên là Đôn Lũng Ma, Hán dịch là Thọ, ở trên mặt đất trong núi mười sáu. Lúc chư thiên trở nhạc, thân vị này có tướng khác lạ và bay lên trời, cùng với Khẩn-na-la nghỉ trên đó.

Nói Nhạc là gồm nhạc không tiếng, nhạc có tiếng, nhạc hay nhất trong nhạc không tiếng, nhạc hay nhất trong nhạc có tiếng.

Hỏi: Càn-thát-bà thuộc loại nào?

Đáp: thuộc loài quỷ, thuộc A-tu-la. A-tu-la, Hán dịch là Vô Tửu, do đời quá khứ giữ giới không uống rượu mà được quả báo thân này. Có chỗ nói do lấy các thứ hoa ủ ở biển để làm rượu nhưng không thành nên gọi là Vô Tửu.

Luận Tỳ-bà-sa chép: Chữ A là không, Tu-la là đẹp đẽ, nghĩa là không đẹp đẽ, vì nam xấu nữ đẹp.

Trong kinh Đạo Hạnh do ngài Thích Đạo An dịch chép: Tu-la gọi là Chất Lượng, do thường siểm nịnh nên đặt tên này khiến Tu-la ngay thẳng, thành tín. Chữ Lượng là tín. Bà-tẩu Truyện chép: Là phi thiên, cũng chẳng phải khéo vui chơi, chư thiên dùng pháp thiện để vui chơi, Tu-la thường dùng pháp bất thiện để vui chơi. “Bà-trĩ”, Hán dịch là Phục, người này là vị tiên phong trong loài Tu-la. Lúc đánh nhau với Đế-thích bị trói, do đó thệ nguyện được thoát ra nên xếp vào tên, cũng dịch là Tối thẳng.

Hỏi: Vì sao Tu-la thường đánh nhau với Đế-thích?

Đáp: Luận Tỳ-bà-sa chép: Tu-la có gái đẹp mà không có thức ăn ngon, chư thiên có thức ăn ngon mà không có gái đẹp, hai bên ganh

ghét nhau nên đánh nhau.

“Khư-la-khiên-thái”, Hán dịch là Quảng Kiên Giáp, hoặc dịch là Bảo Cẩm, hoặc gọi là Dục Cẩm.

“Tỳ-Ma-Chất-Đa-la”, Hán dịch là Hưởng Cao, do vị này ở trong nước lớn phát ra âm thanh lớn, tự xưng rằng: Ta là Tỳ-ma-chất-đa-la, nên gọi là Hưởng Cao, cũng gọi là Các thứ Nghi, cũng gọi là Huyệt Cư, vì ở chỗ thấp nhất trong biển.

Tu-la có hai chỗ ở, một là trên các núi ở trong mặt đất, sức lực rất kém, hai là vùng biển phía Bắc núi Tu-di cách một vạn hai ngàn do tuần có La-hầu A-tu-la Vương, cai quản vô lượng chúng A-tu-la. Cách chỗ La-hầu phía dưới một muôn hai ngàn do tuần có Tu-la tên là Dũng-kiền, dưới chỗ Dũng-kiền một muôn hai ngàn do tuần có Tu-la tên là Mỹ Kế. Dưới chỗ Mỹ Kế một muôn hai ngàn do tuần có Tu-la tên là Tỳ-ma-chất-đa, vì thế gọi là Huyệt Cư.

Kinh A-hàm chép: Chư thiên cõi trời Quang Âm xuống biển, chất bất tịnh chảy trong nước thành một cái trứng, trải qua tám ngàn năm sanh ra nữ Tu-la, thân như núi Tu-di có chín trăm chín mươi chín cái đầu, do nước đựng vào thân người nữ này mà sanh ra Tỳ Ma Chất Đa, thân hình gấp bốn mẹ mình, có chín đầu tám chân và chín trăm chín mươi chín tay, lấy Càn-thát-bà nữ ở Hưởng Sơn mà sanh ra Xá Chỉ.

“La-hầu A-tu-la Vương”, Hán dịch Là Phú Chưởng, cũng gọi là Hấp Khí.

Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Tu-la Vừa là quỷ vừa là súc sanh, mà La-hầu-là dòng dõi sư tử. Luận Bà-sa và kinh Già-đà chép: Tu-la có quỷ, có súc sanh, có chư thiên.

Hỏi: Vì sao Tu-la lấy tay che mặt trăng?

Đáp: Luận Bà-sa chép: Mặt trăng là quân tiên phong của Đế-thích, vì thế dùng tay che mặt trăng và muốn ăn mặt trăng. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Mặt trời mặt trăng phát ra ánh sáng che mắt Tu-la, khiến Tu-la không thấy chúng trời, vì thế dùng tay che. Ca-lâu-la Vương, Hán dịch là Chim cánh vàng, do cánh và đầu của nó có màu vàng nên do đó gọi tên. Kinh Hải Long vương dịch là Phượng Hoàng. Đại Oai Đức Ca-lâu-la Vương: do lúc ăn thịt rồng có oai đức lớn nên do đó gọi tên. Đại Thân Ca-lâu-la Vương: kinh nói hai cánh của loài này cách nhau ba trăm ba mươi sáu muôn dặm cõi Diêm-phù-đề chứa đủ một chân của nó.

Đại Mãn Ca-lâu-la Vương: các chim khác ăn thịt rồng thường không đủ no, chim này thường no đủ nên gọi là Đại Mãn.

Như Ý Ca-lâu-la Vương: chim này dưới cổ có hạt châu Như Ý, có chỗ nói không thể động. Có chỗ nói: Do ăn thịt ba loài rồng nên gọi là Đại Mãn, do ăn thịt đủ bốn loài rồng, có thể lực tự tại nên gọi là Như Ý.

“Con Bà Vi-đề-hy, v.v...”, đây là phần nói về chúng cũ. Vi-đề-hy dịch là Tư Duy, cũng gọi là Tứ Duy. A-xà-thế, Hán dịch là Vị Sanh Oán, dùng việc của mẹ để nêu tên, lúc ấy đã hại cha rồi nên không nêu cha. Lại nói do quăng dưới đất bị gãy ngón tay, nên tên là Chiết Chỉ.

Kinh A-hàm chép: Vua A-xà-thế sám hối rồi còn đọa vào địa ngục Phách Cúc, từ địa ngục ra thành Bích-chi-phật. Kinh Niết-bàn chép: Nếu vua A-xà-thế không gặp đại thần Kỳ-bà, thì ngày mồng bảy tháng tới sẽ đọa địa ngục, nhưng đã sám hối rồi nên không đọa. Lại nữa, kinh chép: Sám hối rồi đắc Nhu thuận Nhẫn.

Sở dĩ có sự khác nhau giữa kinh Đại thừa và Tiểu thừa, do kinh Tiểu thừa lực kém, nên tội nặng được nhẹ, vẫn đọa vào địa ngục nhẹ. Kinh Đại thừa có sức lực mạnh nên tội nặng đều diệt, vì thế không đọa lạc.

Lại nữa, vua A-xà-thế hại cha mà thân chưa phát mụt ghẻ nên đến nghe kinh Pháp Hoa, đến thời Niết-bàn thân mới phát mụt ghẻ.

Kinh Niết-bàn nói là sẽ diệt năm tội nghịch, vua A-xà-thế thực hành phương tiện, muốn nói lên chánh giáo là có thể diệt tội, còn tà giáo thì không thể, vì chúng sanh mà làm bạn lành diệt tội, nên đến cuối mới phát bệnh. Kinh này không nói về dụng của diệt tội, nên thân không phát mụt ghẻ, mà nói về dụng cao quý của công đức, có chút việc lành đều được thành Phật. Vua A-xà-thế tuy gây ra năm tội nghịch mà không mất gốc lành nên cũng sẽ thành Phật, đây là vì chúng sanh mà làm bạn lành thành Phật, vì nghĩa này cho nên đến nghe pháp.

Hỏi: Kinh Niết-bàn nói vua A-xà-thế sám hối rồi đắc vô căn tín, các kinh khác nói đắc Nhu thuận Nhẫn. Như thuận nhẫn có hai chỗ là tâm Thập hồi hương và Sáu địa, vì sao không giống nhau?

Đáp: Kinh Niết-bàn là căn cứ dấu vết nói là người tội, nên chỉ đắc tín tâm. Nếu nói đắc nhu thuận nhẫn thì mọi người liền cho rằng người phạm tội thật sự không thể diệt. Các kinh khác căn cứ nơi bản nên nói nhu thuận nhẫn, lại tùy duyên mà diệt tội nặng. “Mọi người lễ Phật rồi ngồi qua một bên, v.v...”. Luận Trí Độ chép: Người thế tục là khách đến chỗ Phật, cho nên ngồi nghe pháp. Hàng Thanh Văn Bồ-tát là đệ tử, vì thế đứng hầu, cũng có thể đại chúng nhóm họp rồi, nay tổng kết nghi thức chúng nhóm họp nên nói rằng: Lễ Phật mà ngồi.

Pháp Hoa nghĩa số quyển thứ nhất hết.

Thượng tuần năm Quý Tỵ, Niên Hiệu Vĩnh Nhân, đại chúng chùa Quang Long đồng góp tịnh tài in bản Pháp Hoa nghĩa số quyển I.

Trộm nghĩ thuở xưa vua nhà Hán mộng thấy người vàng, mà hơn ngàn năm Tây Vực mới truyền pháp thượng thừa, đến bảy trăm năm mà chưa trọn nghe chân tông của ba luận, huống gì là nhất thừa Pháp Hoa nghĩa số! Tố Khánh tôi tuy sanh nơi miền biên địa xứ Phù Tang, nhưng may mắn gặp được tập số Pháp Hoa mẫu nhiệm này, nếu không truyền bá kinh rộng rãi, e rằng sẽ bị mai một. Do đây cố gắng góp sức trọn một bộ để khuyến hóa khai mở tông chỉ Pháp Hoa, ngõ hầu thấm nhuần đạo mẫu nhiệm ở đời tượng pháp mạt pháp muôn năm, thắp đèn chánh pháp ở ba hội Long Hoa, soi sáng bốn loài vọng chấp tám không chánh quán.



PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 2

PHẨM TỰA

(Phần 2)

“Lúc bấy giờ, đức Thế tôn được bốn chúng vây quanh”, đây là nói phần khai phát tựa, gồm có sáu chương: Chúng nhóm họp, nói kinh, nhập định, hiện điềm lành, nghi vấn và trả lời câu hỏi.

Sáu chương này tựa chứng tín ở trước hợp thành mười hai phần tựa. Do chúng nhóm họp nên nói kinh, do nói kinh nên nhập định, do nhập định nên hiện điềm lành, do không hiểu điềm lành nên sanh nghi ngờ, do có nghi nên phải giải đáp. Do sáu phần này khai phát chánh kinh, nên gọi là khai phát tựa. Vì thế đoạn sau có chép: Nay Phật phát ra ánh sáng là giúp khai phát nghĩa thật tướng.

Hỏi: Vì sao do sáu việc này mà khai kinh Pháp Hoa?

Đáp: Do đại chúng nhóm họp tức là làm duyên cho giáo pháp, nên được nói kinh, vì thế chúng nhóm họp là phần tựa. Sắp nói gom ba thừa về một, nên trước nói từ Nhất thừa sanh ra ba, vì thế nói Vô Lượng Nghĩa làm phần tựa. Do Phật nhập Tam-muội một đạo thanh tịnh, tiêu biểu sẽ nói một đạo thanh tịnh, cho nên nhập định là phần tựa. Sắp nói thừa rốt ráo, nên trước hiện tướng rốt ráo, vì thế hiện điềm lành là phần tựa. Do hiện điềm lành mà phát sanh nghi vấn, nên xin ngài Văn-thù giải đáp, vì thế nghi vấn là phần tựa. Do ngài Văn-thù giải đáp mà Phật mới xuất định nói pháp, nên giải đáp là phần tựa. Sáu việc này chia làm ba phần: Phần đầu nói nhân duyên giáo pháp, ba việc kế theo là giáo pháp năng hóa, hai việc sau là Bồ-tát phát khởi giáo pháp. Ba phần giữa dùng ba việc làm tướng của Pháp Hoa:

1. Miệng nghiệp, nói nhiều pháp từ một sanh ra, tiêu biểu cho việc Pháp Hoa thâm nhiều quy về một.

2. Ý nghiệp, tiêu biểu cho việc Phật nhập Tam-muội nhất đạo, sau đó xuất định nói đạo Nhất thừa.

3. Thân nghiệp, tiêu biểu cho việc Phật nói tướng Nhất thừa, lại tiêu biểu cho chúng sanh nghe kinh được thành Phật.

CHƯƠNG I:

“Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn”, đây là nêu vị Hóa chủ. “Bốn chúng vây quanh”, luận Pháp Hoa chép: Từ đây cho đến hết câu “tôn trọng khen ngợi” vẫn là phần chúng nhóm họp, gọi là oai nghi như pháp trụ thành tựu, nói về đại chúng và trời, rồng nhóm họp.

Oai nghi tức là vây quanh trước sau, cho đến tôn trọng khen ngợi, nếu đối chiếu phần tựa chứng tín thì thuộc phần thứ sáu là đại chúng đồng nghe, nếu đối chiếu phần sau tức thuộc phần khai phát chánh kinh tựa. Vì sao như vậy? Vì bốn chúng nhóm họp sanh khởi ba nghiệp cúng dường, có lòng khát ngưỡng muốn nghe nên đức Như lai nói pháp.

Bốn chúng, có người nói hai chúng trời là Ma chúng, Phạm chúng, là lớn nhất trong cõi Dục, cõi Sắc. Và hai chúng cõi người là Sa môn, Bà-la-môn. Luận Trí Độ chép: Người trí tuệ chia làm hai hạng, tại gia gọi là Bà-la-môn, xuất gia gọi là Sa môn. Đức Phật là thầy trời người, nên nêu bốn chúng này. Thiên sư Khải chép: Bốn chúng gồm có:

1. Chúng ảnh hưởng, là chúng ngồi im lặng trong pháp hội.
2. Chúng phát giáo, là chúng khiến Phật khởi giáo pháp, như Xá-lợi-phất và Di-lặc.
3. Chúng đương cơ, là chúng lãnh ngộ chánh giáo.
4. Chúng kết duyên, là chúng nghe pháp mà chưa hiểu, chỉ kết nhân duyên xa mà thôi.

Nay theo văn kinh này thì bốn chúng chia làm hai nhóm, Thánh chúng có hai là Thanh Văn và Bồ-tát, phàm chúng có hai là chúng cũ và khách mới, đó là bốn chúng.

Phần văn sau nêu bốn chúng là hai chúng xuất gia, hai chúng tại gia.

Chữ vây quanh, Thích Luận chép: Đại chúng vây quanh tức khiến cho đức hạnh của Phật càng tôn quý, đã tôn trọng, thì người sẽ lãnh thọ giáo pháp ấy nên nói vây quanh. Ngoài ra còn có các Phạm thiên, Phạm Vương ở cõi trời Đạo-lợi và Đế-thích vây quanh, tập Đàn Lâm Sư Tử cũng nói ý nghĩa như. Trời rải các thứ hoa thơm gọi là cúng, dâng lên trước Phật gọi là dường. Khiêm tốn nể sợ gọi là cung, suy tôn trí đức gọi là kính, trong tất cả chúng sanh không ai bằng Phật gọi là tôn, tâm che chở còn hơn trời đất che chở gọi là trọng. Khen ngợi đức thật gọi là tán, tán chưa đủ lại còn xưng dương nên gọi là tán.

Tuy có bốn câu nhưng không ngoài ba nghiệp, hai câu đầu là thân nghiệp, câu thứ ba là ý nghiệp, câu sau là miệng nghiệp, tức khen ngợi, đây đều là việc trong kinh Vô Lượng Nghĩa. Kinh ấy chép: Do trời rải hoa thơm cúng dường, mà Bồ-tát Đại Trang Nghiêm Vương chấp tay cung kính tôn trọng, như dùng kệ thất ngôn khen ngợi gọi đó là khen ngợi. Người kết tập kinh đã lược bỏ ý kinh này, để khai phát phần chánh giáo.

CHƯƠNG II:

Là phần tựa nói kinh, tức câu “vì các Bồ-tát mà nói kinh Đại thừa”, chương này gồm có hai nghĩa. Một là đối chiếu văn trước thì có đủ ba việc, “Lúc bấy giờ Thế tôn” tức nêu vị Hóa chủ, từ câu “Bốn chúng” trở xuống là nói người lãnh thọ giáo pháp, “nói kinh Vô Lượng Nghĩa” là giáo môn.

Vị giáo chủ như thầy thuốc giỏi, người lãnh thọ dụ cho người bệnh, giáo môn dụ cho thuốc hay. Đủ ba việc này thì sanh tử có lúc dứt, không đủ ba việc này thì trôi lăn vô tận. Như luận Tứ Bách Quán chép: Chân pháp, người nói, và người nghe là nan đắc, như vậy thì sanh tử chẳng có hữu biên vô biên.

Lại nữa, ở trên nói ba nghiệp cúng dường là phước của chúng sanh, nay nói kinh Đại thừa là phát sinh trí tuệ, đầy đủ phước và tuệ thì Phật đạo có thể thành.

Hai là đối chiếu theo văn sau, tức là sáu chương khai phát tựa thì ở đây thuộc chương thứ hai là tựa nói kinh. Do nói kinh Vô Lượng Nghĩa mà kinh Pháp Hoa được nói, cho nên nói kinh gọi là tựa. “Vì các Bồ-tát”, ở đây nói giáo pháp được nói là vì người.

Hỏi: Trên đã nói bốn chúng vây quanh, nay vì sao nói riêng vì Bồ-tát?

Đáp: Nay nói vì các Bồ-tát, là thâm nói lên chỉ có Bồ-tát, không có người Nhị thừa, nói kinh Đại thừa là nói giáo pháp có thể trùm khắp.

Trong luận Thập Nhị môn, ngài Long Thọ giải thích Đại thừa có sáu nghĩa:

1. Vượt trên Nhị thừa nên gọi là Đại.
2. Chư Phật lớn nhất là thừa năng đến, nên gọi là Đại.
3. Do thừa này là của Chư Phật bậc đại nhân nên gọi là Đại.
4. Dứt khổ lớn cho chúng sanh, ban cho lợi ích an vui lớn nên gọi là Đại.
5. Do thừa này của ngài Quán Âm, Di-lặc, nên gọi là Đại.

6. Có thể dứt hết các pháp nên gọi là Đại.

Theo luận Địa Trì, giải thích chữ đại có bảy nghĩa:

1. Pháp Đại: là kinh Đại thừa.

2. Phát tâm đại: do kinh Đại thừa mà phát tâm Bồ-đề.

3. Giải hành đại: tức là đạo chủng tánh, giải hành của Bồ-tát đã thành tựu.

4. Tịnh tâm đại: tức Bồ-tát hàng Sơ địa.

5. Chúng cụ đại: tức có hai thứ trí tuệ và phước đức đầy đủ.

6. Thời đại: tức là thực hành trong ba a tăng kỳ kiếp.

7. Quả đại: là quả đại Bồ-đề.

Vì thế nói “kinh Đại thừa”

“Tên là Vô Lượng Nghĩa”, Đại thừa là tên chung của kinh, Vô Lượng Nghĩa là tên riêng. Sở dĩ nêu Đại thừa, là thầm nói lên chỉ có Đại thừa, không có Tiểu thừa làm phần tựa Pháp Hoa. Chữ Vô Lượng Nghĩa, có sự giải thích khác nhau. Pháp sư Ấn chép: Kinh này nói về vô lượng muôn thiện, do hiện tại thực hành vô lượng muôn thiện nên vị lai thành Phật.

Hỏi: Nếu nói muôn điều thiện thành Phật, thì có gì khác với Pháp Hoa?

Sư đáp: Trong đây chỉ che tướng nói muôn điều thiện thành Phật, không nói ngoài muôn điều thiện, không có riêng Ba thừa nghĩa, đây chỉ nói lên thật, chưa khai phần phương tiện, cho nên có khác với kinh Pháp Hoa, gọi đó là phần tựa. Pháp Sư Cơ giải thích rằng: Vô Lượng Nghĩa là “không”, nếu là pháp hữu tức có phần hạn, gọi là hữu lượng, do nghĩa chữ “không” sâu rộng nên gọi là vô lượng.

Hỏi: Nếu vậy có gì khác so với thời thứ hai trong kinh Đại Phẩm?

Sư đáp: Giáo pháp trước nói về không, là căn bản thực hành Ba thừa, không phải là tựa của Pháp Hoa, đây nói “Không” là căn bản thực hành Đại thừa, nên được là lời tựa của Pháp Hoa, cho nên khác nhau.

Danh Tăng truyện chép: Pháp sư Cơ nghe ngài Trúc Đạo Sanh giảng về thiện trong kinh Pháp Hoa, tuy có hai lần phán xét mà không biết lấy gì để quyết định, kể đến chú thích kinh Vô Lượng Nghĩa rằng: Kinh Vô Lượng Nghĩa tuy là chép ở đầu kinh Pháp Hoa, mà Trung hoa chưa thấy thuyết ấy, mỗi khi nghe giảng không hề không bỏ phế bàn luận mà kính trọng văn ấy. Bỗng nhiên có Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở núi Võ Đang, sanh ở Thương Tào, là con của vua Diêu Lược Tùng nhà Ngụy, ngày nước bị mất có quân nhà Tấn tên là Hà Đạm nhật được đem

về làm con nuôi, chữ Đạm gọi là Minh Linh, mới mấy tuổi mà rất thông minh, sau đó Hà Đạm cho đi xuất gia. Ngài siêng tu khổ hạnh để cầu đạo, đi khắp Nam Bắc không kể yên bình hay hiểm nguy, cho đến niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ ba đời Tề lại tham vấn ở Kỳ Phục Bí, đến Lĩnh Nam ở chùa Triều Đình tỉnh Quảng Châu và gặp Sa-môn Đàm-Ma Già-Đa Da-Xá người nước Thiên-trúc, tay có thể mở sách xem mà hiểu được ngôn ngữ nước Tề, muốn truyền bá kinh này mà chưa biết trao cho ai. Tuệ Biểu liền hết lòng cầu xin, thân tâm đều cung kính, trải qua thời gian lâu mà chỉ được một bộ, bèn đem về núi Võ Đang.

Đến nay ngày mười tám tháng chín niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba mới đem ra khỏi núi, trao cho Mở rộng Thông Phụng xem chân văn, vui mừng khen ngợi không ngớt, bèn chú giải rằng: Chánh là lấy “không: làm Vô Lượng Nghĩa. Pháp sư Cơ xem kinh bốn liền cho rằng lời chú giải phù hợp với kinh, nhưng Pháp sư Ấn cố chấp không thay đổi, bảo rằng: Nói về “không” ở kinh Vô Lượng Nghĩa là thuyết riêng ở các khác thời mà thôi, chẳng phải trước kinh Pháp Hoa mà nói kinh Vô Lượng Nghĩa. Kinh Vô Lượng Nghĩa trước Pháp Hoa là nói về muôn thiện thành Phật, không đem đến cõi này, Pháp sư Quang Trạch còn giữ lời giải thích của Ấn sư.

Nay có năm nghĩa để làm chứng kinh Vô Lượng Nghĩa này là kinh Vô Lượng Nghĩa đặt trước kinh Pháp Hoa.

1. Xứ đồng, tức đồng nói tại thành Vương Xá, núi Linh Thứu.
2. Số chúng đồng, đều có một muôn hai ngàn Thanh văn, tám muôn Bồ-tát.
3. Thời gian đồng, kinh Pháp Hoa chép: Ta thành đạo đến nay hơn bốn mươi năm mới nói kinh này. Kinh Vô Lượng Nghĩa cũng chép: Ta thành đạo đến nay hơn bốn mươi năm mà chưa hề nói pháp thật tướng.
4. Ý nghĩa đồng, tuy chưa nói bỏ ba thừa bầy Nhất thừa, mà ý thú mật khai nhất thừa.
5. Người dịch kinh Trung quốc và Sa-môn nước Thiên-trúc tự nói rằng: Đây là kinh trước kinh Pháp Hoa, nên sử dụng như.
Nay nói Vô Lượng Nghĩa gồm có hai ý:
 1. Thể của thật tướng không có hạn lượng, tức là thể vô lượng.
 2. Từ một pháp thật tướng xuất ra cả giáo pháp, tức là dụng vô lượng.
 Thể và dụng này đều sâu xa cho nên gọi là nghĩa.
Hỏi: Vì sao biết một pháp vô tướng rộng sanh tất cả giáo pháp?
Đáp: Như kinh đã nói, bắt đầu từ hội Hoa Nghiêm, cho đến cuối

cùng nhóm hợp trước kinh Pháp Hoa, hoặc Đại, hoặc Tiểu, thế gian, xuất thế gian tất cả các giáo đều từ một pháp vô tướng sanh ra. Chẳng những một giáo pháp vô tướng sanh ra tất cả giáo, mà cũng từ một pháp vô tướng sanh ra tất cả thân, cho nên có phàm, Thánh, hữu tình, vô tình, tất cả thân đều từ một pháp vô tướng sanh ra.

Hỏi: Thế nào là một pháp vô tướng sanh ra tất cả giáo, tất cả thân?

Đáp: Một pháp vô tướng tức là pháp thân, do pháp thân thị hiện tất cả thân, nói tất cả giáo.

Câu “pháp giáo Bồ-tát”, tức là nói một pháp vô tướng sanh ra tất cả pháp, để dạy bảo các Bồ-tát căn tánh thuần thực. Bồ-tát tu pháp này thì hạnh tương ứng với Phật. “Cho nên được Chư Phật hộ niệm”. Ngăn phàm phu, Nhị thừa, ngoại đạo, ác kiến, gọi là hộ, khiến sanh Trung đạo chánh quán là niệm.

Hỏi: Nay nói Pháp Hoa, vì sao nói kinh Vô Lượng Nghĩa trước?

Đáp: Pháp Hoa là hội tất cả thừa đồng vào Nhất thừa, nay sắp nói nghĩa thâm nhập nên trước phải nói về sanh ra. Do từ một pháp sanh ra tất cả pháp, nên tất cả pháp quay về một pháp. Vì sắp nói thâm nhập nên trước nói sanh ra, cho nên nói sanh là phần tựa của thâm nhập.

Hỏi: Vì sao sắp nói thâm nhập mà trước phải nói sanh ra?

Đáp: Do thừa hơn bốn mươi năm chấp chặt Ba thừa, bỗng nhiên nghe nói quay về nhất, tâm ắt là kinh sợ nghi ngờ, vì thế trước nói tất cả giáo vốn từ một sanh ra, chẳng lẽ không phải là quay về một hay sao.

Hỏi: Chỉ tất cả giáo từ một sanh nên trở về một, hay cũng là tất cả chúng sanh từ một hạnh để trở về một ư?

Đáp: Kinh Vô Lượng Nghĩa nói tất cả chúng sanh do mất một đạo thanh tịnh mà có các đường, Chư Phật dùng lòng đại bi vô duyên muốn giúp chúng sanh quay về một đạo, cho nên từ một đạo mà sanh ra vô lượng giáo.

Hỏi: Nếu vậy thì có gì khác với kinh Pháp Hoa?

Đáp: Kinh Vô Lượng Nghĩa nói thẳng chúng sanh do mất một đạo mà thành ra các đường, cũng nói thẳng Chư Phật vì chúng sanh mất một đạo nên nói từ một đạo sanh ra tất cả giáo, chính là nói duyên và giáo đều từ một đạo sanh ra, mà chưa nói duyên và giáo đều quy về một.

Hỏi: Duyên và giáo quy về một đạo, cái gì là ý chính?

Đáp: Duyên là chính, do một đạo bản tánh thanh tịnh, mà chúng sanh lống dối mất một đạo này nên thành sáu đường, nay muốn cho chúng sanh ngộ một đạo nên nói từ một pháp sanh ra tất cả giáo mà

thôi. Nếu không nói chúng sanh vốn mất một đạo, thì dù nói tất cả giáo đều từ một pháp sanh ra, mà không thể nào khiến chúng sanh quy về một đạo.

Nghĩa này là ý chính của Pháp Hoa gom ba về một, cũng là ý chính khiến tất cả chúng sanh thành Phật. Nếu trước không nói ý này, thì kinh Pháp Hoa không thể nói tất cả chúng sanh đều thành Phật.

Pháp Hoa nói về Nhất thừa, nay sẽ nói về Nhất thừa, nên trước nói căn bản của thừa. Căn bản của thừa tức là thật tướng, phải do ngộ thật tướng mà phát sanh Bát-nhã, do Bát-nhã nên tu hành chẳng gì không thành tựu, hệ lụy, chẳng có gì không trừ hết, cho nên có thể nói ra khỏi ba cõi, đến trí Tát-bà nhã thì ý nghĩa của thừa mới thành tựu.

Cho nên, môn Luận Thập Nhị chép: Phần lớn nghĩa sâu xa thì gọi là Không, nếu thông đạt nghĩa này tức là thông đạt Đại thừa, đầy đủ sáu Ba-la-mật không có chướng ngại. Nếu không ngộ thật tướng, tuy rộng tu muôn điều thiện, đều là có sở đắc, điên đảo không động không xuất, tức là ý nghĩa của thừa không thành tựu.

Kinh Vô Lượng Nghĩa thâm hiển ở một, hiển phá ở ba, Kinh Pháp Hoa thâm minh ở một, hiển phá ở ba, do chấp Ba thừa khó lay đổ mà Nhất thừa lại khó tin. Nay chỉ bày lý do dẫn đến nói Pháp Hoa, nên trước mật sau hiển.

Hỏi: Thế nào là ý nghĩa của mật và hiển?

Đáp: Đã từ một sanh ra nhiều, đã mật hiển một là gốc của nhiều, nên nhiều sẽ quy về một, vì thế tức là hiển chỉ có Nhất thừa, không có ba thừa.

Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Như nước là một mà giếng ao không giống nhau, nước pháp là một mà chúng sanh đắc đạo có khác nhau. Nhưng pháp đã là một, đắc đạo không nên có khác, nay khiến chúng sanh nghi ngờ, nên sau khi nghe một nói ba, rồi nói ba quy về một tức cho họ tin hiểu.

Nói Phật giáo hóa gồm có bốn môn:

1. Một hội, một nói, môn này có rất nhiều.
2. Nhiều hội, nhiều nói, như kinh Hoa Nghiêm có bảy chỗ, tám hội.
3. Nhiều hội, một nói Thích. Luận giải: Bát-nhã chẳng phải nói trong một thời, một hội, bởi người đến trước được ngộ đã đi, người đến sau lại vì họ mà nói, do hội có trước sau nên gọi là nhiều hội, nhưng Bà-nhã thì không khác nên nói một nói.
4. Là một hội, nhiều nói, như nói kinh Tịnh Danh, trước nói kinh

Phổ Tập, cũng như ở đây sắp nói kinh Pháp Hoa, trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa. Bốn việc này đều thích hợp cơ duyên, không nên trách lý do.

Pháp Hoa đã nói gom ba về một, dường như nói tướng sợ người nghe khởi chấp nên trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa thuộc về vô tướng. Đại Trang Nghiêm Vương hỏi Phật thực hành các pháp gì để mau thành Bồ-đề? Phật dạy: thực hành một pháp vô tướng thì mau thành Bồ-đề.

Như kinh Niết-bàn nói có sở đắc tức là Nhị thừa, không có sở đắc là Bồ-tát, cũng như nay. Trong mỗi câu không có tướng chữ, không có tướng nghe, do vô tướng nên đắc Bồ-đề vô thượng. Vì thế sắp nói kinh Pháp Hoa thì trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa.

Hỏi: Như kinh Đại Phẩm v.v... là trước Pháp Hoa đã nói vô tướng, vì sao còn nói kinh. Vô Lượng Nghĩa nói vô tướng nữa?

Đáp: Kinh Vô Lượng Nghĩa nói về tướng, lại nói một pháp, có phần tương tự Pháp Hoa nên nói trước Pháp Hoa.

CHƯƠNG III:

Là phần tựa nhập định, tức câu “Phật nói kinh này xong”. Ở đây gồm có bốn phần:

Một là: Câu Phật nói kinh xong là kết thúc phần trước để nêu phần sau, là nghĩa thời gian nhập định.

Hai là: “Ngồi kết già” là nói duyên nhập định.

Hỏi: Cách ngồi không giống nhau, vì sao lại ngồi kết già?

Đáp: Ngồi như vậy là để khác với người thế tục, cũng là khác với ngoại đạo, ngoại đạo thường đứng hoặc co một chân, do thân không ngay nên tâm không thẳng. Ngồi kết già là pháp của Chư Phật thường ngồi, ngồi như vậy là thân ngay mà tâm thẳng. Vì muốn tĩnh tâm nên thân phải ngay, ngồi như vậy là dễ vào đạo, cũng khiến ma vương kinh sợ nên ngồi kết già.

Ba là: Câu “nhập Tam-muội Vô Lượng Nghĩa xứ”, tức nói về nhập định.

Hỏi: Chư Phật không hề xuất nhập, nay vì sao nhập Tam-muội?

Đáp: Phải biết trong đây có ba loại nói Pháp Hoa.

a. Nói Vô Lượng Nghĩa là nói thẳng một đạo thanh tịnh, gọi là nói Pháp Hoa.

b. Phật nhập Tam-muội một đạo thanh tịnh mà nói Pháp Hoa.

c. Hiện điềm lành tức sắp nói Pháp Hoa.

Nay nhập định có hai ý chính:

1. Nhập Tam-muội, hiện điềm lành: là khiến cho đại chúng lúc ấy nghi ngờ, đợi ngài Văn-thù giải quyết nghi ngờ Phật mới xuất định.

2. Nhập định Vô Lượng Nghĩa, là biểu hiện Phật nói nín thường trụ một đạo thanh tịnh.

Nếu theo các kinh thì nhập định nói lược có mười nghĩa:

1) Là căn duyên thích hợp, nghĩa là xuất nhập thích ứng theo duyên, động tĩnh thích ứng theo chúng sanh.

2) Là muốn hiển hiện điềm lành, vì thế nhập định là gốc của điềm lành. Nếu không nhập định thì điềm lành không do đâu mà hiện, lại không nhập định mà hiện điềm lành, sợ mọi người cho rằng chẳng phải Phật hiện điềm lành, vì vậy nên phải nhập định.

3) Muốn hợp duyên nói pháp, thì phải xem xét pháp, xem xét căn cơ, nay sắp giảng nói Phật thừa cho nên nhập định.

4) Muốn cho chúng sanh trọng pháp quý người, do Phật muốn nói pháp tướng mầu nhiệm nên phải nhập định, cho nên biết pháp này là không thể nghĩ bàn.

5) Sáu vị giáo chủ ngoại đạo cho rằng tất cả thời thường có trí tuệ, Phật vì phá chấp này nên nói các pháp do nhân duyên mà thành, do định phát tuệ, cho nên thật vắng lặng thì soi thấy rõ ràng.

6) Chỉ bày Phật có định và tuệ tròn đầy, nhập định là nói lên định của Phật đầy đủ, xuất định nói pháp là nói tuệ của Phật tròn đầy. Nếu không nhập định thì định môn không hiển, nếu không nói pháp thì nghĩa tuệ không sáng.

7) Vì đời Mạt pháp mà làm khuôn pháp, Phật muốn nói pháp còn phải nhập định tĩnh tâm, huống là người khác có tâm tán loạn mà muốn nói pháp sao? Cho nên cần học theo trí tuệ Phật.

8) Muốn thị hiện tướng của người thông minh, có thể khéo suy nghĩ, có thể khéo nói pháp.

9) Nhập định hiện điềm lành là phát sanh lý do cho ba việc hỏi đáp ở sau, liền được lược khai việc Phật xưa đã nói Pháp Hoa, khiến đại chúng lúc ấy nghe mà không sanh nghi ngờ kinh sợ.

10) Có ba mật lợi ích chúng sanh, đó là ý mật nhập định, thân mật phát ra ánh sáng, miệng mật nói pháp. Lại nữa, ngay nơi vắng lặng mà dụng gọi là xuất, ngay nơi dụng mà vắng lặng gọi là nhập, đây là vắng lặng và dụng vô ngại, nên gọi là xuất nhập định.

Luận chép: Nhập Tam-muội, là nói là tất cả chướng ngại, tùy theo năng lực mà được tự tại. Lực này có hai ý:

1. Thuận theo chúng sanh đối trị nhiếp giữ giác Bồ-đề phần, đây

là Bồ-đề vô thượng, gọi là thuốc hay.

2. Vì đối trị vô lượng đời sau chấp chặt phiền não, tức bịnh chấp của Ba thừa, cũng là ý nghĩa khiến biết bịnh, biết thuốc. Tam-muội, Hán dịch là chánh tâm hành xứ, cũng gọi là Điều trực định.

Hỏi: Vì sao không nhập Tam-muội Pháp Hoa mà nhập định Vô Lượng Nghĩa?

Đáp: Có người chép: Đã là phần tựa của Pháp Hoa, chưa phải chánh kinh nên không nhập. Có người chép: Nếu nhập Tam-muội Pháp Hoa, thì ngài Di-lặc có thể suy biết, nay muốn không thể so lường, cho nên không nhập Tam-muội Pháp Hoa.

Nay nói tông chỉ của kinh này gồm có hai môn:

1. Đối với một Phật thừa mà phân nói riêng ba, nghĩa là từ gốc khởi ngọn.

2. Gom ba thừa về một, tức nhiếp ngọn về gốc.

Kinh Vô Lượng Nghĩa là nói ý nghĩa sanh ra, tức nói lên Pháp Hoa từ gốc khởi ngọn, nay lại nhập định Vô Lượng Nghĩa xứ, là nói lên kinh này nhiếp ngọn về gốc. Hai phần này là đầu và cuối của kinh, cho nên gọi là khai phát tựa.

Lại nữa, kinh Vô Lượng Nghĩa là từ một sanh ra nhiều, tức là nói một pháp, nay nhập định Vô Lượng Nghĩa xứ là lại nhập vào một pháp, tức xuất nhập đều là một đạo thanh tịnh. Vì nói lên Pháp Hoa cũng như vậy, cho nên là phần tựa Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao nói nín đều trụ nơi một?

Đáp: Vì nói lên chỉ có một đạo không có hai, vì thế nói nín đều trụ nơi một.

Lại nữa, Phật dạy đệ tử thường thực hành hai việc:

1. Bậc Thánh nói pháp, tức là từ quán thật tướng mà nói pháp thật tướng.

2. Bậc Thánh im lặng, tức là nói thật tướng xong lại nhập quán thật tướng. Cho nên động tĩnh, nói nín đều thích ứng thật tướng, thật tướng tức là một đạo thanh tịnh. Trên nói kinh Vô Lượng Nghĩa là bậc Thánh nói pháp, nay nhập định Vô Lượng Nghĩa tức là bậc Thánh im lặng.

Hỏi: Trước nói là kinh Vô Lượng Nghĩa, nay vì sao gọi là Tam-muội?

Đáp: Chiếu mà thường vắng lặng gọi là Định, vắng lặng mà thường chiếu gọi là Tuệ, tuệ phát ra bên ngoài gọi là Kinh, thật vắng lặng bên trong gọi là Định.

Bốn là: Câu “thân tâm không lay động”, tức kết thúc hai nghĩa trên. Thân không động là kết quả của thân ngay ngắn, tâm không động là kết quả của tâm vắng lặng. Thể thật tướng của người có thân và tâm, tuy thân mà chẳng phải thân, thân không động, tuy tâm mà chẳng phải tâm, tâm không động, cho nên thân như cây khô tâm như tro nguội. Lại nữa, thân tâm không động là nói lên chưa đến thời Phật xuất định, lại sanh nghi hỏi ở sau.

CHƯƠNG IV: Là hiện điềm lành tựa, tức câu: “Khi ấy trời rải hoa Mạn-đà-la” như mưa.

Hỏi: Thích ứng mà nói pháp vì sao phải hiện điềm lành?

Đáp: Đây là lúc sắp nói Pháp Hoa, có mưa hoa, đất rung chuyển, là nêu tướng sở hóa thành Phật, phát ra ánh sáng là nêu tướng năng hóa nói Pháp Hoa. Lại nữa, đã nói giáo pháp đặc biệt là phải cảm điềm lành phi thường, theo lý như. Nếu chợt nói pháp thì người nghe không sanh tâm tôn trọng, phải làm cho tai mắt kinh ngạc mới có lòng khát ngưỡng. Lại nữa, hiện điềm lành để chúng sanh phát khởi tín tâm, khi nói pháp mới sanh khởi sự liễu ngộ, hiện điềm lành là khiến chúng gieo phước, nói pháp là khiến trồng cội trí tuệ. Lại tức là thí dụ Trưởng giả bên dưới dùng hai thứ tay áo và bàn ghế để dụ con ra. Dùng tay áo ví như thân thông, bàn ghế ví như nói pháp. Ban đầu Phật thành đạo đã không dùng được, nay sắp vắng lặng mới dùng được.

Hỏi: Có mấy thứ điềm lành?

Đáp: Pháp sư Quang Trạch chép: trước hiện sáu điềm lành ở cõi này, sau hiện sáu điềm lành ở cõi khác, hợp lại là mười hai điềm lành. Sáu điềm lành ở cõi này là: Nói pháp, nhập định, mưa hoa, đất rung chuyển, chúng vui mừng, và phát ra ánh sáng. Tóm lược sáu điềm lành này thành ba cặp:

Nói kinh là hợp căn cơ mà khai giáo, nhập định là vắng lặng soi rõ lý trước, đây là một cặp động và tĩnh. Trên thì trời tuôn rải bốn thứ hoa như mưa, dưới thì đất sáu lần rung chuyển, đây là một cặp trên và dưới. Bấy giờ đại chúng trong tâm sanh vui mừng, bên ngoài thì Như lai phát ra ánh sáng, đây là một cặp trong và ngoài.

Trong sáu câu này thì có ba câu chẳng phải điềm lành, vì sao biết? Vì Thích Luận chép: Phật nhập Tam-muội vương hiện bảy điềm lành mà không thường nhập định, cho nên biết nhập định chẳng phải điềm lành. Bấy giờ đại chúng thấy điềm lành liền sanh vui mừng, như kinh Đại Phẩm đại chúng thấy đất rung chuyển mà tâm sanh vui mừng, nên

biết chúng vui mừng cũng chẳng phải điềm lành. Nói kinh chính là giáo pháp hợp cơ duyên, cũng không gọi là điềm lành. Nếu nói kinh là điềm lành, vì sao Di-lặc hỏi các điềm lành khác mà không hỏi ý nói kinh? Nhập định cũng vậy, ngài Di-lặc không hỏi vì sao. Vậy trong sáu câu chỉ có ba điềm lành là mưa hoa, đất rung chuyển và phát ra ánh sáng. Luận Trí Độ chép: Phật nhập Tam-muội vương hiện bảy điềm lành, nay nhập Tam-muội Vô Lượng Nghĩa hiện ba điềm lành.

Hỏi: Vì sao chỉ hiện ba điềm lành?

Đáp: Nay nói về pháp cùng tận, nên có điềm lành lớn nhất. Nói lớn không ngoài ba thứ: Trời là điềm lành, đất là điềm lành, Phật là chủ của trời đất còn thị hiện lên điềm tốt; lớn thuộc về xấu ác thì có: Trời là tai, đất là họa, thần hiện là quái.

Lại tiêu biểu Chư Phật ba đời đồng nói Nhất thừa, ba hạng căn cơ chúng sanh đồng quy về một, cho nên hiện ba điềm lành.

Hỏi: Thư chép: Bậc minh chủ dùng việc hiếu thuận từ bi để dạy đời, tức chim đỗ bay mà người già hiện, dùng nhân đức che chở vật thì tuổi ngọt chảy lúa tốt sanh. Kỳ lân xuất hiện thì thiên hạ thái bình, đấng trị nhân tâm thì sen, lý nảy sanh. Vì thế đức bên trong đủ thì bên ngoài tự phát điềm lành, nay ba điềm tốt này do đâu mà biểu hiện?

Đáp: Vì muốn biểu hiện Thanh văn bốn chúng đồng quy về Nhất thừa, nên trời tuôn rải bốn thứ hoa như mưa, biểu hiện trời người sáu đường đều thành Phật nên đất sáu lần rung chuyển. Hai thứ thành Phật này phải nhờ vào nói Pháp Hoa, nên phát ra ánh sáng để biểu hiện.

Lại nữa, trời rải bốn thứ hoa như mưa là biểu hiện bốn thừa chúng sanh đều thành Phật, đất sáu lần rung chuyển là biểu hiện chúng sanh sáu đường đồng ngộ không hai. Hai thứ thành Phật này đều do nói Pháp Hoa, cho nên phát ra ánh sáng để biểu hiện:

Lại, trời rải bốn thứ hoa như mưa là biểu hiện chúng sanh trên cõi trời nên ngộ Nhất thừa, đất sáu lần rung chuyển là biểu hiện hàm thức dưới đất, đồng đến Nhất thừa. Trên trời dưới đất đều ngộ, do đây mà Phật nói Pháp Hoa, nên hiện điềm lành để biểu hiện.

Lại nữa, trời mưa hoa là biểu hiện nói Nhất thừa khiến thiên linh vui mừng, đất rung chuyển là biểu hiện nói Nhất thừa khiến địa kỳ hôn hờ. Vui mừng hôn hờ đều nhờ Phật, cho nên phát ra ánh sáng để biểu hiện.

Văn này có bốn đoạn:

1. Điềm lành mưa hoa, đất rung chuyển.
2. Đại chúng lúc ấy thấy điềm lành sanh vui mừng.

3. Điềm lành Phật phát ra ánh sáng.

4. Đại chúng lúc ấy thấy điềm lành phát ra ánh sáng.

Đây có hai cặp về cảm ứng, trước nói mưa hoa, sau nói đất rung chuyển.

Nói thời gian ấy tức là lúc mưa hoa, chính là lúc bốn chúng nghe kinh ngộ Nhất thừa. Trời mưa tức là chỗ mưa hoa.

Nói theo sự, thì khi nói pháp phi thường, có cảm ứng chư thiên cúng dường, nên ngài Văn-thù nói kệ rằng:

*Trời mưa hoa Mạn-Đà
Trống trời tự nhiên kêu
Trời, rồng, chúng quỷ thần
Cúng dường Nhân Trung Tôn*

Nói theo lý, thì trời là tịnh, do tâm cố chấp của bốn chúng đã tịnh nên được nghe kinh thành Phật.

“Hoa Mạn-đà-la”, chính là tên bốn thứ hoa mà trời rải xuống, trời mưa bốn thứ hoa chính là biểu hiện bốn chúng thành Phật. Hai thứ hoa trước là biểu hiện hai chúng xuất gia thành Phật, hai thứ hoa sau là biểu hiện hai chúng tại gia thành Phật.

Lại nữa, xưa không nói bốn thừa thành Phật, nay đều quy về Phật thừa, cho nên chỉ mưa bốn thứ hoa. Hai loại trước là hoa trắng, biểu thị cho Thanh văn, Duyên giác có thiện vô lậu mà thành Phật, hai loại sau là hoa đỏ, biểu thị trời người có bạn lành lậu cũng thành Phật. Bốn thứ hoa này trước hoa nhỏ, sau hoa lớn, biểu thị tu hành từ nhỏ tới lớn, từ cạn đến sâu.

Hoa Mạn-đà-la, ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chép: Đây là tên hoa trời, ở Trung quốc cũng có, sắc như đỏ mà vàng, dường như xanh mà tím, dường như lục mà hồng.

“Hoa Mạn-thù-sa”, cũng là tên hoa trời, sắc trắng tươi không có màu trắng nào có thể dụ được. Chú giải kinh nói là hoa Như ý, tùy theo ý của chư ma trời hoa xuất hiện nên lấy đó làm tên.

“Hoa Ma-ha Mạn-đà-la”, gọi là hoa Đại Như Ý, đây là tên từ kinh Chánh Pháp Hoa. Ngài Đạo Hạnh dịch là hoa Thành Ý.

Hoa Mạn-thù-sa là hoa tròn đầy, Hoa Ma-ha Mạn-thù-sa là hoa Đại Tròn đầy.

Ngài Quang Trạch chép: Hai hoa đầu là hoa Xích Viên, Đại Xích Viên, hai hoa sau là Bạch Viên, Đại Bạch Viên.

“Rải trên Phật và đại chúng”. Nói theo sự, tức cúng dường Phật và đại chúng, về lý tiêu biểu đại chúng thực hành nhân sẽ được thành

Phật.

“Khấp thế giới Phật sáu điệu rung chuyển”, đây là nói về điềm lành mặt đất rung chuyển, trước nói trời rải hoa, nay nói đất là theo thứ lớp. Tóm lược ý nghĩa, thì kinh này tuy hội bốn thừa đồng quy về một đạo, nhưng giáo tông chính là vì Thanh văn, Duyên giác, phụ là hai thừa Trời và Người. Vì thế trước rưới bốn thứ hoa là biểu hiện bốn chúng Thanh văn vào Phật thừa, sau thì sáu đường trời người đồng quy về Nhất thừa. Nên phẩm Thí Dụ chép: “Vì các Thanh văn mà nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa”, chính là không nói vì trời, người, tức đủ làm chứng.

Khấp cả cõi Phật, do đức Thích-ca đứng đầu, cả cõi đều động nên gọi là khấp.

Đoạn văn sau chép: Thế giới này sáu lần rung chuyển, cũng có thể cõi Phật mười phương đều động nên gọi là khấp. Vì thế ngài Văn- thù nói kệ rằng:

Tất cả cõi Chư Phật
Tức thời rung chuyển mạnh.

Lại, kinh Đại Phẩm chép: “Cõi ấy ở sát gần biên hạn, tức biên hạn nhân duyên hóa độ của đức Thích-ca.” Nay nói nghĩa chữ khấp cũng là nhân duyên độ khấp.

Sáu điệu rung chuyển gồm có hai loại:

1. Thời động, tức là nhập thai, đản sanh, xuất gia, thành đạo, nói pháp và Niết-bàn. Nay nói pháp là một trong sáu thời động này, do xoay bánh xe đại pháp gọi là đại động.

2. Sáu thứ động gồm: động, khởi, dững, chấn, giác, hống. Dao động không yên gọi là động, nhấp nhô lồi lõm gọi là dững, từ thấp lên cao gọi là khởi, ẩn kín mà có tiếng gọi là chấn, phát ra tiếng vang gọi là hống, khiến chúng sanh giác ngộ gọi là giác. Trong mỗi tướng này có lại có ba thứ thành ra mười tám tướng động. Trong Đại Phẩm nói mỗi món động chia làm sáu, thành ra ba mươi sáu tướng động. Nay văn này nói lược hai tướng là chấn và động.

“Lúc bấy giờ trong hội chúng”: đây là đoạn hai thấy điềm lành sanh vui mừng. Văn này chia làm hai phần, trước nói về người thấy điềm lành, đó là bốn chúng và trời rồng. Bốn thứ hoa tuôn rải như mưa là biểu hiện bốn chúng ngộ nhập Nhất thừa, nên nói bốn chúng thấy điềm lành sanh vui mừng. Đất có sáu điệu rung chuyển là biểu hiện trời người sáu đường đều thành Phật, nay nói chúng vui mừng là một trong sáu đường.

Không nói Bồ-tát thấy điềm lành sanh vui mừng, do từ xưa đến nay đã nói Bồ-tát thành Phật nên không biểu hiện điềm lành. Không nói Bồ-tát vui mừng, bởi từ trước chưa gom bốn thừa thành Phật nên có biểu hiện điềm lành, vì thế nói người bốn thừa thấy điềm lành sanh vui mừng.

Người, chẳng phải người: tức là tám bộ quỷ thần vốn chẳng phải người, nhưng biến hóa thành hình người để đến nghe nói pháp, nên nói người, chẳng phải người. Sau là nói về vui mừng, tức là đại chúng.

Chấp tay là biểu hiện hình không có dụng riêng, nhất tâm là biểu hiện ý không có duyên nào khác; vui mừng và cung kính hợp với lòng khát ngưỡng, điềm lạ và nghi ngờ tức có nói pháp phi thường.

“Lúc bấy giờ, Phật phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày”, đây là đoạn ba nói điềm lành phát ra ánh sáng.

Hỏi: Mưa hoa, động đất, phát ra ánh sáng, sao không hợp thành một loại; mà trước nói hai điềm lành sau nói thấy điềm lành, nay lại phát ra ánh sáng, sau nói thấy điềm lành ư? Đáp: Điềm lành tuy có ba nghĩa mà môn chỉ có hai, hai điềm lành trước tiêu biểu cho sở hóa, nên nói sở hóa thấy hai điềm lành, nay nói phát ra ánh sáng tức là điềm lành năng hóa, cho nên trước nói điềm lành ánh sáng, sau nói thấy điềm lành. Lại, hai điềm lành trước là điềm lành y quả, điềm lành sau là điềm lành chánh quả. Lại hai điềm lành trước là ý nghiệp hiện điềm lành, sau là thân nghiệp hiện điềm lành, nay muốn phân chia hai điềm lành khác nhau nên hai lần thấy cũng khác nhau.

Theo Luận Pháp Hoa: thì sanh khởi là ban đầu nhập định hiện điềm lành, đại chúng thấy điềm lành sanh tâm khát ngưỡng muốn nghe pháp nên Phật phát ra ánh sáng, vì thế có chương này. Nói lúc ấy, tức là lúc Phật phát ra ánh sáng, Phật là người phát ra ánh sáng. Giữa hai đầu chân mày là chỗ phát ra ánh sáng. Dưới không tới chân, trên không tới đỉnh, mà phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày tức biểu hiện pháp Nhất thừa là Trung đạo. Lông trắng là biểu hiện lý sáng rõ nên gọi là Bạch, giáo pháp không chút ẩn dấu nên gọi là lông.

Luận Trí Độ theo ý người Tiểu thừa giải thích về sợi lông trắng rằng: Duỗi ra thì dài năm thước, co lại thì như xoắn ốc. Kinh Quán Phật Tam-muội chép: Lúc làm Thái tử tướng ấy dài năm thước, lúc ngồi dưới gốc cây thì dài một trượng bốn thước năm tấc, lúc thành đạo thì dài một trượng năm thước. Duỗi ra thì trong ngoài có ánh sáng trắng tinh trong suốt, để yên thì không có ánh sáng và cuộn lại ở giữa hai đầu chân mày.

Có kinh chép: Sợi lông trắng ấy xoay quanh về bên phải như mặt trời giữa trưa, hoặc nói như bầu trắng cõi trời.

Ánh sáng, tức là phát ra ánh sáng, biểu thị trí tuệ bình đẳng như đuốc sắp chiếu nên thân phát ra ánh sáng trước. ánh sáng có hai nghĩa:

1. Khả năng soi sáng vật, dụ cho kinh này nói lên lý Nhất thừa.

2. Khả năng dứt tối tăm, biểu thị kinh này dứt trừ sự mê hoặc của Nhị thừa.

“Chiếu ở Phương Đông”, đây là chỗ ánh sáng chiếu đến, chỉ chiếu một phương này mà không chiếu chín phương khác, là biểu hiện chỉ có Nhất thừa, không có các thừa khác.

Trong mười phương mà chỉ chiếu phương Đông, bởi phương Đông là gốc của các phương, biểu hiện Nhất thừa là gốc của Ba thừa, xưa từ một nói ba, nay thu ba về một.

Nói “một muôn tám nghìn thế giới”: là biểu hiện nói quả Nhất thừa tròn đầy như một muôn, nhân của Nhất thừa chưa đủ như tám ngàn. Lại biểu hiện Nhất thừa chân thật nghĩa đầy đủ như muôn, ba thừa phương tiện chưa đủ như tám ngàn.

Lại nữa, giải thích thế giới có số lượng nhất định, đây là cảm ứng tương đồng, cảm của chúng sanh đã không đầy thì ứng của Chư Phật cũng không khắp.

Chẳng ở đâu không cùng khắp, thừa có mười nghĩa, mười tướng để biểu hiện:

1. Có nghĩa trên hết, dùng đầu để biểu hiện.

2. Có nghĩa Trung đạo, dùng tướng giữa hai đầu chân mày để biểu hiện.

3. Có nghĩa sáng rõ, dùng màu trắng để biểu hiện.

4. Có nghĩa không che giấu, dùng sợi lông giữa hai đầu chân mày để biểu hiện.

5. Có nghĩa trừ tối tăm, dùng ánh sáng để biểu hiện.

6. Có nghĩa không hai, dùng một phương Đông để biểu hiện.

7. Có nghĩa căn bản, dùng phương Đông là căn bản để biểu hiện.

8. Có nghĩa quả thừa đầy đủ, dùng số muôn để biểu hiện.

9. Có nghĩa nhân thừa chưa đầy đủ, dùng số tám ngàn để biểu hiện.

10. Có nghĩa nói về lý nhân quả cùng tận, dùng biến khắp để biểu hiện.

“Dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến cõi trời Sắc Rốt ráo”. Trên nói theo chiều ngang chiếu khắp việc Chư Phật, nay nói theo chiều dọc

chiếu khắp chúng sanh, chiếu địa ngục nói về khổ đáng thương xót, chiếu Hữu Đỉnh nói vui cũng vô thường. Đã là khổ, là vô thường, nên khiến chúng sanh chán ghét mà ngộ nhập Phật thừa.

“Ở cõi này mà đều thấy cõi kia”, đây là đoạn bốn nói đại chúng lúc ấy thấy điềm lành phát ra ánh sáng, gồm có bảy phần:

1. Thấy sáu đường.
2. Thấy hóa chủ.
3. Nghe giáo môn.
4. Thấy bốn chúng.
5. Thấy Bồ-tát.
6. Thấy Niết-bàn.
7. Thấy xây tháp thờ.

Hỏi: Vì sao Phật khiến đại chúng thấy bảy việc này?

Đáp: Bảy việc này là pháp môn rất ráo từ đầu đến cuối một đời giáo hóa của Chư Phật ở phương khác. Nay muốn dùng kia để nói đây, nói lên Đức Thích-ca nói Pháp Hoa cũng là pháp môn rất ráo giáo hóa trọn vẹn, do Đức Phật phát ra ánh sáng mà thấy được việc giáo hóa trọn vẹn ở các cõi, biểu hiện do Đức Thích-ca nói kinh Pháp Hoa mà nói lên môn rất ráo giáo hóa trọn vẹn.

Hỏi: Vì sao bảy việc lại gồm nhiếp cả sự giáo hóa trọn vẹn?

Đáp: Kinh Đại Phẩm chép: Các pháp không thật có, như thế có các pháp. Không thật có: bởi bản tánh tất cả các pháp là vắng lặng mà có như thế: các pháp tuy không thành có, nhưng do chúng sanh điên đảo mà thành có, từ đây có sáu đường sanh tử. Đã không thật có nhưng đối với chúng sanh thành có, nay muốn cho chúng sanh ngộ hữu là không thật có, nên kể là nói có Đức Phật xuất hiện ở đời, tức là bậc hóa chủ. Đã có bậc hóa chủ thì có nói giáo môn, đã có giáo pháp được bửu thọ trì có người bửu thọ giáo pháp.

Sau khi bửu thọ giáo pháp Ba thừa, đều thành Bồ-tát, thành Bồ-tát rồi tất cả việc giáo hóa đã xong và liền nhập Niết-bàn. Vì lợi ích chúng sanh nên xây tháp cúng dường. Cho nên nói bảy việc mà tóm thâu hết việc giáo hóa rất ráo trọn vẹn.

Phật ở một phương đã đầy đủ bảy việc như vậy, Chư Phật mười phương ba đời cũng đồng như vậy, nên hiện việc ở cõi kia để làm tướng nói kinh ở cõi này.

Nghĩa tuy có bảy mà không ngoài hai thứ:

1. Là việc của chúng sanh
2. Là việc của Chư Phật, tức sáu việc sau.

Việc của Chư Phật có sáu, việc của chúng sanh cũng có sáu, tức là sáu đường, cho nên chia thành mười hai việc.

Luận Pháp Hoa chép: Phiền não khác nhau, thanh tịnh khác nhau.

Phiền não khác nhau nên có sáu đường, thanh tịnh khác nhau nên có sáu việc của Chư Phật. Nay trước thấy chúng sanh sáu đường, bởi nói chúng sanh là gốc của bảy việc, nên thấy chúng sanh trước, cũng là theo sự tiếp nối của lời văn. Trên thì ánh sáng chiếu khắp cõi Chư Phật, kế đến là chiếu rõ việc chúng sanh, vì kế nối lời văn này nên nói thấy chúng sanh trước.

“Lại thấy các Đức Phật hiện tại ở các cõi ấy”: câu này là việc thứ hai thấy vị Hóa chủ.

“Và nghe kinh pháp của các Đức Phật ấy nói”, câu này là việc thứ ba nghe giáo pháp.

“Cùng thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ”, câu này là việc thứ tư thấy người lãnh thọ giáo pháp.

“Tu hành đắc đạo”, tuy có bốn chúng mà không ngoài nhân quả, tu ba môn học giới định tuệ là nhân, đắc bốn đạo quả là quả.

“Lại thấy các Bồ-tát ở cõi kia”: câu này là việc thứ năm thấy người tu pháp Nhất thừa thành Bồ-tát.

Bồ-tát có vô biên nhưng lược dùng ba môn để nhiếp chung tất cả.

1. Các thứ nhân duyên, là đời quá khứ chứa nhóm nhân làm nhân, bên ngoài gặp bạn lành làm duyên, mà nhân bên trong khác nhau, duyên bên ngoài chẳng phải một, nên nói là các thứ, đây là môn nhân duyên nhiếp Bồ-tát.

2. Các thứ tin hiểu: ban đầu gọi là tín, sau gọi là hiểu, độn căn gọi là tín, lợi căn gọi là giải. Trên đã nói nhập đạo mỗi loại đều có nhân duyên, nay nói nhập đạo có trước, sau, lợi, độn, vì thế dùng môn tin hiểu để nhiếp Bồ-tát.

3. Các thứ tướng mạo: Bồ-tát tu hành thì có tướng mạo, biểu hiện sự thực hành ở thân, miệng bên ngoài gọi là tướng, biểu hiện sự thực hành trong ý nghiệp gọi là mạo, vì thế dùng môn tướng mạo, để nhiếp Bồ-tát.

“Thực hành đạo Bồ-tát”, tổng hợp ba việc trên thì gọi là thực hành đạo Bồ-tát.

Luận Pháp Hoa: Dùng bốn nhiếp pháp mà nhiếp lấy chúng sanh gọi là hành đạo Bồ-tát.

“Lại thấy các Đức Phật nhập Niết-bàn”, câu này là việc thứ sáu thấy nhập Niết-bàn.

“Lại thấy Chư Phật sau khi nhập Niết-bàn”, câu này là việc thứ bảy thấy xây tháp thờ.

CHƯƠNG V:

Là phần Nghi vấn tựa, tức câu “Lúc bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc”. Sở dĩ có sự nghi hỏi là vì đã thấy điềm lành kỳ lạ nên biết có nói pháp phi thường, nhưng chưa lường hết lý do nên sanh nghi hỏi.

Hỏi: Kinh Niết-bàn, kinh Đại Phẩm cũng đều hiện điềm lành, vì sao không nói về nhân duyên điềm lành?

Đáp: Thích ứng sự giáo hóa là khác nhau, chẳng phải chỉ một cách. Lại nữa, kinh Đại Phẩm đều là xuất định hiện điềm lành, là Phật sắp nói pháp chẳng phải đợi lâu nên đại chúng không nghi ngờ. Còn như kinh Nhân Vương và kinh này đều là ở trong định mà hiện điềm lành, Phật đã nhập định Tam-muội, e rằng khi xuất định chưa rõ lý do, cho nên để chúng suy đoán điềm lành.

Hỏi: Vì sao đối với kinh này Phật nhập định hiện điềm lành mà không phải xuất định?

Đáp: Ba thừa chấp khó bỏ mà Nhất thừa khó tin, vì thế nhập định hiện điềm lành để phát khởi sự nghi ngờ, sau đó khiến ngài Di-lặc hỏi và ngài Văn-thù giải đáp.

Nói Phật xưa nói pháp, sau nói Phật Thích-ca tức khai mở dần sự tin hiểu bị tình thức che lấp, nghi ngờ, chê bai, rồi đức Thích-ca mới xuất định nói pháp. Văn chia làm hai phần, ý nghi ngờ và phát lời hỏi. Trước nói ngài Di-lặc nghi, sau nói đại chúng nghi. Ngài Di-lặc nghi có ba phần:

1. Nghi vì sao Phật hiện điềm lành, tức câu “Hôm nay đức Thế tôn hiện thân biến tướng”. Âm dương không thể so lường gọi là thân, sửa đổi việc thường gọi là biến, có sự biểu hiện gọi là Tướng. Câu “vì sao” chính là sanh nghi ngờ

2. Tìm người giải thích nghi ngờ, tức câu “Nay Đức Thế tôn đang nhập chánh định”, sự nghi này là do Đức Phật nhập định mà có. Đức Thế tôn đã nhập chánh định, sợ rằng xuất định chưa có lý do, cho nên không thể hỏi Phật.

“Là không thể nghĩ bàn”, hiện điềm lành này là sâu xa, tâm có thể suy nghĩ, miệng chẳng thể chẳng phải bàn luận, vì thế tự ngài Di-lặc không thể giải thích.

“Việc biến hiện ít có”, từ xưa không hề có nên gọi là ít có, do có ít có nên phải muốn biết, ba câu này là lý do muốn hỏi người khác. “Nay nên hỏi ai”, chính là tìm người để hỏi điều nghi ngờ, ai là người có khả năng, tức chuẩn bị bám víu cửa trí tuệ.

3. Tìm được người giải thích, tức câu “lại suy nghĩ rằng”, do có người giải thích nên nghi thứ hai trước liền hết, ở đây có hai phần:

a) Khen ngợi đức của ngài Văn-thù có thể giải quyết nghi ngờ. Câu “ta sẽ hỏi” trở xuống là hỏi.

Hỏi: Vì sao lại hỏi ngài Văn-thù?

Đáp: Đã nói quả Phật nhất thừa chỉ có Phật mới hiểu, nay Phật Thế Tôn đã nhập định nên không thể hỏi Phật. Ngài Văn-thù là Phật quá khứ, có thể thấu đạt việc Phật, cho nên hỏi ngài Văn-thù.

b) Như ngài Quán Âm cũng là cổ Phật nhưng chỉ hỏi ngài Văn-thù, bởi ngài Di-lặc và Văn-thù đời trước cùng ở chỗ Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nên được hỏi. Hỏi ngài Văn-thù được khai phát hai phần kinh, ngài Văn-thù dẫn việc Phật Đăng Minh hiện điềm lành thì được khai phát thừa phương tiện, thừa chân thật.

Ngài Văn-thù là thầy của Phật Nhiên Đăng tức được khai phát thân phương tiện, thân chân thật. Do sắp bỏ gần bày xa, nên trước đem việc gần mà che việc xa.

Lại, trước nói việc Phật Đăng Minh lược bỏ ba bày một, sau nói ngài Văn-thù là lược bỏ gần bày xa. Văn-thù thuở xưa là thầy, nay phương tiện làm đệ tử, tức nói lên Phật Thích-ca là đệ tử Phật Nhiên Đăng cũng là phương tiện làm thầy. “Lúc bấy giờ bốn bộ chúng”, đây là phần chúng sanh nghi ngờ. Ngài Di-lặc có đạo cao nên biết có người giải thích sự nghi, còn đại chúng đức kém nên chỉ nghi tướng lành của Phật mà không biết ai là người giải thích.

“Lúc bấy giờ ngài Di-lặc”, đây chính là phần phát câu hỏi, gồm có hai phần, trước là hỏi, sau xin giải đáp. Chính hỏi có hai phần, trước là văn xuôi chỉ lược hỏi, sau là kệ tụng hỏi rộng. Trong phần văn xuôi lại chia làm hai, trước hỏi hai điềm lành đầu, sau hỏi điềm lành phát ra ánh sáng. Hai điềm lành trước là điềm lành bên ngoài, là y báo, cũng là ý nghiệp hiện ra nên nói là tướng thân thông, vì thế hợp chung thành một câu hỏi. Phát ra ánh sáng là điềm lành bên trong, là chánh báo, lại là thân nghiệp nên thành một câu hỏi. Trong phần phát ra ánh sáng thì trước nói hiện điềm lành, sau nói thấy điềm lành, tức câu “đều thấy”.

“Bồ-tát Di-lặc, v.v...” đây là phần. Hỏi rộng bằng kệ tụng.

Hỏi: Vì sao các kinh đều có văn xuôi và kệ tụng?

Đáp: Văn xuôi và kệ tụng nói lược có mười thể và năm phần. Nói về mười thể, luận Thập Địa Tỳ-bà-sa do ngài Long Thọ soạn có chép:

1. Pháp tùy theo mỗi nước khác nhau, như Trung quốc có văn về tựa và minh, Thiên-trúc có nói rải hoa xâu hoa. (văn và kệ)

2. Sự ưa thích khác nhau. Luận ấy chép: Hoặc có người ưa văn xuôi hoặc có người thích kệ tụng, hoặc Thích-cả văn lẫn kệ, tùy theo sở thích khác nhau nên cũng theo mà không bỏ.

3. Sự ngộ khác nhau, hoặc có người nghe văn xuôi không ngộ mà nghe kệ lại ngộ, hoặc nghe riêng mỗi thứ thì mê mà nghe chung thì ngộ, cho nên nói cả hai.

4. Chỉ bày căn tánh có lợi, độn, người lợi căn vừa nghe liền ngộ, kẻ độn căn không hiểu nên phải nói lại mới ngộ.

5. Muốn biểu hiện Chư Phật tôn trọng chánh Pháp, ân cần cho đến một lời mà nói hai lần.

6. Khiến người đời sau sanh tâm tin đối với kinh, theo văn xuôi mà không hiểu hoặc sợ kinh có sai lầm, khi đọc bài kệ thấy giống như văn trước mới biết mình mê hoặc.

7. Muốn lời văn dễ hiểu mà chuyển cách nói pháp, giống như người sắp hết bệnh lại muốn ăn vị ngon.

8. Chỉ bày nghĩa vị có vô lượng, văn xuôi đã nói một mà kệ tụng thì nói hai.

9. Biểu thị con người bên trong có trí vô ngại, bên ngoài có lời nói vô phương, có thể tự tại co duỗi, rộng hẹp tùy duyên.

10. Nói về chúng nhóm họp trước sau, nên có văn xuôi và kệ tụng, như kinh Niết-bàn nói.

Hỏi: Các kinh khác không cần đầy đủ cả văn xuôi và kệ tụng, vì sao kinh này bao gồm cả hai?

Đáp: Là do thích ứng sự giáo hóa, như trên đã nói. Chỉ vì kinh này bắt đầu trái với Nhị thừa mà nói về Nhất thừa, vì khó tin khó hiểu nên phải ân cần lặp lại. Lại nữa, các kinh Đại thừa khác là giáo hóa cho Bồ-tát, Bồ-tát có căn tánh lạnh lợi nên chỉ nói một lần kinh này riêng vì người Nhị thừa, nhị thừa căn tánh chậm lụt nên phải nói hai lần.

Năm phần gồm có:

1. Bốn câu rộng và lược, văn xuôi rộng mà kệ tụng lược, vì để dễ trì tụng. Văn xuôi lược mà kệ tụng rộng, vì để giải nghĩa; văn xuôi và kệ tụng đều rộng, đều lược tức vì người độn căn nên nói hai lần, cũng là vì người đến sau.

2. Bốn câu có và không, văn xuôi không mà kệ tụng có, văn

xuôi có mà kệ tụng không, văn xuôi và kệ đều có, văn xuôi và kệ đều không.

Hỏi: Có và không tức là rộng và lược, vì sao lại giải thích riêng?

Đáp: Có và không khác với rộng và lược, như văn xuôi lược mà kệ rộng, văn xuôi hoàn toàn không nói mà kệ lại nói.

3. Bốn câu lia và hợp, văn xuôi hợp mà kệ tụng ly, văn xuôi ly mà kệ tụng hợp, văn xuôi và kệ đều hợp, văn xuôi và kệ đều lia.

4. Bốn câu trước sau, văn xuôi nói nghĩa ở trước, kệ tụng nói ở sau, nói nghĩa ở sau, kệ tụng nói ở trước, văn xuôi và kệ tụng đều ở trước, văn xuôi và kệ tụng đều ở sau.

5. Bốn câu “hỏi và dùng văn”, văn xuôi hỏi mà kệ tụng dùng văn, văn xuôi dùng văn mà kệ tụng hỏi, cả hai cùng dùng văn, cả hai cùng chất vấn, muốn dùng lời văn, xen hỏi nhau khiến người nghe vui mừng.

Năm phần này là để dễ hiểu mà chuyển cách nói pháp, dùng mười thể trước và năm phần sau quán thông cả các bộ, chẳng phải riêng kinh Pháp Hoa. Kệ có hai loại:

1. Thủ-lô kệ, (tên gọi để tính số văn tự kinh luận) gồm có ba mươi hai chữ, đây là phép đếm số kinh của nước ngoài. Dù văn xuôi hay kệ tụng nếu đủ ba mươi hai chữ thì gọi là một Thủ-lô.

2. Kết cú kệ, dùng bốn câu để làm bài kệ, dù bốn chữ hay bảy chữ cũng phải đủ bốn câu.

Kinh Niết-bàn chép: Bốn câu thành bài kệ thì gọi là Cú thể, Cú thể tức văn lưu hành trong thế gian đều dùng bốn câu làm một bài kệ. Cú thể có hai loại:

1. Già-đà, nghĩa là kệ cô khởi, cũng gọi là Bất Đẳng tụng.

2. Lộ-già, nghĩa là kệ tụng văn xuôi.

Có người chép: Nước ngoài gọi là Kỳ-dạ hoặc Kệ-dạ, nay lược bỏ chữ Dạ mà gọi thẳng là kệ, Hán dịch là Cú, Tụng.

Có người chép: Kệ là tiếng của Trung hoa, dùng để nói cho hết nghĩa thì gọi là kệ. Trong văn này gồm có năm mươi bốn bài kệ, chia làm hai phần:

1. Có bốn bài kệ nói về ba điềm lành và thấy điềm lành.

2. Có năm mươi bài kệ nói về điềm lành phát ra ánh sáng và thấy điềm lành.

Sở dĩ chia làm hai phần, bởi ban đầu hiện ra ba điềm lành ở cõi này, sau hiện điềm lành ở cõi khác, nên chia làm hai bài kệ tụng.

Hỏi: Vì sao hiện điềm lành ở cõi này và hiện ở cõi khác?

Đáp: Muốn biểu hiện đức Thích-ca vì chúng sanh ở cõi này mà nói pháp Nhất thừa, nên hiện điềm lành ở cõi này. Nhưng ba chấp khó bỏ, Nhất thừa khó tin, sợ chúng sanh cõi này không chịu tin, nên dùng kia để hiển đây, vì thế hiện điềm lành ở cõi khác. Ban đầu là điềm lành chính là nói, sau là điềm lành làm chứng.

Phần hiện điềm lành ở cõi này chia làm hai:

1. Kệ tụng hiện điềm lành.
2. Kệ tụng thấy điềm lành.

Phần hiện điềm lành chia làm ba:

1. Kệ tụng điềm lành phát ra ánh sáng.
2. Kệ tụng điềm lành rải hoa như mưa.
3. Kệ tụng điềm lành đất rung chuyển.

Hỏi: Trong phần văn xuôi trước nói mưa hoa, đất rung chuyển, sau nói phát ra ánh sáng. Vì sao phần kệ tụng trước nói phát ra ánh sáng, sau nói mưa hoa, đất rung chuyển?

Đáp: Kệ và văn xuôi mỗi thứ chỉ bày một nghĩa, văn xuôi từ sở hóa đến năng hóa, mưa hoa và đất rung chuyển là biểu thị chúng sanh sở hóa thành Phật, vì thế trước nói mưa hoa, đất rung chuyển. Sở hóa thành Phật là do năng hóa nói kinh, vì thế kế là ới phát ra ánh sáng.

Kệ tụng thì từ năng hóa đến sở hóa, do năng hóa nói kinh mà sở hóa mới được thành Phật, vì thế là bài trước tụng phát ra ánh sáng, sau tụng mưa hoa, đất rung chuyển.

Lại nữa, là do thế văn nối tiếp, ngài Di-lặc hỏi lời sau cùng là hỏi sự phát ra ánh sáng, vì thế sự gần bài tụng phát ra ánh sáng trước.

Gió thơm mùi Chiên-đàn, mưa hoa nói lên sự hiểu biết thất thừa, gió thơm biểu thị diệt hết mê hoặc của Nhị thừa, hoa trời che dơ uế, gió thơm diệt mùi hôi, cho nên đất ngoài được nghiêm trang thanh tịnh, biểu thị hiểu rõ Nhất thừa, diệt mê hoặc Nhị thừa mà trong tâm trang nghiêm thanh tịnh.

“Ánh sáng giữa hai đầu chân mày Phật”, đây là phần kệ tụng nói về hiện điềm lành ở cõi khác.

Hỏi: Trước đã hỏi về ánh sáng, sao nay lại hỏi nữa?

Đáp: Văn xuôi nói thẳng một lần ánh sáng chiếu khắp cõi kia, cõi này, nay ngài Di-lặc muốn chia ra nên nói hai lần ánh sáng. Ánh sáng trước là chiếu cõi này, nay kệ tụng là ánh sáng chiếu cõi khác, y cứ chiếu cõi này cõi kia nên chia thành hai lần ánh sáng. Vì thế phần kệ sau chép:

Phật phát một luồng sáng

*Tôi cùng cả chúng hội
Thấy ở cõi nước này
Các thứ thật tốt đẹp
Đây là ánh sáng cõi này.*

Lại chép: Phóng một luồng ánh sáng trong suốt, chiếu vô lượng cõi nước. Đây là ánh sáng cõi khác.

Hỏi: Vì sao cõi này có ba điềm lành mà cõi khác chỉ có một điềm lành phát ra ánh sáng?

Đáp: Một thời kỳ đức Thích-ca ra đời thì đạo duyên chúng sanh thích ứng thuần thực, Phật vì đó nói pháp Nhất thừa, nên có điềm lành năng hóa, sở hóa. Chúng sanh ở cõi khác chẳng phải do đức Thích-ca giáo hóa nên không có ba điềm lành, nhưng Phật muốn đem cõi kia để nói lên cõi này, phát ra ánh sáng chiếu đến, vì thế chỉ có điềm lành phát ra ánh sáng. Văn này cũng có hai phần, trước tụng điềm lành phát ra ánh sáng, sau là tụng thấy điềm lành.

“Đều ánh như sắc vàng”: cõi khác tuy có bảy việc mà đồng là nói đạo không hai, đem một sắc ở cõi kia để nói lên cõi này nói Nhất thừa. Lại, cõi kia cõi này đồng một đạo nên ánh sáng cõi này chiếu cõi kia, đem kia để làm chứng đây.

“Từ địa ngục A Tỳ, lên đến trời Hữu Đảnh”. Trước là tụng chiếu soi Chư Phật theo chiều hòa ngang, phần tụng nay là chiếu dọc suốt tất cả chúng sanh.

Trong văn xuôi nói là trời Sắc Cứu Cánh, nay gọi là trời Hữu Đảnh. Kinh Lô Thán chép: Sắc Rốt ráo ở trên đảnh của cõi Sắc.

“Trong các thế giới đó v.v...” đây là phần kệ tụng thấy điềm lành. Văn xuôi có bảy việc, nay kệ tụng có năm, là tụng giáo môn kiêm tụng bốn chúng; bài tụng xây tháp kiêm tụng Niết-bàn, tụng còn lại có năm việc.

Ngài Di-lặc chia làm ba môn.

1. Kệ tụng về chúng sanh, vị hóa chủ và giáo môn.
2. Kết việc trước, khởi việc sau.
3. Kệ tụng việc Bồ-tát và xây tháp.

Sở dĩ môn đầu tụng ba việc, bởi chúng sanh sáu đường là sở hóa, Chư Phật là bậc hóa chủ, kế theo kệ tụng về giáo môn. Đối tượng giáo hóa là người bệnh, hóa chủ là thầy thuốc, giáo môn là thuốc hay, ba việc này liên quan nhau nên là một loại tụng.

Lại, chúng sanh sáu đường là năng cảm, chủ và giáo môn là hai loại ứng hình, thanh năng cảm không ngoài chúng sanh sáu đường, năng

ứng chẳng gì là hình thanh. Lại nữa, sáu đường là người nghe, Chư Phật là người nói, giáo môn là pháp chân thật, được ba việc này thì sanh tử có hạn, cho nên chỉ tụng ba việc.

Trong các thế giới, tức là khí thế giới, chúng sanh sáu đường tức là chúng sanh thế gian, đây là một cặp y báo và chánh báo. Nghiệp duyên thiện ác trong đường sanh tử là nhân, thọ báo tốt xấu là quả, đây là một cặp nhân và quả.

“Nơi đây đều thấy rõ”, trên nói về ánh sáng năng chiếu và việc sở chiếu, chữ “đều” là sở kiến, đại chúng là năng kiến, đây là một cặp năng và sở. Do thấy việc chúng sanh nên dùng câu “đều thấy” làm lời kết.

“Lại thấy các Đức Phật, bậc Thánh chúa sư tử”, đây là phần kệ tụng về bậc hóa chủ.

Trung Luận chép: Bậc Thánh có ba loại:

1. Ngoại đạo năm thân thông.
2. Bích Chi, La-hán.
3. Bồ-tát Pháp thân.

Trong ba bậc Thánh này thì Phật là cao nhất, nên gọi là Thánh chúa. Đã là chủ của ba Thánh, lại là thầy của chúng sanh sáu đường, đối với phạm thánh được tự tại không sợ sệt nên gọi là Sư Tử.

“Đang giảng nói kinh điển”, đây là phần kệ tụng về giáo môn, văn có hai phần:

1. Kệ tụng về pháp luân căn bản Nhất thừa.
2. Kệ tụng về pháp luân ngọn ngành Ba thừa.

Chư Phật ở phương Đông đã có hai giáo môn này, nay dùng việc ấy để bày việc cõi này, nói Đức Thích-ca trước khi nói Pháp Hoa cũng có hai giáo môn này. Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản, sau đó nói Ba thừa là giáo pháp ngọn ngành. Kệ tụng pháp luân căn bản có ba phần:

1. Nói Phật nói Nhất thừa một phương.
2. Nói về tất cả Phật nói pháp thì đồng, xứ sở thì khác.
3. Nói về ý nghĩa của giáo pháp, tức nói chung tất cả Phật.

Giảng nói kinh điển, là giáo pháp Nhất thừa năng thuyên.

“Mầu nhiệm bậc nhất”, đây là lý Nhất thừa sở thuyên.

“Tiếng Chư Phật thanh tịnh, âm thanh thật êm dịu”: Đây là khen ngợi âm thanh có thể giảng nói giáo pháp. Quét sạch bụi trần gọi là thanh tịnh, thuận theo căn duyên gọi là êm dịu, đây là dụng của thanh.

Lại nữa, âm thanh của Phật không đục gọi là trong, tiếng của Phật không ồn gọi là tịnh. Tiếng Phật nhu hòa gọi là êm, không thô xắng gọi

là dụ.

“Chỉ dạy các Bồ-tát”, là chỉ dạy cho đối tượng hợp duyên, bởi pháp luân căn bản không lẫn lộn ba thừa nên chỉ gọi là Bồ-tát. Nói pháp Nhất thừa phải đủ bốn việc. Đó là văn năng thuyên, lý sở thuyên, âm thanh năng thuyên và Bồ-tát sở hóa.

“Tiếng Phạm âm sâu mầu”, đây là phần nói về nói pháp thì đồng, xứ sở lại khác. Trước khen ngợi âm thanh Phật thanh tịnh êm dịu nghĩa là giáo pháp xứng hợp duyên, nay nói “Khiến mọi người thích nghe” là căn cơ xứng hợp giáo Pháp.

“Chư Phật riêng mỗi cõi: tức nói Chư Phật ở chỗ khác nhau.

“Đang giảng nói chánh pháp”, tức nói đạo ấy đồng nhau.

“Dùng các thứ nhân duyên v.v...” đây là phần nói về ý nghĩa giáo pháp.

Nửa bài tựa trên là Phật nói giáo, nói giáo có hai:

1. Pháp

2. Thí dụ.

Nửa phần dưới là nói ý Phật nói giáo, ý Phật nói giáo cũng có hai phần:

1. Trên thì mở rộng pháp Phật.

2. Dưới thì lợi ích chúng sanh.

Nói theo Phật thì giáo có thể hiển lý như đèn chiếu sáng, lý là sở thuyên gọi là Phật pháp.

“Để khai ngộ chúng sanh”: đây là dưới làm lợi ích chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, do vô minh che lấp, tà kiến nghi ngờ nên Không ngộ Phật tánh. Chư Phật phá ải tà nghi, mở cửa vô minh khiến thấy Phật tánh, nên gọi là ngộ.

“Nếu có ai gặp khổ” v.v... đây nói về giáo pháp Ba thừa, tức pháp luân ngọn ngành. Chư Phật ở phương Đông vì chúng sanh căn tánh thấp kém không thể lãnh thọ

Nhất thừa, nên Nhất thừa mà nói thành ba, ý nói đức Thích-ca trước khi nói Pháp Hoa cũng vậy.

Pháp luân Nhất thừa có ba câu, nay pháp luân Ba thừa cũng có ba câu.

Các kinh sư xưa nói: Ba câu trước là nói chung về giáo, ba câu sau là nói riêng về giáo, do không hiểu pháp luân căn bản và pháp luân ngọn ngành nên mất ý chỉ của giáo. Tuy là một chương trong kinh mà thật là đại sự. Nếu trong Pháp Hoa có Hoa Nghiêm thì thành kinh sâu xa, nếu y theo bốn thời để giải thích thì thành giáo pháp nông cạn.

“Ngài Văn-thù-sư-lợi”, đây là kết việc trước khởi việc sau, ba câu kết việc trước, ba câu khởi việc sau.

Hỏi: Vì sao không thứ lớp hỏi bảy việc như văn xuôi mà lại kết việc trước khởi việc sau?

Đáp: Do ngài Di-lặc muốn nói lên Phật ở phương khác trước khi nói Pháp Hoa có ba việc:

1. Có chúng sanh sáu đường.
2. Có Chư Phật ra đời.
3. Nói pháp luân căn bản và ngọn ngành. Dem kia để hiển đây, nói Đức Thích-ca trước khi nói Pháp Hoa cũng có ba việc:

1. Có sở hóa là chúng sanh.
2. Có Đức Thích-ca ra đời.
3. Nói pháp căn bản là Hoa Nghiêm, nói pháp luân ngọn ngành là ba thừa.

Ba câu kết việc trước, tức là nói về việc trước khi nói Pháp Hoa. Ba câu khởi việc sau, tức là nói lên Phật ở phương khác sau khi nói Pháp Hoa. Trước khi nói Pháp Hoa gồm có pháp luân căn bản và ngọn ngành, sau khi nói Pháp Hoa cho đến Niết-bàn là gam ngọn về gốc, tức là pháp luân Nhất thừa. Nếu không kết việc trước khởi việc sau, thì không thể nói lên giáo môn Pháp Hoa có hai thời trước và sau.

“Nay sẽ nói lược: trên là việc rộng mà nói lược, việc rộng là chúng sanh sáu đường, vị hóa chủ và giáo môn. Nói lược là phần kệ tụng có ít. Nay thì việc lược mà nói rộng, việc lược là nói hai việc Bồ-tát và xây tháp. Nói rộng tức phần kệ tụng nhiều, bởi đối chiếu ở trước mà nói rộng, lược, căn cứ ở sau nói rộng lược tức là do thấy các Bồ-tát và việc xây tháp nhưng lại chép: “nay chỉ lược nói”, tức là thấy thì rộng mà nói thì lược. Như văn trước chép: “Cho đến trăm ngàn việc, tức là chúng nhiều, việc nhiều, mà nay nói lược nên gọi là lược.

“Tôi thấy cõi kia” v.v... đây là phần kệ tụng về Bồ-tát và việc xây tháp, việc Bồ-tát chia làm hai:

1. Tụng chung
2. Tụng riêng.

Tụng chung như trong văn, phân biệt tụng lược dùng ba môn để gồm nhiếp, Bồ-tát ở phương Đông tuy vô tận mà không ngoài ba hạng:

1. Bồ-tát thứ lớp hành sáu độ.
2. Bồ-tát ba nghiệp làm lợi ích.
3. Bồ-tát vô phương hành sáu độ.

Phần tụng đầu là các thứ nhân duyên; phần tụng giữa là các thứ

tướng mạo, phần tụng sau là các thứ tin hiểu.

Hỏi: Vì sao chỉ có phần kệ tụng Bồ-tát?

Đáp: Muốn nói Chư Phật ở phương đông ban đầu nói ba thừa, sau chỉ nói Nhất thừa, dùng kia để hiển đây, đức Thích-ca ban đầu nói Ba thừa, sau chỉ nói Nhất thừa. Đã nói Nhất thừa tức là chỉ dạy các Bồ-tát, cho nên kinh Pháp Hoa gọi là: “Giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ niệm”.

Từ đây trở xuống bao gồm phần kệ tụng ba hạng Bồ-tát. Trên nói rằng: “Chỉ dạy các Bồ-tát, muôn ức vô số vị”, nghĩa là Bồ-tát pháp luân căn bản.

Kế là nói: “Nếu có các Phật tử, tu tập các công hạnh”, đây là Bồ-tát pháp luân ngọn ngành trong ba thừa.

Nay đang nói là Bồ-tát Nhất thừa, tức gom gọn về gốc.

Hỏi: Vì sao Ba hạng Bồ-tát có rộng hẹp?

Đáp: Trong hai pháp luân trước chỉ có Bồ-tát trực vãng, pháp luân sau gom gọn về gốc thì có đủ hai hạng Bồ-tát.

Hỏi: Đã biết chỉ tụng Bồ-tát sao còn nói về sáu độ?

Đáp: Những thực hành của Bồ-tát thì không ngoài sáu độ, sáu độ là thể của nhân thừa.

Luận Trí Độ chép: Sáu pháp Ba-la-mật là thể của thừa. Nay muốn cho Bồ-tát nường xe báu ấy thẳng đến đạo tràng, nên nói về hạnh sáu độ.

Bố thí độ chia làm hai phần:

1. Ngoại thí.
2. Nội thí.

Ngoại dễ, nội khó nên nói từ dễ đến khó.

Ngoại thí chia làm hai phần:

1. Nói về thí tất cả.
2. Nói về thí đồ vật tốt đẹp.

Ba câu trước nói về hạnh bố thí, vui mừng bố thí là nói về địa vị bố thí, nên Thập hạnh trước Địa thì hạnh đầu gọi là hạnh Hoan hỷ, Sơ địa hành bố thí gọi là Vui mừng địa, nên biết đây là địa vị bố thí.

Hỏi: Thế nào là vui mừng thí?

Đáp: Như cha hiền cho con đồ vật tâm sanh vui mừng, Bồ-tát cũng vậy. Lại như người thế gian biết lửa sẽ đốt cháy nhà, nên lấy được của cải ra, nhà tuy bị cháy mà vật không mất nên chủ nhà vui mừng, biết thân sẽ hoại diệt nên dùng của cải bố thí và sanh vui mừng cũng thế.

“Hồi hương cầu Phật đạo”, trên nói về hạnh bố thí, nay nói về hạnh chuyển, nghĩa là dùng điều thiện bố thí này hướng về Phật đạo,

nên gọi là hạnh chuyển.

Hỏi: Vì sao phải hồi hướng?

Đáp: Kinh Tịnh Danh chép: Hồi hướng vì lợi ích lớn, nếu hồi hướng cho ba cõi hoặc Nhị thừa thì được lợi ích nhỏ, nếu đem điều thiện hướng về Phật đạo thì có lợi ích lớn, cho nên phải hồi hướng. Lại nữa, hướng điều thiện này đến tất cả chúng sanh cũng gọi là lợi ích lớn, nếu hướng điều thiện về mình thì phước rất ít, nếu hướng cho những người khác thì do họ có nhiều người nên điều lợi ích cũng lớn.

Lại nữa, hướng điều thiện này về thật tướng thì cũng gọi là lợi lớn, vì sao như vậy? Nếu không hướng thật tướng thì thành mê đắm không động không xuất, không gọi là thừa, lợi ích sẽ nhỏ. Nếu biết bố thí tức là thật tướng, thật tướng vô biên, bố thí phù hợp với lý thật tướng thì phước đức cũng vô biên. Hồi hướng thì có nhiều mà chỉ có ba điều quan trọng như trên.

“Nguyện chứng đắc Phật thừa”, ở trên nói về hạnh bố thí, nay nói về sự phát nguyện, hạnh bố thí như xe, phát nguyện như người lái xe.

Hỏi: Vì sao nói nguyện chứng đắc Phật thừa là bậc nhất trong ba cõi?

Đáp: Kệ tụng về nguyện đắc Nhất thừa ở cõi khác để làm tướng hành Nhất thừa của Bồ-tát ở cõi này, tức là dùng kia hiển đây, thâm thuyết Nhất thừa.

“Hoặc có vị Bồ-tát”, ở đây nói về bố thí tốt đẹp.

Hỏi: Trên đã nói bố thí xe, nay vì sao lại nói bố thí xe?

Đáp: Là dùng kia để hiển đây, nói về tướng Nhất thừa, cũng gọi là thí sau rốt, như Thái tử Tu Đại Noa, bố thí đồ vật đã hết sạch chỉ còn chiếc xe mình cỡi, có người đến xin và Bồ-tát cũng xả.

Chữ “hiên sức”, xe của đại thần gọi là hiên, che trên xe cũng gọi là hiên, nay nói hiên sức, thì biết đồ vật che xung quanh xe.

“Lại thấy có Bồ-tát”, v.v... đây là phần nói về nội thí, cũng chia ra hai phần là khinh thí và trọng thí. Sở dĩ nói nội thí, do trước đã nói về hai thứ ngoại thí, chỉ còn tự thân và vợ con, nên nay nói bố thí thịt thân mình và vợ con. Nói bố thí thịt thân mình là chỉ dùng thịt bố thí như vua Thi-tỳ, chỉ dùng thân bố thí như vua Trường Thọ.

Thuở xưa có vị vua, vì nước mất mà trốn vào rừng sâu, có người đến xin thân mạng, vua bố thí thân, khiến họ đem về nước kẻ thù.

Câu “Lại thấy có Bồ-tát” trở xuống là nói về trọng thí, như vua Quang Minh bố thí ngàn đầu, Bồ-tát-đề-bà bố thí mắt, Ma-ha-tát-đỏa bố thí thân.

“Điều vui mừng thí cho”, như người đem đồ bằng gạch đổi được bình báu tâm sanh vui mừng, bố thí thân thịt mà được pháp thân, ý nghĩa cũng vậy.

Hỏi: Vì sao không có nội ngoại thí?

Đáp: Trong kinh nói nội ngoại thí bao gồm tất cả thí, hoặc nói về ba thứ bố thí: nội thí, ngoại thí, nội ngoại thí. Nội ngoại thí, như Bồ-tát nhỏ thức ăn của mình thí cho ngựa quỳ.

Hỏi: Trong kinh Kim cương Bát-nhã nói về ba thứ bố thí, đây là loại bố thí nào?

Đáp: Kinh ấy dùng hạnh bố thí gồm nhiếp cả sáu độ, hạnh đầu là bố thí của cải, hai hạnh kế theo là bố thí vô úy, ba hạnh sau là bố thí pháp, nay đã có sáu độ riêng, chỉ là bố thí của cải mà thôi.

Hỏi: Lấy gì làm thể của bố thí?

Đáp: Luận Tỳ-đàm dùng vô tham tương ưng tư, khởi ở thân ng- hiệp, miệng nghợp xếp vào thể bố thí. Có người chép: Trong các tâm sở có tâm sở xả riêng gọi là thể của thí. Có người chép: Tâm bố thí, tài vật, cho đến người nhận, nhân duyên ấy hòa hợp gọi là thể của thí.

“Ngài Văn-thù Sư Lợi”, phần này nói về giới, trước là Bồ-tát tại gia, đây là Bồ-tát xuất gia, trước nói về hành thiện, nay nói về dứt ác.

Xưa có năm vị vua hỏi nhau về những điều mà họ ưa thích. Một người nói thích vườn rừng hoa quả, một người nói thích sắc đẹp phụ nữ, một người nói thích quân đội binh mã, một người nói thích săn bắn vui chơi. Chỉ có một vị đại vương lần nói lược về tai họa, hoa quả sẽ có khô héo rơi rụng, phụ nữ sẽ có ân ái xa lìa, quân đội thì có tranh đấu giết hại lẫn nhau, săn bắn thì trái với lòng tử bi, không bằng nhàm chán già bệnh chết mà cầu Niết-bàn thường an vui. Bốn vị vua nghe xong đều đến chỗ Phật xuất gia tu đạo.

Bồ-tát có ba loại giới.

1. Dứt tất cả ác tức giới nhiếp luật nghi.
2. Làm tất cả thiện tức giới nhiếp pháp thiện.
3. Độ tất cả chúng sanh tức giới độ chúng sanh.

Văn này nói Bồ-tát xuất gia, phải thọ đủ ba thứ giới trên, nhưng chưa thực hành hai giới kia, chỉ nói về giới nhiếp luật nghi.

Hỏi: Ba giới lấy gì làm thể?

Đáp: Có người chép: Giới đầu lấy dứt ác làm thể, hai giới sau dùng hành thiện làm thể. Điều này không đúng, nếu hai giới sau dùng hành thiện làm thể, thì lúc đầu thọ giới chưa tu hạnh độ người, lẽ ra chỉ thọ được một giới, vậy giới của Bồ-tát sẽ không đầy đủ.

Nay nói ba giới đều lấy dứt ác làm thể, giới đầu là dứt ác của oai nghi, giới thứ hai là dứt ác về không làm thiện, giới sau là dứt ác về không độ người. Vì thế lúc đầu là thọ đủ ba giới mà lúc sau mới thực hành pháp thiện và độ chúng sanh.

Hỏi: Vì sao chỉ nói ba thứ giới?

Đáp: Giới dứt tất cả ác thì về sau đắc quả không có lệ lụy nào không dứt hết. Giới làm tất cả việc lành sau được đức pháp thân chẳng có gì không tròn đầy, giới độ chúng sanh cũng giúp cho người khác được hai quả báo này, cho nên giữ gìn ba giới thì mình và người đều chứng pháp thân.

Hỏi: Giới lấy gì làm thể?

Đáp: Luận Tỳ-đàm lấy sắc thể, luận Thành Thật lấy phi sắc phi tâm làm thể, thí dụ tăng kỳ là nói lia suy nghĩ không có nhân báo, lia thọ nhận không có quả báo, cho nên lấy tâm làm thể. Nay nói Đại thừa thích ứng cơ duyên không có chấp nhất định, nếu có chấp nhất định thì thành tranh luận, rơi vào xiển-đề.

“Hoặc lại thấy Bồ-tát” v.v... đây là nói về nhẫn nhục độ, giữ giới tức tự mình không làm ác, hành nhẫn nhục là chịu đựng người khác đánh mắng, nhẫn nhục có ba thứ:

1. Người khác không lợi ích nhẫn.
2. An nhiên chịu khổ nhẫn.
3. Pháp tư duy nhẫn.

Nay nói rằng “ở một mình nơi vắng vẻ”, xa lia năm dục kiểm chế sáu căn, đó là an nhiên chịu khổ nhẫn và pháp tư duy nhẫn.

“Cũng thấy có Bồ-tát”, đây là nói về hạnh tinh tấn, tinh tấn có ba loại:

1. Mở rộng thế tinh tấn, do phát nguyện lớn.
2. Tập thiện tinh tấn, là tự tu các điều thiện.
3. Lợi ích chúng sanh tinh tấn: do độ chúng sanh.

Nay trong văn là nói hai phần tinh tấn trước. “Lại thấy người lia dục, thường ở chỗ trống vắng, sâu tu môn thiền định, đắc năm pháp thân thông”, đây là phần kệ tụng về thiền định, thiền có ba loại:

1. Hiện pháp lạc thiền, là trong tâm vắng lặng.
2. Sanh ra công đức thiền, là phát sanh bốn thiền định, năm thứ thần thông.
3. Lợi ích chúng sanh thiền, là độ chúng sanh. Nay trong văn chưa nói phần độ chúng sanh, nên chỉ là hai phần thiền trước mà thôi. Phần kệ đầu là nói về tu thiền đắc quả, phần kệ sau là nói động tĩnh như

nhau, Tiểu thừa chỉ nói tu Bốn thiền mới có công năng phát sanh thân thông, Đại thừa nói tất cả thiền định đều có công năng phát sanh thân thông.

Kinh chép: Bồ-tát hoặc đắc năm thông, hoặc đắc sáu thông, gồm có hai nghĩa:

1. Khi mới thực hành Bồ-tát chỉ đắc năm thông.
2. Bồ-tát pháp thân đắc sáu thông.

Lại, Bồ-tát đã hết phiền não nhưng vẫn còn thân phàm phu nên nói đắc sáu thông. Nhưng so với Phật vẫn còn chút tập khí nên nói đắc năm thông.

Câu kệ kệ: “Chấp tay trụ thiền định”: là nói về động tĩnh như nhau, tức là tĩnh mà có thể động, tâm an trong thiền định thì động thân chấp tay, miệng khen ngợi đấng Pháp Vương.

Nên, Kinh Tịnh Danh chép: Không khởi diệt định mà thể hiện các oai nghi.

Nước Tần có người biết sách tiếng Phạn chép: Nước ngoài gọi là an thiền, Hán dịch là chấp tay, vì vậy nêu cả hai nghĩa. Chính là thuộc về Tuệ hạnh, chẳng phải thiền môn. Nay cho rằng không đúng, nếu nêu cả hai thì trong văn thành phiền phức, giả sử muốn thành lời kệ thì phải nói rằng: “Cung kính chấp tay”, không thể một việc mà trình bày cả hai.

“Lại thấy có Bồ-tát, trí sâu chí bền chắc, thưa hỏi pháp với Phật, nghe hiểu mới thọ trì”: đây là phần kệ tụng nói về tuệ hạnh. Tuệ có ba loại:

1. Bậc nhất nghĩa Tuệ
2. Tuệ biết năm minh thế gian
3. Tuệ độ chúng sanh.

Nay trong ý văn thì đủ cả ba nhưng chưa nói về độ chúng sanh.

“Lại thấy có Phật tử, định tuệ đều đầy đủ, dùng vô lượng thí dụ, vì chúng mà giảng pháp”: đây là nói về ba nghiệp làm lợi ích. Có người chép: Vẫn thuộc về Bà-nhã độ, trước nói trên câu Chư Phật, nay nói dưới lợi chúng sanh, trong sáu độ thì phần đầu, phần sau nói rộng, phần giữa nói lược.

Có người chép: Trước nói Bà-nhã rồi, nay nói về phương tiện Ba-la-mật, làm sao biết? Phẩm Phát Thú trong kinh Đại Phẩm chép: Địa thứ bảy gọi là Đẳng định tuệ địa, địa thứ bảy thuộc về phương tiện, nay vẫn có định tuệ đầy đủ, tức là định tuệ bình đẳng, nên biết thuộc về phương tiện.

Nay nói về ba nghiệp làm lợi ích, tức là các thứ tướng mạo, thân miệng hiện bên ngoài gọi là tướng, ý nghiệp bên trong cũng nói lên gọi là mạo. Hai câu kệ đầu là nói về bậc Thánh nói pháp, tức miệng nghiệp làm lợi ích chúng sanh, kế có một bài kệ nói bậc Thánh vắng lặng:, tức là ý nghiệp lợi ích chúng sanh.

Kế có một bài kệ nói: “Ở rừng phát ánh sáng: là thân nghiệp cứu giúp. Lại nữa, ba nghiệp này làm lợi ích ba hạng người, ban đầu lợi ích Bồ-tát là thượng phẩm, kế đến là lợi ích trời, rồng là trung phẩm, sau cùng cứu vớt địa ngục là hạ phẩm. Lại nữa, hai lợi đầu là đại từ ban vui, lợi sau là đại bi cứu khổ, hai phần đầu là lợi ích trời người, phần sau là cứu vớt đường ác.

“Định tuệ đều đầy đủ”, là tịch chiếu tròn đầy, tức bên trong có đủ đức để nói pháp. “Dùng vô lượng thí dụ”, bên trong đã tịch chiếu tròn đầy, bên ngoài có biện tài vô ngại. “Ưu thích nói giáo pháp, chỉ dẫn các Bồ-tát”, thích sở đắc của mình, vui vì ban lợi ích cho bạn đồng hành. “Phá dẹp các binh ma, mà đánh rền trống pháp”, trên là nói lợi ích cho người, nay nói phá các tà kiến. Ma là bốn ma, binh chúng là mười quân. Bồ-tát nói pháp giúp người đắc đạo, phá ma phiền não mà được pháp thân, nên phá trừ ma năm ấm. Do hai việc đắc đạo và pháp thân nên phá ma chết. Do đắc Tam-muội Bất động nên phá trừ ma trời. Nói mười quân, tâm dục là quân thứ nhất, cho đến tự cao khinh người là mười quân. Dùng giáo pháp làm dùi, dùng lý làm trống, dùng lời khuyên nói là đánh rền.

“Lại thấy các Phật tử, không hề có ngũ nghĩ,v.v...”, đây nói về hạnh sáu độ vô phương, tức là các thứ tin hiểu. Nói chữ vô phương gồm có hai nghĩa:

1. Thích ứng cơ duyên trước sau không nhất định.
2. Căn tánh chẳng phải một nên việc làm không như nhau.

Nói sáu độ là gồm sáu hạnh, đây nói về hạnh tinh tấn, tinh tấn là gốc của các đức, Bồ-tát nghe việc này cho nên phát khởi thì gọi là hành. Luận Thành Thật chép: Thân tâm mờ tối nặng nề gọi là thùy, nhiếp tâm lìa giác gọi là miên. Luận Tỳ-đàm chép: có số Thùy miên riêng Mê đấm cảnh ở trước nên gọi là thùy, thân tâm mê muội duyên theo cảnh giới gọi là miên. Đại thừa cho rằng tất cả mê đấm hôn mê đều gọi là thùy miên, tâm Bồ-tát không đấm nhiễm thì gọi là không hề thùy miên, không động mà du hành gọi là kinh hành, niệm niệm thường tu tập vô sanh chánh quán gọi là Tinh tấn.

Hỏi: Trên có nói về tinh tấn, so với ở đây có gì khác?

Đáp: Trên là nói về siêng năng, nay là nói về dứt lỗi, trên nói về tĩnh tọa, nay nói về kinh hành. “Cũng tu đủ giới đức”, đây nói về giới hạnh, tinh tấn là siêng năng các hạnh, giới là nền tảng của muôn đức, trong đây ngăn ngừa phạm phũ, Nhị thừa có sở đắc xấu ác nên gọi là giới, giữ giới trọng gọi là đầy đủ giới. Không phạm điều ganh ghét xứng hợp oai nghi không thiếu sót, đối với giới có ba loại:

1. Thanh tịnh như châu báu.
 2. Tròn đầy không thiếu nên gọi châu báu.
 3. Giới đáng quý trọng nên như châu báu
- Hỏi: Trên đã nói về giới, so với đây có gì khác?

Đáp: Trên đã nói về việc khó xả mà xả được nên xả bỏ nhà cửa, nay nói về việc khó giữ mà giữ được, oai nghi không thiếu sót. Lại nữa, xuất gia là bắt đầu, giữ giới là kết thúc. Lại nữa, trên nói riêng về vị vua chúa, nay nói chung tất cả. “Lại thấy các Phật tử, an trụ sức nhẫn nhục”: đây là nói về độ nhẫn nhục. Trong đây nói Bồ-tát nhẫn nhục, vì thấy có chúng sanh nên có thể chịu đựng được, vì biết chúng sanh rất ráo không sanh gọi là vô sanh nhẫn, pháp nhẫn cũng vậy. Kinh A-hàm chép: Có sáu thứ lực:

1. Trẻ con lấy khóc làm sức mạnh, khi muốn đòi hỏi việc gì trước là khóc.
2. Người nữ dùng giận dữ làm sức mạnh, khi muốn đòi hỏi việc gì trước là giận dữ.
3. Quốc vương lấy kiêu ngạo, giàu sang làm sức mạnh.
4. La-hán lấy tinh tấn làm sức mạnh.
5. Chư Phật lấy đại bi làm sức mạnh.
6. Tỳ-kheo lấy nhẫn nhục làm sức mạnh.

“Bị kẻ tăng thượng mạn, mắng chửi và đánh đập”, đây là thmaß phá Tiểu thừa, người Tiểu thừa chấp chặt tự cho mình đã rất ráo, gọi là tăng thượng mạn, cây roi đánh ngựa gọi là quất, đánh.

Hỏi: Trên đã nói về nhẫn, so với đây có gì khác?

Đáp: Trên nói về ức chế tình thức bên trong gọi là an khổ nhẫn, nay nói không động bởi duyên bên ngoài gọi là tha không lợi ích nhẫn, trên chỉ nói Tỳ-kheo, nay nói chung cả đời và đạo, trên nói ở trong rừng suối, nay nói ở cả thành ấp. “Lại thấy “Bồ-tát, xa rời sự vui chơi, v...”, đây nói về hạnh thiền định. Xa rời sự vui chơi là tránh xa duyên tạp loạn. “Tránh quyến thuộc si mê”, bởi chúng sanh chưa thể độ được. Hai câu xa rời này là nói về thân xa rời, “nhất tâm trừ não động” là nói về tâm xa rời. “Trải ngàn muôn ức năm, để cầu chứng Phật đạo”, đây

là nói về ý tu tập thiền định. Kinh Tịnh Danh chép: Không ở nơi ba cõi mà hiện thân, ý, đó là Bồ-tát thiền, do thấu đạt thân tâm xưa nay là bốn bất, không thấy thân ý, không bị thân ý làm loạn động. Khác với Thiền độ trên: Ở phần kệ trên nói tu thiền đắc quả, nay chỉ nói nhân hạnh tu tập vắng lặng, ở trên nói người lợi căn thấy rõ lý, nay nói hạng độn căn dựa vào thầy hướng dẫn. Hoặc thấy vị Bồ-tát, dâng thức ăn ngon quý, cùng trăm thứ thuốc men, lên cúng Phật và Tăng, v.v...”, đây là nói về độ bố thí. Kinh Niết-bàn chép: Nếu khởi tâm Nhị thừa không bố thí, đó là phá giới tà kiến. Nếu dùng tâm phàm phu thấy có người cho, vật cho và người nhận, cũng là phá giới, tà kiến. Nay hiểu rõ ba việc là tự nhiên mà thường vắng lặng, chính là siêu phàm nhập Thánh, là giữ giới, chánh kiến bố thí. Có năm phần riêng:

1. Bố thí thức ăn và thuốc men.
2. Bố thí y phục
3. Bố thí giường ghế, mền nệm.
4. Bố thí vườn rừng.
5. Một bài kệ tổng kết ý bố thí

Nói thức ăn ngon, đó là thịt xắt nhuyễn, kinh này chưa chế không được ăn thịt, nên nói Bồ-tát bố thí thịt. Từ phẩm Tứ Tướng trong kinh Niết-bàn trở đi là đã dứt ăn thịt, đến phẩm Đại Chúng Vấn có việc Thuần-đà đem các thức ăn ngon đến, vì Thuần-đà trở về nhà từ phẩm Ai Thán, nên đến phẩm Tứ Tướng không nghe chế giới. Phẩm Đại Chúng Vấn chép: Thức ăn không khác, đồng biến thành thức chay. “Y phục quý giá ngàn muôn”: ca sa của ngài Ca-diếp trị giá mười muôn lượng vàng, được dâng lên Phật. Kỳ Vực dâng Phật y nhuộm màu ngọc báu cũng giá trị mười muôn lượng vàng, Phật dạy ngài A-nan cắt rọc may thành ca sa khác với bố thí độ ở trên là: Trước nói bố thí cho bốn loài, nay nói cúng dường Ba Bảo nên có khác nhau, trên nói về nội thí ngoại thí, nay chỉ nói tài thí. “Lại thấy vị Bồ-tát, giảng nói pháp vắng lặng”, đây nói về Bát-nhã độ, gồm có ba hạng người: Ban đầu nói về pháp vắng lặng tức là diệu pháp nhất thừa trong kinh này, vì thế phẩm Phương Tiện chép: “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng”. Dùng đủ lời hướng dẫn, dạy vô số chúng sanh”, như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt dùng sáu trăm muôn ức pháp môn để nói cho Thường Đề. Lại như ngài Tịnh Danh dùng ba cấp để nói về không hai:

1. Các Bồ-tát dứt hết các hai mà nói không hai, chưa nói về không hai vô ngôn
2. Ngài Văn-thù tuy nói không hai vô ngôn, mà còn nói ở không

hai.

3. Ngài Tịnh Danh nói không hai vô ngôn, mà có thể vô ngôn ở không hai. Cho nên chép: “dùng đủ lời hướng dẫn”. “Hoặc có vị Bồ-tát, quán sát các pháp tánh”, đây nói về hạnh quán pháp, do tánh của tất cả các pháp vốn chẳng có hai tướng, tức nói lên chỉ có Nhất thừa. “Lại thấy các Phật tử, tâm chẳng hề chấp đắm”, đây là nói về hạnh không mê đắm. Trước nói hiển bày Nhất thừa, nay phá chấp Ba thừa, trước nói không hai, nay cũng chẳng chấp không hai. Kinh Hoa Nghiêm chép: Chẳng đắm chấp pháp không hai, do không có một và hai. Lại nữa, hợp ba hạng người thành hai, ban đầu nói người tu Bà-nhã, kế là nói người thực hành Bát-nhã. Nói Trung đạo không ngoài ba cấp, như nhập pháp môn không hai, thực hành Trung đạo không ngoài hai quán pháp:

1. Quán không hai.

2. Quán không mê đắm.

Trên nói về bậc Thánh nói pháp, nay nói về bậc Thánh im lặng.

Hỏi: Kinh nói về mười độ, so với sáu độ có khác nhau?

Đáp: Trong kinh chia ra hai đoạn:

1. Ba độ trước lấy phương tiện làm bạn.

2. Ba độ trước làm bạn với ba độ sau, nguyện làm bạn với tinh tấn, lực làm bạn với thiền, trí làm bạn Tuệ.

Gọi chung là Độ gồm có:

1. Thời độ, nghĩa là đủ ba A tăng kỳ kiếp.

2. Quả độ, là đắc quả Bồ-đề.

3. Thanh tịnh độ, là suy xét cùng tận thật tướng.

Trong mỗi độ gồm có bốn trường hợp:

1. Là thí chẳng phải trong hai tăng kỳ kiếp đầu thực hành bố thí.

2. Là độ chẳng phải thí, tu tập các hạnh khác trong tăng kỳ kiếp thứ ba.

3. Vừa độ vừa thí, trong tăng kỳ kiếp thứ ba thực hành bố thí.

4. Chẳng phải thí chẳng phải độ, tu tập các hạnh khác trong hai tăng-kỳ kiếp đầu.

“Thừa Bồ-tát Văn-thù, lại thấy vị Bồ-tát, sau khi Phật diệt độ, cúng dường Xá-lợi Phật”. Đây là phần kệ tụng nói về Bồ-tát xây tháp.

Hỏi: Vì sao hai đoạn trước đều nói về Bồ-tát?

Đáp: Muốn nói lên từ lúc nói kinh Pháp Hoa trở đi, đến Niết-bàn đều là nhiếp ngọn về gốc, không có khác nhau giữa năm thừa, nên đều là Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao trước nói Bồ-tát, nay nói Niết-bàn?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1. Muốn nói Bồ-tát thực hạnh nhân mà được quả niết bàn.
2. Muốn nói lên Pháp Hoa là giáo pháp rốt ráo, nói pháp rốt ráo rồi liền nhập Niết-bàn.
3. Nói Pháp Hoa rồi nhập Niết-bàn, khiến chúng sanh lúc ấy luyến tiếc, sau nghe pháp nhất thừa thì liền tin nhận.

Hỏi: Vì sao có hai chương nói về Bồ-tát?

Đáp: Ban đầu nói lúc Thế tôn còn tại thế tu hạnh Bồ-tát, nay nói sau khi Phật diệt độ tu hạnh Bồ-tát. Lược nên hai môn này để gồm nhiếp tất cả hạnh. Trong văn có bảy hàng kệ chia làm hai phần: 1. Một hàng nói về cúng dường Xá-lợi, như sau khi Đức Thích-ca nhập Niết-bàn. Từ rừng Sa-la đem Phật về chùa Thiên Quan an trí bảy ngày mà cúng dường toàn thân Phật, đợi sau bảy ngày ngài Ca-diếp về mới hỏa táng, cúng dường thân đã nát vụn chính là xây tháp cúng dường. Lại nữa, cúng dường Xá-lợi gồm có hai cách:

1) Cúng dường trực kế không xây tháp, dùng hợp bằng bảy thứ báu đựng Xá-lợi như cúng dường thân Phật.

2) Dựng tháp cúng dường.

1. Có sáu hàng kệ nói về xây tháp miếu.

Hỏi: Người phàm phu ở thế gian cũng có xây tháp, có gì khác so với xây tháp ở đây?

Đáp: Bồ-tát biết tháp là do nhân duyên tạo thành, tức là tánh vắng lặng, tuy có vận dụng mà thật không có làm, tức đầy đủ bốn trí, trong sáu hàng kệ lại chia làm hai phần:

1. Bốn hàng kệ đầu là nói về xây tháp.

2. Hai hàng kệ sau là giải thích nghi ngờ.

Bốn hàng kệ đầu chia ra như sau: Hàng kệ đầu nói về xây tháp, hàng kệ thứ hai nói về chiều cao chiều rộng, hàng kệ thứ ba nói về trang hoàng tháp. Hàng kệ thứ tư nói về cúng dường tháp. Bồ-tát xây tháp gồm có hai nghĩa:

1. Cúng dường Xá-lợi.

2. Lợi ích chúng sanh.

Ba hàng kệ trên nói về cúng dường Xá-lợi, một hàng kệ sau nói về trời rồng cúng dường, tức lợi ích cho chúng sanh. Kế là giải thích nghi ngờ, trên nói tô điểm cõi nước, như vậy xây tháp chính là làm trang nghiêm cõi nước chẳng phải cúng dường pháp thân.? Vì thế nay nói vì tôn trọng pháp thân mà cúng dường Xá-lợi, cõi nước tự nhiên tốt đẹp trang nghiêm.

Nói “Như cây Thiên thọ vương, bông hoa đang bùng nở”, đó là dùng thí dụ để giải thích sự tốt đẹp. Hoa nở vốn vì kết trái, mà cây tự nhiên trang nghiêm, xây tháp vốn là cúng dường thân Phật, mà cõi nước tự nhiên tốt đẹp.

Lại nữa, giải Thích-cây nở hoa, là vô tâm khiến người ưa thích, nên người tự nhiên ưa thích; xây tháp là vô tâm trang nghiêm cõi nước, mà cõi nước tự nhiên trang nghiêm, cũng là dùng thí dụ đây để giải thích sự tốt đẹp trang nghiêm đã nói trên mà thôi.

Cây thọ vương nở hoa là tốt đẹp đáng ưa thích, cõi nước có tháp cũng là tốt đẹp mẫu nhiệm.

“Phật phát ra ánh sáng sáng”, từ câu kệ này trở xuống là nói cầu xin giải đáp, văn gồm có hai phần:

1. Thấy điềm lành sanh nghi nên xin giải đáp.
2. Suy lường về điềm lành chưa rõ nên xin giải đáp.

Sở dĩ có hai phần này là do trước nay thấy nghe mà không rõ nên xin giải đáp, trong tâm suy lường cũng chưa hiểu được nên lại xin nữa, vì thế chia làm hai phần thưa thỉnh. Ban đầu nói thấy nghe mà không rõ là bao gồm cả đại chúng, kế nói suy lường mà chưa hiểu là nói riêng ngài Di-lặc, do đại chúng chưa thể suy lường, còn ngài Di-lặc thấy tướng mà không rõ, chưa thể quyết định được nên xin giải đáp, vì có hai người nên chia thành hai lần thỉnh. Lại nữa, sở dĩ chia ra làm hai nghĩa này, bởi lúc đầu từ phạm phu cho đến bậc Bồ xứ đều thấy điềm lành mà sanh nghi, lại suy lường mà chưa hiểu, nên biết điềm lành là phi thường biểu hiện pháp được nói phải là lớn, tất cả đều kinh hãi mà sanh ý tưởng khó gặp, khiến sau khi nghe pháp liền tin nhận. Trong văn lại chia làm ba ý:

1. Ba bài kệ đầu nói việc nghi ngờ dẫn đến xin cầu.
2. Một bài kệ kế nói ý đại chúng xin đáp.
3. Một bài kệ sau là xin thúc dục đáp.

Hai bài rưỡi kệ là nêu việc nghi ngờ, nửa bài kệ sau là xin đáp. Trên nói hiện ba điềm lành, nay chỉ nêu việc phát ra ánh sáng, là do trong ánh sáng hiện ra nhiều việc, ánh sáng cũng là gốc của các điềm lành.

Hỏi: Vì sao nói ánh sáng hai lần?

Đáp: Muốn nói lên ba điềm lành có chung và riêng, mưa hoa, đất rung chuyển chỉ hiện ở cõi này, điềm lành phát ra ánh sáng là bao gồm cõi này và cõi khác.

Hỏi: Mưa hoa, đất rung chuyển hiện vang cõi này có ý nghĩa khác

nhau không?

Đáp: Nói theo văn, mưa hoa chỉ có ở hội này, nên nói rằng: “Rải trên Phật và đại chúng” Đất rung chuyển thì nói rằng: “Thế giới này sáu lần rung chuyển”, ánh sáng chiếu cả cõi này cõi kia, như vậy thì điềm lành mưa hoa là giới hạn nhỏ nhất, kể đến là đất rung chuyển, sau là ánh sáng chiếu khắp.

Hỏi: Vì sao có ba cấp bậc này?

Đáp: Nay nói Pháp Hoa chính là khiến bốn chúng trong hội này ngộ đạo, nên mưa hoa chỉ rơi một chỗ, cũng khiến cho trời, người trong sáu đường ở cõi Ta-bà do đức Thích-ca đứng đầu đều ngộ đạo, nên một thế giới mà sáu lần đất rung chuyển, đem kia hiển đây nên có ánh sáng chiếu cõi khác.

Hỏi: Vì sao đoạn văn này chỉ khen ngợi ánh sáng?

Đáp: Gồm có hai nghĩa:

1. Muốn khen ngợi thần thông ít có của Phật, tức khen ngợi Phật thừa khiến người bốn thừa vui thích kính mến.

2. Muốn biểu hiện nói Nhất thừa nên khen ngợi một điềm lành ánh sáng.

“Bốn chúng đều mong đợi”: đây là nói ý đại chúng muốn cầu giải đáp. “Nhìn ngài và nhìn tôi, tôi hỏi xin Ngài đáp, giải nghi cho chúng mừng, Phật phát ra ánh sáng như thế, được những lợi ích gì”: đây là nghi vì sao phát ra ánh sáng này, hỏi ánh sáng mở rộng những gì? “Bồ-tát kịp thời đáp”, đây là xin làm lợi ích, do nghi là giải thích liền được lợi ích nên xin cầu Bồ-tát kịp thời đáp.

“Khi Phật ngồi đạo tràng, chứng pháp được sâu mầu”, đây là ngài Di-lặc suy nghĩ về điềm lành. Nếu ngài Di-lặc không biết, thì cũng như người Nhị thừa phạm phu và các Bồ-tát ở địa vị thấp đâu có gì khác. Nhưng ngài đã là địa vị Bồ xứ, suy nghĩ biết Phật nói pháp lớn, nhưng chưa biết nói pháp gì nên cầu giải đáp mà thôi, văn này có ba ý:

1. Suy lường điềm lành biểu hiện sắp nói pháp lớn.

2. Suy lường biểu hiện điềm lành chẳng phải uyên nhỏ.

3. Chưa dám quả quyết nên lại xin giải đáp nữa.

Phật ngồi đạo tràng chứng pháp sâu mầu là quả Nhất thừa, sắp thọ ký là nói nhân của Nhất thừa. Lại nữa, Phật ngồi đạo tràng là nói lên Nhất thừa, sắp thọ ký là phá ba thừa.

Hỏi: Ngài Di-lặc suy lường có đúng với tướng hiện điềm lành hay không?

Đáp: Đúng là phù hợp, phát ra ánh sáng là biểu hiện nói quả đại

tuệ bình đẳng, vì thế nói Phật ngồi đạo tràng chứng pháp sâu mầu. Mưa hoa, đất rung chuyển là biểu hiện chúng nghe pháp được thành Phật, vì thế nói thọ ký. Thọ ký ba hạng căn cơ, trong ba châu phẩm Pháp Sư nói thọ ký chung cho tất cả phàm phu, nhưng phát ra ánh sáng là biểu hiện chứng quả pháp ở đạo tràng, vậy ngài Quang Trạch không nên nói phần đầu kinh là nói về nhân, sẽ mất đi ý điềm lành phát ra ánh sáng. Trong phần biểu hiện điềm lành, ban đầu hiện y báo của Phật, sau hiện chánh báo, tức là thấy Chư Phật. Điềm lành biểu hiện là nói cả y báo chánh báo của Phật, tức biểu hiện chính là nói quả Phật, chẳng phải nói về nhân, cho nên chỗ biểu hiện bao gồm cả nhân quả, có thể biểu hiện y báo chánh báo. Trong ba câu kết thúc lời xin có lặp lại ý đại chúng, một câu nói về tông chỉ của điềm lành. Ngài Quang Trạch chép: Ngài Văn-thù có bốn thứ điều phục khó để ngăn lời xin, ngài Di-lặc giải thích bốn điều khó để trình bày sự nghi ngờ. Nay cho rằng bốn điều phục khó này là ý cạn mà văn quanh co, phải nên bỏ đi. Ngài Di-lặc đạo thấp mà còn thấy rõ đại chúng nghi ngờ, hướng chi là ngài Văn-thù đức cao đâu thể nói không thấu đạt! Ngài Di-lặc tự nghi ngờ và thêm đại chúng nghi chính là hợp lý, đâu có gì khó thông. Nếu văn này là giải thích điều khó, thì phần sau ngài Xá-lợi-phất xin rằng: “Thời là như thật nói”, cũng phải là giải thích điều khó. Đoạn sau không đúng, thì nay đâu phải giải thích điều khó.

“Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù Sư Lợi nói với ngài Di-lặc cùng các vị đại sĩ rằng, v.v...”, đây là ngài Văn-thù giải đáp, tức phần thứ sáu “giải đáp tựa”. Trước nói dùng cội kia nói lên cội này, nay ngài Văn-thù đem việc xưa để làm chứng việc ngày nay. Đem cội kia hiển bày việc cội này, tức là đức Thích-ca phát ra ánh sáng, ngài Di-lặc nói kệ, đem bày việc ở phương khác mà nói lên cội này nên nói pháp Nhất thừa. Ngài Văn-thù đem việc xưa để làm chứng việc ngày nay, tức là nói Phật xưa nói trước, đức Thích-ca thuận theo nói sau.

Hỏi: Vì sao đem cội kia hiển bày cội này, đem việc xưa làm chứng việc nay?

Đáp: Đem kia hiển địa, là muốn nói lên Chư Phật mười phương có đạo giống nhau: dẫn việc xưa làm chứng việc nay, là nói Phật pháp ba đời chẳng khác nhau. Sở dĩ nói như vậy, là do tâm Tiểu thừa khó bỏ mà Đại pháp khó tin.

Hỏi: Vì sao đức Thích-ca phát ra ánh sáng mà ngài Di-lặc nghi ngờ, ngài Văn-thù giải đáp?

Đáp: Đức Thích-ca hiện điềm lành nghĩa là Phật hiện tại, ngài Di-

lặc nghi ngờ tức là Phật vị lai, ngài Văn-thù giải đáp là Phật quá khứ, ba vị Thánh đồng hội Linh Sơn, cùng khai phát đạo Nhất thừa. Ba vị Phật nói có thứ lớp, Phật hiện tại hiện điềm lành là nói lên nói quả thừa rồi ráo, Di-lặc là người ở địa vị nhân tương lai còn chưa thấu đạt quả thừa, cho nên Phật đương lai phải nghi ngờ, cầu Phật xưa thông đạt việc xưa, tức Phật quá khứ giải thích điều nghi. Tuy có ba vị Phật nhưng chỉ có hai việc, Phật hiện tại hiện điềm lành là thần thông luân, ngài Di-lặc hỏi, ngài Văn-thù đáp là nói pháp luận, tức là dùng tay áo, bàn ghế cứu con ra khỏi nhà lửa. Lại nữa, ban đầu là Phật phương tiện, chính là muốn nói giáo, hai Phật sau là Bồ-tát phương tiện, phát khởi giáo pháp. Lại nữa, đức Thích-ca là Hòa thượng, Văn-thù là A-xà-lê, Di-lặc là Giáo thọ sư, ba vị này là Bồ-tát Giới sư của chúng sanh trong hai đời, cùng mở rộng đạo Nhất thừa để lợi ích chúng sanh. Lại nữa, ba vị này thời quá khứ đã cùng học kinh Pháp Hoa với Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nay muốn báo ân Đức Phật nên cùng khai pháp Nhất thừa. Văn chia làm hai phần, ban đầu là chánh đáp, sau có hai phần kệ là khai phát tâm sanh và sau Phật tự nói tức từ câu: Các người nay sẽ biết” trở xuống phần đầu chánh đáp cũng có hai phần là văn xuôi và kệ tụng, văn xuôi gồm có bốn phần:

1. Đáp môn khiêm nhường.
2. Dẫn việc để lược đáp.
3. Rộng dẫn việc xưa làm chứng việc nay.
4. Kết thúc lời đáp rõ ràng.

Bốn lời đáp này là từ ẩn đến rõ, lần lượt giải thích. Ngài Di-lặc đạo đã cao mà còn suy tôn ngài Văn-thù, nên ngài Văn-thù phải khiêm nhường. Tuy ngài Văn-thù nói tự mình suy lường mà biết nhưng chưa có việc để làm chứng, vì thế dẫn việc quá khứ để trả lời. Nhưng dẫn chung việc quá khứ chưa biết là vị Phật nào, nên dẫn riêng Phật Đăng Minh. Dẫn việc xưa để làm chứng việc nay, nay cần gì phải giống xưa, vì thế phần thứ tư có kết thúc lời đáp rõ ràng. Nói đáp môn khiêm nhường, bởi ngài Văn-thù tích ở địa vị tu nhân, trí vẫn chưa mãn,, mà nay muốn dùng thấp để suy lường cao, nên phải khiêm nhường. Lại nữa, ngài Di-tặc hoài nghi, ngài Văn-thù suy lường, tức biết việc sắp biểu hiện là lớn, tăng thêm tâm cung kính của đại chúng. Lại nữa, pháp của bậc đại nhân chỉ bày không có tự cao, kiêu căng ngạo mạn nên tuy hiểu mà khiêm nhường.

“Ngài Văn-thù Sư Lợi”: là nêu người chủ năng đáp “nói với ngài Di-lặc”: là người đối chất nghi vấn. “Cùng các vị đại sĩ”, là tám muôn

Bồ-tát từ ngài Di-lặc trở xuống. “Các người thiện nam”, là bốn chúng Thanh văn, Trời rồng tám bộ chúng.

“Như nay ta xét nghĩ”: là nói lời khiêm nhường, chữ tư là suy nghĩ, chữ thốn là tìm cầu.

“Nay đức Thế tôn,v.v...”, là việc suy lường phát xuất ra, sách xưa chép: Trong năm câu dưới đây thì hai câu trước và sau đều là nói một pháp, ba câu giữa là ví dụ, năm câu gồm có:

“Muốn nói pháp lớn”, đây là đoạn đầu kinh bỏ Ba thừa bày Nhất thừa.

“Nói nghĩa pháp lớn”, là đoạn sau kinh bỏ gần bày xa. Lại nữa, đoạn đầu lược bỏ ba bày một, đoạn sau lược bỏ gần bày xa. Nói nghĩa pháp lớn, là ban đầu rộng bỏ ba bày một, về sau rộng bỏ gần bày xa.

“Tuôn mưa pháp lớn”: đây là nằm trong ba câu thí dụ, bao gồm hai nghĩa sau:

Thối loa pháp lớn, thối loa là để đổi danh hiệu, tức dụ cho đổi danh hiệu ba thừa.

Đánh trống pháp lớn, đánh trống là dạy binh lính ngay ngắn, ví dụ cho lý thật tướng để bỏ danh hiệu ba thừa, tức mở bày pháp môn phương tiện.

Nói lý thật tướng tức nói lên nghĩa chân thật, đoạn sau là bỏ danh hiệu gần để bày lý xa. Nói tuôn mưa pháp lớn là thấm ướt cây khô Nhị thừa, để sanh trưởng hiểu biết về Nhất thừa, chung cho cả hai đoạn trên.

Nay y theo văn kinh hợp năm câu này chia ba loại:

1. Nói về thể của Đại pháp tức câu đầu.
2. Nói về dụng của Đại pháp tức là ba câu giữa
3. Câu sau nói về nghĩa của Đại pháp.

Chỉ nói ba nghĩa này, bởi muốn nói thì phải đủ ba thứ:

1. Giáo thể
2. Giáo dung
3. Giáo tiểu biểu lý

Vì thế chỉ nói ba việc. Thể của Đại pháp, nghĩa là Phật muốn nói thừa phương tiện, thừa chân thật, thân phương tiện và thân chân thật. Mưa tuôn pháp lớn là nói về dụng của Đại pháp. Trong ba thí dụ trên gồm có bốn dụng, thí dụ mưa là có hai dụng năng sanh và năng diệt. Thí dụ thối loa và đánh trống là có hai dụng xa đều nghe và vui mừng. Nói mưa lớn, giáo pháp Tiểu thừa chưa viên, chẳng phải lý rốt ráo, do gieo trồng chờ đợi thấm nhuần thường khổ, chẳng đủ. Giáo pháp Đại thừa chẳng gì không viên, lý chẳng gì không cùng cực, do mưa thường

giáng xuống không đâu chẳng thấm nhuần, đều được như nguyện, đây đối việc nhỏ để nói việc lớn, vì thế nói tuôn mưa pháp lớn. Mưa có hai nghĩa là năng diệt và năng sanh.

1. Năng sanh nghĩa là lúc mưa chưa rưới xuống đất, tuy có hạt giống mà không nảy mầm được, mầm đã nảy rồi không thêm lớn, chẳng những không lớn mà còn khô héo. Mưa pháp đã ướm khiến người chưa phát tâm lớn liền phát tâm, tức bỏ Tiểu thừa vào Đại thừa; người đã phát tâm liền được thêm lớn, tức người thẳng đi. Người đã thêm lớn liền được thành tựu, tám đời, một đời sẽ đắc quả. Phật. Người đáng lui sụt mà không đọa lạc tức là Bồ-tát đã dứt hết lưới nghi

2. Năng diệt là mưa lớn diệt trừ được bốn thứ:

- a. Lấp bụi đất
- b. Diệt các dục
- c. Xua tan khí nóng
- d. Ngăn gió xấu

Mưa pháp cũng vậy:

- a. Diệt được bụi đất là ác giác quán của Nhị thừa, phàm phu.
- b. Diệt được các dục là ái kiến của Nhị thừa, phàm phu
- c. Xua tan khí nóng là thầy tà của Nhị thừa, phàm phu
- d. Ngăn gió xấu là tà giáo của Nhị thừa, phàm phu.

Thối loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn, trên khen ngợi pháp lớn có dụng năng sanh năng diệt, nay khen ngợi pháp lớn có công năng vang xa, thích ứng căn cơ. Nước ngoài dùng loa và trống làm niềm vui cho thế gian có hai nghĩa:

1. Vui thích, có hai nghĩa.

a. Thỏa thích tâm Phật trong mười phương, như nay ta vui vẻ không sợ sệt.

b. Hợp ý căn tánh, như ba hạng Thanh văn và Di-lặc cùng mười hai hạng người được lợi ích vui vẻ.

2. Loa và trống vang xa, nói lên pháp lớn có công năng trùm khắp, như có ba hội. Ban đầu khiến hội Linh Sơn nghe pháp, kế đến là hội Tịnh độ, sau cùng thông đạt mười phương vô ngại nên mười phương được nghe, cho đến đời vị lai cũng được nghe. “Diễn ý nghĩa pháp lớn”, đây là nói về diễn ý nghĩa pháp lớn.

Hỏi: Trước đã nói về pháp lớn, so với nay có gì khác nhau?

Đáp: Trước nói về giáo pháp, nay nói về lý pháp, giáo pháp chỉ gọi là pháp, giáo biểu hiện lý gọi là nghĩa.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Nếu pháp vô ngại thì nghĩa vô ngại, tức là nói về giáo lý. Lại như kinh Niết-bàn giải thích bảy điều thiện, người biết pháp tức biết mười hai bộ kinh, người biết nghĩa thì biết nghĩa của mười hai bộ kinh biểu hiện.

Hỏi: Thế nào gọi là Pháp, thế nào gọi là Nghĩa?

Đáp: Giáo pháp Đại thừa có thể giải thích hai phương tiện, hai chân thật thì gọi là Giáo. Lý để giải thích lý sâu nói hai phương tiện, hai chân thật gọi là Nghĩa. Lại, hai phương tiện hai chân thật đều là giáo, chẳng phương tiện, chẳng chân thật, chẳng phải một, chẳng phải hai, đạo mâu nhiệm sâu xa vắng lặng, gọi là Nghĩa. Bởi đây là tông chỉ lớn của kinh, nên đoạn văn sau chép: Rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng, hoàn toàn quy về không, không khác với kinh Đại Niết-bàn, nên biết Pháp Hoa là giáo pháp rốt ráo. “Các người Thiện nam”, đây là nêu việc lược đáp. Lúc ấy đại chúng nghi rằng: Vì sao ngài Văn-thù biết Phật muốn nói pháp lớn? Vì thế nay giải thích rằng: Vào thuở quá khứ tôi từng thấy việc này, nên biết Phật muốn nói pháp lớn. Bởi sợ đại chúng không tin nên chỉ ra việc quá khứ để trả lời, cũng còn là lời giải thích khiêm nhường, ngài Văn-thù tuy thông đạt, nhưng không nói sở hiểu biết của mình, mà chỉ suy lường việc xưa để trả lời, tức là giải thích khiêm nhường. Lại nữa, trước dùng trí hiện tại biết Phật sẽ nói pháp, nay dùng túc mạng trí mà biết Phật sẽ nói pháp, văn chia hai phần:

1. Dẫn việc xưa làm chứng việc nay
2. Nói việc nay so sánh với việc xưa.

Cho nên đoạn văn sau là dẫn việc nay so sánh với việc xưa. “Ai cũng đều nghe biết”, nghe là nghe giáo pháp, biết là biết lý. Nói về pháp khó tin, nếu nói chỉ cúi đầu, giơ tay đều thành Phật, thì có gì mà khó tin? Dù cho bậc La-hán thành Phật và chẳng phải khó tin, nay nói tất cả thế gian tâm hạnh có sở đắc, khi nghe không có sở đắc thì trái với tâm mình, vì thế sợ rằng khó tin. Nói không có sở đắc là không hề có một, vì sao lại chấp ba, do tâm không nhiễm ba, một, nên gọi là khó tin. Lại, giảng Pháp Hoa, người nghe không hề có ba thừa, Nhất thừa, liền cho là chân-đế chẳng phải Nhất thừa, nói Nhất thừa liền cho là muôn điều thiện, cho nên khởi hai kiếp chấp có, không, gọi là có sở đắc, nếu có thể xa lìa kiến chấp này thì gọi là không có sở đắc, tức tin hiểu Nhất thừa. Từ câu: “Các người thiện nam” trở xuống là rộng dẫn việc quá khứ để giải thích đáp. Giải thích đáp: Ở trên tụng đã dẫn quá khứ mà chưa biết là vị Phật nào, nên nay riêng dẫn việc ấy. Trên là nêu chung làm chương môn, nay rộng dẫn việc xưa là giải thích chương, văn có

hai phần:

1. Nói những việc quá khứ trước khi Phật nói Pháp Hoa.
2. Nói những việc ngay sau khi nói Pháp Hoa xong.

Sở dĩ chia làm hai việc này, do ở trên nói về Chư Phật ở phương Đông thì ngài Di-lặc chia làm hai việc, nay ngài Văn-thù dẫn việc Phật quá khứ thì cũng chia ra hai việc, muốn nói lên đức Thích-ca cũng có hai việc ấy. Trong hai chương này mỗi chương lại chia làm hai.

1. Nói vị Phật đầu tiên
2. Nói về tất cả Phật.

Phần đầu lại có ba ý:

1. Thời gian.
2. Bậc hóa chủ
3. Giáo môn

Luận Trì Địa nói về kiếp có hai loại:

1. Năm tháng không thể kể gọi là Tiểu A tăng kỳ kiếp, Bồ-tát có thể vượt qua.

2. Đại kiếp không thể đếm kể gọi là Đại A tăng kỳ kiếp, Bồ-tát không thể vượt qua.

Hỏi: Vì sao không dẫn việc gần mà nói việc ở kiếp lâu xa?

Đáp: Muốn nói lên Nhất thừa là pháp xưa, khiến chúng sanh tin hiểu. Lại nữa, thuở lâu xa ấy ba vị Thích-ca, Văn-thù và Di-lặc cùng ở trong hội đó, các thời gian khác không hẳn ở chung.

“Đức Phật ấy hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, đây là nói về bậc hóa chủ, vẫn chia ra hai phần:

1. Nói danh hiệu riêng.
2. Nói danh hiệu chung

- *Danh hiệu riêng*: là nói sự tu hành khác nhau của Chư Phật ứng tích có hơn kém danh hiệu chung là nói lên pháp thân Chư Phật vốn ngang với đức hạnh của Chư Phật.

Hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, Chú thích kinh rằng: Bậc Thánh không có danh hiệu mượn nghĩa để xưng gọi, người nhân thì gọi là nhân, người trí thì gọi là trí. Bậc hượng căn do sở đắc sáng như mặt trời, người trung căn do sở đắc sáng như mặt trăng, người hạ căn do sở đắc sáng như ánh đèn, cả ba căn giúp nhau sở đắc được sáng nên gọi là Nhật Nguyệt Đăng Minh.

Có người chép: Mặt trời dương mà động dụ cho tuệ phương tiện, mặt trăng âm mà lặng dụ cho tuệ chân thật, cả hai tuệ làm lợi ích chúng sanh như đèn sáng ở thế gian.

Lại nữa, mặt trời mặt trăng dụ cho định tuệ, lấy định tuệ làm đèn sáng.

Có người chép: Đức Phật này ra đời thân sáng như mặt trời mặt trăng, thường chiếu ở thế gian, làm đèn sáng cho thế gian.

- *Nói về mười hiệu của Phật*: các kinh nói không giống nhau. Chung thì gọi là hiệu, hiệu là hiệu lệnh, nói lên sự lợi tha, riêng thì gọi là danh, danh là có tự thể nhất định, tức là lợi mình. Lại nữa, chung và riêng đều gọi là hiệu, đều gọi là danh, nên nói hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, tên là Như lai Ứng Cúng.

Hỏi: Hiệu thì lấy gì làm thể?

Đáp: Hiệu là danh tự, theo luận Thành Thật thì danh hiệu là âm thanh nhiếp nhập pháp tánh. Theo luận Tỳ-đàm thì có riêng phi sắc phi tâm danh tự cú, hòa hợp với thanh nên có danh hiệu. Hoặc mười loại này là vì người mà lập hiệu, tức lấy người làm thể, nếu y theo đức cùng tốt để lập mười hiệu, thì phước tuệ làm thể.

Hỏi: Vì sao nói mười?

Đáp: Kinh luận nói không đồng nhau, kinh Anh Lạc chép: Từ hiệu thứ nhất là Như lai, đến hiệu thứ mười là Phật Thế tôn. Phật Thế tôn hợp chung thành một hiệu.

Luận Trí Độ chép: Hiệu thứ mười là Phật. Thế tôn là hiệu chung nằm ngoài mười hiệu.

Luận Thành Thật chép: Đây đủ chín hiệu trên thì gọi là Thế tôn.

“Giảng nói chánh pháp”, đây là nói về giáo môn, văn chia làm hai phần, gồm giáo Nhất thừa và giáo Ba thừa. Như trên dùng cõi kia bày cõi này, trước khi nói Pháp Hoa có hai giáo môn; nay dẫn việc xưa làm chứng việc nay, trước khi nói Pháp Hoa có hai giáo.

Hỏi: Vì sao Chư Phật ba đời khi sắp nói Pháp Hoa lại nói về hai giáo môn?

Đáp: Pháp Hoa đã gom ba thừa về một, thì trước phải nói do một nói thành ba. Như Chư Phật ba đời muốn nói Pháp Hoa thì trước phải nói kinh Vô Lượng Nghĩa, nhập định Vô Lượng Nghĩa là muốn nói lên nghĩa xuất, nhập lập ra giáo pháp thử chung. Giảng nói chánh pháp, diễn pháp Nhất thừa gọi là chánh pháp, ngài Di-lặc kể về Phật pháp ở phương Đông đã nói rộng, nay chỉ lược nói pháp.

Kế là nói về bảy điều thiện, do đủ bảy điều thiện nên gọi là chánh pháp, vì thế nêu bảy điều thiện để giải thích chánh pháp. Bảy điều thiện là bao gồm cả Đại thừa, Tiểu thừa để khen ngợi pháp luân căn bản. Thứ lớp bảy điều thiện khác nhau, có chỗ chép: Hợp sơ thiện khai

hậu thiện nên gọi là bảy:

1. Ban đầu
2. Chặng giữa
3. Rốt sau

Hợp cả ba gọi chung là thời thiện, hai là nghĩa thiện, ba là lời thiện, bốn là thuần một không xen lẫn, năm là đầy đủ, sáu là thanh tịnh mềm mại, bảy là tướng phạm hạnh, đây là ý của luận Thành Thật. Có người chép: Khai sơ thiện hợp hậu thiện, ba chặng là ba đời thiện, bốn là nghĩa thiện, năm là lời thiện, sáu là thuần một không xen lẫn, bảy là đầy đủ, tướng phạm hạnh thanh bạch thuộc vào thuần một không xen lẫn, đây là ý của luận Trí Độ và Chú giải kinh. Phẩm Ba Thiện trong luận Thành Thật nói về ba thời thiện rằng: Lúc tuổi trẻ nói pháp là sơ thiện, tuổi trung niên nói pháp là trung thiện, lúc tuổi già nói pháp là hậu thiện. Lại nữa, ban đầu xả tội, chặng giữa xả phước, chặng sau xả tất cả. Luận Trí Độ chép: Khen ngợi bố thí độ là sơ thiện, khen ngợi Giới là trung thiện, hai Ba-la-mật này có được quả báo hoặc sanh vào thời Chư Phật và làm trời, người gọi là hậu thiện. Lại nói Thanh văn là sơ thiện, Duyên giác là trung thiện, Bồ-tát là hậu thiện. Theo Kinh nói Thanh Văn và Bồ-tát đều có ba điều thiện. Ba điều thiện của Thanh văn là: Sơ thiện tức nghe pháp từ người khác, trung thiện như nói tu hành, hậu thiện là đắc chánh kiến của bậc Thánh. Lại nữa, sơ thiện là Kiến khổ mà dứt tập, trung thiện là tu đạo, hậu thiện là chứng diệt đế. Ba điều thiện của Bồ-tát là: Sơ thiện tức phát tâm Bồ-đề, trung thiện là không nhớ nghĩ Nhị thừa, hậu thiện là hồi hướng nhất thiết trí. Lại nữa, sơ thiện là thực hành sáu độ, trung thiện là phá trừ sáu tế vững chắc, hậu thiện là hồi hướng Nhất thiết trí.

Theo văn giải thích, thì trong một bộ pháp luân căn bản có ba phần tựa, chánh kinh truyền bá, làm ba điều thiện, bởi một bộ Đại thừa đều đủ ba phần này. Nếu so với giáo tử chung thì sơ thiện là căn bản pháp luân, trung thiện là pháp luân ngọn ngành, hậu thiện là thu nhiếp ngọn ngành trở về pháp luân căn bản.

“Ý nghĩa sâu xa, lời lẽ khéo mầu”: tự có lời lẽ tuy khéo mầu mà ý nghĩa cạn cợt, tự có ý nghĩa tuy sâu xa mà lời lẽ thô thiển, tự có cả hai, tự không có cả hai. Phật pháp cao mà không thấy đáy nghĩa là bật bốn câu gọi là sâu, ngang thì không thấy bờ mé, nghĩa là vượt trăm phi gọi là xa. Lại nữa, tâm hành diệt nên gọi là sâu, ngôn ngữ dứt gọi là xa, chính là ý nghĩa pháp luân căn bản như thế. Chú thích rằng: Thăm dò không thể hết gọi là sâu, xa vời không thể kịp gọi là xa.

Lời lẽ khéo mầu, nói mà thích hợp căn cơ gọi là khéo, lời có thể nói lên lý gọi là diệu. Chú thích chép: Vuông tròn không sai gọi là khéo, tìm cầu không thể thấy gọi là diệu. Thuần một không xen lẫn tức pháp luân căn bản, là thuần một đạo thanh tịnh, không xen lẫn nói pháp của năm thừa. Luận Trí Độ chép: Là ba độc như uế gọi là thuần nhất, chỉ nói chánh pháp không lẫn lộn phi pháp gọi là không xen lẫn, cũng là thanh tịnh. Luận Thành Thật chép: Pháp này gọi là Độc pháp, Phật có pháp này. Lại nữa, độc hành là sự đặc đạo trong Phật giáo mà thôi. Đầy đủ thiện là giáo lý tròn đầy của pháp luân căn bản, nói chung là Phật pháp không có ngăn ngại thiếu hụt. Luận Trí Độ chép: Bát Thánh đạo và sáu Ba-la-mật đủ thì gọi là đầy đủ thiện. Thanh bạch tức là: trên nói về thuần một chánh pháp không lẫn phi pháp, tức là nói về thể của giáo. Nay nói giáo pháp pháp luân căn bản có thể khiến xa lìa phiền não cấu uế của Nhị thừa phàm phu nên gọi là thanh tịnh, tức là dụng của giáo. Tướng phạm hạnh thanh bạch, phạm là Niết-bàn, tức pháp luân căn bản đại Niết-bàn, hạnh là muôn hạnh tức đến đại Niết-bàn. Nếu theo Tiểu thừa thì gọi là Tiểu niết bàn, hạnh là tám chánh đạo, tu tám chánh đạo sẽ đến Niết-bàn, mà tám chánh đạo đây là tướng của nhà Niết-bàn, nên nói rằng: tướng phạm hạnh. Lại nữa, phạm gọi là Niết-bàn thực hành hạnh Niết-bàn là phạm hạnh, nghĩa của hạnh rõ ràng thì gọi là tướng, giáo pháp là duyên của các hạnh, trong duyên nói quả nên nói là tướng phạm hạnh. Lại nữa, giáo pháp họ Thích có công năng giải thích phạm hạnh là tướng của nhà phạm hạnh. “Phật vì Thanh văn mà nói pháp Tứ Đế”, đây là nói về giáo pháp ba thừa, Phật xưa cũng có người không thể lãnh thọ pháp Nhất thừa, nên đối với Nhất thừa mà nói ba thừa. Theo tông chỉ của luận Tỳ-đàm thì thực hành hạnh Ba thừa, có khác nhau, mà cùng thấy Tứ đế để thành quả Ba thừa. Theo tông chỉ của luận Thành Thật thì hạnh Ba thừa đồng thấy Diệt đế mà thành quả Ba thừa. Nói Duyên giác quát sát nhân duyên, đây là do thời gian tu quán mà ngộ đạo, làm duyên xa mà thôi. Y theo Đại thừa thì cả ba thừa đồng quán thật tướng. Vì thế luận Chánh Quán có chép: Người đặc pháp thật tướng có ba hạng, vì căn tánh có lợi độn, thấy Không có sâu cạn nên chia làm ba hạng. Nay văn kinh chép: Thích ứng mà nói pháp Tứ Đế, căn cơ tương xứng với giáo pháp nên mới gọi là thích ứng. Từ câu: “Kế lại có Đức Phật” trở đi là nói về tất cả Phật.

Hỏi: Vì sao nói có hai muôn Đức Phật?

Đáp: Muốn dẫn nhiều vị Phật đời quá khứ để làm dẫn chứng, khiến đại chúng nghe pháp Nhất thừa liền tin nhận. Trong văn có bốn

câu hợp thành hai cặp, ban đầu gọi là đạo và họ tục giống nhau, Nhật Nguyệt Đăng Minh là tên đạo, họ Phả-la-đọa là họ của thế gian. Ba Tạng Chân-đế chép: Phả La đọa dịch là tiên nhân lợi căn, là một dòng họ trong sáu dòng Bà-la-môn. Lại dịch là Biện Tài, lại dịch là Mãn, Mãn chánh. Tôi đích thân nghe vị tăng người Thiên-trúc gọi là Nhĩ Mãn. Từ câu: “Ngài Di-lặc nên biết v.v...” trở đi là nói Phật có mười tôn hiệu và bảy pháp thiện. Các Đức Phật đều có mười hiệu và bảy pháp như nhau, tên đạo, họ thế gian và mười hiệu, ba câu này là nói người giống nhau, bảy pháp thiện là pháp giống nhau. Sở dĩ nói các việc giống nhau, là đạo đồng một thể, dẫn việc xưa so sánh việc nay là muốn nói nay Phật muốn nói pháp Nhất thừa. Từ câu: “Đức Phật rốt sau” trở đi là nói từ việc nói kinh Pháp Hoa trở đi, văn chia hai phần:

1. Việc nói Pháp Hoa
2. Việc Phật Niết-bàn

Việc nói Pháp Hoa có hai phần là phần tựa và chánh kinh. Phần tựa lại chia làm sáu, đó là chúng nhóm họp, nói phần tựa kinh, nhập định, hiện điềm lành, nghi vấn và giải đáp.

Hỏi: Các đức quá khứ đều nói Pháp Hoa, vì sao lại dẫn riêng Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sau cùng?

Đáp: Ở đây có hai nghĩa:

1. Đức Thích-ca, Văn-thù và Di-lặc, ba vị Thánh này thưở ấy đều ngồi dưới đạo tràng Phật Đăng Minh, ba vị Thánh cùng nghe kinh, nay muốn ngài Di-lặc tự chứng nghiệm nên dẫn Phật Đăng Minh, các đức Phật quá khứ khác không có ba vị cùng ngồi nên không dẫn.

2. Trong tám vương tử của Phật Đăng Minh thì người thứ tám là Phật Nhiên Đăng cũng ngồi trong đạo tràng của Phật Đăng Minh, mà đức Thích-ca được Phật Nhiên Đăng thọ ký, đây là lấy gần mà che xa. Nay muốn bỏ gần bày xa nên phải dẫn việc Phật Nhiên Đăng. Nếu dẫn các vị Phật khác thì không có người con thứ tám là Phật Nhiên Đăng ngồi trong đạo tràng, vì thế không dẫn.

Hỏi: Vì sao ban đầu lại dẫn việc tám người con?

Đáp: Tám người con ấy là nhân duyên của kinh Pháp Hoa, như mười sáu vị vương tử của Phật Đại Thông Trí Thắng xin nói kinh Pháp Hoa. Văn có hai phần:

1. Nêu tên tám vị vương tử
2. Khen ngợi đức hạnh của họ

Trước khen ngợi đức hạnh việc trị hóa thế tục, sau khen ngợi đức hạnh xuất gia của họ. Theo cha xuất gia là nói thân lìa, phát tâm Đại

thừa là nói tâm lia. Ban đầu là nói tâm Bồ-đề tức theo cha xuất gia, thường tu phạm hạnh tức thực hành đạo Bồ-tát. “Đã từng ở chỗ nghìn muôn Đức Phật”, đây là khen ngợi nhân đời trước của họ. “Lúc bấy giờ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh” đây là phần nói tựa kinh. “Phật nói kinh này rồi” là phần tựa nhập định. “Bấy giờ, trời rải các thứ hoa như mưa”, là phần tựa hiện điềm lành, phần này chia ra bốn phần:

1. Trời mưa hoa, đất rung chuyển
2. Thấy điềm lành
3. Điềm lành phát ra ánh sáng như nay đang thấy.

4. Là cõi Chư Phật, v.v... đây là nói thấy điềm lành phát ra ánh sáng, lẽ ra cũng nêu. Cũng có đủ bảy việc như trước đã nói. “Ngài Di-lặc nên biết”, đây thuộc phần tựa nghi vấn. “Bấy giờ có Bồ-tát tên là Diệu Quang”, đây là tựa giải đáp lời hỏi. Có người chép: Phật Đăng Minh là nhân ngài Diệu Quang mà nói Pháp Hoa, Phật Thích-ca là nhân ngài Dược vương mà nói Pháp Hoa. Nay cho rằng không đúng. Phật Đăng Minh là do ngài Diệu Quang nói nhưng Phật Thích-ca thì do ngài Văn-thù mà nói, do ngài Văn-thù dẫn việc xưa làm chứng việc nay để giải thích nghi ngờ cho đại chúng lúc ấy. Đức Như Lai mới xuất định mà nói pháp, vì thế biết do ngài Văn thù.

Hỏi: Nay chỉ chép: “Bấy giờ, có Bồ-tát tên là Diệu Quang”, vì sao biết đây là phần tựa giải đáp?

Đáp: Như hiện nay thấy các cõi Chư Phật, xưa thấy cũng như nay thấy, thì sự giải đáp xưa và nay không khác nhau, vì thế chỉ nêu ngài Diệu Quang để lược lời giải đáp. Lại nữa, người xưa và người nay không khác nhau, tức nay và xưa cùng một lời giải đáp, vì vậy chỉ nêu người thì có thể biết lời đáp. Nay người hỏi là ngài Di-lặc, so sánh việc nay với việc xưa tức người hỏi là Bồ-tát Đức Tạng.

Hỏi: Vì sao nói có tám trăm người đệ tử?

Đáp: Muốn thuật lại bốn duyên của ngài Di-lặc, do đời trước ngài Di-lặc là đệ tử ngài Văn-thù, ngài Văn-thù đã giúp Di-lặc nên ngày nay phải trả lời. “Bấy giờ, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh xả định”, đây nói phần chính là nói Pháp Hoa. Từ đoạn văn trước đến đây có ba thứ đồng nhau:

1. Từ đầu đến pháp có thể nói là sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa là chỗ đã từng thấy và đã từng nghe thấy đồng nhau.
2. Từ Đức Phật rút sau cho đến tám trăm vị đệ tử, nói về từng thấy và hiện thấy là đồng.
3. Từ đoạn văn này đến hết là nói từng thấy và sẽ thấy là đồng.

“Ngồi nghe pháp trải qua sáu mươi tiểu kiếp mà không rời chỗ ngồi”. Luận Trí Độ chép: Trong pháp Tiểu thừa không có việc không thể nghĩ bàn, chỉ pháp Đại thừa mới có, như nói kinh Pháp Hoa trong sáu mươi Tiểu kiếp mà cho là như khoảng bữa ăn.

Hỏi: Vì sao ngài Văn-thù lại dẫn lời này?

Đáp: Ở đây có hai ý:

1. Việc này không thể nghĩ bàn. Tiểu thừa không có mà Đại thừa có, muốn cho chúng nghe Phật nói Pháp Hoa liền khởi ý tưởng kỳ lạ đặc biệt.

2. Muốn nói lên kinh Pháp Hoa nghĩa giàu, văn rộng, cho nên nói trong thời gian lâu dài, cũng là khen ngợi Pháp Hoa để chúng sanh phát tâm cung kính tin nhận.

Hỏi: Đúng là sáu mươi tiểu kiếp, sao nói bằng khoảng bữa ăn?

Đáp: Dài nếu nhất định dài thì không thể co dài khiến cho ngắn, ngắn nếu nhất định ngắn thì không thể kéo ngắn ra thành dài. Do dài ngắn không có tính nhất định, do ngắn nên dài, thì dài là dài của ngắn, do dài mà ngắn thì ngắn là ngắn của dài. Do ngắn là ngắn của dài nên ngắn có thể làm dài. Vì sao như vậy? Bởi đạo đã như nhau, thì dài ngắn không hai, không hai tức dài ngắn vô ngại, có thể rút dài làm ngắn.

Hỏi: Tuy nói vậy nhưng tướng khó thấy rõ ràng?

Đáp: Như trong một đêm năm mộng thấy việc cả một trăm năm, như vậy thời gian dài trăm năm bỗng nhiên rút ngắn trong một đêm, tức là việc này. Chú thích kinh rằng: Ngài Duy-ma có thể kéo dài bảy ngày thành một kiếp, rút ngắn một kiếp thành bảy ngày, huống nữa khai mở một pháp môn chân thật sao không thể rút kiếp dài thành thời gian ngắn ư! Đây hoặc là mượn nghĩa mà nêu danh, chưa hẳn là thần thông thật sự. Thế gian có câu: Một lời nói trị giá ngàn vàng, một tấc thời gian còn hơn thước đất. Tuy là chỉ nói một khoảng nhỏ, mà thực ra nhiều kiếp đã qua. Theo luận Duy Thức thì dài, ngắn, lấy tâm làm thể, vì thế dài ngắn không nhất định, như ở thế gian nói chuyện với người hợp ý thì không cảm thấy đêm dài. Nên biết thân tâm không động thì một ngày đã ngàn năm rồi.

1. Từ câu: “Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh” trở đi, là nói việc sau khi nói Pháp Hoa, văn chia làm sáu phần là: tuyên bố diệt độ, thọ ký, chánh diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang mở mang truyền bá giáo pháp, tám người con học đạo, nói việc đời trước của ngài Di-lặc. Sở dĩ tuyên bố diệt độ là muốn nói kinh này biện luận lý của hai phương tiện, hai chân thật đã rất ráo, người đáng độ, đã độ xong, nên tuyên bố diệt độ.

Hỏi: Phật Đăng Minh nói kinh này xong liền diệt độ, vì sao đức Thích-ca còn nói kinh Niết-bàn?

Đáp: Có chỗ chép: Phật Đăng Minh nói Pháp Hoa xong cũng nói Niết-bàn, nhưng vẫn ẩn một bên nên nói không nói. Nay cho rằng không đúng, Chú thích kinh rằng: Sáng nói kinh xong tối liền diệt độ, nên biết Phật Đăng Minh không nói Niết-bàn. Lại, thời Phật Ca-diếp tuy có Niết-bàn nhưng do con người căn tánh lạnh lợi nên không cần nói, Phật Đăng Minh cũng vậy, đức Thích-ca xuất hiện ở đời ác, người căn tánh lạnh lợi nghe Pháp Hoa xong đã ngộ, nên nói Niết-bàn tức chỉ cho Pháp Hoa nói rằng: Tám ngàn vị Thanh văn được thọ ký riêng thành quả lớn, như mùa Thu thu hoạch mùa Đông cất giữ, không còn làm nữa, vì thế biết ý nghĩa Pháp Hoa đã tròn đầy thì hàng lợi căn sớm ngộ. Nhưng người căn tánh chậm lụt chưa hiểu rõ nên phải nói Niết-bàn.

2. Nói về thọ ký, tức câu: “Bấy giờ, có Bồ-tát tên là Đức Tạng”. Đại chúng nghe Phật sắp Niết-bàn đều sanh tâm luyến mến, nay muốn dứt tình thương xót của chúng sanh mà nói về thọ ký, Phật trước tuy diệt độ thì có Phật sau xuất hiện, không nên đau buồn.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa chép: Muốn cho chúng sanh sanh vui mừng thiện nên thị hiện sanh ở cung vua, muốn cho chúng sanh tâm luyến mến thiện nên thị hiện diệt độ ở Song Lâm. Nay Phật Đăng Minh sao chỉ nói dứt tâm luyến mến?

Đáp: Tuyên bố diệt độ khiến chúng sanh phát sanh luyến mến thiện, ngăn dứt sự đau buồn là đoạn diệt điều ác trong các đường của chúng sanh, nghĩa trước và sau có khác nhưng không trái nhau. “Danh hiệu là Tịnh thân”, hệ lụy chẳng có gì không trừ hết nên gọi là Tịnh, đức hạnh chẳng có gì không tròn đầy nên gọi là Thân. Nói rộng mười hiệu là nêu tên cõi này, lược nói ba hiệu tức giữ lời xưng của cõi kia. Như lai là người, Ứng Cúng là đoạn, Chánh Biến Tri là trí, người có đầy đủ trí, đoạn, nghĩa hơi tròn đầy, nên chỉ xưng ba hiệu.

3. Là phần chánh diệt độ, tức câu: “Phật thọ ký rồi”, Nói Niết-bàn vô dư gồm có ba nghĩa:

a. Tiểu thừa nói có hữu dư và vô dư, người tu học đã dứt hết phiền não nhưng vẫn còn thân thể có trí hiểu biết gọi là Niết-bàn hữu dư, khi quả báo thân thể đã hết, không còn thọ thân sau nữa gọi là Niết-bàn vô dư.

b. Theo nói Đại thừa, nhân năm trụ sạch hết là Niết-bàn hữu dư, quả sanh tử sạch hết là Niết-bàn vô dư. Tiểu thừa thì trước đắc hữu dư sau đắc vô dư, Đại thừa cùng lúc đắc cả hai, nhưng nêu quả Phật thì đối

với hai tai họa, không còn nhân tai họa gọi là hữu dư, không còn quả tai họa gọi là vô dư. Lại nữa, theo ý Nhiếp Đại thừa quyển bảy và Kim Quang Minh thì đặc pháp thân rốt ráo gọi là vô dư, ứng thân và hóa thân chẳng phải rốt ráo gọi là hữu dư. Phẩm Ba Thân lại chép: Ba thân hợp lại gọi là Niết-bàn vô trụ xứ, ứng thân và hóa thân không trụ Niết-bàn, bởi pháp thân xưa nay thường vắng lặng nên không nhập Niết-bàn, tức là pháp thân không trụ sanh tử nên gọi là Niết-bàn vô trụ xứ.

c. Theo ý hợp cả Đại thừa và Tiểu thừa thì Tiểu thừa còn có tàn dư của nghiệp khổ nên gọi là hữu dư, Đại thừa hết sạch tàn dư nên gọi là vô dư. Như Kinh Thắng-man chép: Sanh tử có hữu vi và vô vi, nên Niết-bàn cũng có hữu dư và vô dư. Phạm phu sanh tử gọi là hữu vi, bậc Thánh sanh tử gọi là vô vi.

Trừ được phần đoạn sanh tử gọi là hữu dư, do thấy còn có sanh tử, còn có Niết-bàn nên gọi là hữu dư. Không có chỗ của sanh tử, đặc Niết-bàn thì gọi là vô dư, do đối với thân sau không còn sanh tử, không còn Niết-bàn nên gọi là vô dư. Nói chứng nhập gồm có ba loại:

Y cứ Thật luận mà nhập, nhập là do chứng, do chứng ba đức Niết-bàn nên gọi là nhập.

Y cứ Ứng thân mà nói nhập, tích thân còn là hữu dư, diệt tích thân rồi quy về vô dư, tức xả hữu nhập vô gọi là Nhập.

Chân thân, ứng thân hợp lại gọi là nhập, nghĩa là dứt ứng quy về chân.

Trong ba thứ nhập thì chữ nhập trong văn kinh thuộc loại thứ ba.

4. Là phần Bồ-tát Diệu Quang mở rộng kinh, tức là câu: “Sau khi Phật diệt độ”, v.v... Thuở xưa, Bồ-tát Diệu Quang có khả năng mở rộng kinh, để nói lên nay có đức giải thích nghi. Trước nói về thọ ký nghĩa là đời sau có Phật, nay nói ngài Diệu Quang hiện nay có thầy, cả hai đời đều có người đáng nương tựa có pháp để giác ngộ, vì tình thương xót vừa dứt nên nói việc ngài Diệu Quang mở rộng kinh: Lại nữa, trên nói người có duyên với Phật nên nghe Phật Đấng Minh nói Pháp Hoa, nay nói người có duyên với Bồ-tát nên nghe Diệu Quang nói pháp. Lại muốn nói Phật Nhiên Đăng là duyên xa để mở bày ý nghĩa tuổi thọ ở sau, cho nên phải nói ngài Văn-thù mở rộng pháp.

5. “Phật Nhật Nguyệt Đấng Minh có tám người người con“, đây là phần nói tám người con học đạo, đầu tiên nêu tám người con, vì nhân duyên đức Thích-ca nói Pháp Hoa mà nêu ở đầu kinh. Nay nói tám người con mà ý là ở người thứ tám tức Phật Nhiên Đăng, để khai mở ý nghĩa đức Thích-ca có tuổi thọ dài lâu ở phần kinh sau. Vì sao? Vì Phật

Nhiên Đăng thọ ký cho Phật Thích-ca, mà Phật Nhiên Đăng là người thứ tám do ngài Diệu Quang giáo hóa, ngài Diệu Quang tức là ngài Văn-thù, vậy ngài Văn-thù là tổ sư thứ chín của Phật Thích-ca, đây là dùng việc gần che việc xa.

Nay ngài Văn-thù là đệ tử Phật Thích-ca, tức muốn nói lên Phật Thích-ca là thầy của ngài Văn-thù, nên biết ngài đã thành Phật từ lâu, đây là bỏ gần bày xa. Phần sau bỏ gần bày xa, nay trước lấy việc gần che việc xa.

6. “Trong tám trăm vị đệ tử có một người tên là Cầu Danh”: đây là nói về việc trước của ngài Di-lặc. Từ trước tới nay đã trả lời ngài Di-lặc và việc nói đức Thích-ca nói Pháp Hoa đã rồi, nay đoạn này giải thích đều nghi ngờ. Nghi rằng: Ngài Di-lặc đã ở địa vị Bồ-xứ, vì sao còn hỏi ngài Văn-thù, vì thế nay nói đời quá khứ ngài Văn-thù vốn là thầy nên nay có việc hỏi và đáp, ngài Văn-thù là thầy đời thứ mười của ngài Di-lặc.

“Nay thấy điềm lành không khác với xưa”, đây là lời kết thúc rõ ràng, tuy có bốn môn mà không ngoài ba việc là nói lên, giải thích và kết thúc. Ban đầu nêu là Phật muốn nói pháp lớn, thứ đến dẫn việc xưa làm chứng việc nay, tức giải thích muốn nói pháp lớn, nay kết thúc muốn nói pháp lớn. “Bấy giờ, ngài Văn-thù muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng”, đây nói phần kệ tụng. Ngài Di-lặc nói kệ hỏi mà không hỏi đại chúng, bởi muốn nói lên ngài Văn-thù thấy việc xưa khéo giải Thích-các điều nghi có ích cho đại chúng nên nói đại chúng, còn ngài Di-lặc không đúng nên không nói đại chúng, lại nói lên sự việc rõ ràng lời nói về ràng nên xưng là đại chúng.

Ngài Di-lặc là khách, đã có văn xuôi và kệ tụng, Văn-thù là chủ thì cũng có như. Có bốn mươi ba bài kệ tụng lại phần văn xuôi. Văn xuôi có bốn môn: Một là lời khiêm nhường, hai là dẫn việc xưa để trả lời, hai phần này còn chưa rõ ràng, nay lược không nói trong kệ tụng, chỉ tụng phần thứ ba là rộng dẫn việc quá khứ trả lời và phần thứ tư là trả lời rõ ràng. Trong phần một của văn xuôi chia làm hai phần nói việc trước khi nói Pháp Hoa và việc từ khi nói Pháp Hoa trở đi, nay kệ tụng cũng. Việc trước khi nói Pháp Hoa lại chia làm hai, ban đầu nói về Phật, sau biện luận tất cả Phật, nay hợp chung kệ tụng gồm có bốn trường hợp: Nửa bài kệ đầu nói về thời gian, nửa bài kệ kế nói về bậc hóa chủ, một câu nói về giáo pháp và ba câu nói về đồ chúng. Bậc hóa chủ là thầy thuốc, giáo pháp là thuốc hay, đồ chúng uống thuốc thì bệnh sẽ lành, chỉ nói ba việc này thì tóm thâu tất cả việc. “Khi Phật chưa xuất

gia, vua sanh tám vương tử, v.v...” đây là phần kệ tụng nói về việc nói Pháp Hoa trở đi. Phần văn xuôi có hai phần, một là nói việc Pháp Hoa, hai là nói Niết-bàn, nay kệ tụng hai phần này. Phần tựa trong văn xuôi có sáu việc, nay kệ tụng chỉ có năm việc: Một bà tụng đầu nói chúng nhóm họp, một bài kệ nói phần tựa nói kinh, một hàng kệ nói nhập định, “Trời mưa hoa Mạn đà và trống trời tự nhiên vang”, hai việc này là nói điềm lành tựa. Văn xuôi chia làm bốn phần:

1. Mưa hoa, đất rung chuyển
2. Đại chúng thấy điềm lành
3. Hiện điềm lành phát ra ánh sáng
4. Thấy điềm lành ánh sáng.

Hai điều cảm, hai điều ứng này làm rõ ràng cho nhau. Nay phần kệ tụng là chuyển thế lời tụng, ba điềm lành đều là việc năng hóa nên xếp vào một loại, hai lần thấy điềm lành là việc sở hóa, lại xếp vào một loại, lại xếp năng và sở vào một loại. Một hàng kệ nói là rải hoa như mưa, Nửa bài kệ nói về đất rung chuyển, một hàng rưỡi nói về điềm lành phát ra ánh sáng. “Các trời rồng quỷ thần, cúng dường đấng Thế tôn”, trong văn xuôi chỉ nói là mưa hoa, nay giải thích lý do có mưa hoa tức là trời rồng cúng dường Phật.

Hỏi: Đã là chư thiên cúng dường, vì sao nói Phật hiện điềm lành?

Đáp: Do thần lực của Phật và thần lực nói Pháp Hoa, có công năng cảm đến chư thiên cúng dường. “Lại thấy các cõi Phật, đồng các báu trang nghiêm”, đây là phần kệ tụng thấy điềm lành ánh sáng. Trong văn xuôi nói trước thấy điềm lành mưa hoa, đất rung chuyển, sau mới thấy điềm lành ánh sáng. Nay phần kệ tụng lại chuyển ý, trước theo việc gần mà nói thấy điềm lành ánh sáng, kể đến thấy mưa hoa và đất rung chuyển. Trong kệ tụng thấy điềm lành ánh sáng có sáu phần:

1. Một hàng kệ tụng thấy rõ các Đức Phật.
2. Một hàng kệ tụng thấy chúng sanh
3. Một hàng rưỡi kệ thấy hóa chủ
4. Nửa bài kệ nói nghe giáo pháp
5. Hai hàng kệ tụng thấy các Thanh văn
6. Ba hàng kệ tụng thấy các Bồ-tát

Sáu phần này tụng theo thứ lớp, trước phải có cõi nước nên ban đầu nói thấy cõi nước, có cõi nước nên có chúng sanh, có chúng sanh nên có bậc hóa chủ, có bậc hóa chủ nên có nói giáo pháp, trước chỉ lãnh thọ pháp Tiểu thừa nên có Thanh văn, sau lãnh thọ pháp Đại thừa

nên có Bồ-tát. Trong phần kệ tụng bậc hóa chủ có nửa hàng khen ngợi công đức Phật, một hàng là khen ngợi hình tướng Phật. “Bấy giờ, bốn chúng” v.v... trở xuống là một hàng tụng nói bốn chúng thấy điểmlành mưa hoa và đất rung chuyển. “Mỗi người tự hỏi nhau, việc này nhân duyên gì”, đây là kệ tụng thuộc phần nghi vấn tựa, dùng việc xưa để trả lời việc hiện tại, do trả lời lại không có người khác nên lược không nói phần giải đáp tựa. “Được trời người tôn kính” v.v... trở xuống bốn hàng, đây là phần kệ tụng chính là nói Pháp Hoa. “Khen Diệu Quang Bồ-tát”, do ngài Diệu Quang khéo giải đáp điều nghi ngờ, ngăn ngừa chúng sanh chệch lạc, khai mở sự tin hiểu tức là mắt sáng cho thế gian. “Ông là mắt của đời, tất cả đều tin về”, trước khen ngợi ngài có công năng giải quyết nghi ngờ tức khai phát nói Pháp Hoa, nay khen ngợi đức hạnh trì pháp, chứng pháp mở rộng kinh sau khi Phật diệt độ, Trì, nghĩa là giải ngữ, chứng nghĩa là giải nghĩa, đủ hai đức này thì có thể mở rộng kinh. Do ngài Diệu Quang mở rộng kinh sau khi Phật diệt độ, khiến chúng sanh tin nhận nên khen ngợi hai đức hạnh này. “Phật nói Pháp Hoa này, khiến chúng vui mừng rồi”, đây là phần kệ tụng về phần Niết-bàn. Văn xuôi có sáu việc là: tuyên bố diệt độ, thọ Ký, chánh diệt độ, mở rộng hóa giáo pháp, tám người con học đạo, nói việc đời trước của ngài Di-lặc. Trong văn xuôi tóm nói lược phần tuyên bố diệt độ, ở kệ tụng thì giải thích rộng, tức văn xuôi làm chương môn, kệ tụng là giải thích. Trong kệ này có bốn phần:

1. Hai hàng đầu là tuyên bố diệt độ
2. Một hàng kế là Phật khuyên răn, đê tử
3. Một hàng kế nói đại chúng sâu não
4. Một hàng kế là Phật an ủi đại chúng.

Hai hàng kệ đầu chia làm hai:

1. Một hàng rưỡi là tuyên bố diệt độ
2. Nửa hàng kế là chánh diệt độ

Phần đầu nói có hai ý, khiến đại chúng vui mừng là việc lợi ích đã rồi, thật tướng các pháp đã nói xong tức nói giáo pháp đã tròn đầy, do hai việc này nên Phật diệt độ. “nay Ta đúng nửa đêm, sẽ vào cõi Niết-bàn đây là lời tuyên bố diệt độ.

“Bồ-tát Đức Tạng đây v.v...”, một hàng rưỡi kệ này là nói việc thọ ký, ba câu đầu nói về đức hạnh có thể nhận thọ ký, ba câu sau chánh là nói về thọ ký cũng là phần kệ tụng giải thích văn xuôi.

“Đêm đó Phật diệt độ, như củi hết lửa tắt”, trở xuống hai hàng kệ tụng là nói về phần chánh diệt độ, gồm có ba phần:

1. Nửa bài kệ nói về chánh diệt độ
2. Nửa bài kệ nói người tại gia dựng tháp cầu phước.
3. Một hàng kệ nói về người xuất gia tu đạo phát sanh trí tuệ.

Đây là nói về lợi ích của sự diệt độ. Trước tuyên bố diệt độ để sanh luyến mến điều thiện, nay nói chánh diệt độ là sanh lợi ích phước tuệ. “Như củi hết lửa tắt”: y theo nghĩa Tiểu thừa dùng thân làm củi, trí tuệ làm lửa, trí tuệ nung vào thân, thân hết thì trí diệt. Lại dùng phiền não làm củi, dùng thân làm lửa, phiền não của Phật đã hết nên thân mãi mãi bất sanh, cho nên khác với diệt độ của phàm phu. Theo Đại thừa giải thích củi dụ cho cảm, lửa dụ cho ứng, chúng sanh hết cảm thì Chư Phật hết ứng.

“Riêng Pháp sư Diệu Quang, vâng giữ Phật pháp tạng”,v.v... trở xuống một hàng kệ là nói việc mở rộng kinh.

“Còn tám vị vương tử, được Diệu Quang khai mở,v.v...” trở xuống ba hàng kệ là nói tám người con học đạo.

“Pháp sư Diệu Quang đây, có một người đệ tử,v.v...” sáu hàng kệ kể đây là nói về việc đời trước của ngài Di-lặc, chia làm ba phần:

1. Hai hàng rưỡi kệ đầu nói lỗi lầm xưa kia của ngài Di-lặc
2. Hai hàng kệ rưỡi kể nỗi khổ đắc của ngài Di-lặc
3. Một hàng kệ sau kết thúc hội xưa và nay.

“Ta thấy Phật Đấng Minh, điềm lành trước như thế”; hai hàng kệ tụng này là kết thúc lời giải đáp. Nửa bài là đem việc xưa so sánh việc nay, nửa hàng là so sánh việc nay với việc xưa, Nửa bài kệ kể theo là giải thích ý Phật xưa hiện điềm lành, Nửa bài kệ cuối là giải thích ý Phật nay phát ra ánh sáng.

“Các người nay nên biết, chấp tay một lòng chờ,v.v...” hai hàng kệ này là khai phát tâm chúng sanh. Hàng kệ đầu nói về việc tốt sẽ đến, tức là sanh ra kiến giải đối với pháp Nhất thừa, hàng kệ sau nói về việc ác nên diệt tức kiến hoặc của ba thừa diệt, Phật nói Nhất thừa mà có hai lợi ích là sanh hiểu biết và diệt ác. Lại nữa, hiểu biết Nhất thừa sẽ đưa đến thành Phật; nghĩa là đức hạnh chẳng có gì không tròn đầy, dứt hết hoặc ba thừa, không hệ lụy nào chẳng trừ sạch, hai việc này rất lớn cho nên phải vui mừng. “Chấp tay một lòng chờ”, là khiến trụ ở hai oai nghi đợi Phật nói pháp. Chấp tay là thân trụ chánh oai nghi nghĩa là thân không làm việc gì khác, nhất tâm là tâm trụ chánh oai nghi, nghĩa là ý không theo các duyên khác. “Đây khắp người cầu đạo”, thuở trước nói pháp Tiểu thừa nên giáo lý chưa tròn đầy, vì thế hiểu biết không đủ, nay nói pháp Đại thừa là trái với trước nên nói là đầy đủ, đầy đủ tức là

chứng đắc quả pháp thân: Bài kệ kệ thì nửa bài trên nói về người cầu
ba thừa nếu có nghi ngờ, nửa bài kệ sau là nói Phật sẽ dứt trừ khiến cho
không còn nghi.



PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 3

PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

(Phần 1)

Phẩm này gồm có bốn môn quan trọng: Ý nghĩa, giải thích tên, đồng khác và, chung riêng.

Hỏi: Kinh này ban đầu chủ trương khen ngợi trí tuệ sâu rộng của Phật, ngài Đa Bảo khen ngợi, gọi là đại tuệ bình đẳng, nên văn tuy có bảy trục mà tông quy về Nhất thừa, nay sao đầu tiên lại nói về phương tiện.

Đáp: Muốn nói lên Nhất thừa là chân thật thì trước phải nói Ba thừa là phương tiện. Nếu trước không nói Ba thừa là phương tiện, thì Nhất thừa là chân thật không được nói lên. Vì thế Kinh này chép: Khai pháp môn phương tiện để chỉ bày tướng chân thật. Chú thích kinh chép: đã đề xướng dự định quy về một mối, trước phải nói về ý nghĩa phân ra ba để làm chứng.

Hai là phần giải thích, tiếng Phạm gọi là Ủ-hòa Câu-xá-la, Ủ-hòa gọi là phương tiện. Câu-xá-la là thắng trí, nghĩa là phương tiện thắng trí. Nhưng tên của phương tiện thì có ly và hợp, ly gồm có ba nghĩa:

1. Theo lý giáo mà giải thích, lý chân chánh gọi là phương, lời nói khéo gọi là tiện, tức là ý nghĩa sâu xa lời lẽ khéo léo, văn và ý nghĩa cùng nêu nên gọi là phương tiện, ở đây giải thích chung cả Đại thừa Tiểu thừa, không phải chỉ riêng Ba thừa.

2. Nơi chúng sanh duyên vào gọi là phương, pháp của Như lai thích ứng giáo hóa gọi là tiện, bởi muốn do bệnh mà cho thuốc, nương vào phương mà ban tiện, căn cơ giáo pháp đều nêu nên gọi là phương tiện, đây cũng có cả Đại thừa Tiểu thừa, chẳng phải riêng Ba thừa.

3. Đạp trên nguy hiểm mà được an ổn gọi là phương, lãnh thọ giáo pháp được lợi ích gọi là tiện. Nguy hiểm trong cõi đời năm trước ác nếu không có ba thừa thì không an, nên nói đạp trên nguy hiểm được an.

Lãnh thọ giáo pháp ba thừa thì liền được lợi, vì thế lấy giáo làm phương, lấy lợi làm tiện, giáo pháp và lợi ích cùng nêu nên gọi là phương tiện, ở đây có cả Đại thừa Tiểu thừa, chẳng phải riêng Ba thừa.

Hợp giải thích cũng gồm có ba nghĩa:

1. Phương tiện là tên của khéo léo, khéo léo là dụng của trí. Lý thật không có ba, dùng năng lực phương tiện cho nên nói ba, vì thế gọi là khéo léo (khéo léo).

Hỏi: Không có ba thừa mà nói ba, sao gọi là khéo léo?

Đáp: Do không có ba mà nói ba khiến chúng sanh được lợi ích chân thật, vì thế gọi là khéo léo.

Hỏi: Đã được lợi ích chân thật thì nên gọi là thật, sao còn gọi là phương tiện?

Đáp: Theo lợi ích mà nói cũng được gọi là thật, nhưng theo lý thì thật không có ba mà giả danh nói ba, y theo giáo, nên gọi là Phương tiện.

2. Nói Ba thừa là để giúp cho chúng sanh ngộ nhập Nhất thừa nên Ba thừa này là lý do dẫn hướng đến Nhất thừa, nên gọi là phương tiện. Như văn sau chép: Ta lập ra phương tiện này là khiến chúng sanh được nhập trí tuệ Phật. Lại chép: Chín bộ pháp của ta lấy nhập Đại thừa làm gốc. Vì thế nói ba thừa là phương tiện của Nhất thừa.

3. Hợp hai nghĩa trên viên thành một ý chỉ, sở dĩ không có ba mà nói ba, là khiến do ba mà ngộ không ba, vì thế hai lời nói trên hợp thành một ý.

Hỏi: Ba thừa phương tiện có mấy loại?

Đáp: gồm có ba loại:

1. Thân phương tiện, như Phật Thọ Vương hiện làm người Nhị thừa và Trưởng giả mặc áo dơ xấu.

2. Miệng phương tiện, tức không có ba mà nói ba, như chỉ khổng ngoài cửa có ba thứ xe.

3. Ý phương tiện, tức hai lần suy nghĩ. Một là suy nghĩ về Phật quá khứ. Hai là suy nghĩ. Ta xuất hiện trong đời ác, đây là trên đồng với Phật xưa, dưới thuận theo chúng sanh, hai thứ nhân duyên này phát khởi trí phương tiện, nghĩa là ý phương tiện.

- Nói đồng và khác:

Hỏi: Xưa cũng nói ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, so với nay có gì khác?

Đáp: Nay phần tựa trước sau có bốn ý:

1. Dùng ba thừa làm phương tiện, dùng Nhất thừa làm chân thật.

Sở dĩ nói nghĩa này, bởi xưa người lãnh thọ giáo pháp chấp ba làm thật, không biết ba thừa là phương tiện. Vì muốn thực hành pháp ấy nên nói ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, khiến họ bỏ ba thừa vào Nhất thừa.

2. Người lãnh thọ giáo pháp tuy bỏ ba thừa nhưng phong kín một thật, tuy trừ bỏ thô hoặc mà nhiễm ô vi tế lại sanh. Để đối trị hạnh này nên nói ba thừa và Nhất thừa đều là phương tiện, chẳng phải ba chẳng phải một mới gọi là thật.

3. Người bảm thọ giáo pháp bèn hiểu ba thừa và Nhất thừa đều là phương tiện, lại phong kín chẳng phải hai là lý rốt ráo, nên nói ba, một, là hai, chẳng phải ba, chẳng phải một, gọi là không hai, hai và không hai là phương tiện. Chẳng phải hai, chẳng phải không hai chính là chân thật.

4. Hai và không hai, cho đến chẳng phải hai, chẳng phải không hai vẫn còn là bốn câu, chưa thoát khỏi danh ngôn, đều gọi là phương tiện. Tướng các pháp là vắng lặng, không thể dùng lời nói năng, đó chính là chân thật.

Thừa phương tiện, thừa chân thật đã có bốn cấp bậc như thế, thân phương tiện, thân chân thật cũng có bốn trường hợp:

1. Dùng ngắn làm phương tiện, dài làm chân thật.

2. Dài ngắn đều là phương tiện, chẳng dài chẳng ngắn là chân thật (Ngắn dài là tuổi thọ).

3. Dài ngắn là hai, chẳng dài chẳng ngắn là không hai, hai và không hai đều là phương tiện. Chẳng phải hai, chẳng phải không hai chính là chân thật.

4. Hai cùng với không hai, chẳng hai chẳng không hai vẫn là bốn trường hợp, chưa thoát khỏi danh ngôn, đều gọi là phương tiện. Pháp thân Như lai không có bốn trường hợp, dứt bật trăm phi, chính là chân thật. Cho nên, phẩm Như Lai Thọ Lượng giải thích pháp thân rằng: Chẳng thật, chẳng hư, chẳng giống, chẳng khác, chẳng sạch, chẳng dơ, chẳng đi, chẳng đến, chẳng có, chẳng không, tổng cộng gồm mười không.

- **Là nói phần chung và riêng:** Theo phần riêng thì dùng ba thừa làm phương tiện. Theo phần chung thì phương tiện lấy khéo léo làm nghĩa, khéo léo có ở cả xưa và nay. Nay muốn dung thông lý do gom ba về một, nên khen ngợi khéo léo của Chư Phật. Vì sao như vậy? Vì xưa nói ba thừa nay nói Nhất thừa, trước sau trái nhau nên nghĩa thành mâu thuẫn, chúng sanh không sanh tín nên hợp giải thích rằng: Sở dĩ xưa nói

ba nay nói một, bởi thấy rõ căn cơ chúng sanh mà khéo léo nói giáo, nên không trái nhau, cho nên chữ phương tiện là tên chung cả ba thừa và Nhất thừa, xưa nay dùng chung, nên ở đầu nêu tên là phẩm Phương Tiện. Nghĩa này khó rõ, nay dùng bốn trường hợp để nói lên:

1. Xưa khai nay che, nghĩa là xưa khai ba nay che ba.
2. Xưa che nay khai, nghĩa là xưa che một nay khai một.
3. Xưa nay đều che, xưa che một nay che ba
4. Xưa nay đều khai, xưa khai ba nay khai một

Sở dĩ có bốn trường hợp này, là do Như lai biết căn cơ, rõ pháp, dùng khéo léo làm duyên nên không trái nhau, vì thế đều gọi là phương tiện, và phương tiện có ở xưa và nay. Kế là nêu bốn trường hợp vô phương tiện để nói lên:

1. Xưa duyên chấp ba che Phật một, không biết nói ba thừa là bỏ một thừa.
2. Nay duyên chấp một che Phật ba, không biết tuy một mà không mất ba.
3. Chấp tự tánh ba, che Phật nhân duyên một, ba
4. Chấp tự tánh một, che Phật nhân duyên ba, một

Xưa chấp như ở đây là đều là vô phương tiện, vì thế vô phương tiện cũng có ở cả xưa và nay.

Hỏi: Đoạn văn nào nói phương tiện có ở cả xưa và nay.

Đáp: Đoạn văn ba lần xin: Pháp phương tiện bậc nhất của Chư Phật. Luận rằng ba thừa là phương tiện không gọi là bậc nhất, Nhất thừa là bậc nhất không gọi là phương tiện, nay nói bậc nhất phương tiện, tức biết trí khéo léo của Chư Phật gọi là bậc nhất phương tiện, có trí khéo léo này nên có thể nói Nhất thừa, ba thừa.

Hỏi: Nhất thừa cũng gọi là phương tiện nên gọi là phẩm Phương Tiện phải không?

Đáp: Cũng có thể như thế, cho nên kinh Thắng-man chép: Nhất thừa đại phương tiện, tức là đại khéo léo của Chư Phật. Kinh Thắng-man nói về Nhất thừa mà đề gọi là Nhất thừa đại phương tiện, kinh Pháp Hoa khai mở tông đầu lẽ ra cũng dùng Nhất thừa làm phương tiện.

Hỏi: Vì sao dùng Nhất thừa làm phương tiện?

Đáp: như Bách luận y theo “không” xả phước, mà văn luận chép: dùng vô tướng xả phước. Giải thích nói dùng phương tiện này thì có thể xả phước. Nếu xả “có” mà chấp đấm “không”, thì chẳng gọi là phương tiện, xả “có” mà chẳng đấm “không” nên gọi là Phương tiện. Luận Trí Độ chép: Phá thường mà đấm vô thường gọi là vô phương tiện vô

thường. Phá thường mà không đấm đối với vô thường gọi là hữu phương tiện vô thường. Lại chép: Phá hai không đấm một gọi là pháp nhẫn. Nay cũng như vậy, vì phá hai thừa nên nói Nhất thừa, cũng không khiến đấm một, vì thế Nhất thừa này gọi là phương tiện. Vì sao như vậy? Vì sanh tử lấy chấp tướng làm nguồn, nhập đạo lấy không đấm làm gốc, vì thế đoạn văn sau chép: “Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh khiến xa lìa mê đấm”.

Hỏi: Kinh Thắng-man, kinh Đại Phẩm và kinh này đều nói phương tiện, có gì khác nhau?

Đáp: gồm có bốn trường hợp:

1. Hợp thừa hợp tuệ, như kinh Thắng-man hợp năm thừa thành Nhất thừa, gọi là hợp thừa. Hoặc phương tiện, hoặc thật, đều gọi chung là đại phương tiện, gọi là hợp tuệ.

2. Khai thừa khai tuệ, như kinh Pháp Hoa chép: Chiếu ba là phương tiện, chiếu một là chân thật.

3. Khai thừa hợp tuệ, cũng như phần tựa kinh này, xưa hai nay một là khai thừa. Nhất thừa, ba thừa này đều là do Như lai biết căn cơ, rõ giáo pháp mà dùng phương tiện khéo léo nên gọi là hợp tuệ.

4. Hợp thừa khai tuệ, như kinh Đại phẩm nói chung tất cả thừa đều nhập Đại thừa. Như Phẩm Hội Tông chép: Hoặc pháp Phật, pháp Bồ-tát, pháp Nhị thừa đều nhập Ma-ha-diễn, nên gọi là hợp thừa. Trong Đại thừa tự khai hai tuệ Không, Hữu nên gọi là khai tuệ.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm nói tất cả pháp đều nhập Đại thừa, có gì khác so với kinh Pháp Hoa?

Đáp: Kinh Đại Phẩm đã hội ở pháp nhưng chưa hội ở người. Hội ở pháp tức là muốn nói Đại thừa chẳng có pháp nào không gồm nhiếp, vì thế Đại Phẩm chép: Nếu có thật ngữ nhiếp tất cả các thiện, ấy là Bà-nhã. Chưa hội ở người tức lúc nói kinh Đại Phẩm người Nhị thừa căn cơ Đại thừa chưa thuần thực nên chưa hội ở người. Nay kinh Pháp Hoa hội cả người cả pháp, do hội ở người nên đồng gọi là Bồ-tát, hội ở pháp nên gọi là Nhất thừa. Luận Nhiếp Đại thừa nói có hai thứ hội:

1. Mật hội, như kinh Đại Phẩm nói tất cả các pháp đều nhập và Đại thừa.

2. Hiển hội, như kinh Pháp Hoa hội ở người

Lại có hai thứ hội:

1. Lý hội, như kinh Đại Phẩm nói tất cả các pháp đều nhập thật tướng, thật tướng đã không hai, há lại có ba thừa khác nhau sao?

2. Giáo hội: Quyển thứ bảy trong kinh Kim Quang Minh chép:

Pháp giới không có hai nên thừa không có ba, chỉ vì chưa hội nhập ba giáo nên không gọi là giáo hội. Kinh Pháp Hoa thì lý và giáo đều hội.

Hỏi: Ba thừa là phương tiện, có được gọi là thật hay không?

Đáp: Gồm có bốn trường hợp:

1. Xưa là thật nay là phương tiện, nghĩa là nay đối với một thì xưa là ba.

2. Xưa nay đều thật, xưa dùng ba thừa làm thật, nay dùng Nhất thừa làm thật.

3. Ba thừa, Nhất thừa đều là phương tiện, nói theo chánh đạo thì không hề có ba, một; ba, một đều là khai đạo, gọi là đạo môn, cho nên đều à phương tiện.

4. Nay thật, xưa là phương tiện, nay dùng Nhất thừa làm thật, xưa vì chẳng phải thật nghĩa nên gọi là phương tiện.

Hỏi: Nhân thừa, thiên thừa, có là phương tiện hay không?

Đáp: Nếu ba mươi ba cõi trời là thường lạc ngã tịnh, thì chỉ lá vàng nói là vàng thật cũng là phương tiện. Nếu nói năm giới mười thiện đều được thân trời người thì không gọi là phương tiện. Kế đây là khai câu văn. Từ Phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Phân Biệt Công Đức trừ phần kệ, tức gồm mười lăm phẩm rưỡi, gọi là phần chính là nói kinh, chia thành hai phần lớn gồm có mười thứ:

1. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Pháp Sư gồm có chín phẩm, nói về thừa phương tiện, thừa chân thật. Từ phẩm Hiện Thập bát uế sau gồm có sáu phẩm rưỡi là nói thân phương tiện, thân chân thật. Thuở trước ba thừa gọi là thừa phương tiện, nay nói Nhất thừa là thừa chân thật, thuở trước thân sanh diệt gọi là thân phương tiện, nay thân không sanh diệt là thân chân thật. Sở dĩ khai hai điều này, vì sự giáo hóa của Đức Thích-ca gồm có ba thời: cùng nói, cùng che, cùng khai.

a) Cùng nói: ban đầu Phật thành đạo, ở trong hội Hoa Nghiêm vì các Bồ-tát mà nói pháp rất ráo, nói thân tròn đầy. Như ông Trưởng giả ngồi trên ghế sứ tử có vật báu xung quanh, tức là việc này, nên nói là cùng nói.

b) Cùng che, là người căn tánh nhỏ chưa kham nổi pháp Đại thừa, nên ở vườn Nai che Nhất thừa nói ba thừa, tức che bốn khai tích, như ông Trưởng giả ngăn người bên cạnh đừng bắt gã cùng tử nhưng lại sai người khác, ông lại cởi y phục quý giá mà mặc áo dơ xấu, tức là việc này, nên nói là cùng che.

c) Cùng khai: trong hội Pháp Hoa cùng khai hai phương tiện, cùng chỉ bày hai chân thật, tức gọi là cùng khai. Cùng nói là pháp luân cần

bản, cùng che là giáo pháp ngọn ngành, cùng khai là gom ngọn về gốc. Ba môn này không chỉ mình đức Thích-ca giáo hóa, mà gồm nhiếp tất cả giáo môn của Chư Phật, hội Pháp Hoa trước đủ đều ba môn này, nhưng đối với xưa là cùng che, cho nên nói cùng khai mà thôi.

2. Nói về Phật giáo hóa gồm có ba môn, trước khi nói Pháp Hoa nhiếp tất cả tà quy về chánh của năm thừa, gọi là môn nhiếp tà quy chánh. Phần đầu kinh này hội năm thừa khác nhau, đồng quy về một đạo, gọi là môn nhiếp dị quy đồng. Phần sau kinh này nói về quả của pháp thân, gọi là môn dẫn nhân hưởng đến quả. Ba môn này chẳng giáo pháp nào không gồm nhiếp, chẳng có hạng người nào không giáo hóa. Kinh này đối với xưa chỉ có hai môn, mà kết thúc hội trước sau lại đầy đủ ba môn, như bài tựa trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói.

3. Nói về việc của Phật gồm có ba luân, đó là biết tâm người khác hiện thân lực và nói giáo môn. Ba luân này chẳng có Phật sự nào không gồm nhiếp, không có chúng sanh nào không giáo hóa. Phần đầu kinh gom giáo pháp năm thừa về Nhất thừa, nghĩa là nói pháp luân; phần sau kinh nói kéo dài thân ngấn tự tại thích ứng sự giáo hóa, nghĩa là thân thông luân. Vì thế đoạn văn trước chép: “Vì nói trí tuệ Phật nên Chư Phật xuất hiện ở đời, chương sau chép: Lực thần thông bí mật của Như lai, tức làm chứng việc này.

4. Nói về đức của Phật gồm có ba thứ: Pháp thân, Bà-nhã và giải thoát. Dùng chánh pháp làm thân nên gọi là Pháp thân, chẳng có cảnh nào không chiếu nên gọi là Bà-nhã, không hệ lụy nào không sạch hết nên gọi là Giải thoát. Sở dĩ đức của Phật chỉ nói ba thứ này, vì Pháp thân, Bà-nhã chẳng đức nào không tròn đầy, một môn giải thoát chẳng hệ lụy nào không dứt sạch. Đức không gì không tròn đầy lại chia làm hai là pháp thân và trí tuệ, như người thế gian có thân có trí hiểu biết. Lại nữa, pháp thân là thể, trí tuệ là dụng, nội trí chẳng có gì không chiếu gọi là Bà-nhã, ngoại cảm chẳng có gì không ứng bởi pháp thân. Lại nữa, vì đối sanh tử chỉ nói ba, vì đối sanh tử báo chướng nên nói pháp thân, vì đối với sanh tử nghiệp chướng nên nói giải thoát, vì đối phiền não chướng nên nói Bà-nhã. Lại, tất cả mười hai nhân duyên không ngoài ba đạo là khổ đạo, nghiệp đạo, và phiền não đạo. Đức Như Lai ở trên đỉnh của Trung đạo bậc nhất nghĩa riêng biệt với cha mẹ vô minh có đủ ba đức. Lại đối với Nhị thừa chưa tròn đầy ba đức mà nói Như lai có ba đức tròn đầy. Lại, pháp thân nói là thân nghiệp của Như lai, Bà-nhã là nói về miệng nghiệp của Như lai, nói giải thoát là nói lên ý nghiệp của Như lai, như Phẩm Tứ tướng đã nói. Nay kinh này có đủ ba

đức nên gọi là diệu, người phạm phu Nhị thừa không đủ ba đức nên gọi là thô. Phần đầu kinh nói về Bà-nhã, phần sau kinh nói về Pháp thân, hai thứ này không còn hệ lụy là Giải thoát.

Hỏi: Phần sau kinh nói về Pháp thân có thể thấy trong văn, phần đầu kinh nói thế nào là Bà-nhã?

Đáp: Như trước chép: Kinh này ban đầu chủ trương khen ngợi trí tuệ sâu xa của Phật, đức Đa Bảo khen ngợi trí tuệ bình đẳng, tức là việc này.

Hỏi: Đoạn nào nói về đức giải thoát?

Đáp: Phẩm Thí Dụ chép: người Nhị thừa chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, thật ra chưa được giải thoát tất cả. chỉ lìa hư vọng gọi là giải thoát, đó chỉ thoát khỏi phần đoạn sanh tử trong ba cõi và kiến hoặc tư hoặc, nếu dứt hết năm trụ dứt hai sanh tử, gọi là giải thoát tất cả. Dùng pháp này chính là để phân biệt khác với Nhị thừa, khiến họ bỏ chấp ba mà về một.

5. Nói chung tất cả pháp Đại thừa Tiểu thừa đều không ngoài pháp môn nhân quả, nhân quả Đại thừa gồm có hai môn:

a) Nhân chung quả chung, nói tất cả Chư Phật ba đời mười phương có nhân thực hành không khác và đồng đắc quả nhất thừa, phần đầu văn kinh chính là nói về pháp này, tức nhân chung quả chung.

b) Nhân riêng quả riêng, nói về đức Thích-ca thành Phật đã lâu, có nhân thực hành lâu xa từ đời quá khứ, đời vị lai chứng quả thường trú bất diệt, đoạn sau kinh ý chính là nói pháp này, tức nhân riêng quả riêng.

6. Nói chung Chư Phật không ngoài hai trí quyền và thật, không ngoài chân thân và ứng thân. Trí thấy rõ ba thừa là quyền, trí thấy rõ nhất thừa là thật, phần đầu kinh chính là nói hai trí này. Hiện sanh ở cung vua, thành đạo ở Già-da là ứng thân, không đầu, không cuối, chẳng sanh, chẳng diệt là chân thân, đoạn sau kinh có nói về nghĩa này, vì thế luận ở hai thân.

7. Kinh này gọi là diệu pháp, tức là nhất thừa, nên phẩm Thí Dụ Thừa này là mâu nhiệm, thanh tịnh bậc nhất, đối với thế gian không còn pháp nào hơn. Thừa có hai thứ là pháp sở thừa và người năng thừa. Năng thừa, sở thừa tức nghĩa thừa mới viên. Phần đầu nói về pháp sở thừa tức pháp mâu nhiệm, kể là từ phẩm Hiện Thập bát trở đi là nói về người năng thừa, tức là người mâu nhiệm. Vì sao biết? Như phẩm Phương Tiện chép: Phật tự trụ trong pháp Đại thừa, như pháp sở đắc, sức định tuệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sanh, đây là pháp sở thừa. Từ

phẩm Hiện Tháp báu trở đi là giải thích Như lai nói nghĩa thường, vô thường, tức là người năng thừa. Người và pháp lại không có hai thể tức nói một mà chính là quán hai nghĩa để nói, nghĩa thống ngự là người, nghĩa vâng theo khuôn phép là pháp, nhưng chánh quán xét không hề có người, pháp, vì chúng sanh nên gương gọi là người, pháp.

8. Luận chung về chúng sanh mê muội có hai hạng, đó là mê nhân và mê quả. Phần đầu kinh phá chấp mê nhân, phần sau kinh bác bỏ mê quả. Xưa đối với một Phật thừa mà chia ra nói ba, tức chỉ nhân lớn là quả nhỏ, người nghe bèn chấp quả nhỏ này là rốt ráo, không biết quả nhỏ tức là nhân lớn, đó gọi là mê nhân. Nay chép: “Việc làm của các ông là đạo Bồ-tát”, tức lại chỉ quả nhỏ là nhân lớn, phá sự cố chấp rốt ráo của những người ấy, đó là phá chấp mê nhân.

Phần sau nói thân chân thật của Như lai là không sanh diệt, người Nhị thừa phàm phu cho là sanh diệt vô thường, vì phá sự mê này nên nói pháp thân thường trú, đó gọi là bác bỏ mê quả.

Hỏi: Xưa nói nhân lớn là quả nhỏ, nay lại chỉ quả nhỏ là nhân lớn, cũng có thể: Xưa nói pháp thân là sanh diệt, nay lại chỉ sanh diệt là pháp thân được không?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì xưa che tướng mà nói thân Như lai có sanh diệt, nay mở cửa phương tiện, nói lên nghĩa chân thật, cho nên nói sanh diệt là ứng tích thân, không sanh diệt là pháp thân. Nhưng đối với những người chấp tích mê bồng, nên chia làm hai thân là ứng và chân, thật ra quả nhỏ nhân lớn không có hai pháp, so với thân chẳng so sánh được.

9. Nhiếp thâu chung về sự mê hoặc trái ngược gồm có hai thứ, đó là trái ngược, chính mình và trái ngược với người. Phần đầu kinh phá ở mình trái ngược, phần sau kinh phá trái ngược ở người khác.

Người Nhị thừa thật chẳng phải rốt ráo, do điên đảo nên tự cho là rốt ráo, ngài Xá-lợi-phất nói: “Nay con nơi trí mình, nghi ngờ không thể hiểu, đó là pháp rốt ráo, hay là đạo thực hành”, tức là việc này, đó là tự mình điên đảo

Phần sau kinh là phá trừ điên đảo ở người. Quả đức Như lai đối với người Nhị thừa gọi là người khác, tự mê hoặc thân mình đã nhập vô dư, cho rằng thân Như lai cũng như tro đã tắt, đó là điên đảo ở người. Nay hai đoạn kinh cùng phá hai sự điên đảo, đoạn đầu nói lên người Nhị thừa chẳng phải rốt ráo, đó là phá trừ điên đảo của bản thân, đoạn sau kinh nói pháp thân thường trú, đó là phá trừ điên đảo ở người, trừ hai sự điên đảo rồi thì tất cả hoặc đều hết, bỏ chí nhỏ phát tâm lớn. Lại

nữa, phần đầu kinh phá trừ điên đảo bản thân, tức khiến người Nhị thừa biết Niết-bàn kia chẳng phải thường trụ, đó là phá chấp thường điên đảo. Đoạn sau kinh phá trừ điên đảo với người tức nói lên thân thường trú của Như lai, phá trừ điên đảo vô thường. Hai điên đảo đã trừ hết thì mong được ngộ đạo.

Hỏi: Phần đầu kinh nói phá trừ thường đảo, vậy có phá đủ cả bốn đảo hay không?

Đáp: Phá đủ cả bốn đảo. Hàng Nhị thừa tự cho rằng Niết-bàn kia là thường tức có lạc, tịnh, tuy không có nhân ngã mà có pháp ngã, tức cũng có ngã đảo. Nên biết phần đầu kinh phá trừ đủ cả bốn thứ điên đảo thường, lạc, ngã, tịnh. Phần sau kinh người Nhị thừa cho rằng Phật là vô thường, khổ, không vô ngã, bất tịnh, nên phá trừ sai lầm này tức cũng phá đủ bốn thứ điên đảo. Kinh này trước sau đã phá đủ tám thứ điên đảo, tức là nói Niết-bàn đã rồi, người đáng ngộ đều đắc đạo, Phật Đấng Minh không cần nói kinh Niết-bàn, ý là ở đây. Chỉ vì đức Thích-ca vì người căn tánh chậm chạp chưa được ngộ, nên nói rộng Pháp Hoa, sau lại nói Niết-bàn.

Hỏi: Đoạn văn trước chỗ nào nói phá thường đảo?

Đáp: Phẩm Thí Dụ chép: Chỉ hết sanh tử mà thật ra là chưa diệt, chưa diệt há là thường sao? Đoạn sau phá vô thường đảo, văn ấy hiển rõ dễ thấy.

Hỏi: Người Nhị thừa nhân quả đều mê, tự tha đều điên đảo, đó là hoặc nào? Đáp: Người này đối với Bốn trụ đã phá đổ, chỉ có vô minh nên sanh ra sai lầm.

10. Nói về nói pháp gồm có hai môn, một là nói thẳng, hai là nói thành nhau. Phần đầu kinh gọi là nói thẳng, nghĩa là nói thẳng lý không hai chỉ một đạo thanh tịnh, gọi là diệu. Trong văn kinh “Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp”. Nói một là không có chín mười sáu thứ khác, cũng không sự khác nhau của năm thừa, chỉ có một đạo thanh tịnh nên gọi là một. Chí diệu, rộng rang gọi là cửa, không chứa tâm ái kiến của phàm phu nên gọi là hẹp, cũng không chứa kiến chấp đoạn thường của Nhị thừa nên gọi là nhỏ. Phần đầu kinh chính là nói về một đạo thanh tịnh, bác bỏ ái kiến của phàm phu, kiến chấp đoạn thường của Nhị thừa nên gọi là nói thẳng. Phần sau kinh gọi là nói thành nhau, trước tuy nói một đạo thanh tịnh, mà chưa biết một đạo này là vô thường hay thường trụ. Nếu là vô thường thì cũng đồng như chín mười sáu thứ, nếu là thường thì cũng không khác bốn thừa, chính là pháp thô, không phải pháp diệu. Một đạo thanh tịnh là thường hằng bất biến, vượt khỏi

thường, vô thường nên gọi là diệu. Nhưng thể của pháp đã là thường, thì người chứng pháp cũng là thường trụ, cho nên kinh Niết-bàn chép: “Chỗ quy thú của Chư Phật là pháp. Do pháp là thường nên Chư Phật cũng thường”. Do ở sau thường nên ở trước là độc nhất, diệu nghĩa bắt đầu sáng gọi là nói thành nhau.

Mười nghĩa trên đây đều là phân chia đại khái, chương trước chẳng phải không có ý sau, chương sau chẳng phải không có ý trước, nhưng một bề chỉ bày là từ số nhiều mà luận, cho nên có sự phân chia này.

Hỏi: Chia làm hai đoạn như mười môn trên, nếu không khai thì làm sao biết giáo pháp?

Đáp: Kinh tên là Diệu Pháp Liên Hoa, trước sau đều nói về Trung đạo, chánh quán không hai nên gọi là diệu, không đắc, không nương dựa, không đắm nhiễm nên gọi là Liên Hoa. Phạm phu đấm “có”, Nhị thừa mê “không”, Bồ-tát đấm Trung đạo, như vậy một và ba, thường, vô thường, cho đến một mảy may mê đắm đều là pháp thô, không gọi là diệu, đều là nhiễm ô, không phải Liên Hoa. Nay chỉ khiến đắc nhất chánh quán tức đầy đủ tất cả Phật pháp, chánh quán mầu nhiệm nên gọi là pháp diệu, đến như người dùng pháp này làm thân nên gọi là pháp thân. Chư Phật dùng pháp này làm tánh nên gọi là Phật tánh, chỉ một tự tại nên gọi là Nhất thừa, chẳng cảnh nào không chiếu nên gọi là Bà-nhã, chẳng hệ lụy nào không vắng lặng nên gọi là Niết-bàn, nên nói rằng: Bà-nhã là một pháp. Phật nói các môn gọi là tùy các chúng sanh, vì đó mà đặt ra các danh tự khác nhau, cho nên người học chỉ cần quán xét tâm thanh tịnh. Trong văn kinh chép: Phật vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện ra đời, đó là khai tri kiến Phật, tri kiến Phật tức là chánh quán. Tuy có mười nghĩa nhưng nay tạm y theo thừa phương tiện thừa chân thật và thân phương tiện, thân chân thật, để chia thành hai đoạn.

Hỏi: Đoạn đầu nói về thừa chân thật, là nói nhân hay nói quả?

Đáp: Đoạn đầu nói lược rộng và đoạn sau làm chứng lời nói đều là khen ngợi trí tuệ của Phật, tức là nói về nghĩa của quả thừa. Sở dĩ như vậy vì gồm có hai nghĩa:

1. Quả thừa đức: chẳng có gì không tròn đầy, hệ lụy chẳng có gì không trừ hết nên gọi là diệu, có thể ví dụ như hoa sen. Hoa sen có đài, lá đầy đủ như đức chẳng có gì không tròn đầy, thanh tịnh không nhiễm ô, như hệ lụy chẳng có gì không trừ hết, cho nên nói thừa này là mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất, vì thế dùng quả thừa làm chính. Nhân thừa do đức chưa tròn đầy, hệ lụy chưa trừ hết nên gọi là diệu, thiếu hai nghĩa này nên không được dụ như hoa sen.

2. Phần đầu kinh chính là nói quả Nhị thừa là phương tiện, nên nói một Phật thừa là chân thật, tức khiến xả bỏ quả Tiểu thừa mà cầu quả Đại thừa, vì thế nói quả thừa là chính. Đã nói có một quả Phật thừa, tức là quả Nhị thừa thuộc về nhân thừa, khiến kia tu nhân Phật mà cầu quả Phật.

Hai đoạn trước sau mỗi đoạn chia làm bốn phần: Bốn đoạn trước gồm:

1. Lược bỏ ba bày một động chấp sanh nghi ngờ.
2. Động chấp sanh nghi bày tỏ nghi dẫn đến thưa thỉnh.
3. Rộng bỏ ba bày một tức dứt nghi sanh tín.
4. Nói về truyền bá.

Sở dĩ có bốn đoạn này là do đại chúng lúc này căn cơ Đại thừa đã phát động, ứng khai nói Nhất thừa, chỉ vì chấp Ba thừa đến nay đã lâu nên chưa được giảng rộng, tạm lược bỏ ba bày một để động chấp sanh nghi ngờ. Người lãnh thọ giáo pháp bỗng nghe thuyết phi thường, nên sanh tâm nghi, dẫn đến thưa hỏi. Động sự cố chấp nghĩa là đáng trừ bỏ, nghi ngờ sanh có lý đáng được hiểu, đã có lời xin nên có nhận lời thỉnh mà nói rộng, phá sự chấp ba thừa, dứt sự nghi ngờ mà sanh tin hiểu. Một châu này nói đã tròn đầy, còn muốn che chở xa đến đời vị lai, cho nên lần lược truyền bá.

Phần văn thể hiện bốn đoạn này là:

1. Từ phẩm Phương tiện cho đến hết phần văn xuôi và kệ tụng đầu là đoạn thứ nhất.
2. Từ câu: Bấy giờ trong đại chúng, cho đến hết ba lần xin của ngài Xá-lợi-phất là đoạn thứ hai.
3. Từ câu: Bấy giờ, đức Thế tôn bảo ngài Xá-lợi-phất cho đến hết phẩm Thọ Học Vô Nhân Ký gồm bảy phẩm rưỡi là đoạn thứ ba.
4. Một phẩm Pháp Sư là đoạn thứ tư.

Đoạn thứ nhất chia làm hai phần:

1. Nhân khen ngợi hai trí, dường như khai tông
2. Nói rõ, nói lược.

Sở dĩ trước dường như khai tông, phần sau lại nói lược, bởi lý Nhất thừa chân thật không thể nói thẳng, ba chấp không thể bác bỏ ngay. Nay muốn khai ngộ chúng sanh để dứt nghi, cho nên khen ngợi hai trí của Phật, chẳng phải chỗ hiểu biết của người Nhị thừa.

Khen ngợi hai trí của Phật tức là dường như nói lên chân thật, nói người Nhị thừa không biết tức dường như khai phương tiện. Chương trước đã có nghĩa dường như cho nên phần sau phải dần dần rõ ra; vì

chưa thể nói rộng nên gọi là nói lược.

Phần đầu chia làm hai, là văn xuôi và kệ tụng, văn xuôi lại có hai phần:

1. Nói lời kỳ diệu khen ngợi hai trí.
2. Im lặng mà khen ngợi hai trí.

Phần đầu lại có hai ý:

1. Khen ngợi hai trí của Chư Phật
2. Khen ngợi hai trí của đức Thích-ca

Phần khen ngợi hai trí của Chư Phật lại có hai ý:

1. Lời tựa của nhà dịch kinh nói Phật xuất định và xuất hiện người đối đáp.
2. Chính là khen ngợi hai trí.

“Lúc bấy giờ đức Thế: Phật nhập Tam-muội việc làm đã rồi, nay là lúc nói pháp đến nên xuất định. Nói theo ba nghiệp, thì nhập định là ý nghiệp làm lợi ích, phát ra ánh sáng là thân nghiệp làm lợi ích, nay muốn nói miệng nghiệp làm lợi ích nên xuất định. An lành: là bày tướng của bậc đại nhân, muốn nói pháp lớn nên trước phải bày tướng của đại nhân. Lại nữa, an lành là động tịch vô ngại, cho nên luận chép: Nói lên định lực tự tại của Như lai mà không ai kinh động nên gọi là an lành.

“Bảo với Xá-lợi-phất”: đó là nói với người đối diện.

Hỏi: Vì sao không bảo các Bồ-tát?

Đáp: Thanh Văn tự chấp mình là rốt ráo, vì muốn chê trách nên nói với họ, Bồ-tát không có chấp này nên không nói với Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao không nói với Duyên giác?

Đáp: Trong hội Pháp Hoa không có người chứng quả Duyên giác, tuy có người tu nhân Duyên giác mà lợi căn không bằng Thanh Văn nên không nói.

Hỏi: Kinh này phần khai tông liền bảo với ngài Xá-lợi-phất, so với kinh Đại Phẩm có gì khác nhau?

Đáp: Kinh Đại Phẩm là thâm bảo, dùng thâm khai khiến người Tiểu thừa học Đại thừa. Kinh này là hiển bảo, nói lên khiến Thanh Văn tu đạo Bồ-tát.

Hỏi: Nếu vậy vì sao luận Trí Độ chép: Kinh Đại Phẩm chẳng phải bí mật, kinh Pháp Hoa là bí mật?

Đáp: Kinh Đại Phẩm không nói người Nhị thừa thành Phật, chỉ nói Bồ-tát thành Phật, nghĩa ấy dễ hiểu, như dùng cỏ thuốc làm thuốc, nên không gọi là bí mật Kinh Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật so với xưa là khó hiểu, như lấy chất độc làm thuốc, nên gọi là bí mật.

Hỏi: Kinh này đối với ai là khó, dễ?

Đáp: Kinh Đại Phẩm xưa dạy A-nan là dễ hiểu, do Bồ-tát là bậc đại nhân lại nói bậc đại nhân thành Phật, cho nên A-nan liền hiểu, vì thế kinh Đại Phẩm phó chúc cho Ngài A-nan.

Kinh Pháp Hoa nói người Nhị thừa thành Phật khác với xưa dạy, đối với Thanh Văn là khó hiểu, cho nên kinh Pháp Hoa không phó chúc cho Ngài A-nan. Sở dĩ Phật bảo với Thanh Văn, theo ý của luận Pháp Hoa gồm có năm nghĩa:

1. Giúp Thanh Văn tu hành nhân Đại thừa
2. Giúp chứng được quả Đại thừa
3. Giúp Thanh Văn tu nhân Đại và quả Đại tâm không khiếp sợ.
4. Muốn giúp người khác khéo suy nghĩ nên nói, đối với người tâm Tiểu thừa còn nói họ thành Phật, huống là người khác há không cầu thành Phật sao?
5. Khiến hàng Thanh Văn không khởi tâm cho rằng việc phải làm đã làm xong, vì thế trước khiến họ chứng quả lớn, nay khiến họ bỏ quả nhỏ.

Hỏi: Vì sao không bảo các Thanh Văn khác mà lại bảo riêng Ngài Xá-lợi-phất?

Đáp: Ngài Xá-lợi-phất căn duyên thành thực, lãnh ngộ trước nhất, lại là đại tướng theo Phật xoay bánh xe pháp. Nay nói về bình đẳng trí tuệ bậc nhất, nên phải đối với người trí tuệ mà nói, cũng là thích hợp căn duyên.

“Trí tuệ của Chư Phật là sâu xa vô lượng”, đây là phần chánh khen ngợi hai trí của Chư Phật. Không có người xin mà Phật tự nói gồm có hai nghĩa:

1. Nói lên Như lai có tâm đại bi thuận nhất biết căn cơ động thì nói không đợi người xin. Ngài Tăng Triệu chép: Bạn chân thật không đợi mời, như mẹ hiền đến với con thơ.
2. Muốn nói lên lý sâu xa huyền diệu không ai có thể hỏi, cho nên tự nói. Như kệ sau chép: “Pháp đặc nơi đạo tràng, không ai có thể hỏi”.

Nói về trí tuệ, thì kinh nói khác nhau nhau, hoặc chỉ một quả trí gọi là Như thật trí. Nếu trong nhân mà chưa dứt hết hoặc thì sở chiếu chưa chân thật, quả địa hết hoặc nên trí tuệ chẳng có gì là không chân thật. Hoặc chia ra hai trí; chiếu “không” là Nhất thiết trí, thấy ở “có” là nhất thiết chủng trí, đây là từ chỗ chiếu hai đế mà gọi tên; do pháp không là chân, tục, nên trí chỉ khai ở hai. Hoặc khai ba trí, như phẩm Chúc Lụy ở

kinh này nói trí Phật, Như lai trí, tự nhiên trí, trí Phật là Nhất thiết chủng trí, Như lai trí tức Nhất thiết trí, tự nhiên trí tức vô công dụng trí. Hai trí trên tùy ý mà biết, không phải tác ý nên gọi là tự nhiên trí.

Lại nói là Bốn trí, như phẩm Thí dụ nói, ba trí trước đồng như trên, thứ tư là Vô sư trí. Vô sư trí là ba trí trên không từ thầy mà có. Bốn trí này là chánh tông của kinh nên gọi là trí tuệ của Chư Phật.

Văn này chia làm ba phần: nêu cả hai, giải thích cả hai kết luận cả hai.

Trí tuệ của Chư Phật, là nêu thật trí của Phật, rất sâu vô lượng là khen ngợi thật trí của Phật. Phạm phu, Nhị thừa và Bồ-tát đều không thể so lường nguồn trí của Phật nên gọi là rất sâu, cũng không thể so lường bờ mé trí Phật nên gọi là vô lượng.

Kinh Vô lượng thọ chép: Biển trí tuệ của Như lai là sâu rộng không có bờ, đáy, Nhị thừa chẳng thể so lường, chỉ có Phật mới biết.

Luận Pháp hoa nói về nghĩa rất sâu gồm có năm thứ:

1. Nghĩa rất sâu: tức là quả đức của Phật có Vô Lượng Nghĩa.
 2. Thể rất sâu: tức là pháp thân bình đẳng không có khác nhau.
 3. Nội chứng rất sâu: tức là Phật chứng pháp thân tương ứng với pháp thân, gọi là nội chứng.
 4. Y chỉ rất sâu: tức Chư Phật mười phương đồng y chỉ pháp thân.
 5. Vô thượng rất sâu, Bồ-đề vô thượng là sở chứng của Chư Phật.
- Quả đức thì phải có đủ năm thứ này.

Lại sự sâu xa thì bốn trường hợp cũng không thấy được bờ đáy của trí ấy nên gọi là rất sâu, trăm phi không so lường được bờ mé ấy nên nói là vô lượng.

Hỏi: Lẽ ra chỉ nói là sâu, sao gọi là rất sâu?

Đáp: Rất trong sâu nên gọi là rất sâu. Nhưng diệu quán của Như lai không hề có ngu hay trí, vì đối sự ngu của Nhị thừa nên gượng gọi là trí, cũng chẳng có sâu, cạn, lượng hay vô lượng, vì đối với Nhị thừa không thể so lường nên nói là vô lượng.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp giới chẳng có lượng cũng chẳng có vô lượng, đức Mâu-ni đều vượt ngoài lượng và vô lượng.

Lại khen ngợi nghiêng về hai trí của Phật, ý muốn nói chỉ có trí Phật là rốt ráo, các trí khác chưa rốt ráo, đây là nói lên rốt ráo để ngầm bác bỏ Nhị thừa chưa rốt ráo. Luận lại chép: Vì các đại chúng mà sanh tâm tôn trọng cuối cùng muốn nghe Như lai nói pháp, cho nên khen ngợi trí Phật.

Lại nói pháp gồm có hai môn là khen ngợi thuốc và cho thuốc.

Nay lược nói là khen ngợi thuốc, sau nói rộng là trao thuốc.

Hỏi: Đức của Phật là vô cùng, vì sao khen ngợi nghiêng về trí tuệ?

Đáp: Nhất thừa lấy muôn đức làm thể, ở trong muôn đức thì tuệ là chính, cho nên khen ngợi nghiêng về trí tuệ.

“Môn trí tuệ đó khó hiểu khó vào”: phần này nêu trí phương tiện, khen trí phương tiện. Trí tuệ ấy là trí tuệ đã nói trên, chữ môn là trí tuệ phương tiện, nói tất cả giáo là có cả trí Phật, cho nên dùng tất cả giáo làm môn trí tuệ Phật, chánh lấy tất cả giáo làm môn. Như phẩm Dược Thảo Dụ chép: Đối với tất cả pháp, trí phương tiện mà giảng nói, pháp được nói đó đều đến nhất thiết trí, đầy đủ làm chứng.

Lại nữa, giáo năng thông sanh quán giải, là giải là môn, nhưng giáo năng sanh thật giải, thì cùng thật giải làm môn, cũng khiến biết quyền và quyền giải làm môn.

“Khó hiểu khó vào”, ban đầu không thể biết là khó hiểu, sau không thể ngộ gọi là khó vào.

“Tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật không thể biết được”: nói người không thể hiểu. Trên khen ngợi trí Phật sâu xa, là muốn nói lên Nhất thừa, môn trí tuệ ấy khó hiểu khó vào, cho đến Nhị thừa đều không thể biết, là muốn bác bỏ Nhị thừa. Sở dĩ Nhị thừa không thể biết, là vì Như lai đối với một mà nói ba, muốn cho do ba mà hiểu một, cho nên lấy ba làm một môn, người Nhị thừa bèn chấp ba, không thể do ba mà ngộ một, vì thế không thể biết ba thừa. Người Nhị thừa không hiểu ba, lại không nhập Nhất thừa, tức ở bên ngoài môn. Vì thế kệ sau có chép: “Còn đứng ở ngoài cửa”.

Hỏi: Trên đã nói khó hiểu khó vào, sao nay chỉ nói không thể biết?

Đáp: Nhị thừa còn không thể biết nói ba thừa là để biểu hiện Nhất thừa, huống gì có thể do ba để nhập Nhất thừa?

“Vì sao như vậy”: đoạn văn dưới đây là phần giải thích cả hai trí của Chư Phật.

Sở dĩ thật trí rất sâu vô lượng, quyền trí khó hiểu khó vào, do nhân thực hành đã chứa nhóm, cho nên quả sâu mâu khó hiểu khó vào, lẽ ra cũng đối với Nhị thừa. Sở dĩ không hiểu, là do gieo nhân đã gần mà quả trí lại chậm lụt nên không thể hiểu.

Văn này có hai phần: câu đầu nói gặp Phật đã nhiều, câu kế nói tu hành đã lâu. Phần sau lại có hai câu, câu đầu chính là nói tu hành tất cả hạnh, câu kế nói tuy tu hành mà siêng năng mạnh mẽ, câu đầu nói hạnh

là chỗ để cố gắng, câu sau nói siêng năng là tự cố gắng. “Tiếng tốt đồn khắp”: do đức vững ở bên trong nên tiếng tốt truyền ra bên ngoài. Sở dĩ biết Phật tu đủ các hạnh và tinh tấn mạnh mẽ, do lúc tu các hạnh thì tiếng tốt đồn khắp nên tự chứng biết.

Theo luận Nhiếp Đại thừa nói có bốn thứ tu:

1. Cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật, tức gần gũi rất nhiều Đức Phật, thời gian lâu dài, đây gọi là trường thời tu.

2. Thực hành tất cả vô lượng đạo pháp của các Đức Phật, chẳng có hạnh nào không tu, gọi là vô dư tu.

3. Mạnh mẽ tức lúc tu hành không có tâm biếng nhác, đây gọi là tôn trọng tu.

4. Tinh tấn tức là liên tục nghĩ đến pháp lành không để các niệm khác xen vào, gọi là vô gián tu. Trước là đốn phương tiện, nay là thường phương tiện tu bốn thứ này tức có đức bên trong, do đức bên trong đã đủ nên tiếng tốt đồn khắp.

“Thành tựu pháp rất sâu không hề có”, đây là câu nói kết thúc hai trí, trước là lời kết về thật trí, tùy theo sự thích ứng mà nói, kế nói lời kết về phương tiện trí. Sở dĩ nói lời kết là do có ba môn mà nêu ra, giải thích và kết thúc thì nghĩa mới đầy đủ.

“Xá-lợi-phất! từ khi ta thành Phật đến nay”: theo luận Pháp Hoa thì trước đã nói về môn diệu pháp công đức, nghĩa là diệu pháp Như lai chứng đắc rất sâu khó hiểu khó vào. Nay khen ngợi công đức Pháp sư của Như lai, do Phật thành tựu, các công đức nên có thể giáo hóa chúng sanh. Trước đã khen ngợi hai trí của Chư Phật, nay khen ngợi hai trí của đức Thích-ca. Sở dĩ trước nói về Chư Phật sau nói về đức Thích-ca, do chỉ bày sự ngộ dần cho chúng sanh. Trước nói Chư Phật là khai tông, sau nói đức Thích-ca là thuận theo, tức khiến người chấp ba thừa không sanh nghi ngờ chê bai. Văn này cũng có ba phần:

1. Khen ngợi quyền trí.

2. Khen ngợi thật trí.

3. Lại khen ngợi quyền trí

Hỏi: Nay khen ngợi hai trí của đức Thích-ca, có gì khác với trước?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1. Trên là tóm lược khen ngợi hai trí, nay là khen ngợi rộng các đức, ban đầu lược sau rộng là vì giải nghĩa, hai trí là chủ của Nhất thừa, cho nên ban đầu lược khen ngợi hai trí, quả thừa chẳng có đức nào không đầy đủ, cho nên sau rộng khen ngợi các đức.

2. Khen ngợi Chư Phật từ thật mà khởi quyền, khen ngợi đức Thích-ca dùng quyền giải thích thật.

3. Khen ngợi Chư Phật nêu nhân giải thích quả, khen ngợi Đức Thích-ca là nêu quả giải thích quả.

Câu “từ khi ta thành Phật đến nay” là khen ngợi quyền trí gồm có hai nghĩa:

1. Như trên giải thích Chư Phật từ thật khởi phương tiện, nay từ phương tiện khởi thật.

2. Theo thể văn liên tục, trên nói lược trí phương tiện, nói về khó hiểu khó vào, nay giải thích rộng trí phương tiện nói ý khó hiểu khó vào. “từ khi ta thành Phật đến nay”: là nói thành đạo có hai nghĩa:

a) Hiện sanh cung vua, thành đạo ở Già-da, từ đây trở đi là thí pháp phương tiện.

b) Y theo đoạn văn sau nói thành Phật đã lâu, từ nay trở đi là ban pháp phương tiện, đây là nói về thời gian dùng quyền. Các thứ nhân duyên”, đây là nói về sử dụng quyền trí.

Nhân duyên tức là nhân duyên để độ người ba thừa, nói nhập đạo khác nhau, do sự nương duyên mỗi người khác nhau nên nói là các thứ. “Các thứ thí dụ”: gồm có hai nghĩa:

1. Vì người ba thừa mà nói các thí dụ, như luận Trí Độ chép: trong ba tạng, Phật vì các Thanh Văn mà nói các thí dụ, nhưng không nói về thí dụ thành Kiên-thất-bà, cho đến vì các Bồ-tát mà nói rộng mười loại thí dụ. Sở dĩ trong ba tạng không nói thí dụ thành Kiên-thất-bà, là vì ba tạng không nói bản tánh tất cả pháp vốn không, mà thí dụ thành Kiên-thất-bà nói về nhân năng thành và quả sở thành vốn không, cho nên trong ba tạng không nói Trong luận Thành Thật cũng có thí dụ này, dẫn thí dụ trong Bồ-tát tạng và trong pháp Tiểu thừa mà giải thích.

2. Hợp hạng người Ba thừa mà ví dụ, như ba chim thoát lưới, ba thú qua sông. “Rộng nói ngôn giáo”: trên là thí dụ, nay là pháp. “Dùng vô số phương tiện điều dắt chúng sanh”, trên nói thí dụ và pháp, đều khéo léo nên gọi là phương tiện. Lại nữa, thí dụ và pháp trên đều thuộc về miệng nghiệp, nay nói thân nghiệp hiện thân thông, ý nghiệp thâm giáo hóa, đó là dùng vô số phương tiện.

Luận Pháp Hoa chép: Phương tiện tức là từ cung trời Đâu-suất hiện sanh cho đến thị hiện nhập Niết-bàn. Lại chép: Vô số phương tiện là thị hiện tà pháp ngoại đạo, nói lên lỗi lầm trong ấy, thị hiện chánh pháp công đức. Lại có bốn thứ phương tiện:

1. Khiến nhập các pháp lành

2. Khiến dứt trừ nghi ngờ
3. Khiến nhập trí tăng thượng cao quý
4. Y theo bốn nhiếp pháp mà nhiếp lấy chúng sanh.

Nói tám tướng là chánh phương tiện, nay là chỉ bày tà phương tiện. “Dẫn dắt chúng sanh khiến xa lìa các chấp”, đây nói sử dụng ý phương tiện. Sở dĩ dùng vô số phương tiện là vì khiến chúng sanh xa lìa chấp trước. Do chúng sanh đắm nhiễm ba cõi, muốn giúp họ xa lìa nên nói pháp ba thừa, nhưng không nói thật có ba thừa rốt ráo, mà chúng sanh lại chấp ba thừa là rốt ráo, vì thế không hiểu ý Phật, nên đoạn văn trên nói khó hiểu khó vào.

Lại, Đức Phật lập ra phương tiện vốn là giúp cho chúng sanh lìa chấp trước, mà chúng sanh lại chấp ba thừa, đây là đắm ở chỗ vô chấp, vì thế không hiểu ý Phật. Luận Pháp Hoa chép: có bốn thứ chấp:

1. Chấp giới, tức chấp ba cõi.
2. Chấp địa, nghĩa là chấp từ Sơ thiên cho đến Phi phi tưởng và định Diệt tận.
3. Chấp phần, nghĩa là phần tại gia và phần xuất gia. Phần tại gia là chấp mình đồng loại làm các thứ nghiệp và tà kiến. Phần xuất gia là chấp tiếng tăm lợi dưỡng, các thứ phiền não và hiểu biết.

4. Chấp thừa, là chấp Tiểu thừa và Đại thừa.

“Vì sao như vậy? Đức Như lai đầy đủ phương tiện v.v...”: đây là giải thích trí phương tiện. Do đức bên trong tròn đầy nên bên ngoài dùng sự khéo léo để lợi ích chúng sanh.

“Xá-lợi-phất! Tri kiến Như lai rộng lớn sâu xa”: đây là phần khen ngợi trí chân thật. Trên dùng phương tiện để nêu tri kiến, đó là trí phương tiện, nay nói thẳng tri kiến là rộng lớn sâu xa gọi là thật trí. Có bốn nghĩa để khen ngợi tri kiến:

1. Chiều không chỗ nào không đến nên gọi là rộng.
2. Vượt khỏi Nhị thừa nên gọi là lớn.
3. Chiều dọc không thể thấy đáy nên gọi là sâu.
4. Chiều ngang không thấy bờ mé nên gọi là xa.

“Đức vô lượng vô ngại lực”, xưa chép: Bốn tâm vô lượng gọi là vô lượng, bốn biện tài vô ngại gọi là vô ngại, nay y theo Luận Pháp Hoa mà nói vô chướng vô ngại. Trên đã nêu tri kiến, nay dùng hai môn để khen ngợi.

1. Rộng lớn sâu xa là khen ngợi trí tròn đầy.
2. Vô chướng vô ngại là khen ngợi sự hệ lụy không gì không trừ hết.

“Lực vô sở úy”, từ đầu phẩm cho đến đoạn này tuy có nói Chư Phật và đức Thích-ca nhưng chỉ là khen ngợi trí tuệ. Từ đoạn văn này về sau là khen ngợi đủ tất cả đức, không chỉ trí tuệ sâu rộng mà tất cả các đức cũng rất sâu rộng vô lượng. Sở dĩ khen ngợi đủ tất cả các đức, gồm có hai nghĩa:

1. Dùng các đức làm thừa, nay muốn khen ngợi Nhất thừa cho nên khen ngợi đủ tất cả đức.

2. Người mê hoặc nghe khen ngợi trí tuệ Phật sâu xa cho rằng còn lại các đức không được, cho nên khen ngợi các đức là sâu xa, chẳng phải chỗ hiểu biết của người Nhị thừa.

Mười lực là đức bên trong của Phật nên khen ngợi trước, do biết căn cơ, hiểu rõ thuốc nên nói mười lực, bên trong nói mười cảnh nên bên ngoài nói không sợ sệt, vì thế kế là nói lên sự vô úy. Nói lực vô úy là khen ngợi trí tuệ Phật; thiền định, giải thoát, Tam-muội là khen ngợi công Đức Phật. Thiền là Tứ thiền, định là bốn định Vô sắc, giải thoát là tám giải thoát, Tam-muội là không, vô tướng, vô nguyện, bốn môn này là theo thứ lớp. Ban đầu đặc Bốn thiền, kế là đặc Bốn không định, đủ tám thứ thiền này thì đặc tám giải thoát, do đặc tám giải thoát nên có thể chứng ba không môn. Nhưng đây đều là một thể, tùy theo nghĩa mà phân chia ra. Công đức chứa nhóm thì gọi là thiền, gồm nhiếp không tán loạn thì gọi là định, muôn lụy đều dứt gọi là giải thoát, tâm ấy ngay thẳng nên gọi là Tam-muội.

“Sâu vào chốn không ngần mé”, trên nói các tức chia ra tám khoa, nay khen ngợi chung, đối với mỗi đức, Phật đều biết rõ cùng tột, người khác không thể biết đến ngần mé nên nói là không ngần mé.

“Thành tựu tất cả các pháp không hề có”: trên chánh là khen ngợi các đức gồm tám khoa còn chưa hết, nên nay tông kết lời khen ngợi.

“Xá-lợi-phất! Như lai hay dùng các thứ phân biệt”: đây là phần khen ngợi lại quyền trí. Trên nói thành tựu tất cả pháp không hề có, do đức bên trong đã tròn đầy nên bên ngoài khéo nói pháp, khéo nói pháp gồm có hai nghĩa:

1. Khéo nói pháp.

2. Khéo thích hợp căn cơ.

“Lời lẽ êm dịu”: trên là khen ngợi bốn trí vô ngại, nay khen ngợi năm thứ âm thanh, ở đây khác với khen ngợi quyền trí ở trên. Trên là nói ý phương tiện, tức là khiến chúng sanh lìa các chấp trước, không mê đắm Tiểu thừa, tức là bỏ Tiểu thừa. Nay khen ngợi đức khéo nói pháp của Phật, khiến chúng sanh ưa thích Đại thừa. “Xá-lợi-phất! Tóm

lại, vô lượng, vô biên pháp không hề có, Phật đều thành tựu”. Như lai chẳng những có lời lẽ khéo léo nói pháp Nhất thừa, mà còn đầy đủ công dụng cao quý của tất cả pháp ít có. “Thôi Xá-lợi-phất! Chẳng cần nói nữa”: đây là ngừng nói mà lại khen ngợi hai trí. Trên tuy khen ngợi trí tuệ sâu xa vô lượng, mà còn dính mắc danh ngôn, chưa cùng tận cái đẹp của khen ngợi. Còn như trí của người mà tâm thực hành đã dứt, ngôn ngữ cùng diệt, khen ngợi chỗ không thể khen ngợi, đó chính là sự cùng tận sự tốt đẹp về khen ngợi, cho nên tuy ngừng nói mà lại khen ngợi hai trí. Lại nói “Thôi” là tóm lại văn trên quy về chỗ không danh tướng. Trên là khai hai trí của Chư Phật và quyền trí, thật trí của đức Thích-ca, khen ngợi thật trí là sâu xa, khen ngợi quyền trí là khó hiểu khó vào, đây đều là ở chỗ không danh tướng mà mượn danh tướng để nói. Nhưng thật tướng các pháp là không hề có Chư Phật và Đức Thích-ca, sâu và không sâu, phương tiện và thật, vì thế Bát-nhã chép: Các pháp chẳng sâu, chẳng diệu, cho đến chẳng trí, chẳng ngu, chẳng quyền, chẳng thật.

Lại nữa, ngừng nói là muốn cho đại chúng khởi tâm tôn trọng đối với pháp, mà sau có ba lần xin cầu: lại muốn cho năm ngàn người tăng thượng mạn rời khỏi chỗ ngồi.

Luận Pháp Hoa chép: Chỉ bày pháp khí, tâm chúng sanh đã đầy đủ. Ý này nói Bồ-tát có căn tánh lạnh lợi, khi nghe lời nói trên thì đã liễu ngộ, không cần nói lại, cho nên ngừng nói. Theo ý này thì khi nói lược một châu chính vì Bồ-tát, do Bồ-tát có căn tánh lạnh lợi, nghe lược nói thì liền lãnh ngộ, hàng Thanh văn căn tánh chậm lụt chưa thể tỏ ngộ, vì thế ba lần cầu xin, khi nghe nói rộng mới được hiểu. Cho nên nói lược chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa, mà Bồ-tát hiểu trước, nên nói rộng là riêng cho Thanh Văn. Xưa cùng có sự giải thích như thế. Theo văn có hai phần:

1. Tuyên bố ngừng nói.
2. Giải thích vì sao ngừng nói.

Phần tuyên bố như văn trên, giải thích ngừng nói tức là câu “vì sao”, ở đây có hai ý:

1. Nói về pháp diệu: vì chúng sanh không hiểu nên không thể nói.
2. Chỉ có Phật mới hiểu được nên không cần nói; ý nghĩa vì sao không nói chỉ có hai điều này.

Hỏi: Xưa nay nói kinh này chiếu ba thừa là phương tiện, chiếu Nhất thừa là trí chân thật, thế ấy là có pháp, sao lại gọi là bất lời?

Đáp: Có người chép: Trí Nhất thừa là dứt bật ngôn ngữ của ba thừa. Lại có người vấn nạn: Tuy dứt bật ngôn ngữ ba thừa mà còn có ngôn ngữ của Nhất thừa, sao gọi là bật ngôn ngữ?

Lại hoặc nhất thừa dứt bật ngôn ngữ của ba thừa mà gọi là bật lời, thì ba thừa cũng dứt bật ngôn ngữ của nhất thừa, cũng là bật lời. Nếu ba thừa, Nhất thừa không dứt bật lẫn nhau, thì trâu, ngựa cũng chẳng thể không có. Nay nói đây chính là khen ngợi trí Phật, nên đoạn văn sau chép: “Trí tuệ mà Ta chứng đắc là mâu nhiệm bậc nhất”. Lại nói, “Pháp này không thể chỉ bày, tướng lời lẽ vắng lặng”. Vì thế trí tuệ của Như lai là chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải ba, không một, lia người, lia pháp, bật quán, bật duyên, tất cả danh ngôn đều không sánh bằng, nên nói là bật lời.

Kinh Đại Phẩm chép: Ban đầu Phật thành đạo thường ưa im lặng, không ưa nói pháp.

Sở dĩ không nói, theo Khảm sư thì nói sẽ mất đi sự chân thật của nó, người biết lại thành ngu, người chấp có thành trái với tánh, người chấp không thì thương tổn thân, vì nghĩa này cho nên không nói.

“Chỉ có Phật và Phật mới thấu tột”: ý lời này nói chỉ có Phật mới hiểu nên không cần nói. Thích luận chép: Nếu có hai Đức Phật đối nhau thì không có ngôn ngữ, tức là việc này.

“Thật tướng các pháp”: Luận Pháp Hoa chép: Thể của Như lai tạng pháp thân bất biến, cho nên ở đây vừa gọi là thật tướng, vừa gọi là Phật tánh chánh pháp, là tên khác của chánh quán.

“Các pháp tướng như vậy”, trước nêu thật tướng nghĩa là nhất tướng môn, sau nói mười việc là: tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo, trước sau rốt ráo, là nêu sai khác tướng môn. Sở dĩ nói hai môn này, là nói các pháp không ngoài hai cảnh sai khác, vô sai biệt, trí của Chư Phật cũng không ngoài hai trí sai khác, vô sai biệt.

Biết vô sai biệt gọi là nhất thiết trí, tức Như lai trí, chiếu rõ ở sai khác gọi là Nhất thiết chủng trí, tức là trí Phật. Nay đã khen ngợi trí Phật, cho nên nêu cảnh để nói lên.

Hỏi: Lấy gì để biết hai nghĩa là sai khác và vô sai biệt?

Đáp: Phần kệ sau có nói đủ hai nghĩa này: “Như vậy quả báo lớn, các thứ nghĩa tánh tướng”. Đây là môn sai khác. “Pháp này không thể nói, tướng lời lẽ vắng lặng”. Đây là môn vô sai biệt. Nay nói sai khác, vô sai biệt; sai khác tự nhiên mà vô sai biệt, nên nói rằng: Không hư giả danh mà nói thật tướng. Tuy vô sai biệt mà tự nhiên sai khác, nên nói rằng: không động chân tế mà lập các pháp. Liễu ngộ như thế thì chỉ có

Phật nên khen ngợi trí Phật.

Hỏi: Câu trước nói chỉ có Phật và Phật mới biết cùng tận thật tướng các pháp, nay thì nói các pháp có tướng như vậy, tánh như vậy, tức là giải thích thật tướng. Vì sao nói trước là vô sai biệt, sau là sai khác?

Đáp: Trước nêu thật tướng, sau nói tánh tướng, là muốn nói sai khác, vô sai biệt, nên nêu sai khác để giải thích vô sai biệt.

Hỏi: Mười câu trong văn này là nói pháp gì?

Đáp: Nói chung tất cả các pháp đều đủ mười môn, nên trong luận Trí Độ nói tất cả pháp đều có chín thứ, cùng với đây là như nhau. Luận Pháp Hoa nói lược năm pháp, là chung tất cả pháp. Nay theo phần kệ sau, tạm nói nhân quả của Phật gồm có 10 pháp, vì thế kệ chép: “quả báo lớn như vậy, các thứ nghĩa tánh tướng”. Cho nên, biết là căn cứ nhân quả của Phật là nói nghĩa tánh tướng.

Nhân quả của Phật là gồm đủ muôn hạnh muôn đức, nay lại đối với nhân quả Bà-nhã để nói lên. “Tánh như vậy, tướng như vậy”. Tức là Bà-nhã không chấp

Là tướng, tướng không chấp trước thì thể không thay đổi nên gọi là tánh, Bà-nhã dùng chánh quán làm thể. Bà-nhã có công năng dứt hoặc nên gọi là lực, Bà-nhã có dụng chiếu cảnh nên gọi là Tác, từ chỗ tu tập không có sở đắc mà sanh quán nên gọi là Nhân, tức là nhân duyên trong bốn duyên. Do cảnh thật tướng phát trí thật tướng nên gọi là duyên, tức là duyên trong bốn duyên.

“Quả như vậy, báo như vậy”. Có chỗ nói: thể là một mà nghĩa là khác theo nhân lực làm quả, nghĩa đáp nhân làm báo.

Thảo luận Tỳ-đàm thì quả chung báo riêng. Hữu vi vô vi đều gọi là quả, báo chỉ là quả hữu vi. Chung thì có hữu lậu vô lậu, báo thì chỉ có hữu lậu, quả thì có cả ba tánh, báo thì chỉ có tánh vô ký.

Kinh Niết-bàn chép: Pháp vô lậu từ nhân sanh ra, lại không tạo nhân nên gọi là quả. Pháp hữu lậu lại năng sanh quả nên gọi là báo. Luận Nhiếp Đại thừa chép: Nghĩa sanh ra gọi là quả nghĩa thuần thực gọi là báo, cộng dụng gọi là quả, dụng riêng gọi là báo. Nay tạm y theo nghĩa nhân quả của Phật để giải thích: Bà-nhã là nhân, Tát-bà nhã là quả, năm độ là nhân, phước đức trang nghiêm là báo, đức của Phật đáp nhân là quả, khởi ứng dụng là báo, pháp thân là quả, báo thân là báo.

Cho nên, Kinh Niết-bàn chép: Niết-bàn vô nhân mà thể là quả, tức là pháp thân vốn có tu nhân, sở đắc nên gọi là báo. “Các thứ trước sau rốt ráo như vậy”, Bà-nhã làm nhân gọi là trước, Tát-bà nhã làm quả

gọi là sau, cũng nói rằng: do Tát-bà nhã nên nói Bà-nhã, nên Tát-bà nhã là trước, Bà-nhã là sau.

Luận Trí Độ chép: Bà-nhã là sanh nhân của Phật, Phật vì Bà-nhã mà nói nhân. Kinh Thập Địa chép: Thập địa như vậy là căn bản của Chư Phật, tức Thập địa là gốc, Phật là ngọn. Lại chép: Thập địa như vậy từ trí tuệ Phật sanh ra, tức Phật là gốc, Thập địa là ngọn. “Tất cả rốt ráo” tức thấu nhân quả trên quy về lý phi nhân phi quả không hai. Cho nên phẩm Dược Thảo Dụ chép: Rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng cuối cùng trở về không. Kế là phần kệ tụng chia làm hai:

1. Kệ tụng nói nhờ ngôn từ khen ngợi hai trí.

2. Hai kệ tụng dứt ngôn từ, thêm khen ngợi hai trí. Trong văn xuôi thì phần nói khen ngợi hai trí chia làm hai, trước khen Chư Phật sau khen đức Thích-ca.

Nay phần kệ tụng lại chia làm hai ý khác:

1. Hai bài tụng đầu khen ngợi hai trí tuệ của Phật.

2. Hai bài kệ là giải thích sự khen ngợi hai trí.

Hai bài kệ đầu lại chia thành bốn cặp để giải thích:

1. Bài kệ đầu khen ngợi chung hai trí của Chư Phật, bài kệ khen ngợi hai trí của đức Thích-ca.

2. Bài kệ đầu khen ngợi chung đức của Phật, bài kệ kế là khen ngợi riêng đức của Phật. Cho nên kệ chép: “Phật lực chẳng sợ gì”: ở đây nói về thật trí của Phật. “Và pháp khác của Phật”, đây là trí phương tiện của Phật. Do trí phương tiện chỉ vì hóa tha nên gọi là pháp khác.

3. Bài kệ đầu là khen ngợi người, cho nên chép: “Đấng Thế Hùng khó lường”: Bài kệ kế là khen ngợi đức cùng tốt, nên chép: “Phật lực chẳng sợ gì”.

4. Kệ đầu là khen ngợi trí vô sai biệt, nghĩa là trong ngoài đều sâu xa duyên quán đều vắng lặng, bài kệ kế khen ngợi trí sai khác, sáng ở cảnh trí, như mười lực chiếu mười cảnh.

“Vốn từ vô số Phật, tu đầy đủ các đạo”: đây là hai bài kệ sau nêu nhân để giải thích quả, cũng chia ra hai phần:

1. Bài kệ đầu là nêu nhân để giải thích quả của Chư Phật.

2. Bài kệ sau là nêu nhân của đức Thích-ca để giải thích quả của đức Thích-ca.

Lại bài kệ đầu nêu nhân để giải thích quả là nói quả sâu xa mầu nhiệm chúng sanh không hiểu được. Bài kệ sau nêu nhân giải thích quả là nói chỉ có Phật mới hiểu được. Lại bài kệ đầu là nói về nhân tu hành của Phật cho nên có quả sâu xa, bài kệ kế là nói thực hành nhân đắc quả

mâu nhiệm. “Quả báo lớn như vậy”, đây là phần kệ tụng về ngừng nói lại khen ngợi hai trí. Trong văn xuôi thì trước nói nghĩa ngừng nói, sau giải thích ngừng nói, nay phần kệ tụng chỉ giải thích ngừng nói. Trong văn xuôi giải thích ngừng nói có hai ý, một là do chúng sanh không hiểu, hai là chỉ có Chư Phật mới biết cho nên ngừng nói. Nay tụng lại hai phần này gồm có mười ba hàng kệ rưỡi, chia làm bốn chương:

1. Một bài kệ nói chỉ có Phật mới hiểu được.
2. Một bài kệ rưỡi là nói chúng sanh không hiểu.
3. Chín bài kệ rưỡi là giải thích vì sao chúng sanh không hiểu.
4. Một bài kệ rưỡi là giải thích vì sao chỉ có Phật mới hiểu.

Trong văn xuôi thì trước nói chúng sanh không hiểu, sau nói chỉ có Phật hiểu, nay phần kệ muốn kể văn kệ trước nên trước nói chỉ có Phật mới hiểu. Nửa bài kệ trên là nêu pháp sở giải, nửa bài kệ dưới là nêu người năng giải.

“Quả báo lớn như vậy”, đây là nói hai câu quả và báo trong mười việc trên.

“Các thứ nghĩa tánh tướng”, tánh và tướng là tụng hai câu trong phần nhân, trong quả thì có pháp thân và báo thân, trong nhân thì có tướng bên ngoài và tánh bên trong.

“Pháp đó không thể chỉ”: đây là nói chúng sanh không hiểu, nửa bài kệ trên là nói pháp khó hiểu, nửa bài kệ dưới là nói người không hiểu. Nói pháp ấy không thể chỉ là do pháp của quả báo lớn, tướng lời lẽ vắng lặng, cho nên không thể chỉ. Trên nói trong chỗ không danh tướng mà mượn danh tướng để nói, nên chia nhân quả làm hai. Nhưng chia nhân quả làm hai vì muốn chúng sanh ngộ phi nhân phi quả, không hai cho nên nói là vắng lặng.

“Trừ các chúng Bồ-tát, người sức tin bền vững”, nửa bài kệ này là muốn giải Thích-câu nghi ngờ và bác bỏ Nhị thừa. Nói giải thích nghi ngờ, do kệ trước nói chỉ có Phật mới hiểu. Bài kệ kế là nói trừ Phật ra còn tất cả chúng sanh đều không hiểu, vậy thì chúng sanh nhờ đâu mà ngộ trí Phật? Vì thế giải thích rằng: Trừ các chúng Bồ-tát, người sức tin bền vững thì có thể tin hiểu, đến lúc thành Phật mới gọi là chứng hiểu.

Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát Thập địa gọi là văn kiến Phật tánh, chỉ có Phật mới được gọi là Nhân kiến Phật tánh. Phật tánh tức là trí tuệ của Chư Phật. Kinh Niết-bàn chép: Phật tánh gọi là bậc nhất nghĩa Không, bậc nhất nghĩa Không gọi là trí tuệ.

Nói bác bỏ Nhị thừa, vì chỉ có Bồ-tát mới tin hiểu được, tức nói lên Nhị thừa không thể tin, muốn cho Nhị thừa bỏ không tin mà được

tin.

“Các hàng đệ tử Phật”: phần này giải thích vì sao chúng sanh không hiểu, văn chia ba phần:

1. Nói Thanh Văn không hiểu.
2. Nói Duyên Giác không hiểu
3. Nói Bồ-tát không hiểu.

Ba bậc Thánh còn không hiểu, huống là chúng sanh sáu đường, cho nên không nói. Lại kệ đầu đã nói chúng sanh sáu đường không hiểu, nay chỉ nói ba thừa không hiểu.

Tóm lại, thì chú Trí của Như lai là phi Thánh phi phàm, bất duyên, bất quán, cho nên phàm Thánh, chúng sanh đều không thể hiểu.

Phần nói Thanh Văn không hiểu chia làm ba chương:

1. Nói Thanh Văn độn căn không hiểu.
2. Nói Thanh Văn lợi căn không hiểu.
3. Người lợi căn và độn căn cùng suy lường cũng không hiểu

được.

Chương đầu nói “Sức lực không kham nổi”, gồm hai nghĩa:

1. Trước nói Bồ-tát có khả năng tin hiểu, nay nói chung lợi căn, độn căn, tất cả Thanh Văn không thể tin hiểu, nên nói rằng sức không kham nổi.

2. Muốn nói Thanh Văn độn căn không thể hiểu ở trí Phật, nên nói rằng không kham nổi.

Hai chương kế như văn đã nói dễ biết.

“Duyên Giác trí lanh lợi”: đây nói người Duyên Giác không hiểu. Thanh Văn thì nêu đủ cả lợi căn và độn căn, Duyên giác thì chỉ nêu người lợi căn. Luận Trí Độ chép: Người Duyên Giác độn căn còn không bằng Ngài Xá-lợi-phất, cho nên không nêu.

“Bồ-tát mới phát tâm”, đây là nói Bồ-tát không hiểu, văn chia hai phần:

1. Nói Bồ-tát mới thực hành không hiểu.
2. Bồ-tát Bất thoái trở lên không hiểu, ở đây chia làm hai hạng

người:

1. Nói người Tiểu thừa không hiểu, trong Tiểu thừa thì có Thanh Văn, Duyên giác.

2. Nói người Đại thừa không hiểu, trong Đại thừa thì có mới phát tâm và thực hành, cộng với sáu đường hợp thành mười người.

Hỏi: Vì sao người Nhị thừa và Bồ-tát không hiểu?

Đáp: Trước đã giải thích rồi, nay lại nói vì sao Nhị thừa không hiểu.

Do có tâm chấp thường, chấp đoạn, có sở đắc, làm sao hiểu được chánh quán không thường, không đoạn, không có sở đắc của Chư Phật!

Hỏi: Hàng Nhị thừa cũng có không thường không đoạn vì sao nói đều là chấp đoạn chấp thường?

Đáp: Nhị thừa chính là không chấp thường chấp đoạn của phàm phu ngoại đạo, nhưng nếu theo Chư Phật Bồ-tát thì tâm có ngăn, có khởi vào thường, đoạn. Trung luận chép: Nếu có chỗ thọ pháp thì rơi vào thường, đoạn.

Nói Bồ-tát không hiểu, như người không biết quả thì nói dễ tin, như kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát Thập trụ có chỗ trụ nên thấy không liễu mà liễu, Chư Phật Như lai không có chỗ trụ nên thấy liễu là liễu.

“Lại bảo Xá-lợi-phất, pháp nhiệm mầu rất sâu, vô lậu khó nghĩ bàn”: đây là phần giải thích chỉ có Phật mới hiểu. Vô lậu khó nghĩ bàn, trên nói Nhị thừa vô lậu, đó là vô lậu nói theo luận Thành Thật và Tỳ-đàm, nay nói chung người Nhị thừa và Bồ-tát đều là hữu lậu, do có tâm sở đắc chưa thanh tịnh. Pháp này không có các lậu trên nên gọi là vô lậu. Khó nghĩ bàn, do tâm thực hành đã dứt nên không thể suy nghĩ, lời lẽ cũng dứt nên không thể nghĩ bàn. Do trí tuệ Phật là khó nghĩ bàn nên phàm, Thánh, Đại thừa, Tiểu thừa đều không thể hiểu, tức đã giải thích nghĩa trên.

“Chỉ ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng vậy”, nửa bài kệ này là nói chỉ có Phật và Chư Phật mới hiểu.

“Xá-lợi-phất phải biết, lời Phật nói không khác”: phần này là nói lược, chương trước đã dùng hai chữ dường như, nên phần này nói là rõ ràng, vì văn rộng mà nói ít nên gọi là nói lược. Văn này kế phần trên xuống là: Trên đã nói chúng sanh chín đường không hiểu trí Phật, chỉ có Phật mười phương mới hiểu, lại sợ Nhị thừa tự cho là bật không sanh tâm tin nhận, nên nay nói lược hai trí quyền và thật khiến sanh tâm tin nhận, nên có văn này kế theo. Văn chia làm hai phần:

1. Nói Chư Phật để bày nhất thừa.

2. Nói đức Thích-ca để chia ra ba thừa.

Mỗi phần lại chia làm ba, phần đầu có ba ý:

1. Nửa bài kệ nêu nói của Chư Phật là như nhau.

2. Nửa bài kệ kế là khuyên nên tin nhận.

3. Nửa bài kệ sau là chính là nói lên chân thật.

“Lời Phật nói không khác”: vì lý đã không hai, giáo pháp biểu hiện ở lý nên giáo pháp cũng không khác. Phật lại sợ chúng lúc ấy nghĩ rằng xưa nói ba nay nói một là có khác nhau, nên nay nói lời Phật là

không khác.

Lại nữa, xưa nói ba thừa chẳng phải chân thật thì lời nói có thể khác, nay Nhất thừa đã là chân thật nên nói không thể khác.

“Nên sanh sức tin lớn”: xưa tin Ba thừa gọi là tin nhỏ, nay tin Nhất thừa gọi là tin lớn.

“Cần phải nói chân thật”, Chư Phật nói pháp do thích ứng cơ duyên nên khác nhau nhau, hoặc trước sau đều nhỏ, hoặc trước sau đều lớn, hoặc trước nhỏ sau lớn, hoặc trước lớn sau nhỏ. Tóm lại, thời gian sau nhất định là nói lớn, do không trụ trong bốn thừa thì sẽ thành Phật, vì thế thời gian sau nhất định là nói nhất thừa việc này là quyết định nên chép: “Pháp của Phật về sau, cần phải nói chân thật”.

Kế là nói phần đức Thích-ca khai ra ba thừa:

1. Một hàng kệ nói với người đối diện.
2. Nửa bài kệ nói khai mở phương tiện.
3. Nửa bài kệ giải thích ý khai mở phương tiện.

“Chỗ nào cũng tham đắm”: tức là nói tham đắm ba cõi, do chứng sanh chấp ba cõi nên giả nói ba thừa để dẫn dắt khiến ra khỏi, vì muốn ra khỏi ba cõi nên nói ba thừa, mà không nói đạo lý có ba thừa nói ở ba. Lại nữa, do đại chúng nghi rằng: Đạo lý đã không có ba, vì sao nói ba? Vì thế giải thích rằng: Do chúng sanh chấp ba cõi, vì muốn dẫn dắt ra khỏi nên nói ba thừa:

“Khi ấy, trong đại chúng có Thanh Văn v.v...” đây là đoạn lớn thứ hai nói đại chúng sanh nghi và bày tỏ sự nghi để cầu đáp, văn chia hai phần:

1. Nói về sanh nghi.
2. Nói về cầu đáp.

Phần sanh nghi lại chia làm hai phần:

1. Nói chúng có nghi như trong văn.
2. Nói sự nghi ngờ của chúng tức câu: “mỗi người tự suy nghĩ”.

Phần hai này lại chia làm ba:

1. Nhắc lại hiện tại nghi.
2. Nói thuở xưa nghi
3. Xưa và nay đều nghi.

“Vì sao hôm nay Đức Phật lại ân cần khen ngợi pháp phương tiện”. Trên Đức Phật đã khen ngợi hai pháp quyền và thật, nay nghiêng về nghi phương tiện, chính là dùng phương tiện để phá người Nhị thừa chấp Ba thừa là thật. Lại muốn trước mở cửa phương tiện để sau chỉ bày tướng chân thật.

Lại nữa, phần sanh nghi cũng là kể lời văn gần, phần cuối văn kệ trên chép: “Phật dùng năng lực phương tiện, chỉ bày ba thừa giáo”, nay văn liền kể nối nên nói trước nghi phương tiện.

“Mà nói thế này”, đây là nhắc lại phần trên là Thật trí nội chứng, tức là môn trí tuệ khó hiểu. Hai câu này là nói pháp khó hiểu, câu sau là nói người khó hiểu, tức là: “Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể hiểu”.

“Đức Phật chỉ nói một nghĩa giải thoát”, đây là nói nghi về thuở xưa. Xưa nói ba thừa đồng nơi dứt phiền não đắc Niết-bàn hữu dư, một giải thoát; đồng ở diệt thân trí đắc vô dư một giải thoát. “Mà nay chẳng biết nghĩa ấy về đâu?”: tức là nói phần nay sanh nghi, gồm có ba ý:

1. Nghi giáo pháp.
2. Nghi người.
3. Tự nghi.

Nghi giáo pháp là xưa nay nghi lẫn nhau, xưa nói ba thừa sở đắc đồng nhau, nay nói Đại thừa, Tiểu thừa hơn kém có khác nhau. Xưa nói ba thừa sở đắc đồng nhau thì Đại thừa Tiểu thừa đều chân thật, nay nói Đại thừa Tiểu thừa có hơn kém nên Đại thừa là thật, Tiểu thừa là phương tiện, chưa biết xưa sai nay đúng hay xưa đúng nay sai, hoặc xưa nay đều sai, hoặc xưa nay đều đúng? Vì thế nói nay chẳng rõ nghĩa ấy về đâu?

Nghi người là do giáo pháp giảng nói đã trái nhau, nên không biết người nói hay ma nói.

Tự nghi ngờ tức nghi pháp sở đắc, như Ngài Xá-lợi-phất chép: “Nay con đối trí mình, nghi ngờ không rõ được, đó là pháp rất ráo, hay là đạo thực hành.

Hỏi: Trên nói do chấp ba thừa nên sanh nghi đối với ba thừa nên Phật dùng năng lực phương tiện, chỉ bày ba thừa giáo. Đoạn văn dưới lại chép: “Bồ-tát nghe pháp này, lười nghi đều đã trừ”, vì sao nay chỉ nói người Nhị thừa nghi mà không nói Bồ-tát nghi?

Đáp: Dùng đoạn văn này để trách ngài Quang Trạch, nói chỉ có Bồ-tát nghiêng về thực hành sáu độ, thêm Nhị thừa nữa là ba, sao không nói Bồ-tát nghi? Nếu nói rằng vì lược nên không nói, thì Bồ-tát là lớn, sao lại lược lớn mà giữ nhỏ? Lại trong ba châu sau đều nói ba căn Thanh Văn được ngộ mà không nói Bồ-tát lãnh giải, theo đây suy ra, thì biết không nói người nghiêng về thực hành sáu độ. Nay điều muốn nói là Nhị thừa xưa có tự chấp là rất ráo, nay bỗng nghe ba thừa chẳng phải rất ráo nên sanh nghi ngờ, vì thế ở đây nói người Nhị thừa, do Bồ-tát không

có chấp này, nên đoạn văn này không nêu Bồ-tát nghi.

Hỏi: Nếu vậy vì sao chép: “Bồ-tát nghe pháp này, lười nghi đều đã trừ”?

Đáp: Đoạn văn sau có nói Bồ-tát nghi ngờ, trong pháp Hoa Huyền Nghĩa đã giải thích điều này. Không phải tự chấp rốt ráo rồi khi nghe chẳng phải rốt ráo mà sanh nghi, nhưng đây là nghi ngờ Như lai thuở trước sao nói ba thừa nay nói Nhất thừa. Do điều Bồ-tát nghi khác với Nhị thừa, khi nghe nói lược thì tâm nghi đã dứt vì thế trong đây không nói Bồ-tát. Lại nữa, trong phần kệ trên chỉ nêu hai hạng người là Thanh Văn và chúng cầu Duyên giác, vì thế chỉ có hai hạng này sanh nghi. “Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất biết tâm nghi của bốn chúng, v.v...”, đây nói ngài Xá-lợi-phất khởi sự nghi và cầu Phật đáp.

Hỏi: Lúc hiện điềm lành thì ngài Di-lặc sanh nghi sao trong phần chính là nói thì ngài Xá-lợi-phất cầu đáp?

Đáp: Hiện điềm lành là tiêu biểu nói chung nghĩa nhân quả của một kinh chỉ có Phật mới hiểu, người Học chưa biết nên nghi ngờ, Trong phần chính là nói là riêng đối với ngài Xá-lợi-phất, là đại diện cho người chấp sanh nghi mà cầu đáp.

Hỏi: Vì sao phải xin cầu?

Đáp: Luận Pháp Hoa nói có ba nghĩa:

1. Muốn đại chúng suy xét cảnh giới sâu xa của Phật.
2. Muốn đại chúng sanh tâm tôn trọng rất ráo muốn nghe.
3. Muốn cho người tăng thượng mạn rời chỗ ngồi mà đi.

Nhưng nói theo đầu cuối thì có ba lần Đức Phật ngăn lại không nói và ba lần Xá-lợi-phất xin; Ba lần Đức Phật ngăn là:

1. Khen ngợi pháp sâu xa mà chúng sanh chín đường không hiểu, chỉ có Phật mới hiểu cho nên ngăn lại, chúng sanh sáu đường và ba thừa thành ra chín đường.

2. Nếu nói việc đó thì các phàm phu và trời, người, sẽ kinh sợ nghi ngờ.

3. Vì sợ Nhị thừa tăng thượng mạn chê bai cho nên ngăn lại.

Đây là trời, người, Thanh Văn, Duyên giác, bốn loại chúng sanh nghe nói Nhất thừa không thể tin nhận. Vì sao như vậy? Vì trời, người khởi ái, Nhị thừa khởi kiến, do ái và kiến ngăn ngại chánh quán nên không tin Nhất thừa. Lại nữa, trời, người đắm vui sanh tử, Nhị thừa đắm vui Niết-bàn, đều là chấp chặt vui Tiểu thừa không kham nhận sự vui của Phật, cho nên ngăn không nói. Lại nữa, trời người đắm có, Nhị thừa đắm không, có hai chấp này trung tâm thì không thể kham nhận pháp

Trung đạo, vì thế ngăn không nói.

Hỏi: Vì sao ở trên nói chúng sanh chín đường không hiểu nên ngăn lại, là nay chỉ nói bốn thừa không hiểu nên phải ngăn lại?

Đáp: Trên là khen ngợi trí tuệ rất sâu của Phật, ngoài Phật ra còn chín đường chúng sanh đều không thể so lường trí Phật, vì thế ngăn lại không nói. Nay là sắp nói pháp Nhất thừa, mà chúng sanh bốn thừa không thể tin nhận, cho nên ngăn nói.

Ba lần xin gồm có:

1. Có nghi nên thưa hỏi.

2. Nói đại chúng ở đời quá khứ có gieo trồng gốc lành, khi nghe pháp không sanh nghi nên thưa hỏi.

3. Nói đại chúng hiện tại có đức có thể nghe pháp sẽ tin nhận nên thưa hỏi.

Nhưng đã có ba lần xin, ba lần ngăn thì lẽ ra không nói, chỉ vì lần đầu là ngăn trước khi xin, cho nên tính theo lần xin thì chỉ có hai lần ngăn, lần thứ ba thỉnh, Phật đã đồng ý. Ba lần xin và hai lần ngăn thành năm đoạn. Trong phần xin đầu có hai ý:

1. Nói về sanh nghi.

2. Nói về xin cầu.

Trong phần sanh nghi thì trước nói đại chúng nghi, sau nói tự nghi như trong văn.

“Mà bạch Phật rằng”: đây là bày tỏ sự nghi và xin đáp, lại có hai phần là văn xuôi và kệ tụng. Trong phần văn xuôi thì trước bày tỏ sự nghi, sau cầu đáp. Trong phần bày tỏ sự nghi thì trước bày tỏ tự mình nghi, sau nói đại chúng nghi. Trong phần tự nghi thì trước là nghi hiện tại, sau là nghi thuở xưa.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp phương tiện bậc nhất?

Đáp: Chỉ Phật có sự khéo léo, từ giai vị Thập địa trở xuống tuy có khả năng giáo hóa mà sự khéo léo chưa tốt cùng, vì những người khác không có nên gọi là bậc nhất. Lại nữa, Phật thừa là bậc nhất, xưa nói ba thừa là khiến cho ngộ Nhất thừa, tức cùng với bậc nhất làm phương tiện nên gọi là bậc nhất.

Hỏi: Trong phần nghi trên thì trước nói chúng nghi, sau là tự nghi, nay bày tỏ sự nghi sao trước lại nói tự nghi sau là đại chúng nghi?

Đáp: Trên muốn nói lên trước người, sau mình, nay luận về cần cỏi trời mình trước, sau mới cỏi cho người.

“Hôm nay bốn chúng đều có lòng nghi”: đây là đại chúng nghi ngờ.

“Cúi xin Đức Thế tôn bày nói việc đó”: đây là lời xin giải quyết sự nghi, gồm có hai phần, ban đầu là chánh xin, sau là giải thích lý do xin.

“Vì sao đức Thế tôn lại khen ngợi pháp sâu xa”: đây là việc để xin, vì sâu xa nên mới xin, nếu là cạn thì đã biết không cần thỉnh.

Trong phần kệ tụng lại chia làm hai:

1. Tám hàng kệ đầu nói về sanh nghi.
2. Phần kệ sau cầu giải quyết nghi.

Trong tám bài kệ đầu lại chia làm hai:

1. Bài
2. Bốn bài rưỡi nói về sanh nghi.

“Đấng Tuệ Nhật Đại Thánh”: trong phần xin nói đều có ba lần khen, ba lần xin, vì vậy ban đầu nói đấng Tuệ Nhật Đại Thánh là khen ngợi Phật có đức kham nổi giải quyết nghi.

Chữ Nhật là mặt trời có hai nghĩa:

1. Xua tan được tối tăm của vô minh.
2. Hiện bày được lý nhất thừa chân thật.

Trong chúng hội này gồm có ba bậc Thánh:

1. Hạ Thánh, là những vị tiên có năm thông.
2. Trung Thánh, là những vị A-la-hán.
3. Đại Thánh, là Bồ-tát pháp thân.

Đối với ba bậc thánh thì Phật là cao nhất, nên gọi là đấng đại Thánh, nếu chẳng phải bậc đại Thánh thì không thể giải quyết nghi cho ba bậc Thánh được, như voi lún xuống bùn cần có voi khác kéo lên.

“Lâu mới nói pháp này”: trên là khen ngợi người giải quyết nghi, nay khen ngợi pháp là hi hữu. “Tự nói ra các thứ, lực, vô úy, Tam-muội”, gồm là việc để nghi ngờ, đây có hai phần:

1. Hai chương tự nói tự khen.
2. Giải thích hai chương này.

“Tự nói ra các thứ, lực, vô úy, Tam-muội, thiên định và giải thoát”: đây là tự nói.

“Là pháp chẳng nghĩ bàn”: đây là phần tự khen. “Pháp chứng tại đạo tràng, không ai hỏi đến được”, đây là giải thích tự nói và tự khen. Ban đầu có năm câu để giải thích tự nói, kế là có ba câu để giải thích tự khen, nửa bài kệ đầu là nói Phật tự nói thật trí.

“Ý con khó lường được”: đây là nói Phật tự nói trí phương tiện.

“Không hỏi mà tự nói”: câu này là kết thành nghĩa trên. Do lúc mới xuất định không ai có thể hỏi về hai trí của Phật cho nên Phật tự

nói. Trong ba câu tự khen ngợi, câu đầu nói về nhân tự khen ngợi, hai câu sau nói về quả tự khen ngợi. Ban đầu Phật mới xuất định đã tự nói về hai trí quyền và thật mà Ngài chứng đắc, tự khen ngợi nhân và quả mà ngài thực hành. Ngài Xá-lợi-phất muốn giải thích ý của Phật tự nói và tự khen cho đại chúng biết, nên nói từ lúc Phật mới xuất định không ai có thể hỏi, cũng không ai có thể khen, cho nên Phật tự nói tự khen. “Các La-hán vô lậu”: đây là phần biện nói về sanh nghi, chia làm hai phần:

1. Kệ nói đại chúng nghi.
2. Kệ nói tự nghi.

Trong phần đại chúng nghi lại chia làm ba phần:

1. Một bài kệ nói chúng Thanh văn nghi.
2. Nửa bài kệ nói chúng Duyên giác nghi.
3. Nửa bài kệ nói chúng phàm phu nghi, tức câu “chúng Trời rồng quý thân, cùng với Càn-thát-bà”.

Ba chúng này là theo thứ lớp, trong chúng Thanh Văn có người La-hán cho nên nêu trước. Chúng Duyên giác chỉ có người xuất gia nên nêu thứ hai, chúng Trời rồng kém hơn hai chúng trên nên nói sau cùng.

“Trong các chúng Thanh Văn, Phật nói con hạng nhất, nay con đối trí mình, nghi ngờ không rõ được”: Phần này nói tự nghi. Nếu theo giáo pháp thuở xưa là rốt ráo, mà nay là đạo thực hành.

“Con từ miệng Phật sanh, chấp tay cúi trông chờ”: phần kệ này là xin giải quyết nghi, chia làm hai phần:

1. Một bài kệ nói về hai chúng Thanh văn, Duyên giác thỉnh riêng.

2. Từ câu: “Các Trời rồng thân thấy” v.v... là hợp ba chúng ưa nghe xin Phật nói.

“Xin ban tiếng nhiệm mầu, nói cho lời như thật”, xưa nói đã không thật nên nay xin cầu nói như thật.

“Các trời, rồng, quý thân”, đây nói cả ba chúng ưa nghe lời xin nói pháp.

“Muốn nghe đạo đầy đủ”, xưa nói cho Nhị thừa chỉ là bán tự nên gọi là không đầy đủ, nay xin nói Nhất thừa là giáo môn mãn tự nên gọi là đầy đủ.

“Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất”, đây là lần thứ nhất Phật ngăn lại sau khi xin.

Hỏi: Chỉ nói một chữ thôi là được, vì sao phải chép: Thôi! Thôi!

Đáp: Luận Trí Độ chép: Thiện cùng tốt gọi là Thiện tai! Nay dừng cùng cực nên gọi: Thôi! Thôi.

Lại nữa, do Nhị thừa không hiểu nên nói một lần “thôi”, các trời người không hiểu nên lại nói thêm chữ thôi. Lại nữa, người ngộ lý thì vì lý mà mê hoặc giáo nên nói một chữ thôi, người chưa ngộ lý thì vì giáo mà mê hoặc lý nên nói một chữ thôi.

Theo văn mà phán xét, thì Phật tự giải thích rằng: “vì trời và người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ” nên nói Thôi! Thôi!

Hỏi: Có mấy thứ kinh sợ nghi ngờ?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Tổng quát đầu cuối của một kinh gồm có năm thứ:

1) Sợ hãi tổn thất, nghĩa là người Tiểu thừa chấp Niết-bàn Tiểu thừa là rốt ráo, chê bai Niết-bàn Đại thừa, do tổn thất Đại nên gọi là sợ hãi tổn thất.

2) Sợ hãi sự nhiều, người Đại thừa nghe Phật đạo dài lâu, thực hành nhiều, nên khởi tâm chấp lấy quả Tiểu thừa.

3) Sợ hãi điên đảo: tức là ngoại đạo chấp có ngã và ngã sở, nghe kinh này nói người vô ngã, pháp vô ngã, liền sanh tâm kinh sợ.

4) Sợ hãi ăn năn: Như ngài Xá-lợi-phất hồi hận đã chứng quả Tiểu thừa, tâm hối hận này gọi là sợ hãi.

5) Sợ hãi lừa dối: kẻ tăng thượng mạn tự nghĩ rằng: Sao Phật mê hoặc chúng ta? Đây gọi là sợ hãi lừa dối. Năm việc này là gồm thâu cả việc Đại thừa, Tiểu thừa, phàm, Thánh, nội đạo và ngoại đạo.

“Ngài Xá-lợi-phất lại Bạch Phật rằng”, đây là lời xin cầu thứ hai, gồm có văn xuôi và kệ tụng. Trong văn xuôi trước nói lời chánh xin, tức câu “Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó”.

“Vì sao: đây là ngài Xá-lợi-phất nói lý do vì sao mà xin. Sở dĩ lặp lại lời cầu xin Phật nói, là để đáp lại lời ở trên nói thôi! Thôi.

Người Nhị thừa có thể tin nên gọi là cúi xin, trời, người có khả năng lãnh thọ nên nói lần thứ hai. Lại nữa, người đã ngộ thì do lý mà biết giáo nên nói xin giảng nói, người chưa ngộ thì nhờ giáo mà ngộ lý nên xin giảng nói lần thứ hai. Trời và người theo đây có thể biết. “Vì sao vậy” vì Ngài Xá-lợi-phất đã nói chúng sanh trong hội này có gieo trồng gốc lành từ thuở lâu xa nên xin Phật nói giáo.

Phần kệ chia làm hai phần:

1. Câu đầu là khen ngợi Phật.
2. Ba câu sau là chánh xin.

Xưng là Pháp Vương: bởi đối với xưa, nay, phương tiện, chân thật,

đều tự tại vô ngại nên gọi là Vương. Câu “Cúi xin nói chớ lo”: đây là phần chánh xin, câu đầu là xin, hai câu sau giải thích vì sao mà xin. “Đức Phật lại ngăn Xá-lợi-phất”, Đây là lần thứ hai Phật ngăn lại sau khi xin, trước là văn xuôi sau là kệ tụng. Trong văn xuôi chỉ ngăn một lần, chủ ý là nói các Tỳ-kheo tăng thượng mạn không thể tin nhận nên chỉ ngăn một lần. “Nếu nói việc này thì tất cả trời người sẽ kinh nghi”, đây là lời Phật giải thích vì sao không nói. Trước nói ba đường thiện trong phạm phu kinh nghi nên không nói, nay nói bốn chúng tăng thượng mạn sẽ xa vào hầm lớn, cho nên không nói, tuy nêu hai hạng người mà ý muốn nói kẻ tăng thượng mạn. Hầm lớn có ba loại:

1. Tà kiến chê bai pháp.
2. Nghiệp chê bai pháp hai loại này là nhân.
3. Hầm lớn địa ngục Vô gián, một loại này là quả.

Như lai sẽ nói, cho nên kẻ tăng thượng mạn sẽ đọa, nếu chính là nói sẽ là chánh đọa cho nên không nói.

Phần kệ tụng nên chia làm hai phần:

1. Một câu đầu tuyên bố ngừng nói
2. Ba câu sau là giải thích vì sao không nói.

Trong phần kệ lại chép: Thôi! Thôi, một chữ là ngăn trời, người, một chữ là ngăn kẻ thượng mạn. Lại, một lần ngăn là vì pháp mâu nhiệm, một lần ngăn là vì kẻ căn tánh chậm lụt.

Ba câu giải thích lại chia làm hai:

1. Câu đầu nói về pháp mâu nhiệm
2. Hai câu sau nói về kẻ tăng thượng mạn.

“Lúc ấy, ngài Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng”, đây là lần xin thứ ba, trước là văn xuôi sau là kệ tụng. Trong văn xuôi trước nêu lời xin sau là giải thích lời xin, đây cũng nói câu “cúi mong giảng nói” đến hai lần, bởi Phật sợ trời người kinh nghi và kẻ tăng thượng mạn chê bai nên nói hai chữ thôi thôi, mà ngài Xá-lợi-phất cũng vì hai hạng người này nên xin Phật nói, một là tự ngài có thể hiểu nên xin Phật nói, hai là các đại chúng cũng có người tin hiểu nên xin Phật nói.

“Nay trong hội này”: là lời ngài Xá-lợi-phất giải thích để xin Phật nói, trước nói con có thể hiểu tức ngài Xá-lợi-phất là bậc thượng căn nên được ngộ, sau nói “những hạng người sánh bằng con”, là ngoài Xá-lợi-phất ra còn có bậc trung căn, hạ căn, phạm phu có thể tin nhận.

“Đời đời đã từng theo Phật học hỏi”: đây là giải thích những người sánh bằng ngài Xá-lợi-phất có thể tin hiểu, người có nhân nông cạn ở đời quá khứ còn được Phật giáo hóa, hướng là những người có nhân sâu

dày ở đời hiện tại có thể tin hiểu. Người không tin thì ít, mà người thuận theo giáo pháp thì nhiều, do có nhiều người tin nên nói. Lại nữa, Như lai có cả lời nói bí mật và thần thông. Dùng lời nói bí mật và thần thông, dùng lời nói bí mật thì có những người tuy đồng ngồi mà không nghe, dùng thần thông thì khiến những kẻ tăng thượng mạn rời chỗ ngồi, tiến lùi mà nói thì không thể không nói. Phần kệ tụng chia làm hai ý:

1. Câu đầu là khen ngợi Phật.
2. Chánh xin nói pháp.

“Đấng Vô Thượng Lương Túc”, đã là bậc tôn quý lương túc, thì sẽ vì trời người mà nói pháp, nếu không nói thì đâu gọi là Lương Túc Tôn. “Xin nói pháp bậc nhất”, đây là phần chánh thỉnh, văn chia làm hai phần:

1. Nói lời xin.
2. Giải thích lời xin.

“Xin nói pháp bậc nhất”, đây là nói lời xin, trong ba thừa thì Phật thừa là bậc nhất.

“Con là trưởng tử Phật”, đây là bài tụng giải thích lời xin, gồm có hai phần:

1. Ý hai hàng tụng trên: ngài Xá-lợi-phất và đại chúng có thể kham nhận và tin hiểu.

2. Một bài rưỡi nói ngài Xá-lợi-phất và đại chúng khát ngưỡng muốn nghe pháp.

Phần đầu lại chia làm ba ý.

1. Nửa bài kệ nói tự thân ngài Xá-lợi-phất có thể tin hiểu.
2. Nửa bài kệ nói đại chúng cũng có thể tin hiểu.

3. Một hàng kệ nêu việc so sánh nay giải thích ngài Xá-lợi-phất và đại chúng có thể tin hiểu. Trong văn xuôi thì nói chúng sanh đời đời đã được sự giáo hóa của Phật cho nên xin, phần kệ tụng thì nói Phật đời đời giáo hóa chúng sanh cho nên xin.

“Chúng con nghìn hai trăm”, đây là nói ngài Xá-lợi-phất cùng đại chúng khát ngưỡng muốn nghe pháp, cũng chia ra ba phần:

1. Nửa bài kệ đầu nêu cả hai chúng.
2. Nửa bài kệ kế lặp lại lời xin.
3. Nửa bài kệ cuối nói đại chúng ưa nghe pháp nên sanh vui mừng lớn.

Nghe nói pháp Nhất thừa thì đều thành Phật, vì thế ba loại Thanh văn và các Bồ-tát trong phẩm Phân Biệt Công Đức đều vui mừng lớn.

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo ngài Xá-lợi-phất”, trở xuống: đây là đoạn lớn thứ ba chép: Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn, chia thành sáu cặp:

1. Trên nói lược là vì Bồ-tát lợi căn, nay nói rộng là chung cho cả ba thừa, đây là một cặp lợi căn độn căn.

2. Trên lược bỏ ba bày một, là khiến người chấp sanh nghi, nay rộng bỏ ba bày một là dứt nghi sanh tín, tức là một cặp rộng lược.

3. Trên nói chung về người chấp sanh nghi, nay nói riêng dứt nghi sanh tín, tức là một cặp chung riêng. Nói chung người chấp sanh nghi, là khiến ba căn sanh nghi ngờ, riêng dứt nghi sanh tín là riêng vì ba hạng người mà nói pháp ba châu, khiến dứt ba sự nghi ngờ, sanh ba sự tin hiểu. Người chấp sanh nghi thì dễ cho nên chỉ nói một lần, dứt nghi sanh tín thì khó cho nên nói ba châu.

4. Trên là khen ngợi, nay là trao pháp, thuốc hay và trị bệnh phải có đủ, trước là khen thuốc hay, sau là cho thuốc. Chư Phật nói pháp cũng có đủ hai môn, ban đầu là khen ngợi Nhất thừa, sau là chính là nói Nhất thừa, tức là một cặp khen ngợi và trao cho.

5. Trên là thâm bày nhất thừa, thmầ bỏ ba thừa, tức là môn thâm nói. Nay bỏ ba thừa, bày nói nhất thừa, tức là môn hiển thuyết, đây là một cặp hiển mật.

6. Xét chung nghi thức nói pháp của Chư Phật gồm có ba môn:

a) Chỉ tự nói, như kinh Đại phẩm, sau khi hiện điềm lành, chúng nhóm họp rồi, không có ai hỏi mà Phật tự nói.

b) Nhân người khác mà nói, như kinh Niết-bàn, sau khi hiện điềm lành, chúng đã nhóm họp, đợi người khác hỏi, sau đó Phật mới nói.

c) Vừa tự nói, vừa nhân người khác mà nói, như kinh Thập Địa, trước Phật tự nói danh Thập địa, sau do người khác xin mà nói rộng nghĩa Thập địa. Kinh này cũng như vậy, ban đầu Phật tự nói, nay do người khác xin mà nói, tức là một cặp mình người.

Hỏi: Ban đầu sao lại tự nói, sau lại nhân người khác mà nói?

Đáp: luận Thập địa chép: Nếu ban đầu Phật không tự nói thì đại chúng không biết Phật nói hay không nói, cho nên phải tự nói. Sau là muốn cho đại chúng ân cần xin ba lần, cho nên nhân người khác mà nói. Lại muốn chỉ bày pháp sâu xa mầu nhiệm không ai hỏi được nên Phật tự nói, như ngài Xá-lợi-phất chép: “Pháp chứng nơi đạo tràng không ai hỏi đến được, ý con khó lường được, cũng không thể hỏi được”. Cho nên trong mười hai bộ kinh có khi dùng loại vô vấn tự nói để khai tông. Do người khác mà nói là muốn cho đại chúng tôn trọng người và pháp

cho nên đợi xin mới nói. Chương này chia làm ba đoạn:

1. Nói về pháp.
2. Nói về thí dụ.
3. Nói cả pháp và thí dụ.

Sở dĩ có ba đoạn này, bởi pháp là gốc của thí dụ cho nên trước nói pháp, chưa hiểu pháp nói nên nói thí dụ để nói lên, vì thế kế là nói về thí dụ, những người nghe pháp, nghe thí dụ còn chưa hiểu, phải nói đủ cả hai môn mới được chứng ngộ, cho nên trước phẩm Hóa Thành Dụ gọi là nói về pháp, sau phẩm Hóa Thành Dụ gọi là nói về thí dụ. Lại nữa, đây là chỉ bày Chư Phật bên trong có trí vô ngại, bên ngoài có biện tài vô phương, có thể đối với một nghĩa mà nói ra các nói, điều được nói tuy nhiều mà không ngoài pháp và thí dụ, cho đến vừa pháp vừa thí dụ. Lại do chúng sanh ngộ nhập khác nhau cho nên thích ứng giáo hóa phải có nhiều thứ. Hoặc có người phải nghe cả thí dụ và pháp mới chứng nhập. Lại nữa, ban đầu nói Đại thừa sanh ra Văn tuệ, kế nói là sanh Tư tuệ và sau nói là sanh Tu tuệ. Ban đầu nói thì bậc thượng căn được ngộ, lần thứ hai nói thì bậc trung căn được ngộ, lần sau nói thì bậc hạ căn được ngộ. Vì sao như vậy? Bởi bậc thượng căn vừa nghe liền hiểu, bậc trung căn phải nói lại mới hiểu, bậc hạ căn thì phải nói ba lần mới hiểu.

Hỏi: Do hoặc chương gì mà ba căn không hiểu?

Đáp: Đây chẳng phải chín mươi tám kiết sử, vì sao biết? Vì bậc La-hán đã phá đổ bốn trụ có khi còn chưa hiểu Nhất thừa chân thật, cho nên biết chẳng phải chín mươi tám kiết sử. Đối với năm trụ thì chính là vô minh trụ địa, trong hai chương thì thuộc về trí chương hoặc, trong hoặc này thì chia ba bậc, hoặc chương nhẹ ở bậc thượng căn, hoặc chương vừa ở bậc trung căn, hoặc chương nặng ở bậc hạ căn.

Hỏi: Hoặc chương này vì sao chương ngại ba căn?

Đáp: Do có hoặc này nên mê muội ở phương tiện và thật, không hiểu ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, cũng mê muội Nhất thừa vốn có, Nhị thừa vốn không có, nên gọi là chương ngại ba căn.

Trong nghĩa ba lần nói này thì có riêng từng phẩm, như trong kinh nói rộng, nay trong phần nói pháp chia làm bốn đoạn:

1. Từ đoạn văn này trở đi cho hết phẩm Phương Tiện là chánh về nói pháp.
2. Đầu phẩm Thí Dụ gồm một phần văn xuôi, một bài kệ là nói bậc thượng căn lãnh ngộ.
3. Từ câu: Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến câu: vì các Thanh văn mà nói kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Giáo

Bồ-tát Pháp Thật Sở Hộ Niệm là nói đức Như lai thuật lại việc đã thành tựu.

4. Từ câu “Xá-lợi-phất, ông ở đời vị lai v.v...” cho đến hồi hướng Phật đạo là nói Phật thọ ký cho bậc thượng căn.

Phần đầu lại chia làm hai đoạn:

1. Vì bậc thượng căn mà nói pháp.

2. Từ câu: Các ông Xá-lợi-phất, Thanh văn và Bồ-tát” là khuyến khích mở rộng kinh. Dứt một chính là nói là khiến phát tâm Bồ-đề, khuyến khích mở rộng kinh là khiến tu hạnh Bồ-tát. Như trong kinh Hoa Nghiêm đồng tử Thiện Tài đến chỗ thiện tri thức đều nói hai việc:

1. Phát tâm Bồ-đề.

2. Tu hạnh Bồ-tát.

Kinh này gọi là pháp dạy Bồ-tát cũng có đủ hai việc: Ban đầu nói pháp là khiến bỏ Tiểu thừa, tin Đại thừa, nghĩa là phát tâm Bồ-đề, sau đã ngộ lý như thật, lại khiến nói như thật, khiến tu hạnh Bồ-tát. Lại nữa, ban đầu nói để diệt trừ chấp Tiểu thừa, sanh ra sự hiểu biết Đại thừa, nghĩa là môn trí tuệ, sau khiến mở rộng kinh tức là tu từ bi, là môn phước đức. Kinh này khiến người Tiểu thừa tu đầy đủ phước tuệ của Đại thừa, cho nên gọi là pháp giáo hóa Bồ-tát. Văn này cũng có hai phần là văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi lại có hai phần:

1. Duyên khởi.

2. Chính là nói.

Phần duyên khởi có ba ý:

1. Phật nhận lời nói và răn dạy chúng lắng nghe.

2. Phân biệt với chúng không thanh tịnh.

3. Khen ngợi chúng thanh tịnh.

Phần đầu lại có ba câu:

1. Nói là chẳng thể không nói pháp, do lời xin đã hợp lý xứng căn cơ, nếu Phật không nói là trái lý lẽ mất căn cơ, cho nên nói rằng: “chẳng lẽ ta không nói!”

2. Răn dạy lắng nghe, tức câu: “nay ông phải lắng nghe”, lắng nghe là khiến sanh Văn tuệ, khéo suy nghĩ là khiến sanh Tư tuệ, nhớ lấy là khiến sanh Tư tuệ. Lại lắng nghe là khiến lìa tâm tán loạn, như đồ đựng vật không bị che, khéo suy nghĩ là khiến được hiểu như đồ đựng vật không bị dơ, nhớ lấy là khiến nắm giữ như đồ đựng vật không bị chảy.

3. Phật nhận lời nói, tức câu: “Ta sẽ nói cho ông nghe”.

Phần thứ hai là phân biệt với chúng không thanh tịnh, tức câu:

“Khi nói lời này, trong hội có năm nghìn người đứng dậy lễ Phật mà lui”, phần này chia làm ba câu:

1. Chính là nói người có tội rời chỗ ngồi.
2. Giải thích lý do bỏ về, tức câu: “vì sao”, ở đây có hai nghĩa:
 - a) Gốc tội sâu nặng.
 - b) Có tăng thượng mạn.

Lại có hai nghĩa là đối với Đại thừa có chỗ mất, và đối với Tiểu thừa có chỗ mất. Cái gọi là tội là do chấp Tiểu thừa là rốt ráo, trái với lý của Đại thừa nên gọi là tội. Vì thế kinh Niết-bàn chép: “Người cầu Nhị thừa gọi là bất thiện”. Nói gốc tội có hai nghĩa:

- a) Đời quá khứ tu tập Tiểu thừa nên gọi là gốc.
- b) Do chấp Tiểu mà sanh chê bai Đại nên gọi là gốc.

Nói sâu nặng, là vì giải thích sự nghi ngờ. Lời nghi rằng: Nếu chấp Tiểu thừa là chướng ngại Đại thừa, vì sao chỉ riêng năm ngàn người bỏ đi mà ba căn Thanh văn còn trụ lại. Vì thế giải thích rằng: năm ngàn người ấy là gốc tội sâu nặng, Chư Phật mười phương không thể cứu vớt cho nên bỏ đi. Hạng người ba căn tuy có tu tập Tiểu thừa mà gốc tội cạn, yếu cho nên ở lại nghe.

“Lại tăng thượng mạn”, phần trên nói do chấp Tiểu thừa mà chướng ngại Đại thừa, đây là nói chính Tiểu thừa cũng có chỗ mất, thật sự chưa đắc đạo quả Tiểu thừa nên gọi là có chỗ mất. Lại gốc tội sâu nặng là do đời quá khứ ngăn người khác nghe pháp Đại thừa, cho nên đời nay không nghe chánh pháp, đây là chỗ mất ở đời quá khứ. Trong đời hiện tại gặp Phật Thích-ca tu tập Tiểu thừa, chưa đắc quả nhỏ mà cho là đã đắc, lại cho rằng quả này là rốt ráo, không thọ nhận pháp Đại thừa, đây là chỗ mất ở đời hiện tại, đó chính là tăng thượng mạn. Do họ có chỗ mất này mà phân biệt với các Thanh văn khác các Thanh văn khác chỉ chấp Tiểu thừa, không có chưa đắc mà nói là đắc, vì thế họ ở lại mà năm ngàn người kia bỏ đi. Chưa đắc đạo để mà nói đã đắc, chưa chứng diệt đế mà nói đã chứng, cho nên chép: “Chưa đắc mà nói đã đắc, chưa chứng mà nói đã chứng”, đây là giải thích tăng thượng mạn. “Có lỗi đường ấy” câu này tổng kết kết hai nghĩa mất ở trên.

3. “Đức Thế tôn im lặng không ngăn cản”: Nếu họ ở lại thì có hai điều tổn thất cho nên Phật không ngăn lại. Một là khi nghe sẽ chê bai và sẽ đọa vào đường ác, hai là đời vị lai sẽ là nhân duyên chướng ngại Đại thừa.

“Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất”: đây là phần khen ngợi chúng thanh tịnh, gồm có bốn trường hợp:

1. Khen ngợi chúng thanh tịnh.
2. Chê bai chúng không thanh tịnh.
3. Răn bảo lắng nghe.
4. Xá-lợi-phất vâng theo.

Luận Trí Độ chép: Nhân lá không thể sử dụng, như năm ngàn người không có công dụng pháp khí, tuy có thể nghe pháp Nhất thừa mà không thể phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, nối kế nghiệp Phật, vì thế vô dụng.

Hạt chắc thì có dụng làm rường cột, như chúng thanh tịnh là pháp khí, nghe kinh kham nhận là có dụng nối kế nghiệp Phật.

“Xá-lợi-phất! Những kẻ tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt”, đây là chê bai chúng không thanh tịnh, trên nói nếu họ ở lại thì có hai điều tổn thất, nay nói họ bỏ đi thì có hai điều lợi ích.

1. Hiện tại không khởi tội chê bai pháp, đời vị lai không có quả khổ.

2. Khi nghe lời lược nói trên sẽ làm nhân tin hiểu cho đời vị lai.

Lại răn bảo lắng nghe có hai nghĩa:

1. Khi năm ngàn người bỏ đi khiến đại chúng xao động, cho nên Phật nói khiến lắng nghe lần nữa.

2. Đã là chúng thanh tịnh có thể nghe pháp cho nên khiến lắng nghe.

Kế là nói phần Xá-lợi-phất vâng theo, tức câu: “Vâng! Bạch Đức Thế tôn, con rất muốn nghe”.

Hỏi: Năm ngàn người đã không thể nghe Pháp Hoa, vì sao Phật không xuất định dùng thần lực, khiến họ bỏ đi?

Đáp: Nếu lúc mới xuất định Phật dùng thần lực khiến năm ngàn người ấy bỏ đi, thì họ sẽ không được nghe phần nói lược làm nhân duyên được độ ở đời vị lai, nhưng nếu nghe nói rộng thì sẽ khởi việc chê bai, không có lợi ích ở hiện tại, do Phật thấy rõ việc ba đời nên có lúc khiến họ bỏ đi có lúc không khiến. Lại nữa, ban đầu khen ngợi hai trí của Phật thì ngài Xá-lợi-phất chưa xin, vì không có nhân duyên nên Phật không khiến họ bỏ đi, nay đợi xin rồi, sau hứa nói pháp, cần phải gạt bớt chúng không thanh tịnh nên mới khiến họ bỏ đi.

Hỏi: Nếu Phật biết họ ở lại sẽ chê bai nên không vì họ mà nói, cho nên Thích luận có nói hai hạng người hỷ căn và thắng ý, thắng ý thì chấp Tiểu thừa, hỷ căn thì ngộ Đại thừa, Phật vì hạng thắng ý mà nói Đại thừa, mà thắng ý liền chê bai và đọa địa ngục lớn, đời vị lai do quả khổ này mà được giải thoát, nay vì sao Phật không vì hạng người

ấy mà nói?

Đáp: Người đi hay ở đều khởi chê bai thì nên vì họ mà nói, như hạng hỷ căn biết thẳng ý dù nghe nói hay không đều khởi chê bai, cho nên vì họ mà nói pháp để làm nhân duyên được độ ở đời vị lai. Nay bỏ đi thì có ích, ở lại thì tổn hại, cho nên khiến họ đi. Nói theo lý thì có ba nghĩa:

1. Nghe mà chê bai thì không nên nói pháp cho họ, như năm ngàn kẻ tăng thượng mạn.

2. Nghe rồi chê bai vẫn vì họ nói, như Bồ-tát Thường Bất Khinh.

3. Biết họ khởi chê bai mà vừa nói vừa không nói, như năm ngàn người.

Ban đầu vì muốn sanh điều thiện ở đời vị lai nên khiến họ nghe nói lược bỏ ba bày một, nhưng sợ họ chê bai ở hiện tại nên không nói rộng.

Hỏi: Khi nghe nói lược vì sao không chê bai?

Đáp: Có ba hạng người:

1. Bồ-tát Bạc thượng căn nghe nói lược liền hiểu.

2. Thanh văn Bạc trung căn nghe nói lược liền sanh nghi, nghi là gần hiểu có thể nghe nói rộng.

3. Người hạ căn như năm ngàn người nghe nói lược thì mơ hồ không hiểu, nghe nói rộng thì khởi nghi ngờ chê bai.

Lại có ba hạng người:

1. Bạc hạ không nghe nói lược và nói rộng.

2. Bạc trung nghe nói lược không nghe nói rộng.

3. Bạc thượng nghe đủ cả nói lược và nói rộng.

Hỏi: Như trong hội Hoa Nghiêm có năm trăm Thanh Văn, tuy ở tại chỗ ngồi mà không thấy không nghe, nay vì sao không đứng?

Đáp: Do duyên thích ứng khác nhau nhau, nay nói chúng bỏ đi là muốn chứng minh lời Phật nói không luống dối. Trên Phật đã chép: Nếu nói pháp thì mọi người sẽ kinh sợ, nghi ngờ, kẻ tăng thượng mạn phải sa vào hầm lớn. Nên nay nói năm ngàn người bỏ đi chính là hạng ấy. Cũng là muốn đại chúng tăng thêm lòng tôn kính, người dự nghe pháp là đã gieo nhân lành từ lâu xa cho nên vui mừng. Nói người mắc tội nặng không thể nghe pháp, là khen ngợi pháp sâu xa mầu nhiệm, nhưng chúng đây có đủ hai nghĩa, một là người thực hành, hai là chúng hóa hiện, như kinh Niết-bàn hiện đồng tử và thần Kim cương.

Hỏi: Do nhân duyên gì mà mọi người đều lãnh thọ pháp Tiểu thừa, nhưng có người được nghe kinh Pháp Hoa và tin hiểu, có người

không nghe?

Đáp: Đây có bốn nghĩa:

1. Mới tập học Đại thừa, cuối cùng cũng được nghe Đại thừa, hạng người này có lòng tin xa vời.

2. Mới tập học Đại thừa nhưng giữa chừng quên ý chí, vì thế ban đầu vì họ mà nói Tiểu thừa, khi tâm Tiểu thừa dần thay đổi, cuối cùng vì họ mà nói Đại thừa, người này nghe Pháp Hoa cũng tin hiểu.

3. Vốn học Đại thừa nhưng sau nghe nói Đại thừa lại lui chấp Tiểu thừa, như sáu mươi vị Bồ-tát thành La-hán nói trong kinh Đại phẩm, cũng như kinh Niết-bàn tuy nghe có Phật tánh mà còn thành La-hán. Dùng đây để so sánh, thì nghe kinh Pháp Hoa cũng có người thành A-la-hán, hạng người này nghe pháp Đại thừa cũng tin hiểu.

4. Ban đầu học Tiểu thừa mà sau nghe nói Đại thừa, người này thường không sanh tâm tin, do tu tập Tiểu thừa đã lâu ngày, khi nghe đại thừa thì trái với bốn tâm, cho nên không sanh tín. “Phật bảo Xá-lợi-phất! Pháp mầu như thế, các Đức Phật khi đúng thời mới nói”. Phần trước nói về duyên khởi, tức là tịnh khí, Nay là phần chính là nói, tức trao pháp mầu. Nếu không có tịnh khí thì không biết lấy gì để nhận pháp mầu, nếu không có pháp mầu thì không do đâu để trao tịnh khí, cho nên hai thứ này phải tương xứng, trong phần chính là nói gồm có bốn môn:

1. Nói về môn Nhất thừa chân thật.
2. Nói về môn Nhị thừa phương tiện.
3. Chỉ bày chỗ được mất.
4. Khuyên tin nhận vâng giữ.

Sở dĩ nói bốn môn này, là trong hội Linh Sơn căn cơ lớn đã thuần thực đáng nghe pháp lớn, cho nên nói về môn Nhất thừa chân thật. Nay đã chỉ bày nhất thừa là chân thật, thì nên bỏ ba thừa xưa là phương tiện, cho nên nói về ba thừa xưa là phương tiện. Môn đầu nói nay Nhất thừa chân thật, môn sau nói xưa ba là phương tiện, vì là một cách giáo hóa trước sau mà lý cùng tận. Nếu có thể tin nhất thừa là thật, ba thừa là phương tiện thì gọi là được chẳng mất. Nếu không tin thì gọi là mất chẳng được, vì thế môn thứ ba là chỉ bày chỗ được mất. Lý được mất đã rõ, cho nên sau cùng khuyên bỏ mất lấy được và tin nhận vâng giữ, vì thế có môn thứ tư.

Lại nữa, nhất thừa chân thật gọi là pháp luân căn bản, Chư Phật xuất hiện ở đời chỉ vì nói một việc lớn nhân duyên, đó là một đạo thanh tịnh tức pháp luân căn bản. Nhưng chúng sanh phước mỏng căn tánh

ám độn không thể thọ lãnh một đạo, cho nên đối với một Phật thừa mà phương tiện nói ba, gọi là pháp luân chi mật. Đã từ một khởi ba trở lại muốn chúng sanh do ba mà hiểu một, nếu có thể biết ba là quy về một tức là được chẳng phải mất, nếu cố chấp ba không thọ nhận một, đó là mất chẳng phải được, vì thế môn được mất là pháp luân thâm ngọn quy về gốc. Việc trước sau giáo hóa ba luân đã tròn đầy, sau đó mới khuyên chúng sanh tin nhận, vì thế có môn thứ tư là khuyến tín.

Môn nhất thừa chân thật lại chia làm ba chương:

1. Đức Thích-ca tự nói Nhất thừa chân thật, cũng gọi là tự khai tông.

2. Dẫn Chư Phật để làm chứng và giải thích.

3. Đức Thích-ca thuận đồng theo.

Sở dĩ có ba môn này, bởi đức Thích-ca là bậc giáo chủ hiện tại cho nên trước tự khai tông, vì sợ chúng sanh không tin nên dẫn Chư Phật để làm chứng, làm chứng rồi mới thuận theo.

Phần đầu lại chia làm ba môn:

1. Môn khen ngợi.

2. Môn không luống dối.

3. Môn hiển bày ý giáo.

Sở dĩ có ba môn này, là trước khen ngợi khiến chúng sanh tin hiểu, không luống dối là ngăn sự chê bai, khai mở tin hiểu, phá trừ mê hoặc, nhân duyên đã xong nên nói lên ý giáo pháp. Phần đầu lại chia làm hai là pháp và thí dụ “Pháp mẫu như thế”, đây là nói lên ý chỉ quy của một bộ kinh, nghĩa là trước nói Nhất thừa chân thật, lấy hai chữ Diệu pháp làm đầu đề. Diệu có hai nghĩa:

1. Thể diệu, tức là chẳng phải một chẳng phải ba, quên ngôn ngữ, dứt suy nghĩ.

2. Dụng diệu, tức là chẳng phải ba chẳng phải một, không biết lấy gì để khen ngợi, vì đối với xưa có ba nên gượng khen ngợi một, cho nên chú thích kinh Pháp Hoa rằng: Chẳng phải ba chẳng phải một tận cùng tướng là diệu, chẳng lớn chẳng nhỏ, chung cho cả chúng sanh là pháp, bởi theo tông cũ của Ngài La-thập và Tăng Triệu, không phải nay mới dịch.

“Khi đúng thời mới nói”: đây là khen ngợi pháp ít có, tăng thêm lòng kính tin cho chúng sanh. Nói xa thì như đoạn văn sau chép: Ưc ước muôn kiếp cho đến bất khả tư nghì Chư Phật Thế tôn mới nói kinh này, nói gần thì đức Thích-ca giáo hóa hơn bốn mươi năm mà chưa nói nay mới nói kinh này, cho nên biết là ít có.

“Như hoa Ưu-bát-la đứng thời mới hiện ra”, thí dụ này là nói đúng thời Phật mới nói kinh. Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chép: Hán dịch là Linh thoại hoa, lại gọi là Không khởi hoa. Ở nước Thiên-trúc có cây này mà không có hoa, nếu vua Chuyển Luân ra đời thì cây này mới nở hoa, ý nói chúng sanh ưa nghe pháp Nhất thừa thành vua Chuyển Luân, thì Chư Phật Thế tôn mới nói kinh này. Hoa Linh Thoại là tướng của vua Chuyển Luân, kinh Pháp Hoa là chứng minh thành Phật.

“Xá-lợi-phất! Các vị nên tin lời Phật nói không hề luống dối là nói môn bất hư. Xưa nói ba mà nay một thì lời nói dường như trái nhau, sợ rằng chúng sanh không tin cho nên nay nói lời Phật là không luống dối, tức khuyên chúng sanh tin nhận.

“Xá-lợi-phất! Chư Phật tùy thời nghi nói pháp”, đây là phần nói lên ý giáo pháp, hai câu trên là nói lý do, chương này là chính là nói căn cứ ý Hiển giáo chia làm hai phần:

1. Môn chúng sanh không hiểu giáo ý.

2. Môn chỉ có Phật mới có thể hiểu giáo ý.

“Tùy thời nghi nói ý thú khó hiểu, đây là nêu hai chương môn.

1. Môn tùy nghi nói pháp

2. Môn nêu ý thú khó hiểu

Chư Phật nói pháp tùy theo hai loại chép:

1. Tùy hiện thật mà nói.

2. Tùy căn cơ thích hợp mà nói

Nói Nhất thừa tức là tùy theo lý thật mà nói, nói Ba thừa là tùy căn cơ thích hợp mà nói, bởi lý thật không ba mà nói ba tức là tùy cơ thích nghi mà nói.

“Ý thú khó hiểu”, trên nói thuyết giáo tùy nghi, nay nói giáo là chỗ biểu hiện lý. Nếu nói ba thừa mà ý cũng ba thì không gọi là khó hiểu, nhưng đây nói ba mà ý chẳng phải ba, lời nói thì gần mà ý xa, nên gọi là ý thú khó hiểu. Lại nữa, ý chẳng phải ba cũng không gọi là khó hiểu, nay nói chẳng phải ba rõ ràng đó không phải ba, cũng chẳng cho là không phải ba, tức tâm không có chỗ ký gởi là hợp với huyền tông, nên gọi là khó hiểu. Chữ “vì sao” là giải thích phần nói đầu của hai môn trên giải thích môn tùy nghi, kế là giải thích môn ý thú khó hiểu.

“Ta dùng vô số phương tiện”, hoặc tà hoặc chánh, hoặc thuận hoặc nghịch, đều là khéo léo nên gọi là phương tiện. Lại khiến tất cả ngộ nhập một đạo thanh tịnh, chỉ bày các thứ giáo hóa vì làm nhân duyên của một đạo, do từng bước nên gọi là phương tiện.

“Các thứ nhân duyên”: sở dĩ chỉ bày các thứ giáo hóa tà, chánh,

thuận, nghịch khác nhau nhau, là bởi chúng sanh căn tánh khác nhau, mỗi người đều có nhân duyên nhập đạo khác nhau, cho nên nói các thứ nhân duyên.

“Lời lẽ thí dụ giảng nói các pháp”, trên nói vô số phương tiện là nói chung tám tướng thành đạo là chân chánh, chỉ bày chín mươi sáu pháp thuật là tà, hoặc ngộ nghịch là Điều-đạt Thiện Tinh, hoặc thuận như A-nan, La Vân cho nên nói chung tất cả là khéo léo. Nay nói riêng một việc nói pháp, nói pháp có hai thứ là thí dụ và lời lẽ. Từ vô số phương tiện cho đến các thứ nói pháp, là nhiếp chung tất cả giáo pháp của đức Thích-ca.

“Pháp đó không phải suy lường phân biệt mà có thể hiểu”: đây là giải Thích-câu ý thú khó hiểu. Như lai nói tất cả giáo là khiến chúng sanh ngộ nhập Nhất đạo, cho nên đoạn văn sau chép: Đối với tất cả pháp mà dùng trí phương tiện để giảng nói, những sự nói pháp ấy đều dẫn đến Nhất thiết trí địa. Người lãnh thọ giáo pháp ba thừa thì suy lường phân biệt ba, cuối cùng không hiểu được ý của ba thừa giáo. Năm thừa thì dùng năm tâm khác nhau mà phân biệt, cuối cùng không hiểu tuy nói năm mà ý không phải năm. Cho nên nói chẳng phải suy lường phân biệt mà có thể hiểu. Lại nữa, tâm có sở đắc gọi là suy lường phân biệt, nên luận Nhiếp Đại thừa chép:

“Phân biệt là phiền não của Bồ-tát”

“Chỉ có các Đức Phật mới có thể biết”, ở trên nói chúng sanh không hiểu, ở đây nói chỉ có Đức Phật mới hiểu.

“Vì sao”, đây là giải thích vì sao chỉ có Phật hiểu, tức câu “Chư Phật chỉ do một nhân duyên lớn mà hiện ra đời”, cho nên Phật nói tất cả giáo pháp đều vì nói lên Nhất thừa.

“Xá-lợi-phất thế nào gọi là Chư Phật chỉ do một nhân duyên mà hiện ra ở đời”, trên là nêu một đại sự nhân duyên để giải thích ý giáo pháp, ở đây giải thích việc lớn nhân duyên ấy. Vì muốn giải thích nên nêu việc ấy làm chương môn, kế đến là nói bốn câu khai, thị, ngộ, nhập tri kiến để giải thích chương môn, phần giải thích bốn môn này thì khác nhau nhau, nay nói lược ba nghĩa.

1. Theo sách xưa giải thích thì ban đầu khai mở tri kiến Phật là nói về lý của đạo, ba câu sau là ngộ lý đạo này mà phát sanh ba tuệ, cho nên nói thị, ngộ, nhập.

2. Theo Luận Pháp Hoa giải thích, khai là nói về nghĩa vô thượng, ngoài nhất thiết trí của Như lai thì không có việc gì khác, vì thế nói khai tri kiến Phật, khiến chúng sanh biết để được thanh tịnh. Tri kiến của

Như lai là Như lai có thể chứng nghĩa như thật, như phẩm Thọ Lượng chép: Như lai biết tướng như thật của ba cõi, không có sanh tử, hoặc thoát, hoặc xuất, cũng không ở đời và diệt độ. Chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải giống, chẳng phải khác, đây là pháp giới của Như lai. Nói chữ thị là có ý nghĩa như nhau, đó là pháp thân của Thanh văn, Duyên giác và Phật đồng nhau, pháp thân bình đẳng là Phật tánh pháp thân của Ba thừa không có khác nhau. Nói chữ ngộ là bởi trước đó không biết nghĩa lý, người Nhị thừa không biết chỉ một Phật thừa là rốt ráo, nay muốn cho họ biết nên gọi là ngộ. Nói chữ nhập là chứng đại bất thối chuyển, thị hiện vô lượng trí nghiệp. Luận nói bốn môn này là có thứ lớp, ban đầu nói khai tri kiến Phật tức khen ngợi tri kiến Phật là vô thượng, tuy khen tri kiến Phật là vô thượng. Nhưng có người cho rằng chỉ Phật mới có tri kiến này, còn người Nhị thừa không có, vì thế kể là thị tri kiến Phật chỉ bày ba thừa đều có Phật tánh pháp thân chỉ có Phật chứng ngộ Phật tánh thì gọi là pháp thân. Hàng Nhị thừa chưa hiển rõ nên gọi là Phật tánh. Tuy ba thừa đều có Phật tánh pháp thân, mà người Nhị thừa không biết chỉ có Nhất thừa không có hai thừa, nay muốn cho họ biết nên kể là nói ngộ tri kiến Phật. Đã biết chỉ có một Phật tánh, không có hai thừa tức chứng bất thối chuyển, vì thế kể là nói nhập Tri kiến Phật. Luận lại giải thích ba câu sau, nói chữ Thị là vì các Bồ-tát có tâm nghi nên khiến họ biết như thật mà tu hành. Nói chữ Nhập là người chưa phát tâm Bồ-đề khiến họ phát tâm, người đã phát tâm thì khiến chứng nhập pháp Đại thừa. Chữ nhập cũng là khiến bỏ quả Thanh văn mà nhập đại Bồ-đề. Chữ ngộ là làm cho chúng sanh ngoài đạo phát sanh giác ngộ, ý này giải thích có khác với trước.

Bốn câu giải thích trước đều là giáo hóa Thanh Văn, ý ở đây là nói giáo hóa Bồ-tát và ngoại đạo, kinh này chính là giáo hóa Thanh Văn, sau mới giáo hóa Bồ-tát và ngoại đạo, giáo hóa ba hạng này là nhiếp chung tất cả khiến đồng quy về Phật thừa.

3. Theo luận Trí Độ và kinh Niết-bàn thì tuy có bốn câu mà không ngoài hai môn, hai câu đầu là nói về năng hóa, hai câu sau là nói về sở hóa, trong phần năng hóa có đại khai và chỉ bày khúc chiết, trong phần sở hóa có bắt đầu ngộ và cuối cùng nhập, cho nên bốn môn này bao gồm tất cả nghĩa. Nói chữ khai, Phật tánh của chúng sanh gọi là Tri kiến Phật, Phật tánh cũng gọi là Nhất thừa. Kinh Niết-bàn chép: “Tất cánh” có hai món:

1. Trang nghiêm tất cánh
2. Rốt ráo tất cánh

Trang nghiêm tất cánh là sáu Ba-la-mật, Rốt ráo tất cánh là tất cả chúng sanh chứng đắc Nhất thừa, nhất thừa gọi là Phật tánh, do nghĩa này nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có Nhất thừa, vì vô minh che lấp nên không thể thấy; vì chúng sanh nên Phật nói Phật tánh, gọi đó là khai. Đã vì chúng sanh mà nói tức là vì chúng sanh mà khai, sở dĩ khai Phật tánh là khiến chúng sanh dứt bỏ vô minh phiền não, để được thanh tịnh, khai mở Phật tánh, tức là không đức nào không tròn đầy, để được thanh tịnh là không hệ lụy sao không dứt sạch.

Nói chữ thị, đó là chỉ bày nghĩa khác nhau của năm tánh, nên gọi là thị, như kinh Niết-bàn chép: “Đào ra kho vàng chỉ bày khắp chúng sanh hiểu là kho báu nên gọi là thị”. Nói chữ ngộ, là khi nói xong hai môn khai và thị, nay kể đến biết đều có Phật tánh gọi là ngộ, do tu hành chứng nên gọi là nhập. Biết có Phật tánh là bậc Thập tín trở lên, chứng nhập Phật tánh là từ vị Diệu giác địa trở xuống. Nêu địa vị trước và sau thì chẳng có gì không bao gồm, kể nói lời kết, tức câu: “Đức Phật do một nhân duyên lớn mà hiện ra đời”.

Hỏi: Đã biết khai, thị, ngộ, nhập, vì sao gọi là tri kiến Chư Phật?

Đáp: Trên đã nói lược, nay là nói rộng, bởi là tên khác của Bà-nhã, hạng mục riêng của chánh quán. Nay y theo kinh này tức là bốn trí:

1. Nhất thiết trí, là biết chúng sanh sáu đường xưa nay vốn vắng lặng, tất cả chúng sanh vốn là Phật.

2. Nhất thiết chủng trí: tuy biết xưa nay vốn vắng lặng mà đối với chúng sanh thì thường không vắng lặng, cho nên đối với đạo chưa bắt đầu ở hai, đối với duyên chưa bắt đầu ở một. Đối với đạo chưa bắt đầu ở hai nên pháp thân thường ở trong sáu đường, đối với duyên chưa bắt đầu ở một cho nên pháp thân thường ở trong sáu đường, pháp thân thường gọi ở trong sáu đường là nhất thiết trí, pháp thân thường ở trong sáu đường gọi là nhất thiết chủng trí.

3. Tự nhiên trí: tức là nhập vận mà trí biết hai pháp trên

4. Vô sư trí, ba trí này không do thầy mà được nên gọi là vô sư.

Bốn trí này là tâm của Chư Phật ba đời, tất cả chúng sanh nên thường dùng bốn trí này làm quán hạnh tức là sơ tâm Phật.

“Các Đức Phật Như lai chỉ giáo hóa Bồ-tát, những điều làm ra thường vì một việc”, ở trên nói chỉ vì Nhất đạo nên xuất hiện ở đời, nay nói chỉ giáo hóa một người.

Hỏi: Chư Phật giáo hóa năm thừa chúng sanh, sao ở đây nói chỉ

giáo hóa một người là Bồ-tát?

Đáp: Tuy nói năm giáo nhưng nói lên một lý, tuy dạy năm hạng người cũng thành một người, đó là nói gởi năm, ý ở một. Lại nữa, đạo cần cầu đã là một thì người cầu đạo cũng là một. Cho nên nói chỉ dạy Bồ-tát.

“Những điều làm ra thường vì một việc”: trên nói một lý, chỉ dạy một người, đó là theo miệng nghiệp. Nay nói những việc làm, đó là sự động tịnh bốn oai nghi, cho đến dùng ba nghiệp làm tất cả việc đều là nói lên một lý, tất cả đều vì dạy một người.

“Đức Như lai chỉ dùng một Phật thừa mà nói pháp cho chúng sanh nghe, không có các thừa nào khác, hoặc hai hoặc ba thừa”. Sở dĩ có đoạn văn này, là để giải thích thành tựu nghĩa các câu trên, bởi đạo lý đã là một không có ba, cho nên Chư Phật chỉ vì một việc mà xuất hiện ở đời, chỉ vì giáo hóa một người, cho đến những điều làm ra đều vì nói lên một việc, văn này có hai ý:

1. Nói đạo lý chỉ có một, nên Chư Phật y theo một lý, chỉ nói Nhất thừa, cho nên chép: chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp.

2. Không có các thừa nào khác, chẳng hai hoặc ba thừa, ở trên nói lý chỉ có một Phật thừa, ở đây nói đạo lý không có các thừa khác. Thừa khác tức là thừa Thanh văn và thừa Duyên giác, thừa Duyên giác là thừa thứ hai, thừa Thanh văn là thừa thứ ba, cho nên chép: không có các thừa khác, chẳng hai hoặc ba thừa.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Theo thứ lớp của số thì đọc một, hai, ba, trên đã nói dùng một Phật thừa, cho nên nay nói không có thừa, thứ hai thứ ba đây là theo thứ lớp từ cao đến thấp. Sở dĩ trước nói có Phật thừa, là muốn giải thích ở trên chỉ có một việc, nên chỉ có Nhất thừa, văn đã rõ ràng không cần giải thích khác nữa.

Có chỗ nói “hoặc hai” là Thanh văn và Duyên giác, “hoặc ba” là Đại thừa trong ba thừa. Có chỗ nói “hoặc” hai là Đại thừa và Tiểu thừa, có chỗ nói hoặc hai là nhân thừa và thiên thừa, hoặc ba là Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Đây chẳng giải thích cũng không cần bác bỏ. “Tất cả pháp của Chư Phật trong mười phương cũng là như vậy”, cho nên nói đoạn văn này, bởi ở trên nói có Nhất thừa, không có các thừa khác, hoặc hai hoặc ba thừa. Lúc ấy đại chúng cho rằng chỉ có đức Thích-ca nói lời này nên không tin nhận, vì thế nay dẫn Chư Phật mười phương để làm chứng chẳng phải chỉ Phật nói có Nhất thừa mà Chư

Phật mười phương cũng nói như.

“Các Đức Phật thuở quá khứ” v.v.... Đây là lời dẫn chứng, văn chia hai phần:

1. Dẫn riêng Chư Phật ba đời để làm chứng.
2. Dẫn chung Chư Phật ba đời để làm chứng.

Trong mỗi phần đều có ba câu đó là bậc hóa chủ, giáo pháp và người lãnh thọ, ba câu này là thầy giỏi, thuốc hay và người bệnh. Lại nữa, hóa chủ là Phật bảo, giáo pháp là Pháp bảo, người lãnh thọ là Tăng bảo. Trong phần giáo pháp lại có hai câu:

1) Trình bày chung tất cả giáo, luận Pháp Hoa chép: Nhân duyên gọi là pháp Ba thừa, pháp Ba thừa chỉ có danh tự mà không có nghĩa thật. Thí dụ nghĩa là từ bò sanh ra sữa, sữa dụ cho Tiểu thừa, từ sữa sanh ra đề hồ, đề hồ dụ cho Đại thừa, pháp này đều là một Phật thừa.

2) Nói về lý biểu hiện ở giáo:

Người lãnh thọ giáo pháp cũng có hai câu, ban đầu là khai hiáo năm thừa, sau là đặc nhất thiết chủng trí “Xá-lợi-phất! Các Đức Phật chỉ giáo hóa Bồ-tát”, trên là nói riêng về sự giáo hóa của Chư Phật ba đời, nay là nói chung sự giáo hóa của Chư Phật ba đời. Sở dĩ có đoạn văn này, bởi trước đó đức Thích-ca khai tông chỉ vì giáo hóa một một người, chỉ vì hiển một lý chưa nói về giáo pháp của Chư Phật ba đời, nên nay nói ở văn này. “Xá-lợi-phất! Nay ta cũng giống như thế”: là chương thứ ba nói ý tuệ theo. Vì Chư Phật ba đời đã nói như thế, đức Thích-ca thuận theo nên cũng nói như thế, vì lý đã không hai nên đạo của Chư Phật là như nhau, nếu không tin lời nói của đức Thích-ca thì trái với giáo pháp của chư Phật ba đời, tội ấy rất lớn. Nếu tin lời nói của đức Thích-ca tức là tin giáo pháp của Chư Phật nói, phước có được rất nhiều, đây là khuyên chúng sanh tin nhận cho nên nói chỗ thuận theo như nhau, văn chia hai phần:

1. Hiển bày Nhất thừa
2. Phá bỏ hai thừa

Trong phần hiển Nhất thừa thì trước nói về giáo môn, sau nói giáo biểu hiện lý.

“Biết rõ chúng sanh có những điều ưa muốn”, đây là nói dục lạc của chúng sanh ở năm thừa có khác nhau.

“Thâm tâm chấp trước”, Huân tập dục lạc ở năm thừa rất sâu, vì thế chúng sanh chấp đắm ở năm thừa.

“Ta tùy theo bản tánh kia”, Huân tập dục lạc đã sâu thì thành bản tánh, tánh không thể đổi nên Đức Phật tùy theo đó mà nói pháp.

“Dùng các thứ nhân duyên”, trên là nói biết căn cơ, nay là thuận theo căn cơ để nói giáo.

“Như thế đều vì để chứng đắc một Phật thừa Nhất thiết chủng trí”, ở trên là nói giáo môn, nay là nói giáo biểu hiện lý.

“Trong cõi nước ở mười phương, hai thừa còn không có, huống là có ba”, ở trên nói chỉ có Nhất thừa, nay nói chẳng có hai, vì người Nhị thừa không biết chỉ có Nhất thừa, vì thế nói chỉ có Nhất thừa; không biết chẳng có hai, vì thế nay phá hai. Lại muốn phát khởi phần sau, phương tiện nói thành ba, cho nên trước nói đạo lý không có ba thừa. Kinh này phá hai thừa, gồm có ba môn:

1. Dùng Nhất thừa phá hai thừa, như trước có chép: “Chỉ có một Phật thừa, không có các thừa khác, chẳng hai hoặc ba thừa”. Phần kệ sau cũng chép: “Chỉ một việc là thật, nếu hai chẳng phải chân”, đây là dùng Nhất thừa phá hai thừa.

2. Dùng hai thừa phá ba thừa, tức như đoạn văn này: “Hai thừa còn không có, huống chi là có ba?”, hai thừa là Duyên giác, ba thừa là Thanh văn, Duyên giác là cao quý đối với lý mà còn không có, huống là Thanh văn yếu kém hơn mà có hay sao? Ý này nói về lý không thể có hai huống chi là có ba? Lại nữa nói phá ba thừa này là vì trong hội pháp Hoa chung là ba thừa nhưng chính là phá Thanh văn, cho nên phẩm Thí Dụ nói: “Vì các Thanh văn mà nói kinh Đại thừa”. Nay nêu không có Duyên giác để phá bỏ Thanh văn tức là dùng hai thừa phá ba thừa.

3. Dùng ba thừa phá hai thừa, nghĩa là từ một Phật thừa mà phương tiện nói ba, ba thừa đã là phương tiện, há hai thừa là thật hay sao? Hai môn trước là dùng không để phá có, môn sau là dùng quyền phá thật.

“Xá-lợi-phất! Chư Phật ra đời”, ở đây là nói về ba thừa phương tiện, sở dĩ có đoạn văn này là có hai nghĩa gần và xa. Nói về xa, ba môn trên đã nói Nhất thừa là chân thật tức phải nói rõ xưa nói ba là phương tiện, bởi nói nay, xưa, trước, sau, quyền, thật, là ý của hai giáo. Nói nghĩa gần là từ trước dùng một phá hai và mượn hai phá ba, lúc ấy đại chúng nghi rằng: đạo lý chỉ có một, còn không có hai, huống chi là có ba? Đức Như lai là người thấu đạt lý, lúc mới ra đời thì nên giảng nói chỉ có một lý, không có ba thừa. Vì sao đạo lý có một lại không nói một; không có ba thừa mà lại nói ba? Há chẳng phải không mà nói có, có mà nói không, lừa dối chúng ta sao?

Cho nên giải thích rằng: Tuy lý chỉ có một không có ba, nhưng vì chúng sanh có chướng ngại năm trước sâu nặng không thể thọ lãnh Nhất

thừa, vì thế Chư Phật dùng phương tiện mà nói ba, lỗi là ở chúng sanh, chẳng phải do Chư Phật, đây là khiến người Nhị thừa tự hối hận trách mình mà quy ngưỡng Như lai. Kế là vì giải thích thành lý chỉ một. Do năm trước mà phương tiện nói ba, vì thế biết đạo chỉ có một, vẫn này chia ba phần:

1. Nêu chung Chư Phật xuất hiện ở cõi đời có năm điều vẫn đục.
2. Nói riêng tên của năm điều vẫn đục.
3. Giải thích kiếp trước là thời ác xấu.

Hỏi: Vì sao nói kiếp trước đầu tiên?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Chính là để giải thích nghi ngờ. Nghi rằng: Chư Phật ở trong thời nào mà nói ba thừa là phương tiện? Vì dứt sự nghi ngờ nên nói Chư Phật xuất hiện trong đời có năm thứ vẫn đục, đó là: Kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước, mạng trước, nên nói kiếp trước đầu tiên. Lại, kiếp trước là chung trong kiếp trước phân ra năm trước mà thôi. Nếu dùng pháp để biện luận thời gian thì nên nói là trước kiếp, nay dùng thời gian để gọi pháp nên nói là kiếp trước. Kế là nói phiền não trước, có kiếp trước rồi thì có chúng sanh trước, rồi đến Kiến trước, bởi chúng sanh khởi phiền não mà không hẳn khởi kiến, muốn nói trước là tại gia thì khởi ái chúng sanh, nay là xuất gia khởi kiến ngoại đạo vì thế nói kiến trước. Nên phân kệ sau đều trước nói ái, sau nói kiến, khởi đủ cả ái và kiến thì giảm gần ba tiểu kiếp, tuổi thọ chúng sanh ngắn ngủi, cho nên nói mạng trước. Trong kinh nêu năm trước này là theo thứ lớp, phiền não trước và kiến trước là thể của trước, hai trước này cấu thành chúng sanh nên gọi là chúng sanh trước, cho nên kinh chép: “Tâm như uế nên chúng sanh như uế.”

Hỏi: Năm trước và ba chương có gì khác nhau?

Đáp: Ba chương ngăn ngại Thánh đạo và phương tiện Thánh đạo, nghĩa này là quan trọng, cho nên có ba chương thì không thể nhập Thánh đạo. Năm trước là nói chung, vì thế Chư Phật vì chúng sanh năm trước mà nói ba thừa giáo.

Hỏi: Đã có nói nghiệp chương, sao không nói nghiệp trước?

Đáp: Như kinh Tỳ-ni-Mẫu cũng nói nghiệp trước, không nói kiến trước thuộc phiền não trước. Nay nói chúng sanh trước là nghiệp trước, vì sao? Đã có ái, kiến, phiền não, tức khởi ba nghiệp ác của thân miệng ý, vì thế gọi là nghiệp trước; lấy gì để biết? Nếu nói chỉ ý địa các phiền não mà không khởi nghiệp thân miệng, thì chẳng phải chúng sanh xấu ác, không gọi là chúng sanh trước, vì thế biết chúng sanh trước tức là nghiệp trước.

Hỏi: Năm trước đều ngăn ngại Nhất thừa ba thừa, vì sao nói ba mà không nói một?

Đáp: Nhất thừa thì sâu mà ba thừa thì cạn, tuy có năm trước nhưng có thể nói ba thừa, gồm có bốn ý:

1. Có năm trước thì chướng ngại Nhất thừa, thuở xưa người Thanh văn không thể nghe Nhất thừa.

2. Năm trước không chướng ngại Nhất thừa, nghĩa là phạm phu có năm trước nhưng được nghe giáo Nhất thừa.

Hỏi: Đồng có năm trước, vì sao có hạng được nghe Nhất thừa, có hạng không nghe?

Đáp: Tuy đồng có năm trước, nhưng người có căn cơ với Nhất thừa thì được nghe, nếu không có thì không nghe.

3. Hạng người không có năm trước được nghe Nhất thừa, tức là Thanh văn trong hội Pháp Hoa.

4. Hạng không có năm trước mà không nghe Nhất thừa, tức là Thanh văn không nghe Pháp Hoa.

Hỏi: Cùng đồng không có năm trước, sao có hạng được nghe, hạng không được nghe?

Đáp: Tuy đồng không có năm trước, nhưng người có căn cơ với pháp Nhất thừa thì được nghe, nếu không thì chẳng được nghe.

Hỏi: Người có căn cơ với pháp Nhất thừa thì được nghe còn không thì chẳng nghe, thế nào là năm trước chướng ngại Nhất thừa và không chướng ngại?

Đáp: Năm trước chướng ngại Nhất thừa, nhưng nếu có căn cơ mạnh với Nhất thừa mà năm trước chướng ngại yếu nên được nghe pháp Nhất thừa.

Hỏi: Ba căn Thanh văn trong hội Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã nghe pháp Nhất thừa, thì có căn cơ với Nhất thừa, sau khi đắc A-la-hán vì sao không nghe Pháp Hoa?

Đáp: Tuy có căn cơ với Nhất thừa, nhưng sự chấp ba thừa mạnh mà căn cơ Nhất thừa yếu, phải đợi nghe các kinh Phương Đẳng, rèn luyện tâm ấy rồi mới nghe kinh Pháp Hoa được.

Hỏi: Thế nào gọi là trước?

Đáp: Trước nghĩa là không sạch, thí như nước đục không thể thấy vật, tâm chúng sanh trước nên không thể thấy rõ lý Nhất thừa, vì vậy gọi là Trước.

Kinh Tát-già-ni-kiền có nói mười hai thứ trước

1. Kiếp trước

7. Cõi nước bất tịnh trước

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 2. Thời trước | 8. Chúng sanh khó dạy trước |
| 3. Chúng sanh trước | 9. Nói các phiền não trước |
| 4. Phiền não trước | 10. Ngoại đạo loạn trước |
| 5. Mạng trước | 11. Ma trước. |
| 6. Ba thừa sai khác trước | 12. Ma nghiệp trước |

“Vào lúc kiếp loạn trước”, đây giải thích nghĩa năm trước mà khởi giáo pháp ba thừa, trong năm trước mà nói riêng về kiếp loạn trước, bởi trong ba tiểu kiếp có ba tai, phiền não chúng sanh đều tăng nhiều, cho nên nói lúc kiếp loạn trước.

“Chúng sanh nhớ nặng, bồn sển, tham lam, ganh ghét”, đây là các việc dơ nặng. Tham lam là một trong ba độc, bồn sển, ganh ghét là hai triền trong mười triền, sở dĩ nói riêng ba thứ này là có hai ý:

1. Ba món này chỉ nặng ở cõi Dục cho nên nói

2. Bồn sển là nghiệp nghèo khó, ganh ghét là nhân của thấp hèn.

Trong nghiệp nghèo cùng thì tiếc vật của mình gọi là bồn sển, lấy vật của người khác gọi là tham. Trong nghiệp thấp hèn thì ganh tài vật bên ngoài của người khác gọi là tật, ganh chánh báo bên trong của người khác gọi là đố.

Gây nhân bản cùng tạ tiện thì không được dự vào nhân thừa, thiên thừa, hưởng chi là Phật thừa là thừa giàu sang, vì trên hết trong năm thừa nên là giàu, đầy đủ muôn đức gọi là sang, cho nên đoạn văn sau chép: “Sang trọng như vậy, có thế lực lớn”. Trưởng giả giàu sang ấy tức là Như lai.

“Thành tựu các căn chẳng lành”, trên là nói riêng về một kiết sử và hai triền, tức là nói chúng sanh tại gia, gọi là phiền não trước, trong phẩm Thí Dụ gọi là trùng độc. Nay nói chung về hai căn bất thiện là sân và si, cùng các triền cấu, tức là ngoại đạo xuất gia, gọi là kiến trước, trong phẩm Thí Dụ gọi là ác quỷ.

“Cho nên các Đức Phật dùng năng lực phương tiện, đối với một Phật thừa mà phân nói riêng ba”, trên là nói chúng sanh có năm trước tăng mạnh không thể thọ lãnh pháp Nhất thừa, cho nên nay nói dùng năng lực phương tiện mà nói ba thừa.

“Nếu đệ tử Ta tự cho rằng mình là A-la-hán, Duyên giác, v.v...”, đây là chỉ bày chỗ được mất. Trên nói lý chỉ có một, kể nói vì năm trước mà phương tiện nói ba, quyền, thật, có, không, đã rõ ràng đáng tin, nếu không tin tức là người ác, nên nay nói về chỗ được mất. Nhưng giáo pháp có công năng trùm khắp thì không ngoài hai môn quyền và thật, người lãnh thọ giáo pháp cũng chỉ có hai môn là được và mất, việc này

bao gồm tất cả việc giáo hóa. Văn chia hai phần; trước nói về mất sau nói về được, trong mỗi phần lại có hai hạng người thành ra bốn hạng người.

Trong hai hạng người mất gồm:

1. Chưa đắc Tiểu thừa mà cho rằng đã đắc, không tin kinh Pháp Hoa.

2. Đã đắc quả Tiểu thừa chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, không cầu quả Đại thừa, đây cũng gọi là mất. Ban đầu là Phàm mất, sau là Thánh mất, hai điều này là bao gồm tất cả việc mất.

“Nếu đệ tử Ta tự cho rằng mình là A-la-hán”, ở trên nói Nhất thừa là chân thật, ba thừa là phương tiện, nay là mất hai ý này, bởi nói chấp Tiểu thừa là thật, mê ba thừa là phương tiện, đây là nói chưa đắc quả Tiểu thừa rốt ráo mà cho là đắc quả Tiểu thừa rốt ráo, tức là chỗ mất trong Tiểu thừa, chính là năm ngàn người bỏ hội ra đi.

“Không nghe không biết việc của các Đức Phật Như lai chỉ giáo hóa Bồ-tát”, đây là nói do không biết đồng quy về Nhất thừa tức mê Nhất thừa chân thật, là nói chỗ mất trong Đại thừa. Không nghe là không nghe giáo pháp, không biết là không hiểu về lý, năm ngàn người ấy không nghe nói rộng Nhất thừa chân thật, nên nói rằng không nghe không biết.

“Người ấy chẳng phải đệ tử Phật”, hai câu trên nói về vọng tình, đoạn văn này lại nói về được mất. Năm ngàn người chưa đắc quả Tiểu thừa rốt ráo mà cho rằng đã đắc quả rất ráo, cố chấp Tiểu thừa thì Tiểu thừa thuộc về Không mà không nghe không biết chỉ giáo hóa Bồ-tát, người này mê Đại thừa thì thuộc về không Đại thừa, vì thế chẳng phải là đệ tử Phật. Do chẳng phải đệ tử Phật thì chẳng phải nội phàm phu chẳng phải thất Thánh. “Lại nữa! Xá-lợi-phất”: đây nói về chỗ mất của bậc Thánh, văn có ba câu:

1. Đã đắc A la hán tự chấp rốt ráo, chấp ba thừa giáo mà không biết đó là phương tiện.

2. Không biết nhất thừa chân thật, tức câu: “chẳng biết tiến cầu v.v...”

3. Nói về được mất tức câu: “Nên biết bọn đó v.v...”

La-hán so với Đại thừa thật chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, vì thế không tiến cầu Phật đạo, phải biết đây là kẻ tăng thượng mạn.

Hỏi: Nay kẻ tăng thượng mạn có gì khác với tăng thượng mạn đã nói ở trước?

Đáp: Ở trên đã giải thích rồi, nay nói về chỗ khác, phàm phu có

hai thứ tăng thượng mạn:

1. Chưa đắc Tiểu thừa rốt ráo mà cho là đã đắc rốt ráo, đây là Tiểu thừa tăng thượng mạn.

2. Chấp vọng tình này mà không tiến cầu Đại thừa, đây là Đại thừa tăng thượng mạn.

Bậc Thánh đã đắc quả Tiểu thừa, nhưng tiểu quả so với Đại thừa chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, đây là bậc Thánh tăng thượng mạn, nhưng chỉ có tăng thượng mạn trong Đại thừa mà Tiểu thừa không có.

Hỏi: Vì sao biết có hai hạng người này?

Đáp: Đoạn văn sau nói về người khác với ở trước, cho nên biết hai hạng người này là khác. Lại nữa, văn trước phán xét phàm phu, chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A-la-hán, Bích-chi-phật, cho nên biết là sự mất của phàm phu. Đoạn văn sau phán xét mất nói thẳng tăng thượng mạn, bởi đã là La-hán mà không chứng đắc, tức chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A-la-hán, tự cho rằng rốt ráo mà không tiến cầu Phật đạo, vì thế gọi là Tăng thượng mạn.

Hỏi: Đây nói chính xác là hạng người nào?

Đáp: Nói chung tất cả tự cho mình là A-la-hán rốt ráo, mà ý chính là ba căn Thanh văn. Cho nên, phẩm Thí Dụ chép: “Xá-lợi-phất lúc ấy trong tâm tự cho rằng đã được diệt độ”, cho đến bậc trung căn Ca-diếp cũng có chấp này thể hiện trong phẩm Tín Giải và Hóa Thành Dụ.

Hỏi: Người phàm phu chưa đắc La-hán mà tự cho là rốt ráo, bậc Thánh thật đắc La-hán cũng tự cho là rốt ráo, hai hạng này có khác nhau không?

Đáp: Hai hạng này chưa nghe kinh Pháp Hoa tự cho là rốt ráo thì có như nhau, nếu khi nghe Pháp Hoa thì năm ngàn người phàm phu không sanh tin nhận, bậc Thánh thì có tin nhận, cho nên trong văn chép: “Nếu thật chứng quả A-la-hán mà không tin Pháp này thì không có việc ấy.”

“Vì vì sao”, ở đây nói phần được để giải thích phần mất, cũng có hai hạng người:

1. Khi Phật còn tại thế đắc quả La-hán
2. Sau khi Phật diệt độ đắc quả La-hán

Phần đầu lại chia làm hai nghĩa:

1. Bỏ bỏ phàm phu, nếu thật đắc La-hán thì khi nghe pháp Nhất thừa phải tin nhận, tức biết hạng người thứ nhất không tin Pháp Hoa chẳng phải La-hán, vì thế nêu phần được để bác bỏ phần mất.

2. Kích động bậc Thánh, nói thật đắc La-hán phải tin pháp này, nếu không tin thì chẳng phải La-hán, tức dùng văn này để kích động hạng người thứ hai thật đắc La-hán, khiến họ bỏ quả nhỏ để cầu đạo lớn.

“Trừ khi sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không Phật”, ở đây nói sau khi Phật diệt độ mà đắc La-hán, trước là nghe Pháp Hoa đắc La-hán, nay không nghe Pháp Hoa đắc La-hán. Văn này là để giải thích sự nghi ngờ, nghi rằng: có trường hợp La-hán mà không nghe không biết việc Phật chỉ giáo hóa Bồ-tát hay không? Lại có La-hán mà không tin hai pháp quyền và thật hay không? Do hai đoạn văn trước mà sanh nghi này, cho nên giải thích rằng: Lúc Phật tại thế người chứng La-hán mà nghe Pháp Hoa thì phải tin nhận, chỉ trừ sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không có Phật. Đây là La-hán không tin Nhất thừa. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Cũng là để giải thích nghi ngờ, nghi rằng: Nghe pháp ở Phật mà khởi tâm huỷ báng, vì sao Phật không nói pháp để dứt trừ nghi này, chỉ trừ sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không có Phật cho nên khởi chê bai mà thôi.

“Vì sao như vậy”, đây là giải thích hạng La-hán mà không tin Nhất thừa, do sau khi Phật diệt độ thì kinh Pháp hoa khó nghe khó hiểu, bậc La-hán khó được thành Phật. Luận Trí Độ chép: Kinh pháp Hoa nói La-hán thành Phật nghĩa rất sâu xa, La-hán thành Phật thì chỉ có Phật mới hiểu. Luận chính có thể bàn luận những việc khác ngoài Long Thọ cũng nói là không hiểu, cho nên biết chỉ có Phật mới hiểu. Sở dĩ hạng người này khó đắc, là do không gieo hai duyên người và pháp, La-hán này không tin nhất thừa.

Phẩm Hiện Bịnh trong kinh Niết-bàn chép: Như lời Phật dạy thì tất cả A-la-hán đều sẽ đến Niết-bàn, như thế rất sâu xa, là hành xứ của Phật kẻ phàm phu ngu không thể biết được, vì thế nói La-hán thành Phật rất là khó hiểu, chỉ có Phật mới biết cho nên gọi là khó đắc.

“Nếu gặp Đức Phật khác đối với pháp này bèn được hiểu”: Văn này cũng giải thích nghi ngờ. Nghi rằng: Bậc La-hán này đã không gặp Pháp Hoa và người giải nghĩa, lúc nào mới tin Nhất thừa? Vì thế giải thích rằng: La-hán này sanh trong tịnh độ ở ngoài ba cõi, lại gặp Phật khác được nghe kinh Pháp Hoa mà hiểu rõ. Hiểu rõ là biết ba, một, có, không, quyền thật.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ, La-hán không gặp người giải nghĩa, mà trực tiếp nghe kinh Pháp Hoa, có tin hiểu hay không?

Đáp: Việc này khó nói, giả sử gặp kinh mà không gặp người giải

nghĩa cũng không được hiểu rõ, vì thế văn chép: Nếu gặp Phật khác bèn được hiểu.

“Xá-lợi-phất! Các ông nên tin hiểu lời Phật dạy”, đây là phần khuyên tin nhận vâng giữ. Sở dĩ có văn này gồm có ba nghĩa:

1. Giải thích nghi ngờ, nghi rằng ban đầu nói ba thừa sau nói Nhất thừa tức thành nói dối làm sao để tin vì giải thích nghi này nên khuyên tin nhận.

2. Trên là chỉ bày Nhất thừa chân thật, ba thừa phương tiện và nói lên việc được mất, nay khuyên tin nhận là khiến bỏ mất theo được, tin nhận vâng giữ.

3. Kế lời văn trên, nếu gặp Phật khác liền được hiểu rõ, không hề có rối ráo mãi mãi trụ La-hán, phải nghe kinh Pháp Hoa sau sẽ thành Phật. Đại chúng các ông nay đã gặp Phật lại được nghe kinh, sớm phải tin nhận.

Hỏi: Trên đã khuyên tin, so với nay có gì khác?

Đáp: Trên là nói thẳng khuyên tin, nay nói pháp quyền thật chân, ngụy, đã rồi, thì khuyên chúng sanh tin hiểu thọ trì, vì thế khác lời ở trên.

Pháp Hoa Nghĩa Sở quyển thứ ba hết. Năm Giáp Ngọ niên hiệu Vĩnh Nhân, do có sư thuộc tông Trung Quán khuyến hóa khắc bản kinh Pháp Hoa Nghĩa Sở cuốn ba, hồi hướng ngô hầu Tỳ-kheo ni. Chánh Thiên và mẹ là Đặng Thị cùng ngồi xe báu này thẳng đến cõi tịnh, cho đến bốn ân ba cõi thấm nhuần lợi ích vô cùng.



PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 4

PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

(Phần 2)

“Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, có tâm” v.v... trở xuống là thứ hai kệ tụng có một trăm mười bốn hàng chia làm hai:

1) Bốn hàng tụng duyên khởi.

2) Một trăm mười hàng tụng chính là nói.

1. Duyên khởi có ba: Nay lược bỏ không tụng phần Phật hứa nói, khuyên răn lắng nghe, bài tụng thứ hai chê bai chúng bất tịnh, bài tụng thứ ba khen ngợi chúng thanh tịnh, chỉ tụng hai đoạn này gồm có hai nghĩa:

1) Muốn chứng minh Đức Phật ngăn Thân Tử và Thân Tử lại xin Phật nói. Dùng bài tụng chúng bất tịnh nói lên Đức Phật ngăn xin nói là không luống uổng. Kế tụng chúng thanh tịnh nói về Thân Tử xin là không lầm.

2) Bài tụng chúng bất tịnh, khuyên răn chúng sanh đời vị lai chớ chấp trước Tiểu thừa làm chướng ngại Đại thừa. Kế là tụng chúng thanh tịnh, vì khuyên tất cả chúng sanh tu tập Đại thừa.

Ban đầu một bài tụng nhiếp bốn chúng làm ba lỗi: hai chúng xuất gia đồng có lỗi tăng thượng mạn, vì sao? Vì hai chúng xuất gia chuyên tâm đạo quả thường đạt được thiên định cho nên khi đắc Bốn thiên mà cho là đắc bốn quả nên gọi là tăng thượng mạn. Có người nói tăng trong mạn, hơn cả mạn gọi là tăng thượng mạn. Nay nói tăng thượng là pháp tăng hơn, chưa đắc pháp tăng hơn mà cho là đắc pháp tăng hơn ỷ lại đây tự cao gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn và tà mạn có gì khác nhau?

Đáp: ba tạng Chân-đế chép: Đều chưa đắc Thánh pháp mà ỷ lại tà pháp để khởi mạn gọi là tà mạn; Nếu đắc chút ít pháp như đắc Bốn thiên, v.v... mà cho là rất ráo nên gọi Tăng thượng mạn.

Hỏi: Vì sao gọi là ôm lòng tăng thượng mạn?

Đáp: Chú giải Kinh rằng: Nếu vô tâm mà tiến đức thì sau đó hội ý! Có lòng đối với đạo tăng thượng, do đó gọi là mạn. Có trong lòng nghĩa là trong tâm có cứu mang, tức là có sở đắc.

“Ưu-bà-tắc ngã mạn”: Nghĩa là người kia chưa đắc mà tự cho là đắc, nhưng đã là trượng phu thì giữ chí không thay đổi cho nên nói ngã mạn. Chú giải Kinh rằng: Tuy biết vô ngã mà dùng vô ngã làm ngã cũng là mạn, ý này nghĩa là ngã năng hiểu là vô ngã nên gọi là ngã mạn.

“Ưu bà di chẳng tin”: Nhưng bốn chúng đều không tin Đại thừa, y theo không tin lại chia làm ba: hai chúng xuất gia thì có tăng thượng mạn nên không tin. Ưu bà tắc đã là trượng phu tự cho là có đủ tài năng mạnh mẽ quyết đoán giữ vững ý chí ta từ trước đến nay đã tin đạo lý La-hán rất ráo, nay vì sao chấp nhận thay đổi chí, nên gọi là ngã mạn. Kế đã là người nữ lại không có nghĩa gì khác nên nói thẳng là chẳng tin. Chú giải Kinh rằng: Tuy nói tin chẳng có mà lấy chẳng có làm tin, đó gọi là chẳng tin. Tăng Triệu rằng: Nói kia chẳng có, là nói kia chẳng phải có, chẳng phải nghĩa là chẳng có, chỉ vì người nữ chấp chẳng có nên gọi là chẳng tin. “Hàng bốn chúng như thế v.v...” là nói số chúng.

“Không tự thấy lỗi mình”: Hễ có lỗi mà có thể biết lỗi này gọi là người trí, nay nói có lỗi mà không tự biết gọi là người ngu. “Đối với giới có thiếu sót”: ở trên nói không có Tiểu thừa rất ráo giải mà cho là có giải, nay một câu nói về không có Tiểu thừa rất ráo hành mà cho là có rất ráo hành. Lại trên chưa đắc quả Tiểu thừa rất ráo mà cho là đắc quả rất ráo, lại không thọ Đại thừa vì không thể ngăn ngừa hai việc ác này cho nên nói giới có thiếu sót. Do phá giới này nên gọi là thiếu mà tín tâm rò rỉ nên gọi là lậu. Lại giới là bờ đê ngăn giữ nước phiền não, giới đã thiếu sót phiền não liền chảy ra.

Tiếc giữ tội xấu mình: Đây là giải thích nghi cho nên nói, nghi rằng đã không có hạnh giải lại không tự thấy lỗi mình, tâm đại bi của Phật sao không chỉ dạy mà khiến cho rời chỗ ngồi bỏ đi, vì vậy nên giải thích rằng không tự thấy lỗi, tiếc giữ tội xấu không thể hóa giải. Vết trong ngọc gọi là hà, dụ cho ý địa không hiểu, cho là có hiểu bệnh ngoài hòn ngọc gọi là tỳ dụ cho thân miệng không hành mà cho là có hành. Lại quá khứ tội căn sâu nặng là hà, hiện lại có tăng thượng mạn là tỳ. Lại trong tâm chấp Tiểu thừa không bỏ là hà, ngoài nghe nói Đại thừa không thọ là tỳ. Che đậy lỗi lầm là giữ, keo kiệt sai trái là tiếc. “Bọn căm thóc trong chúng”: Văn này giải thích nghi cho nên nói. Đây

là năm ngàn vị vào trong pháp Phật đâu có sở đắc (được) ư? Vì vậy nên giải thích rằng: năm ngàn người mất chân thật Trung đạo, v.v... chỉ đắc đoạn thường là cám, danh hiệu Ba thừa, như vỏ ngoài hạt gạo gọi là thóc, lý Nhất thừa như gạo trong vỏ thóc, chỉ biết danh hiệu Ba thừa mà không biết nghĩa Ba thừa cho nên gọi là thóc.

Lại, chúng thanh tịnh có thể dụng thí dụ đồng rượu gạo, người tội không thể dụng thí dụ như thóc cám. “Do oai Phật nên đi”: Chú giải Kinh rằng: Gió sanh khởi thì cát bụi tự bay, mặt trời xuất hiện thì tối sáng tự phân biệt, đây là chẳng chuyển đời mà là chuyển đời. “Người này kém phước đức”: Văn xuôi ở trên nói người có tội căn nay tụng nói lên kia vô phước. Kệ trước nói về kia chấp Tiểu thừa nên đứng dậy đi, nay nói họ không có khả năng thọ Đại thừa. “Chúng đây không cành lá”: Là tụng chúng thanh tịnh.

“Xá-lợi-phất lắng nghe v.v...” trở xuống là phần chính là nói thứ hai.

Trên có bốn môn:

- 1) môn Nhất thừa chân thật.
- 2) môn Ba thừa phương tiện.
- 3) môn Đắc thất.
- 4) môn Khuyến tín.

Nay kệ tụng chuyển thế nói pháp cũng có bốn môn:

- 1) Nhất thừa chân thật môn.
- 2) Ba thừa phương tiện môn.
- 3) Khen ngợi môn.
- 4) Khuyến tín môn.

Sở dĩ có bốn môn này là vì đầu tiên nêu Nhất thừa chân thật, kế Ba thừa phương tiện, hai môn này nói một phen giáo hóa từ đầu đến cuối nên thứ ba là khen ngợi, dùng khen ngợi xong khuyên chúng sanh tin nhận.

Nhất thừa chân thật có ba:

- 1) môn Đức Thích-ca tự nói.
- 2) môn Dẫn chứng.
- 3) môn Thuận đồng.

Nay tụng ba môn này chia làm ba đoạn.

Trong văn xuôi Thích-ca tự nói có ba:

- 1) môn Xưng tán.
- 2) môn Bất hư.
- 3) môn Hiện giáo ý.

Nay kệ chuyển thế tụng cũng chia ra ba môn.

- 1) môn Hiến giáo ý.
- 2) môn Thích nghi.
- 3) môn Khuyến tín.

Ban đầu chính là nói về nói giáo, đại ý là qui nhất thừa, kế là nói thời chúng nghi: Nếu chỉ là qui nhất thừa vì sao trước không nói một mà lại nói ba ư? Vì giải thích nghi này nên nói về vì sao trước ba sau một cho nên kế là nói môn giải thích nghi. Giáo ý đã rõ ràng trước sau lại nói lên cho nên thứ ba là khuyến tín.

Môn đầu lại có hai:

1) Nói về ý giáo thuyết pháp xưa tức văn xuôi trong bài tụng tùy nghi nói ý thú khó hiểu.

2) Nói về ý giáo nay, văn xuôi trong bài tụng nói vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời.

Y cứ môn đầu lại có hai:

1) Trước nói giáo ý Tiểu thừa xưa.

2) Nói trước nói giáo ý Đại thừa.

Môn đầu có hai:

1) Nói trước nói giáo Tiểu thừa tức văn xuôi trong bài tụng tùy nghi nói ý thú khó hiểu.

2) Tụng trước nói giáo tiêu biểu ý, tức tụng trên chỉ có Chư Phật mới biết.

Môn đầu lại có hai:

1) Trình bày trước nói giáo trời người.

2) Trình bày trước nói giáo Nhị thừa.

Trong phần đầu lại có ba môn:

1) Kệ tụng khen ngợi quyền trí Phật có công khéo nói.

2) Kệ tụng khen ngợi trí Phật trong chiếu căn tánh.

3) “Đức Phật đều biết rồi” v.v... trở xuống: có bốn bài kệ chính là nói Phật nói giáo. Sở dĩ trước giáo chỉ có ba môn này vì đầu tiên khen ngợi quyền trí Chư Phật gọi là thầy thuốc, kế biết căn tánh gọi là biết bệnh sau nói giáo gọi là trao cho thuốc. Ban đầu kệ chép: pháp mà Chư Phật sở đắc nghĩa là thật trí, vô lượng năng lực phương tiện gọi là quyền trí, do bên trong có đủ hai thứ này bên ngoài năng vì vật nói pháp. Bài kệ thứ hai, ba câu trên nói biết tánh dục hiện tại, một câu dưới nói về chiếu nghiệp nhân quá khứ, vì dục hiện tại là do nghiệp đời trước cho nên kế là tụng.

Kế bốn bài kệ chia làm hai:

1) Kệ nêu chung về phó duyên nói giáo, giáo xứng với duyên.

2) Ba bài nói riêng riêng giáo môn, trước chung sau riêng để giải nghĩa. Trong phân biệt này, một hàng rưỡi đầu nói về chín bộ kinh gọi là giáo pháp, kế một hàng rưỡi nói về Niết-bàn quả pháp. Trong pháp Tiểu thừa nói chín bộ giáo khiến đắc quả Niết-bàn tức theo thứ lớp. Lại chín bộ nói chung bốn thừa quả pháp chỉ nói về quả Nhị thừa, xưa nói tuy nhiều không ngoài hai thứ này. Lại chín bộ gọi là giáo trời người. Kế nói Niết-bàn gọi là giáo Nhị thừa, nhưng Kinh luận khác nhau gồm có bốn câu:

1) Đại Tiểu đều rộng, Đại thừa đầy đủ mười hai bộ, Tiểu thừa tùy phần mười hai, do đó chỉ nói về mười hai, vì mười hai là số trọn đủ, lại trị mười hai duyên bệnh cho chúng sanh.

2) Đại tiểu đều được đồng nói về chín bộ sở dĩ chỉ nói về chín vì cũng là một số trọn đủ. Lại vì chúng sanh trong chín đường nên nói chín bộ. Tiểu thừa y cứ pháp nông cạn cho nên trừ ba, do pháp Tiểu thừa cạn hẹp nên không có Phương Quảng, Phật thọ ký chẳng phải tông Tiểu thừa, lại người Tiểu thừa không có nghĩa Bồ Phật xứ cho nên trừ Thọ ký lại pháp Tiểu thừa cạn có người năng vấn cho nên trừ Vô vấn tự nói. Lại Đại Sĩ làm bạn với chúng sanh không cần xin cho nên có vô vấn tự nói, Tiểu thừa không thể cứu giúp chúng sinh phải đợi xin mới nói cho nên không có vô vấn tự nói, Đại thừa y cứ người lợi căn trừ ba, người Đại thừa lợi căn, nói thẳng liền hiểu, không cần Nhân duyên và dùng Thí dụ cũng không cần Luận nghĩa, cho nên lược bỏ ba bộ này.

3) Tiểu rộng mà đại lược như luận Địa Trì chép: Bồ-tát tạng gọi là kinh Phương Quảng, Tạng Thanh văn có mười một bộ Kinh. Ý này nói về mười hai bộ Đại thừa là nói về lý Phương Quảng. Từ lý sở thuyên đặt tên cho nên mười hai bộ đều gọi là Phương Quảng, mười hai bộ Tiểu thừa không nói về lý Phương Quảng cho nên còn lại mười một bộ.

4) Đại rộng Tiểu lược, nói lên Đại thừa là mãn tự cho nên đầy đủ mười hai bộ, Tiểu thừa là bán tự nên chỉ có chín bộ, thì như văn này nói, chính là tông Pháp Hoa. Mười hai bộ đều lấy ngôn giáo làm thể cho nên Kinh Niết-bàn nói về biết pháp, biết nghĩa: biết pháp của mười hai bộ kinh là biết pháp nên cũng là biết giáo.

Kế chia làm hai: Tuy có mười hai bộ mà không ngoài văn xuôi và kệ, cũng được chia làm ba: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-đà, ba thứ này căn cứ giáo mà đặt tên thì dùng giáo làm thể của ba bộ này, chín bộ còn lại theo việc riêng mà thọ tên cũng không lìa ba thứ này. Tu-đa-la theo Luận Thành Thật và Trí độ thì ngôn ngữ nói thẳng là Tu-đa-la, cái gọi là Tu-đa-la tương riêng. Kinh Niết-bàn từ “như vậy” đến vâng giữ gọi

là Tu-đa-la tướng chung. Trong ba tạng Tu-đa-la ngang hẹp dọc rộng, vì dọc dài cho nên thu nhiếp mười hai, vì ngang hẹp cho nên chỉ có một tạng. Trong mười hai bộ thì Tu-đa-la ngang rộng, dọc hẹp không nhiếp mười một bộ cho nên dọc ngắn, nhiếp ba tạng cho nên ngang rộng. Già-đà là: bộ thứ hai gọi là bất đẳng kệ.

Hỏi: Các Kinh luận chia mười hai bộ, bộ thứ hai gọi là Kỳ-dạ, nay vì sao gọi là Già-đà ư?

Đáp: Nay muốn nói về Phật nói pháp không định cho nên thay đổi phép tắc thường, vì trước nói chín bộ là nói về Tiểu, nay nói về chín bộ chính là thông Đại, muốn hiển nghĩa bất định cho nên nói lẫn lộn. Lại nay hiệp chín bộ này làm năm cặp: Ban đầu văn xuôi và kệ một cặp, Chư Phật hoặc vì chúng sanh nói thẳng gọi là Tu-đa-la, hoặc khiến ban đầu làm kệ nói gọi là Già-đà, do Kinh đều nêu hoặc chữ thì biết Tu-đa-la chưa hẳn ở trước Già-đà chưa hẳn ở sau. Hai bộ này Bốn sự, Bốn sanh là tự tha một cặp, Bốn sự nói việc đời quá khứ của người như Phẩm Dực Vương Bốn Sự v.v... nói việc đời quá khứ của mình là Bốn sanh; Vị tăng Hữu, Nhân Duyên ở đây nói việc thiện ác một cặp. Vị tăng Hữu gọi là Thiện Sự, như Trâu xanh hành bát, chó trắng nghe Kinh, mặt đất rung chuyển cả thân lượng chư thiên. Nhân Duyên nghĩa là khởi tội tùy việc gốc ngọn mà nói gọi là Nhân duyên. Thí Dụ Kỳ-dạ là pháp dụ một cặp, nên gọi đủ là Lộ già Kỳ-dạ Già-đà Kỳ-dạ. Trên giữ riêng bỏ chung, nay giữ chung bỏ riêng. Ưu Bà Đề-xá gọi luận nghĩa đó là năng luận, tám bộ bốn cặp trên gọi là sở luận, nghĩa là năng luận sở luận là một cặp.

Hỏi: Đại thừa Tiểu thừa đều gọi là Phương Quảng có gì khác nhau?

Đáp: Đại là đầy đủ Phương Quảng, Tiểu là tùy phần Phương Quảng. Lại Đại thừa lý chánh gọi là phương, nghĩa dôi dào gọi là quảng. Văn giải giảng lý phương quảng gọi là Kinh Phương Quảng. Tiểu thừa nói chính gọi là Phương, văn nhiều gọi là Quảng.

“Độn căn ưa pháp nhỏ” trở xuống, v.v... một bài kệ rười nói về quả Tiểu thừa. Lại trước nói chín bộ gọi là giáo trời người, nay nói về giáo Nhị thừa. Trời người tuy khác mà không ngoài chín bộ, Nhị thừa tuy khác mà đồng cầu Niết-bàn, cho nên trong giáo trời người trước trình bày căn cơ trời người, kế nói về chín bộ giáo, ở đây cũng trước trình bày căn cơ Nhị thừa kế là nêu giáo Nhị thừa.

Hỏi: Đã nói ưa pháp nhỏ (Tiểu thừa) vì sao lại nói tham đắm sanh tử?

Đáp: Hiện tại cơ duyên ưa pháp nhỏ quá khứ lâu xa tham đắm sanh tử, lại căn cứ về cơ thì ưa pháp nhỏ, căn cứ ở tình thì tham đắm sanh tử. Lại ưa pháp nhỏ tức là tham sanh tử vì Tiểu Niết-bàn là sanh tử của Đại thừa vì vậy nói Niết-bàn thứ hai nói về giáo Tiểu thừa.

“Ta bày phương tiện đó” v.v... trở xuống: Trên nói về hai thứ giáo trước, nay nói về ý của hai thứ giáo:

1) Trước theo gần nói về ý giáo Tiểu thừa, nói về trước nói pháp Niết-bàn ý là khiến cho được nhập tuệ Phật. “Quyết định nói Đại thừa”: Ngày trước nói Tiểu thừa ý ở Đại thừa, giáo không xứng ý không gọi là quyết định, nay nói ý đều hiển gọi là quyết định. Lại Đại Phẩm các Kinh hiển giáo Bồ-tát thmã hóa độ Nhị thừa đối Bồ-tát là quyết định, đối Nhị thừa là chưa được quyết định Nay Bồ-tát hiển giáo Nhị thừa hiển giáo nên gọi là quyết định. Lại Đại thừa là pháp quyết định, như kinh Niết-bàn Sư Tử hống là thuyết quyết định, nghĩa là các chúng sanh đều có Phật tánh, kinh này cũng quyết định nói chúng sanh đều có Nhất thừa, vì đạo lý không có tánh khác chỉ có Phật tánh, nói Phật tánh tức là quyết định nói, Nhất thừa cũng vậy.

2) “Chín bộ pháp của ta” trở xuống, v.v... là nói về chín bộ giáo pháp, nửa trên là nói tùy nghi nói giáo pháp, nửa dưới nói ý nói giáo nói chín bộ này vì khiến cho ngộ nhập Đại thừa và giải Đại thừa làm bốn ý, cho nên nói nhập Đại thừa làm gốc.

“Có Phật tử tâm tịnh” v.v... trở xuống: ở trên nói xưa nói giáo Tiểu thừa, kể là nói xưa nói giáo Đại thừa. Nếu nói về năm thừa thì trên nói bốn thừa nay nói giáo Đại thừa thứ năm. Nếu làm ba giáo theo thứ lớp:

Trời người là hạ giáo, kể Nhị thừa làm trung giáo, nay Đại thừa làm thượng giáo, văn chính là ý này. Trong mỗi đoạn văn đều trước nói về căn cơ, kể là nói về giáo, xem văn thì thấy. Có người chép: Trên nói về xưa nói Tiểu thừa là phương tiện, nay nói về ngày trước nói Đại thừa trong Ba thừa cũng là phương tiện, sắp muốn hội Ba thừa qui Nhất thừa, trước nói về Tiểu thừa nay nói về Đại thừa, nay nói là không đúng. Trước nói về Tiểu thừa mà văn luận Tiểu thừa là phương tiện, nếu xưa Đại thừa là phương tiện thì lẽ ra cũng xưa nêu Đại thừa, kể nêu Đại thừa là phương tiện, nhưng văn không đúng mà nêu thẳng ngày trước Đại thừa không nói phương tiện. Cho nên biết xưa Tiểu thừa là phương tiện, xưa Đại thừa chẳng phải phương tiện. Lại vì Bồ-tát thiên về hành sáu độ nói Đại thừa có thể gọi là phương tiện. Nhưng văn chép: “Đối với vô lượng Chư Phật tu hành đạo sâu mầu”, tức chẳng phải là người giả danh

thiên hành mà chính là Đại thừa chân thật. Lại Trung luận chép: Trước vì Thanh văn nói mười hai nhân duyên sanh diệt, kể là hạng người đã từng tu tập thực hành có tâm Đại thừa có khả năng thọ pháp sâu xa mẫu nhiệm nói mười hai nhân duyên bất sanh bất diệt, Như vậy thì Đại, Tiểu thừa này đều là phương tiện, mà Trung luận nói về trước nói Tiểu thừa là phương tiện sau nói Đại thừa là chân thật, nay văn cũng vậy.

Hỏi: Chỉ nên nói về Tiểu thừa xưa là phương tiện, vì sao văn nay nói về Đại thừa xưa?

Đáp: Văn này song song nói hai tạng Đại tiểu của Như lai từ Hoa Nghiêm trở lên đến Linh Sơn về trước gồm hai thừa Đại tiểu tất cả các giáo. Sở dĩ nói cả hai giáo vì thứ nhất nói Tiểu thừa để hồi Tiểu nhập Đại, Bồ-tát độn căn trước không đắc ngộ nay mới lãnh giải; thứ hai là nói Đại thừa lẽ ra khen ngợi Bồ-tát đi thẳng từ Hoa Nghiêm đến nay trước hội Linh Sơn là Đại căn cơ sớm phát, lợi căn sớm ngộ. Đây chính là thường khen ngợi Bồ-tát thông đạt trước mà quả trách Thanh văn ngộ sau, chẳng liên quan với Đại làm phương tiện.

Hỏi: Sao biết như vậy?

Đáp: Dùng hai văn làm chứng: 1) Phẩm Dũng Xuất chép: Các chúng sanh ấy mới thấy thân ta nghe ta nói liền đắc nhập tuệ Như lai, ở đây nói về Bồ-tát thẳng đến trước sớm ngộ tuệ Phật kể là nói trừ trước đã từng tu học Tiểu thừa những người như vậy ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này nhập vào tuệ Phật, đây là nói hồi Tiểu nhập Đại Bồ-tát muộn mới ngộ. 2) Văn kinh này nói về Thanh văn muộn tu tập Đại thừa, muốn nghe Đại thừa, muộn được thọ ký, muộn sanh vui mừng. Đã là giáo chân thật tức Bồ-tát sớm tu tập Đại thừa, sớm nghe Đại thừa, sớm được thọ ký, sớm sanh vui mừng cũng là giáo chân thật. Nếu văn này nói Bồ-tát sớm nghe Đại thừa, sớm được thọ ký là phương tiện, thì các Kinh Hoa Nghiêm v.v... đều là phương tiện tức là chê bai pháp rất nặng!

Hỏi: Nếu xưa Đại thừa nói về Bồ-tát thọ ký thành Phật, đã là giáo chân thật, Thanh văn nhờ các Kinh Bát-nhã điều hòa tâm rồi sau mới được ngộ nhập Pháp Hoa, thì biết Bát-nhã là phương tiện Pháp Hoa đâu phải giáo chân thật ư?

Đáp: Bát-nhã hiển giáo Bồ-tát mật hóa Nhị thừa, người Nhị thừa nhờ giáo chân thật của Bồ-tát điều hòa tâm nên được nhập Pháp Hoa, đây chính là nhờ nơi khác trước thông đạt, sau mới được tiến lên, đâu thể nói giáo thông đạt trước gọi là phương tiện ư!

Hỏi: Đại thừa này có được gọi là phương tiện hay không?

Đáp: Đạo Kỳ vọng không hề có Đại, Tiểu chỉ vì duyên đến Đại, Tiểu nên trong vô danh tướng mượn danh tướng mà nói, vì thế Đại, Tiểu đều là phương tiện. Chẳng những Đại Tiểu đều là phương tiện mà ba thừa, Nhất thừa cũng đều là phương tiện. Nhưng nay vì Đại Tiểu đối nhau, Tiểu thừa chưa thông rõ gọi là phương tiện, Đại thừa đã thông suốt nên gọi là chân thật.

Văn này chia làm hai:

1) Khen ngợi Bồ-tát phước đức lợi căn có bảy thứ sớm, tức nói lên Thanh văn bậc phước, độn căn có bảy thứ muộn.

2) Tổng kết trước nói ý Đại thừa.

1.1 Có Phật tử tâm tịnh: Là khen ngợi đức Bồ-tát hiện tại sớm có khả năng nghe hiểu, thì nói lên Thanh văn muộn có khả năng nghe. Là phàm phu Nhị thừa và tâm có sở đắc cho nên gọi là tịnh. Nhu nhược: Có tín tâm vô sở đắc thuận theo Chư Phật không trái với Đại thừa như da trâu ướt mềm dễ uốn cong. Lợi căn tin vì kia có trí tuệ từ đầu đến cuối nói lược năm căn từ đầu đến sau. Lại, pháp Đại thừa như biển cả, Tín thì vào được, trí tuệ năng độ chúng sanh, nên nêu hai thứ này.

“Vô lượng Chư Phật v.v...” là khen ngợi Bồ-tát sớm tu tập nhân Đại thừa, do gặp Phật đã nhiều tu hành cũng chứa nhóm, thì nói lên Thanh văn tu nhân Đại thừa muộn.

“Vì các Phật tử này, v.v...” là khen ngợi sớm vì Bồ-tát nói Đại thừa tức nói lên muộn vì Thanh văn nói Đại thừa, “Mà nói Kinh Đại thừa” tức là Pháp Hoa, xưa vì Bồ-tát thẳng đến nói Pháp Hoa rồi, cho nên phẩm Dũng Xuất chép: Các chúng sanh ấy mới thấy thân ta nghe ta nói liền nhập tuệ Phật, tuệ ấy là Pháp Hoa bình đẳng đại tuệ, chỉ xưa gọi Hoa Nghiêm, Bát-nhã! Nay vì người hồi tiểu nhập Đại nên nói Pháp Hoa cho nên biết Đại thừa hiển đạo nghĩa đồng, vì thế nói Bát-nhã là một pháp, Phật nói các thứ tên, tùy năng lực chúng sanh vì đặt các danh tự khác. Luận Trí Độ lại chép: Kinh Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã tức làm chứng rõ ràng.

“Ta thọ ký cho người dó đời sau thành Phật đạo”: Là khen ngợi sớm thọ ký cho Bồ-tát, tức nói lên Thanh văn muộn được thọ ký.

“Bối thâm tâm niệm Phật”: Là khen ngợi Bồ-tát sớm tu chánh giải nên sớm được Phật thọ ký, thì hiển bày Nhị thừa muộn tu chánh giải cho nên muộn được Phật thọ ký. Bối thâm tâm niệm Phật là liễu ngộ được thân Như lai vô sanh diệt. Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả pháp bất sanh tất cả pháp bất diệt, nếu hiểu được như thế thì Chư Phật thường hiện tiền. Lại Đại Phẩm chép: Vì sao gọi là niệm Phật? Nghĩa là

không nhớ cho nên gọi là niệm Phật, đây là trong ngoài đều sâu duyên quán đều vắng lặng, là niệm Phật chân thật.

Tu trì tịnh giới: Là khen ngợi Bồ-tát sớm tu chánh hạnh nên sớm được Phật thọ ký. Giữ giới không phạm, lìa phạm phu nhị thừa có sở đắc nên gọi là tịnh giới. Nhưng hạnh giải lại không có hai thể, chỉ một chánh quán nghĩa phân ra, lìa hoặc là giải, lìa lỗi là hạnh.

“Hạng này nghe thành Phật” v.v... trở xuống là khen ngợi Bồ-tát sớm sanh tâm han hỷ, chê trách Thanh văn sau được thọ ký mới vui mừng, lạc của Tam thiên thế gian là lạc khắp thân, cũng là lạc Tiểu thừa, nay nhờ Phật thọ ký liền được sự an vui của Phật, nên gọi là đại hỷ (lạc Đại thừa), ngộ được thân tâm bốn tánh vắng lặng này gọi là thân.

“Phật biết tâm của kia, v.v...” là tổng kết trước nói ý đại giáo: Đức Phật khi mới thành đạo biết Bồ-tát phước đức lợi căn cho nên sớm nói Đại thừa cho nghe.

“Thanh văn hoặc Bồ-tát v.v...” là nói lên ý giáo nay, tụng trên nói chỉ vì một đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ở đời, văn xuôi có ba ý:

1) Nói về vì đại sự nên ra đời.

2) Chỉ vì giáo Bồ-tát.

3) Nói cõi Phật mười phương chỉ có một không hai, giải thích thành hai việc trước.

Nay văn chuyển thế tụng cũng chia ba:

1) Nói về chỉ vì giáo một người.

2) Nói lý có một không hai.

3) Biện rõ đại ý Phật ra đời. Sở dĩ trước nói về chỉ giáo một người, vì đối trước hai giáo đều phó hai duyên, nay hai duyên đồng thọ một giáo, trước vì Thanh văn đại căn cơ chưa thuần thực nên nói Tiểu thừa cho họ nghe, Bồ-tát đại căn cơ sớm thuần thực nên nói Đại thừa cho họ nghe, do đó hai giáo đều ứng phó hai duyên. Nay đến hội Linh Sơn Thanh văn Bồ-tát đại căn cơ đều đã thuần thực cho nên hai duyên đồng nghe một giáo và đều thành Phật, vì nhân duyên này cho nên trước nói về chỉ giáo một người. Không nghi: Trước nói Ba thừa tức Thanh văn không tiến đạo Bồ-tát có đường lui sụt, nay nói về có một không ba tức Thanh văn có tiến đạo đường Bồ-tát không lui sụt nên nói không nghi. “Trong cõi Phật lộ phương:” Là nói về đạo lý có một không hai: bởi do đạo lý chỉ có Nhất thừa không có hai thừa cho nên Thanh văn Bồ-tát nghe Pháp Hoa một bài kệ đều thành Phật, tức dùng văn nay giải thích thành ý trên. “Trừ Phật phương tiện nói”: Nghi rằng: đã có một không

hai trước vì sao nói có nhị thừa, cho nên giải thích rằng: Trên y cứ lý cho nên không có hai, chỉ trừ phương tiện nói có hai! “Chỉ dùng danh tự giả”: Nghi rằng: Đã nghe trừ phương tiện nói có hai, hoặc cho rằng có pháp Nhị thừa thể của nhỏ nhất vi tế, cho nên giải thích: Rốt ráo không có thể của pháp nhị thừa chỉ dùng danh tự giả thôi! “Dẫn dắt các chúng sanh”: Nghi rằng: Đã không có pháp thể sao dụng nói đây là hư danh cho nên giải thích: Vì muốn dẫn dắt chúng sanh ra khỏi nhà lửa, nhân không danh này mà đạt được lợi ích thật sự, nên gọi là khéo léo. Như kinh chép: Khi ta mới thành Phật, dùng Không độ tất cả chúng sanh. “Vì nói trí tuệ Phật”: Là nói về đại ý Phật ra đời, do đạo lý có đại không có tiểu, Chư Phật là người thấu đạt lý đó, đạo lý có đại nên chỉ vì đại sự mà ra đời, đạo lý không có Tiểu nên không vì Tiểu mà ra đời vì vậy nên kể đạo lý trước mà sau nói về đại ý ra đời.

Văn này chia làm hai:

- 1) Nói về Chư Phật chỉ vì một đại sự mà ra đời, không vì tiểu sự.
- 2) Dẫn chứng giải thích thành.

Văn đầu chia làm hai:

- 1) Khai hai chương môn.
- 2) Giải thích hai chương môn:
 - a) Một bài kệ nói chỉ vì một đại sự mà ra đời.

b) Kế nửa bài không vì tiểu sự mà ra đời. Nửa trên bài kệ đầu nói về vì đại sự nên Phật ra đời, nửa bài dưới nêu chân ngụy giải thích thành. “Chỉ một việc này thật, hai thứ chẳng phải chân”. Vì thế Chư Phật chỉ vì một việc nên ra đời.

Hỏi: Trên nói không hai không ba, nay vì sao lại nói hai chẳng chân thật ư?

Đáp: Trước nói về không hai nghĩa là không Duyên giác, không ba là không Thanh văn, tức là văn nay nói hai chẳng chân thật, chỉ trên nói về kia đều không, nay nói về phương tiện nói có, nhưng chẳng chân thật có. “Chẳng hề đem Tiểu thừa” v.v... nửa bài kệ dưới này nói không vì tiểu sự mà ra đời cũng là chỉ một sự thật này. Trên giải thích vì đại sự cho nên ra đời còn, hai thứ khác chẳng chân thật, nên “Không hề đem Tiểu thừa, mà cứu giúp chúng sanh.

“Phật tự trụ Đại thừa v.v...” Giải thích hai chương môn: một hàng đầu giải thích Phật vì đại sự mà ra đời, vì Phật tự trụ Đại thừa, lại dùng pháp mà Phật đặc để độ chúng sanh.

Hỏi: Định tuệ là Đại thừa, vì sao nói trang nghiêm Đại thừa ư?

Đáp: một lạng một chiếu, dùng riêng trang nghiêm chung, cũng

dùng pháp trang nghiêm người, mà nói lực ấy do năng độ vật nên gọi là lực. Lại chỉ nói về định tuệ tức hệ lụy chẳng có gì không vắng lặng là định, đức chẳng có gì không tròn đầy là tuệ, lại chẳng có hệ lụy nào không vắng lặng làm tuệ là quả Niết-bàn, quả cảnh chẳng nơi nào không chiếu là quả Bồ-đề, hai thứ này nhiếp chung quả thừa cho nên nói.

“Tự chứng đạo vô thượng v.v...” là giải thích trên không vì tiểu sự nên ra đời: Nếu tự trú pháp Đại thừa bình đẳng dùng Tiểu thừa độ chúng sinh thì có hai lỗi:

1) Trái với Đại thừa bình đẳng.

2) Rơi vào lỗi san tham.

Tự tham Đại không cho vật nên gọi là san tham.

1) Lý không thể bình đẳng.

2) Tâm không sánh Chư Phật cho nên nói là việc ấy không được.

Kế “Nếu người tin về Phật v.v...” là chứng thành trên vì Đại không vì tiểu, cho nên ra đời gồm có ba dẫn chứng:

1) Dẫn tha làm chứng.

2) Dẫn tự làm chứng.

3) Dẫn xưa làm chứng.

Dẫn tha chứng: Nghĩa là người tín tâm quy y Phật biết lời Phật dạy không dối. Nếu tự trú nơi pháp chân thật mà dùng ngụy thừa dối ban cho chúng sinh thì gọi là dối, dùng lời này dẫn dắt người khác gọi là gạt, Đức Phật tự trụ thừa chân thật lại ban cho chúng sanh nên không dối gạt. “Cũng không lòng tham ganh: “Sở dĩ bên ngoài nói dối gạt bởi do trong tâm tham ganh, tự tham chân thừa ganh ghét chúng sanh nên cho rằng pháp ngụy vì thế là dối gạt. Đức Phật không tham ganh nên không dối gạt. “Dứt ác trong các pháp”: chẳng những không có tham ganh mà còn dứt tất cả ác trong các pháp, do trong tâm có ác nên xúc xử sanh sợ, Đức Phật không có các ác nên xúc xử khắp mười phương mà không sợ hãi.

“Ta dùng tướng trang nghiêm v.v...” trở xuống là dẫn tự làm chứng, gồm có bốn câu:

1) Do ta có thân tướng tốt đây, thì biết trong không tham ganh ngoài không dối gạt.

2) Ta còn dùng thân chiếu sáng thế gian thì biết thân lợi ích đối với vật cho nên trong không tham ganh ngoài không dối gạt.

3) Nói vì vô lượng chúng tôn trọng kính ngưỡng cho nên chẳng phải người tham ganh dối gạt.

4) Nói vì người nói thật tướng ấn định các pháp thì biết tự trú Đại thừa cũng muốn người khác trú Đại thừa. Lại trước kệ nói Chư Phật không có tâm ác, kệ đây nói Phật có thiện tâm, đều là giải thích thành Phật tự trú Đại thừa cùng ban Đại thừa cho chúng sanh.

Xá-lợi-phất nên biết, v.v... là thứ ba dẫn thệ nguyện thuở xưa của Phật. Đầu kệ dẫn nguyện trước của Đức Phật kệ thứ hai nguyện thuở xưa đã mãn. Nói về sơ phát tâm còn nguyện khiến tất cả mọi người đều thành Phật hướng chi nay thành Phật mà tự trụ Đại thừa ban Tiểu thừa cho chúng sanh ư!

Hỏi: Như lai mới phát tâm còn nguyện cho tất cả chúng sanh thành Phật, nay vẫn chưa thành Phật vì sao gọi là nguyện đã mãn?

Đáp: trong hội Linh Sơn Bồ-tát bỏ Tiểu về Đại đồng nhập Nhất thừa, từ đó về trước khiến Bồ-tát thọ ký thành Phật, một kỳ ra đời chỉ hai người này đều khiến thành Phật, thì đó là một kỳ nguyện mãn. Như trên dẫn Phẩm Dũng Xuất làm chứng. Chánh ý: Trước Pháp Hoa chỉ được vì một người nói Phật thừa là nguyện Phật chưa mãn, nay đều vì năm thừa sáu đường chúng sanh đều khiến thành Phật, cho nên nguyện Phật mãn. Lại vì người nói Nhất thừa tức là hợp ý Phật cũng gọi là mãn.

“Nếu ta gặp chúng sanh v.v...” là phần giải thích nghi. Văn này có hai ý nói gần và xa. Nói xa: Trên một chương đều nói về sở nói các giáo là tiêu biểu Nhất thừa khiến chúng sanh đều thành Phật, nếu vậy vì sao đức Như lai không vì tất cả mọi người đều nói Nhất thừa ư? Nói gần: Từ trên bốn thệ nguyện sanh, trước đã phát nguyện khiến tất cả chúng sanh đều thành Phật, nay mãn bốn nguyện, khi mới ra đời vì sao nói ba mà không nói ngay một, nay mới nói một? Vì giải thích ý này cho nên có chương này.

Văn có bốn:

- 1) Nói không được đều vì tất cả nói Nhất thừa.
- 2) Giải thích lý do không thể nói Nhất thừa.
- 3) Nói đã không được nói Nhất thừa nên phương tiện nói Ba thừa.

4) Nói tuy là nói Ba thừa mà cuối cùng chỉ hiển bày Nhất thừa. “Nếu ta gặp chúng sanh, dùng Phật đạo dạy cả”.

Nửa bài kệ trên là tự vấn giả sử gặp chúng sanh liền nói Nhất thừa, nửa bài dưới nói có tổn hại, không lợi ích, gồm có ba lỗi:

- 1) Căn cơ Tiểu, giáo hóa Đại có lỗi làm rối loạn.
- 2) Độn căn mê giáo hoặc lý.
- 3) Không tin, có lỗi chê bai.

“Ta biết chúng sanh này v.v...” là giải thích lý do không được nói một (nhất thừa), không được nói một gồm có hai nghĩa:

1) Biết chúng sanh không có gốc thiện.

2) Biết chúng sanh có các căn ác, dùng hai nghĩa giải thích ba lỗi trên như: “Kẻ vô trí rồi sai v.v...” không có gốc thiện: Là không hề tu hành không có thiện sở đắc là gốc của Bồ-đề, cho nên chúng sanh này không tin hiểu Nhất thừa.

“Chấp chặt năm dục”: Là nói chúng sanh có căn ác y cứ vẫn có hai:

1) Nói có ái ác.

2) Nói có kiến ác, sở dĩ chỉ nêu có ái kiến ấy vì hai thứ này nhiếp hết tất cả phiền não.

Lại người tại gia thường khởi ái, người xuất gia ngoại đạo thường khởi các kiến. Lại các ma ưa sanh tử nên khởi ái, ngoại đạo chấp các kiến nên khởi kiến. Lại ái là hành phiền não xưa, kiến là hoặc mới khởi, tất cả chúng sanh tuy đều thành tựu ái kiến trong ba cõi, mà ái thường hiện hành, nếu gặp thầy tà thì mới khởi kiến. Lại ái phiền não gọi là một lỗi, các ngoại đạo, v.v... do có ái hoặc mà ở trong đó lại khởi kiến đó gọi là trong lỗi lại sanh lỗi, vì nhân duyên này nên nói ái kiến. Căn cứ vào ái chia làm hai chương: Nhân ái và quả ái. Chấp chặt năm dục là nơi khởi ái nơi sanh ra các sự ái. Si ái nên sanh não, sở dĩ ái năm dục, do si nên khởi ái. Như Kinh Niết-bàn chép: Vì lừa dối nên sanh tham. Tịnh Danh chép: Từ si có ái thì bệnh ta sanh. Não: Là từ nhân ái sanh nên hiện khổ não, như nói do nhân duyên ái nên thân tâm khổ não hoặc tự phiền não làm người phiền não, cho nên si là nhân của ái, não là quả của ái. “Do nhân duyên các dục”. Ở trên nói sanh não gọi là hiện báo, từ đây trở xuống là nói sanh báo, hậu báo. Văn chia làm hai:

1) Báo chung.

2) Báo riêng.

Nửa bài kệ đầu nêu đắc sanh báo, nửa bài kệ sau nói về hậu báo. Đã nói luân hồi thì báo ở ba đường liên tục. Thân mọn thọ bào thai: Là báo riêng: thọ báo gọi là nhân báo. Sở dĩ chỉ nêu nhân báo ấy là Đức Phật hiện sanh trong loài người thường giáo hóa người. Nhân báo có đủ tám khổ: Nửa bài kệ trên lược nói khổ sanh đứng đầu tám khổ, nửa bài kệ dưới nói chung các khổ. “Đời đời thường thêm lớn”: Là luận kỹ về thời phần trong thai khác nhau gọi là đời đời thêm lớn. Lại đại hạn là một đời, đời đời thường như thế, tức từ đời nay đến đời sau là nghĩa

thêm lớn.

Hỏi: Chúng sanh gá thai vì sao có nam nữ khác nhau ư?

Đáp: Tinh Cha nhiều tinh mẹ ít thì thành nam, tinh mẹ nhiều tinh cha ít thì thành nữ, tinh cha mẹ bằng nhau thì thành huỳnh môn hai căn.

“Vào rừng rậm tà kiến v.v...” là nói về khởi kiến. Văn có hai:

- 1) Nói về nhân kiến.
- 2) Nói về quả kiến.

Vào rừng rậm tà kiến, trong đây có một kiến, hai kiến cho đến sáu mươi hai kiến. Nói một kiến: Là tổng gọi các kiến ngoại đạo là một tà kiến, tà kiến rất nhiều dụ cho rừng rậm. Hoặc chấp có chấp không, v.v... đây nói về hai kiến. Luận Trí Độ chép: Người ái nhiều chấp có cho nên hữu kiến. Người kiến nhiều chấp không nên khởi vô kiến. Lại nói bốn kiến thường chấp có, tà kiến thường chấp không. Y chỉ các kiến này nên có sáu mươi hai kiến: Đại Phẩm dụ như ngã kiến thu nhiếp sáu mươi hai kiến thì ngã kiến là gốc của sáu mươi hai kiến. Đại Phẩm lại chép: một và khác làm gốc, kinh này lấy hữu vô làm gốc, ba thứ này không trái nhau, do chấp hữu ngã nên sanh các kiến thì ngã là gốc rễ, do hữu ngã cho nên chấp ngã và ấm là một, ngã và ấm là khác, cho nên dùng một và khác là gốc. Ngã và ấm là một thì ấm diệt ngã diệt, liền khởi đoạn kiến, ngã khác ấm thì ấm diệt ngã còn cho nên khởi thường kiến; Đoạn, thường tức là có, không. Cho nên dùng có không làm gốc, có không gọi là biên kiến, là gốc của sáu mươi hai kiến, ngã là gốc của biên kiến. sáu mươi hai kiến: Phẩm Phật Mẫu Trong kinh Đại Phẩm khai mười bốn nạn làm sáu mươi hai kiến. Mười bốn nạn là: Thần và thế gian thường vô thường v.v... có bốn, thần và thế gian biên vô biên, tử hậu như khứ bất như khứ v.v... có bốn, hiệp làm mười hai và thân cùng thần một, thân và thần khác, hiệp là mười bốn. Thường vô thường căn cứ trong năm ấm, một ấm đầy đủ bốn câu thường vô thường cho nên thành hai mươi, như khứ bất như khứ cũng thành hai mươi, hiệp làm sáu mươi, một, khác là gốc cộng thành sáu mươi hai.

Lại nữa giải thích tức sắc là ngã, lia sắc hữu ngã, ngã trụ trong sắc, sắc trụ trong ngã, một ấm có bốn, năm ấm có hai mươi, ước đến ba đời tành sáu mươi, đoạn thường làm gốc, cộng thành sáu mươi hai, mười sáu là ấm, bốn mươi sáu là lia ấm. Lại giải thích trên một ấm chấp có không hai thứ, năm ấm liền thành mười kiến, ba đời liền thành ba mươi, năm ấm phạm phu có ba mươi kiến, hiệp thành sáu mươi. Niết-bàn chẳng nhiếp ba đời, chỉ chấp Niết-bàn có không là hai hiệp thành

sáu mươi hai.

Hỏi: năm kiến có nhiếp sáu mươi hai kiến không?

Đáp: Ngã kiến là gốc của sáu mươi hai kiến, tà kiến bác bỏ không mà sáu mươi hai kiến chấp có cho nên không thu nhiếp tà kiến, kiến thủ dùng sáu mươi hai kiến làm bậc nhất, giới thủ gọi sáu mươi hai kiến là đạo thì bốn kiến chẳng thuộc về sáu mươi hai kiến, mà sáu mươi hai kiến thuộc biên kiến.

“Chấp chặt pháp luống dối”: Trước nói từ ái khởi kiến, nay từ kiến lại sanh ái, pháp luống dối nghĩa là các kiến, chấp chặt kiến này nên gọi là ái. Lại khi Đức Phật mới ra đời không thể đoạn ngay kiến này để nói Nhất thừa nên gọi là chấp chặt. Lại đã do kiến này cho là tốt vì thế trên kiến lại sanh kiến gọi là kiến thủ kiến. “Ngã mạn tự khoe mình”: Là ý lại các kiến này đề cao bản ngã tự cao, tức các ngoại đạo khi Đức Phật mới ra đời không thọ đạo Nhất thừa. “Dua nịnh lòng không thật”: Trên từ chánh sử sanh chánh sử, nay từ chánh sử sanh triền cấu. Xiểm tức là một trong sáu cấu, tâm tạp loạn gọi là từ kiến sanh xiểm cấu, vì khởi kiến phải là người lợi căn mới có thể xiểm khúc. Người độn căn thì không thể. Trên là nói ngã mạn không thọ sự giáo hóa của Phật, nay nêu môn đồ khác xiểm khúc giáo hóa.

“Trong ngàn muôn ức kiếp”: Là nói kiến chấp quả sở đắc, lấy ái làm gốc của sự thọ sanh cho nên dưới chiêu cảm sáu đường, kiến trái với chánh lý nên trên cách với ba tôn (ba bảo), do đó hai văn nói về quả ái, kiến khác nhau. Người như thế khó độ: Đây là tổng kết ái kiến của chúng sanh khó có thể dùng pháp Nhất thừa độ.

Hỏi: Ở đây là trình bày ái kiến chúng sanh ái kiến này từ đâu có?

Đáp: Khi Phật mới ra đời thì chúng sanh đã có ái kiến cho nên không thể nói Nhất thừa.

“Cho nên Xá-lợi-phất v.v...” là nói không được nói Nhất thừa nên phương tiện Ba thừa. “Nói các đạo dứt khổ” gọi là đạo đế, “chỉ cho đó Niết-bàn” tức diệt đế, nói lược nhân quả ra đời.

Hỏi: Trên nói chúng sanh khởi tà kiến ngàn muôn kiếp không nghe danh tự Phật cũng không nghe chánh pháp, nay vì sao lại được nói Niết-bàn ư?

Đáp: Trụ trong tà kiến này thì không được nghe, nhưng tà kiến này chúng sanh quá khứ đã từng tu tập Tiểu thừa có căn tánh nhỏ mà giữa đường khởi tà kiến, vì tiểu căn cơ sắp phát sanh tà kiến, chánh đã đổ nên vì họ nói Tiểu giáo.

“Ta tuy nói niết bàn v.v...” là nói tuy là nói ba cuối cùng chỉ hiển một. Nửa bài kệ đầu là mở cửa phương tiện cho nên nói chẳng chân thật diệt. “Các pháp từ xưa nay”: có nói: Niết-bàn có ba thứ: Sơ giáo dùng không đoạn vô vi làm vắng lặng, Bát-nhã giáo lấy tứ đế bình đẳng làm vắng lặng, Kinh nay nói về đạo châu báu ngoài thế tục Niết-bàn làm vắng lặng. Nay là lúc nói nhân chưa được nói đạo châu báu diệt, hơn nữa dùng Kinh Đại Phẩm diệt để bác bỏ việc đoạn vô vi kia. Có người chép: Pháp muôn thiện xưa nay vắng lặng không có tướng Ba thừa cho nên nói vắng lặng. Nay nói hai thứ này đều chẳng giải thích. Nay văn chính là phân biệt hai thứ Niết-bàn Đại tiểu, Tiểu thừa diệt, chẳng phải chân diệt, đại Niết-bàn diệt mới là chân diệt, vì sao? Vì Tiểu thừa trước có hai lỗi nhân quả, cho nên diệt để đắc vô vi thì đó là hai kiến thường đoạn. Đại Phẩm chép: Nếu pháp trước có nay không thì Chư Phật Bồ-tát có tội lỗi, nay đối Tiểu thừa chẳng phải chân diệt cho nên nói về nhân quả hai lỗi xưa nay vắng lặng thì đó là Đại Niết-bàn diệt.

Hỏi: Nay nói Nhất thừa vì sao lại nói hai thứ Niết-bàn Đại tiểu khác nhau ư?

Đáp: Bởi quả nay khác với quả xưa cho nên được nhân nay khác với nhân xưa. Lại trước nói Tiểu thừa diệt chẳng phải chân diệt, nay Đại thừa chân diệt mới được khuyên xả tiểu diệt để cầu Đại diệt, vì chính là đại tông của Nhất thừa.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn Đại Tiểu có mấy thứ khác nhau?

Đáp: Kinh này từ đầu đến cuối có ba thứ khác nhau.

1) Tiểu thừa diệt hẹp chỉ diệt Bốn trụ và phần đoạn sanh tử, Đại thừa đều diệt năm trụ và hai loại tử, Kinh này hiện diệt ở cuối phẩm Thí Dụ cho nên chép: Chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, kia thật chưa đắc tất cả giải thoát.

2) Tiểu thừa trước có phiền não và dùng thân trí nhưng sau diệt cho nên chẳng phải xưa nay vắng lặng, Đại thừa nói về phiền não và do thân trí bản tánh vắng lặng không còn diệt nữa. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Như pháp trước có, sau không thì Chư Phật, Bồ-tát có tội lỗi, Nhị thừa trước có nay không, thì Chư Phật, Bồ-tát là người tội lỗi, Kinh Niết-bàn chép: Nếu vì Thanh văn nói không bố thí thì gọi là phá giới tà kiến tức đây là bằng chứng.

3) Nhị thừa chỉ thấy không chẳng thấy bất không, tức chỉ thấy diệt chẳng thấy bất diệt, Đại thừa nói không và bất không thì đó là đầy đủ kiến đối với diệt và bất diệt. Vì thế phẩm Thí Dụ chép: Đều đem pháp diệt độ của Như lai mà cho chúng sanh diệt độ thì đó là nghĩa diệt. Lại

nói cùng với thiên định trí tuệ của Chư Phật là nghĩa bất diệt. Cho nên luận Pháp Hoa chép: Chánh dùng Đại Niết-bàn làm Nhất thừa.

Hỏi: Các Kinh Đại Phẩm đã nói xưa nay vắng lặng, vì sao Thanh văn không được ngộ ư?

Đáp: Đại Phẩm tuy nói về xưa nay vắng lặng nhưng chưa nghe Tiểu thừa diệt chẳng chân diệt vì vậy Thanh văn không đắc ngộ. Nay nói về Tiểu thừa diệt chẳng phải chân diệt thì mở cửa phương tiện tướng xưa nay vắng lặng gọi là nghĩa hiển chân thật, cho nên Thanh văn mới đắc ngộ.

“Ta có năng lực phương tiện” v.v... là khuyên tin. Đầu kệ lặp lại pháp để tin, bài kệ thứ hai chính là nói khuyên tin. Nửa bài trên nương đức Thích-ca để nói về quyền, nửa bài kệ dưới căn cứ Chư Phật để nói lên Nhất thừa. “Nay trong đại chúng đây v.v...” là khuyên dứt trừ nghi. “Lời Phật nói không khác v.v...” là khuyên tin lời Phật dạy.

“Quá khứ vô số kiếp”: Là dẫn chứng: tụng Chư Phật ba đời chia làm ba đoạn: Trong văn xuôi nói mỗi Đức Phật đều có ba môn:

- 1) Hóa chủ.
- 2) Giáo môn.
- 3) Đồ chúng.

Nay lại tụng ba môn này. Nửa bài trên nêu nhiều kiếp nhiều Đức Phật, bởi do một kiếp một Đức Phật chưa đủ làm chứng, cho nên nêu nhiều kiếp nhiều Đức Phật để chúng sanh sanh tín tâm. Nửa bài kệ dưới nói về nghi thức giáo hóa của Chư Phật khác nhau mà đồng nói đạo Nhất thừa. “Các Thế tôn như thế v.v...” là tụng về giáo môn, trong văn xuôi lược chỉ có một châu nói về giáo môn, nay kệ tụng chia rộng làm hai châu:

1) Căn cứ môn thuyết pháp nói về ý giáo.

2) Căn cứ môn thần thông nói về ý giáo, hai môn mỗi mỗi đều có ba: ba môn đầu: một bài kệ nói về nói giáo. Nửa bài kệ nói về giáo ý. Nửa bài kệ nói về duyên lợi ích. Ba môn kế: Lại các đại Thánh chúa, v.v... nửa bài căn cứ môn thần thông nói về ý giáo, cũng có ba nghĩa: một bài nói biết căn cơ, một câu hiện thần thông, một câu nói về ý hiện thần thông. “Lại dùng phương tiện khác”, Có người nói trên nói về Ba thừa phương tiện nay nói về thừa trời người khác Ba thừa trên nên gọi là phương tiện khác. Có người chép: ở trên nói về Tiểu thừa phương tiện, nay nói về Đại thừa khác Tiểu thừa trên cho nên nói phương tiện khác. Nay nói không đúng. Văn trước nói về nói pháp là phương tiện, nay văn không nói pháp chính là nói thần thông, thần thông khác trên nói

pháp gọi là phương tiện khác. Vì nói pháp và hiện thân thông là lược thu nhiếp hết quá khứ giáo môn của Chư Phật, nói thẳng hoặc nói pháp hoặc hiện thân thông đều là hiển Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao hiện thân thông ư?

Đáp: Như trước diệt lửa hàng phục rồng khiến trừ tâm say của ngoại đạo, nay phát ra ánh sáng hiện tướng lành khiến bên trong đặc biệt phát tâm xin. Cho nên Phẩm Tựa chép: Tướng nay như điềm xưa là phương tiện của Phật, nay Phật phát ra ánh sáng giúp phát nghĩa thật tướng tức ý văn này.

Hỏi: Trước nói về nói pháp hương tiện cùng thân thông phương tiện có gì khác nhau?

Đáp: Nay văn hiện thân thông do khai phát chính là nói dần dần nên gọi là phương tiện, trước khai môn thuyết pháp dùng không ba nói ba cho nên gọi là phương tiện

Bậc nhất nghĩa là đạo nhất thật, lý tốt cùng chẳng gì hơn gọi là bậc nhất, sâu xa nên gọi là nghĩa.

3) “Nếu có loại chúng sanh v.v...” là tụng văn xuôi đồ chúng lãnh thọ giáo.

Văn lại có ba:

1) Nói gặp Chư Phật quá khứ hiện tại tu hành được lợi ích.

2) Nói Chư Phật quá khứ diệt độ rồi tu hành được lợi ích.

3) Nói hai đời tu hành lợi ích. Giáo môn không ngoài hai thứ nói pháp hiện thân thông, tu hành không vượt quá ba thời khác nhau, ý đây muốn thu nhiếp hết các việc năng hóa sở hóa đời quá khứ.

Trong văn xuôi ban đầu nói nghe pháp cuối cùng đặc chủng trí, nay đây kệ tụng trước nói tu hành đến cuối cùng đều thành Phật, ban đầu thì gọi là hành sáu độ, vì sáu độ là gốc thành Phật cho nên ban đầu nói. “Các thứ tu phước tuệ” là hạnh bốn thừa. “Chư Phật diệt độ rồi v.v...” là nói về sau Phật diệt độ tu hành thành Phật. Văn chia làm năm:

1) Thấy Phật Niết-bàn khởi tâm luyện mến nên được thành Phật.

2) Cúng dường Xá-lợi.

3) Xây tháp.

4) Tạo dựng tượng.

5) Nói ba nghiệp cúng dường nên được thành Phật. Năm thứ này thì thành thứ lớp ban đầu thấy Phật Niết-bàn tâm sanh kính tiếc, Niết-bàn rồi sau là cúng dường Xá-lợi, cúng dường rồi lại muốn xây tháp, muốn làm cho đời sau tôn quý cho nên tạo tượng, tạo tượng rồi kể là nói

ba nghiệp cúng dường. “Nếu người tâm lành diệu”: Nghĩa là tâm kính tiếc đó lại là tín tâm, thuận theo Chư Phật không trái giáo môn nên gọi là lành diệu. “Chư Phật diệt độ rồi” là nói cúng dường Xá-lợi. “xây muôn ức thứ tháp”: Là nói việc xây tháp. Tiếng Phạm là Tháp bà hoặc là Thâu-bà hoặc gọi Đẩu-bà, Hán dịch là Phương phần cũng gọi là Mả. Tầng Nhất A-hàm chép: Có bốn việc được phước phạm:

- 1) Không có tháp xây tháp.
- 2) Hoà hiệp Thánh chúng.
- 3) Tu bổ sửa chùa hư hỏng.
- 4) Phật khi mới thành đạo xin xoay bánh xe pháp.

Phước Phạm: Chúng sanh trong bốn thiên hạ cho đến sáu tầng trời cõi Dục không một phước nào bằng Phạm thiên. Miếu là mạo, cung dường chùa tháp đối như thần hiện hữu có hình dáng tương mạo. Mộc mật (gỗ mật): Hình dáng tựa bạch đàn mà có mùi thơm chỉ thấy ở Trường An. “Nếu như người vì Phật v.v...” là nói về tạo tượng. Kinh Ưu Bà Tắc rằng: Không cho dùng keo làm bằng da súc vật, được dùng keo gỗ. Có giải thích rằng: Không có giải thích chép: Khai giá có ý khác. “Nếu người nơi tháp miếu v.v...” là nêu ba nghiệp cúng dường.

“Nơi Chư Phật quá khứ, v.v...” là hiệp nói về hai đời tu hành thành Phật. “Có người nghe pháp này” là nghe trên nói pháp đều được thành Phật.

Hỏi: Cúi đầu đưa tay việc thiện này làm sao thành Phật?

Đáp: Thuở xưa, ngài Trúc Đạo Sanh soạn Luận Thiện Bất Thọ Báo, nói một mảy may điều thiện đều được thành Phật không thọ báo sanh tử, nay thấy Kinh Anh Lạc cũng có ý đây.

Sư luận Thành Thật: Nhất niệm thiện có hai nhân tập và báo, báo nhân thì chiêu cảm trời người, tập nhân thì dẫn dắt tánh tướng chúng sanh thành Phật. Nay nói nghĩa này đều thành khó hiểu. Kinh nói thiện có sở đắc bất động bất xuất, phạm phu tập nhân thiện đã có sở đắc làm sao được thành Phật ư! Dùng lời nói đây trở lại vặn hỏi Sanh Pháp Sư. Nay nói về nhân thiện có thọ báo và không thọ báo, thiện có sở đắc thọ báo có sở đắc, thiện không có sở đắc thọ báo không có sở đắc, gọi là nghĩa thọ báo. Thiện có sở đắc không thọ báo có sở đắc, thiện không sở đắc không thọ báo có sở đắc, gọi là nghĩa không thọ báo. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Thiện có sở đắc bất động bất xuất, thiện không sở đắc năng động năng xuất tức là chứng.

Hỏi: Gốc lành trời người đã là có sở đắc, vì sao kinh này nói đều thành Phật ư?

Đáp: Gốc lành trời người bởi là duyên xa thành Phật, cho lên nói thành Phật. Kinh Đại Phẩm nói về duyên gần không chọn duyên xa, cho nên nói thiện không sở đắc năng động năng xuất, thiện có sở đắc bất động bất xuất, Kinh này gần xa đều nói chung nên đều nói thành Phật.

Hỏi: Gốc lành trời người vì sao là duyên xa thành Phật?

Đáp: Gốc lành trời người có hai thứ:

- 1) Tập nhân.
- 2) Báo nhân.

Báo nhân thì cảm thân trời người, do có tập nhân gặp Phật, Bồ-tát nghe nói Đại thừa sanh một niệm tin vô sở đắc, tin này là hạt giống Phật đạo, nhờ trước có sở đắc sanh sau không có sở đắc vì thế luận Trí Độ chép: Có sở đắc là môn đầu của vô sở đắc nên gọi là duyên xa.

Hỏi: Tập nhân, Báo do này giải thích có gì khác với Thành luận? Đáp:

Luận nói về một niệm thiện đầy đủ hai nhân, nay nói về thiện có sở đắc thiện trước sau nương nhau sanh, tự chính nó là nghĩa tập nhân, cảm báo là nghĩa báo nhân, tập, báo này đều không thành Phật.

Cho nên luận Pháp Hoa giải thích: Đồng tử nhóm đất thành tháp Phật đều đã thành Phật đạo, tức phải phát tâm Bồ-đề mới được thành Phật, chẳng nói gốc lành của phàm phu và quyết định gốc lành của Thanh văn được thành Phật. Trung luận chép: Tuy là ân cần tinh tấn tu hành đạo Bồ-đề nếu trước chẳng có Phật tánh thì không bao giờ thành Phật.

Hỏi: Đã là gốc lành có sở đắc làm sao năng sanh vô sở đắc ư?

Đáp: Có sở đắc nếu tánh quyết định thì không thể năng sanh vô sở đắc, bởi các pháp không có tánh quyết định, gặp Phật Bồ-tát ngộ có sở đắc này vốn vô sở hữu liền sanh vô sở đắc.

Hỏi: Vô sở đắc có hai nhân tập, báo hay không?

Đáp: Cũng có hai nhân, tập vô sở đắc sanh vô sở đắc tức là tập nhân hành nhân vô sở đắc cảm báo vô sở đắc gọi là báo nhân. Vì thế kinh Đại Phẩm chép: Báo đắc Vô sanh pháp nhẫn, báo đắc sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao nói đều đã thành Phật đạo ư?

Đáp: Đức Phật quán chiếu thấy chúng sanh quá khứ tu hành gốc lành đã được thành Phật.

Hỏi: Nay nói về ý giáo hóa của Phật, quá khứ, cùng kệ trước nói Đức Thích-ca tự khai tông biện luận giáo ý có gì khác nhau?

Đáp: Trên chính là nói về chúng sanh Nhị thừa đều được thành

Phật, nay nói chung chúng sanh năm thừa đều thành Phật. Để phá trước nói hành nhân năm thừa mà đặc quả Năm thừa, cho nên nay nói về nhân không khác cảm quả không khác, cho nên đều thành Phật. Sở dĩ trước nói về Nhị thừa thành Phật sau nói về Năm thừa thành Phật là gồm có hai nghĩa:

1) Giáo đây chính sanh khởi vì người Nhị thừa và trời người cho nên nêu trước.

2) Nêu thừa trời người phá Nhị thừa chấp chặt.

Đức Phật chép: Ta dùng mắt Phật thấy quá khứ trời người nhất niệm gốc lành còn đều đã thành Phật, vì thế biết không có khôi thân diệt trí đồng với thái hư rốt ráo mãi mãi trụ trong Nhị thừa mà không thành Phật.

Chư Phật đời vị lai: Tụng trên Chư Phật đời vị lai, căn cứ văn có hai châu:

1) Lược tụng ba việc trên.

2) Giải thích rộng giáo ý của Chư Phật đời vị lai. Hai môn mỗi môn lược có ba.

Ba môn đầu: Nửa bài tụng hóa chủ. Một bài rưới tụng giáo ý. Nửa bài tụng bảm thọ giáo được lợi ích. “Chư Phật vốn thế nguyện”: Là rộng tụng giáo ý của Chư Phật đời vị lai cũng khai ba môn:

1) Một bài nói bốn nguyện, nguyện nói về Nhất thừa.

2) một bài biện nói pháp, nói về Nhất thừa.

3) Hai bài căn cứ Phật sở chứng, nói về Nhất thừa. Hai bài kệ đầu như văn. “Chư Phật lưỡng túc tôn”: Nêu để chứng minh Nhất thừa. Trên nói Phật quá khứ đều nói chung tất cả thiện có sở đắc, và không có sở đắc đều sẽ thành Phật. Nay văn chỉ nêu vô sở đắc thiện căn bản mới được thành Phật thì giải thích thành nghĩa trên. Lưỡng túc tôn: Hoặc dùng giới định làm nhị túc, quyền thật làm nhị túc, hoặc dùng phước tuệ làm nhị túc, hoặc dùng giải hành làm nhị túc, đây đều là nhị túc đức bên trong, ngoại hình dùng trời người làm nhị túc, Phật là bậc tôn quý nhị túc của hàng trời người. “Biết pháp thường không tánh”: Là biết tất cả pháp không có tự tánh, mà nói thường chẳng phải là phá tánh cho nên nói không tánh, tánh vốn thường không có cho nên nói thường không tánh. “Giống Phật theo duyên khởi”: Hạt giống có ba:

1) Dùng giáo Nhất thừa làm hạt giống, phẩm Thí Dụ chép: Đoạn hạt giống Phật thì đó là phá giáo.

2) Dùng tâm Bồ-đề làm hạt giống. Kinh Hoa Nghiêm chép: Hạt giống Phật ở ruộng chúng sanh phát sanh, mầm chánh giác.

3) Lấy Như lai tạng Phật tánh làm hạt giống.

Nay kệ đầu chính dùng tâm Bồ-đề làm hạt giống, ở trên nói về không tánh, nay nói nhân duyên, giống Phật: Tức là tâm Bồ-đề vô sở đắc làm hạt giống Phật, tâm Bồ-đề đây nhờ duyên mà sanh khởi thì phát, cho nên nói Nhất thừa là do tâm Bồ-đề mượn duyên mà khởi. Cho nên Phật nói cho họ nghe Nhất thừa khiến phát tâm Bồ-đề, Nhất thừa giáo tức là duyên phát tâm Bồ-đề. Lại nói chỉ có Nhất thừa không có Nhị thừa thì tâm Bồ-đề chỉ có tiến không có lùi. “Pháp đó trụ ngôi pháp”: Trên nêu tâm Bồ-đề làm hạt giống, nay nêu bốn có Phật tánh lấy làm hạt giống Phật, nếu không có Phật tánh thì tuy nói Nhất thừa giáo và phát tâm Bồ-đề mà cuối cùng cũng không được thành Phật vì vậy nên phải nói Phật tánh. Gồm có ba ý: Nửa bài kệ đầu chính trình bày Phật tánh tức pháp ấy trụ ngôi pháp là tên khác của Phật tánh cũng là tên riêng của Nhất thừa. Tương thế gian thường trụ: Chúng sanh thế gian vốn có Phật tánh cho nên Phật tánh thường trú Phẩm Tuổi thọ chép: Như lai thấy biết như thật tướng ba cõi, không có sanh tử cho đến chẳng phải thật chẳng phải hư tức là Như lai tạng pháp thân thường trú. “Kế đạo tràng biết rồi”: Là ý thứ hai: Nói biết Phật tánh, nghĩa là khi ngồi đạo tràng mới thấy Phật tánh. Kế “Đạo Sư phương tiện nói”: Là ý thứ ba nói về Phật tánh. Nhưng Phật tánh dứt bốn câu siêu trăm phi thật không thể nói, chỉ trong vô danh tướng vì chúng sanh có nên mượn danh tướng nói vì thế gọi là phương tiện. Đây khác với Ba thừa phương tiện trên, cũng khác với thần thông phương tiện cho nên Kinh này nói có nhiều thứ phương tiện.

“Cửa Trời người cúng dường”: Là tụng Phật hiện tại, gồm có hai châu: một bài rưới lược tụng ba việc trên, một bài tụng nói về hóa chủ, một câu tụng nói về sở hóa, một câu tụng nói về giáo môn. “Biết vắng lặng bậc nhất”: trở xuống ba bài kệ rộng tụng ba việc trên: một bài nói về ba thứ pháp luân, biết vắng lặng bậc nhất gọi là pháp luân căn bản, “dùng phương tiện lược” gọi là pháp luân chi mật, là từ gốc khởi ngọn. “Thật ra là Phật thừa” gọi là nhiếp ngọn về gốc. “Biết các hành chúng sanh v.v...” trở xuống hai bài kệ nói rộng về pháp luân chi mật. “Nay ta cũng như vậy”: v.v... trở xuống hai bài kệ nói về đức Thích-ca thuận đồng theo Chư Phật.

Lại có hai phần:

- 1) Kệ thuận đồng Chư Phật nói về pháp luân nhiếp ngọn về gốc.
- 2) Kệ thuận đồng Chư Phật từ pháp luân gốc khởi ngọn. Nhiếp ngọn về gốc gọi là nhiếp dụng về thể, từ gốc khởi ngọn gọi là từ thể

khởi dụng. Hai thứ này tuy lược mà nhiếp giáo cùng khắp. “Vì an ổn chúng sanh”: Do phàm phu chấp có nên ở trong nhà lửa ba cõi, Nhị thừa chấp không nên chưa vượt đường ác năm trăm do tuần, tất cả đều chẳng an ổn. Cho nên Trung luận chép: “Trí cận thấy các pháp hoặc có hoặc không v.v... do đó không thể thấy diệt, thấy pháp an ổn”. Nay nói Trung đạo Nhất thừa khiến lia hai kiến có không của phàm phu Nhị thừa cho nên gọi an ổn. “Dùng các loại pháp môn” đưa ra phương pháp an ổn khiến nhập Phật đạo an bày nơi an ổn.

Trong kệ này, nửa bài tụng trên nói về biết căn cơ tức câu: “Ta dùng sức trí tuệ, rõ tánh dục chúng sanh”. Tiếp một câu nói giáo. Kế một câu nói được lợi ích. “Xá-lợi-phất nên biết v.v...” Trên đây đã tụng Nhất thừa chân thật rồi, nay là tụng Ba thừa phương tiện. Trong văn xuôi văn lược chỉ nói chung Chư Phật ra đời ở đời năm trước phương tiện nói Ba thừa, nay văn giải thích rộng nói về đức Thích-ca ra đời ở đời năm trước. Một thời giáo hóa gồm có bốn ý:

1) Ở địa vị pháp thân thấy chúng sanh năm trước có khổ không vui nên khởi tâm đại bi.

2) Bi tâm đầy đủ bên trong vì bồn thù tích, khi Phật mới thành đạo muốn nói Nhất thừa cứu chúng sanh rất khổ ban cho họ sự rất vui, nhưng tuy bậc Thánh có khả năng trao cho mà chúng sanh không có khả năng thọ nhận cho nên dứt hóa Nhất thừa.

3) Đã không có khả năng thọ giáo Nhất thừa nên đối với một Phật thừa phương tiện nói Ba thừa điều hòa tâm kia.

4) Nói về gom ba về một. Bốn môn này đều khởi ở đời năm trước cho nên giải thích chương năm trước ở trên. Ban đầu thấy năm trước nên khởi tâm đại bi, vì có năm trước nên không có khả năng thọ Nhất hóa, do có năm trước nên phương tiện nói ba, năm trước chương tiêu nên sau vì nói một, vì thế bốn ý đây đều khởi ở đời năm trước.

Hỏi: Vì sao chỉ nói về bốn chương?

Đáp: Đức Thích-ca xuất hiện ở đời năm trước, một kỳ hạn từ đầu đến cuối chỉ có bốn môn này: Ví như cha mẹ thấy con bệnh khổ đầu tiên rất sanh tâm thương xót, kế muốn cho con uống thuốc hay để bệnh mau lành, nhưng bệnh con nặng không thể uống thuốc, Kế vì con không thể dùng thuốc hay nên phương tiện dùng thô dược trị bệnh nặng cho con, cuối cùng bệnh nặng đã trừ trở lại cho uống thuốc hay bệnh liền dứt hẳn. Cha trừ thân bệnh cho con chỉ bốn môn này không được thêm bớt, Phật trị tâm bệnh cho chúng sanh cũng chỉ bốn môn này không được thêm bớt, cho nên một kỳ hạn ra đời chỉ nói về bốn môn. Chẳng những

đức Thích-ca một kỳ ra đời đầy đủ bốn môn này, mà tất cả Chư Phật cũng không ngoài bốn môn này; tức cũng làm căn bản cho bốn thí dụ trong nhà lửa ở phần sau. Môn đầu là Trưởng giả thấy lửa, môn thứ hai là cứu con không được, môn thứ ba là dụ ba xe cứu được con và môn thứ tư là đồng ban xe lớn cho các con. Nhưng trước sau pháp và dụ do văn kia làm chính, chỉ có bốn dụ này không còn phát sanh cái khác để giải thích. Nếu nói có mười thí dụ căn bản sáu dụ căn bản đều không tương ứng với văn. Đời Mạt pháp đã không còn thấy Phật chỉ nương lời Phật dạy làm thầy không nên sanh tâm xuyên tạc.

Hỏi: Sau thí dụ đã có sáu nay vì sao chỉ có bốn?

Đáp: Trước văn xuôi nói về năm trước chỉ một chương, nay kệ chuyển thế nói pháp liền có bốn môn. Phẩm này pháp thuật có bốn; phẩm sau thí nói nêu sáu, cũng là chuyển thế nói pháp, hoặc nói sau hoặc trở lại đồng với trước, Kinh có ba châu là ý một châu, bởi thế các giảng sư phần nhiều sai lầm, đến phẩm Thí Dụ sẽ nói rộng.

Hỏi: bốn môn này có mấy loại thân?

Đáp: Đủ ba thân.

1) Nói về pháp thân thấy chúng sanh có khổ không vui liền khởi tâm đại bi.

2) Khi mới thành đạo vì chúng Bồ-tát nói Kinh Hoa Nghiêm, là thân Lô-xá-na.

3) Vì Thanh văn nói Ba thừa nghĩa là thân Phật Thích-ca, ban đầu là thân từ chỗ Phật thấy, kế đến là thân từ chỗ Bồ-tát thấy, sau là thân từ Nhị thừa thấy. Lại đầu là pháp thân, kế là ứng thân, sau là hóa thân, thứ tư là nghe Nhất thừa liễu ngộ giáo ý từ đầu đến cuối, đầy đủ ba thân, cho nên luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thọ Lượng đầy đủ nói về ba thân.

Hỏi: bốn môn đủ mấy thứ giáo?

Đáp: bốn môn này đầy đủ ba giáo, Như lai ở địa vị pháp thân soi thấy chúng sanh năm trước. Một kỳ từ đầu đến cuối căn tánh ứng đủ có khả năng nghe ba thứ giáo môn. Kế dùng bốn thù tích vì chúng sanh nên nói ba thứ giáo.

1) Khi mới thành đạo vì các Bồ-tát nói pháp luân căn bản.

2) Không có khả năng thọ pháp luân căn bản nên từ gốc khởi ngọn nói về pháp luân chi mật.

3) Gom ba về một cho nên nói pháp luân nhiếp ngọn về gốc.

Hỏi: Đã có ba thứ pháp luân, có được nói ba thân hay không?

Đáp: Cũng được như.

1) Ban đầu vì các Bồ-tát hiện thân Lô-xá-na là thân căn bản.

2) Nói Nhị thừa không thể thấy thân này cho nên ẩn bốn thù tích khởi thân chi mật, Phẩm Tín Giải chép: Cởi áo châu báu mặc áo thô xấu.

3) Đã lập một phế ba, cũng dứt tích về gốc thì nên nói cởi áo xấu lại mặc áo châu báu, cho nên giáo có ba thân cũng vậy.

Căn cứ bốn môn này mỗi môn có ba đoạn hiệp thành mười hai chương kinh. Ba môn đầu:

1) Nêu năng kiến.

2) Sở kiến.

3) Khởi tâm bi. Ta dùng mắt Phật thấy là năng kiến.

Năm nhãn có hai môn:

1) Căn cứ ứng thân nói về năm nhãn, Phật thác thai cha mẹ nên có nhục nhãn. Ở dưới cội cây chứng đắc bốn nhãn, do có xa thấy cho nên có thiên nhãn, chiếu căn tánh Ba thừa cho nên có pháp nhãn, chiếu soi thật tướng cho nên có tuệ nhãn, chiếu soi cảnh giới Phật nên có mắt Phật.

2) Căn cứ Pháp thân nói về năm nhãn: chiếu năm thứ cảnh giới cho nên có năm nhãn, chiếu cảnh chướng bên trong gọi là nhục nhãn, chiếu cảnh chướng bên ngoài gọi là thiên nhãn, ba thứ còn lại như trên.

Hỏi: Nếu căn cứ năm cảnh nói về năm nhãn, nay chiếu sáu đường nên gọi là thiên nhãn vì sao gọi là mắt Phật?

Đáp: năm nhãn có hai môn: Trong nhân gọi là bốn nhãn, quả địa gọi là mắt Phật, nghĩa là người có nhục nhãn, trời có thiên nhãn, Thanh văn có tuệ nhãn, Bồ-tát có pháp nhãn, Phật có mắt Phật, cho nên bốn nhãn nhập vào mắt Phật đều gọi là mắt Phật. Nay nhân quả đối nhau cho nên nói mắt Phật thấy chúng sanh không gọi là thiên nhãn.

Căn cứ vào mắt Phật, y theo cảnh nói về năm dụng kia, người có năm nhãn, thấy chúng sanh trong sáu đường thì thuộc thiên nhãn, lại mắt Phật không chỗ nào không biết, chẳng có chỗ nào không thấy mà cũng thấy chúng sanh trong sáu đường.

Hỏi: Năm nhãn được gọi gồm có mấy thứ?

Đáp: Nhục nhãn tuệ nhãn căn cứ thể mà đặt tên, lấy nhục làm nhãn nên gọi là nhục nhãn, lấy tuệ làm nhãn nên gọi là tuệ nhãn, Pháp nhãn thì từ cảnh đặt tên. Do kia thấy pháp gọi là pháp nhãn, Thiên nhãn mắt Phật được tên gọi không nhất định, vì sao? Vì thiên nhãn được gọi gồm có ba thứ:

1) Từ người mà đặt tên gọi, người theo nghĩa được gọi, Chư Phật

Bồ-tát gọi là Tịnh thiên, sanh trong ngoài người báo được thiên nhãn thấy suốt đại thiên thế giới, từ Tịnh thiên kia dùng đặt tên ấy nên gọi là thiên nhãn.

2) Căn cứ thứ mà đặt tên. Ban đầu từ Bốn Thiên vương lên đến Phi tướng gọi chung là Thiên thú, sanh lên cõi trời kia báo được nhãn căn, thấy suốt và xa nên gọi là thiên nhãn.

3) Từ nhãn được tên, như Luận Địa trì chép.

Tất cả thiền định ở trong ba trụ gọi là Thiên trụ, y Thiên trụ này tu đắc tịnh nhãn, từ nhãn đặt tên nên gọi là thiên nhãn. mắt Phật được tên gồm có hai thứ:

1) Từ người đặt tên, Phật là người gọi, người có mắt này nên gọi là mắt Phật.

2) Phật gọi là giác, giác này năng khiếu soi nên gọi là mắt Phật.

Hỏi: Năm nhãn lấy gì làm thể?

Đáp: Nếu căn cứ pháp thân thì lấy trí làm thể trí có năm dụng cho nên gọi là năm nhãn, nếu căn cứ thiên nhãn, nhục nhãn của ứng thân đã là căn thì lấy sắc làm thể, ba thứ còn lại dùng trí làm thể. Nếu nói thiên nhãn thông tức theo nghĩa Tỳ-đàm cũng lấy trí làm thể.

Hỏi: Năm nhãn và mười nhãn trong Hoa Nghiêm làm sao nhiếp nhau?

Đáp: Nói mười nhãn:

1) Nhục nhãn thấy tất cả sắc.

2) Thiên nhãn thấy các chúng sanh chết đây sanh kia.

3) Tuệ nhãn thấy các chúng sanh căn tánh sai khác.

4) Pháp nhãn thấy các pháp tướng chân thật, nghĩa là thấy các pháp tướng bậc nhất nghĩa.

5) mắt Phật thấy mười lực của Phật.

6) Trí nhãn phân biệt biết rõ tất cả các pháp.

7) Minh nhãn thấy tất cả ánh sáng của Chư Phật.

8) Xuất sanh tử nhãn thấy pháp Niết-bàn.

9) Vô ngại nhãn thấy tất cả pháp không có chướng ngại.

10) Phổ nhãn là thấy pháp giới bình đẳng pháp môn. Nhục nhãn này là nhục nhãn trước bao gồm thiên nhãn, thấy thô tế xa gần là thiên nhãn. Thiên nhãn là thiên nhãn trước. Tuệ nhãn, mắt Phật, Trí nhãn, Minh nhãn, xuất sanh tử nhãn, vô ngại nhãn, sáu thứ nhãn này là pháp nhãn trước. Pháp nhãn này là tuệ nhãn trước vì thấy Chân-đế. Phổ nhãn này là mắt Phật trước thấy khắp pháp giới chân thật bình đẳng.

Nói về sở kiến: “Thấy chúng sanh sáu đường”: Căn cứ trong sở

kiến chia làm hai:

1) Nêu chung thấy sáu đường.

2) Nói riêng thấy có không. Kinh Đại Phẩm nói năm nhãn không thấy chúng sanh, nay sao lại nói thấy?

Đáp: Kinh Tịnh Danh chép: Có đức Thế tôn đặc thiên nhãn chân thật đều thấy quốc độ Chư Phật không do hai tướng, không do hai tướng ấy nghĩa là thấy rõ ràng mà không hề thấy, tuy không hề thấy mà chẳng có chỗ nào không thấy, cho nên thấy và chẳng thấy không hai. Kinh Đại Phẩm nói thấy không chỗ thấy, kinh này nói không thấy mà thấy, cho nên không trái nhau.

Hỏi: Đã thấy sáu đường và sáu đường thấy có gì khác nhau ư?

Đáp: Đức Phật thấy không có sáu mà là sáu, biết sáu mà không có chỗ sáu, sáu đường làm sáu, sáu mà thấy, cho nên phẩm Thọ Lượng chép: Không như ba cõi thấy ba cõi. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thuận theo chúng sanh cho nên đều nhập các thế gian, trí tuệ thường vắng lặng khác nhau cái thấy thế gian.

Lại nữa chúng sanh có hai:

1) Chúng sanh tánh điên đảo.

2) Chúng sanh nhân duyên giả danh. Kinh Đại Phẩm nói không thấy, trong đạo lý rất ráo không có tánh thật chúng sanh nên không thấy. Kinh này nói nhân duyên chúng sanh cho nên mắt Phật thấy, cho nên văn trước đầy đủ hai nghĩa: “Nhân thiên lưỡng tức tôn biết pháp thường vô tánh” tức là nghĩa không thấy tánh. “Giống Phật theo duyên khởi” nghĩa là thấy nhân duyên. Lại Trung luận chép: Các pháp không có tánh quyết định, Đức Phật có vô lượng phương tiện hoặc nói bốn câu tất cả thật không thật v.v..., cũng nên nói pháp không có tánh quyết định tùy chúng sanh nên có bốn câu hoặc thấy không thấy. Vì thế luận chép: Chư Phật hoặc nói ngã hoặc nói vô ngã, trong các pháp thật tướng phi ngã phi vô ngã; cũng nên nói Chư Phật hoặc nói thấy hoặc nói không thấy, trong các pháp thật tướng chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy.

Nghèo cùng không phước tuệ: Nói riêng thấy có không: Ban đầu nói thấy không nghĩa là không phước không tuệ, nhưng tu hành có sở đắc phước tuệ nói là trông mong đạo cuối cùng là không có phước tuệ. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Có sở đắc thì không có đạo, không có quả. “Vào đường hiểm sanh tử”: là nói về thấy có, trên thấy không phước không tức có hai thứ không, nay thấy quả khổ, khổ nhân là hai thứ có. Ban đầu nói thấy quả khổ cũng nương văn trên lấy không phước

tuệ làm tư lương cho nên vào đường hiểm sanh tử đến nỗi khiến chúng sanh có quả khổ liên tục. “Vào sâu trong năm dục”: Đây là nói thấy quả khổ. Lại trước vào đường hiểm sanh tử thực hành nhân khổ, đắc quả khổ, nay nơi quả khổ lại tạo nhân khổ. Khổ nhân có hai: Trước ái sau kiến.

Vào sâu trong năm dục chính là khởi ái, phiền não ba cõi gọi chung là dục, do tánh đắm nhiễm nên luận Thành Thật chép: La-hán dứt dục ba cõi. Nói chấp sâu: Là do có sở đắc thấy năm dục quyết định thật có rồi sau chấp; do đó gọi là sâu. “Như trâu mao mấn đuôi”: Trâu do si mấn đuôi, chúng sanh do si nên khởi ái. Lại do mấn đuôi cho nên bị người bắt được làm hại, nên mấn đuôi là hại thân, chúng sanh ưa đắm năm dục nên bị các khổ. Truyện Long Thọ chép: Dục là gốc của họa là nguồn các ác, bại đức nguy thân đều do dục đây khởi, nếu ta được thoát thì thế nguyện xuất gia. “Do tham ái tự che”: Trên là nói do si khởi ái, nay là nói công dụng của ái, Ái có hai lực:

1) Cảm khổ sanh tử.

2) Mê cảnh chướng trí, trước nói nhập sanh tử đường hiểm gọi là cảm khổ sanh tử, nay nói mê cảnh chướng trí do ái che tâm làm chướng tuệ. “Đui mù không thấy biết” là mê cảnh. “Không cầu Phật thế mạnh” là đắm sâu năm dục gọi là người bệnh. Phật thế mạnh là Phật có thế lực mạnh mẽ dứt được bệnh ái cho chúng sanh gọi là thầy thuốc. Pháp đoạn khổ nghĩa là bình đẳng đại tuệ là lương dược chúng sanh bị ái ngăn che tâm đui mù không thấy được, không biết tham ái là bệnh, lại không biết Phật là thầy thuốc giỏi pháp là thuốc hay.

“Sâu vào các tà kiến”: Là nói về kiến nhân. “Lấy khổ muốn bỏ khổ”: Như các ngoại đạo chấp khổ ba cõi là Niết-bàn, Bà-la-môn Đan-Đề chỉ bụng là Niết-bàn là chấp khổ cõi dục là Niết-bàn, ngoại đạo A-la-la chấp vô tướng là Niết-bàn, tức chấp khổ cõi Sắc làm xả khổ, Uất-Đầu-Lam-Phất chấp phi tướng làm Niết-bàn là lấy khổ Vô sắc mà muốn xả khổ sanh tử tức là giải thích nghĩa tà kiến trên. Đây là tà kiến chung, đối với năm kiến chẳng lạc tịnh mà chấp lạc tịnh đó là độc đầu kiến thủ.

Hỏi: Chấp sanh tử là Niết-bàn, là mê sanh tử hay mê Niết-bàn ư?

Đáp: Chính mê sanh tử là Niết-bàn, như mê thú dữ là người.

“Phật vì chúng sanh nầy”: Là nói khởi tâm bi: Xa thương xót: Là thương cho chúng sanh kia không có hai thiện phước, tuệ, có khổ hai ác nhân quả. Gần thương: Là thương xót các ngoại đạo chấp phi đạo

là đạo, đạo là phi đạo. “Xưa ta ngồi đạo tràng”: Là vì chúng sanh có năm trước nên khi mới thành đạo Phật nói Nhất thừa giáo hóa không được. Trên đã đầy đủ đại bi bên trong nay nêu phương tiện cứu giúp bên ngoài, nhưng bậc Thánh tuy năng cứu mà vật không có khả năng thọ. Văn cũng có ba:

- 1) Nêu nói Nhất thừa không được.
- 2) Chư thiên khuyến xin.
- 3) Trái thỉnh.

Văn đầu có ba: Nửa bài đầu nói về chỗ tư duy, nửa bài kế là nêu thời gian tư duy, sau một bài rưỡi là nêu việc tư duy. Xưa ta ngồi đạo tràng: Ở đạo tràng vắng lặng tại Ma-kiệt-đà mới thành Chánh giác, “Quán cây và kinh hành”. Có người chép: do danh để nêu ý, Thọ: Muốn cây đứng thẳng như chúng sanh nương gốc lành Đại thừa. Hành: Là muốn nêu Như lai sẽ hành các việc như cây đứng thẳng. Có người chép: Đức Như lai ngồi dưới gốc cây thành Phật, nhớ ơn cây cho nên quán cây. Hành: Đi đến chỗ thành đạo mà ngồi, nay đắc đạo rồi nên kinh hành, tức muốn hành thiện lợi vật báo ân cây. Giải thích này xuất xứ trong kinh. Có người chép: Đây là theo pháp thế gian tức là tất đàn thế giới. Người đời tư duy gồm có hai thứ:

- 1) Quán vật tư duy.
- 2) Kinh hành tư duy.

Nay tùy pháp thế gian cũng chia làm hai: Chú giải kinh rằng: Cây lấy tĩnh làm thể, Hành lấy động làm tướng muốn phát sanh tư duy tốt quyết im lặng nói năng phù hợp căn cơ. Trong hai mươi mốt ngày: Là nói thời gian tư duy. Luật Di Sa tắc chép: Tam-muội bảy ngày, đây cùng luận Thập Địa.

Luận kia cũng hỏi: Vốn vì lợi ích chúng sinh mà thành đạo, vì sao bảy ngày tư duy không nói ư?

Đáp: Vì nói lên tự thọ lạc của đại pháp, đã nói lên pháp lạc khiến cho chúng sanh đối với Như lai thêm lớn tâm ái kính, lại xả bỏ diệu lạc ấy thương xót chúng sanh nói pháp cho họ nghe. Đây là bảy ngày đầu không nói, tuần thứ hai mới nói pháp. Kinh này nói trải qua ba tuần mới nói. Trong Luật và Tát-Bà-Đa bộ nói trải qua sáu tuần mới nói. Kinh Thập Nhị Du nói Đức Phật thành đạo xong qua năm thứ hai mới độ năm người, tức là một năm không nói. Luận Trí Độ nói năm đến mười tuần không nói pháp, hoặc có thể là năm mươi bảy ngày hoặc có thể năm mươi lần bảy ngày, gần một năm tương ứng với Kinh Thập Nhị Du. Thích ứng duyên thấy nghe không cần hiểu. Luận Tát-bà-đa chép:

Vì sao bốn mươi hai ngày không chép: Là do Phạm thiên chưa đến xin, lại chúng Kiều-trần-như gốc lành chưa thuần thực, lại trước tự an thân rồi sau mới nói, lại khiến chúng sanh tôn trọng. Nay nói về Như lai đã biết từ lâu nên nói hay không nên nói, chỉ là chỉ bày pháp mầu nhiệm, chúng sanh độn căn tùy theo pháp thế tục nên thị hiện tư duy kỹ rồi sau nói, bảy ngày là cùng tận của một số, ba tư là pháp thường của thế tục cho nên nói ba lần bảy.

Hỏi: bảy ngày sao lại cùng tận của một số ư?

Đáp: Pháp trong ngoài bảy ngày có đổi khác, trong thai bảy ngày thì biến chuyển, so sánh thân ăn uống bảy ngày không ăn thì chết.

“Tư duy việc như vậy “: Là nêu việc tư duy. Có người chép: bảy ngày đầu tư duy trí Phật mầu nhiệm. Bảy ngày tuần thứ hai tư duy chúng sanh độn căn. Bảy ngày tuần thứ ba tư duy không thể đem diệu tuệ trao cho người độn căn. Có người chép: bảy ngày đầu muốn nói pháp Nhất thừa mà chúng sanh không có căn cơ liền dừng, bảy ngày thứ hai tư duy muốn nói Nhất thừa mà chúng sanh không có căn cơ liền dừng. bảy ngày tuần thứ ba muốn nói nhân duyên đời trước mà chúng sanh không có căn cơ liền dừng. Do suy tìm ba hạng căn cơ hạ, trung, thượng ngộ Nhất thừa mà không được nên có ba tuần. Lại nói bảy ngày đầu dùng khuyên để nói Đại thừa không được, bảy ngày thứ hai dùng răn dạy để nói Đại thừa không được, bảy ngày thứ ba dùng khuyên và răn hợp nói cũng không được. Nay nói về như trên biện luận tùy pháp thế tục cho nên nói ba lần bảy. “Trí tuệ của ta được”: Nay vẫn nói thẳng ra ba việc tư duy:

1) tuệ Phật mầu nhiệm.

2) Chúng sanh độn căn.

3) Không thể dùng trí tuệ mầu nhiệm trao cho độn căn.

Tuệ Phật mầu nhiệm: Chẳng phải ngu chẳng phải trí, bất quán bất duyên nên gọi là mầu nhiệm. Chúng sanh các căn độn: Là nói về tuệ căn độn. “Tham si vui làm mù”: Là căn ám độn không ngay thẳng, lại có hai lỗi:

1) Tham đắm sự vui gọi là ái.

2) Ngu si gọi là vô minh. Luận Tỳ-bà-sa chép: Dụ như có người bị trói cả tay chân bị mất lại đem thả trong rừng sâu không thể ra được, chúng sanh bị ái trói buộc, vô minh ngăn che không thể ra khỏi rừng sanh tử cũng như người mù kia. “Các hạng người như thế” là kết ý không thể trao diệu tuệ cho hạng độn căn ấy được.

“Bấy giờ, các Phạm vương v.v...” là chư thiên xin nói. Văn cũng có ba:

- 1) Một bài rưỡi nói về người năng xin.
- 2) Một câu nêu nghi thức xin.
- 3) Một câu chính nói về xin.

Luận Trí Độ chép: Chư thiên nghi pháp khác nhau, trời Tịnh cư khuyến Phật độ cho xuất gia, Tứ thiên vương bưng bát, Phạm vương xin xoay bánh xe pháp.

Hỏi: Đức Phật vì chúng sanh nên ra đời tự ứng nói pháp đâu có đợi xin ư?

Đáp: Luận nói Đức Phật tuy không đợi xin mà khiến người xin được lợi ích. Kinh Kim Quang Minh loại bả quyển chép: Xin Phật xoay bánh xe pháp năng diệt tội chê bai mười hai bộ kinh: Lại trước xin sau nói pháp Chư Phật như. Lại không xin mà nói là ngoại đạo chê trách. Lại ngoại đạo thường thờ Phạm Thiên, Phạm Thiên đã xin thì ngoại đạo tâm phục. Lại nếu không xin mà nói thì ứng đáp mười bốn nạn, do đợi xin mới nói cho nên không đáp.

Hỏi: Vì sao chư thiên xin mà không nói người xin ư?

Chư thiên hơn người cho nên nói chư thiên xin, lại người không thể xin, chư thiên có trí tuệ biết Phật thành đạo nên nói chư thiên xin. Lại Đức Phật ở một mình trong rừng thành Phật, trong đó không có người cho nên người không xin.

Hỏi: Thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng vì sao mười sáu vương tử thỉnh trước sau Phạm Vương mới thỉnh, nay vì sao chỉ nói chư thiên thỉnh không nói vương tử thỉnh ư?

Đáp: Chú giải Pháp Hoa chép: Trước Đức Phật xuất hiện đời tốt có con nối nghiệp cha nay Đức Phật ra đời đời ác nên con con không nối dõi.

“Ta liền tự suy nghĩ”: Là nói không thuận thỉnh mà dứt hóa. Theo văn cũng có ba:

- 1) Giả thiết muốn nói Nhất thừa.
- 2) Nói không lợi ích có tổn hại.
- 3) Nói về dứt hóa.

Hỏi: Trên tư duy có gì khác với nay tư duy?

Đáp: Trên là nói không thể trao diệu tuệ cho người độn căn, nay tư duy giả thiết nhận lời xin của Phạm vương nói Nhất thừa thì tổn hại không có lợi ích. Chúng sanh chìm nơi khổ: Là nói về không lợi ích có tổn hại.

“Ta thà không nói pháp” trở xuống: Là nói trái thỉnh mà dứt hóa. Ban đầu dùng bốn thù tích nói Nhất thừa vì muốn lợi ích chúng sanh,

nay nói Nhất thừa thì không lợi ích mà có tổn hại cho nên xả ứng qui chân gọi là nhập Niết-bàn thì không có tổn hại.

“Liên nhớ Phật quá khứ”: Là đoạn nói khi Đức Phật mới thành đạo chúng sanh không có khả năng thọ Nhất thừa vì thế đối một Phật thừa phân nói riêng ba thừa.

Hỏi: Đức Phật vì tự nói Ba thừa hay đợi xin mới nói?

Đáp: Theo luận Trí độ chép: Phạm vương ban đầu xin nói pháp đức Như lai nói Phật pháp sâu xa chúng sanh độn căn không thuận lời xin, không nói. Kế Phạm Vương trình bày chúng sanh có thượng, trung, hạ căn lại xin nói pháp, Đức Phật nhận lời xin lại nên nói Ba thừa.

Vấn cũng có ba:

- 1) Thấy rõ căn tánh chúng sanh.
- 2) Chính là nói giáo Ba thừa.
- 3) Lãnh thọ giáo có lợi ích, tức là phần Thí dụ sau: ba xe cứu được

con.

Vấn đầu cũng có ba:

- 1) Nói về thuận theo Chư Phật quá khứ nên nói Ba thừa.
- 2) Nhận lời khuyên hiện tại của Chư Phật khắp mười phương nói Ba thừa.
- 3) Thuận theo chúng sanh năm trước nên nói Ba thừa.

Hai ý đồng Chư Phật, một ý sau tùy thuộc chúng sanh tức là ba nhân duyên, cho nên nói Ba thừa. Nếu chấp thuận Phạm vương xin thì có bốn duyên riêng. Bài kệ đầu có hai:

1) Nửa bài kệ là tư duy cổ Phật.

2) Nửa bài là nói Đức Thích-ca thuận đồng cổ Phật. Đạo pháp nhất thừa hóa độ chúng sanh không được nên đối Nhất thừa nói Ba thừa, Đức Thích-ca tin mà khéo thích hợp thuận đồng với Phật xưa.

“Lúc ta nghĩ thế đó”: Tức Chư Phật mười phương khuyên nói Ba thừa.

Vấn chia làm hai:

- 1) Xưng tán.
- 2) Khuyến khích.

Xưng tán có ba phần: Nửa bài nói về Chư Phật mười phương hiện thân, sở dĩ hiện thân: Là đức Thích-ca đối một nói ba hợp lý xứng căn cơ, lý số cảm Chư Phật ứng hiện thân. Kế nửa bài là an ủi khen ngợi. An ủi: Ẩn dấu thật đức, bớt đi chỗ vui mà pháp độ chúng sanh, đây là sự nhẫn khổ, nay thuận theo pháp thế gian cho nên an ủi. Kế là khen ngợi: Lập ra Ba thừa phương tiện hợp lý xứng căn cơ đây là đáng khen ngợi. Một bài kệ kế chính là nói lời khen ngợi, việc như văn.

Chúng ta cũng đều được v.v... là nói Chư Phật tự trình bày thì gọi là khuyến khích. Văn chia làm ba:

1) Nói Chư Phật hiện tại trên Phật quá khứ phương tiện nói Ba thừa.

2) Kệ nói về hiện tại Chư Phật dưới thuận căn tánh chúng sanh nên nói Ba thừa.

3) Nửa bài nói về Ba thừa.

“Xá-lợi-phất phải biết v.v...” trở xuống là nói Đức Thích-ca vui mừng nhận lời xin. Văn chia làm hai:

1) Một bài kệ nói về vui mừng đáp lại Chư Phật khen ngợi ở trên.

2) Kệ nói về thọ xin đáp lại trên Chư Phật đã khuyến khích Nam mô Quy mạng, là cứu ngã. Quy mạng: Là qui mạng nương tựa Chư Phật mười phương, Chư Phật khuyến khích nói Ba thừa kéo dài tuệ mạng của chúng sanh tức là kéo dài tuệ mạng của đức Thích-ca cho nên đức Thích-ca qui mạng nương tựa Chư Phật. Chư Phật khuyên nói Ba thừa, đã là cứu giúp chúng sanh tức là cứu giúp đức Thích-ca cho nên gọi là cứu ngã.

“Ta lại nghĩ thế này, ta ra vẫn đực v.v... trở xuống là thuận theo chúng sanh năm trước cho nên nói Ba thừa. Ta tức là tự tư duy: hai chương kinh từ đầu đến cuối có bốn tư duy. Không nói Nhất thừa có hai tư duy, như trước giải thích, nói Ba thừa cũng có hai tư duy. Sở dĩ có hai tư duy ấy: Là thuận theo pháp thế gian suy nghĩ và quyết định. Ban đầu tư duy trên đồng Chư Phật, sau tư duy dưới thuận căn tánh. Nói đời vẫn đực là tuy có Phật mười phương khuyên nhưng nếu xuất hiện ở đời tốt cũng không nói Ba thừa, Nay đức Thích-ca tự xét thấy xuất hiện đời ác cho nên thích ứng nhận lời khuyên nói Ba thừa.

“Suy nghĩ việc đó rồi v.v...” là chánh huyết Tiểu thừa. Văn có bảy câu: Trước nói thời gian muốn nói Ba thừa nghĩa là suy nghĩ lại rồi quyết định thích ứng nói Ba thừa. “Liên đến thành Ba-nại”: Là nói về nơi nói Ba thừa. Ba-la-nại này, Hán dịch là Lộc lâm. Xưa có Vua dùng rừng này để nuôi hươu nên gọi là Lộc lâm. Luận Tỳ-bà-sa gọi là Tiên nhân Viên (vườn Tiên nhân). Xưa có vị tiên ở đây, do đó đặt tên. Lại gọi là thành Giang Nhiểu, thành này có nước bao quanh. Nay gọi là Ba-la-nại tức xứ chung, Lộc lâm là xứ riêng trong đó. Nước Ca-tỳ-la chính là trung ương của đất Thiên-trúc, các nước đều ở bốn phương, Ba-la-nại ở phía tây nước Ca Tỳ-la cách chín trăm sáu mươi dặm, Đức Phật xoay bánh xe pháp ở phía Bắc thành Ba la Nại cách hai mươi dặm.

Hỏi: Vì sao ban đầu Đức Phật nói pháp trú ở thành này?

Đáp: Chúng sanh ở xứ này đã đợi thời gian lâu để được ngộ cho nên bậc Thánh giáo hóa; nơi chốn không nhất định. Nay nói hai nhân duyên nên đến thành này:

1. Luận Bà-sa chép: Có năm chỗ nhất định: là nơi sanh, nơi xuất gia, nơi thành đạo, nơi nói pháp và nơi diệt độ. Chư Phật ba đời đều ở các nơi này nói pháp nên gọi là xứ định.

Hỏi: Làm sao biết xứ định?

Đáp: Khi Phật chưa ra đời có vua chuyển luân đem binh chúng muốn vượt qua đường này, mà binh chúng dừng lại không chịu đi, giữa hư không có tiếng nói đây là nơi cổ Phật nói pháp vua phải nên tránh, cho nên biết đó là xứ định.

2. Năm người thối lui không trở về nước, sợ vua Tịnh Phạn trách phạt nên tiến vào rừng sâu không chịu theo giúp đỡ Thái tử, cho rằng Thái tử không đắc đạo vì thế họ dừng lại ở rừng Lộc lâm. Luận Tỳ-bà-sa chép: ba người chấp khổ hạnh đắc đạo, hai người chấp thọ lạc đắc đạo, hai người thấy Phật khổ hạnh liền cho là Phật không đắc đạo cho nên đến vườn vườn Nai, ba người hai năm cúng dường Phật, sau thấy Phật uống sữa nai lại cho rằng Phật thọ lạc nên không đắc đạo cũng bỏ Phật đến vườn Nai. Đức Phật thọ thỉnh xong liền nghĩ rằng: cửa Cam lộ mở ai nên được nghe trước, tự nghĩ A-la-la, Uất-Đầu-lam-Phất thông minh lợi căn nên được nghe trước độ cho đắc đạo. Chư thiên báo rằng: một vị tiên qua đời đã bảy ngày, một vị tiên ngày hôm qua qua đời. Đức Phật lại nghĩ rằng ai nên được nghe thì biết năm người nên kế tục thọ đạo cho nên Đức Phật đến chỗ ấy giáo hóa.

“Tương các pháp vắng lặng”: Câu thứ ba là nói Ba thừa là phương tiện. Trước nói về gốc phương tiện, gốc phương tiện tức là pháp mà Phật chứng đắc chẳng quán chẳng duyên không ba không một, gọi là không thể dùng ngôn ngữ giảng nói. “Bèn dùng năng lực phương tiện”: Câu thứ tư là nói về từ thật khởi quyền chẳng ba chẳng một mà quyền nói ba. “Vì năm Tỳ-kheo nói”: Câu thứ năm nói về vì người. Nói năm người là:

- 1) Kiều-trần-như.
- 2) Thập-lực Ca-diếp.
- 3) Á-bệ.
- 4) Bạt Đề.
- 5) Ma-nam Câu-lợi.

Nói Tỳ-kheo: Đức Phật nói pháp rồi mới có Tỳ-kheo. Năm người

ấy y cứ ban đầu gọi cho nên sau gọi.

Hỏi: Vì sao trước vì năm người nói pháp?

Đáp: Kinh nói không đồng, một nói thời Phật Ca-diếp có chín người đồng học, bốn người lợi căn đắc đạo trước năm người độn căn tự thệ Đức Thích-ca ra đời phải đắc đạo trước. Lại Kinh nói đức Thích-ca ở thời kiếp đối kém thân con cá lớn tự thệ rằng ai trước ăn thịt ta sẽ được độ trước hết, năm người ấy đến ăn thịt trước nên trước được độ. Lại kinh nói thời quá khứ có sáu người, năm người hái hoa lúa cúng dường Phật, một người nói đọi lúa chín cúng dường Phật, cho nên năm người ngộ trước, Tu-bạt sau mới ngộ.

“Đó là xoay bánh xe pháp”: Câu thứ sáu tổng kết nói giáo danh tự. Nếu căn cứ tự tha mà nói, Đức Phật khi mới thành đạo tự xoay bánh xe pháp gọi là bắt đầu tự chuyển nay vì người nói pháp thì gọi là bắt đầu của tha chuyển. “Liên có tiếng Niết-bàn”: Câu thứ bảy tổng kết giáo chỉ qui. Tuy chuyển tứ đế mà tông qui về nhất diệt, cho nên Đại thừa có bốn đế và một đế, Tiểu thừa cũng nói bốn đế một đế. Nói pháp Ba thừa chủ yếu đầy đủ bảy câu trên.

“Cùng với A la hán”: Là nói lãnh thọ giáo được lợi ích. Văn chia làm hai:

- 1) Được lợi ích
- 2) Giải thích nghi.

Trước nói xoay bánh xe pháp Tứ đế, nay nói Ba bảo hiện đời. A la hán là Phật bảo. Luật nói Đức Phật vì năm người nói pháp, năm người gọi Phật là La-hán.

Hỏi: Kiêu-trần-như đầu tiên đắc đạo, bốn người còn lại trú ở địa vị nào?

Đáp: Luận Bà-sa chép: bốn người trụ ở bốn thiện căn như Noãn v.v... đến mùa hạ đầu mới đắc đạo.

Hỏi: Tám muôn chư thiên đắc đạo là chư thiên nào?

Đáp: Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói là Diệm-ma Thiên tử.

Hỏi: Luận Trí Độ chép: tám muôn thiên tử đắc Vô sanh pháp nhãn, các kinh khác nói đắc pháp nhãn tịnh việc này thế nào?

Đáp: Pháp nhãn tịnh của Tiểu thừa tức là Vô sanh pháp nhãn của Tiểu thừa. Từ trước ngôi đạo tràng đến văn này đều là dẫn các sự trong kinh Chuyển Pháp Luân.

“Từ kiếp lâu xa đến nay”: Là giải thích nghi thâm khai tuổi thọ nói Đức Thích-ca từ lâu đã hiểu vì Nhất thừa nói Ba thừa, chẳng phải thọ Chư Phật khuyên mới nói Niết-bàn. Lại nói về từ lâu xa đến nay có

phương tiện nầy lợi vật, chẳng phải nay mới chế tạo, ông chớ nghi ngờ. Muốn khuyên tín cho nên nói như. Từ trước là nói về việc phương tiện xong, cho nên đề phòng ngăn cản chúng sanh chớ nghi.

“Xá-lợi-phất nên biết”: Là nói về giáo Nhất thừa. Văn chia làm ba phần:

- 1) Thấy căn cơ Đại thừa phát.
- 2) Chính vì nói Nhất thừa, Ba thừa.
- 3) Nghe Nhất thừa được ngộ giải.

Trước nói Ba thừa cũng chỉ ba ý nầy, tức thí dụ đồng ban cho con xe lớn ở phần sau. Căn cơ phát là Thí dụ xin xe ở sau. Vì nói nhất thừa là thí dụ đồng ban cho xe lớn. Nghe giáo ngộ giải là thí dụ được xe vui mừng ở phần sau sẽ nói.

Phần đầu lại có bốn:

- 1) Hai bài kệ nói về thấy đại căn cơ phát.
- 2) Một bài kệ niệm muốn sanh khởi giáo.
- 3) một bài kệ nêu không có căn cơ thì mất có căn cơ thì được.
- 4) một câu nói thấy có căn cơ phát cho nên vui mừng.

“Ta thấy các Phật tử”: Đại căn cơ đã phát có khả năng nối kế thành Phật tử. Cơ phát chẳng phải một cho nên nói vô lượng ngàn muôn ức. “Đều đem tâm cung kính”: Luận theo sự đã đến chỗ Phật nghe pháp thì tôn kính người mà trọng pháp. Theo duyên nói thì có lý bỏ Tiểu sùng Đại nên nói tâm cung kính. “Đồng đến chỗ Phật”: Nói theo sự là đến hội Linh Sơn. Trong lý thì cơ phát hợp Thánh gọi là đến; “Từng theo Chư Phật, nghe nói pháp phương tiện”, là nói quá khứ từng thọ giáo phương tiện, trước không biết là phương tiện, nay giáo khởi mới gọi là phương tiện. Cho nên nói về phương tiện xưa, vì xưa nghe Ba thừa thật nhuần nhuyễn tâm mình là phương tiện nhập đạo Đại thừa.

“Ta liền nghĩ thế này”: Là đã thấy rõ Đại thừa căn cơ đang phát, ý muốn phát khởi giáo. “Xá-lợi-phất nên biết” là nói về sự mất của người không có căn cơ gồm có bốn điều mất:

- 1) Do không biết nhân Ba thừa ngộ Nhất thừa nên gọi là độn căn, như chấp ngón tay quên mặt trăng.
- 2) Ưu pháp Nhị thừa gọi là tiểu trí, đó chỉ là đắc nhân vô ngã.
- 3) Chấp chặt Tiểu giáo gọi là chấp tướng.
- 4) Bảo thủ Tiểu thừa rốt ráo không tin Nhất thừa gọi là người kiêu mạn, như người này đã lia pháp hội, các ông ở hội này tức bên trong có thật đức khác nhau hạng người kia.

“Nay ta vui vô úy”: là thấy có căn cơ cho nên vui mừng vô úy.

Nói pháp Nhất thừa là rất thuận theo tâm Phật nên gọi là vui, như Kinh Niết-bàn chép: Tâm ưa thích nói Chân-đế, cho nên biết chúng sanh năng tin nhận không chê bai pháp ấy.

“Ở trong hàng Bồ-tát”: Chính nói về nói Nhất thừa, chỉ hàng Ba thừa gọi là Bồ-tát. “Chính bỏ ngay phương tiện”: Là phế bỏ quyền giáo, hiển lộ phế bỏ quyền gọi là chính bỏ ngay. Trước hội ở vườn Nai chính lập quyền chưa được nói phế bỏ, cũng là ý bỏ mà nói không bỏ, đến lúc giao phó tài sản chỉ là thăm bỏ chưa được gọi là chính bỏ ngay. Lại xưa chấp ba là thật gọi là tà, nay liền xả bỏ gọi là chánh, Ba thừa trông mong Phật đạo quanh co, nên gọi là khúc khuỷu nay phế bỏ Ba thừa thẳng đến Phật đạo nên gọi là thẳng. “Chỉ nói đạo vô thượng”: là nói về lập thật. Trước phế thật lập quyền, nay phế quyền lập thật. “Bồ-tát nghe pháp đó”: là nghe Nhất thừa ngộ giải, Bồ-tát gọi là nghi đều đã trừ, La-hán nói đều sẽ thành Phật, ở vẫn nói về. Lại trước không nói La-hán thành Phật nên nay nói về La-hán thành Phật. Trước đã nói Bồ-tát thành Phật cho nên nay không nói về thành Phật, chỉ Bồ-tát trước nói có ba nay nghe không ba do đó sanh nghi. Nay biết trước nói ba là phương tiện nay nói một là chân thật hai lần nói không trái nhau, nên nghi được trừ. Lại Bồ-tát trước nghi xưa chưa biết là tiến Thành Phật hay thoái làm Nhị thừa, nay biết có một không hai vì thế chỉ tiến không thoái nên nghi xưa không còn.

“Như Chư Phật ba đời”: Là đoạn lớn kể theo khen ngợi pháp. Phần đầu tụng Nhất thừa chân thật, kể tụng Ba thừa phương tiện, Trong Ba thừa phương tiện nói rộng việc đức Thích-ca một kỳ ra đời từ đầu đến cuối đã rõ ràng. Bày thật bỏ quyền đều là trong kinh Pháp Hoa nói. Khen ngợi pháp khiến vật tin nhận nên phải khen ngợi; có sáu việc khen ngợi: một bài đầu hợp nghi thức Chư Phật, khen ngợi Chư Phật đều trước ba sau một, đức Thích-ca cũng. Lại Chư Phật đều có pháp luân căn bản, chi mật, thâm ngọn về gốc, đức Thích-ca cũng như vậy cho nên nói “như nghi thức Chư Phật”. Kể nửa hàng khen ngợi Phật khó gặp, bậc Thánh thế gian dễ gặp cho nên nói ngàn năm một bậc Thánh, Chư Phật khó gặp cho nên nói kiếp số dài xa, vì sao? Vì chúng sanh phước ít, tội nhiều nên không gặp Phật, dù có nhiều công đức mà không có gốc lành thấy Phật nên nói Phật đối với người đó là khó gặp. Nửa bài kệ dưới nói Phật dễ gặp, khen ngợi nói Kinh Pháp Hoa là khó hơn, vì sao? Vì có người gặp Phật hơn bốn mươi năm mà không nghe nói Nhất thừa thì biết Nhất thừa khó nghe còn Phật dễ gặp. Vì sao? Vì chúng sanh thường có thiên căn Nhị thừa phàm phu, hạt giống tu Trung đạo

chánh quán ít nên không cảm được Phật nói Nhất thừa. Nửa bài kệ là nói về các ông từ vô lượng kiếp đến nay nghe là khó, như từ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đến nay mới được nghe. Kế nửa bài kệ là nói về nghe thì dễ chuyên tâm lắng thọ sanh tin thì khó. “Ví như hoa Ưu đàm”: Là dưới nói nghe thì dễ, mà nghe hiểu vui mừng đã mới là khó. Nghe hiểu vui mừng: Do nghe pháp ngộ giải trong tâm vui mừng ngoài phát lời khen ngợi, Chư Phật ba đời đồng hành đạo này, nay vui mừng khen ngợi xứng hợp tâm Thánh tức là pháp cúng dường Chư Phật ba đời, người như thế còn hơn hoa Ưu đàm. Luân vương ra đời có hoa Ưu đàm mà khai Pháp Hoa là Pháp Luân Vương nên gọi là “còn hơn”. Văn xuôi nêu hoa này khen ngợi pháp, nay nêu hoa này khen ngợi người.

“Các ông chớ có nghi v.v...” là đoạn lớn nói về khuyên tin. Xưng tán rồi, khuyên trừ nghi tin nhận.

“Xá-lợi-phất! Các ông! Là chỉ phương pháp mở rộng kinh của bậc thượng căn, một châu ở trên đã nói rồi, nay khuyên truyền chỉ bày cho ai chưa nghe, Thân Tử đắc ngộ thành Bồ-tát nên phải mở rộng đạo lợi người. Lại ở trên nói về thuyết pháp là Đức Phật Nhiên Đăng, nay nói về mở rộng kinh khiến truyền đặng. Lại một châu pháp nói cũng được chia làm ba đoạn: Ban đầu chọn chúng gọi là duyên khởi, kế là nói về chính là nói, nay là truyền bá Văn có hai:

- 1) Bốn bài kệ chỉ chung phương pháp mở rộng Kinh.
- 2) Ba bài kệ chỉ cho nghĩa được mất.

Văn đầu lại có hai:

- 1) Một bài khen ngợi kinh sở mở rộng.
- 2) Ba bài kệ chính nói về phương pháp mở rộng kinh.

Trước không nói cho nên là bí, nói bí ấy bởi là lời khen ngợi, như thế gian nói pháp bí mật ngàn vàng cũng không truyền, nay cũng vậy. Nói bí yếu ấy là tông qui nhất, lại chính là nói về thành Phật. Kế ba bài nói phương pháp mở rộng kinh chia làm ba:

Hai bài khuyên người không có pháp khí chớ truyền, kế một bài khuyên người ấy là pháp khí nên trao. Trong hai bài kệ đầu, trước kệ khuyên khiến chớ vì người khởi ái mà nói, bài kệ kế là khuyên chớ vì người khởi kiến mà nói. Ban đầu là phàm phu kiến chấp tiểu lạc mà quên đại lạc, kế là chấp chặt Tiểu thừa thì trái nghịch Đại thừa. “Người tầm quý, trong sạch v.v...” là khuyên vì người ấy nên trao, cũng có hai người: Tầm quý là người mới tu hành, khởi ái kiến và tâm phàm phu Nhị thừa liền sửa đổi hổ thẹn sám hối Trong sạch: Là người tu hành lâu, từ lâu huân tập Đại thừa, không sở đắc chánh quán không còn ái kiến

và cấu tâm phàm phu Nhị thừa nên gọi là trong sạch như trên chép: “có Phật tử tâm tịnh”. “Xá-lợi-phất nên biết”: Là nói về được mất. Một bài rưỡi đầu nói không học tập là mất, kế một bài rưỡi khen ngợi Thân Tử học tập là được. “Pháp Chư Phật như vậy ,v.v...” Là phải trước quyền sau thật. Đây là chỉ phép tắc sở học. Kế nửa hàng nêu không học Kinh này thì không biết. “Phật là thầy trong đời”: Thân Tử ban đầu nghe nói lược cho rằng Phật là ma, sau nghe nói rộng mới biết là bậc thầy lớn của thế gian. Nửa bài này nói về người biết phân biệt chánh tà. Kế một câu khen ngợi quyền thật lãnh pháp. Câu dưới nói không còn nghi tổng kết quyết hiểu rõ người pháp. Kế nửa hàng nói về hai nghi đã trừ, vui mừng thành tựu một đạo Phật thừa.

Niên hiệu Vĩnh Nhân giữa năm Nhâm Ngọ, Sa-di Đạo Tôn vì báo hiếu công chưa tròn nên in bản Pháp Hoa quyển bốn này để báo hiếu kỷ niệm ngày giỗ mẹ, thương tiếc sâu muộn do ai. Than ôi! Trải qua nhiều kiếp cũng khó đền ân, may mắn gặp được bộ Pháp Hoa này như bông cây trôi mà chưa mục, nên khắc in bản Nghĩa Sở quyển thứ tư được lưu hành rất thịnh cho đến cõi trời Hữu Đảnh đến cõi A tỳ cứu độ chúng sanh vô biên.

Sa-môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.



SỐ 1721

PHÁP MÔN NGHĨA SỞ

Cát Tạng đời Hồ soạn

QUYỂN 5

PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

(Phần 1)

Sở dĩ có phẩm này là do văn kinh này tuy có bảy trục chính mà tông qui về đại tuệ bình đẳng, Nhưng nhập đại tuệ này thì có các môn, hoặc từ môn Pháp thuyết nhập, hoặc từ môn Thí nói mà nhập, hoặc từ cả hai môn nhập; Hoặc nhân ba môn này ngộ nhập tuệ Phật thì ba thứ này là môn, nếu nhân ba môn này mà không nhập tuệ Phật thì chẳng phải môn. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Hoặc có người uống Cam lộ tuổi thọ được lâu dài, hoặc có người uống cam lộ tổn thương mạng mà chết sớm. Trí cam lộ vô ngại có chỗ gọi là Đại thừa điển, Đại thừa điển như thế cũng gọi là thuốc có lẫn chất độc, chỉ người thượng căn nghe pháp nói rồi liền hiểu, không đợi thí nói, cho nên Kinh Niết-bàn chép: Vì người lợi căn nói Đại thừa chín bộ lược thí dụ tức việc. Người Trung căn chưa thể quên lời lãnh thọ pháp cho nên nghe pháp nói không hiểu, mà năng hư tâm đợi thí nói cho nên vì họ nói thí dụ. Lại tùy phong tục nói giáo khác nhau, Trung Quốc nói thường cứ pháp, Thiên-trúc nói thường dẫn thí loại. Xưa Trương Khiên tìm Hà Nguyên đến nước Đại Nguyệt Thị, thấy sứ giả Thiên-trúc đến liền hỏi: Nước kia phong tục thế nào? Sứ giả đáp: Nước ấy khi chiến đấu thì cỡi voi, nói thường dẫn chứng thí dụ. Đức Phật xuất hiện ở Thiên-trúc nên tùy phong tục mà lập thí dụ.

Hỏi: Thí và dụ có gì khác nhau?

Đáp: Trong Kinh luận hoặc gọi là thí, hoặc gọi là dụ, cho nên biết thí dụ như tên khác của nhân và mục. Cũng có nghĩa khác như Thí là giống, dụ là để hiểu.

Mượn tạm sự gần để so sánh lý xa, hiểu biết các điều chưa ngộ gọi là thí dụ. Chú giải kinh rằng: Thí là nêu sự việc để nói tâm, Dụ là để nói tâm và sự việc. Trong kinh luận có bốn câu khác nhau: 1) Mượn gần dụ xa, như kinh này chép: Trưởng giả giàu có tức là Như lai. 2) Mượn xa dụ gần, như Kinh Niết-bàn chép: Thí như Niết-bàn phi hữu phi vô, tội cũng như vậy phi hữu phi vô. 3) Dùng gần dụ gần, như Trung luận chép: Đất nước không có ngọc đá thí như vàng. 4) Dùng xa dụ xa, như Đại Phẩm có nói, vì sao như thật tế nghĩa là như pháp tánh tức dùng pháp tánh dụ cho thật tế.

Hỏi: Châu thứ hai thí dụ nói gọi là phẩm Thí dụ, châu đầu căn cứ pháp nói nên gọi là phẩm Pháp thuyết. Châu đầu đã riêng đề là phẩm Phương Tiện; nay lại thọ tên gì ư? Đáp: Nói chung có thể được xen nhau, chỉ vì trên đặt tên theo riêng nay căn cứ chung để nêu mục. Nói theo riêng tức. Pháp nói là chung, phương tiện là nói riêng, nên gọi theo riêng, Nay nói Thí dụ kia là nói chung nên gọi theo chung, đây là Pháp và Thí dụ cả hai xen lẫn nêu chung và riêng.

Hỏi: Đại Kinh nói có tám loại Dụ, nay nói loại thí nào? Đáp: Nếu phẩm trước là pháp nay thí pháp trên thì trước là pháp sau là thí nghĩa là dụ ở sau. Nếu y cứ phẩm này mà nói chưa có pháp nói, trước nói thí là dụ ở trước.

Lại nay dụ nhà lửa là dụ khắp. Trong tám thứ dụ có thể bao gồm ba, nhưng hai tên pháp thí mà nghĩa kia không nhất định. Người thường cho rằng thí chỉ là sự, pháp định là lý. Đây thật là không đúng. Đại kinh chép: Thí như Niết-bàn thì Niết-bàn là thí, dụ như Kim cương thì Kim cương là thí, cho nên biết gọi pháp, thí mà nghĩa không nhất định do không nhất định nên có thể dùng pháp làm thí, thí xếp vào pháp, thì dùng làm pháp thì pháp chẳng phải pháp nhất định, dùng pháp làm thí thì thí chẳng phải thí nhất định. Phải biết chẳng phải pháp chẳng thí gượng gọi là pháp thí. Cho nên, nhân pháp thí này vì khiến chúng sanh liễu ngộ chánh đạo, vì thế văn trên nói pháp này không thể chỉ bày ngôn từ tương vắng lặng, mượn ngôn từ nêu phẩm khiến ngộ vô ngôn cho nên nói phẩm Thí Dụ. Đặt tên phẩm lẽ ra từ “Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Nay con không còn nghi ngờ hối hận”. Mà đầu quyển Thân Tử lãnh giải, Như lai thuật thành và cùng thọ ký cả ba chương, đây chưa phải Thí dụ, mà bỗng ở đây đặt tên ấy; có người chép: Hàng

thượng căn lãnh ngộ, như so với dưới lập phẩm Tín Giải nên lập tên phẩm riêng. Nhưng vì văn ít không đủ làm đề riêng nên nhờ phẩm Thí dụ nói ở đầu. Lại nay nói về Thân Tử cần phải hiểu trước pháp nói mới có thể xin sau thí nói, cho nên sau thí dụ là do trước lãnh giải pháp vì thế lập phẩm Thí Dụ ở trước sự lãnh giải (Phẩm Tín Giải).

“Bấy giờ, Xá-lợi-phất”: đây là trong pháp nói đoạn lớn thứ hai nói hàng thượng căn lãnh giải. Sở dĩ được lãnh giải vì giáo là duyên giáo cho nên nói giáo xứng duyên, duyên là giáo duyên cho nên nói duyên xứng giáo, giáo xứng duyên cho nên từng bệnh cho thuốc, duyên xứng giáo cho nên như pháp uống thuốc, vì vậy nên bậc thượng căn liền lãnh ngộ.

Hỏi: Vì sao các kinh đặc đạo không trình bày lãnh ngộ, giáo này thọ lãnh mà tự trình bày?

Đáp: Vì nghĩa ấy nên các giáo khác nhau, nếu là một loại sao gọi là nhiều bộ. Lại trước Pháp Hoa, Đại thừa Tiểu thừa chia dòng, sau Pháp Hoa ba, một đã hợp, Kinh này đã là Đại tiểu giao hội bắt đầu trái lại ba về một, do nghĩa khó hiểu nên cần thuật lại sự lãnh giải.

Lại, người Tiểu thừa mà tin Đại pháp, tuy nói đã hiểu mà dễ có sai lầm,

Nay muốn tự trình bày xin Phật ấn định cho nên phải thuật giải. Lại tự trình bày lãnh giải tức là giảng nói lại Nhất thừa, khiến hạng chấp mê do đây được hiểu. Nếu bậc thượng căn không trình bày rõ sự lãnh ngộ thì hàng trung căn hạ căn liền cho là không có người đặc giải, giáo thành uống lập, thì thấy bờ mà lui sụt, vì muốn dẫn dắt mê tình nên cần thuật giải. Lại trên Phật tự nói tức là người Đại thừa hóa dẫn Tiểu thừa, nay Thân Tử trình bày ngộ tức là người Tiểu thừa hóa độ Tiểu thừa. Lại văn trên cha giáo hóa con, nay là con hóa độ, do nghĩa bao gồm hai sự giáo hóa nên tin không khó. Lại, người Đại thừa lãnh thọ đại giáo mà ngộ Đại thừa, người Tiểu thừa bảm thọ Tiểu giáo mà ngộ Tiểu thừa, đây đều xứng với lý kia không đủ làm thuật giải, nay bỗng nhiên người Tiểu thừa ngộ Đại thừa, bởi vì giáo ít được nghe cho nên cần thuật giải. Nếu không thuật giải tức chấp nhận nói người Tiểu thừa quyết không thể ngộ Đại thừa, không đặc lý Phật thì lại đồng với kinh xưa tức giáo nay chỉ là giả lập. Lại tự thuật lãnh giải kích thích chúng mê muội khiến họ chuyên tâm tự sách tấn mình, người ấy đã hiểu vì sao ta còn mê ư! Vì nhân duyên đó nên phải tự thuật.

Lại cuối phẩm trên Đức Phật chỉ bày phương pháp mở rộng kinh khuyên bậc thượng căn lãnh giải truyền hóa, nay đã thuật giải thì theo

lời Phật dạy trước. Văn chia làm hai: Văn xuôi và kệ tụng.

I. Văn xuôi lại có hai: Đầu tựa Kinh vui mừng cung kính, kế là phát lời tự thuật lãnh giải. Trước có hai câu: Trong tâm vui mừng và bên ngoài cung kính.

Nói trong tâm vui mừng là vui mừng do tin hiểu mà phát, hiện ra dáng vẻ vui mừng để biểu hiện sự tin hiểu. Thân Tử vui mừng gồm có hai nghĩa:

1) Có điều được trừ bỏ nên vui mừng.

2) Có pháp chứng đắc nên vui mừng.

Vui mừng được trừ bỏ có hai nghĩa:

1) Nghi ngờ tối hậu trước kia được trừ.

2) Nghi hối nay mới trừ, hai việc này đã trừ cho nên hoa hỷ.

Có sở đắc nên vui mừng cũng có hai nghĩa:

1) Nghe trên pháp nói hiểu được điều không hề có nên vui mừng.

2) Nghe trên thọ ký chung ưa thích được thọ ký cho nên vui mừng, hai thứ này đến tột đỉnh sự vui mừng nên gọi là hỗn hỷ. Chú giải kinh rằng: Nghi ngờ lo lắng đã trừ, trong tâm vui mừng, bỗng nhiên phát ra tay chân múa may cho nên gọi là hỗn hỷ.

Hỏi: Luận Thành Thật chép: Không vui không buồn là công đức của La-hán, vì sao nói kinh này La-hán vui mừng?

Đáp: Có người nói La-hán thật không có hỷ tâm vì muốn dẫn dắt chúng sanh nên thị hiện vui mừng. Có người nói vốn y cứ sáu tâm phân rõ Thanh văn Duyên giác, La-hán do là ngoại phạm sao lại không có vui buồn! đây giải thích theo lý, nếu giải thích theo giáo thì ở đây không có luận Thành Thật chép: Buồn vui phải từ tưởng phân biệt sanh, La-hán dứt hết chánh sử không còn chấp hoặc, đâu có vui buồn ư? Mà kinh nói nghĩa này là tâm vui, vừa ý là hỷ ví như nghĩa nói vô lậu quán trí là vận dụng buông xả lạc. Nay nói về Tiểu thừa cho rằng La-hán không có buồn vui, căn cứ Đại thừa nói thì có hỷ. Ví như phàm phu năm dục bất động, Bồ-tát Ca-diếp với âm nhạc thì không thể tự yên.

“Liên đứng dậy chấp tay”: Là hình tướng bên ngoài rất cung kính chuẩn bị muốn tự trình bày lãnh giải. “Chiêm ngưỡng Như lai” là xin làm ấn định cho nên rời chỗ ngồi bày tỏ sự thành kính. Lại trên tức ý nghiệp vui mừng, nay là thân nghiệp cung kính. Chiêm ngưỡng dung nhan: là ngược nhìn tôn nhan của Phật, suy nghĩ đợi thời nên nói.

“Mà bạch Phật rằng”: Phát ngôn tự trình bày lãnh giải, đợi được thời cơ mới dám phát ngôn. Lại trên là thân tâm vui mừng cung kính,

nay thì miệng thuật lãnh giải.

Văn chia làm ba:

- 1) Nêu hỷ.
- 2) Giải thích hỷ.
- 3) Tổng kết hỷ.

Nêu ra có hai câu:

1) Nói lý do được vui mừng. Chính là nói về vui mừng. Nghe tiếng pháp này tức ở phẩm Phương tiện nghe nói đồng trở về Nhất thừa là lý do vì sao đắc giải. “Trong lòng hớn hở” là chính là nói về hỷ. Đã nghe chỗ chưa nghe nên gọi là “được điều không hề có”. “Vì sao?” Là giải thích hỷ, do nghĩa hỷ chưa rõ cho nên phải giải thích vì sao. Văn này có hai phần: 1) Trình bày xưa mê đến nỗi lo lắng.

2) Nói nay hiểu cho nên vui mừng.

Văn đầu lại chia làm hai:

1) Hối tiếc xưa.

2) Nói về nay hiểu cho nên Đại thừa nên hối tiếc, nhận lấy Tiểu thừa nên nghi, nghi hối đã sanh thì trong tâm không vui vì thế phải nói về hai thứ này. Song, nhận lấy Tiểu thừa đã nghi thì mất Đại thừa cũng nghi, mất đại đã hối tức cũng hối hận nhận lấy Tiểu thừa hai nghĩa chung lẫn nhau. “Con xưa theo Phật nghe pháp như thế này”: Là trình bày chung ngày trước nghe pháp. “Thấy các vị Bồ-tát được thọ ký thành Phật”: là nói riêng việc được nghe. Lại trước nói nghe pháp, đây trình bày thấy người, trong một hội có đầy đủ người pháp tức trình bày đầy đủ; nhưng thấy các Bồ-tát được thọ ký thành Phật có thể thông suốt. Trong Đại thừa nói về Bát-nhã trở lên xong đến trước Pháp Hoa đều nói về thọ ký cho Bồ-tát, nhưng trong Ba tạng cũng có nói điều này. Thích luận nói từ đầu đến cuối kinh A-hàm thọ ký đức Di-lặc thành Phật, nói cõi tịnh, người, hoa thân, đức vô lượng, Thân Tử thấy điều này liền sanh tâm hối. “Mà chúng con chẳng dự vào việc đó tự rất cảm thương”, là xót thương cho mình không được dự vào dòng cao quý.

“Mất vô lượng tri kiến của Như lai” trở xuống: là đã mất sự hợp nhau của bạn bè đồng đạo, lại mất quả vô lượng, có khổ nào như thế nên thật đáng thương! “Thế tôn! Con thường khi một mình v.v...”: là nêu nghi xưa tức là Phật ban cho thiên vị làm mất quả Đại thừa được Phật thọ ký nên bừa đổ lỗi cho Phật. “Con thường ở riêng một mình dưới cây trong núi rừng”: Trước nói về khi ở trong hội thấy nghe, đây trình bày ở một mình tư duy thường nghĩ như v.v... chính là nêu ra việc nghi. “Đồng nhập pháp tánh”: pháp tánh tức là thật tướng, Ba thừa đắc

đạo chẳng ai không do pháp tánh này.

Trung luận phẩm Quán Pháp chép: Đắc thật tướng có ba thứ gọi là người Ba thừa. Đại kinh nói Quán Trung đạo có ba thứ đều là việc kia cho nên nói đồng nhập pháp tánh.

Hỏi: Thân Tử nghe pháp tánh chỗ nào mà ngộ ư ?

Đáp: Thân Tử nhập pháp tánh có ba thời:

1) Đầu tiên gặp Át-bệ là nghe pháp Không cho nên nói dứt tâm thông đạt bốn nguyên nên gọi là Sa môn. Bốn nguyên tức pháp tánh. Do nghe đây nói mà đắc pháp nhãn thanh tịnh rồi nhập.

2) Thân Tử đắc Sơ quả rồi sau nghe Phật và Trường Trảo luận nghị vấn hỏi kiến bất nhãn rơi vào thô tế nói các pháp không, Thân Tử nghe lời này liền thành La-hán lại đồng nhập pháp tánh.

3) Từ khi đắc La-hán về sau trải qua nghe Đại Phẩm và các kinh Phương Đẳng đều nói Ba thừa đồng nhập pháp tánh. Cho nên từ đầu đến cuối gồm có ba thời đồng nghe pháp tánh.

“Vì sao đức Như lai dùng pháp Tiểu thừa mà tế độ cho”: đồng nhập pháp tánh nói về sở chứng là đồng; dùng pháp Tiểu thừa mà tế độ cho là nói sở đắc là khác. Thật sự do thấy Pháp tánh có sâu cạn, mà cho rằng Đức Phật thọ ký có Đại Tiểu, không tự xét lỗi mình mà nghi Phật là ban cho có thiên vị.

“Đó là lỗi của chúng con chớ chẳng phải là Thế tôn”: là nói trước nghi hối đã trừ nay được lãnh giải vui mừng. Văn này có hai phần:

1) Nêu ra.

2) Giải thích. Ngày trước không suy xét kỹ vọng đổ lỗi cho Phật, ngày nay lại xét tìm biết lỗi do mình, cho nên nói lỗi tại chúng con chớ chẳng phải Thế tôn.

Vì sao? là giải thích. Gồm có hai câu:

1) Nói về không đợi nói đại nên mất Đại thừa.

2) Tự chấp Tiểu thừa cho nên chứng Tiểu thừa, hai điều này là tự lầm chẳng phải lỗi của Phật. “Nếu chúng con chờ Phật nói pháp sở nhân”: Đợi nghĩa là đợi của phải đợi. Sở nhân là học địa sáu độ các hành, sáu độ các hành đều là nhân để thành cực quả cho nên nói các hành làm sở nhân. Nếu con phải đợi thuyết này thì Như lai sẽ dùng Đại thừa để tế độ cho con vượt qua biển khổ trôi buộc, cho nên chép: “Nếu chúng con đợi nói pháp sở nhân thành đạo Bồ-đề chắc do pháp Đại thừa mà được độ thoát”.

Hỏi: Làm sao biết như vậy ư ?

Đáp: Văn trên nói các người nay phải biết chấp tay một lòng đợi,

sau Đức Phật sẽ xuất định nói pháp. Lại kinh nói đợi chỗ, đợi thời, đợi người chắc là việc thời sau.

“Nhưng chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói pháp”: đây nói về tự chọn Tiểu thừa, nói do ta không hiểu nên tự chấp Tiểu thừa thì lỗi do mình chẳng phải do Phật.

Hỏi: Phương tiện tùy nghi này có gì khác nhau không?

Đáp: Phương tiện là hiển bày pháp chẳng chân thật, tùy nghi là tùy căn cơ thích hợp với người, người pháp khác nhau đều nêu ra. Lại phương tiện cùng tùy nghi hai việc khác nhau: phương tiện là dùng từng bước dần làm nghĩa, như hạng người bầy phương tiện nghĩa là giáo có đại tiểu mà khéo nói pháp tự có từng bước dần dần. Nói Tiểu thừa ứng trước, nói về Đại thừa thích nghi sau, hóa nghi như vậy gọi là tùy nghi, nếu ta hiểu điều này thì nên bỏ Tiểu thừa trước đợi Đại thừa sau, do ta không biết liền cho rằng Tiểu thừa là lý cùng tốt nên tin nhận thủ chứng, làm mất Đại thừa do đó lỗi tại mình.

Hỏi: Là năm người này mới là đầu tiên nghe Phật pháp, làm sao thân tử được gọi là người đầu tiên nghe?

Đáp: Đây là nói ban đầu nghe không phải nói Thân tử là người đầu trong chúng, chỉ Thân Tử vốn học ngoại đạo ban đầu từ Át-bê mới nghe Phật đạo liền chứng Sơ quả, râu tóc rơi rụng liền thành Sa môn.

Hỏi: Luận Thành Thật chép: Lúc nhận y thì có phiền não, nhận lấy y rồi không phiền não, Thân Tử là người đại lợi căn, vì sao không liền thành La-hán mà lại chứng sơ quả ư?

Đáp: Luận Bà-sa chép: Ba-la-mật Thanh văn sẽ trước chứng Sơ quả sau thành A la Hán, vì pháp như. Có người chép: Thân Tử học rộng nghe nhiều, đối với trí tuệ thế tục cao quý hơn đối với trí tuệ nhập đạo yếu kém, cho nên không sánh bằng người thủ y thời có phiền não, thủ y rồi không phiền não.

“Con từ xưa đến nay”: là tổng kết vui mừng. Sắp tổng kết nay vui mừng nên nói lại sự lo buồn trước đây. Từ xưa đến nay con suốt ngày đêm v.v...” đều lặp lại văn hai phần trên, trước đến trong hội sau tư duy riêng, là nói không lúc nào không đúng cho nên nói con từ xưa đến nay suốt ngày đêm thường tự trách mình” đâu có lúc nào vui! “Mà nay được từ Phật nghe pháp không hề có, không hề nghe”, đây chính là nói về hay vui mừng.

Hỏi: Chỉ nên nói hỷ vì sao trước nói lo buồn ư?

Đáp: Thân Tử vui do buồn trừ cho nên sanh vui, trước nghi hối nên sanh buồn lo, nay nghi hối đã dứt nên sanh vui. Lại vì lợi ích chúng sanh

rằng: trước do mê lo là chỉ bày ta đồng với chúng sanh nay ngộ nên vui để dẫn đồng với ta. Lại hai việc này đều vì dẫn dắt chúng sanh. Thân Tử là bậc nhất trong hàng Thanh văn, chấp Tiểu thừa mất Đại thừa đã sanh nghi hối, các La-hán khác đạo kém hơn đâu được chấp trước Tiểu thừa không ưa thích Đại thừa ư!

Hỏi: Nghi hối có chung với xưa nay không?

Đáp: Nghi chung nay xưa, hối chỉ căn cứ xưa, xưa mất đại cho nên hối, nay nói không mất Đại cho nên không hối. Nghi chung xưa nay, xưa do giáo lý cùng nghi, lý đã chỉ một giáo không nên ba. Nay nghi là xưa nay hai giáo cùng nghi. Giáo xưa nói ba nay do đâu nói một, như trong ba phen thỉnh nói.

“Thân ý thơ thối rất được an ổn”: Buồn lo, hối tiếc che tâm do đó không thơ thối, nghi dao động lo lắng nên không an ổn, văn bao gồm hai đây đủ sự hỷ:

1) Xưa nghi hối đã trừ cho nên hỷ.

2) Nay nghi hối trừ cho nên hỷ.

“Chân thật là Phật tử”: nói về Phật tử có hai môn:

1) Tiểu thừa có năm Phật tử gọi là bốn quả và Duyên giác.

2) Đại tiểu hợp nói về năm Phật tử là bốn quả và Bồ-tát pháp thân.

Nay nói chân thật Phật tử, là đối với Tiểu thừa năm hạng Phật tử đều chẳng phải Phật tử chân thật, nay ngộ giải Nhất thừa có thể nối dõi hạt giống Phật mới là chân Phật tử. Kinh Thắng-man có chia ra chân Phật tử, như kia đã giải thích. “Từ miệng Phật sanh”: là nguy đối với Tiểu thừa nói chung, nay Đại thừa là Phật tử chân thật: Từ giáo pháp của Phật sanh Văn tuệ giải nên nói từ miệng Phật sanh. “Từ pháp hóa sanh”: từ lý hóa sanh Tư tuệ giải, “được pháp phần của Phật”: là sanh Tu tuệ giải. Cho nên luận Tỳ-đàm nói Văn tuệ nhất hướng từ giáo sanh, Tư tuệ nhất tướng từ lý sanh, Tư tuệ, hoặc có khi từ lý hoặc có khi từ giáo. Theo văn này hai tuệ Tư, Tu từ lý sanh. Luận Trí Độ chép: Sách ngoại đạo nói Bà-la-môn từ miệng Phạm thiên sanh, nên trong bốn tánh chúng sanh là cao quý nhất. Nay tùy thế tục khen ngợi là từ miệng Phật sanh, Phật là Phạm thiên chân thật thì từ miệng Phật sanh là trên hết. Từ pháp hóa sanh: cũng là mượn dụ khen ngợi, như chư thiên v.v... từ trên đầu gối cha mẹ bỗng nhiên hóa sanh, đối trong bốn loài làm trên hết nay từ pháp tốt cùng mà hóa sanh mới gọi là thắng. Đặng pháp phần của Phật: Đây cũng là phân biệt khen ngợi, nhập Phật pháp có hai người:

1. Tham danh lợi nghĩa là chọn phần tài.
2. Ngộ giải Phật pháp gọi là chọn phần pháp.

Nay đối với trước chấp Tiểu thừa thì không gọi là chọn Phật pháp, nếu chấp Đại thừa thì gọi là chọn Phật pháp, như văn dưới nói không mất phần tri kiến Phật tạng của Như lai tức là việc ấy.

II. Kệ tụng: Trong văn xuôi có ba phần: Nêu ra, giải thích và kết nay tụng phần nêu ra có hai phần:

1) Một hàng rưỡi chánh tụng vui mừng, nửa bài kệ chánh tụng hoan hỷ.

2) Lưỡi nghi đều đã trừ: là giải thích ý vui mừng.

Vui mừng có hai việc:

- 1) Nghi trừ cho nên hỷ.
- 2) Có sở đắc cho nên hỷ.

Chẳng mất Đại thừa: là hiểu trước sở đắc tức là nhân đại cho nên không mất nơi Đại thừa. Lại một câu trước nói về lưỡi nghi trừ, đây nửa hàng nói về hối dứt, nghi hối đã trừ cho nên vui mừng. “Tiếng Phật rất ít có”: là khen ngợi Đức Phật vì hiểu do từ Phật nên khen ngợi. Nửa bài trên khen ngợi Phật năng trừ ưu não của chúng sanh trong ba cõi. “Con đã được hết lậu”: là nửa bài kệ dưới tự Thân Tử không còn phiền hoặc bức não trong ba cõi, chỉ có lo buồn mất Đại thừa, khổ não chấp Tiểu thừa, nay nghe Phật dạy cũng được trừ. Lại nửa bài trên nói giáo xưa có công năng trừ, nửa bài kệ dưới nói nay giáo có dụng bỏ hoặc.

“Con ở hang núi”: Tụng trên giải thích nghĩa vui mừng. Từ đây trở xuống là bài tụng nói Thân Tử ở ba thời trừ bỏ ưu lo, cho nên hỷ:

1) Sau khi đắc đạo nghi hối trừ cho nên hỷ

2) Khi mới đắc đạo chấp kiến nay được trừ nên hỷ

3) Từ nay nghe Pháp Hoa các nghi được trừ nên hỷ, ba đoạn này thâm hết ý từ đầu đến cuối một giáo. Hai thời trước là xưa nghi hối từ mới đắc đạo xong đến trước Pháp Hoa. Kế mới nghi từ khi theo nghe Pháp Hoa bắt đầu sanh.

Hỏi: ba thời này tụng ở văn nào ư?

Đáp: Xưa các Sư chú giải Kinh chỉ đối chiếu văn xuôi để giải thích kệ đều mất ý kệ, nay nói về kệ tụng ý phần lớn giống với trên, so với văn xuôi lại chuyển thành nói pháp nhiều. “Muốn nói lại nghĩa trên” là tụng phần đầu văn nghi hối bên trên kể một bài tụng văn ở trên là nghe Phật pháp gặp liền tin nhận. Tụng văn trên: “mà nay theo Phật nghe điều không hề nghe pháp không hề có” trở đi.

Phần đầu có ba ý:

- 1) Tụng trên mất Đại cho nên hối.
- 2) Tụng sau khi hối tiếc sanh nghi là mất Đại hay không.
- 3) Nói về nghi hối đều trừ.

Ý một lại có hai:

- 1) Nói về ở một mình tư duy hối tiếc.
- 2) Nói về tại hội thấy nghe cho nên hối.

Cùng trong văn xuôi dịch cũng là chuyển thế nói pháp muốn nói về nghi không dừng nơi một hội, tư duy không dừng một thời do đó xen lẫn trước sau để nêu. “Ta ở trong hang núi”: Nửa bài tụng nói về chỗ hối. “Hoặc ngồi hoặc kinh hành”: Nửa bài tụng nói về thời hối. “Than ôi! rất tự trách v.v...”: chính là nói lời hối tức là thật tình rất hối hận là nêu chung lời tự xót thương tự than thở, tự làm tự lầm cho nên nói tự đối mình. “Chúng ta cũng Phật tử”: là nói riêng việc tự cảm thương. “Đồng vào pháp vô lậu”: Tụng văn xuôi nói đồng vào pháp tánh. Vô lậu: là pháp tánh vô vi vô lậu. Lại văn xuôi nói về pháp tánh nêu cảnh, nay nói về vô lậu là nêu trí, chẳng trí thì không cảnh, chẳng cảnh thì không trí, xen lẫn cùng nhau thành cho nên trước sau có hai thuyết. “Chẳng được ở vị lai v.v...”: Trên nói về cảnh kia đồng, nay thương xót đương quả khác. Đây nửa bài kệ nói về mất quả hóa tha. “Sắc vàng ba mươi hai tướng v.v...”: hai bài kệ nói về mất quả tự đức. Lại ở trên nói miệng mật đức, nay là hai mật đức thân và ý.

Hai bài kệ có khác: Kệ đầu nói hai pháp thân sanh thân của Phật Tiểu thừa, kệ kế là nêu hai thân sanh pháp thân của Phật Đại thừa, làm sao biết như vậy? Luận Trí Độ chép: Trong Tiểu thừa sanh thân không nói tám mươi vẻ đẹp, trong pháp thân không nói mười tám pháp bất cộng, nay dùng Đại tiểu làm so sánh nói về Thân Tử đều mất. Lại ban đầu nêu ba mươi hai tướng là ngoài, mười lực làm trong, lược khen ngợi hai đức trong ngoài của Phật. Kế kệ nêu tám mươi vẻ đẹp làm ngoài, mười tám pháp bất cộng làm trong khen ngợi rộng đức trong ngoài của Phật, lấy rộng lược làm so sánh cho nên hai kệ khác nhau. “Đồng chung trong một pháp mà chẳng được việc đây”: hoặc nói đồng trong một pháp tánh Phật, hoặc nói đồng trong một pháp tánh, cho nên nói đồng chung trong một pháp. Sở dĩ nêu đồng là nói về rất hối hận, nếu sở hành có khác, sở đắc cũng khác thì không hối, bởi sở nhập là đồng, sở đắc là khác cho nên hối. Trong đây tụng văn xuôi nói “mất vô lượng tri kiến của Như lai”.

Hỏi: Văn xuôi nói về thấy các Bồ-tát được thọ ký thành Phật nên sanh hối, đây là nói trong sự sanh hối, kế là nói về đồng nhập pháp tánh

vì sao đức Như lai dùng pháp Tiểu thừa mà cứu giúp cho, đây là nói về đối lý sanh nghi, nay kệ tụng nói về đồng nhập pháp tánh mà mất Đức quả Phật, đây căn cứ trong lý sanh hối, vì sao như vậy ư ?

Đáp: Lý sự đều được sanh nghi hối chỉ kệ và văn xuôi xen lẫn hiện văn.

“Lúc con kinh, hành riêng”: Đây tụng trong văn xuôi tại hội thấy nghe đều hối kể là phần kệ trên nói về tự mất quả đức, nay nói về mất quả “danh đồn khắp”. Trước nói ba mật nên gọi là quả đức, nay nói danh đồn khắp mười phương gọi là quả danh đồn khắp, lại trước nói mất đức mạnh ở trên cho nên không thể ở đời vị lại giảng nói đạo vô thượng, nay nói mất khả năng lợi ở dưới cho nên nói rộng làm lợi ích chúng sanh, vì vậy nên khác.

Hỏi: Đã nói con thường kinh hành riêng thì vì sao lại nói thấy Phật ở trong chúng?

Đáp: Có người nói đây là nêu chung trên riêng kinh hành cho đến dưới ở hội nói về hai nơi mất các đức cao quý. Có người nói Thân Tử không ở trong hội Phật chỉ xa thấy Phật ở trong hội cho nên tự thương xót mình.

“Tự nghĩ mất lợi này, chính con tự lừa dối”: là từ than ôi! Rất tự trách vì sao mà tự lừa dối, là nói nghĩa tự xót thương. “Chúng con cũng Phật tử”: là giải thích nghĩa tự xót thương, nay nửa bài kệ là tổng kết tự xót thương. “Con thường trong ngày đêm”: là từ trước đến nay đều tụng hối xưa, hai bài kệ này là tụng hối sau sanh nghi, hai bài kệ chia làm hai: Kệ ở một mình sanh nghi, kể ở trong hội sanh nghi. Trên hối ở riêng mình cùng hai thời trong hội, nay nghi cũng. Lại ở riêng sanh nghi nghi mất quả đức, trong hội sanh nghi nghi mất nhân hành, sự nghi tuy nhiều mà không ra ngoài hai điều này.

Hỏi: Thân Tử đã thấy lý đồng mà giáo khác là đã biết đồng quy nên nói đồng hay chưa biết đồng quy mà nói đồng?

Đáp: Pháp Sư Diêu chú giải rằng: Đã thấy lý đồng quy, chỉ dùng lý nghi giáo dùng giáo nghi lý xen lẫn suy tìm do đó sanh nghi, thuận lý mà suy tìm giáo thì không nên có Ba thừa, căn cứ giáo mà nói lý thì không nên có Nhất thừa, cho nên sợ hãi giữa giáo và lý. Các Sư đều đồng nói như thế. Nay cho rằng không đúng, nếu Thân Tử lợi căn sâu biết lý đồng giáo khác cũng nên suy xét kỹ lý thật giáo quyền, biết lý là thật phân biệt giáo là quyền, quyền thật vì sao khó biết, đồng khác mà nói dễ biết.

Lại hỏi đã biết lý một giáo ba chưa nói Pháp Hoa chấp căn đã

động, nói lược lại động chấp gì? Lại nếu đã biết lý một giáo ba dưới vì sao nói ban đầu nghe Phật nói trong tâm sẽ kinh nghi, nếu vậy chỉ có xưa kinh sự lại không có nay mới sợ. Diêu Công chép: Ban đầu nghe Phật nói trong tâm rất kinh nghi, ban đầu nghe ba phen xin trước nói nhất định biết lý một, vì giáo mê hoặc lý nghi này liền dứt lại kinh nghi: xưa vì sao Đức Phật trái lý nói ba, do có người dùng lý mê hoặc giáo, từ văn chính là nói trở đi nghi thứ hai liền dứt thì khó. Nói rằng việc đó cũng không đúng. Văn ba phen xin mới là chấp động nghi sanh, thật ra chưa dứt. Lại văn mới nghi nói chung về ba, một trái nhau xưa nay mâu thuẫn, cũng không thiên chủ dùng lý mê hoặc giáo. Nay giải thích vì biết lý pháp tánh Khác nhau, chẳng phải biết lý Nhất thừa đồng. Đại Phẩm và văn này tự rõ ràng. Do thể pháp tánh đồng cho nên quả Ba thừa có khác, dùng lý mê hoặc giáo, dùng giáo mê hoặc lý, từ giáo mà quán lẽ ra là mãi mãi mất, từ lý mà quán lẽ ra còn không mất, vì thế ý buồn bã dùng dằng do dự không quyết định, cho nên nói mất hay không mất.

Kệ kệ: thấy Phật tán dương Bồ-tát còn có trông mong dòm ngó, chưa biết là mãi mãi trụ Thanh Văn hay cũng thành Bồ-tát cho nên chép: “Vì thế nên ngày đêm, suy lường việc như thế”.

“Nay nghe tiếng Phật chép: là từ trước đến nay đều là nói trước hai nghi hai hối, cho nên buồn, một bài kệ đây nghe giáo nay nghi hối được dứt cho nên tin hiểu. Nửa bài kệ trên lãnh giải mở cửa phương tiện, nửa bài kệ dưới lãnh giải hiển nghĩa chân thật, do lãnh giải hai nghĩa này cho nên nghi hối liền dứt. “Vô lậu khó nghĩ bàn khiến chúng đến đạo tràng”: Ba thừa vô lậu, theo giáo mà nói đều trú nơi ba quả, luận cho cùng đều quy về thành Phật. Nói ba đến ba có thể là nghĩ bàn nay nói Ba thừa vô lậu chính là hợp đồng trở về đạo tràng, cho nên nói không thể nghĩ bàn.

“Con xưa chấp tà kiến, làm thầy các Phạm chí”: là bài tụng khi mới đắc đạo tâm chấp dứt trừ cho nên vui.

Hỏi: Vì sao không trước tụng khi mới đắc đạo kiến chấp được dứt trừ ư?

Đáp: Đắc đạo về sau thấy nghe việc cao quý, nghi mất quả Phật do đó sanh buồn lo; nay biết không mất cho nên vui mừng do đó tụng trước, còn khi mới đắc đạo chưa lo mất quả, thì không có vui như ngày nay nên không trước tụng. Chỉ sau nghi hối do ban đầu chấp chặt cho nên nêu chấp tình giải thích lý do trên nghi hối. Nửa bài kệ đầu Thân Tử tự trình bày: “Con xưa chấp tà kiến”: Thân Tử xưa làm đệ tử ngoại

đạo San Xà Dạ. “Làm thầy các Phạm chí”: San Xà Dạ qua đời giao lại hai trăm năm mươi môn đồ cho Thân tử làm thầy các Phạm chí. “Thế tôn biết tâm con”: Nửa bài kệ trình bày Phật trao cho pháp Tiểu thừa. Luận Trí Độ chép: Át Bễ sắp vào thành Xá-vệ khát thực, Phật dạy nay nếu ông thấy người phi thường thì chớ nói rộng pháp, tức là Thế tôn biết tâm kia. “Trừ tà nói Niết-bàn”: Át Bễ nói kệ rằng: “Các pháp do duyên sanh, pháp ấy do duyên tận, Thấy ta Đại thánh chủ, nói nghĩa ấy như vậy”. Kệ này nói về ba đế: Các pháp nhân duyên sanh gọi là khổ đế, pháp duyên ấy gọi là tập đế và tận gọi là diệt đế, tuy có ba đế mà chính là nói về diệt đế Niết-bàn, cho nên chép: trừ tà nói Niết-bàn.

“Con trừ hết tà kiến v.v...”: Một hàng trình bày xưa ngộ Tiểu thừa. Nửa bài kệ trên nói về Thân Tử dứt tà kiến đắc sơ quả, nửa bài kệ dưới nói về Thân Tử nghe Trường Trao luận nghị thì đắc quả La-hán, cho nên trong tà có hai thời, trong chánh cũng hai thời. “Mà nay mới tự biết, chẳng phải thiết diệt độ v.v...”: Trên là nói chấp mê, nay trình bày đắc ngộ. “Nếu khi được thành Phật”: Nửa bài kệ trước nêu lãnh giải biết mê tức lãnh mở cửa phương tiện. Nay lãnh giải nói lên nghĩa chân thật. Đã biết trước diệt chưa tột cùng thì biết sẽ có chỗ cùng cực cho nên chép: “Bây giờ, mới được nói dứt hẳn hết không dư”. “Phật ở trong Đại chúng v.v...”: một bài kệ khen ngợi Phật, tức trình bày lý do ngộ giải. Khi mới nghe Phật chép: là tụng mới nghi đã trừ cho nên vui. Hai phần trước đều là xưa nghi hối trừ cho nên vui.

Y cứ văn có ba:

- 1) Kệ thuật lại nghi mới
- 2) Nói về nghi trừ
- 3) Thân Tử tự hối lỗi.

Ban đầu nghe Phật nói, nghĩa là mới nghe lược bỏ ba bày một động chấp sanh nghi lời Phật nói. “Trong lòng rất sợ nghi”, bắt đầu khai tông động chấp sanh nghi. “Phải chăng ma giả Phật”: Tâm đã sanh nghi bấy giờ trong lòng ngấm cho rằng Phật là ma, vì sao? Vì ma có tánh có mà nói không, không mà nói có, một mà nói ba, ba mà nói một, cho nên giống như ma đối luận. “Não loạn lòng ta ư?” Câu trên là hình loạn câu dưới là giáo loạn.

Hỏi: Nghi mới và nghi cũ có gì khác nhau?

Đáp: Trước nghi chỉ y cứ chánh sanh nghi, mới nghi là tà chánh hợp sanh nghi. Trước nghi y cứ chánh sanh nghi: Trước nói về lý giáo đều là Phật pháp, mà dùng lý giáo xen nhau nghi cho nên gọi trong chánh sanh nghi. Nay tà chánh hợp sanh nghi; Thân Tử cho rằng giáo

Ba thừa trước là Phật nói Nhất thừa giáo này là ma nói, cho nên nói tà chánh hợp sanh nghi. Vì dứt nghi trước nên biết Đại thừa là thật, Tiểu thừa là quyền, vì dứt nghi nay nên biết Nhất thừa là chính là nói chẳng phải tà nói. Vì thế chương trước chọn Nhất thừa là thật chẳng phải quyền cho nên khác với Tiểu thừa, chương này chọn Nhất thừa là chính là nói chẳng phải tà nói. Do trừ hai nghi này thì tất cả nghi dứt, nghĩa Nhất thừa tròn đầy.

“Phật dùng các thứ duyên”: là nói về nghi trừ. Văn chia làm hai: Bốn bài kệ đầu chính là nói nghi trừ. Kế một bài kệ là tổng kết tà chánh. Bốn bài kệ chia làm ba:

- 1) Một bài lãnh văn xuôi tự khai tông nói
- 2) Hai bài lãnh văn xuôi dẫn chứng môn nói
- 3) Một bài lãnh trên thuận đồng môn nói.

Nửa bài kệ đầu chính là lãnh giải Phật nói giáo, nửa bài kệ sau nói nghi trừ. “Lòng kia an như biển”: Xét rằng hư sắc giả dối, thì tâm thần nóng nảy, mà nay an định yên tĩnh thì biết chẳng phải ma. An là an như núi rộng như biển, tâm thần đã đồng núi biển thì biết chẳng phải ma nên nghi dứt. Thân Tử nghe ban đầu tự khai tông nói liền lãnh ngộ, kế hai bài kệ dẫn chứng như văn. “Như Thế tôn ngày nay”: là lãnh giải thuận đồng với Chư Phật.

Hỏi: Chỉ nên nói đức Thích-ca cũng bỏ ba bày một, vì sao nêu cả từ sơ sanh, xuất gia, đắc đạo, nói pháp ư ?

Đáp: Sở dĩ mê nên nói bốn việc này, tức tìm lại sự tích là do từ xưa đến nay từ đầu đến cuối đều là một Đức Phật, cho nên biết chẳng phải ma mê hoặc loạn. Lại nữa Thân Tử chẳng những ngộ giải Ba thừa phương tiện nhất thừa chân thật, cũng biết từ mới sanh nói pháp đều là phương tiện, vì sao? Vì đạo lý chỉ có một mà phương tiện nói ba cũng là đạo lý vô sanh mà phương tiện nói sanh, xuất gia đắc đạo nghĩa cũng vậy.

Hỏi: Chưa nói tuổi thọ làm sao lãnh giải được ứng thân chân thật?

Đáp: Dựa theo tích mà chép: Thân Tử lợi căn nghe một biết hai, đã hiểu giáo quyền thật tức lãnh giải ứng thân chân thật. Nếu căn cứ bốn giải thích, Thân Tử đã là Đại thừa, phương tiện giúp Phật giảng nói giáo hóa, trước lãnh giải giáo quyền thật khiến chúng bỏ Ba thừa ngộ Nhất thừa nói lược ra ứng thân chân thật cũng khiến chúng không chấp tích mê bốn.

“Thế tôn nói đạo thật v.v...”: là tổng kết tà chánh. Sở dĩ kết chánh

là khiến chúng biết Nhất thừa là Phật nói chẳng phải ma nói. Nửa bài kệ trên nói về Phật có thật, ma không thật, tức phân biệt có không; nửa bài kệ dưới kết đúng sai. “Con rơi vào lưới nghi”: Nửa bài kệ này dẫn Thân Tử hối lỗi và tự trách mình.

Nghe tiếng Phật êm dịu v.v... Đây tụng văn xuôi kết thúc vui mừng. Văn có ba:

- 1) Ba câu đầu khen ngợi Phật.
- 2) Ba câu kế nói về vui mừng.
- 3) Một bài kệ sau nói về tự vui mừng.

Ba câu khen ngợi Phật: hai câu đầu khen ngợi âm thanh năng tuyên bày, một câu sau nêu pháp sở nói. Ba câu nói vui mừng: Một câu đầu chính nói về vui mừng, hai câu kế nêu được lia dùng giải thích vui mừng. Một bài sau nêu tự vui mừng: Hai câu đầu nêu thành Phật sanh phước cho chúng sanh, hai câu sau nêu nói pháp sanh tuệ cho chúng sanh.

“Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất v.v...” là nói về Như lai thuật thành, thuật thành sự lãnh giải đó là sai lầm. Lại Đức Phật sắp thọ ký cho kia, còn sợ chúng nghi rằng: nếu hành đại nhân có thể đắc đại quả, thì Thân Tử đã tu tiểu hành liền được thành Phật, há chẳng phải nhân tiểu mà quả Đại? Muốn dứt nghi này cho nên thuật lại việc trước kia Thân Tử tu hành, nói về tu nhân đã chứa nhóm liền được đại quả nên không còn nghi ngờ. Lại, Thân Tử xưa học Tiểu thừa nay liền ngộ Đại thừa, đây cũng đáng nghi, vì sao Vì các Kinh Đại thừa đều khiến Nhị thừa sợ hãi, người Nhị thừa, liền được thọ ký thành Phật, tức rơi vào Nhị địa có gì sợ ư!! Vì vậy nên giải thích rằng: Thân Tử từ lâu tu tuệ Phật cho nên được ngộ giải, nếu thật chứng Tiểu thừa thì khó ngộ đại đạo cho nên Thích luận chép: La-hán sanh về ở tịnh độ, chậm lụt ở Phật đạo, quanh co, lưu lại, không như Bồ-tát chẳng đến: cho nên các kinh Đại thừa khiến Nhị thừa sợ hãi.

Văn có hai: Nói về trong đại chúng giảng nói: Phật nói riêng mình xưa dạy quyền dẫn dụ các việc, nay khai mật tạng nghĩa như cùng sáng tỏ, do đó bảo đại chúng. Lại thọ ký có bốn thứ sẽ muốn hiện tiền thọ ký khiến mình và người đều biết cho nên bảo đại chúng. Lại Thân Tử trước hành nhân Đại thừa hiện tại ngộ Đại thừa vị lai thành Phật, cũng khiến đại chúng hiện tại tu nhân, vị lai thành Phật, cho nên bảo với chúng.

“Ta xưa từng ở chỗ hai muôn ức Phật”: Là thuật lại nhân trước. Văn nói về Thân Tử từ đầu đến cuối gồm có ba thời, thời đầu quá khứ học Đại thừa, thời giữa nhận lấy Tiểu thừa và thời thứ ba nay lại vì nói

Đại thừa. Thời quá khứ học Đại thừa: Là ở chỗ hai muôn ức Phật tu học Đại thừa. “Ông cũng từng đêm dài thọ học với ta”: Trên nói về giáo bị duyên, nay nói về duyên thọ giáo; thế gian có một đêm ngủ gọi là đêm ngắn. Có một ngày thức thì gọi là ngày ngắn, cũng có vô minh tối tăm, ngủ gọi là đêm dài, sáng suốt đại ngộ gọi là ngày dài. “Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sanh vào pháp ta v.v...”: Trước nói về ở chỗ hai muôn ức Phật mà giáo hóa, nay giải thích Thân Tử đắc thọ học trong Phật pháp của đức Thích-ca. “Xá-lợi-phất v.v...” là nói về lúc trước Thân Tử học Đại thừa. Nay nói giữa đường bỏ Đại thừa chấp Tiểu thừa. Câu đầu nói về bỏ Đại. “Mà tự nói đã được diệt độ”: là nói chấp Tiểu thừa. Luận Trí Độ chép: Thân Tử do bố thí mất nên không thể vượt qua việc bố thí cho nên bỏ Đại chấp tiểu. “nay ta lại muốn khiến ông nhớ nghĩ v.v...” là nói về nay là thời nói Đại thừa. Ban đầu nhớ nghĩ bốn nguyện gọi là tâm Bồ-đề, “đạo đã làm” gọi là hạnh Bồ-tát, muốn cho Thanh Văn nối kế tâm Bồ-đề lại tu hạnh Bồ-tát cho nên nói kinh Pháp Hoa. Pháp Hoa gọi là pháp giáo Bồ-tát, khiến hàng Thanh Văn phát tâm Đại tu hành Đại thừa.

Hỏi: Nói Pháp Hoa chung cho năm thừa, vì sao nói nghiêng về giáo Thanh Văn?

Đáp: ba châu nói pháp chính vì Thanh Văn bên cạnh có cả bốn thừa. Luận Trí Độ chép: Kinh Pháp Hoa là giáo bí mật, nói A la hán được thọ ký thành Phật, vì sao? Vì Thanh Văn không biết có Nhất thừa, không có Ba thừa, Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật. Nay chính vì đối lại nên có thiên vị.

“Ông đến đời vị lai v.v...” là nói về Thân Tử được thọ ký.

Hỏi: Vì sao mà hàng Thanh Văn được thọ ký?

Đáp: Lược nói về sáu nghĩa:

1) Chứng minh thuật sự tin hiểu của mình là hiểu như thật, nếu không thật thì không được thọ ký do hiểu nên được thọ ký, cho nên văn dưới chép: nay ta không còn nghi tự thân đối trước Phật đắc thọ ký Ba Bồ-đề.

2) Nói thọ ký tức là lặp lại nói gom ba về một, vì Thanh Văn thành Phật tức biết Phật thừa là thật. Phật thừa đã thật thì Thanh Văn là quyền.

3) Dùng đây dẫn dắt chúng sanh, nói về có tín tâm cho nên liền được thọ ký, muốn được thọ ký nên sanh tín tâm.

4) Muốn cho Thân Tử ưa thích quả hành nhân.

5) Văn dưới nói trời rồng tám bộ cho đến nói người trung căn hạ

căn đều nhờ được thọ ký và thành tựu tin ý chỉ quy về Nhất thừa cho nên được thọ ký.

6) Phát chí nguyện chúng sanh vãng sanh Tịnh độ, đã ở Tịnh độ thành Phật đều nguyện tùy theo vãng sanh.

Hỏi: Thân Tử dẫn người nào sanh Tịnh độ ư?

Đáp: Thân Tử là chỗ y chỉ của bảy chúng, đại sư của bát bộ, Sư đã ở Tịnh độ thành Phật quyến thuộc đều nguyện vãng sanh. Nhưng Thân Tử dẫn chúng sanh gồm có ba thời:

- 1) Từ ngoại đạo dẫn vào Phật pháp.
- 2) Từ Tiểu thừa dẫn vào Đại thừa.
- 3) Từ uế độ dẫn đến Tịnh độ.

Hỏi: Thọ ký Thanh Văn và Bồ-tát có gì khác nhau?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Thọ ký cho Thanh Văn giúp Thanh Văn được tâm quyết định, chẳng phải cho rằng Thanh Văn thành tựu pháp tánh, do pháp thân Như lai và pháp thân Thanh Văn không khác cho nên được thọ ký; chẳng phải liền đầy đủ công đức tu hành, Bồ-tát đầy đủ công đức nên được thọ ký.

Văn chia làm hai:

- 1) Nói về thọ ký cho bậc thượng căn
- 2) Nói đại chúng vui mừng cúng dường khen ngợi.

Đầu lại có hai: Trước văn xuôi kể là kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai:

- 1) Nêu hành nhân.
- 2) Nêu đặc quả. Hành nhân nghĩa là hành nhân ba đời. Trước văn xuôi ban đầu nói về hai muôn ức Phật, tức gọi là quá khứ tu nhân. Kế nói “nay ta lại muốn ông nhớ nghĩ bốn nguyện v.v...” là nói về tu nhân hiện tại, nay văn nói về tu nhân vị lai.

Văn chia làm hai:

- 1) Nói về thời gian tu nhân.
- 2) Chính là nói tu nhân.

Kinh Niết-bàn chép: Có một Chiên-đà-la phát tâm ở kiếp hiện này thành Phật, còn Thân Tử nói vô lượng kiếp thành Phật là căn cứ giáo thì xa gần thích nghi, căn cứ ngộ vô sanh cũng xa gần tùy ý, do ngộ vô sanh nên không thấy tướng lâu mau xa gần khác nhau, cũng không thấy thành, không thành khác nhau. Cho nên kinh nói vô lượng kiếp trong một niệm, một niệm trong vô lượng kiếp, không đến, không chứa nhóm mà hiện việc các kiếp thì biết việc lâu mau xa gần không hai cũng không hề có xa gần v.v... Như Đại Phẩm chép: “Sanh tử đường

dài, chúng sanh nhiều tánh Bồ-tát nên chánh nhớ nghĩ như thế; ranh giới sanh tử như hư không, ranh giới tánh chúng sanh cũng như hư không, trong đó không có sanh tử qua lại, cũng không có giải thoát cho nên xa gần, chẳng xa gần.

“Cúng dường bao nhiêu Đức Phật” v.v... là nói về tu nhân. Ban đầu nói cúng dường Phật gieo trồng phước, vâng giữ chánh pháp để tu tuệ, đầy đủ đạo tu hành của Bồ-tát là tổng kết hành thành.

Sẽ được thành Phật, v.v... trở xuống: là nói đặc quả, gồm có tám quả:

1. Quả hóa chủ.
2. Quả cõi nước.
3. Quả giáo môn.
4. Quả thời gian.
5. Quả quyền thuộc.
6. Quả tuổi thọ.
7. Quả nối dõi.
8. Quả trú trì.

1. *Hiệu là Hoa Quang*: hoặc có thể từ thời, sự để lập danh, như luận Trí Độ giải thích Phẩm vãng sanh nói về ba trăm Tỳ-kheo cõi y trên cúng dường Phật, đưa cao tay lên là tướng được thành Phật thì gọi là Đại tướng. Lại ngàn thiên tử thấy cõi Phật trang nghiêm mà phát tâm tịnh độ được thọ ký hiệu là Phật Trang Nghiêm Vương. Lại phẩm giải thích tướng lữi chép: mười muôn ức người thấy Bồ-tát trong mười phương đến cúng dường hoa mà phát tâm nên được thọ ký, cho nên kiếp tên là Hoa Tích, Phật hiệu là Giác Hoa, như thế đều là do thời sự mà đặt tên Phật, Thân Tử nghe kinh Pháp Hoa lãnh ngộ đầu tiên cho nên được Phật gọi là Hoa Quang, Hoa là Pháp Hoa, Quang là tin hiểu, cảnh trí hợp gọi là hiệu Hoa Quang.

Hỏi: Người Ba căn Thanh Văn lãnh ngộ Pháp Hoa đều gọi là Hoa Quang ư?

Đáp: Thân Tử ban đầu được ngộ cho nên được tên Hoa Quang, cũng giống như A-nhã Kiều-trần-như ban đầu ngộ không mà phát sanh trí tuệ, các vị khác ngộ sau được danh hiệu khác.

Hỏi: Các kinh thọ ký vì sao chỉ thọ ký cho ứng thân mà không thọ ký pháp thân ư?

Đáp: Thọ ký cho ứng thân tức là thọ ký cho pháp thân, tu nhân đã mãn liền chứng pháp thân mới có thể dùng bốn thù tích giá sanh cõi nước tịnh uế thành Phật hóa độ chúng sanh, chỉ pháp thân như hư không

chẳng ở đâu không đến, dẫn vật bất tiện nên không thọ ký pháp thân, ứng thân có cõi nước đồ chúng, hóa chủ giáo môn dẫn vật thuận tiện cho nên thọ ký.

2. *Nước tên Ly cấu* v.v... là nói về quả cõi nước. Nhưng quốc độ không hề tịnh uế do tâm chúng sanh tịnh uế nên có cõi tịnh uế, Thân Tử ngày trước không có tâm uế của phàm phu, nay ngộ Nhất thừa sau lia cấu Nhị thừa đã lia hai cấu Thánh phàm nên khi thành Phật đặt tên là cõi nước Ly cấu. Căn cứ mê nên gọi là cấu, ngộ nên gọi là tịnh. “Cõi đó bằng phẳng”: Trên nêu danh cõi, nay nêu thể của cõi. Văn có hai:

1) Nói chung về thể của cõi.

2) Nói riêng về chỗ đất trang nghiêm.

Nói chung trong thể của cõi có hai:

1) Trước nói thể của cõi.

2) Nói về người vật.

Lìa cao thấp nên gọi là bằng, chẳng nhọn cong gọi là thẳng, không uế ác gọi là thanh tịnh, có các báu gọi là nghiêm sức. “An ổn v.v...” trở xuống là nói về người vật, lìa kiếp binh đao gọi là an ổn, lìa kiếp đói kém gọi là giàu vui, lìa kiếp tật bệnh gọi là khỏe khoắn. Đất bằng lưu ly: là nói riêng về đất trang nghiêm. Có tám đường giao thông: là nói riêng đường xá trang nghiêm. Văn này từ rộng đến hẹp gồm có ba câu: Ban đầu nói chung cõi, kế nêu đất, sau nêu đường xá.

3. *Hoa Quang Như lai* cũng dùng giáo Ba thừa hóa chúng sanh: là nói về quả giáo môn. Do bốn nguyện cho nên nói Ba thừa, đây là giải thích nghi. Phẩm Phương Tiện nói. Chư Phật xuất hiện đời ác năm trước cho nên nói Ba thừa, Thân Tử nay xuất hiện ở cõi tịnh độ vì sao cũng nói Ba thừa! Do đó giải thích rằng: Đức Phật kia xuất hiện tuy chẳng phải đời ác, nhưng do bốn nguyện nên nói pháp Ba thừa, đức Thích-ca xuất thế cõi uế cho nên nói Ba thừa, Thân Tử do bốn nguyện nên nói Ba thừa là đều có lý do.

Hỏi: Vì sao Thân Tử do bốn nguyện nói Ba thừa?

Đáp: Thân Tử đối Ba thừa đặc ngộ Nhất thừa lại học theo đức Thích-ca nên lập bày giáo hóa này.

Hỏi: Ở Tịnh độ có nói Ba thừa hóa độ Ba thừa chúng sanh hay không?

Đáp: Có thể đủ hai nghĩa:

1. Vì mang Ba thừa duyên nói Ba giáo, chúng sanh từ trước từng ở cõi uế, bị ràng buộc các khổ cho nên nguyện dứt trừ mà tánh không thể trở lại, tuy sanh cõi tịnh mà xứng với bốn tánh kia vì nói Ba thừa, như

chán cõi uế của đức Thích-ca sanh cõi tịnh của đức Di-lặc uế tâm tuy đổi mà tánh Ba thừa không đổi, cho nên đức Di-lặc xuất hiện ở Tịnh độ cũng nói Ba thừa,

2. Cõi nước Thân Tử tuy không có ba duyên chỉ vì Bồ-tát truyền hóa các phương khác cho nên nói giáo Ba thừa, tuy có hai nghĩa mà dùng nghĩa sau làm chánh, cho nên đoạn sau chỉ nêu Bồ-tát không có chúng Ba thừa.

4. “*Kiếp kia gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm v.v...*” là nói về quả thời gian: Như kiếp của đức Thích-ca gọi là kiếp Hiền, hiền là thiện. Trong kiếp này có một ngàn Đức Phật thiện nhân xuất thế, từ hóa chủ đặt tên nên gọi là kiếp hiền, nay từ sở hóa Bồ-tát thọ xưa, cho nên gọi là Đại Bảo. Không dùng châu báu làm quý giá chỉ dùng hiền triết làm vật báu.

5. “*Các Bồ-tát đó v.v...*” Nêu quả quyển thuộc. Ban đầu nêu số Bồ-tát. “*Nếu khi muốn đi thì có bông đỡ chân v.v...*” là khen ngợi công đức Bồ-tát. “*Các bậc Bồ-tát như vậy khắp đầy nước đó: là tổng kết chúng Bồ-tát.*”

6. “*Xá-lợi-phất! Đức Phật Hoa Quang v.v...*” là nói quả tuổi thọ. “*Trừ lúc còn làm vương tử chưa thành Phật*”: Như Đức Phật Thích-ca hoặc đạo tục hiệp luận thì tám mươi năm, hoặc luận tuổi thọ Phật chỉ có năm mươi, nay cũng vậy.

Hỏi: Vì sao cõi uế độ tuổi thọ Đức Phật ngắn, tuổi thọ của người dài, ở cõi Tịnh tuổi thọ của Phật dài, tuổi thọ của người ngắn?

Đáp: Tuổi thọ của Phật dài ngắn không có sự nhất định, chỉ vì cõi uế cảm nghiệp Phật yếu nên tuổi thọ Phật ngắn, cảm nghiệp sanh tử mạnh nên tuổi thọ của người dài, cõi Tịnh cảm nghiệp Phật mạnh nên tuổi thọ của Đức Phật dài, cảm nghiệp sanh tử yếu nên tuổi thọ của người ngắn.

7. “*Đức Hoa Quang Như lai quá mười hai tiểu kiếp v.v...*” là nói quả nối dõi. Đây là vui vãng sanh. Hoa Quang tuy diệt độ mà Kiên Mãn nối kế thì các Đức Phật kế kế nhau truyền thừa, đâu thể không nguyện vãng sanh ư? Hiệu là Hoa Túc An Hành Như lai v.v... là hoa báu đỡ chân an vui mà đi. Cõi nước của Đức Phật đó cũng giống như vậy: Tuy có khác Phật hưng thịnh đời mà tịnh độ không thay đổi cũng là tâm vui vãng sanh.

8. “*Sau khi Phật Hoa Quang diệt độ v.v...*” là nói về quả trú trì. Đại luận chép: Phật pháp gồm có bốn thời:

1) Thời Phật tại thế.

2) Đức Phật tuy cách đời mà phép tắc chưa thay đổi gọi là chánh pháp.

3) Đức Phật cách đời lâu, đạo hóa lầm giải thay vào gọi là thời tượng pháp.

4) Chuyển về cuối yếu kém gọi là thời Mạt pháp. Nay chỉ nêu ba thời nhiếp mạt thuộc về tượng pháp.

Hỏi: Đã là tịnh độ vì sao có Tiểu kiếp khởi ư?

Đáp: Nay chỉ nêu thời gian ít hơn đại kiếp không phải ba tai tiểu kiếp.

Kệ tụng chia làm hai:

1) Chánh tụng thọ ký.

2) Giải thích ý thọ ký.

- Căn cứ đầu chia làm ba:

1) Nói chung thọ ký.

2) Giải thích.

3) Tổng kết.

Nói chung như văn. “Cúng dường vô số v.v...” là giải thích. Một bài trên là tụng hành nhân. Kế tám hàng tụng nói về đặc quả. Trong đặc quả: nửa bài tụng đầu là quả thời gian, một hàng rưỡi tụng là quả thế giới, hai hàng tụng quả quyền thuộc, một hàng tụng quả hóa chủ, một hàng tụng quả thọ mạng, hai bài là tụng quả trụ trì.

Việc làm của “Phật Hoa Quang v.v...” Nửa bài kệ là tổng kết.

- “Đấng Lương túc tôn kia v.v...” là giải thích ý thọ ký. Sở dĩ thọ ký là khiến cho kia tự vui đối với quả mà hành nhân, không tụng hai quả giáo môn và nối dõi, kệ cùng văn xuôi rộng lược xen lẫn nêu ra.

“Bấy giờ bốn bộ chúng v.v...” là nói đại chúng vui mừng giải ngộ.

Hỏi: Trong đây bốn chúng tám bộ đều là phàm phu, trong ba hạng thượng, trung, hạ căn thì thuộc phẩm nào ư?

Đáp: Đối chiếu kinh từ đầu đến cuối gọi là thượng phẩm. Vì sao biết? Vì Thân Tử ban đầu lãnh giải đã là thượng căn, kia trước đặc ngộ cũng là thượng căn.

Hỏi: Đã là thượng căn nghe phẩm Phương tiện vì sao không liền giải kiến mà nay thọ ký mới được ngộ?

Đáp: Nghe phẩm Phương tiện rồi còn mờ mịt huyền tông thấy nay thọ ký nghiệm lý phải như vậy, ý thọ ký cho Thân Tử là ở đây.

Hỏi: Phàm phu mới nghe còn có thể lãnh giải, hàng trung hạ La-hán vì sao chưa ngộ ư?

Đáp: Nhị thừa tự cho là rốt ráo bệnh kia nặng nên chưa giải ngộ, phàm phu không bị bệnh ấy nên mới nghe liền ngộ, ba độc nhẹ nặng thì Thánh hơn phàm, nếu tin Nhất thừa khó dễ thì phàm hơn thánh.

Lại trong đây phàm Thánh, phần nhiều là quyền hành ảnh hưởng cùng dẫn dắt mở rộng đạo lợi người tự trình bày lãnh ngộ để dẫn dắt chúng sanh. Y cứ văn có hai:

1) Nói chung đại chúng vui mừng cúng dường.

2) Biệt nêu chư thiên cúng dường khen ngợi.

Phần một có bốn trường hợp:

1) Nói về người bốn chúng tám bộ đều vui mừng.

2) Thấy Xá-lợi-phất v.v...” là nói duyên vui mừng.

3) “Tâm rất vui mừng v.v...” chính là nói vui mừng, có hai nghĩa: Nghe pháp không hề có tâm được hiểu rõ liền sanh vui mừng, và thấy Thân Tử được thọ ký tướng mình cũng được dự, sanh tâm vui mừng.

“Mỗi người đều cõi y trên của mình để cúng dường Phật” là nói cúng dường sanh tin hiểu do Phật nói. Ngưỡng vọng tôn kính cảm pháp tuệ nên hiến cúng tài vật lên Phật. Tỳ-kheo cõi y trên cúng dường Phật: Đại Phẩm nói ba trăm Tỳ-kheo cõi y trên cúng dường Phật. Luận chép: mười hai năm đầu Đức Phật chưa chế giới nên không phạm giới y, nay thời Pháp Hoa thành đạo bốn mươi năm dùng chế y giới. Đã nghe Nhất thừa ngộ giải đắc chánh tịnh giới, giới y để dứt thế gian chê bai nên xả y không mắc tội, Tỳ-kheo nước ngoài chỉ đắp Ca-sa trong không có y riêng, nay dùng y cúng Phật tức là xả một, hai trong ba y, lộ thân nhưng nghe pháp lòng hơn hờ không lấy việc đây làm thẹn.

“Thích-đề-hoàn-nhân v.v...” là nói riêng chư thiên cúng dường khen ngợi. Trước nói cúng dường tài kế là nói về cúng dường pháp, y trụ giữa hư không: là tiêu biểu tâm lìa hữu (có). Mà tự xoay chuyển: cũng không dừng giữa hư không tiêu biểu tâm lìa không. Đã không nhiễm không hữu, liền ngộ nhập Nhất thừa. Lại trước đồng khác giải đối với lý là trái, nay tin lý đồng thì chuyển trái thành hướng quay về, trong tâm đã chuyển vật ngoài cũng xoay, lại thân đã nhả múa thì vật ngoài cũng xoay chuyển.

“Mà nói lời rằng v.v...” là: Nêu pháp cúng dường. Trước văn xuôi, kế là, kệ có hai:

1) Ba hàng rưỡi nêu nghe pháp vui mừng.

2) Ba hàng dự vui mừng được thọ ký nên vui mừng.

Ban đầu lãnh giải phẩm Phương tiện, kế lãnh giải Thân Tử được thọ ký; bởi vì một châu từ đầu đến cuối cho nên lãnh giải hai điều này.

Lại ban đầu là nghe pháp hoạn hỷ thì nương pháp làm duyên, sau là thấy người được thọ ký cho nên vui nghĩa là mượn người làm duyên, do ngộ đạo chỉ là do nhân pháp hai duyên, hai văn đều có bốn. Văn đầu bốn:

- 1) Kệ nói Tiểu thừa khi xưa là thô.
- 2) Kệ khen ngợi Đại thừa nay là diệu.
- 3) Kệ khen ngợi giáo nay ít có.
- 4) Nửa bài kệ chính là nói về lãnh giải vui mừng.

“Sanh diệt của năm nhóm”: Thích Đạo An chép: Nên gọi là năm ấm. Sau ngài La-thập dịch là năm chúng, do nghĩa năm pháp hòa hợp chứa nhóm gọi là năm chúng. Lại mỗi ấm pháp đều là nhiều nên gọi là chúng. Tập Tâm chép: chứa nhóm là nghĩa ấm tức là ý của La-thập. Sanh diệt: Gọi chung là Tứ đế. Khổ là sở sanh, tập là năng sanh, đây là năm ấm sanh. Diệt thì năm ấm diệt, đạo là năng diệt, cho nên sanh gọi là khổ tập, diệt căn cứ diệt đạo, lời y cứ nghĩa dùng khéo léo.

Hỏi: Vì sao không nói giới nhập sanh diệt ư?

Đáp: Giới nhập bao gồm vô vi không được gọi là sanh diệt. “Nay lại xoay bánh xe pháp”: Đối với Tiểu thừa mà khen ngợi Đại thừa.

Hỏi: Vì sao các Kinh Đại Phẩm, Tư Ích, Niết-bàn, Pháp Hoa đều nói giáo xưa khen ngợi ư?

Đáp: Các kinh đều nói Tiểu thừa đối Đại thừa khen ngợi, cho nên biết các Kinh Đại thừa hiển đạo không hai, không được giải thích năm thời bốn tông.

Hỏi: Vì sai nói Tiểu thừa khen ngợi Đại ư?

Đáp: Trước nói năm chúng đã là sanh diệt, nay nói năm chúng thì không sanh không diệt, không sanh nên chẳng khổ tập, không diệt nên chẳng diệt đạo, cho nên gọi nhất thật đế tức là quán vô sanh diệt. Nhị thừa đã là Tứ đế gọi là quán sanh diệt.

Hỏi: Làm sao biết kinh này nói về năm chúng không sanh không diệt ư?

Đáp: Văn trước đã nói xưa giáo nói năm chúng là sanh diệt, tức biết giáo nay nêu năm chúng không sanh không diệt, Phẩm Phương Tiện chép: Các pháp từ xưa nay tướng thường vắng lặng. Lại Trung luận chép: Vì Thanh văn nói mười hai nhân duyên là sanh diệt, vì Bồ-tát nói mười hai nhân duyên bất sanh bất diệt cho nên hai thừa Đại Tiểu có nghĩa hai quán sanh diệt, không sanh diệt.

Hỏi: Vô lượng Tứ Thánh đế cũng có sanh diệt làm sao được nói Tiểu thừa quán sanh diệt ư?

Đáp: Bồ-tát hiểu vô lượng Tứ Thánh đế xưa nay không sanh không diệt cho nên thể tánh vô minh vốn tự không có do vọng tưởng nhân duyên hòa hiệp mà sanh. Đã nói vọng tưởng nhân duyên sanh thì có tập làm năng sanh, khổ làm sở sanh, đây tức là vô sanh diệt sanh diệt, tuy sanh diệt không sanh diệt nên không đồng với nhị thừa.

Lại nói năm chúng sanh diệt người Tiểu thừa nói năm chúng vô thường, khổ, không, vô ngã, nay nói lược vô thường cho nên nói sanh diệt, lại nói quán hữu làm sanh quán không làm diệt, cho nên nói sanh diệt. Lại Nhị thừa chưa đắc hữu dư có phiền não sanh, đắc hữu dư thì phiền não diệt, chưa nhập vô dư thì thân trí sanh, nhập vô dư thì thân trí diệt, nay nói về phiền não và thân trí vốn tự bất sanh, nay cũng không diệt, cho nên luận Trí Độ quyển mười chín chép: Trước nói năm chúng là sanh diệt. Vô thường, nay muốn căn cứ môn khác nói năm chúng không sanh không diệt, chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Hỏi: Vì sao nghe Nhất thừa và thọ ký mà nói năm chúng sanh diệt ư?

Đáp: Đây lãnh mở cửa phương tiện hiển bày nghĩa chân thật. Trước nói về năm chúng sanh diệt, đây là nói phương tiện, nay nói về năm chúng không sanh không diệt chính là nói chân thật, do trước thấy năm chúng là sanh diệt cho nên chấp Tiểu mê Đại, nay biết vốn không sanh diệt thì thay đổi hai chấp.

Hỏi: Các kinh Đại thừa cũng nói về năm chúng là sanh diệt cho nên kinh nói các hành vô thường là pháp sanh diệt, đâu được nói năm chúng sanh diệt là Tiểu thừa ư?

Đáp: luận Trí Độ nói về bốn tất đàn có cả mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng. Nói năm chúng sanh diệt là tất-đàn đối trị, nếu tất-đàn đệ nhất nghĩa tức nói năm chúng không sanh không diệt, nếu ngộ tất-đàn đệ nhất nghĩa thì sanh thật quán, thật quán tức là diệu tuệ, diệu tuệ tức là diệu pháp, diệu pháp tức là Nhất thừa, vì vậy nên nói năm chúng không sanh không diệt.

“Đại Trí Xá-lợi-phất v.v...” là được dự phần thích được thọ ký nên vui mừng. Cũng chia làm bốn:

- 1) Nửa bài lặp lại Xá-lợi-phất được Phật thọ ký.
- 2) Một bài tự trình bày mình sẽ được thọ ký.
- 3) Nửa bài kệ trình bày được sự lãnh giải.

4) “Phật đạo chẳng nghĩ bàn v.v...” là lãnh giải hiển bày nghĩa chân thật, “Phương tiện tùy nghi nói: là lãnh giải mở cửa phương tiện. Bài kệ kế là nói phát nguyện tu hành, bốn đoạn đây làm hai cặp: hai

đoạn đầu đã đắc sẽ đắc một cặp, hai đoạn nói về giải hạnh một cặp.

“Bấy giờ, Xá-lợi-phất v.v...” đoạn lớn thứ ba chính là nói về nói Thí dụ cũng chia làm bốn: Từ đây đến cuối phẩm chính là nói về nói Thí dụ, thứ hai trong phẩm Tín Giải người hạng trung căn lãnh ngộ, thứ ba phẩm Dược Thảo Dụ nêu Như lai thuật thành, thứ tư phẩm thọ ký nói về vì kia thọ ký, do đó có bốn đoạn. Người người trung căn nghe trên pháp nói chưa hiểu lại chuyển thế nói pháp cho nên nói thí dụ để hiểu. Kế đã nghe trước pháp nói lại lãnh thọ thí dụ sau là được tin hiểu cho nên có phẩm Tín Giải thứ hai. Bởi hiểu là thật cho nên Như lai nêu phẩm Dược Thảo Dụ thuật thành, lãnh giải ở trước thuật thành ở sau, tâm được hiểu rõ hành tương ứng với Phật thì đương quả có thể hy vọng, vì thế thọ ký cho.

Văn đầu có hai phần:

- 1) Thân Tử xin nói.
- 2) Đức Phật nhận lời thỉnh nói cho nghe.

Phần một lại có ba:

- 1) Tự trình bày giải ngộ của mình
- 2) Nói chúng chưa giải ngộ.
- 3) Thỉnh Phật giảng nói cho chúng nghe.

Sở dĩ phải tự trình bày giải ngộ của mình vì có hai nghĩa:

1) Nếu không tự trình bày giải ngộ của mình thì ý chúng sanh không hiểu rõ, hoặc cho rằng nhờ người khác mà thật tự mình chưa ngộ thì trên thọ ký không thành trình bày lãnh giải cũng lầm lẫn, cho nên phải tự trình bày sự lãnh giải của mình.

2) Muốn vì người thỉnh pháp phải hiểu được ý người, nếu chưa hiểu được thì thỉnh đâu có mạch lạc.

Hỏi: Bậc trung căn tự có nghi hối sao không tự xin mà nhờ người xin ư?

Đáp: Đã không có khả năng trước ngộ, lại chẳng phải chủ đối tán dương, nên đợi người khác chất vấn nghi. Tự trình bày mình lãnh giải có hai câu: “nay con không còn nghi hối”: là lãnh phẩm Phương Tiện: “Tự mình ở trước Phật được thọ ký”: là nói về lãnh giải văn được thọ ký trên, nêu đầu thu nhiếp cuối nên thuật cả hai. Lại không còn nghi hối chính là nói về được diệt hoặc tự ở trước Phật được thọ ký là hiểu hai việc này là cần thiết nên thuật. Lại không còn nghi hối chính là được hiểu, tự mình ở trước Phật được thọ ký là chứng minh sự hiểu đó là thật.

Hỏi: Nói thẳng được thọ ký là đủ, vì sao nói tự mình ở trước

Phật?

Đáp: Thọ ký có hai thứ:

1. Không hiện tiền được thọ ký, do chưa lãnh giải.
2. Tự mình ở trước Phật được thọ ký, chắc chắn có lãnh giải.

Một ngàn hai trăm vị tâm tự tại này v.v... là nói chúng chưa ngộ.

Văn chia làm ba:

- 1) Nêu xưa.
- 2) Nêu nay.
- 3) Xưa nay xen lẫn nghi.

Xưa lại có hai:

- 1) Nêu người một chấp của vô học.
- 2) Nêu người học hai chấp của người vô học.

Ban đầu nêu hai chấp của người vô học: Lìa già bệnh chết gọi là lìa lỗi quả, rốt ráo Niết-bàn chấp vô dư. Kế nêu người học và vô học hai chấp: lìa các kiến tức là lìa hết lỗi nhân, gọi là đắc Niết-bàn chấp hữu dư, do đó hai văn không đồng. Người vô học sẽ lìa lỗi quả, nếu lìa lỗi nhân có thể chung cho người Hữu học, Vô học. Trước phân biệt người nên các lỗi lìa cũng riêng sau nêu người chung nên lỗi lìa cũng chung.

Hỏi: Thật đoạn chín mươi tám sử vì sao chỉ lìa các kiến ư?

Đáp: Người vô học có thể dứt đủ chín mươi tám sử mà nay nói lìa các kiến ấy người Hữu học, Vô học đều dứt.

Ngã kiến là gốc của các kiến cho nói Đại Phẩm chép: Thí như ngã kiến nhiếp sáu mươi hai kiến, hữu kiến vô kiến tức là đoạn thường gọi là biên kiến. Đẳng: là chấp ba kiến còn lại, lại chấp ba kiến và các độn sử. “Mà nay ở trước Thế tôn v.v...” là nói nay. “Đều rơi vào nghi lầm”: là chánh sanh nghi. Tiểu Đại xen lẫn quyết xưa nay y nhau tìm cầu cho nên thành nghi. Trước nói về đã lìa hai lỗi không còn có thể lìa đắc hai Niết-bàn, không còn đắc nữa, nay nói do phải lìa mới lại đắc, xưa nay trái nhau cho nên rơi vào nghi hối.

“Lành thay Thế tôn!” trở lại là chánh xin. Sở dĩ xin vì Thân Tử là theo Phật xoay bánh xe pháp, có người chưa hiểu thường vì họ xin Phật nói. Lại vì đã đắc ngộ liền thành Bồ-tát, Bồ-tát lấy sự cứu giúp chúng sinh làm hoài bão, nên vì chúng sinh thỉnh. Lại đã đồng là Thanh Văn, xưa đều bảm thọ thiên hóa, mà tự mình đã được hiểu còn người khác chưa hiểu thương bạn đồng hành kia nên vì họ xin. Lại cuối Phẩm Phương Tiện Đức Phật khuyên mở rộng kinh, nay vì chúng xin tức là thọ nhận ý chỉ. Lại ở trên thọ ký nói về Thân tử hành nhân vị lai thành Phật, nay vì chúng xin tức là hành nhân. Xin vì bốn chúng nói nhân duyên ấy:

nhân duyên có Ba thừa, Nhất thừa vì sao nói ba, vì sao nói một! Đây nói về nhân duyên giải thích nghi dứt bỏ hối gọi là lành thay!

Phật nhận lời xin nói có ba phần:

1) Duyên khởi.

2) Như trong cõi nước xóm làng v.v... đến dưới kệ chép: “Do nhân duyên ấy tìm cầu mười phương v.v...” gọi là chính là nói.

3) “Bảo với Xá-lợi-phất bọn người các ông thầy v.v...”: là khuyên mở rộng kinh, ba đoạn này cũng được gọi là chánh truyền bá bài tựa của Tử Chương.

Trong phần duyên khởi đầu lại chia làm hai:

1) Nêu trước pháp nói.

2) Sau nên thí nói. Trước nêu pháp chép: Do sau thí lại dụ pháp trước, trước nói tuy nhiều mà nói lược hai thí chủ yếu mà khai thị ngộ. Hai câu chủ yếu là giáo Nhất và duyên Nhất. Giáo Nhất: trước nói các giáo tuy nhiều mà nêu không hai.

Kế là duyên Nhất: Do giáo không khác tiêu biểu, duyên người không khác, cho nên nói đều vì hóa Bồ-tát. Do giáo không khác tiêu biểu duyên người không khác, thì quả không khác, nhân cảm không khác, lược bày hai môn thì thâm nhiếp đầy đủ tất cả, nếu vậy từ lâu đã dùng lãnh giải vì sao lại nghi! “Nhưng Xá-lợi-phất v.v...” nói sau nói thí dụ. Nhưng: Là tuy nhiên, tuy trước đã nói mà do chưa hiểu, sẽ dùng thí dụ sau để hiểu ngộ. Lại nói “nhưng” ấy là hứa. Tuy trước đã nói nhưng hứa với kia nay do chưa ngộ giải nên lại dùng thí dụ nói về hai nghĩa trên để hiểu ngộ. “Những người có trí do thí dụ mà hiểu được”: là nói về chưa thể quên lời do ngộ ý chỉ mà có khả năng để tâm rộng rang để đời thí dụ, so với hàng thượng căn là người ngu, so với người hạ căn là người trí. Lại so hàng thượng căn là người ngu, so hàng lui sụt là người trí. Lại nêu trước là chỉ bác bỏ hứa nói là đôn đốc khuyên thí dụ. Chỉ bác bỏ: Ta trước đã nói người khác đã ngộ, sao ông đến nỗi mê như vậy, dùng đây bác bỏ khiến cho sanh phần động. Đôn đốc khuyên dụ: khiến cho kia kính mến đạo sanh tâm lãnh giải.

“Xá-lợi-phất như trong cõi nước v.v... trở xuống là chánh thuyết, lại chia làm hai:

1. Văn xuôi.

2. Kệ tụng.

Văn xuôi có hai:

1) Thọ xin chính là nói.

2) Sau cùng dùng nhân duyên dạy Thân Tử xin.

Chính là nói chia làm hai: 1. Khai thí; 2. Hiệp thí.

Khai thí: Pháp Sư Quang Trạch Pháp Vân chia làm mười thí: Đối văn nghĩa sai trái nhiều, nay y văn xưa chia làm sáu thí dụ:

1. Tổng thí.
2. Thí thấy lửa.
3. Thí cứu con không được.
4. Thí dụ ba xe cứu con được.
5. Thí đồng ban cho xe lớn.
6. Thí không luống dối.

Sở dĩ có sáu thí dụ này, tổng thí tuy có sáu nghĩa mà dùng hóa chủ làm chánh, khen ngợi đức của Như lai chẳng có gì không tròn đầy, hệ lụy chẳng có gì không trừ hết, đức tròn đầy nên mới giải cứu hoạn nạn, hệ lụy chẳng có gì là không trừ hết nên có khả năng cứu giúp vật, đây là căn bản để hóa độ chúng sanh nên trước nói về. Đức cha tròn đầy không còn hệ lụy, thấy con có hệ lụy không có đức liền khởi tâm đại bi nên có thứ hai dụ thấy lửa, tuy bên trong có đại bi cần phải có phương tiện bên ngoài cứu giúp, cho nên khi mới thành đạo liền muốn cứu người bị hệ lụy, giúp người không có đức. Nhưng cha tuy có khả năng trao cho mà con chưa có khả năng thọ nhận nên có thí dụ Nhất thừa hóa không được. Tuy Đại thừa thành mà Tiểu căn cơ đã động cho nên đối Nhất thừa nói ta thừa ứng thời liền ngộ nên có thí dụ ba xe cứu con được, tuy là nói ba cuối cùng là quy một, do đó trở lại thật hóa nên có thí dụ đồng ban cho xe lớn. Hứa ba cho một tựa như nói dối nhưng lại ban cho vượt quá sự mong cầu vì bản ý là cho một nên chẳng luống dối, nên có thứ sáu Thí dụ chẳng dối gạt. Căn cứ sáu dụ đây hiệp thành năm cặp: ban đầu một là chung, năm sau là riêng, gọi chung riêng một cặp, Bạc Thánh nói pháp trước thường là nói chung, sau thì nói riêng nên trước chung sau biệt.

Căn cứ trong riêng lại chia làm hai:

Thấy lửa dụ nói về trong khởi tâm bi tức là chiếu soi căn cơ, bốn dụ sau ứng duyên nói giáo gọi là cơ giáo một cặp. Y cứ trong giáo sau lại chia làm hai: Dụ đốn hóa không được, ba dụ sau nói về tiệm hóa được con gọi là đốn tiệm một cặp. Y cứ trong tiệm sau lại chia làm hai: Dụ vì nói giáo Ba thừa, hai dụ sau nói về Nhất thừa giáo, gọi là Ba nhất một cặp. Căn cứ trong Nhất thừa lại chia làm hai: 1. Dụ chính là nói về nói giáo, sau không luống dối dụ gọi là hợp giáo, gọi giáo và hợp giáo một cặp.

Hỏi: Sáu thí dụ này từ phẩm Phương Tiện hay đoạn văn nào sanh?

Đáp: Có người nói đều từ văn phẩm Phương tiện sanh, nay nói về không hẳn như. Kinh này có ba châu khác nhau, vì căn tánh mỗi thứ khác nhau nên chuyển thế nói pháp cho nên có ba thuyết khác nhau, nếu mỗi pháp đều như trên nói thì văn thành rối rắm nói chẳng khéo léo, lại sau không khác trước, nghe trước đã mê hoặc, bầm thọ sau cũng mê thì Thánh nói không lợi ích.

Nay nói về chỉ có bốn thí dụ giữa từ bốn đoạn lớn ở phẩm Phương tiện mà sanh. Tổng thí và sau bất hư thí đều là nghĩa phẩm này nói. Nói bốn dụ từ phẩm trước sanh:

1) Thấy lửa thí: “Ta dùng mắt Phật thấy chúng sanh trong sáu đường”, văn nói về Phật ở địa vị pháp thân thấy chúng sanh có khổ không vui nên khởi tâm đại bi, nay văn nói về Trưởng giả đứng ngoài cửa thấy lửa bốc cháy nhà thì rất kinh sợ. Hai văn nghĩa đồng cho nên văn này từ phẩm trên sanh.

2) Dụ Trưởng giả cứu con không được: “Phật mới thành đạo Nhất thừa hóa độ chúng sanh không được” ở phẩm trên.

3) Trưởng giả ban cho ba xe dẫn dụ con được là “giáo Ba thừa hóa chúng sanh được” ở phẩm trên.

4) Đồng ban xe lớn dụ: Từ phẩm Phương Tiện vì nói nhất thừa sanh. Đức Thích-ca một thời kỳ giáo hóa xuất hiện ở đời có năm thứ văn đực, ban đầu từ pháp thân địa thấy căn cơ cuối cùng ở hội Linh Sơn nói pháp Nhất thừa chỉ có bốn chương không được nhiều ít, cho nên nay nói về từ đầu thấy lửa, cuối cùng đồng ban xe lớn cũng chỉ bốn thí dụ không được thêm bớt, nên bốn dụ từ bốn pháp sanh.

Hỏi: Nếu vậy chỉ có bốn thí dụ. Vì sao có đầu tổng thí và sau bất hư thí ư?

Đáp: Tuy có đầu tổng thí lại không lia bốn nghĩa trên, chỉ muốn nêu chung về đức năng hóa, lỗi lầm sở hóa, cho nên có tổng thí. Lại nêu giải nghĩa nên có trước chung sau riêng.

Lại sắp nói về hóa vật nên trước khen ngợi Phật có đức hóa vật nói tổng thí! Sở dĩ có thứ sáu bất hư thí, đây cũng không có tự thể riêng mà lại là lựa chọn nghĩa nói trước ba sau một, ở trên, vì nhân duyên này nên chia ra sáu thí dụ. Theo tổng thí lại chia ra sáu thí dụ:

- 1) Hóa chủ.
- 2) Hóa xứ.
- 3) Giáo môn.
- 4) Người sở hóa.
- 5) Ý hóa.

6) Căn tánh. Chư Phật mười phương ba đời xuất thế lập ra giáo hóa đều có sáu thí dụ này, đức Thích-ca ra đời ở cõi đời ác có năm thứ vẫn đục cũng nêu sáu dụ này. Căn cứ trong sáu dụ này thì hóa chủ và giáo môn là sự năng hóa, bốn thứ còn lại là sự sở hóa.

Hỏi: Vì sao thứ nhất nói về Hóa chủ ư?

Đáp: Tuy có sáu nghĩa nhưng Hóa chủ là chánh cho nên trong hợp thí chính hiệp hóa chủ, do đó trước nêu hóa chủ, Lại sắp muốn hóa vật nên trước khen ngợi Như lai có đức hóa vật. Lại khiến vật ưa thích công đức này như pháp thọ hóa. Nói về Hóa chủ có năm câu:

1. Nêu xứ đại.
2. Nói về đức trọng.
3. Nêu tuổi cao.
4. Khen giàu có lớn.

5. Khen có nhiều quyến thuộc. Hễ là bậc đại nhân thì phải đầy đủ năm điều này, năm câu này đều là khen ngợi đức của Trưởng giả.

Như cõi nước xóm làng: là nói xứ đại, hoặc: Tạp Tâm nói hoặc việc kia, lại hoặc là như vậy, như việc kia mà nói. Cõi nước xóm làng: chính dụ hóa xứ, nhưng hóa xứ có bốn: Nước, ấp, xóm, lạc. Chỗ vua ở có thành quách biên giới hạn vực gọi là quốc ấp: Người xưa gọi huyện là ấp, trong thôn năm nhà gọi là tụ, ngoài làng xóm thôn quê gọi là lạc. Nay dùng Thích Luận giải thích phẩm Phát Thú nói về một Đức Phật một vị vua giáo hóa gồm có bốn chỗ.

1. Nói một thế giới.
2. Nói về một thế giới hải.
3. Nói về một thế giới chủng.
4. Nói về phần thế giới sở độ.

Một thế giới: trăm ức nhật nguyệt gọi là một đại thiên, như vậy mười phương mỗi phương một Hằng hà sa Đại thiên gọi là một thế giới Phật. Một thế giới hải: Như vậy một thế giới Phật số mười phương như Hằng hà sa gọi là một thế giới hải.

Như vậy thế giới hải số như mười phương Hằng hà sa gọi là một thế giới chủng. Như vậy thế giới chủng mười phương vô lượng gọi là một thế giới phần sở độ. Tổng bốn thứ này hiệp làm một cõi nước một Đức Phật một vị vua giáo hóa đó là đại xứ, dụ cho phần sở độ của một thế giới. Ấp là kể so sánh thế giới chủng kia, lạc là hàng xóm thôn quê xa so với thế giới hải, tụ là thôn năm nhà, gần so với một thế giới. Trưởng giả ở bốn chỗ, là khen ngợi Trưởng giả rất bật hảo. Một nhà lớn cũng gọi là Trưởng giả, ở ngoài nhà chưa hẳn đều là lớn (đại), nếu

ở bốn chỗ gọi là đại thì có thể là khen ngợi cùng cực, nói về Đức Phật cũng như nghĩa có thể biết.

Hỏi: Hễ có tiếng tăm thì phải từ gần đến xa, nay vì sao lại từ xa đến gần?

Đáp: Có hai nghĩa: Muốn kiểm nghiệm đức của Trưởng giả khiến danh thật không luống dối, nói về đây Trưởng giả chẳng những nước xa đề cao cho đến ấp gần cũng khen ngợi, từ xa đến gần chứng nghiệm thật đức của Trưởng giả, Như lai cũng vậy; nương bốn chỗ này định danh đức của Phật. Muốn nói lên Phật tuy là vua giáo hóa bốn chỗ nay muốn nói về hóa một chỗ, cho nên từ xa cho đến gần do căn duyên một phương này mà cảm đến Phật.

“Có vị đại Trưởng giả”: là nói về địa vị đức trọng. Trưởng giả thế gian có ba hạng:

- 1) Trưởng giả có đức.
- 2) Trưởng giả tuổi cao.
- 3) Trưởng giả giàu sang.

Trưởng giả có đức: lược nói về ba nghĩa:

1. Có trí.
2. Có đức.
3. Trong sạch không sai phạm.

Do đầy đủ ba nghĩa này cho thế gian tôn xưng Trưởng giả, đức Như lai cũng như vậy:

- 1) Chiếu lý cùng khắp gọi là Bát-nhã, như Trưởng giả có trí.
- 2) Các đức này đầy đủ gọi là pháp thân như Trưởng giả có đức.
- 3) Muôn sự hệ lụy dứt hẳn gọi là giải thoát, như Trưởng giả không có sai phạm, ba đức đã đầy đủ tiêu biểu cho Thế tôn.

“Tuổi đã già suy”: là nói về tuổi cao tức là Trưởng giả lão niên. Trước nói về đức trọng, ở đây dụ tuổi cao, do đức trọng tuổi cao nên mọi người cung kính, Đức Phật cũng giống như vậy.

- 1) Đầy đủ các đức.
- 2) Tuổi thọ vô cùng, do đầy đủ hai nghĩa này nên được mọi người tôn kính. Đây căn cứ pháp thân làm dụ.

Do pháp thân tuổi thọ bất khả cùng tận. Mượn người già để dụ ứng thân, người già mạng sống cùng tận không còn còn bao lâu, dụ cho ứng thân Như lai đây sau cùng không còn sanh nữa. Nên Thích luận chép: thai phần sinh tử của ta đã hết, là thân rốt sau cùng, ta do được giải thoát phải trở lại độ chúng sanh. Chấp hóa độ lâu làm thí dụ, trước làm Bồ-tát giáo hóa các con, các con trái với giáo trải qua vô số kiếp,

Bồ-tát hóa độ về sau nên gọi là già. Nên Phẩm Tín Giải chép: “Tự suy nghĩ già cả không có con cái”. Sau cùng nên giao phó tài vật cho con làm dụ nên gọi là tuổi cao, Người già ở đời đã lâu, thấy nghe nhiều hiểu biết xưa nay dùng để dụ Như lai có nhất thiết trí. Tuổi đã suy: Người già yếu không ở đời lâu là dụ người già lâu năm.

“Cửa giàu vô lượng”: là khen giàu có, tức người giàu lớn, tài bảo ở đời có công năng làm cho lìa khổ được vui, pháp bảo cũng có công năng lìa khổ sanh tử được vui đại Niết-bàn phước tuệ đầy đủ là giàu của sử dụng không hết gọi là vô lượng, lại các đức tròn đầy gọi là cửa giàu, khác với nhân trụ gọi là vô lượng. “Có nhiều nhà ruộng”: Trí đoạn đầy đủ năng sanh vật thiện là ruộng, từ bi che chở gọi là nhà, lại nuôi dưỡng thân mạng gọi là ruộng, an thân là nhà, pháp bảo như vậy, năng nuôi dưỡng vật tuệ mạng như ruộng, an vật pháp thân như nhà, năng an dưỡng vô cùng nên gọi là nhiều.

“Và các tội tố”: là nói về quyền thuộc Trưởng giả. Xưa nói dụ chúng sanh sở hóa, công học nông cạn là đồng (tôi), đức hành chưa cao là bộc (tố). Nay nói dưới nói về năm trăm người là luận chung sở hóa, ba mươi người con là luận riêng sở hóa, việc sở hóa đã hết nay không dụ lại. Nhưng chọn dụ thần thông xếp vào tội tố để về sau sau già yếu làm người sai khiến Trưởng giả thế gian giàu sang gồm có ba hạng:

1. Trong nhiều châu báu.
2. Ngoài nhiều ruộng nhà.
3. Nhiều các tội tố, đầy đủ ba điều này thì gọi là giàu có, Đức Phật cũng. Trong đầy đủ tự đức như nhiều châu báu, ngoài năng sanh vật thiện và từ bi che chở như nhiều ruộng nhà. 3. Có thần thông vận dụng chư tội tố chung quanh thuận theo.

“Nhà ông rộng lớn”: Nói về hóa xứ. Trên nước ấp xóm làng là nêu xứ khen ngợi người, cho nên Trưởng giả có bốn chỗ tôn sùng kính mến, nay nêu người để tiêu biểu xứ. Nói Trưởng giả ở trong một nhà có khả năng dạy đạo: Lại ở trên nêu chung bốn chỗ tiêu biểu Phật ở các cõi tịnh uế để giáo hóa chúng sanh, nay nói về nhà kia rộng lớn là giới thiệu riêng cõi ba cõi uế trước mà hóa độ chúng sanh, ba cõi xa rộng gọi là rộng lớn, sáu đường dừng nghỉ gọi là nhà.

Nhà chỉ có một cửa: Nêu giáo môn. chín mươi sáu thứ giáo nói đều không thể xuất ly sanh tử cho nên gọi là môn khác, chỉ nương theo Phật giáo mới có thể thoát khổ nên xưa là nhà một cửa. Đây dùng đối ngoại đạo. Vì khác cho nên chỉ Phật giáo là một. Đây dụ chung giáo Đại thừa Tiểu thừa gọi chung là một Phật giáo.

Nhiều người trong đó: là nói về người sở hóa. Phẩm loại hàm thức trong ba cõi này rất nhiều hạng cho nên có nhiều người. “Một trăm” dụ cho trời hai trăm dụ loài người, cho đến năm trăm chung cả ba đường, Tu-la hoặc khai hoặc hiệp, nên nói cho đến.

Hỏi: Thành luận và luận Trí Độ nói về có sáu đường. Tát-bà Đa bộ chỉ nêu năm đường làm sao hợp ư?

Đáp: Có luận Sư chép: Chọn sanh báo kia thì Tu-la thuộc Quỷ thần cho nên nói về năm đường, chọn y báo kia tức cùng chư thiên tương tự nên phân sáu đường.

Hỏi: Nói về năm trăm tiện đủ vì sao lại nêu một trăm, hai trăm ư?

Đáp: Hàng trời người có khả năng thọ hóa cho nên nói riêng.

Dừng nghĩ trong đó: chúng sanh trong các đường thích ở không bỏ đi, cũng là bốn mươi người dừng ở. Tám mặt đất ngục cùng ngã quỷ, súc sanh là mười, bốn thiên hạ, sáu tầng trời cõi Dục là mười, cõi Dục hiệp hai mươi, cõi cõi Sắc có mười sáu xứ, Vô sắc bốn xứ hợp thành bốn mươi.

“Lâu gác đã mục”: là nói về ý hóa. Văn chia làm hai:

1) Giới thiệu tướng nhà.

2) Nói lửa bốc cháy.

Tướng nhà chia làm hai:

1) Nói chung ba cõi vô thường.

2) Nói riêng ba cõi vô thường.

Xưa chép: Nhà một tầng gọi là đường (nhà trệt), hai tầng trở lên gọi là gác, cõi Dục trở xuống gọi là đường, cõi sắc, Vô sắc trở lên gọi gác, nay nói nhà chung tụ tập gọi là đường, nhà có nhiều tầng gọi là gác, quả báo chúng sanh trong ba cõi là khổ hữu, mà đồng ở trong đó là dụ như đường, ba cõi quả báo cao thấp lên xuống như nhà có nhiều tầng dụ như gác. Vô thường suy yếu nghĩa là mục. “Vách phen sụp đổ”: là nói riêng ba cõi vô thường. Trước nói sắc pháp vô thường, bên ngoài đều được dựa vào làm tường, trong chương làm vách, ngoài bốn đại thành giới hạn ba cõi như tường, thành bốn đại trong thân như vách, sắc pháp suy yếu nghĩa đồng như sụp đổ. Chân cột hư nát, nhà sở dĩ được vững là nhờ cột trụ, báo thân sở dĩ còn là nhờ mạng căn giữ gìn. Đã dùng ấm thân làm nhà nên dùng mạng căn làm cột, mạng căn thế đến cùng, thì báo thân sắp hoại, đó cũng như chân cột hư nát nên nhà cửa sắp đổ. Rường cột xiêu ngã: Thân được duy trì dựa vào tâm thức, nhà cửa chắc chắn phải nhờ rường cột. Chân cột mục nát nên rường nhà

xiêu ngã, mạng căn đến cùng thì tâm thức sụp đổ.

Hỏi: Vì sao chỉ nêu ba pháp vô thường?

Đáp: Pháp hữu vi gồm có ba nhóm: 1. Sắc 2. Tâm. 3. Phi sắc phi tâm. Vách phen sụp đổ nghĩa là sắc pháp vô thường, rường cột xiêu ngã gọi là tâm pháp vô thường. Chân cột hư nát nghĩa là phi sắc phi tâm pháp vô thường. Sắc pháp đã thô vô thường, tướng hiện rõ nên nói ban đầu, tâm pháp tế, tướng vô thường vi tế nên nói sau, phi sắc phi tâm mạng căn năng giữ gìn sắc tâm cho nên nói giữa.

“Bốn phía đồng thời lửa bùng bốc cháy”: Nói về lửa bốc cháy nhà, có chỗ gọi lửa là các khổ.

Hỏi: Thường có ba cõi thì thường có các khổ cũng lẽ ra thường có nhà lửa thường có lửa cháy, vì sao trước nói về nhà lửa sau nói hỏa tai (tai nạn lửa) ư ?

Đáp: Đây dụ đầy đủ hai nghĩa chung riêng:

1) Nói chung ba cõi đều chuyển biến chịu đủ các tai ách, nếu vậy đã thường có nhà lửa cũng thường có hỏa tai, hai sự thật này là nhất thời chỉ nói thành trước sau thôi! Trước nói về nhà lửa kia vô thường, sau nói tai nạn lửa đầy đủ các khổ, khổ cùng vô thường là hoạn nạn của muôn vật cho nên nói nghiêng lệch.

2) Riêng thí dụ chúng sanh ba căn ở hội đây, ngày trước bầm hóa khổ ở nghĩa tạm dứt, Đức Phật đã cách đời nên lại khởi phiền não do phiền não căn chịu các khổ quả nên trước nói về nhà lửa sau nói lửa bốc cháy. Lại đã chịu khổ ấm thân thí như nhà lửa, bắt đầu lại khởi hoặc chiêu cảm khổ gọi là lửa khổ, một nghĩa chung cho hai hạng người.

Hỏi: Vì sao biết đây dụ đầy đủ hai nghĩa chung và riêng?

Đáp: Nêu năm trăm người lại nêu ba mươi người con, năm trăm người thí dụ chung năm đường chúng sanh, ba mươi con nói riêng trước đã từng theo thọ hóa, do đó nêu cả hai loại chung, riêng để hóa độ đủ.

1) Hóa độ riêng cho người trung căn, hạ căn khiến biết ba quyền một thật.

2) Chung vì tất cả chúng sanh khiến biết lỗi lầm ba cõi.

Lại kinh này khiến tất cả chúng sanh lìa địa vị phàm phu cũng lìa địa vị Nhị thừa, do nói lỗi lầm ba cõi nên khiến chúng sanh không tham đắm ba cõi, nghĩa là lìa địa vị phàm phu. Sau nói về các con ra ngoài cửa cầu xe không được, đồng ban cho xe lớn, khiến biết Nhị thừa là nắm tay rỗng, Nhất thừa là chân thật, khiến lìa địa vị Nhị thừa, do nhân duyên ấy nên giáo hóa đủ hai người. Bốn phía đồng thời: Các khổ dụ do lửa, không nơi nào không có tức là đồng bốn phía, ba cõi đều khổ nói

là đồng thời, xuất ra khắp gọi là lửa bồng nhiên nổi. Đốt cháy nhà cửa: phiền não là lửa cháy tâm gốc lành, các khổ là lửa đốt thân lạc thọ.

Các con của Trưởng giả hoặc mười người hoặc hai mươi người cho đến ba mươi người v.v... là nói căn tánh Ba thừa.

Hỏi: năm trăm người đã nhiếp căn tánh Ba thừa nay vì sao lặp lại?

Đáp: Trước nói về năm trăm là chung chúng sanh trong năm đường, nói về có căn tánh thừa trời người chưa hẳn đầy đủ căn tánh Ba thừa, nay nói riêng ba mươi người con tuy là cũng nhiếp năm đường nhưng có riêng căn tánh Ba thừa cho nên nói riêng.

Trước đã từng bảm thọ giáo sanh thiện, thiện từ Phật sanh gọi thiện là con, do thiện gọi là người, người thọ tên con. Xưa chép: mười người dụ Thanh Văn, hai mươi người dụ Duyên giác, ba mươi người dụ cho Bồ-tát, Thanh Văn đức ít nên số ít, Bồ-tát đức nhiều nên số nhiều. Lại nói mười người con dễ đắc như căn tánh Thanh Văn dễ đắc, cho đến ba mươi người con khó đắc dụ cho căn tánh Bồ-tát khó đắc. Nay đều khác nhau với hai nghĩa trên, lấy mười dụ Bồ-tát, hai mươi dụ Duyên giác, ba mươi dụ cho Thanh Văn. Người cầu Đại thừa ít như mười người, cầu Duyên giác hơi nhiều như hai mươi, cầu Thanh Văn chuyển nhiều như ba mươi, giải thích đây rút ra trong Kinh Hoa Nghiêm Phẩm Hiền Thử. Lại như kinh này nêu người ba căn: Thượng căn đắc giải ít như Thân Tử một người, trung căn hơi nhiều như bốn đại Thanh Văn, hạ căn chuyển nhiều cho đến năm trăm.

Hỏi: Vì sao không có căn tánh Nhất thừa?

Đáp: Trong Ba thừa Đại thừa tức là căn tánh Nhất thừa, lại trong đó chính là nói về căn cơ Ba thừa phát, căn cơ Nhất thừa phát sau cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Con có định số vì sao nói hoặc đến ba mươi ư?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1) Hoặc khai Thanh Văn, Duyên giác thành hai thừa, hoặc hợp thành hai Tiểu thừa, do khai, hợp không nhất định nên nói “hoặc”. Ví như trên một trăm, hai trăm cho đến năm trăm, Tu-la hoặc khai hoặc hợp nên nói “cho đến”.

2) Căn cứ trước căn tánh Ba thừa không nhất định như Đại Phẩm nói sáu mươi Bồ-tát thoái thành la hán, Ca-diếp vốn là căn tánh Duyên giác do gặp Phật nên thành Thanh Văn, Thanh Văn không gặp Phật liền thành Duyên giác, do không nhất định nên nói “hoặc”.

3) Trước tuy có căn tánh Ba thừa cuối cùng đều thành Bồ-tát nên

lại nói “hoặc”.

Trưởng giả thấy lửa lớn: là nói về dụ thấy lửa. Thí dụ này sở dĩ có là do trên khen ngợi đức của Phật chẳng đức nào không tròn đầy, không hệ lụy nào không dứt hết. Nay thấy con hệ lụy chẳng gì không tròn đầy, đức chẳng gì không tận cho nên khởi tâm đại từ bi.

Hỏi: Thấy gì ở các con mà khởi tâm đại từ bi?

Đáp: Thấy con đủ cả hai nghĩa chung và riêng nên khởi tâm Đại từ bi.

1) Thấy chung là chúng sanh năm đường không vui có khổ,

2) Thấy riêng ba mươi người con trước từng lãnh thọ giáo nên được lìa khổ mà trái với sự giáo hóa khởi mê hoặc hỏi chịu lại đốt cháy nên khởi tâm đại từ bi.

Trước phẩm Phương Tiện nói pháp nói có ba:

1) Năng kiến.

2) Sở kiến.

3) Khởi tâm từ bi.

Nay chuyển thể thuyết pháp cũng chia làm ba:

1) Nêu Trưởng giả thấy lửa liền rất sợ sệt.

2) Tự nói mình đã ra khỏi.

3) Thương xót con chưa lìa khổ.

Ban đầu lại có ba câu:

1) Năng kiến.

2) Sở kiến.

3) Kinh sợ.

Trưởng giả thấy thì muốn cứu con thoát nạn cho nên trước nói về thấy. Tức dụ cho đức Như lai ở địa pháp thân dùng mắt Phật thấy chúng sanh có khổ không vui: lửa lớn: là nói về sở kiến: Đều đốt cháy ba cõi nên gọi là lửa lớn. “Từ bốn phía bốc cháy” tức là sanh già bệnh chết. Kinh Niết-bàn chọn bốn hòn núi nay chọn dụ bốn phía: sanh là phía Đông, già là nam, bệnh là tây, chết là phía Bắc. “Liền rất sợ hãi là nói về kinh sợ: Y cứ riêng ba mươi người con mà nói, trước kinh thọ hóa không nhắc đến lửa cho nên kinh sợ, mê chấp cảnh khổ sợ tuệ mạng sắp hết thành nhất xiển đề nên sợ. Căn cứ chung chúng sanh sáu đường giải thích: một phen kinh ngạc gọi là kinh, nhất định biết việc đáng sợ gọi là bố, dụ cho từ tâm một phen ban vui gọi là kinh, kể khởi tâm từ bi cứu khổ gọi là bố.

“Mà tự suy nghĩ rằng”: là nói về tự mình đã được ra, sở dĩ nói mình đã được ra ý nói con chưa thoát khỏi. “Ổ cửa của nhà cháy”: là

nêu chỗ thoát ra, đây lấy hạn vực ba cõi làm cửa cho nên văn sau chép: “Nay xe này đều ở ngoài cửa”, tức là chứng minh.

Hỏi: Đây và trước chép: “Chỉ có một cửa” có gì khác ư?

Đáp: Trước chọn Phật giáo chung mọi người vượt ra ba cõi ngũ nhập lý nên gọi là cửa, như văn sau chép: Dùng môn Phật giáo vượt khỏi ba cõi khổ, nay nói sắp bị đốt cháy là phân biệt khác cửa trước, cho nên biết gọi ba cõi là cửa. Như người đời nói chung một nhà gọi là môn, hoặc gọi một nhà, hoặc nói một hộ, nay cũng.

Do tám khổ là năng thiêu, ba cõi là sở thiêu nên gọi là cửa bị cháy. “Ra ngoài được an ổn”: Ngày trước hành đạo có công vượt ra không có nghiêng đọa cho nên nói an ổn được ra do đó kinh dạy: Ta một mình trở lại bốn nguồn kia tự tránh khỏi mà đặc biệt vượt ra ba cõi. Lại luận Trí Độ chép: pháp ra khỏi Ba thừa đều khác nhau, như ba người ở trong ngục tự đào lỗ, hoặc vượt tường sợ hãi mà ra chẳng an ổn ra, gọi là Nhị thừa ra, Bồ-tát phá ngục ba cõi giết các ngục tốt cùng chúng sanh đồng ra gọi là an ổn ra. “Song các con ở trong nhà lửa”: là thương con chưa lìa khỏi các ưa đắm vui năm dục. Chơi giỡn: là tham đắm năm dục không chịu khắc chế mình. “Không hay không biết”: Trước tham đắm tức tham ái, không hay không biết gọi là vô minh. Si ái là gốc của sanh tử, không hay nhà sắp đổ gọi là không biết vô thường, không biết lửa bốc cháy gọi là không biết các khổ. Một lần đầu không ngộ gọi là không hay, từ đầu đến cuối không ngộ gọi là không biết, trái mất thiện đời trước gọi là chẳng sợ, sắp mất tuệ mạng gọi là chẳng sợ. Lại ban đầu không sợ khổ vô thường và từ đầu đến cuối không sợ gọi là không sợ sệt. “Lửa đến đốt thân rất đau khổ”: Trên vì chúng sanh chưa chịu khổ mà thí dụ, nay vì chúng sanh chịu khổ mà lập dụ, khổ già bệnh chết đốt thân làm ép ngặt thân, tham sân si thiêu đốt tâm là rất khổ, khổ bên ngoài là bị lạnh nóng, đánh chửi v.v... khổ bên trong là bốn đại không điều hòa một trăm lẻ một bệnh ép ngặt. “Tức không lo lắng, không có ý cầu ra khỏi”: là nói chung hai thứ chúng sanh không có nhằm chán khổ sanh tử muốn cầu thoát ba cõi.

“Trưởng giả đó lại nghĩ”: là dụ cứu con không được. Dụ trên Nhất thừa hóa chúng sanh không được, ban đầu thí chung khen ngợi Phật có vui không khổ, kể thấy lửa dụ chúng sanh có khổ không vui, nay thứ ba muốn cứu khổ cho chúng sanh đồng Chư Phật không khổ ban vui cho chúng sanh đồng Chư Phật có vui, chỉ bậc Thánh năng trao cho chúng sanh chứ không năng thọ cho nên có dụ này. Lại vì giải thích cho nên có thí dụ này. Nhất thừa đã là chân thật Đức Phật khi mới ra đời sao không

nói ngay, vì vậy nên giải thích rằng: Đức Phật khi mới thành đạo liền muốn nói cho chúng sanh nghe, nhưng Thánh tuy năng trao mà chúng sanh chưa có khả năng lãnh thọ cho nên lỗi ở chúng sanh chẳng phải lỗi của Phật. Y cứ thân mà chép: Trên thấy lửa dụ ở địa Pháp thân thấy chúng sanh có khổ, không vui, nay dùng bốn thù tích muốn cứu khổ ban vui cho chúng sanh. Căn cứ ở sự tâm bi nói về: Trên thấy lửa dụ nói về bên trong đại bi đầy đủ, nay nói về xoay vần cứu giúp tức việc bi, Phạm phu Nhị thừa tuy có tâm bi mà không có sự bi nên gọi là ít bi, nay có tâm bi bao gồm có sự bi nên gọi là Đại bi. Do tiểu bi nên gọi là giả tướng bi, do đại bi nên gọi là chân thật bi. Trên phẩm Phương Tiện có ba:

1) Nói về tuệ Phật rất sâu chúng sanh độn căn cho nên không nói pháp.

2) Phạm vương khuyến xin.

3) Giả sử muốn nói thì có tổn hại chẳng lợi ích cho nên không nhận xin dứt hóan Nay chuyển thế nói pháp chia làm hai chương:

1) Thí dụ Đại thừa khuyên hóa độ chúng sanh không được.

2) Thí dụ Đại thừa răn bảo hóa độ không được.

Môn khuyến: là khen ngợi công đức Pháp thân. Răn bảo là nói lỗi lầm sanh tử. Lại khuyến tức là đại từ ban vui, răn bảo tức là đại bi cứu khổ. Sở dĩ chỉ nói về hai môn, vì Đức Phật thì có vui không khổ, chúng sanh thì không vui có khổ, đây đã nhiếp chung Thánh phàm cho nên chỉ nói về hai môn này. Trong môn khuyến có hai tư duy chia làm hai khác nhau:

1) Tư duy nói Đức Phật có khả năng trao Đại thừa.

2) Tư duy rõ chúng sanh không có khả năng thọ.

Đây và hai tư duy của phẩm Phương Tiện khác nhau. Phẩm Phương Tiện:

1. Tư duy không thể dùng tuệ mẫu nhiệm trao cho người độn căn,

2. Tư duy giả sử gượng trao có tổn hại không lợi ích, do chuyển thế khác nhau nên pháp và thí có khác kinh Sư không nên cho rằng thí dụ sau phải đồng với pháp trước. Trường giả đó lại nghĩ: là nêu chung tư duy.

“Thân và tay của ta có sức mạnh”: là nêu các việc đã tư duy thể trí tốt cùng là pháp thân, tức dụng của trí gọi là tay; năng cứu giúp hoặc trở về gốc rễ gọi là có sức mạnh.

Hỏi: Vì sao thân và tay có sức mạnh?

Đáp: Muốn nói về khi Phật mới thành đạo có thể nói Nhất thừa. “Nên dùng ghế hoặc dùng vạt áo từ trong nhà mà ra ngoài”: Trưởng giả nghĩ chân tay có sức mạnh nên có thể dùng vạt áo hoặc dùng bàn ghế từ trong nhà mà ra ngoài, nếu con không có sức mạnh thì không thể như vậy được dụ cho Như lai bên trong có pháp thân hiểu biết, ngoài năng hiện thân thông nói pháp từ nhà ba cõi dẫn chúng sanh ra, đây là dụ ba luân. Suy nghĩ thân và tay của ta có sức mạnh gọi là tha tâm luân. Dùng vạt áo gọi là thân thông luân, nếu dùng ghế thì gọi là nói pháp luân, nên đoạn dưới hiệp dụ nói nên dùng thân lực và trí tuệ lực tức là việc ấy.

Hỏi: Vì sao trước dùng thân thông sau nói về nói pháp ư?

Đáp: Chư Phật Ba đời hóa vật nên phải trước hiện thân thông rồi mới nói pháp, vì vậy kinh này trong phẩm Tựa nói về ba luân trước sau. Ban đầu nhập định Vô Lượng Nghĩa tức tha tâm luân như thân tay có sức mạnh mưa hoa động đất phát ra ánh sáng hiện cõi nước tức thân thông luân gọi là vạt áo. Từ xuất định cho đến một kinh xong tức nói pháp luân gọi là ghế, nói về thừa quyền thừa thật là pháp sở thừa như ghế, nói thân quyền thân thật là người năng thừa dụ cho bàn. Lại bảy đoạn văn kinh mỗi mỗi có vạt áo ghế bàn, ban đầu kinh nói hiện thân thông là vạt áo, nhân Nhất thừa như ghế, quả Nhất thừa như bàn chương sau kinh cũng có vạt áo ghế bàn. Hai phẩm Đa Bảo, Dũng xuất hiện thân thông là vạt áo, nói nhân sống lâu như ghế, nói quả trường thọ như bàn. Lại phối hợp hai việc với hai đoạn kinh: Ban đầu nói về thừa quyền, thừa thật dụ như ghế bàn, tức nói pháp luân, sau nói thân quyền thân thật ngắn dài thích ứng, hóa gọi là thân thông luân. Thí như vạt áo. Khổ cứu con nêu ra vạt áo cha cho nên trước dùng vạt áo làm dụ; ghế bàn: chân cha đạp lên ghế, thân cha nương vào bàn. “Ông lại suy nghĩ”: Suy nghĩ trước là bậc Thánh có khả năng trao truyền, nay biện chúng sanh không có khả năng thọ, lại chia làm ba phần:

- 1) Tư duy lý mâu nhiệm.
- 2) Tư duy độn căn.
- 3) Tư duy không thể dùng diệu lý trao cho người độn căn.

Tư duy lý mâu nhiệm: Ngoài ra dụ Trưởng giả suy nghĩ về cửa có ba ý:

- 1) Chỉ có một cửa.
- 2) Nói về cửa lại rất hẹp.
- 3) Suy nghĩ về cửa rất nhỏ ấy.

Trong hợp chỉ có một cửa: chỉ một chí lý, chí lý không hai nên gọi là một, rất mâu nhiệm rộng suốt gọi là môn (cửa), không dung nạp

phàm phu ái kiến gọi là hẹp, không thọ đoạn, thường của Nhị thừa gọi là nhỏ. Lại không chứa đoạn thường của phàm phu Nhị thừa cho nên gọi là hẹp, cũng không thọ có sở đắc của Bồ-tát Đại thừa gọi là nhỏ, đây căn cứ người để giải thích nghĩa hẹp nhỏ. Lại chí lý không chấp nhận ngôn ngữ thì đường ngôn ngữ dứt gọi là hẹp, không chấp nhận tâm hành thì chỗ tâm hành diệt gọi là nhỏ, lại ngang dứt trăm phi gọi là hẹp, dọc siêu bốn câu gọi là nhỏ.

“Các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn”: là suy nghĩ về con có ba nghĩa:

- 1) Thơ bé.
- 2) Chưa hiểu biết.
- 3) Mê đắm chơi giỡn.

Đối môn trên cũng có ba nghĩa: Gốc lành yếu kém là thơ bé, chưa thể phân biệt công đức pháp thân tội lỗi sanh tử gọi là chưa hiểu biết, triển miên trong năm đường dục gọi là mê đắm chơi giỡn. Lại hợp ba câu này chia làm hai:

- 1) Câu đầu nói về có thiện.
- 2) Hai câu sau nói về có ác.

Thiện có hai nghĩa: Đầu phát tâm là thơ, quán giải yếu kém gọi là kém. Ác có hai nghĩa: chưa hiểu biết gọi là si, mê đắm chơi giỡn gọi là ái, là đầy đủ si ái.

“Hoặc vấp ngã bị lửa đốt cháy”: là tư duy nói về không được hóa độ. Môn đầy đủ ba nghĩa, con cũng đủ ba nghĩa: Nếu bên trong cầm vạt áo hoặc ghế bàn chẳng những không được cứu con ra mà còn làm cho con rơi vào lửa bị đốt cháy, trong hiệp cũng vậy. Chí lý mâu nhiệm chúng sanh căn độn, nếu trao truyền chí lý thì người độn căn không có khả năng ngộ giải, chẳng những không vượt sanh tử lại còn khiến kia sanh tâm chê bai.

Hỏi: Đức Phật biết người độn căn nhất định chê bai pháp Đại thừa, vì sao nói là hoặc sẽ rơi rớt ư?

Đáp: Khi mới thành đạo căn cơ Đại thừa chưa thuần thực nên sanh khởi chê bai, đến hội Linh Sơn bỏ Tiểu chấp thì năng tín nhận do căn tánh bất định cho nên xưng hoặc.

Hỏi: Nay vẫn nói chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp có gì khác với vẫn trước chỉ có một cửa?

Đáp: Có người chép: Ban đầu dùng chung giáo đại tiểu làm một môn (cửa) sau chỉ dùng giáo Đại thừa làm một môn. Có người nói nay vẫn nói một môn cũng đầy đủ giáo đại tiểu, chỉ có một cửa đồng với

ngihtên. “Mà lại nhỏ hẹp” là nói riêng môn Đại thừa. Như thẳng một cửa ấy đã khó ra được hướng chi chi nhỏ hẹp ư? Thẳng ấy đối Phật pháp đã khó tin hiểu hướng lại Đại thừa đâu dễ hiểu ư? Nay nói hai giải thích này đều thành khó hiểu!

Vật áo ghế bàn đã là thí dụ giáo vì sao lại dùng một cửa để dụ giáo, lại vì sao được dùng giáo vật áo, ghế bàn từ cửa Phật giáo (môn) mà ra ư? Nay nói về như trước giải thích, trong đây dùng lý làm môn, dùng vật áo, ghế bàn làm giáo. Cửa đã nhỏ hẹp không thể dùng vật áo ghế bàn từ cửa đem con ra được, lý đã mâu nhiệm không thể hiện thần thông nói pháp giúp chúng sinh ngộ lý.

Hỏi: Trưởng giả thân tay có sức mạnh vì sao không đem con ra ư?

Đáp: Thân tay dụ cho trí bên trong chiếu soi căn cơ, vật áo bàn ghế dụ cho hiện thân thông nói pháp bên ngoài, chỉ được dùng bên ngoài hóa vật, không được dùng trí bên trong hóa vật.

“Ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ”: là Nêu giới môn (môn răn bảo) nói Đại thừa hóa vật không được. Căn cứ dụ mà chép: Dùng vật áo bàn ghế đem con ra không được nay nói thẳng việc đáng sợ khiến con mau ra. Trước nói pháp thân, công đức đã không tín nhận, nay nói tội lỗi sanh tử khiến vượt ba cõi.

Hỏi: Khuyên và răn bảo vì sao khuyên trước, răn sau?

Đáp: Khuyên môn là gốc răn bảo là ngọn, Chư Phật ra đời vốn vì khai tri kiến Phật, chỉ vì chúng sanh không hiểu cho nên sau mới nói tội lỗi sanh tử.

Lại tuệ Phật khó hiểu, tội lỗi sanh tử dễ biết nên trước nói khó sau trình bày dễ, câu đây nói chung muốn nói việc đáng sợ. “Nhà này đã bị cháy phải ra cho mau”: Chính là nói về việc đáng sợ. Do có ấm thân xếp vào lửa già bệnh chết thiêu đốt thân, lửa ba độc đốt cháy tâm, cho nên nói nhà này bị lửa lớn đốt cháy. “Chớ để bị lửa đốt hại”: Trên tuy nói về hai thứ lửa đốt cháy nhưng chỉ đốt mà chưa hại, nay sợ bị hai thứ lửa hại cho nên khuyên răn, nếu buông thả hai thứ lửa này thì bị đốt diệt gốc lành hại pháp thân cắt đứt tuệ mạng. “Suy nghĩ thế rồi bảo các con rằng”: Câu trước nói trong tâm tư duy, ở đây nói về giả lập nói cho sợ hãi. “Cha dầu thương xót khéo nói dụ dẫn”: Đây là nói về chúng không có căn cơ không nhận sự răn bảo. Thương chúng không vui, xót cho chúng có khổ nên dùng pháp, thí dẫn dụ, thương xót căn cứ trong tâm, khéo nói dẫn dụ căn cứ ngoài nói pháp. “Mà các con tham đắm vui chơi”: Nói về các con tham đắm sanh tử năm dục lạc. “Không

chịu tin nhận” là không tin sanh tử là vô thường khổ Kinh Thụy Ứng chép: Dù sẽ vì nói muôn vật vô thường thiên hạ đều khổ, chính là nói dường như trái, ai chịu tin khổ nhọc ta như vậy, không bằng sớm chọn Niết-bàn. “Không sợ sệt”: Đầu không sợ sanh tử là không kinh, không hề sợ nên không sợ sệt. “Lại cũng chẳng hiểu gì là lửa”: là không biết lửa sanh già bệnh thiêu đốt thân, lửa ba độc thiêu đốt tâm. “Gì là nhà? Thế nào là hại”: Không biết ba cõi là nhà chung, năm ấm là nhà riêng, không biết do lầm vọng tưởng nên khởi sanh hai lửa hại thân tâm vọng tưởng là gốc của hai lửa. “Chỉ cứ đông tây chạy giỡn”: Xưa nói nam bắc là dọc, Đông Tây là ngang, nói về các con ngang lý dụng tâm, nay nói lập nhà thì Đông Tây không có cửa chỉ mở cửa hướng Nam, vì Đông Tây không cửa tức trái lý chạy chơi giỡn nên không có nghĩa ra ngoài, nếu trái bắc hướng Nam thì trái mê hoặc hướng đến lý liền có nghĩa ra cho nên không nói Nam Bắc chạy giỡn. Lại nếu Nam Bắc chạy thì cha ở ngoài cửa con liền có lý theo cha, cha liền có nghĩa hóa độ con, chẳng nói không căn cứ. Tâm rong chơi ái kiến nên gọi là chạy, không tự khắc phục mình gọi là giỡn. “Nhìn cha mà thôi!”: Ban đầu dù không tin chỉ có phần hướng lý cho nên nói “nhìn cha”, chưa thể tu hành nên gọi “mà thôi”.

“Bấy giờ, Trưởng giả liền nghĩ v.v...”: là dụ ba xe cứu con được. Sở dĩ có dụ này: Đã Nhất thừa hóa không theo không chấp nhận bỏ mà không cứu, cho nên đối một Phật thừa phân nói riêng ba, thì từ Phật khởi quyền cũng là ẩn thật hiển quyền. Lại ở trên tức vật áo ghế bàn do có vật đem con ra không được, nay hư chỉ ngoài cửa do không có vật nên đem con ra được, nhưng pháp Như lai chứng đắc là không hư không thật, do không hư không thật nên có khả năng nói hư thật đều là thật, chẳng được nói không hư không thật cho nên hư thật đều là hư. Có vật ấy là đạo lý chỉ có Nhất thừa, không vật ấy là đạo lý không có hai thừa. Lại vật áo bàn ghế cha dùng vật để cứu con không được, nghĩa là Nhất thừa sở hành của Như lai. Kinh Niết-bàn chép: Lại có một hành là Như lai hành, có chỗ gọi Đại Niết-bàn Đại thừa. Nay nói về ba xe vật của con, cứu con được, ba xe là chỗ nương của chúng sanh nên gọi là vật của con. Thích luận và luận Nhiếp Đại thừa chép: Phật thừa là tư thừa, hai thừa là tha thừa, tức Kinh nay nói Phật tự trụ Đại thừa cho nên biết hai thừa là của con trụ. Nếu nói theo thân thì thấy lửa được gọi là pháp thân, cứu con không được dụ là Xá-na báo thân, ba xe dẫn con dụ là tức Thích-ca hóa thân. Đây là thí dụ trên Ba thừa hóa độ được chúng sanh.

Văn trên có ba:

- 1) Niệm muốn khởi hóa Ba thừa.
- 2) Nói giáo Ba thừa.
- 3) Nói về được lợi ích.

Nay chuyển thế nói pháp văn có bốn phần:

- 1) Biết xưa các con ưa thích.
- 2) Vì nói ba xe.
- 3) Các con tin chịu ra khỏi nhà lửa.
- 4) Thấy con thoát nạn vui mừng.

Phần một chia làm ba:

- 1) Nói về không ra là tổn hại.
- 2) Muốn lập chước dụ ra.
- 3) Biết sở thích của con trước đây.

“Nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy: “Nhà ba cõi chính là bị hai thứ lửa thân tâm đốt cháy. “Ta và các con nếu không ra ngay sẽ bị lửa cháy”: Trên nói lửa cháy, nay nói bị lửa hại tức không khỏi bị tổn hại.

Hỏi: Con không ra khỏi có thể bị lửa hại, cha trước đã ra khỏi vì sao bị lửa thiêu?

Đáp: Có người chép: nếu Như lai không dùng giáo Ba thừa hóa khiến ra khỏi nhà thì gốc lành của chúng sanh không sanh trưởng không thể nối kế dòng dõi Phật, như con bị đốt cháy, thì công Như lai hóa độ cũng bật dứt; như cha bị lửa hại. Có người chép: Chúng sanh bệnh nên Bồ-tát cũng bệnh chúng sanh bị đốt nên Như lai cũng bị đốt. Nay nói Kinh này từ đầu đến cuối chính khen ngợi cha đã thoát khỏi lửa, con chưa thoát khỏi lửa, khác với ý Kinh Tịnh Danh, cho nên hai giải thích trên chưa thỏa đáng. Nay ý văn nêu con mà nói cha, đây căn cứ văn mà luận thôi! Xưa ta cũng ở trong nhà nếu không kịp thời ra thì bị lửa hại, do kịp thời ra nên thoát khỏi nhà lửa, con cũng nên hư vậy, kịp thời ra thì tránh khỏi không kịp thời ra thì không tránh khỏi. Kịp thời là Như lai vốn ở trong ba cõi chỉ do căn cơ phát nên ra khỏi ứng thời liền ra, được thoát khỏi lửa, chúng sanh khi căn cơ phát mà không ra còn chịu khổ.

“Nay ta nếu lập ra phương tiện”: Nói muốn bày cách ra khỏi tức là biết bệnh rõ thuốc, không ba nói ba nên gọi là phương tiện. “Cha biết các con vẫn có lòng Thích-các đồ chơi đẹp”: chính biết sở thích của con trước đây. “Biết trước lòng con”: tức quá khứ đều có hạnh nguyện. Sở thích là ưa muốn hiện tại. “Các thứ châu báu lạ lùng nếu có v.v... chắc đắm ưa”: tức Ba thừa đối mê hoặc là châu báu, so với Nhất thừa là kỳ lạ. Lại Ba thừa là pháp ra đời, khác với pháp thế gian cho nên gọi là kỳ lạ. “Mà bảo các con rằng”: chánh là dụ nói ba xe. Văn có bốn trường

hợp:

1. Xưng tán.
2. Chỉ bày nơi xe.
3. Khuyên khiến mau ra.
4. Chấp chặt cho là không luống dối.

Đây đều ví như đến vườn Nai nói giáo Ba thừa. “Đây là những thứ ít có khó được các con ưa thích”: quả Thánh Ba thừa đều là pháp xuất thế gian, ở thế gian không có gọi là ít có khó được. “Nếu các con không ra lấy sau chắc buồn hối hận”: Bạc Thánh tuy có nói sợ chúng sanh không có khả năng tin hành, cho nên nói “sau sẽ hối hận”. Căn cơ phát gặp Phật mà không tu đạo nhận lấy quả Thánh thì sau sẽ hối hận. “Các thứ xe trâu, xe dê, xe hươu như thế”: là chỉ bày xe. “Các thứ” theo chú giải kinh chép: Các thứ ở trước ở Ba thừa tức thừa trời người. Có người chép: Y cứ trong mỗi xe lại nói về ba minh, sáu thông mười trí, tám giải, cho nên nói các thứ. Xe dê, xe hươu xe trâu: Bồ-tát hóa độ thế gian, Thanh Văn theo thầy, thuộc loài ở nhân gian dụ như xe dê, Duyên giác tiến không hóa độ thế gian, thoái không theo thầy, dụ như xe hươu, tiêu biểu loài ở rừng núi. Lại, dê là loài thú tánh chậm lụt, dụ như Thanh Văn, tánh hươu nhanh nhẹn dụ cho Duyên giác, sức trâu khỏe mạnh dẫn Xa nặng đi xa dụ cho Bồ-tát. Lại giải thích hình dáng dê nhỏ dụ cho Tiểu thừa, hình dáng hươu trung bình dụ cho trung thừa, hình dáng trâu lớn dụ cho Bồ-tát Đại thừa.

Hỏi: Là căn cứ ba trí nói về ba xe hơn kém hay căn cứ vào ba dứt trừ?

Đáp: Có người chép: Căn cứ đủ cả trí, đoạn hơn kém, Thanh Văn chỉ dứt chánh sử, Duyên giác dứt tiểu tập, Bồ-tát kết, tập đều phá đổ. Nay nói Trung thừa dứt tập, kinh luận không có văn nói chỉ chọn trí có hơn kém dụ ba xe khác nhau thôi!

“Nay ở ngoài cửa”: Cửa là nhà. Lập ba xe này đồng dừng ở ngoài sanh tử, vì sao vậy? Vì ba quả tuy khác mà nghĩa hoặc tận đồng cho nên đồng ở ngoài cửa. Lại, pháp sở đắc của Ba thừa cho rằng số diệt vô vi và hai Trí Tận, vô sanh. Chú giải kinh chép: sáu pháp là thể của quả Thánh nghĩa là vô lậu năm ấm và số diệt vô vi đều ở ngoài sanh tử, nhưng báo thân La-hán báo thân thật ở trong ba cõi, do người theo pháp cũng được gọi là La-hán vượt ngoài cõi, do pháp theo người, người ở trong cõi cũng được gọi là La-hán ở trong ba cõi. Nếu thân và pháp từng thứ phân biệt thì trong ngoài thuộc hai, sơ quả sở đắc vô lậu thì chẳng phải ba cõi ràng buộc, pháp theo đây có thể biết. “Có thể” dùng

dạo chơi”: là ý nói về dùng xe. Có người nghi rằng: Nếu là nhân thừa có thể có dùng vận chuyển ra ba cõi, nay đã ra ba cõi đâu cần dụng thừa! Cho nên giải thích nói có thể dùng xe dạo chơi, dạo chơi là vui lòng thỏa thích. Sanh tử qua lại ruổi chạy trong năm đường, trải qua gian nan cay đắng, quả Thánh quên mất nỗi khổ đó nên nói dạo chơi. “Các con ở trong nhà lửa”: là khuyên mau ra, khiến người Ba thừa siêng năng tinh tấn mau dứt phiền não được ra ngoài ba cõi, thật là ra đi mà nói ra đến, do ở trong vọng bên ngoài là đi, ở ngoài quán trong là đến. “Tùy ý các con muốn”: là nói chấp chặt cho là không luống dối.

“Lúc bấy giờ, các con v.v...”: là các con chịu hóa tức dụ trên. “Liên có A la hán, tên Pháp Tăng sai khác”, người Ba thừa được lợi ích. “Thích hợp ý mình”: Đã biết căn cơ mà nói giáo chắc xứng căn cơ nên nói thích hợp ý nguyện. “Trong lòng mỗi chúng nó đều mạnh mẽ”: Trước nói về giáo xứng căn cơ, nay nói về căn cơ tin giáo. Đã khởi tín tâm tức muốn tu hành nên nói mạnh mẽ. Mạnh là mạnh bạo tiến lên. (tuệ) là lanh lợi. “Xô đẩy lẫn nhau”: Trước đã có tín tâm, nay nói về siêng năng tinh tấn. “Cùng đua nhau ruổi chạy”: Trên đã nói về tinh tấn, đây chính nói về quán lý Bốn đế, quán khổ dứt tập như cùng nhau ruổi chạy, chứng diệt tu đạo thí như tranh khỏi nhà lửa. Có người chép: Tâm mỗi người đều mạnh mẽ đây nói về địa vị ngoài phạm phu, tức ba trước trong bảy phương tiện, nghĩa là địa vị Văn, Tư, Tuệ. Xô đẩy lẫn nhau gọi là địa vị trong phạm phu; tức bốn gốc lành gọi vị tu tuệ. Cùng đua nhau ruổi chạy” là địa vị Hữu học trong ba cõi, tranh ra khỏi nhà lửa là địa vị Vô học, cho nên gồm có trong ngoài, Thánh có Hữu Hữu học, Vô học.

“Khi đó Trưởng giả”: là cha thấy con thoát nạn vui mừng. “An ổn ra khỏi”: là khi thấy các con tu hành không có lui sụt được thoát khỏi phần đoạn sanh tử ba cõi. Đều ở trong ngã tư đường: Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Tứ đế dụ cho ngã tư đường. Đoạn, hạ phẩm hoặc tứ đế hết là thông, đạt Tứ đế, như bốn đường thông suốt làm ngã tư. “Nơi đất trống”: Đã đoạn tứ đế, hạ phẩm chánh sử tận, cũng không còn các triền cái ràng buộc nên gọi là giữa đất trống. “Mà ngôi”: là trong nhân tu hành như ruổi chạy, đắc quả rốt ráo là ngôi yên. Lại ruổi chạy theo sanh tử là hành, nay đắc quả thánh là ngôi. “Không còn chướng ngại”: là ba chướng này mất không còn bị ràng buộc chướng ngại nên nói không chướng ngại. Lại ở ngã tư đường ngôi chỗ đất trống: là muốn nói lên ngoài ba cõi không có ba xe để lên. Lại trước hướng đến nhà ba cõi, nay đã ra khỏi nhà ba cõi gọi là đất trống, trong kệ dưới nói đất trống

cũng vậy. “Tâm thư thái vui mừng hơn hờ”. Trên nói về thấy con thoát nạn, nay nói tâm cha vui mừng, do ban đầu thấy ở nhà lửa nên buồn, nay thấy ra khỏi nhà lửa cho nên vui, như chúng sanh bệnh nên Bồ-tát bệnh, bệnh chúng sanh lành Bồ-tát mới lành bệnh.

Hỏi: Phẩm Phương Tiện chép: Nay ta vui vô úy có khác gì cái vui mà văn này nói không? Đáp: Phẩm Phương Tiện nói Tiểu thừa không xứng hợp ý Phật cho nên buồn, thấy căn cơ Đại thừa phát hợp theo ý Phật cho nên vui. Văn này nói thấy ở trong nhà lửa nên buồn thấy ra khỏi nhà lửa đắc Tiểu quả cho nên vui.

Vào hạ tuần Nhị Tân năm Giáp Ngọ Niên hiệu Vĩnh Nhân hạ tuần Sa-di Đạo Tôn in khắc bán Pháp Hoa quyển năm công hiệu hạnh xin làm phước, rất mong mỗi nhận lợi chỉ dạy của các bậc thượng nhân như được hạt châu trong búi tóc đầu dấm không cung kính tôn trọng ư! Mà khắc in nghĩa số do đàn việt góp sức, hồi hướng công đức này cho bốn ân pháp giới bình đẳng.

Sa-môn Đô Can Duyên, Tố Khánh kính ghi.

PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 6

PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

(Phần 2)

“Bấy giờ, các người con đều thưa với cha rằng” v.v... trở xuống là thí dụ đồng ban cho xe lớn. Văn chia làm ba:

- 1) Xin xe.
- 2) Cho xe.
- 3) Được xe vui mừng.

Xin xe: Đại thừa căn cơ phát. Cho xe: vì nói Nhất thừa. Được xe vui mừng: Nghe Nhất thừa ngộ giải. Nghĩa chỉ có ba phần này không được nhiều hay ít hơn. Thí dụ phẩm Phương Tiện ở trên nói Nhất thừa. Xin xe là đại tông của một kinh nay lược giải thích. Có người chép: Trước đăc La-hán sau xuất tâm đạo chơi đùa thiên nhân xem thấy đời vị lai còn có sanh tử thì phiền não chưa hết chưa có Tận trí, còn có sanh tử chẳng có Vô sanh trí vậy Đức Phật vì sao nói La-hán có Tận trí, Vô sanh trí ư! Do Đức Phật suy tìm kiếm Tận, Vô sanh trí nên nói xin xe, xe tức Tận Vô sanh trí, ở đây cho là không đúng. Trước đã thấy có sanh tử chưa hết tức biết Ba thừa chẳng phải rốt ráo, lẽ ra cũng liền biết Nhất thừa là rốt ráo vì sao lại còn có xin. Lại trong Ba tạng giáo nói về La-hán làm sao biết được việc ngoài ba cõi, nếu Tiểu thừa đã nói về việc ngoài ba cõi thì có gì khác với Đại thừa! Nay nói về xin xe dụ chỉ căn cứ nay nói chẳng phải còn ở giáo trước.

Chỉ xin xe gồm có hai môn:

- 1) Không xin giả lập xin.
- 2) Căn cứ nghi tình nói về có xin.

Nói không xin mà lập xin gồm có hai nghĩa:

- 1) Muốn nói lên Ba thừa là phương tiện.
- 2) Muốn nói lên Nhất thừa là chân thật.

Nói lên Ba thừa là phương tiện nói về lý không có Ba thừa, nói

lên Nhất thừa là chân thật cũng chỉ bày đạo lý có Nhất thừa. Bởi vì đại tông của một kinh cho nên giả lập xin xe. Muốn nói lên Ba thừa là phương tiện: Trước nói về Trưởng giả biện minh không có Ba thừa, đối chỉ ngoài cửa không có ba xe nói có ba xe, đây là căn cứ vẫn nói về Ba thừa là phương tiện. Ngoài cửa nếu thật có ba xe, con ra ngoài cửa liền thấy có ba xe thì không xin ba, do con xin ba nên biết ngoài cửa không có ba xe, nghiệm biết cha trước đây nói lý thật không có ba mà phương tiện nói ba, đây nhờ con xin ba để nói lên ba là phương tiện.

Hỏi: Vì sao nhờ cha con đều nói lên ba là phương tiện ư?

Đáp: Giáo này sanh khởi chính là phá chấp Ba thừa là thật, cho nên phải nói về Ba thừa là phương tiện tức là mở cửa phương tiện, rồi sau mới được hiển nghĩa chân thật, cho nên mượn cha con nói về Ba thừa là phương tiện.

Nói nhờ xin xe dụ nói lên Nhất thừa chân thật: Dưới nói về đồng ban cho tức là có một, sắp nói về một có nên nói trên ba không! Nói không có Ba thừa không rõ ràng thì nói có Nhất thừa sẽ không nói lên, nên mượn xin ba để hiển không ba. Như kia có ba thì không xin ba, do kia xin ba nên biết không có ba, ở ba đã không có thì một có liền nói lên cho nên mới được ban cho một. Bởi vì chánh ý của kinh không nên giải thích khác. Nói căn cứ nghi tình mà nói xin xe, nhưng hai môn mê ngộ đều không có xin. Trước đã chấp ba thì thấy có xe chứng đắc Tiểu quả liền không xin xe, nay nếu lãnh ngộ biết có một không ba cũng không xin ba, mà nay nói có xin tức căn cứ nghi tình kia nói có xin đó thôi! Đức Phật trước nói có ba, nay giáo nói về không ba, người mê hoặc đem không ba nay suy tìm có ba trước nên nói xin!

Hỏi: Vì ba hạng người xin ba, hay vì hai người xin ba ư?

Đáp: Căn cứ ra ngoài cửa mà xin ba chỉ là hai người La-hán và Bích chi thôi! Tiểu thừa nói về Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến Bồ xứ chưa dứt phiền não còn là phàm phu, cho nên ở trong cửa không được nói ra ngoài cửa xin xe. Bồ-tát Đại thừa vượt ra ngoài cửa tự biết chưa đến quả Phật cũng không xin xe.

Lại nữa ba xe dụ cho quả Ba thừa, La-hán, Bích chi đến nơi hai quả tìm cầu quả không được cho nên xin quả. Không có Bồ-tát đến nơi quả Phật tìm quả Phật không được cho nên không có Bồ-tát xin xe quả Phật.

Hỏi: Nếu vậy chỉ hai hạng người xin chỉ nên xin hai, sao được xin ba ư?

Đáp: một người hai người đều được xin ba không nghi ngờ.

Hỏi: Nếu nói hai người xin, vì sao vẫn nói các con xin ư?

Đáp: Bởi vì tướng chung gọi là các con chẳng phải ngoài cửa có ba người gọi là các con, cho nên sau hợp thí giải thích rằng: Nếu thấy vô ức ức ngàn chúng sanh vượt khổ ba cõi được vui Niết-bàn. Đây chỉ nói về người Nhị thừa vượt ngoài ba cõi được vui Niết-bàn, không nói Bồ-tát thì biết không hẳn là ba con xin.

Hỏi: Có Bồ-tát nào xin xe hay không?

Đáp: Nếu căn cứ ngoài cửa thì không có Bồ-tát xin, nếu luận chung trong cửa, căn cứ ở nghi tình, trước nói có ba nay nói không ba, Bồ-tát do không có chứng cứ cũng có xin.

Hỏi: Kia đã xin ba xe vì sao chỉ cho một?

Đáp: Đã do nghi tình nên xin, nghi là giải thích thối nhuần, nếu có giải thối thì đại căn cơ đã động, Phật nói Nhất thừa tức là xin Nhất thừa cho nên sau ban cho một xe.

“Lúc bấy giờ Trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn v.v...” là nói về cho xe. Xin mà không cho là không có ba xe có thể hợp với xin, cho mà không xin ấy là chỉ có một để ban cho người có căn cơ. Văn chia làm hai:

- 1) Nêu hai chương đồng ban cho và xe lớn.
- 2) Kế là giải thích hai chương.

Nêu hai chương:

- 1) Nêu chương đồng ban cho xe.
- 2) Nêu chương xe lớn.

Người cho chẳng phải một nên nói đều cho. Đồng một: Trước nói ba căn cơ riêng phát, dùng xe lớn ban cho Bồ-tát không cho Nhị thừa, nên gọi thiên vị cho. Nay ba bệnh đã tiêu, đại căn cơ đã phát đồng ban cho xe lớn, đối với trước thiên vị cho nên nay nói đồng ban cho. Vì thế, văn dưới chép: không để cho có người được diệt độ riêng đều dùng pháp diệt độ của Như lai mà cho chúng sanh diệt độ tức chứng minh điều ấy. Không để cho có người được diệt độ riêng: là không để cho Bồ-tát đắc đại Niết-bàn riêng. Đều dùng pháp diệt độ của Như lai cho chúng sanh diệt độ: Cũng giúp cho Nhị thừa chứng đại Niết-bàn. Xe lớn: Nêu chương xe lớn: tức ra ngoài cửa ban cho xe. Xe kia cao rộng: là giải thích hai chương. Trước giải thích chương xe lớn, kế giải thích chương đồng ban cho xe.

Giải thích chương xe lớn có ba phần:

- 1) Giải thích xe lớn.
- 2) Giải thích xe trắng.

3) Giải thích tôi tớ theo.

Phần một lại có hai:

1) Giải thích nghĩa lớn.

2) Giải thích thể xe.

Xe kia cao rộng là giải thích nghĩa lớn, vượt ngoài hai thứ sanh tử là tiêu biểu cao, đầy đủ muôn đức gọi là rộng. Lại vượt ngoài hai thứ sanh tử là cao tức là quả Đại Niết-bàn, đầy đủ muôn đức là quả Bồ-đề. Dưới lại đem hợp hai quả lại. Lại vượt ra hai thứ sanh tử thì hệ lụy không hệ lụy nào chẳng không hết, đầy đủ muôn đức thì đức không đức nào không tròn đầy, hệ lụy không gì không tận chẳng thể nói có, đức không gì không tròn đầy không thể nói không, chẳng có chẳng không gọi là Trung đạo, pháp Trung đạo gọi là Nhất thừa cho nên nói cao rộng. Đây là đối hai châu chỉ nêu ra phần đoạn gần cho nên gọi là thấp, không đầy đủ muôn đức gọi là hẹp. Nếu căn cứ nhân xe giải thích nói lược hạnh nguyện, nguyện thì trên cầu Phật đạo làm cao, dưới độ chúng sanh làm rộng, hạnh đạt đến vô thượng Bồ-đề là cao, học khắp các đạo là rộng.

“Các báu trang nghiêm”: là giải thích thể của xe; Trước giải thích chung, kế giải thích chi tiết. Tuy nêu cao rộng sợ chẳng phải các báu tạo thành, cho nên kế là nói về các báu trang nghiêm tức là muôn đức là thể của quả xe. Nếu căn cứ nhân xe muôn hạnh giúp đỡ tạo thành kia vận dụng. “Lan can bao quanh”: là kế giải thích chi tiết xe. Trước nói chung, sau giải thích riêng, để giải nghĩa, Giải thích chi tiết xe lại chia làm hai: Trước giải thích ngoài xe trang nghiêm, kế giải thích trong xe trang nghiêm. Ngoài xe trang nghiêm là khen ngợi đức Đại thừa hóa tha, trong xe trang nghiêm là nói về đức bên trong; quả đức vô cùng không ngoài hai thứ này.

Khen ngợi đức bên ngoài nói lược năm môn:

1) Khen ngợi tổng trì.

2) Khen ngợi bốn biện.

3) Khen ngợi bốn đẳng.

4) Khen ngợi bốn mở rộng.

5) Khen ngợi bốn nhiếp.

Đầu một là năng trì, sau bốn là sở trì. Lan can dụ cho tổng trì, giữ vật trong không mất là lan, ngăn vật bên ngoài không xâm tổn là can, tổng trì cũng như vậy, giữ gìn các đức không để mất, ngăn giữ các điều ác không để phát sanh, nghĩa là giữ gìn các đức ngăn khắp các lỗi nói là bao quanh. Đây là gốc của các đức, lại Tiểu thừa vốn không có nên

nói đầu tiên, đồng trên các Bồ-tát. Bốn phía theo linh: là khen ngợi bốn biện. Tổng trì là gốc các đức cho nên nêu ở đầu, bốn biện là cần thiết giáo hóa chúng sanh nên kể nói. Xe có linh chuyển động mà phát ra tiếng, Đại thừa hóa vận chuyển bốn biện âm thanh thông suốt. Lại giải thích chỉ chọn Nhạo Thuyết Biện như âm thanh của linh dùng hóa độ bốn loài nên nói bốn phía. Trước khen ngợi đức của Bồ-tát ban đầu nói về đắc Đà-la-ni, kể nói về được Nhạo nói biện tài, nay hai âu lại đồng trên. “Màn lọng giăng che”: là khen ngợi bốn đẳng, ngoài bốn biện tài là cần thiết do bốn đẳng bên trong đầy đủ nên kể khen ngợi, hiên là dùng phủ trên cao che dưới, từ bi cũng như vậy, cao vượt khỏi Nhị thừa dưới phủ che sáu đường. Tuy nói bao phủ xe thật ra che phủ người trong xe. “Cũng dùng đồ quý báu tốt đẹp mà trang sức”: Nói về hưởng đến từ bi do các đức tạo thành là thể chân thật, không đồng với ngoại đạo Nhị thừa giả tưởng từ bi. “Dây bằng báu kết thắt”: kể khen ngợi bốn mở rộng, hiên không thắt kết thì bị gió làm lay động thổi bay do đó phải buộc giữ gìn không để bị lay động, do bốn mở rộng này điều ngự bốn đẳng, hết đời vị lai không bỏ bốn loài sanh lại ngăn giữ không để bị lỗi ái kiến. “Các dải hoa rủ xuống”: là kể khen ngợi bốn nhiếp, tuy có bốn mở rộng thế nguyện lại phải hành bốn nhiếp pháp. Dải hoa rủ xuống vui lòng chúng: bốn nhiếp pháp làm chúng vui thích quy thuận về đồng đảo như rừng.

“Nệm chiếu mềm mại trái chông”: là nói về trong xe trang nghiêm dụ cho đức bên trong. Nệm chiếu mềm mại làm nệm xe có thể dùng thích ứng thể như thiền định mềm mại lại có thể an thân. Do định có tám thứ lớp nên gọi là trái chông, lại trăm ngàn Tam-muội cho nên nói lớp. Nệm chiếu người nước ngoài gọi là lụa tốt, gọi là bàn súc tú, người giàu sang dùng nhiều lớp trái, để dụ cho Tam-muội chẳng phải một. “Gối đỡ để trên”: có người chếp: trước sau hai bên xe để gối đỡ dựa vào hai gối đây lại còn dọc để thành bốn lớp làm tường dựa. Tín là nền tảng của muôn thiện, giới là căn bản của các đức, Đại thừa đức hạnh còn nương hai pháp này do hai gối của xe. Nay cho rằng đây không phải hai gối của xe, làm sao biết? Đã trái nệm xong sau mới để gối, đây chính là muốn nằm gối chẳng phải gối xe. Lại dưới kệ nói về trên đệm chiếu trái nệm trắng thì dùng nhiều lớp chông lên nhau thay gối cho nên biết gối để kê đầu.

Hỏi: Vì sao trong xe để gối ư ?

Đáp: Đây đã nói về đức bên trong thì có nghĩa dứt hóa giống như nằm nghỉ nên kinh Niết-bàn dạy nhập vào hang sâu thiền định Niết-bàn chúng không thấy nên gọi là nhập Niết-bàn. Nay ở trên nệm lại để gối

dụ như trong thiền định nhập Niết-bàn.

Lại, Đức Phật có thời gian cho đến tám muôn kiếp nhập thiền định sâu cứng là dứt hóa cho nên muốn giống như nằm.

Hỏi: Vì sao gọi là gối đỏ ư?

Đáp: Màu đỏ là sắc mạnh, do thiền định sâu nên phát sanh nhiều, công kia hiển sáng tỏ như sắc đỏ. Lại giải thích người xưa hợp với thần châu làm cho được sống lâu dụ cho nhập Niết-bàn thường lạc ngã tịnh.

“Dùng trâu trắng kéo”: là giải thích xe trâu kéo. Pháp sư Trúc Đạo Sanh dùng ý Kinh Tịnh Danh giải thích văn này rằng: sáu thông vô cấu gọi là trâu trắng, cho nên nói vò ngựa có năm thông rong ruổi, nay nói về muôn đức bình đẳng với đại bi không đồng với nghĩa kia. Muôn đức chỉ có vận mà không có dẫn dắt (đạo) cho nên chỉ xe chẳng phải trâu; bình đẳng đại tuệ vừa vận vừa dẫn dắt cho nên đầy đủ hai nghĩa xe và trâu. Năm độ đối với nghĩa Bát-nhã kia cũng vậy. Xe trâu trắng lớn nghĩa là bình đẳng đại bi. “Sắc da mạp sạch”; chủng trí tròn đầy là da mạp, thanh tịnh không nhiễm là sắc sạch. Thân hình mạp đẹp: không có tướng mạo là hình thể, vắng lặng mầu nhiệm là mạp đẹp. “Có sức rất mạnh”: Trên nói về thể của tuệ nay nêu dụng của tuệ, chiếu dụng sâu xa năng dứt đại hoặc khắp thích hợp chở nặng, đi đường xa mà không mệt nhọc, đầy đủ bốn nghĩa này gọi là có sức mạnh. “Bước đi ngay thẳng”: Đạo đi ngay giữa đường không nghiêng lệch. “Mau lẹ như gió”: không nhanh mà mau, cảm chẳng có gì không ứng, lại một niệm biến khắp, tất cả pháp cũng mau lẹ như gió, dùng Đại thừa hóa nhập vào năm đường cõi đi như dạo chơi.

“Lại có nhiều tôi tớ hầu hạ”: là nói về khách theo. Đã dùng quả Phật muôn đức làm xe thì Đức Phật là người lên xe người theo giáo tu hành tôn sùng hầu hạ như rừng, cho nên kẻ ở dưới nói Đức Phật vui mừng cảm đến tất cả chúng sanh khen ngợi cúng dường lễ bái tức nghĩa tôi tớ. Nếu căn cứ nhân xe văn này đã nói về địa vị Vô học, đã được vượt khỏi nhà lửa này mới lên xe, từ người còn học trở xuống, đều gọi là tôi tớ.

Vì sao? v.v... là nói về giải thích chương đồng ban cho xe. Văn có hai:

- 1) Nói có xe lớn.
- 2) Nói đồng ban cho xe.

Nay trước giải thích có xe, sẽ giải thích ban cho xe nên trước giải thích lý do có xe. “Mà nghĩ rằng v.v...” là nói về đồng ban cho xe. Ban đầu nói về không nên khác nhau. “Nay các trẻ thơ này v.v...”: nói về

nên đồng ban cho xe. Ban đầu nói về đồng là con cho nên phải đồng cho. “Đồng yêu thương không nghiêng lệch v.v...” là yêu thương bình đẳng cho nên phải đồng ban cho.

“Ta có xe bằng bảy báu như thế v.v...” hai câu trước nói về tâm bình đẳng, nay câu này nói của cải nhiều. “Số nhiều vô lượng”: xe thì không phải hai mà người cỡi xe chẳng phải một, người cỡi xe chẳng phải một cho nên nói vô lượng. “Vì sao?” vì là nêu nhiều hướng chỉ ít. “Cho cả người một nước”: Nước nghĩa là chúng sanh, giả sử chúng sanh mười phương cơ phát trong cùng lúc đều cùng Phật thừa mà Phật thừa còn không thiếu, không hết. Cho nên Đại Phẩm chép: chư Phật mười phương ba đời đều học Bát-nhã mà Bát-nhã bất khả tận, Bát-nhã tức Nhất thừa.

“Khi ấy các con v.v...” là nói về được xe vui mừng.

Hỏi: Xe lớn đã dụ quả thừa, các con là nhân, làm sao được cỡi lên quả xe?

Đáp: Hiểu quả xe là từ Phật mà đắc, tùy phần đều lãnh hội, cho nên nói đều ngồi lên xe. Lại nhân chắc chắn được quả cho nên nói được xe. Mong cầu là Tiểu quả mà đạt được Đại. Sự ban cho vượt ngoài ý muốn chép: là “Không phải chỗ trước mình trông mong”.

“Xá-lợi-phất v.v...” là nói thí dụ không dối gạt: Sở dĩ có dụ này là vì từ trên vẫn nói hứa ban cho, khiến sanh. Tiềm tàng các nghi: Ban đầu thì hứa cho ba cuối cùng thì lại không cho dường như nói dối, ban đầu không hứa một sao lại ban cho một, lại như nói dối, nên không sanh tín, nay muốn dung hội hứa cho ấy để dứt tâm nghi nên có chương này. Văn chia làm ba:

- 1) Hỏi lại.
- 2) Vâng đáp.
- 3) Khen ngợi.

Hỏi lại nghĩa là Phật luống dối vốn nêu ra Thanh văn, khiến chính họ nói ra việc này là không dối gạt, tức đó là sự thật, cho nên Thích luận chép: Đức Phật lại chất vấn Thân Tử khiến Thân Tử miệng tự xưng không sánh Bồ-tát tức là xem xét Đại Tiểu hơn kém có khác, nay cũng vậy. Lại Thân Tử đã lãnh ngộ rồi thì biết Ba, một là tích, trái lại mà ý chỉ phù hợp cho nên mượn hỏi lại đây để thông suốt dứt các nghi. “Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế tôn! Không”: Đây là vâng đáp. Không là không luống dối.

Hỏi: Vì sao hứa mà không cho, cho mà không hứa?

Đáp: Sở dĩ hứa, xứng với căn duyên kia được ra khỏi nhà lửa cho

nên phải hứa, lý rốt ráo không ba lại chẳng phải bốn ý của Phật làm sao có thể cho, cho nên cuối cùng không cho. Cho mà không hứa: Nếu hứa Đại thừa thì không xứng căn cơ không do đâu ra khỏi nhà lửa, cho nên ban đầu không cho cuối cùng liền cho là đại căn cơ đã động xứng với bốn tâm của Phật đạo lý có một vì vậy nên cho.

Văn có hai:

- 1) Nói trước không ba nói ba chẳng là đối gạt.
- 2) Nay cho một nói về không đối gạt.

Đức Phật chỉ hỏi lược lại nay không đối gạt, mà Thân Tử đáp rộng đầy đủ rõ ràng xưa nay không đối gạt lại nêu trước so sánh nay, trước không ba nói ba còn không đối, hướng chi nay có một cho một há là đối gạt hay sao! Hai văn đều có một giải thích, một so sánh. Đầu tiên nêu một giải thích: Trưởng giả chỉ muốn các con ra khỏi nhà lửa khó được bảo toàn pháp thân tuệ mạng toàn vẹn, đều không cho xe cũng chẳng phải đối gạt, vì sao? Vì đã được pháp thân tuệ mạng thì có nghĩa đáng bảo trọng nên chẳng phải đối gạt.

Hỏi: Đây là căn cứ nghĩa nào nói về không đối gạt?

Đáp: Đây là căn cứ hai thứ lợi ích thật mà chép:

- 1) Thật ra khỏi ba cõi.
- 2) Thật toàn thân mạng cho nên không phải đối gạt.

Hỏi: Vì sao lại nói nếu được toàn thân mạng tức là được đồ chơi tốt đẹp?

Đáp: Ở trên tuy nói được hai thứ thật lợi ích cho nên không đối gạt, mà không được xe, lẽ ra là đối gạt, cho nên giải thích: Nếu toàn thân mạng tức đã được đầy đủ đồ chơi tốt đẹp nên cũng không phải đối gạt.

“Huống chi phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa v.v...” là nêu một so sánh: ở trên nói thẳng về khiến các con được ra khỏi nạn lửa, bảo toàn thân mạng còn đã chẳng là đối gạt, huống chi phương tiện nói có ba xe khiến được thoát nạn mà có đối gạt sao!

“Thế tôn! Dầu ông Trưởng giả v.v...” là nói về nay không đối gạt, cũng có hai bước:

- 1) Giải thích.
- 2) Huống gì.

Trong giải thích có ba:

- 1) Nêu không đối.
- 2) Vì sao v.v... là giải thích nghĩa không đối.
- 3) Vì nhân duyên đó v.v... là tổng kết.

Đại ý nói về Trưởng giả ý nói tuy hứa cho ba là khiến được ra khỏi nhà lửa, không cho ba tùy bốn tâm của Trưởng giả là thật cho nên không dối. “Huống gì Trưởng giả v.v...” là nói về so sánh. Trước nói về bốn ý không muốn ban cho Tiểu thừa, dù muốn đều không cho xe Tiểu đã chẳng phải dối gạt, huống chi bốn ý muốn cho xe lớn, nay liền cho chẳng lẽ là dối gạt ư!

“Phật bảo Xá-lợi-phất v.v...” là khen ngợi: Lành thay! Đầu tiên là khen ngợi hiểu xưa nói ba xe là không dối gạt. Lành thay! Kế là khen ngợi hiểu nay một xe là chẳng dối gạt.

“Hiệp thí”: Đức Như lại cũng giống như vậy: Hiệp sáu thí dụ trên làm thành sáu chương nay trước giới thiệu chung hợp thí, đại ý lược có bốn nghĩa:

- 1) Trong thí hiển rõ thì không hợp.
- 2) Trong thí không đầy đủ thì hiệp lại đủ.
- 3) Trong thí một đường thứ lớp, hợp thí tức lại chỉ nêu một đường gọi là chuyển thế nói pháp.

4) Nương văn thí dụ mà chánh hiệp. Trong hiệp đây có ý của sáu thí dụ: Hiệp một tổng thí nói về Đức Phật có cực lạc không có cực khổ; hiệp hai thấy lửa dụ trình bày chúng sanh có cực khổ không có cực lạc; hiệp ba cứu con không được dụ nói về khi mới thành đạo liền muốn cứu khổ ban vui cho chúng sanh vì chúng sanh chưa kham nổi nên dứt hóa; hiệp bốn vì tạm cứu con khổ nặng nên ban vui Tiểu thừa; hiệp năm đồng ban cho xe lớn dụ dứt khổ nhẹ ban vui Đại thừa cho chúng sanh; hiệp sáu không dối dụ nói về trước hứa ban cho Tiểu thừa sau ban cho Đại thừa nghĩa không trái nhau.

Trên tổng thí có sáu nghĩa, nay chánh hợp hóa chủ gồm hợp năm nghĩa còn lại lấy hóa chủ làm gốc, song sau khởi hóa cho nên chánh hợp. Tất cả thế gian hiệp trên cõi nước xóm làng. Thế gian có hai thứ, nay chánh chọn chúng sanh thế gian. “Cha”: Hiệp trên là Trưởng giả. “Nơi các việc sợ hãi”: Hợp trên của giàu vô lượng. Văn có hai:

- 1) Khen ngợi sở ly.
- 2) Khen ngợi sở đắc.

Sở ly tức nghĩa Không sở đắc tức bất không. Trống rỗng không có tất cả hệ lụy nên pháp thân không có, có tất cả đức nên pháp thân chẳng phải không, không có, chẳng không nghĩa là Trung đạo, lại không có tất cả hệ lụy gọi là Giải thoát, có tất cả đức tức là Pháp thân, Bát-nhã, lại không có tất cả lụy gọi là quả quả đủ tất cả đức là quả. Lại do không có hoạn nên năng cứu hoạn, muốn nói về cứu hoạn nên trước giới thiệu

không có hoạn, bởi có đức nên năng cứu độ người không có đức, muốn nói về cứu giúp đối với người không đức nên trước khen ngợi người có đức. Căn cứ trong lia lỗi trước nói về lia quả hoạn tức hai thứ quả sanh tử. “Vô minh che lấp”: là nói về lia nhân lỗi; hai nhân sanh tử chỉ vô minh làm gốc cho nên nói nghiêng lệch. “Hết hẳn không còn sót”: Kết cả hai không có lỗi nhân quả. “Mà đều thành tựu”: là khen ngợi sở đắc: Văn cũng có hai:

- 1) Khen ngợi tự đức.
- 2) Khen ngợi đức hóa tha.

Đầu có bốn cặp:

1) Vô lượng tri kiến, biết tất cả pháp là tri biết đó rõ ràng dụ như mắt thấy, tức tri kiến một cặp.

2) Lực là sức bên trong, vô úy là bên ngoài, trong ngoài một cặp.

3) Có thần lực lớn gọi là thần thông luân. Và trí tuệ lực: gọi là nói pháp luân, tức hiện thông nói pháp một cặp.

4) Đây đủ phương tiện trí tuệ Ba-la-mật: là nói về quyền trí thật trí một cặp, đều rất ráo.

Đại từ đại bi là khen ngợi đức hóa tha: Văn có hai:

- 1) Khen ngợi bốn hóa tha.
- 2) Khen ngợi tích hóa tha.

Đại từ đại bi muốn cứu khổ khắp muốn ban vui tức tâm rộng lớn. “Thường không lười biếng” tức tâm thường hằng. “Chỉ vì cầu việc lành”: gọi là bậc nhất tâm, muốn dùng pháp bậc nhất ban cho chúng sanh, lại tức từ bi cứu khổ ban vui, thường cầu việc lành diệt ác sanh thiện. “Mà sanh vào nhà lửa ba cõi”: là khen ngợi đức hóa tha: Trong bốn có hai bốn gọi là đại từ bi trong tích có hai tích: ban đầu nói về tích đại từ bi cứu khổ. “Giáo hóa khiến được v.v...” là tích đại từ ban vui, trong đó đã nói về ứng thân sanh ba cõi thì biết pháp thân không có sanh diệt, tức nói lên hai thân sanh, vô sanh. Không nên cho rằng kinh này chưa nói về thường trú.

Hỏi: Vì sao hiệp trên của giàu vô lượng v.v...?

Đáp: bốn cặp như hợp Vô lượng tri kiến v.v..., khen ngợi chung sở đắc sở ly tức là Trí Đoạn đức hiệp trên ruộng vườn. Đại từ đại bi hiệp trên nhà, có thần lực lớn hiệp nghĩa tôi tớ, không nhân quả hai lỗi hiệp trên tuổi đã già yếu nghĩa là thân sau cùng.

Kế bên hiệp năm nghĩa trên: “Mà sanh vào nhà lửa ba cõi cũ mục” này hiệp hóa xứ, “vì độ chúng sanh” hiệp năm trăm người ba mươi người con, “sanh già bệnh chết” là hiệp trên ý hóa, giáo hóa dưới

hiệp giáo môn. “Thấy các chúng sanh v.v...” hiệp trên thí dụ thấy lửa. Trên có ba:

- 1) Thấy lửa kinh sợ.
- 2) Tự mình đã ra khỏi.

3) Xót thương con chưa lia, nay chỉ hiệp thấy lửa và thương con chưa lia! Sở dĩ chỉ hiệp hai nghĩa này là hiệp trên tổng thí khen ngợi Phật có vui không khổ, nay hiệp thấy lửa dụ nói chúng sanh có khổ không vui là muốn dùng năng hóa sở hóa có không tương đối, hiệp hai tức làm hai ý: Một là nói về thấy chúng sanh chịu khổ hiệp trên thấy lửa, lại có bốn:

- 1) Thấy chúng sanh hiện chịu các khổ.
- 2) Thấy chúng sanh chịu các khổ.
- 3) Thấy sau chịu các khổ.
- 4) Tổng kết ba đời khổ.

Trước trong ba đời khổ mỗi mỗi đều có ba khổ. Hiện đời ba khổ:

1) Sanh, lão, bệnh, tử ưu bi, khổ não, đây chung khổ trong thân cho nên văn kinh kết làm một khổ.

Hỏi: Ưu bi khổ não thuộc khổ nào ư?

Đáp: Đều thuộc về khổ chết.

Kinh Thập Địa chép: Tử biệt ly người ngu tham đắm tâm nóng nảy gọi là ưu, phát ra tiếng khóc gọi là bi năm căn tương đối là khổ, ý căn tương đối là ưu, khổ chuyển sâu là não. Kinh Đạo Can chép: Buồn nhớ việc đã qua, đau thương là ưu, suy tư lại việc buồn liên tục gọi là bi, việc khổ bức ngặt thân gọi là khổ, phiền não ràng buộc gọi là não.

2) “Cũng do năm thứ dục tài lợi nên chịu các khổ là đối với năm dục tài lợi bên ngoài sanh khổ.

3) Lại do tham đắm tìm cầu cho nên hiện chịu các khổ. Đây khác với trên: trên nói về tham đắm tài nhẹ, nay nói truy tìm việc nặng, đồng là vật ngoài sanh khổ. Do tham có nặng nhẹ nên chia làm hai.

“Đời sau chịu khổ địa ngục v.v...” là nói về sanh báo, thì ba đường là ba khổ, nếu sanh cõi trời là nói ba khổ hậu báo, nghĩa là nghèo cùng khổn khổ ái biệt ly khổ oán tắng hội khổ, đây có ở cả cõi trời lẫn cõi người. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Cõi trời cũng có nghèo cùng.

Hỏi: Vì sao phân rõ đây là ba báo?

Đáp: Hễ tham đắm năm dục thì đọa vào ba đường, từ ba đường mới được sanh trong trời người.

“Các khổ như thế v.v...” là tổng kết các khổ.

Hỏi: Chính thứ khổ này phối hợp với tám khổ thế nào?

Đáp: Ban đầu trong hiện khổ nói sanh già bệnh chết tức bốn khổ, năm dục tài lợi hai thứ khổ thuộc khổ cầu bất đắc, ba đường thuộc khổ oán tắng hội, bản cùng khốn khổ cũng thuộc khổ cầu bất đắc, kế khổ ái biệt ly, khổ oán tắng hội như văn nói, sau tổng kết các khổ là khổ năm ấm xí thành.

“Chúng sanh đắm chìm trong đó vui vẻ dạo chơi v.v...” Hiệp trên thương con chưa lìa khổ. Chìm đắm trong đó: Các khổ mênh mông như biển, chúng sanh đắm chìm trong biển khổ, vui vẻ dạo chơi: nghĩa là đối với trên quả khổ lại khởi tham đắm, thì đó là lập lại gây ra nhân khổ, hiệp trên: mà các con đồng ở trong nhà lửa vui chơi đùa giỡn; chẳng hay chẳng biết. Trước nêu tham ái nay nói ngu si tức là si ái. Ở trong nhà lửa ba cõi rảo chạy đông tây: Từ trước đến nay thấy các chúng sanh thọ quả khổ, gây ra nhân khổ, nay lại thấy luân hồi không dứt. “Dầu bị khổ nhiều cũng chẳng xếp vào lo”: Trên vui vẻ dạo chơi nhưng không biết khổ, chúng sanh không nhàm chán khổ, nay nói về gặp khổ chúng sanh cũng chẳng nhàm chán khổ, hiệp với trên: lửa đến ép ngặt rất là khổ sở.

“Xá-lợi-phất! Đức Phật thấy việc này”. Là nói về thí dụ cứu con không được. Trên có hai môn răn và khuyên, Đại thừa hóa chúng sanh không được, nay văn hiệp chung hai môn cũng chia làm hai:

- 1) Hiệp chung hai môn khuyên và răn.
- 2) Nói về không có căn cơ dứt hóa.

Sở dĩ căn cứ từ bi hiệp khuyên răn vì hiệp tổng thí khen ngợi Phật có vui không khổ, hiệp thấy lửa dụ nói chúng sanh có khổ không vui, hiệp nay thứ ba dụ nói về Đức Phật cứu khổ chúng sanh ban vui cho chúng sanh, do đó ba chương văn liên kế nhau. “Xá-lợi-phất! Đức Như lai lại nghĩ”: Nêu hiệp không có căn cơ dứt hóa. Văn có hai câu:

- 1) Nếu giả thiết muốn cứu con.
- 2) Kế bối chúng sinh không có khả năng thọ.

Đầu có ba câu:

1) Nêu muốn ban cho vui thật, thần lực hiệp trên vạt áo, trí tuệ lực hiệp trên ghế bàn.

- 2) Xả bỏ phương tiện: Nói về ẩn quyền.
- 3) Vì các chúng sanh, v.v... là muốn nói thật.

“Chúng sanh không thể do đó mà được độ thoát”: Nêu vật không có khả năng thọ. Trước nói về có thân khổ cho nên không thể hiểu tuệ Phật nên bị lửa ba cõi đốt cháy, có tâm khổ nên không thể hiểu tuệ Phật.

“Như ông Trưởng giả v.v...” Nói về hợp thí dụ ba xe cứu con được.

Trên có bốn chương:

- 1) Biết sở thích con xưa kia.
- 2) Vì nói ba xe.
- 3) Các con tin nhận.
- 4) Cha thấy con thoát nạn vui mừng.

Nay đây đủ hiệp. Trên biết sở thích của con xưa kia có ba:

- 1) Nói về không ra bị hại.
- 2) Muốn bày phương tiện trên.
- 3) Biết đời trước các con ưa thích.

Nay đều không hợp, thẳng một phen hóa từ đầu đến cuối ba thứ pháp luân:

- 1) Nêu ẩn thật là ẩn pháp luân căn bản.
- 2) Nêu khởi quyền gọi là pháp luân chi mật
- 3) Nêu ý dụng quyền tức gom ngọn về gốc.

Trong hợp chỉ hiệp hai câu đầu, dưới có hiệp riêng đồng ban cho xe lớn cho nên trong đây không hợp. Nói thẳng về ẩn thật khởi quyền sanh v.v... nói nghĩa Ba thừa.

“Vì chúng sanh nói Ba thừa v.v...” là nói về hiệp chính là nói Ba thừa. Văn chia làm bốn:

- 1) Răn khiến chớ vui sanh tử.
- 2) Khuyên khiến mau ra ba cõi.
- 3) Nêu chấp chặt không luống dối.
- 4) Khen ngợi Ba thừa.

Bốn thứ này tức thứ lớp nương nhau sanh, hiệp với bốn thí dụ trên. Đầu hiệp thứ hai nêu chỗ xe, thứ hai hiệp thứ ba khuyên khiến mau vượt ba cõi, thứ ba hiệp thứ tư chấp chặt không luống dối, thứ tư hiệp thứ nhất khen ngợi ba xe, vì thế pháp thí khác nhau là do chuyển thế nói pháp. “Các người v.v...” là khuyên khiến mau ra ba cõi. “Nay ta vì các ông mà bảo nhiệm việc đó v.v...” là bảo đảm cho không dối gạt. “Như lai dùng phương tiện ấy để dẫn dụ chúng sanh v.v...” có người nghi: Đã gọi là bảo đảm cho không dối gạt sao không được liền, tức thành luống dối cho nên giải thích rằng: Nói bảo đảm cho là vì dùng phương tiện dẫn dụ chúng sanh! Lại nói rằng: là khen ngợi Ba thừa tự tại. Không ràng buộc là phạm phụ bị ba thứ nghiệp, khổ, phiền não ràng buộc, nay được thoát nên gọi là không ràng buộc. “Không phải tìm cầu nương tựa”: Tâm không chấp đắm là không nương tựa, bốn trí đầy đủ gọi là không phải tìm cầu.

“Nếu có chúng sanh nào bên trong có trí tánh v.v...” là hiệp trên Ba thừa tín nhận và thí dụ khỏi nhà lửa, trong dụ trên nói chung về Ba thừa ra khỏi nhà lửa, nay hợp chi tiết thì thành ba đoạn: Trong có trí tánh: là nhân bên trong. “Theo đức Thế tôn nghe pháp thọ”: là duyên bên ngoài. Tín thọ: là nhân duyên đầy đủ, cho nên nói nghe pháp tín nhận. “Ân cần tinh tấn”: Trước nói về tín nhận nay nói ý tu hành. “Muốn mau vượt ba cõi tự cầu Niết-bàn” là nói về ý tu hành. Tu hành có hai ý:

1) Muốn vượt ngoài ba cõi gọi là biết khổ dứt tập.

2) Tự cầu Niết-bàn gọi là chứng diệt tu đạo, đó gọi là thừa Thanh văn tức là tổng kết tên gọi Tiểu thừa. “Như các người con kia”: là nêu dụ lặp lại. Trong đây chính là lấy Niết-bàn để dụ xe, người Thanh văn chính vì cầu Niết-bàn cho nên tu đạo. Có người chép: Từ đầu nghe pháp tín nhận là nêu ngoài phạm hợp, siêng tu tinh tấn là nói nội phạm, muốn mau ra khỏi ba cõi là nói về bậc Thánh, chân thật ó gọi là thừa Thanh văn là nói về Vô học. “Nếu có chúng sanh v.v...” kể là hợp thừa Bích-chi-phật, lược không nói về nhân nội, Nói câu trí tuệ tự nhiên là người trung thừa không chánh cầu Niết-bàn, nếu cầu Niết-bàn thì không khác với Thanh văn, cho nên nay nêu câu tuệ tự nhiên để hợp xe hươu vì muốn khác Thanh văn.

Ưu thích riêng lẽ vắng lặng: theo luận Câu-xá nói Duyên giác có hai thứ:

1) Bộ hành Duyên giác nghĩa là nhóm quyền thuộc của Hữu bộ là tiểu Duyên giác.

2) Tê giác dụ Duyên giác tức là độc giác, gọi là đại Duyên giác. Người đó một mình ở trong núi vắng lặng tức vẫn này nói ưa thích vắng lặng. Biết rõ sâu nhân duyên các pháp: Đây là nêu cảnh sở tri, nghĩa là khác Thanh văn chỉ biết tứ đế.

“Nếu có chúng sanh v.v...” là kể hợp thí dụ xe lớn. “Câu Nhất thiết trí gọi là Không trí, trí Phật là Nhất thiết chủng trí gọi là có trí. Nhất thiết trí hoặc chung cả Nhị thừa. Như phẩm Ba Tuệ trong kinh Bát-nhã chép: Nhị thừa gọi là Nhất thiết trí, nếu là Nhất thiết chủng trí chỉ có ở Phật cho nên dùng tên trí Phật nêu Nhất thiết chủng trí. Tự nhiên trí: là nói chung hai thứ trí tùy ý vận dụng khả năng biết hai cảnh là không, hữu tức là trí vô công dụng. Trí Vô Sư: là trước ba trí đều không do theo thầy đắc nên gọi trí Vô Sư. Ý giải thích này xuất xứ từ luận Nhiếp Đại thừa. Các thứ tri kiến, lực, Vô úy của Như lai”: Trên nêu bốn trí, nay lại biện bốn trí gọi là hai cặp tri kiến và lực vô úy. Phật thừa tuy đầy đủ các đức mà lấy trí làm tông cho nên nói rộng về trí. “Có lòng

thương xót làm an vui v.v...” là trước nêu môn trí tuệ tức là tự đức, nay nêu môn công đức tức là đức hóa tha. Đại bi là thương, đại từ là xót, cùng nêu hai môn. An vui và lợi ích khác nhau: đem đến quả vui là an vui, đem đến nhân thiện là lợi ích, tức giải thích đức đại từ. “Độ thoát tất cả” là giải thích đức đại bi; độ khổ thoát tập đối trên đại từ cũng có hai ý: “Đó gọi là Đại thừa”: là tổng kết công đức trí tuệ tự hành hóa tha là tự thể Đại thừa, “Bồ-tát cầu thừa này nên gọi là Ma-ha-tát”. Trên nói về pháp đại nay nói người đại, do cầu pháp đại quả nên gọi là đại nhân, từ quả pháp đặt tên.

“Như vị Trưởng giả kia v.v...” hợp với thứ tư ở trên thí dụ thấy con thoát nạn, nhưng vẫn chuyển thế không đồng với trên nên chia làm hai khác nhau: Cặp đầu nêu hai dụ, cặp kế hợp hai dụ. Hai cặp này là cuối Tiểu thừa bắt đầu Đại thừa nghĩa liên quan nhau nên nêu hai hiệp, vượt ngoài ba cõi thành Vô học là cuối Tiểu thừa. Nhất thừa căn cơ phát ban cho xe Đại thừa là bắt đầu Đại thừa. “Như lai cũng giống như vậy v.v...” hai hợp hai dụ: Ban đầu hiệp thấy con thoát nạn.

“Bấy giờ đức Như lai v.v...” là hợp đồng ban cho xe lớn. Trên có ba chương:

1) Xin xe.

2) Ban cho xe.

3) Được xe vui mừng, nay không hợp đầu cuối chỉ hợp đồng ban cho xe.

Vẫn trên thấy con thoát nạn tức là thấy đại căn cơ phát cho nên nay nói về đồng ban cho xe. Trong thí dụ nói về xin xe, không nói căn cơ pháp, nay nói về căn cơ pháp không nói xin xe, hiện văn xen lẫn. Đồng ban cho xe lớn có hai:

1) Khai hai chương.

2) Giải thích hai chương.

Nay hiệp giải thích đồng ban cho xe lớn tức là thí dụ khai mà pháp nói hiệp, bởi vì chuyển thế khác nhau xen lẫn hiện nói về nghĩa. Văn chia làm hai:

1) Căn cứ Đại Niết-bàn hợp đồng ban cho xe lớn.

2) Căn cứ các đức hợp đồng ban cho xe lớn.

Đầu năm câu:

1) Nói có nhiều pháp bảo.

2) Các chúng sanh này v.v... nói đều là con ta.

3) Đồng ban cho xe lớn v.v... là chính là nói đồng ban cho.

4) Không khiến có người được diệt độ riêng: là nói không nên

khác nhau.

5) Điều dùng pháp diệt độ của Như lai mà cho chúng sanh diệt độ v.v... là chính là nói đồng ban cho. Nói “đều đem cho” tức là hợp đồng ban cho. “Như lai diệt độ” là hợp xe lớn kia. Sở dĩ trước nêu đại Niết-bàn hợp xe lớn là người Nhị thừa chánh tông tiểu diệt, nay dùng đại diệt để thay thế tiểu diệt. Lại trên thấy diệt tiểu khổ nên ban cho kia tiểu diệt, nay diệt đại khổ gọi là Như lai diệt độ. “Các chúng sanh này v.v...” là nêu các đức để hợp xe lớn, Nói đều cho là hợp đồng ban cho. Chư Phật thiên định hợp xe lớn trước tức là quả quả hợp xe lớn, nay dùng nghĩa quả hợp với xe lớn, quả quả nghĩa là lụy không lụy nào không hết, nghĩa quả là đức chẳng đức nào không tròn đầy, hai câu này đã nhiếp chung các nghĩa cho nên nói lược để hợp xe lớn. Lại trên là diệt khổ lớn, nay là ban cho vui lớn. “Đều là một tướng một loại là nói lên là tướng, loại riêng là loại, nay nói về ngoài không có tướng Ba thừa khác nhau nên nói một tướng, trong không có tự thể Ba thừa khác nên nói một loại.

“Như vị Trưởng giả kia v.v...” hợp với thí dụ không đối gặt. Ban đầu nhắc lại thí dụ trước, kể là hợp. “Chỉ vì chúng sanh không thọ được hết”: là nói về Đức Phật chẳng phải không có khả năng trao chỉ vì chúng sanh không thọ được hết, ở đây căn cứ chúng sanh Ba thừa trước, chỉ có Bồ-tát năng thọ Đại thừa người Nhị thừa không thể thọ Đại thừa cho nên đối với Nhất Phật thừa chia ra nói ba. “Vì nhân duyên đó”: văn này có hai nghĩa:

1) Sanh kế nối gần với văn không thể thọ hết, do không thể thọ hết nhất thừa nên đối nhất Phật thừa chia ra nói ba.

2) Huấn dụ xa trên Thân Tử xin, trên xin nguyện nói nhân duyên kia, nay nói sáu thí dụ nhân duyên từ đầu đến cuối đã xong cho nên tổng kết dạy bảo.

Kệ gồm có một trăm sáu mươi lăm hàng tụng lại hai đoạn trên:

1) Tụng trên chánh là nói đáp lời xin nói.

2) Vì nhân duyên đó tìm kỹ khắp mười phương: là tụng kết đáp lời Thân Tử thỉnh.

Văn đầu cũng có hai:

1. Khai thí.

2. Hiệp thí.

- *Khai thí*: Trên thí nói có sáu, nay tụng chỉ năm thí dụ không đối là Thân Tử lãnh giải, nay không tụng, tụng năm thí dụ còn lại chia làm năm đoạn:

- 1) Ba mươi người con, ba hàng tụng tổng thí.
- 2) Ba hàng tụng thấy lửa dụ.
- 3) Năm hàng tụng cứu con không được.
- 4) Mười hai hàng rưới tụng cứu con được.
- 5) Mười hai hàng tụng đồng ban cho xe lớn.

Trên tổng thí có sáu nghĩa, nay không tụng một cửa và ba mươi người con, chỉ tụng hóa chủ, hóa xứ, năm trăm người và ý hóa, tụng bốn nghĩa này chuyển thế nói pháp, nên khai văn làm sáu:

- 1) Nêu chủ nhà.
- 2) Tướng nhà.
- 3) Người trong nhà.
- 4) Nói nhà có độc hại.
- 5) Nhà có tai họa lửa.
- 6) Tổng kết lỗi lầm ở nhà.

Chủ nhà: có chỗ nói là Đức Phật. Tướng nhà: là ba cõi vô thường, vô ngã, bất tịnh. Người trong nhà: là chúng sanh trong năm đường. Nhà có độc hại: là phiền não ba cõi làm hại pháp thân tuệ mạng. Nhà có tai họa lửa: là khổ ba cõi đốt cháy chúng sanh. Tổng kết lỗi lầm ở nhà: đầy đủ các việc ác trên, thì ba cõi là lỗi lớn khiến chúng sinh nhàm chán mà cầu vượt ra.

Hỏi: Vì sao không tụng một cửa và ba mươi người con ư?

Đáp: ba mươi người con là người cầu vượt ra, một cửa là nơi ra khỏi nhà lửa, nay sáu nghĩa này đều là lỗi lầm của ba cõi nói về chúng sanh chìm đắm trong đó cho nên không tụng, đem một cửa và ba mươi người con để ở thí dụ thấy lửa sau và cứu con không được gồm tụng. Vì sao? Vì Đức Phật hợp sáu thí dụ chia chung làm hai chương: Hiệp tụng thí nêu lỗi ba cõi, hiệp năm thí dụ sau nói nghĩa ra khỏi, do nghĩa loại theo nhau nên chia hai thứ này.

“Thí như vị Trưởng giả v.v... Đây là nói chủ nhà tụng trên hóa chủ, văn xuôi nói Hóa chủ là chính cho nên phải nói rộng, văn xuôi đã rộng nên kệ lược.

“Có một nhà rất lớn”: là nói tướng nhà tức tụng trên hóa xứ. Nói có một nhà lớn ấy trên nêu hóa xứ có bốn: gọi là quốc, ấp, xóm, làng, nay tạm căn cứ một phương ba cõi nên nói một. ba cõi là chỗ ở của chúng sanh Đức Phật là vị hóa chủ, có nghĩa thuộc Phật cho nên nói có. Nhà lớn: là nhà kia rộng lớn. “Nhà đó đã lâu cũ”: nói rộng tướng nhà, văn xuôi đã lược, kệ thì rộng, ba cõi là vật vô thường mục nát nên gọi là lâu cũ, nhất thời vô thường nên gọi là mau cũ do hư mục. “Phòng nhà

vừa cao nguy”: Trên nói tướng chung của nhà nay nói chi tiết, văn chia làm ba:

1) Dụ cho ba cõi vô thường.

2) ba cõi vô ngã.

3) ba cõi bất tịnh, dưới riêng có lửa bốc cháy dùng dụ khổ nên không nói về thí dụ khổ.

Đường (phòng) như trên giải thích. Chúng sanh sáu đường cùng tụ tập trong ba cõi nên gọi là đường; trước gọi là gác nay chuyển gọi là nhà gồm có hai nghĩa:

1) Trên nói về ba cõi lên xuống khác nhau nên gọi là gác, nay nói chỗ lưu trú của chúng sanh gọi là nhà.

2) Ba cõi lên xuống chuyển hồi bất định, hoặc sanh lên cõi trên hoặc sanh xuống cõi dưới cho nên không giữ tên nhất định, pháp ba cõi chồng chất nhiều nên gọi là cao, mà quá báo sáu đường chẳng an ổn nên gọi là nguy. Lại thiên đường và địa ngục là môn đối lập cho nên nói chỗ cao thì nguy. Như luận Trí Độ chép: thí như đàn dê béo phì chết trước. “Gốc cột lại gãy mục”: Trên nói chung ba cõi vô thường, nay nêu chi tiết vô thường. Gốc cột là căn bản giữ một nhà, mạng căn là chủ giữ một thân, cho nên kinh Đại Phẩm chép: Như người mạng căn còn thì các căn khác được còn nếu mạng căn diệt thì các căn khác đều diệt, nên trước nói mạng căn, niệm niệm tổn diệt là gãy mục. “Rường cột xiêu vẹo”. Đây là nói về tâm pháp vô thường như trước giải thích, do hiểu biết không nhất định, hình sanh diệt như huyễn gọi là xiêu vẹo. “Nền móng nát rã”: dùng ba nghiệp làm nền móng của ba cõi, như kinh Đại Phẩm chép: vì tội nghiệp nhân duyên nên đọa vào ba đường ác, nhờ phước nghiệp nhân duyên nên sanh làm trời người cõi Dục, không động nghiệp nhân duyên nên sanh trong cõi Sắc, cõi cõi Vô sắc cho nên biết ba nghiệp là nền móng của ba cõi, hạnh nghiệp hết dần là nát rã. “Vách phen sụp đổ”: gốc cột là nói phi sắc phi tâm vô thường, rường cột nêu tâm pháp vô thường. Nay nói sắc pháp vô thường, hai vô thường trước tướng ẩn dấu nên nói lược, sắc pháp vô thường tướng hiển nên nói rộng. Ngoài bốn đại là vách trọng bốn đại như phen, bốn đại tánh tướng trái nhau như sụp đổ, Sụp là hủy nát rã rời. “Đất bùn rơi rớt”: Đất bùn là bốn vi, luận Tỳ-đàm nói bốn vi và bốn đại thường đều có nên bốn đại tạo bốn vi, Thành luận nói bốn vi thành bốn đại như đất bùn thành vách phen, nay nói bốn vi cũng vô thường nên gọi là rơi rớt. Lại vi tế vô thường như sụp đổ, thô vô thường như rơi rớt. Đà là rơi, lạc là rụng. “Tranh lợp sa tán loạn”: Vì vật che nhà hoặc ngói hoặc tranh,

nay chính là dùng tranh che nhà nên gọi là tranh. Chúng sanh dùng lớp da mang che thân như lớp tranh mỏng che một nhà. Rơi tán loạn; là lớp tán loạn, tức da dày mặt nhăn răng thưa hình mạo thô xấu. “Kèo đòn sai rời khớp”: ý căn là cột (đống), thân căn là đòn tay, bốn căn như nhãn v.v... là kèo, kèo là chỗ nương, trên dùng đỉnh đống cột dưới lại hiệp với đòn, hai căn đứng đầu bốn căn nương phụ có tượng. Rời khớp: Các căn làm dụng giúp đỡ lẫn nhau, cho đến suy yếu mục nát, sức tương trợ suy yếu nghĩa là nói rời khớp cho nên kinh dạy: Tuổi trẻ khỏe mạnh lâu chết nên sáu căn sáng suốt, tuổi già gần chết cho nên sáu căn tối tăm. Bốn bề đều cong gãy. Trên nêu năm ấm sáu căn đều là vô thường gọi là quán vô thường, nay nhà cửa xiêu ngã không nói thẳng quán vô ngã, dụ như già bệnh chết sắp đến bốn chi trăm thể không được tự tại như nhà nghiêng ngã, chung quanh không thẳng để nói lên vô ngã. “Khấp đậy tạp nhơ”: là nói quán bất tịnh. Có người chép: Từ có một nhà đến mà lại xấu xa là nói chung ba cõi vô thường. Từ phòng nhà cao nguy v.v... là nói riêng năm ấm bốn đại vô thường. Phòng nhà nói chung, năm ấm là nơi dừng nghỉ của chúng sanh, vì vậy nên kinh chép: Quán năm ấm nhà cửa đều vắng lặng, Từ gốc cột v.v... là nói riêng năm ấm vô thường. Trong sắc ấm địa đại năng giữ gìn nên là cột, mỗi phần không chắc thật như gãy mục, thức ấm đứng đầu một thân là rường cột, thức không có chủ nhất định như huyền là xiêu vẹo, hành ấm là gốc của một thân làm nền móng, một khởi một diệt là nát rã, loạn tưởng chướng khắp, chấp bóng không thật là vách phen sụp đổ, ba thọ xen khởi không trụ như đất bùn rơi rớt, trình bày năm ấm vô thường xong.

Tranh lọt rời loạn: là nói riêng bốn đại vô thường, phong đại có thể nghiêng đổ làm che lọt rời tán loạn, kèo đòn không thể giữ nhau dường như vững chắc mà chẳng vững chắc dụ như địa đại không thật. Bốn bề đều cong: Như hỏa đại thấp trong một hình tùy thân già trẻ mà có yếu mạnh không được tự tại. Đây những tạp dơ: sáu căn máu mủ đờm dãi bất tịnh là dụ thủy đại.

“Có năm trăm người đều ở trong đó”: Nêu người trong nhà: năm đường chúng sanh dừng ở trong nhà vô thường vô ngã bất tịnh rất đáng thương.

“Chim xi thiêu điều thứ v.v...” Nêu có vật ác trong nhà. Kinh không hợp riêng, nghĩa khó hiểu, nay lược dùng năm môn giải thích:

- 1) Ý nghĩa.
- 2) Nhiếp pháp.
- 3) Thứ lớp.

4) Đồng dị.

5) Y cứ về người.

- *Ý nghĩa*: Do trong nhà có độc hại này cho nên nhà không thể ở; trong ba cõi có ái kiến phiền não năng hại pháp thân tuệ mạng của chúng sanh nên khởi nhàm chán mau cầu ra khỏi.

- *Nhiếp pháp*: Độc hại tuy nhiều nhưng không ngoài hai thứ: 1) Vật hiển thân có hình nghĩa là chim lạ trùng độc. 2) Vật ẩn khuất không có hình dáng: nghĩa là Dạ-xoa ác quỷ. Rất độc hại, chỉ có hai thứ này, trùng chim có hình dáng: dụ cho ba độc duyên sự phiền não, quỷ thần không có hình dụ cho mê lý các kiến, hại pháp thân tuệ mạng chỉ có hai hoặc lý sự.

- *Thứ lớp*: Hỏi: Vì sao trước nêu chim trùng có hình dáng sau nêu quỷ thần không hình dáng? Đáp: Nói theo thí dụ: Hình hiển hiện nghĩa độc hại rõ ràng, nên nói trước, quỷ thần vô hình làm hại không nói lên, do đó nói sau; theo lý thì hình chim thú là thí dụ chúng sanh tại gia khởi ái, quỷ thần không hình dáng ví như xuất gia khởi kiến ngoại đạo, cho nên trước có tại gia khởi ái sau mới có xuất gia khởi kiến.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Dụ này khởi lại dụ văn năm trước trong phẩm Phương tiện, trong phẩm Phương Tiện có hai chỗ đều trước nói khởi ái, sau nói khởi kiến.

Ban đầu văn chép: Tham đắm năm dục si ái nên sanh phiền não gọi là khởi ái. Vào rừng rậm tà kiến hoặc có hoặc không v.v... gọi là khởi kiến. Văn sau chép: Đắm sâu vào năm dục như trâu kia mấn đuôi gọi là khởi ái. Vào sâu tà kiến, lấy khổ muốn bỏ hổ gọi là khởi kiến. Phẩm Phương Tiện đã trước nói về ái, sau biện kiến, vì pháp nói về ái trước kiến sau, nay trong phẩm này lại dụ nghĩa trên, cho nên trước nêu chim trùng độc quái để dụ cho ái, Dạ-xoa ác quỷ dụ cho kiến kia, do đó văn này không dựa theo thứ hoặc trước sau, cũng không dựa theo khởi hoặc thứ lớp, mà dùng đây giải thích văn rõ ràng có thể hiểu.

- *Đồng khác*: Chim trùng quỷ thần và năm trăm người có gì khác nhau ư? Đáp: Các pháp bản tánh vốn vắng lặng không hề sanh diệt Niết-bàn, cũng không hề có chúng sanh và Chư Phật, chỉ do điên đảo vọng tình nên có chúng sanh. Căn cứ theo chúng sanh này liền có năm sự: Chấp quả báo kia lên xuống cho nên gọi ba cõi, ba cõi này đồng là vô thường bất tịnh, là nghĩa chỗ dừng ở như trên nói hình dáng, người năng dừng ở trong ba cõi số có năm đường gọi là năm trăm người, tức năm trăm người đây khởi ba độc phiền não gọi là trùng độc. Nếu khởi

các kiến gọi là ác quỷ, đủ ái kiến liền cảm quả khổ thiếu não thân tâm gọi là hỏa tai, cho nên trong ba cõi có năm việc này. Kế nêu căn cứ chúng sanh đầy đủ năm nghĩa gọi là người vượt xuất ba cõi: Chúng sanh đầy gặp Phật Bồ-tát nghe giáo Ba thừa gieo trồng hạt giống Ba thừa gọi là ba mươi người, dần dần tu hành thành Bạc Thánh Ba thừa cho nên gọi là La-hán, Bích-chi-phật và Bồ-tát, tức người Ba thừa này nếu nghe Pháp Hoa đồng ngộ Nhất thừa đều gọi là Bồ-tát, tức Bồ-tát này tu hành đầy đủ nên gọi là Phật. Nhưng năm việc ở trong ba cõi gọi là sông sanh tử đầy, sông Niết-bàn đổ, ở ngoài ba cõi thì sông sanh tử đổ, sông Niết-bàn đầy, nhưng vốn đối sanh tử nên có Niết-bàn, sanh tử đã nghiêng đổ tức là Niết-bàn cũng tịnh cho nên chẳng phải sanh tử cũng chẳng phải Niết-bàn thì bốn tánh vắng lặng nghĩa là hai sông đều nghiêng đổ; như Hoa Nghiêm nói sanh tử chẳng rối loạn, Niết-bàn chẳng tịch tịnh, nhưng phi sanh tử phi Niết-bàn cho nên năng thị hiện hai thứ sanh tử Niết-bàn phương tiện, nghĩa là hai sông đều đầy.

- *Căn cứ người khác nhau*: nói lược dụ ý kinh này. Nói về mê ngộ khác nhau, thứ lớp có bốn hạng người.

1) Chúng sanh tại gia khởi ái không biết nhàm chán sanh tử cũng không biết ra khỏi.

2) Ngoại đạo xuất gia biết nhàm chán già bệnh mê ở đường ra mà không biết chỗ ra.

3) Người Nhị thừa biết nhàm chán, biết ra khỏi nhưng là quanh co cho nên Phật đạo xa vời lâu dài, lại dừng giữa đường không còn cầu tiến.

4) Bạc Bồ-tát biết nhàm chán biết ra khỏi gọi là thẳng ra cho nên nường xe báu thẳng đến đạo tràng. Nay trùng độc ác quỷ tức là hai người trước, hai người xưa và nay là hai người sau, cũng được một người đầy đủ bốn, bốn người đầy đủ bốn, như trong sông Hằng bảy hạng chúng sanh tự có bảy người đầy đủ bảy, một người đầy đủ bảy.

Vấn chia làm ba:

1) Nói về trùng độc.

2) Biện rõ ác quỷ.

3) Tổng kết lỗi lầm.

Đầu vấn lại có hai:

1) Nói riêng về trùng độc.

2) Tổng kết lỗi lầm.

Vấn đầu lại chia ra ba cặp:

1) Nêu trên có chim quái dưới có trùng độc thì trên dưới một

cặp.

2) Nói về chỗ bất tịnh bị mê, và trùng khương lang năng mê tức năng sở một cặp.

3) Nói về tham ăn loài cầm thú ăn nuốt tranh giành cấu xé chiếm đoạt là san tham một cặp.

Hỏi: Vì sao trước nói về chim quái sau nói về trùng độc?

Đáp: Căn cứ dụ mà nói nhà có hai việc không thể dừng nghỉ: Trên có chim quái dưới có trùng độc tức từ trên dưới, từ ngoài vào trong, vì nghĩa này nên trước nói về chim quái sau nói trùng độc.

Có người chép: Quái điều là dụ mạn sử, như chim bay lên cao dụ cho chúng sanh khởi mạn lấn hiếp người khác tự cao cử, mạn chẳng phải đứng đầu ba độc cũng chẳng phải đứng đầu của năm độn sử, chỉ nêu bày tướng bất định cho nên trước nói mạn. Lại kinh này chính chê trách người tăng thượng mạn cho nên trước nêu. Có người chép: Đã gọi chim quái chấp kia phát ra âm thanh làm dụ, nhưng các chim này, hoặc phát ra âm thanh quái lạ hoặc phát ra âm thanh êm ái, âm thanh quái lạ dụ cho ác miệng, hai lưỡi, âm thanh êm dịu là dụ cho nói dối ỷ ngữ. Nay nói lý thật khó nói về, chỉ trong một nhà này trên có chim quái dưới có trùng độc, lấy đây làm ví dụ. Quái điều ví như ái sử ở hai cõi trên nên kinh nói sắc nhiễm Vô sắc nhiễm, vì ái là gốc của sanh tử cho nên nay nói trước. Lại các ngoại đạo đều nói hai cõi trên là Cực lạc Niết-bàn mà tham đắm thiên vị, nay phá riêng cho nên trước nói ái ở hai cõi trên. Loài rắn rít, bò cạp: là nói dưới có trùng độc dụ cho sân sử, ái chỉ ở trên không có ở dưới dụ đồng các loài chim, sân chỉ ở dưới không có ở trên dụ cho trùng độc kia, bởi là một cách khai bày sử phiền não. Tỳ-đàm giải thích văn tương tự. Loài rắn rít có đủ hai âm, thân dài một thước người đời gọi là xà sử, sân nặng như rắn rít, bò cạp sân nhẹ như loài ngô công do diên. Loài thủ cung là dụ cho dâm ganh ghét, người xưa (chọn) loài trùng này để trong rương cho nó ăn chân châu khiến biến thành màu đỏ, nếu vua hành đạt không tiện, chích lấy máu để vào trong cánh tay người, người có tư tình máu thấm vào da, có thể dùng làm người giữ cung cho nên đặt tên là thủ cung. “Các giống trùng độc dữ”: là tổng kết các tà, muôn sự ganh ghét từ sân sử lưu xuất ra. “Ngang dọc xen ruổi chạy”: các sử loạn khởi như xen lẫn ngang dọc. Khởi ắt nhanh chóng như ruổi chạy. “Chỗ phân giải hôi thúi” là cặp thứ hai, ban đầu nêu pháp mê hoặc nghĩa là năm dục ở cõi Dục cũng như phân giải: hai cõi trên tuy không có dục ngoài mà có dục trong nên gọi là chảy tràn, đều là người trí chán ghét nên gọi là bất tịnh. “Các loài trùng khương lang

bu nhóm ở trên đó”: Đây nói sử năng mê nghĩa là phạm phu si mê mà tham đắm không bỏ, như loài khương lang không biết mà bu đầy trên đó, ở đây nói ái để hiển si. Trước nêu ái sân đều đầy trên dưới như loài chim trùng kia, đây nói về ba cõi đều là hữu lậu bất tịnh vô minh phiền não chung cả đều mê. Cho nên trước nói riêng nay nói chung tức là thứ lớp.

“Các sói cùng dã can”: là nói về san tham một cặp.

Hỏi: Ban đầu nêu chim quái dụ cho ái, trùng độc dụ cho sân, khương lang dụ cho si tức là đủ ba độc vì sao lại nói san tham ư?

Đáp: Tham ái là gốc của sanh tử, nên chia làm hai: Nhẹ là ái cõi trên, nặng là tham cõi Dục. Ban đầu nêu ái cõi trên, nay biện tham cõi Dục.

Hỏi: Vì sao trước nói ái cõi trên kế nói tham cõi Dục?

Đáp: Căn cứ dụ mà chép: Trên có chim quái dưới có trùng độc, nói về nhà đáng sợ không nên dừng nghỉ cho nên trước nói về ái cõi trên, sân cõi dưới rất lầm lỗi cho nên trước nói ái kế nói sân.

Nay muốn nói rộng thứ lớp nêu lỗi của san tham nặng nêu sau nêu, cho nên Phẩm Phương Tiện nói thời kiếp trước loạn chúng sanh cấu trọng san tham ganh ghét, nay vì giáo hóa người cõi cõi Dục cho nên nói rộng lỗi ở cõi Dục nên nói sau. Văn chia làm hai: Trước nói lỗi tham kế nêu lỗi xan. Loài lang sói nhiều tham, do đó kinh nói tham lang ở tài sắc, loài cáo cũng tham mà tánh thường nghi nên kinh nói cáo nghi, tức mượn loài này nói về nghi, lại người nặng về tham muốn cầu danh lợi trước sanh tâm nghi là đắc hay không đắc. Vì vậy nên căn cứ tham sử thì rõ ràng có nghi. Loài dã can cũng tham mà tánh lại siểm khúc (dua nịnh), vì người tham cầu thường ưa dua nịnh, do đó nói về tham mà lại biện siểm khúc. Liếm nhai. Chính nói về tướng tham mới đủ tham năm trần mà vị tham đứng đầu cho nên nói nghiêng lệch. Dầm đạp: tham không có đạo lý, tham ăn uống không chán nghĩa đồng như dầm đạp giành giựt. Cấn xé: sáu căn khởi tham chấp cảnh sáu nặng như cấn xé. Thây chết: Tham năm dục bất tịnh tanh hôi dụ cho thây chết. Xương thịt bữa bái: Tham chấp chứa nhóm dụ các việc kia thường bữa bái.

Do đó mà bày chó: Nêu từ tham khởi san, san chẳng phải một dụ đồng bày chó. Đua nhau đến ngoạm lấy”: Nghĩa tâm tham chấp chặt lẫn tiếc đồng nghĩa ngoạm lấy, lại nặng về danh lợi như xương thịt bữa bái, cạnh tranh danh lợi đồng ngoạm lấy, tham không no chán như ốm đói đáng sợ, không xứng hợp ý như sợ sệt, xúc cảnh đều tham bốn phương dẫn dắt tìm ăn các nơi. “Giành giựt cấu xé”: Trước nói từ tham khởi

xan, nay nói nhân san tham lại khởi sân sử, tánh tham dẫn dắt chấp xan thì lần tiếc chấp chặt, hai nghĩa trái nhau cảnh không thuận tâm thì khởi sân tranh giành cho nên nói giành giật, tranh về phần mình cho nên nói cấu xé. “Gầm gừ gào sủa vang”: Đấu tranh khởi từ thân nghiệp, nay nói về khởi từ miệng nghiệp, từ hai sử san tham cho nên khởi hai sân thân, miệng, đây đều nói bày chớ chẳng phải dụ cho ba ái trước.

“Nhà đó việc đáng sợ, các biến trạng như thế”: là tổng kết lỗi lầm kia. Nhà kia là nhà ba cõi: Đáng sợ: là phiền não nặng hại pháp thân tuệ mạng rất đáng sợ. Biến trạng: Biến đổi hình dáng kỳ quái. Tâm vốn thanh tịnh do khởi phiền não trái ngược tổn thương đến lý, có công năng cảm khổ báo như biến trạng quái lạ.

Hỏi: Vì sao văn này không nói về nghi sử?

Đáp: Đây muốn dụ chúng sanh tại gia khởi ái, chỉ nói về có nơi ba độc chưa suy tìm cầu lý nên không nêu nghi sử, cho nên nghi sử nói sau, trong việc nghi chẳng huộc tánh sử cho nên không nói.

“Khắp nơi đều có” v.v... là dụ cho người xuất gia ngoại đạo khởi sự mê lý, như Phẩm Phương Tiện đã sanh khởi. Lại trước nêu ma trời ưa sanh tử, nay nói ngoại đạo mê đắm các kiến. Văn có hai: Nói si sử kế nêu kiến sử, phải trước sanh nghi sau mới khởi kiến cho nên Tạp Tâm chép: Vô tri nên do dự, do dự nên tà kiến, trên đã nói vô tri nay nêu do dự cho nên ban đầu nói nghi, nghi ở ba cõi nên nói nơi nơi đều có. Quỷ ly mị vọng lượng: Chính nói về nghi sử, mượn vọng lượng ly mị dụ cho nghi không quyết định. Trương Bình Tử Tây Kinh Vũ chú giải rằng: Sơn thần là ly, hình dáng tợ như hổ, thần nhà là mị, đầu tợ heo thân hình người có đuôi, gỗ đá yêu quái là vọng lượng Xuân Thu quyển thứ mười chép: Đúc tượng vật có một trăm loại hình thú vật khiến người vào núi sông không gặp quỷ ly mị vọng lượng. Chú giải rằng: ly là sơn thần hình thú, mị là quái vật, vọng lượng là thủy thần.

Dạ-xoa ác quỷ: là nói về kiến sử. Văn có năm:

1. Tà kiến.
2. Giới thủ.
3. Thân kiến.
4. Kiến thủ.
5. Biên kiến.

Hỏi: Năm kiến sao gọi là tà kiến ư?

Đáp: Nói theo dụ: Trong nhà có quỷ ăn thịt người rất đáng sợ, tà kiến bác không nhân quả, cắt đứt gốc lành, nặng hơn trong các kiến nên nói trước.

Lại, Tạp Tâm chép: Do dự cho nên tà kiến thì từ nghi sanh tà kiến, nghĩa là thứ lớp nương nhau sanh. Văn chia làm ba:

- 1) Bác bỏ gốc lành tà kiến nửa hàng.
- 2) Một bài rươi bác bỏ tà kiến ác.
- 3) Một bài đều kết hai thứ tà kiến.

Dạ-xoa ác quỷ, Thích luận chép: Thành Đế-thích có chín trăm chín mươi chín cửa mỗi cửa có sáu Dạ-xoa áo xanh. Nhưng Dạ-xoa có ba: ở đất, ở hư không, ở trên trời. Thích Luận nói ở trên trời, ngài La-thập dịch là khinh tiếp (nhẹ nhàng mau chóng), lại dịch là người quý cũng dịch là có thể ăn. Nuốt ăn cả thịt người: Ở trên nói tà kiến năng bác bỏ, nay nói pháp thiện sở bác bỏ. Thịt người quý hơn hết trong các thứ thịt, pháp thiện là tôn quý trong các pháp, muốn nói về quá lỗi kia nên trước nói bác bỏ không pháp thiện. Các loài trùng độc ở dưới là nói về bác bỏ tà kiến bất thiện: ban đầu một bài nêu bất thiện bác bỏ, trên nửa hàng nói về nhân bất thiện, kế một câu nêu nhân bất thiện sanh quả bất thiện, câu thứ ba nêu nhân quả đáp sanh đều có lý riêng. Ấp sanh: chim sanh gọi là ấp, thú sanh gọi là cho bú, cùng là trứng gọi là ấp, thai gọi là cho bú.

“Quỷ Dạ-xoa đưa đến”: hai bài rươi nói về tà kiến năng bác bỏ. Khởi tà kiến chẳng phải một nên nói đưa đến, nhưng chính bắt ăn thịt con dụ cho tà kiến chính là bác bỏ quả. “Ăn no nề rồi”: một bài tổng kết tà kiến lỗi lầm, đến bác bỏ bất thiện thì tà kiến đều thành chín phẩm, dứt hẳn đủ các gốc lành nên nói no đủ, do chín phẩm đầy đủ tà kiến mạnh lên nên gọi thêm hăng, nhân tà kiến khởi tà kiến nói như tiếng đánh chửi nhau, tà kiến chấp không cùng hữu kiến nghĩa trái nhau như đầu tránh, nói ra từ miệng gọi là âm thanh ác, tà kiến có công năng cắt đứt gốc lành được quả báo vô gián ắt đáng sợ hãi.

“Quỷ Cưu-bàn-trà”: Kế là nói giới thủ tà kiến bác bỏ không nhân quả, giới thủ có lập nhân quả, muốn dùng có không tương đối cho nên nối kế nhau, cũng muốn nói lên ngoại đạo chấp có, không trái đến cùng cho nên kế nói. Quỷ Cưu-bàn-trà Hán dịch Đông qua quỷ, hình dáng giống trái bí đao. Giới thủ có hai thứ: Có pháp thiện, pháp ác, nếu chấp các kiến là đạo gọi là pháp ác giới thủ cho nên luận Thành Thật chép: Giữ giới trâu nếu thành thì gọi là trâu, không thành thì đọa vào địa ngục nhưng chẳng phải nghĩa này dùng. Nay trong ở đây nói về chấp ba cõi pháp bạn lành lậu xếp vào đạo gọi là giới thủ. Theo nghĩa Tỳ Đàm tuy chấp pháp thiện làm giới thủ đều thuộc nhiếp bất thiện cho nên trừ thân kiến, biên kiến các kiến còn lại đều bất thiện. Năng trừ thiện giới

đắc trời người cõi Dục lên ngoài bốn thú, như đất khối chỉ cao hơn đất chút ít là chỉ cõi Dục chẳng phải pháp an ổn ví như ngồi xồm. “Hoặc có lúc hồng đất một thước hai thước”: Đây chấp tu thiền bật dục xếp vào đạo gọi là giới thủ, chấp Tứ thiền là đạo như lia đất một thước, chấp Tứ không là đạo như lia đất hai thước, lại duyên trên là qua, chán dưới là lại sanh cõi trên là qua, thoái cõi dưới là lại, trải khắp ba cõi gọi là đạo đi. Trái chí lý là buông lung, không thể khắc phục thu hoạch Thánh đạo gọi là đùa giỡn. Năm hai chân của chó: Đây nêu lỗi giới thủ, trước nói tà kiến bác bỏ không nhân quả lỗi kia đã nặng như ăn thịt người và ăn các loài chim thú. Nay nói về giới thủ lập có nhân quả, lỗi lầm tức nhẹ chỉ như sợ chó trong nhà cho nên có thí dụ đây. Chấp bốn thiền bốn không làm đạo trái ngược tổn hại nhân hai cõi trên, như năm hai chân chó, vì nhân hai cõi trên là hữu lậu, trông mong thánh đạo vô lậu là pháp dưới như chó là loài thú thấp hèn. Chấp hữu lậu, phi đạo là đạo, trái khuấy tổn hại hữu lậu dụ như năm chân chó trái ngược sự như âm thanh của chó ở ngoài cho nên thất thanh. Đã mê nhân hữu lậu cũng mê quả hữu lậu, như chân đạp trên cổ. Chấp hữu lậu là Thánh đạo không bác bỏ nhân quả như sợ chó không chết, chấp như thế gọi là đắc lý nên gọi là tự vui.

“Lại có các giống quỷ thân nó rất cao lớn”: là nói ngã kiến, kế giới thủ sau nói ngã kiến. Căn cứ dụ mà chép: Đầu tiên nói quỷ đều hại người lỗi kia rất nặng cho nên nói ban đầu. Kế quỷ không hại người, là chỉ làm cho chó sợ cho nên nói thứ hai. Nay một loài quỷ thứ hai này đều không hại người ít đáng sợ, nên nói thứ ba. Tà kiến bác bỏ nhân quả lỗi kia rất nặng cho nên nói đầu, giới thủ có lập nhân quả chỉ trái pháp hữu lậu nên nói thứ hai, thân kiến không ngăn ngừa thí giới lại là ẩn chìm pháp vô ký, so với giới thủ thì lỗi kia nhẹ cho nên nói thứ ba.

Hỏi: Như nghĩa luận Thành Thật nói thân kiến là bất thiện, nghĩa Tỳ-đàm nói về thân kiến là ẩn chìm vô ký, hai luận này làm sao có được mất ư?

Đáp: Câu-xá phê bình rằng: Ngã kiến có hai: sanh đắc ngã kiến nghĩa là sanh bất cứ cõi nào trong ba cõi tất cả chúng sanh đều khởi tâm ngã kiến gọi là sanh đắc ngã, ngã như thế gọi là ẩn chìm vô ký. Nếu ngã của ngoại đạo tà chấp gọi là bất thiện.

“Thân kia cao lớn”: Nếu y cứ nhiều người thì chúng sanh trong ba cõi đều có ngã là cao (dài), chúng sanh trong năm đường đều có ngã là lớn (đại). Nếu Tăng-khư chấp ngã thì khắp ba cõi năm đường đều gọi là cao lớn, người chấp ngã cho rằng đắc lý, tâm không hổ thẹn gọi là

lõa hình (trần truồng), trong tâm vô minh chấp ngã gọi là đen, chánh quán không hữu vô ngã gọi là gầy, tất cả phàm phu thường có ngã tâm nên nói thường ở trong đó. Trong lòng ôm ngã, tuyên nói nơi miệng cho nên nói phát âm thanh, vì ngã tu phước nghĩa như cầu ăn. Lại quý này thường muốn ăn thịt người và thú, như người chấp ngã thường bác bỏ vô ngã nên gọi là cầu ăn.

“Lại có giống quý cổ nhỏ như lỗ kim: Là nói kiến thủ, kiến thủ có hai:

- 1) Độc đầu.
- 2) Túc thượng.

Độc đầu là không lạc tịnh chấp lạc tịnh, Túc thượng: Trên ngã kiến chấp phải trái, như nói tự thấy là thật, các người khác đều là nói dối. Nay vẫn này nói chấp mình thấy là đúng không chịu nhận người khác thấy như quý cổ nhỏ không thể ăn uống.

“Lại có các giống quý đầu nó như đầu trâu”: Là nói biên kiến. Đoạn, thường từ thân kiến sanh, như hai sừng trâu chung ở một đầu, mà nói trâu vì loài trâu dê ngưu si v.v... Căn cứ dụ mà nói nên có ba ý:

- 1) Trâu.
- 2) Đầu.
- 3) Trên đầu có sừng.

Như do si nên chấp ngã, do ngã nên khởi đoạn thường. “Hoặc ăn thịt người hoặc lại ăn thịt chó: “Trên là nói thể của biên kiến, nay nêu dụng của biên kiến, trái pháp thiện nhân quả như ăn thịt người, trái nhân quả pháp ác như ăn thịt chó, lại trái diệt đạo là ăn thịt người, tổn thương khổ tập như ăn thịt chó. “Đầu tóc rối tung lên”: Trên lược nêu từ thân kiến sanh đoạn thường hai kiến nay nói rộng từ đoạn thường sanh sáu mươi hai kiến, cho nên Phẩm Phương Tiện chép: Vào rừng rậm tà kiến hoặc là có là không v.v... y chỉ các kiến này đầy đủ sáu mươi hai kiến. Đoạn thường là gốc của các kiến như đầu, từ đây sanh sáu mươi hai kiến không có giảng giải tóm lược như tóc rối tung. “Rất ác hại hung hiểm”: là nói về thể của sáu mươi hai kiến, nay nêu dùng, các kiến ấy thường trái ngược tổn thương như tàn hại hung hiểm không có định tuệ ăn uống cho nên nói bị đói khát bức ngặt. Lại loài quý này cũng thường ăn thịt người, như người chấp đoạn thường muốn phá Trung đạo miệng giảng nói các kiến, nghĩa kia nói lên như kêu la, tâm hành đoạn thường nghĩa như rong chạy.

“Dạ-xoa và ngựa quý”: một bài rưỡi tổng kết lỗi lầm. Câu đầu nói sử mê lý, câu kế nêu mê sự phiền não khởi hai sử ái kiến, chúng

sanh đều không có định tuệ ăn uống như đói gấp, lại thường muốn trái nghịch tổn thương gọi là đói khát, chỉ có tâm muốn ra khỏi mà không tu hành vượt thoát, chúng sanh ái kiến như thế khi chịu các khổ cũng có lúc nhàm chán khổ nên bồn bễ, tâm hy vọng mong cầu ra khỏi, như rình xem ở cửa sổ, cửa sổ nghĩa là chỗ không khổ mà không chánh cầu ra khỏi chỉ rình mà thôi. “Các nạn dữ như vậy vô lượng việc ghê sợ”: lỗi liên quan đến phiền não không thể nói hết cho nên nói các nạn như vậy vô lượng việc ghê sợ.

- *Nhà cũ mục trên đó*: là nói lửa bốc cháy. Văn chia làm hai:

1) Ban đầu nói duyên lửa khởi.

2) Chính là nói về lửa khởi.

Hỏi: Vì sao có thí dụ lửa bốc cháy ư?

Đáp: Văn xuôi đã giải thích, nay lại làm một ý, trước nói về nhà hình gọi là quả báo ba cõi, kế nói ác quỷ trùng độc nghĩa là trong ba cõi khởi ái kiến phiền não, do có phiền não nên chiêu cảm khổ báo, nhưng cảm hậu khổ có hai nhân duyên:

1) Khởi phiền não.

2) Xa lìa thầy tốt tức cách đời không có Phật.

Khởi hoặc là nhân cảm khổ cho nên trước nói Phật bảo là duyên cảm khổ nên nói sau. Do văn kinh trước nói phiền não sau biện cách đời Đức Phật, Phật ứng sanh trong ba cõi, ba cõi thuộc Phật, vì Đức Phật có khả năng giáo hóa ba cõi nên thuộc Phật không thuộc chín mươi sáu Sư cho nên nói một người.

“Người ấy vừa mới ra”: Trên nói ứng sanh nay nói ứng diệt, chuyển hiện phước khác cho nên nói vừa mới ra. “Thời gian chưa bao lâu”: Như lai thị hiện sanh diệt thời gian khoảnh khắc cho nên nói chưa bao lâu. Lại chưa bao lâu mà còn khởi hoặc chiêu cảm khổ hưởng chi cách Thánh lâu ư?

“Rồi sau nhà cửa đó, bỗng nhiên lửa cháy đỏ”: Chính là nói về lửa bốc cháy. Văn có ba:

1) Nói cõi Dục lửa bốc cháy.

2) cõi Sắc lửa bốc cháy.

3) cõi Vô sắc lửa bốc cháy.

Cho nên văn nói ba cõi bất an giống như nhà lửa thường có sanh già bệnh chết lo buồn, lửa bốc cháy như vậy không dừng. Về sau: Nghĩa là sau khi Phật diệt độ, lại là chúng sanh trái hóa về sau, đây nói về khi lửa bốc cháy: Bỗng nhiên: Từ điên đảo vọng tưởng sanh, chỉ bày lửa cháy không có nguyên nhân. Lửa bốc cháy: Chính nêu khởi hoặc

chiêu khổ, bốn loài chúng sanh đồng có sanh già bệnh chết cho nên nói bốn bên. Nhất thời: Tuy là đồng mà còn sợ hãi chưa hẳn nhất thời cho nên lại nói nhất thời. “Ngọn lửa đều hừng hực”: Như lai sau khi diệt độ chúng sanh trái hóa đồng khởi nhiễm trói buộc đều chịu khổ nặng. Rường cột và trính xiêng: là nói thân tâm bị đốt cháy. Tiếng nổ: là già khổ. Rung chuyển: là bệnh khổ. Rớt gãy đổ ngã: là thần thức chết, hình xa lìa ước là khổ chết. “Các loại quỷ thần ấy đồng cất tiếng kêu to”: Đây là nói người gặp khổ. Các quỷ thần là ngoại đạo xuất gia đồng khởi kiến. Luận Thập Địa chép: Ngoại đạo thấy già bệnh chết sanh tâm nhàm chán, như quỷ thần thấy lửa cất tiếng kêu to.

“Các giống chim điều thứu”: một hàng là nói chúng sanh ái kiến đồng không biết nơi vượt khổ, câu trên nói tại gia khởi ái chúng sanh kiến, lìa sanh già bệnh chết cũng sanh sợ hãi mà không biết chỗ ra, câu kể nói ngoại đạo xuất gia cũng không biết chỗ ra. “thú dữ loài trùng độc chui núp trong lỗ hang”: là nói cõi Sắc bốc lửa, câu đầu nói chúng sanh tại gia chán khổ cõi Dục tu Tứ thiền cầu sanh cõi Sắc cho nên nói chui núp trong hang. Kinh này từ trên đến đây có ba loại ví dụ:

1) Chấp cõi trên cao hơn cõi dưới nên nói dụ lầu gác.

2) Chấp phàm phu xuất ly bởi không đáng nói như một thước hai thước.

3) Nay chấp tránh lửa dụ đồng vào hang. “Các quỷ Tỳ-xá-xà”: Đây nói quỷ cuồng điên, là dụ ngoại đạo khởi kiến cũng chán khổ cõi Dục cầu cõi Sắc cho nên nói cũng ở trong đó. “Vì phước đức kém mỏng nên bị lửa đốt bức”: Tuy sanh cõi Sắc cũng chưa thoát khỏi hoạn, do đó không thoát khỏi khổ vì phước đức mỏng, cõi Dục khổ nặng như thiêu đốt, cõi trên khổ nhẹ nên nói bức. “Lại tàn hại lẫn nhau”: Nói chúng sanh cõi Sắc đã thọ quả khổ lại khởi nhân hoặc, ái thường mê đắm nơi có, kiến thường mê đắm không, có không lẫn khởi nói tàn hại lẫn nhau, có hại không như uống máu, không hại có như ăn thịt. “các loài thú đã can, thì đều đã chết trước”: Khi sanh cõi trên thì tham nặng ở cõi Dục đã dứt trước cho nên kinh Thập Địa chép: Như Phạm Thiên vương, phiền não cõi Dục không hiện tiền. “Các giống thú dữ lớn, tranh nhau đến ăn thịt”: cõi Dục ác tuy diệt mà phiền não cõi trên nối tiếp khởi, khởi thì ai mạnh đoạt ác trước nên nói tranh giành đến ăn nuốt. “Khói tanh bay phùn phụt”: khói là hơi lửa do khổ mà sanh các nghiệp ác nên khổ là lửa nghiệp ác dụ cho khổ biên khắp trong cõi Sắc Tứ thiền gọi là phủ khắp bốn bề. Kinh Hoa Nghiêm lấy giác quán tà làm khói đây là nói gốc của các phiền não, tư duy tà cũng chung Tứ thiền như phủ khắp bốn

phía. “Loài ngô công do diên”: là nói cõi Vô Sắc lửa khởi căn cứ vẫn có hai:

- 1) Nêu ba không lửa khởi.
- 2) Nói về cõi Phi tướng lửa thiêu.

Tuy sanh Tứthiền cũng chưa thoát khỏi vô thường, lại cầu sanh ba không, nên nói tranh nhau chạy ra khỏi hang. Đây một bài nói chúng sanh tại gia sanh cõi Vô Sắc.

Hỏi: Theo nghĩa Tỳ-đàm nói cõi trên không sân, làm sao được nói loài ngô công du diên dụ cho sanh cõi Vô Sắc chúng sanh có sân ư?

Đáp: Nghĩa có nhiều môn không được hoàn toàn dựa vào số phân phán.

“Quỷ Cừu-bàn-trà rình bắt lấy mà ăn”: Nửa bài kệ này nói về khởi kiến ngoại đạo sanh cõi Vô Sắc, ngoại đạo thường chấp vô kiến, bác bỏ sở chấp nhân quả, đều không cho nên nói liền bắt lấy mà ăn nên đầy đủ như cõi Sắc nói, nay lược nói nghĩa tạo nhân khổ! Lại đây giải thích chuyển thí dụ nói về nghĩa tuy sanh ba không mà chưa thoát khỏi lửa cho nên nói liền bắt lấy ăn, quỷ là dụ lửa. “Lại các loài ngạ quỷ trên đầu lửa rực cháy”: là nói cõi Phi tướng lửa bốc cháy. Tuy sanh ba không mà chưa thoát khổ nên cầu sanh cõi Phi tướng gọi là đánh cửa ba hữu, gọi là đầu, cũng bị các khổ vô thường ép ngặt nên nói lửa bốc cháy, tuy sanh trong phi tướng mà cuối cùng không ngoài định tuệ thế gian như đói khát nóng khổ. Lại đói khát thường muốn ăn uống, chấp Phi tướng phàm phu thường muốn bác bỏ chánh pháp Niết-bàn. Ban đầu ở nhà bị đốt nên tranh vào trong hang, vào hang bị thiêu đốt lại chạy ra khỏi hang, ngoài hang lại không tránh khỏi lửa, lại không có chỗ đi cho nên nói sáng sốt chạy quàng lên, như vốn ở cõi Dục chịu khổ nên cầu sanh cõi Sắc, cõi Sắc lại không khỏi khổ nên cầu sanh cõi Vô sắc, cõi Vô sắc lại không thoát khổ thì không có chỗ tránh khỏi khổ như sáng sốt chạy quàng lên.

“Nhà lửa dó như vậy: v.v...” là tổng kết lỗi của lửa.

“Lúc bấy giờ chủ nhà v.v...” ba hàng tụng thí dụ thấy lửa. Văn xuôi có ba:

- 1) Thấy lửa kinh sợ.
 - 2) Cha đã ra khỏi.
 - 3) Con chưa lìa.
- Nay chuyển thế cũng có ba:

- 1) Đứng ở ngoài cửa.
- 2) Chúng sanh có căn cơ với Phật.

3) Trưởng giả kinh sợ vào nhà lửa.

Hỏi: Vì sao đứng ở ngoài cửa ư?

Đáp: Phẩm Phương Tiện chép: mắt Phật thấy chúng sanh sáu đường. Trước văn xuôi nói Trưởng giả thấy lửa lớn, là đều chưa nói về chỗ thấy nên nay giải thích hai chỗ: Nói Phật ở địa pháp thân cho nên thấy, như Trưởng giả đứng ngoài cửa cho nên nghe. Nói đứng là đáng sắp đi, do sắp vào nhà cứu con nên nói đứng, lại nói đứng dường như không đi, ví như Đức Phật đợi thời cơ mới vào sanh tử độ chúng sanh mà không đi nơi khác. Lại nói đứng, vì các con trái hóa trôi lăn trong sanh tử, Như lai các đức đầy đủ đã lâu nên đứng, lại đứng là đáng mạo không an, bậc Thánh tuy lại dứt tích ngoài thế gian mà thường muốn ứng vào sanh tử không hề tạm an.

“Nghe có người nói rằng”: Nói chúng sanh có căn cơ chiêu cảm đến Phật. Chúng sanh có cơ ứng ngộ, trước hóa duyên phát đến nay hợp Phật như nghe bảo mà sau biết. Văn xuôi nói thấy nay nói nghe: Trên y cứ Thánh trí chiếu đạt sáng suốt thí ví đồng mắt thấy, nay dụ chúng sanh thiện căn sắp phát, nhưng gốc lành sắp phát nghĩa kia còn ẩn, yếu cho nên như nghe. “Các người con của ông”: là thuật lại việc nghe. Trước đã từng được hóa độ nên ngoài bốn dòng mà giữa đường khởi hoặc lại vào ba cõi. “Thơ đại không hiểu biết chỉ tham vui ưa đắm”: Đầu phát đạo tâm là thơ, gốc lành yếu đuối là nhỏ, có vô minh phiền não là không biết, ái nơi năm dục là tham đắm. “Trưởng giả vừa nghe xong”: là nói ứng thân vào, bác bỏ sanh tử muốn cứu giúp. Hai chương trên đều nêu pháp thân, nay lại biên rõ ứng tích.

“Mà dụ bảo các con v.v...” năm hàng tụng thí dụ cứu con không được. Trước vốn có hai môn khuyên, răn, nay chỉ tụng răn. Vì sao? Vì muốn nói về nghĩa ba thí dụ kế theo tụng trước thí dụ nói chung rộng tội lỗi sanh tử, tụng thấy lửa dụ nêu các con trái hóa khởi hoặc tham đắm nhân duyên sanh tử, nay tụng cứu con không được chính vì con nói tội lỗi sanh tử nên nay chỉ tụng môn răn. Văn chia làm hai:

1) Tụng cứu con.

2) không căn cơ không nhận sự giáo hóa của cha.

Văn đầu lại có hai:

1) một bài rươi nói lược tội lỗi sanh tử. Loài rắn độc rít độc v.v...” là nói rộng tội lỗi sanh tử, loài rắn độc v.v... là giải thích trùng độc trên. “Và các loài Dạ-xoa” là giải thích ác quỷ ở trên, “Cùng quỷ Cưu-bàn-trà”: là nói lại quỷ trùng. Ban đầu quỷ trùng là lỗi nặng nên nêu trước sau độc hại ít nhẹ cho nên nêu lại. “Chỗ khổ nạn như thế hướng chi là

lửa lớn”: các khổ phiền não sở dĩ làm nao loạn tâm còn không thể thọ hưởng chi bệnh gài chết khổ mà có thể thọ ư? Lại giải thích khổ trời người đã không thể thọ hưởng chi là khổ ba đường ư?

2) “Các con nhỏ không biết v.v...” tụng không có căn cơ.

“Lúc bấy giờ, Trưởng giả”: là nói thí dụ ba xe cứu con được. Trên có bốn:

- 1) Biết sở thích con trước.
 - 2) Chính là nói ba xe.
 - 3) Các con tin nhận.
 - 4) Cha vui mừng; nay tụng đầy đủ.
- Ba hàng tụng thứ nhất, trong văn có ba:

- 1) Không ra bị tổn hại.
- 2) Muốn lập hương tiện ra.
- 3) Biết con trước ưa thích.

Nay chuyển thế làm hai:

1) Hai bài rưỡi nêu không có đại căn cơ.
 2) Nửa bài nêu có tiểu căn cơ, vì không có đại căn cơ mà có tiểu căn cơ cho nên dứt đại mà trao pháp Tiểu thừa. “Làm ta thêm sầu não”: Ban đầu ở pháp thân địa thấy chúng sanh ở trong sanh tử chịu khổ rồi khởi tâm đại bi, kế dùng bốn thù tích dùng giáo Đại thừa hóa không được, tâm bi càng sâu cho nên nói thêm. “Nay trong nhà lửa này”: là nói riêng việc đáng thương đấm chấp sanh tử không thọ giáo Đại thừa hóa bởi vì bỏ lạc chấp khổ sẽ bị phiền não đốt cháy gốc lành, cho nên đáng thương. “Ông liền tự suy nghĩ”: Muốn lập giáo Tiểu thừa hóa, thì liền nói lên có căn cơ Tiểu thừa.

“Bảo với các con rằng v.v...” chính thí dụ lập ra ba xe. Trên có bốn phần: nay tụng đủ.

- 1) Một bài tụng khen ngợi ba xe.
- 2) Ba cứu tụng chỉ chỗ ba xe.
- 3) Một câu khuyên mau ra khỏi nhà lấy xe.
- 4) Một bài tụng bảo đảm cho không đổi gạt. “Mà sắm các xe này”: Vốn không có Ba thừa vì chúng sanh mà quyền thiết lập cho nên nói làm ra. Lại do Đức Phật đặc ba cho nên nói Phật tạo tác.

“Các người con nghe nói v.v...” là các con tin nhận ra khỏi nhà lửa. Văn này có ba: Nửa bài tụng Văn tuệ, sáu chữ tụng địa vị Hữu học. “Mà ra v.v... trở xuống có mười chữ v.v...” là tụng địa vị Vô học.

1. Sở dĩ chỉ tụng ba ấy là ban đầu nghe giáo.
2. Tu hành.

3. Ra khỏi nhà.

“Trưởng giả thấy các con v.v...” là Tụng trên cha thấy con ra khỏi nhà lửa vui mừng. Văn chia làm ba:

- 1) Một bài rươi nói vui mừng.
- 2) Hai bài rươi nói ưu sầu giải thích vui mừng.
- 3) Một bài tổng kết vui mừng.

Trên đây đã nêu ba lỗi ác quỷ trùng độc cho đến lửa lớn. Đầu tiên trong tổng thí dụ nói riêng ba cõi có lỗi lầm này. Trong thí dụ cứu con không được nói riêng vì con nói tội lỗi sanh tử mà con không tin nhận, nay trong đây riêng vì nói về lo con không được ra ngoài, được ra ngoài vui mừng cho nên lại nêu. Sanh nuôi rất khó nhọc: khiến phát tâm Bồ-đề là sanh, dạy hạnh Bồ-tát là nuôi. Trong đây trình bày con có ba thời:

- 1) Thời sanh nuôi: nghĩa là thời quá khứ vốn học Đại thừa.
 - 2) Từ thời nhỏ v.v... mất Đại thừa hành giáo nhập ba cõi.
 - 3) “Nay ta đã cứu con v.v...” là đặc quả Tiểu thừa.
- “Khi ấy các người con v.v...” đồng ban cho xe lớn. Trên có ba:

- 1) Xin xe.
- 2) Cho xe.
- 3) Được xe vui mừng, nay tụng đủ.

Xin xe có bốn: Một là nửa hàng nói về thời xin. “Biết cha đã ngồi yên”: Ở đây từ đầu đến cuối nói về cha có ba thời:

- 1) Đứng ngoài cửa, dụ ở địa vị pháp thân muốn thùy ứng tích.
- 2) Kính sợ vào nhà lửa, chánh ứng nhập sanh tử.
- 3) Ngồi yên, đó là thí quyền cứu con, vì đã dứt ý tâm an vui nghĩa là ngồi yên.

Hai là “Đều đến bên chỗ cha v.v...” một bài chánh tụng xin xe. Đây dụ từ đầu đến cuối nói về con gồm có năm thời:

- 1) Vào nhà dạo chơi, đây là trái Nhất thừa hóa nhập Ba thừa.
- 2) Nêu đua nhau chạy khỏi nhà lửa, đây là bả mị thọ giáo Ba thừa vượt ngoài ba cõi.
- 3) Con ngồi yên, là đặc tiểu quả rốt ráo.
- 4) Đều đến chỗ cha, là trái tiểu hưởng đại tức đại căn cơ phát.

5) Nương vào xe báu thẳng đến đạo tràng. Ba là: Như vừa rồi cha hứa v.v...” một bài nêu hứa cho, vì hứa cho nên xin, nên nêu hứa mà cho. Bốn là: “Bấy giờ chính phải lúc v.v...” Nửa bài kết thành ý xin.

“Trưởng giả giàu có lớn v.v...” tụng đồng ban cho xe. Văn xuôi trước nói đồng ban cho xe sau nói xe lớn. Nay bày hàng trước tụng xe

lớn, sau nửa hàng tụng đồng ban xe bởi vì chuyển thế nói pháp. “Dùng các thứ vật báu tạo thành các xe lớn”: Nói muôn đức Như lai gọi là Đại thừa cho nên nói dùng các vật báu tạo thành xe lớn.

Hỏi: Ba thừa là phương tiện có thể gọi là tạo tác, Nhất thừa là chân thật vì sao cũng gọi là tạo tác ư?

Đáp: Trước nói không có ba vì chúng sanh nói ba cho nên nói tạo tác, do đó trước nói”: Ta vì các ông tạo raxe này, nay nói về thật có các đức gọi là tạo Nhất thừa nên nói tạo tác, vì thế hai nghĩa tạo tác khác nhau.

Lại, căn cứ lý nói về đạo môn không hề có ba, một, nói ba-nói một ấy đều là phương tiện tức không danh tướng mà gượng nói danh tướng, cho nên đều gọi tạo tác, ở đây đều căn cứ quả xe giải thích. Nếu y cứ nhân xe giải thích nói về tạo dụng, nhờ trước gốc lành Ba thừa là vật báu để thành ngày nay hiểu chỉ có nhất Phật thừa cho nên nói dùng các vật báu mà tạo tác. Lại hiểu Nhất thừa chẳng phải mình có thể đắc, đắc do Thánh trao nghĩa gọi là tạo tác. “Vải quý mịn rất tốt”: Dùng vải mềm che phủ, có hai công dụng:

1) Để ngăn bẩn.

2) Để trang sức.

Nghĩa nhất thừa cũng đủ hai nghĩa:

1) Thiền định cấu dơ quá nhiều thì sanh nhiễm, chân thật giải có thể mất tức nghĩa ngăn bẩn.

2) Định do tuệ thành có nghĩa nghiêm sức. “Có trâu trắng to lớn v.v...” là tụng trâu trên. “Đông những tôi và tớ v.v... trên tụng người hầu hạ”. “Đem xe đẹp như thế v.v...” là đồng ban cho xe.

“Lúc bấy giờ các con v.v...” là được xe vui mừng. “Dạo chơi khắp bốn phương”: Nếu căn cứ hóa tha để giải thích bốn phương, thì được giải bình đẳng mới tu đại hạnh khắp hóa bốn loài như dạo khắp bốn phương, ý chí vui sướng cầu Phật như “vui chơi khoái lạc.” Đại thừa không giới hạn ở thiên Tiểu thừa, như tự tại vô ngại. Nếu căn cứ tự hành giải thích nghĩa bốn phương thì đã được ngộ giai tức nhập Thập trú tâm là phương đông, kế là đến Thập hạnh là phương Nam, từ Thập hạnh đến Thập Hồi hướng là phương tây, từ Thập hồi hướng đến Thập địa là phương bắc, từ Thập địa đến địa Diệu giác là thẳng đến đạo tràng.

“Bảo Xá-lợi-phất này v.v... có mười tám hàng hợp thí. Văn xuôi hiệp đầy đủ sáu thí dụ, kệ tụng hiệp năm lược thí dụ không đối gạt. Trên hiệp tổng thí chính hiệp hóa chủ gồm năm nghĩa còn lại, nay chuyển thế nói về nghĩa chia làm bốn: Một hàng tụng hóa chủ: Một hàng tụng sở

hóa. Một hàng tụng hóa xứ. Một hàng tụng ý hóa.

“Đức Như lai đã lia”: tụng hợp thí dụ thấy lửa, trong văn xuôi hiệp thấy lửa có hai:

- 1) Hiệp thấy chúng sanh chịu khổ.
- 2) Hiệp thấy chúng sanh không hay biết khổ.

Nay văn chuyển thế chia làm hai:

- 1) Kệ tán Phật được lia tức nói về năng kiến.
- 2) Bài kệ kể là nói chúng sanh nói sở kiến. Sở dĩ khen ngợi Phật được lia là kể văn nói ý hóa ở trên, ý hóa đã nói là lỗi chúng sanh rõ ràng có khổ không vui nên nay khen ngợi Phật không khổ có vui. Lại do không có khổ nên có thể thấy vật khổ, bởi có vui năng thấy không vui, nửa hàng trên khen ngợi Phật không khổ, nửa bài kệ dưới khen ngợi Phật có vui. Không có sanh tử náo động nên gọi là vắng lặng ở thong thả, trí đức um tùm dụ như rừng, tiêu điều phóng khoáng như đồng nội, Như lai ở yên tịnh cho nên nói an ổn. “Hiện nay ba cõi này v.v...” một bài tụng sở kiến, quả báo ba cõi tùy thuộc nơi chúng sanh mà nói là của ta, chính vì chúng sanh là con, nên sở hữu của con, chẳng có gì không phải cha có. “Các chúng sanh trong đó đều là con của ta v.v...” Trên là nói về cõi nước thế gian thuộc về Phật, nay nói chúng sanh thế gian là con Phật.

Hỏi: Vì sao chúng sanh là con Phật ư?

Đáp: Xưa Quang Trạch học sĩ Hòa-xá-lê chép: Thức phàm phu lại năng sanh thức, thức sở sanh tức là trẻ con, nên gọi là con; đặc ý thức vô lậu không còn sanh thức. Luận Sư luận Thành Thật chép: Chúng sanh từ trong vô minh thức lưu lạc đến được Phật thương xót cho nên gọi là con. Nay nói về con có hai nghĩa:

- 1) Chúng sanh cùng Phật đồng nguồn gốc, nghĩa là chúng sanh bản tánh thanh tịnh Đức Phật cũng như vậy, cho nên kinh Niết-bàn dạy đều là một vị tùy dòng kia nên có sáu vị.

- 2) Chư Phật thương xót chúng sanh nay ở trong sáu đường, do từ niệm nên gọi là con.

“Mà nay trong ba cõi v.v...” hiệp Nhất thừa hóa không được. Trong văn xuôi nêu hai môn răn và khuyên hợp, nay chuyển thế chỉ chia làm hai:

- 1) Một kệ một câu nói về vì nói đại.
- 2) Ba câu tụng không căn cơ không thọ hóa.

“Có thể cứu hộ chúng”: là năng dùng Đại thừa hóa cứu giúp mà ủng hộ. “Tuy lại đã dạy bảo”: câu trước khen ngợi Phật năng cứu hộ,

nay chánh nêu cứu hộ. “Mà vẫn không tin nhận”: ba câu nói về không căn cơ không thọ hóa trong đây hai câu dưới giải thích nghĩa không thọ, do kia tham đắm Tiểu thừa nên không thọ Đại thừa. “Vì thế nên phương tiện v.v...” tụng Ba thừa hóa được. Trên hợp thí có bốn:

- 1) Nói về ý khởi quyền.
- 2) Nói giáo.
- 3) Được lợi ích.
- 4) Cha vui mừng.

Nay chỉ tụng hai: Một hàng rưới tụng lược lợi ích. Vì thế nên phương tiện: là kế theo thế vẫn ở trên vẫn ở dưới bảo nên nói thế nên phương tiện. “Khiến các chúng sanh, biết ba cõi là khổ”. Một hàng nói Ba thừa, nửa hàng đầu khiến biết khổ đế, nửa hàng sau chỉ bày đạo đế, đây nói về từ đầu đến cuối Tứ đế. Lại nói Ba thừa để chỉ bày nghĩa được mất chẳng thật có ba. Biết ba cõi là khổ: ba cõi là thật khổ. “Các đạo pháp ra đời”: nhân Đại thừa là đạo, ý đây nói về nói ba khiến biết khổ là thật khiến tu nhân Đại thừa, chẳng vì Tiểu quả. “Tất cả các người con v.v...” một bài rưới tụng được lợi ích, nói về đủ Ba thừa được lợi ích.

“Xá-lợi-phất phải biết” là tụng hợp đồng ban cho xe lớn. Trong văn xuôi nói hai thí dụ mà hai hiệp, nay chuyển thế chia làm ba:

- 1) Hai hàng kệ hợp đồng ban cho.
- 2) Ba hàng kệ hợp xe lớn.
- 3) Hai hàng hiệp được xe vui mừng.

“Dùng môn thí dụ này để nói một Phật thừa là nói chung ý của năm thí dụ. Vì muốn nói một Phật thừa tức là đồng ban cho, kể nói về khuyến tin. Tuy đồng ban xe mà còn sợ chưa hẳn tin vì vậy nên khuyến tín. Nửa bài trên là chánh khuyến tín. “Tin nhận lời nói này”: tức tin lời thí dụ trên. “Hết tất cả mọi người đều sẽ thành Phật đạo”: là nói lược ý chỉ quy về khiến tin như thế. “Phật thừa này mâu nhiệm: v.v...” ba hàng tụng xe lớn. ba hàng chia làm hai:

- 1) Hai bài khen ngợi Phật thừa.
- 2) Một bài nêu thể của thừa.

Hai bài trước lại chia làm hai:

- 1) Căn cứ Pháp khen ngợi thừa.
- 2) Kệ sau căn cứ người khen ngợi thừa.

Căn cứ pháp khen ngợi thừa, nửa hàng trên đối nhị thừa Thanh văn Duyên giác khen ngợi Phật thừa. Thừa ấy rất mâu nhiệm đức chẳng có gì không tròn đầy. Thanh tịnh: Hệ lụy chẳng có gì không tận, do đức đầy đủ, lụy cùng tận nên vượt ra Nhị thừa gọi là bậc nhất. “Ở trong

các thế gian: Nửa bài đối thừa trời người khen ngợi Phật thừa, thừa trời người là thừa thế gian nên gọi là hữu thượng thừa, Phật thừa là thừa xuất thế gian nên gọi là vô thượng. “Cửa Chư Phật ưa vui v.v...” căn cứ người mà khen ngợi cũng có hai:

1) Một câu nêu Phật khen ngợi.

2) Ba câu nói trừ Phật, ngoài ra chín loại chúng sanh đều phải khen ngợi.

Lại trước nói về pháp sở thừa, Chư Phật ưa vui là nêu nói người năng thừa, tất cả các chúng sanh là nói người đi theo. Cần đầy đủ nghĩa Ba thừa mới gọi là đủ. “Đủ vô lượng ngàn ức”: Một hàng là nói thể của thừa. Cũng có hai nghĩa:

1) Ba câu căn cứ thật tuệ của Phật xếp vào thể của thừa.

2) Một câu nói về quyền trí của Phật xếp vào thể của thừa.

“Chứng đắc thừa như thế v.v...” Hai hàng tụng được xe vui mừng. Nêu giữa Duyên giác trên Bồ-tát và dưới Thanh văn đồng hiểu được không hai, hiểu không quanh co cho nên nói thẳng đến.

“Vì nhân duyên ấy v.v...” một hàng kệ là tụng, trong văn xuôi do nhân duyên ấy nên biết Chư Phật dùng năng lực phương tiện đối với nhất Phật thừa phân nói riêng ba v.v... Nói sự đã xong cho nên tụng kết lời xin dạy ở trên.

“Bảo với Xá-lợi-phất v.v...” tụng văn xuôi ở trên khuyên mở rộng kinh. Theo văn có hai:

1) Khiến biết pháp quyền thật.

2) Nêu người đúng sai.

Biết pháp quyền thật: Khiến biết xưa nay hai pháp đại tiểu nghĩa quyền thật. Nêu người đúng sai: Khiến nay là tài năng (khí) cần phải trao, chẳng phải tài năng chớ truyền. Xét rằng muốn mở rộng kinh chủ yếu phải đầy đủ hai nghĩa này cho nên chia làm hai chương. Căn cứ đầu chỉ bày pháp quyền thật chia làm ba:

1) Dựa vào ân tình cha con để nói lên đại tiểu quyền thật.

2) Dẫn Bồ-tát làm chứng minh đại tiểu quyền thật.

3) Nói Phật là đấng Pháp vương giải thích ý quyền thật xưa nay.

Dựa vào ân tình cha con nói thì không có đối gạt nhau, nên nói quyền thật cần phải tin. Văn chia làm hai: hai bài kệ trước xác định cha con, một hàng rưỡi sau chính nêu quyền thật.

Đầu lại chia làm hai:

1) Bài kệ đầu xác định cha con.

2) Bài kệ sau là nêu ân (từ phụ) cha lành. Một hàng rưỡi sau cũng

chia làm hai:

1) Hàng đầu nêu giáo trước chẳng thật.

2) Nửa bài sau nói trí Phật là thật. “Nhưng chỉ hết sanh tử”: là chỉ hết một lớp phần đoạn sanh tử.

“Nếu có Bồ-tát v.v...” có mười một bài kệ dẫn Bồ-tát làm chứng minh đại tiểu quyền thật. Trên định cha con tức là đối với người Thanh văn nói về quyền thật, nhưng Thanh văn phước mỏng căn độn chưa chắc có khả năng hiểu ý giáo quyền thật, Bồ-tát có phước đức lợi căn nên mới hiểu, được nên căn cứ Bồ-tát nói về quyền thật.

Văn này chia làm hai phần:

1) Kệ chính là nói về Bồ-tát đến hội Pháp Hoa nghe pháp chân thật.

2) Nói Bồ-tát có khả năng hiểu quyền thật.

Phần hai lại chia làm hai:

1) Một bài nêu Bồ-tát hiểu nhân quyền thật.

2) Chín hàng nêu Bồ-tát hiểu pháp quyền thật, tức là giải thích thành nghĩa nhân quyền thật. một bài đầu: Nửa bài trên nêu nhân quyền nửa bài kệ dưới biện nhân thật.

“Nếu có người trí nhỏ v.v...” Nói về pháp quyền thật, văn này lại chia làm hai:

1) Nói về trước Tứ đế là pháp quyền.

2) Thiên đối với quyền của diệt đế trước nói nay diệt đế là thật.

Đầu văn ói Tứ đế chia làm bốn đoạn:

Văn khổ đế có bốn câu. Nửa hàng nói căn duyên, nửa hàng vì nói giáo, nửa hàng nói được lợi ích, nửa hàng tổng kết tên đế. Nêu tập đế có hai đoạn:

1) Kệ nói căn duyên.

2) Kệ nói thuyết giáo.

Mà nói dùng phương tiện nói đạo: Đạo này chẳng phải đạo đế chính là nói đạo dẫn dắt. Nhưng mười phiên nào làm tập chỉ nói tham gồm có hai nghĩa:

1) Nêu mười sử lấy tham làm đầu.

2) Tất cả chúng sanh đều tham vui. Kế một bài nêu nói giáo diệt đế; nửa hàng diệt lỗi nhân, nửa hàng diệt lỗi quả. Kế nửa hàng nêu ở hai đạo đế, Trong đây bốn đế từ rộng đến lược khổ đế đầy đủ bốn đoạn, tập đế chỉ có hai đoạn, diệt đế có một bài kệ, đạo đế chỉ nửa hàng.

“Lìa hết các khổ phước...” là căn cứ thiên về diệt đế để nói lên quyền thật, nhưng hữu lượng Tứ đế là quyền, vô lượng Tứ đế là thật,

chỉ diệt đế là chánh tông của quả pháp hai thừa Đại tiểu, quả pháp cho nên chọn thiên về quyền thật kia. Văn chia làm hai:

- 1) Y cứ vào hữu dư luận về Đại tiểu, quyền thật.
- 2) Y cứ vào vô dư luận về Đại tiểu, quyền thật.

Nửa hàng đầu là nhắc lại hữu dư giải thoát. Kế tiếp là giải thích xưa là hữu dư giải thoát. Nói chỉ xa lìa luống dối: Tứ trụ phiền não do phạm phu sanh khởi năng cảm phần đoạn luống dối sanh tử cho nên nói luống dối, Tiểu thừa chỉ lìa luống dối này cho nên giả danh là giải thoát! “Thật ra chưa chứng đắc giải thoát hẳn tất cả”: Vì chưa dứt hết năm rụ phiền não nên không gọi là giải thoát hẳn tất cả. “Đức Phật nói người ấy chưa phải thật diệt độ”: là nói về xưa nay vô dư quyền thật. Trước chỉ diệt phần đoạn sanh tử gọi là diệt, đây chẳng thật diệt. “Vì người ấy chưa chứng đạo quả vô thượng”: Xưa chưa thật diệt. Đắc đạo vô thượng: diệt quả hai thứ sanh tử mới là thật diệt, văn này nói về xưa tiểu Niết-bàn chỉ diệt Bốn trụ, chỉ diệt phần đoạn Đại thừa tức dứt đủ năm trụ, đủ làm ngã hai thứ sanh tử, không nên nói kinh này chưa nói về thượng, cũng không nên nói che lấp tướng thượng”. Ý của ta không muốn cho đó đến diệt độ”: Chẳng những Nhị thừa chưa đến cực diệt, mà cũng là ý Phật không cho Nhị thừa khiến đến diệt độ.

Hỏi: Kinh Thắng-man nói hữu tác, vô tác, hữu lượng, vô lượng tứ đế vì sao có đồng có khác ư?

Đáp: Tác, vô tác y theo hành phân biệt, lượng vô lượng là đương pháp phân biệt, căn cứ Tiểu thừa sở quán so với sau do có vô lượng đế quán có thể tu tác, đem sau phân biệt trước nên gọi là hữu tác, căn cứ Đại thừa sở quán so với sau, sau lại không gồm quán khác có thể sở tác cho nên gọi là vô tác. Lượng vô lượng: có ba nghĩa:

1) Dài ngắn nói về lượng vô lượng, ngắn gọi hữu lượng, dài gọi là vô lượng.

2) Cạn sâu nói về lượng vô lượng: cạn gọi là hữu lượng, sâu gọi là vô lượng. Như Tỳ-đàm nói về khổ là tánh có, luận Thành Thật nói khổ là hư giả, phân tích giả cho nên không, hai thứ này cạn nên gọi là hữu lượng. Đại thừa nêu khổ là mộng huyễn xưa nay vắng lặng tức là Phật tánh, nghĩa này rất sâu xa nên gọi là vô lượng.

3) Thô tế nói về lượng vô lượng: Quán tướng chung thô gọi là hữu lượng, quán tướng riêng tế gọi là vô lượng, cho nên kinh Niết-bàn chép: Phân biệt là khổ có vô lượng tướng chẳng phải Thanh văn Duyên giác biết được, ta đối với kinh kia không hề nói.

“Ta là đấng Pháp Vương v.v...” Nêu Pháp Vương giải thích nghi.

Trước đối Thanh văn Bồ-tát nêu tiểu quyền, đại thật, nghĩa kia đã rõ ràng, nay giải thích ý trước quyền sau thật, bởi vì đối pháp tự tại hợp thời mà nói. “Xá-lợi-phất phải biết”: Trên chỉ bày pháp quyền thật rồi, nay khuyên răn khiến biết người có khả năng hay không có khả năng.

Văn chia làm hai:

- 1) Nói lược khuyên răn.
- 2) Nói rộng khuyên răn.

Phần đầu lại có hai:

- 1) Nói lược khuyên răn.
- 2) Giải thích khuyên răn: một bài đầu là khuyên.

Nửa bài kế là răn. Pháp ấn của ta đây: lấy lý làm ấn, nghĩa là văn và lý tương ứng thì nên tin nhận, văn trái với lý này thì không nên tin. Lý ấn có hai:

1) Thể ấn: nghĩa là ba, một đều dứt, ngắn dài đều bỏ, tức thật tướng gọi là ấn, cho nên Phẩm Phương Tiện chép: Vì nói thật tướng ấn.

2) Dụng ấn: Nghĩa là một có, ba không, ba quyền một thật. Nói chung ấn ấy là ấn định các pháp không thể thay đổi, lại giải thích lấy văn làm ấn, dùng văn định lý, nghĩa là lý tương ứng với văn này chính là thật lý nên gọi là pháp ấn. “Chớ có vọng tuyên truyền”: nếu không có khả năng mà tuyên truyền thì tổn hại chẳng có ích, cho nên Phương Đẳng như cam lộ cũng gọi là thuốc độc. “Nếu có người nghe đến”: là giải thích khuyên và răn: bốn hàng trước giải thích khuyên. “Tùy hỷ đánh lễ nhận”: là thuận theo kinh này mà sanh vui mừng ảnh lễ thọ trì, người này biết một có ba không thì không còn lui sụt nên gọi là A-bê, “Kinh Pháp Hoa này” là giải thích răn. Nghe ba trụ ba không thể nhân ba ngộ một cho nên nói biết cạn. Kế là nói Nhị thừa vì tin được nhập tức là nói lên lý kinh sâu xa không thể truyền bừa.

Hỏi: Người Nhị thừa vì sao do tin đắc nhập kinh này?

Đáp: Nếu cúi đầu chấp tay các việc thiện v.v... làm tông của kinh này thì bậc Thánh sao không hiểu ư! Tức biết ý không do đây, nay nói Nhị thừa đoạn thường chỉ được kính tin mà thôi!

“Lại, Xá-lợi-phất! v.v...” nói rộng về khuyên răn, lại chia làm hai:

- 1) Nói rộng răn.
 - 2) Nói rộng khuyên.
- Răn dạy có mười người chia làm hai ý.
- 1) Nói về không nên vì năm người nói.

2) Nói lên lỗi của năm người.

Không nên vì năm người chép: Đầu kệ nói về ba hạng người:

1) Người kiêu mạn như bọn năm ngàn người.

2) Người biếng nhác tự chấp chặt cho là đã rốt ráo không tiến cầu quả Phật.

3) Người chấp ngã kiến tức là ngoại đạo, nghĩa là chấp chặt hữu ngã không tin vắng lặng.

Kệ thứ hai nói về hai hạng người:

1) Phàm phu biết nông cạn, cho là học rộng kinh sách thế tục không tin đến cùng tức là người khởi kiếp chấp.

2) Chấp đắm sâu năm dục mê đắm Tiểu thừa mà quên Đại thừa. Không nên vì năm hạng người này nói, ba người đầu thuộc Tiểu thừa hai người sau là phàm phu.

“Nếu có người không tin v.v...” là nêu lỗi của năm hạng người. Y cứ văn chia làm hai:

1) Nêu nhân của năm hạng người.

2) Nêu quả của năm hạng người.

Nhân của năm hạng người:

1) Người chê bai là lỗi miệng nghiệp.

2) Người xiu mặt là cau mày nhân mặt là lỗi thân nghiệp.

3) Người nghi ngờ là lỗi ý nghiệp.

4) Người chê bai pháp.

5) Người chê bai người trì pháp.

Văn đầu là dứt tất cả hạt giống Phật ở thế gian, là giáo lý Pháp Hoa, tất cả thế gian do kinh này thành Phật nghĩa là hạt giống Phật, tâm đã không tin miệng lại chê bai cho nên giống Phật liền dứt. “Người ấy khi qua đời: v.v...” là nói về năm hạng người mắc quả báo, gồm có ba nghĩa:

1) Trên đều nói chớ vì họ nói, cũng dường như không có từ tâm sao gọi là Bồ-tát, cho nên giải thích nói họ nghe chắc sanh tâm chê bai không có lợi chỉ thêm tổn hại nên không nói, không nói ý tức là từ.

2) Nói quả răn nhân nói chê bai đưa đến nỗi khổ có thể không cần thận ư?

3) Chê bai có tội nặng, tin chắc có phước sâu, tức nói về khuyên tín.

Văn chia làm hai phần:

1) Chính nói về mắc quả khổ.

2) Tổng kết khuyên răn.

Văn phần một có hai châu, nêu khổ báo kia đều có ba phẩm: ba phẩm của châu đầu: Thượng phẩm là địa ngục, trung phẩm là súc sanh, hạ phẩm là chịu khổ nhân gian tức từ nặng đến nhẹ. “Sa vào ngục A tỳ”: A tỳ là vô gián, đường khổ nối tiếp không có lúc gián đoạn nên gọi Vô gián. Lại một người nhiều người thân đều đầy khắp tám muôn do-tuần không chỗ nào trống nên gọi là vô gián. Lại sanh khởi chê bai kinh Pháp Hoa thì mang nghiệp thẳng vào địa ngục không còn nghiệp gián đoạn cho nên Vô gián. Kinh dạy: Dưới núi Tu-di có một trăm ba mươi sáu địa ngục, mặt đất ngục có tám:

1. Đẳng hoạt.
2. Hắc thăng.
3. Hiệp hội.
4. Khiếu hóan.
5. Đại khiếu hóan.
6. Viêm nhiệt.
7. Đại Viêm nhiệt.
8. A tỳ.

Tám địa ngục lớn này trong mỗi ngục lại có mười sáu địa ngục nhỏ để làm quyến thuộc, gọi là tám ngục Hàn băng, tám ngục Viêm hỏa. Tám ngục viêm hỏa là:

1. Thán khanh.
2. Phất thí.
3. Thiêu lâm.
4. Kiếm lâm.
5. Dao đạo.
6. Thiết Thích lâm.
7. Diêm hà.
8. Đồng hoạch.

Tám ngục Hàn băng là:

- 1) A phù đà thiếu hữu khổng.
 2. Ni la phù đà vô khổng.
 3. A la la.
 4. A bà bà.
 5. Hâu hâu: đây là tiếng chỉ sợ rét run.
 6. Ưu bát la: rét run người biến thành màu xanh.
 7. Ba đầu ma: thành màu sen hồng.
 8. Ma-ha ba-đầu-ma. Hiệp thành một trăm ba mươi sáu ngục.
- Luận Tỳ-bà-sa chép: Cõi Diêm-phù-đề rộng bảy ngàn do tuần,

ngục A tỳ rộng tám muôn do tuần. Dưới cõi Diêm-phù-đề: là chỉ cõi Diêm-phù trên nhỏ dưới lớn cho nên dung nạp.

Hỏi: Vì sao chê bai kinh đọa vào ngục Vô gián?

Đáp: Nhất thừa là pháp cực lạc chê bai ở chí lý trái ngược Cực Lạc kia cho nên chiêu cảm quả báo rất khổ. Vì lý là thường lạc chê bai đối với thường lạc cho nên chiêu cảm quả báo thường khổ, chỉ vì tội cũng là luống dối nên cuối cùng có lúc cũng ra khỏi.

Hỏi: Vì sao Đức Phật nói kinh Pháp Hoa khiến vật chịu khổ này ư?

Đáp: Tội phước từ lý sanh ra, thuận lý thì muôn điều ác tiêu trừ, trái lý thì các khổ nhóm họp, Đức Phật nói kinh Pháp Hoa chỉ bày tội phước của người chẳng phải nói Pháp Hoa khiến vật sanh tội.

“Đây đủ hết một kiếp v.v...” đây là tiểu kiếp. “Từ trong địa ngục ra v.v...” là nói về dự báo đọa làm oai súc sanh, nhưng tử ngục A tỳ ra chắc chắn đã trải quả đủ khắp một trăm ba mươi sáu địa ngục rồi mới làm loài súc sanh. Nửa bài đầu nói chung đọa vào súc sanh. “Hoặc làm chó dã can v.v...” là nói riêng đọa vào súc sanh. Nói lược bốn thứ: Chê bai cực pháp và người tôn quý nên đọa vào loài thú thấp hèn. “Hoặc sanh làm lạc đà v.v...” chê bai kinh Bình đẳng đại bi nên thọ báo súc sanh ngu si. “Có khi làm dã can v.v...”, lại chột hết một mắt”: Đức Phật có hai giáo quyền thật, kia chấp quyền mà phá thật nên bị quả báo chột một mắt, bị báo bị đánh ném; khéo tin kinh phù hợp lý lợi tha, chê bai thì trái lý tổn hại người, tổn hại người nên lại mắc báo tổn hại cho nên bị đánh ném. “Ở đây vừa chết rồi liền lại thọ thân rắn”: Do báng pháp chê người tâm sanh sân nhuế nên thọ thân rắn. “Thân thể nó dài lớn”: Sân đối với pháp Đại thừa nên thọ thân dài khổ, không chịu nghe pháp cho nên điếc, ngu si, chê bai nên gây đại, không thọ hành pháp cho nên không có chân, thường khiến chúng sanh không tin nên bị các trùng nhỏ cắn ăn. “Nếu được sanh làm người v.v...” là nêu dự báo. Luận Trí Độ chép: Người chê bai pháp chẳng có nghiệp san tham nên không đọa vào loài ngựa quý, ngu si chê bai nên bị báo ngu độn, cũng chê bai kinh trí tuệ nên mắc quả báo ám độn, tâm kiêu mạn chê bai nên mắc quả báo lùn, chê bai pháp mẫu nhiệm mắc quả báo xấu xí, chê bai pháp mở cửa phương tiện nên mắc quả báo lệch què, chê bai kinh ngay thẳng nên mắc quả báo lưng gù. “Nghèo cùng rất thấp kém bị người sai khiến luôn”: Kinh dạy đầy đủ muôn đức gọi là giàu sang, chê bai kinh mắc báo nghèo hèn. Nương theo Nhất thừa tự tại không ràng buộc, chê bai pháp tự tại mắc quả báo không tự tại cho nên bị người sai khiến. Kinh

này có công năng phá bệnh của phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát, chê bai kinh vô bệnh thì mắc quả báo nhiều bệnh. “Nếu học qua nghề thuốc”: chê bai pháp thuận lý mắc quả báo trái lý.

“Thường ở trong địa ngục v.v...” là châu thứ hai nêu ba phẩm tội, do sanh làm người mà chê bai pháp nên mắc các nghiệp ấy, liên tục chê bai kinh nên đọa vào địa ngục, cũng có ba phẩm:

1) Sanh địa ngục.

2) Ở tại đường ác khác: v.v...” là nói đọa vào súc sanh.

3) “Nếu được sanh làm người: v.v...” thì chấp sâu ngã kiến. Trên đây nói chịu khổ báo ba phẩm. Văn này nói do trái với ý chí nên tăng thêm các hoặc tức đầy đủ ba chướng. Đắm sâu ngã kiến gọi là ngu si. Kế là nói sân nhuế; dâm dục trở xuống là nói về tham.

“Bảo với Xá-lợi-phất v.v...” là tổng kết. Do lý đầy đủ các đức, chê bai kinh nghĩa lý viên mãn chiêu cảm tất cả quả báo nói không cùng tận, đâu có lường đối ư!

Hỏi: Người không tin Pháp Hoa đọa vào địa ngục người tin Pháp Hoa sẽ được thành Phật, nay có người mắc năm tội nghịch mà tin Pháp Hoa có được thành Phật hay không? Người giữ giới không tin Pháp Hoa có đọa vào địa ngục hay không?

Đáp: Người mắc năm tội nghịch thì bất định, nếu gặp bạn lành như vua A-xà-thế sát hối diệt tội được thành Phật. Nếu không đúng tuy tin kinh này cũng không tránh khỏi đọa địa ngục, người giữ giới không tin kinh này cũng đọa địa ngục.

“Nếu có người lợi căn v.v...” là giải thích rộng nghĩa khuyến, cũng chia làm hai:

1) Nêu vì mười hạng người mà nói.

2) Tổng kết.

Nói riêng mười người chia làm mười đoạn nên cũng được chia làm năm cặp:

1) Đầu quá khứ hiện tại một cặp. Hiện tại lợi căn, quá khứ gặp Phật (một cặp).

2) Xuất xứ một cặp, xuất từ bi với bốn loài, ở riêng một mình nơi núi rừng vắng lặng.

3) Trong ngoài một cặp, ngoài thì bỏ ác gần thiện, trong thì giữ giới thanh tịnh.

4) Tự tha một cặp, tự thì chất phác ngay thẳng không sân, tha thì vì chúng nói pháp.

5) Đầu cuối một cặp, đầu thì nhất tâm cầu pháp, cuối thì đánh lễ

tín nhận tu hành, kết khuyển như vắn.

Hỏi: Cặp thứ ba nói bỏ ác gần thiện, những người nào là thiện?

Đáp: Như Phẩm Thường Đề chép: có khả năng nói pháp Đại thừa vô sở đắc, lại có khả năng chỉ bày cho chúng sanh đạo phải trái tức là bạn lành của chúng sanh.

Hỏi: Đã nói vì nhất thiết trí cầu pháp bốn phương, lại vì sao không thọ các kinh kệ, làm sao thành Nhất thiết trí ư?

Đáp: Như kinh Đại Phẩm chép: Tuy học khắp các đạo mà không thủ chứng, do học khắp các đạo nên thành Nhất thiết trí, mà không thủ chứng như không thọ một bài kệ trong các kinh.

Hỏi: Kinh Niết-bàn chép: Tất cả kinh sách chú thuật đều là Phật pháp, nay vì sao không nhớ nghĩ, kinh sách ngoại đạo ư?

Đáp: Niết-bàn muốn gồm nhiếp tất cả pháp đều nhập Phật pháp phá các ngoại đạo tự nói có pháp, nay khiến người tu hành chuyên tâm đạo nên không nhớ nghĩ kinh sách ngoại đạo.

Hỏi: Ở đây chọn ý chánh trong mười người này là nói vì người nào nói?

Đáp: Đại ý chọn người giải hành (hiểu hành) có hiểu thì có khả năng tương đối, ngộ có hạnh tức là đạo tâm, nếu nghe thuyết thật thì năng như nói mà tu hành.



PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 7

PHẨM TÍN GIẢI THỨ TƯ

Nghĩa Tin hiểu chia làm sáu môn:

- 1) Lai ý.
- 2) Giải thích danh từ.
- 3) Nêu thể.
- 4) Tướng Tín giải.
- 5) Vị Tín giải.
- 6) Đồng khác.

1. Lai ý: Vì người trung căn nói pháp gồm có bốn chương: Phần đầu chính là nói đã rồi, nay thứ hai nói người trung căn lãnh giải.

Hỏi: Phẩm Phương Tiện chép: Nếu thật đặc A-la-hán không tin pháp này thì không có việc đó, nếu vậy khi mới nghe pháp nói liền nên lãnh ngộ, sao đợi đến Phẩm Thí Dụ mới tin hiểu?

Đáp: Kinh nói phải tin, vì căn cứ từ đầu đến cuối nói, không nói mới đầu nghe pháp nói có thể tin, hiểu. Lại người trung căn khi mới nghe pháp nói đã tin chỉ do chưa hiểu nên đến Phẩm Thí Dụ mới được rõ ràng, do đó nên văn này không trái nhau với phẩm Phương Tiện.

2. Giải thích danh: Nhưng danh gọi tin hiểu có lia có hợp. Nói lia gồm có ba nghĩa:

1) Nghi trừ gọi là tín, phá chấp gọi là giải, nghi là do dự, tin là ý chỉ quyết định, người Thanh văn do dự, quyền thật do dự một, ba. Nghi này đã dứt nên gọi là tin, tức tin ba là quyền, tin một là thật. Phá chấp gọi là giải: giải là liễu ngộ làm nghĩa, chấp gọi là mê chấp, đã chấp ba là thật có, thì đối một là thật không, chấp này đã trừ nên gọi là giải. Giải là hiểu ba không có, ngộ một là có. Giải thích này từ trong chú giải kinh Pháp Hoa, cho nên kia nói không nghi sử dụ gọi là tín, liền hối hận đã chấp ngôn từ gọi là giải.

2) Tin ở không tin. Giải ở điều không giải. Không tin: không tin ba

quyền, một thật, tâm này liền sửa đổi nên sanh tin. Tin: tin ba là quyền, tin một là thật. Tuy là tin ba là quyền mà chưa hiểu vì sao quyền, tuy tin một là thật mà chưa ngộ vì sao thật, nay liền ngộ vì sao quyền liền hiểu vì sao thật cho nên gọi là giải. Đây tức tin đầu tiên hiểu ở sau, cho nên luận Trí Độ chép: Tín là năng nhập trí là năng độ tức chứng nghĩa này. Nhưng ban đầu tin chẳng phải không có giải chỉ vì giải cạn nên gọi là tin, sau giải chẳng phải không có tin trước mà tin sâu nên gọi là giải.

3) Tín phá tà kiến, giải phá vô minh, cho nên kinh Niết-bàn chép: Có tín không tuệ thì vô minh lâu dài, có tuệ không tin thì tà kiến lâu dài, nay có tin cho nên phá tà kiến, có giải nên phá vô minh, tức hai pháp giúp nhau nhau.

Nhưng nghĩa này khó hiểu, nay lại dùng bốn câu giải thích:

1) Tín mà không giải tuy là hư tâm tín nhận mà chưa thể giải gọi là người độn căn chánh kiến.

2) Giải mà không tín gọi là người lợi căn tà kiến.

3) Vừa tín vừa giải gọi là người chánh kiến lợi căn, tức bốn đại Thanh văn.

4) Không tin không giải gọi là người độn căn tà kiến.

Kế là hợp, giải thích tin hiểu lược có hai nghĩa:

1) Trên có sở đối.

2) Dưới có sở hình.

Trên có sở đối: Giải có hai thứ:

1) Kiến giải.

2) Tin hiểu.

Nhờ Sư nghĩa ít, thấy lý tình nhiều như các Bồ-tát, cho nên Phẩm Thí Dụ chép: Nếu có Bồ-tát ở trong chúng có khả năng nhất tâm lắng nghe thật pháp của Chư Phật gọi là kiến giải, nếu nhờ vào Sư nghĩa nhiều thấy lý tình ít nên văn trước nói các Thanh văn kia tin Phật nói cho nên được nhập kinh này, chẳng phải trí phần của mình nên gọi là tin hiểu. Nay đối với các Bồ-tát kiến giải nên gọi Thanh văn là tin hiểu. Dưới có sở hình: Tin là nghĩa quyết định. Tuy nhân Phật được giải mà giải tâm vững chắc hiểu rõ ràng là lý sẽ như vậy, khác nhau phạm phu giải còn xa xôi, cho nên nói tin hiểu.

3) **Nêu thể:** Theo A Tỳ-đàm thì tín giải có hai thể: Tín là Tín số trong mặt đất thiên giải là chung cho số Tuệ trong mặt đất. Luận Thành Thật nói Tín và giải đều lấy tâm làm thể, nhưng trong tâm có dụng tin hiểu nên nghĩa nói có hai. Nay nói về nếu chấp có tâm và số, khác thể và một thể, đều là kiến chấp một và khác chẳng phải thể tin hiểu, sau

sẽ giải thích đầy đủ.

4) Tướng Tín giải: Xưa nói tin hiểu nghĩa nhiều mà không ngoài bốn câu là quyền thật hữu vô, Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật, đạo lý chỉ một không có ba thừa, nay nói về bởi một phen cố chấp nói chưa phải là hư tâm diệu ngộ, nếu chấp chặt nhất thừa là thật Ba thừa là quyền, xả ba mà chấp một lại là thủ xả có tâm sở đắc. Kinh Niết-bàn chép: Có sở đắc gọi là Nhị thừa, còn chưa lãnh ngộ sao gọi là tin hiểu, lại nếu có sở đắc thì không đạo không quả, vẫn dưới đâu được nói nay ta đắc đạo đắc quả ư! Lại nếu nói ba nhất định không có gọi một là thật có, còn là hai kiến có không như Phẩm Phương Tiện chép: Hoặc có hoặc không v.v... đầy đủ sáu mươi hai kiến, đã đầy đủ các kiến tức là có ái kiến, ái kiến tức là phiền não, phiền não nên có nghiệp. Do nghiệp nên chịu khổ, người như thế như uống cam lộ lại thành thuốc độc, đó tức bệnh không trừ, hoặc mới lại sanh nên chẳng phải tướng tin hiểu. Nay nói tin hiểu có thể suy tìm bốn tông của kinh. Phẩm Phương Tiện nói các pháp tự xưa nay tướng thường tự vắng lặng, đâu có một đâu có ba, cũng chẳng quyền chẳng thật, chỉ vì trái ngược tình đã nặng không thể bước mau cho nên phương tiện dẫn dụ khiến dần dần khai ngộ. Vì thế trước nói năm giới mười thiện để dừng ác trong ba đường, kể nói Ba thừa Thánh giáo khiến xả phàm phu ba cõi cho đến muốn dứt Ba thừa thô nên nói về Nhất thừa làm diệu như thế đều là tất đàn đối trị. Dùng vụn vặt xuất vụn vặt dùng khinh đảo trừ trọng đảo. luận Trí Độ chép: Thí như Tỳ-kheo chấp sự đưa tay xướng ngôn chúng đều im lặng tức là dùng tiếng ngăn tiếng, không phải cầu tiếng cho đến nói một trừ ba đâu tồn tại ở một, nếu có thể cả ba và một đều bỏ, quyền thật đều trừ thì tâm không có chỗ nương, chính gọi là tin hiểu. Cho nên, phẩm Phương Tiện chép: Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh khiến lìa các chấp tức là chứng minh nghĩa này.

5) Vị Tín giải: Thanh văn hồi Tiểu nhập Đại mới được nhập địa vị Bồ-tát Thập tín, nên văn trước chép: Xá-lợi-phất do sức tin nên đắc nhập kinh này tức chứng minh nghĩa này. Lại Ba tạng Chân-đế nói trong văn luận Thập Thất Địa cũng phân rõ như thế. Lại lý thường như vậy, học Tiểu thừa còn chưa tin Đại thừa, nay phá Tiểu chấp mà tin Đại tức là biết mới học Thập tín.

Hỏi: Thanh văn hồi Tiểu nhập Đại được nhập vị Thập tín, là nhập Thập Tín sơ tâm hay Thập tín đầy đủ?

Đáp: Chỉ nhập Thập tín sơ tâm, kinh Niết-bàn chép: Người Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp đến, người Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đến. Nói

đến là đến sơ tâm Thập trụ, cho nên biết hồi Tiểu nhập Đại chưa phải Thập tín tròn đầy.

Ba Tạng Chân-đế nói Xiển đề có hai:

1) Phàm phu.

2) Nhị thừa.

Phàm phu Xiển đề không tin ba, một. Nhị thừa Xiển đề tin ba, không tin một. Nay nghe Pháp Hoa phá ba mới đắc nhập Bồ-tát vị Thập tín. Nói Thập tín: Năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ làm năm, sáu Bất thối tâm, bảy Hồi hướng tâm, tám Giới tâm, chín Hộ tâm, mười Nguyện tâm.

Hỏi: Hồi Tiểu nhập Đại đến Thập tín là tín gì ư?

Đáp: chỉ được Sơ tín tâm. Vì sao biết như vậy? Như trước dẫn: La-hán hai muôn kiếp Thập tín mới đủ cho nên biết chỉ là sơ tâm.

Hỏi: Thăng đến Bồ-tát Thập tín có gì khác với hồi Tiểu nhập Đại Thập tín?

Đáp: Xen lẫn có hơn kém, thăng đến Bồ-tát Thập tín phương tiện dụng mạnh, Bát-nhã dụng yếu, do các Bồ-tát tu nhiều các hạnh cứu độ chúng sanh cho nên phương tiện dụng mạnh không muốn chuyên tâm tu quán Không dứt trừ phiền não, cho nên Bát-nhã quán yếu. Nhị thừa chuyên tu quán không dứt trừ phiền não nên Bát-nhã quán mạnh, nay hồi Tiểu nhập Đại mới học hành hạnh độ vật cho nên phương tiện dụng yếu.

Hỏi: La-hán hồi Tiểu nhập Đại đã ở Thập tín là ở ngoài cõi thọ sanh hay trong cõi thọ sanh?

Đáp: Ngoài cõi thọ sanh như Thích luận và Kinh Thắng-man đều nói La-hán ngoài ba cõi thọ trái lại dễ sanh, thăng đến Bồ-tát Thập tín thì ở trong cõi thọ sanh.

Hỏi: Nếu vậy thăng đến Thập tín thì kém, hồi Tiểu Thập tín thì hơn, đâu được trước nói người hồi Tiểu ở sơ tâm ư?

Đáp: Đã nói như trước xen nhau có mạnh yếu giải thích người hồi Tiểu chỉ tu quán Không dứt trừ phiền não nên ở ngoài cõi thọ sanh, người thăng đến không chuyên quán Không dứt kiết nên ở trong cõi thọ sanh. Mà từng có giáo hóa người, từ bi sâu dày thì người hồi Tiểu không thể sánh bằng người thăng đến, cho nên là hơn.

Hỏi: Nhị thừa dứt kiết thọ sanh là địa vị Bồ-tát nào ư?

Đáp: Theo luận Pháp Hoa giải thích phẩm Phân Biệt Công Đức chép: Bồ-tát Địa tiền ở trong cõi thọ sanh, đặng Địa trở lên ở ngoài cõi thọ sanh.

Luận Trí Độ nói trong nhục thân của Bồ-tát thất địa đắc Vô sanh nhẫn, xả nhục thân liền thọ pháp tánh sanh thân ngoài ba cõi. Theo Ba tạng Chân-đế giải thích và ý luận Nhiếp Đại thừa thì từ Thập hạnh đệ lục tâm trở đi thọ sanh ngoài ba cõi. Kinh luận khác nhau khó có thể tương tện nhất định.

6) Đồng khác: Gồm có bảy thứ khác:

1) Lược rộng khác: Thân Tử thuật lãnh giải thì lược, trung căn trình bày ngộ thì rộng.

2) Xa gần khác: Thân Tử gần nói hiện tại, Ca-diếp xa trình bày thuở trước, nhưng Thân Tử gần nói hiện tại chỉ từ vườn Nai trở đi đến Pháp Hoa, Ca-diếp từ Hoa Nghiêm trở đi đến cuối cùng nói Nhất thừa.

3) Chung riêng khác: Thân Tử riêng nói tự thân, Ca-diếp trình bày chung tất cả chúng.

4) Có không khác: Trên không thì nói nay thì có.

5) Ít nhiều khác trên chỉ ba giáo, nay trình bày đủ năm thừa.

6) Vui mừng khác: Thân Tử xưa lo buồn nay vui vẻ, Ca-diếp xưa không lo buồn, nhưng nay chẳng có ý mong cầu bỗng được Đại thừa quý giá nên sanh vui mừng.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Bởi xen lẫn hiện khác nhau, lại chỉ Thân Tử lợi căn năng suy tìm lý đồng giáo khác cho nên trước lo buồn nay vui, người trung căn chấp chặt Tiểu giáo cho là chí cực cho nên trước không lo buồn.

7) Nói người khác nhau: Thượng căn lãnh giải chỉ có một người, trung căn lãnh giải thì có bốn người, hạ căn lãnh giải số ấy vô lượng.

Hỏi: Luận Tỳ-bà-sa chép: Tất cả Thanh văn chia làm ba phẩm: Thượng căn chỉ một người, vì riêng Thân Tử sáu mươi kiếp tu hành, trung căn cũng chỉ một người gọi là Mục-liên, còn tất cả Thanh văn đều thuộc hạ căn, nay vì sao nói trung căn có bốn người?

Đáp: Mục-liên chính là trung căn, Thanh văn ngộ nhập Đại thừa chưa chắc đã hơn Ca-diếp cho nên xếp vào số trung căn.

Phẩm chia làm hai phần:

1) Kinh gia nêu tướng đặc giải.

2) Phát lời nói tự trình bày lãnh giải.

Phần đầu lại có bốn phần:

1) Biện rõ người đặc giải.

2) Nói pháp được nghe.

3) Nội tâm vui mừng.

4) Ngoại hình cung kính.

Trước người pháp một cặp sau vui kính một cặp. Trong bốn người, đầu tiên là nói Thiện Cát (Tu Bồ-đề), hoặc có thể đương lúc ấy đứng dậy, Thiện Cát là người đầu tiên cho nên như vậy, hoặc có thể Thiện Cát có sự khéo léo chuyển giáo cho nên nêu lên trước.

Hỏi: Kinh Tịnh Danh nói bốn vị Đại Thanh văn có gì khác với ở đây?

Đáp: Kinh kia nói về trí tuệ Thân Tử, định Mục-liên, Thiện Cát không giải. Ca-diếp hữu hành, lấy bốn người này làm đại Thanh văn, kinh này nói về Thân Tử lợi căn, một mình cứu giúp các chúng, ngoài ra chẳng phải còn thuộc về bốn đại Thanh văn bèn chọn lấy Thiện Cát giải không, Chiên-diên thông đạt hữu, Ca-diếp đầu đà, Mục-liên thiền định.

Hỏi: Kinh Độ Phạt Cảnh Giới nói về tám vị đại Thanh văn là những người nào?

Đáp: chưa thấy kinh nói, ý cho rằng trong mười đệ tử có bốn đại Thanh văn tức là bốn vị. Lại Ba Tạng Pháp Sư chép: Ca-chiên-diên giải Tu-đa-la tạng, Ưu-ba-ly giải Tỳ-ni tạng, Phú-lâu-na giải A Tỳ-đàm tạng, A-nan Tổng trì ba tạng, hiệp thành tám đại nhân.

Từ Phật được nghe: Nói Pháp được nghe là duyên đặc giải, gồm có hai thứ:

- 1) Dùng pháp làm duyên.
- 2) Lấy nhân làm duyên, tức thọ ký cho Thân Tử.

Lấy pháp làm duyên hiện sanh vui mừng, lấy nhân làm duyên dự báo mừng được thọ ký nên vui. “Phát tâm không hề có v.v...” trong tâm vui mừng chính là lãnh giải. “Liền từ chỗ ngồi đứng dậy v.v...” là nói về ngoại hình cung kính. “Vén y bày vai phải” lúc chưa đứng dậy chỉnh mặc cà sa.

Người nước ngoài y luật không che hết cho đến cởi y mắc tội Đột-cát-la, nói thẳng cởi trần là lộ vai phải lại không có y trong.

“Mà bạch Phật rằng:” là phát lời tự thuật lãnh giải. Văn có hai phần:

- 1) Chánh thuật lãnh giải.
- 2) Khen ngợi ân Phật sâu nặng khó báo đáp. Do hiểu nhờ ân Phật cho nên khen ngợi ân Phật. Lại bởi do lãnh giải mới hiểu ân Phật nên khen ngợi ân Phật sâu nặng để thành lãnh giải.

Phần một có hai:

- 1) Văn xuôi.
- 2) Kệ tụng.

Văn xuôi chia làm ba: Nghĩa là Pháp, Thí, HỢp. Do loại theo nhau nên chia làm hai:

1) Pháp nói lược về lãnh giải.

2) Thí nói về sau rộng về lãnh giải, trước lược sau rộng để giải nghĩa.

Pháp nói lại có hai:

1) Nêu chấp mê Tiểu nên không cầu Đại.

2) Nêu nghe Đại cũng không cầu Đại.

Sở dĩ chỉ nêu hai thứ này là do mê đủ hai thứ giáo Đại Tiểu: Một là Đức Phật nói Tiểu vốn muốn cho ngộ Đại, như đưa ngón tay vốn là chỉ mặt trăng, nay liền chấp Tiểu không cầu Đại, như chấp ngón tay mà quên mặt trăng, vì mê Tiểu giáo. Hai là trước tự thân nghe Đại pháp khiến kia xả Tiểu ngộ Đại, là liền ưa Tiểu không hoan nghênh Đại lại là mê Đại pháp. Từ Linh Sơn về trước chỉ có hai bệnh này nên đầy đủ thứ lớp.

“Chúng con ở đầu trong tăng v.v...” có bốn nhân duyên nên không cầu Bồ-đề vô thượng:

1. Đứng đầu trong tăng chỉ là dạy trao cho người chẳng phải tự mình cầu tiến.

2. Tuổi đã già yếu, ý chí suy hao không có khả năng tự tiến lên.

3. Tự cho đã đắc Niết-bàn là rốt ráo không còn tu nhân.

4. Không thể kham lãnh mà đắm lặn vào lý hông còn phải tu hành, như bốn con sông hiệp một dòng đồng chảy ra cửa biển, nếu chẳng hải rộng có sức mạnh thì chẳng tự phản lại được: Ba giải thoát đều chảy vào biển Niết-bàn, người Thanh văn sức yếu không thể tự ra cho nên nói không có khả năng. Như Kinh Tịnh Danh chép: Cũng như hạt giống hư không thể nảy mầm, đủ bốn nghĩa này nên không thể cầu tiến đến Bồ-đề.

“Đức Thế tôn thuở trước nói pháp đã lâu...” là nói nghe Đại không cầu Đại. Trước mê Tiểu giáo sau mê Đại thừa, do ban đầu Đức Phật nói Tiểu sau nói Đại. Văn chia làm ba:

1) Nói ham ưa Tiểu không thích Đại.

2) Giải thích.

3) Tổng kết.

Nói pháp đã lâu: nói pháp Đại thừa đã lâu; “Thân thể mỗi một” là tâm không ưa đại cho nên không tha thiết do đó mỗi một. “Chỉ nghĩ đến ba pháp không:” Nhàm chán báo thân này muốn nhập vào không để quên. “Đối với các pháp du hý thần thông... của Bồ-tát.” Ở trên nói

ưa Tiểu thừa nay không ưa Đại. Du hý thần thông: là Đại sĩ hiện biến không khó dụ như vui mừng. Lại hiện thần thông độ chúng sinh có thể do tự vui nên gọi là hý. Lại như thần thông chẳng chân thật nên gọi là hý. “Tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh:” khởi nguyện thành Tịnh độ, sanh khởi hạnh vì thành tựu chúng sanh. “Lòng không ưa thích:” Trước trụ trong Tiểu thừa, không cầu Đại thừa. Nay nói về chẳng những không cầu gần gũi nghe Đại pháp cũng không một niệm ưa thích. Vì sao? Vì nói không ưa Đại. Văn chia làm hai:

1) Nói trước không ưa Đại.

2) “Lại nay chúng con v.v...” là nói nay không ưa Đại. “Đối với đạo vô thượng dạy Bồ-tát v.v...” là tổng kết không cầu Đại.

“Chúng con hôm nay ở trước Phật v.v...” là nói về nay liễu ngộ được hiểu nên vui mừng. Nghe Phật thọ ký cho Thanh văn: Nêu duyên được hiểu. Trên tuy nghe hai thuyết pháp thí nghĩa còn chưa quyết định, nghe thọ ký cho Thanh văn mới thấu hiểu Nhất thừa. Lại hai thuyết pháp thí vì khiến Thanh văn thành Phật nên thọ ký cho Nhị thừa, là chánh tông kinh này nên chỉ nêu lên luận Trí Độ chép: Kinh Pháp Hoa thọ ký cho Nhị thừa thành Phật, tức chứng minh nghĩa này tâm rất vui mừng: chính là nói về vui mừng. “Chẳng ngờ hôm nay bỗng nhiên được nghe pháp ít có:” là giải thích nghĩa vui mừng thì lựa chọn khác Thân Tử. Thân Tử do xưa lo nên nay vui, Ca-diếp vốn không có tâm mong cầu, chẳng có ý mà được của báu lớn cho nên vui. “Tự rất vui mừng may mắn:” Trước nói vui mừng nay tự vui mừng: “Được lợi lành lớn:” tức là Phật đạo.

“Thế tôn, chúng con hôm nay xin nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó:” là nói rộng lãnh giải, lại chia làm ba:

1) Xin ưa nói.

2) Chính là nói thí dụ.

3) Hợp thí dụ.

Trong Pháp thuyết nói lược đức Thích-ca một thời hai giáo đại tiểu việc cũng chưa hết, nay nêu thí dụ nói rộng vô lượng việc và pháp môn từ trước đến sau mới được hiển bày tâm mê ngộ và khen ngợi công của Đức Phật. Để hiển rõ nghĩa kia: là thí dụ văn tuy dài chỉ nói về nghĩa được mất. Hai chương đầu là mất, chương sau là được. Lập ra dụ nói về hai nghĩa này.

“Thí như có người...” là khai thí dụ. Nay dùng ba môn giải thích nghĩa thí dụ:

1) Lai ý môn.

- 2) Thiếu đa môn.
- 3) Lãnh giải môn.

- *Lai ý môn*: theo luận Pháp Hoa nói dụ nhà lửa phá phàm phu, nêu dụ cùng tử bác bỏ Nhị thừa chấp, do đó trước phá phàm phu, kế bác bỏ Nhị thừa, chỉ bày thứ lớp pháp môn phá bệnh dần dần. Người Thanh văn cho rằng Ba thừa đặc Niết-bàn pháp đồng Ba thừa đều là người ba vô học cũng không khác. Cho nên, nay nói về pháp Nhị thừa sở đắc cũng như am tranh, pháp sở đắc của Như lai như nhà lớn. Người Nhị thừa cũng như cùng tử, đức Như lai như Trưởng giả rất giàu có. Vì vậy nên Ca-diếp tự nói Đại tiểu nói về đầy đủ thua kém, khiến người thọc theo Tiểu thừa bỏ tiểu nhập đại cho nên nói Thí dụ đây. Khiến các Bồ-tát biết Đại thừa cao quý, Tiểu thừa yếu kém, mà quyết định trú Đại thừa không thoái chấp Tiểu cho nên nay nói thí dụ. Lại khiến lãnh thọ Phật dạy người Tiểu thừa biết đầy đủ Thích-ca một phen hóa pháp môn từ đầu đến cuối, biết các giáo quyền thật trước sau sâu cạn hiển mật... cho nên nói thí dụ này.

Nói về môn đa thiếu: Giải thích thí dụ này khác nhau, nay phải chia làm mười:

- 1) Cha con.
- 2) Giữa đường thất lạc.
- 3) Con dần hồi trở về quê.
- 4) Cha con thấy nhau.
- 5) Gọi con không được.
- 6) Đội nước lạnh vào mặt con.
- 7) Dẫn dắt con trở về nhà.
- 8) Giao phó tài, mật hóa.
- 9) Rèn luyện tiểu tâm.
- 10) Giao cho gia nghiệp.

1) *Thí dụ cha con*: Đức Thích-ca đời quá khứ vì nói pháp Đại thừa này gọi là cha, vì kia đã từng lãnh giáo Đại thừa hóa nên gọi là con. Cho nên văn dưới chép: Đây là con ta do ta sanh ra.

2) *Giữa đường thất lạc*: Quán tâm yếu đuối, phiền não mạnh mẽ, bị hoặc sai khiến lôi kéo, trôi lăn trong sanh tử nên con lạc cha. Đức Như lai tìm kiếm Đại thừa gốc lành thành tựu không được gọi là cha con thất lạc nhau.

3) *Người con dần hồi trở về quê*: Pháp chủng các khổ ưa cầu Niết-bàn cho nên khổ cực có nghĩa trở lại nguồn, nên chứa nhóm gốc lành dần dần có đường hướng về lý Đại thừa cho nên nói con dần hồi trở về

quê.

4) *Cha con thấy nhau*: ở trong một hình Đại thừa gốc lành thành tựu, có nghĩa ngộ nhập Đại gọi là con thấy cha, thấy trong một hình kia Đại thừa gốc lành thành tựu gọi là cha thấy con.

5) *Gọi con không được*: khi Đức Phật mới thành đạo căn cơ Đại thừa chưa thuần thực, không có khả năng thọ Đại hóa, gọi con không được.

6) *Đội nước lạnh vào con*: khi mới thành đạo Đại thừa gốc lành chưa thuần thực chỉ có trời người thiện căn thành tựu cho nên vì các trời người nói giáo như đội nước lạnh vào mặt liền tỉnh ngộ nên gọi là đội nước lạnh vào mặt.

7) *Dẫn dắt trở về nhà*: Xưa ở dưới gốc cây nói giáo lý trời người, bởi là thừa thế gian sanh tử ví như hương đến nhà khác, kể đến vườn Nai nói Nhị thừa là pháp ra đời khiến từ thế gian trở về xuất thế gian, pháp ra đời là nhà Trưởng giả cho nên gọi dẫn dắt trở về nhà.

8) *Giao phó tài sản, mật hóa*: chí Tiểu thừa dần dần thay đổi, căn cơ Đại xa động nên nói pháp Đại thừa, mật dạy cho người Tiểu tâm nên gọi là giao phó tài sản, mật hóa.

9) *Rèn luyện tiểu tâm*: Từ Bát-nhã về sau đến trước Pháp Hoa các giáo Phương Đẳng chê trách Thanh văn, khen ngợi Bồ-tát, khiến bớt tiểu tâm hèn kém, dần ưa thích Đại đạo gọi là rèn luyện tiểu tâm.

10) *Giao cho gia nghiệp*: Tiểu chấp đã trừ, đại căn cơ thành tựu, cho nên vì nói nhất thừa khiến nối dõi gia nghiệp Phật, nên gọi là giao cho gia nghiệp.

Nói môn lãnh giải: mười thí dụ này lại lãnh giải sáu dụ trong phẩm Thí dụ: Dụ cha con: lãnh trên dụ chung Trưởng giả và ba mươi người con. Dụ giữa đường thất lạc: lãnh trên dụ thấy lửa, “Nghe có người nói, các con của ông trước do dạo chơi vào trong nhà lửa này”: Bởi chúng sanh có căn cơ với Phật nên Phật ứng nhập sanh tử; có cơ cảm Phật, tức là thí dụ thứ ba: con lần hồi trở về quê. Phật ứng nhập sanh tử như cha biết con nên lại dừng nghỉ ở một ngôi thành giữa đường là thí dụ thứ tư: Cha con thấy nhau: trở lại lãnh dụ thấy lửa phẩm trên. Chúng sanh có cơ cảm Phật như con thấy cha, Phật ứng nhập sanh tử như cha thấy con, nay ba thí dụ đồng lãnh thí dụ thấy lửa. Chỉ Đại thừa cách nhau, dự định hóa độ không thể mỗi việc hoàn toàn đồng. Tức nay thí dụ thứ năm: gọi con không được: lãnh thí dụ cứu con không được ở trên. Đội nước lạnh vào mặt: lãnh thí dụ ba xe như nói “các thứ”. Văn trên nói như các thứ xe dê xe hươu xe trâu tức là đây. Trước Ba thừa là ba xe nói về các thứ

nghĩa là trước Ba thừa nói thừa trời người bởi vì chú giải kinh xưa giải thích chớ nghi. Dẫn dắt trở về nhà: lãnh thí dụ hai xe hươu và dê trong ba xe mà giáo hóa con được ở trên, trên lãnh hai xe cho nên nay lại nói về hai người sai khiến. Giao phó tài, mật hóa, rèn luyện tâm Tiểu thừa hai thí dụ lãnh thí dụ xe lớn trong ba xe; chọn xe lớn trong ba xe chính là nói về pháp Đại thừa tức các kinh Đại thừa trước Pháp Hoa. Vì vậy nên hai thí dụ ở lãnh giải. Giao cho gia nghiệp: lãnh trên dụ đồng ban cho xe lớn. Sở dĩ không lãnh dụ thứ sáu: chẳng đối gạt, vì đã được lãnh giải nên biết Phật không luống dối nên không lãnh thí dụ này. Nhưng xưa các Sư giải kinh một bề chấp các dụ sau phải đồng như trước, vì lầm ý chỉ của kinh! Vì sao? Vì Phật và đệ tử cùng hiển phát thâm giáo điều phục chúng sanh nên chuyển thế nói pháp, cho nên Phật nói sáu thí dụ ở trước, đệ tử nói về mười dụ ở sau chính là so sánh Đại thừa cùng lãnh mà hình thế đều khác, nên dùng sau mười dụ thứ lớp làm chánh, lãnh sáu thí dụ trước là phụ. Ví như đại ý phẩm Thí dụ và phẩm Phương Tiện là đồng mà chuyển biến là khác.

“Thí như có người:” là thí dụ cha con. Văn này nói cha con gồm có bốn phen:

- 1) Căn cứ con nêu ba dụ.
- 2) Cha căn cứ văn nêu ba dụ.
- 3) Cha căn cứ con nêu hai nghĩa.
- 4) Căn cứ cha nêu hai nghĩa.

Căn cứ con nêu ba dụ:

- 1) Dụ làm con.
- 2) Dụ giữa đường mất cha.
- 3) Con dần dần trở về quê.

Căn cứ cha cũng nêu ba nghĩa. “Thí như có người”: tức ở đây hợp ba căn Thanh văn. Có người tức dụ cho con. Trước Đức Phật vì Bồ-tát như hành mà nói, chúng sanh như nói mà hành đồng, cùng nghĩa một hành như cha con. Thơ bé: Đây là nghĩa tiểu, con thì chung cả, tiểu cho nên nói riêng thơ bé. Thọ hóa ban đầu nên gọi là thơ, quán giải yếu đuối nên gọi là bé. “bỏ cha trốn đi”: là Thí dụ giữa đường cha con thất lạc. Do thọ hóa ban đầu, quán giải yếu đuối không thể tự bền chắc liền bị hoặc lôi kéo do đó lạc cha. Đức Phật có khả năng nói giáo tiêu biểu lý, vì Phật cha, nay con mê giáo hoặc lý không thể cảm Phật nên lạc cha. Nhưng lạc cha có hai: Căn bản mất như kinh Niết-bàn chép: tùy theo kia trôi dạt trong sáu vị mà khác nhau mất Phật tánh cho nên có sáu đường khác nhau: do mất đây nên Chư Phật, Bồ-tát nói Đại thừa chánh

giáo khiến như được lại điều đã mất, chỉ vì chúng sanh hoặc mạnh, quán yếu lại hoặc giáo mê lý, vì vậy mất lại càng mất, trước hết là mất tự tại, sau là mất học giáo.

Hỏi: Mất sau là có đầu mối, mất trước vào thời nào?

Đáp: mất trước hữu thủ và vô thủ cả hai đều có lỗi. Cho nên luận Trí Độ chép: Nước sâu hầm lửa đều có công năng hại người, hữu thủ, vô thủ đều hại chánh quán. Kinh Hoa Nghiêm chép: hữu thủ vô thủ là vô ký nên Phật không đáp.

Lại kinh chép: Có một Tỳ-kheo hỏi Phật mười hai nhân duyên tự tác, tha tác. Vô minh tự khởi là nghĩa hữu thủ, gọi là tự tác, Tha tác lại từ tha khởi là nghĩa vô thủ, Phật dùng các nhân duyên mà quở trách: như người bị tên độc bắn trúng, chỉ cần mời thầy thuốc cứu chữa rút mũi tên ra, không nên tìm hiểu nguyên nhân có mũi tên độc. Như một câu này là điều mà các học giả rất mê muội cho nên nói lược. “Trốn đi”: là mê hoặc giáo lý việc ẩn mật mà chúng sanh không hay biết nên gọi là trốn (đào), trái lý hướng về hoặc nên gọi là đi mất. “Ở lâu tại nước khác”: Dùng lý Đại thừa làm nước mình, trái lý khởi hoặc, hoặc tức là nước khác. Trái lý chứa nhóm thời gian gọi là lâu, chấp hoặc không bỏ gọi là ở. Hoặc mười - hai mươi cho đến năm mươi năm: giải thích nghĩa ở lâu. Mười: là cõi trời. hai mươi: cõi người. Năm mươi: tức là ba đường còn lại. Ban đầu mất quán khởi hoặc còn nhẹ nên sanh lên cõi trời, hoặc dần nặng cho nên sanh xuống cõi người hoặc chuyển nặng liền đến ba đường. Nói “hoặc” là từ ngữ không nhất định không hẳn đầy đủ trải qua, hoặc có thể là trải qua khắp. Lại nói hoặc giả như dưới nói hơn năm mươi năm. Người ấy tuổi đã lớn: là do cách đại hóa lâu nên gọi là lớn. “Lại thêm nghèo cùng khổ: tức trái với giáo hóa, lâu chuyển, điều thiện mới không sanh là nghèo cùng thiện dần dần tận gọi là nghèo, tên cùng tử hiển ở câu này. “Rong ruổi bốn phương; để cầu ăn mặc: là thí dụ con dần dần trở về quê. Cơm áo: là vui trời người. Bốn phương: Bốn sanh (bốn loài) lại bốn phương là trừ địa ngục súc sanh còn lại bốn đường, không nơi nào không tìm cầu rong ruổi.

Hỏi: Chúng sanh đã trái lý khởi hoặc, chịu đủ các khổ gốc lành do đâu sanh ư?

Đáp: Thiện căn có ba nghĩa nên sanh:

1) Pháp chủng các khổ nên ưa cầu Niết-bàn cho nên khổ cực mà cầu là.

2) Chúng sanh từng bấp thọ đại hóa mà hạt giống thiện căn không thể hủy diệt.

3) Chư Phật, Bồ-tát có ba loại hóa:

a) Vãng hóa: tức xưa vì nói Đại thừa.

b) Tùy theo hóa: chúng sanh trái hóa khởi hoặc lưu lạc trong sanh tử, Chư Phật Bồ-tát theo vào trong sanh tử mà hóa độ.

c) Tất cánh hóa: khiến được thành Phật rồi mới bỏ, nay là tùy theo hóa trong ba hóa nên được sanh gốc lành.

“Dần dần tình cờ về đến bốn quốc”: Bốn quốc tức lý Đại thừa. Kinh Tam-muội Pháp Hoa chép: trở lại nguồn tận trừ nhà dục khiến người trở về quê cũ, quê cũ gọi là vô vi, vô vi gọi là nhà thanh tịnh. Phật đáp Bà-la-môn rằng: Bát-nhã là quận, bản tế huyện, siêu nhập thành bất cú là dặm, Tát Bát-nhã là ở dưới gốc cây, trái ác hương thiện, lý thiện không thể đốn tu gọi là dần dần, đương lúc này chỉ có trời người thiện vọng đại hóa khó đến cũng là dần dần. Thiện trời người chẳng gọi là bốn thiện, thất lạc nơi kia gọi là đạo đi. Thiện trời người tuy chẳng phải bốn thiện mà thiện lực xa giúp đỡ đại căn cơ cho nên nói tình cờ. Thích Luận nói có thiện sở đắc là do vô sở đắc sơ môn tức việc đó. Trước tức bỏ cha gọi là trái, nay trở về chỗ cũ gọi là hương.

Hỏi: Nếu dần dần đạo đi cũng là thiện trời người thiện trời người cũng là hơn năm mươi năm còn ở nước khác, sao gọi là đạo đi tình cờ trở về bốn quốc ư?

Đáp: Kinh đã nói dần dần chẳng những có gốc lành trời người cũng có nghĩa phát đại tâm, hành đại hạnh, căn cứ đầu mà nói nên gọi là thiện thế gian.

“Người cha từ trước đến nay tìm con không được”. Đây là căn cứ cha nói về ba nghĩa:

1) Khi làm cha.

2) Giữa đường lạc con.

3) Giữa đường dừng nghỉ ở một thành.

Người cha: tức người cha lúc đầu, đối với nghĩa thứ nhất ở trên tức là con. Từ trước đến nay tìm con không được. Đối nghĩa thứ hai trước là con lạc cha. Do con lạc cha cho nên cha tìm con. Thiện căn Đại thừa thành tựu không được. Dừng nghỉ ở một thành trong nước đó, là ba đối trên: Con dần dần trở về quê. Căn cứ thí dụ mà nói là cha con thiên tánh đường cảm ứng giao nhau, con đã dần hồi trở về bốn quốc thì cha trong nước đó dừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con. Nói theo lý thì người ba căn Thanh văn đạo duyên ứng thuận thực. Như lai ở địa vị pháp thân chiếu thấy cơ duyên kia cho nên tùy ứng thành Phật. Trong đó dừng nghỉ: Căn cứ thân mà chép: văn này từ đầu đến cuối có đủ ba

thân. Trước nói cầu con không được tức pháp thân gọi là thời trước, nay là thân Xá-na khi mới thành đạo giáo hóa các Bồ-tát chưa giáo hóa Nhị thừa gọi là thời giữa dừng nghỉ, sau cõi y quý giá mặc áo thô xấu là Đức Phật Thích-ca giáo hóa Nhị thừa kia gọi là thời sau. Như người đi đường chưa đến nơi mong cầu mà giữa đường dừng nghỉ. Căn cứ Thanh Văn lãnh giải là dụ đức Như lai ra đời vì hóa độ các con, đại cơ đã thuận thực nên chỉ giáo hóa Bồ-tát, chưa giáo hóa Nhị thừa, cho nên nói trong đó dừng nghỉ. Cũng được nói xưa hóa, nay hóa giữa hai thời gian gọi là dừng nghỉ trong nước đó. Thù ứng ở một phương thành Phật nên nói một thành, lại thù ứng là hiển một đạo cho nên gọi là một, ngăn ở tà vạy gọi là thành.

“Nhà ông giàu lớn”. Nói theo tích lúc trước Bồ-tát xếp vào cha con mà con trái với cha lưu lạc trong sanh tử nghèo cùng khổ, rồi cha lạc con hạnh mãn thành Phật các đức đầy đủ như giàu có lớn, nay đại ý vẫn đối với con nghèo cùng, khen cha giàu lớn không thiếu vật gì. Văn chia làm ba.

1) Khen ngợi hóa chủ.

2) Nói về đồ chúng.

3) Nói về giáo môn, tức là pháp thuyết chân thật và do người nghe lược so sánh khi mới thành đạo ở hội Hoa nghiêm có ba việc. Nếu chọn trong đó dừng ở một ngôi thành dự định nơi hóa xứ thì là tịch diệt đạo tràng ở Ma-kiệt-đà. Giàu lớn: là Phật địa đủ các đức, mười lực vô úy thể kia đáng quý giá nghĩa đồng bảy báu, trong các đức nuôi dưỡng tuệ mạng như kho an dưỡng pháp thân như đụn (khổ) lại pháp bảo không thể dòm ngó cũng như kho đụn, nghĩa viên mãn như đầy, xuất dùng nghĩa như tràn.

“Tôi tớ rất đông... là nói về đồ chúng: khi mới thành đạo sở hóa chẳng phải một cho nên nói có nhiều, ngoại phạm như tôi tớ, nội phạm như lại dân, đấng Địa trở lên có khả năng trợ giúp Phật mở rộng giáo hóa gọi là thần tá. Lúc này, chưa có Thanh văn không được nêu hiệp với Nhị thừa. “Voi ngựa xe cộ”: là nói về giáo môn. Voi ngựa nặng chở nặng đến xa, giáo môn có khả năng vận chuyển phạm lên Thánh, tức giáo năm thừa, như phẩm Tánh Khởi trong kinh Hoa nghiêm nói đủ năm thừa. “Vô số”: là tám muôn pháp tạng và pháp môn bất khả nói. “Cho vay thấu lời lãi”: hóa từ Phật xuất là cho vay, hóa công trở về Phật là thấu vào, giáo trao là giúp lãi hồi hướng làm lợi ích lớn. “Khắp đến nước khác”: là Hóa khắp mười phương. “Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều”: Dân thế tục có bốn nghiệp: Nông, thương, công, cổ:

Nông là làm ruộng. Thương: là mua lượng vật giá trị gọi là mua hàng hóa. Công: là thợ khéo. Cổ: là ngôi bán, chữ cổ ở đây ứng với Tây hạ là “Cửa cải”, nay văn kinh nói chữ cổ chính là cổ định giá thuế. Khách buôn bán: trên là người trao đổi vật, nay khách bán tức là người bán vật. Cõi này bầm thọ đạo truyền hóa phương khác gọi là thương buôn, cõi này thọ hóa tức cõi này nói pháp gọi là cổ. Hai hạng người trước sở hóa chung lãnh giáo như khách, buôn bán tức khi thành đạo có việc này nên mượn làm thí dụ.

“Lúc bấy giờ, gã nghèo cùng kia v.v...” là nói lại về con chia làm hai:

- 1) Lý do gần cha.
- 2) Chính là nói về gần cha.

“Đạo đến các tụ lạc trải qua xóm làng” là lý do gần cha. Chú giải kinh rằng: Đường ác như xóm làng, đường lành như quốc ấp đều là trải qua sanh tử. Lại giải thích xóm làng nhỏ nên dụ cho nhân thừa, quốc ấp lớn dụ cho thiên thừa, lại giải thích đây nói về thiệt căn dần dần thêm lớn nghĩa đạo từ làng xóm dần dần đến quốc ấp. Nhưng ở trong nước đó đừng nghĩ ở một thành đã ví như khi Đức Phật mới thành đạo nên con nghèo khổ không ứng bắt đầu đạo chơi trải qua sanh tử, chỉ vì nay tìm việc đã qua kia. Sở dĩ được đến thành, do trải qua quốc ấp nên đến, do quá khứ từ đường ác đến đường thiện và do gốc lành dần dần thêm lớn nên được gần lý Đại thừa. “Đến chỗ thành của người cha ở”: ý nói là gần cha, thiện duyên dần dần lôi kéo gần đến lý.

“Người cha thường nhớ con”: lặp lại nêu cha, văn chia làm hai:

- 1) Nói khổ mất con nghĩa là tâm đại bi.
- 2) Nếu vui được gặp con gọi là tâm đại từ.

Hỏi: Trước đã nói cha có gì khác với nay?

Đáp: Trước nói cha tìm con không được, giữa đường dừng nghĩ ở một ngôi thành tức là tìm con, thiện căn Đại thừa không được, mà thù ứng giáo hóa các Bồ-tát. Nay nói về tuy hóa Bồ-tát mà tâm không bỏ Nhị thừa cho nên nói cha thường nhớ con. Nếu dùng hai thứ hóa mà chia chia môn thì trên không phước bỏ gia nghiệp gọi là giáo hóa Bồ-tát, từ văn này đến hết thí dụ đều là giáo hóa Nhị thừa. Lại người cha hằng nhớ con, là do con trái hóa từ lâu ở trong sanh tử tâm đại bi cha thường muốn cứu giúp nên nói nhớ. “Mà chưa hề hưởng đến người nói việc như thế”. Là khi mới thành đạo chỉ nói đại hạnh Bồ-tát chưa nói người Nhị thừa vốn là Phật tử từng được giáo hóa Đại thừa nay trái hóa lâu. Lại giải thích tức gọi Nhị thừa là người, khi mới thành đạo người Nhị thừa

đại căn cơ chưa phát không có khả năng nghe, nói là con. “Chỉ tự suy nghĩ lòng rất ăn năn hối hận. Hối hận: Xưa hóa không sâu sắc khiến mất Đại thừa, lưu lạc trong năm đường sanh tử, bởi trong tâm tha thiết đau xót nên tạm gọi là hối hận. “tự nghĩ già yếu”: giải thích ý nhớ con, tích một phương giáo hóa một thời không bao lâu sẽ diệt cho nên nói già yếu. Lại phước bỏ Đại thừa hóa đã lâu nên nói già yếu. Lại Như lai cùng lấy công giáo hóa làm tuổi thọ. Thiện của sở hóa đã yếu, công năng hóa cũng kém tức đồng nghĩa già yếu. Lại cuối cùng phải giao phó như già yếu. “Nhà có nhiều cửa cái”: Văn nói lý vô lượng “Không có con cái:” khi mới thành đạo tuy nhiều Bồ-tát thật sự có khả năng nối nghiệp Phật, chỉ vì Nhị thừa làm thí dụ cho nên nói không có con cái, Nhị thừa chưa có khả năng tự ngộ như không có con. Lại chẳng phải chưa thể truyền bá hóa độ như không có con cái, “nên ân cần luôn nhớ con”: là tổng kết nhớ con có hai nhân duyên:

1. Đức Phật cách đời.

2. Không người nối dõi cho nên pháp bảo tan mất, do đó nhớ con. “Lại nghĩ rằng:” là giả như vui được gặp con. Trên khổ nhớ con làm thí dụ trước không có căn cơ nay vui được gặp con làm thì dụ sẽ có đại căn cơ. Vì Đức Phật biết chắc sẽ có đại căn cơ có khả năng nối tiếp việc Phật, vì vậy nên dự tưởng thấy được con vui. “không còn sầu lo:” Đã một kỳ được con liền dùng pháp tài giao phó khiến truyền hóa không dứt làm vô tận, đèn pháp sáng tỏ thì vui hợp bốn tâm Phật cho nên không còn tìm kiếm, chẳng có lo sầu, cũng không lo lắng bị mất Đại thừa pháp tài.

“Bạch Đức Thế tôn! Bấy giờ gã cùng tử làm thuê...” là nói thí dụ cha con thấy nhau: cùng trong một hình dáng Đại thừa thì gốc lành thành tựu sẽ được lãnh ngộ gọi là con thấy cha. Phật thấy trong một hình kia sẽ ngộ Đại thừa như cha thấy con. Văn chia làm hai:

1. Con thấy cha.

2. Cha thấy con.

Con thấy cha có bốn trường hợp: hợp làm ba:

1. Lý do thấy cha.

2. Chính là nói thấy cha.

3. Nói chánh thấy cha. Không biết, chạy trốn, tâm sợ sệt. “Làm thuê làm mượn lẫn hỏi:” Do làm thuê làm mượn lẫn hỏi đến nhà cha, do tu hành thêm lớn xa giúp Đại thừa như tình cờ đến nhà cha. Nhà cha là chánh lý Đại thừa. Chắc chắn phải ngộ lý giao tiếp với lý như đến nhà.

Hỏi: Ban đầu nói tướng về nước, kế nói đến thành, nay nói đến nhà, ba dụ này có nghĩa gì?

Đáp: Đây đều là cách ngộ Nhất thừa nghĩa gần xa, đại ý nói về ngộ nhất thừa gốc lành gồm có ba phẩm:

1) Thiện căn hạ phẩm cách ngộ lý Nhất thừa xa như hưởng về nước.

2) Thiện căn trung phẩm cách ngộ lý thất thừa hơi gần như đến thành.

3) Thiện căn thượng phẩm giao tiếp với lý như đến nhà.

“Đứng ở bên cửa:” Ban đầu chưa tin nhận như trú (ở), cuối cùng phải thực hành như đứng, chưa có đại căn cơ không kham nổi thọ đại giáo như bên cửa. “Xa thấy cha”: là chính nói con thấy cha. Ban đầu chưa tin nhận như đứng bên cửa cuối cùng có ngộ đại như xa thấy cha. Người cha: ở trên y cứ năng thấy, nay nói sự “sở” thấy.

Hỏi: Đầu tiên nói nhà, kế nói cửa, nay nói cha, sau nói châu báu, bốn thứ này có gì khác nhau?

Đáp: Đầu là Đại thừa chánh đạo tùy nghĩa đặt tên, chí lý là chỗ dừng ở của các bậc Thánh ví như nhà, rộng suốt vô ngại như cửa, năng sanh gốc lành cho chúng sanh là cha, đáng quý trọng nên như châu báu.

Trình bày sự thấy cha gồm có sáu việc, mà năm câu đầu nói riêng những chỗ thấy, chỉ vì các sự thấy đã nhiều không thể nói đủ nên một câu sau tổng kết. Năm câu là:

1) Thấy cha ngồi giường sư tử, ghế báu đỡ chân.

2) Quyến thuộc cung kính bao quanh.

3) dùng vật báu trang nghiêm thân.

4) Tôi tớ đứng hầu hai bên.

5) Màn, báu che trên v.v... cho đến phát, râu, lấy cho.

Năm thứ này đều khen cha giàu sang, như khen ngôi Phật trụ trong Đại thừa chẳng đức nào không tròn đầy, chẳng lụy nào không dứt hết, để đối với Tiểu thừa nghèo hèn khiến chúng khởi tâm ưa thích, nhằm chán Nhị thừa. Ngồi tòa sư tử ghế báu đỡ chân: nên dựa theo hai đức trong ngoài của Phật giải thích: Đức ngoài: Kinh Hoa Nghiêm chép: Nơi tòa sư tử Liên hoa tạng như ngồi giường sư tử, đất kia bằng kim cương ghế báu đỡ chân. Đức bên trong: Nhất thừa dùng Trung đạo chánh quán làm thể, không chịu đoạn thường nên nói không sợ. Trung đạo chánh quán sẽ nương cảnh thật tướng như ghế báu đỡ chân.

“Các Bà-la-môn cư sĩ Sát đế lợi đều cung kính vây quanh”: Trên

khen ngợi người năng hóa, nay khen ngợi chúng sở hóa, lại trên khen giàu nay khen sang. Lại Bát địa trở lên Pháp thân thanh tịnh như Bà-la-môn, Thất địa được gọi là Vô sanh nhẫn, nhập mắt Phật địa tức là Vương chủng, nghĩa đồng Sát đế lợi, sơ địa trở lên thực hành bố thí đầy đủ nghĩa đồng giàu lớn dụ cho cư sĩ, đều cung kính khen ngợi Như lai giúp Phật mở mang hóa cho nên nói cung kính bao quanh. Như Hoa Nghiêm thập thế giới cát bụi số Bồ-tát vậy! Dùng chân châu anh lạc giá trị ngàn muôn trang nghiêm thân là lặp lại khen ngợi người năng hóa, hình chẳng có gì không là pháp, tức là pháp bảo trang nghiêm, pháp bảo trang nghiêm có hai thứ:

- 1) Ngoài đầy đủ tướng tốt.
- 2) Trong đầy đủ các đức.

Đều trải qua nhiều kiếp tu hành thế gian thông không ai sánh bằng cho nên nói giá trị ngàn muôn. “Lại dân tôi tớ tay cầm phát trần trắng đứng hầu hai bên”: ở đây lặp lại chúng sở hóa là lại dân, tức nội phạm. Tôi tớ là ngoại phạm.

Trước nói đấng Địa trở lên, Bồ-tát từ vị cao đến thấp, nay người Địa Tiên cũng từ trong đến ngoài, đây là nói thứ lớp chẳng phải tu hành từng bước như thế, cũng được bốn hạng, lại, dân, tôi, tớ mà so sánh thích ứng Địa tiên bốn mươi tâm. Đều thọ bửu đại hóa đều tu trừ pháp cấu như tay cầm phát trần trắng. Thật ra chúng sanh trừ cấu, mà nói vì Trưởng giả phủ bụi, tức bởi vì chúng sanh bệnh, nên Bồ-tát bệnh, chúng sanh lành nên Bồ-tát cũng lành. Ngộ cạn như bên trái, chiếu sâu như bên phải, tùy hạnh nhận lấy nên nói người đứng hầu. “Màn báu che trên, các phan đẹp rủ xuống...” là khen ngợi giáo môn. “Từ bi ngăn che là màn báu, nhưng chúng sanh dứt kiết như Trưởng giả phủ bụi, cũng tâm từ che chở chúng sanh như che trên Trưởng giả.” Bốn nhiếp trở xuống, v.v... dụ như phước đẹp. Dùng nước thiên định rưới trên đất giới sạch, trôi mất bụi phiền não, rải hoa trí tuệ mở rộng chánh pháp để chỉ bày cho người, như vật báu chưng bày. Hóa từ Phật xuất ra nên nói công hóa phát ra, qui y Phật nên nói trong, người trước bửu đạo là lấy, Như lai thọ ký đạo là cho, sợ thì gọi là oai, ái thì gọi là đức. Lại chiết phục gọi là uy. Nhiếp, thọ gọi là đức, trời người không sánh bằng nên gọi là quý đặc biệt.

“Cùng tử thấy cha” là nói về con thấy cha không biết bỏ chạy tâm sợ hãi. Lý năng phục tình gọi là có thể lực lớn, tình sợ lý thì sanh tâm lo sợ. “Hối hận vì đã đến nhà này”. Tiểu căn cơ bửu đạo Đại tiến lên không có phước nhập lý, lui sụt có tội trái với giáo, nên gọi là hối. “Ông

này chắc là vua, hoặc là bậc đồng vua” Thần thông hóa vật tự tại như vua nói pháp hóa vật như đồng vua. Cũng là thí dụ trên dùng hai vật vạt áo và bàn ghế. Có người chép: Pháp thân như vua, báo thân như bậc đồng vua. “Chẳng phải là chỗ để làm thuê được tiền vật” Lý Đại thừa sâu xa mâu nhiệm, chẳng phải là chỗ tu năm giới mười thiện được quả nhỏ trời người. “Chẳng phải bằng ta qua đến xóm nghèo có chỗ cho ta ra sức để được vật ăn đồ mặc” Trên là nói không có khả năng thọ Đại, nay nói chánh kham hành Tiểu thừa, thừa trời người là pháp sanh tử, không có quả Thánh xuất thế gian tức là xóm nghèo. “Ra sức là gắng sức. Quả báo năm dục như y thực, cầu lạc tiểu quả không khó gọi là dễ được “Nếu như ta đứng lâu ở đây họ sẽ bức ngặt ép sai ta làm”. Đây là nói tiểu căn cơ không nên giữ gìn đại giáo, nếu giữ gìn đại giáo thì giáo không xứng căn cơ, trái tình là bức ngặt, chẳng lạc là ép sai. “Suy nghĩ như thế rồi liền chạy mau đi thẳng” Trái lý thuận tình nghĩa kia như núi lở, cho nên nói chạy mau.

Hỏi: Cùng tử trước vì sao đến nay vì sao đi ư?

Đáp: Trước nói về đại căn cơ cuối cùng có nghĩa phát nên thí dụ đến, nay căn cứ ban đầu có tiểu căn cơ không có khả năng thọ Đại cho nên đi.

“Khi đó, Trưởng giả”: nói cha thấy con. Văn chia làm ba:

- 1) Nơi thấy con.
- 2) Thấy con liền biết.
- 3) Do biết nên vui mừng.

Nhưng cha con thấy nhau thật ra không có trước sau, chỉ muốn nói do cảm nên có ứng, nên đầu nói con thấy cha sau nói cha thấy con. “Ngôi trên ghế sư tử:” là nơi thấy con. Thấy con liền biết: là cuối cùng thấy con có căn cơ Đại, biết từng thọ lãnh đại hóa. “Tâm rất vui mừng”. Là do biết đứa con ấy nên sanh tâm vui mừng. Tuy ban đầu không bẩm thọ căn cơ Đại thừa mà cuối cùng có ngộ lý Nhất thừa cho nên nói tâm rất vui mừng. “Mà tự nghĩ rằng” giải thích vui mừng gồm có ba ý:

1) Nói đã có lý có thể hóa thì sẽ giao phó tài pháp cho nên vui mừng.

2) Ta thường nghĩ nhớ đứa con này”: là nói bốn nguyện mãn cho nên vui mừng, từ bi thường muốn cứu giúp vật, nhưng ngày trước chưa thấy lý đáng cứu mà nay hóa duyên đã phát thích ứng nguyện từ bi cho nên vui mừng.

Hỏi: Sanh thiện do từ Phật, vì sao nói là tự đến?

Đáp: Tuy do Phật làm duyên bên ngoài, nhưng thiện cơ là chúng

sanh cảm nên gọi là tự, do kia phát sanh nên gọi là đến.

“Ta đầu tuổi già vẫn cố tham tiếc”, là nói tuổi già thấy con rất vui mừng, tài vật đối với già cả vô dụng mà tham tiếc vì con, giáo pháp đối với Đức Phật chính là vô dụng, tham tiếc vì chúng sinh. “Ông liền sai người hầu” là thí dụ gọi con không được lãnh thí dụ Trưởng giả cứu con không được ở trên. Trong nhà lửa ở trên mở hai cửa khuyên và răn giáo hóa con không được, nay lãnh ý này mà vẫn chia làm hai riêng: Đầu đều lãnh hai môn hóa vật không được, kế hiệp lãnh hai môn dứt hóa. Đầu lãnh riêng hai môn hóa vật không được tức là hai riêng:

1) Chính là nói giáo Đại thừa hóa con không được.

2) Thí dụ gượng trao Đại thì có tổn hại không lợi ích, hai thứ này cùng hai tư duy trong phẩm, Phương tiện phần lớn đồng, khác nhau với văn khuyên răn ở nhà lửa trước.

Các Sư giải thích kinh xưa nói: Lãnh nhà lửa khuyên răn thì mất ý chỉ kinh. Đầu vẫn chia làm hai:

1) Chánh là nói vì nói Đại thừa.

2) Nói không có căn cơ không có khả năng thọ lãnh.

Văn đầu có hai câu, trước nói sai người đuổi theo dụ Đức Phật nhớ nghĩ muốn sai giáo hóa chúng sanh. Khi mới thành đạo liền muốn vì nói pháp Đại thừa cho Nhị thừa nghe nên gọi là sai. Người hầu bên là đứng đầu hai bên Trưởng giả, Đại thừa là Phật thường dùng pháp cách Phật gần gũi nên gọi là bên, giáo có công năng giải thích lý như người năng chỉ bày nói nên gọi là người. “Đuổi gấp theo bắt lại”: khi mới thành đạo liền nói lên nói Đại thừa muốn cho chúng sanh liễu ngộ Đại thừa nên gọi là gấp. Đuổi gấp hoặc tình của chúng khiến chúng trở lại bốn, thọ Đại hóa nên nói đuổi gấp đem về.

“Khi ấy, sứ giả chạy mau đến bắt”: là nói sứ giả thọ ý chỉ dụ Đức Phật nói chánh giáo hợp duyên, giáo có công năng tuyên truyền ý Phật dụ như sứ giả. Khi mới thành đạo Đức Phật muốn vì người Nhị thừa nói pháp Đại thừa, gọi là chạy mau, giáo chánh hợp duyên nên gọi là đến bắt. “Cùng tử kinh ngạc kêu lớn xưng oan: Tôi không hề xúc phạm sao lại bị bắt”: là nói về không có căn cơ không thọ hóa. Đại giáo phù hợp tiểu căn cơ chẳng phải bốn ý kỳ vọng cho nên nói kinh ngạc, tiểu căn cơ không lường nổi Đại giáo do đó gọi là kinh ngạc, đại giáo trái với Tiểu tâm mà gượng trao gọi là xưng oan, oan là oan uổng, oan uổng việc rất lớn nói lên bên ngoài gọi là kêu oan. Giáo Đại thừa mà căn cơ Tiểu thừa kia cũng như nắp vương, đầy tròn lý không tương xứng gọi là không hề xúc phạm, không nên trao cho vì sao đến bắt. “Sứ giả bắt đó

lại càng gấp cưỡng dắt đem về”: là nói giả thiết, gượng trao Đại thừa thì có tổn chẳng lợi ích. Văn cũng có hai:

1) Gượng trao đại.

2) Không có ích, có tổn hại, quyết muốn trao đại như bắt càng gấp.

Biết căn cơ Tiểu thừa không có khả năng thọ Đại trái tình sai khiến kia liễu ngộ là gượng lôi kéo đem về. “Lúc đó gã cùng tử tự nghĩ không có tội chi mà bị bắt đây”: là nói có tổn hại không lợi ích, không có đại căn cơ gọi là vô tội, do đại giáo che chở như bị bắt bớ. “Đây chắc chắn phải chết”. Giáo đại căn cơ tiểu trái với bốn tình kia, tâm sanh không tin thì khởi chê bai đoạn mất tuệ mạng như chắc phải chết. Lại đời hiện tại khởi hủy báng đời sau đọa vào địa ngục cũng gọi là chắc chắn chết. “Lại càng sợ sệt mê ngất ngã dưới đất”. Tiểu căn cơ nghe Đại giáo kinh nghi, sợ hãi nên gọi là sợ sệt, không thể hiểu đại gọi là mê ngất, lại không thể đi gọi là ngã xuống đất.

“Cha từ xa thấy con”: là hợp nêu dứt hóa. Văn chia làm hai:

1) Chánh là nói về dứt hóa.

2) Nói dứt hóa xứng căn cơ.

Văn đầu lại có hai:

1) Trước niệm muốn dứt hóa.

2) Chánh dứt hóa, y cứ đầu lại có hai. a) Khai hai chương. b) Giải thích hai chương.

- *Khai hai chương*: 1. Khai dứt Đại. 2. Trao Tiểu. “Nói cha xa thấy”. Đã không thọ đại hóa, thấy tiểu căn cơ kia cách lý rất xa cho nên nói xa thấy, niệm muốn dứt hóa như nói với sứ giả lý Đại thừa không dung nạp tiểu căn cơ tức “không cần người đó”, chưa thể dùng đại hóa “chớ bắt ép đem đến”. “Rưới nước lạnh trên mặt cho tỉnh lại”: là nói trao tiểu, tức dụ thứ sáu dội nước lạnh vào mặt. Khi mới thành đạo đã chưa thể trao thọ đại hóa, chỉ có trời người tiểu căn cơ cho nên vì họ nói thừa trời người. Căn cơ trời người dụ như mặt, năm giới mười thiện có công năng thoát mê, cõi vãng, xứng với căn tình kia dụ như nước lạnh. “Đừng nói chi với nó”: là không thể nói đại. Vì sao? Là đều giải thích hai môn. “Cha biết con mình ý chí thấp hèn”: Đây là nói có tiểu căn cơ giải thích trên trao cho tiểu căn cơ. “Tự biết mình giàu sang làm cho con khiếp sợ”: là nói về Đại thừa tôn quý giải thích trên dứt đại hóa. “Biết chắc là con”: Biết quá khứ kia từng phát đại tâm cho nên nói biết chắc là con. “Mà dùng phương tiện chẳng nói với người khác biết là con mình”: Đây là giải thích nghị cho nên nói. Đã thật là con sao không nói

với sứ giả là con ta sai khiến đến bắt ư! Tức nói sứ giả là người khác, cũng là người hầu bên cạnh, cho nên nay giải thích rằng: Tuy nói xét biết là con mà dùng phương tiện không nói với người khác biết là con mình. Ý này là nói khi mới thành đạo trong giáo môn không được nói cho Nhị thừa biết vốn là Phật tử, ý không nói là ẩn nơi thật, nói tức là phương tiện. Trước sai người gọi con không được nghĩa là không được dùng Hoa Nghiêm đốn giáo độ người Nhị thừa, nay xét biết là con không nói với người khác biết là con mình: tức là không được tiếm nói Nhất thừa trong Pháp Hoa để giáo hóa cùng tử.

“Sứ giả nói”: là nói dứt hóa cũng có hai câu: Đầu nêu Đại giáo không còn bị Tiểu căn cơ gọi là nay ta thả ông. Đi đâu tùy ý: là thuận tiểu căn cơ thực hành Tiểu giáo. “Cùng tử vui mừng”: là dứt Đại trao Tiểu xứng hợp căn tình kia, cũng có hai câu: Đầu lãnh dứt Đại hóa, kế lãnh trao tiểu. Do đại giáo không xứng tiểu căn cơ như bị bắt tù vì vậy nên kinh sợ, dứt nơi Đại hóa ứng với căn tình kia nên tâm sanh vui mừng. “Từ dưới đất đứng dậy”: là lãnh trao Tiểu giáo, lôi kéo đến chỗ cha nên té ngã dưới đất, thả ra nên đứng dậy đi, không hành Đại thừa như té xuống đất, kham tu Tiểu giáo như đứng dậy đi.

“Bấy giờ Trưởng giả”: là thí dụ thứ bảy dẫn dụ trở về nhà, văn chia làm hai:

- 1) Thuê người hốt phân.
- 2) Bảo người làm.

Sở dĩ có hai thí dụ này: Ban đầu lãnh ẩn thật giáo khởi quyền giáo, kế lãnh ẩn bản thân khởi tích thân, cho nên khi mới thành đạo ở hội Hoa Nghiêm là đều nói cả hai, từ vườn Nai trở đi là đều che, đến thời Pháp Hoa là đều khai, nay là đều che. Đầu thí dụ có bốn:

- 1) Biết tiểu căn cơ.
- 2) Nói Tiểu giáo.
- 3) Bấm giáo được lợi ích.
- 4) Thương xót trách.

“Toan muốn dụ dẫn người con”: là thí nói ý giáo Nhị thừa. Sở dĩ nói Giáo Nhị thừa: là muốn dẫn dụ khiến ngộ nhập Nhất thừa. “Mà bày chức phương tiện”: Nêu việc dẫn dụ, không hai nói hai gọi là phương tiện. “Thầm sai hai người:” là nêu việc phương tiện. Nếu hiển rõ nói Trưởng giả sai thì cùng tử sợ không thọ, nếu nói chia một thành ba tức là ba vật phương tiện không tin nhận, cho nên ẩn nơi đây mà che lấp tướng chỉ bày ba nên nói mật. Xưa nói Ba thừa là nói Phật bí mật. Tuy là xưng ba mà thầm dẫn qui về một cho nên nói thầm sai. Nói ba chính

là muốn cho chúng sanh liễu ngộ chẳng ba chẳng một ngôn dứt ý mất. Vì vậy nên ba này gọi là thâm.

Hỏi: Phẩm Hạnh an lạc chép: Phật dạy Bồ-tát chỉ dùng pháp Đại thừa mà vì giải thích, vì sao Phật nay tự nói Tiểu thừa ư?

Đáp: Văn này khen ngợi Phật có năng lực biết căn cơ, có khả năng nói tiểu làm thông đại. Phẩm Hạnh an lạc ban đầu hành Bồ-tát không biết nhân tiểu ngộ đại, chỉ nên nói pháp Đại thừa.

“Hai người”: tức hai giáo tứ đế và thập nhị nhân duyên, năng giải thích lý nên gọi là người. Hình sắc tiêu tụy không có uy đức: Giải thích danh thể của Giáo Nhị thừa, giáo thì nông cạn gọi là hình sắc tiêu tụy, lý chẳng rốt ráo gọi là không có oai đức. Lại sanh thân tướng tốt không tròn đầy như người tiêu tụy, pháp thân các đức không đủ như người không oai đức; lại tự điều tự độ tự tịnh thường hành độc thiện như người tiêu tụy. Ngoài không có công cứu vật như không có uy, trong không có tâm từ bi như không có đức. Lại, Bồ-tát có khả năng chiết phục, nhiếp thọ, chiết phục như uy, nhiếp thọ như đức, Nhị thừa không có nên nói không oai đức. “Hai người nên qua xóm kia, từ từ nói với gã cùng tử”: là có thể thi thiết Nhị thừa với người kia gọi là qua xóm kia, định dùng lời dẫn dụ từ từ mà nói. Lại giáo Đại thừa hóa chúng sinh, chọn nghĩa thành Phật nhanh gọi là chạy nhanh. Tiểu thừa cách Phật quá xa nên gọi là từ từ nói. “Ở đây có chỗ làm trả giá gấp bội”: Cùng tử trước đứng dậy đến xóm nghèo để tìm cái ăn cái mặc tức là thực hành thừa trời người gọi là chỗ kia, nay đối thế gian kia cho nên nói pháp Nhị thừa xuất thế gian là gọi đây. Chỉ bày Tứ đế, mười hai nhân duyên là chỗ tu hành nên gọi là chỗ (xứ). Chỉ bày vui tiểu Niết-bàn vượt quá vui trời người gọi là trả giá gấp bội. “nếu Cùng tử chịu”: là xứng với căn duyên kia có khả năng thọ Tiểu thừa hóa gọi là nếu chịu. “Đem về đây sai làm”: Từ thế gian nhập xuất thế gian gọi là đem đến, chính bầm thọ giáo khiến như lợi dạy mà tu hành gọi là sai làm. Nếu có hỏi muốn sai làm gì: là Tiểu thừa căn cơ phát cảm hóa gọi là muốn làm gì. Lại giải thích nếu làm căn cơ chưa hiểu giáo ý muốn nói lên giáo tông cho nên có trách này. “Nên nói với nó rằng thuê người hốt phân”: Chánh giáo kia tu hành dứt kiết nói lên chánh tông của giáo Tiểu thừa. Lấy hai Niết-bàn cho cùng tử gọi là làm thuê, nhưng sau khiến kia dứt phiền não gọi là hốt phân.

Hỏi: Nếu dùng dứt kiết làm hốt phân thì người Thanh văn chỉ dứt kiến tư, Đại sĩ dứt trừ đầy đủ năm trụ thì Bồ-tát là người đại hốt phân ư?

Đáp: Nhị thừa thấy có phiền não để sanh nên tu giải diệt tức là

sanh diệt đoạn thường, vì thế gọi là thấp kém như người hốt phân.

Bồ-tát hiểu rõ hoặc vốn tự bất sanh cũng bất diệt, quán không sanh diệt nên trừ không có chỗ trừ chẳng phải người hốt phân, phẩm Phương tiện chép: các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng. Kinh Tịnh Danh chép: Vì người tăng thượng mạn nói dứt ba độc, không có tăng thượng mạn thì ba độc tức giải thoát nên không có chỗ dứt. “Chúng ta hai người cũng cùng người làm”: Nhị thừa không thể lìa văn tìm lý, nhờ giáo giải thích lý mới dứt được kiết, thì giáo có công giúp trí dứt kiết gọi là nghĩa “xếp vào”, đối với bốn duyên là duyên tăng thượng. “Khi đó hai người sứ liền tìm gã cùng tử”: là lãnh giải trên duyên nói giáo, duyên và giáo hợp nhau gọi là đã đắc, vì duyên nói giáo gọi là “trình bày đủ việc trên”. “Bấy giờ gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả liền đến hốt phân”: là lãnh trên được lợi ích, người nghèo cùng kia tâm hạn cuộc trong Tiểu thừa sợ không được mà nhọc công vất vả cho nên trước hỏi giá cả sau mới làm, Nhị thừa tiểu tâm sợ không đắc quả, cho nên trước hy vọng quả Niết-bàn sau mới tu hành dứt kiết, thí dụ này là tiểu tâm quá thấp kém. “Người cha thấy con thương xót mà trách:” là cha thương xót trách ngày trước vốn có nguyện hạnh Đại thừa mà không thọ Đại pháp, ưa đắm Tiểu thừa nên đáng thương xót, thương không tin Đại quả trách kia chấp Tiểu. Trong đây bốn đại Thanh văn làm dụ thấp kém để chê trách Tiểu thừa. Từ trên tức sai người hầu bên cạnh gọi con không được; thấy con mà sanh tâm thương xót: là nói việc tốt gọi con không đến việc xấu gọi mà đến, sao đáng khinh bỉ ư! Nay thật đắc La-hán là người hốt phân thấp kém, hướng chi chưa đắc quả muốn học Tiểu thừa! Như trong một hình chấp chặt đây là ý của Tỳ-đàm và Thành luận.

“Lại một ngày khác, ông ở trong cửa sổ xa thấy:” là lãnh giải thân chân ứng.

Hỏi: Vì sao trước lãnh hai giáo sau lãnh hai thân?

Đáp: Phải trước chiếu căn cơ không có khả năng thọ Nhất hóa, tin nhận Nhị thừa, rồi sau ẩn pháp thân mà thùy ứng tích, sau vì nói Tiểu pháp tức là thứ lớp.

Hỏi: Vì sao chia làm hai giáo hai thân?

Đáp liền sai người hầu bên gọi là Nhất thừa thật giáo, mật sai hai người là giáo phương tiện, cho nên trước ẩn thật giáo mà khai giáo phương tiện: Hai thân: Trưởng giả ngồi ghế sư tử gọi là thân thật, cỡi y châu báu mặc y thô xấu gọi là hóa thân. Đã ẩn thật giáo mà nói quyền giáo tức cũng ẩn chân thân mà khởi hóa thân.

Hỏi: Trên Phẩm Thí Dụ nói: Chỉ nói về thật giáo hóa con không được, quyền giáo hóa con được, không nói về chân thân, ứng thân nay làm sao có lãnh?

Đáp: Phẩm trên có đủ hai giáo, hai thân, Trưởng giả ngoài cửa gọi là pháp thân, kinh sợ vào nhà lửa là ứng thân, vì vậy cho nên văn này lãnh lại ý trên nói, chánh chẳng phải là thân giáo thứ lớp mà đại ý có nên nay lãnh. Lại bốn đại Thanh văn giúp Phật mở rộng hóa, Phật đã nói giáo có quyền thật, kia dùng giáo ví như thân, thân cũng có quyền thật.

Hỏi: Văn này nói về chân thân, ứng thân có gì khác với phẩm Thí dụ?

Đáp: Phẩm Thí Dụ nói Trưởng giả đứng ngoài cửa tức là pháp thân kinh sợ vào nhà lửa gọi là ứng thân. Nay văn nói về Trưởng giả ngồi ghế Sư tử liền sai người bên cạnh, đây dụ khi mới thành đạo Đức Phật Lô-xá-na nói pháp Đại thừa.

Kế là cởi áo châu báu mặc áo thô xấu nói khiến làm siêng năng, tức là ẩn thân Xá na khởi hóa thân Thích-ca nói giáo Tiểu thừa, cho nên dùng thật thân nói thật giáo, quyền thân nói quyền giáo, đây đều là trong tích khai bốn tích.

Văn cũng có bốn:

- 1) Chiếu cơ.
- 2) Ẩn bốn thù tích.
- 3) Nói giáo.
- 4) Nói về được lợi ích.

Bốn thứ này đều theo thứ lớp. “Lại một ngày khác:” Trước là tư duy không có khả năng thọ, đại giáo có khả năng thọ Tiểu giáo, nay là tư duy không có khả năng thấy bốn thân chỉ có khả năng thấy tích thân cho nên nói ngày khác. “Ở trong cửa sổ:” Trưởng giả ẩn chỗ đại mà ở chỗ tiểu thấy con như không được dùng thật trí chiếu soi tiểu căn cơ mà dùng quyền trí chiếu. “Xa nhìn thấy con”: Thấy con cách lý xa nên gọi là xa. Lại bấy giờ còn ở bốn thân chưa thù ứng tích, cách cảm còn xa gọi là xa thấy, cho nên dưới ẩn bốn thù tích được gần gũi con. “Ốm o tiêu tuy phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch”: là căn cơ chiếu thấy. Trên nói về thấy con không có khả năng được đại hóa, chỉ thọ Tiểu giáo. Nay nói căn cơ không kham thấy bốn thân, mà kham thấy tích thân. Không hiểu Đại thừa là ốm o, không hành Đại thừa là tiêu tuy. Có kiết sử của phàm phu, Nhị thừa chưa trừ, cấu chướng bị nhiễm, như phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch. “Liền cởi áo báu: chuỗi ngọc...”

là nói ẩn bốn thù tích, trước nêu ẩn bốn, kế nói thù tích. Ẩn ba đức Xá na gọi là ẩn bốn, “liền cởi áo báu” gọi là ẩn giải thoát, “Áo tốt mịn màng” là ẩn Bát-nhã, “Cùng đồ trang sức” là ẩn Pháp thân. Đây chẳng phải là ba đức của Pháp thân địa. Vì sao biết? Từ giữa đường dừng nghỉ ở một ngôi thành đến nay rồi, lại ngày khác xa thấy con đều là khi mới thành đạo có việc như thế, nhưng Nhị thừa không có khả năng thấy thân này nên ẩn Xá na kia thị hiện Thích-ca.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm vừa gọi là Xá na, vừa gọi là Thích-ca văn, tức cũng như một Đức Phật vì sao chia làm hai thân?

Đáp: hai Đức Phật có nghĩa đồng và khác, nghĩa đồng như văn đã dẫn, nghĩa khác như kinh Phạm Võng chép: Bốn thân là Xá Na, Tích thân là Thích-ca.

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy thân ta là báo thân Phật được trăm ngàn Thích-ca bao quanh, ý này đồng với kinh Phạm Võng. Nay muốn hiển hai giáo hai thân làm khác: bốn thân nói thật giáo hóa Bồ-tát, tích thân nói quyền, giáo hóa Thanh văn. Cho nên lại dùng hai thân Phật Xá-na, Thích-ca để nói về bốn tích. Nhưng thân xứ và giáo không có định phán, Bồ-tát tức thấy Xá na ở Tịnh độ nói Đại thừa, Nhị thừa thấy Thích-ca ở uế độ nói Tiểu thừa. “Lại mặc áo thô rách cấu bẩn”: là thù ứng thân, nhưng Nhị thừa thấy có đủ tám tướng thành đạo, văn này lược hai sự thấy khác nhau của phàm Thánh”. Lại mặc áo thô rách... tức là sanh thân do cha mẹ đồng với chúng sanh có họa lớn. “Bụi bặm lấm thân”: Chỉ bày đồng tâm có phiền não, như nạp phi sanh con là tham sử, sáu năm khổ hạnh là si sử, mắng trách năm người là sân sử, cũng có ba độc như bụi bặm lấm thân. “Tay mặt cầm đồ hốt phân”: hai câu trên chỉ phương tiện, phàm phu từ trên cõi Đâu suất xuống đến dưới gốc cây các việc... nay chỉ Thánh phương tiện tức là dưới Thọ vương (Bồ-đề thọ) thành đạo đến vườn Nai xoay bánh xe pháp. Lại trước chỉ phàm phương tiện do Thánh đồng phàm, nay chỉ Thánh phương tiện khiến phàm đồng Thánh. Tay phải liền cầm: là chân trí có khả năng dứt kiết, tay cầm đồ hốt phân, là trí hội lý nên dứt hoặc. “Bộ dạng đáng sợ” là giải thích ý dứt kiết. Sợ phân dơ thân cho nên hốt phân, sợ hoặc nhiễm tâm nên dứt hoặc, như ba độc là nhân của ba suy, cho nên vượt bốn cửa thành tức biết tham dục dẫn đến già, sân nhuế đến bệnh, ngu si đến chết. Sợ ba độc năng sanh ba suy vì vậy nên dứt hoặc.

“Bảo những người làm rằng”: là nói thuyết giáo, tức là đến vườn Nai chuyển pháp luân tứ đế. Văn chia làm bốn:

1) Khuyên răn.

- 2) Tăng giá.
- 3) An ủi.
- 4) Khen ngợi.

“Các người phải siêng làm việc”, khuyên khiến siêng năng. “Chớ có lười nghỉ”: là răn, khiến chớ làm biếng; tinh tấn thành tựu các đức, biếng nhác bại hoại gốc muôn hạnh cho nên đầu tiên khuyên vãn.

Hỏi: Đến vườn Nai nên nói Tứ đế vì sao lại nêu khuyên răn ư?

Đáp: Lãnh giáo trong quyền thật đã nói về nói pháp Nhị thừa cho cùng tử tu hành, nay ẩn bốn thù tích nói về dạy người làm cho nên khuyên răn.

“Dùng phương tiện nên được gần con” là giải thích ý ẩn bốn thù tích, Phật lý cao xa mâu nhiệm chẳng dùng phương tiện này thì không do đâu mà gần được. “Lúc sau lại bảo con rằng”: là nói về thêm giá tiền. “Người thường làm ở đây” là khiến cho kia thường ở trong chánh giáo tu hành. “Chớ có đi nơi khác”: chớ có buông lung tâm vào trong năm dục. “Ta sẽ trả thêm giá tiền”: Trên tuy khuyên thường làm nơi đây răn đừng đi nơi khác mà sợ không chịu lời khuyên răn này nên dẫn dụ bằng cách trả thêm tiền. Xưa nói: Khi mới thành đạo Phật đã cho thừa trời người rồi, nay lại ban cho kia hai thứ Niết-bàn ra đời gọi là trả thêm giá tiền. Nay cho rằng trong giáo quyền thật nói ở đây có chỗ làm trả giá gấp bội cho cùng tử, tức là đối với thừa trời người nói Niết-bàn ra đời gọi là giá gấp bội. Nói thêm giá là gấp bội giá trên lại còn thêm, nghĩa là ngoài quả Niết-bàn còn có các công đức khác gọi là tăng giá. “Các đồ cần dùng:” là ngoài quả Niết-bàn còn có các công đức trí tuệ đều là sở giúp thần dụng. “Bồn, chậu, gạo, bột v.v... là chi tiết đồ vật cần dùng, gồm thêm bốn vật: Bồn chậu có dụng dự trữ đầy, như giới là gốc của định tuệ. Kinh chép: Nhân giới nầy mà sanh các thiền định, diệt các khổ, gạo bột: là vật để ăn, gạo thô dụ cho định, bột tế như tuệ thuộc về muối dấm; là năm môn ba quán v.v... Vô thường là vị muối, khổ là vị dấm, bất tịnh vô ngã lấy đây mà so sánh, nên nói là thuộc. Chú giải kinh rằng: Định thô như gạo, tinh tấn hành tế như bột, vô ngại như muối, giải thoát như dấm, muối dấm đứng đầu các vị, song đạo là gốc của Nhị thừa. Có người nói bồn chậu như bốn thiền. Gạo bột gọi là các công đức của thiền, công đức hữu lậu thô như gạo, vô lậu công đức tế như bột, muối dấm là chủ của các vị, chỉ quán là chính của các hạnh. “Người chớ tự nghỉ ngại”: là nói nếu tu chắc chắn đắc. “Cũng có người tứ giả thấp kém nếu cần ta cấp cho”. Tuy cho các vật lại người cần sai khiến, nay cho người già để sai. Trên ban cho kia ba học tự đức, nay cho

kia sáu thông ngoại hóa, Bồ-tát thần thông vận dụng xa rộng cũng như trẻ mạnh, Nhị thừa thần thông lực dụng yếu hẹp dụ như già nua.

Hỏi: Vì sao cho bồn chậu v.v... cho đến cho người tớ già để sai khiến ư?

Đáp: Muốn chỉ bày Nhị thừa công đức trí tuệ nông cạn yếu đuối không đáng trân quý, dùng đây để chê trách chấp chặt giáo Tiểu thừa khiến nhàm chán Tiểu, ưa thích Đại.

“Nên phải an lòng”: là an ủi. Chẳng những trong cung cấp vật cần dùng mà ngoài lại còn có lời khéo léo an ủi dụ khiến an lòng nơi đạo môn, cho nên nói phải an lòng. “Ta như cha người”: Muốn mật chỉ là cha con. Căn cứ trước mà nói Thanh văn là tiểu hạnh, Phật là Đại thừa, chẳng phải cha con chân thật, chỉ bầm thọ giáo sanh giải nên nói như con. “Chớ có sầu lo”. Nếu tu vô lậu chắc không sợ khổ già bệnh chết”. Vì sao? Vì ta tuổi già lớn mà người thì trẻ mạnh”: là giải thích nghĩa cha con. Do đạo cao nên gọi là già lớn, đức cạn là trẻ mạnh, đây là lãnh giải nghĩa thầy trò ở vườn Nai. “Người thường trong lúc làm việc”... là khen ngợi. Trên là nói trong cung cấp vật cần dùng, ngoài khéo dùng lời dẫn dụ, nay liền như lời dạy tu hành được lợi ích ở giáo nên khen ngợi. Như lời dạy tu hành nên không “khi đối”, thường siêng năng nên không “biếng nhác”, biết giáo không trái lý nên “khônggiận”, được giáo lợi ích nên “không hờn”, được giáo lợi ích vô tư nên “không oán”. “Đều không thấy người có các điều xấu đó như các người khác”: là nói không có năm thứ lỗi cho nên không phải ác, trái lại năm hạng này thì như các người khác. “Từ nay về sau như con đẻ của ta. Lúc bấy giờ, Trưởng giả lai đặt tên cho cùng tử gọi đó là con”: Trên khen không có lỗi, nay vì đặt tên, đã không có năm lỗi tức có năm đức nhập vô lậu, “từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh dự phần Phật pháp “nên” như con đẻ. Tức đã nhập vô lậu đặt tên Thánh hiền, gọi là Phật tử.

“Khi ấy cùng tử đầu mừng việc tình cờ đó”: là nói bầm giáo được lợi ích. Nhờ ba việc ở trên thêm giá tiền, an ủi dẫn dụ khen ngợi nên nói mừng việc tình cờ đó. Nhưng vẫn còn tự cho mình là khách, là người thấp kém: chưa biết Đại thừa là khách làm, còn chấp tiểu phần là người làm công. Do đó mà “trong hai mươi năm thường sai hốt phân”. Do chưa biết Đại thừa chấp Tiểu phần nên đối với pháp Nhị thừa tu hành dứt hoặc, hai mươi năm tức giáo Nhị thừa. Có người nói dứt hai hoặc kiến tư là hai mươi năm. Có người nói dứt kiến đế hoặc là một vô ngại một giải thoát, đoạn tư duy hoặc là chín vô ngại chín giải thoát gọi là hai mươi năm. Cho nên Tạp Tâm chép: một thứ một thứ chín thứ chín thứ

hiệp thành hai mươi. “Sau đó lòng gã mới lần thể tin”. Trên là nói đối với pháp Tiểu thừa tu hành dứt kiết rồi, từ đây về sau khiến kia dự khai pháp Đại thừa. Sau đó, là y giáo Nhị thừa tu hành dứt kiết đặc quả về sau. “Lòng mới thể tin”: là Đại căn cơ dần dần phát có khả năng nghe Đại giáo. “Ra vào không ngại sợ”: Nghe pháp Đại thừa tâm không sanh nghi. “Nhưng chỗ gã ở cũng vẫn nguyên chỗ cũ”: Tuy nghe Đại thừa còn cho là pháp Bồ-tát chẳng phải sở học của mình.

Hỏi: Giáo trao tài sản tức là Đại phẩm, đại phẩm đứng đầu Đại thừa, từ trước Đại phẩm chỉ nói về Ba tạng cho nên Thích Luận chép: Đức Phật trong Ba tạng chưa nói hạnh Bồ-tát, nếu vậy trước chưa nêu Đại thừa thì Thanh văn do đâu mà đã giải ư?

Đáp: Đại Phẩm trước cũng nói về đã nói Đại thừa. Xưa tương truyền rằng: Đức Phật thành đạo sáu năm nói Kinh-ương-quật-ma-la nói rộng pháp Đại thừa. Lại nói Phật thành đạo sáu năm nói Đại Bát-nhã mười muôn bài kệ không đến cõi này. Lại Kinh Nhân Vương nói về Kim cương Bát-nhã nói trước Đại Phẩm, trong pháp này Thiện Cát đã nghe Bát-nhã bị hỷ giao tập tức là “việc ra vào không xen lẫn”. Bởi do đã nghe Đại thừa cho nên đại cơ dần dần động có thể giao nhận tài sản. Nếu đại căn cơ còn chưa phát không kham nổi tài sản giao phó cho nên nói đại căn cơ đã động.

“Bấy giờ, Trưởng giả bị bệnh”; là thí dụ giao phó tài sản mật hóa. Nhân nghe Pháp Hoa đặc ngộ Đại Phẩm cho nên lãnh giáo Đại Phẩm giao phó tài sản. Nhưng Đại Phẩm và Pháp Hoa tuy đồng là Đại thừa, chỉ vì Đại phẩm hiển giáo Bồ-tát, thâm hóa Nhị thừa, do Bồ-tát Hiển giáo cho nên Bồ-tát lãnh giải được thọ ký thành Phật, thâm hóa Nhị thừa thì Nhị thừa chưa ngộ. Đến thời Pháp Hoa hiển giáo Nhị thừa mới chính đặc ngộ, mới biết ngày trước Đại Phẩm đem bỏ, đó tức là dạy chúng con Nhất thừa, sở dĩ có lãnh giải này vì tự rất thương xót. Trước nói Tiểu thừa khiến con nhập Đại thừa mà chưa hiểu lỗi kia còn nhẹ, thời Đại phẩm tự thân giao phó cho con pháp Đại thừa mà con không biết chính là rất ngu. Có người nói Bát-nhã dạy trong hàng Thanh Văn đã được ngộ đạo, vì chưa hoàn thiện như ý thí dụ giao phó tài sản ở Pháp Hoa nên có lời nói này. Nay cho rằng Đại phẩm giáo nêu lên Thanh văn ngộ giáo Pháp Hoa nói sự ngộ của Thanh văn. Đại Phẩm giáo nói Thanh văn ngộ có hai hạng người:

- 1) Vốn là Tiểu thừa nghe nói Bát-nhã liền đắc tiểu quả.
- 2) Vốn là Đại thừa nghe nói Bát-nhã chứng La-hán.

Sáu mươi Bồ-tát tức là việc ấy. Giáo Pháp Hoa nói về sự ngộ của

Thanh văn cũng có hai hạng người:

- 1) Vốn là Thanh văn ngộ Pháp Hoa đều thành Bồ-tát.
- 2) Bồ-tát nghe kinh Pháp Hoa nghi ngờ đều dứt bất thối chuyển.

Trong văn này chia làm hai:

1) Mạng.

2) Tuổi thọ.

Mạng lại có hai:

1) Duyên do của mạng.

2) Chánh mạng. “Tự biết bị bệnh”: có người chép: Như lai một kỳ hóa độ trước nói Tiểu thừa sau nói Đại thừa: từ Bát-nhã về trước nói giáo Tiểu thừa cuối cùng từ Bát-nhã về sau ở Song lâm nói giáo Đại thừa, nhưng công giáo hóa đã xong là dụ cho qua đời, nay phước bỏ, ít hóa ví giống như bị bệnh. Nếu nghe Đại giáo thì biết Song lâm ví như sắp qua đời cho nên nói “không bao lâu sẽ chết”.

“Có người nói công hóa Ba thừa là mạng, nay sắp nói Pháp Hoa ứng với công hóa Ba thừa sắp dứt, dứt nên gọi là chết. Đại Phẩm cách Pháp Hoa đã ngăn nên nói không bao lâu sẽ chết. Nay cho rằng khi nói Đại Phẩm cách Niết-bàn ít gần như bị bệnh không bao lâu sẽ chết, nói Pháp Hoa cách Niết-bàn càng gần như lúc sắp chết chính là nhập diệt độ như lúc chết, không cần các giải thích khác.

“Bảo với cùng tử rằng”: là nói chánh mạng lại có hai:

1) Giao phó tài sản.

2) Thâm giáo hóa.

Như Đại phẩm ban đầu bảo Thân tử bắt đầu chuyển giáo sai khiến Thiện Cát. “Nay ta có rất nhiều vàng bạc”: như trong Đại Phẩm khuyên học nêu nhân quả đức hạnh hơn tám mươi khoa cho nên nói có nhiều. Trong đó, đức hạnh có khả năng nối kế tuệ mạng như kho, năng nuôi dưỡng pháp thân như đụn, đức bên trong tròn đầy như tràn, công hóa tràn ra ngoài như đầy. “Trong đó có nhiều ít chỗ đáng xài dùng”. Nói rộng là nhiều, nói lược là ít, thọ pháp là lấy xài, trao pháp là dùng. Chú giải kinh rằng: Ứng căn lợi độn làm nhiều ít, tùy cơ khen chê là xài dùng. “Người phải biết hết”: là khiến cho kia biết việc trên lược rộng thọ trao. “Lòng ta như thế người nên thể theo ý ta”: Trên là giao phó tài sản nay là thâm hóa, khiến Thiện Cát lãnh giải tâm Phật. “Vì sao? Vì ta nay và người không khác”: Giải thích trên thể theo ý này. Y cứ xưa mà chép: Trước Thiện Cát nương Phật lực mà nói tức là Phật thuyết, cho nên nói không khác, căn cứ thâm giáo Thanh văn thì Phật là Đấng Pháp vương nên tự hóa Bồ-tát, mà nay khiến Tiểu thừa mở rộng đại đạo giáo

hóa Bồ-tát là sẽ nói về người Tiểu thừa cuối cùng không khác Phật, ý ở đây, nên nói “thể theo ý này”. Lại Bồ-tát hóa tha, Nhị thừa tự hành, nay khiến người tự hành mà hóa tha tức thậm chí Nhị thừa là Bồ-tát, lại khiến người Tiểu thừa mà nói Đại thừa, thậm khiến người Tiểu thừa học Đại thừa, Trí Độ tuân giải thích: Mệnh lệnh cho Thanh văn nói gồm có hai nghĩa:

1) Nói lên trong giáo nói về Bồ-tát phiền não chưa thanh tịnh, người không tín nhận, nên không mệnh lệnh cho Bồ-tát, Thanh văn phiền não thanh tịnh thì tín nhận nên mệnh lệnh cho Thanh văn.

2) Phật và Bồ-tát đức cao trọng vọng chúng có nghi hỏi không thể tự hiểu hết, nên Phật và Bồ-tát không nói Đại pháp, mệnh lệnh Thanh văn thì có nghĩa dưới kế nên mệnh lệnh nói.

Hỏi: Vì sao ngài Long Thọ không theo ý Pháp Hoa giải thích mệnh lệnh nói ư?

Đáp: Xét giáo trước chưa được khai giáo sau, giáo sau thì được khai giáo trước, Long Thọ chỉ đương giáo nói về nghĩa cho nên nói như thế. Lại thật có nghĩa này do đó giải thích. Giáo sau khai trước là bảo người Tiểu thừa mà nói Đại Pháp có hai ý nghĩa:

1) Được thâm giáo hóa người Tiểu thừa.

2) Được hiển giáo Bồ-tát. Nếu bảo với Bồ-tát mà nói Đại pháp thì chỉ được hiển giáo Bồ-tát không được thâm giáo hóa Nhị thừa, “Phải gắng dụng tâm không khiến sót mất”, dụng tâm gọi là thuận pháp tùy căn cơ, không khiến sót mất gọi là chớ trái lý sai căn cơ, mật nêu đại pháp sẽ là đảm nhiệm những vật trước đây nên có lời răn này.

“Lúc ấy cùng tử”...: Nhận lời dạy bảo mà nói. Văn này có hai ý:

1) Lãnh lời Phật.

2) Không biết ý Phật.

Nghĩa là không lãnh thâm hóa, lãnh biết các vật: Phẩm tựa, đầu tiên Thân tử bạch Phật, nhờ ba phẩm mà Thiện Cát bắt đầu nhận lời bảo. Sở dĩ vâng lệnh là do Phật không bảo sai nên theo lệnh mà nói. “Mà không có ý mong cầu lấy của đáng chừng một bữa ăn”. Phật nói: khuyên Bồ-tát mà ý ở Thanh Văn, nay chỉ lãnh lời nói kia chưa biết là vật của mình nên không thể theo ý. “Nhưng chỗ ở của cùng tử vẫn như cũ tâm chí thấp hèn cũng chưa bỏ được”: ở trên nói không nhận lấy Đại thừa, đây là nói chưa bỏ Tiểu tâm.

Hỏi: Đại phẩm giao phó tài sản định ở trước Pháp Hoa phải không?

Đáp: Phần đầu rõ ràng ở trước Pháp Hoa, vì sao biết? Vì luận Trí

Độ chép: Đức Phật mười hai năm đầu chưa chế giới đã nói Bát-nhã. Kinh Nhân Vương chép: Phật thành đạo hai mươi chín năm mới nói kinh Bát-nhã. Kinh này nói hơn bốn mươi năm mới nói Pháp Hoa, cho nên biết Đại Phẩm phần đầu ở trước Pháp Hoa.

Ngài Long Thọ giải thích Phẩm Nhất định rằng: Tu-bồ-đề nghe trong Bát-nhã nói về Bồ-tát có lui sụt. Lại nghe kinh Pháp Hoa chép: Tất cả đều thành Phật. Do hai kinh trái nhau cho nên quyết chọn nơi Phật. Do đó hỏi rằng: Bồ-tát ấy là nhất định hay không nhất định? Đức Phật đáp: Bồ-tát ấy là nhất định, tức lấy Pháp Hoa làm thật nói, nếu vậy thì phần sau Đại Phẩm ở sau Pháp Hoa. Cho nên Long Thọ chép: Bát-nhã chẳng phải một hội một thời nói.

“Lại trải qua ít lâu sau”: là rèn luyện tiểu tâm. Sở dĩ phải nói thí dụ đây là vì Nhị thừa nghe Đại Phẩm đã không ngộ, vì sao đến thời Pháp Hoa mới giải ư? Cho nên cần nói về Đại Phẩm về sau các kinh Phương Đẳng rèn luyện tâm kia, khiến cho Tiểu tâm dần dần ưa thích đại đạo, đến thời Pháp Hoa mới được tỏ ngộ.

Hỏi: Phẩm này từ đầu đến cuối nói về bao nhiêu giáo ư?

Đáp: gồm có năm cặp mười giáo: Đốn tiệm một cặp: trước hóa độ con không được gọi là Hoa Nghiêm đốn giáo. Từ đội nước lạnh vào mặt dụ nói thừa trời người đến giáo Pháp Hoa gọi là tiệm nói Đại thừa tức đốn tiệm một cặp. Đốn giáo hóa thẳng đến Bồ-tát tiệm giáo hóa chung hai loại Bồ-tát. Trong phẩm này nói về chánh hóa người hồi Tiểu nhập Đại: Y cứ vào Tiệm giáo thừa trời người gọi là giáo thế gian, từ thuê con hốt phân đến hết Pháp Hoa là giáo xuất thế gian, tức một cặp thế, ra đời. Căn cứ theo xuất thế gian thuê con hốt phân dụ gọi là giáo Tiểu thừa giao phó tài sản gọi là giáo Đại thừa, tức một cặp Đại Tiểu. Trong giáo Đại thừa giao phó tài sản, bảo rèn luyện tiểu tâm này là hai mật giáo Thanh Văn, Pháp Hoa trở đi là hiển giáo Thanh văn gọi là một cặp hiển mật. Căn cứ theo Mật giáo giao phó tài sản, bảo nói khiến người Tiểu thừa nói Đại pháp để hóa độ người Tiểu thừa gọi là tự giáo, rèn luyện tiểu tâm nói về người Đại thừa nói đại pháp để giáo hóa người Tiểu thừa gọi là tha giáo tức tự tha một cặp. hai giáo tự tha gọi là thâm giáo, Phó chúc gia nghiệp là hiển giáo. Năm cặp mười giáo đây chẳng những lãnh Thích-ca nhất hóa mà còn nhiếp chung pháp môn của Chư Phật mười phương.

Hỏi: Ban đầu giáo hóa cùng tử không được, phải dùng bao nhiêu thứ giáo môn điều phục tâm kia sau được nhập Pháp Hoa?

Đáp: Ban đầu giáo môn Hoa Nghiêm đây dạy thẳng đến Bồ-tát

khiến nhập Phật thừa, từ Hoa Nghiêm về sau dựa theo ý phẩm này từ đầu đến cuối gồm có bốn giáo điều phục người hồi Tiểu nhập Đại mới được nhập nơi tuệ Phật.

Nói bốn giáo:

1) Nước lạnh dội vào mặt tức giáo trời người, khiến cho kia ba lìa đường ác.

2) Thuê con hốt phân nói Giáo Nhị thừa khiến lìa phiền não phàm phu.

3) Giao phó tài sản, mật hóa.

4) Rèn luyện tiểu tâm.

Hai thí dụ này để giáo hóa Nhị thừa đồng khiến lìa phiền não của Nhị thừa. Sở dĩ chỉ nêu hai dụ này, vì đại pháp hóa gồm có hai môn:

1) Khiến người Tiểu thừa nói Đại thừa để hóa độ người Tiểu thừa, thì giáo giao phó tài sản gọi là tự giáo.

2) khiến Đại sĩ nói Đại mà hóa người Tiểu, nghĩa là từ Đại Phẩm về sau các kinh Phương Đẳng gọi là tha giáo. Trong tất cả Đại thừa chỉ có hai việc này cho nên dùng hai việc này điều phục tiểu tâm kia rồi sau đặc ngộ Nhất thừa.

Hỏi: bốn giáo này điều phục tiểu tâm đặc ngộ Nhất thừa, thì bốn giáo này đều là phương tiện nhập Nhất thừa, nếu vậy bốn giáo lẽ ra đều là phương tiện nói giáo?

Đáp: Không đúng! hai giáo trước là giáo phương tiện cho nên mượn giáo phương tiện ngộ nhập Nhất thừa, thì dùng giáo phương tiện là Nhất thừa phương tiện, hai giáo sau đều là Đại thừa tức là giáo chân thật, chỉ mượn giáo chân thật ngộ nhập Nhất thừa, cho nên dùng giáo chân thật làm phương tiện nhập Pháp Hoa.

“Cha biết ý chí con lần đã thông thái:” là thí dụ giao cho gia nghiệp. Văn chia làm ba:

1) Cha biết con có chí lớn.

2) Chánh uỷ phó gia nghiệp.

3) Lãnh giải vui mừng.

Đầu có hai câu: Câu một nói đại căn cơ động. Câu hai: tự chê tâm ngày trước: nói Tiểu tâm thay đổi khác với trên trong giao phó tài có hai:

1) Không lấy đại.

2) Không bỏ tiểu.

“Đến giờ sắp chết ông gọi con đến”: là chính là nói Pháp Hoa, văn chia làm bốn:

- 1) Nói về thời gian.
- 2) Nhóm chúng chứng minh.
- 3) Kết hợp cha con.
- 4) Giao cho gia nghiệp.

“Đến giờ sắp chết”: là thời gian giao phó tài sản. Xưa chép: đức Như lai ba mươi tuổi thành đạo tám mươi tuổi diệt độ thời gian năm mươi năm nói, kinh đây gần dẫn đến Niết-bàn, cho nên Phẩm Vô Lượng Thọ chép: Nơi Thành Già-da thành đạo đến nay hơn bốn mươi chín năm. Các Sư đều nói bốn mươi chín năm nói kinh Pháp Hoa. Nay nói về nếu nói Pháp Hoa chắc là bốn mươi chín năm thì Đức Phật chẳng phải mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo. Làm sao biết? Nếu mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo thì từ lúc xuất gia về sau trải qua mười hai năm mà Kinh và Thích Luận nói đêm Thái tử vượt thành xuất gia là La-hầu-la đản sanh; nếu vậy vì sao biết mười hai năm ư! Lại các kinh đều nói sáu năm khổ hạnh, nếu mười hai năm thì trong thời gian đó làm gì? Lấy đây mà suy ra thì chẳng phải mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo, nếu chắc mười chín tuổi xuất gia thì hai mươi lăm tuổi thành đạo, Phẩm Tuổi thọ lẽ ra nói hơn năm mươi năm không nên nói hơn bốn mươi năm. Nay y Thích Luận dẫn Kinh nói ta năm hai mươi chín tuổi xuất gia, nếu vậy tức ba mươi lăm tuổi thành đạo, mà phẩm Thọ Lượng nói hơn bốn mươi năm tức hợp với văn kia. Nếu nói Kinh Giáo khác nhau thích hợp duyên mà thấy thì đây là thời gian không nhất định. Đã gần đến Niết-bàn như nghĩa qua đời.

“Ông gọi người con đến”: là nhóm chúng chứng minh tức trong phẩm Tựa nêu các việc. Nhóm họ chúng Nhị thừa như gọi con đến, Kinh này phần đầu chính vì Thanh văn cho nên nói vì các Thanh văn nói Kinh Đại thừa tên là “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp”. Vì thế nói là gọi người con đến. Lại nữa, Phật xuất định bảo Xá-lợi-phất tức là gọi người con đến. “Và hội cả thân tộc”. Quốc Vương: Là Đa bảo phân thân. Đại thân: Là các chúng Bồ-tát. Sát lợi: chúng chư thiên. Cư sĩ: Là vua người v.v... không nêu chúng Thanh văn: tức gọi con đến là chúng Thanh văn.

“Ông liền tự tuyên bố rằng:” là kết hợp cha con chính là nói Pháp Hoa. Văn có ba câu:

- 1) Đầu tiên là cha con.
- 2) Giữa đường lạc nhau.
- 3) Cha tìm được con.

Đây là nói lược mười thí dụ ba việc từ đầu đến cuối. “Người này

là con ta.” Là nói Thanh văn vốn là Phật tử. “Của ta sanh ra: Ngày xưa, vì nói giáo Đại thừa sanh hiểu biết Đại thừa tức lấy câu sau giải thích trên nói là con. “Ngày trước trong thành nọ”: là nói giữa đường lạc nhau. “Trôi nổi khổ sở”: là tu hành không chánh đáng. Hơn năm mươi năm: là lưu lạc trong năm đường và Tu-la “Nó vốn tên ấy”: nghĩa là xưa thọ hóa xưng tên. Ta tên ấy: là xưa năng hóa xưng tên ấy. “Xưa ta ở thành này lòng lo lắng tìm kiếm”: là nói tìm được con: Câu đầu nói không được, xưa lý pháp Đại thừa gọi là thành này cũng là quê cũ suy tìm đại căn cơ cũng chưa thuần thực. “Bỗng ở đây gặp được nó”: là chính nói về được con”. Nó thật là con ta ta thật là cha nó.

Hỏi: Trên đã nói đây là con ta do ta sanh ra, nay vì sao lại còn nói ư?

Đáp: Thanh Văn vốn chẳng phải hạt giống Phật nay bỗng nói là con thì dường như phương tiện nói cho nên lập lại có lời nói thật, lại trước nêu ban đầu làm cha con nay muốn giao phó tài sản cho con nên lập lại nói thật là con ta.

“Nay ta có...” là chánh giao cho gia nghiệp. Tức lãnh trên trao ký cho Thân tử, đạo hợp căn cơ thuần thực nghĩa là cha con định pháp tài đại nghiệp thấy đều giao phó. Các duyên khác chúng sanh một hiểu một mê hoặc đều giao lại cho người nối tiếp, cho nên nói trước đây của cải cho ra thân vào con ta đây coi biết, lại trước đây của cải cho ra thân vào chính chỉ cho thời Đại Phẩm. Lúc bấy giờ tuy bị thân vào xuất ra con chưa biết biết là việc của mình. Nay biết cho nên nói con ta đây trông coi.

“Khi đó gã cùng tử v.v...” là lãnh giải hoan hy.

Ông Trưởng giả giàu có đó v.v... là hợp thí chỉ hiệp năm thí dụ.

- 1) Làm cha con.
- 2) Giữa đường thất lạc.
- 3) Dẫn dụ trở về nhà.
- 4) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.
- 5) Gửi gắm gia nghiệp.

Sở dĩ chỉ hiệp năm: Vì ban đầu làm cha con là kết duyên ban đầu cho nên phải hiệp. Trái hóa bị lưu lạc trong sanh tử, vì giữa đường thất lạc cũng phải hợp, ba thí dụ sau là đức Thích-ca một kỳ ra đời đại tiểu hiển mật giáo môn đầu cuối cũng cần phải hiệp, các thí dụ khác đã hiển rõ không cần hợp. “Thế tôn! Ông phú Trưởng giả đó”: là hiệp nghĩa cha chúng con đều giống như con của Phật: là hiệp nghĩa con. Bồ-tát là con chân thật Nhị thừa chẳng phải con chân thật cho nên nói giống như. Lại

quá khứ mới học Đại thừa địa vị tu hành còn nông cạn cho nên nói đều giống như con Phật, nếu được chân thật vô sanh mới là con thật. “Như lai thường nói chúng con là con”. Giải thích trên nói đều giống như con Phật. Như lai thường nói chúng con là con; chẳng phải con tự xưng. Lại Phật nhãn chiếu biết chúng con trước bầm thọ Đại thừa mà trái hóa nên vào trong năm đường, nay lại được ngộ tuy còn mê ngộ luân hồi mà chưa bao giờ chẳng phải con nên nói là thường thuyết.

“Thế tôn! Chúng con vì ba thứ khổ”: là hợp thí dụ giữa đường thất lạc. Trái lý Đại thừa về sau gồm có hai việc:

1. Thọ khổ ba cõi.
2. Ưu đấm Tiểu thừa.

Cho nên, luận Trí độ chép: Bồ-tát thoái có hai việc:

1. Tham ba cõi.
2. Ưu Tiểu thừa.

Vì ba món khổ tức tham đấm ba cõi nên thọ ba khổ. Nói ba khổ:

1. Khổ khổ.
2. Hoại khổ.
3. khổ Hành.

Có người chép: Khổ thọ là khổ trong khổ nên lặp lại tên khổ. Có người nói tâm là thể khổ, duyên bức ngặt sanh khổ, thể đầy đủ hiệp nói nên gọi là khổ khổ. Các sự phân theo Luận Tỳ-đàm chép: cõi Dục là khổ khổ, cõi Sắc là khổ hoại, cõi Vô sắc là khổ hành. cõi Dục tuy đủ ba khổ nhưng cõi Dục có khổ thọ nên gọi là khổ khổ, cõi Sắc không có ngoài ép ngặt khổ sanh chỉ có khổ khi quả báo hoại, cõi Vô sắc chẳng những không có ngoài ép ngặt khổ mà quả báo hoại giữ khổ cũng không hiển chỉ có vô thường sai khiến nên khổ. Xét rằng có nặng thì có nhẹ, thì cõi Dục đầy đủ ba khổ, cõi Sắc đủ hai khổ, cõi Vô sắc chỉ 1 khổ. Luận Câu-xá căn cứ ba thọ giải thích ba khổ, khổ thọ là khổ khổ, do khi khổ thọ sanh, khổ khi khổ trụ, do hai thời khổ nên thọ trọng khổ gọi là khổ khổ; lạc thọ là khổ hoại, do khi lạc thọ sanh khi không khổ trụ thì không khổ, chỉ hoại thì khổ cho nên gọi khổ hoại. Xả thọ gọi là khổ hành, xả thọ ba thời khổ đều không hiển rõ chỉ có vô thường, ép ngặt cho nên nói khổ hành. “Mê hoặc không hiểu biết”: là ưa Thích-các pháp Tiểu thừa. Khi còn phàm phu thọ ba khổ mà không biết ra khỏi, nay nhằm chán ba cõi không cầu Đại thừa mà ưa đấm Tiểu thừa. Sở dĩ đấm ưa Tiểu pháp: chính là do mê hoặc không biết cho nên như.

“Ngày nay đức Thế tôn”: là hợp dẫn dụ trở về nhà. Trên có hai:

1. Lãnh hai giáo.

2. Lãnh hai thân, nay vẫn chuyển thế hiệp, chỉ lãnh giáo, không còn lãnh thân.

Căn cứ lãnh giáo chia làm hai:

1. Chánh lãnh quyền giáo.
2. Giải thích nghi.

Lãnh quyền giáo trên có bốn, nay chỉ hiệp nói giáo và tín nhận. Ban đầu vẫn hiệp trên nói giáo. “Chúng con ở trong đó v.v...” là hiệp trên tín nhận. “Nhưng đức Thế tôn...” là giải thích nghi, nghi rằng đã là cha con ân tình, vì sao chỉ khiến hốt phân không cho sự vui mầu nhiệm vì vậy nên giải thích rằng Đức Phật biết tâm ưa thích Tiểu thừa, không thọ đại hóa, vì thế Phật không nói Đại thừa cho nghe mà trao cho Tiểu giáo. Văn này có hai ý: Biết căn tình nên ẩn đại không nói. “sẽ có phần bảo tàng” tức kinh Niết-bàn dụ cô gái nghèo, kho báu v.v... “Dùng năng lực phương tiện:” là nói trao Tiểu thừa. “Nói bày trí tuệ của Như lai”: trí tuệ Như lai tức là Nhất thừa cho nên đối với nhất Phật thừa phân nói riêng ba. “Được giá một ngày” là Tiểu thừa quả thấp như một năm làm thuê một ngày thù lao trả công.

“Chúng con lại nhân trí tuệ của Phật”: là hợp thí dụ giao phó tài sản hóa. Trên có cha giao phó và con thọ nhận nay chỉ hiệp con thọ. Trong con thọ đầy đủ hợp lãnh cha nói không biết ý cha. “Dùng năng lực phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp”: là nói thời trước giao phó tài sản. Đức Phật biết con ưa tiểu pháp không được hiển giáo Đại thừa nên chỉ được dùng năng lực phương tiện mật hóa.

“Ngày nay chúng con mới biết đức Thế tôn v.v...” hợp thí dụ phó chúc gia nghiệp. Văn trên có ba:

1. Biết con có chí lớn.
2. Trao cho gia nghiệp.
3. Lãnh giải vui mừng.

Nay chỉ hiệp hai: Nghĩa là trao cho gia nghiệp và được gia nghiệp vui mừng. “Mới biết đức Thế tôn đối với trí tuệ của Phật không có lẫn tiếc: Xưa thấy Phật riêng dùng tuệ Phật vì Bồ-tát nói, không vì Nhị thừa nói thì cho rằng Phật đối với Nhị thừa lẫn tiếc trí tuệ, nay được lãnh ngộ mới biết Phật không lẫn tiếc. Vì sao? Là nêu ba việc giải thích Phật không lẫn tiếc:

1. Con xưa có đại căn cơ liền vì nói đại, do xưa không có đại căn cơ nên Phật không vì nói đại là biết Phật xưa không lẫn tiếc.
2. “Trong kinh này chỉ nói Nhất thừa”, do Phật nay vì con nói Nhất thừa cho nên biết Phật không lẫn tiếc.

3. Mà xưa Phật ở trước Bồ-tát chê trách Thanh văn”: Nói xưa khen ngợi đại quả trách tiểu tức vì con nói pháp Nhất thừa, chỉ vì con không biết cho rằng Phật lẫn tiếc. “Vì thế nên chúng con nói v.v...” là hợp thí dụ lãnh giải vui mừng.

Như chỗ nên đắc của Phật tử đều đã đắc: sở đắc của Phật tử gồm có ba việc:

1. tâm Bồ-đề.
2. hạnh Bồ-tát.
3. Vị lai đắc Phật đạo, nay đều được đầy đủ ba việc.

Bấy giờ, ngài Ma-ha Ca-diếp v.v... nói kệ.

Hỏi: Vì sao văn xuôi ở đầu nêu Thiện cát nay lại nói Ca-diếp nói kệ ư?

Đáp: Thiện Cát Ca-diếp đều có 1 khả năng, Thiện Cát có công chuyển giáo, Ca-diếp có dụng trì pháp do đó hai người trước sau nêu xen lẫn.

Hỏi: Đại Phẩm không nói về Ca-diếp chuyển, nay trong kệ vì sao Phật bảo chúng con nói đạo tối thượng ư?

Đáp: Trên đã thông, lại Ca-diếp, Thiện Cát khác miệng đồng lời, Ca-diếp nói kệ tức Thiện Cát nói.

Lại nữa luận Trí Độ nói Bát-nhã có hai thứ:

1. Nói riêng cho Bồ-tát.
2. Vì Ba thừa cùng nói.

Đại phẩm thì nói là cùng nói, Ca-diếp tuy không nói mà đại loại cũng như Thiện Cát cho nên được gọi là Ca-diếp nói.

Hỏi: Nghĩa xưa cũng nói về Đại Phẩm là giáo giao phó tài sản có gì khác với nay?

Đáp: Có ba thứ khác:

1. Xưa chỉ nêu Đại phẩm là giao phó tài sản không hợp cha con, nay nói về Đại Phẩm có giao phó tài sản có hợp cha con. Nói hợp, như trên dẫn việc Tất định để giải thích.

2. Xưa nói về Đại Phẩm cạn Pháp Hoa sâu, nay nói về hai kinh không khác, chẳng những hai kinh không khác mà tất cả kinh Đại thừa đồng nói một đạo đồng vì Bồ-tát như Trưởng giả gia nghiệp từ đầu đến cuối không khác, chỉ nói chẳng phải con đúng là con là có khác.

Hỏi: Tức nói con là sâu không nói là cạn vì sao không khác?

Đáp: Vốn dùng Trưởng giả gia nghiệp dụ cho lý Đại thừa, gia nghiệp đã chẳng khác thì biết lý Đại thừa không khác, nhưng Nhị thừa tại hội Bát-nhã đại căn cơ chưa thuần thực cho nên không được nói là

con như năm trăm Thanh văn ở tòa Hoa Nghiêm không được nói kia là con, có thể nói Hoa Nghiêm cạn Pháp Hoa sâu ư? 3/ Pháp Hoa, Bát-nhã như nhãn và mục hai tên khác: Pháp Hoa hợp cha con tức là Bát-nhã hợp cha con.

Kệ có bảy mươi ba hàng rưỡi tụng lại hai đoạn văn xuôi:

1. Hai bài đầu tụng pháp nói.
2. Kế bảy mươi mốt bài rưỡi tụng thí nói.

Trong pháp nói có hai:

1. Nêu xưa mê.
2. Trình bày nay ngộ, nay chỉ tụng ngộ không tụng mê.

Hai bài kệ chia làm hai: kệ đầu nói nghe pháp nên vui mừng. Kệ kế nêu thấy người được thọ ký nên vui mừng, cũng đầu là hiện vui mừng sau là dự vui mừng.

“Ví như gã đồng tử v.v...” tụng thí nói. Trong văn có ba:

1. Xin nói.
2. Khai thí.
3. Hiệp thí. Nay chỉ tụng hai thứ sau.

Khai thí có mười, nay chỉ tụng tám thí dụ, không tụng đội nước vào mặt và rèn luyện tiểu tâm. Trên nêu cha con có bốn phen: Đầu nêu con có ba nghĩa:

1. Nghĩa làm con.
2. Giữa đường thất lạc.
3. Con dần hồi trở về quê, nay tụng đủ, chỉ giống như tùy theo trên chuyển thế là khác.

Ban đầu nói về con có hai nghĩa:

- 1) Lúc làm con.
- 2) Khi thất lạc cha.

Con dần hồi trở về quê tụng ở sau. Nửa bài đầu nói về làm con. Đồng tử: là dụ cho sơ phát tâm Bồ-đề. Thơ bé: là nêu gốc lành yếu đuối, không biết: là ở trên nói hiểu Tiểu thừa, nay nói hoặc nhiều. Kế một hàng tụng giữa đường thất lạc. “Cha già con lòng buồn nhớ” là tụng về cha ở trên. Văn xuôi nói cha có ba:

- 1) Khi làm cha.
- 2) Khi lạc con.
- 3) Trong nước đó dừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con.

Nay kệ vì giống như thuận theo nên vượt lên tụng lặp lại nói về cha vào nhà lửa. Nay văn tụng chia làm bốn: ba văn như trên. Thứ tư là khổ nhớ con. Hai chữ “cha già” tụng trên là nghĩa cha. Buồn nhớ v.v...

là tụng trên lạc con. bốn phương: là bốn loài. Con lạc cha mà gọi là năm đường, cha lạc con là căn cứ bốn loài bởi xen lẫn hiện văn! “Tìm kiếm đó đã mỗi v.v...” tụng trên: đừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con, Văn xuôi có bốn:

- 1) Hóa xứ.
- 2) Hóa chủ.
- 3) Giáo môn:
- 4) Đồ dùng, nay tụng đủ.

“Liên nghỉ ở một thành” là tụng hóa xứ. “Xây dựng nên nhà cửa” là nêu thùy ứng thành Phật tụng hóa chủ. Không làm mà chẳng phải không làm nên nói xây dựng, che phủ chúng sanh gọi là nhà, lại thùy ứng tự ở cũng là nhà, năm đường đều hóa cạn sâu tùy căn cơ gọi là năm dục, đến nhân gian độ chúng sanh gọi là lạc là tự vui. “Nhà ông giàu có lớn v.v...” là khen ngợi hóa chủ. Văn này đại ý đối với con thất lạc cha nên nghèo cùng, khen ngợi cha thất lạc con mà giàu có. Nói Thanh văn mất Đại thừa nghèo cùng, Phật đắc Đại thừa nên giàu sang, do sự khen chê này khiến chúng ưa Đại mà chê Tiểu.

Chấp văn chia làm ba:

- 1) Nêu cha giàu có lớn.
- 2) Khen ngợi cha sang trọng.
- 3) Kết thúc cả hai nghĩa giàu và sang.

Giàu và sang mỗi thứ đều nói ba việc: ba việc giàu là:

- 1) Trong nhiều châu báu.
- 2) Ngoài nhiều voi ngựa xe cộ ruộng đất và tôi tớ nhân dân.
- 3) Xuất nhập thâu lời lãi đến khắp các nước khác.

Nay tán thán trong giàu tức là trong đầy đủ các đức. “Voi ngựa trâu dê v.v...” đây khen ngợi ngoài giàu gọi là giáo môn. Tôi tớ nhân dân v.v... cũng là khen ngợi ngoài giàu nghĩa là đồ chúng được hóa. Xuất nhập thâu lời lãi: Trên nêu giàu một nước, nay nói giàu khắp các nước, cũng là nghĩa các chúng được độ của đức Thích-ca. “Khách thương người buôn bán”: Người buôn bán gọi là hành thương, ngôi buôn bán nghĩa là người bán vật, người buôn bán nghĩa là người mua vật. Ở đất Trường An gọi buôn bán là cổ.

“Ngàn muôn ức chúng hội...” là khen ngợi cha sang cũng có ba việc:

- 1) Nửa hàng là nói về chúng gần gũi.
- 2) Nêu Phật mười phương nhớ tưởng.
- 3) Nửa bài nêu mười phương Bồ-tát đồng tôn trọng.

“Vì có các sự duyên...” một hàng tổng kết nghĩa giàu sang. Vì giàu sang đầy đủ nên người qua lại rất đông, phó duyên là qua, thọ đạo là lại. Số kia nhiều như cát bụi nên gọi là chúng. “Mà tuổi đã già nua lại càng buồn nhớ con”... là tụng ở trên lập lại nghĩa cha.

Trên có hai chương:

- 1) Khổ nhớ con.
- 2) Vui nếu được con, nay chỉ tụng chương đầu.

“Bấy giờ già cùng tử...” là lập lại tụng con. Văn xuôi nói về con có ba nghĩa:

- 1) Làm con.
- 2) Lạc con.
- 3) Dẫn trở về quê.

Ban đầu đã tụng hai thứ kia, nay kế tụng thứ ba con dẫn hồi về quê. Sở dĩ trở về ở đầu mà đặt ở nay tụng là muốn nói có gần xa ba thời:

- 1) Hưởng về nước.
- 2) Đến thành.
- 3) đến nhà.

Vì giống như tùy theo cho nên chuyển thế tụng. Nửa trên tụng đầu là rong ruổi bốn phương để tìm cầu ăn mặc” là tụng hưởng về nước; “Từ ấp này đến ấp khác” là kệ tụng đến thành, nhưng gốc lành có hai thứ:

1) Loại bằng nhau sanh nhau như từ ấp này đến ấp khác từ nước này đến nước nọ.

2) Loại cao hơn sanh nhau như từ ấp đến nước. Văn xuôi hiển rõ loại cao hơn, nay nói về loại bằng nhau. “Hoặc có khi được của hoặc có lúc không được”, hành thiện nhân đắc thiện quả là có khi được hành nhân vô ký không đắc quả gọi là có lúc không được, lại định đắc quả là có khi được, duyên sai khác không đắc quả gọi là có lúc không được. “Đói thiếu hình gầy ốm”; ưa quả không được đầy đủ gọi là đói khát, phước nhân không thể tự mạnh gọi là gầy gò. “Thân thể sanh ghẻ lác”: trên là nói thiện ít, nay nói hoặc nhiều, ngoài thì bị sự chê bai, trong thì bị các hoặc che lấp.

“Lần hồi làm thuê mượn”: v.v.... cha con thấy nhau dụ có hai:

- 1) Tụng con thấy cha.
- 2) Tụng cha thấy con.

Trong phần con thấy cha văn xuôi có ba:

- 1) Nêu lý do thấy cha.
- 2) Chính là nói về thấy cha.

3) Tâm sợ hãi đi tránh, nay tụng đầy đủ.

Lúc ấy ông Trưởng giả... Tụng chánh thấy cha... văn xuôi có sáu câu: nay chỉ tụng ba:

- 1) Một hàng tụng hóa chủ.
- 2) Nửa hàng tụng đồ chúng.
- 3) Một hàng tụng giáo môn.

Đây là nói pháp chân chân thật cho người nghe vì thế ba việc nên tụng. Trong môn: khí lý trống rỗng thông suốt gọi là môn cửa Trưởng giả đã ở trong cửa nói lên lý cùng tử ở ngoài. “Quyển thuộc đều vây quanh”. Tụng văn xuôi nói Bà-la-môn là người đấng Địa trở lên. “Đông người đứng hầu hà: tụng văn xuôi nói lại dân và tôi tớ là người Địa tiền. “Hoặc có người tính toán”. Là nói giáo môn chẳng phải Trưởng giả tự tính toán chính là người sai khiến. Khi mới thành đạo bảy xứ tám hội gia bị Bồ-tát nói tức là việc ấy. Tính toán: nói về nghĩa nhiều ít, như năm mươi hai vị sâu cạn khác nhau, lại như sơ địa trăm pháp minh môn, Nhị địa ngàn pháp môn... chú ký (biên chép): hiện tại hành nhân, vị lai đắc quả. Tính toán: là nói về nói pháp. Biên chép: gọi là thọ ký. “Cùng tử thấy cha v.v...” là tụng con thấy cha tâm sợ hãi trốn đi”. Hỏi thăm xóm nghèo nàn: “lúc bấy giờ, Đức Phật chưa nói giáo cho trời người, chỉ có căn cơ trời người xin Phật nói giáo cho trời người như hỏi thăm xóm nghèo nàn. “Lúc bấy giờ Trưởng giả v.v...” tụng cha thấy con.

Trên có ba câu:

- 1) Chỗ thấy con.
- 2) Thấy con liền biết.
- 3) Thấy con vui mừng.

Nay chỉ tụng hai không tụng thấy con vui mừng. Khi mới thành đạo chưa nói là con cho nên nói im lặng mà biết.

“Ông liền sai sứ giả v.v...” Tụng thí dụ gọi con không được. Trên có hai:

1) Gọi con không được.

2) Dứt hóa. Nay chỉ tụng trên gọi con không được, trong đó lại có hai: a) Chánh gọi con không được. b) Bắt ép lôi kéo đem về. Nay chỉ tụng đầu, nửa hàng chánh là gọi con, một hàng rưỡi tụng không có căn cơ không thọ. “Cần gì đồ ăn mặc khiến tôi đến thế này”. Cần gì vui cõi trời người tiểu thiện mà khấu lấy đại thánh.

“Trưởng giả biết con mình...” là dẫn dụ đem về nhà. Trên có hai:

- 1) Lãnh hai giáo.
- 2) Lãnh hai thân.

Nay tụng đủ. Trong hai giáo có bốn: nay chỉ tụng hai:

- 1) Ba hàng tụng nói giáo.
- 2) Một bài tụng tín nhận.

Ba hàng đầu chia làm hai:

- 1) Một hàng nói không có đại căn cơ.

2) Hai hàng chính là nói Tiểu giáo. “Chẳng chịu tin lời ta v.v...” không tin thật giáo. “Chẳng tin ta là cha v.v...” là không tin thật thân. “Ông liền dùng phương tiện...” nói Tiểu giáo. Trước đã sai người hầu bên gọi con không được nên nói lại sai hai người khác. “Mắt chột thân lùn xấu”: là dụ Nhị thừa thấy không, hữu đều không đúng. Kinh Niết-bàn nói thấy Bồ-tát có tám tướng thành đạo gọi là Nhị thừa thấy xiêu vẹo nghĩa là thấy có không đúng. Lại nói nếu dùng tâm Thanh văn Bích-chi-phật nói không bố thí gọi là phá giới tà kiến nghĩa là thấy “không” chẳng đúng. Chỉ vượt qua ba trăm do tuần chí không xa nên gọi là lùn, không đặc Trung đạo chánh quán chỉ là dứt tâm thường hành gọi là (lậu) xấu.

Ngoài không có công cứu vật như không có oai, trong không có tâm cứu vật gọi là không có đức. Luận Nhiếp Đại thừa nói Nhị thừa không có ba đức:

- 1) Không có đoạn đức, chỉ dứt hoặc chướng không trừ trí chướng
- 2) Không có trí đức nghĩa là không có Nhất thiết trí.
- 3) Không có ân đức, là không thể cứu khắp chúng sanh. “Gã cùng tử nghe rồi...” tụng tín nhận ở trên.

“Sạch sẽ các phòng nhà”: sáu căn chẳng phải một như các phòng nhà, trừ phiền não trong sáu căn như sạch sẽ. “Trưởng giả trong cửa sổ v.v...” Tụng trên hai thân: Trên có bốn:

- 1) Chiếu căn cơ.
- 2) Ẩn bốn, thù tích.
- 3) Nói giáo.
- 4) Được lợi ích, nay tụng ba trước không tụng một sau.

Hàng đầu tụng thứ nhất, kế kệ tụng thứ hai. “Phương tiện lần gần gũi: “tụng nói giáo thứ ba. Trên có bốn: khuyên răn, tăng giá, an ủi, khen ngợi. Nay chuyển thế cũng bốn ý: hai ý giống trên, thứ ba là nói khổ, thứ tư là nói dụ dàng. “Như con thật của ta...” lời xưa gọi ông là nhỏ “Và cho dầu xoa chân v.v...” Người nước ngoài làm việc chân hay bị nứt nên dùng dầu xoa, là dụ đặc sáu thông mà chân không đạp đất. “Đồ ăn uống đầy đủ thêm đệm chiếu đầy ấm”; Người làm việc chắc đói lạnh nay ban cho họ no ấm, định tuệ vô lậu như cơm áo, giới dùng

an thân như dày ấm.

Ông Trưởng giả có trí v.v... là giao phó tài thâm hóa. Trong văn có hai:

1) Cha giao phó.

2) Con thọ. Nay hai bài tụng, cha giao phó, một bài tụng con thọ. “Trải qua hai mươi năm...” Đắc quả La-hán sau mới bảo nói Bát-nhã, như hốt phân rồi mới giao phó tài, thì biết khi bảo nói còn trú nơi Nhị thừa nên nói trải qua hai mươi năm.

“Cha biết tâm của con...” là giáo phó gia nghiệp. Ở trên nói cha có ba:

1) Biết con có chí lớn.

2) Giao phó gia nghiệp.

3) Được giao nghiệp vui mừng.

Nay tụng đủ.

1. Nửa bài tụng thứ nhất.

2. “Muốn giao tài vật cho...” tụng giao cho gia nghiệp, trên có bốn:

a) Thời tiết gọi là lý do giao phó tài. b) Triệu tập chứng minh. c) Kết hợp cha con. d) Giao phó gia nghiệp, nay không tụng một trước chỉ tụng ba sau. Một hàng đầu tụng triệu tập chứng minh.

“Ở trong đại chúng này...” là tụng thứ ba kết hợp cha con, văn trên có ba:

1) Đầu làm cha con.

2) Giữa chừng thất lạc.

3) Lúc cha tìm được con, nay tụng đủ. Nửa bài tụng thứ nhất. Một hàng tụng thứ hai. Nửa bài nói về năm tuổi bỏ cha, nửa bài kệ dưới nói năm tuổi thấy con.

Hỏi: Bẩm thọ giáo trời người cũng là thấy con. Vì sao chỉ nói thực hành giáo Nhị thừa là hai mươi năm ư?

Đáp: Nhị thừa chính là Phật tử, trời người chẳng phải là Phật tử, cho nên trong năm thứ Phật tử gọi là bốn quả và Duyên giác không nói trời người.

“Xưa ở thành nọ...” là cha tìm được con, nửa hàng trên là nói về ngôi thành lạc con, nửa bài kệ dưới nói về nơi được con. “Phàm của cải ta có...” chính là giao phó tài vật.

“Người con nhớ xưa nghèo v.v...” là Được gia nghiệp vui mừng. Lại chia làm ba: Nửa bài đầu nêu xưa nghèo, kế hàng nêu nay giàu, nửa hàng sau nói vui mừng, ba môn đều có hai: Môn đầu có hai:

1. Xưa nghèo.

2. Ý chí thấp kém.

Môn có hai: nửa hàng đầu nói trong giàu, nửa hàng sau nêu ngoài giàu. Môn ba có hai:

- 1) Lòng rất vui mừng.
- 2) Được điều không hề có.

“Đức Phật cũng như thế” v.v... là hợp thí, trong văn xuôi hiệp năm thí:

- 1) Hiệp làm cha con.
 - 2) Hiệp giữa chừng thất lạc.
 - 3) Hiệp dẫn dụ trở về nhà.
 - 4) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.
 - 5) Hiệp giao cho gia nghiệp.
- Nay cũng hiệp năm chỉ chuyển thế tụng.

- 1) Hiệp dụ gọi con không được.
- 2) Hiệp dụ dẫn trở về nhà.
- 3) Hiệp giao phó tài vật mật hóa dụ.
- 4) Rèn luyện tiểu tâm.
- 5) Giao cho gia nghiệp.

Đầu văn có một hàng kệ: Nửa bài trên nói có tiểu căn cơ, nửa bài kệ dưới nêu không nói đại pháp. Văn kệ có một hàng: nửa hàng trên nói đắc tiểu pháp, nửa bài kệ dưới biện thành người Tiểu thừa. “Đức Phật bảo chúng con...” là giao phó tài thâm hóa. Nay căn cứ thí dụ này chia làm ba.

- 1) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.
- 2) Hiệp rèn luyện tiểu tâm.
- 3) Cùng nêu xưa Đức Phật không hiển nói Đại thừa.

Hiệp đầu văn chia làm hai:

- 1) một bài kệ hiệp cha giao phó tài.
- 2) Hiệp con thọ nhận.

Trong phần cha giao phó ấy: Nửa bài trên giao phó Bát-nhã là đạo trên hết, nửa bài kệ dưới nói tông giáo Bồ-tát chỉ Bồ-tát biện thành Phật, nói về Bồ-tát hiển giáo và thâm hóa Thanh văn đều thành Phật. Vì Đại Phẩm giáo tông chẳng phải ý Ba thừa thông giáo. “Chúng con vâng lời Phật v.v...” là tụng con thọ nhận. Trước văn có hai:

- 1) Lãnh cha nói.
- 2) Không biết ý cha, nay lãnh đủ.

Y cứ lãnh cha nói, lại chia làm bốn:

- 1) Một bài rưới chánh là nói nhận mệnh lệnh chuyển giáo.

- 2) Kế một bài là nói Bồ-tát ngộ đạo.
- 3) Một hàng nói Phật thọ ký cho Bồ-tát.
- 4) một bài rưỡi kết Đại Phẩm giáo chỉ nói cho Bồ-tát không nói cho Nhị thừa.

“Như gã cùng tử kia v.v...” có ba hàng tụng không biết ý cha, ba hàng tức ba:

- 1) Thí nói.
- 2) Hiệp thí.
- 3) Giải thích chẳng phải mong cầu.

“Chúng con diệt bên trong:” gồm có ba nghĩa:

- 1) Căn cứ Đại Tiểu thừa nói về trong ngoài. Đại thừa diệt đủ trong ngoài ba cõi, Tiểu thừa chỉ diệt trong ba cõi cho nên gọi là nội diệt.
- 2) Bồ-tát đến cứu giúp chúng sanh trong ngoài đều diệt, Nhị thừa chỉ diệt tự hoặc không diệt tha hoặc cho nên gọi là nội diệt.
- 3) Căn cứ dư, vô dư nói về diệt trong ngoài kiết nghiệp đã mất thì sanh tử vị lai tận, nhập vô dư thì đối ngoài sông núi mặt trăng mặt trời cũng tùy phần được diệt, nay trụ hữu dư chưa đắc vô dư nên nói nội diệt.

“Chúng con đâu có nghe pháp tịnh cõi nước Phật” v.v... là rèn luyện tiểu tâm. Văn chia làm hai:

- 1) Chấp chặt Tiểu thừa không ưa nhân Đại thừa.
- 2) Nói chấp chặt tiểu không ưa đại quả.

Sở dĩ chỉ nêu hai thứ này vì các kinh Phương đẳng, sau giáo Đại phẩm là rèn luyện tiểu tâm. Gồm có hai thứ:

- 1) Dùng nhân Đại thừa rèn luyện.
- 2) Dùng đại quả rèn luyện, cho nên nay chỉ nêu hai thứ.

Văn đầu chia làm hai:

- 1) Nói không ưa nhân Đại thừa.
- 2) Giải thích.

Hỏi: Vì sao văn này lại hợp thí dụ rèn luyện tiểu tâm?

Đáp: Chương trước nói về vì người khác nói Đại thừa. Văn này nói từ người khác mà được nghe Đại thừa cho nên biết là các kinh Đại thừa sau giao phó tài sản.

Vì sao? Kế giải thích không ưa Đại thừa. Không hề có Đại Tiểu, đây là người Thành luận nói Thanh văn là không, sư Thành Luận không thể theo ý này cho là xét rõ Đại thừa. Bởi trong giáo Tiểu thừa tự có hai nói. Tỳ-đàm nói ngộ người không chỉ đắc nông cạn, Thành luận ngộ pháp Không thì đắc sâu xa.

Hỏi: Thành luận cũng nói pháp không có gì khác với Đại thừa hay không?

Đáp: Nói lược bốn sự khác nhau:

1) Đại thừa nói về người pháp bốn tánh không, Tiểu thừa nói về phân tích pháp không, cho nên Đại thừa là chân không Tiểu thừa chẳng phải chân không, Phẩm Phương Tiện chép: Niết-bàn Tiểu thừa chẳng phải chân diệt, các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng, Niết-bàn Đại thừa mới là chân diệt, diệt đế tức không, diệt đã có chân, nguy không cũng vậy.

2) Tiểu thừa chỉ nói về người pháp không trong ba cõi, nghĩa không tức ngắn, Đại thừa nêu trong ngoài ba cõi đều không, nghĩa không tức dài.

3) Người Tiểu thừa chỉ thấy Không, chẳng thấy bất Không, người Đại thừa thấy đủ Không và bất không nên gọi là Trung đạo, do không có các hệ lụy chẳng thể nói có, có đối với các đức chẳng thể nói không, chẳng có chẳng không tức Trung đạo.

4) Người Tiểu thừa nhập không thì mất có, ra có thì mất không. Vì vậy, cho nên thủ xả hành tâm hai kiến đoạn, thường. Trung luận chép: Nếu có chỗ thọ pháp thì rơi vào đoạn thường, nên biết chỗ thọ Pháp hoặc thường hoặc vô thường, người Đại thừa không hoại giả danh mà nói thật tướng cho nên tức có mà thường không, không động chân tế mà kiến. Lập các pháp, tức không mà thường có nên không rơi vào đoạn thường gọi là trung đoạn quán.

Hỏi: Đại thừa ở địa vị nào được đều quán?

Đáp: Sư luận Thành Thật nói: Lục địa chưa đều, Thất địa học đều, Bát địa chân thật đều, nhưng kinh Anh Lạc nói: Sơ địa đã quán đều tức. Luận sư Thành Thật giải thích rằng: Phạm phu chấp có, Nhị thừa đắm chìm không, nay Sơ địa đối với chấp này cho nên nói đều, thật ra chưa đều quán. Tuy nói Bát-nhã đều nhưng chiếu trí Không cuối cùng tự bốn dứt. Trí xét hữu có muôn tượng khác nhau, Không hữu thường khác nhau, do đâu mà đều?

“Chúng con từ lâu nay...” là nghe quả đức của Phật không sanh tâm ưa thích. Văn có hai: Một hàng chánh là nói không ưa quả đức; kế ba hàng giải thích chấp tiểu, nên không ưa đại. ba hàng lại có ba ý:

1) Nửa bài cho rằng Tiểu thừa là rốt ráo công đức ngang bằng với Phật nên không thích đại.

2) Một hàng rười nói các việc làm đã xong nên không ưa Đại.

3) Một hàng nói báo ân đã xong nên không ưa Đại. Nương giáo

đắc quả là pháp cúng dường, hai bài trước nói việc làm đã rồi, đây nói ân báo đã trọn nên không cầu tiến. “Chúng con dẫu lại vì các Phật tử ấy...” giải thích phó chúc tài thâm hóa và rèn luyện tiểu tâm ý hai thí dụ. Văn chia làm hai:

1/ Một bài rưới lập lại thí dụ giao phó tài sản, lược không nêu rèn luyện tiểu tâm.

2/ Bài kệ thứ hai là nói Đức Phật xưa biết chưa có đại căn cơ chỉ được mật nói nên không hiển nói chỉ khuyên học Đại thừa.

“Như ông Trưởng giả giàu v.v...” bài tụng này nói về giáo phó gia nghiệp. Trong văn xuôi có hai:

1) Giao cho gia nghiệp.

2) Được gia nghiệp vui mừng, nay tụng đủ.

Tụng đầu giao cho gia nghiệp lại có hai:

1) Một hàng rưới nêu cả hai thí dụ.

2) Một hàng rưới hợp cả hai thí dụ. Sở dĩ hợp cả hai: đây là khai hai tướng nên nêu đầu để thành sau.

“Liên dùng năng lực phương tiện v.v...” Nếu chọn riêng tức là thí dụ thứ bảy dẫn dụ về nhà; nói thí dụ Nhị thừa gọi là phương tiện, cho nên trong văn chép: Muốn dẫn dụ người con mà lập ra phương tiện. Nếu luận chung phương tiện: từ Nhất thừa hóa liên không được nên sau dùng bốn giáo làm phương tiện, nghĩa là thừa trời người cho đến rèn luyện tiểu tâm, như trên giải thích. Lại hiệp bốn giáo này cũng được làm ba phương tiện.

1) Nhân thiên thừa gọi là phương tiện thế gian.

2) Nói Nhị thừa tức là phương tiện xuất thế gian.

3) Giao phó tài sản mật hóa rèn luyện tiểu tâm gọi là phương tiện Đại thừa, đây tức là ba phẩm hạ trung phương trên tiện điều nhu tâm kia rồi sau mới ngộ nhập Nhất thừa.

Hỏi: Đây cùng năm thời giáo thứ tư có gì khác nhau ư?

Đáp: Văn Pháp Hoa tự phân rõ điều này chẳng phải người xuyên tạc, mà không đồng với xưa. Xưa nêu Bát-nhã và các kinh Phương Đẳng đều kém hơn Pháp Hoa cho nên là phương tiện của Pháp Hoa, nay nói các Bồ-tát... trong Bát-nhã đều đã đắc ngộ, Thanh Văn độn căn nhờ Bồ-tát giáo làm duyên được ngộ nên nói phương tiện chẳng phải đại phẩm chưa cứu kính mà gọi là phương tiện. Cho nên văn trước chép: Bát-nhã là mật tạng của Chư Phật, chỉ vì Bồ-tát mà nói bày sự thật kia, tức kia làm chứng. Người của năm thời giáo cho rằng Phật trong các kinh Bát-nhã, Tịnh Danh, Pháp Hoa đều chẳng rốt ráo, nay nói về ba giáo Phật đều rất

ráo. Người khác chép: Hoa Nghiêm Nhất thừa, Pháp Hoa Nhất thừa sâu cạn có khác nhau, nay nêu hai thứ không khác, chỉ đầu nói Nhất thừa hóa con không được, sau nói Nhất thừa hóa con mới được, không được và được nghĩa có khác nhau, nói về lý Nhất thừa kia không khác.

“Đức Phật cũng như vậy v.v...” một hàng rười hợp cả hai thí dụ. “Chúng con ngày hôm nay v.v...” tụng trên lãnh giải vui mừng. Văn chia làm hai:

1) Một bài rười nói chung được lợi ích.

2) “Thế tôn nay chúng con ...” năm hàng rười nói riêng được lợi ích.

Văn này chia làm hai:

1) Ba hàng nêu được lợi ích pháp.

2) Hai bài rười nêu được lợi ích về người.

Ba hàng kệ đầu chia làm ba: Hàng đầu nói đặc tuệ lợi ích. Đắc đạo và chứng quả... xưa đắc đạo đạo đế, quả diệt đế, nay đắc Đại thừa đạo quả, như Đại Phẩm chép: pháp hữu là đạo Bồ-tát, là quán vô sanh diệt, pháp không là quả Bồ-tát nghĩa là thật tướng các pháp.

Hỏi: Vì sao gọi là quán vô sanh diệt?

Đáp: Xưa nói diệt hoặc sanh giải là quán sanh diệt, nay biết hoặc vốn không sanh cũng không diệt tức gọi quán vô sanh diệt tức là đạo quả.

“Đối với pháp vô lậu được tuệ nhãn thanh tịnh...” Ngày xưa hợp “Không” dứt hoặc, cho đến Tỳ-đàm thấy hữu dứt hoặc gọi là vô lậu, nay nói về Nhị thừa đều là tâm đoạn thường đều gọi là hữu lậu; nay được chánh quán bình đẳng mới là vô lậu gọi là nhãn thanh tịnh. Ngày xưa người Nhị thừa đoạn thường do tâm nên nhãn không thanh tịnh tại hội Hoa Nghiêm cũng như người mù điếc, nay được liễu ngộ đồng nhập pháp giới. “Chúng con từ lâu nay” v.v... là nói về đắc giới quả trước trì tịnh giới được tiểu giải thoát, nay ngộ Nhất thừa được đại giải thoát. Giải thoát là quả của giới cho nên lấy giải thoát làm giới quả.

Hỏi: Trước trì tiểu giới vì sao nay đắc đại quả?

Đáp: Đức Phật xưa khiến trì tiểu giới vì muốn chúng sanh ngộ đại cho nên tiểu giới là nhân ngộ, đại là quả. Như kinh Thắng-man chép: Vì Đại thừa nên nói sáu xứ gọi là Ba la Đề mộc Xoa xuất gia thọ giới cụ túc, chánh pháp trụ, chánh pháp diệt v.v...

“Trong pháp của Pháp vương...” có người nói lấy chung tất cả giới làm phạm hạnh, riêng gọi dứt dâm là phạm hạnh, cho nên Đại Phẩm chép: Dâm dục ngăn cản sanh Phạm thiên hưởng gì là Bồ-đề! Nay nói

trước đã nói về giới quả, nay nêu định quả, trước thực hành tiểu hạnh đến tiểu Niết-bàn, nay ngộ bình đẳng đến đại Niết-bàn. “Chúng con ngày hôm nay...” ba hàng trước tức là pháp ba học thứ lớp, nay nói về lợi ích cho người. Đầu tiên kệ nói quả trí nghĩa là vì người nói pháp, sanh tuệ cho người. Kế một hàng rưỡi nói quả đoạn, nghĩa là thọ sự cúng dường cả người khác sanh phước cho người. Lại trước kệ nói tự làm thí chủ pháp, chúng sanh làm ruộng phước, kệ sau nói về tự làm ruộng phước chúng sanh làm thí chủ, vì sao? Vì đầu xả Tiểu thừa đoạn thường nay tin Trung đạo có khả năng làm ruộng phước cho hai thừa trời người. Như Đại Phẩm chép: Thân Tử hỏi Bồ-tát trụ ở địa vị nào làm ruộng phước cho Nhị thừa. Đức Phật đáp: Từ khi sơ phát tâm đã làm ruộng phước cho Nhị thừa rồi.

“Ân lớn của Thế tôn...” là khen ngợi Đức Phật ân sâu khó báo. Kinh này từ đầu đến cuối có mười ân Phật:

1) ân kết duyên chung: nghĩa là Đức Phật khi mới phát tâm lập bốn mở rộng thệ nguyện, cho nên phẩm Phương Tiện chép: Ta xưa lập thệ nguyện, muốn cho tất cả chúng sanh như ta không khác, hàng ba căn Thanh văn nhập nguyện như biển của pháp môn này, đó gọi là ân kết duyên chung.

2) Ân kết duyên riêng: ở đời quá khứ vì nói Đại thừa từng làm cha con gọi là ân kết duyên riêng.

3) Ân tùy theo hóa: các con quán yếu điên đảo mạnh nên trôi dạt trong sanh tử xoay chuyển trong các nước trải qua hơn năm mươi năm, đức Như lai thuận theo sanh tử mà giáo hóa cho, nên nói “người cha lo lắng tìm cầu bốn phương”, gọi là ân tùy theo hóa.

4) Ân ẩn bốn thù tích: Như lai xưa chứng pháp thân thường lạc ngã tịnh vì các con có đạo duyên nên đến chỉ bày cho tu hành thành Phật, vì thế chép: trong nước đó dừng ở một thành để đợi con, gọi là ân ẩn bốn thù tích.

5) Ân tư duy cứu giúp: khi mới thành đạo ba tuần đầu suy nghĩ muốn cứu giúp, tâm đại bi sâu nặng, gọi là ân tư duy cứu giúp.

6) Ân bỏ sâu nói cạn: khi mới thành đạo đã biết chúng sanh không có khả năng thọ tuệ Phật sâu xa nên vì hàng trời người nói pháp nông cạn, tức có thể vì hạ hạ liệt để nói việc cao thượng này v.v... gọi là ân ẩn sâu nói cạn.

7) Ân quyền dẫn dụ: cởi áo quý giá mặc áo thô xấu, vì nói Nhị thừa dẫn ngộ nhập đại, đó là ân quyền dẫn dụ.

8) Ân giao phó tài sản mật hóa.

9) Ân rèn luyện tiểu tâm.

10) Ân giao cho gia nghiệp.

Văn chia làm hai:

1) Nêu hai chương làm ân và báo ân.

2) Giải thích hai môn, bài kệ trước nêu chương môn làm ân, nửa bài kệ sau là nêu chương môn báo ân. “Tay lẫn chân cung cấp” là giải thích. Trước giải thích báo ân vì kế cận nghĩa trước, kế giải thích ân.

Căn cứ đầu có hai:

1) Một hàng nói về cung kính, cúng dường. Nửa bài trên nói về cung kính, nửa bài kệ dưới nên cúng dường.

2) Một hàng là giải thích cung kính.

Kế ba hàng nêu giải thích cúng dường. Trong hai hàng rưỡi kệ nói rộng về nghĩa cúng dường, kế nửa hàng nói thời gian lâu xa đều không thể báo. “Chư Phật thật ít có v.v...” giải thích ân. Lại có hai: hai bài nêu ân thân thông luân, kế bốn hàng rưỡi nói về ân nói pháp luân. Lại trước là đại bi ân, sau là đại từ ân. Lại đầu là ân ẩn bốn thù tích, kế là ân ẩn thật giáo mà nói quyền giáo, ân tuy có mười mà lược gồm nhiếp không có nói hai thân bốn tích, hai giáo quyền thật. “Nhẫn việc cao thượng đó v.v...” Đức Phật từ lâu chứa nhóm Đại thừa vì chúng sanh độn căn cho nên bỏ qua không nói. Như Tịnh Danh chép: Đức Thích-ca ẩn chứa vô lượng công đức, dùng pháp người nghèo ưa thích để độ thoát chúng sanh.

Năm Giáp Ngọ niên hiệu Vĩnh nhân, hai mươi tám đời nối dõi từ mẹ ruột Đạo Tôn đến chị gái Diệu Pháp cùng con gái Kỷ thị, cháu gái Đồng thị hiệp sức đem khắc quyển nghĩa số vào ngày kỷ niệm thứ mười ba người mẹ lớn quá cố, hầu mong báo hiếu cho đến cầu nguyện tất cả chúng sanh đồng hiểu diệu lý như như mà thôi!



PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 8

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ THỨ NĂM

Sở dĩ có phẩm này bắt đầu tập Hoa Nghiêm tập hợp đến cuối trước hội Linh Sơn gọi là khai hiáo năm thừa, từ đầu kinh này đến cuối phẩm Tín Giải hợp năm thừa qui về một thừa. Nay một phẩm đây nêu dụ giải thích đầy đủ nghĩa khai hiệp. Từ một đất sanh, một trận mưa thấm nhuần tức dụ chí lý không hai cho nên hiệp năm thừa để qui một, mà các cây cỏ đều có sai khác, nghĩa là tùy căn tánh năm thừa nói năm thứ giáo môn gọi là khai, nếu chỉ khai mà không hợp thì được giáo mà mất lý, nếu chỉ hiệp mà không khai thì được lý mà quên giáo. Cho nên, nay nêu tuy khai mà hiệp, tuy hiệp mà khai; tuy hiệp mà khai, một mà thường năm, tuy khai mà hiệp, năm mà thường một, đủ biết khai hiệp lý giáo mới thành. Vì thế, dùng phẩm này giải thích thành nghĩa Nhất hóa khai hiệp. Nhưng tuy khai mà hiệp, hiệp gọi khai hiệp, tuy hiệp mà khai, khai gọi hiệp khai, hiệp khai tức chẳng khai, khai hiệp tức chẳng hiệp, cho nên chẳng khai chẳng hiệp chẳng năm chẳng một mà gương làm khai hiệp. Nên văn dưới chép: rốt ráo Niết-bàn thường vắng lặng tướng cuối cùng trở về “Không”: Vì các pháp thể chân thật nên gọi là diệu, không bị các bên làm ô nhiễm nên gọi là hoa sen.

Kế là luận Pháp Hoa nói rõ ý phẩm này: Nhà lửa dụ cho phá bệnh của phàm phu, cùng tử dụ cho phá bệnh Nhị thừa, mây mưa dụ cho phá bệnh Bồ-tát. Bồ-tát nghe trên nói chỉ có Nhất thừa liền cho rằng rốt ráo không còn Ba thừa phương tiện, đây tức là được thật mất quyền, còn thể quên dụng. Nhưng biết quyền mới chính là ngộ thật, thấu đạt dụng mới xét thấy thể. Đã không biết quyền thì cũng không ngộ thật tức quyền thật đều tan, thể dụng đều mất. Vì trị bệnh này nên nói về tuy từ một đất sanh ra, một mưa thấm nhuần mà các cây cỏ đều có sai khác, tuy chí lý không hai mà ở duyên có năm, vì thế nghĩa quyền thật thành tự, thể dụng mới nói lên. Kinh này đã gọi là “Giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ

niệm”, cho nên khiến Đại sĩ lia bệnh phàm phu Nhị thừa và bệnh Bồ-tát mới gọi là giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ niệm.

Kế là dựa theo ý thuật thành tựu sanh khởi phẩm này tức là: Một phẩm Thí dụ chính là nói về nói giáo, Phẩm Tín Giải nói về trung căn lãnh giải, nay một phẩm này là Như lai thuật sự thành tựu. Thuật thành là nói theo dụ, tất cả cây cỏ gồm có hai nghĩa:

- 1) Không biết đồng.
- 2) Không biết khác.

Không biết đồng nhau là không biết từ một đất sanh, một mưa thấm nhuần. Không biết khác là không biết cây cỏ tự có khác nhau. Nếu như có một bụi cỏ tốt lành năng biết đồng khác tức là loại đặc biệt; người bầm thọ giáo cũng có hai điều mê:

- 1) Không biết lý đồng.

2) Không biết duyên có khác, mà Ca-diếp là người năng biết lý đồng, năng biết giáo khác chính là người đặc biệt. Cho nên văn dưới chép: Như cỏ cây kia không tự biết tánh thượng trung hạ của chính nó.

“Ca-diếp! Các ông rất là ít có có thể biết Như lai tùy nghi nói pháp hay tin hay nhận: cho nên nêu ra mây, mưa cỏ thuốc thuật thành Ca-diếp lãnh giải. Nếu đối chiếu Ca-diếp ở Phẩm Tín Giải nói mười thí dụ, mười ân khen ngợi công đức Phật cũng còn chưa hết, nên lại nói thí dụ mây, mưa, cỏ, cây rộng khen ngợi Như lai thật vô phương đại dụng cứu giúp khắp lợi ích chúng sanh, khen ngợi không thể hết nên nói phẩm này. Nếu để giải thích thành Phẩm Tín Giải: trên nói về mười thí dụ mười ân, vô lậu vô vi là vua các pháp có thể vì kẻ hạ liệt nhần việc cao thượng đó, tức thời chúng cho rằng bắt đầu Phật quá khứ đến cuối cùng ở hội này, Đức Phật thật là khổ nhọc dụng quyền khéo léo cho nên nay nói Như lai tuy thuận theo theo mà vô tâm quyền biến. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm chép: Vô tâm đối với kia đây mà năng ứng khắp tất cả. Cho nên nay nói thí dụ mây mưa vô tâm để giải thích thành tựu Phẩm Tín Giải.

Nói Phẩm Dược Thảo Dụ: Dược là gọi chung tên thuốc trong các cây cỏ để trị bệnh, thảo là tên riêng của hình cây, mà nói cỏ thuốc là nêu cả hai chung riêng. Chỉ nói cỏ thuốc không nói cây thuốc: là nói cây hai là ít, thảo ba tức nhiều cho nên nói theo nhiều. Lại nay chính là nói người trung căn lãnh giải cho nên đề dụ cỏ thuốc không đề cây thuốc. Sở dĩ nêu dụ cỏ thuốc cho người trung căn gồm có ba nghĩa:

- 1) Lãnh thọ giáo được giải giải sanh thì có thể diệt hoặc, dụ như nghĩa cỏ thuốc trị bệnh.

2) Cỏ thuốc năng trị lành các bệnh cho người, dụ nghe giáo được giải tức thành Bồ-đề ắt có công cứu giúp.

3) Cỏ thuốc quý nhất trong các thứ cỏ nói lên tôn quý trong hàng Bồ-tát, khác với Thanh văn trên chưa được lãnh ngộ như cùng tử thấp kém.

Hỏi: Cỏ thuốc vô tình mà thấm nhuần, bầm thọ giáo có tâm mà lãnh giải, sao xếp vào thí dụ?

Đáp: Muốn nói về nghĩa duyên giáo tương xứng, mây mưa vô tư mà tưới nhuần, cỏ cây vô tâm mà nhận, hoặc vô tư mà tưới thấm, hữu tâm mà nhận tức duyên giáo trái nhau do đâu lãnh giải cho nên nói căn bản vô tâm, hiển giáo vô tư. Có thể nói rằng nói pháp là không nói không chỉ bày, kia nghe pháp là không nghe không đắc, cũng nói như huyễn nói, nghe như huyễn nghe, không có nói mà hiển đạo, dứt nghe mà mưa hoa tức là việc ấy.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Văn nói pháp ấy không thể chỉ bày tương ngôn từ vắng lặng, nay ta đã chỉ bày tức không thể chỉ bày, tuy chỉ bày mà không nói, cũng là nghe không thể nghe, tuy nghe mà bật nghe.

Hỏi: Thí Dụ cỏ thuốc, Hóa thành đều là nêu dụ. Vì sao nhà lửa gọi riêng tên Thí dụ?

Đáp: Chung đều xen lẫn được, mà riêng không khéo lệ nhất định, nhà lửa ở đầu cho nên gọi tên chung, các phẩm khác đều ở sau nên gọi tên riêng.

Hỏi: Văn nêu đầy đủ bốn việc mây, mưa, cỏ, cây. Vì sao chỉ đề tên Dược Thảo?

Đáp: nói theo văn: cỏ thuốc là trước dụ cơ cảm vào Thánh, mây mưa ở sau dụ cho hình và tiếng ứng vật, phải do cảm mới ứng cho nên từ đầu đặt tên. Lại nay nói trung căn lãnh giải cho nên đề tên Phẩm Dược Thảo, mây mưa không đúng nên không nói tên.

Hỏi: Nêu Dược Thảo để thuật thành cho nên nói Phẩm Dược Thảo, trên nói cùng tử do lãnh giải nên nói phẩm Cùng tử ư?

Đáp: Cùng tử có cả mê ngộ, nay nói tín hiểu nên dùng tên riêng. Cây cối chung cả thuốc độc, nay nói cỏ thuốc cũng đặt tên theo riêng.

Hỏi: Trên nói cùng tử tín giải, từ tín giải để đặt tên, nay nói Như lai thuật thành xếp vào tên ư?

Nay nói Phẩm Dược Thảo có thể bao hàm hai nghĩa:

1) Dược thuật thành trung căn lãnh giải.

2) Nói rộng Phật giáo lợi ích vô biên. Thuật thành chỉ được thành

mà trước thiếu nghĩa sau cho nên không nói phẩm Thuật Thành.

Lại, lãnh giải đề tin hiểu căn cứ pháp đặt tên, thuật thành gọi là Dược Thảo căn cứ dụ làm tên, muốn cho cả hai pháp thí đều có không nên một loại đề đặt tên. Phẩm chia làm hai:

- 1) Thuật thành sở giải.
- 2) Rộng khen ngợi công đức của Phật.

“Phật bảo ngài Ma-ha Ca-diếp”: Ca-diếp là bậc tôn quý trong người trung căn lại là chủ nói thí dụ cho nên bảo riêng. “Và các vị đại đệ tử:” là các vị Thiện Cát v.v... “Hay thay! Hay thay!” Thích Luận chép: Hai lần nói hay thay v.v... là rất vui. “Đúng như lời các ông vừa chép:” là hai lần khen thuật khéo nói việc kia Đúng như lời nói là ấn định đúng với sự thật. Nhưng khen ngợi có bốn trường hợp: Hoặc nói khéo mà việc không thật, hoặc việc thật mà nói không khéo, hoặc cả hai đều đầy đủ, hoặc cả hai đều không. Nay cả hai đều đủ. “Như lai lại có vô lượng công đức”: là rộng khen công đức của Phật. Y cứ văn chia làm hai: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi chia làm hai:

- 1) Nói lược công đức của Phật vô tận.
- 2) Giải thích rộng công đức của Phật là vô cùng.

Trên nói khéo nói sự thật, bởi là tích một phương, hóa vô phương chưa hết, hóa vô phương, thì chẳng phải Ca-diếp có thể hiểu hết. Kinh Tịnh Danh nói Phật có ba danh hiệu, Thanh văn trong cõi Tam thiên Đại thiên như A nan tổng trì dùng tuổi thọ một kiếp còn không thể thọ trì hướng chỉ là vô lượng hiệu. Hiệu còn như vậy huống chỉ là công đức. Vì sao? Vì pháp thân tức là thật tướng thật tướng vô biên nên công đức vô biên, ứng thân có các phương tiện của số chúng sanh... tức công đức cũng không hết được.

“Ca-diếp nên biết! Đức Như lai tự tại đối với các pháp” v.v... là rộng khen ngợi công đức của Phật vô cùng. Văn này có hai phần:

- 1) Pháp thuyết nói về, hai trí quyền thật.
- 2) Thí nói hình tiếng lợi ích chúng sinh.

Trong có hai trí không sâu xa nào không đến, ngoài có hình tiếng lợi vật bình đẳng vô tư, bởi tận cùng đến nguồn Thánh đức, tận cùng hóa công Như lai nên nói lược hai thứ này. Trong phẩm Tín Giải có mười dụ mười ân, nay Như lai đối với trên mà nói về tám pháp tám dụ. Nói tám pháp.

- 1) Vua các pháp.
- 2) Nói không dối.

- 3) Nói tất cả giáo.
- 4) Đồng nêu một lý.
- 5) Khen ngợi Phật có trí chiếu lý.
- 6) Khen ngợi Phật có khả năng biết căn cơ.
- 7) Khen ngợi Phật khéo biết giáo môn.
- 8) Khen ngợi Phật ứng căn cơ nói giáo.

Như lai tự tại đối với các pháp: trong mười dụ mười ân chỉ nói về hóa một phương tức chưa thể tự tại, nay nói tự tại đối với các pháp là biết vô phương giáo hóa. Nhưng tự tại đối với pháp gồm đầy đủ hai thứ:

- 1) Thể pháp tự tại.
- 2) Hóa dụng tự tại.

Đủ hai tự tại này gọi là Vua pháp “nếu có nói ra lời chi đều không hư dối”. Là nêu lời phật nói không lường dối, đã siêu vượt kia khen ngợi nói giống như quá thật, cho nên nay nói thật. Nói thật sự nhiều lược có ba thứ:

- 1) Như lai thường y theo hai đế nói pháp nên không hư dối.
- 2) Năng dùng trí khéo léo đối một nói ba, nói ba ý chỉ để khuyên nhất lý nên đối lý là không dối. Lại đối vật thật lợi ích nên nói không dối.

3) Căn cứ vô phương giải thích, Như lai nói thật cũng thật, nói suông cũng thật, thuận nói cũng thuận, trái nói cũng thuận, do đều năng khai đạo năng làm lợi ích chúng sinh cho nên chẳng có gì không thật, chẳng có gì không thuận. Kinh Niết-bàn nói về bốn trường hợp: Đạo nói là đạo, phi đạo nói phi đạo, đạo nói phi đạo, phi đạo nói đạo. Dùng đạo tâm mà nói bốn câu, thì bốn câu đều là đạo, dùng tâm phi đạo mà nói bốn câu, bốn câu đều phi đạo. Cho nên kinh Tư ích chép: tất cả pháp chính là tất cả pháp.

“Đức Phật đối với tất cả pháp dùng trí phương tiện, mà giảng nói” v.v... là nói tất cả giáo. Sở dĩ nói tất cả giáo là trong nói mười dụ mười ân vì là giáo một phương, biện giáo còn chưa hết, cho nên nay nói về nói tất cả giáo mới gọi là cùng. Tất cả pháp: luận Trí độ chép: hữu vi, vô vi gồm nhiếp tất cả pháp, lại thức biết các pháp trí biết các pháp cũng thu nhiếp tất cả pháp. Lại nói năm pháp tụng thu nhiếp tất cả pháp. Ba đời vô vi và không thể nói, không thể nói tức là thật tướng các pháp, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi ngôn từ suy nghĩ đều bật dứt. Chánh Lượng Bộ chép: Bất khả thuyết thứ năm ấy tức là mười bốn vô ký. Luận Địa Trì chép: bốn pháp nhiếp tất cả pháp nghĩa là thế đế và

thế đế trí, bậc nhất nghĩa đế và bậc nhất nghĩa đế trí. “Dùng trí phương tiện”: Câu trên là nói giáo sở thuyết, nay nói trí năng nói, trí nghĩa là Bát-nhã, phương tiện, tức là Ủ-hòa. Hai thứ này là cha mẹ Chư Phật, là phương pháp cần thiết hóa độ chúng sanh cho nên nói nay chính dùng trí làm thể phương tiện làm dụng, cho nên dùng trí phương tiện nói tất cả pháp. Pháp của Phật nói đều đến địa nhất thiết trí là đồng nói giáo để nêu lý. Ở trên nói dùng trí phương tiện nói tất cả giáo tức là nói khéo diệu, câu này nói giáo nêu lý nghĩa là nghĩa sâu xa kia. Tuy dùng trí phương tiện nói tất cả pháp, đại tông cuối cùng đều trở về chánh quán nhất thiết trí. “Như lai thấy biết chỗ trở về của tất cả pháp...” là nói Phật biết tất cả pháp chung qui đến cùng cực. Văn này giải thích trên nói đều trở về địa nhất thiết trí. Do Như lai khéo biết lý không có thú hưởng khác, nghiệm biết trước nói khác đều là đến nghĩa nhất thiết trí. “Cũng biết chỗ tâm sở hành của chúng sanh thông suốt vô ngại...” Câu này nói Phật khéo biết căn tánh. Đã biết lý một mà nói có muôn sai khác. Do thông đạt căn tánh người tùy theo sự thích nghi. “Lại đối với các pháp rốt ráo biết hết”; câu này là nói khéo biết pháp vượt, đối với trên thấu đạt căn tánh người. “Chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh”: câu này ứng bệnh cho thuốc, không có căn cơ khác nhau.

“Thí như trong cõi Tam thiên đại thiên...” là Thí nói. Trước khai thí, kế hợp thí, nay dùng ba nghĩa giải thích văn thí dụ này:

- 1) Chia rộng có tám thí dụ.
- 2) Hiệp tám làm bốn thí dụ.
- 3) Hiệp bốn thành hai thí dụ.

Nói tám thí dụ:

- 1) Đất là năng sanh.
- 2) Cây cỏ là sở sanh.
- 3) Mây giăng.
- 4) Mưa rơi xuống.
- 5) Thọ sự thấm nhuần.
- 6) Thêm lớn.
- 7) Đồng một đất, một trên mưa.
- 8) Cỏ cây khác nhau. tám thứ này tức là thứ tư.

Trước có đất năng sanh, kế có cỏ cây sở sanh, do có cỏ cây cho nên mây giăng, trước đã giăng mây kế sẽ mưa. Đã có mây mưa thì cây cỏ thọ nhận, trước đã thấm nhuần sau liền thêm lớn, tuy có thấm nhuần thêm lớn nhưng đều do một mưa thấm một đất sanh ra, tuy năng sanh năng nhuận là một mà các cỏ cây mới có khác nhau, nên có thứ lớp tám

thí dụ này. Nhưng đủ tám thí dụ, nghĩa mới tròn đầy, nay lược hiệp: Đời quá khứ Phật giáo năng sanh như đất, sở sanh năm thừa hạt giống gốc lành như cỏ cây. Đã có hạt giống năm thừa cảm Phật ra đời cho nên như mây giăng, Như lai ra đời ắt nói chánh pháp kể nêu mưa rơi, chúng sanh ban đầu bầm thọ Phật giáo vui mừng cho nên gọi là thấm nhuần. Đều nhờ lợi ích mà thêm lớn, chí lý không hai như một đất một mưa; đối với năm thừa được lợi ích khác nhau như cỏ cây khác nhau.

Kế hiệp tám dụ thành bốn: cặp đầu tiên là năng lãnh thọ, cặp thứ hai là sở lãnh thọ, cặp thứ ba là chánh lãnh thọ, cặp thứ tư là nói về đồng khác. Kế hiệp bốn dụ làm hai: Ba cặp đầu là lãnh thấm nhuần ví như ở giáo xưa, một cặp sau luận đồng khác ví như ở giáo nay.

“Thế giới Tam thiên đại thiên:” Có người nói đây dụ cho nơi chúng sanh trong năm thừa cư trú, dưới nói về cây cỏ dụ chúng sanh năng trụ trong năm thừa. Có người nói đất là năng sanh ví như tập nhân đời quá khứ, cỏ cây là sở sanh dụ cho tập quả đời hiện tại. Nay cho rằng mặt đất dụ cho Phật giáo đời quá khứ, Phật giáo vô tư năng sanh gốc lành cho chúng sanh ví như đồng mặt đất, cho nên văn dưới chép: Từ một đất sanh ra tức chứng minh kia. Hạt giống năm thừa được sanh ra ví đồng với cỏ cây, chỉ Phật giáo quá khứ rộng lớn vô biên ví đồng với thế giới Tam thiên đại thiên. Đây là đối với Ca diếp khen ngợi dấu tích một phương của Phật, nay muốn khen ngợi hóa vô phương cho nên nêu đại thiên làm dụ. “Núi sông, khe, hang, ruộng, đất: trên khen ngợi chung Phật giáo năng sanh, nay khen ngợi riêng năm thừa làm năng sanh. Có người mỗi mỗi dụ phối riêng nhưng nghĩa thường không giống, nay nên lược. “Sanh ra cây cối lùm rừng” là nói cây cối sở sanh. Trước năng sanh có hai: Đại thiên là chung, sông núi là riêng, nay sở sanh cũng có hai:

- 1) Chung;
- 2) Riêng.

Cây cối lùm rừng: là nói chung sở sanh. Lùm là gọi chung trăm thứ cây cỏ, cây là gọi chung các cây; cỏ nhóm lại thành lùm, lùm cây là rừng, đây dụ nói chung chúng sanh năm thừa. “Và các cỏ thuốc” nói riêng sở sanh, cỏ có công năng trị bệnh gọi là cỏ thuốc. Sở sanh riêng ấy là nhiều, mà đề nghiêng về lấy tên cỏ thuốc cũng như cỏ kia có công trị lành bệnh, nhiều lợi ích tức là nghiêng về người trung căn lãnh giải thành tựu Bồ-đề; trên nói đời Phật dưới làm lợi ích chúng sanh. “Bao nhiêu giống loại tên gọi này sắc đều khác...” giải thích chung cỏ cây có nghĩa sai khác, giống là giống riêng, loại là phẩm loại, nói lược loại cỏ

có ba, loại có hai, hợp thì có thể biết. Tên gọi màu sắc đều khác nhau: Tên để gọi thể, sắc giống như ngoại hình, dụ chúng sanh năm thừa tên gọi khác nhau, thể tướng khác nhau.

“Mây dày bủa giăng”: là nêu mây giăng. Trước nêu cỏ cây là hạt giống năm thừa tức năng cảm, do cảm mới có được ứng cho nên nối tiếp Chư Phật xuất thế, dụ như giăng mây tức là ứng. Mây dụ cho pháp thân.

1) Vô tâm mà ứng dụ như mây. Hoa Nghiêm nói về vô tâm với kia đây mà năng ứng tất cả.

2) Ứng thân thấm nhuần lợi ích ví như mây.

3) Năng ngăn nóng ví chung như mây.

4) Pháp thân vì nói vốn như mây, vì mưa vốn dụ như mây mà gọi là mây, tức lợi ích sâu nặng bủa giăng: Rộng lợi ích, trùm khắp Tam thiên Đại thiên thế giới: bình đẳng lợi ích khắp, như Hoa Nghiêm chép: Thân kia ngời khắp tất cả đạo tràng tức là nghĩa có duyên đồng thấy. Kinh Niết-bàn chép: Mây gọi là hơi thở của rồng, bởi rồng có mây, do mây có mưa, do pháp nhân thù ứng thân, do ứng thân mà nói pháp. “Đồng thời mưa rơi xuống khắp nơi thấm nhuần:” là nói thí dụ về mưa. Pháp, thí không trước sau cho nên nói đồng thời, lại nói có cảm đồng ứng lại như nhất thời, vì nói không nghiêng lệch cho nói rơi xuống lợi ích khắp vô biên nghĩa đồng thấm nhuần khắp. “Cây cối lùm rừng:” là nói thí dụ thọ nhận: Ban đầu lãnh thọ Phật giáo, tín nhận vui mừng gọi là thấm nhuần.

Văn chia làm ba:

1) nói chung thấm nhuần.

2) “Và các cỏ thuốc” là nói riêng thấm nhuần.

3) Gốc thân nhánh lá: là dụ bốn pháp tín, giới, định, tuệ. Ba loại cỏ đều có bốn pháp gọi là thượng trung hạ, tùy thượng trung hạ mỗi mỗi đều có sở thọ là tổng kết thấm nhuần.

“Một cụm mây tuôn mưa xuống:” là nói thí dụ thêm lớn, cũng có ba câu:

1) nói năng thấm là một.

2) Xứng theo chủng tánh: là nói giáo xứng duyên.

3) “Mà được sanh trưởng”: chánh nêu sanh trưởng. Người chưa sanh gốc lành năm thừa thì khiến cho sanh, người đã sanh gốc lành năm thừa thì khiến cho thêm lớn, đều thành nhân năm thừa như hoa đều thành quả năm thừa như thật, sau hiệp trong thí dụ lại có nghĩa khác, hiện ở văn dưới. “Dù một đất sanh một trận mưa thấm nhuần”: là nói

về năng sanh là thí dụ đồng nhau. “Mà các cỏ cây đều có khác nhau”. Là dụ sở sanh khác nhau. Ba thí dụ trước nói về giáo xưa đã rồi, giáo xưa tuy nhiều nhưng không ngoài ba thứ: Năng bảm thọ, sở bảm thọ và chánh bảm thọ. Nay hai thí dụ này luận năng sanh là đồng, sở sanh có khác, tức là chí lý không hai đối duyên được lợi ích khác nhau. Sở dĩ luận đồng khác: Vì muốn phá hai bệnh xưa nay khen ngợi hai người. Phá hai bệnh xưa nay: Xưa người năm thừa chánh chấp giáo khác, không biết lý đồng, lãnh thọ nay nhất thừa giáo, người bèn chấp nghiêng về lý đồng không biết giáo khác, vì phá hai người này nên nói lý tuy đồng mà không mất giáo khác, tuy hiáo năm thừa khác mà chí lý thường đồng. Do đó văn chép: Tuy một cõi đất sanh một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ cây đều có khác nhau. Lại phá hai bệnh: Xưa người năm thừa không biết ở lý không hề có hai, không biết ở duyên không hề có một, vì phá bệnh này nên nói đối với đất mưa không hề có khác, cỏ cây không hề có một. Nay người lãnh thọ giáo Nhất thừa tuy biết chí lý không hề khác, mà không biết ở duyên chưa từ một, vì phá bệnh này nên nói đất mưa không hề khác, cỏ cây không hề một, Xưng tán hai người là:

- 1) Xưng tán Phật có khả năng biết đồng khác.
- 2) Xưng tán Ca-diếp có khả năng biết đồng khác.

Năng biết đồng: gọi là lý một. Năng biết khác gọi là giáo khác. Lại năng biết đồng ở lý không khác, năng biết khác là ở duyên thành khác.

“Ca-diếp nên biết! Đức Như lai cũng giống như vậy vậy.” là nói hợp thí. Chỉ hiệp bả thí không hợp thí mặt đất, vì mặt đất là Phật giáo quá khứ, nay chính nói về pháp môn hiện tại cho nên lược không hợp. Căn cứ hợp bả thí dụ chia làm hai chương:

- 1) Hợp năm thí dụ trước.
- 2) Hiệp thí dụ mưa đồng khác ở sau.

Do năm dụ trước nói về giáo xưa thí dụ sau nêu giáo nay nên chia làm hai đoạn hiệp.

Hợp đầu năm dụ lại chia làm hai:

- 1) Chánh hiệp năm dụ.
- 2) Nêu thí dụ rõ lại.

Căn cứ hiệp năm thí dụ trước chuyển thế nói về nghĩa và Thí nói khác nhau:

- 1) Dụ hiệp mây.
- 2) Dụ hiệp cỏ cây.
- 3) Dụ hiệp mưa.

4) Dụ hiệp thắm nhuần.

5) Dụ hiệp thêm lớn.

Sở dĩ cùng thí dụ vốn khác nhau là vì thí dụ vốn muốn nói về do cảm nên ứng, cho nên trước nói về cỏ cây sau biện mây mưa. Nay muốn nói về trước có Như lai ra đời xưng lên đức hiệu cho nên trước hiệp mây, chúng sanh nghe xưng đức hiệu cho nên đến chỗ Phật, nên kể hợp cỏ cây, chúng sanh đã đến chỗ Phật, Như lai liền vì họ nói pháp, nên kể hợp mưa, chúng sanh nghe pháp vui mừng nên kể hợp thắm nhuần, đều nhờ lợi ích nên kể hợp thêm lớn.

Vấn hiệp mây lại chia làm hai:

1) Chánh nêu đức hiệu hiệp mây.

2) Khuyên vật đến nghe thọ.

Căn cứ đầu hiệp mây lại chia làm bốn:

1) Nêu hình hiệp mây.

2) Nêu chung tiếng hiệp mây.

3) Nêu hiệu bên ngoài hiệp mây.

4) Nêu đức bên trong hiệp mây. Nghĩa là hình tiếng trong ngoài nhiếp nghĩa tóm lược hết. Đầu tiên chính là nêu hình hiệp mây, kể thí dụ rõ. Dùng đại âm thanh, nói chung tiếng hiệp mây, kể cũng dùng dụ. “Mà xưng lời này”: Nêu hiệu bên ngoài hiệp mây, cho nên nêu mười hiệu: Dùng hiệu khiến thiên hạ đều biết là Đức Phật ra đời khác chín mươi sáu sư ngoại đạo. “Người chưa được độ thì làm cho được độ”; là nêu đức bên trong dùng hiệp mây. Trong nội đức trước nêu bốn mở rộng thế là ở đây nói ý Như lai ra đời. Như lai sở dĩ ra đời: bởi xưa có bốn thế nguyện, vì vậy nay nêu mười hiệu xuất hiện ở đời. Cho nên Tăng Triệu nói: kết Tăng na đối với người sơ tâm cuối cùng dùng đại bi phó nạn tức ý văn này. Kinh Anh lạc chép: căn cứ bốn đế lập bốn mở rộng thế nguyện, người chưa vượt qua biển khổ thì giúp cho họ vượt qua biển khổ, cho nên nói người chưa độ khiến được độ. Chúng sanh nghiệp bị phiền não tập đế trói buộc muốn giúp cho giải thoát nên nói người chưa ngộ làm cho tỏ ngộ, người chưa an trong đạo đế khiến cho được an, người chưa đắc diệt đế Niết-bàn khiến cho được đắc. Hai thứ trước tức nguyện đại bi, hai thứ sau tức nguyện đại từ. “Đời nay đời sau Đức Phật đều biết đúng như thật”: Trên nêu bốn thế nguyện xưa, nay nêu bốn đức, nhưng đức và nguyện đều hiệp mây, đều y cứ dụ để lập danh. Đức đầu tiên tức là ba đạt. Xét rằng muốn hóa vật thì phải biết căn tánh kia, căn tánh chúng sanh hành trong ba đời cho nên trước nêu ba đạt. “Ta là bậc nhất thiết tri tức là Nhất thiết trí”. Ba đạt chỉ biết có trí hữu vi

nên kể nói nhất thiết trí tức đủ biết tất cả pháp. “Bực nhất thiết kiến”: Nhưng người Nhị thừa lại có Nhất thiết trí, như Đại phẩm, phẩm Ba tuệ chép: Vì người Nhị thừa không có năm thứ mắt nên nói Nhất thiết kiến. “Là bậc Tri đạo bậc Khai đạo bậc Thuyết đạo”: tuy có các công đức trên, ý muốn chúng sanh nhập đạo nên kể là nói Đạo sư. Nhưng nói đạo là có cả tà chánh, thiện ác ở tâm gọi là tri, mở ra hai đường tà chánh gọi là khai, quanh co chỉ bày thông bát gọi là nói. “Các người hàng trời người...” là khuyên vật đến nghe nhận.

“Bấy giờ có vô số...” là hợp thí dụ cỏ cây tức nhận lời khuyên mà đến. “Lúc đó đức Như lai v.v...” là hợp thí dụ mưa rơi. “Chủng loại nhiều vô lượng”: là hiệp thắm nhuần chính do ban đầu nghe nói pháp tâm sanh vui mừng là thắm nhuần. “Khiến vui mừng được nhiều lợi ích”: hợp thí dụ tăng trưởng, câu này hiệp chung về tăng trưởng. “Các chúng sanh này nghe pháp rõ: là hiệp riêng thêm lớn có hai: Trước căn cứ lợi thế gian hiệp thêm lớn. “Hiện đời an ổn”: Do nghe pháp nên hiện đời chướng diệt thiện sanh được an ổn. “Đời sau sanh về chỗ lành”. Là nói sanh báo “do đạo mà thọ lạc”: nói báo đời sau. Nhưng văn này chung cả sanh báo hậu báo, mà tạm y theo hậu báo để nói. Do nghe chánh đạo cho nên cảm quả báo an vui, vì vậy nói do đạo thọ lạc. “Cũng được nghe pháp”: là nói được lợi ích ra đời, dùng hiệp thêm lớn cũng có ba câu: Đầu là văn tuệ, “liã các chướng ngại” là tư tuệ. “Theo sức mình chịu được”: là tu tuệ.

Như mây lớn kia: Nêu thí dụ hiệp. Nay ở đây là nói về mây. “Mưa rơi nước khắp tất cả”: là nói về mưa. “Cỏ cây lùm rừng”. Là nói về cỏ cây. “Theo giống của mỗi thứ”: là nói được thắm nhuần. “Mỗi thứ đều được sanh trưởng”: thêm lớn, đều hợp với trên.

“Như lai nói pháp một tướng một vị v.v...” hợp đồng khác. Văn cũng có hai:

- 1) Chánh hợp đồng khác.
- 2) Nêu biết không biết.

Hiệp đồng khác dụ có hai:

- 1) Hiệp một cõi đất một trận mưa gọi là hợp đồng.
- 2) Hiệp mà các cỏ cây đều có khác nhau gọi là hiệp khác. “một tướng một vị:” Hiệp trên một cõi đất sanh, một trận mưa thắm. Một tướng gọi là một thật tướng hiệp một cõi đất. một vị gọi là một trí vị hiệp với trên một trận mưa, cho nên kệ dưới chép: “Vùng mây kia mưa xuống, nước mưa thuần một vị. “Nghĩa là tướng giải thoát” giải Thích-cả hai nghĩa một tướng một vị. Thoát khỏi năm trụ phiền não trói buộc

là tướng giải thoát, lìa nghiệp trong ngoài ba cõi gọi là tướng xa lìa, diệt quả khổ sanh tử gọi là tướng diệt: “rốt ráo đến Nhất thiết chủng trí:” là giải thích một vị trên. Lìa ba tướng trước, nên hệ lụy đều trừ hết, do lìa ba tướng nên soi chiếu đều tròn đầy, soi chiếu tròn đầy nên chẳng phải không có, hệ lụy đều hết nên chẳng phải có, tức là pháp Trung đạo. “Có chúng sanh nào”: Hiệp trên: mà các cỏ cây có khác nhau”. “Không tự hiểu biết”: là nêu biết không biết.

Văn chia làm hai:

- 1) Đức Phật biết đồng khác chúng sanh không biết.
- 2) Khen ngợi Ca-diếp biết được đồng khác.

Tức là phá hai bệnh khen ngợi hai người. Căn cứ đầu lại có hai:

- 1) Chúng sanh không biết khác, Đức Phật biết khác.
- 2) Phật biết đồng, chúng sanh không biết đồng.

Đầu văn chia làm bốn:

- 1) Nói chúng sanh không biết.
- 2) Nói chỉ có Phật mới biết.
- 3) Kết thúc chỉ có Phật mới biết.
- 4) Kết thúc chúng sanh không biết.

Đầu tiên chép: “Tự mình không hay biết”. Là bởi không biết lý đồng, đối duyên thành khác cho nên nói không biết. Nhưng chúng sanh năm thừa chẳng phải không biết năm thừa khác. “Vì sao? Vì chỉ có Như lai biết”: là nói chỉ có Phật mới biết, mà nói vì sao ấy là nói Phật năng biết, giải thích thành chúng sanh không biết.

Trong đây nói về Đức Phật biết bốn pháp:

- 1) Biết bốn pháp.
- 2) Biết ba pháp.
- 3) Biết hai pháp.
- 4) Biết một pháp.

Biết bốn pháp chủng là chủng biệt, Ba thừa chủng loại khác nhau. Tướng là tướng mạo, như từ bi là tướng Bồ-tát, một mình an tĩnh là tướng Duyên giác, theo người khác nghe pháp là tướng Thanh Văn. Thể là thể Ba thừa, đạo chủng tuệ là thể Bồ-tát, nhất thiết trí là thể Nhị thừa, như phẩm Ba Tuệ nói. Tánh: là không thay đổi làm nghĩa, trước trí thể Ba thừa đều trú nơi phần mình không thay đổi lẫn lộn.

“Nhớ việc gì?” Nêu biết ba tuệ, nhưng ba tuệ khác nhau, hoặc dùng người Ba thừa làm ba tuệ, Thanh văn trí cạn như Văn tuệ, Duyên giác trí Tiểu thừa sâu là Tư tuệ, Bồ-tát tận lý như Tu tuệ, cũng đắc Ba thừa đều có Ba tuệ. Văn có ba phen:

- 1) Nói cảnh Ba tuệ.
- 2) Thể của ba tuệ.
- 3) Biện nhân của ba tuệ.

Tác ý chấp cảnh làm niệm (nhớ) tức Văn tuệ, trái tâm tư duy là Tư tuệ, thâm nhập là Tu tuệ. Gọi chung chữ “Việc” là lấy cảnh làm việc. Theo Tỳ-đàm người Ba thừa đồng quán cảnh tứ đế sanh ba tuệ, Tỳ-đàm nói văn tuệ chỉ duyên văn, tư tuệ chỉ duyên lý, tư tuệ hoặc khi duyên văn, khi duyên lý. Luận Thành thật nói chung quán 1 cảnh diệt đế, Đại thừa đồng quán một cảnh thật tướng duyên lý. Vị của Ba tuệ: Tỳ-đàm nói ba phương tiện trước là vị Văn, Tư, bốn gốc lành là vị Tu tuệ. Thành thật nói Tứ niệm xứ là vị Văn Tư tuệ, nhu pháp trở đi là vị Tu tuệ.

“Nhớ thế nào?..” là nói thể Ba tuệ, nghĩa là năng duyên tâm khác nhau. “Dùng pháp gì để nhớ?” v.v... là nói nhân ba tuệ, phương tiện khác nhau do nghiệp đời trước có khác. “Dùng pháp gì được pháp gì?” v.v... là nói hai pháp nhân quả. Dùng pháp gì gọi là nhân, đắc pháp gì gọi là quả, “Chúng sanh ở các địa...” Là nói Đức Phật biết một pháp gọi là địa. Mà nói các thứ: là địa vị năm thừa khác nhau.

“Chỉ có đức Như lai v.v...” kết chỉ có Phật biết. “Như cây cối lùm rừng...” là kết thúc chúng sanh không biết. “Như lai biết pháp một tướng v.v...” Nêu Phật biết đồng chúng sanh không biết đồng. Văn chia làm hai:

- 1) Nói Phật năng biết.
- 2) Nói ý xưa không nói tức nói chúng sanh không biết.

“Rốt ráo Niết-bàn thường vắng lặng cuối cùng trở về nơi không”... Có người chép: Tuy quá khứ vượt quá số cát như bụi nhỏ, vị lai lại gấp bội số trên, cuối cùng nhập vô dư khô đoạn Niết-bàn cho nên nói cuối cùng trở về Không, ở đây giải thích tuổi thọ Phật vô thường. Có người chép: y tướng che lấp nói thường giải thích: nói thường này là không, vô tướng bất khả đắc nên nói cuối cùng trở về Không. Có người chép: Trống không chẳng có hai mươi lăm hữu nên gọi vắng lặng. Nay nói có hai thứ:

1) Phàm Thánh cuối cùng đều trở về đại Niết-bàn nên nói trở về Không. Cũng như Tăng Triệu nói Niết-bàn vô danh. Luận chép: là chỗ không thể thấy nghe xét biết Tứ không mê muội, chín dòng do đó mà kết hợp qui về, các bậc Thánh ở đây ngậm hội nhập tức dùng ý văn này để soạn luận.

2) Từ xưa đến nay khai dụng của hiáo năm thừa đến hội Pháp Hoa dứt dụng qui về thể tức không còn chi nhánh năm thừa, vốn đối với năm

nên nói về không năm, đã không có năm cũng chẳng phải không năm, tức ngôn từ vắng lặng nên gọi là Không.

Hỏi: Ở trên nói cuối cùng trở về nhất thiết chủng trí có gì khác với nay ư?

Đáp: Chung là một đạo thanh tịnh, tùy nghĩa đặt tên hoặc gọi chủng trí hoặc gọi Niết-bàn hoặc gọi Nhất thừa hoặc gọi Bát-nhã cho nên trước nói Chủng trí, nay nói Niết-bàn. Nếu dùng hai văn hợp nhau, thì trước nói cuối cùng trở về chủng trí nghĩa là quả Tam-bồ-đề, nay nói trở về Niết-bàn nghĩa là quả quả. Bởi trí Nhị thừa chẳng phải trí rốt ráo nên cuối cùng trở về trí Phật, Niết-bàn của Nhị thừa chẳng rốt ráo nên cuối cùng trở về đại Niết-bàn. Trên hợp xe lớn cũng chọn hai nghĩa này hợp, như trước giải thích.

Hỏi: Vì sao nói riêng hai quả?

Đáp: có hai nghĩa:

1) Trí Niết-bàn hữu dư trí của Nhị thừa là chẳng rốt ráo nên nay nêu trí Phật rốt ráo.

2) Niết-bàn vô dư của Nhị thừa chẳng phải dứt rốt ráo nên nay nói dứt rốt ráo, nghĩa là hai quả tử mãi mãi bất vượt khỏi dòng năm trụ nên gọi là diệt độ.

Lại, trên nói rốt ráo chủng trí nghĩa là không cảnh nào không chiếu tức Bát-nhã, nay chẳng có lụy nào không vắng lặng, nghĩa là giải thoát mà pháp thân ở bên trong đó.

Hỏi: Đã nói trở về Niết-bàn, vì sao nói cuối cùng trở về Không?

Đáp: Hoặc gọi là rốt ráo Không, hoặc gọi là đại Niết-bàn hoặc gọi đạo của Chư Phật, nhưng Trung luận phá, phẩm Niết-bàn chính là phá bốn thứ Niết-bàn:

1) Phá hữu là Niết-bàn.

2) Phá không là Niết-bàn.

3) Phá vừa không vừa hữu.

4) Phá phi không phi hữu, mà sau kết luận rằng: Niết-bàn dứt bật bốn câu, siêu nơi trăm phi, không biết gọi làm sao nên gượng gọi là Không.

“Đức Phật biết như thế rồi v.v...” là nói Phật tuy biết lý nhất nhưng vì chúng sanh chưa có khả năng nên xưa không nói, đây tức nói lên chúng sanh chẳng biết đồng.

Hỏi: Câu trên nói Phật biết Niết-bàn, nay nói Phật biết tâm chúng sanh không kham nổi nên không nói Niết-bàn vì sao xưa không nói chủng trí ư?

Đáp: có hai nghĩa:

1) Muốn hiển đại Niết-bàn tức là chủng trí khác với Nhị thừa khỏi đoạn vô vi.

2) Nếu nói xưa không nói Niết-bàn đối với nghĩa không tiện vì xưa cũng nói Ba thừa đồng nhập vô dư. Tức dùng văn này trách các sư như Quang Trạch v.v.... Nếu cuối cùng trở về Không đã là khỏi đoạn Niết-bàn tức đã nói Phật biết Niết-bàn sao được nói xưa không nói khỏi đoạn Niết-bàn ư!

“Ca-diếp! Các ông là rất ít có v.v...” là khen ngợi Ca-diếp có thể biết đồng khác, xưa nay hai duyên đều có thiên chấp không biết đồng khác, mà Ca-diếp năng biết cho nên gọi ít có. Văn chia làm hai:

1) Chính khen ngợi.

2) Vì sao? Là giải thích khen ngợi, nhưng phải khen ngợi Ca-diếp biết đồng khác, chỉ đối xưa bệnh không biết khác là phương tiện, cho nên nay chỉ khen ngợi Ca-diếp ở trong số người không biết khác gọi là ít có. Văn này cũng được khen ngợi đầy đủ khác đồng, “Có thể biết Như lai tùy nghi nói pháp” là khen ngợi biết khác, “năng tin năng nhận” là khen ngợi biết đồng.

Căn cứ kệ có năm mươi bốn hàng rưỡi chia làm hai:

1) Bốn hàng tụng pháp nói về hai trí quyền thật.

2) Năm mươi hàng rưỡi tụng thí nói về hình tiếng lợi ích chúng sinh.

Trên pháp nói có tám môn, nay chuyển thế nói pháp, khen ngợi ý Chư Phật ra đời, nói về xưa nay có, nói nín không đồng, chia làm bốn chương:

1) Kệ khen ngợi Phật xưa tùy nghi quyền nói.

2) Kệ nói Như lai ngày xưa không nói pháp thật.

3) Giải thích Phật xưa không nói ý thật.

4) Giải thích ý xưa nói quyền.

“Pháp vương phá các cõi”: có người nói phá hai mươi lăm hữu gọi là phá hữu, như Niết-bàn nói về đặc hai mươi lăm Tam-muội phá hai mươi lăm hữu; Như lai tự phá hai mươi lăm hữu vượt ngoài sanh tử ở ngôi vị Pháp vương, nay ra đời cũng vì chúng sanh phá hai mươi lăm hữu. Lại nói phá hữu; chúng sanh phần nhiều đắm chấp cho nên dùng hoa đốm để phá. Như Trung Luận chép: Đại Thánh nói pháp không vì là các kiến, nhưng hai ý này đều là thiên dùng. Văn nay nói phá hữu: là phá tất cả chỗ có sở đắc; vốn cho rằng có sanh tử nên vì nói Ba thừa. Lại nói có ba phá ba nói một, liền chấp. Nơi một nên nói chẳng ba chẳng

một tức pháp Trung đạo. Lại nói có hai thứ này chẳng phải Trung đạo thì cuối cùng không tránh khỏi hữu, nay phá hữu kiến này cho nên nói phá hữu.

“Đức Như lai tôn trọng...” là nói về xưa không nói thật. Nửa bài trên là nói người không nói, nửa bài kệ dưới là nói việc không nói, tiêu biểu siêu phàm Thánh gọi là tôn, đức không ai bằng gọi là trọng, đây là khen ngợi người. “Trí tuệ rất sâu xa”: Đọc không thấy tận đáy gọi là sâu, ngang không sánh bờ bến kia gọi là xa, đây là khen ngợi đức bên trong của Phật, “Lâu không nói pháp yếu...” pháp yếu tức bình đẳng đại bi, nội chứng pháp này gọi là không nói. “Không việc gì nói ngay:” là xưa không vội nói ngay. Lại nói vụ là sự việc. Đức Phật xưa không dùng việc Đại thừa ngay cho người nghe. “Người trí nếu được nghe v.v...” là giải thích ý Phật xưa không nói.

Nói về không nói kia có hai ý:

1) Chí đạo không nói tức trái đạo, vì vậy nên không nói. Nên Tăng Triệu chép: Đức Thích-ca đóng cửa thất ở Ma Kiệt, Tịnh Danh ngâm miệng ở Tỳ-da đầu gọi là không nói, nói chỗ không thể nói.

2) Như nay vẫn nói về sự căn tình chưa kham liền sanh nghi chê bai nên không nói.

“Ca-diếp! vì cố đó v.v...” là giải thích ý xưa nói quyền. “Khiến chánh đắc chánh kiến v.v...” chánh kiến tức chánh quán, chánh quán rất khó chánh khắp. Chư Phật ba đời các nhân duyên giúp người chứng đắc.

“Ca-diếp ông nên biết v.v...” là tụng tám thí dụ, vẫn này không theo thí dụ vốn thứ lớp mà tụng, cũng không y hiệp dụ trước sau tụng, chỉ chuyển thế nói pháp lại chỉ bày một pháp môn:

- 1) Tụng mây.
- 2) Tụng hai dụ.
- 3) Tụng về đất.
- 4) Tụng cây cỏ.
- 5) Tụng thấm nhuần.
- 6) Tụng thêm lớn.

7,8) Hai thí dụ đồng khác hiệp mà tụng. Phải trước giăng mây rồi sau mưa rơi xuống nên trước nói mây mưa, mây mưa là nắng thấm nhuần, mặt đất cỏ cây là chỗ thấm nhuần, cho nên trước nói mây mưa, kế nói mặt đất cỏ cây. Mặt đất cỏ cây nhận nơi mây mưa cho nên kế nêu thấm nhuần, thấm nhuần nên thêm lớn, nắng sợ thọ nhận có đồng có khác, cho nên kế luận. Trước đó Như lai ra đời nên ở đầu nói giăng

mây, do ra đời nên nói pháp dụ như mưa rơi, chúng sanh sở dĩ cảm hình tiếng Phật, là do quá khứ Phật giáo sanh gốc lành cho nên nói mặt đất và cỏ cây. Đã có gốc lành đời trước chứa nhóm nên bắt đầu nghe nói giáo vui mừng ví như thấm nhuần, theo giáo lợi ích nên thêm lớn, chí lý không hai tùy duyên sai khác nên kể là nói đồng khác. Trong thí dụ mây trong văn xuôi lược nay kê rộng, gồm có mười thứ khen ngợi.

1. Mây lớn: Nghĩa là lược khen ngợi tiểu. Như Luân vương ra đời đem mười điều thiện giáo hóa muôn vật cho đến Phạm nói nghiêng lệch luận xuất dục đều là tiểu lợi ích gọi là mây nhỏ, cho đến Nhị thừa Bồ-tát không thể lợi ích khắp đều gọi là mây nhỏ.

2. “Che trùm khắp tất cả v.v....” là bình đẳng khen ngợi. Luận Trí Độ chép: trời Ma-hê-thủ-la, trời Vi nữ, trời Cưu-ma-la-già nếu thường thì chúng sanh liền đều được sở nguyện, nếu ghét thì khiến bảy đời đều diệt, cho nên chẳng bình đẳng lợi ích khắp. Kinh Hoa Nghiêm nói Đại long vương nổi mây từ Bốn thiên hạ cho đến sáu tầng trời cõi Dục đều che phủ, tùy chỗ thấy mà giăng mây tùy chỗ ưa mà mưa xuống, Đức Như lai nói pháp cũng vậy. Đối với Bốn sanh, sáu đường tùy chỗ thấy mà thị hiện hình, tùy chỗ nghe mà nói pháp, đồng xem tất cả cũng như con đỏ, cho nên cất tay không buồn, đỡ chân không vui, thiện ác mình, người từ bị che khắp không hai cho nên nói che trùm khắp tất cả.

3. Mây trí tuệ (chứa nhuần): là khen ngợi trí tuệ sắc bén, có mây giăng mà không lợi ích, mây này có lợi ích cho nên gọi mây trí tuệ, Như lai cũng giống như vậy, thị hiện thân nói pháp có thể duyên lợi ích.

4. Hàm chứa v.v... là bao gồm khen ngợi đức, tự có mây không thể mưa xuống, nay là có mây chứa nước cho nên gồm chứa thấm nhuần. Thân Như lai do Đại từ huân đức cho nên thù ứng chắc chắn có khả năng lợi ích chúng sinh.

5. “Chớp nhoáng sáng chói lòa”: là khen ngợi phát ra ánh sáng. Kinh Hoa Nghiêm chép: Như Đại long vương từ Bốn thiên hạ đến lục cung trời tùy chỗ ứng thấy xuất hiện các màu ánh sáng, hoặc sắc vàng Diêm phù đàm cho đến các màu sắc bảy báu v.v... Đức Như lai cũng vậy, khi sắp nói pháp tùy chỗ thấy các ánh sáng xuất hiện.

6. “Tiếng sấm xa rung chuyển...” khen ngợi xa nghe. Kinh Hoa Nghiêm chép: Như Đại long vương từ bốn thiên hạ đến lục cung trời tùy chỗ nghe phát ra các âm thanh, hoặc âm thanh trời, hoặc tiếng nhạc cho đến trong loài người liền nghe tiếng sấm. Nay chọn tiếng sấm làm dụ nghĩa là năng sanh gốc lành cho chúng sanh năm thừa, năng giác ngộ vô minh cho chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thông minh không sợ

xếp vào chớp sáng, rung chuyển thật nghe như sấm.

7. **“*Khiến mọi loài vui đẹp*”**: xứng duyên khen ngợi. Kinh Hoa Nghiêm chép: Tùy chỗ thấy mà giảng mây, tùy chỗ nghe mà sấm động cho nên chẳng có gì không vui, hình tiếng của Đức Phật cũng vậy.

8. **“*Ánh sáng mặt trời bị che khuất*”**: là khen ngợi phá tà. Mây chưa giăng thì mặt trời có ngàn ánh sáng, do mây giăng nên ánh sáng mặt trời bị che, Đức Phật chưa ra đời thì có ánh sáng của chín mươi sáu thứ tà kiến, khi Phật đã ra đời thì che khuất ánh sáng ấy.

9. **“*Trên mặt đất mát mẻ*”**: là khen ngợi sanh vui mừng. Do ánh sáng mặt trời nên chúng sanh bị nóng bức, do tà giáo nên có tà kiến nóng bức, Đức Phật ra đời phá tà kiến tức tâm địa chúng sanh không có tà kiến nóng bức được chánh kiến trong mát.

10. **“*Mây mù sa bủa gôn, như có thể nắm tới*”** khen ngợi không nghĩ bàn. Mây đen sắc màu tối sẫm ví như thân đại từ sâu dày hiển hiện giống như mây mù, ứng đến muôn vật như sa bủa, tùy chỗ thấy mà hiện hình khắp nên gọi là che phủ. Như có thể nắm lấy ở bên cho đến để dưới. Như lai tùy thuận vật như có thể nắm theo, nhưng khác nhau chúng sanh nên không thể nắm giữ, tức là chẳng thể nghĩ bàn.

“Trận mưa đổ khắp cùng”: là lợi ích cùng khắp gọi là khắp, không riêng tư gọi là cùng. “Bốn phương đều rưới xuống”: là từ bốn tâm vô lượng xuất ra khắp lợi ích bốn sanh. “Dòng nước tuôn vô lượng”: trí tuệ biện tài không ngừng chắc chắn thông suốt. “Núi sông hang hiểm: là tưng thí dụ mặt đất. “Sanh ra các cây cối”: Sanh ra các cỏ thuốc. Nhờ nước mưa thấm nhuần: tức thí dụ thấm nhuần. Người chưa sanh thiện khiến cho họ sanh thiện như “đất khô khắp được thấm”, người có gốc lành khiến cho họ tăng trưởng như “thuốc cây đều sum suê”. Tất cả các thứ cây là tưng thí dụ tăng trưởng. Theo thể tướng của nó: hiệp tưng nghĩa đồng khác.

“Đức Phật cũng như vậy” v.v.... là tưng hiệp dụ. Giải thích hiệp dụ khác nhau, nay chia làm hai:

1) Chánh hiệp dụ.

2) Hai bài sau cuối lặp lại khai thị quyền thật, căn cứ hợp thí ở đầu không đồng với văn xuôi ở trên.

Trong văn xuôi chia làm hai:

1) Hiệp năm dụ trước.

2) Kế hiệp dụ đồng khác.

Trong hiệp năm dụ:

1) Hiệp mây.

- 2) Hiệp cỏ cây.
- 3) Hiệp mưa.
- 4) Hiệp thấm nhuần.
- 5) Hiệp thêm lớn.

Nay chuyển thế nói pháp chánh hiệp bốn dụ gồm hiệp bốn dụ còn lại. Chánh hiệp bốn dụ:

- 1) Hiệp mây.
- 2) Hiệp mưa.
- 3) Hiệp thấm nhuần.
- 4) Hiệp thêm lớn.

Mây mưa là hình tiếng năng ứng, thấm nhuần thêm lớn là lợi ích sở cảm, bốn nghĩa đã chủ yếu nên chánh hợp. bốn thứ còn lại hợp đến văn sẽ nói. Trong văn xuôi hiệp mưa làm hai:

- 1) Chánh hiệp.
- 2) Khuyên chúng đến nghe, nay lại tụng hai thứ này.

Trên hiệp mây có bốn:

- 1) Nêu hình Phật hiệp mây.
- 2) Nêu âm thanh Phật hiệp mây.
- 3) Nêu danh hiệu Phật hiệp mây.
- 4) Nêu đức của Phật hiệp mây.

Nay tụng đủ. Ban đầu một bài kệ tụng thứ nhất, một bài kệ kế tụng thứ hai, kế một bài rưỡi tụng thứ ba. “Xuất hiện ở thế gian v.v...” hai bài tụng thứ tư nêu đức hiệp mây. Trong văn xuôi nêu năm thứ đức để hiệp mây, nay chỉ nêu hai: năm câu nêu đức đại bi hiệp mây, ba câu nêu Đức đại từ hiệp mây. Đại bi cứu khổ như mây năng ngăn lia các sự nóng bức, đại từ cho vui như mây có công năng thấm nhuần, “Vì an ổn chúng sanh” là vui hiện đời. “Hưởng sự vui thế gian là vui đời sau. “Cùng sự vui Niết-bàn” là vui xuất thế gian. Lại vui thế gian là vui sanh báo, vui Niết-bàn là vui hậu báo. Chú giải kinh rằng: được vui an ổn là vui Nhị thừa, vui thế gian là vui trời người, vui Niết-bàn là Đại thừa.

“Các chúng trời người này...” hai bài kệ tụng văn xuôi thứ hai khuyên chúng nghe nhận. Bài kệ đầu chính là khuyên chúng đến nghe. Kế hai bài kệ giải thích ý khuyên nghe nhận. Trên nửa bài phân biệt khác tà sư tức trên khen ngợi Phật, kế nửa hàng là dưới lợi ích chúng sanh.

“Vì các đại chúng nói”... là tám bài kệ tụng hiệp hai thí dụ. Đây lại chia làm ba phần:

- 1) Mượn nghĩa mưa một vị để hiệp dụ.

2) Mượn nghĩa mưa bình đẳng để hiệp dụ.

3) Mượn nghĩa mưa không mỗi một để hiệp dụ.

Sở dĩ chỉ nói ba nghĩa này: là vì phần đầu nêu pháp Phật nói vì lý Nhất thừa, phần hai giáo tâm bình đẳng đồng vì người năm thừa khiến đồng quy tụ về lý Nhất thừa, cuối cùng khen ngợi Phật vì chúng nói pháp không có mỗi một. Ba phần mỗi phần đều có hai: phần đầu có hai:

1) Nêu pháp Phật nói không có hai lý như mưa chỉ có một vị, đây tức gồm hợp trên nói một tướng một vị.

2) Một hàng nêu pháp Phật nói không hai âm năng diễn cũng một, “thường vì Đại thừa mà làm nhân duyên”: xưa tuy nói vị năm thừa, đây là vì Đại thừa làm nhân duyên!

Phần hai có “ta xem tất cả chúng” v.v... hai bài rưỡi mượn nghĩa mưa bình đẳng chúng hiệp dụ, cũng chia làm hai:

1) một bài khen ngợi Phật tâm bình đẳng.

2) một bài rưỡi khen ngợi Phật nói bình đẳng. Phần ba: “Thường giảng nói pháp luôn v.v...”

Ba hàng rưỡi mượn nghĩa mưa không mỗi một để hiệp dụ, văn này cũng có hai:

1) Một hàng rưỡi nêu người năng hóa không mỗi một.

2) “Sang hèn và thượng hạ v.v....” hai bài nêu người sở hóa hiển thành năng hóa v.v... nói pháp không mỗi một, đây là gồm hiệp nghĩa cỏ cây.

“Tất cả hàng chúng sanh v.v...” mười một bài kệ hợp thí dụ thấm nhuần. Văn chia làm ba phần:

1) Tám hàng kệ chánh hiệp thấm nhuần.

2) Một hàng rưỡi nói lý đồng tùy duyên lợi ích có khác.

3) Một hàng rưỡi kệ khen ngợi Đức Phật.

Phần một văn chia làm hai:

1) Một hàng nói chung thấm nhuần.

2) Bảy hàng chi tiết hợp ba cỏ, hai cây thấm nhuần khác nhau. Ba cỏ, hai cây đã là tên gọi của giáo Pháp Hoa, nay lược trình bày ba cỏ là ba hạng cỏ thượng, trung, hạ. Hai cây: lớn nhỏ hai cây, đây là không giai cấp và giai cấp nên khai các vị khác nhau, không như người có sở đắc mà cố định giải thành nghĩa cạn sâu. Vì sao? Vì trong kinh nói giai cấp không nhất định, hoặc nói mới phát tâm liền thành Chánh giác, hoặc nói trải qua nhiều kiếp lâu xa tu hành mới chứng Bồ-đề, hoặc khuyên khởi đạo ý khiến trụ bất thoái chuyển, hoặc nói thật không phát

tâm cũng không thoái đều là khéo léo hóa vật không thể tướng chấp nhất định. Nay chỉ theo hướng nghĩa cạn sâu cho nên nói ba cỏ hai cây. Trời người gọi là thừa thế gian gọi là cỏ nhỏ, Thanh văn Duyên giác là xuất thế gian thừa gọi là cỏ vừa, Địa tiền bốn mươi tâm là Đại thừa gọi là cỏ lớn. Nếu y cứ nghĩa Vô sanh nhẫn mà phán xét thì Sơ địa mới đắc vô sanh nhẫn nông cạn gọi là cây nhỏ, Thất địa thâm nhập vô sanh nhẫn gọi là cây lớn. luận Trí Độ giải thích vô sanh có hai vị:

- 1) Sơ địa.
- 2) Thất địa.

Sở dĩ chia hai vị. Là nếu căn cứ hai nhẫn nói về nghĩa, thì Địa tiền phạm vị gọi là thuận nhẫn, Sơ địa trở lên đã là Thánh vị gọi là Vô sanh nhẫn. Nếu dựa theo năm nhẫn giải nghĩa thì địa tiền là Phục nhẫn, ba địa là Tín nhẫn, kế ba địa là Thuận nhẫn, kế ba địa là Vô sanh nhẫn. Nếu y kinh Anh lạc thì ba địa sau gọi là Tịch diệt nhẫn nghĩa là ba địa: Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Nếu theo kinh Nhân vương chỉ hai địa sau gọi là Pháp vân địa Phật địa; Thất địa đã là đầu của vô sinh nên gọi là vô sanh nhẫn. Nếu chia công dụng vô công dụng chia làm hai vị thì Sơ địa đến Thất địa gọi là công dụng là cây nhỏ, từ Bát địa đến Đẳng giác địa là vô công dụng đạo gọi là cây lớn. Kinh luận khác nhau mà có đủ hai nghĩa: theo kinh này phán vị: ba cỏ hai cây chia chung ba ba vị: trời người là hạ phẩm, Nhị thừa là trung phẩm, Bồ-tát là thượng phẩm. Trong Bồ-tát tự chia ba phẩm: Địa tiền bốn mươi tâm là hạ phẩm, Đẳng Địa trở lên cũng chia hai phẩm, nếu vậy người Nhị thừa đã gọi là cỏ vừa không bằng cỏ lớn, liền biết người ở trước Thập tín. Sự luận Thành Thật không nên nói La-hán và Lục địa ngang bằng công. Lại phẩm Thí dụ chép: người Thanh văn do sức tin nên nhập Nhất thừa, nên biết chưa hồi Tiểu nhập Đại là ở trước Thập tín.

Hỏi: Ba cỏ hai cây và năm thừa nghĩa có gì khác?

Đáp: Cả hai xen lẫn có khai hiệp khác nhau, năm thừa tức khai cạn hiệp sâu: ba cỏ hai cây tức khai sâu hiệp cạn. Khai cạn hiệp sâu: chia cỏ nhỏ thành hai thừa trời người khai cỏ vừa làm Thanh văn Duyên giác. Hiệp sâu: hợp chung Đại thừa nhân quả đều nhập Phật thừa.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Năm thừa giáo đều dùng nghĩa quả nêu thừa, cho nên phẩm Thí dụ chép: ba xe ở bên ngoài tức dùng ba quả làm Ba thừa. Bồ-tát vì cầu quả Phật nên lại xếp vào quả Phật thừa vui trời người gọi là thừa, vì cầu quả an vui ở cõi trời, cõi người nên tu hai hạnh trời người, cho nên dùng quả nêu thừa, vì muốn dẫn chúng sanh khiến tu nhân đến quả nên

dùng năm thừa nói về nghĩa, đó là khai cạn hiệp sâu.

Ba cỏ hai cây khai sâu hiệp cạn: Hiệp bốn thừa trước làm cỏ tiểu và trung, lấy trời người làm cỏ tiểu, lấy Nhị thừa làm trung. Khai sâu: khai Đại thừa làm ba phẩm: tức cỏ lớn và hai cây, sở dĩ vậy là vì phò trợ kinh này tán dương giáo Bồ-tát pháp của Đại thừa, nói về trời người còn ở trong nhà lửa ba cõi, Nhị thừa chưa vượt qua năm trăm do tuần, vì vậy nên hiệp cạn mà khai sâu. Lại năm thừa nói nghĩa tức có thừa quả Phật thừa. Ba cỏ hai cây chỉ chọn nhân thừa không nêu quả Phật, vì sao? Vì năm thừa muốn đem năm quả dẫn chúng sanh nên nói quả Phật là thừa, nay nêu ba cỏ hai cây nghĩa thấm nhuần thêm lớn cho nên chỉ nói nhân. Lại giáo xưa khai rõ nghĩa khai nên khai thế gian thành hai thừa nhân, thiên, khai xuất thế gian thành Ba thừa nên thành năm thừa. Nay muốn hiển nghĩa hiệp cho nên hiệp thế gian thành một, hiệp Nhị thừa thành một, nên hiệp bốn thừa kia trở về Nhất thừa. Nhưng trong Nhất thừa tự khai ba vị:

- 1) Địa tiền bốn mươi tâm là cỏ lớn.
- 2) Sơ địa trở lên là cây nhỏ.
- 3) Bát địa trở lên là cây lớn.

Hỏi: Đây cùng với bốn thứ trọng trách trong kinh Thắng-man có gì khác?

Đáp: Kinh ấy nói về do mặt đất nên có bốn thứ trọng trách, do nhiếp thọ chánh pháp nên có bốn thừa: hiệp trời người làm một, chia Nhị thừa làm hai, hiệp Đại thừa nhân quả thành một. Cùng năm thứ thiện trong luận Trí Độ nghĩa kia khác nhau, không cần phải hiệp.

Chi tiết tụng ba cỏ hai cây chia làm năm đoạn:

- 1) Một hàng nói cỏ nhỏ.
- 2) Hai hàng nói cỏ vừa.
- 3) Một hàng nêu cỏ lớn.
- 4) Một hàng rưới nói cây nhỏ.
- 5) một bài rưới nêu cây lớn.

“Phật chỉ bình đẳng nói v.v...” một bài rưới nêu lý Nhất thừa mà tùy chúng sanh được lợi ích có khác, tức bao gồm hợp thí dụ thứ bảy, tám đồng khác ở trên.

Hỏi: Vì sao hiệp thấm nhuần tức hợp đồng khác?

Đáp: Trên hiệp mây mưa nói về nghĩa đồng cho nên nói pháp kia chỉ một vị là giải thoát Niết-bàn. Kế hiệp thấm nhuần nêu ba cỏ hai cây khác nhau, nay muốn luận nghĩa đồng khác kia, nói về lý chỉ có một tùy năm hạng người nên có năm thứ khác nhau.

“Phật dùng thí dụ này v.v....” khen ngợi trí tuệ Phật có một hàng rười kệ. “Như một giọt nước trong biển:” Trên phẩm Tín Giải nói mười dụ mười ân khen ngợi đức của Phật, lúc bấy giờ chúng cho rằng đức của Như lai bốn vị đại Thanh văn đã nói hết. Cho nên đầu phẩm này nêu tám pháp tám dụ để nói lên Như lai lại có vô lượng công đức, khi ấy đại chúng liền lại cho rằng khen ngợi đức của Phật đã hết, nên nay nói về tụy lập thí dụ này mà đối với trí tuệ Phật chỉ như một giọt nước trong biển mà thôi!

“Ta rười trận mưa pháp v.v....” mười một bài rười kệ hợp thí dụ thêm lớn. Văn cũng có ba:

- 1) Tám hàng rười hiệp thêm lớn.
- 2) Một hàng rười nêu lý Nhất thừa tùy người được lợi ích khác nhau.
- 3) Một hàng rười khen ngợi Chư Phật.

Trước thắm nhuần có ba phần, thêm lớn cũng có ba, dùng khoa kinh này đối văn rất tiện, xưa nói khác đây phải nên sửa đổi. Tám hàng rười đầu lại chia làm hai:

- 1) Ba hàng rười hợp chung thêm lớn.
- 2) Năm hàng biệt hiệp thêm lớn.

Ba hàng rười đầu lại có ba:

- 1) Một hàng pháp nói.
- 2) Một hàng nói thí.
- 3) Một hàng rười hợp thí.

“Hàng Thanh văn Duyên giác v.v...” Năm hàng là biệt hiệp, văn cũng có ba:

- 1) Một hàng rười hiệp cỏ vừa thêm lớn.
- 2) Một hàng rười hiệp cây nhỏ thêm lớn.
- 3) Hai hàng hiệp cây lớn thêm lớn, cho nên hiệp chung có ba biệt hiệp cũng ba.

Hỏi: Vì sao không hợp cỏ nhỏ cùng cỏ lớn ư?

Đáp: Trước trong thắm nhuần đã hiệp đủ cho nên nay lược hai cỏ kia.

Hỏi: Đồng là lược, vì sao hiệp cỏ vừa ư?

Đáp: Cỏ vừa là hai Thánh Tiểu thừa, hai cây là hai Thánh Đại thừa đồng là nghĩa Thánh vị thêm lớn rõ ràng, cho nên hiệp, cỏ nhỏ là phàm trong Tiểu thừa, cỏ lớn là phàm trong Đại thừa, đã đồng là nghĩa phàm thêm lớn không rõ ràng nên lược không hợp. Lại 1 nghĩa: hai thứ phàm trước nhập nhiếp trong hợp chung, do đó văn chép: khiến cho các

các thế gian đều khắp được đầy đủ. Thế gian tức hai phàm, chỉ phàm nghĩa là thêm lớn không rõ ràng cho nên xếp vào hợp chung. Thêm lớn ý ở quả Thánh do đó hiệp riêng.

Hỏi: Thấm nhuần cũng nói về ba cỏ hai cây, thêm lớn cũng nói về ba cỏ hai cây có gì khác?

Đáp: thấm nhuần dựa theo nhân cây cỏ, thêm lớn nói về quả cây cỏ, chỉ vì y cứ nhân nói thấm nhuần không rõ ràng nên trước văn mượn quả nói.

Hỏi: Trong hiệp cây lớn nói. “Nghe nói các pháp Không, tâm sanh rất vui mừng” thế nào là Không ư?

Đáp: tức ở trên chép: rất ráo Niết-bàn thường vắng lặng tướng cuối cùng trở về nơi Không, bởi nêu pháp của quả vị Niết-bàn cho nên cây lớn nhân người nghe vui mừng. Luận Trí Độ chép: thí như sấm động chim nhỏ nghe đều sợ chim công lớn nghe thì nhảy múa, pháp tất cánh không cũng giống như vậy vậy người Tiểu thừa nghe kinh nghi sợ hãi, bậc đại sĩ nghe thì vui mừng hơn hờ. Nếu nói chung qui là khô thân diệt trí không thì từ Bát địa trở lên Bồ-tát há sanh vui mừng!

“Như thế Ca-diếp này! v.v...” một hàng rười nêu lý chỉ là một tùy duyên được lợi ích là khác, bao gồm hợp thí dụ đồng khác ở trên, cho nên đồng khác và hai phần thấm nhuần thêm lớn gồm hiệp, vì ý chuyển thế không nên nhất nhất y theo văn xuôi. “Ca-diếp ông phải biết...” một hàng rười khen ngợi Chư Phật, trên là căn cứ khen ngợi không thể hết, nay căn cứ khen ngợi Chư Phật đồng có khéo léo.

“Nay ta vì các ông v.v...” là kết chỉ quyền thật. Kệ đầu bỏ quyền, kế kệ bày thật. “Chỗ các ông tu hành là đạo Bồ-tát.” Xưa nói đại nhân làm tiểu quả, nay chỉ tiểu quả làm đại nhân cho nên quả Nhị thừa là đạo Bồ-tát. Luận Pháp Hoa nói về nghĩa vô thượng có mười thứ: mà thứ nhất là thị hiện hạt giống vô thượng cho nên nói thí dụ mây mưa. “Chỗ các ông tu hành là đạo Bồ-tát: Nghĩa là phát tâm Bồ-đề thoái rồi lại phát, chỗ tu hành trước gốc lành không diệt đồng sau đắc quả, ý này nói bốn tâm Bồ-đề không diệt nên thiện căn này tức là hạt giống vô thượng, do hạt giống này nên nay nghe Pháp Hoa, tức là sau nhờ mây, mưa pháp được thành Phật.

Hỏi: Nếu vậy, quyết định gốc lành của Thanh văn lẽ ra chẳng phải Bồ-tát?

Đáp: Người quyết định thì là giữ giáo chấp tiểu quả, liền bị phá không hội nhập, nếu chuyển ngộ tức hội nhập mà không phá.

PHẨM THỌ KÝ THỨ SÁU

Thọ ký đã là nghĩa quan trọng của Pháp Hoa mà cũng là tông chính của các kinh, nay giải thích sơ lược hợp làm bảy phần:

- 1) Lý do có ra.
- 2) Giải thích tên.
- 3) Người năng thọ.
- 4) Người sở thọ.
- 5) Thứ bậc.
- 6) Phân biệt.
- 7) Đồng và khác.

1) Lý do có phẩm này: Vì người trung căn nói pháp gồm có bốn môn:

- 1) Thí dụ.
- 2) Lãnh giải.
- 3) Thuật thành.
- 4) Thọ ký.

Nay thuộc thứ tư. Do lãnh giải mười dụ mười ân ở trước, dùng tám pháp tám thí dụ thuật thành sau nên tâm kia an nhiên thư thái tức là đương quả đáng thọ ký, do đó đức Như lai thọ ký cho họ. Theo ý Luận Pháp Hoa từ ba phẩm trên phá ba bệnh phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát tức ngộ phi phàm, phi Thánh, phi đại, phi tiểu, đắc chánh quán hạnh vô y tương ứng với Phật cho nên được thọ ký thành Phật. Nếu đối chiếu hai bệnh xưa và nay để trừ thì xưa chấp khác không biết đồng, nay là chấp đồng không biết khác. Nay liễu ngộ ý của thí dụ trước có đồng, khác tức bệnh xưa và nay được trừ, liền ngộ chí đạo không hề có đồng và khác. Chỉ là phương tiện khéo léo có đồng khác thích hợp duyên để ngộ không hề có đồng khác tức sanh ở thật tuệ hiểu rõ tùy duyên đồng khác tức sanh phương tiện tuệ, đầy đủ hai tuệ tức Phật đạo sẽ thành. Cho nên, kinh Tịnh Danh chép: Trí độ Bồ-tát là mẹ phương tiện là cha, cha mẹ đầy đủ thì sẽ thành pháp thân cho nên được Phật thọ ký. Nếu do kế cuối phẩm trên mà có tức là cuối phẩm trên mở cửa phương tiện chỉ bày tướng chân thật, “các chúng Thanh Văn đều chẳng phải diệt độ” gọi là mở cửa phương tiện. “Chỗ các ông tu hành là đạo của Bồ-tát” gọi là chỉ bày tướng chân thật. Xưa không ngộ đại nhân vì tiểu quả nên chấp tiểu quả mà mê nhân đại, nay ngộ tiểu quả là đại nhân nên liền có đại nhân, có đại nhân sẽ đắc đại quả cho nên được Phật thọ ký.

2) Giải thích tên: Thọ là ban cho, Ký là quyết định, cũng gọi là

biệt. Nói quyết: là ở trong chín đường phân rõ quyết định người này chắc chắn sẽ thành Phật nên nói quyết, biệt: nghĩa cũng vậy. Nói việc đời vị lai để trao cho người trước nên gọi là trao ký, người trước lãnh thọ nên gọi là nhận ký. Lại nói rộng về ký, vô ký có ba:

1) Căn cứ môn ba tánh mà nói về ký vô ký: Nếu có thiện ác để ghi gọi là ký; không có thiện ác để ghi là vô ký.

2) Thiện ác có công năng chiêu cảm quả khổ lạc: có quả khổ lạc đáng ghi gọi là ký, vô ký không thể cảm quả khổ lạc, không có quả để ghi nên gọi là vô ký.

3) Có vật để ghi nên gọi là có ký, không vật để ghi nên gọi là vô ký. Như kinh Hoa Nghiêm dùng mười bốn nạn làm vô ký môn, tức không vật để ghi nên gọi vô ký, như gái bất dục không có con để ghi, mà trái với ở đây nên gọi có ký. Nay nói nhân tu Phật, đắc quả Phật, tức là có quả đáng ghi nên gọi là ký. Bạc Thánh ghi nhận, chỉ cho người biết gọi là thọ ký. Lại giải thích ký là nói năng biên chép chỉ bày quả có thể nghi chép. Trong mười hai bộ kinh có kinh Thọ Ký. Do nhân quả việc lớn chúng sanh thường mê hoặc nên khai riêng một bộ.

3) Người năng thọ: (trao ký): Kinh này có hai người trao ký: Phật và Bồ-tát Thường Bất Khinh. Hai vị này khác nhau. Đức Phật thọ ký có cả Ký chung và Ký riêng. Ký riêng: Như lai đủ ba đạt trí biết người này đời vị lai lâu hay mau sẽ thành Phật cho nên thọ ký cho kiếp số kia, như thọ ký cho hàng ba căn nên gọi là ký riêng. Nói ký chung: Như phẩm Pháp sư chép: nghe kinh Pháp Hoa một niệm tùy hỷ đều được thọ ký mà không nói kiếp số ấy lâu mau, do cách Phật đạo lâu xa nên chỉ ký chung. Bồ-tát Thường Bất Khinh tích ở vị nhân ba đạt chưa tròn đầy cho nên chỉ được thông thọ ký, không được thọ ký riêng.

4) Người Sở thọ (được thọ ký): Luận thêm: người được thọ ký gồm có ba thứ:

- 1) Phàm phu.
- 2) Nhị thừa.
- 3) Bồ-tát.

Nay kinh này đủ ba hạng người được thọ ký, do ba người này đều có Phật tánh sẽ thành Phật nên đều được thọ ký. Theo luận Pháp Hoa giải thích: trong thọ ký cho Thanh văn có bốn hạng:

- 1) Thanh văn Quyết định.
- 2) Thanh văn Tăng thượng mạn.
- 3) Thanh văn Lui sụt tâm Bồ-đề.
- 4) Thanh văn Ứng hóa. Hai hạng Thanh văn được Phật thọ ký là

Ứng hóa và Lui sụt tâm Bồ-đề vì là người phát tâm Bồ-đề trở lại. Quyết định, tăng thượng mạn hai hạng này căn cơ chưa đủ nên Phật không thọ ký, chỉ vì Thanh văn quyết định chấp chặt Tiểu thừa, người tăng thượng mạn tự cho là rốt ráo không tin thành Phật tức không có khả năng thọ ký cũng không kham phá chấp và nghĩa hội nhập trở về. Mà kinh này hội chung tất cả Nhị thừa để thành Phật bởi đối ứng với người ngộ cho nên nói kinh này nói phá và nghĩa hội nhập. Tăng thượng mạn cũng như vậy, như năm ngàn đờ chúng không có khả năng nghe hai nghĩa phá và hội, do căn chưa thuần thực. Thường Bất Khinh đối với tăng thượng mạn, căn kia đã thuần thực kham nghe nghĩa phá và hội cho nên vì nói Nhất thừa.

5) Thứ bậc: Kinh luận khác nhau: hoặc nói một thứ thọ ký nên thẳng gọi là kinh thọ ký, Hoặc nói hai thứ thọ ký, như kinh Niết-bàn nói về, nên thọ ký chậm cho họ, người kia mau được thành Phật tâm sanh khinh mạn nên chậm thọ ký. Nếu nói Phật đạo khó đắc lâu thọ, siêng năng khổ nhọc rồi mới được thành Phật tâm liền thối thất vì hạng người này nên thọ ký nhanh. Lại người gốc lành thuần thực nên thọ ký nhanh, gốc lành chưa thuần thực nên thọ ký chậm. Lại có người ưa ở lâu trong sanh tử giáo hóa chúng sanh nên thọ ký chậm, người nhằm chán sanh tử muốn sớm thành Phật nên thọ ký nhanh. Lại có hai thứ thọ ký:

1) Ký chung.

2) Ký riêng.

Như trên giải thích. Luận Trí Độ nêu ba thứ thọ ký:

1) Tự biết mình không biết người, vì lợi ích mình không lợi ích người.

2) Biết người không biết mình vì lợi ích người.

3) Mình và người đều biết đủ, lợi ích đủ mình và người.

Lại có bốn thứ thọ ký:

1) Chưa phát tâm thọ ký.

2) Phát tâm thọ ký.

3) Hiện tiền thọ ký.

4) Không hiện tiền thọ ký.

1. Chưa phát tâm thọ ký có hai:

a) Đầu chưa phát tâm mà thọ ký như chim cứu...

b) Tuy đã phát tâm mà chưa thành lập cũng gọi là chưa phát tâm.

2. Đã phát tâm thọ ký có hai thứ:

a) Ban đầu mới phát tâm liền được thọ ký.

b) Phát tâm thành lập gọi là phát tâm tức vị Thập tín.

3. *Không hiện tiền thọ ký*: nghĩa là Tam Hiền, Bồ-tát chưa đắc vô sanh nhẫn cho nên không có khả năng hiện tiền được vô sanh ký.

4. *Hiện tiền thọ ký*: Sơ địa trở lên đắc vô sanh nhẫn có khả năng được hiện tiền thọ vô sanh ký.

Luận Địa Trì nói có sáu thứ thọ ký, bốn thứ rất giống với trước mà nói về vị có khác chút ít. Thọ ký thứ năm là Thời lượng thời định gọi là kiếp số có hạn, thứ sáu là thời vô lượng, vô định nghĩa là kiếp số vô hạn hai thứ này cũng như là ký chung ký riêng ở trên.

6) Phân biệt chung: Luận Pháp Hoa nói kinh này có sáu thứ thọ ký:

1) Xá-lợi-phất và Ca-diếp và chúng tri thức danh hiệu khác nhau nên thọ ký riêng.

2) Năm trăm người, một ngàn hai trăm người như v.v... Phú-lâu-na đồng một danh hiệu nên đồng thời được thọ ký.

3) Hàng người Hữu Hữu học, Vô học đều đồng một danh hiệu lại chẳng phải chúng tri thức cho nên nhất thời đồng được thọ ký.

4) Đề-bà-đạt-đa được thọ ký thị hiện đức Như lai không oán ghét.

5) Tỳ-kheo ni và các thiện nữ đồng được thọ ký thị hiện người nữ tại gia xuất gia tu hạnh Bồ-tát đều chứng quả Phật. Năm hạng người này là Như lai tự thọ ký.

6) Thường bất khinh cùng thọ ký bốn chúng thị hiện chúng sanh có Phật tánh.

Nay lại dùng bốn câu giải thích:

1) Đồng thời được thọ ký thành Phật có trước sau, như năm trăm La-hán.

2) Đồng thời được thọ ký, đồng thời thành Phật như hai ngàn vị Hữu Hữu học, Vô học.

3) Trước sau được thọ ký trước sau thành Phật như bốn đại Thanh văn.

4) Trước sau được thọ ký đồng thời thành Phật nghĩa nên có.

Lại có bốn trường hợp:

1) Tiểu thừa không có hơn kém, Đại thừa có hơn kém, như năm trăm đệ tử đồng thời thành La-hán nên Tiểu thừa không có hơn kém; mà chuyển kế thành Phật, như người đầu thành Phật xong thọ ký người thứ hai cho nên Đại thừa có hơn kém.

2) Tiểu thừa có hơn kém, Đại thừa không có hơn kém như Hữu

học, Vô học hai ngàn vị, vì là Hữu Hữu học, Vô học nên Tiểu thừa có hơn kém, đồng thời thành Phật nên Đại thừa không hơn kém.

3) Tiểu thừa kém Đại thừa hơn, như A-nan trụ sơ quả là kém, La-hầu-la đắc quả thứ tư nên hơn, mà A-nan thành Phật trước, La-hầu-la thành Phật sau cho nên Đại thừa hơn.

4) Tiểu thừa hơn Đại thừa kém thì La-hầu-la đắc quả thứ tư cho nên hơn, A-nan còn tại địa vị Hữu học nên kém, mà A-nan ở trước La-hầu-la ở sau, tức là hơn kém.

Hỏi: Vì sao trong kinh chê trách thọ ký như Tịnh Danh phá Di-lặc trong ba đời không thọ ký, trong vô sanh nhẫn cũng không thọ ký nay vì sao nói thọ ký ư?

Đáp: Kinh Tịnh Danh vì phá bệnh có sở đắc nên nói người là năng thọ, pháp là sở thọ, Phật là người năng trao ký, Bồ-tát là sở thọ ký, cho nên phá không có thọ ký. Nay vì đối với Thanh văn nói La-hán không thành Phật vì vậy nên thọ ký cho kia thành Phật. Lại kinh kia nói không thấy năng thọ, sở thọ, năng ký, sở ký nên không đắc ký, nay kinh này nói ký vô sở ký nên nói thọ ký. Hai kinh không trái nhau. Lại Phật pháp có nhị đế, Như lai thương y theo nhị đế nói pháp, y môn thế đế nói pháp nên có thọ ký, y môn đệ nhất nghĩa đế nói pháp nên không thọ ký.

7) Giống và khác:

Hỏi: Thọ ký cho Nhị thừa và Bồ-tát có gì khác nhau?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Nhị thừa có Phật tánh pháp thân cho nên thọ ký, chẳng tu hành đầy đủ cho nên thọ ký hoặc Bồ-tát có Phật tánh pháp thân lại tu hành đầy đủ cho nên được thọ ký, nên đại Tiểu thừa được thọ ký khác nhau.

Hỏi: Thọ ký cho người Thanh văn và Duyên giác có gì khác ư?

Đáp: Chia chung bốn trường hợp:

1) Người quả Duyên giác chỉ ở ngoài ba cõi nghe kinh Pháp Hoa cũng ngoài ba cõi được thọ ký.

2) Duyên giác nhân người và Thanh văn nhân vị đều ở trong ba cõi nghe kinh được thọ ký.

La-hán có hai câu:

1) Được gặp Phật trong ba cõi nghe kinh Pháp Hoa được thọ ký.

2) Không gặp Phật, như trong phẩm Hóa Thành Dụ nên rõ sau khi Phật diệt độ La-hán sanh ngoài ba cõi nghe kinh được thọ ký, bốn câu này là phán xét chung.

Hỏi: Làm sao biết được Duyên giác ở ngoài cõi nghe kinh ư?

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát trước khi sắp hạ sanh dùng

thiên nhãn xem xét thế giới, nếu có Duyên giác thì phát ra ánh sáng chiếu soi, người giác biết thì chọn diệt độ, người không giác biết thì đối trú ở phương khác, người này đã ở trong ba cõi không gặp Phật nên biết ngoài ba cõi nghe kinh mới được thọ ký.

Nếu có người Duyên giác gặp Phật: cũng có ở trong ba cõi nghe kinh được thọ ký nghĩa này ít thôi. Theo phẩm này có hai:

- 1) Chánh thọ ký.
- 2) Nghe cho hạ căn hứa nói nhân duyên đời trước.

Phần đầu lại có hai:

- 1) Thọ ký cho bốn vị đại đệ tử.
- 2) Thọ ký năm trăm đệ tử, trái với tâm họ.

Trong phần một lại có hai:

- 1) Thọ ký cho Ca-diếp.
- 2) Thọ ký ba người.

Thọ ký Ca-diếp trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi lại có hai:

Bảo đại chúng và chính là nói về thọ ký.

Hỏi: Thọ ký Thân tử chỉ bảo một người, thọ ký Ca-diếp vì sao bảo chung đại chúng?

Đáp: Văn xen lẫn thể hiện. Lại người thượng căn chỉ có một người nên chỉ bảo Thân tử, trung căn số nhiều nên bảo đại chúng. Lại muốn mở đường cho Thân tử hóa vật do đó bảo riêng, chúng lúc ấy Phật muốn cho họ rộng phát tâm cầu Phật nên bảo chung.

“Tuyên bố thế này”: chánh thọ ký lại có hai:

- 1) Nói về hành nhân.
- 2) Nói về đắc quả.

Trong hành nhân có ba câu:

- 1) Phụng thờ Chư Phật.
- 2) Cúng dường v.v... là nêu ba nghiệp gieo trồng phước.
- 3) “Nói rộng v.v...” là nói mở rộng pháp làm hạt giống trí tuệ.

“Ở thân sau cùng..” là nêu đắc quả. Có 6 thứ quả: Hóa chủ quả.

Nước tên là Quang đức là quả cõi nước kiếp tên là v.v....” là Thời tiết quả, “Phật thọ v.v...” là Thọ mạng quả. “Chánh pháp trú thế...” là Trụ trì quả. “Cõi nước trang nghiêm v.v...” là lập lại nói về quả cõi nước. Trước nêu tên cõi, nay nêu thể cõi. “Nước kia Bồ-tát v.v....” là nêu quả quyết thuộc. “Dù có ma và dân ma nhưng đều hộ trì Phật pháp”: là nói chung rõ cõi có ba:

- 1) Uế độ: Hoàn toàn có ma làm chướng ngại nạn.
- 2) Thuần tịnh độ; thuần không có ma.

3) Cõi trung dung: vừa có ma vừa không có ma, thuận đồng các phương thị hiện làm ma cho nên nói có, đều ủng hộ Phật pháp cho nên nói không, nhưng ma Phật khó biết, liễu ngộ tức ma là Phật, không ngộ thì Phật là ma.

Kệ có mười hai bài rưỡi chia làm ba:

- 1) Một bài rưỡi nêu chung được thọ ký.
- 2) Mười hàng rưỡi nói riêng thọ ký.
- 3) Nửa bài tổng kết thọ ký.

Trong mười hàng rưỡi lại chia hai:

- 1) Hai bài rưỡi tụng hành nhân.
- 2) Tám hàng tụng về đắc quả.

Hai bài rưỡi đầu tụng ba câu văn xuôi:

- 1) Một bài rưỡi tụng phụng thờ Phật.
- 2) Nửa bài tụng ba nghiệp tu phước.
- 3) Nửa bài tụng trước mở rộng pháp làm hạt giống trí tuệ.

“Ở nơi thân sau cùng v.v... là tám hàng tụng đắc quả”, nửa bài tụng quả hóa chủ, ba hàng tụng là quả cõi nước, ba hàng tụng quả quyền thuộc. Trong quả quyền thuộc trước tụng Bồ-tát kế tụng Thanh văn, nửa bài tụng về quả tuổi thọ, một bài tụng quả trú trì, lược không tụng quả thời gian.

“Lúc bấy giờ, ngài Đại Mục-kiền-liên v.v... là thọ ký ba người còn lại, lại chia làm hai:

- 1) Xin ký.
- 2) Thọ ký.

Xin ký có hai phần:

- 1) Văn xuôi.
- 2) Kệ tụng.

- Xin ký: Nói lên Đức Phật từ khi tu nhân sở đắc đó nên xin. “Thấy đều run sợ...” Ba Đại đệ tử tự cho mình đã hiểu Đại thừa mà chưa được Phật thọ ký. ba người sợ chỗ hiểu chẳng phải hiểu rơi vào tầng thượng mạn cho nên run sợ, lại ba người vui mừng vì đã hiểu, kể đến lại sợ chưa kham nổi, vui sợ lẫn lộn nên run sợ.

Kệ văn chia làm ba:

- 1) Hai hàng chánh xin.
- 2) Bốn hàng giải thích xin.
- 3) Một bài kết xin.

Trong ba ấy mỗi mỗi có hai: Phần đầu: trước một bài nêu khen ngợi Phật đã ban ký chung. Kế một bài chánh xin ký riêng. Phần hai

trước một bài rưỡi thí nói. Kế hai bài rưỡi hiệp nói. Tiểu thừa không có thức căn Đại thừa gọi là đối, trái tiểu thừa gọi là đến, “bổng gặp có tiệc vua”: là được tổng ký. “Chưa dám ăn liền”: chưa được ký riêng. “Nếu được vua dạy bảo, vậy sau mới dám ăn”: Nếu được ký riêng lãnh giải mới quyết định, “Chúng con cũng như vậy: “hiệp trước” như từ nước đối đến. “Dù nghe giọng tiếng Phật”: là một hàng hiệp trên “chưa dám ăn liền”. “Nếu được Phật thọ ký”: Nửa bài hiệp trên “được vua bảo, vậy sau mới dám ăn”. Phần ba một bài có hai:

- 1) Nửa bài khen ngợi Phật.
- 2) Nửa bài kết xin.

“Lúc bấy giờ đức Thế tôn...” thọ ký cho ba người, tức chia làm ba Trong thọ ký cho Tu Bồ-đề trước văn xuôi kiếp kệ tụng. Văn xuôi có hai: trước nêu hành nhân, kế nêu đắc quả, trong đắc quả có bảy thứ quả:

- 1) Quả hóa chủ.
- 2) Quả thời gian.
- 3) Quả cõi nước.
- 4) Quả quyền thuộc.

Trong quyền thuộc có ba thứ:

- 1) Cõi kia nhân dân gọi là phạm phu quyền thuộc.
- 2) Thanh văn quyền thuộc.
- 3) Bồ-tát quyền thuộc.
- 4) Bởi trong đó có người thượng trung hạ phẩm.
- 5) Quả thọ mạng.
- 6) Quả trú trì.

7) “Đức Phật đó thường ở trên hư không v.v...” gọi là quả thuyết pháp. Do nhân tu của Thiện cát lúc ấy đắc giải Không, nên khi thành Phật ở trên hư không nói pháp.

Kệ mười hai hàng văn chia làm ba:

- 1) Hai bài nói chung Phật thọ ký.
- 2) một bài tụng trên hành nhân.
- 3) Chín hàng còn lại là tụng đắc quả.

Trong đây một bài tụng hóa chủ, một hàng rưỡi tụng về cõi nước, ba hàng tụng quyền thuộc, trong quyền thuộc không tụng phạm phu chỉ tụng Thanh văn Bồ-tát. Văn xuôi từ kém đến hơn, trước Thanh văn sau Bồ-tát, nay từ hơn đến kém, trước Bồ-tát sau Thanh văn. Kế hai bài tụng về quả nói pháp, kế nửa hàng tụng quả tuổi thọ, một bài tụng quả trú trì, lược không tụng quả thời gian. Kệ và văn xuôi trước sau không

có thứ lớp đều là chuyển thế nói pháp, mỗi mỗi chỉ bày một môn, có ý tìm kinh xem văn mà hiểu.

Thọ ký cho Ca-chiên-diên văn xuôi chia làm hai: Trước hành nhân sau đắc quả. Hành nhân có ba:

1) Ở chỗ ít Phật hành nhân. “Sau thời kỳ đó v.v....” là nói về ở chỗ nhiều Phật hành nhân.

2) “Cúng dường các Đức Phật đó rồi...” kết nghĩa nhân đầy đủ. Trong đắc quả nói lược năm quả không có quả thời gian.

3) “Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như lai v.v...” Diêm phù Hán dịch uest, Na đề là châu. Châu Diêm-phù-đề có nước, dưới nước có sắc vàng, sắc vàng hiện ra trên nước, mượn đây đặt tên.

Văn kệ chia làm hai:

1) Ba hàng tụng hành nhân.

2) Bốn hàng tụng đắc quả.

Trong đắc quả ba câu lược tụng quả hóa chủ, một câu tụng quả cõi nước, hai bài tụng lại hóa chủ, một bài tụng quyển thuộc, lược không nêu ba quả còn lại.

Thọ ký Mục-kiền-liên: Trong văn xuôi trước nêu hành nhân sau nêu đắc quả, trong hành nhân trước đối ít Phật hành nhân. “Lại sẽ cúng dường v.v...” là nêu đối với nhiều Phật mà hành nhân. Trong đắc quả đầy đủ sáu quả. Đa-ma-la-bạt: tên Hương Thảo diệp Hán dịch là quì hương. Trong quả quyển thuộc trước từ kém đến hơn nên Bồ-tát nói sau. Kế từ hơn đến kém nên Bồ-tát nói trước, nay chỉ bày Bồ-tát thực hành Trung đạo cho nên ở trung gian. Lại nhân chư thiên thân tâm đều kém nên nói đầu, Bồ-tát tâm hơn thân hình không nhất định phương cho nên nói thứ hai, Thanh văn tâm hình đều hơn cho nên nói thứ ba.

Đầu năm hàng kệ tụng hành nhân. “Ở nơi nước Ý lạc..” là tụng đắc quả. một câu tụng quả cõi nước, ba câu tụng về hóa chủ, nửa hàng tụng về thọ mạng, nửa hàng tụng về quả thuyết pháp, hai bài tụng về quyển thuộc, một bài tụng về quả trú trì. “Các đệ tử của ta v.v...” một bài rưỡi thọ ký chung năm trăm người. “Ta cùng với các ông...” một bài hứa nói các nhân duyên đời trước.

PHẨM HÓA THÀNH DỤ THỨ BẢY

Nay dùng ba môn giải thích:

- 1) Ý nghĩa có phẩm này.
- 2) Giải thích tên đề.
- 3) Quyết nghi.

I. Ý nghĩa:

1) Thừa quyền, thừa thật gồm nói có ba châu:

a) Môn Pháp thuyết.

b) Môn Thí thuyết. Hai thứ này đã xong. Nay là thứ ba môn vừa pháp vừa thí. Trước Hóa thành gọi là pháp thuyết, Hóa thành về sau gọi là thí thuyết. Hai căn thượng trung mỗi một căn đều bảm thọ một thuyết, hạ căn phải trình bày đủ pháp thí. Trước Hóa thành nói về pháp thuyết. Nghĩa là thuyết bắt đầu đời quá khứ kết duyên. Hóa thành trở đi nói về thí chếp: Do quá khứ kết duyên hiện tại lại gặp nhau cho nên lập lại thành thuyết Hóa thành dụ. Đây đủ hai đời từ đầu đến cuối độn căn chính mới lãnh giải cho nên có phẩm này.

2) Vì giải thích nghi cho nên có, Nghi là nói người Thanh văn bảm thọ kinh Pháp Hoa tức năng giải ngộ hiện tại được thọ ký vị lai thành Phật. Nếu vậy vì sao dùng Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành, vì giải thích nghi này cho nên nói về, ba căn Thanh văn từ nhiều kiếp lâu xa đến nay từng phát đại tâm tu hạnh Bồ-tát, nhưng giữa đường quên mất, tạm thời chứng Tiểu quả, nay nghe Đại thừa lại đắc bốn ngộ cho nên hiện tại được thọ ký, vị lai thành Phật, vì giải thích nghi trên nên nói phẩm này. Vì thế, hai châu trên lãnh giải tức là quả đắc ngộ, một phẩm nay nói về được nhân lãnh giải, cho nên tuy có ba châu không ra ngoài hai nghĩa nhân quả.

3) Phẩm Thí Dụ chếp: vì các Thanh văn nói kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp, nhưng Thanh văn có hai thứ:

a) Bốn thừa Thanh văn.

b) Lui sụt đại chứng tiểu Thanh văn.

Vì hai hạng người này nên nói về hai thứ nói, vì bốn thừa Thanh văn nên nói thẳng pháp môn hiện tại, nghĩa là hiện tại có căn tánh Ba thừa, ở trong nhà lửa ba cõi quyền nói ba xe dẫn khiến được ra, đã được ra khỏi nhà lửa lại dùng các thứ phương tiện điều phục tâm kia khiến tiểu chí dần dần thay đổi đại căn hơi thuần thực, rồi sau vì họ nói tuệ Phật khiến sơ khởi tín tâm. Trên pháp nói hai châu thường nói về ý này nghĩa là hóa bốn thừa Thanh văn.

Vì thoái đại chứng tiểu Thanh văn, nói pháp quá khứ gồm có ba thời:

- 1) Sơ học Đại thừa.
- 2) Lui sụt đại chấp tiểu.
- 3) Bỏ tiểu ngộ đại.

Hiện tại nói dụ Hóa thành cũng có ba thời:

- 1) Ban đầu nói Đại thừa.
- 2) Giữa đường nói Tiểu thừa.
- 3) Sau lại nói Đại thừa.

Nói như thế là thường thoái đại chứng tiểu Thanh văn, cho nên Thanh văn không ra ngoài hai thứ, ba châu chỉ cho hai môn này, đây đều là phán xét chung, hai môn thông nhau trước sau. Theo ý luận Pháp Hoa nói thật không mà cho là có gọi là người tăng thượng mạn. Do có Tam-muội-Ba-ma-bạt-đề thế gian đối trị đây cho nên nói Hóa Thành Dụ, luận nói về người phạm phu đắc thiên định thế gian chấp phi tướng vô tướng là Niết-bàn, cho nên nay nói về Thanh văn Niết-bàn còn như hóa hưởng gì phạm phu là thật. Muốn người Thanh văn bỏ tiểu Niết-bàn, đắc đại Niết-bàn cho nên nói dụ Hóa thành.

II. Giải thích tên: Trúc Pháp Hộ dịch là phẩm Vãng cổ, đây do từ đầu đặt tên; Ngài La-thập dịch là Hóa Thành Dụ, tức từ văn sau đặt tên, nhưng hai tên đều có một nghĩa. Đề Vãng cổ: được hiểu rõ bắt đầu quá khứ kết duyên, nêu Hóa thành là nói về cuối cùng hiện tại phá chấp, nhưng Vãng cổ ý nói tản mạn nghĩa phá chấp không tập trung, Hóa thành nói riêng bác bỏ bệnh là thiết yếu, vì kia không mà bỗng có nên gọi là hóa, phòng dịch gọi là thành, hiểu dụ hạ căn nói về quả xưa chẳng chân thật đó là mở cửa phương tiện, tiến đến đảo châu báu gọi là hiển nghĩa chân thật, trực kế đặt tên này đủ được bỏ quyền bày thật cho nên dứt chấp dứt nghi, gọi là phẩm Hóa Thành Dụ.

III. Quyết nghi: Hỏi: ba xe, hai sứ giả, một thành đều là quyền, đây có gì khác?

Đáp: Vốn có căn tánh Ba thừa nên nói ba xe, người Nhị thừa lãnh giải biết chỉ một sự thật đây, hai thứ còn lại chẳng chân thật cho nên nói hai sứ giả. Nhị thừa tuy khác, đồng đoạn kiến tư hoặc phiền não đồng đắc vô vi Niết-bàn cho nên gọi một thành.

Hỏi: ba xe cùng ba sứ giả có gì khác nhau ư?

Đáp: Trưởng giả sai người bên cạnh gọi con không được, lại sai hai người gọi con liền được, cho nên một sứ là chân thật hai sứ là phương tiện, nghĩa này đồng với Trưởng giả dùng vật áo bàn ghế hóa con không

được dùng ba xe cứu con được, vạt áo bàn ghế là chân thật, ba xe là phương tiện.

Hỏi: Trong ba xe thì xe lớn là thật hay là phương tiện?

Đáp: Đủ có hai nghĩa: như đạo lý không hai chỉ có một, thì hai là phương tiện một là chân thật, vì vậy nên trước nói chỉ có một sự thật hai thứ còn lại chẳng thật. Sau lại nói chỉ có một chỗ nghỉ ngơi và Phật thừa nên nói hai.

Hỏi: Nếu vậy đã một sứ giả hóa không được, hai sứ giả hóa liền được, cũng lẽ ra một xe lớn dẫn không được, hai xe dẫn liền được ư?

Đáp: cũng theo lệ, nhưng ý phẩm Thí dụ trong nhà lửa vốn có ba mươi người con không thể chỉ dùng Nhất thừa hóa cho nên dùng vạt áo... cứu không được, vì nói ba xe liền được, nay hai sứ giả chính là một thừa làm dụ, nên một sứ giả gọi không được, hai sứ giả gọi liền được. Nhất thừa là chân thật, Ba thừa là phương tiện: Mà dùng phương tiện mật sai hai người cho nên nhị thừa là phương tiện, cởi áo quý giá mặc áo thô xấu là phương tiện để được gần con, Phật thừa này cũng là phương tiện. Vì sao? Vì không có từ thân phàm phu ở dưới gốc cây mới được thành Thánh vì người Nhị thừa nên phương tiện thị hiện.

Hỏi: hai xe, một thành đều là phương tiện, vì sao thành một mà xe hai ư?

Đáp: Nếu luận chung thì được xen lẫn tương loại, đã được gọi là một thành cũng được gọi là một xe, cho nên Thanh văn, Duyên giác đồng gọi Tiểu thừa. Căn cứ trí có hơn kém đã phân hai xe, cũng được căn cứ người khác nhau chia làm hai Niết-bàn. Cho nên đoạn văn dưới chép: Vì dừng nghỉ nên nói hai Niết-bàn. Kinh Niết-bàn chép: Đời nếu không có Phật chẳng phải không có Nhị thừa đắc hai Niết-bàn. Lại nói Xá-lợi-phất các ông dùng tiểu Niết-bàn mà bát Niết-bàn. Người Duyên giác dùng trung Niết-bàn mà bát Niết-bàn. Mà nay xe hai, thành một ấy: là muốn căn cứ căn tánh lợi độn nên nói về trí có hơn kém, do đó chia làm hai xe. Điều vượt ngoài ba cõi đồng nghĩa dừng nghỉ cho nên hiệp làm một thành. Đứng về Đại tông mà nói muốn nói lên nhị thừa khác nghĩa cho nên chia làm hai xe, Nhị thừa lại có nghĩa đồng nên hiệp làm một thành.

Hỏi: Nhị thừa có bao nhiêu nghĩa khác nhau bao nhiêu nghĩa đồng nhau?

Đáp: Nghĩa khác thì nhiều nói lược mười một thứ khác:

1) Căn có lợi độn.

2) Tu nhân dài ngắn, Thanh văn nhanh nhất là ba đời, chậm nhất

là sáu mươi kiếp, Duyên giác nhanh nhất bốn đời, chậm nhất một trăm kiếp.

3) Khác thời: Thanh văn và Phật đồng đời, Duyên giác và Phật khác đời.

4) Có bi và không có bi như luận Trí độ chép: Như ba thú bị bao vây, Thanh văn như hươu chỉ tự thoát vòng vây Duyên giác như dê, tuy được thoát mà nhớ về con thì có ít bi.

5) Phước đức dày mỏng khác nhau: Duyên giác thân có tướng tốt, nhưng đầy đủ hoặc không đầy đủ, Thanh văn thân hoặc có tướng hảo hoặc không tướng tốt.

6) Có ấn tự không ấn tự khác nhau: Duyên giác trong tay có mười hai nhân duyên ấn tự, Thanh văn trong tay không có tứ đế ấn tự.

7) Hiện thần thông nói pháp khác nhau: Thanh văn thường vì người nói pháp, Duyên giác thường vì người hiện thần thông, dù có nói pháp chỉ nói một bài kệ

8) Lợi ích sâu cạn khác: Thanh văn nói pháp khiến người được bày hiên bày thánh, Duyên giác nói pháp không khiến người đắc pháp Noãn, pháp Đảnh cho đến La-hán. Vì sao? Vì Thanh văn đồng đời với Phật, chúng sanh phước đức lợi căn cho nên nghe nói giáo pháp đắc thành quả Thánh, Duyên giác xuất hiện đời không có Phật, chúng sanh phước mỏng căn độn tuy nghe nói pháp không thể ngộ sâu cũng không có khả năng nói nhiều.

9) Cảnh giới khác nhau: Thanh văn thiên nhãn theo Luận Trí độ và Tạp tâm nói dùng hai ngàn thế giới làm cảnh giới, Duyên giác thiên nhãn dùng ba ngàn thế giới làm cảnh giới.

10) Xuất xứ khác nhau: Thanh văn ra đời, Duyên giác ẩn xứ núi rừng.

11) Tiệm đốn khác nhau: Thanh văn tiệm đắc bốn quả Duyên giác đốn chứng nhất quả.

Nói đồng: nói lược bảy thứ:

1) Dứt hoặc đồng, gọi là đồng dứt hoặc kiến tư.

2) Nghĩa xuất đồng: đồng xuất ba cõi:

3) Trí đồng: Y Đại phẩm nói đồng đắc Nhất thiết trí, y Tiểu thừa đồng đắc Tận vô sanh.

4) Niết-bàn đồng: Đồng đắc hai thứ Niết-bàn hữu dư, vô dư.

5) Thấy đồng: Đồng thấy lý tứ đế.

6) Đồng biết việc quá khứ vị lai tám muôn kiếp.

7) Đồng tên nhất Tiểu thừa.

Hỏi: Các con ra khỏi cửa vì sao không thấy ba xe giữa đường thấy hóa thành ư?

Đáp: y cứ Thí dụ mà nói con ở trong nhà xe ở ngoài cửa là căn cứ nói pháp luân làm thí dụ cha hư chỉ ngoài cửa nói về có ba xe, các con ra ngoài cửa không thấy có ba xe, đây y cứ giáo nay làm dụ muốn nói lên đạo lý không ba làm nghĩa đồng ban cho xe lớn. Cho nên, nương các con ra ngoài cửa không thấy có ba, theo cha xin ba để nói lên không ba. Thành căn cứ thần thông luân làm dụ, thành trên đường đi xa không có vật gì ngăn cách, đồng bạn với các con nên mất tiện thấy. Đây căn cứ giáo xưa mà nói về mọi người muốn thối cho nên khiến họ thấy thành mà vào thành. Nếu dùng thành so sánh xe thì xưa đã thấy thành mà vào thành, xưa cũng thấy xe mà cưỡi xe, xe là Niết-bàn, xưa đã chứng Niết-bàn.

Như Thân tử chép: lúc bấy giờ tâm tự cho là ến diệt độ, nếu dùng xe so sánh thành thì nay ra khỏi cửa đã không thấy xe, nay giữa đường cũng không thấy thành, chỉ Như lai chuyển thế nói pháp, y cứ xưa nay khác nhau nên thành xe có thấy không thấy khác nhau. Lại không thấy xe hiển lý không ba nói về nghĩa thật trí, thấy có thành nói lên phương tiện có ba nói về nghĩa quyền trí. Lại thành xe khác nhau: xe thường dựa vào trí đức hữu vi, lấy đó vận động làm dụ, thành nhiều căn cứ ở Niết-bàn vô vi lấy vắng lặng Nhất thừa đó để lập dụ.

Nói nhân duyên đời trước gồm có ba phẩm: Theo như hai châu trước đều nên có bốn:

- 1) Chính là nói.
- 2) Lãnh giải.
- 3) Thuật thành.
- 4) Thọ ký.

Nay nói dù có ba phẩm mà thích hợp làm hai: Đầu phẩm chính là nói, sau hai phẩm nói về thọ ký, trong đó đều nói về lãnh giải không thể tách riêng. Sở dĩ chỉ nói về hai: Chư Phật nói pháp có lược có rộng, trước vì lợi căn cho nên nói rộng, sau y độn căn cho nên nói lược.

Hỏi: hai châu đầu vì sao trước lãnh giải sau mới thọ ký, nay nói nhân duyên đời trước vì sao trước thọ ký sau mới lãnh giải ư?

Đáp: xưa giải thích rằng muốn tiêu biểu hạ căn đạt ngộ là khó, nay tuy vì nói mà còn chưa rõ ràng nên lại phải thọ ký, giải tâm bắt đầu quyết định mới thuật lãnh giải.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Trước nói tâm còn hoài nghi lo sợ “chưa dám ăn ngay”,

trung căn còn phải đợi thọ ký, giải tâm mới hiểu rõ hướng chi người hạ căn ư! Nay cho rằng đây giải thích tiểu thành khó hiểu, nếu trung căn đợi thọ ký giải tâm mới quyết định thì cũng nên đợi thọ ký mới thuật lãnh giải, nay lại dùng một nghĩa giải thích người hạ căn nghe nói nhân duyên đời trước và hóa thành dụ liền lãnh giải cho nên Như lai liền thọ ký ngay cho họ, được thọ ký rồi mới thuật kia lãnh giải vì muốn nói giáo môn khác nhau nên ba châu được thọ ký lãnh giải trước sau là khác!

Đại ý phẩm này chính muốn nói về đời quá khứ làm mười sáu vị Sa-di vì ông nói kinh Đại thừa, nhưng giữa đường quên mất Đại nên chọn Tiểu, nay lại muốn ông bỏ Tiểu ngộ Đại nên nói Pháp Hoa, nhưng nghĩa này không thể nói thẳng phải trình bày đầy đủ lý do việc đời trước. Nên chia làm hai phần: Đầu: một văn xuôi một kệ tụng, lược thuật quá khứ kết duyên thời gian lâu dài. Kế một văn xuôi một kệ tụng, nói rộng việc kết duyên quá khứ. Căn cứ trước lại có hai: Đầu văn xuôi kể kệ tụng. Văn xuôi có năm:

- 1) Nói về thời gian kết duyên.
- 2) Bấy giờ có Đức Phật v.v.... là nêu Phật kết duyên.
- 3) “Nước đó tên Hảo Thành...” là nói kết duyên.
- 4) Kiếp tên Đại tướng v.v.... là nói tên kiếp kết duyên.
- 5) “Các Tỳ-kheo v.v...” là kết duyên thời gian lâu dài.

Do đó nói về thời gian lâu dài:

1) Muốn chỉ bày các Thanh văn phước mỏng căn độn xưa vốn học kinh Đại thừa cho đến nay trụ trong Tiểu quả thật đáng thương.

2) Là muốn nói về sanh tử lâu dài khiến các chúng sanh khởi tâm sợ hãi sâu xa làm cho đạo tâm vững chắc khiến không còn lui sụt.

3) Muốn khen ngợi Như lai năng biết lâu dài cũng như ngày này khiến người Nhị thừa tự khinh mình ưa thích trí Phật.

4) Muốn nói lên Pháp Hoa là đạo pháp của cổ Phật, Tiểu thừa nghe nói không nên kinh sợ.

Căn cứ trong văn này lại chia năm câu:

- 1) pháp thuyết.
- 2) “Thí như v.v....” là nêu dụ để hỏi Tỳ-kheo.
- 3) “Thưa Thế tôn! không thể biết! v.v...” Tỳ-kheo vâng đáp.
- 4) “Các Tỳ-kheo v.v...” chính là nói về quá khứ lâu dài.
- 5) “Ta dùng trí kiến của Như lai v.v...” là khen ngợi trí Phật.

Luận Địa trì chép: Phật có ba trí:

- 1) Bạc nhất nghĩa thanh tịnh trí gọi là không trí dứt hoặc.
- 2) Nhất thiết trí biết các pháp hữu. Lược biết bốn pháp:

- a) Biết tất cả thời gọi là ba đời.
- b) Biết tất cả giới gọi là thế giới và cõi chúng sanh.
- c) Biết tất cả sự gọi là hữu vi vô vi sự.
- d) Biết tất cả chúng gọi là nhân quả chủng biệt thế gian xuất thế gian.

3) Trí Vô ngại cũng là Hữu trí: đối bốn pháp trên muốn biết thì biết mà không ngăn ngại. Nay nói tri kiến của Như lai tức là hai trí sau lại cũng đầy đủ ba trí. Sở dĩ biết như vậy là do khen ngợi Phật quán nơi lâu xa cũng như ngày nay, đây là xa gần không hai. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm chép: một niệm vô lượng kiếp, vô lượng kiếp trong một niệm, không đến không chứa nhóm mà hiện việc các kiếp.

Kệ văn chỉ tụng ba việc: Nửa bài tụng thứ nhất là thời gian, nửa hàng tụng thứ hai là hóa chủ, sáu hàng còn lại tụng thứ năm quá khứ lâu dài. Trong văn xuôi có năm nay chỉ tụng ba: đầu hai bài tụng thứ hai nói thí dụ hỏi các Tỳ-kheo. Kế hai bài tụng thứ tư nêu quá khứ lâu xa. Kế hai bài tụng thứ năm khen ngợi trí Phật.

“Phật bảo các Tỳ-kheo v.v...” một văn xuôi một kệ tụng nói rộng về việc kết duyên quá khứ.

Văn cũng có hai:

- 1) Văn xuôi.
- 2) Kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai:

- 1) Nêu bắt đầu kết duyên quá khứ.

2) Nêu hiện tại lại gặp nhau lại vì nói pháp. hai thứ này là quá khứ hiện tại từ đầu đến cuối.

Căn cứ đầu lại có hai:

- 1) Nêu lý do kết duyên.
- 2) Chính nêu kết duyên.

Hai văn đều có hai: Lý do kết duyên có hai:

- 1) Duyên do kết duyên xa.
- 2) Duyên do kết duyên gần.

Trong chánh kết duyên cũng có hai:

- 1) Nêu một đời kết duyên.
- 2) Nêu đời đời gặp nhau.

Trong lý do kết duyên xa chia làm bốn:

- 1) Nêu đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật.
- 2) Mười sáu vị vương tử xin Phật xoay bánh xe pháp.
- 3) Thành Phật xong hiện tướng lành.

4) Phạm thiên khắp mười phương nhóm họp cúng dường khuyến xin. Bốn đoạn thứ tư: Ban đầu duyên thuận thực nên thành đạo, do thành đạo nên chúng gần nhóm họp khuyến xin nói pháp, chúng gần tuy đến nhưng chúng xa chưa nhóm họp cho nên hiện tướng lành gọi, người có duyên đồng thấy cho nên chúng xa đều nhóm họp cúng dường khuyến xin. Tuy có bốn đoạn này mà không ngoài hai việc: thứ nhất và ba nêu việc năng hóa, thứ hai và bốn nói về việc sở hóa.

Căn cứ bốn đoạn mỗi đoạn chia làm riêng, hiệp thành mười hai phần kinh. Đoạn đầu có ba:

- 1) Nêu mười kiếp ngỗ đạo tràng chưa thành Chánh giác.
- 2) Chư thiên cúng dường.
- 3) Quá mười kiếp mới thành Phật.

Đầu văn nói về Phật tuổi thọ năm trăm bốn mươi muôn ức na do tha kiếp gồm có ba nghĩa:

- 1) Thành trên quá khứ lâu xa, Phật thọ đã lâu dài như thế, hướng chi sau khi diệt độ trải qua số kiếp như thế.
- 2) Muốn nói về mười kiếp ngỗ đạo tràng và sau nhập định tám muôn bốn ngàn kiếp cho nên trước phải nói về Phật tuổi thọ lâu dài.
- 3) Ba châu nói pháp nói nương quyền thừa thật sắp xong. Muốn xa khai nghĩa tuổi thọ cho nên nói về cổ Phật tuổi thọ lâu dài khiến sau khai Thích-ca tuổi thọ lâu dài mà không sanh kinh sợ nghi ngờ.

Hỏi: Vì sao mười kiếp ngỗ đạo tràng?

Đáp: Vì duyên thích nghi khác nhau, như Thích-ca sáu năm khổ hạnh, Di-lặc xuất gia trong ngày liền thành Phật. Mà nói mười kiếp không thành Phật ấy: Đây muốn đợi vật duyên thuận thực ở trong mười kiếp cho đến thời nay mới thành. Lại có hai lợi ích: chưa thành đạo khiến cúng dường sanh phước cho chúng sanh, thành đạo rồi thọ xin nói pháp khiến chúng sanh được tuệ.

Hỏi: Bồ-đề khó đắc dễ đắc có nghĩa gì ư?

Đáp: Như Đại phẩm có chỗ chép:

1) Căn cứ có phương tiện không phương tiện nói về kia khó dễ, không phương tiện gọi là khó, có phương tiện gọi là dễ, khó dễ nêu ra hai duyên.

2) Bồ-đề thật không có khó dễ; lại môn thế đế nói về Bồ-đề khó đắc, môn đệ nhất nghĩa nêu Bồ-đề dễ đắc lại vì chúng sanh khinh chê Phật đạo nên nói Bồ-đề khó đắc, vì chúng sanh sợ hãi sanh tử lâu dài nên nói Bồ-đề dễ đắc.

Hỏi: Vì sao gọi là đạo tràng ư?

Đáp: Đạo tràng có hai thứ:

- 1) Pháp thân đạo tràng.
- 2) Ứng thân đạo tràng.

Pháp thân đạo tràng: Đạo là đạo quả ba Bồ-đề; Tràng là muôn hạnh. Như kinh Tịnh Danh chép: do muôn hạnh năng thành đạo Ba Bồ-đề cho nên nhân hạnh làm đạo tràng của quả. Ứng thân đạo tràng: ở cõi Ma-kiệt-đà vốn ở dưới gốc cây thành đạo nên gọi là đạo tràng.

Hỏi: Nếu nói nhân hạnh là đạo tràng vì sao kinh Tịnh Danh nói Nhất thiết trí v.v... là đạo tràng ư?

Đáp: Đạo tràng có cả nhân lẫn quả:

- 1) Tức nhân năng khởi đạo gọi là đạo tràng như trước nói.
- 2) Tức quả cũng là đạo tràng, vô thượng hư thông nên gọi là đạo, tức là chỗ bước lên đạo Thánh mẫu nhiệm nầy nên gọi là Tràng.

Nay dùng bốn câu giải thích:

- 1) Đạo mà không phải tràng gọi là đạo vô thượng quả.
- 2) Tràng mà chẳng phải đạo gọi là dưới cây Bồ-đề khởi đạo.
- 3) Vừa là đạo vừa là tràng tức như trước nói gọi là quả đạo tràng.
- 4) Chẳng phải đạo, chẳng phải tràng dứt ba môn trên trở về ngôn ngữ vắng lặng lo nghĩ dứt.

“Lúc ấy, các trời Phạm thiên...” là nói chư thiên cúng dường. “Các Tỳ-kheo v.v...” trải quá mười kiếp đức Đại Thông Trí Thành thành Phật, nhưng thành Phật có hai thứ: Pháp thân thành Phật, như từ mỗi phát tâm đến địa Đẳng giác sau chuyển thành Phật địa Diệu giác, đây là biến dịch sanh tử sắp đổ cho nên pháp thân ngoài ba cõi thành Phật. Y luận Nhiếp Đại thừa nêu ngoài ba cõi có bốn thứ sanh tử, Ba địa trở xuống gọi là phương tiện sanh tử, Tứ địa đến Thất địa gọi là nhân duyên sanh tử, Bát địa đến Thập địa gọi là hữu hữu sanh tử, Kim cương tâm nhất sát na gọi là vô hữu sanh tử. Luận Phật tánh chép: Ba địa là địa thế gian nên gọi là thế đế, cũng là phước đức, phước đức so với trí tuệ thì phước đức là duyên gọi là phương tiện sanh tử. Tứ địa đến Thất địa gọi là xuất thế gian địa cũng gọi là Chân-đế, xứng là trí tuệ, trí tuệ là nhân gọi là nhân duyên sanh tử. Luận nêu dụ rằng: Phương tiện sanh tử như vô minh sanh hành, nhân duyên sanh tử như hành sanh thức, cho nên biết vô minh là phương tiện mà hành chính là nhân. Hữu hữu sanh tử là có sanh cũng có tử, vô hữu sanh tử chỉ có một sát na sanh sau thì chuyển thành pháp thân, pháp thân thành Phật chính là lìa vô hữu sanh tử. Ứng thân thành Phật gồm có hai thứ:

1) Theo Đại thừa, Thập địa hành mãn ngồi dưới đạo tràng, hoặc có cõi tịnh ngoài ba cõi thành Phật, hoặc cõi uế tịnh trong ba cõi thành Phật.

2) Tiểu thừa thành Phật nhất định ở trong ba cõi.

Luận Câu xá có hai thứ giải thích:

1) Phật ngồi dưới gốc cây quán bất tịnh cho đến thứ lớp chứng Tận trí vô sanh trí mới xuất quán gọi là thành Phật.

2) Ngồi dưới gốc cây từ bốn gốc lành thứ lớp nhập Kiến tu đạo ba mươi bốn tâm thành Phật.

Đại Tiểu thừa thành Phật khác nhau: Tiểu thừa từ phàm chuyển thành Thánh, Đại thừa từ Thánh đến Thánh.

Hỏi: Nói theo Tiểu thừa thì Phật là người căn cơ đại lợi không có nghĩa ngồi đạo tràng mà Phật pháp không hiện tiền, trên nói vì sao Phật pháp không hiện tiền ư?

Đáp: Nay y cứ Đại thừa phương tiện trú đời duyên Tam-muội cho nên nói Phật pháp không hiện tiền! Nếu căn cứ Tiểu thừa đức Thích-ca sáu năm khổ hạnh cũng được gọi là Phật pháp không hiện tiền.

Hỏi: sáu năm khổ hạnh là có ngồi đạo tràng hay không?

Đáp: Chẳng đúng, sáu năm khổ hạnh xong thọ dụng sữa rồi sau chọn tòa cỏ nơi đạo tràng mới thành Phật.

“Lúc Đức Phật chưa xuất gia v.v...” là đoạn hai: Nói mười sáu vương tử xin xoay bánh xe pháp cũng chia làm ba riêng:

1) Cùng quyến thuộc đến chỗ Phật.

2) Đến rồi cung kính khen ngợi.

3) Chánh xin nói pháp.

Hỏi: Vì sao ban đầu nêu lên mười sáu vương tử mà trước không nói vị tổ của vua Chuyển luân kia ư?

Đáp: Gồm có hai nghĩa:

1) Mười sáu vương tử có công xin chuyển pháp luân đại tiểu thừa cho nên nêu trước.

2) Mười sáu vương tử lại có thể giảng giải lại; nay chính là nói về kết duyên với vương tử cho nên nêu trước.

“Tên là Trí tích v.v...” là bình đẳng đại trí đều đã chứa nhóm cho nên năng xin chuyển hai luận và thuật lại kinh Diệu Pháp Hoa. “Đều bỏ đồ báu của mình đi đến chỗ Phật” là ý muốn xuất gia cho nên xả tiểu lạc mà cầu đại lạc. “Các người mẹ khóc lóc theo đưa:” ái tình chưa dứt cho nên khóc lóc, đạo duyên đã hợp cho nên theo đưa.

“Đã đi đến nơi đem đầu mặt kính lễ dưới chân Phật...” Cung kính,

khen ngợi. Văn xuôi ở trước là thân nghiệp cung kính, kế kệ tụng là miệng nghiệp khen ngợi, tự có khen ngợi mà không cung kính, cung kính mà không khen ngợi, vừa cung kính vừa khen ngợi, chẳng cung kính chẳng khen ngợi nay đủ cả hai.

Kệ văn chia làm bốn:

- 1) Một bài rưỡi khen ngợi Phật thành đạo.
- 2) Hai bài khen ngợi ngôi đạo tràng.
- 3) Bốn hàng nêu tự vui mừng.
- 4) Nửa bài kết khen ngợi.

“Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử v.v...” là nêu xin xoay bánh xe pháp, trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn kệ có ba:

- 1) Hai bài rưỡi chính là thỉnh nói pháp.
- 2) Một bài rưỡi khen ngợi Phật đức biết căn cơ giải thích có khả năng thọ thỉnh.
- 3) Nửa bài chính là kết thỉnh.

Mà nói một trăm phước ấy: một thiện có năm phẩm tâm, gọi là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Mười thiện hiệp thành năm mươi, đầu có năm mươi tâm cuối có năm mươi tâm cho nên gọi là một trăm phước.

“Phật bảo các Tỳ-kheo...” là đoạn ba: Nói về thành Phật rồi sau hiện tướng lành, sở dĩ hiện tướng lành là muốn rộng nhóm họp người có duyên khiến thọ đạo pháp. Lại mười kiếp ngôi đạo tràng nghĩa là bậc Thánh im lặng ý nghiệp lợi vật, nay nói là phát ra ánh sáng nghĩa là thân nghiệp lợi vật, sau thọ xin nói pháp gọi là miệng nghiệp lợi vật. Lại từ khi thành đạo về sau đầy đủ ba nghiệp lợi vật. Phát ra ánh sáng là thân nghiệp, động đất là ý nghiệp, nói pháp là miệng nghiệp. Văn lại có ba:

- 1) Động địa.
- 2) Phát ra ánh sáng.
- 3) “Lại các cõi nước kia v.v....” nêu chỗ hai tướng lành đến. Sở dĩ phát ra ánh sáng là

1) Tiêu biểu trí sáng chói như mặt trời cho nên thân sáng chói trước.

- 2) Muốn diệt chướng ngại của chúng sanh.

3) Muốn triệu tập người có duyên khiến biết Phật ra đời. Sở dĩ động đất: là kệ tụng sau giải thích rằng: “Vì giác ngộ chúng sanh, linh động với tất cả khiến chúng sanh biết có Phật ra đời”. Nêu riêng hai tướng lành đến: trước hai chương là lợi ích các chúng, nay mục đích

nhóm họp Phạm vương.

“Bấy giờ phương Đông...” là đoạn bốn: Nêu Phạm thiên mười phương nhóm họp xin xoay bánh xe pháp. Sở dĩ chỉ nói về Phạm Vương xin vì trên nêu mười sáu vương tử trong mười phương là nói chúng gần thính nay nói mười phương Phạm vương thính là chúng xa nói lược gần xa, trung gian đó theo lệ có thể biết cho nên văn sau chép: Lúc các Phạm thiên đến thấy mười sáu vương tử thính và tám bộ cung kính cho nên biết nói lược gần xa thì biết trung gian. Lại mười sáu vương tử là nêu người thính, nay nói thiên thính, vì trời người là khí thọ đạo. Lại mười sáu vương tử là nói về trong quyển thuộc thính nay nói ngoài quyển thuộc thính. Văn cũng có ba:

- 1) Nêu Phạm vương ba phương đến thính.
- 2) Theo lệ nơi sáu phương.
- 3) Biệt nêu phương trên Phạm thiên đến xin.

Ba phương thính tức ba đoạn, mỗi một phương theo lệ có sáu chương:

- 1) Thấy điềm lành sanh nghi.
- 2) Các Phạm thiên tính bàn.
- 3) Tìm ánh sáng đến chỗ Phật.
- 4) Ba nghiệp cúng dường.
- 5) Xin xoay bánh xe pháp.
- 6) Như lai im lặng hứa khả.

“Lúc ấy các vị Phạm thiên vương v.v...” là văn thứ hai. “Bấy giờ có năm trăm v.v...” là văn thứ ba. Ba Tạng Chân-đế chép: Dây áo là vạt áo đứng, nay gọi là vạt áo trước. “Tức thời các vị Phạm thiên vương v.v...” là ba nghiệp cúng dường. Trước văn xuôi nêu cúng dường tài lộc kế nói kệ nêu cúng dường pháp lại trước là thân nghiệp cúng dường, sau là miệng nghiệp cúng dường. Lại trước là cúng dường sau là khen ngợi. Văn xuôi chia làm hai: Nói về cung kính: “liền dùng hoa trời v.v... nêu cúng dường, trước dùng hoa cúng dường tiêu biểu muốn hành nhân. Kế dâng cúng cung điện là tiêu biểu muốn cầu quả. Trong hoa cúng dường trước cúng dường Phật gọi là quả chánh báo, kế cúng dường cây Bồ-đề gọi là quả y báo. Lại trước tiêu biểu người tôn quý, sau tiêu biểu chỗ kính trọng. Dâng cung điện: bỏ chỗ hình tượng nghỉ ngơi muốn cầu nhà thần nương ở.

Văn kệ chia làm ba:

- 1) Hai bài khen ngợi đức của Phật.
- 2) Một hàng trình bày ý đến.

3) Một hàng xin thọ cúng dường.

“Bấy giờ, các Phạm Thiên Vương...” là nói xin xoay bánh xe pháp. Trước cúng dường để cầu phước, nay xin nói để cầu tuệ, lại trước khen ngợi ruộng phước Phật, nay khen ngợi Phật làm thí chủ, lại trước là tự hành, nay xin pháp là hóa tha. “Lúc ấy đức Đại Thông Trí Thắng...” là im lặng nhận lời.

Hỏi: Thời Niết-bàn cũng im lặng mà không hứa nhận cúng dường, nay cũng im lặng làm sao biết nhận lời thích ư?

Đáp: Có người chép: Nhan sắc Phật có khi thay đổi cho nên biết nhận, không nhận! Có người nói thân sáng trên dưới là biểu hiện Phật có nhận, không nhận. Có người nói khi mới thành đạo Phật có xương hiệu.

Im lặng tức là nhận lời xin. Thời Niết-bàn im lặng là không nhận xin. Hai phương còn lại như vẫn. Phương Tây nam cho đến phương dưới v.v... theo lệ như sáu phương.

Phạm vương ở phương trên nói kệ khen ngợi mười hàng rười chia làm hai:

1) Tám hàng rười tám Phật.

2) Hai bài xin Phật nhận cúng dường. Trước khen ngợi sau xin: Đầu khen ngợi nêu Phật có đức cao quý nên sau xin thọ cúng dường.

Căn cứ trong phần đầu khen ngợi: hai bài khen ngợi Phật có đức từ bi: kệ trước khen ngợi đại bi kệ sau khen ngợi đại từ. “Lúc xưa vô lượng kiếp v.v...” có sáu hàng rười khen ngợi Phật khó gặp: bốn hàng rười đầu nêu xưa không gặp Phật. Kế hai bài tự vui mừng nay được gặp Phật. Trong bốn hàng rười đầu chia làm hai:

1) Ba hàng rười nói chúng sanh khởi ái không gặp Phật.

2) “Trụ trong pháp tà kiến v.v...” một bài nêu khởi kiến chúng sanh khởi kiến chấp không gặp Phật.

Hỏi: Phương Đông nam các Phạm vương nói một trăm tám mươi kiếp luống qua không có Phật. Kế phương Nam nói hơn một trăm ba mươi kiếp đến nay mới thấy một lần, nay đây văn này nói lúc xưa vô lượng kiếp luống qua không có Phật vì sao ba chỗ khác nhau ư?

Đáp: Do tìm cầu Phật ứng thế cảm thấy khác nhau, cũng bởi chúng sanh tu hành có dày mỏng khác nhau, cho nên thấy kế đến nỗi khác nhau xa gần, mười ba mươi kiếp người thượng phẩm, 1 tám mươi kiếp người trung phẩm, lúc xưa vô lượng kiếp là người hạ phẩm. Nói lược ba phẩm khác nhau tức tóm lược gồm nhiếp nghĩa cảm ứng.

“Đều mất vui và tưởng vui” là đối cảnh sanh ái làm vui, tâm chấp

cảnh nên gọi là tướng vui. Lại giải thích lạc cho là lạc đầy đủ tướng là thọ lạc, sanh tử không có thật vui nên gọi là tướng vui.

“Lúc bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như lai...” là nói lý do gần, do cách xa trở lại giảng giải gần nên gọi lý do gần cũng chia làm bốn:

- 1) Thọ xin nói pháp luân Tiểu thừa.
- 2) mười sáu vương tử xin chuyển pháp luân Đại thừa.
- 3) Thọ thỉnh nói pháp.

4) Nói kinh xong nhập định. Trước nói về nói Tiểu thừa, ba phần sau biện nói Đại thừa, căn cứ bốn chương này mỗi chương chia ba đoạn cũng hiệp thành mười hai chương kinh.

Đầu ba chương:

- 1) Nêu thọ xin.
- 2) Nêu một hiệp nói pháp.

3) Nêu nhiều hiệp nói pháp. Đầu văn trước nêu mười phương Phạm thiên sau nêu mười sáu vương tử, là văn trước từ gần đến xa cho nên trước nêu nhận sau nêu thiên, nay từ thiên đến nhân là từ xa đến gần.

“Tức thời ba phen xoay bánh xe pháp...” chánh nêu nói pháp. Văn có hai:

- 1) Nói tứ đế.
- 2) Nói thập nhị nhân duyên.

Căn cứ nói tứ đế chia làm ba:

- 1) Nêu ba phen chuyển mười hai hành.
- 2) Nêu những người còn lại không thể chuyển.
- 3) Chính là nói về ba phen chuyển.

Nói ba phen chuyển:

- 1) Thị chuyển: Đây là Khổ, là Tập, là Diệt là Đạo.

2) Khuyến chuyển: khổ nên biết, tập nên dứt, diệt nên chứng, đạo nên tu.

3) Chứng chuyển: khổ ta đã biết, tập ta đã đoạn, diệt ta đã chứng, đạo ta đã tu. Dẫn Phật làm chứng chuyển, lại có một đế ba lần chuyển gọi là khổ khổ nên biết, khổ ta đã biết, ba đế còn lại cũng vậy. mười hai hành: nếu dùng giáo làm pháp chuyển, nói một hai thứ giáo này phát sanh giải cho chúng sanh, giải hành nơi cảnh cho nên gọi là hành. Lại Đức Phật như hành mà nói, chúng sanh đúng như lời dạy mà tu hành cho nên nói mười hai hành. Nếu lấy giải làm thể pháp luân thì một phen chuyển sanh bốn hành gọi là nhãn, trí, minh, giác, nhãn là pháp nhãn,

trí là pháp trí, minh là tử nhãn, giác là tử trí, một phen chuyển sanh bốn hành nên gọi là mười hai.

Hỏi: một phen chuyển đã sanh bốn hành thì sanh bốn pháp nhãn, bốn pháp trí, bốn tử nhãn, bốn tử trí, sanh hành đã đủ, hai phen chuyển sau lại nói về chỗ nào ư?

Đáp: Thành luận sơ chép: sơ chuyển sanh Văn tuệ, kế chuyển sanh Tư tuệ, sau chuyển sanh Tu tuệ. Theo tông chỉ Bà-sa vì hàng ba căn nên có ba phen chuyển: sơ chuyển thượng căn tức ngũ sanh nơi bốn hành, cho đến ba phen chuyển người hạ căn ngũ cũng sanh bốn hành. Nay hàng ba căn hiệp luận nên có mười hai hành, nếu rộng khai thì có bốn tám pháp luân. Sơ chuyển bốn hành gọi là kiến đạo thập lục tâm, hai phen chuyển còn lại mỗi phen có mười sáu hiệp thành bốn mươi tám. Lại sơ chuyển sanh vị tri dục tri căn, kế chuyển sanh Tri căn, sau chuyển sanh dĩ tri căn. Lại sơ chuyển sanh Kiến đạo, kế chuyển sanh Tu đạo, sau chuyển sanh Vô học đạo. Y đức Thích-ca đến vườn Nai nói pháp, hàng trời người chỉ chứng sơ quả, nên dùng trước căn cứ hàng ba căn giải thích. Nếu y đức Đại Thông Trí Thắng nói pháp đều chứng đắc A-la-hán thì nên dùng hai nghĩa ba căn ba đạo giải thích.

Hỏi: Y Tỳ-đàm tông dùng gì làm thể pháp luân ư?

Đáp: Tạp Tâm chép: Đức Mâu-ni nói kiến đạo nhanh nên gọi pháp luân, nghĩa là kiến đế giải khởi đầy đủ giới định tuệ, dùng ba thứ giới làm trục xe ba thứ tuệ làm nan xe, hai thứ định làm vành bánh xe, ba thứ giới gọi là chánh ngữ chánh nghiệp chánh mạng, ba thứ tuệ là chánh kiến chánh tư duy chánh tinh tấn, hai thứ định là chánh định, chánh niệm. Nói luân ấy: nghĩa là luân chuyển, quán khổ cõi Dục, kế quán khổ cõi trên, kế cho đến đạo cõi Dục, kế quán đạo cõi trên, do ba cõi tứ đế trên dưới luân chuyển cho nên gọi là luân. Dứt hoặc kiến đế là luân dụng chiếu cảnh bốn đế làm luân hành bốn phương.

Hỏi: Tỳ-đàm nói Kiến đạo chỉ có năm mươi tâm làm sao đủ mười hai hành ư?

Đáp: Đạo, tử trí là thuộc loại Nhãn, ấn chứng kiến đế hoặc không có, nhưng chẳng gồm nhiếp Kiến đạo, luận Thành Thật nói Kiến đạo chỉ có một không hành, cũng không có mười hai hành, cho nên hai nhà số luận giải thích mười hai hành đối với văn là khó hiểu.

Riêng có kinh nói mười hai nhân duyên là mười hai hành, nếu vậy ba phen chuyển gọi là bốn đế mười hai hành, căn cứ mười hai nhân duyên hai việc hiệp nói.

“Hoặc là Sa môn v.v...” là nêu người khác không có khả năng

chuyển. Người trí tuệ có hai hạng: xuất gia làm Sa môn, tại gia là Bà-la-môn, trời có hai hạng: Dục thiên chủ là ma, sắc thiên chủ là phạm. “Và các thế gian khác:” đây là trời người bên ngoài gọi là khác.

Hỏi: Người Ba thừa đều đắc kiến đạo đế, vì sao nói chỉ có Phật năng chuyển các người khác không thể ư?

Đáp: người Nhị thừa tuy năng nhập kiến đế đạo thành Vô học mà không có Nhất thiết trí, không thể khéo hiểu cơ duyên không làm cho chúng sanh tin hiểu được, cho nên không thể chuyển. Lại Phật có thể tự chuyển, vì người khác chuyển. Thanh văn không thể tự chuyển, không vì người khác chuyển, Duyên giác tuy năng tự chuyển mà Duyên giác ra đời không có người khác thành Thánh, nên không thể vì người khác chuyển được. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Duyên giác nói pháp không thể khiến người đắc pháp Noãn v.v...

Nói: “Đây là khổ v.v...” chính là nói về ba phen chuyển. Nói lược kỳ một. Và nói rộng mười hai nhân duyên v.v... sở dĩ nói về mười hai nhân duyên ấy có hai nghĩa:

1) Nói rộng nghĩa Tứ đế trên, nói rộng khổ tập làm mười hai tướng sanh, nói rộng diệt đạo mười hai tướng hoàn diệt.

2) Lúc ngồi có hai thứ căn duyên: a) Cầu Thanh văn. b) Cầu Duyên giác.

Vì cầu Thanh Văn nói tứ đế, vì cầu Duyên giác nói mười hai nhân duyên, cho nên phẩm Tín Giải nói mật sai hai người tức việc này.

Nói vô minh:

1) Là hiển bày chung ẩn che riêng cho nên nói vô minh, ở đời quá khứ tất cả phiền não đều có nghĩa ám hoặc mê lý, y cứ nghĩa chung này nên nói vô minh.

2) Vô minh phiền não mê bốn tế tập khởi sanh tử, sức kia rất mạnh do mạnh, nên gọi là vô minh.

Vô minh có bốn:

1) Mê lý vô minh; tức nói là mê lý hai đế Địa kinh chép: Biết thế đế bậc nhất nghĩa đế nên gọi là vô minh.

2) Phát sanh nghiệp vô minh: có chỗ nói ba căn ba độc phiền não, ba căn phiền não năng phát tư nghiệp, ba độc phiền não phát thân miệng nghiệp.

3) Phú nghiệp vô minh: nghĩa là tạo nghiệp rồi lại đối với cảnh trước khởi tham sân v.v... lại giúp nghiệp trước khiến nuôi lớn thêm.

4) Nhuận sanh vô minh: Nếu theo luận Thành Thật thì chỉ ái năng thấm nhuần còn các thứ khác chỉ xa giúp. Nếu căn cứ nghĩa này thì

nhuận sanh tức hẹp chỉ do ái, thọ sanh thì rộng chung ở các kết, Địa kinh cũng vậy. Cho nên kinh kia nói nước ái làm thấm nhuần, vô minh che lấp rười thấm tâm ta. Luận Tỳ-đàm chép: Nhuận sanh, thọ sanh các kết đều có khả năng, chỉ triển cấu... có công năng thấm nhuần, không thể thọ sanh.

Hành: nghĩa là ba hành tội phước bất động, cũng là ba hành thân miệng ý chí thức: gồm có ba thứ:

1) Hạt giống tâm thức tác hành về sau thọ sanh trước có tâm thức bị nghiệp phiền não huân tập phát nên năng sanh quả đời sau thức gọi là chi thức.

2) trong vô minh hành có tâm thức cũng gọi là chi thức.

3) Thọ sanh tâm thức gọi là chi thức, nghĩa là chỉ sanh một niệm thức nhiễm ô. Danh sắc chi: bốn ấm gọi là danh, sắc ấm gọi là sắc, ngay lúc bấy giờ bốn ấm vừa thành lập, có danh mà chưa có dụng nên gọi là Danh. Lại giải thích hai chữ danh sắc chỉ gọi là sắc, đây là sắc bên trong, thọ tên chúng sanh khác với sắc bên ngoài. Lại giải thích sắc ngay nơi thể pháp mà gọi, tâm từ năng thuyên danh tự thọ xưng, do tâm pháp ẩn dấu cho nên dùng năng thuyên để gọi tên. Sáu nhập: sanh thức xứ gọi là nhập, sắc thêm lớn gọi là năm nhập, danh thêm lớn gọi là ý nhập.

Xúc chi: xúc đối trước cảnh nên gọi là xúc. Theo Tỳ-đàm giải thích xúc có năm thứ:

1) Tăng ngữ xúc: nghĩa là ý địa xúc thường hay phát sanh ngôn ngữ.

2) Hữu đối xúc: trong năm thức tương ứng xúc xúc đối hiện cảnh cho nên gọi là hữu đối.

3) Minh xúc nghĩa là xúc vô lậu.

4) Vô minh xúc: nghĩa là các phiền não tương ứng xúc.

5) Xúc trong xứ nghĩa là tất cả xúc hữu lậu.

Nói thọ: hoặc tổng gọi một thọ, hoặc chia làm hai, nghĩa là hai thọ thân tâm, năm thức tương ứng gọi là thân thọ, ý thức tương ứng gọi là tâm thọ, hoặc ba hoặc năm hoặc sáu, sáu căn sanh thọ, hoặc mười tám: sáu ưu sáu hỷ sáu xả, đây cũng có hai: cấu và tịnh, thành ba mươi sáu, nói về ba đời hiệp thành một trăm lẻ tám thọ. Nói ái: kinh Niết-bàn chép: Nhiễm tập một ái. Lúc bấy giờ, chỉ có thật ái chưa có dục ái cho nên gọi là một. Nói thủ: Phiền não đã nặng, bốn phương rong ruổi tìm cầu cho nên gọi là thủ. Luận Tỳ-đàm chép: bốn thủ nhiếp đủ một trăm lẻ tám phiền não, trong cõi Dục phiền não ngoại trừ nơi giới kiến

nên gọi là dục thủ, do duyên dục bên ngoài nên gọi là dục thủ. Hai cõi trên phiền não ngoại trừ giới kiến duyên bên trong sanh gọi là ngã ngữ thủ, hai phần thượng hạ giới này khác nhau nên chia làm hai thủ. Kế ba cõi bốn kiến gọi là kiến thủ, ba cõi giới thủ gọi là giới thủ, hai thủ này thông cả ba cõi mà luận, độn sử chia làm hai thủ, lợi sử chia làm hai thủ. Nếu y Thành luận: Thân kiến một sử gọi là ngã ngữ thủ, thật không có ngã thể chỉ chấp ngã danh nên gọi là ngã ngữ, dựa vào thân kiến này khởi nơi biên kiến thủ chấp đoạn thường. Nếu kiến chấp đoạn tức chấp năm dục gọi là dục thủ, do không có đời sau nên tham lạc hiện tại. Nếu chấp thường thì có lợi có độn, nếu độn căn thì liền giữ giới mong vui đời sau gọi là giới thủ, nếu lợi căn nói thân là thường khổ vui bất kiến thì không tội phước cho nên khởi thuyết tà kiến gọi là kiến thủ. Luận Thành Thật nói bốn thủ nhiếp hoặc bất tận. Nói hữu: nghiệp có thể lôi kéo vào ba cõi nên gọi là hữu, lại gồm có quả vị lai nên gọi là hữu, thức đời hiện tại gọi là sanh đời vị lai, hiện tại danh sắc trở đi bốn quả gọi là lão tử, mười hai duyên nghĩa rộng, nay giải thích sơ tên gọi lược.

“Khi nói pháp đó v.v....” là nói ngộ đạo, muốn hiển bày thuyết giáo không sai cho nên nói đặc đạo. “Không thọ tất cả pháp v.v....” tâm không yêu đắm nên gọi là không thọ. Có người chép: Không quán hiện tiền không thọ ba hữu nối kế nên gọi là không thọ. Có người chép: người đặc đạo năm căn duyên năm trần không khởi phiền não, không khởi phiền não nên không tạo nghiệp ác, không có nghiệp ác nên không thọ quả báo trong ba đường ác nên gọi là không thọ.

“Lúc nói pháp lần thứ hai lần thứ ba lần thứ tư v.v...” là nói về nhiều hội nói pháp, nhưng Di-lặc có ba hội: Đức Thích-ca độ chúng sanh hàng ba căn còn sót lại, ở đời Đức Phật Thích-ca có người giữ gìn năm giới hội đầu đặc đạo, người thọ ba qui hội kế đặc đạo, người xưng danh hiệu nam mô Phật một lần ở hội thứ ba đặc đạo, lại có riêng cùng đức Di-lặc kết duyên, lại vì họ nói pháp, không chỉ hạn cuộc nơi ba hội, nay hội thứ tư nói pháp đại loại như thế có thể biết. Văn cũng có hai: ban đầu nói pháp, kế nói ngộ đạo ở văn dễ biết.

“Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử v.v...” xin nói pháp luân Đại thừa. Sở dĩ xin là gồm có hai nghĩa:

1) Thấy các người đều thành La-hán đại căn cơ thuần thực cho nên vì họ thỉnh nói Đại thừa.

2) Xa muốn chê trách Thanh văn, hạ căn ngày nay, nói về ta ngày xưa vì các ông mà xin nói Pháp Hoa, hướng chỉ nay thành Phật mà không vì ông nói kinh Đại thừa ư! Từ xưa đến nay trải qua gồm biết bao

lần nói mà vẫn như cũ không hiểu đây là rất ngu! Văn này cũng có ba:

- 1) Vì xin nói nên xuất gia.
- 2) Chánh xin.
- 3) Vua và quyền thuộc cũng theo xuất gia.

Đều là đồng tử mà xuất gia làm Sa-di: bốn tuổi trở lên gọi là đồng tử tức tiêu biểu Bồ-tát tu hành đồng chân, lại nhỏ mà ngộ đạo thì chúng đều qui phục. Xuất gia: là muốn thông hóa đạo tục:

- 1) Người tại gia không được hóa độ cho người xuất gia.
- 2) Muốn dẫn dắt tám muôn ức người khiến họ xuất gia.

Sa-di: Hán dịch là Tức ác hành từ (dứt ác làm lành), muốn tiêu biểu Bồ-tát vì chúng sanh thỉnh pháp có đại từ. Trước xưng Trí Tích nêu môn trí tuệ, nay xưng Sa-di nói về môn công đức làm Sa-di trở lại giảng giải, tiêu biểu tuổi nhỏ mà sớm ngộ đạo ở đời rất hi hữu, khiến chúng sanh tin. Như Thân tử tám tuổi lên tòa nói pháp đạo tục tán dương rung chuyển nổi tiếng xa gần.

“Đều bạch Phật rằng:” là chánh xin. Thanh văn đều đã thành tựu có hai nghĩa:

- 1) Muốn khiến họ hồi tiểu nhập đại.
- 2) Nêu đã hóa tiểu nay lại phải giáo đại.

“Lúc bấy giờ vua thánh Chuyển luân.” Là nói về vua và quyền thuộc xuất gia. Do thấy vương tử xả bỏ vương vị nên họ cùng theo xuất gia.

“Lúc bấy giờ Đức Phật v.v...” là nói Phật nhận lời xin, nói pháp Đại thừa. Văn cũng có ba:

- 1) Chánh thọ xin nói pháp.
- 2) Nêu thời chúng cảm ngộ khác nhau.
- 3) Nêu thời gian nói kinh.

Hỏi: Đức Phật kia nhận lời xin của Sa-di liền nên nói pháp, vì sao quá hai muôn kiếp sau mới nói ư?

Đáp:

1) Là muốn cho chúng sanh phát tâm ân cần tôn trọng như Đàm vô kiết hơn sáu năm mới nói Bát-nhã.

2) Theo lệ trên mười kiếp ngồi đạo tràng đợi duyên thuận thực, nay cũng vậy.

3) Hoặc có thể theo lệ đồng đức Thích-ca nói Tiểu thừa rồi sau trước Pháp Hoa nói về hai thứ giáo:

- a) Phó chúc tài sản thâm hóa gọi là Bát-nhã giáo.
- b) Các kinh Phương đẳng rèn luyện tiểu tâm, dùng hai môn này

điều phục tiểu tâm rồi, sau mới được khiến nhập tuệ Phật. Cho nên, kệ dưới chép: Nói sáu Ba-la-mật và các việc thần thông, tức kia chứng minh.

4) Chư Phật giáo pháp khác nhau, hoặc ban đầu nói giáo Ba thừa sau nói Nhất thừa, tức đức Thích-ca, Đấng Minh hoặc ban đầu nói Nhị thừa sau nói Nhất thừa tức Phật Đại Thông Trí Thắng.

“Đức Phật nói kinh ấy rồi..,” Nói chúng lúc ấy cảm ngộ khác nhau. Trong đây có ba căn: Thượng căn tức là mười sáu Sa-di, trung căn là hàng Thanh văn cũng năng tin hiểu, Sa-di trước phúng tụng kể tin hiểu nghĩa là hẳn muốn giảng lại phải đủ hai nghĩa:

1) Tụng trì.

2) Đắc ý, cho nên phải đủ hai.

Người hạ căn đều sanh nghi ngờ có bốn thứ nghĩa:

1) Trung căn Thanh văn đối Phật có duyên đều đắc tin hiểu, còn lại chúng sanh là kết nhân duyên lại với mười sáu vị Sa-di nên Phật không thể độ, việc giảng giải lại khởi từ chúng sanh kia.

2) Muốn nói về đời quá khứ Phật nói kinh Pháp Hoa chúng sanh có tin và không tin, nay nói lên hiện tại hàng ba căn có người ngộ có người không ngộ.

3) Muốn khuyên người hạ căn nói về đời quá khứ Phật nói kinh Pháp Hoa hàng lợi căn năng tin hiểu người độn căn sanh nghi ngờ, Tỳ-kheo các thầy nên đồng lợi căn, sao lại nói đồng độn căn ư!

4) Nói về ta và các thầy đồng ở trong hội kia cùng nghe Pháp Hoa, ta do sớm ngộ nay ông còn chưa hiểu, thật là đáng thương!

“Phật nói kinh đó suốt tám ngàn kiếp...” là nói thời gian nói kinh, do văn kia rộng nên thời gian dài, do đó văn dưới chép: nói kinh Pháp Hoa này như hằng hà sa kệ. “Phật nói kinh đó rồi v.v....” là nói thuyết kinh xong nhập định. Văn có ba:

1) Chính là nói về nhập tĩnh thất.

2) “Trụ trong thiên định v.v...” nói trụ định.

3) tám muôn bốn ngàn kiếp v.v... nêu thời gian trong định.

Sở dĩ nhập định: Muốn khiến mười sáu Sa-di thuật diễn lại kinh Pháp Hoa, chỉ vì Chư Phật giáo hóa tùy nghi khác nhau. Kinh này từ đầu đến cuối lược có ba thứ:

1) Đức Phật Đấng Minh nói Pháp Hoa xong liền nhập Niết-bàn, đây nói về đối Phật kết duyên người ứng độ đều đã độ xong.

2) Văn này nói về ở Phật kết duyên độ có hết và không hết, hàng lợi căn độ đã hết, người độn căn độ chưa hết, Đức Phật phải xuất định

khen ngợi Sa-di khiến chúng sanh gằn gủi cho nên Phật chưa được nhập diệt.

3) Đức Phật Thích-ca nói Pháp Hoa xong không còn nói lại nữa, do ứng nghe Pháp Hoa được liễu ngộ xong cho nên không còn nói Pháp Hoa lại mà vẫn nói riêng Niết-bàn.

“Lúc bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát Sa-di v.v...” là chính nói kết duyên. Duyên trước do có hai: Xa, gằn, nay cũng chia hai:

1) Nêu ngày xưa kết duyên.

2) Biện đời đời gặp nhau, hai văn mỗi mỗi có bốn hiệp thành tám đoạn kinh.

Văn đầu có bốn:

1) Nêu biết Phật nhập định là lý do giảng lại kinh.

2) Chính vì chúng mà giảng lại.

3) Nói chúng đương thời mong được lợi ích.

4) Nói Đức Phật khen ngợi.

“Mỗi vị đều lên pháp tòa...” Ban ngày ánh sáng lụi dần liền ánh sáng mặt trăng kế chiếu rọi. Như lai ẩn bóng nên Bồ-tát phát huy. “Mỗi vị đều độ v.v...” chúng được lợi ích. Chỉ dạy cho được lợi mừng: luận Trí Độ quyển năm mươi bốn chép: Thị: là chỉ bày thiện ác, Giáo: là dạy bỏ ác theo thiện, lợi: là người chưa đắc pháp vị, tâm sanh thối lui, vì họ nói quả Niết-bàn cao quý khiến họ tu nhân thiện khiến tâm họ thấy lợi ích gọi là lợi. Hỷ là tùy chỗ tu hành mà khen ngợi khiến cho họ vui mừng. Nếu người nào ưa bố thí thì khen ngợi sự bố thí, dùng bốn việc này trang nghiêm nói pháp.

Nay căn cứ Pháp Hoa giải thích bốn việc:

1) Chỉ cho biết Ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật cho nên gọi là thị.

2) Khiến bỏ Ba thừa nhập Nhất thừa nên gọi là giáo.

3) Nói quả Ba thừa kém quả Nhất thừa hơn khiến cho chúng sanh tu nhân Nhất thừa khiến tâm họ thấy được lợi ích gọi là lợi.

4) Xem xét căn duyên kia hoặc dùng môn pháp thuyết để nói Nhất thừa, hoặc dùng môn thí thuyết để nói hoặc dùng nhân duyên đời trước để nói, tùy chỗ ưa thích ứng căn cơ nói pháp khiến sanh vui mừng cho nên nói hỷ.

“Đức Phật Đại Thông Trí Thắng v.v...” là nói Phật khen ngợi. Do các vị ấy nói pháp hợp lý xứng căn cơ, nay muốn khiến cho chúng tín nhận nên Phật ấn chứng khen ngợi. “Các ông phải thường gằn gủi mà cúng dường các vị ấy”. Do có duyên với Sa-di cho nên khiến gằn

gửi, như Chư Phật trong mười phương khuyên Thường Đề gần gũi Pháp Dũng.

“Đức Phật bảo các Tỳ-kheo...” là nói về kết duyên rồi đời sau gặp nhau. Văn chia có bốn:

- 1) Nêu sở hóa được lợi ích.
- 2) Nói năng hóa được lợi ích.
- 3) Kết hợp xưa nay.
- 4) Nêu đời vị lai gặp nhau.

Văn đầu có ba câu:

1) Sa-di thường ưa nói Pháp Hoa, do Pháp Hoa nói về Phật thừa Bồ-tát thường cầu quả Phật cho nên thường ưa nói. Lại, Pháp Hoa kết hội nhập từ đầu đến cuối nhiếp đủ tất cả giáo, nếu nói Pháp Hoa thì nhiếp tất cả giáo.

2) “Mỗi vị Bồ-tát đó v.v...” là nêu duyên hiện tại được lợi ích.

3) “Đời đời sanh ra v.v...” là nói về thời sau được lợi ích.

Hỏi: Trong đây kết duyên sau thường gặp nhau, vì sao cha con cùng tử thất lạc nhau không gặp nhau?

Đáp: Có người nói trong đây nói về đời đời gặp nhau là căn cứ lớn mà luận một kiếp, hai kiếp, thường được gặp nhau còn cùng tử không thấy nhau là luận theo nhỏ một đời hai đời không thấy nhau. Nay cho rằng kết duyên với Sa-di có ba phẩm:

1) Thượng phẩm như trong đây nói được gặp nhiều Phật cùng thấy đồng sanh đời quá khứ liên ngộ.

2) Hạng trung phẩm như văn dưới nói, nay trú địa vị Thanh văn quá khứ không ngộ Pháp Hoa, hiện tại gặp đức Thích-ca nghe Nhất thừa mới ngộ tức là cùng tử.

3) Hạng hạ căn như văn sau nói đệ tử đời vị lai, hiện tại không kính thờ pháp sư, vị lai tùy chỗ nghe nên mới được ngộ. Do có ba căn dựa theo ba đời đắc ngộ khác nhau, cho nên văn này không trái với cùng tử.

“Đến nay vẫn chẳng hết”: là thiện căn quá khứ chưa hết, gặp được nhiều Đức Phật còn chưa hết. “Các Tỳ-kheo v.v....” là nói năng hóa được lợi ích. Sở dĩ nêu năng hóa được lợi ích: là để kích động người hạ căn: Rõ ràng ta nghe Pháp Hoa liền tiến thành Phật, ông nghe Pháp Hoa vì sao lại thoái làm Thanh văn, thật là đáng thương! “Các Tỳ-kheo lúc chúng ta làm Sa-di...” là kết hợp xưa nay. Văn có ba:

1) Nêu lại hàng thượng căn.

2) Các chúng sanh đó đến nay có người trú địa vị Thanh văn là nói

người trung căn ở quá khứ.

3) Những hạng người này đáng dùng pháp ấy mà dẫn vào Phật đạo, là trên giải thích thường giáo hóa Bồ-đề vô thượng. Có người nghi: Đã thường giáo hóa Bồ-đề vô thượng sao nói pháp Thanh văn, lại xưa vì Sa-di còn nói đại đạo, nay vì sao lại nói Tiểu thừa, vì vậy cho nên giải thích rằng nói pháp Thanh văn dần dần khiến nhập Phật đạo, do tuệ Phật mâu nhiệm nên không thể đốn nhập, nên biết nói Tiểu thừa là bước đến nói Đại thừa. Lại xưa có căn cơ Đại thừa nên nói đại, chỉ vì thoái đại chấp tiểu cho nên nay nói tiểu.

“Các chúng sanh được hóa độ trong thuở đó”: Nêu chánh hợp xưa nay. “Sau khi ta diệt độ v.v...” là nêu đời vị lai gặp nhau tức nêu người hạ căn. Đây là sau khi Phật diệt độ tu đạo thành A la hán, người ấy khi mạng dung sanh về tịnh độ, đức Thích-ca ở trong cõi tịnh lại có tên khác, vì người này nói kinh Pháp Hoa mới đắc ngộ. Sở dĩ nói việc ấy là nói về không có rốt ráo mãi mãi trụ Nhị thừa, cần phải nghe Pháp Hoa rồi sau mới thành Phật, khuyên người hạ căn kịp thời tin nhận.

Hỏi: tướng trạng của ba hạng căn như thế nào?

Đáp: Hàng thượng căn chỉ một lần nghe Pháp Hoa đời đời gặp thầy nhau, sau gặp bốn muôn ức Phật sớm ngộ Nhất thừa. Người trung căn thoái đại chấp tiểu gặp được Đức Phật Thích-ca ở hội Linh Sơn. Người hạ căn cũng thoái đại chấp tiểu không gặp được Đức Phật Thích-ca cũng không nghe kinh Pháp Hoa, ở đời vị lai gặp được Phật nghe kinh Pháp Hoa mới được liễu ngộ.

Hỏi: Vì sao nói lại có tên khác ư?

Đáp: đức Thích-ca là tên Đức Phật ở cõi uế, nay ở cõi tịnh hóa độ chúng sanh nên lại có có tên khác.

“Các Tỳ-kheo! Nếu đức Như lai...” Nói về hiện tại gặp nhau lại vì nói pháp. Lại chia làm bốn:

- 1) Pháp.
- 2) Thí.
- 3) Hiệp.
- 4) Nêu thí hiệp.

Pháp nói chia làm hai: đầu nêu nói đại kế biện nêu tiểu. Nếu y thứ lớp trên, trước nêu nói tiểu sau nêu nói đại, Nay chỉ xa tìm lại ngày xưa đã từng theo thọ đại hóa cho nên nay lại nói đại pháp, giữa chừng phứt bỏ, tập ở Tiểu thừa nên kế nói tiểu. Sau trong thí nói nghĩa cũng đồng như. Lại Chư Phật nói pháp có hai:

- 1) Từ thật khởi quyền.

2) Gom quyền về thật.

Trên thường nói về nhiếp quyền qui thật, nay muốn nói từ thật khởi quyền. Trong nói đại có hai:

1) Biết căn cơ.

2) Nói giáo.

Trong biết căn cơ có năm câu.

1) Thời nói pháp.

2) Nhập đại Niết-bàn nghĩa là khai căn cơ Niết-bàn thuần thực, nay là duyên Nhất thừa thuần thực là thời sắp Niết-bàn, cho nên phẩm Tín Giải chép: đến giờ sắp chết ông gọi người con đến.

3) Chúng lại thanh tịnh: là dùng bốn giáo điều phục cho tâm kia mềm mỏng cho nên được thanh tịnh, dùng trời người và giáo Nhị thừa điều phục tâm kia cho nên không còn phiền não phàm phu, dùng tài vật giáo phó mật hóa và rèn luyện tiểu tâm khiến Nhị thừa dần dần tiêu trừ phiền não. Đã lìa phàm phu hai hoặc cho nên nói chúng lại thanh tịnh.

4) Tin hiểu vững chắc: Trên nêu không chướng ngại nay biện có căn cơ có khả năng thọ, nghĩa là đại tín đại giải có thể được nghe kinh. Đại tín là độn căn đại giải là lợi căn, lại đại tín là đầu đại giải là sau, hai thứ này không lui sụt gọi là vững chắc.

5) Liễu đạt pháp không: Trước đã nghe Bát-nhã đồng Đại thừa rốt áo pháp Không khai ngộ đại tâm. Nếu chẳng nghe rốt ráo Không, pháp không có sở đắc thì nghe nói có Nhất thừa, không có ba thừa sẽ rơi vào Nhị kiến. Thâm nhập thiền định: chưa chắc là thâm nhập Bát thiền, như Đại Phẩm chép: Nhất tâm hướng Phật đạo không còn phàm phu Nhị thừa có sở đắc động tán vì vậy mà gọi là định.

“Liên nhóm các Bồ-tát v.v...” là chính là nói. Câu đầu là nói tựa “vì nói kinh này” là nói về chính là nói, chính là nói tuy nhiều không ngoài lý không hai có một. “Các Tỳ-kheo nên biết v.v....” là nói Tiểu thừa. Sở dĩ nói Tiểu thừa: là đã nói không có hai thừa chỉ có một Phật thừa, mà xưa nói hai ấy là vì biết chúng sanh không kham nổi nghe Đại thừa chỉ ham muốn Tiểu thừa cho nên nói cho họ nghe Tiểu thừa. Văn có ba câu:

1) Biết căn cơ.

2) Vì hạng người này “nên nêu chính là nói”.

3) Người này nếu nghe: là nói được lợi ích.

Trong biết căn cơ chép: Như lai phương tiện giải thích cho nên có. Nghi rằng: Nếu không có hai thừa vì sao xưa nói có hai Niết-bàn, vì vậy nên giải thích rằng: Như lai có trí quyền xảo, tùy căn cơ mà làm cho nên

nói có hai. Người ấy nếu nghe thì liền tin nhận: Đã xứng căn cơ mà nói, tức liền tin được lợi ích.

“Thí như đường hiềm... dài năm trăm do tuần v.v...” là thí nói, gồm có chín phần. Phần thứ chín ít, tức nghe nhất thừa được lợi ích. Đây chia làm ba chương:

- 1) Nói Đại thừa.
- 2) Giữa đường nói Tiểu thừa.
- 3) Sau lại nói Đại thừa.

Sở dĩ khai ba thứ này có ba nghĩa:

- 1) Dụ cho trên: hai đời đầu cuối có ba việc:

a) mười sáu Sa-di ban đầu vì nói Đại thừa.

b) Giữa đường lui sụt Đại thừa vì nói pháp Tiểu thừa, nghĩa là đức Thích-ca ban đầu đến Lộc uyển rồi trước khi đến núi Linh Thứu.

c) Phế bỏ tiểu nói đại gọi là hội Pháp Hoa. Hai đời đầu cuối chỉ ba việc đây cho nên lập ba chương.

- 2) Chư Phật ba đời có ba thứ pháp luân:

a) Pháp luân căn bản gọi là Nhất thừa giáo.

b) Pháp luân chi mật tức ở Nhất thừa nói ba thừa. Gom ngọn về gốc gọi là gom ba về một. Vì hiển ba luân nên lập ba thí.

3) Trên phẩm Thí Dụ phá bốn thừa Thanh văn trước nói tiểu sau nói đại nên chia sáu thí dụ, nay vì thoái đại chứng tiểu Thanh văn nên trước nói về nói đại, kế nêu tiểu sau nhiếp tiểu qui đại.

Phần đầu văn có ba câu:

1) Con đường xấu phải qua.

2) Người muốn đi qua.

3) Đạo sư muốn dẫn dắt. năm trăm do tuần: là con đường xấu phải qua.

Có người nói năm trăm ấy là dụ cho năm đường sanh tử. Nay nói không đúng, đâu thể khỏi ba đường ba trăm do tuần gọi là Nhị thừa. Lại Nhị thừa đã thoát khỏi năm đường nên đã vượt năm trăm do tuần. Có người nói có bốn thứ sanh tử:

- 1) Lưu lại sanh tử.
- 2) Biến dịch sanh tử.
- 3) Trung gian sanh tử.
- 4) Phần đoạn sanh tử.

Vượt ba trăm do tuần thoát phần đoạn sanh tử, vượt bốn trăm vượt khỏi Thất địa hai nước là vượt trung gian sanh tử, vượt năm trăm khỏi Bát địa trở lên là vượt biến dịch sanh tử. Có người nói ba cõi là ba trăm

do tuần, Thất trụ Nhị thừa là một trăm, bát trụ trở lên lại là một trăm. Nay nói nghĩa đều không đúng trong Huyền Tán có giải thích đủ. Nay chánh lấy ba cõi làm ba trăm, Nhị thừa làm hai trăm. Sở dĩ đây giải thích ấy là có nghĩa có văn. Nói có nghĩa: Nay chánh là hóa độ người Nhị thừa giúp cho đến Phật đạo, xưa đã vượt qua ba cõi chưa vượt qua địa vị Nhị thừa cũng còn ở trong đường ác, đâu phải trú trong đường ác mà là Niết-bàn ư? Nên phải bỏ thì chắc đến Phật đạo.

Hỏi: Nếu vượt ba cõi Nhị thừa làm sao đạt đến Phật đạo?

Đáp: Có hai thứ đến:

- 1) Nhân đến.
- 2) Quả đến.

Nhân đến như kinh Niết-bàn chép: Người Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp đến, cho đến Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đến. Nghĩa là đến tâm Bồ-đề tức địa vị Thập trụ thành người chủng tánh, khi đến địa vị này tránh khỏi địa vị phàm phu và thoát làm Nhị thừa ắt đến Phật đạo nên gọi là đến. Ba cõi là phần đoạn sanh tử, người Nhị thừa ở nơi biển dịch sanh tử, vượt qua năm thứ này tránh khỏi hai thứ sanh tử đắc Đại Niết-bàn gọi là quả đến.

Hỏi: Vì sao biết được có hai thứ đến?

Đáp: Kệ sau chép: “Nay vì ông nói thật, ông đắc chẳng phải diệt, vì nhất thiết trí Phật, nên phát đại tinh tấn”, đây là nhân đến. “Ông chứng nhất thiết trí, chính là chân thật diệt” gọi là quả đến.

Nói có văn chứng minh nghĩa là: luận Trí Độ giải thích Phẩm Văn Trì chép: Vượt qua bốn trăm do tuần tức biết cách thành ấp không xa. Ngài Long Thọ giải thích: ba trăm dụ ba cõi, bốn trăm dụ Nhị thừa, nhưng Đại Phẩm hiệp Nhị thừa làm một trăm, kinh này chia làm hai trăm, khai hiệp khác nhau mà nghĩa không khác. Lại vì Đại Phẩm chưa phế bỏ Nhị thừa kinh này mới phế bỏ, do đó nên khác, đều là con đường xấu hai giáo không khác. Lại kinh này trong phần hợp thí tự nói về ba cõi là ba trăm, Nhị thừa là hai trăm, các Sư Kinh nghĩa không xét ý văn mà theo chiều ngang có giải thích khác u. “Đường hiểm nạn dữ.” Là nói ý vượt qua. Ba cõi Hai thừa vượt qua thì khó, nên gọi là hiểm nạn. luận Trí Độ chép: Bồ-tát lui sụt có hai việc: Tham ba cõi và đấm Nhị thừa. Đường ác: ba cõi đối với Nhị thừa là đường ác, Nhị thừa lại là đường ác của Bồ-tát, cho nên Niết-bàn chép: Cầu Nhị thừa gọi là bất thiện cho nên năm chỗ này đều gọi là đường ác. Lại ba cõi lấy ái làm gốc Nhị thừa lấy kiến làm gốc, ái kiến đều là ác. Lại ba trăm là phàm phu hữu kiến, hai trăm là Nhị thừa không kiến, các kiến đều là ác. Lại phàm phu

ngoại đạo cho rằng ba cõi là Niết-bàn đã là si mê điên đảo; Nhị thừa cho rằng biến dịch sanh tử là Niết-bàn cũng là si mê điên đảo, do đều cho sanh tử là Niết-bàn đều là vô thường mà chấp thường cho nên gọi là ác. “Nơi hoang vắng không có người:” năm trăm do tuần là xa nên nói hoang vắng, nơi Chư Phật Bồ-tát không trú ở nên nói không có người. “Chỗ ghê sợ:” Người học Đại thừa rất sợ năm chỗ này, ba cõi không an ổn cũng như nhà lửa các khổ đầy dẫy rất đáng sợ hãi. Cho nên Niết-bàn chép: Nay ta sợ đạo quả Nhị thừa, như người tiếc thân mạng lo sợ xả bỏ thân, luận Trí Độ có cây oan gia trên dụ, tức là việc ấy.

“Nếu có chúng đông” v.v... là nói người mãi mãi độ người, tức chúng do Sa-di hóa độ. Trên nói không có người trí, nay nêu người muốn vượt qua nhiều cho nên nói chúng nhiều. “Muốn vượt qua còn đường này đến chỗ châu báu”: Bồ-tát phát tâm gồm có hai ý:

1) Muốn độ phạm phu Nhị thừa.

2) Muốn cầu vô thượng Bồ-đề. “Có một đạo Sư” v.v... là nêu thầy dẫn dắt. Tức trên mười sáu Sa-di và Đức Phật Thích-ca, đạo đã không hai nên người thông đạt đạo cũng một.

Lại khéo biết tướng đường thông bít chỉ một người mà thôi cho nên nói một. Có người dẫn dắt tà chánh nên gọi là Đạo sư. “Thông minh sáng suốt”: Trí nghe ở tai gọi là thông minh, trí ở mắt nhìn gọi là sáng suốt, lược khen ngợi hai việc. Lại thông tuệ dụ cho chủng trí, minh đạt du cho ba đạt, chủng trí ngang chiếu muôn pháp, ba đạt dọc xét thấu ba đời. “Khéo biết rõ tướng thông bít của con đường hiểm” Biết đại căn cơ phát có khả năng vượt qua gọi là thông, không có khả năng vượt qua gọi là bít, lại biết được lý là thông, trái lý là bít, đây nói về trí bên trong của Đạo sư. “Dắt mọi người muốn vượt qua nạn đó...” là khen ngợi công năng hóa bên ngoài, chỉ hy vọng Phật đạo xa phải vượt hai thứ sanh tử, đó gọi là vượt qua nạn này. “Mọi người được dắt đi giữa đường lười mỗi” v.v... là nói về trung gian nói Tiểu thừa cũng có ba câu:

1) Biết tiểu căn cơ phát.

2) Nói Tiểu giáo.

3) Lãnh thọ giáo được lợi ích.

Tiểu căn cơ phát có hai:

1) Nêu tiểu căn cơ phát.

2) trí Phật chiếu soi.

Tiểu căn cơ phát có ba câu:

1) Nêu muốn lui sụt.

2) Giải thích muốn thoái.

3) Tổng kết muốn lui sụt nay là ban đầu.

Giữa đường: Là sơ phát tâm Đại thừa muốn vượt ngoài sanh tử xa cầu Phật đạo muốn lìa tiểu hạnh, mà đại giải chưa thành giữa đường lui sụt. Nếu thí dụ việc quá khứ trên thì từ xưa hóa về sau đến trước khi nay hóa độ: Giữa hai khoảng thời gian này phước bỏ đại tâm, lui mất đại hạnh cũng được gọi là trung gian chưa thành Phật đạo, gọi là giữa đường. “Bạch Đạo Sư rằng v.v...” Đã lui sụt Đại là có tiểu căn cơ nên bấu víu vào Phật để được tuệ Phật chiếu soi gọi là nghĩa “bạch đạo sư”. “Chúng con mệt mỏi lại thêm sợ sệt chẳng thể đi nữa, đường trước còn xa”.

Trên nêu mỗi mệt lui sụt, nay giải thích mệt mỗi lui sụt. Xét rằng lui sụt có ba việc:

1) Mệt nhọc nên thối lui, dụ cho tu tập Đại thừa quán giải yếu đuối, chưa đủ sức mạnh không thể tiến đến Phật đạo.

2) Sợ hãi nên lui sụt dụ trong sanh tử có nhiều hoạn nạn.

3) Đường xa nên lui sụt dụ cho Phật đạo trải qua ba a tăng kỳ rồi sau chính là bước vượt ngoài Tiểu thừa, một hạnh không kham tụ tập nên nói không thể tiến lên.

“Nay muốn lui về”: Câu này tổng kết nghĩa lui sụt, lui sụt có hai việc:

1) Lui sụt làm phạm phu.

2) Lui sụt làm Nhị thừa. Nay muốn lui sụt lại sanh tử nên nói lui sụt cũng được phát sanh mới đầu tức không cầu Phật nên dừng lại mà không tiến gọi là lui sụt.

Hỏi: Đây tức là lui sụt vì sao nói muốn thoái ư?

Đáp: Đây nói về căn tánh lui sụt bất định.

1) Có thể lui sụt làm phạm phu.

2) Có thể trú làm Nhị thừa.

3) Có thể tiến làm Bồ-tát. Do bất định nên nêu “muốn.”

“Vị đạo sư nhiều năng lực phương tiện...” nêu chiếu căn cơ cũng có ba câu:

1) Khen ngợi đức năng hóa có biết căn cơ.

2) Trình bày lỗi những người được hóa.

3) Giải thích lỗi của những người được hóa. Nhiều các phương tiện: Trước có khả năng dẫn hướng đại, nay lại giải thích khéo léo hướng tiểu cho nên nói nhiều. Lại buông lỏng mà thối, hoặc bức ngặt mà tiến, hoặc khiến mãi mãi trú Nhị thừa đều phải khéo léo, nay không khiến lui sụt làm phạm phu, lại không bức tiến cầu Phật, năng ở giữa đường quyền nói Tiểu thừa cuối cùng ngộ đại đạo cho nên nói nhiều

phương tiện. “Mà tự nghĩ rằng...” Là trình bày lỗi những người được hóa. Làm sao cam bỏ châu báu v.v...” là giải thích lỗi bỏ vui Phật pháp gọi là xả bỏ châu báu lớn, ưa khổ sanh tử là “mà muốn lui về,” nêu hai việc này giải thích nghĩa đáng thương. Nhiều phương tiện là khen ngợi Đạo sư có trí tuệ. “Đáng thương...” là khen ngợi Đạo sư từ bi.

“Suy nghĩ như vậy rồi...” là nói lập ra Tiểu giáo gồm có ba câu:

- 1) Chánh lập ra giáo.
- 2) Răn.
- 3) Khuyên.

Nhị thừa lợi độn tuy khác, đồng dứt phiền não ba cõi ở ngoài phần đoạn cho nên nói vượt qua ba trăm do tuần, chẳng thật rất ráo mà nói rất ráo cho nên gọi là hóa, nghĩa dứt hoặc đồng chứng vô vi không khác do đó gọi là một, ngăn hoạn nạn sanh tử nên gọi là thành. “Bảo mọi người rằng: Các ông chớ sợ đừng lui về v.v...” là răn. Chớ sợ: Không nên lo sợ nhiều về bệnh chết. Đừng lui sụt: Chớ đắm sanh tử năm dục. “Nay thành lớn này có thể dừng ở trong đó...” là khuyên hệ lụy hết Niết-bàn so sánh vui trời người cho nên gọi là đại. hai thứ Niết-bàn là nơi dừng nghĩ cho nên gọi là “có thể ở trong đó”. “Tùy ý muốn làm gì thì làm” kết lụy đã tận tâm được tự tại. Nếu vào thành này sẽ rất được an ổn: Nếu chứng Niết-bàn đây là sanh tử nguy khổ. Có người nói phiền não đã tận, tùy ý tự tại tức Niết-bàn hữu dư, nếu vào thành này rất được an ổn tức hai loại nhân quả nguy khổ đều mất nghĩa là Niết-bàn vô dư. “Nếu có thể thẳng đến chỗ châu báu đi cũng được.” Có người nói quả Phật dụ như chỗ châu báu tức đảo châu báu người Thanh văn nếu năng phát tâm Bồ-đề cầu trí tuệ Phật cũng có thể đi được. Như đại Phẩm chép: Nếu năng phát tâm ta cũng tùy hỷ. Nếu căn cứ trong lý giải thích thì câu này hiển hóa ý của thành, nói giáo Nhị thừa khiến vốn khiến đắc Phật, thí như tạm dừng chân muốn cho tiến lên. Xưa không được hiển như ý này nên nhờ lập ra đây nói về tuy tạm chứng Tiểu thừa cuối cùng cũng trở về đại đạo. Nếu căn cứ giáo xưa nói về như nói sáu mươi kiếp tu đắc Thanh văn. Một trăm kiếp tu chứng Duyên giác, hai thứ này đồng chứng vô dư dụ có thể ở trong đó. Nay dụ Bồ-tát trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu hành đạt quả Phật cho nên nói nếu có thể thẳng đến chỗ châu báu đi cũng được.

“Bấy giờ chúng mỗi một rất vui mừng khen không hề có v.v...”

lãnh thọ giáo được lợi ích. Văn có ba:

- 1) Tín thọ.
- 2) Tu hành.

3) Chứng Niết-bàn.

Nói giáo xứng căn cơ nên nói vui mừng. Khen không hề có: hai thứ Niết-bàn là pháp ra đời, thế gian không có nên nói không hề có. “Chúng con hôm nay tránh khỏi đường dữ” là lìa khổ sanh tử “rất được an ổn”: Là được vui Niết-bàn. Đến nay về sau đều là mới nghe Phật giáo sanh tin nhận. “Đó rồi mọi người thẳng vào hóa thành v.v...” là nói về tu hành cầu Niết-bàn. “Sanh tâm nghĩ rằng cho là được độ rất được an ổn”: Là nói chứng quả Niết-bàn. Vượt khỏi sanh tử ba cõi gọi là nghĩ rằng đã được độ, chứng Niết-bàn vô dư là nghĩ rằng an ổn. Lại đặc hữu dư gọi là nghĩ rằng đã được độ, nhập vô dư gọi là nghĩ rằng được an ổn. Lại đặc Tận trí gọi là nghĩ rằng đã được độ, đặc Vô sanh trí gọi là nghĩ rằng được an ổn; chẳng thật rất ráo nên gọi là nghĩ rằng.

Hỏi: Người Vô học mới có thể nghĩ rằng đã được độ, phàm phu Hữu học cũng có thể nghĩ như vậy không?

Đáp: Hữu học, phàm phu chưa vượt ra ba cõi cũng cho là Niết-bàn Nhị thừa là pháp rất ráo cho nên cũng được khởi tưởng này.

“Lúc ấy Đạo sư biết v.v...” là nói sau lại nói Đại thừa. Văn có hai:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo.

Tránh lui sụt làm phàm phu trụ nơi tiểu Niết-bàn gọi là dừng, mong tiến cầu Phật đạo vì nghĩa tạm dừng chân cho nên nói nghĩ. “Không còn mỗi một”: Dùng pháp Tiểu thừa điều hòa tâm kia trừ được phiền não thô, dụng tâm dần mạnh có thể nghe được Đại thừa. Liền diệt hóa thành: “Nói thuyết giáo. Phế bỏ giáo Ba thừa rất ráo gọi là diệt, lại hội ba làm một không còn ba tên, cũng là diệt. “Bảo mọi người rằng:” Các ông nên đi tới:” Là khuyên người Thanh văn nên tu hành cầu Phật. “Chỗ châu báu ở gần đây”: là giải thích ý trên khuyên tiến lên, đường trước đã gần nên đi tới. Đã vượt qua ba trăm nay chỉ còn hai trăm nên gọi là gần. “Thành lớn trước đó: là của ta biến hóa”: Đối một Phật thừa phân nói riêng ba thừa. “Để nghĩ ngợi:” giải thích ý nói ba. Có dừng có nghĩ như hai nghĩa trước đã giải thích.

“Các Tỳ-kheo! v.v...” là hợp thí. Hiệp ba thí dụ làm ba riêng: Thí dụ đầu có ba câu:

- 1) Đường ác phải qua.
- 2) Người muốn vượt qua.
- 3) Nói về dẫn dắt.

Nay chánh hiệp thứ ba mà gồm hai nghĩa kia. “Biết các sanh tử

v.v...” hiệp trên dẫn dắt vượt qua đường ác, “nên bỏ nên vượt qua” hiệp trên khéo biết tướng thông bát bao gồm nghĩa người muốn vượt qua. “Nếu như chúng sanh v.v...” hiệp trên giữa đường nói Tiểu thừa. Trên có ba:

- 1) Cơ phát.
- 2) Nói giáo.
- 3) Được lợi ích, nay hiệp đủ.

Trên căn cơ phát có hai:

- 1) Nêu cơ phát.
- 2) Chiếu căn cơ, nay hiệp đủ.

“Thì chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi”: Hiệp trên giữa đường mỗi một thối lui cho đến chúng con mỗi một. “Mà nghĩ thế này đạo Phật lâu dài:” Hiệp trên đường trước còn xa. “Lâu ngày chịu siêng năng khổ cực mới có thể thành tựu”: Hiệp trên mà lại sợ hãi. “Đức Phật biết tâm chúng đó yếu kém thấp hèn: Hiệp trước Đức Phật chiếu căn cơ. Dùng năng lực phương tiện: là hiệp chính là nói giáo. Nói hai thứ Niết-bàn: Hiệp trên hóa làm một thành.

Hỏi: Trên nói một thành nay vì sao nói hai thứ Niết-bàn ư?

Đáp: Có người chép: Trên nêu đồng dứt hoặc ba cõi nên nói một, nay căn cứ dư vô dư nên nói hai. Có người nói đại Niết-bàn là bậc nhất, nay là giữa đường Niết-bàn làm thứ hai nên gọi là hai. Như Kinh Thắng-man chép: Niết-bàn có hai thứ:

- 1) Vô dư ở Phật.
- 2) Hữu dư tại Nhị thừa.

Nay nói hai giải thích đều sai, văn này chỉ dùng người Nhị thừa chứng minh làm hai thứ Niết-bàn! Như kệ dưới nói “chỉ có một Phật thừa vì nghĩ nên nói hai”.

Hỏi: Trên vì sao nói một nay lại nói hai ư?

Đáp: Hàng nhị thừa có nghĩa đồng nghĩa khác nhau. Trên chấp đồng xuất ba cõi đồng chứng vô vi nên nói một, nay căn cứ người lợi độn khác nhau nên lại nêu hai. Lại muốn nêu năm trăm do tuần khai trên ba cõi làm ba trăm, Nhị thừa Niết-bàn lại làm hai trăm, muốn kh-iến vượt địa vị Nhị thừa nên nói là hai.

Nếu chúng sanh trú nơi hai địa vị v.v... hiệp thứ ba sau lại nói đại. Văn trên có hai:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo, nay hiệp đủ.

Văn đầu tức hiệp sau biết căn cơ, bao gồm hiệp trước thứ ba nghĩa

được lợi ích. Lại nói trụ nơi hai địa: Trên hiệp vượt qua ba trăm do tuần rồi, nay còn lại hai trăm nên nói hai địa, văn này phân rõ dùng ba cõi làm ba trăm dùng hai địa làm hai trăm. Các Sư xưa giải kinh không xét kỹ văn kia nên có các giải thích khác nhau. “Lúc bấy giờ Như lai v.v...” là chính là nói giáo. Đầu tiên hiệp liền diệt hóa thành. “Địa vị của các ông ở gần tuệ Phật”: Hiệp trên các ông hãy đi đến chỗ châu báu đã gần đến. “Nên quán sát suy lường Niết-bàn đã được đó đâu phải chân thật:” Hiệp trên thành lớn ấy do ta hóa ra. “Nhưng Nhị thừa có nghĩa gần tuệ Phật xa tuệ Phật, tự cho đã đắc Niết-bàn là cùng cực không chịu thọ Đại thừa cho nên kinh nói đất ở cao nguyên không sanh nở hoa sen, năm tội vô gián cũng năng phát ý, đây tức người Nhị thừa xa tuệ Phật không sánh bằng phàm phu. Nay nói gần: Do Nhị thừa dứt phiền não thô hơn người phàm phu cho nên nói gần. Như vị Đạo sư kia: Nêu thí dụ nhờ hiệp.

Kệ có bốn mươi chín hàng rưỡi tụng văn xuôi. Văn xuôi vốn có hai:

- 1) Nêu quá khứ kết duyên.
- 2) Hiện tại lại vì nói pháp, nay lại tụng hai thứ này.

Nói việc đời quá khứ lại có hai:

- 1) Lý do kết duyên.
- 2) Chánh kết duyên, nay lại tụng hai thứ này.

Trong lý do có hai:

- 1) Lý do xa.
- 2) Lý do gần, nay lại tụng hai thứ này.

Trong phần đầu có bốn:

- 1) Đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật.
- 2) mười sáu vương tử xin xoay bánh xe pháp.
- 3) Đức Đại Thông Trí Thắng hiện tướng lành.
- 4) Mười Phạm vương xin nói pháp, nay tụng đủ bốn.

Đầu tiên vốn có ba:

- 1) Nói chưa thành Phật.
- 2) Chư thiên cúng dường.
- 3) Nói về thành Phật, nay tụng đủ.

Đầu một bài tụng thứ nhất, kế hai bài tụng thứ hai, kế một bài tụng thứ ba. “Mười sáu người con Phật...” là xin xoay bánh xe pháp. Văn xuôi vốn có ba:

- 1) Mười sáu vương tử vủ xin pháp nên đến chỗ Phật.
- 2) Đến chỗ Phật nên cung kính khen ngợi.

3) Xin nói pháp, nay tụng đủ.

Đầu một bài tụng thứ nhất, một câu tụng thứ hai. “Mà xin xoay bánh xe pháp...” ba câu tụng thứ ba. “Thế tôn rất khó gặp v.v...” tụng thứ ba hiện tướng lành. Trên có ba:

- 1) Đất rung chuyển.
- 2) Phát ra ánh sáng.
- 3) Chỗ hai tướng lành đến.

Nay một bài chỉ tụng thứ nhất. “Các thế giới phương Đông v.v...” là tụng thứ tư: Phạm thiên mười phương nhóm họp. Trên có ba:

- 1) Nêu Phạm chúng ba phương.
- 2) Nêu các chúng sáu phương.
- 3) Nêu phương trên.

Nay chia làm hai:

- 1) Ba hàng tụng một phương.
- 2) hai bài nêu chín phương.

Trên mỗi phương có sáu, nay chỉ tụng năm, lược không tụng nghĩa bàn tính. “Lại nữa chư Phạm vương thấy tướng này”: một câu bao hàm nơi nghĩa bàn tính cho nên tụng đủ sáu.

“Thế tôn tuệ vô lượng v.v...” tụng trên thứ hai lý do kết duyên gần, trên có bốn:

- 1) Thọ xin nói tiểu pháp.
- 2) mười sáu vương tử xin nói đại.
- 3) Thọ xin nói đại.
- 4) Nói kinh rồi, nhập định.

Nay tụng đủ. Trong thọ xin nói tiểu trên chia làm ba:

- 1) Chánh thọ xin.
- 2) Nêu một hội nói pháp.
- 3) Nêu nhiều hội nói pháp.

Nay tụng đủ. Nửa bài tụng thứ nhất, hai bài rưỡi tụng thứ hai. “Sáu trăm muôn ức cai v.v...” Văn xuôi nêu sáu trăm muôn ức na do tha, nay nói cai là thay thế na do tha. “Thời nói pháp thứ hai:...” hai bài tụng nhiều hội nói pháp, “Bấy giờ mười sáu vị v.v...” tụng thứ hai xin nói đại pháp. Trên có ba:

- 1) Vì xin nên xuất gia có nửa hàng tụng.
- 2) Chánh xin một bài rưỡi, lược không tụng thứ ba vua và quyến thuộc.

“Phật biết tâm đồng tử...” tụng thứ ba thọ xin nói đại pháp, trên có ba:

- 1) Nói giáo.
- 2) Cảm ngộ khác nhau.
- 3) Nêu thời gian nói kinh. Nay hai bài rưỡi chỉ tụng thứ nhất.

“Đức Phật nói kinh xong:” Là tụng nói kinh xong nhập định trên có ba:

- 1) Nêu nhập định: nửa hàng.
- 2) Trú định: một câu.
- 3) Nêu thời gian trú trong định cũng một câu.

“Các vị Sa-di đó...” tụng chánh kết duyên, trên có hai:

- 1) Nêu một đời kết duyên.
- 2) Nêu đời đời gặp nhau, nay tụng đủ.

Chương đầu có bốn:

- 1) Biết Đức Phật nhập định chưa ra; nay nửa hàng tụng.
- 2) Chánh vì nói giáo v.v....: một bài rưỡi tụng.
- 3) Nêu thời chúng được lợi ích: một bài tụng. Lược không tụng thứ tư Phật từ trong định ra khen ngợi. “Sau khi Phật diệt độ v.v... tụng đời đời gặp nhau, văn xuôi có bốn:

- 1) Khen ngợi sở hóa được lợi ích một bài.

- 1) Nêu năng hóa thành Phật một bài.

- 3) Nêu kết hợp xưa nay một bài. Lược không tụng thứ tư vị lai gặp nhau.

“Ta ở số mười sáu...” tụng hiện tại nói pháp. Văn xuôi có bốn:

- 1) Pháp.

- 2) Dụ.

- 3) Hiệp.

- 4) Thiếp, nay tụng đủ. Hai bài đầu thứ nhất, văn trên có hai: trước nói Đại thừa, kế nói Tiểu thừa, nay chỉ tụng Đại thừa. “Thí như đường hiểm ác...” tụng thí nói.

Trên có ba:

- 1) nói Đại thừa.

- 2) Giữa đường nói Tiểu thừa.

- 3) Sau lại nói Đại, nay tụng đủ.

Trên thí dụ đầu có ba:

- 1) Vượt đường ác.

- 2) Người cầu vượt qua.

- 3) Làm thầy dẫn dắt, nay tụng đủ.

“Nhiều thú độc hiểm...” có ái kiến phiền não năng hại pháp thân tuệ mạng là thú dữ. “Lại không có đủ cỏ nước:” là không có định tuệ vô

lậu của Đại thừa để tự nuôi nấng. “Vô số ngàn muôn chúng”: là người muốn vượt qua. “Bấy giờ có đạo sư là thầy dẫn dắt. “Mọi người đều mỗi một” v.v... là tụng giữa đường nói Tiểu thừa. Trên có ba:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo.
- 3) Được lợi ích, nay tụng đủ.

Trên biết căn cơ có hai:

- 1) Tiểu căn cơ phát một bài tụng.
- 2) Chiếu căn cơ một bài tụng.

“Liên lại nghĩ phương tiện v.v...” là chính là nói giáo, trên có ba:

- 1) Nói giáo.
- 2) Rèn.
- 3) Khuyên, nay tụng đủ.

Thành quách: Thành: là thí dụ riêng hai thứ Niết-bàn. Quách: là quách ấp ngoài thành, chung thí dụ vô học quả vị các công đức. “Các nhà cửa trang nghiêm v.v...” Nhà cửa vườn rừng đều ở trong thành, riêng thí dụ các công đức của quả địa năm ấm hữu lậu đã gọi là nhà cửa sanh tử, năm ấm vô lậu là chỗ dừng nghỉ của bậc Thánh gọi là nhà cửa. “Bốn bề có vườn rừng...” Kinh Tịnh Danh lấy tổng trì làm vườn, Tiểu thừa cũng tùy phần có. Trong Kinh A-hàm nói từ bi hỷ xả làm bốn bên vườn, các hành vô lậu gọi là rừng. “Sông ngòi và ao tắm” v.v... chín thứ lớp định lại rót vào nhau gọi là sông ngòi, tám thứ giải thoát gọi là ao tắm.

Kinh A-hàm lấy Bốn thiền là bốn ao:

- 1) Ao có giác có quán.
- 2) Ao không giác không quán.
- 3) Ao hộ niệm thanh tịnh.
- 4) Ao không khổ không lạc.

“Cửa lớn lầu gác cao” ba Tam-muội gọi là cửa lớn, Tận Vô sanh trí gọi là lầu gác cao. Lại trong các thiền có luân thiền luyện thiền đều điểm cùng cực của thiền gọi là lầu gác cao. “Nam nữ đều đồng đức”: Định tuệ là nam nữ, cũng được gọi tâm từ bi là nữ, thiện tâm thành thật là nam, Thanh văn tùy phần có. “Hòa ra thành đó rồi” v.v... nửa hàng tụng về răn bảo, kế nửa hàng tụng khuyên.

“Mọi người đã vào thành...” một hàng tụng được lợi ích. “Đạo Sư biết nghĩ xong...” tụng sau nói Đại thừa. Trên có hai:

- 1) Biết căn cơ: câu đầu tụng.
- 2) Nói giáo hai bài một câu tụng. “Ta cũng giống như vậy vậy...”

tụng hợp thí. Trên có ba: Đầu nói Đại thừa. Kế nói Tiểu thừa. Kế sau lại nói Đại thừa, nay tụng đủ.

Nửa bài đầu tụng thứ nhất nói Đại thừa. “Thấy những người cầu đạo” v.v... hiệp thứ hai giữa đường nói Tiểu thừa. Văn trên có ba:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo.
- 3) Được lợi ích.

Hàng đầu tụng thứ nhất, hàng kế tụng thứ hai. “Đã biết đến Niết-bàn...” tụng thứ ba: sau lại nói Đại thừa. Trên có hai:

- 1) Biết căn cơ.
- 2) Nói giáo.

Nửa bài tụng thứ nhất tức gồm tụng trên thứ ba được lợi ích, ba hàng rưỡi tụng thứ hai. “Chư Phật là đạo Sư...” một bài tụng thứ tư nêu dụ nhờ hiệp.

Năm giáp Ngọ Niên hiệu Vĩnh nhân vào trung tuần Hoàng chung kêu gọi nam nữ hiệp sức vận công khắc bản kinh này, văn tụng được lưu hành khắp mong trên đền đáp bốn ân dưới cứu giúp ba cõi.

Sa-môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.



PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 9

PHẨM NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ THỨ TÁM

Trong nhân duyên đời trước nói có hai đoạn:

Chánh vì nói pháp, văn này đã rồi, nay là thứ hai vì thọ ký. Do nghe pháp ngộ giải hành tương ứng với Phật cho nên được Phật thọ ký. Văn gồm có hai:

1) Thọ ký năm trăm đệ tử làm một phẩm.

2) Thọ Hữu học, Vô học nhân ký làm một phẩm. Sở dĩ chia làm hai phẩm: Vì phẩm Thọ ký ở trên là nêu tên chung, nay muốn khác trên cho nên lấy người làm phẩm riêng. Vì thế hai đề chung riêng đặt tên tránh nhau. Sở dĩ căn cứ người chia ra hai phẩm là gồm có mười nghĩa năm cặp:

1) năm trăm đệ tử nguyện hạnh đồng, hiện tại đồng thời được thọ ký, vị lai nối nhau thành Phật. Sau người Hữu Hữu học, Vô học nguyện hạnh cũng đồng, hiện tại đồng thời được thọ ký, vị lai nhất thời thành Phật, vì nhân duyên này nên chia ra hai phẩm.

2) Tức muốn dùng hai phẩm này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp. Nói thọ ký không ngoài hai thứ:

a) Trước sau nối nhau thành Phật.

b) Nhất thời thành Phật.

3) Trước năm trăm người là chúng cao danh hiển đức, sau hai ngàn người là chúng ẩn hạnh, mật hạnh, do bộ loại hiển mật khác nhau nên chia làm hai phẩm.

4) Tức muốn dùng hai người hiển mật nhiếp hết nghĩa thọ ký.

5) Trước năm trăm người đồng là vị Hữu học Vô học, sau hai ngàn người là địa vị Hữu Hữu học, Vô học, do bộ loại khác nhau nên chia hai phẩm.

6) Tức muốn dùng hai nghĩa này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

7) Trước năm trăm người đồng có lãnh giải, sau người Hữu Hữu

học, Vô học đồng không lãnh giải, do bộ loại khác nhau nên chia hai phẩm.

8) Tức muốn dùng hai nghĩa này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

9) Trước năm trăm người cũng có phát tích cũng không phát tích như Mãn nguyện phát tích các người khác không phát tích, cho nên làm một loại. Người Hữu Hữu học, Vô học cũng có phát tích cũng không phát tích, như A-nan, La-hầu-la thì phát tích các người khác không phát tích, lại là một loại, do đó chia làm hai phẩm.

10) tức dùng có phát tích không phát tích nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

Hỏi: Phẩm này thật thọ ký một ngàn hai trăm người vì sao đề năm trăm ư?

Đáp: năm trăm tức số một ngàn hai trăm, sử dĩ đề riêng gồm có bốn nghĩa:

1) Khi Phật tại thế có cao danh nói lên oai đức năm trăm La-hán thường theo hầu Phật cho nên đề riêng.

2) Năm trăm người này nguyện hạnh đồng, hiện tại đều cùng thời được thọ ký vị lai nối kế thành Phật.

3) Năm trăm người này đồng tự có khả năng lãnh giải nói công buộc châu nơi chéo áo nên riêng nói.

4) Khi Đức Phật mới thành đạo trước độ năm người, kế độ thầy trò Ca-diếp tức thành năm trăm. Nay từ đầu đặt tên cho nên nói riêng.

Phẩm chia làm hai phần:

1) Thọ ký riêng cho Mãn nguyện.

2) Tổng thọ ký cho các Thanh văn.

Thọ ký riêng Mãn nguyện: Mãn nguyện có phát tích các người khác không phát tích. Mãn nguyện không tự năng lãnh giải các người khác có tự năng lãnh giải, do bộ loại khác nhau nên chia hai phần.

Hỏi: Phát tích vì sao không tự trình bày lãnh giải, không phát tích tự có lãnh giải ư?

Đáp: Phàm luận lãnh giải chắc là xưa mê nay ngộ, kia đã phát tích thì xưa không thật mê, nay chẳng thật ngộ, cho nên người phát tích không thể tự lãnh giải, người không phát tích đã thật xưa mê nay ngộ nên có tự lãnh giải.

Hỏi: Hai hạng thượng căn trung căn đều không phát tích vì sao đến người hạ căn có phát tích ư?

Đáp: Có thể đủ năm nghĩa:

1) Văn xen lẫn có ẩn hiển, hoặc đều phát tích thì là người không

thật ngộ, nếu không đều phát tích thì ẩn đức Bồ-tát do đó văn kinh nêu ra khác nhau.

2) Người hạ căn phát tích thì hiển Bồ-tát bất khả tư nghì, hiện làm Thanh văn rồi thì ẩn đức, ở trong hàng Thanh văn vẫn lại làm hạ căn do đó gọi là bất khả tư nghì.

3) Thị hiện làm Thanh văn vốn vì giáo hóa chúng sinh, nay ba căn đều ngộ thì việc giáo hóa chúng sinh xong mới được phát tích. Chương trên việc giáo hóa chưa cùng khắp nên không nói về phát tích.

4) Người hạ căn còn phát tích người trung căn thượng căn đâu phải hạnh thật ư? Cho nên luận Nhiếp Đại thừa chép: Xá-lợi-phất v.v... đều là hóa nhân, cho nên có kinh chép: Tu Bồ-đề là Phật Thanh Long Đà ở thế giới Phương Đông thì biết đều là người hạnh quyền.

5) Nói lên Bồ-tát có phát tích không phát tích hai thứ phương tiện.

Hỏi: Phát tích có lợi ích gì?

Đáp: Khai một làm ba gồm có hai thứ:

1) Khai một pháp làm ba pháp.

2) Khai một người làm ba người, trên tuy nêu một pháp làm ba pháp, ba pháp qui về một pháp, chưa nói một người là ba người, ba người là một người, nay phát tích các Bồ-tát mới được nói về một người làm ba người, ba người làm một người. Do đây đủ căn cứ người và pháp nói về nghĩa khai hiệp mới tròn đầy.

Thọ ký mãn nguyện có hai phần:

1) Nghe pháp làm duyên lãnh giải.

2) Như lai thọ ký.

Phần một vẫn lại có hai:

1) Nêu lý do lãnh giải.

2) Chánh là nói được lãnh giải.

Đầu có bốn trường hợp:

Nghe pháp làm duyên lãnh giải: Trí tuệ là tuệ thật, phương tiện là tuệ quyền, nói chung nhắc lại hai pháp tuệ quyền thật trong hai châu Pháp và Thí. Lại nghe thọ ký cho các đại đệ tử: Nói chung hai châu thọ ký người làm duyên lãnh giải. Lại nghe việc nhân duyên đời trước là nêu chu thứ ba việc hóa thành làm duyên lãnh giải. Lại nghe Chư Phật có năng lực tự tại thần thông lớn: tức việc Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười kiếp ngỗ đạo tràng và hiện tướng lành. Lại giải tức là đức Thích-ca năng biết việc quá khứ lâu xa. Là sức tự tại thần thông. Sở dĩ chỉ nêu bốn việc: Việc đầu là giáo, việc kế là người được lợi ích,

nhân duyên đời trước lý do trình bày giáo được lợi ích, sau nêu chủ năng hóa tức nghĩa thu nhiếp đã khắp thích nghi nói minh bốn việc.

“Được điều không hề có:.. Chính là nói về lãnh giải cũng chia làm bốn: Nêu trong tâm vui mừng đắc vô sanh nhứt không có sở đắc cấu nên nói tâm tịnh. “Liên đứng dậy khỏi chỗ ngồi..” là nói ngoại hình cung kính. “Mà nghĩ thế này”: Là im lặng lãnh giải. “Cứu vớt chúng sanh ra khỏi các chỗ tham đắm:” Như văn trước nói chúng sanh tham đắm các chỗ dẫn dắt họ khiến ra khỏi. Nói tham trước chẳng phải chỉ tham sử mà nói tất cả tâm có sở đắc. “Chỉ có đức Thế tôn...” là cầu xin thọ ký. Sở dĩ cầu xin thọ ký là gồm có hai nghĩa:

1) Vì hiện nhiếp hạ căn.

2) Vì có duyên chúng sanh phát nguyện vãng sanh cho nên xin ký. Tâm tâm: Vô sanh pháp nhứt tức hạnh Bồ-tát gọi là tâm. Bốn nguyện: tâm Bồ-đề Vô sở đắc.

“Bấy giờ Đức Phật bảo v.v...” chính là thọ ký. Văn chia làm hai: Văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi có hai trước nêu hành nhân sau biện đắc quả, trong hành nhân nói về hành nhân ba đời:

1) Khen ngợi hiện đức là hiện tại hành nhân.

2) Nói hành nhân quá khứ.

3) Nói hành nhân vị lai.

Hiện đức hiển rõ cho nên trước khen ngợi đức hiện tại, do quá khứ tu hành nên kế khen ngợi quá khứ, hai đời hành nhân cũng chưa tròn đầy nên kế khen ngợi vị lai. Đầu văn có bốn trường hợp:

1) Bảo chúng hỏi:” Hỏi: Mãn nguyện ở trong hội vì sao hỏi chúng thấy không ư? Đáp: Chúng chỉ thấy hình mà chưa thấy đức, nay muốn hiển đức khiến chúng kính ngưỡng nên bảo chúng hỏi.

2) “Ta thường khen ông là bậc nhất...” khen ngợi kia có công mở mang trên.

3) Năng vì bốn chúng làm lợi ích v.v... khen ngợi đức lợi ích dưới.

4) Ngoài đức Như lai ra không ai có thể v.v... là nói địa vị Mãn Từ Tử tức người chứng quả Thập địa.. “Các ông chớ cho rằng...” là khen ngợi đức quá khứ của Mãn nguyện, thời chúng chỉ nói hiện tại có công trên mở rộng dưới hóa, chưa biết quá khứ cũng có đức này cho nên nay khen ngợi.

Văn có ba:

1) Nêu quá khứ chín mươi ức kiếp Đức Phật có công trên mở rộng dưới hóa.

2) Ở nơi bảy Đức Phật có công thượng mở rộng hạ hóa.

3) Ở chỗ Đức Phật Thích-ca trong hàng người nói pháp là bậc nhất.

Đây tức từ nhiều Phật cho đến ít Phật. Văn đầu chia làm ba:

1) Khen ngợi trí tuệ Mãn Từ Tử.

2) Khen ngợi thần thông.

3) Trí tuệ và thần thông của Mãn Từ Tử đều đầy đủ cho nên rộng làm lợi ích.

Đầu lại khai ba:

1) Khen ngợi có tuệ, tức thật phương tiện.

2) “Lại ở nơi Chư Phật nói pháp Không là khen ngợi Không tuệ gọi là phương tiện thật.

3) “Đắc bốn trí vô ngại...” hiệp khen ngợi hai tuệ Không, Hữu. Do hiểu đầy đủ Không, Hữu mới có thể nói pháp vô ngại, không như vậy thì thành có sở đắc.

“Đầy đủ sức thần thông của Bồ-tát...” kể khen ngợi thần thông. “Người thuở Đức Phật kia v.v...” nêu đủ thần thông trí tuệ rộng làm lợi vật. Văn lại có hai:

1) Khen ngợi thành tựu chúng sanh.

2) “Vì muốn thanh tịnh cõi Phật...” khen ngợi tịnh cõi nước Phật.

Trước lại có hai câu:

1) Lợi ích chung chúng sanh bốn thừa.

2) “Lại giáo hóa vô lượng...” là lợi ích riêng người cầu Phật.

“Các Tỳ-kheo...” khen ngợi trong pháp của bảy Đức Phật có đức trên mở rộng dưới hóa. “Nay ở chỗ ta v.v...” khen ngợi ở chỗ đức Thích-ca nói pháp bậc nhất. “vào kiếp hiền...” khen ngợi vị lai tu nhân cũng chia ba:

1) Khen ngợi ở chỗ tu hành của Phật trong một kiếp.

2) “Cũng ở trong đời vị lai...” là chỗ tu hành của Phật nhiều kiếp.

3) “Dần dần đầy đủ v.v...” là khen ngợi tu nhân tròn đầy.

“Qua vô lượng vô số kiếp sau v.v...” là nói đắc quả, gồm có sáu quả:

1) Quả hóa chủ.

2) “Đức Phật đó...” là quả cõi nước; đất bằng như bàn tay có hai:

a) Nói Đức Phật tay bằng phẳng, là chỉ việc mà nói.

b) Đáy biển có đá bốn phương ngàn dặm bằng như gương soi mặt gọi là tay đá.

3) Cung điện của chư thiên nêu quả quyến thuộc gồm có bốn ý.

- a) Nói về quyển thuộc trời người.
 - b) Nói về quyển thuộc Bồ-tát.
 - c) Nói về quyển thuộc Thanh văn.
 - d) Tổng kết.
- 4) “Kiếp tên Bảo minh v.v...” là nói quả thời gian. Nước tên Thiện Tịnh v.v... trên nêu thể nay nói về tên cõi.
- 5) “Tuổi thọ của Đức Phật kia v.v...” là nói quả tuổi thọ.
- 6) “Pháp trụ lâu xa v.v... là nói quả trụ trì.
- Kệ văn có hai:
- 1) Tụng về hành nhân.
 - 2) Tụng về đắc quả.
- Tụng hành nhân ba đời tức là ba phần:
- 1) Bảy hàng tụng khen ngợi chư Bồ-tát tức khen ngợi Mãn Từ Tử hiện tại hành đức.
 - 2) Năm hàng tụng hành nhân quá khứ.
 - 3) Hai bài rưới tụng hành nhân vị lai.
- Bảy hàng đầu chia làm ba:
- 1) Một bài nêu khen ngợi.
 - 2) Năm hàng giải thích khen ngợi.
 - 3) Một bài tổng kết tán. Rõ ràng không thể khen ngợi đủ.
- Năm hàng kế lại chia làm hai:
- 1) Bốn hàng khen ngợi Bồ-tát làm Nhị thừa phương tiện.
 - 2) Một bài khen ngợi Bồ-tát chỉ bày phàm phu phương tiện.
- Bốn hàng đầu lại chia hai:
- 1) Ba hàng khen ngợi Bồ-tát làm Nhị thừa phương tiện năng thành tựu chúng sanh.
 - 2) Một bài nêu Nhị thừa phương tiện năng tịnh cõi nước Phật.
- Ba hàng đầu lại chia làm ba cặp.
- 1) Nửa bài trên biện biết căn cơ, nửa bài kệ dưới nói lên oai nghi Tiểu thừa nghĩa là cơ giáo một cặp.
 - 2) Nửa bài trên khéo giáo hóa người, nửa bài kệ dưới tự nói là tiểu đạo gọi là tự tha một cặp.
 - 3) Nửa bài trên nêu độ vật, nửa bài kệ dưới nói ý thuyết giáo gọi là giáo lý một cặp.
- “Dù ưa nhỏ biếng lười”: Dù hiện Tiểu thừa oai nghi nói Tiểu giáo mà tự như pháp Bồ-tát biếng nhác mà thật chẳng biếng nhác. “Chỉ ba độc cho người lại hiện tướng tà kiến”: Trên nói Thánh phương tiện làm hai Thánh Thanh văn Duyên giác, nay chỉ phàm phu phương tiện cũng

làm hai phàm:

- 1) Hiện làm chúng sanh tại gia ba độc.
- 2) Hiện làm xuất gia tà kiến ngoại đạo.

Lại trên hiện Nhị thừa phương tiện tức là người không phiền não, nay chỉ hai phàm phu phương tiện nghĩa là người có phiền não. Nay đại sĩ thể ngộ phiền não không hề có, không cho nên phương tiện thị hiện có không. Như Kinh Tịnh Danh chép: Bồ-tát không dứt phiền não cũng không cùng đồng mà năng thị hiện đều đoạn hai việc.

“Nay Phú-lâu-na đây...” là hành nhân quá khứ. “Vị lai cũng cúng dường” v.v... là tụng hành nhân vị lai. “Sau đó được thành Phật...” là tụng đắc quả có hai:

- 1) Tụng về đắc quả.
- 2) Tổng kết.

Trong tụng đắc quả: nửa hàng tụng là quả hóa chủ, nửa hàng tụng là quả cõi nước quả, một câu tụng là quả thời gian quả, bốn hàng một câu tụng quả quyền thuộc, năm câu tụng Bồ-tát, một bài tụng Thanh văn, hai bài tụng về trời người, từ hơn đến kém xếp vào thứ lớp. “Pháp hỷ, thiền duyệt thực”: Là định tuệ có công năng nuôi dưỡng pháp thân nên gọi là thực. Lại ngoài theo Phật nghe pháp vui mừng là pháp hỷ, trong như nói tu hành là thiền duyệt, lại Thánh nói pháp gọi là pháp hỷ, bậc Thánh im lặng gọi là thiền duyệt. Đức Phật dạy đệ tử thường thực hành hai việc cho nên chỉ có hai món ăn. Các kinh khác nói có chín món ăn: Thế gian bốn món, xuất thế gian năm món:

- 1) Thiền.
- 2) Nguyện.
- 3) Niệm
- 4) Tám giải thoát.
- 5) Hỷ. “Tỳ-kheo Phú-lâu-na v.v...” một bài rưỡi là tổng kết tịnh độ.

“Bấy giờ ngàn hai trăm vị...” là thọ ký cho Thanh văn chia làm hai:

- 1) Thọ ký.
 - 2) Lãnh giải.
- Trong thọ ký có hai:

- 1) Xin ký.
- 2) Thọ ký.

Hỏi: Một ngàn hai trăm năm mươi người thường theo Phật, kinh này trước sau vì sao chỉ nói một ngàn hai trăm ư?

Đáp: Hoặc có thể rút trong kinh chỉ lấy số chẵn; hoặc có thể xưa có một ngàn hai trăm năm mươi, đến thời Pháp Hoa năm mươi người đã mất cho nên chỉ nói một ngàn hai trăm thôi!

“Chúng ta vui mừng được điều không hề có v.v...” nghe trên nói pháp và cho thọ ký chung nên vui mừng, không được thọ ký cũng sung sướng lắm nghĩa là một ngàn hai trăm vị La-hán thấy các người khác được ký riêng, nghĩ rằng mình không được ký riêng nên đến xin nếu như được ký riêng được thành Phật thì gọi là sung sướng. “Đức Phật biết tâm niệm v.v...” là được Phật thọ ký. Văn chia làm ba:

- 1) Hứa chung.
- 2) Thọ ký riêng.
- 3) Bảo Ca-diếp khiến tuyên cáo chúng kia được thọ ký.

“Nay... là hứa chung. Trong chúng đó v.v...” Nêu thọ ký riêng, trước văn xuôi, sau kệ tụng, trước văn xuôi có hai: Trước thọ ký riêng Kiều-trần-như, kế thọ ký riêng năm trăm. Phải biết năm trăm và một ngàn hai trăm đều là trong số một ngàn hai trăm, một ngàn hai trăm là số đầu đắc Ba đạo thừa, trong một ngàn hai trăm đây năm trăm là nêu số lãnh giải cho nên nói năm trăm. Dù nêu năm trăm cũng là trong số một ngàn hai trăm như gọi nhóm Tỳ kheo mười bảy vị, sáu vị. “Năm trăm vị A la hán..” là thọ ký năm trăm người: Ca Lưu Đà Di: Ca lưu Hán dịch là Thời. Đà Di gọi là Khởi. Thập bát bộ sơ chép: Ca lưu là Hắc, Đà Di là Thượng, là thầy của Thái Tử Tất-đạt khi còn ở trong cung. Châu đà: Hán dịch là Bất lạc, lại nói Tiểu lộ. Sa-già Đà dịch là Thiện lai, xưa dịch là Ác lai, ngoại quốc cũng gọi là Sa Kiệt Đà. Cũng gọi Sa Già-đà. Ưu Đà Di cũng gọi là Ô đà di, Trung hoa gọi là Xuất.

Văn Kệ cũng có hai: Trước sáu hàng tụng Kiều-trần-như được thọ ký, kế ba hàng rưỡi tụng năm trăm người được thọ ký. “Ca-diếp! Ông đã biết...” là bảo Ca-diếp khiến tuyên cáo thọ ký. Do không có Nhị thừa chỉ có Nhất thừa, tất cả Thanh văn đều sẽ thành Phật, bảo tuyên chỉ thọ ký là ý đây.

“Bấy giờ năm trăm vị La-hán...” là tự trình bày lãnh giải. Văn có hai: Văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi có bốn:

- 1) Pháp.
- 2) Thí.
- 3) Hiệp.
- 4) Tổng kết vui mừng.

Đầu nói pháp lại có bốn:

- 1) Nêu duyên lãnh giải được thọ ký tức là duyên lãnh giải.

2) “Vui mừng hơn hở v.v...” là trong tâm vui mừng.

3) “Liên đứng dậy khỏi chỗ ngồi ...” là ngoại hình cung kính. “Ăn năn lỗi tự trách v.v...” là phát ngôn tự trình bày lãnh giải.

Đây lại chia làm bốn:

1) Hối lỗi tự trách.

2) Thuật lại xưa mê.

3) Nói nay ngộ.

4) Giải thích.

Hối lỗi tự trách: Sám hối tội Tiểu thừa có sở đắc, khiến người chưa bỏ rồi chấp Nhị thừa do đây mà bỏ rồi phát tâm Đại thừa vững chắc không lui sụt. Nhưng kinh này từ đầu đến cuối nhờ một ngàn hai trăm người phá tất cả các người Tiểu thừa trong mười phương ba đời, khiến cho họ bỏ chấp có sở đắc ngộ nhập chánh quán bình đẳng, cho đến nhờ người ba căn bác bỏ hạng Bồ-tát cố chấp hai kiến đại, Tiểu thừa trong mười phương ba đời, cũng khiến họ ngộ nhập phi đại phi tiểu không một không ba mà diệu ngộ không y, không đắc, do đó kinh này từ đầu đến cuối đều lấy một ngàn hai trăm người mà nói làm đầu mối. Nhờ họ chấp mê để nói lên mê đại tiểu có sở đắc, nhờ họ ngộ để dẫn tất cả tâm mê chấp có sở đắc Đại Tiểu khiến họ được ngộ.

Hỏi: Nếu vậy kinh này ba châu đều là người phương tiện không thật ngộ đạo?

Đáp: Nhờ người ba căn này trình bày sự mê ngộ khiến người thực hành Tiểu thừa đối với kinh Pháp Hoa đắc tín tâm, cho nên trước nói các hàng Thanh văn tin lời Phật nên thuận theo kinh này, tức kia chứng minh.

Hỏi: Vì sao biết được ba căn Thanh văn đều là phương tiện ư?

Đáp: Không có người thực hành nghe Kinh Pháp Hoa liền lãnh giải giúp Phật tuyên dương giáo hóa cho nên Kinh này Phật có ba châu nói, đệ tử cũng có ba châu nói, hoặc thầy hoặc đệ tử đều là hiển phát thâm giáo điều phục chúng sinh. Nhưng chánh quán vắng lặng không hề có thầy trò vì chúng sanh nên phương tiện mà có thầy trò, muốn cho chúng sinh thọ hóa ngộ nhập bình đẳng. Cho nên, Kinh Niết-bàn chép: Nói pháp chẳng phải thầy cũng chẳng phải đệ tử gọi là Trung đạo, thầy trò tức là phương tiện, mê ngộ cũng như vậy, bình đẳng chánh quán không hề có mê ngộ, vì chúng sanh nên phương tiện có mê ngộ. Lại kinh Niết-bàn nói tất cả chúng sanh không thể phá kết; chẳng phải không năng phá, chẳng phá chẳng phải không phá gọi là Trung đạo, nên thường theo ý này mà đọc kinh Pháp Hoa.

Nếu chấp xưa khai nay hợp, có Nhất thừa, không có ba thừa, cho đến trước sau mê ngộ thì thành có sở đắc, có sở đắc tức vô minh, chẳng phải đại tuệ bình đẳng. Có sở đắc ấy không đạo không quả không thể hành nhân Phật đắc quả Phật; có sở đắc gọi là thô chẳng phải diệu pháp, có sở đắc tức là nhiễm trước không gọi là hoa sen. Nói hối lỗi: Đức Phật quá khứ khiến ta phát tâm Bồ-đề vô sở đắc không hai, mà do ta điên đảo sâu dày trái đại chấp tiểu là tội thứ nhất của con. Từ đầu Kinh đến nay hai châu đã vì con nói đại tuệ bình đẳng, mà con nghi hối không hiểu đó là tội thứ hai của con. Đã ở trong hai đời nhọc phiền Như lai cho nên sám hối lỗi đối với Phật, lại chấp tiểu, nghi đại sâu làm chướng pháp cho nên đối pháp sám hối tội có sở đắc. Tự trách: do trái đại chấp tiểu, chấp tiểu nghi đại đều do mình độn căn cho nên tự trách.

Hỏi: Vì sao người hạ căn có riêng lời này?

Đáp: ba phen nghe mới hiểu thì có các lụy sâu cho nên nói riêng. Lại hàng Thanh văn ba căn đều nên hối lỗi tự trách, chỉ muốn chuyển thế bày lỗi cho nên ba thứ khác nhau.

“Thế tôn! Chúng con v.v...” là thuật xưa mê. Nay mới biết đó như người vô trí. Nêu nay ngộ. “Vì sao”: Là giải thích. Nói lẽ ra đắc đại mà chấp chặt tiểu tự cho là đủ nên là người vô trí tức giải Thích-câu trên “như người vô trí.”

“Thí như có người...” là Thí nói trình bày rộng về lãnh giải. Kinh này Phật có ba châu chép:

- 1) Pháp nói.
- 2) Thí nói.
- 3) Vừa thí vừa pháp nói.

Đệ tử ba phen lãnh giải cũng có ba giai cấp: Xá-lợi-phất nghe pháp nói trên lại làm pháp nói lãnh giải, Ca-diếp ngộ trước thí nói lại làm thí nói mà lãnh giải, nay hiểu rõ cả hai pháp thí lại làm hai thứ pháp thí lãnh giải, cho nên trước nêu pháp nói lãnh giải, nay nói thí nói lãnh giải. Căn cứ thí nói đầu cuối có tám phần:

- 1) Người nghèo đến nhà bạn thân.
- 2) Bạn thân cho uống rượu.
- 3) Say rượu nằm.
- 4) Bạn buộc viên ngọc vào áo.
- 5) Vì say nên không hay biết.
- 6) Thức dậy bèn đi tìm cầu việc ăn mặc.
- 7) Gặp lại bạn chỉ cho viên ngọc.
- 8) Người nghèo được châu báu vui mừng.

Bạn thân từ đầu đến cuối muốn làm lợi ích cho nhau, nêu đủ tám việc, do loại theo nhau nghĩa ý chỉ có ba:

- 1) Cột ngọc châu quý.
- 2) Giữa đường lạc nhau.
- 3) Gặp lại chỉ ngọc châu quý.

Sở dĩ lập ba thí dụ này là lại lãnh giải ba nghĩa trên:

1) Lãnh xưa bầm thọ Đại thừa, tức vào thời Đức Phật Đại Thông. Kế là lãnh quên Đại chấp Tiểu, từ quá khứ lui sụt tâm Bồ-đề xong nay trước Linh Sơn, ba lần lãnh đắc ngộ Đại tức hội Linh Sơn.

2) Lãnh hóa thành ba thí dụ: lãnh trước ban đầu nói Đại thừa, lãnh kế giữa đường nói Tiểu thừa, kế lãnh sau lại nói Đại thừa.

3) Lãnh Như lai có ba thứ pháp luân: Đầu lãnh pháp luân căn bản, kế lãnh pháp luân chi mật, sau lãnh pháp luân gom ngọn về gốc.

“Thí như có người v.v...” tức là người hạ căn. “Đến nhà bạn thân v.v...” xưa có cảm Đại thừa nói giáo Đại thừa nên gọi là đến, đồng có Phật tánh lại từng thọ hóa là pháp ra đời là thân, đồng chí hướng Bồ-đề cùng vượt sanh tử nên là bạn. Phẩm Thí Dụ làm cha con, phẩm Tín Giải lại làm cha con mà lãnh giải Phẩm Hóa Thành làm đạo Sư, bạn lữ, nay lại làm anh em mà lãnh giải, do mười sáu Sa-di quá khứ ngộ trước nên gọi là anh, anh tức là bạn, người theo thọ giáo học sau tức là em. Nhà: là chỗ nói giáo Đại thừa. “Say rượu mà nằm ngủ”: Ngài Quang Trạch v.v... chép: Người nghèo vốn say đến nhà bạn thân nằm, dụ chúng sanh bị năm trước làm mê chìm đắm sanh tử gọi là say. Vô minh mê hoặc tâm được giải không lâu mà quên giải, sau bèn không tu hành như say rượu nằm ngủ. “Nay nói không đúng. Vì kệ dưới chép: “Thí như có người nghèo đến nhà bạn thân, nhà kia rất giàu có, bày các thức ăn ngon”. Đã nói say đến mà nằm ngủ, vì sao nói bày thức ăn, lại đã bày thức ăn ngon đây sao không uống rượu ư? Đây là dụ việc không thành.

Nay nói về trong đó có thể có hai nghĩa:

1) Bạn thân bày tiệc uống rượu ăn ngon, nhưng văn xuôi lược nên không nói, kệ thì đầy đủ.

2) Tức văn xuôi này tự bao gồm nghĩa đó. Văn nói say rượu mà nằm ngủ. Rượu do bạn thân bày ra. Say là người nghèo uống rượu mà say. Xưa nói Pháp Hoa tức Đại thừa Trung đạo vô tướng giáo làm rượu, đắm chấp giáo là say, mê lý là nằm. Cho nên Kinh chép: Cầm bình Tam-muội Không chứa đầy rượu vô tướng.

Hỏi: Vì sao dùng rượu dụ cho giáo ư?

Đáp: Rượu có nghĩa vui thích dụ cho nghe giáo vui mừng tự biết

sẽ thành Phật và rượu có nghĩa hôn mê, dụ cho do giáo sanh khởi mê. Nay dụ Đại thừa chính là muốn nói nghĩa ba căn Thanh văn giữa đường mê giáo, nên chánh nhờ rượu làm dụ vì thế ban đầu nói say rượu mà nằm ngủ.

Hỏi: Vì rượu nên say nằm, lập ra giáo nên khởi mê ư?

Đáp: Bạn thân cùng gặp vốn làm thần vui không khiến say mê, Như lai nói giáo ý ở ngộ lý, không khiến duyên mê, chỉ vì lầm tôn chỉ nên bị mê hoặc!

“Lúc ấy, người bạn thân có việc quan phải đi”: Bực Đại Sĩ lợi ích chúng sinh hóa độ chúng sanh tự tại chẳng vì mình như việc quan, lại cõi này cảm tận phương khác duyên đến. Không được không đi như việc quan phải đi. “Buộc châu báu vô giá trong áo của gã say: Đây chính là thí dụ buộc châu. Luận Pháp Hoa chép: Có người tâm tán loạn tăng thượng mạn thật không có định, quá khứ tuy có gốc lành Đại thừa mà không hay biết, không biết nên không cầu Đại thừa, đối với tâm xấu hẹp ấy sanh luống dối hiểu cho là bậc nhất thừa, chấp điên đảo như vậy, vì đối trị hạng người này nên nói thí dụ buộc châu. Tức là chỉ cho biết gốc lành quá khứ làm cho nhớ nghĩ, rồi sau dạy bảo khiến nhập Tam-muội. Luận lại nói thị hiện giải vô thượng cho nên nói thí dụ buộc châu. Giải Đại thừa Trung đạo dụ như châu báu, cùng tốt trong lý nên gọi là vô giá. Lại do đây giải lý không hai mà cảm Đại quả của Phật, do có nhiều khả năng nên gọi vô giá, giải do Phật trao cho nên gọi là buộc, giải hoặc ẩn mật vi tế trong tâm như trong áo.

Hỏi: Trao cho lãnh giải vốn do chúng sanh lãnh ngộ, đã nói say rượu mà nằm ngủ đều không hay biết, vì sao trong lúc không hay biết mà trao lãnh giải?

Đáp:

1) Buộc châu vốn nói ý chỉ Đại thừa không khiến tạm thọ mà thôi chính là nhiễm thân trải qua nhiều kiếp không suy, cho nên mượn say không biết để nói về cột châu, thật ra chẳng phải là lúc không biết mà cột.

2) Xét về lãnh giải châu dụ cho tâm Bồ-đề, không mất chánh là ở thời sau, nay muốn hiển rõ thời sau giải không suy do Phật được trao cho nên ở thời sau nói. Lại sở dĩ biết buộc ngọc châu chẳng phải là lúc không hay biết là vì châu dụ cho tâm Bồ-đề, nếu đều không biết thì làm sao phát tâm Bồ-đề! Chỉ vì nay căn cứ thời sau bỏ quên cho nên nói không biết.

Hỏi: Cột châu đã là lúc hiểu biết thì uống rượu cũng có không say

ư?

Đáp: Lúc đầu chưa say sau mới say, như lúc đầu bầm giáo thì chưa mê sau mới mê.

Hỏi: Bạn thân vì sao bày tiệc rượu thức ăn lại cột châu ư?

Đáp: Bạn thân ân tuệ có lợi ích có thể có từ đầu đến cuối hai việc:

1) Bày tiệc rượu ăn uống.

2) Là ân tuệ châu báu quý trọng châu báu quý trọng là nhân giàu sang lúc trước, rượu thức ăn là vui đương thời hội ngộ. Trước theo Đại thừa cũng đủ hai việc: Đương thời được lợi ích như uống rượu tình vui, kế giải nhiệm thân trải qua nhiều kiếp không suy, đồng là thí dụ buộc hạt châu.

Hỏi: Đã là từ đầu đến cuối một giải vì sao không nêu một thí dụ ư?

Đáp: Ăn, uống rượu chỉ có ích đương thời mà không có nghĩa thời sau không mất, buộc châu chỉ có thời sau không mất mà không có lý xen lẫn lợi ích, cho nên nêu hai thí dụ đầu và cuối chỉ một giải.

Hỏi: Nếu chỉ là trao cho một lãnh giải thì ban đầu thấy bạn thân liền cột châu nơi áo vì sao đến lúc say nằm ngủ mới cột ư?

Đáp: hai thí dụ thật ra là một lúc, mà trước sau nói để có hai nghĩa ấy, uống rượu là ý ban đầu có giải chút ít sau thì hôn mê, tuy lại sau mê mà giải ẩn kín trong mê cuối cùng cũng không suy diệt cho nên như buộc châu. Vì thế rượu dụ nói lên kia giải sau đó khởi mê, châu dụ rõ kia giải tuy lại khởi mê mà giải không suy diệt.

Hỏi: Kinh tự nói về trước sau vì sao nói một thời ư?

Đáp: Trong kệ sau nói về bày tiệc rượu ăn uống liền buộc châu cho nên biết nhất thời nhưng muốn hiển rõ hai nghĩa đầu đuôi, như trước giải thích.

Hỏi: Rượu châu chỉ dụ cho giải cũng dụ cho giáo ư?

Đáp: Chung đều được dụ, giáo Trung đạo tròn đầy như viên ngọc, luyện thân dưỡng tánh việc đồng với rượu, giáo đã đủ hai, giải cũng theo lệ như vậy, nhưng châu chính dụ giải gọi là tâm Bồ-đề cho nên dưới hiệp nói nhất thiết trí nguyện cũng còn không mất.

Rượu dụ hai nghĩa:

1) Dụ giáo.

2) Uống rượu lợi thân dụ cho lãnh giáo sanh giải cho nên biết có đủ hai nghĩa. Nhưng rượu chánh là dụ giáo. “Cho đó rồi đi”: tức thời chưa thể hóa chẳng được không bỏ. Lại đầu lập bày rượu dụ cho thuyết

giáo lấy châu buộc dụ trao giải, trao giải đã xong cõi này cảm đã dứt cho nên đi. “Gã đó say nằm đều không hay biết v.v...” là dụ cho giữa đường quên đại chấp tiểu. Đã chấp giáo khởi hoặc, trải qua sanh tử không biết đã từng có Đại thừa. “Khi dậy liền dạy đi”: Câu trước nêu quên đại giải như đều không hay biết, câu này nói tập hành Tiểu thừa cho nên nói đứng dậy dạy đi. Lại câu trước nói đều không hay biết quên mất iải xưa, nên lưu lạc trong năm đường, câu này nói khởi cầu pháp xuất thế Nhị thừa. Căn cơ Tiểu thừa phát đứng dậy, tu hành pháp Tiểu thừa là đi (hành). “Đến nước khác”: Chính là nói Niết-bàn đáng chứng, còn chẳng phải nước mình cho nên nói nước khác, tức Đại thừa làm nước mình Giáo Nhị thừa làm nước khác. Trong phẩm Tín Giải dụ dùng lý Đại thừa làm nước mình sanh tử làm nước khác, nay dùng Đại thừa làm tự mình Tiểu thừa làm nơi khác. “Vì việc ăn mặc mà phải gắng sức tìm cầu rất là khổ nhọc”: Nhị thừa vui ít, nghĩa sánh với ăn mặc, điều phục hoặc không biếng nhác là gắng sức, không có liên quan lo lắng là gian nan khổ nhọc, lại chẳng phải thuận lý nên gọi là khổ nhọc, lại Bồ-tát như lạc đạo, Thanh văn như khổ đạo, cho nên nói khổ nhọc. Nếu có được chút ít liền cho là đủ”: Trên nói hành nhân, nay nói đắc quả, giữ lấy ít quả cho là rốt ráo cho nên nói tự đủ.

“Lúc sau người bạn thân gặp gỡ thấy...” là thí dụ gặp gỡ chỉ bày châu.

Hỏi: Nay mới thấy bạn thân, hay trước đã thấy ư?

Đáp: Trong đứng dậy dạy đi đã thấy bạn thân, chỉ nói giáo Tiểu thừa chưa xứng bạn ngày xưa cho nên không nói thấy, nay đã chỉ bày châu lại như bạn xưa mới gọi là thấy.

Lúc sau: Tức là sau nói Tiểu giáo, đại căn cơ dần dần phát gọi là gặp gỡ, vì trí Phật chiếu so nên gọi là thấy. “Liên bảo rằng: Lạ thay! Anh này sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này”: Trước nêu thấy căn cơ, nay nói thuyết giáo, xưa phát đại tâm thực hành đại hạnh, ý chí mạnh mẽ gọi là trượng phu. Nay liền bỏ đại học tiểu đây thật đáng thương. “Lúc trước ta muốn anh được an vui tha hồ năm món dục”: Xưa muốn cho chúng sanh được quả Phật an vui. “Ngày tháng năm đó cột châu báu vô giá vào trong áo anh nay vẫn còn đó”. Thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng là ngày tháng năm, vì nói Pháp Hoa trao Nhất thừa giải là cột châu, nhân xưa không suy yếu là nay vẫn còn đó. “Mà anh không biết”: là nói không biết có đại giải. “Lại đi nhọc nhằn sâu khổ để kiếm tìm tự nuôi sống”: là nói chấp Tiểu thừa. “Thật là ngu si”: Quên đại chấp tiểu do vô minh phiền não nên gọi là si. “Nay anh nên đem ngọc ấy đổi lấy

các thứ cần dùng”: Dùng tâm Bồ-đề báu đối sẽ cảm được đức của Phật tròn đầy. Dùng nhân cảm quả tức nghĩa đối chác.

“Đức Phật cũng như vậy...” là nêu ba hiệp ba dụ. Tức ba “là lúc làm Bồ-tát”: Hiệp trên bạn thân. Giáo hóa: Hiệp trên bày rượu. “Khiến phát tâm cầu nhất thiết trí”: Hiệp trên buộc châu báu. “Mà chúng con bỏ quên...” Hiệp bỏ đại chấp tiểu tức bao gồm hiệp trên: say rượu mà nằm. Bỏ quên chính là hiệp trên đều không hay biết. “Đã đắc La-hán”: Hiệp trên quên đại, hiệp đây chấp tiểu. “Tất cả trí nguyện vẫn còn chẳng mất”. Hiệp bạn thân chỉ bày châu. “Nay đức Thế tôn giác ngộ chúng con mà nói...” là hiệp trên nói lạ thay! Anh này sao đến nỗi như vậy! “Ta từ lâu đã khiến các ông...” hiệp vẫn trên: xưa ta muốn các ông được an vui... cho đến buộc châu: “Mà các ông chưa thiệt diệt độ”: Hiệp trên mà anh không biết rất là ngu si.

“Thế Tôn! Chúng con nay mới biết mình...” là tổng kết ngộ giải vui mừng.

Kệ có mười hai hàng rưỡi tụng bốn đoạn trên, chia làm bốn:

- 1) Hai bài rưỡi tụng Pháp nói.
- 2) Sáu hàng tụng Thí nói.
- 3) Ba hàng tụng hiệp dụ.
- 4) Một bài tụng kết vui mừng.

Trên pháp nói hai bài rưỡi có bốn:

- 1) Nửa hàng tụng duyên lãnh giải.
- 2) Một câu tụng trong tâm vui mừng.
- 3) Một câu tụng ngoại hình cung kính.

4) một bài rưỡi tụng hối lỗi. Hối lỗi tự trách có bốn: nay chỉ tụng hai: Đầu nửa hàng tụng hối lỗi. Kế hàng tụng xưa mê, tức giải thích việc hối lỗi. Sáu hàng tụng ba thí dụ tức có ba riêng: Một bài ba câu tụng thí dụ buộc châu, “Bày đủ các tiệc ngon...”: Văn xuôi nêu rượu, kệ nêu tiệc ngon, rượu dụ nói tâm Bồ-đề, bày tiệc ngon nói Bồ-đề hạnh. Cũng được chuyển thí, trên dùng rượu thí dụ giáo Pháp Hoa, nay dùng tiệc ngon dụ cho giáo. Nói bày đủ: Đức Phật nói lược ở trước, Sa-di nói rộng ở sau. “Thầm cho rồi bỏ đi v.v...” giải không suy diệt đã hiển rõ ở sau thì sau giải chẳng phải là ngôn giáo đã trao nên nói thầm cho. Có người chép: Bấy giờ không có thầy dẫn dắt một khi phát sanh thiện trải qua nhiều kiếp không suy diệt lại gặp gỡ nhau cho nên gọi là thầm cho. Có người chép: lúc bấy giờ tuy vì người độn căn nói giáo mà họ không hiểu, không khác với im lặng cho nên nói thầm cho. Lại rượu, thức ăn ngon dụ cho giáo gọi đó là ngôn từ buộc châu trao giải cho nên gọi là

thâm cho, giải thích này là đúng.

Hỏi: Trong kệ vì sao nói bày ra các tiệc ngon thì nói buộc châu?

Đáp: Vì khi nói Đại thừa tức trao tâm Bồ-đề giải, thật ra chẳng khác thời nên biết kế tục nói.

“Mà bỏ đi”: Nói giáo trao giải được lợi ích đủ rồi nên bỏ. “Gã say nằm không hay biết v.v...:” hai bài một câu tụng thí dụ giữa đường quên mất đũa ở trên. “Người thân hữu cho châu...” hai bài tụng trên gập gỡ lại chỉ bày châu. “Chúng con cũng như vậy...” ba hàng tụng bên trên hợp thí thứ nhất: Đầu kệ tụng hợp thí thứ nhất, kế kệ tụng hiệp thứ hai, sau kệ tụng hiệp thứ ba. “Con nay từ Phật nghe v.v...” một hàng tụng thứ tư tổng kết vui mừng.

PHẨM THỌ HỮU HỌC, VÔ HỌC NHÂN KÝ THỨ CHÍN

Học và Vô học có Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau. Tiểu thừa Hữu Hữu học, Vô học: Thành luận chép: Học pháp: Là người Hữu học ở tâm bậc nhất nghĩa. Vô học: Là người Vô học ở tâm bậc nhất nghĩa. Nếu tâm duyên chân thật lại có nghĩa tăng tiến đó gọi là Hữu Học, tâm duyên chân đã mãn không còn tiến cầu đó gọi là Vô học. Nếu tâm ra đời tục chẳng phải Hữu Học chẳng Vô học. Theo Luận A Tỳ-đàm chép: Hợp lý tiến cầu gọi là Hữu Học, hợp lý dứt cầu gọi là Vô học, tâm duyên sự gọi là chẳng phải Hữu học chẳng phải Vô học. Nhưng phẩm này đều không nói về nghĩa này, Hữu Hữu học, Vô học đã ở tâm quán thì không thể đắc ký cũng không thể đắc thọ, nay chỉ căn cứ địa vị phân rõ! Ba quả đầu gọi là Hữu Học, La-hán gọi là Vô học. Mà nói người ấy: luận Trí Độ chép: Người Tu-đà-hoàn, đạo Tu-đà-hoàn là Mười lăm tâm. Quả Tu-đà-hoàn là tâm thứ mười sáu, nay chánh nêu người đó để làm phẩm.

Đại thừa Hữu Học, Vô học: Đức Phật gọi là Vô học, đấng Địa trở lên gọi là Học. Căn cứ trong nhân địa, Thất địa trở xuống là công dụng đạo gọi là Hữu Học, Bát địa trở lên là vô công dụng đạo gọi là Vô học. Cho nên, Đại Phẩm chép: Bồ-tát có địa vị Hữu Hữu học, Vô học.

Hỏi: đại thừa có quả địa Hữu Hữu học, Vô học, lại có Hữu Hữu học, Vô học trong nhân vì sao Tiểu thừa không có Hữu học, Vô học trong nhân địa?

Đáp: Tiểu thừa trong nhân không có công dụng nghĩa vô công dụng nên không chia hai, chỉ có công dụng nên chỉ có Học đạo. Nay nói về trong đây các người thường là đồng hành với Phật thì gọi là Đại thừa Hữu học, Vô học, nay Phật trao ký cho hai loại người Hữu học, Vô học hiển danh và mật hạnh cho nên dùng gọi tên phẩm.

Phẩm chia làm hai:

1) Xin ký.

2) Thọ ký.

Xin ký chia làm hai:

1) A-nan, La-hầu-la, hai người xin ký.

2) Hai ngàn người xin ký.

Hỏi: Phẩm tựa nêu chúng, A-nan đều thuộc chúng Vô học nay vì sao nhập vào chúng Hữu học, Vô học?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1) Phẩm trên nói về đức A-nan dự lãnh Phật pháp là thầy thứ hai

tuy chẳng phải Vô học mà thuộc về chúng Vô học, nay căn cứ địa vị của Ngài mà phân chia. Đã là Sơ quả nên không nhập chúng vô học.

Hỏi: Nếu vậy La-hầu-la đã là vô học vì sao không xếp vào chúng ở phẩm trước ư?

Đáp: Phải thọ ký cho A-nan mới được thọ ký cho La-hầu-la, A-nan đã thuộc phẩm này, La-hầu-la cũng thuộc về phẩm này.

2) A-nan, La-hầu-la và năm trăm đệ tử trên nguyện hạnh khác nhau cho nên chỉ thuộc về phẩm này.

3) Trên nói về hàng Vô học có quyền có thật, như Mãn Từ Tử là quyền, các vị khác là thật, nay muốn nói về người Hữu học, Vô học cũng có quyền thật. A-nan, La-hầu-la có phát tích nên gọi là quyền. Hai ngàn người không phát tích nên gọi là thật, như trên giải thích.

Vấn đầu có ba:

1) Trong tâm tư duy.

2) Bên ngoài cung kính.

3) Nói lời xin ký tức thứ lớp ba nghiệp.

“Chúng con trong đây lẽ ra cũng có phần”: Có hai suy xét, và hai kết luận. Hai suy xét:

1) Nêu tự suy nghĩ lẽ ra được thọ ký, nói về chúng con trong đây cũng đáng có phần: Trình bày mình được hiểu ngộ, “Chỉ có Như lai là chỗ nương về của chúng con”: Xin Phật chứng minh xem xét cho họ là có hiểu ngộ. Lại tích ở Thanh văn tông qui Phật đạo cho nên nói thế này.

2) “Lại chúng con v.v...” là nói suy nghĩ người khác lẽ ra được thọ ký. Hai người này rất gần gũi.

Nếu không được thọ ký gồm có hai lỗi:

1) Trái với vật hy vọng.

2) Trái với bốn nguyện kia.

“Nếu Phật thọ ký v.v...” là nói về hai kết: “Nguyện con đã mãn”: là kết trên tự suy nghĩ. “Mà lòng chúng cũng được đủ”: một kết trên người khác suy nghĩ. Lại chỉ có đức Như lai là chỗ quay về của chúng con tức đồng các Thanh văn cho nên phải được thọ ký. “Lại chúng con là tất cả các thế gian đều quen biết”: là nói ngoài Thanh văn ra các chúng khác lẽ ra được thọ ký. Nguyện con đã mãn: Là nói đồng các Thanh văn, lòng chúng trông cũng được đủ: là kết các chúng khác ngoài Thanh văn.

“Lúc đó người Hữu học, Vô học v.v...” nêu hai ngàn người xin ký. “Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo A-nan v.v...” là nói thọ ký. Trước thọ ký

cho hai người, kế thọ ký cho hai ngàn người. Trước thọ ký hai người: Đầu tiên thọ ký cho A-nan, sau thọ ký cho La-hầu-la. Thọ ký cho A-nan có bốn:

- 1) Thọ ký.
- 2) Mới học sanh nghi.
- 3) Giải thích nghi.
- 4) Tổng kết vui mừng.

Trong phần thọ ký trước có văn xuôi, sau là kệ tụng. Văn xuôi trước nói hành nhân, kế nói đắc quả. Trong đắc quả có nói riêng về tuổi thọ dài lâu tức muốn nói lên nhân duyên A-nan hộ pháp nên đắc quả sống lâu.

“Bấy giờ trong hội...” là nói người mới học sanh nghi, sở dĩ nghi: Là do Đức Phật gia tăng Thần lực kia muốn phát tích A-nan cho nên sanh khởi niệm nghi này. “Bấy giờ, đức Thế tôn...” là giải thích nghi. Đức Phật Không Vương: là vua rất ráo Không trong các Không. luận Trí Độ chép: Bồ-tát hành tánh Không, rất ráo Không là Đức Phật hành. Đức Phật Thích-ca và A-nan đồng dùng rất ráo Không làm gốc cho nên chép: đồng ở chỗ Đức Phật Không vương đồng phát tâm Bồ-đề, Đức Thích-ca phát tâm về sau siêng năng tu tập rất ráo Không cho nên tự thành Phật. A-nan học rộng nên xếp vào thị giả, thầy và trò đồng khởi rất ráo Không, ký và không ký đâu có gì nghi ư!

Hỏi: Siêng năng tu tập rất ráo Không làm sao thành Phật, A-nan học rộng vì sao làm đệ tử?

Đáp: Nương tích mà chép: Đa văn là một hạnh trong các hạnh, siêng năng tinh tấn khắp các hạnh cho nên có thành và chưa thành tự.

“A-nan mặt ở trước Đức Phật...” là lãnh giải khen ngợi, kế thọ ký cho La-hầu-la như văn. “Lúc bấy giờ đức Thế tôn...” là thọ ký cho người Hữu học, Vô học trước thọ ký, kế lãnh giải khen ngợi. “Vắng lặng thanh tịnh...” hiển rõ hai ngàn người biết các pháp xưa nay vắng lặng bốn tánh thanh tịnh cho nên có thể thọ vô sanh. Các văn khác dễ biết.

PHẨM PHÁP SỰ THỨ MƯỜI

Nay dùng bốn môn giải thích:

- 1) Ý nghĩa có phẩm này.
- 2) Giải thích tên phẩm.
- 3) Nói thể tướng.
- 4) Thứ bậc.

I. Ý nghĩa: nói lược mười nghĩa:

1) Ở trên nương quyền, nương thật, gồm có bốn chương:

a) Lược bỏ quyền bày thật động chấp sanh nghi.

b) Chấp động nghi sanh trình bày nghi đến xin.

c) Rộng bỏ quyền bày thật dứt nghi sanh tín, ba thứ này đã rồi, nay là thứ tư kể nêu truyền bá. Sở dĩ nêu truyền bá là trên chỉ một xứ, một thời lợi ích một hội, nhưng chúng sanh không cùng, đại bi không hạn nay muốn tất cả nơi, tất cả thời lợi ích tất cả mọi người cho nên nói về truyền bá.

2) Theo luận Trí Độ chép: Giải thích Bát-nhã có hai môn:

a) Môn nói thẳng.

b) Môn Xưng tán, nay cũng hai: Trên nói thẳng Pháp Hoa, dưới khen ngợi môn nói cho nên có các phẩm dưới.

3) Lại có hai môn:

a) Môn trí tuệ.

b) Môn phước đức.

Trên ba châu nói hai trí quyền thật gọi là môn trí tuệ, dưới đây nói về thọ trì đọc tụng công đức vô biên gọi là môn công đức.

4) Lại có hai môn:

a) Môn thể.

b) Môn dụng.

Trên ba châu nói rộng đại bi chánh quán không hai gọi là thể của Pháp Hoa, nay nói về thọ trì đọc tụng đúng như lời dạy tu hành năng sanh phước tuệ gọi là dụng của Pháp Hoa.

5) Căn cứ ở người lại có hai môn:

a) Phước đức sâu dày chúng sanh hiện tại được gặp Phật thọ kinh Pháp Hoa.

b) Phước đức cạn mỏng chỉ gặp kinh chứ không thấy Như lai, ba châu nói pháp, trên đến nay là người đức phước sâu dày, từ đây trở xuống là người phước đức mỏng cạn, luận Trí Độ chép: Phước đức dày tự thân theo pháp còn thọ Bát-nhã, người phước đức mỏng chỉ gặp văn

tự kinh.

6) Chúng sanh có hai:

- a) Kết duyên nhiều với Phật.
- b) Làm thiện tri thức với Bồ-tát.

Trên đây vì Đức Phật kết duyên cho chúng sanh nói kinh Pháp Hoa rồi, nay vì các Bồ-tát kết duyên chúng sanh nói Pháp Hoa, cho nên đức Như lai ba châu nói xong phó chúc bốn y, khiến chúng có duyên khác đời đồng lợi ích.

7) Có hai môn:

- a) Đốt đèn.
- b) Nối đèn.

Đức Thích-ca tự nói bình đẳng đại bi gọi là khơi đèn, nay khuyến tất cả chúng sanh lần lượt mở mang truyền bá rộng khắp chúng sanh, cho đèn pháp không tắt thường chiếu gọi là nối đèn.

8) Giảng nói chánh pháp gồm có hai môn:

- a) Chính là nói môn.
- b) Chứng nói môn.

Từ trên đến nay nói về chính là nói rồi, từ đây trở xuống nói chứng minh nói. Cho nên tháp báu vọt hiện chứng minh nói không luống dối, khiến cho người chưa tin sanh tâm tin, người đã tin không lui sụt.

9) Như lai ra đời nói rộng chánh pháp gồm có hai môn:

- a) Chính là nói.
- b) Răn dạy và khuyến.

Nói khuyến là khiến cho chúng sanh thọ trì dẫn đến như nói tu hành. Nói răn dạy là người có một lời nói chê pháp và người mở rộng kinh có tội và phước vô biên, trên đây nói về môn chánh thuyết, từ đây trở xuống nói môn răn dạy và khuyến.

10) Nói kể văn thọ ký trên mà sanh. Như lai thọ ký gồm có hai thứ:

- a) Thọ ký riêng.
- b) Thọ ký chung.

Trên chỉ nêu thọ ký riêng chưa nói thọ ký chung thì nghĩa thọ ký chưa hết, nay muốn nói nghĩa thọ ký chung cho nên có phẩm này. Nói thông thọ ký riêng gồm có ba thứ.

1) Thế chung riêng, trên chỉ biệt, nêu Đức Phật ở đời, người được thọ ký, nay thông nêu hai đời người được thọ ký.

2) Nhân chung riêng, trên nói riêng người ba căn Thanh văn được thọ ký, nay nêu chung cả chốn u hiển phàm Thánh có dự nghe kinh sanh tâm tin đều được thọ ký.

3) Thời chung riêng: Trên nói riêng kiếp số có hạn được thọ ký, nay nêu chung được thọ ký bất luận kiếp số kỳ hạn. Vì sao? Vì kiếp số có hạn chắc là ngộ sâu nay chung cả cạn sâu nên không nói về kỳ hạn.

Hỏi: Vì sao trao đủ thọ ký chung riêng?

Đáp: Kinh này nói về chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác, tất cả chúng sanh đều thành Phật cho nên đều được Đức Phật thọ ký, cũng đều được Phật thọ ký thì nói lên chỉ có Nhất thừa, cho nên nêu thọ ký giải thích thành Nhất thừa.

II. Giải thích tên: Nói Pháp Sư: Pháp là pháp mầu bình đẳng chánh quán có thể làm phép tắc cho tâm nên gọi là Pháp, do người có khả năng trên mở rộng đại pháp, dưới làm thầy dẫn dắt chúng sanh nên gọi là Pháp Sư. Như thầy thuốc ở đời dùng thuốc trị bệnh cho người gọi là Dược Sư, không nói thuốc là thầy, Pháp Sư cũng như vậy, không nói là pháp làm thầy gọi là Pháp Sư, nhưng lại có dùng pháp làm thầy nên nói là Pháp Sư. Do đó kinh chép: Chỗ Chư Phật làm thầy, như nói là pháp, vẫn dưới cũng có ý này cho nên chỉ bày phương pháp mở rộng kinh thì lấy pháp làm thầy, nhưng tuy có hai việc mà hiệp thành một ý chỉ, trên đã làm thầy đối với pháp rồi sau mới vì người làm thầy.

III. Thế Tướng: Xưa nói năm hạng pháp Sư hiệp thọ trì làm một. Đại luận quyển sáu mươi lăm giải thích nghĩa thọ trì nói tín lực cho nên thọ, niệm lực nên trì, tức thọ là đầu trì là sau, lâu xa không quên mất mới là nghĩa trì, tức phân chia thọ trì làm hai nên thành sáu thứ, thành sáu hạng Pháp Sư, nếu cộng thêm chánh ức niệm thì thành bảy hạng Pháp Sư, nhưng nhiều ít thích nghi thời không định số. Hỏi: năm hạng Pháp Sư đủ bao nhiêu nghĩa nghiệp?

Đáp: Thọ trì gọi là ý nghiệp, biên chép gọi là thân nghiệp, đọc tụng là miệng nghiệp, đây đại khái mà nói thôi! Nhưng biên chép đầy đủ hai nghiệp, vận dụng tay chắc chắn trải qua ý đọc tụng v.v... đủ ba nghiệp. Căn cứ phước tuệ, nói pháp thường là trí tuệ, bốn thứ còn lại có thể thông cả hai.

IV. Thứ bậc: nhưng nói chung: Hàng Thập Tín trở lên đều có khả năng mở rộng pháp làm thầy chúng sinh. Nói riêng thì theo kinh Niết-bàn chép: trong mười sáu phần giải nghĩa một phần là có khả năng vì vật làm thầy. Xưa nói truyền bá gồm có năm phẩm chia làm ba chương:

- 1) Ba phẩm khiến tâm người mở rộng kinh.
- 2) Phẩm Trì là nhận thọ lệnh mở rộng kinh.

3) Phẩm An lạc là chỉ bày phương pháp mở rộng kinh.

Sở dĩ có ba chương này là do một châu nói pháp đã xong thì phải truyền bá, do đó tán pháp khen người khiến người kính mến mở rộng truyền pháp cho nên có chương thứ nhất khiến tìm người mở rộng kinh.; Như lai có bảo đại chúng thuận theo ý chỉ cho nên có thứ hai vâng lệnh mở rộng kinh. Nhưng đã ở trong đời ác muốn mở rộng thiện đạo phải gặp nhiều cản trở khó khăn, khiến an trú trong bốn pháp thì thân tâm rất an vui mới có thể mở rộng kinh truyền đạo lợi lạc, chúng sanh cho nên có thứ ba chỉ bày phương pháp mở rộng kinh.

Chương đầu lại có hai:

1) Phẩm trước khiến tìm người mở rộng kinh.

2) Hai phẩm chứng nói, nay nói đều là ý đây.

Nhưng một phẩm Pháp Sư chính là truyền bá, từ phẩm Hiện Bảo Tháp trở xuống riêng thuộc loại đoạn lớn sau sẽ nói đầy đủ. Trong phẩm này có hai văn xuôi hai kệ tụng chia làm hai riêng.

1) Một văn xuôi một kệ khen ngợi đức của người trì kinh khiến tâm họ vui mừng để khuyến mở rộng kinh.

2) Một văn xuôi một kệ tụng khen ngợi chỉ bày cách mở rộng kinh để khuyến mở rộng kinh.

Văn đầu lại có hai: Trước văn xuôi sau kệ tụng. Văn xuôi chia làm hai:

1) Khen ngợi đệ tử hai thời.

2) Khen ngợi Pháp Sư hai đời.

Khen ngợi đệ tử hai thời tức có hai:

1) Khen ngợi Phật ở đời đệ tử nghe pháp.

2) Khen ngợi sau khi Phật diệt độ đệ tử nghe pháp.

“Nhân nói với Bồ-tát Dược vương để bảo tám muôn đại sĩ.”

Hỏi: luận Trí Độ chép: Nói môn trí tuệ đối với người xuất gia, nói môn công đức đối với người tại gia, nay vì sao nói môn trí tuệ đối với hàng Thanh văn? Nói môn công đức đối với Bồ-tát?

Đáp: hai Kinh đều có khác. Kinh kia nêu người xuất gia ưa trí tuệ người tại gia ưa công đức, kinh này nêu Thanh văn bị bệnh chấp Ba thừa cho nên nói đại bi bình đẳng để bác bỏ, do đó đối Thanh văn nói, Bồ-tát không có chấp này nên không đối. Đại Sĩ vốn muốn mở rộng đạo lợi người, nay truyền bá chính là việc ấy cho nên đối Bồ-tát nói công đức.

Lại ở trên bỏ ba bày một nghĩa ấy đã đầy đủ thì đều thành Bồ-tát không còn Thanh văn cho nên phải đối Bồ-tát. Lại theo ngài Long Thọ chép: Kinh này là pháp bí mật không thể phó chúc Thanh văn cho nên

phó chúc Bồ-tát. Trong hàng Bồ-tát mà bảo riêng Dược vương: là do vị ấy tự thân nghe Pháp Hoa đắc ngộ xả bỏ thân mạng, tài sản để mở rộng pháp này, nay muốn cho các người khác học nên bảo Ngài. Sở dĩ nhân Bồ-tát Dược vương để bảo tám muôn đại sĩ ấy: vì tám muôn người này rất có duyên với đời mạt pháp, nay muốn cho tám muôn đại sĩ trên học Dược vương dưới lợi ích chúng sanh đời mạt pháp, nên nhân Dược vương mà bảo chúng.

“Dược vương! Ông thấy trong Đại chúng này”: gồm có hai nghĩa:

1) Muốn cho Dược vương và tám muôn Đại sĩ truyền bá kinh này giúp cho thiện căn họ thành tựu, cho nên nêu hai đời đệ tử nghe kinh được thọ ký; khiến cho thầy biết, cho nên nói ông thấy không. Nếu ông mở rộng kinh hành hóa thì thành tựu, nếu không mở rộng kinh hành hóa thì không thành tựu, do đó bảo hỏi nói thấy không?

2) Muốn đem phó chúc hai đời đệ tử cho Dược vương và tám muôn người. Như luận Kim cương Bát-nhã luận rằng: Do Bồ-tát căn cơ chưa thuần thực mà phó chúc, Bồ-tát căn thuần thực nên nói chúng hỏi. Một niệm tùy hỷ thì được thọ ký: nghe pháp nhất niệm thuận theo chí lý thì hợp với lý, hợp với lý nên sanh tâm vui mừng, liền tu hành tương ưng với Phật nên được Phật thọ ký. Lại một niệm tùy hỷ thì biết chỉ một không hai, chắc sẽ thành Phật không lui sụt thành Nhị thừa, nên được Phật thọ ký. Chú giải kinh rằng: Có thể hiện tại nghe pháp một niệm tùy hỷ, thí như cây tùng cây bách nảy mầm liền có thể vươn cao tận mây, nay nghe pháp tuy cạn nhưng cũng đã gieo trồng cội rễ Bồ-đề cho nên được thọ ký.

“Đức Phật bảo Dược vương: Lại sau khi Như lai diệt độ v.v...” là nói sau khi Phật diệt độ đệ tử nghe kinh được thọ ký. Sở dĩ có văn này, là do có hai nghĩa:

1) Trước khiến tám muôn Đại Sĩ ở khắp thế giới Phật mười phương mở rộng kinh, nay sau khi Phật diệt độ mở rộng kinh.

2) Có người nghi: Phật ở đời thì chúng sanh phước đức lợi căn nghe pháp tùy hỷ có thể được thọ ký, sau khi Phật diệt độ thì phước mỏng căn độn tuy là tùy hỷ mà không được thọ ký, vì vậy nên giải thích rằng: chỉ khiến nghe kinh tin hiểu công đức đồng đẳng đều được thọ ký.

“Nếu lại có người...” là khen ngợi công đức của hai đời Pháp Sư, sở dĩ trước nêu công đức đệ tử sau nêu công đức pháp sư là vì có ba nghĩa:

1) Từ cạn đến sâu, trước khen ngợi đệ tử công đức cạn, nay khen ngợi Pháp Sư công đức sâu.

2) Trước nêu đệ tử xuất tướng sở hóa, nghĩa là nghe kinh tùy hỷ

liền được thọ ký gọi là tướng sở hóa. Nay nói công đức Pháp Sư xuất ra tướng mạo người năng hóa, có tướng mạo này nên gọi là Pháp Sư.

3) Trên bảo Dược Vương nêu hai đời đệ tử khiến thầy biết đệ tử, nay xuất tướng mạo Pháp Sư khiến đệ tử biết thầy, do thầy trò biết nhau thì nghĩa mở rộng pháp hóa người thành tựu.

Văn chia làm hai phần:

1) Nói riêng hai đời công đức Pháp Sư.

2) Nói chung về tin và chê.

Phần một lại có hai:

1) Nếu Phật tại thế có hai thứ Pháp Sư.

2) Biện sau khi Phật diệt độ hai thứ Pháp Sư.

Đầu nêu hai thứ Pháp Sư tức chia làm hai biệt:

1) Hạ phẩm.

2) Thượng phẩm.

Phẩm Pháp Sư địa vị đã nhiều nay nói lược hai phẩm thượng hạ. Nói theo vị: Y theo người đầu là hạ phẩm, ba người còn lại dựa theo làm là thượng phẩm. Sở dĩ phân chia hai thứ này: Người đầu đầy đủ phiền não đã là địa vị phàm phu nên gọi là hạ phẩm, ba người sau đồng là vị Thánh nên hiệp làm thượng phẩm. Nhưng theo nghĩa vị khó biết, tạm mượn một môn để làm thứ lớp.

Người đầu có bốn ý:

1) Nói hiện đức tức nêu ra tướng mạo Pháp Sư, nghĩa là có tướng mạo này thì gọi Pháp Sư.

2) “Dược vương nên biết...” là nói ra nhân xưa thành Pháp Sư tức nói về đức của Pháp Sư quá khứ. “Thành tựu đại nguyện:” là nêu người này đã từng cúng dường nhiều Đức Phật nên sanh tịnh độ chỉ thành tựu đại nguyện nên đến sanh trong nhân gian.

“Dược vương! Nếu có người hỏi:...” nêu Pháp Sư này đời vị lai đắc quả, người này đã từng mở rộng truyền truyền bá Đại thừa trong hiện tại, quá khứ gieo trồng nhân chứa nhóm lâu xa cho nên nhất định thành Phật. “Vì sao?...” là nói nhân hiện tại giải thích quả tương lai. “Người ấy tất cả thế gian...” là nói khuyên chúng sinh cúng dường người ấy. Do nói đủ công đức của ba đời Pháp Sư thì đó là ruộng phước vô thượng sơ tâm Phật cho nên phải lấy sự cúng dường Phật mà cúng dường người đó. Lại mở rộng Phật đạo nên lập ra như cúng dường Phật.

“Huống lại là người hay thọ trì...” là nói Pháp Sư thượng phẩm, người này văn lý đều đủ nên nói hay thọ trì. “Nếu người thiện nam thiện nữ...” là nói sau khi Phật diệt độ có hai thứ pháp Sư, cũng trước

nêu hạ phẩm kế nêu thượng phẩm, hai phẩm này khác hai phẩm trước; trước y cứ mở rộng pháp rộng lược để chia hai phẩm, nay vì người nhiều ít để phân hai phẩm. “Là sứ giả của Như lai:” là tuyên chuyển giáo lệnh nên gọi là sứ. “Sai làm việc của Như lai là truyền bá tôn chỉ của Như lai, chắc đáng uỷ thác dùng lý gọi sai làm. Làm việc của Như lai: Đức Phật dùng lợi vật làm việc, mở rộng nói có ích gọi là làm việc Như lai. “Huống chi ở trong đại chúng rộng cho người nghe:” là nói Pháp Sư thượng phẩm.

“Được vương! Nếu có người ác v.v...” nói chung tin và chê, căn cứ vẫn có hai:

1) Nêu chê mắc lỗi lớn.

2) Tin được phước lớn.

Sở dĩ nói tin chê gồm có hai nghĩa:

1) Như lai ra đời muốn chỉ bày hai môn tội phước cho chúng sanh, nên Đại Phẩm chép: Nếu không nói việc ma, tội ma thì đó là ác tri thức của chúng sanh.

2) Trên nói hai thứ pháp Sư khi truyền bá chánh pháp, không nên khinh chê cần phải cúng dường, chê bai người trì kinh tội nặng hơn chê Phật, tức là nói rộng nghĩa tội phước gồm có hai thứ:

1) Căn cứ tâm.

2) Căn cứ cảnh.

- *Căn cứ tâm*: tâm nặng thì tội nặng tâm nhẹ thì tội nhẹ, nếu vậy tâm chê Phật nặng, thì mắc tội nặng, tâm chê Phật nhẹ thì mắc tội nhẹ, chê người trì kinh cũng như vậy, không nên nói chê bai Phật tội nhẹ chê bai người trì kinh tội nặng.

- *Căn cứ cảnh*: Nếu chê bai cảnh cao quý thì tội nặng chê cảnh xấu thì tội nhẹ, cũng không nên nói chê bai Phật tội nhẹ chê bai người trì kinh tội nặng. Đã không căn cứ tâm cảnh làm sao giải thích văn này ư! Có người chép: Chê mắng Phật không làm dứt pháp nên tội nhẹ, chê bai người mở rộng kinh ý làm dứt pháp nên tội nặng. Sở dĩ như vậy là do người đây, mở rộng pháp nên bị chê mắng, người này tức mắng lại người chê bai pháp tội gồm hai thứ cho nên nặng. Ngài Trúc Đạo Sanh chép: Pháp xuất từ Phật, nếu nghe nói chê mắng Phật thì người này chẳng phải chê mắng pháp do đó tội nhẹ. Nay thọ trì hữu ngã nếu chê bai chính là hủy mạ người có pháp chính là chê bai pháp. Nay nói Phật do lia tám thứ gió không còn lo buồn tuy là bị chê mà không trở ngại chánh hóa, nay người mở rộng kinh còn là phàm phu chưa thoát bát phong, nếu gặp bị hủy báng thì tâm thoái hối hận không thể mở rộng

pháp, pháp đã không mở rộng liền không có người hành pháp, đã không người hành pháp thì ai thành Phật ư! Do dứt hạt giống Ba bảo cho nên tội nặng. Lại người mở rộng kinh nghe bị chê bai thì chướng ngại tự mình không được thành Phật, cũng chướng ngại hóa tha nên người khác cũng không thành Phật thì tội nặng. Đức Phật nghe chê bai đều không ngăn ngại tự hành hóa tha nên tội nhẹ.

“Được vương! Có người đọc tụng kinh...” khen ngợi người mở rộng kinh phước nặng. “Dùng đức trang nghiêm của Phật tự trang nghiêm mình”: Đức Phật dùng pháp chánh quán trang nghiêm ở người, người mở rộng kinh cũng nhập chánh quán nên dùng pháp trang nghiêm người, lại Đức Phật trú Đại thừa dùng muôn đức mà tự trang nghiêm, hạnh của người mở rộng kinh tương ứng với Phật, cũng tùy phần đủ muôn đức của Phật. “Thời được Như lai dùng vai mang vác”: là Như lai mang vác, người trì kinh đã là người mở rộng pháp, Đức Phật do cung kính pháp, nên gánh vác sở mở rộng cũng gánh vác người năng mở rộng.

Kê chia làm ba:

1) Hai bài tụng thứ nhất, hai đời đệ tử khuyên cúng dường hai hạng pháp Sư gồm tự thọ trì.

2) Mười ba hàng tụng hai hạng pháp Sư trên.

3) Một bài khen ngợi pháp giải thích thành khen người v.v...

Hai bài đầu lại chia hai riêng: Nửa bài trên nêu muốn thành tựu trí tự nhiên, đây là trí vô công dụng. Một bài dưới nêu tuệ Nhất thiết chủng trí, đây là nói hai thứ trí: nhất thiết chủng trí chiếu hữu trí. Tuệ: Nhất thiết trí chiếu không tuệ.

“Nếu người hay thọ trì v.v...” mười ba hàng lại chia làm hai:

1) Bảy hàng tụng hai đời pháp Sư.

2) Sáu hàng tụng trước tin chê.

Căn cứ đầu lại có hai:

1) Bốn hàng tụng Phật tại thế có hai thứ pháp Sư.

2) Ba hàng tụng sau khi Phật diệt độ có hai hạng pháp Sư.

Căn cứ đầu lại có hai:

1) Một bài tụng hạ phẩm.

2) Ba hàng tụng thượng phẩm.

Sau khi Phật diệt độ cũng có hai: Hai bài tụng thượng phẩm, một bài tụng hạ phẩm. Kế tụng tin chê cũng có sáu hàng: Hai bài tụng chê mắc tội, bốn hàng tụng cung kính được phước, cúng dường người trì kinh hơn cúng dường Phật, cũng không căn cứ ruộng phước và tâm, chỉ được cúng dường khen ngợi thì tăng tiến tự hành hóa tha, Đức Phật thì

không đúng cho nên hơn Phật. Nhưng luận Trí Độ nói cúng dường mười phương Bồ-tát Bồ xứ không bằng Phật, đây là căn cứ ruồng phước hơn kém tốt xấu.

“Lúc bấy giờ Đức Phật lại bảo ngài Dược vương”... Sở dĩ có văn này gồm có bốn nghĩa:

1) Trên khen ngợi người nay khen pháp, do khen ngợi người khen pháp mà thành nghĩa truyền bá.

2) Trên khen ngợi người nói người làm Pháp Sư, nay khen pháp lấy pháp làm Pháp Sư, muốn giải thích thành nghĩa Phẩm Pháp Sư có hai hạng pháp Sư cho nên có văn này.

3) Trên khen ngợi người mở rộng kinh được vô lượng phước, nay khen pháp thì sanh tuệ vô biên, do phước tuệ đầy đủ nên nghĩa truyền bá thành.

4) Trên chánh khen ngợi người mở rộng kinh, nay chỉ bày phương pháp mở rộng kinh; giải thích thành nghĩa mở rộng kinh trên. Cũng có văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi có ba:

- 1) Tán pháp sở mở rộng.
- 2) Nêu phương thức mở rộng pháp.
- 3) Nêu lợi ích mở rộng kinh, ba thứ này tức là thứ lớp.

Phần đầu có năm:

- 1) Căn cứ pháp khen ngợi.
- 2) Căn cứ người khen ngợi.
- 3) Căn cứ xứ khen ngợi.
- 4) Căn cứ hành khen ngợi.
- 5) Căn cứ nghĩa được, mất hiển thành khen ngợi.

Kinh điển của ta nói nhiều vô lượng ngàn muôn ức: Nghĩa là từ Hoa Nghiêm về sau đến trước Linh Sơn các giáo chẳng phải một. Đã nói hiện nói sẽ chép: nói lược ba phen nói gồm nhiếp tất cả giáo. Đã nói: là tất cả Đại Tiểu thừa giáo trước Pháp Hoa. Hiện nói: là Pháp Hoa. sẽ nói: là Pháp Hoa về sau đến Niết-bàn. “Mà ở trong đó Kinh Pháp Hoa rất khó tin khó hiểu.” Trước Pháp Hoa Đại tiểu chia dòng kia nói dễ tin, sau Pháp Hoa ba, một đã hợp cũng chẳng khó hiểu, kinh này mở cửa phương tiện hiển nghĩa chân thật, bắt đầu trở lại ba mới qui về một, đối với người xưa chấp khác cho nên khó tin khó hiểu, đầu tiên không thọ nhận gọi là khó tin sau không ngộ gọi là khó hiểu. Lại bỏ ba về một, bác bỏ ngắn nêu dài gọi là khó tin, chẳng ba chẳng một không ngắn không dài gọi là khó giải. “Kinh này là tạng bí yếu của Chư Phật

không thể phân chia vọng trao cho người.” Kinh này nói về hai quyền hai thật, lời nói về lý đầy đủ nên gọi là yếu, xưa ẩn mà không truyền gọi là bí, như người dấu vật báu bên trong gọi là tạng cho nên không thể vọng trao cho người. “Kinh này là của Chư Phật giữ gìn từ xưa đến nay không hề bày nói:” là giải thích tạng bí yếu trên. Nói giữ gìn: Nhưng pháp tướng vắng lặng không cần giữ gìn chẳng phải pháp khí mà vọng truyền cho họ thì liền phá pháp, do đề phòng phá pháp nên gọi là giữ gìn. “Mà chính Kinh này khi Như lai đang hiện tại còn nhiều người oán ghét”, là giải thích trên không thể phân chia vọng trao cho người, tất cả chúng sanh khắp nơi đều đắm nhiễm, Đại thừa khắp nơi bị phá trái với thế gian nên gọi là oán. “Huống chi sau khi Như lai diệt độ”: Khi Phật còn tại thế phiền não còn mỏng mà còn có người không tin nhận, huống chi sau khi Như lai diệt độ điên đảo sâu dày mà có thể giải ư!

“Được vương nên biết...” là dựa vào người khen ngợi gồm có năm việc khen ngợi. Được Phật lấy y trùm cho. Chú giải kinh chép: lấy nhất cực làm vật áo phủ bay đeo bám không có đoạn thường, giải từ Phật đến cho nên nói được Phật lấy y che cho. “Lại các Đức Phật ở phương khác...” Được Phật hộ niệm khen ngợi, do hạnh của người mở rộng kinh tương ứng với Phật nên được Phật hộ niệm, khiến ngoại đạo kẻ ác không xâm phạm hủy phá là hộ, bên trong sanh thiện là niệm. “Người đó có sức tin lớn v.v...” là thiện bên trong thành tựu khen ngợi. Tin đối với Ba thừa gọi là tiểu tín, nay tin Nhất thừa gọi là đại tín. Ban đầu có sức tin kế khởi đại nguyện, thì tâm Bồ-đề gọi là sức chí nguyện kế tu hạnh Bồ-tát gọi là sức các gốc lành, ba thứ này là thứ lớp. “Phải biết người đó ở chung với Như lai...” khen ngợi cùng ở chung có hai thứ:

1) Tự hành luận ở chung: lý Nhất thừa là nơi Phật dừng nghỉ, người mở rộng kinh cũng ở trong đó nên nói là ở chung.

2) Hóa tha ở chung: Đức Phật lấy sanh tử làm đêm dài, ứng tích ở trong sanh tử nói kinh cho chúng sinh nghe làm chỗ nghỉ, người này năng nhập lý mở rộng kinh xen dự vào ứng tích gọi là ở chung. “Được đức Như lai lấy tay xoa đầu v.v...” cha mẹ thương nhớ con nên dùng tay xoa đầu, người trì kinh đã là Phật tử lý nên trọng ái. Chú giải kinh rằng: Tay xoa là tiêu biểu người mở rộng pháp được dừng nghỉ, đầu là tiêu biểu kia tu hành cao. Lại giải thích Đức Phật dùng tay trí Nhất thừa xoa đỉnh tâm kia, khuyến họ thọ trì cho nên nói lấy tay xoa đầu.

“Được vương! Nơi nơi chỗ chỗ...” là nương xứ khen ngợi. Trước nêu ở người thì người tôn trọng, nay nêu tại xứ thì xứ đáng quý. “Chẳng cần để Xá-lợi: Luận Pháp Hoa chép: Kinh này nói đủ ba hạng Phật Bồ-

đề, cho nên trong mười bảy tên có một tên gọi là Vững chắc Xá-lợi, chân như Pháp thân của Như lai ở trong kinh này thường không hoại cho nên không cần an trí thân Xá-lợi.” Dực vương! Có rất nhiều người...” là căn cứ hành khen ngợi. Văn chia làm bốn:

- 1) Pháp.
- 2) Thí.
- 3) Hiệp.
- 4) Giải thích.

Pháp nói hai cặp: Nêu khéo hành và không khéo hành một cặp: Nếu chưa nghe Pháp Hoa bỏ quyền bày thật chưa tinh thông đạo quyền thật thì hành Đạo Bồ-tát còn tự sợ hãi, hoặc nói tiến thành Phật đạo hoặc có thể thoái trụ Nhị thừa cho nên không khéo hành, do được nghe kinh này có một không ba thẳng tiến không thối lui nên gọi là khéo hành. Lại chưa nghe kinh này bỏ quyền bày thật thì chưa hiểu biết hai tuệ không thể hóa vật, không gọi là khéo hành, trái với ở đây gọi là khéo hành. Lại không nghe kinh này nói về thân quyền thân thật thì không nhàm chán sanh tử ưa thích thân Phật cũng là chưa khéo hành, trái với ở đây gọi là khéo hành.

“Có chúng sanh nào...” là nói về gần Bồ-đề không gần Bồ-đề, bản tiếng Phạn đầy đủ, nay dịch lược nên chỉ có gần. “Dực vương! Thí như có người v.v...” nói thí nói, thí đây chỉ có hai ý:

- 1) Nói cách Phật xa.
- 2) Cách Phật gần.

Thí như có người: là người cầu Phật đạo. Khát tìm: là tâm chí kia cầu Phật mạnh mẽ như khát đi tìm nước. “Ở nơi gò cao kia soi đào tìm kiếm vẫn thấy đất khô biết rằng nước còn xa”: Nay phải tiến lùi luận nghĩa này:

- 1) Căn cứ trước Pháp Hoa nói về nghĩa cách Phật đạo còn xa.
- 2) Căn cứ Pháp Hoa tự luận nghĩa xa.

Căn cứ trước Luận Pháp Hoa nghĩa xa có hai:

1) Ở trong Giáo Nhị thừa cầu Phật cách đạo xa, cho nên Đại Phẩm chép: Dùng Kinh Thanh văn cầu Bồ-đề gọi là không xét.

2) Ba tạng về sau các kinh Đại thừa chưa bỏ Nhị thừa, ở trong giáo đó cầu Phật đạo cũng có nghĩa xa, dùng trong giáo này nói về Đại thừa chính cùng Pháp Hoa không khác, chỉ chưa phước bỏ Nhị thừa tức mới hành Bồ-tát còn chưa hiểu rõ quyền thật, lại còn trông mong lo sợ thì tâm cầu Phật không quyết định, căn cứ một bên này thì có cầu Phật xa. “Ra công đào không thôi”: là Pháp Hoa sanh Văn tuệ. “Đần thấy đất

ướt”: đối với kinh này sanh tư tuệ. “Lần thấy đến bùn”: kinh này sanh Tư tuệ. “Tâm người ấy quyết định biết rằng nước sẽ gần”: Đã sanh ba tuệ biết nước Phật tánh đã gần.

Hỏi: Vì sao luận Pháp Hoa dùng nước dụ cho Phật tánh ư?

Đáp: Chính nói nước ẩn dưới đất như Phật tánh không nói lên cho nên nước dụ Phật tánh.

Ngài Trúc Đạo Sanh chú giải Kinh Pháp Hoa rằng:

1) Đây là đối với giáo Tiểu thừa cầu Phật cho nên biết cách Phật xa. Theo giáo Pháp Hoa cầu Phật nên cách Phật gần.

2) Căn cứ Kinh Pháp Hoa tự nêu gần Phật xa Phật; nếu bầm thọ Pháp Hoa chưa sanh Ba tuệ thì cách Phật xa, nếu đã sanh Ba tuệ thì cách Phật gần.

Hỏi: Vì sao căn cứ giáo Pháp Hoa luận về gần xa ư?

Đáp: Chỉ nói một cao nguyên cầu tìm nước có gần xa, chỉ là một pháp Hoa giáo cầu Phật có gần xa. Cao nguyên dụ cho giáo Pháp Hoa, giáo Pháp Hoa đối với Nhị thừa là khó tin nên gọi là cao nguyên. Lại chấp Phật đạo khó đắc làm dụ nên nói ở cao nguyên tìm cầu nước. Xoi đào tìm kiếm: Nghĩa là viết chép thọ trì như xoi đào. Vẫn thấy đất khô cách nước còn xa: Do chưa sanh ba tuệ nên cách Phật xa. Thi công không thôi: là đọc tụng giải thích như nói tu hành thâm cầu Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách nước gần.

“Bồ-tát cũng giống như vậy v.v...” Hiệp thí. Cũng được dựa theo hai nghĩa giải thích:

1) Chưa nghe Pháp Hoa chưa sanh ba tuệ nên cách Phật xa, nếu nghe Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách Phật gần.

2) Tuy nghe Pháp Hoa chưa sanh văn tuệ cũng gọi là chưa nghe nên cách Phật xa, nếu nghe Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách Phật gần. Vì sao? v.v...” là giải thích. Ba Bồ-đề đều thuộc kinh này, kinh này nói về ba Phật Bồ-đề cho nên ba Phật Bồ-đề đều thuộc kinh này, lại ba Phật Bồ-đề đều từ kinh này ra cho nên đều thuộc kinh này. Kinh này mở phương tiện muốn chỉ bày tướng chân thật, mở hai thứ phương tiện chỉ bày hai thứ chân thật, xưa không nói hai thứ là phương tiện cho nên đóng cửa phương tiện, phương tiện thì không được chỉ bày hai thứ chân thật, nay nói hai thứ là đóng cửa phương tiện thì mở cửa phương tiện, mở cửa phương tiện nên được chỉ bày hai thứ là chân thật. “Tạng kinh Pháp Hoa này sâu xa kín vững chắc mầu nhiệm không có người đến được”: hai quyền hai thật ẩn chứa trong kinh này gọi là tạng, sâu kín khó lường gọi là thâm, xưa nay không thay đổi gọi là vững chắc,

kiếm tìm mờ thắm gọi là kín, thắm thắm không đến kịp gọi là xa, Thập trú chưa hiểu rõ gọi là không có người đến được. Nay Phật giáo hóa: Vì nghi giải thích, nghi rằng: Nếu không có người đến được thì chúng sanh làm sao được hiểu ư? Vì vậy nên giải thích rằng: Vì giáo hóa Bồ-tát cho nên khai thị khiến được tin hiểu. “Được vương! Nếu có Bồ-tát v.v...” theo nghĩa được, mất để khen ngợi. “Kinh nghi sợ sệt”: Chẳng phải chỗ đáng sợ làm sợ, do một phen nghe không có ba trái với bốn tình kia là sợ đâu phải Phật nói ư? Cho nên nghi, nếu nói không có ba tức là hủy báng pháp cho nên sợ, hoàn toàn không dám quyết gọi là sợ tâm có lo sợ gọi là sợ. Bồ-tát gọi là tân học, nhị thừa gọi là tăng thượng mạng, nghĩa là hàng Thanh văn tự cho mình đã đầy đủ nên gọi tăng thượng mạng. Do Bồ-tát xưa không nghe nay bỗng nghe không cho mình đã đủ nên gọi là tân học. Lại có văn này, tức là đời vị lai có tướng như vậy thì chớ nói cho họ nghe Kinh Pháp Hoa, nên nói giáo Ba thừa cho họ nghe.

“Được vương! Nếu có thiện nam thiện nữ...” Nêu bày phương pháp mở rộng kinh, văn lại có bốn trường hợp: là phương pháp thỉnh nói. “Người thiện nam thiện nữ đó v.v...” là chỉ bày phương pháp nói. “Nhà Như lai v.v...” là giải thích phương pháp nói. “An trú trong đây...” là tổng kết phương pháp nói. Từ bi có công che chở dụ như nhà, nhẵn nhục làm dừng dung mạo san nhuế, ác như áo che xấu, Không là nói an dưỡng tinh thần, như tòa là chỗ an nghỉ của thân, ba môn này tức là thứ lớp. Đại bi cứu khổ đại từ ban vui, bởi là nền tảng gieo giống giác ngộ, là bốn ý của việc mở rộng đạo, muốn nói pháp mâu nhiệm nên trước kiến lập tâm này. Cho nên thứ nhất nói vào nhà Như lai, đây là khuyên răn Bồ-tát chớ vì lợi dưỡng danh văn thế lực đồ chúng chỉ khởi từ tâm bi nói pháp cho chúng sanh nghe. Đã ở trong đời ác muốn mở rộng thiện đạo ắt gặp nhiều nạn cần phải nhẵn nhục cho nên kể nói về mặc áo nhẵn nhục, từ bi bên ngoài che, hòa nhẵn bên trong an, nếu không có Không oán trống sáng thì hai hành chẳng thành không do đâu ngộ vật cho nên kể nói ngôi nơi rất ráo không. “Không biếng nhác nói pháp”: Trên nói ý nghiệp, nay thân miệng nghiệp.

Hỏi: Kinh Tịnh Danh chép: Từ tâm bi là nữ, rất ráo Không vắng lặng là nhà, Bốn thiên là tòa ngồi cùng nay vì sao khác nhau?

Đáp: hai kinh đều có một nghĩa, kia nói về từ bi có công năng dưỡng dục có dụng thích hợp hóa độ cho nên dụ như nữ, nay lấy nghĩa công cứu khổ ban vui ở che chở cho nên dụ như nhà. Kia nói về rất ráo Không thông suốt không hệ lụy có thể chướng, không phải gió, mưa pháp cho nên dụ như nhà, Nay nói về ý huyền diệu trùng trùng sợ sệt

có thể xếp vào chỗ an thân nghỉ ngơi cho nên gọi là tòa.

“Được vương! Bây giờ ta ở nước khác...” nói về lợi ích để biết giáo sở mở rộng lại thông đạt phương thức mở rộng giáo liên cảm việc tốt đẹp thì gọi là lợi ích, sở dĩ nêu linh thụy là sắp khuyên người mở rộng kinh gồm có bốn việc:

- 1) Sai hóa chúng.
- 2) Sai thật chúng.
- 3) Thấy thân Phật.
- 4) Lại được nhớ pháp.

Sai hóa chúng: cúng dường Pháp Sư, người dẫn dắt thật, quyền hộ Pháp Sư. Sai thật chúng: cũng đủ ba nghĩa: Lại khiến thật chúng được lợi ích. Thường thấy thân Phật: Người mở rộng kinh nếu thường ở trong chánh quán thì thường thấy thân Phật. Cho nên Hoa Nghiêm chép: tất cả pháp không sanh tất cả pháp không diệt, nếu hiểu được như vậy hiểu Chư Phật thường hiện tiền. Chỉ vì người tu hành không thể thường tại trong chánh quán thường thường được thấy thân Phật.

Kệ chia làm ba:

- 1) một bài nói chung khuyến khích.
- 2) Mười lăm hàng rưỡi chính tụng văn xuôi.
- 3) Hai bài kết khen ngợi người nói pháp.

Tụng trên thứ hai văn xuôi có ba đoạn chia làm ba: Bốn hàng tụng khen ngợi pháp, trên khen ngợi pháp có năm, nay chỉ tụng thứ tư nương tu hành khen ngợi, Trong văn xuôi nương tu hành khen ngợi có bốn, pháp, thí, hiệp, giải thích, nay chỉ tụng thí, hiệp có hai. “Quyết rõ pháp Thanh văn:” Xưa chưa bỏ quyền bày thật thì chưa biết Thanh văn, chẳng phải là rốt ráo, nay bỏ quyền bày thật định biết Thanh văn chẳng phải đến tột cùng mới là phương tiện nhập Đại thừa. Nói Kinh vua là: kinh này đối xưa nay quyền thật khai hiệp tự tại cho nên gọi là vua, lại độc nhất vô nhị cũng gọi là vua. “Nếu người nói kinh này...” bốn hàng rưỡi tụng phương pháp mở rộng kinh. “Sau khi ta diệt độ...” bảy hàng tụng cảm nơi linh thụy, văn trên có bốn, nay chia làm năm nhưng không có thứ lớp:

- 1) Ba hàng tụng sai hóa chúng.
- 2) Một bài rưỡi tụng thấy thân Phật...
- 3) Nửa bài tụng lại được nhớ pháp.
- 4) Một bài lặp lại tụng thấy thân Phật.
- 5) Một bài tụng sai thật chúng.

PHẨM HIỆN THÁP BÁU THỨ MƯỜI MỘT

Phẩm này giải thích khác nhau gồm có ba chép:

1) Đạo Lăng ở Hà Tây v.v... chép: Từ văn này xuống dưới là đoạn lớn thứ hai nói về quả Nhất thừa.

2) Pháp Sư Quang Trạch nói: Phẩm này còn thuộc chương trước làm chứng trên nói không sai.

3) Ấn Pháp Sư chép: Phẩm này gồm đủ hai nghĩa: Chứng minh trên nói không dối và vì khai nghĩa thọ mạng ở sau. Nay đồng với ý chứng minh thứ ba trước khai sau mà dùng khai sau làm chánh.

Nói chứng minh trước: Chứng nghĩa trên bỏ quyền bày thật không dối, sở dĩ cần chứng minh ấy:

1) Là dứt tâm nghi, trong chúng còn có tâm nghi, như khi nghe đức Đại Thông Trí Thắng nói cũng có sanh nghi, cho nên nay phải chứng nói đoạn tâm nghi kia.

2) Vì người đã tin được thêm lớn gốc lành khiến không thoái chuyển, như bảy chỗ tám hội trong Hoa Nghiêm nói pháp đã xong Bồ-tát mười phương đến mà làm chứng; kia do Bồ-tát nói nên Bồ-tát đến làm chứng, nay do Phật nói nên Phật đến làm chứng.

Nói khai sau: Kinh này đầu đến cuối hai phần lược có mười việc khác nhau.

1) Hóa chủ khác nhau: Nói phần đầu kinh chỉ dùng một Đức Phật Thích-ca là hóa chủ, nói phần kinh sau thì có nhiều Phật, nghĩa là mười phương Phật phân thân và đức Đa Bảo quá khứ, vì sao? Là vì phần đầu kinh chỉ nêu Pháp sở thừa chưa nói người năng thừa cho nên không cần nhiều Phật, nhóm họp Phật mười phương phân thân là muốn nói lên bốn một tích nhiều, khai mở tháp báu thị hiện ứng diệt chân thật cho nên phần đầu kinh chỉ nói về 1 Đức Phật, phân sau kinh nói nhiều Phật.

2) Nơi nói có tịnh ược khác nhau: Nói phần đầu kinh ở cõi ược, phần sau kinh nói ở cõi tịnh, cho nên Luận Pháp Hoa chép: Thị hiện cõi nước vô thượng cho nên hiện tháp Đa Bảo, Vì sao như vậy? Là vì nói phần đầu kinh chưa nhóm họp phân thân cho nên không biến thành tịnh, nói phần sau kinh đều nhóm họp phân thân do đó biến thành tịnh. lại nói phần trước kinh tuy khai thừa quyền thừa thật còn che lấp thân quyền thân thật, chúng sanh tâm cấu một nửa còn tự chưa tịnh cho nên cõi còn ược, đến phần kinh sau đều che hai quyền đều chia hai thật thì tâm cấu sẽ trừ cho nên cõi nước thanh tịnh.

3) Nơi nói không hữu khác nhau: Nói phần đầu kinh có chỗ ở núi

Linh Sơn, nói phần sau kinh năng hóa sở hóa đều bay lên hư không, vì sao? Vì nói phần Kinh đầu tháp báu chưa hiện chớ nên ở dưới đất nói pháp, phần Kinh sau tháp báu bay lên hư không cho nên trên hư không nói pháp. Lại nói phần kinh đầu chưa nói thân Phật vô sanh diệt, do nói về có sanh diệt nên có chớ, nói phần sau kinh hiển pháp thân như hư không; phương tiện có sanh diệt cho nên bay lên hư không nói pháp.

4) Đồ chúng khác: Nói phần đầu kinh chúng Bồ-tát ít, nói phần sau kinh chúng thọ đạo nhiều, vì sao? Vì đầu kinh chỉ vì người ba căn Thanh văn chưa chánh vì Bồ-tát cho nên chúng Bồ-tát ít, nói phần sau kinh muốn nói lên đức Thích-ca thành Phật đã lâu; lại nói về Bồ-tát vọt lên xuất hiện chúng nhiều nói lên đức Thích-ca thành Phật đã lâu; lại nói về pháp thân quả đức khiến Bồ-tát tu tập thủ chứng, cho nên nói chúng Bồ-tát nhiều. Lại nói phần đầu kinh có Ba thừa tạp chúng, nói phần sau kinh chỉ có chúng Bồ-tát, vì sao? Vì phần đầu kinh chính hội ba qui nhất cho nên nói chúng Ba thừa, phần sau kinh gom ba đã xong chỉ khiến Bồ-tát tu nhân chứng quả Phật cho nên chỉ có chúng Bồ-tát.

5) Thời tiết khác nhau: Nói phần đầu kinh thời gian ngắn nói phần sau kinh thời gian dài, vì sao? Vì phần đầu kinh chưa nói về Bồ-tát Dũng xuất hỷ han Đức Phật nên thời gian ngắn, phần sau kinh nói về dũng xuất với chúng nhiều hỷ han nên thời gian dài. Lại nói hỷ han thời lâu hiển bày đng xuất chúng nhiều, do dũng xuất chúng nhiều nên nói lên đức Thích-ca thành Phật lâu xa, phần đầu chưa nói nghĩa này cho nên không biện thời gian dài.

6) Xin chủ khác nhau: Nói phần đầu kinh Thanh văn đứng đầu xin, nói phần sau kinh Di-lặc đứng đầu xin, vì sao? Vì nói thừa quyền thừa thật chính là gom ba về một khiến Thanh văn bỏ Tiểu về Đại cho nên Thanh văn đứng đầu xin. Nói phần sau kinh nói về thân quyền thân thật, khiến người tìm tòi học Bồ-tát đắc chứng vô sanh pháp nhẫn của Như lai cho nên Di-lặc đứng đầu xin.

7) Nói pháp có khác: Trên nói pháp sở thừa nay nói nhân năng thừa, nói pháp sở thừa chỉ nói về đức Thích-ca một kỳ giáo môn từ đầu đến cuối, nói pháp thì lược, người năng thừa tự theo quá khứ ban đầu đắc đạo cho đến cuối cùng tất cả các giáo ở kiếp vị lai cho nên nói pháp thì rộng.

8) Lợi ích có khác nhau: Nói quyền thừa thật thừa chỉ khiến Thanh văn bỏ Tiểu về Đại nhập vào Thập tín nghĩa lợi ích nông cạn, lại đắc lợi ít; nói thân quyền, thân thật khiến vô số Bồ-tát được mười hai lợi ích sâu xa lại được lợi nhiều, vì sao? Vì phần đầu kinh chỉ khai thừa quyền

thừa thật còn che thân quyền thân thật cho nên lợi ích thì ít, phần sau kinh đều phớt bỏ hai quyền song hiển hai thật cho nên giáo không chút ẩn, lý không mảy may che cho nên người đáng đắc đạo đều lãnh ngộ nên được lợi ích nhiều.

9) Tướng lành có khác nhau: Do phần trước nói lược ba điềm lành cho đến một muôn tám ngàn cõi, phần sau nói rộng tám điềm lành nơi hiện điềm lành rộng nhiều, mỗi phương có bốn trăm muôn ức na do tha nước.

10) Công đức có khác nhau: Trước lược khen ngợi khéo trì kinh, sau nói rộng phước mà so sánh lược.

Nói phẩm Hiện Bảo Tháp gồm có hai nghĩa:

1) Căn cứ sự mà nói tháp báu từ đất vọt lên đại chúng đều thấy nhân sự mà lập danh.

2) Tháp báu vọt hiện hiển pháp thân vô sanh diệt, phương tiện có sanh diệt, muốn khiến đại chúng do đây ngộ giải cho nên gọi là Hiện Bảo Tháp.

Phẩm khai năm đoạn:

1) Nói tháp báu vọt hiện.

2) Giải thích ý hiện tháp.

3) Nói mở tháp.

4) Hai Đức Phật phân tòa cùng ngồi.

5) Sai người trì kinh, năm hạng này tức là thứ lớp.

Đầu văn phần lớn nói về hai việc hình tiếng, phân nhỏ mười câu khác nhau:

1) Lúc tháp báu xuất hiện.

2) Phương tháp báu xuất hiện.

3) Nói danh tự.

4) Nêu hình lược.

5) Nói xuất xứ.

6) Biện trụ giữa hư không.

7) Nói sự trang nghiêm.

8) Nói chỗ đến.

9) Trình bày cúng dường.

10) Nói phát ra âm thanh.

“Lúc bấy giờ”: là nói lúc tháp xuất hiện. Có người chép: Ý tháp báu đến vì muốn chứng minh kinh chẳng phải nay mới xuất hiện, lẽ ra trước đã nói rộng. Vì sao biết như vậy? Vì trước phóng quang, động địa nhóm họp người có duyên, hoặc chỉ một người không nhóm họp, thì

duyên chúng sanh thọ đạo không đầy đủ do đó biết được nên sau nói lược trước nói rộng ba phen xin ngay giữa (trung ương) cho đến ngài Phổ Hiền Diệu Âm cũng đều đến trước, do nói lược một châu thì Như lai dừng, nếu nêu việc ấy thì cách bắt văn kinh nghĩa thế không thứ lớp, vì vậy nên đợi huấn xin nói rộng, cho đến phần truyền bá xong mới được nêu bày. Nay nói việc này khó biết, nếu nêu trước thì có hai lỗi:

1) Nói về chứng nói chủ yếu đợi nói kinh rồi, cho nên Kinh Hoa Nghiêm và Phổ Hiền Quán v.v... đều ở sau chứng nói. Nếu ở trước thì không thành nghĩa chứng.

2) Tháp báu vọt hiện là khai thân quyền thân thật, trước chỉ nói thừa quyền thừa thật nên không ứng vọt hiện vì thế biết ở sau xuất hiện. Dù khiến trước xuất hiện cũng chưa được phát ra tiếng ấn chứng, do chưa nói đại tuệ bình đẳng của Pháp Hoa thì do đâu mà được tuyên bố như vậy ư!

Lại căn cứ Phổ hiền Quán cũng sau cùng mới xuất hiện, vì chứng minh cho hành giả tội diệt nên đến, thì biết rõ chứng nói không ở trước. Nay chép: “Lúc bấy giờ” là:

1) Khai pháp thân.

2) Chứng nói.

“Ở trước các Đức Phật”: là nói nơi chốn tháp hiện: Muốn chứng minh Phật nói nên hiện ở trước Phật, muốn chia hai thân Phật cho nên ở trước Phật. “Có tháp bảy báu”: là Nêu danh tự tháp: sở dĩ nêu tháp vọt hiện là gồm có ba nghĩa:

1) Theo luận Pháp Hoa chép: Sở dĩ nêu hiện tháp là thị hiện Như lai Xá-lợi trú trì.

2) Đa Bảo thế nguyện làm chứng nói không dối.

3) Người Tiểu thừa cho rằng Phật rất ráo vô thường cho nên xây tháp, nay tháp vọt hiện Phật liền bất diệt, thì biết rằng sanh diệt là phương tiện bất sanh diệt là chân thật, vì nhân duyên này nên nói về hiện tháp. Các kinh khác chỉ nói chứng nói không luống dối không muốn khai thân quyền thân thật nên không dùng tháp làm chứng.

Hỏi: Vì sao phân thân mười phương Phật nhóm họp mà chỉ có một tháp hiện ư?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Vì còn lược, lược là: Đa bảo Như lai thân một thể thị hiện nhiếp lấy tất cả pháp thân Phật.

Cao năm trăm do tuần: Trình bày hình lượng tháp: năm trăm tiêu biểu thân Phật vô sanh diệt, hai trăm năm mươi tiêu biểu ứng tích có sanh diệt, do thật hơn quyền nên tương giao gấp bội một lần. “Từ dưới

đất nổi lên”: Nêu chỗ tháp xuất hiện: Xưa dùng quyền che thật nên quyền giáo như đất, nay phế quyền bày thật như từ đất nổi lên. Lại xưa chấp tích mê bỗng, lấy mê chấp làm đất, đây chấp sắp ngã đổ nên như đất nứt ra tháp hiển hiện. “Trú giữa hư không:” Nêu nơi trú: Nêu pháp thân Phật trụ ở thật tướng hư không, như kinh Phổ Hiền Quán chép: Pháp thân trú cõi Thường Tịch Quang. “Các thứ báu vật”: Nêu tháp trang nghiêm: Tiêu biểu pháp thân do các đức tạo thành. “năm ngàn lan can” dụ cho tổng trì rất nhiều. “Ngàn muôn phòng nhà”: Nghĩa là các pháp môn độ người vô lượng. “Vô số cờ phướn”: Nghĩa là sáu thân thông. “Chuỗi ngọc báu rủ xuống”: Là tứ nhiếp pháp. “Muôn ngàn linh báu” là tứ biện tài tám âm. “Bốn mặt phát ra mùi thơm”: Là hương giới xông thơm khắp bốn loài. “Các phướn lộng đều do bảy báu hiệp thành: là nói mỗi đức đều do các đức tạo thành. Cao đến ngang cung trời Tứ Thiên Vương v.v... là nói về chỗ tháp đến: Xưa nói tiêu biểu nói lý tứ đế cùng tận. “Trời ba mươi ba” trời Đạo-lợi: là nói về cúng dường tháp: Nêu ba mươi ba tâm Thập địa nội ngoại phạm Thánh đều tôn sùng kính ngưỡng pháp thân.

“Lúc bấy giờ, trong tháp:..” là nói phát ra âm thanh. Trước hiện hình dáng tháp linh cho rằng ý thức không tồn tại nay đại âm đã phát thì biết pháp thân bất diệt. Lại muốn chứng kinh trên nói không đối nên phát ra âm thanh. Đại tuệ bình đẳng: Trí tuệ Như lai không một không ba bất duyên bất quán lia tất cả các bên cao thấp thủ xả đoạn thường, cho nên nói bình đẳng, đây là thể bình đẳng. Mà nói nhân quả quyền thật đều là diệu dụng của Pháp Hoa, trong các dụng chính là nói về quả dụng, chỉ có một quả cho nên quả tuệ bình đẳng, vì sao? Vì là đề là Diệu Pháp chỉ quả Phật là diệu nhân chưa phải là diệu, cho nên chánh dùng quả tuệ làm đại tuệ bình đẳng, trong nhân tùy phần có tuệ cũng tùy phần có bình đẳng. Lập lại lần nữa hai chữ “đúng thế” là nói về bỏ quyền bày thật hai việc đều không đối.

“Bấy giờ bốn chúng v.v...” là nói ý hiện tháp: Lại chia hai biệt:

1) Nghi hỏi.

2) Phật đáp.

Nghi hỏi có hai:

1) Đại chúng nghi.

2) Đại Nhạo Nói hỏi.

Đại chúng nghi có hai:

1) Nghi có tháp.

2) Nghi phát ra âm thanh. Hỏi cũng có hai, văn dễ biết.

“Lúc đó, Đức Phật bảo v.v...” là nói Phật đáp. Văn có ba:

1) Nói trong nhân đức Đa Bảo thệ nguyện thuận theo hai nghi vấn kia.

2) “Đức Phật kia thành đạo rồi lúc sắp diệt độ v.v...” tức hiển nhân duyên có tháp thuận theo hai nghi vấn kia.

3) Từ “nay tháp của Đa Bảo v.v...” Nói về ngày nay vọt hiện tháp chánh đáp hai vấn đề kia. Đức Phật đáp rằng: Đa Bảo có đại thệ nguyện cho nên làm chứng minh. Thích luận quyển bảy chép: Giải thích về xin Phật rằng: Chư Phật không có người xin liền nhập Niết-bàn, như trong Kinh Pháp Hoa Đức Phật Đa Bảo không có người xin nên liền nhập Niết-bàn sau hóa Thân Phật và tháp bảy báu chứng nói Pháp Hoa đồng thời xuất hiện, cũng như Phật Tu Phiến Đa đệ tử ngài vốn tu hành chưa thành thực bèn xả nhập Niết-bàn lưu lại hóa Phật một kiếp để hóa độ chúng sanh. Tương truyền rằng: Khi Đa Bảo thành đạo không có đại cơ cảm không được nói kinh này mà chọn diệt độ cho nên chỗ nào nói kinh này đều xuất hiện để chứng minh, Thích luận hợp với ý này. Kinh nói Bồ-tát lúc có thệ nguyện, là không ngăn cản nhân địa duyên sự phát nguyện, hoặc một phen hóa chúng sanh không có đại căn cơ không nghe kinh này nên phát nguyện này tức nhân quả và kinh luận đều không trái nhau đầy đủ hai nghĩa.

“Lúc bấy giờ, Đại Nhạo Nói v.v...” là nói về mở cửa tháp: Sở dĩ phải mở tháp: là vì tuy tự thân nghe âm thanh, chưa bằng thấy hình sanh tín cho nên phải mở tháp thấy hình thì tin càng vững chắc, đó gọi là mở cửa phương tiện chỉ bày pháp thân chân thật.

Văn chia làm hai:

1) Thả đều nhóm hợp phân thân làm duyên mở tháp.

2) Chánh nêu mở tháp. Sở dĩ đều nhóm hợp phân thân là muốn nói bốn một tích nhiều, vì sao? Vì đức Thích-ca cùng Chư Phật với nhau chỉ là phân thân tức biết kia và đây đều chẳng phải thật là Phật, riêng có bốn thống nhất làm pháp thân cùng cực mẫu nhiệm cho nên thị hiện tích có tịnh uest v.v... thì biết pháp thân không hai tích thân không một.

Hỏi: vì sao Đức Thích-ca chỉ Phật của cõi tịnh làm phân thân ư?

Đáp: Phật cõi Tịnh mẫu nhiệm còn là ứng mà chẳng thật chân, thì hiển đức Thích-ca uest thân đầy khắp là tích mà chẳng phải bốn, do đó đều nhóm hợp phân thân Phật ở tịnh độ có ý chỉ sâu xa kia.

Hỏi: Vì sao biết hai Đức Phật chẳng chân thật để hiển bày pháp thân chẳng tịnh chẳng uest thân hư không mới là Phật chân thật ư?

Đáp: Duệ Sư truyện, ngài La-thập giải thích rằng: Phân thân rõ

ràng kia không thật, thì biết hai Đức Phật chẳng chân thật, không hai mới là thật.

Lại nữa lý, thường như vậy chỉ nên thẳng mở tháp báu. Vì sao đều nhóm họp phân thân ư! Cho nên biết mượn nhờ nguyện của đức Đa Bảo muốn hiển rõ bốn không hai, tích không một do đó nhóm họp phân thân. Luận Pháp Hoa chép: Thị hiện vô lượng Phật là thị hiện Phật ở kia đây làm nghiệp vô sai biệt cho nên nói nhóm họp phân thân Phật. Lại chia làm hai:

1) Nêu duyên nhóm họp phân thân Phật.

2) Chánh nêu phân thân Phật nhóm họp.

Hai chương đều có bốn:

1) Thần lực phát dẫn khiến Đại Nhạo Nói hỏi.

2) Đức Phật đáp.

3) Lập lại hỏi.

4) Như lai phát ra ánh sáng triệu tập. Ban đầu dùng thần lực cho nên hỏi. Sắp nói pháp thân đại sự cho nên được danh hiệu Đại nhạo Nói, và gia thêm thần lực rồi sau hỏi. “Phật bảo v.v...” là nói Đức Phật đáp. “Đại Nhạo Nói bạch Phật...” là lập lại hỏi: Trước muốn thấy Đa Bảo tức muốn biết pháp thân vô sanh diệt ứng thân có sanh diệt, nay muốn thấy phân thân Phật muốn hiểu rõ bốn một tích nhiều. Nghĩa bốn tích vô cùng tận, lược mà luận không ngoài pháp thân vô sanh diệt, ứng thân có sanh diệt và bốn một tích nhiều, cho nên phẩm này từ đầu đến cuối chỉ hiển hai nghĩa ấy. “Lúc bấy giờ Đức Phật phát ra ánh sáng nơi lông trắng giữa chặn mày...” nói về triệu tập phân thân.

Trước bốn chương là nêu lý do xa, nay là lý do gần, căn cứ văn cũng có bốn:

1) Phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương.

2) Trình bày ý Chư Phật khắp mười phương đến.

3) Biến ược thành tịnh.

4) mười phương Phật nhóm họp mở tháp báu.

Đầu văn có hai:

1) Nói ánh sáng chiếu một phương.

2) Nêu chín phương khác.

Sở dĩ phát ra ánh sáng này là trên nói lên thừa quyền thừa thật, nay hiển thân quyền thân thật. Xưa hai quyền che hai thật dụ cho đồng bụi dơ mờ tối, nay đều phé hai quyền song chia hai thật, nghĩa đã hiển rõ cho nên dùng ánh sáng lông trắng giữa chặn mày tiêu biểu, trên nêu pháp sở thừa không hai, nay biện pháp thân năng thừa chỉ có một, cho

nên chỉ phóng một ánh sáng, pháp cùng nhân đều là Trung đạo cho nên đều phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày. Đã là Trung đạo tức đều mầu nhiệm cho nên có pháp diệu người diệu. Kế nói về chín phương như vắn.

“Lúc đó các Đức Phật ở mười phương...” nói về ý mười phương Phật muốn đến, mà nói muốn thấy đức Thích-ca và đức Đa bảo, do mười phương Phật nhóm họp được có làm hai nghĩa:

- 1) Đức Thích-ca bốn một tích nhiều.
- 2) Đức Đa bảo chân thường ứng diệt.

“Lúc bấy giờ cõi Ta bà v.v...” là nói biến thành tịnh:

1) Sở dĩ biến tịnh, đây là thế giới tất đàn vì kế đón khách cho nên trang nghiêm cõi: Thích luận quyển thứ mười chép: Như người mời khách quý thì trang nghiêm chỗ ở, chủ nhà thì trang nghiêm một nhà, chủ nước thì trang nghiêm một nước, vua Chuyển Luân thì trang nghiêm bốn thiên hạ, Phạm vương thì trang nghiêm cõi Tam thiên, Phật là đáng Pháp vương thì trang nghiêm mười phương cõi.

2) Nói chúng sanh chấp tích mê bốn, tâm ứng tịnh nên nêu tịnh độ.

3) Muốn dùng quả y báo hiển quả chánh báo, Chư Phật y quả vốn là uế độ nay lại thanh tịnh, thì biết uế là quyền độ, tịnh là thật độ, muốn hiển bày chánh quả sanh diệt là thân quyền, không sanh diệt là thân thật. Luận Pháp Hoa chép: Nói hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh: Thị hiện thế gian sanh ra thiện căn vô lậu sinh ra, chẳng phải thiện căn hữu lậu thế gian sanh ra.

Hỏi: Vì sao ba phen biến cõi nước ư?

Đáp: Nếu một phen biến thì chúng không biết cõi rộng Phật nhiều, nay muốn nói lên cõi rộng Phật nhiều khiến khởi lòng tin cung kính nên ba phen biến. Lại muốn tiêu biểu ba căn uế mà lại được tịnh ngộ, lại tiêu biểu Ba thừa uế đều trừ, hiển Nhất thừa tịnh như tịnh độ. Lại tiêu biểu kia đây vô lượng cõi đồng làm một cõi Phật, kia đây vô lượng thân đồng một pháp thân.

Hỏi: Cũng được phân thân Phật tiêu biểu Ba thừa làm Nhất thừa hay không?

Đáp: Cũng được. Vốn là một Đức Phật chia làm nhiều Phật, vốn là một thừa chia làm ba thừa, nay Đức Phật đã nhóm họp phân thân đều là một Đức Phật cũng hội Ba thừa để qui Nhất thừa.

Vấn nói về ba phen biến cõi tức làm ba phần riêng:

- 1) Vấn có hai:

a) Nói biến cõi.

b) Nói về Phật nhóm họp.

“Không có biển cả núi rừng” v.v... Muốn nói đồng thành một pháp tòa khách thọ Phật Bồ-tát. Luận Pháp Hoa chép: Sở dĩ không có uế ấy là thị hiện tất cả cõi Phật bình đẳng thanh tịnh cho nên Đa bảo thị hiện tất cả cõi Phật đồng thể thật tánh. Luận Thập địa chép: một cõi Phật nhiếp tất cả cõi Phật do các cõi Phật đồng thể. “Dời các hàng trời người...” là chúng sanh vô duyên không được nghe.

2) “Lúc đó các Đức Phật đều đem theo một vị Bồ-tát lớn để làm thị giả...” là nói Phật nhóm họp. Chỉ đem theo một vị Bồ-tát đến, gồm có hai nghĩa: Quả Pháp thân không hai, nhân pháp thân cũng một. Lại đem một thị giả đến vì muốn dùng để sai mở tháp, tức tiêu biểu Chư Phật nhóm họp muốn khai dụng một pháp thân cho nên chỉ đem một người đến. “Đều đến dưới cây báu.” Tức muốn lập ra nghĩa pháp thân. “Đều ngồi tòa Sư tử”: nay hiển bày pháp thân không sợ chúng sanh khởi tâm nghi sợ, đồng trên chép: “Nay ta vui không sợ.” Kế hai phen biến cõi như văn dễ biết.

“Bấy giờ ở phương Đông v.v...” Nói mười phương Phật nhóm họp muốn đồng mở tháp. Văn có hai:

1) Tổng kết Phật nhóm họp.

2) Chư Phật muốn đồng mở tháp.

“Lúc đó Chư Phật v.v...” Đức Phật kia cùng muốn mở tháp báu này v.v... Đây nói về Chư Phật đồng muốn mở tháp báu hiện thân Đa Bảo chỉ bày cho Đại chúng khiến biết pháp thân bất diệt, không hẳn như trong Tăng Yết ma dự dục. Lại Kinh Đại Tập quyển hai mươi mốt chép: Phương Nam Đức Phật Kim cương tạng đáp Bồ-tát kia rằng: Đức Thích-ca Mâu-ni ở phương Bắc muốn vì đại chúng nói pháp, vì phá đại mạn sai khiến theo Ta cầu xin, muốn ta nay cho kế. Phương Tây phương Đông cũng đều như vậy giống như Tăng sự dự dục, mười phương Phật tuy đều làm hóa chủ, nhất thời xếp vào Phật sự, cũng được chút ít phần đồng Tăng chỉ không thường như vậy cho nên khác Tăng sự.

“Lúc bấy giờ Đức Phật Thích-ca thấy các vị Phật của mình phân thân...” chính là nói về khai mở tháp. Văn có bốn:

1) Đức Thích-ca thẳng lên hư không.

2) Đại chúng đứng dậy.

3) Chánh nêu mở tháp.

4) Đại chúng đồng thấy và khen ngợi cúng dường.

Một và hai đều như văn. “Khi ấy đức Thích-ca dùng ngón tay mở

v.v...” chính là khai mở tháp. Ngón tay phải mở tháp: Tức là dùng trí phương tiện, tiện cho việc nói giáo hóa độ chúng sinh. Phẩm Pháp Giới trong Kinh Hoa Nghiêm: Trưởng Giả An Trú mở tháp Chiên Đàn thấy Phật quá khứ đều không diệt độ tức là nói lên pháp thân vô sanh diệt. Luận Pháp Hoa chép: Phá ba thứ không là người phiền não, nhiễm mạn và điên đảo:

- 1) Tin các thứ thừa.
- 2) Tin thế gian Niết-bàn khác nhau.
- 3) Tin thân kia đây khác nhau,

Vì đối ba thứ này nhiễm nên nói ba thứ bình đẳng:

1) Thừa bình đẳng: Thọ ký cho Thanh văn chỉ có Đại thừa không có Nhị thừa.

2) Thế gian Niết-bàn bình đẳng: Do Đa Bảo Như lai nhập nơi Niết-bàn và thế gian Niết-bàn kia đây bình đẳng không khác nhau.

3) Thân bình đẳng: Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện thân, tự thân tha thân pháp thân bình đẳng không khác nhau.

“Lúc bấy giờ bốn chúng...” Nói bốn chúng đồng thấy khen ngợi cúng dường.

“Lúc đó Đức Phật Đa Bảo” v.v...: nói hai Đức Phật cùng ngồi. Văn lại có bốn:

- 1) Đức Đa Bảo yêu cầu đức Thích-ca đến ngồi.
- 2) Đức Thích-ca ngồi nửa tòa ấy.
- 3) Đại chúng đồng thấy nghĩ muốn bay lên hư không.
- 4) Đức Thích-ca kể đưa đại chúng lên hư không.

Bốn điều này văn dễ biết. Sở dĩ hai Đức Phật đồng ngồi, chính muốn dùng Đa Bảo nói lên Thích-ca. Đa Bảo diệt đã bất diệt, bất diệt thị hiện diệt, đức Thích-ca ở song lâm tuyên bố diệt nghĩa cũng đồng như. Lại Đa Bảo diệt đã bất diệt, bất diệt thị hiện diệt tức nói lên đức Thích-ca bất sanh mà sanh sanh mà bất sanh do Đa Bảo xuất hiện muốn nói lên đức Thích-ca thực vô sanh diệt mà phương tiện sanh diệt cho nên yêu cầu đức Thích-ca cùng ngồi. Sở dĩ Đa Bảo muốn hiển đức Thích-ca chính vì người thọ theo đức Thích-ca giáo hóa chấp đức Thích-ca thật có sanh diệt, nên nêu Đa Bảo dùng hiển Thích-ca, phá bệnh chấp đức Thích-ca sanh diệt, phân thân cũng vậy. Do người thọ theo đức Thích-ca giáo hóa chính cho rằng đức Thích-ca là Phật thật, nên nhóm họp phân thân để nói lên đức Thích-ca, nói về Phật cõi tịnh còn là tích mà chẳng phải bốn thì biết đức Thích-ca là ứng chưởng phải chân. Luận Pháp Hoa chép: hai Đức Phật cùng ngồi là nói lên hóa Phật, báo thân Phật, pháp

thân Phật đều vì thành đại sự, đây là muốn nói lên Chư Phật đồng tâm cùng hiển đại sự cho nên cùng ngồi, đại sự tức là pháp thân.

“Dùng đại âm thanh v.v...” là sai tìm người mở rộng kinh: Văn có hai:

1) Văn xuôi.

2) Kệ tụng.

Kệ văn lại có hai:

1) Tụng Chư Phật đến.

2) Tụng sai tìm người mở rộng kinh.

Sở dĩ tụng Chư Phật đến ấy là có hai nghĩa:

1) Chúng tuy thấy đức Đa Bảo vọt hiện phân thân Phật nhóm họp ý đều chưa thông suốt cho nên nay giải thích.

2) Sắp muốn sai tìm người mở rộng kinh.

Trước trình bày ý hai Đức Phật đến ý trên cao khuyến khích dưới, giải thích thành ý bảo trì kinh. Đầu văn chia làm hai:

1) Giải thích ý đức Đa Bảo đến.

2) Giải thích phân thân nhóm họp.

Hai Đức Phật đều chia làm ba nghĩa cho nên đến. Giải thích đức

Thích-ca có ba:

1) Một bài rưỡi ở trên cao khuyến khích dưới nên đến.

2) Một bài hiển nêu pháp khó gặp nên đến.

3) Một bài kệ nêu bốn nguyện Phật nên đến.

Giải thích thành hai nghĩa trên. “Ta lại phân thân ra v.v...” Giải thích phân thân nhóm họp cũng có ba ý:

1) Một bài nêu vì nghe pháp nên đến.

2) Nửa bài muốn mở tháp báu hiển chân thường ứng diệt nên đến.

3) Nói đều bỏ cõi đẹp v.v...” Khiến pháp trụ lâu nên đến.

Văn này lại có ba:

1) Một hàng rưỡi nói chung vì pháp trụ lâu nên đến.

2) Năm hàng giải thích vì pháp trụ lâu nên đến.

3) Nửa hàng tổng kết pháp trụ lâu cho nên đến.

“Nói với các đại chúng...”: Là sai tìm người mở rộng kinh: Tụng đức Phật Đa Bảo nói về đời quá khứ Đức Phật mở rộng kinh Pháp Hoa, tụng phân thân Phật nói về đời hiện tại Đức Phật mở rộng kinh Pháp Hoa, nay sai các Bồ-tát mở rộng kinh tức nói đời vị lai Phật mở rộng kinh, đây tức là nói Chư Phật ba đời cùng mở rộng kinh này.

Hỏi: Vì sao mười phương Phật hiện tại nhóm họp còn quá khứ chỉ

một Đức Phật Đa Bảo ư?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Dùng lược nhiếp rộng nên chỉ nêu một Đức Phật tức lược nhiếp tất cả Chư Phật.

Lại tụng hai Đức Phật đến tức nói pháp sở mở rộng, nay sai mở rộng kinh tức nói người năng mở rộng, hai Đức Phật đến là nói hai thân chân ứng cho nên có pháp sở mở rộng. Kế nói người năng mở rộng gồm có bốn sai khiến bốn giải thích:

- 1) Một bài rườì chính sai.
- 2) Hai bài giải thích ý sai khiến.

Nói “phải biết ý này” có hai ý:

- 1) Muốn nói lên Chư Phật truyền bá pháp nên đến.
- 2) Muốn nói lên chân thường ứng diệt bốn một, tích nhiều. Ý là ở đây cho nên nói “Phải biết ý này.”

“Các Phật tử v.v...”: một bảo một giải thích: Đầu một bài là bảo, kế bốn hàng giải thích. “Các thiện nam tử này...” một bảo một giải thích: Đầu một bài là bảo, kế mười chín hàng nêu giải thích sáu sự khó, chia làm bảy riêng:

- 1) Năm hàng nêu nói rộng khó
- 2) Hai bài nêu ghi chép khó.
- 3) Hai bài nêu đọc tụng khó.
- 4) Hai bài nêu vì một người nói khó.
- 5) Ba hàng nêu hỏi khó.
- 6) Ba hàng nêu trì khó.
- 7) Hai bài sau cùng khen ngợi giáo giải thích thành sáu việc khó.

Hỏi: Hiện thấy thế gian trì kinh Pháp Hoa vô lượng vì sao có sáu thứ nạn này?

Đáp: Có sáu hạng người không tin Pháp Hoa:

- 1) Tham đắm năm dục ưa thích tiểu lạc mà quên đại lạc nên không tin Pháp Hoa.
- 2) Ngoại đạo chấp đắm các kiến không chịu thọ pháp lìa kiến.
- 3) Người Tiểu thừa chấp quyền mê thật không tin Nhất thừa, cho nên luận Trí Độ chép: Ngũ Bách bộ nghe rất ráo Không như bị đao đâm vào tim hướng chi nghe có một, không ba.
- 4) Chấp Kinh này là giáo vô thường, người nghe Pháp Hoa thường, không sanh tin nhận.
- 5) Chấp Kinh này là ngăn che tướng thường nghe nói hiển rõ thường, không sanh tin nhận.
- 6) Người có sở đắc chấp trước kinh này quyết định là thường nghe

nói chẳng thường chẳng vô thường không ba không một không y không
đắc không sanh tin nhận. Nếu vậy xưa nay nam bắc người tin hiểu ít,
kinh xướng rõ sáu việc khó nói không lường dối.

“Các người Thiện nam này v.v...”: một bảo một giải thích:

1) Một hàng rười là bảo.

2) Sáu hàng khen ngợi trì kinh lợi ích, giải thích lời bảo trên.

PHẨM ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA THỨ MƯỜI HAI

Sở dĩ có phẩm này là do phẩm Hiện Bảo Tháp đã chứng trước, khai sau đây đủ hai nghĩa: Nay cũng vậy. Nói thành tựu trước ấy gồm có hai nghĩa:

1) Mục đích xa: Kinh này mở cửa phương tiện chỉ tướng chân thật khai tất cả phương tiện chỉ bày tất cả chân thật. Nhưng phương tiện có hai thứ:

a) Thuận phương tiện nghĩa là Chư Phật Bồ-tát.

b) Trái phương tiện như Điều-đạt Thiện Tinh, trên đây khai thuận phương tiện nghĩa kia đã rồi, như Mãn Từ Tử thật là Bồ-tát phương tiện thị hiện làm Tiểu thừa, đức Thích-ca là quả đức phương tiện thị hiện có sanh diệt.

Nay kể khai trái phương tiện dụng cũng có hai người:

a) Điều-đạt là người trái phương tiện.

b) Long nữ là Súc sanh là trái phương tiện dụng. Cho nên thuận phương tiện chân thật có nhân quả hai người, trái phương tiện dụng có người và hai hạng Súc sanh.

2) Phẩm trên nói về đức Đa Bảo quá khứ tự đến chứng minh Pháp Hoa nay phẩm này đức Thích-ca dẫn Điều-đạt làm chứng minh. Do Điều-đạt đời quá khứ vì ta nói Pháp Hoa nay được thành Phật, cho nên công lực của Pháp Hoa sâu nặng cần phải tin và thọ trì, cho nên trên là dẫn người khác làm chứng nay dẫn tự mình làm chứng do đó hai phẩm nói kế nhau. Lại trên bốn lần sai trì kinh, nay khen ngợi ba lực của kinh giải thích thành bốn lần bảo. Ba lực: Là dẫn Đề-bà-đạt-đa chứng có thành Phật lực, cung rộng chúng nhóm họp chứng minh kinh có lực rộng lớn, Long nữ thành Phật chứng minh có lực nhanh chóng, do chính ở kinh có ba lực nên cần phải tin nhận trì cho nên dẫn ba lực giải thích thành bốn sự khuyên, do đó có phẩm này.

Kế “sanh sau” gồm có bốn nghĩa:

1) Trên dùng Đa Bảo bất diệt thị hiện diệt, nói lên đức Thích-ca phương tiện sanh diệt thật không sanh diệt, nay lại nêu Điều-đạt ví như trên để hiển bày Thích-ca, Điều-đạt chẳng phải ác thị hiện ác cho nên ác là phương tiện thiện là chân thật, giống như hiển bày đức Thích-ca bất sanh diệt thị hiện sanh diệt nên sanh diệt là phương tiện, bất sanh diệt là chân thật. Vì thế trên lấy Phật khác nói lên đức Thích-ca, nay dẫn Bồ-tát khác nói lên đức Thích-ca do đó hai phẩm nối kế nhau.

2) Vì thành tựu nghĩa tin cho nên đến: Như Kinh Niết-bàn Phẩm Sư Tử Hống chép: Vì sao gọi là tin? Tin Như lai rốt ráo bất sanh diệt, tin Đê-bà-đạt-đa không hề phá tăng. Kinh Niết-bàn đã nói hai việc nối kế kinh này cũng vậy. Cho nên nói phẩm này do trái và thuận đối nhau nên nói có hai phẩm nối kế.

3) Nhưng truyền bá khuyên tin đều là vì người mới học, như người tu hành sâu không nhọc công khuyên, nay vì dắt dẫn người ác tự khinh thân mình không dám học đại pháp, vì vậy nên nay nói Điều-đạt tuy là người ác được nghe Đại thừa thọ ký thành Phật cho nên cần phải học tập.

4) Căn duyên khác nhau hợp thời mà nói do trong chúng nghe phẩm này được ngộ nên ứng căn cơ mà nói.

Đê-bà-đạt-đa là con của vua Học Phạm: Đê-bà Hán dịch là Thiên, Đạt Đa dịch là Nhiệt, do khi sanh ông chư thiên tâm nóng bức nên gọi là Thiên Nhiệt. Vì sao? Vì chư thiên biết Đê bà gây ra ba tội nghịch phá hoại Phật pháp, thấy Đê bà lúc mới sanh tâm sanh nóng bức do đó mà đặt tên.

Phẩm này khen ngợi ba lực của kinh chia làm ba đoạn:

- 1) Lực thành Phật.
- 2) Lực rộng lớn.
- 3) Lực nhanh chóng.

Do Đê-bà-đạt-đa nói kinh mới được thành Phật nên kinh có lực thành Phật, do Văn-thù nói kinh Pháp Hoa vô lượng vô biên chúng sanh đều được ngộ đạo nên khen ngợi Pháp Hoa có lực rộng lớn, Long Nữ nghe kinh hiện thân thành Phật cho nên khen ngợi Kinh này có lực nhanh chóng. Sớ dĩ khen ngợi 3 lực của Kinh này vì thành tựu nghĩa khai tâm người mở rộng kinh. Nay từ đầu đặt tên nên gọi là phẩm Đê Bà. Chương đầu có bốn:

- 1) Nêu việc đời quá khứ của Đê Bà.
- 2) Kết hợp xưa nay nói về việc đời hiện tại.
- 3) Vì Đê Bà thọ ký nói về việc đời vị lai.
- 4) Xưng tán lợi ích của phẩm này. Đầu văn có hai: Trước trước

sau kệ tụng.

Văn xuôi lại có ba:

- 1) Nêu đức Thích-ca trải qua nhiều kiếp cầu kinh.
- 2) Biện rõ Vị tiên bố thí pháp.
- 3) Nói Đức Thích-ca báo ân cúng dường.

Văn đầu lại có ba câu:

1) Nêu quá khứ thọ các thân thường cầu Pháp Hoa.

2) “Trong nhiều kiếp...” nói riêng làm Vua cầu đạo vô thượng, ở đây trước nói cầu quả. “Vì muốn đầy đủ...” là nêu tu nhân. Trong tu nhân, ban đầu nói chung muốn viên mãn sáu độ. “Phải siêng tu hành bố thí...” Là lược nói về đàn độ. Trong đàn độ, đầu tiên là nói về ngoại thí. “Đầu mắt...” là nói nội thí.

3) Lúc đó nhân dân v.v... chánh là nói về cầu kinh Pháp Hoa.

“Lúc bấy giờ có vị tiên...” là nói vị tiên trao pháp. Vua nghe lời vị tiên nói...” Vì pháp cần khổ báo ân cúng dường...

Kệ có bảy hàng rưỡi tụng ba chương trên tức có ba biệt:

1) Hai hàng tụng vua cầu pháp.

2) Hai bài tụng vị tiên trao pháp.

3) Ba hàng rưỡi tụng vua báo ân.

“Đức Phật bảo các Tỳ-kheo...” là kết hợp xưa nay nói về việc đời hiện tại. “Đức Phật bảo bốn chúng...” Vì Đề-bà-đạt-đa thọ ký nêu việc đời vị lai. Đề Bà là bốn Sư của đức Thích-ca nay lại được đức Thích-ca thọ ký, thì biết thầy trò phương tiện không nhất định, trái thuận bình đẳng dụng cũng hợp thời vì chúng sanh. Kinh Tiểu thừa nói về Đề-bà-đạt-đa vào Địa ngục Vô gián, sau thành Bích-chi-phật, nhưng nay trong Đại thừa nói về đời vị lai thành Phật và đã tùy duyên trái thuận tức cũng ứng thời đại tiểu. “Hai mươi trung kiếp v.v...” Đại kiếp có ba, tiểu kiếp cũng có ba. Văn Tạng Tâm chỉ nói tiểu kiếp xếp vào trung kiếp. Kinh Thiện Tinh chép: Mười tám tiểu kiếp làm một trung kiếp. “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo v.v...” là nói lợi ích nói phẩm này: Sở dĩ nói riêng nghe phẩm này không sanh nghi ngờ là vì trong kinh Tiểu thừa nói về Điều-đạt xúi giục vua giết cha, nếu ông giết vua cha ta sẽ giết Cù Đàm thì có vua mới, Phật mới, thật không vui sướng hay sao! Điều-đạt tự gây ra ba tội nghịch lại bảo người khác tạo tội nghịch thì tội ấy cực ác. Nay bèn nói là bạn lành trong quá khứ vị lai thành Phật người học Tiểu thừa sao không kinh nghi cho nên nói riêng không sanh nghi ngờ. Lại ở nước ngoài các người Tiểu thừa không tin Phương Đẳng đều cho là Điều-đạt nói không tin là đức Thích-ca nói nay khuyên tin Điều-đạt tức là khuyên tin Đại thừa...

“Không đọa vào địa ngục...” Theo Luận Thành Thật nói về bốn luận để trị tám nạn, nay nói một niệm tin kinh Pháp Hoa không nghi phẩm này đầy đủ lìa tám nạn không đọa vào địa ngục lìa nạn ba đường, sanh ở trước các Đức Phật trong mười phương lìa nạn sanh trước Phật sau Phật, thường nghe kinh này lìa nạn thế trí, nếu sanh trong trời người

liạ nạn không nghe, nếu sanh ở trước Phật được hoa sen hóa sanh liạ biên địa nạn trường thọ thiên.

“Bấy giờ ở phương hạ vị Bồ-tát...” Khen ngợi lực kinh rộng lớn:

Lại có bảy câu:

1) Trí Tích xin đức Đa Bảo trở về bốn quốc là nguyên nhân phát khởi luận.

2) Đức Phật bảo Trí Tích v.v...” Đức Thích-ca xin dừng lại giây lát.

3) “Lúc bấy giờ Văn-thù v.v...” Nêu Văn-thù đến. Phẩm tựa Văn-thù ở trong hội, phẩm này nói từ cung rồng đến, tức nói theo sự: cũng như Kinh Niết-bàn nói Văn-thù ban đầu tuy ở tòa mà cùng Thuần-đà bỏ đi, cho đến phẩm Đại chúng vấn lại cùng Thuần-đà đến, nay cũng vậy. Phần đầu khai kinh đã xong; hoặc có thể đến cung rồng hóa đạo, nay muốn khen ngợi công năng kinh và hỏi hạnh an vui cho nên lại đến.

Nói theo lý thì: Văn-thù vốn ở núi Linh Thứu mà nay bỗng ở cung rồng, có thể cho là tuy đi mà ở, không đi mà đến.

4) Trí Tích hỏi Văn-thù v.v...: chính là hỏi.

5) “Văn-thù Sư lợi v.v...:” là đáp. Ban đầu nói Văn-thù hóa độ thẳng đến Bồ-tát, “các vị mà xưa vốn Thanh văn...” là nêu giáo hóa họ hồi tiểu nhập đại Bồ-tát.

6) Bấy giờ Trí Tích...:” là nói Trí Tích khen ngợi.

7) “Văn-thù Sư lợi nói v.v...:” Suy tôn công qui về Pháp Hoa tức là khen ngợi lực kinh.

“Trí Tích hỏi Văn-thù v.v...:” là nói Long Nữ thành Phật, là khen ngợi năng lực kinh nhanh chóng cũng có bảy chương:

1) Hỏi.

2) Đáp.

3) Thí dụ nạn vấn.

4) Long nữ đến.

5) Thân Tử nạn vấn.

6) Long Nữ nêu dụ đáp.

7) Nói chúng đương thời ngộ đạo.

“Văn-thù Sư lợi nói...:” Ở trong khoảng sát na phát tâm Bồ-đề được thành Phật. Kinh Già-da Sơn Đỉnh nói về có bốn thứ phát tâm:

1) Sơ phát tâm gọi là nhập sơ địa.

2) Hành phát tâm là Nhị địa đến Thất địa.

3) Bất thoái phát tâm là Bát địa, Cửu địa.

4) Nhất sanh Bồ xứ phát tâm là Thập địa. Long Nữ phát tâm thành

Phật là nghĩa thứ tư. Nhưng Bồ-tát Thập tín cũng có tám tướng thành đạo, vị không thể biết. Lại thích ứng giáo hóa (không nơi chốn) vô phương có thể có bốn trường hợp:

1) Phương tiện chậm: Như mười kiếp ngồi đạo tràng.

2) Phương tiện nhanh: Long Nữ trong sát na thành Phật.

3) Cũng nhanh cũng chậm: Như đức Thích-ca sáu năm hiện rõ hai thứ này.

4) Chẳng chậm chẳng nhanh: Như trong Tịnh độ thành Phật; không luận nhanh chậm.

Lại có bốn trường hợp: 1

) Nam thân thành đạo tức đức Thích-ca.

2) Thân nữ thành Phật, riêng có Kinh nói Đức Phật xuất hiện ở nước người nữ làm thân nữ thành Phật.

3) Vừa nam vừa nữ tức là Long nữ, vốn là nữ biến thành nam.

4) Phi nam phi nữ phi thiên phi nhân, như Tịnh độ thành Phật.

Lại có ba câu:

1) Xuất gia thành Phật như đức Thích-ca.

2) Tại gia thành Phật như luận Trí Độ chép: là Phật Thiên vương, cho nên không cần bát và Ca sa, tức Điều-đạt thành Phật hiệu Phật Thiên vương.

3) Đều chẳng phải. Nghĩa là Tịnh độ Phật.

Lại ba câu:

1) Đồng chân thành Phật tức Long nữ.

2) Phi đồng chân thành Phật tức đức Thích-ca.

3) Đều chẳng phải tức là Phật ở tịnh độ. Sở dĩ khác nhau như vậy là do thể đạo không ngăn ngại nên có dụng vô ngại, thích hợp duyên vô phương ứng lợi ích vô cùng. Nếu vậy thì không nên nghi nói phẩm này chẳng phải Phật nói bởi do tình cuộc có hạn mà giáo hóa vô phương.

“Bồ-tát Trí Tích nói v.v...” là nói nạn vấn. “Nói luận chưa xong v.v....” Long nữ đến. “Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất...” là Thân tử nạn vấn. “Lúc bấy giờ Long nữ...” Nêu dụ đáp chung hai người nạn vấn. “Lúc ấy, ở thế giới Ta bà v.v...” là nói chúng đương thời ngộ đạo được lợi ích.

PHẨM TRÌ THỨ MƯỜI BA

Sở dĩ có phẩm này cũng đầy đủ hai nghĩa:

- 1) Thành trước.
- 2) Khai sau.

Nói thành trước: Phẩm Thập bát kệ văn bốn phen khuyên bảo trì, phẩm Đề-bà-đạt-đa khen ngợi kinh có ba lực cũng là khuyên trì, nay Bồ-tát, Thanh văn nên bảo trì kinh do đó có phẩm này. Nói khai sau tuổi thọ tức là: Do Bồ-tát Thanh văn đều nói về trụ nơi lực nhẫn, sợ xa nghe tuổi thọ tâm sanh nghi sợ nên trái ngạn. Sở dĩ nên bào làm có bốn ý:

- 1) Muốn trên báo ân Phật.
- 2) Muốn tăng tiến tự hành.
- 3) Muốn đem khuyên những chỗ chưa được mở rộng tuyên cũng khiến truyền hóa.

4) Đã là Bồ-tát muốn lợi ích chúng sanh cho nên có phẩm này, vì trì kinh này để giáo hóa vật cho nên gọi là phẩm Trì.

Phẩm chia làm năm:

- 1) Hai muôn Bồ-tát phát nguyện mở rộng kinh.
- 2) Năm trăm Thanh văn phát nguyện mở rộng kinh.
- 3) Hàng Hữu học, Vô học tám ngàn người phát nguyện mở rộng kinh.

4) Các Tỳ-kheo phát nguyện mở rộng kinh.

5) Lập lại bảo Bồ-tát phát nguyện mở rộng kinh.

Căn cứ năm người này có thể chia làm hai:

- 1) Bốn người là ứng Phật trước sai tự thệ mở rộng kinh.
- 2) Một người Phật lập lại sai mở rộng kinh.

Căn cứ trong bốn người thì một người đầu là trực vãng Bồ-tát tự thệ trì kinh, sau Tỳ-kheo Tỳ-kheo ni là Bồ-tát hồi tiểu nhập đại tự thệ mở rộng kinh, lại chia làm ba loại:

1) Các Bồ-tát từ bi sâu dày sức nhẫn rộng lớn có thể ở ôi uest mở rộng kinh.

2) Tự ba chúng còn lại tích thị hiện yếu đuối ở Tịnh độ mở rộng kinh.

3) Các Bồ-tát trú nơi Bất thoái địa chung cả tịnh uest hai cõi mở rộng kinh. Đầu tiên chỉ nêu hai người: Dực vương đã truyền bá sở ký, Nhạo Nói năng phát huy dũng tháp cho nên tuyên trì làm đầu. Dực vương truyền bá sở ký: Là truyền bá thừa quyền thừa thậ. Nhạo Nói

phát huy đồng pháp: Là khai phát nguyên nhân thân quyền thân thật.

“Lúc đó trong chúng...” Là nói Bồ-tát hồi tiểu nhập đại lại chia làm hai:

- 1) Tỳ-kheo tự thệ mở rộng kinh.
- 2) Tỳ-kheo ni tự thệ mở rộng kinh.

Tỳ-kheo lại có hai:

- 1) Nêu người Vô học tự thệ mở rộng kinh.
- 2) Nêu hữu Hữu học, Vô học tự thệ mở rộng kinh.

“Lại có bậc Hữu học, Vô học v.v...” Kinh Niết-bàn nói tám mươi người, nay nói tám ngàn người hoặc có thể chữ thiên (ngàn) lầm là chữ thập (mười), hoặc có thể riêng có tám mươi. Nhưng kinh đã hợp ba về một đều thành Bồ-tát mà còn nói Thanh văn gồm có ba nghĩa:

1) Vẫn giữ tên cũ.

2) Tuy là ngộ một mà không mất nơi ba, vì sao? Vì vốn phá bệnh chấp ba cho nên nói một, bệnh chấp ba đã trừ một thuốc cũng thôi, chẳng ba chẳng một cho nên năng một năng ba.

3) Tức gọi Bồ-tát xếp vào Thanh văn như trước nói: nay chúng con, thật là Thanh văn dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe.

Thanh văn ở cõi khác mở rộng kinh:

- 1) Tích thị hiện độn căn, như trước giải thích.
- 2) Chê cõi này khó hóa độ.

3) Chú giải kinh chép: Bồ-tát ở cõi này Thanh văn ở cõi khác, muốn nói về Nhất thừa đã hiển muôn dòng có thể một, cõi nước không có kia đây, ngộ không có tiểu đại, đại thệ nguyện tuy khác mà thông suốt đại đồng.

“Lúc ấy Di mẫu của Phật...”: Nêu Tỳ-kheo ni mở rộng kinh. Văn có hai: Trước thọ ký kế biện mở rộng kinh. Thọ ký hai Tỳ-kheo ni tức chia làm hai riêng:

- 1) Xin ký.
- 2) Thọ ký.

Kinh này từ đầu đến cuối thọ ký có hai:

- 1) Không xin mà thọ.
- 2) Xin mà thọ.

Trong xin mà thọ tự có ba thứ:

- 1) Phát lời xin như Mục-liên v.v...
- 2) Tâm niệm xin như một ngàn hai trăm người v.v...
- 3) Hiện tướng xin như Đại Ái Đạo v.v...

“Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn...” là nói thọ ký: Thọ ký Tỳ-kheo ni ở

sau cùng.

1) Theo ở trên nói chúng có thứ lớp nên để sau cùng.

2) Chỉ người nữ tội cấu sâu nặng.

3) Muốn dứt sự ganh tỵ của thế gian cho nên thọ ký sau.

Kiều-đàm-di: Kiêu-đàm là họ dịch là Nê-thổ, Di là nữ. Kế thọ ký cho Da-thâu-đà-la cũng có hai:

1) Thỉnh ký.

2) Thọ ký.

Lúc ấy bà Ma-ha v.v... là nói phát thệ mở rộng kinh cũng chia làm hai:

1) Lãnh giải vui mừng.

2) Phát thệ mở rộng kinh.

“Bấy giờ đức Thế tôn v.v...: Lặp lại bảo Bồ-tát mở rộng kinh. Văn có hai:

1) Nói mắt thấy.

2) Các Bồ-tát phát thệ mở rộng kinh.

Mắt thấy: Nói lên các Bồ-tát trí tuệ lợi căn xa hiểu ý Phật và ngộ tôn chỉ kinh khiến chúng sinh tin, như Trang Chu chép: tận mắt thấy đạo còn. “Các vị Bồ-tát đó...” Nêu phát thệ mở rộng kinh. Văn có hai: Trước văn xuôi sau kệ tụng. “Nay Đức Phật im lặng chẳng thấy dạy bảo”: Đức Phật tuy khen ngợi Bồ-tát xa ngộ ý Phật mà Bồ-tát khiêm nhường, cho nên nói Phật không dạy bảo. Thầy trò khen ngợi khiêm nhường hiệp luận đều căn cứ một nghĩa. “Lúc đó các vị Bồ-tát v.v...” Nêu Bồ-tát lại tự tư duy, Phật tuy không nói ta là Bồ-tát, mà pháp nên trên mở rộng dưới lợi ích thỏa mãn nguyện để báo ân. “Xa giữ gìn cho”: Lâu biết tuổi thọ thường hằng song lâm chẳng phải viễn diệt.

Kệ văn chia làm ba:

1) Một bài nói chung phát nguyện mở rộng kinh.

2) Mười bảy hàng nói riêng phát nguyện mở rộng kinh.

3) Hai bài tổng kết phát nguyện mở rộng kinh.

Trong đoạn thứ hai lại chia làm hai:

1) Nói Bồ-tát nhẫn ác.

2) Nêu nhẫn ác nên vì chúng sinh mở rộng kinh.

Trong nhẫn ác có hai:

1) Nói đại sĩ nhẫn ác.

2) Giải thích lý do khởi ác.

Đầu tiên lại có hai:

1) Một bài nhẫn ba nghiệp ác, như hại do Đề bà ngoại đạo.

2) “Tỳ-kheo trong đời ác...” là nói nhấn miệng nghiệp ác.

Lại chia làm hai:

1) Người khởi ác.

2) Chính nói về khởi ác.

Mỗi thứ có hai đoạn: 1) Hai trong người: Người tăng thượng mạn tức nêu người.

2) Hoặc người mặc áo nạp v.v... Nói về nơi chốn, nêu nơi chốn nhiếp tận tất cả mọi người.

“Mà nói như thế này v.v...” Nêu khởi ác cũng có hai:

1) Nói về lời ác chê bai.

2) Là khéo nói lời hủy báng, đều nói về Bồ-tát năng nhẫn. Người ác nói lời hủy báng: Là hủy pháp báng người, hủy pháp là luận nghĩa ngoại đạo, báng người là người tà kiến. Văn chia làm ba:

1) Hai hàng đầu nêu hủy pháp báng người.

2) Thường ở trong đại chúng v.v...” hai bài cùng chung hủy pháp báng người.

3) Nửa bài nói Bồ-tát năng nhẫn.

Hỏi: Đầu đã nói luận nghĩa ngoại đạo, sao lại nói tự soạn kinh luận đi đến ư?

Đáp: Đầu nói luận nghĩa ngoại đạo, mà kinh Thập Bát Đại của ngoại đạo lại không có điều này, cho nên nói tự tạo. Nhưng đã chẳng phải nội giáo lý đồng ngoại đạo.

“Bị người đó khinh rằng v.v...”: Là khéo nói lời chê bai: Cho nên trong loài người chỉ có nêu nơi chê bai chứ không nêu thiện ác, lại có hai:

1) Nửa bài nêu khởi tâm chê bai.

2) Nửa bài nói năng nhẫn.

“Bị người đó khinh rằng, các người đều là Phật v.v...”: Người Tiểu thừa cho rằng người học Đại thừa hiểu rõ các pháp tánh vốn vắng lặng không có hai tướng, liền nói rằng: Nếu chúng sanh và Phật không có hai tướng thì ông lẽ ra là Phật, như người đời chép: Ông học như thế tức liền thành Phật, nói thì năng mà ý thì khinh, do nhẹ nên tâm phát ra lời này nên gọi là lời khinh mạn. “Trong đời ác kiếp trước...”: năm hàng rưỡi giải thích ý hủy báng: Người ác sở dĩ hủy báng gồm có hai nghĩa: 1) Ngoại ma xâm nhập vào trong thân người ấy khiến hủy báng có ba hàng. 2) Trong ngu si nên không biết Tiểu thừa là phương tiện nên chấp lấy chê bai Đại thừa, có hai hàng rưỡi. “Các thành ấp làng xóm v.v...” một hàng giải thích Bồ-tát năng nhẫn ác nên mọi nơi vì chúng sinh mở rộng

kinh. Hai bài sau cùng tổng kết thế nguyện như văn.

Ngày mồng bảy Niên hiệu Vĩnh Nhân năm thứ ba ở Giao Chung, các người con gái đồng tâm hiệp lực khắc một quyển nghĩa số để cầu nguyện cho cha mẹ được giải thoát. Xét rằng ân cha mẹ cao vời vời như núi Thái hơn tám muôn Bích la, đức cha mẹ sâu thẳm như biển xanh 3 ngàn cho nên nói về sự nuôi dưỡng thì khó lường được. Người con gái ở Giang Thủy Quận Ngô là thiếu nữ khuê các nhưng vì báo ân hiếu hạnh biết ý chí của cha mẹ muốn thẳng đến Diệu thừa làm kim chỉ nam vãng sanh cõi An Lạc.

*Sa môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.*



PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 10

PHẨM HẠNH AN LẠC THỨ MƯỜI BỐN

Giải thích Hạnh An Lạc gồm có sáu môn:

- 1) Ý nghĩa vì sao có phẩm này.
- 2) Giải thích tên phẩm.
- 3) Khai hiệp.
- 4) Thể tướng.
- 5) Thứ bậc.
- 6) Đồng và khác.

I. Ý nghĩa: Cũng có hai nghĩa:

- 1) Thành trước.
- 2) Khai sau.

- *Thành trước:* có ba ý:

- 1) Phật dạy Thanh văn gồm có ba việc:
 - a) Khiến hồi tiểu nhập đại phát tâm Bồ-đề tức ba châu nói ở trên.
 - b) khiến tu hạnh Bồ-tát tức bốn hạnh an lạc này.
 - c) Khiến đắc quả Phật là văn tuổi thọ phần sau, vì nhân duyên này nên có phẩm này.
- 2) Diệu Pháp liên hoa gồm có hai thứ:
 - a) Môn thiện xảo dụng.
 - b) Môn chân thật thể. Trên phá ba nói một gọi là dụng đối trị, bệnh chấp ba đã bỏ, một thuốc cũng trừ, muốn hiển không một không ba, không hai chánh quán tức thể Diệu Pháp Hoa. Dưới kệ chép: Quán tất cả pháp Không như thật tướng, cũng không hành, không phân biệt thì biết ba, một, hai xả duyên quán đều mất, nay muốn nhiếp dụng quy về thể cho nên có phẩm này.
- 3) Cuối phẩm Trì chép: Đời ác mở rộng kinh bị hủy nhục chê bai chịu ác khổ não hạng tu hành ít thường lui sụt không thể mở rộng kinh,

vì vậy nên nay nói về an trú trong bốn hạnh thì tuy ở đời ác mà thường được an vui, muốn chỉ bày phương pháp đời mạt pháp mở rộng kinh nên nói phẩm này.

- *Khai sau*: Muốn nói về quả tuổi thọ lâu dài. Cho nên nay nói nhân tuổi thọ lâu dài tức bốn hạnh an lạc.

II. Giải thích tên: giải thích tên bốn hạnh khác nhau, nay theo ngài Trúc Đạo Sanh và chú giải kinh pháp Hoa nói về bốn hạnh:

- 1) Hạnh vắng lặng.
- 2) Hạnh không kiêu mạn.
- 3) Hạnh lìa ganh ghét.
- 4) Hạnh từ bi.

- *Hạnh vắng lặng*: Không tịch tức là thật tướng các pháp Bát-nhã chánh quán, đã trái với lý thật tướng thì liền có khổ không có vui, tương ưng với lý thì có lạc không có khổ, nay chính nói về nghĩa mở rộng kinh an vui cho nên ban đầu nói hạnh vắng lặng. Tuy bên trong tu không quán, nhưng người mới bắt đầu hành sức quán chưa thành ở trong chúng nói pháp thường cậy vào sự hiểu biết lẫn hiếp người nên kể nêu hạnh lìa kiêu mạn. Hễ làm thầy giỏi nếu ỷ hiểu biết xem thường người khác hoặc ghét người hơn mình vì có hiểu biết là điều thường tình, nhưng là đại hoạn cho người mở rộng kinh! Thế nên kể nêu hạnh lìa ganh ghét: Người thông hiểu pháp tuy không kiêu mạn ganh ghét mà chỉ biết người được hóa độ gồm có hai thứ:

- 1) Cầu đại đạo.

2) Chấp Tiểu thừa, hai hạng người này thường sanh ái nhuế, nếu khởi ái nhuế thì si sử liền theo cho nên người cần học Đại thừa phải khởi từ tâm, đối với hạng phi Bồ-tát nên sanh tâm thương xót, vì vậy nên kể nói hạnh từ bi của Bồ-tát: Nghĩa không hết thì vẫn phải đầy đủ. Gọi chung là hạnh an lạc: Tức an trú trong bốn pháp thì được an vui cho nên gọi hạnh an lạc. Hạnh: Là trải qua sự tu hành, nghĩa là tâm hành bốn pháp này.

III. Khai hiệp: Khai thành bốn hạnh hiệp chỉ hai môn:

1) Hạnh đầu là trí tuệ ba hạnh sau là công đức, tâm an phước tuệ mở rộng đạo lợi người liền được an vui gọi là phước tuệ một cặp.

2) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài hai lìa môn và đắc.

Đắc có hai thứ đức: Không tịch là trí tuệ, từ bi là công đức, trung gian hai thứ gọi là lìa nên lìa môn cũng có hai:

- 1) Ly kiêu mạn.
- 2) Ly ganh ghét. Tức là đắc lìa một cặp.

3) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài hai hành không và hữu: Đầu là không hành, ba thứ còn lại là hữu hành, gọi là không hữu một cặp.

4) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài tự hành hóa tha, ba thứ đầu là tự hành, từ bi là hóa tha, gọi là tự hành hóa tha một cặp.

IV. Thế tướng:

Hạnh thứ nhất lấy quán không rốt ráo làm thế, hạnh thứ hai lấy tâm không kiêu mạn làm thế, hạnh thứ ba lấy tâm không ganh ghét làm thế, hạnh thứ tư lấy tâm từ bi làm thế, nhưng bốn hạnh này chỉ có một chánh quán, căn cứ dụng khác nhau nên khai bốn thứ, quán nghĩa thật tướng gọi là hạnh vắng lặng, tức là nghĩa chánh quán đây là lỗi tức không kiêu mạn, ganh ghét, tức không quán này cứu khổ ban vui nên gọi là từ bi, tâm từ bi chẳng trở ngại rốt ráo Không, rốt ráo Không chẳng ngăn ngại từ bi, tuy hành từ bi mà thường rốt ráo Không, tuy rốt ráo Không mà không xả từ bi; vì vậy nên siêu phàm vượt Thánh gọi là hạnh Bồ-tát cũng là hai đạo Không, Bi. Đại Phẩm nói Bồ-tát trụ trong hai pháp mà không thế hoại được:

- 1) Biết Không.
- 2) Không bỏ chúng sanh.

V. Thứ bậc: Từ sơ phát tâm cho đến Phật địa, năm mươi hai địa vị đều đầy đủ bốn hạnh, trong đó tự có thành và chưa thành và nghĩa công dụng, vô công dụng tổ ngộ và mê muội, cạn, sâu tùy địa vị sai khác, nhưng chánh ý của kinh là kế sức cho người lui mất. Đời mạt pháp mở rộng kinh chịu nhiều khổ não cho nên khiến an trú trong bốn pháp liền được an vui. Địa vị cao trở lên tự đầy đủ bốn hạnh không đợi nói vì vậy nên người phát tâm tự phải y theo phẩm này tự hành hóa tha toạ thiền, tụng kinh, sám hối.

VI. Đồng và khác: Cuối phẩm Pháp Sư nói về ba việc:

- 1) Vào nhà Như lai.
- 2) Mặc áo nhẫn nhục.

3) Lấy các pháp Không làm tòa, không đồng với bốn hạnh nghĩa. Trên văn trước nêu hạnh hữu kế biện nơi Không, vì sao? Vì phẩm trên chánh giải thích Pháp Sư, bởi làm Pháp Sư vì chúng sinh nói pháp thích hợp trước hết vận tâm từ bi, nhưng từ tâm bi ở lâu trong sanh tử gặp nhiều hoạn nạn nên phải hành nhẫn, tuy có từ bi nhẫn nhục mà nếu chẳng nhập quán Không thì từ bi nhẫn không thành cho nên kể nói về hạnh Không nên từ hữu nhập không. Phẩm này chính vì đời ác mở rộng kinh chịu nhiều khổ não tâm sanh lui sụt nên trước nói về nhập rốt ráo Không, thì không thấy thân tâm tự tha đều tĩnh lặng liền được an vui

cho nên trước nói hạnh Không. Do đắc không quán nên không sanh khởi kiêu mạn ganh ghét, do đắc không quán nên dẫn dắt thành từ bi, nên trước nêu hạnh Không sau nói hạnh hữu. Lại hai phẩm muốn chỉ bày không, hữu, không hai cho nên trước sau nói xen lẫn. Căn cứ phẩm chia làm hai:

1) Hỏi.

2) Đáp.

- Hỏi có hai: a) Khen ngợi trước. b) Hỏi sau.

- Trong đáp cũng có hai: a) Nói chung tên bốn hạnh. b) Nêu thể bốn hạnh.

An trụ bốn pháp: Tâm an trụ bốn pháp thì không còn khổ, cho nên được an vui gọi là hạnh an lạc: An trú trong hành xứ và gần gũi xứ của Bồ-tát v.v...: Là nói riêng thể của bốn hạnh, lại chia làm bốn:

1) Chánh nêu thể của hành.

2) Khen ngợi giáo.

3) Khuyến tu.

4) Giải thích chung nghĩa an vui.

Căn cứ thể của bốn hạnh lại chia làm bốn: Căn cứ thể của hạnh đầu lại chia làm ba:

1) Chánh nêu thể của hạnh.

2) Bốn hàng rười kệ sau cùng biện tướng an vui, văn đầu tức giải thích hành, văn sau tức giải thích tướng an vui, hành nghĩa là nhân, an vui tức do hành đắc quả.

3) Kệ sau văn xuôi tổng kết hạnh an vui đầu, văn đầu lại có hai: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai:

1) Nêu hai chương môn hành xứ, cận xứ.

2) giải Thích-cả hai môn.

Hành xứ: Người tu hành đã nhập lý mà thi hành gọi là hành xứ, tuy chưa nhập lý mà tự gần gũi gọi là cận xứ, hai xứ này gọi là từ đầu đến cuối cho nên hiệp thành một.

Hỏi: Hành xứ đã sâu cận xứ thì cận, vì sao trước nêu hành xứ sau nói cận xứ ư?

Đáp: Trước nêu hành xứ là nêu tâm sâu tiêu biểu ý chỉ khiến tu tập mà gần gũi.

Hỏi: Căn cứ địa vị như thế nào?

Đáp: Có người chép: Thất địa trở lên đã nhập nơi lý gọi là hành xứ, từ nay lại nhập lý vô sanh dần dần gần gũi gọi là cận xứ.

Nay nói về y luận Trí Độ vô sanh đã có hai xứ hành, cận nghĩa cũng vậy. Nhưng ý của kinh chính vì người mới học nên nêu hai xứ này. Vì đặc vô sanh tương ứng gọi là hành xứ, nếu chưa tương ứng với Bát-nhã khiến người phát tâm dần dần tu tập gần gũi nên gọi là cận xứ. Nếu gần gũi vô sanh thì cùng điên đảo, xa rời liền được an vui, nếu gần gũi với điên đảo, thật tướng xa rời thì chịu khổ não.

“Thế nào gọi là v.v...” Là giải thích hai chương hành xứ, cận xứ chia làm hai riêng: Giải thích chương hành xứ chia làm ba: Nghĩa là nêu, giải thích, tổng kết. “Nếu đại Bồ-tát v.v...” Là giải thích chương. Văn này ý bao gồm nhiều, nay dùng bảy nghĩa giải thích: Theo luận Trí Độ nói về hai nhãn giải thích: Trú nhãn nhục địa gọi là sanh nhãn, sau nêu quán không là pháp nhãn. Luận nói Bồ-tát thực hành sanh nhãn được vô lượng công đức, thực hành pháp nhãn đắc vô lượng trí tuệ, sanh nhãn là các cảnh trái thuận, Bồ-tát năng an nhãn nơi trái nghịch mà không sân, đối với thuận không tham nên gọi là công đức. Pháp nhãn không thọ tất cả các pháp biết kia vắng lặng nên đắc trí tuệ. Đây y cứ hai môn không, hữu để phân phước tuệ. Lại sanh không địa vị nông cạn nên gọi là công đức, pháp không đã sâu thọ gọi là trí tuệ. Đây căn cứ hai Không cạn sâu để phân biệt phước tuệ. Lại đều căn cứ hữu môn để nói về hai nhãn: Nhãn trái, thuận với chúng sanh gọi là sanh nhãn, nhãn các pháp trái thuận của chúng sanh gọi là pháp nhãn, hai thứ này cũng có cạn sâu. Chúng sanh năm tình chấp không được lại gọi là giả danh cho nên dễ nhãn, các pháp thuận nghịch là việc thấy nghe hiện tại cho nên khó nhãn. Do căn cứ nhãn có sâu cạn để phân biệt phước tuệ, nhưng tự có phước tuệ không hai, không có cạn sâu. Nay căn cứ quán môn thứ bậc nên phân cạn sâu. Đầu văn có bốn trường hợp:

1) Trú nhãn nhục địa nói chung về ba nghiệp. Nhãn nhục gọi là địa có hai thứ nghĩa:

a) Không bị duyên bên ngoài lay động nên gọi là địa.

b) Có công năng sanh trưởng như đất, do năng nhãn các nhục nên được thông hiểu đại pháp. Muôn điều thiện thuận tiện sanh nên gọi tâm nhãn làm địa. “Hòa diệu khéo thuận”: Diệu hòa: Là lời nói không sai lầm, trái với vật gọi là miệng nhãn. “Mà không gấp bạo:” Tuy dao gậy kề thân mà không vọng động, do không thêm báo nên gọi là thân nhãn, lại là oai nghi tướng tận gọi là không gấp bạo, như kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát nhất tâm an tướng. “Tâm cũng chẳng kinh sợ”: Lại chỉ chẳng phải thân miệng không gia báo, cũng không khởi một niệm sân gọi là ý nhãn, lại năng an nơi đồng, khác nên tâm không sợ. “Lại đối với pháp

không có sở hành”: Trên nói sanh nhãn nay là pháp nhãn.

2) Trên là phương tiện, quán này là thể chánh quán, do điều hòa thân miệng rồi sau mới đắc nhập quán thật tướng.

3) Trên nói hạnh Bồ-tát, nay nói giải Bồ-tát.

4) Trú nhãn nhục địa là tuệ phương tiện, quán Không là tuệ thật.

5) Quán nhãn nhục địa là hành xứ bên ngoài, quán không là hành xứ bên trong.

6) Trú nhãn nhục địa rồi sau quán Không, phải trước nói về trong hữu, hành các công đức dùng hữu giúp Không rồi sau mới đắc từ Không ra có, nếu không như vậy thì đọa vào địa ngục.

7) Trú nhãn nhục địa rồi sau quán Không, muốn phân biệt khác với Da kiến quán không.

Luận Trí Độ chép: Tà kiến không trước gây nghiệp ác rồi sau bác bỏ, nay nói chân không, trước hành thí, giới, nhẫn, thiền rồi mới quán Không. Lại đối với pháp không có sở hành, do trú nhãn nhục địa điều hòa thân miệng nên được nhập Không, do nhập Không nên không hành tất cả các pháp sanh tử Niết-bàn. “Mà quán tướng như thật của các pháp:” trên không hành pháp điên đảo, nay quán pháp thật tướng. “Cũng chẳng thực hành”: Đầu tiên nói chẳng thực hành không thật, kế nói thực hành thật, nay thật không thật tất cả không hành cho nên nói cũng không hành. “Không phân biệt”: Cũng không phân biệt hành và không thực hành. Trên nhãn nhục v.v... tức quán thế đế, quán thật tướng các pháp cho đến không thực hành không phân biệt gọi là quán bậc nhất nghĩa đế, do Chư Phật nói pháp thường y hai đế cho nên Bồ-tát y Phật tu học cũng quán hai đế.

“Kế căn cứ sanh Không, pháp Không giải thích: Từ đầu không hành đến quán thật tướng gọi là pháp không, chẳng hành vô phân biệt gọi là sanh không quán xuất, trong chánh Pháp Hoa phần kệ dưới cũng có ý này. Đầu không hành tất cả các pháp tức pháp không, cũng không phân biệt nam nữ gọi là chúng sanh không, trước nói pháp không sau nói sanh không tức là:

1) Nói theo thứ lớp.

2) Người mê hoặc cho rằng có người năng thực hành pháp quán không cho nên lại trừ bỏ quán chủ. Kia luận Trí Độ cũng có nói điều này. Kế căn cứ ba đế giải thích văn này: Trụ địa nhãn nhục đồng gọi là quán thế đế, đối với pháp không có sở hành mà quán thật tướng gọi là quán Chân-đế, cũng chẳng thực hành không phân biệt gọi là phi chân phi tục Trung đạo quán. Không hành: Là không thực hành Chân-đế.

Không phân biệt là: Không phân biệt việc thế đế nên gọi là phi chân phi tục Trung đạo quán. Ba đế này là nghĩa nhân duyên, vì không hai nói hai, hai gọi là hai đế, hai không hai là Trung đạo. Kế căn cứ diệt cảnh trí giải thích: Lại, đối với các pháp không có sở hành cho đến quán các pháp thật tướng nói về duyên tận nơi quán. Nói duyên tận quán: Là tất cả điên đảo là duyên đều tận ở trong chánh quán. “Cũng chẳng thực hành không phân biệt”: Là quán tận ở duyên. Do tà duyên đã hết chánh quán cũng dứt, nên duyên quán đều mất cảnh trí đều lặng. Trong kệ sau cũng có ý đây. Đầu nói về sanh không, pháp không gọi là tận duyên, kế kệ nói không đắc các pháp không biết không thấy tức tận quán. Cho nên trong luận Niết-bàn Ngài Tăng Triệu chép: Pháp không có tướng hữu không, Thánh không có trí hữu không. Pháp không có tướng hữu không cho nên ở ngoài vô số, bậc Thánh không có trí hữu không nên ở trong vô tâm, ở ngoài vô số bên trong vô tâm không biết lấy gì nên gượng gọi là chánh quán! “Đó gọi là chỗ hành xứ của Bồ-tát” là tổng kết hành xứ.

“Thế nào gọi là v.v...”: kế giải Thích-cận xứ. Văn cũng có hai:

1) Nêu hữu cận xứ.

2) Nêu không cận xứ, cũng trước là hình cận xứ, kế là tâm cận xứ.

Xét lúc mới tu hành chọn nơi yên vắng để tĩnh thân, rồi sau tâm định vì gần ở lý.

Hỏi: Trong hành xứ cũng nói về không hữu có gì khác với ở đây hay không?

Đáp: Trước nói về không hữu là sâu, nay nói về không hữu là cạn, cho nên khi mới tu hành có hai quán không hữu có thể noi theo như thuận nhãn của Địa Tiền.

Hành sâu: Cùng có hai quán không, hữu tức đấng Địa trở lên vô sanh nhãn. Văn có hai:

1) Nói không nên gần gũi.

2) Nói nên gần gũi.

Không nên gần gũi gồm lìa xa mười duyên:

1) Không gần gũi vua chúa gọi là lìa duyên kiêu mạn.

2) Không gần gũi ngoại đạo là lìa duyên tà kiến, người mới tu hành chưa thể quán tà chánh bình đẳng vì thế, không nên gần. Chú giải kinh rằng: Trời đất nơi ngón tay chỉ muôn vật ở con ngựa chạy, cho nên không nên gần ngoại đạo. Lộ Già-da đà xưa gọi là ác giải. Nghịch lộ Già-da đà: Là ác luận. Chú giải kinh rằng: Lộ Già-da đà: ở Trung quốc là lễ nghi danh giáo của Nho mặc. Nghịch lộ-già-da-đà: Như sách, của

Lão Trang theo lệ bặt nhân bỏ thánh. Lại nói Lộ-già-da-đà dịch là thế gian hành. Kinh Chánh Pháp Hoa chép: Tán tựa ca âm. Nghịch Lộ-già-da-đà: Đây gọi là hạnh nghịch thế gian. Kinh Chánh Pháp Hoa chép: kết ngẫu tập tục.

3) Cũng không gần gũi những kẻ chơi hung hiểm...” Là lìa duyên tán loạn. Na la Hán dịch là lực. Chú giải kinh rằng: là Văn thân huyền thuật: Văn thân: Là họa vẽ thân, khiến loang lổ

4) “Cũng không gần gũi Chiên đà la...” là lìa duyên nghiệp ác. Chiên đà, Hán dịch Đấng sợ, cũng dịch là ác. La là họ thấp hèn.

5) Lại không gần gũi hạng người cầu Thanh văn...” Là duyên Tiểu thừa, mới hành Bồ-tát Đại thừa chiếu soi chưa tròn đầy sợ dễ nhiệm pháp Tiểu thừa nên khiến ý hình ngăn cách, hành và ở chỗ cùng. “Hoặc có lúc lại đến” thì tùy nghi nói pháp không có lòng mong cầu; nếu có cơ cảm liền vì họ nói pháp, không vì danh lợi không có lòng mong cầu.

6) “Lại Bồ-tát v.v....” Là duyên nhiễm ác: Dưới năm tuổi gọi là gái nhỏ, đến lúc hứa gả lấy chồng gọi là gái trinh, lại nói lập chí không lấy chồng gọi là gái trinh.

7) Lại chẳng gần năm hạng người bất nam: lìa duyên không có ý chí: luật tụng nêu năm pháp: a) sanh ra không khả năng nam. b) Nửa tháng không có khả năng nam. c) Ganh ghét không có khả năng nam. d) Tinh không có khả năng nam. e) Bệnh không có khả năng nam.

Lại nói trời phạt đều biến ra phân nửa. Thiên: Thiên tánh không khả năng. Hình là bị hình phạt. Đô: đều không có căn. Biến: Nữ biến thành nam cũng không có khả năng. Bán: Nửa tháng có thể nửa tháng không thể. Chú giải kinh rằng: a) Vô căn. b) Hai căn. c) Bất định căn. d) Hữu hạn căn. e) Ganh ghét không có khả năng nam.

8) “Chẳng một mình vào nhà người v.v...”: Là duyên chê bai.

9) “Nếu vì người nữ nói pháp v.v...”: Là duyên làm người khác sanh ái.

10) “Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa-di ít tuổi” Là duyên tự sanh nhiễm ái.

Hỏi: Vì sao không gần gũi mười duyên này ư?

Đáp: Người mới tu hành điên đảo mạnh quán hạnh yếu, bỗng gần gũi duyên phi đạo tiến thì không có công năng cứu giúp, thoái thì có lỗi ái lụy, như chút ít nước nóng đổ vào tảng băng, ngược lại còn giúp thêm đông đặc. Nếu được chánh quán hiện tiền tùy ý gần gũi như thông đạt phi đạo tức là Phật đạo.

Không thấy sự sản nghiệp thì không nhập quán Bát-nhã, luận Nhiếp Đại thừa chép: Bồ-tát có giới thậm thâm, tạo đủ các nghiệp năm nghịch mười ác thì tiến có công cứu giúp, thoái không có lỗi ái nhiễm.

Lại Bồ-tát có hai môn:

- 1) môn Thế giới.
- 2) môn Đệ nhất nghĩa.

Tất đàn thế giới tùy cõi nước phong tục chê bai tuy là hành sâu mà không được gần gũi. Đệ nhất nghĩa môn, không thấy cận và không cận bốn câu không hành. tuy có hai môn mà không hề có hai thích thời mà động. Thường ưa ngồi thiền v.v...: là nói về chỗ nên gần gũi.

Hỏi: Nhiếp tâm nên ở lại quán ban đầu vì sao ở cuối ư?

Đáp: Do xa lìa các duyên mới được nhiếp tâm do đó nên ở sau, lại xa lìa mười duyên gọi là giới Bồ-tát, thường ưa ngồi thiền gọi là định Bồ-tát, sau nêu quán không tức là trí tuệ.

“Lại nữa v.v...”: là nói về “Không” gần gũi xứ. Văn có hai:

- 1) Thực hành quán đệ nhất nghĩa.
- 2) Nói về thế đế quán.

Đầu có mười bảy câu, quán tất cả pháp Không là chẳng thấy có. Như thật tướng: Hiện bày Không quán là chân thật. Lại quán tất cả pháp đều như đều là thật tướng. Không điên đảo: chẳng chấp tướng không. Bất động: Không sanh động niệm. Bất thoái: hễ được thì không mất. Bất chuyển: Không bị duyên khác làm lay động. Như hư không: Rốt ráo thanh tịnh, không như Số luận của ngoại đạo chấp hư không. Không có tánh sở hữu: bốn tánh như. Tất cả đường ngôn ngữ đạo dứt: bốn câu chẳng thể giải thích. Không sanh không xuất không khởi: luận Trí Độ chép: Duyên một bên rốt ráo không thể đắc cho nên nói không sanh, nhân một bên không thể đắc gọi là không xuất, quả một bên không thể đắc gọi là không khởi. Lại giải không từ ngoài đến gọi là sanh, không từ trong ra gọi là không xuất, không từ trong ngoài mà hiệp có gọi là không khởi. Không danh không tướng: Ngoài không có danh nên gọi vô danh, trong không có tướng nên gọi là vô tướng, lại lìa mười tướng nên gọi vô tướng. “Thật không có gì”: Thật ghi chép không có gì, lại thật biên chép chẳng có chỗ không, cho đến thật biên chép không điên đảo năm câu. “Vô lượng vô biên vô chướng vô ngại”: Sáu căn không thể lường nên gọi là vô lượng, lại không rơi vào ba đời nên gọi vô lượng. Lại nói không có lượng, của không hữu nên gọi là vô lượng, biên không thể đắc gọi là vô biên lại không dứt các biên nên gọi là vô biên, tức hữu là không, tức không là hữu, không hữu chẳng hai nên

gọi là vô ngại. Pháp tánh tư như vậy lụy không năng chướng nên gọi là vô chướng. “Chỉ do nhân duyên mà có”: là nói về nhân duyên thế đế quán, trước nêu Chân-đế sau nói thế đế, chỉ bày thật tướng làm gốc, các pháp làm ngọn. Lại trên nói thường ưa ngồi thiền tu nhiếp tâm kia, thì từ hữu nhập không nay từ không xuất hữu. Kinh An lạc chép: Từ hữu nhập không gọi là quán đệ nhất nghĩa, từ không xuất hữu gọi là quán bình đẳng, nhờ hai quán này làm phương tiện đắc nhập quán Trung đạo đệ nhất nghĩa. “Từ điên đảo mà sanh cho nên nói thường lạc: ở trên nói hai đế không hữu tức hiển nghĩa chánh, câu này trình bày duyên mê. Do không biết nhân duyên có nên từ điên đảo sanh chấp có thường lạc, thường lạc thuộc câu trên.

Có người chép: Các pháp thật không có gì từ điên đảo sanh, nên thấy có như mắt bệnh thấy hoa đốm trong hư không. Ngài Quang Trạch chép: Do chấp tướng nhân sanh các pháp cho nên nói từ điên đảo sanh. Có người chép: Điên đảo tức giải thích thành nghĩa nhân duyên trên. Trên nói nhân duyên như kinh Đại Phẩm nói nhân duyên chúng sanh điên đảo cho nên có sáu đường.

Kệ văn chia nhân duyên làm hai:

1) Nêu cả hành xứ, cận xứ.

2) Giải thích hành xứ cận xứ. a) Một bài rưỡi nêu cả hai. b) “Thường xa lia vua chúa v.v...” là: Giải thích hai môn. Văn xuôi nêu hành xứ cận xứ, mỗi xứ có hai môn không hữu nay kệ chuyển thế nói pháp. Trước hợp giải thích hữu môn hành xứ cận xứ, kế hiệp giải thích không môn hành xứ cận xứ, muốn dùng không hữu hợp thành một loại. Trong giải thích hữu môn có hai: Trước giải thích, kế tổng kết. Căn cứ trong giải thích chỉ giải thích hữu cận xứ, không giải thích hữu hành xứ, gồm có hai nghĩa:

1) Muốn nói lên lia mười duyên ác đều được làm hành xứ cận xứ tiền phương tiện, lia mười thứ duyên ác đã dằm hành, cận phương tiện tức nói lên trước trụ nhữn nhục địa v.v... cũng chung được cùng hành xứ cận xứ làm phương tiện.

2) Vì muốn tóm lược chỉ nêu cận xứ hữu hành mà thôi!

Hỏi: Vì sao văn xuôi ở trước nói hành xứ, nay kệ trước nói cận xứ?

Đáp: Trong văn xuôi căn cứ nói theo thứ lớp, trước nói hành xứ sâu, kế biện cận xứ cạn, nay y tu hành thứ lớp trước nói cận xứ cạn, sau nói hành xứ sâu. Văn xuôi nói đủ mười duyên, văn kệ không thể phân biệt chỉ lược nên không có thứ mười sanh duyên tự nhiễm ái.

Nói Ba tạng gồm có ba thứ:

- 1) Ba tạng Tiểu thừa.
- 2) Đại thừa tự có ba tạng, như luận Nhiếp Đại thừa chép
- 3) Đại Tiểu hợp luận ba tạng, đó là tạng Thanh văn, tạng Duyên giác tạng Bồ-tát.

Có người chép: Hoa Nghiêm v.v... là Đại thừa tuệ tạng, kinh Quyết định Tỳ ni kinh là Đại thừa Tỳ ni tạng. Trì Địa luận v.v... là Đại thừa A-tỳ-đàm tạng. Nay nói trong kinh Đại thừa tự có ba tạng không nên dẫn luận. Nay nói ba tạng Tiểu thừa: Là muốn lựa phân hai thứ ba tạng còn lại. Tham mê năm món dục cầu hiện tại diệt độ: v.v... Tham đắm năm món dục gọi là người khởi ái, cầu hiện tại diệt độ là người khởi kiến, kiến có thân tâm lao lụy nên cầu mau diệt, đó gọi là hành xứ. Cận xứ: Tổng kết: Có người chép: Nên tổng kết cận xứ. “Lại nói và hành xứ”: đây là hành gần gũi. Sở dĩ nói và hành xứ là dùng hai xứ này. Có người chép: Chỉ nên nói dùng một xứ này mà nói hai xứ tức là hành xứ là thứ nhất, gần gũi xứ là thứ hai cho nên nói hai xứ! Nay nói không đúng, lìa trên mười duyên đặc chung hành xứ, cận xứ phương tiện cho nên gọi là hai xứ.

“Lại cũng chẳng hành theo”: Hợp là tụng hành xứ, cận xứ hai môn nghĩa Không. Văn cũng có hai:

- 1) Hai hàng rưỡi trước tụng Không hành xứ.
- 2) Năm hàng rưỡi sau tụng Không gần gũi xứ. Đầu một bài tụng trên nói không hành tức nói nghĩa pháp không. “Pháp thượng trung hạ này...” có người chép: ba tánh Thiện, ác, vô ký làm ba phẩm. Nay nói tức dùng Ba thừa là ba phẩm, lại trời người là hạ, Nhị thừa là trung, Đại thừa là thượng. “Hữu vi hay vô vi”: Hữu vi vô vi cả hai đều xả. “Thiệt và chẳng thiệt pháp”: Trên diệt giáo xưa, câu nay diệt giáo nay, dùng Ba thừa làm quyền, Nhất thừa làm thật, nay đều không hành. “Cũng chẳng phân biệt là nam hay nữ”: Nửa bài tụng trên cũng không phân biệt, kệ trên nói pháp không nay nói sanh không. “Cũng chẳng đặc các pháp cũng chẳng biết chẳng thấy”: Không đặc các pháp diệt mất cảnh, không thấy không biết diệt mất quán, hai nghĩa “Không” tròn đầy cảnh trí đều bật dứt rõ ràng lý đã cùng khắp. Nửa bài sau tổng kết Không hành xứ: “Tất cả các pháp này” là: Tụng về Không gần gũi xứ. Văn có ba: Một hàng rưỡi nói thể của Không gần gũi xứ. “Điên đảo mà phân biệt...”: hai hàng nói Không gần gũi xứ, tiền phương tiện quán. “Quán tất cả pháp v.v...” hai hàng nói từ phương tiện nhập nơi chánh quán. Ba môn thứ lớp: Trước chỉ thể quán, kế khiến tu tập, tu tập đã thành sau nói

về đặc quán. Lại ban đầu nói được, kế nói về mất, sau lại nêu được.

“Nếu có vị Tỳ-kheo v.v...”: bốn hàng rười tụng an vui tức hành quả. Văn chia làm ba:

- 1) Một hàng rười nêu an vui.
- 2) Hai hàng rười giải thích an vui.
- 3) Nửa hàng kết nghĩa an vui.

Hai hàng rười lại chia làm hai:

- 1) Một hàng nói về nhập định nghĩa là Thánh im lặng.
- 2) Một bài rười khởi định nói bậc Thánh nói pháp.

“Lại Văn-thù-sư-lợi...”: Kết hạnh an vui đầu. “Lại Văn-thù...”: là nói hạnh an vui thứ hai. Có người chép: Hạnh thứ hai lấy nói pháp làm thể, tức gọi nói pháp Hạnh an lạc, nhưng pháp là tánh âm thanh thuộc pháp nhập. Nay bất luận điều này chính là lấy tâm động miệng nói năng là thể của hạnh thứ hai. Có người nói hạnh thứ hai miệng không có bốn lỗi làm thể, nay nói về lấy không kiêu mạn làm thể, bởi trong lòng ôm ấp sự kiêu mạn tự đề cao bức hiếp người khác vì vậy nên nói người tốt xấu hay dở... Muốn mở mang đại đạo thì nên lià điều đó. Lại kiêu mạn là si sử Bồ-tát không nên khởi sanh; lại chúng sanh đều có nhất thừa đồng có Phật tánh đều sẽ thành Phật không nên kiêu mạn. Như Giới kinh chép: Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành, cũng như Bồ-tát Thường bất khinh không khinh tất cả chúng sanh, thực hiện nghĩa bất khinh này tức là mở rộng Nhất thừa. Văn chia làm ba:

- 1) Khuyên trú Hạnh an lạc.
- 2) Nêu thể của hạnh.
- 3) Nói về quả của hạnh.

“Nếu miệng giảng nói v.v...”: Là nêu thể của hạnh. Thể của hạnh có hai:

- 1) Văn xuôi.
- 2) Kệ tụng.

- Văn xuôi chia làm hai: Trước nêu lià lỗi làm thể của hạnh, kế nêu tu tập đức làm thể của hạnh. “Không ưa nói lỗi của người và của kinh điển”. Nếu nói lỗi của người, người nghe khởi sân không thọ đại đạo, lại nói lỗi người ắt là tâm khinh mạn thì tự sanh phiền não. Không nói lỗi của kinh: Như lai nói pháp cạn sâu tùy căn cơ, cuối cùng cũng trở về một đạo, không được chấp đại trách tiểu chấp tiểu trách đại như Kinh Bách Dụ chép: Có hai đệ tử đấm đánh hai chân tức là việc ấy. “Cũng chẳng khinh mạn các pháp sư khác”: Mở rộng Tiểu thừa tức gọi là các pháp sư khác, nên khởi tâm thương xót không nên khinh; lại yếu

kém hơn mình gọi là Pháp sư khác nên tha thứ, bỏ qua, cũng không nên khinh. “Đối với hàng Thanh văn cũng không nói lỗi xấu cũng không gọi tên khen ngợi việc tốt của người đó”: xưng riêng tên nói lỗi của người đó thì họ sanh tâm sân, còn nếu khen ngợi thì làm tăng thêm kiến chấp của người đó chỉ được dùng đại trách chung Tiểu mà thôi!

“Khéo tu như v.v....”: Tu tập đức làm thể của hạnh. “Chỉ dùng Đại thừa vì họ giải thích”: Hoặc như đáp nghĩa Tiểu thừa là phương tiện dẫn dụ giúp họ nhập đại. Cho nên Phẩm Dược Thảo chép: Thường vì Đại thừa mà làm nhân duyên. Kế tụng hai chương trên chia làm hai: Chỉ chuyển thể nói pháp lại theo gần tụng. Trước sáu hàng rưỡi tụng tu tập đức, kế năm hàng tụng lia lỗi. Đầu lại có ba phần:

- 1) Hai hàng rưỡi nêu tịnh trong ngoài vì nói pháp phương tiện.
- 2) Hai hàng chánh nêu bày phương thức nói pháp.
- 3) Hai hàng chỉ năng đáp nạn vấn.

Người mở rộng pháp duy chỉ có ba việc này nên trình bày đầy đủ. “Trừ tâm lười biếng trễ v.v...: Tụng trên lia lỗi; năm hàng có hai cặp: một hàng đầu răn bảo khiến chớ biếng trễ; kế một hàng rưỡi khuyên khiến siêng năng tinh tấn. Không chịu nói là lười biếng, thường đình chỉ là biếng trễ, lại không siêng năng đối với việc là lười biếng, không vững vàng đối với lý là biếng trễ; kế một bài là năng bảo người nói pháp chớ mong cầu ngoại tài; kế một bài rưỡi khuyên trong tâm nhớ pháp. “Sau khi ta diệt độ v.v...”: là nói quả an vui.

Văn chia làm ba:

- 1) Một hàng nói thể của hạnh trước.
- 2) Hai hàng nói quả lia khổ.
- 3) hai bài nêu đặc quả an vui.

“Lại Văn-thù Sư lợi...”: là nói hạnh thứ ba. Có người chép: Thứ ba gọi là hạnh lia lỗi, chấp tâm quyết định dứt ác là thể của hạnh. Có người chép: Do ý trừ ba độc là thể của hạnh. Nay lấy lia ganh ghét làm thể của hạnh. Trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi có hai: Nói thể của hạnh sau biện quả của hạnh.

Thể hạnh có hai:

- 1) Răn dạy.
- 2) Khuyên.

Răn dạy lại có hai:

- 1) Răn dạy đối với người không nên khởi lỗi.
- 2) Răn dạy khiến đối với pháp không nên khởi lỗi. Tật: Là ganh kia nhiều tài của Đố: Là ghét chánh báo của họ, che dấu tự tánh, tình tà

vay mà thuận thời nghi gọi là siểm (dua nịnh), vì đối người kia mà hiện ra tướng cung phụng gọi là cưỡng (dối). “Lại cũng không nên hý luận các pháp”: Răn dạy khiến đối với pháp lìa lỗi. “Trong tâm vô ký mà lại ngôn luận gọi là hý luận.

Trung luận chép: Hý luận có hai thứ:

- 1) Ái luận.
- 2) Kiến luận.

Nay lìa hai thứ này. Có chỗ cạnh tranh: Răn dạy khiến không nên nghiêng về chấp hữu. Văn kệ của Ngài Cầu-na-bạt-ma chép: Các luận đều khác với ngay thẳng tu hành lý không hai, thiên chấp có thị phi, người thông đạt thì không còn cạnh tranh. “Phải ở nơi tất cả chúng sanh..”: Khuyên khiến tu tập thiện. Không nói nhiều, chẳng nói ít: Nói nhiều thì khởi khinh nhàm, nói ít thì văn lý chưa đủ khiến kia tâm mê muội.

“Văn-thù Sư Lợi v.v....”: Là nói về quả hạnh:

- 1) Nói lìa đường ác.
- 2) “Được bạn đồng học tốt v.v...”: Nêu đắc quả thiện. “Kệ văn lại có hai: năm hàng tụng thể hạnh, một bài tụng quả hạnh. Trong năm hàng: Hai bài đầu tụng răn dạy khiến lìa ác, kế ba hàng tụng trên khuyên khiến tu tập thiện.

“Lại Văn-thù Sư Lợi v.v...”: Nêu hạnh từ bi, trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi có hai:

- 1) Nêu thể hạnh.
- 2) Biện quả hạnh.

Thể hạnh có hai: Trước nêu đối với người học Đại thừa nên khởi từ tâm, khiến cho kia chóng ngộ quả Phật, kế nói về đối người học Tiểu thừa nên khởi đại tâm bi muốn bạt dứt mê chấp Tiểu thừa cho họ khởi mau lìa khổ. “Phải nghĩ thế này v.v...”: Nêu việc đáng thương xót. “Chẳng nghe chẳng biết chẳng hay...”: Chấp Tiểu thừa cho là rất ráo. Ban đầu không hề nghe Tiểu thừa là phương tiện, chẳng những không nghe, ý cũng không biết Tiểu thừa là quyền nói, chẳng những không biết cũng đều không hay. Lại nói không nghe là không có Đại thừa Văn tuệ không biết là không Tư tuệ, không hay là không Tu tuệ. “Chẳng hỏi chẳng tin chẳng hiểu”: Chẳng những chấp tiểu không nghe đối với đại, trú nơi tăng thượng mạn cũng không hỏi han một người học Đại thừa cầu quyền thật, người học Đại thừa dù là người nói cũng không tin nhận, chẳng những không thọ Tiểu thừa đã sâu thẳm mà căn lại còn độn cho nên không thể giải ngộ.

“Văn-thù Sư Lợi...”: Nêu quả hạnh, cũng chia làm hai: Trước nêu lia cõi ác. Kế “Thường được hàng Tỳ-kheo” v.v... là nói đắc quả thiện, đối trên hai hạnh từ bi cho nên có hai quả đắc ly trong đắc quả trước nói về nhân ái, kế “hư không chư thiên”...: là nói chư Thiên ủng hộ.

Hỏi: Trên trời tự có kinh điển, vì sao lại xuống nhân gian nghe pháp ư:

Đáp: luận Trí Độ chép: Đức Phật không nói ở cõi trời có kinh điển, dù cho có cũng chỉ ở Đạo-lợi, Đâu-suất, chư thiên đến vì người có ba việc hơn trời:

- 1) Năng dứt dục.
- 2) Tri thức mạnh.
- 3) Tinh tấn.

Trời có hai việc thua người:

- 1) Dục thiên đấm năm dục.
- 2) Sắc Vô sắc thiên đấm thiên vị không sánh bằng người nên đến nhân gian nghe pháp. Lại Bồ-tát chư thiên muốn mở rộng pháp lợi ích cho người cho nên xuống nhân gian nghe pháp. Lại muốn trục xuất các ác quỷ để tăng ích hai lực thân tâm cho Pháp Sư vì vậy nên đến.

“Vì sao?” là đoạn lớn thứ hai, kế khen ngợi giáo. Sở dĩ khen ngợi gồm có ba nghĩa:

- 1) bốn hạnh do kinh mà thành cho nên cần phải khen ngợi.
- 2) Trên nêu hạnh mở rộng kinh, nay khen ngợi kinh sở mở rộng, nhưng đức Như lai ở đời khéo biết rõ căn cơ chúng sanh nên có lúc nói hay im lặng. Người mở rộng kinh cũng phải biết thời mà động, không được vì nghe kinh phước nhiều gặp người liền nói.

3) Nói kế gần văn trên giải thích thành nghĩa: người ưa thích, trời ủng hộ, Kinh này đã được Chư Phật ba đời giữ gìn ưa nhớ.

Trời người ủng hộ đâu đủ để xưng gọi ư! Văn có ba:

- 1) Cùng nêu hai nói.
- 2) Cùng nêu hai dụ.
- 3) Cùng kết.

Cùng nêu hai: Ban đầu nói về Chư Phật ba đời ủng hộ. “Văn-thù v.v...”: là khen ngợi giáo lý mâu nhiệm sâu xa. Ở trong vô lượng cõi cho đến danh tự còn chẳng được nghe.

- 1) Trong cõi Tiểu thừa không nghe.
- 2) Trong cõi vô duyên không được nghe.
- 3) Không tạo tướng (văn) nghe, không tạo tướng câu, không có tướng người nghe, nghe như vậy trong vô lượng cõi rất khó đắc. “Thí

như vua có sức mạnh v.v...”: Nêu hai dụ, chia làm hai riêng. Trước thí dụ xưa chưa được nghe Pháp Hoa, kế dụ nói nay mới được nghe, đều là trước thí dụ, sau hiệp. Vua Chuyển luân dụ cho Phật, Tiểu vương dụ cho bốn ma. “Đem các đạo binh”: là nói tùy căn cơ lập ra giáo khiến vật tu hành hàng phục bốn ma. “Đánh giặc có công...”: là nói về Phật thấy chúng sanh tu hành dứt hoặc gọi là có công xứng căn cơ trao pháp. “Tùy công mà ban thưởng v.v...”: Tùy chỗ tu hành dứt hoặc nhiều ít được các công đức, Trí đoạn là ruộng thiền định là nhà, Niết-bàn hữu dư là làng xóm, Niết-bàn vô dư là thành ấp, tầm quý là y phục, đạo phẩm là châu báu, voi ngựa tôi tớ dụ cho thần thông. Chỉ riêng trên đỉnh búi tóc vua có một viên ngọc này”: Chỉ Phật và Phật mới cùng tận diệu Pháp Nhất thừa. “Các quyến thuộc vua v.v...”: Nghĩa là mười phương Phật và các đại Bồ-tát kinh lạ đức Thích-ca dùng biển lớn Nhất thừa rót vào vũng nước chân trâu của người Nhị thừa, vì chưa có đại căn cơ mà trao truyền đại pháp, theo lý không nên cho, nên gọi là kinh lạ. Hiệp dụ như văn.

“Văn-thù Sư Lợi! Như vua Chuyển luân v.v...” Vì giáo này làm dụ. Công lớn: Đại chương sắp ngã đại căn cơ sắp động nên vì họ nói Nhất thừa. Luận Pháp Hoa chép: Người thật có công nghe nói Đại thừa mà chấp chẳng phải Đại thừa, đảo chấp như vậy là vì đối trị cho nên nói đem viên ngọc trong búi tóc cho đó. Mười thứ trong vô thượng chép: Muốn thị hiện nói vô thượng nên nói rõ dụ cỡi viên ngọc trong búi tóc.

“Văn Thù Sư Lợi v.v...” là cùng kết chia làm hai: Trước tổng kết giáo lý mâu nhiệm sâu xa. Kế “Văn-thù Sư Lợi v.v...” tổng kết Chư Phật ủng hộ.

Kệ có hai:

1) bốn hàng tụng nói về thể của hạnh.

2) Mười hàng rưỡi tụng khen ngợi giáo, không tụng quả hạnh mà để ở đoạn lớn sau tụng. Trong tụng khen ngợi giáo có chín hàng tụng thí dụ, một bài rưỡi tụng kết cả hai, lược không tụng hai khen ngợi. Trên hai thí dụ hiệp, nay tổng làm một thí dụ một hiệp có ba hàng tụng thí dụ đầu, một bài tụng thí dụ sau ba hàng rưỡi tụng hợp thí dụ đầu, một bài rưỡi tụng hợp thí dụ sau. “Kinh này là trên hết v.v...” một bài rưỡi tụng hai kết ở trên: nửa hàng tụng khen ngợi giáo lý mâu nhiệm sâu xa, một bài tụng kết Chư Phật ủng hộ.

“Sau khi ta diệt độ v.v...” là đoạn lớn thứ ba: một bài rưỡi khuyên tu bốn hạnh. “Mà nói gần gũi bốn pháp”: Là chưa thể hành bốn pháp thì nên gần gũi. “Người đọc tụng kinh này v.v...” là đoạn lớn thứ tư, giải thích rộng an vui thân cận mà có văn khuyên tu này. Văn có ba:

- 1) nêu trong tỉnh giác được lợi ích.
- 2) nêu trong mộng được lợi ích.
- 3) Tổng kết khen ngợi.

Hỏi: Hiện thấy người đọc tụng Pháp Hoa lo buồn tật bệnh vì sao nói người đọc kinh này thường không buồn nào ư?

Đáp: Chúng sanh có năm hạng:

- 1) Định báo nghiệp.
- 2) Bất định báo nghiệp, bất định có thể chuyển, định không thể chuyển.
- 3) Chuyển nặng thành nhẹ, cho nên người đọc kinh nhiều tai họa lỗi lầm.
- 4) Không đúng như lời dạy mà tu hành cho nên bệnh không trừ như không theo phương thuốc.
- 5) Chúng sanh có tội trong vô lượng kiếp dần dần được giảm nhẹ.

Hỏi: Vì sao nói người đọc kinh này thường không lo buồn?

Đáp: Kinh này chia hai quyền hai thật phù hợp tâm Phật nên được Phật giáo hóa và người ba căn lãnh giải đều rất vui mừng, nên người đọc thường không lo sầu.

“Lại không bị bệnh đau v.v...” Trước khen ngợi năng trừ tâm bệnh, nay khen ngợi năng trừ thân bệnh. Phẩm Dược Vương chép: Kinh này là thuốc hay cho người bệnh ở cõi Diêm-phù-đề. Vì sao vậy: Vì kinh này từ đầu đến cuối phá ba thứ bệnh:

- 1) Phàm phu.
- 2) Tiểu thừa.
- 3) Bồ-tát.

Thế nên người đọc tụng kinh này thì không bị bệnh đau. “Nhan sắc được trắng sạch”: Trên khen ngợi lợi ích của việc xa lìa nay khen ngợi lợi ích của việc được. “Chẳng sanh nhà nghèo cùng”: Trên khen ngợi hiện báo được lợi ích, nay khen ngợi sanh báo được lợi ích. Do Nhất thừa đầy đủ muôn đức cho nên người đọc không sanh nghèo cùng do Nhất thừa tôn quý tốt cùng nên người đọc không sanh thấp hèn. Lý Nhất thừa ngay thẳng nên người đọc hình thể không xấu xa. “Chúng sanh thường ưa thấy...” ở trên nói lìa quả nay nói được quả. “Dao gậy chẳng đến được v.v...” Trước lìa ác bên trong nay lìa ác bên ngoài. “Đạo đi không sợ sệt...”: Trên lìa ác bên trong có lý có đức nay ngoài lợi ích cũng có đức lý, trước nêu quả lìa nay nêu quả đắc. “Nếu ở trong chiêm bao v.v...”: Nói về trong mộng được lợi ích, so với trước, đây là

hậu báo lợi ích. Phàm có năm giấc chiêm bao:

- 1) Một bài rưỡi mộng thấy Phật vì chúng nói pháp.
- 2) Một hàng rưỡi thấy thân mình vì chúng nói pháp.
- 3) Sáu hàng rưỡi mộng nghe pháp được thọ ký.
- 4) Một hàng rưỡi mộng thấy tu Đạo Bồ-tát.
- 5) Năm hàng mộng thấy thành Phật.

Mộng trước là trong nhân được lợi ích dùng bốn phen nói kệ tụng, mộng sau thành Phật là đắc quả đại sự, dùng năm phen nói kệ tụng. Năm giấc mộng này từ cạn đến sâu có thứ lớp: Đầu nêu hành cạn nên chỉ thấy Phật nói pháp, kế giải dần sâu thấy vì người khác nói pháp, kế thấy được thọ ký, kế thấy tu hành, kế thành quả Phật. Luận Trí Độ nói có năm mộng:

- 1) Khí nóng nhiều nên mộng.
 - 2) Khí lạnh nhiều nên mộng.
 - 3) Khí phong nhiều nên mộng.
 - 4) Thấy nghe nhiều nên mộng.
 - 5) Trời thần cho (báo) mộng, nay là thứ năm.
- Luật Tăng Kỳ nói về năm mộng.
- 1) Thật mộng.
 - 2) Không thật mộng.
 - 3) Mộng không rõ ràng.
 - 4) Mộng trong mộng.
 - 5) Trước tưởng sau mộng, nay là thật mộng.
- Sau cùng một bài kệ tổng kết như văn.

PHẨM TÙNG ĐỊA DỨNG XUẤT THỨ MƯỜI LĂM

Sở dĩ có phẩm này là do từ phẩm Hiện Bảo Tháp đến An Lạc Hạnh. Bốn phẩm nói thành trước khai sau, ba phẩm dưới đây chính nói về khai sau, nghĩa là nói thân quyền, thân thật. Phẩm này và phẩm Hiện Bảo Tháp đồng từ đất hiện lên, đều hiển bày Pháp thân Như lai, nhưng Phẩm Hiện Bảo Tháp dùng năng hóa hiển năng hóa, Phẩm Dũng Xuất dùng sở hóa hiển năng hóa. Năng hóa hiển năng hóa: là nói Đa Bảo thật bất diệt mà phương tiện thị hiện diệt để nói lên pháp thân Thích-ca vô sanh diệt, ứng thân có sanh diệt đều nhóm họp phân thân nói về Phật cõi tịnh là ứng chẳng phải chân, để hiển bày Thích-ca là Tịch mà chẳng phải bốn nên gọi năng hóa để nói lên năng hóa. Nay nêu sở hóa nói lên năng hóa: Bồ-tát dũng xuất đã nhiều tức hiển rõ đức Thích-ca thành Phật đã lâu xa, nên gọi sở hóa hiển bày năng hóa.

Hỏi: Vì sao nói lên thành Phật lâu ư?

Đáp: Thứ nhất: Chân thân và ứng thân phải đủ hai nghĩa:

- 1) Pháp thân vô sanh diệt, ứng thân có sanh diệt.
- 2) Pháp thân chỉ một, ứng thân rất nhiều.

Phẩm trên đã nói lên hai nghĩa này, nhưng chưa biết đức Thích-ca là gần chứng pháp thân hay phải lâu chứng còn chưa nói về một nghĩa này, cho nên dũng xuất chúng nhiều nói lên đức Thích-ca chứng pháp thân đã lâu xa, đủ ba nghĩa này mới tròn đầy. Thứ hai là thế gian chúng sanh gồm có hai nghĩa: Thân và mạng. Thân thì sanh diệt, mạng có đầu cuối, phàm phu đã vậy Nhị thừa cũng.

Bậc chí nhân vượt ngoài bốn trường hợp, nêu ra biểu bách phi chỉ vì trong vô danh tướng vì chúng sanh nên mượn danh tướng nói và là để nói thân cùng mạng. Phẩm trên nói về bốn một tích nhiều, chân thường ứng vô thường tức là nói pháp thân, phẩm này trở đi nói về tuổi thọ Phật. Thân thì không sanh diệt tùy duyên sanh diệt, tuổi thọ thì vô tử vô chung mà phương tiện có tử chung, nói hai môn này thì quả đức rất ráo. Cho nên trong luận Niết-bàn ngài Tăng Triệu chép: Sáu đường không gồm nhiếp sự sanh kia, sức gánh vác không vì sự hóa đi thể đó, đây nói về thân vô sanh diệt; theo không thấy dấu cuối, đón chẳng gặp đầu gọi là tuổi thọ vô tử chung. Bậc bỏ thân mạng phàm phu đã như vậy phá chấp nghĩa nhị thừa cũng vậy.

Lại có Phẩm này: Do phẩm trên nói về Đa Bảo phân thân đều có ba nghĩa như trước đã nói, nay ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi từ đất vọt lên là muốn truyền bá kinh này, vì sao biết như vậy? Vì Phẩm Bảo

Tháp nói về Phật sai trì kinh, nay Bồ-tát ở phương dưới ứng lệnh mà xuất hiện muốn mở rộng kinh. Cho nên kệ Di-lặc nói về Bồ-tát Dũng xuất chép: vì cúng dường Phật và hộ trì kinh này; cho đến phẩm Thần lực ban đầu Bồ-tát Dũng xuất phát thệ mở rộng kinh tức kia chứng minh.

Lại có phẩm này là vì sắp nói tuổi thọ sợ chúng sinh không tin nhận nên trước nói đại chúng nhóm họp chứng minh sau nói không hư dối. Lại trong hội thấy nhiều Bồ-tát từ đất vọt lên sanh tâm ít có thêm lớn phước tuệ cho nên có phẩm này. Lại có phẩm này: là nói lên kinh Pháp Hoa có mười thứ bất tư nghì tức mười thứ diệu nghĩa. Trên đã nói về hóa chủ, cõi nước bất tư nghì rồi, nay kế nêu đề chúng bất tư nghì. Nói phẩm Dũng xuất gồm có ba nghĩa:

1) Từ sự đặt tên, một ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi từ đất vọt lên nên lấy đó gọi tên phẩm.

2) Gọi giáo xưa là đất, nghĩa là xưa nói cung vua là thật sanh, ở Song lâm là thật diệt tức dùng giáo có thể có chung như đất che lấp Phật vô thể vô chung, nay phước bỏ giáo thể nói chung lên Phật tuổi thọ vô thể chung như đất nứt ra vọt lên.

3) Đức Như lai Thọ Lượng lâu dài xưa vì chúng sanh bị phiền não tâm địa che lấp nên không được nói, nay phiền não tâm địa sắp nghiêng đổ nên được nói Như lai Thọ Lượng lâu dài, nhân danh nói nghĩa nên dùng để gọi tên phẩm.

Hỏi: Có người chép: Trước bỏ ba bày một để nói về nhân, việc này rồi, nay nói bỏ gần bày xa để nói về quả là việc như thế nào?

Đáp: ở trên đã nói rồi nay sẽ nói lược. Bỏ ba bày một, khai hai thứ ba hiển hai thứ nhất. Khai hai thứ ba: Nêu xưa ba nhân ba quả đều là phương tiện. Hiển hai thứ nhất: Hiển nay một nhân một quả đều là chân thật. Nếu vậy không được nói bỏ ba bày một để nói về nhân! Lại trước chính bác bỏ quả Nhị thừa chẳng rốt ráo, khen ngợi quả Phật là rốt ráo thì đó chính là nói về nghĩa quả không nên gọi là biện nhân. Lại xét rằng muốn giải thích kinh nên xem xét đề kia, đề xưng Diệu Pháp thì lấy quả làm diệu, nhân hạnh chưa tột cùng thì chẳng phải diệu, nên cần phải chánh là nói quả không được nói về nhân.

Hỏi: Trên đã nói về quả Phật là diệu vì sao gọi là nhân ư?

Đáp: Hiển Phật thừa rốt ráo là quả tức nói lên Nhị thừa chẳng rốt ráo nên thuộc về nhân. Nhị thừa đã là nhân, trời người cũng xa thuộc về nhân, cho nên năm thừa nói trên biện Phật thừa là quả, nhiếp bốn thừa còn lại đều là nhân, do đây văn lý rõ ràng như.

Căn cứ ba phẩm này cũng chia làm bốn chương:

- 1) Nói về tựa nói.
- 2) Lược khai thân quyền thân thật động chấp sanh nghi.
- 3) Chấp động sanh nghi bày tỏ nghi đến xin.
- 4) Rộng chia ra thân quyền, thân thật, dứt nghi sanh tín.

Phần đầu kinh cách đại tựa gần nên không có tiểu tựa, cách đại truyền bá xa cho nên có tiểu truyền bá, phần sau kinh cách đại tựa xa nên có tiểu tựa, cách đại truyền bá gần nên không có tiểu lưu thông.

Căn cứ trong phần tựa lại chia ba phần:

- 1) Tựa khai phát.
- 2) Tựa nghi vấn.
- 3) Tựa răn dạy và chấp thuận.

- *Tựa khai phát*: Nhân hiện lên Bồ-tát số nhiều mà khai phát nghĩa đức Thích-ca Thành Phật đã lâu.

- *Tựa nghi vấn*: Chưa hiểu ý Bồ-tát hiện ra cho nên hỏi Phật. Tuổi thọ đã là đại sự chúng sinh sanh nghi nên trước phải răn dạy lắng nghe sau mới cho nói. Phần tựa đầu lại có hai:

- 1) Duyên do xa.
- 2) Duyên do gần.

Duyên do xa: Nhân Bồ-tát phương khác phát thệ mở rộng kinh nên được nói lên Bồ-tát dưới đất hiện lên được khai tuổi thọ lâu dài của đức Thích-ca. Cho nên, lấy Bồ-tát phương khác làm lý do xa chính là nói các Bồ-tát dưới đất hiện ra làm lý do gần. Trong phần duyên xa có hai:

- 1) Bồ-tát phương khác xin.
- 2) Đức Phật ngăn thỉnh.

Trước nói Bồ-tát phương khác xin muốn truyền bá kinh, từ trên phẩm Thập bát sai người trì kinh nên các Bồ-tát vâng lệnh muốn trì, mà đến phẩm này mới phát ra lời nói là muốn hiển rõ ba vị Thánh cùng khai tuổi thọ.

- 1) Do Đức Thích-ca sai người trì kinh.
- 2) Các Bồ-tát đợi đến phẩm này mới vâng lệnh xin trì.

3) Đức Thích-ca ngăn thỉnh cho nên vẫn còn có Bồ-tát từ đất hiện lên để mở bày nghĩa tuổi thọ. Vì thế, phần đầu kinh có đức Thích-ca hiện điềm lành đức Di-lặc sanh nghi: Văn-thù đáp vấn, ba vị Thánh cùng khai thừa quyền, thừa thật, nay cũng ba bậc Thánh cùng khai phát thân quyền, thân thật.

“Lúc đó, Đức Phật bảo đại chúng v.v...” là nói ngăn thỉnh. Trên vâng lệnh trì kinh nay nói không cần trì, hai lời nói dường như trái ngược

mà thật là phù hợp. Do Phật sai trì các Bồ-tát xin trì, cho nên được ngăn thính để thuận tiện nói lên Bồ-tát dưới đất hiện lên khai nghĩa tuổi thọ của Phật, đây chính là trước sau nương nhau mà thành chẳng chống trái nhau. Do đó, vẫn trước sai trì nên được mở rộng kinh, vẫn sau ngưng trì cho nên khai tuổi thọ lâu dài đó gọi là mở rộng kinh. Đức Phật ngăn thính gồm có hai câu:

1) Ngăn thính của phương khác.

2) Vì sao? Vì cõi này tự có Bồ-tát để giải thích vì sao dừng xin, phương khác chẳng phải đức Thích-ca hóa nên không được nói lên tuổi thọ của đức Thích-ca vì cho nên ngăn thính. Bồ-tát cõi này đức Thích-ca sở hóa nên được nói lên tuổi thọ của đức Thích-ca vì vậy nói để giải thích. Văn trên nói Bồ-tát ở phương khác là ý do này. Mà nói sáu muôn: Nói Bồ-tát sở hóa tự siêu vượt trong sáu đường, được nói lên đức Thích-ca thành Phật lâu xa. Quyển thuộc Bồ-tát có sáu muôn: là ní về sở hóa quyển thuộc cũng siêu vượt trong sáu đường nay đều thành tựu, đều được hiển Như lai thành Phật đã lâu.

Hỏi: Bồ-tát từ đất hiện lên vì khai tuổi thọ, vì sao nói hộ trì đọc tụng nói rộng kinh này ư?

Đáp: Khai hiển tuổi thọ tức là nói rộng kinh này. Lại có Bồ-tát đến có hai việc trước sau. Trước khai nghĩa tuổi thọ, sau truyền bá kinh này. Cho nên, Dũng xuất nêu sơ khai, Thần lực nói cuối cùng bảo hộ.

“Lúc Phật nói lời đó v.v...” Nêu lý do gần. Văn có hai chương:

1) Nói chung các Bồ-tát hiện lên.

2) Nói riêng bốn đại sĩ hỏi thăm.

Sở dĩ có hai chương này, vì trước hiện lên khai nghĩa tuổi thọ năng hóa tức là giáo môn. Bốn đại sĩ hỏi thăm nói về chúng sanh để độ gọi là sở hóa tín nhận, tức từ lâu đã thành Phật chúng sanh từ lâu đã tín nhận, hai loại này là duyên giáo cảm ứng nên phân hai chương. Chương đầu có mười ý đồng hiển nghĩa thành Phật đã lâu:

1) Nói thời gian hiện lên từ đất: Tức nói thời xưa chẳng nói tuổi thọ nay chính là thời kia.

2) “Thế giới Ta bà...”: Nói nơi hiện ra: Xưa dùng giáo gần che giáo xa như đất che Bồ-tát, nay phế bỏ gần, hiển xa dụ đất nứt mà hiện, chỉ đất cõi Ta bà nứt không nói các cõi khác nứt có hai nghĩa:

a) Muốn hiển rõ xưa giáo môn ở cõi Ta bà dùng gần che xa, nay phế bỏ giáo xưa ở Ta bà nên từ đất này vọt lên.

b) Muốn dùng Thích-ca sở hóa được nói lên tuổi thọ cho nên lại nói về cõi nước của đức Thích-ca.

3) “Mà ở trong đó...”: là nói người hiện ra: Chính là dùng sở hóa được khai hiển năng hóa cho nên nói về người từ đất vọt lên.

Hỏi: Phẩm Thập bát úy vì sao năng hóa hiển năng hóa, nay dùng sở hóa hiển năng hóa ư?

Đáp: Phẩm Thập bát úy nói về Phật quá khứ đã phương tiện thị hiện diệt mà thật không diệt, nên biết đức Thích-ca cũng vậy, hiện tại phân thân Phật chẳng phải Phật thật thì biết đức Thích-ca cũng. Cho nên, năng hóa hiển năng hóa, nay dùng Bồ-tát số nhiều và điều đã thành tựu thì biết đức Thích-ca thành Phật đã lâu.

4) “Các vị Bồ-tát đó v.v...”: Khen ngợi đức của Bồ-tát: Nói về sở hóa đức cao, nói lên năng hóa thành Phật ắt lâu.

5) “Trước đâu đều ở cõi Ta bà v.v...”: Nêu xuất Bồ-tát: Xưa do giáo sanh diệt ngăn che pháp thân hư không vô sanh diệt của Phật nên nói đều ở dưới cõi Ta bà, trú giữa hư không. Nếu không giải thích như thế văn các đại sĩ phân thân ở sáu đường mở rộng đạo lợi người, do đâu mà ở dưới cõi Ta bà này trú ở hư không, cho nên biết phải có chỗ tiêu biểu.

6) “Các vị Bồ-tát đó...”: Nêu ý của Bồ-tát đến: Nghe phẩm Thập bát úy sai người trì kinh cho nên đến, muốn khai hiển tuổi thọ và truyền bá kinh này.

7) “Mỗi vị Bồ-tát v.v...”: là nêu số Bồ-tát. sở dĩ là nêu số nhiều ấy, bởi sở hóa số nhiều nói lên việc thành Phật đã lâu. Như thấy học sĩ tích đức số nhiều, thì biết Pháp Sư giảng nói nghĩa đã lâu. Trong đây nêu số đều từ ít đến nhiều, nhưng ban đầu dẫn chủ ít mà quyển thuộc nhiều, sau dẫn chủ nhiều quyển thuộc ít. Thí như lãnh sáu muôn người đến chỉ có một thầy, lãnh năm muôn đệ tử đến thì có hai thầy như vậy chuyển gấp bội.

8) “Các vị Bồ-tát đó...”: Nêu kế nghi thức của các Bồ-tát ấy. Đến chỗ Đức Phật Thích-ca Đa bảo: Là muốn nói lên đức Thích-ca đã lâu chứng pháp thân vô sanh diệt, ứng thân có sanh diệt. Đến chỗ phân thân Phật: là muốn nói lên đức Thích-ca đã lâu đắc bốn một tích nhiều. Phẩm Thập bát úy nói về Chư Phật đến để nói lên pháp thân, nay biện Bồ-tát từ đất vọt lên muốn hiển rõ tuổi thọ cho nên đến chỗ hai Đức Phật.

9) “Từ lúc các vị Bồ-tát...”: Nêu thời gian hỏi thăm: Sở dĩ nói về thời gian lâu xa là muốn nói lên Bồ-tát số nhiều, do Bồ-tát số nhiều cho nên được nói lên Phật thành đạo đã lâu.

10) “Lúc bấy giờ hàng bốn chúng v.v...”: Nói về đại chúng đều thấy: Sức Đại chúng không thể thấy hết nay nhờ uy thần của Phật cho

nên có thể thấy, nêu đại chúng được thấy tiêu biểu nhờ Phật nói thân quyền thật mới được lãnh ngộ.

“Trong chúng Bồ-tát...”: là nói riêng bốn vị Bồ-tát hỏi thăm. Chia làm bốn phần:

- 1) Các Bồ-tát hỏi thăm.
- 2) Đức Phật đáp.
- 3) Tùy hỷ.
- 4) Khen ngợi.

Phần một lại có bốn:

1) Nêu danh: Ở ngoài không hữu nên gọi Thượng hạnh. Vượt qua biên tế đoạn thường gọi là Vô Biên hạnh. Vượt ngoài cấu lụy gọi là Tịnh hạnh. Đạo đầy đủ gọi là An, trí tròn đầy gọi là Lập gọi chung là Hạnh An Lập.

2) “Bốn vị Bồ-tát này v.v...”: Là khen ngợi đức: Bồ-tát hiện lên gồm có ba phẩm: Thượng phẩm có bốn người, trung phẩm có sáu muôn, hạ phẩm có vô lượng ngàn muôn ức số.

3) “Ở trước Đại chúng...”: Là nghi thức hỏi thăm, đầu tiên ngăn thỉnh giữa nói thầy và trò đều có sáu muôn.

4) “Mà hỏi thăm rằng...” Chánh thức hỏi thăm. Trước Văn xuôi kể kệ tụng.

Trường thành có hai: Hỏi thăm năng hóa, kể “chỗ đáng độ”...: là hỏi thăm sở hóa. Ít bệnh ít não gồm có ba ý:

- 1) Vô bệnh vô não.
- 2) Nhiều bệnh nhiều não.
- 3) ít bệnh ít não.

Trong ba câu chỉ được một câu. Sở dĩ không được vô bệnh vô não, vì chúng sanh chưa tránh khỏi tật bệnh thì Đức Phật đâu thể vô bệnh vô não? Không được nhiều bệnh nhiều não: nếu chúng sanh đều không từ Nhất thừa hóa độ thì có thể nói là bệnh não nhiều đó. Lại có thọ hóa nên không được nói nhiều chỉ được hỏi ít bệnh ít não.

Hỏi: Ít bệnh ít não có gì sai khác?

Đáp: luận Trí độ chép: Tùy pháp thế tục có hai cách hỏi thăm:

1) Hỏi thăm tâm là ít não.

2) Hỏi thăm thân là ít bệnh. Nếu căn cứ sở hóa giải thực chúng sanh không có cấu kiết sử nên Như lai ít bệnh, chúng sanh thoát nạn lo nguy khổ thì Như lai an vui.

“Lúc bấy giờ đức Thế tôn” v.v... Là kể đáp hai câu hỏi: Trước đáp câu đầu hỏi năng hóa, sau “các chúng sanh ấy v.v...” Là đáp câu hỏi sở

hóa. Văn chia làm hai: đầu nêu Bồ-tát trực vãng để có thể hóa độ. Vừa mới thấy thân ta nghe ta nói pháp:” Tức hội Hoa Nghiêm các Bồ-tát v.v... nghe nói Hoa Nghiêm liền nhập tuệ Phật. “Trừ người trước đã tu tập học hạnh Tiểu thừa”: là nói về người hồi tiểu nhập đại, đại căn cơ chưa thuần thực từ hội Hoa Nghiêm xong đến trước hội Linh thứu chưa đặc hiển giáo Đại thừa cho nên lược trừ. “Người như vậy” v.v...: Nói về Bồ-tát hồi tiểu nhập đại, đại căn cơ đã thuần thực nay hóa đặc cho nên nói dễ độ, cũng gọi là nhập tuệ Phật cho nên biết Pháp Hoa tức là Hoa Nghiêm, không nên nói Hoa Nghiêm lý sâu Pháp Hoa nghĩa cạn. Nhưng người thẳng đến ban đầu thấy thân Phật liền được lãnh ngộ cho nên Đức Phật không mệt nhọc, người hồi tiểu trải qua hơn bốn mươi năm mới được nhập đạo nên có mệt nhọc, nhưng nay chọn từ đầu đến cuối đều được ngộ nhập đạo gọi chung là dễ hóa không mệt nhọc. Lại chép: mới thấy thân ta thì thấy đức Thích-ca quá khứ lâu xa đã thành Phật tức chỉ Bồ-tát từ dưới đất vọt lên. Đây là nêu bắt đầu từ quá khứ? Nói về người hồi tiểu nhập đại cũng nhập tuệ Phật, tức biện cuối đời nay, duyên từ đầu đến cuối thấy đều được ngộ cho nên nói chúng sanh dễ ngộ. “Bây giờ các vị đại sĩ” v.v...: là nói tùy hỷ: Do năng hóa hai quyền hai thật đã nói lên hai châu ứng sở hóa trực vãng và hồi tiểu đều ngộ, đây tức là hoài bảo của đại sĩ cho nên thuận theo mà vui mừng. “Lúc đó đức Thế tôn” v.v...: là nói xưng tán. Muốn nói lên người không ganh ghét được Phật khen ngợi.

“Bấy giờ ngài Di-lặc” v.v...: là đoạn lớn tựa nghi hỏi chia làm hai phần:

- 1) Di-lặc hỏi Thích-ca.
- 2) Phân thân làm thị giả hỏi Chư Phật.

Phần đầu lại làm hai:

- 1) Hoài nghi.
- 2) Nêu hỏi.

Hoài nghi như văn. “Lúc ấy Di-lặc” v.v...: Là nêu hỏi. Văn xuôi trình bày ý muốn hỏi. Văn kệ là chánh hỏi, chia làm ba:

- 1) Một hàng nêu xin.
- 2) Mười ba hàng chánh hỏi.
- 3) Năm hàng rưới kết xin.

Trong chánh hỏi gồm năm việc hỏi chia làm hai phần: Hai hàng đầu có hai nghi vấn. Kế “là từ chốn nào đến”: Chánh hỏi có hai:

- 1) Hỏi nơi đến.
- 2) Hỏi thầy trò.

Đầu có hai:

- 1) Trước hỏi từ đâu đến.
- 2) Do nhân duyên gì nhóm.

Hỏi ý đến. “Thân lớn đại thân thông” v.v...: Khen ngợi đức Bồ-tát, thành hai việc hỏi trên. “Mỗi mỗi hàng Bồ-tát”...: Có ba việc hỏi: hỏi về thầy trò, văn chia làm hai: chín hàng đầu nêu số Bồ-tát nhiều, kế hai bài chánh hỏi thầy trò. Hai hàng trước là trước hỏi sau khen ngợi đức kia chứa nhóm, nay ba việc hỏi này trước trình bày số kia nhiều. Hoặc đức chứa nhóm mà số ít, hoặc đức ít mà số nhiều đều không được hiển rõ nghĩa thành Phật lâu xa, phải đủ hai nghĩa này mới được khai nghĩa tuổi thọ. Cho nên trong phần hỏi, ngài Di-lặc đã trình bày đủ.

“Các vị oai đức lớn” v.v... là: Hỏi thầy và trò: một hàng hỏi hạnh cuối cùng thành tựu. “Từ ai bắt đầu phát tâm”: Hỏi kia ban đầu hành. “Xưng vương Phật pháp nào? v.v... là ba câu hỏi hành trung gian, trong ba câu hỏi này hỏi đầy đủ thầy trò. Muốn khai nghĩa tuổi thọ ý hỏi ở thầy, cho nên mỗi mỗi câu hỏi đầu đều nêu hỏi “ai”. Do chánh hiển tuổi thọ của thầy cho nên hỏi thầy. “Các Bồ-tát như vậy”: năm hàng rưỡi kết xin. Văn có hai:

1) Ba hàng rưỡi nêu Di-lặc chưa hiểu cho nên thỉnh hỏi. Nói: bèn không biết một người: Bồ-tát dưới đất vọt lên vì khai tướng pháp thân, pháp thân chẳng phải Thập địa hiểu rõ cho nên nói không biết một người.

- 2) Hai bài nói chúng xin.

“Khi ấy các vị Phật của đức Thích-ca: v.v... là Chư Phật thị giả nêu hỏi: trước hỏi kế đáp như văn.

“Bấy giờ đức Thích-ca” v.v... là nói răn, hứa, lại chia hai:

- 1) Khen ngợi hỏi.
- 2) Răn hứa.

Nói việc lớn ấy: Do đây hỏi được nói lên tuổi thọ quả Phật là việc lớn, lại do đây hỏi thì chúng được mười hai thứ lợi ích lớn, lại do đây hỏi nói rộng tuổi thọ lợi ích đời vị lai vô biên chúng sanh cho nên gọi là việc lớn. Kinh Đại Phẩm chép: Bát-nhã là việc lớn cho nên khởi nghĩa là cứu giúp tất cả chúng sanh. “Các ông phải chung một lòng” v.v... nói răn hứa, trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi trước răn, kế hứa thuận. “Mặc giáp tinh tấn:” Vì nói đại pháp phải tinh tấn cầu chứng “Phát ý bền vững”: Nay nghe nói đại pháp chớ lui sụt. “Đức Như lai nay muốn”: Là hứa chép: Văn có bốn trường hợp: Tuyên bày trí tuệ lực của Chư Phật: Khai thân quyền thân thật, theo lý đều soi thấu suốt gọi là sức trí tuệ,

cho nên văn dưới chép: “Hoặc vì chúng này nên nói tuổi thọ Phật vô lượng, lâu mới thấy Phật vì nói Phật khó gặp. Trí lực của ta như vậy, trí tuệ sáng chói vô lượng cho nên biết rõ trí tuệ Phật sâu xa tức là nói về trí Phật. “Sức thần thông tự tại của Chư Phật: Pháp thân Chư Phật chẳng dài chẳng ngắn mà hiện được dài ngắn thích hóa cho nên nói là sức tự tại thần. Sức sư tử mạnh nhanh của Chư Phật. Sư tử vốn hàng phục nay khởi gọi là bước mạnh nhanh. Mạnh nhanh gồm có ba nghĩa:

- 1) Muốn trừ đuổi cát bụi.
- 2) Muốn bày tỏ sự tự tại.
- 3) Nói lên vô úy.

Nay nói pháp thân vô sanh diệt đầu cuối, phá phàm phu thị thừa đầu cuối chấp sanh diệt dụ đồng trừ bỏ trần cảnh. Xưa dùng quyền giáo che lấp thật, thật thì không nói lên, nay khai thân quyền, thân thật thì nghĩa chân ứng nói lên như nghĩa sư tử thông thả tự tại. Xưa vì duyên không kham nổi, không nói pháp thân chân thật cho nên nói có sợ, nay đại căn cơ đã thuần thực có khả năng nghe nói cho nên vui vô úy, như Sư tử không lo sợ. “Sức uy thế mạnh lớn của Chư Phật” Đã hiển pháp thân thường trú, song thọ vô thường chẳng ai có thể dẹp phá được nên gọi là oai thế mạnh lớn. Lại nay nói pháp thân có công năng diệt hoặc sanh giải, nên gọi là sức oai thế lớn mạnh.

Văn kệ lặp lại và khuyên. “Trí Phật chẳng nghĩ bàn v.v...:” Chẳng dài chẳng ngắn năng thị hiện dài ngắn, tuy thị hiện dài ngắn mà không hề dài ngắn cho nên nói bất tư nghi. Nếu xưa ngắn nay dài sao gọi bất tư nghi! “Rất sâu khó phân biệt v.v...:” Đây nói về pháp thân bất dứt bốn câu, vượt trăm phi nên văn dưới chép: Phi thật phi hư phi như phi dị, đâu thể lấy thường vô thường v.v... mà phân biệt!

“Khi ấy đức Thế tôn v.v...:” Là lược khai thân quyền thân thật nói động chấp, sanh nghi. Trước là văn xuôi, kể kệ tụng. Văn xuôi lại chia hai phần:

- 1) Lập lại hỏi.

2) “Chính ta ở cõi Ta bà v.v...:” Trước đáp câu hỏi về thầy trò, sở dĩ trước đáp là vì muốn khai tuổi thọ Phật. “Các vị Bồ-tát đó v.v...” là kể đáp câu hỏi từ đâu đến. “A Dật Đa!...” Đây chẳng phải đáp câu hỏi chỉ giải thích trần ý trú ở phương dưới mà thôi! Phương dưới trụ giữa hư không: Hư không tức là thật tướng pháp thân, Bồ-tát tâm thường dạo chơi nơi thật tướng mà huân tập cho nên thường ở phương dưới cõi ấy trú giữa hư không. Không giải thích như thế thì văn không thể hiểu.

Văn kệ chia làm ba:

- 1) Một hàng ba câu tụng đáp thứ nhất hỏi về thầy trò.
- 2) hai bài ba câu tụng đáp thứ hai hỏi từ đâu đến.
- 3) “Sức chí niệm bền vững” Bốn hàng lặp lại đáp thứ một hỏi về thầy trò, lại chia làm ba phần:

- a) Một hàng nêu sở hóa nói về nghĩa đệ tử.
- b) Hai hàng chánh nêu năng hóa nói nghĩa thầy.
- c) Một hàng kết hai nghĩa năng hóa sở hóa tức thầy và trò.

Hỏi: Kệ trước văn chép: Ta ở thành Già-da ngồi dưới cội Bồ-đề rồi mới giáo hóa đó. Văn sau chép: Ta từ lâu xa đến nay giáo hóa các chúng đó. Văn đầu nói gần, văn sau nói về xa, hai lời trái nghịch nhau làm sao hợp ư?

Đáp: Nay dùng hai nghĩa giải thích:

- 1) Có nghĩa không hai mà là hai.
- 2) Có nghĩa hai mà là không hai. Đầu tiên nói thành đạo Già-da tức bởi Già-da là xưa! Vì ngày xưa cũng ở thành Già-da thành đạo hóa độ các chúng này tức là từ lâu xa đến ngày nay. Tức không trái với văn sau.

Hỏi: ngày xưa vì sao cũng có thành Già-da ư?

Đáp: Phẩm Tuổi thọ chép: Từ đó đến nay thường ở cõi Ta bà nói pháp giáo hóa cho nên biết xưa có Ta bà Già-da.

Lại văn dưới chép: Thường ở núi Linh Thứu, Linh Thứu tức là tịnh độ liền không hủy diệt, Già-da lại đồng nghĩa này. Trước văn thẳng xưng Già-da thành đạo còn chưa nói về quá khứ kia và hiện tại, sau kệ nói ta từ lâu xa đến thì giải thích trên là quá khứ Già-da. Kế nói hai mà không hai: Tức chỉ gần Già-da xếp vào xa, cũng chỉ xa quá khứ là gần Già-da muốn nói lên gần xa không hai khiến cho chúng sanh huyền ngộ chánh đạo.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Trước nêu năm mươi tiểu kiếp tức là nửa ngày đã là gần xa không hai, nay theo đây có thể biết.

Ngài Trúc Đạo Sanh chép: Nói kia dài tức là Già-da ấy tức chẳng phải Già-da, Già-da đã chẳng phải kia dài đâu riêng gì đó ư? Vậy thì dài ngắn ở đây mất dài ngắn còn tồn tại ư! Bởi vì xưa nói chớ có nghi.

“Lúc bấy giờ ngài Di-lặc v.v...” là nói chấp động, sanh nghi trình bày nghi đến xin. Di-lặc sở dĩ nghi không biết ngày xưa Già-da nên sanh nghi. Trước là văn xuôi kể là kệ tụng. Văn xuôi có hai: Nghi hỏi và xin đáp. Nghi hỏi lại có hai:

- 1) Hoài nghi.

2) “Liên bạch Phật rằng...:”

Chính là hỏi lại chia làm ba: Pháp, thí, hiệp. Pháp nói lại có hai: Phật thành đạo gần vì sao ở trong thời gian ngắn đó giáo hóa chúng sanh nhanh chóng như vậy. “Chúng đó từ lâu ...:” là nói Bồ-tát tu hành lâu xa không phải mới theo Phật thọ học. “Thí như v.v...:” là nói thí nói, lại có hai: Cha tuổi nhỏ chỉ dụ Phật thành đạo gần, con lớn già dụ cho Bồ-tát tu hành lâu xa. Hiệp thí chia làm ba: Trước nêu thành đạo gần hợp thí dụ cha ít tuổi. “Các đại chúng đó v.v...:” là Hiệp thí dụ con già. “Ngày nay Thế tôn v.v...:” là Hiệp thí dụ cha con già trẻ xen lẫn chỉ dụ.

“Chúng con đều là tin Phật v.v...:” là nói xin đáp: Lại chia làm hai:

1) Nêu ý xin.

2) “Kính thưa Thế tôn v.v...:” Chánh là nói về thỉnh thuyết.

Vấn kệ chia làm hai:

1) mười một bài tụng nghi vấn.

2) ba hàng tụng xin nói.

Nghi vấn có ba phần tức tụng pháp, thí, hiệp. Tụng pháp nói có

ba:

1) Một bài tụng Đức Phật thành đạo gần.

2) Hai bài rưới tụng các Bồ-tát tu hành lâu.

3) Một bài rưới nêu xa gần trái nhau xin Phật vì nói. Kế hai bài

tụng thí nói cũng có ba: nửa hàng tụng thí dụ cha ít tuổi tức trên là thành đạo gần, một bài tụng con già dụ trên tu hành lâu xa, nửa hàng tụng cha con trái nhau dụ trên thứ ba gần xa trái nhau. Trong hợp thí: Nửa bài đầu hiệp cha ít tuổi, kế ba hàng rưỡi hiệp con già. Trong ba hàng tụng xin chép: hai hàng tụng ý xin, một hàng tụng chánh tỉnh.

PHẨM TUỔI THỌ THỨ MƯỜI SÁU

Giải thích phẩm này có bốn môn:

- 1) Ý nghĩa có phẩm này.
- 2) Nghĩa được và mất.
- 3) Giải thích tên phẩm.
- 4) Khai hiệp.

I. Ý nghĩa: Sở dĩ có phẩm này là để nói về thân quyền thân thật có bốn chương, nay là chương thứ tư rộng khai thân quyền, thân thật, dứt nghi sanh tín, nhưng phẩm này phần lớn nói về lý giác ngộ bao trùm xưa nay. Văn căn cứ nghĩa rộng ý sâu đến xa xưa, dù chỉ là một chương kinh mà chính thông hợp ý đức Thích-ca từ đầu đến cuối một phen giáo hóa, nếu hiểu được nghĩa kia thì sanh tuệ vô tận, phước vô biên, cũng diệt được vô lượng tội nặng. Ngày xưa có một nhóm người đi trên thuyền bị gió mạnh nhận chìm thuyền, mọi người đều bị chết chìm chỉ còn sót lại một người nương vật được cứu thoát, ban đêm mộng thấy có người đến chép: chỉ mình ông được thoát chết nhờ duyên xưa nghe phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa. Lại dưới phẩm Phân Biệt Công Đức chép: Nói phẩm Thọ Lượng này thời có mười hai thứ lợi ích tám tướng tốt, các kinh khác nói về đặc đạo không hề có nhiều như thế, người giảng tuyên bày nên lưu ý tìm tông chỉ quy về đây.

Hỏi: Vì sao nhanh chóng có công dụng?

Đáp: Quả chánh báo của Chư Phật ba đời và quả y báo của Chư Phật ba đời đều vì khai nghĩa tuổi thọ mà sanh khởi, như Đa bảo vọt hiện tức Phật quá khứ vì khai tuổi thọ cho nên sanh khởi, phân thân Phật tức mười phương Phật hiện tại vì khai tuổi thọ mà nhóm họp, Bồ-tát từ đất hiện lên tức đều là Nhất sanh Bồ xứ nghĩa là Phật đương lai vì tuổi thọ mà hiện, cho nên Phật mười phương ba đời đều vì khai thọ lượng, tức biết tuổi thọ là việc lớn nên có công lực như trên.

Hỏi: Chư Phật ba đời làm sao vì khai thọ lượng?

Đáp: Như phẩm trước giải thích: Phật quá khứ vì khai pháp thân vô sanh diệt ứng thân có sanh diệt nên xuất hiện Phật, hiện tại vì khai pháp thân không hai, ứng thân không một nên đều nhóm họp. Đương lai Phật vì nói lên đức Thích-ca từ lâu đã chứng pháp thân nói về pháp thân vô thủy chung mà phương tiện thị hiện thủy chung cho nên hiện. Chư Phật ba đời vì ba việc nên nhóm họp. Lại biến thành cõi tịnh vì khai tuổi thọ ấy là do quả y báo đã khác xưa tức biết tuổi thọ lâu dài cũng lại khác nhau, đủ như trên giải thích.

Nay nói bỏ quyền bày thật: bỏ ngắn là quyền, bày dài là thật, nhưng tuổi thọ của Như lai thật không có dài ngắn. Vì sao? Vì đã gọi pháp thân thì dùng chánh pháp làm thân, chánh pháp đâu phải ngắn và dài, thường vô thường cho đến năm câu có thể chấp ư! Chỉ tùy thích nghi nên có phương tiện dài ngắn. Xưa chẳng ngắn nói ngắn nay chẳng dài nói dài, chẳng ngắn nói ngắn là muốn cho biết ngắn là ngắn của dài, chẳng dài nói dài là muốn cho ngộ dài là dài của ngắn. Nếu nghe ngắn không biết dài, thì không thành ngắn, nghe dài không biết ngắn thì cũng không thành dài, chướng ngại như thế hành tâm làm mất ý phương tiện của Phật. Lại sở dĩ xưa nói ngắn nay nêu dài ấy là muốn cho chúng sanh nhân dài ngắn này mà ngộ chánh pháp không dài không ngắn! Do ngộ không dài không ngắn nên có dài ngắn phương tiện dụng. Nếu nói xưa ngắn đã chẳng đúng thì nay dài cũng chẳng đúng, nay dài đã đúng thì xưa ngắn cũng đúng. Nhưng chẳng dài chẳng ngắn mà nay do cơ duyên thích hợp khen ngợi là dài nói về nay dài là đúng xưa ngắn là sai. Như kinh Niết-bàn chép: Không thể nói Phật nhất định là hữu vi hay nhất định là vô vi. Nếu người chánh kiến nên nói Như lai nhất định là vô vi. Vì sao? Vì có thể sanh gốc lành cho chúng sanh. Phẩm này so với phẩm Dũng xuất thì dùng sáu cặp để nói:

1) Trên là tựa nói nay là chính là nói.

2) Trên dùng sở hóa Bồ-tát khai năng hóa thọ lượng Phật, nay năng hóa tự khai năng hóa.

3) Trên dùng môn thần thông khai năng hóa, như số Bồ-tát như cát bụi của ngàn thế giới từ đất vọt lên nói lên Thích-ca thành Phật đã lâu gọi là môn thần thông. Phẩm này đối Di-lặc giải thích tuổi thọ của Phật là nói pháp luân hai thứ này đều là hai vật vạt áo, bàn ghế đem con ra ở phẩm Thí dụ.

4) Trên thâm khai thành Phật đã lâu, nay hiển khai tuổi thọ do chấp gần, tình khó đở nghĩa tuổi thọ lâu khó tin, chỉ bày ngộ vật phải dần dần nên trước mặt sau hiển.

5) Phẩm trên nói lược động chấp sanh nghi, nay nói rộng phá chấp bỏ nghi.

6) Trên nói về sở hóa bất tư nghi nay nói về năng hóa bất tư nghi cho nên Luận Pháp Hoa có mười nghĩa vô thượng thì thứ bảy là thị hiện giáo hóa chúng sanh vô thượng cho nên trong đất vọt ra vô lượng Bồ-tát. Và nghĩa thứ tám là thị hiện thành đại Bồ-đề vô thượng cho nên có phẩm Thọ Lượng, tức Luận kia chứng minh.

II. Nghĩa được mất: Giải thích kinh Thọ Lượng này gồm có ba

Sư:

1) Dùng năm thời giáo nói trải qua quá khứ trần sa vị lai gấp bội số trên còn là vô thường cuối cùng trở về tận diệt cho nên trước nói cuối cùng trở về Không nên tuổi thọ Như lai có hạn lượng.

2) Chấp bốn thời giáo nói kinh che lấp tướng nói thường tức che tướng nói thọ vô lượng.

3) Nghĩa bán mãn nói tất cả kinh Đại thừa đều nói về Phật thường nghĩa là hiển rõ Phật thọ vô lượng, nay ban đầu chê bai kinh tội nặng làm người hạ căn, kể vì gây ra lỗi nhỏ làm người trung căn, sau đắc dụng của kinh chưa biết thể của kinh trong ba thứ làm người thượng căn. Nay nói về cần phải biết thể dụng của kinh mới thấy được ý phẩm này. Nói thể: là pháp thân siêu việt bốn câu dứt trăm phi không thể nói thường và vô thường v.v... cho nên phi lượng và vô lượng. Như kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp giới phi hữu lượng cũng phi vô lượng, đức Thích-ca siêu việt hữu lượng và vô lượng, pháp giới tức pháp thân. Lại văn dưới nói phi thật phi hư phi như phi dị. Phẩm Như lai trong Trung Quán luận nói: Trong tướng vắng lặng thì bốn câu vô thường vô thường v.v...: Nói dụng: là phi thường phi vô thường, xưa vì chúng sanh nên nói là vô thường cho nên nói các chúng đệ tử Phật còn xả bỏ thân vô thường rõ ràng Phật thọ hữu lượng, nay vì phá phạm phu Nhị thừa chấp Phật thật sanh ở cung vua thật diệt ở Song lâm, cho nên phi thường phi vô thường khen ngợi là thường hiểu rõ Phật thọ vô lượng. Nếu không biết thể dụng đây thì không có mười hai hạng người ngộ đạo, vì sao? Vì chỉ hiểu thường vô thường thì trở thành hai kiến làm sao được ngộ đạo ư!

III. Giải thích tên: Nói Như lai Thọ Lượng: theo Luận Pháp Hoa có ba hạng Như lai.

1) Hóa thân Như lai.

2) Báo thân Như lai.

3) Pháp thân Như lai.

Tuổi thọ cũng có ba thứ:

1) Hóa Phật thọ lượng có đầu có cuối, cho nên làm Nhị thừa có tám tướng thành đạo, ở cung vua hiện sanh ở Song lâm thị diệt.

2) Báo thân Phật thọ lượng có thể vô chung cho nên văn dưới chép: Ta xưa hành đạo Bồ-tát đã thành thọ mạng, nay còn chưa tận, do hành nhân đã mãn sơ chứng quả Phật vậy nên nói có thể, một phen chứng rồi sau tự nhiên bất diệt cho nên không có tận chung.

3) Pháp thân Phật thọ mạng vốn tự tại bất sanh bất diệt vô thể vô chung, phẩm này nói về đầy đủ ba hạng Như lai ba thứ thọ lượng. Nói

về hóa thân thọ lượng gọi là mở cửa phương tiện, nói pháp thân, Báo thân tuổi thọ gọi là hiển nghĩa chân thật cho nên nói phẩm Thọ Lượng. Nay lại giải thích bốn trường hợp:

- 1) Thật mà chẳng quyền gọi là pháp thân thọ.
- 2) Quyền mà chẳng thật gọi là hóa thân thọ.
- 3) Vừa quyền vừa thật gọi là báo thân thọ.

Báo thân tức là ứng thân, ứng thân có hai:

1) Trong ứng tức tương ứng với pháp thân cho nên kinh nói có chỗ gọi là thấy có chỗ gọi là pháp, do pháp thường nên Chư Phật cũng thường.

2) Ngoài ứng tức tương ứng với đại căn cơ tánh cho nên làm đại Bồ-tát ở cõi tịnh độ thành Phật.

3) Trong ứng tức thật chẳng quyền, ngoài ứng tức quyền chẳng thật, cho nên nói vừa quyền vừa thật.

4) Phi quyền phi thật. Ba thật môn trên đều là trong vô danh tướng mà mượn danh tướng nói muốn cho chúng sanh nhân danh tướng này ngộ vô danh tướng cho nên diệt ba môn trên trở về vắng lặng.

IV. Khai hiệp: Trong các kinh luận nói Phật khai hiệp không nhất định. Tổng khai bốn trường hợp:

- 1) Bốn tích đều hợp.
- 2) Bốn tích đều khai.
- 3) Khai bốn hiệp tích.
- 4) Khai tích hiệp bốn.

Bốn tích đều hợp hoặc hợp danh một Đức Phật, nghĩa là một Phật bảo trong Ba bảo, hoặc chia làm hai thân. Cho nên nói Phật chân pháp thân cũng như hư không ứng vật hiện hình như trăng trong nước. Đã chỉ có một tích một bốn cũng là bốn tích đều hợp, hoặc chia làm ba mà ba nghĩa không nhất định:

1) Như bửu quyển Kim Quang Minh nói ba đức Phật. a) Pháp. b) Ứng. c) Hóa. Pháp thân là chân, hai thân còn lại là ứng, đây là hiệp chân làm một khai ứng làm hai.

2) Luận Pháp Hoa nêu ba đức Phật: Pháp, báo và hóa, tức khai chân hiệp ứng. Khai chân: Khai pháp, báo thân làm hai; hiệp ứng: Lấy ứng thân làm một, ý đây nói về vốn có nghĩa là pháp thân đáp nghĩa nhân nên gọi là báo, nghĩa ứng vật gọi là ứng.

Kế khai bốn Đức Phật, nghĩa này cũng có hai thứ:

- 1) Kinh Lăng Già nói về bốn Đức Phật:
 - a) Ứng hóa Phật.

- b) Công Đức Phật.
- c) Trí tuệ Phật.
- d) Như Như Phật.

Kinh kia chép: Đầu tiên là ứng ba thân là chân, đây cũng hiệp ứng khai chân. Trong ba đức Phật công đức và trí tuệ là báo thân Phật, Như Như là pháp thân.

2) Như kinh Kim Quang Minh loại bảy quyển nói bốn trường hợp:

a) Hóa mà chẳng ứng: nghĩa là Đức Phật nhập Niết-bàn rồi vì vật thị hiện rỗng quỉ các thân cho nên gọi là hóa, không thị hiện thân Phật nên gọi là chẳng ứng.

b) Ứng mà chẳng hóa: Kinh chép: gọi là thân Địa tiền, giải thích rằng: Bồ-tát Địa tiền thấy thân Phật chính từ trong pháp môn Tam-muội hiện gọi là ứng thân chẳng thuộc về sáu đường chẳng phải hóa.

c) Vừa ứng vừa hóa, Kinh chép: Thân trú Niết-bàn hữu dư. Giải thích rằng: Thanh văn thấy thân Phật, kia thấy hình tướng tốt của Như lai tu thành Phật nên gọi là ứng. Thấy Phật ở trong loài người thọ sanh đồng với người nên gọi là hóa.

d) Phi ứng phi hóa gọi là pháp thân. Trong bốn trường hợp: ba câu trước là ứng một câu sau là chân, cũng là khai ứng hiệp chân.

Chân ứng đều khai: Trong chân chia làm hai: Pháp và báo thân. Trong ứng chia hai: Ứng thân và hóa thân. Theo Kinh Hoa Nghiêm nói về mười Đức Phật:

- Phật không nhiễm trước an trú thế gian thành chánh giác.
- Nguyện Phật y nguyện sanh ra.
- Nghiệp báo Phật tin thành tựu nên các hành đều thành chỉ nói lược nhất tín.
- Trú trì Phật thuận theo thế gian không dứt bật.
- Niết-bàn Phật chấp diệt độ.
- Pháp giới Phật ở tất cả nơi đều hiện.
- Tâm Phật khéo an trú.
- Tam-muội Phật thành tựu vô lượng công đức không còn chấp trước.
- Tánh Phật khéo quyết định.
- Như ý Phật vì che phủ cùng khắp.

3) Đức Phật nói không nói nghĩa tùy duyên thấy thích hợp thời dụng, nghĩa có thể biết. Nói rộng thân thật có một phẩm rười kinh chia làm năm:

- a) Khuyên tín.
- b) Chính là nói.
- c) Được lợi ích.
- d) Xưng tán.
- e) So sánh lượng.

Pháp sâu khó thọ, trước phải khuyên tín, khuyên tín đã xong kể vì nói rộng pháp, nói, pháp ứng căn cơ thì chúng đắc đạo nghi trừ lãnh giải cho nên gọi là tán, người tin hiểu thì phước đức trí tuệ vô biên, cho nên so sánh lượng: khuyên tin chia làm ba:

- 1) Chánh khuyên tín.
- 2) Đại chúng thọ ý chỉ.
- 3) Răn khuyên lắng nghe.

Khuyên tin hiểu: Khuyên người mới tu hành khiến tin, người ngộ sâu khiến hiểu, lại khiến người mới tin cuối cùng được giải. Lại nay nói pháp thân chỉ Phật chứng giải, trừ Phật trở lại đều là tin hiểu. “Lời nói chắc thật của Như lai”: là nói lời tin hiểu. Phật tâm thật gọi là thành thật. Nói tuổi thọ sự thật gọi là “chắc”. Tự có tâm thật mà sự không thật bốn trường hợp: nay là câu thứ ba cả hai đều thật. Sở dĩ ba phen khuyên khiến tin: luận Trí Độ quyển một trăm chép: Vì tôn trọng pháp nên ân cần đến ba phen. Lại người thọ pháp có ba căn cho nên ba phen nói. Lại thường pháp của Chư Phật không quá ba, nếu quá ba không thọ nhận tức là người tội nghịch, thân Kim cương tay cầm chày đánh, kể thọ ý chỉ răn khuyên lắng nghe như vậy.

“Sức bí mật thần thông của Như lai v.v...” là: Chính là nói văn: Trước văn xuôi kể kệ tụng. Văn xuôi có hai:

- 1) Nêu quá khứ vô thí.
- 2) Biện vị lai vô chung, chỉ nói về hai thứ này để phá hàng nhị thừa gọi là bắt đầu từ cung vua cuối đến Song thọ cho nên nói về cung vua sanh chẳng phải bắt đầu, song thọ diệt chẳng phải là cuối. Đã nói về bốn thân vô thí chung tức nói ứng thân có thí chung. Bốn thân vô thí chung tức hiển nghĩa chân thật. Ứng thân có thí chung tức mở cửa phương tiện. Cho nên chỉ nêu hai thứ này. Sở dĩ trước nêu vô thí sau biện vô chung vì phá phạm phu Nhị thừa trước nêu có thí sau nói có chung.

Lại giải thích Di-lặc nghi cha ít tuổi, con nhiều tuổi, cho nên trước nói quá khứ lâu xa đã thành Phật mới hóa đắc nhiều người như thế, thì gọi là nghĩa cha già con trẻ khiến đại chúng dứt nghi. Lại nói về quá khứ lâu xa thành Phật hóa độ được một ngàn thế giới số Bồ-tát

nhiều như cát bụi, vị lai vô chung mới độ tất cả chúng sanh trong pháp giới, khiến chúng thọ hóa tâm sanh vui mừng. Hai môn này đều có ba chương: môn đầu ba chương:

- 1) Nêu quá khứ lâu xa thành Phật nói lên nghĩa chân thật.
- 2) Giải thích nghi nghĩa mở cửa phương tiện.
- 3) Tổng kết chánh đáp kia hỏi.

Cho nên trước nói quá khứ lâu xa thành Phật thì chúng do xưa gần nghi nay xa cho nên cần phải giải thích. Giải thích xong mới tổng kết lâu xa thành Phật. Lại ở đầu nói lâu xa thành nói lên nghĩa chân thật, kế giải thích nghi nghĩa là mở cửa phương tiện, hai thứ này đã rõ ràng cho nên phải lặp lại tổng kết.

Chương đầu lại có hai:

- 1) Nêu chứng pháp thân lâu.
- 2) Nêu thù ứng cũng lâu; chứng pháp thân lâu là nói về tự đức đã mãn, thù ứng lâu nói về đức hóa tha đã viên.

Lại chứng pháp thân lâu phá chấp gần, thù ứng lâu giải thích chúng nghi. Chứng pháp thân lâu lại chia làm ba:

- 1) Nói chung sức bí mật thần thông của Như lai.
- 2) Nói lại chấp tình.
- 3) Phá cận hiển viễn.

Nay nói thọ lượng Phật cho nên nói Như lai, xưa không hề xưng nói gọi là bí, pháp kín rất sâu nên gọi là mật. Thật dài thị hiện nhân ngắn là thần thông, khiến vật trái bổn trở về nguồn gọi là lực.

“Tất cả thế gian v.v...:” là nói tình chấp, “đều cho rằng” chính là tình chấp. “Đức Thích-ca v.v...” là nói sở chấp. “Nhưng người thiện nam v.v...:” Là phá chấp hiển xa, lại chia bốn phần riêng:

- 1) Pháp nói.
- 2) Nêu thí dụ hỏi Di-lặc.
- 3) Di-lặc phụng đáp.
- 4) Phật hợp thí chánh nêu thọ lượng lâu xa.

Ban đầu trong pháp nói chính là nói về thành Phật lâu xa.

Hỏi: Là phá cận hiển xa hay khai gần nói về viễn?

Đáp: Phạm có năm nghĩa:

1) Khai gần hiển xa, xưa không nói về gần là phương tiện cho nên phương tiện môn đóng, nay nói về gần là phương tiện thì mở cửa phương tiện. Đã nói về gần là phương tiện thì hiển xa là chân thật.

2) Phế gần lập xa: Xưa lập gần phế xa, nay đối xưa cho nên lập xa phế cận.

3) Che cận khai xa: Như lai gần xa hai thứ giáo môn cũng như hai cánh chim không lìa nhau, chỉ vì duyên cho nên có nay, xưa bốn câu khai che: a) Xưa nay đều che, xưa che xa nay che cận; b) Xưa nay đều khai: Xưa khai gần nay khai xa; c) Xưa che nay khai: Xưa che xa nay khai gần. d) Nay che xưa khai: Nay che gần xưa khai gần.

4) Chỉ cận làm xa: Đây nói gần xa không hai, như Kinh chép: Thân ta nay đây tức là pháp thân. Ngài Triệu Sư chép: Cận xả bỏ thân tượng sáu mà xa cầu pháp thân!

5) Phá cận nói xa: bốn thứ trước là ước về giáo, một môn sau là căn cứ kia tình mê. Nếu đối ở mê tình tức là phá gần bày xa, nếu so với Phật giáo tức là bày xa bỏ gần. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Xuất phát từ cung họ Thích, thành Già-da thành đạo, đây nói về hóa Phật. Từ văn này trở đi nói về báo thân Phật.

“Thí như v.v...” là nói về thí chép: Sở dĩ mượn thí dụ là do lý thường của Phật thậm thâm chẳng thí dụ chẳng rõ cho nên nhờ thí dụ để hiểu. “Bồ-tát Di-lặc v.v... đều bạch Phật v.v...” Nêu Di-lặc vâng đáp, vẫn có ba phần: nói giải thích, tổng kết. Trước nói vô lượng, kế ba câu hiển vô lượng, kế nêu phạm phu không biết. “Tất cả Thanh văn v.v...” Nói Nhị thừa không biết. “Chúng con v.v...” Nói Bồ-tát không biết. “Thế tôn...” Là tổng kết. “Thế giới vô biên v.v...” là nói chỉ có Phật mới biết.

Bấy giờ Đức Phật bảo v.v...: là Hiệp thí chánh hiển thành Phật đã lâu. Theo bản kinh cũ của ngài La-thập dịch ở Trường An không có câu: một trần một kiếp, đời Lương có vị Tăng soạn kinh Pháp Hoa, cảm nơi thần mộng thấy khiến để câu kinh này. Hễ nói về kiếp: Có chỗ gọi là thời, là nêu thời quá khứ lâu dài nên nói số kiếp như cát bụi. Nói A tăng tỷ kiếp: Nói lên số không thể tính, mới thành Phật còn không thể tính biết, một phen chứng vắng lặng đâu có cuối cùng diệt ư! Là muốn nói về quá khứ nói lên đương lai cho nên nói quá khứ không thể tính đếm.

Hỏi: Văn sau chép: Quá khứ vốn hành đạo Bồ-tát tức thời gian tạo thành tuổi thọ, đây thì có bắt đầu vì sao nói không thể tính số?

Đáp: Có hai nghĩa:

1) Nói nghĩa vô thủ mà thủ, nhưng nghĩa thủ lâu dài nên không thể tính số.

2) Muốn hiển nghĩa pháp thân vô thủ chung nên không thể tính số, nhưng thủ mà vô thủ là nghĩa không hai mà hai hai mà không hai. Nghĩa không hai mà hai tức bắt đầu chứng pháp thân nên có thủ trong ba thân là ứng thân cũng gọi là báo thân cho nên có thủ, mà chỗ chứng

pháp thân này thì vô thì nên gọi là nghĩa không hai mà hai, nghĩa hai mà không hai tức là chứng pháp thân đã vô thì chung, năng chứng cũng vô thì chung, dùng năng nói đã cùng tâm, nghĩ đã bắt dứt chứng chứng nơi sở chứng, sở chứng đã vô thì chung năng chứng cũng vô thì chung.

“Từ đó đến nay:” ở trên là nói chứng pháp thân đã lâu, nay nói nghĩa thùy ứng lâu, do chứng pháp thân lâu gọi là tự đức mãn, thùy ứng lâu gọi là đức hóa tha viên. “Thường ở cõi Ta bà nói pháp giáo hóa...” Thường ở Ta bà là hai thân ứng, hóa. Nói pháp giáo hóa: Là hai thân nói giáo, nói về đức Thích-ca chứng pháp thân đã lâu. Từ khi chứng pháp thân đến nay thích nghi dùng ứng thân đặc ngộ thì thị hiện dùng ứng thân, phải dùng hóa thân đặc ngộ thì thị hiện dùng hóa thân. Tuy thị hiện hai thân mà thật không chỗ ứng, tuy nói tất cả giáo mà thật không hề nói, đây chính là giải thích Di-lặc nghi. Do thùy ứng đã lâu thường ở cõi Ta bà nói pháp giáo hóa nên có ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi tức là cha già con trẻ chẳng phải nghĩa cha trẻ con già, tức là giải thích trên phẩm Dũng xuất chép: Ta ở thế giới Ta bà thành chánh giác mới giáo hóa. Di-lặc nghe Phật nói trên cho là cõi Ta bà nay cho nên sanh nghi, nay đáp nói về cõi Ta bà quá khứ, cho nên giải thích nghi. “Cũng ở trong vô lượng trăm ngàn muôn ức cõi nước làm lợi ích dẫn dắt chúng sanh”: lại trên giải thích thời gian dài nay nêu giáo hóa rộng.

“Các người thiện nam v.v...” là nói mở cửa phương tiện: Trên hiển hai thứ chân thật:

1) Nói chứng pháp thân lâu xa nói pháp thân chân thật.

2) Nói thùy ứng đã lâu, nói ứng thân chân thật, nay cũng mở hai thứ phương tiện:

a) Mở nhân phương tiện.

b) Mở quả phương tiện.

Nhân phương tiện: Quá khứ gặp Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký. Quả phương tiện: Thị hiện xuất gia mới được thành Phật. Bày hai thật bỏ hai quyền tất cả cùng tận nghĩa quyền thật. Trước bày hai thật, một là pháp chấp, hai là giải thích nghi. Hiển chứng pháp thân lâu xa, phá chấp gần, hiển thùy ứng lâu giải thích Di-lặc nghi Phẩm Dũng Xuất. Nay khai phương tiện lại giải thích hai nghi, căn cứ mỗi một môn đều chia hai môn: Môn đầu có hai:

1) Lược khai phương tiện lược giải thích nghi.

2) Rộng khai phương tiện giải thích rộng nghi.

Trên nói về chứng pháp thân lâu thùy ứng lâu, Di-lặc nghi cũ đã dứt, nay chúng lại khởi nghi mới. Nghi rằng: Nếu chứng pháp thân lâu

thùy ứng lại lâu là vì sao? Xưa nói Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký kiếp hiền thành đạo, vì vậy nên giải thích rằng: Nơi thời gian giữa đó ta nói Phật Nhiên Đăng là dùng phương tiện để phân biệt, quá khứ lâu xa thành đây là nói thật. Trên tức là hiển nghĩa chân thật nay giải thích chúng nghi nên nói mở cửa phương tiện. Mà nói trung gian (giữa) ấy tức là quá khứ đã thành Phật làm đầu, nay hội Linh Sơn là sau. Trung gian nói Đức Phật Nhiên Đăng. Nhiên Đăng: luận Trí Độ chép: Thái tử khi mới sanh bốn phía đều có ánh sáng giống như đèn nên gọi là Nhiên Đăng, Thái tử về sau tu thành Phật gọi là Phật Nhiên Đăng. Các kinh khác chép: Phật Đỉnh Quang cũng gọi là Nhiên Đăng. Hữu túc gọi là Đăng vô túc gọi là Đỉnh. Lại chép: Đức Phật ấy nhập Niết-bàn, kinh Thụy Ứng chép: Bồ-tát hầu hạ Phật Đỉnh Quang đến ngàn Niết-bàn, tức là nói Đức Phật kia nhập Niết-bàn. Đức Nhiên Đăng nói về ở đầu, Niết-bàn nói về ở sau, nói lược hai việc đầu sau.

“Các người thiện nam, v.v...” là nói rộng khai phương tiện, giải thích rộng nghi, không chỉ nêu Nhiên Đăng một tích mà ở đời quá khứ có vô lượng phương tiện cho nên nói giải thích rộng nghi. Trên lược giải thích nghi lược mở cửa phương tiện, nay giải thích rộng nghi rộng mở cửa phương tiện. Lại trên nói thẳng giáo hóa chưa nêu nghi thức hóa cho nên nay nói, lại chia làm ba:

- 1) Cảm.
- 2) Ứng.
- 3) Được lợi ích.

“Nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta v.v...:” Căn cơ phát hợp với Phật nên nói là đến tức là cảm. “Ta dùng mắt Phật...” Là nói ứng. Trong ứng nói về ba luân lợi ích: “Ta dùng mắt Phật quán sát:” Tín v.v... các căn gọi là tha tâm luân. “Tùy chỗ đáng độ:” Là nêu thần thông luân. “Tự nói danh tự chẳng đồng”, như phẩm Danh Hiệu trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Hoặc gọi Xá Na hoặc gọi Thích-ca. “Niên kỷ hoặc lớn hoặc nhỏ:” là nói trụ thế lâu mau khác nhau. “Cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn:” Trên nói đầu tiên là thần thông nay nói sau. Như Kinh Niết-bàn chép: Ta ở cõi Diêm Phù thường thị hiện nhập Niết-bàn. “Lại dùng các trí phương tiện:” là nêu nói pháp luân. Lại trên là thân nghiệp lợi ích chúng sinh, nay miệng nghiệp lợi ích chúng sinh. Lại ba câu này tức là thứ lớp. Danh tự khác nhau, niên kỷ lớn nhỏ gọi là sơ phương tiện, hiện nhập Niết-bàn gọi là hậu phương tiện, nay nói về nói pháp là trung gian phương tiện, giáo hóa thích ứng tuy nhiều cũng đều gồm thâu trong ba thứ này. “Năng khiến chúng sanh sanh tâm vui

mừng.” Nêu được lợi ích. Do ba luân xứng duyên, người thọ nhận được lợi ích nên gọi là vui mừng.

“Các người thiện nam v.v...:” là nói việc hiện tại giải thích nghi, cũng chia làm hai phần: lược và rộng. Nghi rằng: Nếu đã lâu thành Phật vì sao xưa nói mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo. Trên đã nghe chứng pháp thân và thù ứng lâu, thời chúng nghi đủ hai việc nhân gần, quả gần. Trên nói Nhiên đăng quá khứ tức nghi nhân gần, nay nói hiện tại thành Phật do quả gần nên sanh nghi, lại chia là m bốn ý:

- 1) Thấy căn cơ.
- 2) Nói giáo.
- 3) Bày thật.
- 4) Bỏ quyền.

Trong thấy căn cơ chép: “Đức mỏng tội nặng.” Không gieo giống Đại thừa không đắc gốc lành gọi là đức mỏng, phiền não đầy đủ nên gọi là tội nặng.

“Vì người đó chép:” là nói về giáo nói. Vì người ưa Tiểu thừa không kham nghe nói chứng pháp thân đã lâu, mà phương tiện thị hiện, nên Phật thật là phạm phũ từ phạm thành Phật. “Nhưng ta thật thành Phật đã lâu v.v...: Nói về hiển thật. “Chỉ dùng phương tiện:” Biện khai quyền.

“Các người thiện nam v.v...:” là rộng khai phương tiện giải thích rộng nghi: Hỏi: Trên đã giải thích hai đời nghi xong vì sao nay lại giải thích ư? Đáp: Trên giải thích nghi xa gần, nay giải thích nghi hư thật. Chúng đương thời nghi rằng: Xưa nói gần thành Phật nay nói xa thành Phật, đều là Phật nói tức đều là thật. Xưa nói gần đã quyền nay nói xa cũng quyền, nếu xưa nói gần là quyền nay nói xa là thật thì sao biết xưa nói gần chẳng thật, nay nói xa chẳng quyền, nghi cả hai thuyết xưa nay. Nói đã trái nhau đều là luống dối, vì giải thích nghi này cho nên nói có văn này.

Lại có văn này: Đức Thích-ca đời đời hiện tại làm lợi ích chúng sanh gồm có ba thời:

- 1) Mới thành đạo.
- 2) Trung gian nói pháp.
- 3) Cuối cùng diệt độ.

Trên nêu sơ thành đạo phương tiện đã rồi, nay nêu trung gian lợi ích, văn chia làm hai:

- 1) Nói tất cả phương tiện.
- 2) Nói về đều thật không luống dối.

Kinh điển của Như lai nói ra đều vì độ thoát chúng sanh: nêu đại ý Phật nói giáo. Chư Phật nói giáo có hai ý:

1) Các chúng sanh chưa vượt qua biển khổ khiến cho họ vượt qua.

2) Những chúng sanh chưa thoát tập đế khiến cho họ được thoát. Hoặc nói thân mình hoặc nói thân người: Câu trước nói nói chung pháp lợi vật, nay khai riêng hai thứ phương tiện tức là hai luân. Tự nói thân Thích-ca gọi là nói thân mình, nói thân Phật Di Đà gọi là nói thân người: Hoặc chỉ thân mình hoặc chỉ thân người: Trên là nói pháp luân, nay là thân thông luân. Như hiện phân thân Phật v.v... gọi là chỉ thân mình, chỉ Đức Phật A Súc Bệ v.v... gọi là chỉ thân người. Hoặc chỉ việc mình hoặc chỉ việc người: ba phen chỉ ở tịnh độ gọi là chỉ việc mình, chỉ cõi Hương Tích gọi là chỉ việc người. Thân đã có tự tha nói cõi cũng như vậy, so sánh với trên có thể biết. “Các lời nói đều thật chẳng dối: Chính là nói không dối, lại chia hai câu: Trước nói không dối, kế “Vì sao? v.v...” là giải thích không dối gồm có hai ý:

1) Nói ứng lý thật nên nói không dối.

2) Nói thấy sâu căn cơ nên nói không dối. Chứng lý thật gọi là đắc pháp thân, thấy căn cơ thật gọi là khởi ứng hóa thân, vì vậy hiện thân thông, nói pháp đều là thật.

“Đức Như lai đúng như thật thấy biết tướng của ba cõi:” Nói chung tướng thấy biết. Luận Pháp Hoa chép: Tướng ba cõi: là cõi chúng sanh tức cõi Niết-bàn, không lìa cõi chúng sanh mà có Như lai tạng. “Không có sanh tử hoặc thoái hoặc xuất:” Giải thích trên như thật thấy biết đối với ba cõi, ba cõi vốn là sanh tử đều trong cõi đó nên trên nói ba cõi, nay kể nói không có sanh tử. Hoặc thoái hoặc xuất: Tử ở đây, sanh kia gọi sanh tử. Câu này chính là nói người phạm phu có đủ trói buộc, trái Đại thừa thoái nhập ba cõi gọi là thoái. Phẩm Thí Dụ chép: Các con trước nhân dạo chơi đến vào nhà này, ba xe các con cùng tranh ruổi chạy tranh nhau ra khỏi nhà lửa, câu này nói chúng sanh, Ba thừa ra vào trong ba cõi cho nên nói thoái xuất, nay trong thật tướng pháp thân đều không có việc như thế, cho nên không có từ trên đọa xuống dưới gọi là thoái không có từ dưới lên trên gọi là xuất. Pháp Hoa luân chép: Không có sanh tử hoặc thoái hoặc xuất: gọi là thường hằng trong sáng không có nghĩa trái lại. “Cũng không ở đời và diệt độ:” ba câu trên nêu không thấy chúng sanh sanh tử, hai câu này nêu không thấy Chư Phật khởi diệt. không thấy trong cung vua mới sanh cho đến tám mươi năm trú thế cho nên nói không thấy ở đời. Cũng không thấy Song lâm diệt

tận cho nên nói không diệt độ. Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Muốn cho chúng sanh sanh thiện vui mừng cho nên hiện sanh ở cung vua, muốn cho chúng sanh sanh thiện luyến mến nên thị hiện Song lâm diệt, Như lai thiết không ra đời cũng không nhập Niết-bàn, vì sao? Vì pháp thân thường trú đồng nhập pháp tánh. Luận Pháp Hoa chép: Cũng không ở đời và diệt độ: Nghĩa là Như lai tạng thể chân như không tức cõi chúng sanh không lìa cõi chúng sanh. “Phi thật phi hư phi như phi dị.” Người mê hoặc nghe sáu việc trên đều không có liên cho pháp thân là thật hiểu quyết định là thật, cho nên nay nói về phi thật. Đã nghe phi thật là cho là hư giả đồng huyễn mộng cho nên kế biện phi hư. Đã nghe phi thật phi hư liên cho là chân như đồng pháp tánh nên nói phi như, đã nghe phi như liên cho khác với như cho nên nói phi dị, Luận Pháp Hoa chép: Phi thật, phi hư phi như phi dị: Là bốn thứ tướng. Có bốn thứ tướng: Là pháp vô thường. Ý đây giải thích thành nghĩa pháp thân thường. “Chẳng như ba cõi mà thấy nơi ba cõi:” Phạm phu thấy ba cõi nên không thấy ba cõi mà không như ba cõi, Như lai thấy ba cõi lại năng thấy ba cõi mà không ba cõi. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Không như ba cõi thấy ở ba cõi: Như lai năng thấy năng chứng pháp thân chân như. Phạm phu không thể thấy cho nên kinh chép: Như lai thấy rõ không lầm lẫn. Lại phạm phu chẳng những không thấy ba cõi mà không ba cõi cũng không thấy không ba cõi mà là ba cõi, tuy chẳng phải ba cõi mà đối chúng sanh rõ ràng là ba cõi. Cho nên Đại phẩm chép: Các pháp vô sở hữu hữu như vậy vô như vậy, việc ấy không biết gọi là vô minh. Như lai đã biết ba cõi mà không ba cõi nên ba cõi tức pháp thân, cũng biết không ba cõi mà là ba cõi: tức pháp thân ở nơi chúng sanh tức thành ba cõi. Phật biết ba cõi mà không ba cõi nên gọi là Ủ hòa Bát-nhã tức biết không ba cõi mà ba cõi nên có Bát-nhã Ủ hòa. Do đó Như lai đầy đủ hai tuệ, phạm phu không biết ba cõi mà không là ba cõi nên không có Bát-nhã, không ba cõi mà là ba cõi thì không có tuệ phương tiện nên phạm phu không có hai tuệ chỉ có đoạn, thường.

“Bởi có chúng sanh có các thứ tánh...” là nói về thấy pháp thân lý thật cho nên nói không đối, nay nói về thấy chúng sanh căn cơ thật nên nói không đối. Lại ở trên thấy nghĩa ba cõi mà không ba cõi, nên ba cõi là pháp thân, nay thấy không ba cõi mà là ba cõi tức pháp thân nơi chúng sanh thành ba cõi vì vậy nên chúng sanh có các thứ dục. Như kinh Niết-bàn chép: một vị thuốc ấy tùy nơi chốn mà có các vị, tức chứng minh ấy. Trong nhân khó thay đổi gọi là các thứ tánh, chỗ ưa thích khác nhau gọi là các thứ dục, nghiệp hành quá khứ có khác nên

gọi các thứ hạnh, suy tìm biết duyên trước khác nhau nên gọi các thứ nhớ tưởng. Đây là nói từ nặng đến nhẹ, nếu từ nhẹ đến nặng thì chúng sanh nhớ tưởng còn tập hạnh quá khứ khác nhau, lập hạnh khác nhau do dục lạc khác nhau, thật do lâu xa huân tập dục thành tánh. “Muốn làm cho chúng sanh gieo các gốc lành...” Trên nêu biết căn cơ nay biện ứng căn cơ trao thuốc, nói rộng nên thì tám muôn bốn ngàn bệnh trao tám muôn bốn ngàn thuốc, lược trao bốn tất đàn nên dùng môn thế giới đắc đạo vì nói tất đàn thế giới, cho đến nên dùng môn đệ nhất nghĩa đắc đạo mà nói tất đàn đệ nhất nghĩa. Nhưng mỗi mỗi tất đàn có vô lượng môn, như thế giới tất đàn có vô lượng thế giới. Kinh Hoa Nghiêm chép: mười cõi nước Phật cho đến vô lượng tịnh ược khác nhau, đều là tất đàn vị nhân cũng có vô lượng, như Kinh Niết-bàn nói hơn ba mươi sự tranh luận. Trong đối trị cũng có vô lượng đối trị gọi là có môn đối trị, môn tăng trị, môn chuyển trị, môn tổng trị, đệ nhất tất đàn cũng có vô lượng. Như kinh Tịnh Danh nói hơn ba mươi Bồ-tát nói nhập pháp môn không hai. “Chỗ thành Phật sự không hề tạm bỏ v.v...:” Do căn tánh muôn vàn sai khác giáo môn vô số tổng mà luận là vì khiến chúng sanh ngộ nhập Phật đạo nên nói chỗ thành Phật sự. Từ đầu mới đắc đạo cho đến nay cuối ở núi Linh Sơn và vị lai thường giáo hóa chúng sanh không dứt cho nên nói không hề tạm bỏ. Văn này cũng được nói ba đức Phật đều là nghĩa thường: Đầu tiên nêu nhất chứng báo thân vắng lặng vô diệt gọi là báo thân thường, trên nói không có sanh tử cho đến phi thật phi hư mười thứ nghĩa không, tức pháp thân thường. Nay nói về chúng sanh bất tận giáo hóa lợi ích không phế bỏ gọi là hóa thân thường.

“Như vậy từ ta thành Phật đến nay thường trú bất diệt v.v...:” Trên là nói quá khứ không trước, chia làm ba riêng.

1) Nêu chứng Phật đã lâu.

2) Giải thích nghi hiển thành chứng Phật đã lâu, hai môn này đã xong. Nay là thứ ba, tổng kết nghĩa thành Phật từ lâu. Đã nói thường trú bất diệt tức là hiển rõ thường không được nói là che lấp tướng và dùng vô thường giải thích kinh này.

“Các người thiện nam ta vốn hành đạo Bồ-tát v.v...:” là nói vị lai không sau, nhất chứng pháp thân vắng lặng vô diệt, cho nên biết song lâm chẳng phải cuối cùng căn cứ văn cũng có ba:

1) Nói vị lai vô chung.

2) Giải thích nghi.

3) Nói không đối: Trong phần đầu nói hành Đạo Bồ-tát: Đã nói về quả Phật thọ lượng lâu dài phải nói nhân có lâu dài, cho nên trước

nói lên quả dài nay khai nhân dài, nói nhân dài quả dài là hiển nghĩa chân thật, nói nhân ngắn quả ngắn tức mở cửa phương tiện, như trong thừa quyền thừa thật cũng nói về hai thứ này, biện ba nhân ba quả đây là phương tiện, một nhân một quả gọi là chân thật, hành Đạo Bồ-tát tức nhân dài. “Cảm thành thọ mạng:” Thành là thành tựu, tức thọ mạng thành tựu lâu dài. Cho nên kê dưới chép: thọ mạng vô lượng kiếp lâu xa do tu nghiệp mà đắc. “Nay vẫn chưa hết:” Luận Pháp Hoa gọi là chưa mãn, do cõi chúng sanh chưa tận nên bốn nguyện Phật chưa mãn, chẳng phải là Bồ-tát chưa đầy đủ. Nay văn kinh gọi là chưa tận, y luận giải thích văn này vì rõ ràng độ chúng sanh chưa tận, bất luận tuổi thọ Phật chưa tận cho nên cùng với nghĩa Luận Pháp Hoa như nhau. “Lại còn hơn số trên:” Luận Pháp Hoa chép: Tạo thành thọ mạng lại gấp bội số trên, trên nêu bốn nguyện chưa mãn nên Đức Phật không đắc nhập vô dư mãi mãi diệt Niết-bàn, cho nên đem bốn nguyện chưa mãn để giải thích nghĩa thường, bác bỏ người Tiểu thừa cho rằng Phật vô thường mãi mãi nhập vô dư thì đó là trái với bốn nguyện. Nay nêu gấp bội số trên tức là nói tuổi thọ không thể tính số để giải thích thành nghĩa thường, vì nêu đủ hai nghĩa nhân quả để giải thích thường chỉ vì văn kinh vừa nói. Lại người giảng không nói về ý luận cho nên hiệp giải thích. Nói lại gấp bội trên: Trên nói quá khứ không có trước có ba không thể tính số:

1) thế giới không thể tính số.

2) thế giới là cát bụi không thể tính số.

3) Thành Phật lại vượt hơn số này cho nên không thể tính số.

Phàm phu, Nhị thừa Bồ-tát còn không biết một số đầu hướng chi có thể biết hai số còn lại ư? Nay nói lại gấp bội thì gọi là không thể tính không thể tính là muốn nói lên tuổi thọ của Như lai nên nêu số lượng tiêu biểu, cho nên gọi là thường. Như Kinh Tịnh Danh chép: Thân Phật vô vi không rơi vào các số, như Pháp Sư La-thập truyền cho Tăng Duệ giải thích rằng: Tuổi thọ quyết định chẳng có số. Lại Phổ Hiền Quán chép: Tin đạo nhất thật biết Phật bất diệt đó gọi là sám hối năm tội ghìch mười điều ác. Lại như Luận Pháp Hoa chép: Lại gấp bội số trên: Là thị hiện mạng Như lai là thường, phương tiện nói lên nhiều số, quá số lượng trên không thể tính biết nên dùng các việc suy tìm thì biết hiển rõ Phật là thường.

Hỏi: Vì lai không có sau vì sao gọi là gấp bội ư?

Đáp: Quá khứ có hai thứ:

1) Vô thí.

2) Hữu thí.

Căn cứ phạm phu Nhị thừa và Bồ-tát không thấy ban đầu kia nên gọi là vô thí mà chẳng phải không có ban đầu chứng pháp thân cho nên nói hữu thí. Nay nói không có sau, chẳng những phạm phu Nhị thừa Bồ-tát không biết kia sau, lại hề chứng pháp thân thì rõ ràng không diệt đủ hai nghĩa này nên gọi là gấp bội.

“Nhưng nay chẳng phải thật diệt độ...”: là nói giải thích nghi. Trên đã nói bốn nguyện chưa mãn và lại gấp bội số trên rõ ràng đời vị lai không diệt thì chúng nghi chép: Nếu vậy trong phẩm Hiện Bảo Tháp vì sao xướng rằng Như lai không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn và đáp ma vương tự hẹn ba tháng sẽ nhập Niết-bàn, vì giải thích nghi này nên có văn này. Trên nói về hiện đời có ba thời lợi ích nay tức thời thứ ba, lại chia làm ba:

- 1) Khai bất diệt thị hiện diệt.
- 2) Giải thích.
- 3) Tổng kết.

Đầu tiên nêu hai môn: “Nhưng nay chẳng thật diệt độ” là nói thật bất diệt. “Mà bèn tuyên bố rằng:” Nói phương tiện thị hiện diệt, vì sao? Là môn giải thích chương. Trong giải thích trước nói không thị hiện diệt thì có tổn không có ích, kể nói thị hiện diệt thì không tổn có ích. “Người đức mỏng không gieo trồng gốc lành”: quá khứ không gieo lâu nhân thấy Phật. “nghèo cùng thấp kém”: do không gieo trồng gốc lành nên nghèo cùng thấp kém. “Tham đắm năm món dục”: Trước nói không thiện nay nói có ác, nghĩa ác tuy nhiều mà không ngoài ái kiến, tham tiếc năm dục gọi là khởi ái. “Sa vào trong lưới nhớ tưởng vọng kiến”: Nói khởi kiến. “Nếu thấy Như lai thường còn chẳng mất”: Trên trình bày tâm hạnh chúng sanh, nay nói Phật không được không diệt. “Liên sanh tâm buông lung nhằm trễ”: Nếu không tuyên bố diệt độ liền có tổn hại, nghe Phật thường còn tâm không tôn trọng là mạn, buông lung năm dục là tứ; “Lại có chúng sanh thường thấy Phật nên buông lung nhằm trễ” nên gọi là nhân, không siêng tu đạo gọi là trễ nải “Không thể sanh ra ý nghĩ khó gặp gỡ cùng lòng cung kính”: Trước biện có tổn ích nay nói vô ích.

“Cho nên đức Như lai dùng phương tiện nói v.v...”: là nói tuyên diệt không tổn có ích, Văn có hai:

- 1) Nêu tuyên bố diệt.
- 2) Nói chúng sanh được lợi ích.

Trước có ba câu: trước nêu khó gặp. Vì sao? Là giải thích. Chẳng phải Phật không thường hiện mà chỉ chúng sanh chướng nặng không

thấy, nên Phật đối với chúng sanh là khó gặp. “Do việc này nên v.v...”: Nói tổng kết ý khó gặp. “Các chúng sanh đó v.v...”: nói nghe tuyên bố diệt được lợi ích. “Cho nên đức Như lai...” tổng kết ý bất diệt mà thị hiện diệt.

“Lại người thiện nam v.v...”: là nói nghĩa không đối, chia làm ba phần: pháp, thí, và hiệp. Sở dĩ nói về không đối: Là bất diệt tuyên bố diệt dường lưỡng đối gạt cho nên phải nói về nghĩa. Không đối “Pháp của Đức Phật đều như thế”: Có hai nghĩa:

1) Như Kinh Niết-bàn đáp Thuần-đà rằng: Pháp hữu vi đã vậy, pháp Chư Phật cũng vậy. Pháp hữu vi có sanh thì có diệt, Chư Phật do vật cảm nên sanh cảm tận tức ứng diệt, bởi lý thường như vậy, cho nên nói pháp như.

2) Đức Phật tự giải thích tuy thật bất diệt mà vì độ chúng sanh nên phương tiện thị hiện diệt để chúng sanh thật lợi ích, nên gọi là không phải đối gạt. Thí như vị thầy thuốc v.v...: là nói thí chếp: Đây dụ cho đại ý nói thẳng cha thật không chết vì trị bệnh cuồng của con nên phương tiện nói chết mà không phải đối gạt.

Đức Phật cũng như vậy, thật ra không diệt vì độ chúng sanh tội nặng nên phương tiện tuyên bố diệt mà không phải đối gạt, không phiền làm thí dụ ba đời lợi ích chúng sanh. Thí dụ này từ đầu đến cuối có mười ba câu

- 1) Dụ Phật như vị thầy thuốc.
- 2) Dụ chúng sanh như con.
- 3) Dụ trước Phật cách thế gian.
- 4) Dụ chúng sanh khởi hoặc.
- 5) Dụ sau Phật xuất hiện.
- 6) Dụ chúng sanh cảm thấy.
- 7) Dụ ứng vật nói giáo.
- 8) Dụ lợi căn ngộ trước.
- 9) Dụ độn căn chưa hiểu rõ.
- 10) Dụ Như lai thị hiện diệt.
- 11) Dụ độn căn đắc giải.
- 12) Dụ Như lai trở về.
- 13) Dụ Phật không ối gạt.

Mười ba câu này là thứ lớp sanh khởi.

Hiệp cũng có mười ba câu chia làm ba phần:

1) Bảy câu nói chúng sanh lợi độn căn quá khứ đồng gieo trồng gốc lành, cho đến hiện tại đồng thọ theo lời Phật dạy.

2) Một câu nói chúng sanh lợi căn bắt đầu từ Hoa Nghiêm mới nhóm họp cho đến núi Linh Sơn hội Pháp Hoa nghe Phật nói pháp liên lãnh ngộ thì Phật không cần tuyên bố diệt.

3) Năm câu sau nói chúng sanh độn căn trải qua nghe các giáo còn chưa ngộ giải Phật cần phải tuyên bố diệt mới đắc ngộ.

Sở dĩ chỉ chia hai thứ chúng sanh này: bởi thầy thuốc có hai hạng con:

- 1) Con không thất tâm.
- 2) Con mất tâm.

Con không mất tâm đưa thuốc thì uống không cần cha phải thị hiện diệt, con thất tâm tuy đưa thuốc mà không chịu uống cho nên cha thị hiện diệt, cho nên chương trước nói chung lý do hai con, sau nói riêng thọ theo giáo có khó dễ.

Thầy thuốc: lược nói ba loại:

- 1) Ngoại đạo năm thông.
- 2) Thanh văn Duyên giác.
- 3) Chư Phật Bồ-tát.

Ngoại đạo chỉ năng trừ ba không cho chúng sanh rồi trở lại các phiền não bệnh gọi là hạ y. Nhị thừa năng trị bệnh ba cõi gọi là trung y. Chư Phật Bồ-tát năng trị khắp các bệnh trong ngoài ba cõi gọi là thượng y. Lại nữa, bệnh mà ngoại đạo chữa chắc chắn sẽ phát sanh lại cho nên gọi là hạ, Nhị thừa trị bệnh hoặc phát hoặc không phát nên gọi là trung, Chư Phật trị bệnh dứt bật không phát sanh nên gọi là thượng.

Lại phạm phu Nhị thừa trị bệnh chúng sinh gồm có bốn câu:

- 1) Bớt không thêm.
- 2) Thêm không bớt.
- 3) Cũng thêm cũng bớt.
- 4) Không thêm không bớt.

Cho nên không gọi là thầy thuốc. Chư Phật trị bệnh chỉ có một câu là chỉ bớt không thêm nên gọi thầy thuốc. Kinh A-hàm chép: Thầy thuốc có bốn đức:

- 1) Khéo biết bệnh lạnh nóng v.v...
- 2) Biết bệnh phát khởi.
- 3) Bệnh sanh rồi khéo biết phương pháp trị.
- 4) Bệnh lành rồi khiến không tái phát. Đức Phật cũng có đủ bốn

đức này nên gọi thầy thuốc.

Luận Pháp Hoa chép: Vì không tu tập công đức nên nói thí dụ thầy thuốc, người này không hề tu bậc nhất thừa gốc lành, nghe nói bậc

nhất thừa trong tâm không nguyện xếp vào bậc nhất, vì đối trị đây nên nói thí dụ thầy thuốc. Luận lại chép: Người này căn chưa thuần thực nên thị hiện Niết-bàn, vì vậy nên Như lai nói thí dụ đây. Lại chép: Muốn thị hiện Niết-bàn vô thượng cho nên nói thí dụ thầy thuốc.

“Trí tuệ sáng suốt”: đây là khen ngợi đức giải thích nghĩa thầy thuốc, ở tại tâm là trí tuệ, ở tai là thông minh, tại mắt là sáng suốt. Trí tuệ dụ cho nhất thiết chủng trí, thông minh dụ sáu thông, sáng suốt dụ cho năm nhãn. “Khéo luyện phương thuốc trị các bệnh”: Là biết lý do đúng bệnh mà cho thuốc. “Người có nhiều con cái:” ví chúng sanh như con, xưa đã từng thọ hóa nên gọi là con, thọ hóa rồi lại chuyển hóa, thọ sự truyền hóa kia nên gọi là con cái, nhưng chúng sanh trong sáu đường đều có Phật tánh đều là con, chỉ Phật tánh có hai:

- 1) Chánh nhân.
- 2) Liễu nhân.

Có đủ duyên chánh gọi là con gần nhưng người chưa thọ theo giáo hóa chưa có liễu nhân gọi là con xa.

“Hoặc mười - hai mươi cho đến số trăm”: Hàng thượng căn khó đắc là mười, trung căn hơi dễ gọi là hai mươi, hạ căn chuyển nhiều gọi là số trăm, đây không căn cứ Ba thừa làm ba căn, mà chung xét theo thọ lãnh giáo từ đầu đến cuối có ngộ và không ngộ, chính là căn cứ Bồ-tát ngộ nhập tuệ Phật để chia thành ba căn. Nếu căn cứ phẩm này ý từ đây đến cuối thì ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi quá khứ đã ngộ đạo gọi là thượng căn, ở đời hiện tại bắt đầu từ Hoa Nghiêm sau cùng là Pháp Hóa người đắc ngộ đạo gọi là trung căn, nếu do tuyên bố diệt vì nói Niết-bàn mà đắc ngộ gọi là hạ căn. Nếu căn cứ hiện tại biện nơi ba căn, thì trước Pháp Hoa Bồ-tát trực vãng đã đắc ngộ gọi là thượng căn, đến hội Pháp Hoa bỏ tiểu về đại gọi là trung căn, cho nên phẩm Dũng Xuất chép: “vừa thấy thân ta nghe nói pháp liền tín nhận nhập tuệ Phật” gọi là thượng căn. “Trừ trước đã tu tập theo Tiểu thừa” nay nghe kinh này cũng nhập tuệ Phật gọi là trung căn. Từ đây trở đi còn chưa đắc đạo nghe tuyên bố diệt vì nói Niết-bàn mới đắc ngộ gọi là hạ căn. ba căn có nhiều môn nay lược chỉ ba hạng này.

“Do có sự duyên đến nước xa khác...” là: Dụ trước Phật cách đời. Chỉ thọ hóa ít không trú lâu nên gọi là đến nước khác. Như Kinh Niết-bàn chép: Nơi đáng độ đều đã độ rồi, các nơi chưa độ nên tạo nhân duyên được độ. Có sự duyên: Cõi này cảm hết các duyên khởi ở cõi khác, Phật hóa các duyên đối với cõi kia duyên gọi là gần, cõi này cảm dứt nên gọi là xa, lại dứt đây ứng kia nên gọi là xa. “Sau lúc đó các

người con...”: Là thí dụ chúng sanh khởi hoặc: Lúc sau là: Cách đời sau Phật. “Uống thuốc độc khác”. Xưa tập quán đã yếu lại khởi điên đảo, chánh quán gọi là tự, điên đảo là tha. Cho nên Kinh Niết-bàn chép: Cảnh giới mình là bốn niệm xứ, cảnh giới người là năm dục. Tâm khởi điên đảo gọi là uống, làm hại tuệ mạng gọi là thuốc độc. “Thuốc phát sanh mê loạn lẫn lộn trên đất”: Nhân khởi hoặc thuần thực, gọi là thuốc phát.

Hoặc có hai lực:

1) Mê cảnh chướng trí cho nên tâm mê loạn, lại sắp chết gọi là mê loạn.

2) Cảm sanh tử trôi lăn trong sáu đường như lăn lộn trên đất, thuận giáo đắc Niết-bàn như lên núi cao, trái hóa thọ khổ sanh tử nên gọi là đất. Lại tâm chịu khổ gọi là mê loạn, thân chịu khổ gọi là lăn lộn trên đất.

“Bấy giờ người cha từ nước xa trở về nhà...”: là nói thí dụ sau khi Phật xuất khởi. Trước nói chúng sanh độn căn trái hóa khởi hoặc nói chung về nghĩa cả, nay nói sau khi Phật xuất khởi nói chung về nghĩa ứng.

Hỏi: Chúng sanh khởi hoặc trôi lăn trong năm đường như lăn lộn trên đất nhân đâu mà cảm Phật?

Đáp: Khổ cùng cực thì phải quay đầu. Như Kinh Thắng-man chép: Các thứ pháp khổ lạc là cầu Niết-bàn. Lại trong đây nên dùng ba phen hóa, quá khứ lợi ích chúng sinh gọi là một phen xưa hóa. Lăn lộn trên đất trong đây có tùy duyên hóa, nay lại trở về nhà tức tất cánh hóa, xưa duyên hết nên đi, nay cảm thuần thực nên đến, ứng nhập sanh tử hóa vật thì sanh tử là nhà. Như trên chép: Thí như Trưởng giả có một nhà lớn.

“Các con uống thuốc độc hoặc mất bốn tâm, hoặc không mất”: Là dụ cho chúng sanh cảm thấy: tập quán Quá khứ nếu lâu tuy khởi điên đảo mà không mất bốn giải gọi là không mất tâm, lập quán chưa lâu điên đảo mạnh thịnh mất bốn giải gọi là mất tâm. Lại từ Hoa Nghiêm đến Pháp Hoa nghe giáo đắc ngộ gọi là không mất tâm, nghe giáo không ngộ, đợi tuyên bố diệt mới hiểu gọi là mất tâm, đây cũng là khởi hoặc nặng nhẹ, thiện có mạnh yếu nên chia làm hai. “Xa thấy cha về”: chính là cảm đức Thích-ca ra đời, chỉ thấy thân tượng sáu thành đạo chưa thấy pháp thân; cách lý còn xa nên gọi là xa. “Đều rất vui mừng quì lạy thăm hỏi trở về an ổn”: Lợi là căn độn căn tuy khác mà thấy Phật ra đời, đều đồng vui mừng là ý nghiệp, cung kính quì lạy tức

thân nghiệp, miệng nghiệp khen ngợi gọi là hỏi thăm. Khen ngợi Phật nghĩa là Như lai: luận Trí Độ chép: Phật từ đạo an ổn đến nên gọi là Như lai, nay gọi an ổn trở về, trở về tức là đến. “Chúng con ngu si lầm uống thuốc độc”: ở trên nói chúng sanh lợi căn độn căn đồng có căn cơ cảm thấy hình tướng Phật nay nói chúng sanh độn căn lợi căn đồng có căn cơ cảm giáo, căn cứ giải muốn phát, đồng trình bày lỗi xưa cho nên nói ngu si, khởi điên đảo phiền não chẳng phải là bốn ý nên gọi là lầm uống. “Xin cứu lành con lại ban tuổi thọ cho chúng con”: Xin Phật nói giáo diệt hoặc gọi là xin cứu con, giáo năng sanh giải gọi là tuổi thọ, xưa từng lãnh giáo đã được sanh giải, chỉ giữa đường trái hóa khởi hoặc mất bốn giải, nay lại xin nói giáo khiến được bốn giải cho nên nói xin ban cho.

Hỏi: Từ xa thấy cha về lại xin ban tuổi thọ, đó là trong cơ duyên nói hay căn cứ sự ư?

Đáp: Đủ có hai nghĩa: Trong căn cơ là nói việc này, nói dễ hiểu là căn cứ ở sự, khi Phật mới ra đời trời người đều được vui mừng cho đến Thích Phạm xin xoay bánh xe pháp, như nói xin cứu lành lại ban cho tuổi thọ.

“Cha thấy các con khổ não như vậy”: Là thí dụ ứng duyên nói giáo: Trước thí dụ vì duyên thành đạo, đây dụ cho thành đạo về sau xoay bánh xe pháp. Văn có hai câu: Cha thấy con đồng dụ cho Phật thấy căn cơ. “Y theo các kinh phương”: là nói về nói giáo. Y Phật giáo quá khứ gọi là y các kinh phương. “Tìm thuốc cỏ tốt”: Là giáo tiêu biểu lý, lý năng lành bệnh dụ đồng cỏ thuốc. “Mùi sắc vị ngon”: giới dụ cho sắc, định dụ cho hương, tuệ dụ cho vị ngon, ba hạnh tròn đầy gọi là đầy đủ. “Đâm nghiền hòa hiệp”: Ban đầu nói Tiểu thừa là đâm, nói trung thừa là nghiền, nói Đại thừa là hiệp. Lại pháp nói là đâm, thí nói là nghiền, hợp thí là hòa hiệp, Như lai nói pháp không ngoài ba thứ này. Lại nói chung là đâm biệt giải thích là nghiền, tổng kết là hiệp, nghi thức nói pháp không ra ngoài nêu giải thích và kết này. Lại cũng thí dụ ba phen xoay bánh xe pháp là đâm nghiền hòa hiệp. “Mà nói rằng”: Là khen ngợi giáo. “Các con nên uống”: Khuyến đúng như lời dạy mà hành.

“Trong các con những người chẳng mất bốn tâm”: là nói thí dụ người lợi căn trước ngộ: Từ Hoa Nghiêm đến Pháp Hoa lãnh giáo được ngộ tức người kia. Ngoài ra những người mất bốn tâm là thí dụ người độn căn chưa liễu ngộ, tức là thí dụ Phật không đối gạt; vì người độn căn nên Phật bất diệt mà tuyên bố diệt độ, cũng tức hiện tại trong ba thời dụ cho thời sau lợi ích chúng sinh. “Thấy cha về tuy cũng vui mừng hỏi

thăm”. Nêu người hạ căn chúng sanh thấy Phật ra đời cũng khởi tâm vui kính. “Cầu xin trị bệnh”: Cũng có căn cơ cảm giáo nghe nói pháp mầu nhiệm. “Song trao thuốc cho mà không chịu uống”: người độn căn tuy lại tìm giáo mà không thể ngộ lý như con mắt bồng tâm không chịu uống thuốc”. Khí độc thấm vào làm mất bồng tâm”: là giải thích không uống thuốc là vì tà hạnh thấm vào làm mất chánh giải ở bồng. “Đối với thuốc thơm tốt mà cho là không ngon”: Đối với chánh giáo Phật không nhận được vị của lý. “Người cha nghĩ rằng”: Thí dụ Như lai thị hiện diệt: Văn có ba:

- 1) Định muốn tuyên bố diệt.
- 2) Chánh thức tuyên bố diệt.
- 3) Là nói chính diệt.

Muốn tuyên bố diệt: Chúng sanh chấp thường không muốn tu đạo, nghĩ muốn cách đời muốn thị hiện vô thường khiến chúng sửa đổi mà ngộ. “Nghĩ thế rồi bảo rằng”: Nêu chánh diệt như đức Thích-ca tự hện ba tháng, lại như kinh Niết-bàn sớm chiều tuyên bố diệt. Lại như kinh chép: Tuổi ta đã tám mươi, hình thể như chiếc xe hư cũ phải nhập Niết-bàn thôi! “Lương được tốt này nay để ở đây”: Đức Phật tuy cách đời mà lưu lại pháp bất diệt, cho nên mười hai bộ kinh giao phó cho A-nan và Ca-diếp. “Dạy bảo như thế rồi đến nước khác”: là nói chánh diệt. “Sai sứ về nói”: Chánh nhập Niết-bàn để lại hình Xá-lợi xây tháp thờ, tức là sai sứ.

“Bấy giờ các con...”: là nói thí dụ độn căn được hiểu: Thấy Phật Niết-bàn tâm ngộ vô thường liền đắc đạo như uống thuốc lành bệnh: “Người cha nghe các con...”: là dụ Như lai trở về nhà: Chúng sanh nghe Phật nhập Niết-bàn liền ngộ hiểu tức thấy pháp thân, biết Phật bất diệt trở lại bồng giáo hóa nên gọi là trở về. “Các người thiện nam v.v...”: là thí dụ Phật không đối gạt Phật chép: Ta cũng như vậy: là hợp thí, chỉ có ba ý: ý đầu nêu bất diệt. “Vì chúng sanh”: phương tiện thị hiện diệt, “cũng không ai có thể” là nói chẳng đối gạt.

Kệ tụng có hai mươi lăm hàng rưỡi: tụng văn xuôi hai chương. Đầu có hai hàng kệ: Tụng quá khứ vô thí, kế có hai mươi ba hàng rưỡi tụng vị lai vô chung. Sở dĩ tụng hai chương này là để hiểu rõ Như lai Thọ Lượng vô thí vô chung, bác bỏ Nhị thừa phàm phu cho là nghĩa có thí chung. Văn xuôi hai môn mỗi môn đều chia thành ba: Môn đầu có ba:

- 1) Nói quá khứ vô thí.
- 2) Giải thích nghi.

3) Tổng kết.

Nhưng văn trên đã rộng nay chuyển thế nói pháp lược làm hai ý tụng: hàng kệ đầu tụng chứng pháp thân lâu, kế kệ tụng thù ứng nói pháp lâu, tức nhiếp chung hết tất cả nghĩa của văn xuôi. “Vì độ chúng sanh v.v...”: Tức tụng chương hai: vị lai vô chung: Trong văn xuôi cũng có ba: Chính là nói vị lai vô chung, kế nêu bất diệt thị hiện diệt để giải thích nghi, kế nêu chẳng đối, nay kệ cũng chỉ chia hai:

- 1) Tụng bất diệt thị hiện diệt để giải thích nghi.
- 2) Tụng nghĩa chẳng đối.

Sở dĩ tụng hai thứ này chính vì người chấp giáo cho rằng Phật vô thường, Song lâm diệt tận, nay muốn nói lên Phật thường trú cho nên nói về Phật bất diệt mà phương tiện thị hiện diệt, nhưng bất diệt thị hiện diệt tợ đồng đối gạt, cho nên kế tụng nghĩa không đối. Hai thứ này nói nghĩa vị lai vô chung được rõ ràng nên kệ chỉ tụng hai thứ này. Văn xuôi phần bất diệt thị hiện diệt đã lược, nay chuyển thế rộng tụng, chia làm ba phần:

- 1) Chín hàng kệ căn cứ Phật hai thân bốn tích nói về nghĩa diệt bất diệt.
- 2) bốn hàng rưỡi căn cứ hai cõi tịnh uế nói nghĩa diệt bất diệt.
- 3) Bốn hàng tổng kết thân, cõi nói về cảm thấy khác nhau. Ba thứ này tổng kết hết tất cả các nghĩa, văn xuôi nói không hết nghĩa, kệ rộng trình bày.

Phần đầu chia làm ba:

- 1) Hai hàng nói diệt bất diệt.
- 2) Sáu hàng rưỡi giải thích ý diệt bất diệt.
- 3) Nửa hàng tổng kết nói về diệt bất diệt.

Hai hàng đầu lại chia hai:

- 1) Căn cứ môn thuyết pháp nói về diệt bất diệt.
- 2) Căn cứ môn thần thông nói về diệt bất diệt.

Nói pháp hiện thần thông nhiếp nghĩa đã cùng khắp cho nên chỉ nêu hai thứ này. “Chúng thấy ta diệt độ v.v...”: sáu hàng rưỡi nêu được lợi ích giải thích ý diệt bất diệt. Văn chia làm hai:

- 1) Một hàng nêu thấy Phật diệt độ sanh phước được lợi.
- 2) Năm hàng rưỡi nêu thấy Phật diệt độ sanh trí tuệ được lợi ích; trong năng hóa tuy có nói pháp thần thông, mà sở hóa được lợi ích không ngoài công đức và trí tuệ cho nên chỉ nêu hai nghĩa này. Nhân trên môn thần thông sanh công đức lợi ích, nhân trên môn thuyết pháp sanh trí tuệ lợi ích. Trên trước nói về nói pháp sau nói thần thông, nay

phải trước nêu trí tuệ sau biện công đức, nhưng vì thế vẫn nối kế gần trước nói công đức sau nói trí tuệ. Căn cứ trí tuệ được lợi ích trong đó có hai: Hàng đầu nói chúng sanh cảm. Bốn hàng rưỡi sau biện Phật ứng; trong ứng có Ba bảo hiển nghĩa bất diệt: nửa hàng đầu nói hai ngôi báu Phật, Tăng đều xuất nên nói hai ngôi báu bất diệt.

“Ta nói với chúng sanh v.v...”: là nói pháp tức pháp bảo là nói về diệt bất diệt. Trong phần tụng nói pháp một bài đầu xét riêng cõi này luận nghĩa diệt bất diệt. Kế một bài rưỡi hiệp cõi kia đây luận diệt bất diệt, kế một bài rưỡi riêng xét phương khác luận diệt bất diệt, nói về diệt bất diệt tuy lại vô cùng mà ba thứ này nhiếp hết. “Sức thần thông như thế...”: là nửa bài tổng kết, nói về diệt bất diệt đây đều là thần thông thị hiện mà pháp thân Như lai phi diệt phi bất diệt. “Thường ở núi Linh Thứu v.v...”: bốn hàng rưỡi căn cứ hai cõi tịnh uế luận bất diệt. Sở dĩ có chương này vì có hai nghĩa:

1) Giải thích nghi cho nên có. Thời chúng nghi rằng: Hiện thấy thời kiếp hỏa khởi, trời đất ắt cạn kiệt, thân Như lai đâu được thường còn! Nên nay nói cõi có tịnh uế, uế độ bị đốt cháy, tịnh độ không bị diệt, tích thân hiện diệt mà pháp thân thường tồn.

2) Trên luận Như lai hai thân chân ứng hiện quả chánh báo đã rồi, nay kế luận hai cõi tịnh uế biện y báo cõi quả Phật chánh báo thì nghĩa là ứng thân thị hiện diệt mà pháp thân bất diệt, nghĩa y báo thì uế độ tự hủy, tịnh độ không đốt cháy cho nên thân chỉ bốn tích, cõi chỉ tịnh uế, muốn nói nghĩa này nên có văn này. Phẩm này đã có tịnh độ, nay nói, luận Pháp Hoa giải thích phẩm này có ba thân; nay đối ba thân cũng có ba cõi (độ):

1) Pháp thân dừng nghỉ nơi cõi thật tướng. Phổ Hiền Quán chép: Đức Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ, Đức Phật kia trú cõi Thường tịch Quang tức pháp thân độ. Kinh Nhân Vương chép: Ba Hiền, mười Thánh trú quả báo chỉ có Đức Phật ở tịnh độ. Kinh An Lạc chép: Cũng lấy Trung đạo đệ nhất nghĩa gọi là cõi pháp thân, nhưng các pháp tướng vắng lặng không thể dùng ngôn ngữ tuyên bày, sao luận thân và không thân, cũng đâu có cõi cũng không phải cõi, chỉ là trong vô danh tướng vì chúng sanh mượn danh tướng nói cho nên nói thân cùng cõi. Tuy khai hai thật thân, cõi mà không hề có hai chỉ căn cứ nghĩa khác nhau nên chia làm hai: Nghĩa năng trụ gọi là chia sở trụ gọi là cõi. Như kinh Kim Quang Minh loại bảy quyển phẩm Tam thân nói đầy đủ có trí như như và cảnh như như, căn cứ nghĩa mà so với cảnh tức là cõi.

2) Báo thân báo độ: nhưng báo thân tức là ứng thân, ứng thân có hai thứ: a) Trong. b) Ngoài.

Trong cùng pháp thân tương ứng gọi là ứng thân, đây cũng thuộc pháp thân cùng pháp thân đồng cội, Luận Pháp Hoa chép: Tịnh độ ta không hủy mà chúng thấy thiêu hủy tận, tức báo thân Như lai, tịnh độ chân thật thuộc về bậc nhất nghĩa, nên đây tức là cội báo thân. Nếu ứng ngoài gọi báo thân hóa đại Bồ-tát nơi tịnh độ thành Phật, đây dùng ngọc báu làm tịnh độ, cội này mới không bị kiếp lửa đốt cháy mà cuối cùng có tận diệt, vì sao? Vì nay khai thân có thường vô thường ba câu:

- 1) Pháp thân chỉ thường, phi vô thường.
- 2) Hóa thân chỉ vô thường phi thường.
- 3) Ứng thân vừa thường vừa vô thường.

Ứng thân bên trong gọi là thường, ứng ngoài gọi là vô thường, thân đã ba thứ cội cũng theo lệ như. Cội pháp thân chỉ thường, phi vô thường, hóa thân chỉ vô thường phi thường, cội ứng thân cũng thường cũng vô thường. Trong cội ứng thân đây tức là thường, ngoài cội ứng thân tức đây vô thường. Nếu phân hai cội tịnh uest thì pháp thân báo thân hai cội đây là tịnh độ, nhưng cội hóa thân đây tức bất định hoặc tịnh hoặc uest.

Hỏi: Bồ-tát cũng có ba thân ba cội phải không?

Đáp: Tùy phần có. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thân tướng Phổ Hiền cũng như hư không, nương vào Như như, không nương vào cội Phật, Như như tức cội pháp thân, hai thân còn lại có thể biết.

Hỏi: Các chúng thấy lửa đốt sạch mà tịnh độ không hủy đây là một chất thấy khác, hay là khác chất đồng một chỗ ư?

Đáp: Theo ý ngài La-thập và Luận Pháp Hoa là khác chất đồng chỗ. Nói khác chất: hai chất Tịnh uest độ. Đồng chỗ: Tịnh chất ở chỗ uest, uest chất ở chỗ tịnh, thô diệu đã khác nhau không làm chướng ngại nhau nên văn này nói thường ở núi Linh Thứu tức biết tịnh độ ở tại chỗ uest: Kế nêu một chất thấy khác: Nói một chất đây có nhiều môn, nếu luận theo chánh đạo thì không hề có tịnh uest, tùy hai duyên tịnh uest thấy hai cội tịnh uest. Do đối tịnh uest hai sự thấy nên nói phi tịnh phi uest gọi là một chất nên nói một chất mà có hai sự thấy. Nếu luận theo hai duyên chính nó, một chất thấy khác, thì tự có là một tịnh chất, người phước mỏng tự thấy kia uest, tự có là một uest chất đối người phước đức tự thấy kia tịnh. Tổng luận chất và sự thấy đều có bốn trường hợp: Chất có bốn trường hợp: Tự có một chất khác chỗ, khác chất một chỗ, một chất một chỗ, các chất khác chỗ. một chất khác chỗ: là một chất phi tịnh uest ở chỗ tịnh

uế khác. Khác chất một chỗ: Tịnh uế chất khác nhau ở chung một chỗ phi tịnh uế. Sở dĩ có hai câu này là do các pháp bốn tánh vắng lặng nên gọi một chất, bốn tánh kia vắng lặng mà không lia tịnh uế nên ở hai chỗ tịnh uế. Tuy có hai chất tịnh uế thường bốn tánh vắng lặng nên gọi hai chất một chỗ. một chất hai chỗ: Tức là chân tế bất động kiến lập các pháp; hai chất một chỗ nghĩa là không hoại, giả danh mà nói thật tướng. một chất một chỗ: Thắng căn cứ thật tướng mà luận thật tướng. Khác chất khác chỗ: Độ có tịnh uế tại kia đây không đồng.

Sự thấy có bốn trường hợp: một chất một thấy một chất Trung đạo là hàng Bồ-tát nhân Trung đạo đắc chánh quán nên thấy cõi Trung đạo. Khác chất thấy khác. Tịnh uế khác chất tùy hai duyên tịnh uế thấy. một chất thấy khác: một chất phi tịnh uế, ở tịnh uế duyên thấy có tịnh uế. Khác chất một thấy: Hai chất tịnh uế hàng trí giả thấu đạt rõ kia không hai. Kế căn cứ dụng luận bốn trường hợp:

1) Một chất khác chỗ như một tịnh chất thông nơi hai chỗ tịnh uế. Như Thích luận chép: Chất của hương, thành Đàm vô kiết tức là nơi thành, hương, mà thành hương, ấy ở cõi uế Diêm-phù-đề.

2) Hai chất tịnh uế đồng một chỗ do thô diệu không ngăn ngại nhau.

3) Hai chất hai chỗ: Hai chất tịnh uế ở nơi hai chỗ kia đây.

4) Một chất một chỗ: Như tịnh chất ở nơi chỗ tịnh, uế chất cũng.

Căn cứ thấy luận bốn trường hợp:

1) Tự có một chất một thấy. Đối một chất lại khởi thấy tịnh, uế độ cũng vậy.

2) Hai chất hai thấy, đối hai chất tịnh uế đều khởi tịnh uế hai thấy.

3) một chất hai thấy, chỉ là tịnh chất mà đối hai duyên chỗ thấy khác nhau.

4) hai chất một thấy, tuy có hai chất tịnh uế mà đối với người có phước đức thì chỉ thấy tịnh, người không có phước đức chỉ thấy toàn uế.

“Thường ở núi Linh Thứu...”: Có bốn hàng rười vãn chia làm bốn trường hợp:

1) Đầu nửa bài nêu thường tại núi Linh Thứu, nêu Phật cùng cõi cả hai bất diệt.

2) Nửa hàng bỗng chúng nghi rằng: “Hiện thấy kiếp lửa thiêu đốt, người và cõi đều không, vì sao được gọi là thường” ư!

3) Hai hàng rười chính nói về cõi tịnh không bị hoại.

4) Một bài tổng kết tịnh độ không bị hủy, chúng sanh thấy lửa.

“Chúng sanh tội đó v.v...”: bốn hàng nêu cảm thấy khác nhau cùng kết người và cõi:

1) Hai hàng đầu nêu hai người có tội và phước cảm thấy tịnh ược khác nhau kết thành nghĩa cõi.

2) Hai bài: vì hai duyên nói tuổi thọ Phật dài ngắn thành nghĩa Phật diệt bất diệt. Hai bài kệ này có ba ý: một đầu chính nêu tùy duyên nói dài ngắn, kế nửa hàng khen ngợi trí Phật. Sau nửa hàng nêu nhân xa để giải thích quả dài.

“Các ông người có trí v.v....”: Kế tụng văn xuôi nói không đối, văn xuôi có ba: Pháp, thí, hiệp, nay tụng đủ. Kệ đầu tụng pháp nói kế kệ tụng thí nói, bốn hàng kệ sau tụng hợp thí. bốn hàng kệ chia làm bốn:

1) Kệ chánh hợp thí nói về bất diệt thị hiện diệt.

2) Kệ giải thích ý bất diệt thị hiện diệt.

3) Kệ trình bày chung Phật tùy duyên nói tất cả giáo.

4) Kệ nói giáo tiêu biểu lý, tông chỉ trở về thành Phật.

PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI BẢY

Phẩm này rộng khai thân quyền thân thật, là phần thứ ba nói về lãnh thọ giáo được lợi ích. Nói phân biệt công đức: Có hai nghĩa:

1) Nghe nói tuổi thọ được lợi ích, Đức Phật đối Di-lặc phân biệt người đắc ngộ công đức cạn sâu có mười hai vị đặt tên theo phẩm đầu.

2) Cuối phẩm này có đoạn lớn truyền bá, rộng phân biệt người trì kinh được công đức nên đặt tên theo đoạn sau, hiệp lại đều từ hai chỗ đặt tên cho nên dùng gọi tên phẩm. Nhưng tên công đức có chung và riêng: Nói riêng là đối trí tuệ để nói công đức, như năm độ có hành là công đức, Bát-nhã chiếu không là trí tuệ, tự có ngộ sâu là trí tuệ, hiểu cạn là công đức. Như kinh Niết-bàn Phẩm Sư Tử Hống chép: Địa tiền là công đức, đặng Địa là trí tuệ. Nói chung là do công tu đắc đều gọi là công đức. Nếu vậy công đức trí tuệ đều là do công tu đắc, đều gọi là công đức.

Nay phẩm này gọi công đức tức là nói chung tên công đức. Văn chia làm hai:

1) Nói được lợi ích.

2) Nói cảm điềm lành, được lợi ích có hai:

a) Người dịch kinh trình bày chung được lợi ích.

b) “Khi đó đức Thế tôn v.v...” Là trình bày riêng được lợi ích.

Sở dĩ nói riêng được lợi ích là vì các công đức này chẳng phải Đức Phật không phân biệt, mà do đại chúng không biết cho nên phải phân biệt. Văn này lại chia làm hai:

1) Nêu Đấng địa trở lên thánh Đại thừa được lợi ích.

2) Nói Địa tiền phát tâm Bồ-đề được lợi ích.

Luận Pháp Hoa chép: Phát tâm Bồ-đề lợi ích là địa vị Thập tín, được lợi ích tuy nhiều mà đều thấu nhiếp trong hai thứ này; căn cứ Thánh được lợi ích có mười một vị. Có người chép: sáu vị đầu tức là Bồ-tát lục địa dứt phần đoạn sanh tử của giới nội, năm vị sau là Thất địa trở lên đồng dứt phần dịch sanh tử của ngoại giới, giới nội cách Phật xa chưa nói số lần sanh, giới ngoại cách Phật gần nên nói số sanh. Nay nói việc này khó biết, chỉ dựa theo văn chia làm hai: sáu vị đầu nêu tăng đạo lợi ích, kể năm vị nói tổn sanh lợi ích, tuy có tăng đạo tổn sanh khác nhau đều là từ kém đến hơn xếp vào thứ lớp.

1) Đắc vô sanh pháp nhãn lợi ích, do nghe tuổi thọ Phật sơ chứng vô sanh, vô sanh là Thánh vị căn bản cho nên nêu trước, theo luận Pháp Hoa lấy Sơ địa làm vô sanh pháp nhãn.

2) Đắc nghe, trì lợi ích đây là đắc vô sanh pháp nhẫn lại nghe pháp cao quý trì mà không mất, vô sanh tức là phương tiện thật tuệ, nghe trì là thật phương tiện tuệ, thật phương tiện tuệ đã là khéo dụng thì cao quý hơn vô sanh cho nên nêu thứ hai.

3) “Đắc nhạo nói vô ngại biện tài”, nghe trì là tự giải, nhạo nói là hóa tha, nghĩa kia chuyển cao quý hơn ở vị thứ ba.

4) Đắc vô lượng triền Đà-la-ni, đối trong pháp môn tròn đầy đầy đủ ẩn hiện vô ngại hơn nhạo nói trước nên thứ tư.

5) Chuyển bất thoái pháp luân, trước tuy đắc triền trì chưa đắc bất thoái, nay đang bất thoái cho nên hơn trước.

6) Năng chuyển Pháp luân thanh tịnh, trước tuy bất thối còn chưa thanh tịnh nay chứng thanh tịnh nên hơn trước.

Hỏi: Trước một thế giới Phật, sau nói Tam thiên đại thiên thế giới, đây có gì khác nhau?

Đáp: Đại luận Trí Độ chép: mười phương đều như hằng sa Tam thiên đại thiên thế giới gọi là một thế giới. Phật, vì vậy nên ba ngàn cùng một thế giới Phật khác nhau.

Kế nêu “tám đời sẽ đắc Bồ-đề v.v...:” Là nói tổn sanh lợi ích. Có người chép: Từ Thất địa đến Kim cương Tâm thành nghĩa tổn sanh. Vô minh trú địa phiền não chia làm chín phẩm, một phẩm làm duyên một đời nghĩa là kế dứt một phẩm tức tổn một đời, nay Thất địa hạ nhãn nghe kinh làm duyên đang Thất địa thượng nhãn, dứt một phẩm hoặc tổn ở một đời nên nói tám đời sẽ đắc Bồ-đề. Thất địa thượng nhãn nghe kinh làm duyên, đang Bát địa hạ nhãn dứt một phẩm hoặc tổn một đời, bảy đời còn lại tại Bát địa hạ nhãn nghe kinh làm duyên, tiến đang Bát địa thượng nhãn, lại dứt một phẩm hoặc tổn nơi một đời, sáu đời còn lại tại Bát địa thượng nhãn nghe kinh làm duyên đang Cửu địa hạ nhãn, tiến dứt một phẩm lại tổn một đời; còn lại năm đời tại Cửu địa hạ nhãn nghe kinh làm duyên đang Cửu địa thượng nhãn, lại dứt một phẩm tổn một đời, còn lại bốn đời tại trong vẫn. Từ tám đời cho đến bốn đời, vẫn kinh còn lược như vậy nên biết, bốn đời tức là Cửu địa thượng nhãn nghe kinh làm duyên đang Thập địa hạ nhãn, dứt một phẩm lại tổn một đời còn lại ba đời; Từ Thập địa hạ nhãn nghe kinh làm duyên đang Thập địa thượng nhãn dứt một phẩm lại tổn một đời còn lại hai đời; Từ Thập địa thượng nhãn nghe kinh làm duyên đang Kim cương Tâm dứt một phẩm lại tổn một đời, một đời còn lại đến quả Phật mới dứt hết. Nay cho rằng đây giải thích nghĩa khó rõ không thể trình bày đầy đủ nghĩa được mất. Nay trong kinh luận nói về có hai thứ sanh:

1) Ứng sanh.

2) Thật sanh.

Như luận Trí Độ giải thích phẩm Vãng sanh nêu một đời Bồ-tát và ba đời Bồ-tát đều là ứng sanh, vì sao biết như vậy? Vì Bồ-tát trú Thập địa không nên thọ sanh trời người, mà nay thọ sanh trời người đây là ứng sanh. Nay nói tám đời cho đến một đời, tám đời trải qua thọ sanh trời người cho nên đắc Bồ-đề cho đến thọ sanh cõi Đâu suốt một đời sẽ đắc Bồ-đề vì thế gọi là ứng sanh. Nhưng ứng sanh có nhiều ít tùy duyên nên như vậy và cũng được nói do ngộ lý sâu cạn dứt hoặc nhẹ nặng cho nên ứng sanh có nhiều ít.

Kể nói thật sanh: Như Kinh Nhân Vương khen ngợi công đức Bồ-tát ba mươi đời, một địa có ba đời nghĩa là nhập phần làm sơ sanh, trú phần làm trung sanh, mãn phần làm chung sanh (cuối đời). Nhiếp Đại thừa luận Địa luận đều có ba vị, nếu theo nghĩa này nói tám đời, thì vốn là Thất địa cuối đời nghe kinh nên đặng Bát địa mới sanh cho nên còn lại tám đời. Vốn là người Bát địa mới sanh nên đắc nhập Bát địa trú phần bảy đời còn lại, vốn là hàng Bát địa trú phần nghe kinh đắc mãn phần còn lại sáu đời, vốn là Bát địa mãn phần nghe kinh đắc nhập Cửu địa sơ phần còn lại năm đời, vốn là Cửu địa sơ phần nghe kinh đắc nhập trú phần còn lại bốn đời, vốn là trú phần nghe kinh đắc nhập mãn phần còn lại ba đời, vốn là Cửu địa mãn phần nghe kinh đắc nhập Thập địa sơ phần còn lại hai đời, vốn là Thập địa sơ phần nghe kinh đắc nhập trú phần còn lại một đời, vốn là trú phần nghe kinh cho nên đắc nhập Thập địa mãn phần liền ngời đạo tràng được thành Phật. Vì đây là một cách nói theo thứ lớp ngộ, nếu vượt ngộ thì thời gian giữa không nhất định mà hai đời quyền thật chính là căn cứ thật sanh, do nghe kinh đắc thật lợi ích. Theo luận Pháp Hoa chép: Tám đời cho đến một đời đắc Bồ-đề, đây do Sơ địa lia phần đoạn sanh tử ba cõi tùy phần năng thấy chân như Phật tánh gọi là đắc Bồ-đề, không phải rốt ráo vô thượng Bồ-đề. Ý này là nói vốn là người Địa tiền do sức nghe kinh nên tùy phần sâu cạn, trải qua tám đời thọ phần đoạn sanh tử cho đến một đời thọ phần đoạn sanh tử liền chứng Sơ địa Bồ-đề.

Hỏi: Nghe kinh nói tuổi thọ vì sao đắc vô sanh nhẫn cho đến phát tâm Bồ-đề ư!

Đáp: Nếu y xưa nêu kinh này nói Phật vô thường, không nên đắc vô sanh nhẫn, vì sao? Vì nói vô thường làm sao khiến người ngộ thật tướng ư! Lại Đức Phật đã vô thường chung qui diệt đâu đủ an vui mà phát tâm cầu. Nếu nói kinh này là che lấp tướng thường, đã là che lấp

tướng liền phi liễu nghĩa, làm sao được lợi ích liễu nghĩa ư! Nếu nói kinh này nói về Phật quyết định thường tức là thường kiến, làm sao khiến người đắc vô sanh nhẫn ư! Nay nêu phẩm này nói pháp thân Phật bất bốn câu siêu bách phi, cho nên trước chép: không có sanh tử hoặc thoái hoặc xuất cho đến phi thật phi hư phi như phi dị tức biết phi thường phi vô thường không dài không ngắn mà dài ngắn hợp duyên thường vô thường khéo léo, chúng đương thời nghe đây nên đắc vô sanh và phát tâm Bồ-đề.

Hỏi: Phật thọ vô lượng mà chúng sanh thọ hữu lượng tự nhiên, đây chính là chúng sanh và Phật có hai kiến, người có hai kiến không có đạo, không có quả làm sao được lợi ích ư?

Đáp: Nếu người hai kiến tức không được lợi ích nay đã ngộ tuổi thọ Phật vô tử vô chung bất sanh bất diệt bất bốn câu siêu bách phi tức rõ thân mình cũng vậy, đây tức ngộ chúng sanh Phật không hai vì vậy nên được lợi ích.

Hỏi: Kinh này chỉ nêu tuổi thọ Phật vô sanh diệt tử chung, chỗ nào nói tuổi thọ của chúng sanh cũng vô sanh diệt tử chung ư?

Đáp: đây hỏi mà không đọc phẩm Thọ Lượng Kinh Pháp Hoa, Phẩm Tuổi thọ nói Như lai như thật thấy biết, ba cõi không có sanh diệt cho đến phi thật phi hư cho nên biết ba cõi tức là pháp thân, cũng khiến chúng sanh ngộ như thế.

Hỏi: Các kinh khác nói người ngộ đạo ít, giáo nầy vì sao được lợi ích nhiều ư?

Đáp: Kinh này kết hợp đầu đuôi chia hai quyền hai thật tức giáo chẳng chỗ nào không cùng khắp lý đều đầy đủ, người sở ứng đắc đạo hiểu tận kinh này vì vậy nên người ngộ đạo nhiều. Lại Như lai một phen hóa gồm có ba môn:

- 1) Môn gom tà về chánh.
- 2) Môn gom khác qui đồng.
- 3) Môn gom nhân qui quả.

Trước Pháp Hoa chỉ có một môn, kinh đây phần đầu gọi là môn gom khác về đồng, phần sau kinh là nhiếp nhân về quả. Lại kinh này kết hợp đầu đuôi thì đầy đủ ba môn, ba môn gom giáo lý đã khắp nghe thấy đều ngộ đạo. Kế sở hóa của đức Thích-ca gồm có hai loại Phật tử:

- 1) Người thất tâm.
- 2) Người không thất tâm.

Người không thất tâm bắt đầu từ Hoa Nghiêm cuối đến Pháp Hoa

nghe giáo đều ngộ, những người thất tâm thì đợi Phật tuyên bố diệt đến khi nói Niết-bàn mới đắc ngộ, nay nói người không thất tâm ứng ngộ đều đã đắc ngộ cho nên người nhập đạo nhiều. Người không thất tâm gồm có hai hạng.

1) Bồ-tát Trực vãng.

2) Hồi tiểu nhập đại, hai hạng người này nghe kinh Pháp Hoa đều được ngộ đạo do đó nhiều.

“Lại có tám thế giới cát bụi v.v...:” là nói người Địa tiền được lợi ích phát tâm Bồ-đề. “Đức Phật nói pháp này...”: là nói tướng lành tức hiển lý đã rõ người ngộ đạo chẳng phải một cho nên cảm điếm lành, gồm có tám điếm lành, như văn có nêu.

Hỏi: Trước bỏ ba bày một vì sao không có điếm lành?

Đáp: đầu tiên nói nghĩa một quyền một thật chưa rõ ráo, và ba căn Thanh văn sanh tín còn nông cạn cho nên chưa hiện điếm lành nay khai đủ hai thứ quyền thật người ngộ đạo nhiều cho nên hiện điếm lành. “Khi ấy ngài Di-lặc...”: là nói Di-lặc nghi trừ lãnh giải nói kệ khen ngợi.

Kệ có mười chín hàng chia làm bốn phần:

1) Một bài tụng giáo Phật nói.

2) Mười hàng tụng người được lợi ích.

3) Sáu hàng tụng điếm lành.

4) Hai bài khen ngợi Phật.

Trong phần hai lại chia làm ba:

1) Một hàng nói chung được lợi ích.

2) Tám hàng tụng riêng được lợi ích.

3) Một hàng tổng kết khen ngợi.

Tám hàng kệ ấy lại chia hai:

1) Bảy hàng tụng lợi ích đắc Thánh.

2) Một hàng tụng phạm phu phát tâm lợi ích. Trong bảy hàng có ba hàng tụng tăng đạo, ba hàng tụng tổn sanh, một bài tổng kết tụng hai thứ này.

“Lúc bấy giờ, Phật bảo” v.v...: là nói so sánh lượng khen ngợi, căn cứ văn có hai:

1) Trường hàng.

2) Kệ tụng.

Văn xuôi có ba:

1) Chính nói về công đức.

2) Chính là so sánh lượng.

3) Tổng kết khen ngợi.

“Nếu có người thiện nam v.v...”: là nói so sánh lượng, chỉ nói năm độ không nói Bát-nhã, người tin hiểu tuổi thọ lâu dài, tâm này tức là Bát-nhã không thể lại đem Bát-nhã so sánh Bát-nhã. Lại Bát-nhã tức là nghĩa tuổi thọ Phật chiếu cảnh gọi là bình đẳng đại tuệ. Dụng đại tuệ làm mạng nên gọi là tuệ mạng, tức đây là đại tuệ dùng pháp làm thân nên gọi Pháp thân. Nên biết Bát-nhã tức là tuổi thọ Phật không thể dùng tuổi thọ so sánh tuổi thọ. Kinh Thắng-man nêu đủ sáu độ so sánh đây tức là vô phương tiện Bát-nhã. “Nếu thiện nam tử v.v...”: nêu tổng kết khen ngợi, kệ văn chỉ tụng hai chương sau.

Kệ mười bốn hàng tụng so sánh lượng, năm hàng rưỡi tụng tổng kết khen ngợi công đức. Mười bốn hàng đầu chia làm hai:

- 1) Mười hai hàng tụng riêng năm độ.
- 2) Hai hàng tụng so sánh lượng.

Mười hai hàng đầu lại chia hai: trước nêu thời gian dài tu hành sâu rộng nói chung năm độ, kế tụng năm độ.

“Lại nữa A Dật Đa...”: đoạn lớn thứ ba của kinh kể nói truyền bá, gồm có mười một phẩm rưỡi kinh chia làm hai phần:

- 1) Bốn phẩm rưỡi nêu khen ngợi truyền bá,
- 2) Từ phẩm Chúc lụy đến hết kinh là bảy phẩm nói về phó chúc truyền bá, chủ yếu cần phải khen ngợi pháp tốt đẹp người phước tuệ sâu rộng mới được nương tựa khiến thọ hóa mở rộng cho nên chia hai loại này.

Căn cứ phần đầu văn lại có hai chương:

- 1) Từ văn này đến phẩm Bất Khinh ba phẩm rưỡi kinh chính nói về khen ngợi pháp, khen ngợi người.
- 2) Một phẩm Như lai Thần Lực, Phật thấy chúng sanh hai đời nghe kinh được lợi ích tâm sanh vui mừng hiện thần lực lớn.

Chương đầu lại có hai:

- 1) Từ đây đến hết phẩm là lược khen ngợi truyền bá.
- 2) Ba phẩm rộng khen ngợi truyền bá.

Từ đây đến hết phẩm lại chia làm hai:

- 1) Khen ngợi, công đức của người mở rộng kinh khi Phật tại thế.
- 2) Khen ngợi công đức của người mở rộng kinh sau khi Phật diệt độ.

Căn cứ đầu lại có ba:

- 1) Nói công đức Văn tuệ.
- 2) “Huống chi rộng nghe v.v...”: là nói công đức Tư tuệ.

3) “A Dật Đa v.v...”: là nói công đức tu tuệ.

“Và lại sau khi đức Như lai diệt độ... “: là nói công đức của người trì kinh sau khi đức Như lai diệt độ. Trước là văn xuôi sau kệ tụng. Văn xuôi nói về bốn hạng người:

1) Người hạ phẩm có Văn tuệ.

2) Người trung phẩm Tư tuệ.

3) Người thượng phẩm là Tu tuệ.

4) Người thượng thượng phẩm là từ thượng phẩm tách ra thêm một phẩm.

“Huống là người đọc tụng...”: là nói người thứ hai gồm có hai câu:

1) Khen ngợi người trì kinh là người đầu đội Như lai.

2) “A Dật Đa...”: khen ngợi người trì kinh thau nhiếp các công đức.

Văn có bốn trường hợp:

1) Nói chung khen ngợi người trì kinh làm công đức xây tháp tạo chùa.

2) “Tức đem Xá-lợi Phật xây tháp bảy báu...”: là nói riêng công

đức xây tháp, v.v... của người trì kinh.

3) “A Dật Đa...”: là nói riêng các công đức của người trì kinh. “Cho nên ta nói...”: Tổng kết người trì kinh đầy đủ hai thứ công đức đủ cả xây tháp làm chùa.

“Huống lại có người...”: là nói người thượng phẩm Tu tuệ. “Nếu người đọc tụng...”: là nói người thượng thượng phẩm. Kệ văn chỉ tụng ba hạng người không tụng người Văn tuệ thứ nhất.

Kệ có mười một hàng rưỡi tụng về người Tư tuệ, kể ba câu tụng người tu tuệ thượng phẩm. “Chẳng sân chẳng ác miệng...”: là tụng người thượng thượng phẩm tu tuệ.



PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 11

PHẨM TÙY HỖ CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI TÁM

Ba phẩm dưới đây là nói rộng về công đức người trì kinh khuyến khích truyền bá, ba phẩm chia làm ba chương:

1) Phẩm Tùy Hỷ nói về công đức hạ phẩm.

2) Phẩm Pháp Sư nói về năm hạng pháp Sư tức là công đức trung phẩm này.

3) Phẩm Thường Bất Khinh nói về công trì Pháp Hoa được sáu căn thanh tịnh cho đến thành Phật gọi là công đức thượng phẩm.

Căn cứ phân vị:

1) Phẩm đầu Tùy hỷ là nói người sơ phát tâm đến địa vị Thập tín.

2) Người sáu căn thanh tịnh địa vị ba mươi tâm, nên Luận Pháp Hoa chép: Người được sáu căn thanh tịnh là hàng phàm phu nhờ lực của kinh cho nên được căn thẳng dụng, chưa nhập Sơ địa mà văn kinh nói là chưa đắc vô lậu cho nên biết đó là người Địa tiền.

3) Phẩm Thường Bất Khinh nói theo tích tức từ nội phàm trở lên đến thành Phật, ba phẩm này gồm nhiếp năm mươi hai địa vị Đại thừa. Năm mươi hai địa vị phàm thánh đều từ trong kinh Pháp Hoa sanh ra cho nên khen ngợi sự thẳng dụng của kinh, khuyến chúng sinh truyền bá hành trì.

Sở dĩ có phẩm này vì:

1) Xa trước phẩm Pháp Sư nói đệ tử hai đời nghe kinh tùy hỷ trên tuy nói liền thọ cho ký nhưng chưa nói rộng công đức, nay muốn nói nên có phẩm này.

2) Nếu theo phẩm kế tục sanh thì nghe phẩm Phân Biệt Công Đức trên vui mừng truyền đạt cho nhau nên có phẩm Tùy Hỷ. Cuối phẩm trên nói sau khi Như lai diệt độ nếu nghe kinh này không sanh chê bai

và khởi tâm tùy hỷ nên biết người ấy tin hiểu sâu xa, nay muốn nói công đức kia nên có phẩm này.

4) Muốn nêu kém bày thẳng khen ngợi công đức kia khuyên chúng sinh truyền bá hành trì, chỉ im lặng tùy hỷ thì phước đã vô biên huống chi lại viết chép thọ trì đọc tụng v.v... ư?

5) Phẩm trên nêu thọ trì cúng dường kinh này công đức vô lượng. Lại có người không thể viết chép thọ trì lại cho là không có công đức, vì vậy nên nay nói về nếu không thể viết chép thọ trì chỉ khởi tâm tùy hỷ thì phước cũng vô biên. Lại phần truyền bá Kinh này khiến ban đầu nói phẩm tùy hỷ: Kinh này nói về hai quyền hai thật trái với xưa nói những người chấp giáo nghe trái tai, nghịch tâm không thể tín nhận, vậy nên nay nói về công đức tùy hỷ vô biên tức là khuyên tin hiểu.

Hỏi: Vì sao người nghe kinh không nghe tùy hỷ ư?

Đáp: Trong phẩm Hiện Bảo Tháp đã nêu ra sáu người, nay nói về bốn:

1) Người học Tiểu thừa chấp chặt giáo xưa, nghe hai quyền hai thật trái tai nghịch tâm không sanh vui mừng.

2) Chấp Kinh này cũng là vô thường nhân quả vẫn còn chưa rõ ráo, nếu nghe nhân Nhất thừa nói có thật tánh, quả Nhất thừa thường trú bất diệt cũng trái tai nghịch tâm không sanh tín nhận nên không sanh tâm tùy hỷ.

3) Người chấp ngăn che tướng thường nghe kinh này mở cửa phương tiện chỉ bày nói tướng chân thật rõ ráo vô dư liễu nghĩa, cũng trái tai nghịch tâm nên không sanh tùy hỷ.

4) Người có sở đắc chấp chặt quyền là thật, nếu nghe phi quyền phi thật vô y vô đắc cho là đoạn kiến cũng trái tai nghịch tâm không sanh tùy hỷ, cho nên rất khó có người tùy hỷ, và công đức có nhiều như.

Hỏi: Vì sao gọi là tướng tùy hỷ?

Đáp: hai đoạn kinh đều có thể dụng, thể dụng của thừa quyền thừa thật là không ba không một; ngôn ngữ dứt, ý quên gọi là thể, của thừa, xưa vì chúng sinh nói ba, nay phá ba nói một gọi là dụng của thừa. Thể dụng trong thân quyền, thân thật pháp thân phi thường vô thường, mạng không dài không ngắn cũng lời đoạn ý dứt gọi là thể của thân Phật. Xưa vô thường nay thường, xưa ngắn nay dài gọi là dụng của thân, thuận theo thể dụng của hai quyền hai thật mà sanh vui mừng cho nên có tướng tùy hỷ.

Hỏi: Tùy hỷ có bao nhiêu thứ?

Đáp: Lược có hai thứ:

1) Tùy hỷ pháp.

2) Tùy hỷ người.

- Tùy hỷ pháp: Nếu thuận theo kinh này mà sanh vui mừng tức là Kim cương Bát-nhã, tín tâm không nghịch nên gọi là tùy hỷ.

- Tùy theo người trước làm mà sanh vui mừng, như thấy người thọ trì kinh này cho đến giải thích mà sanh vui mừng nên gọi là tùy hỷ người.

Hỏi: Tâm năng tùy hỷ và sự được tùy hỷ hơn kém hế nào?

Đáp: Có bốn trường hợp:

1) Điều không có hơn kém, sở tùy hỷ là vô sở đắc, năng tùy hỷ cũng vô sở đắc.

2) Năng sở đều kém, sở tùy hỷ là có sở đắc, năng tùy hỷ cũng có sở đắc.

3) Sở tùy hỷ hơn, năng tùy hỷ kém: như phàm phu tùy hỷ bậc Thánh gieo trồng gốc lành.

4) Năng tùy hỷ hơn, sở tùy hỷ kém, như bậc Thánh tùy hỷ phàm phu gieo trồng gốc lành.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm nói về có sở đắc tùy hỷ hồi hướng như là ăn tạp độc. Ăn tạp độc: Lúc đầu ăn tuy ngon sau thì hại thân. Có sở đắc tùy hỷ ban đầu cảm báo trời người sau sẽ thọ sanh già bệnh chết ưu bi khổ não nay nói về tùy hỷ những gì?

Đáp: Ý Phật nói về tùy hỷ Pháp Hoa, Pháp Hoa là pháp vô sở đắc tức là Bát-nhã, vì thế so sánh lượng ở phẩm trước nêu năm độ trừ Bát-nhã nên biết là tác vô sở đắc tùy hỷ. Lại nếu có sở đắc tùy hỷ, tức là chiêu cảm quả báo thế gian, làm sao có thể hơn sau tài thí pháp thí ư!

Hỏi: Có tâm năng tùy hỷ có sự được “Sở” tùy hỷ làm sao thành vô sở đắc ư?

Đáp: Đã gọi là năng sở tức là nhân duyên cho nên năng không tự tánh năng, năng gọi là sở năng, sở không có tự tánh sở, sở gọi là năng sở, năng sở như vậy không có tự tánh tức là vắng lặng, nên Trung luận chép: pháp do nhân duyên sở sanh tức là nói tánh vắng lặng. Tịch diệt bởi là năng sở rõ ràng tự nhiên không hề năng sở nên gọi là vắng lặng, vắng lặng rõ ràng tự nhiên mà không mất năng sở, năng sở rõ ràng mà vắng lặng tức là phương tiện thật tuệ, vắng lặng rõ ràng mà năng sở tức là thật tuệ phương tiện, cho nên kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát tùy hỷ đực không rơi vào tam, tưởng, thấy ba thứ điên đảo, nên dùng Bát-nhã phương tiện lực.

Hỏi: Hỷ trong Tứ đẳng, hỷ trong Thiên chi, bảugiác chi, năm thọ có gì khác với hỷ ở đây?

Đáp: Hỷ trong bốn vô lượng đẳng là mừng cho người khác mà được vui? Trong Thiên chi là mừng tự mình có được trừ bỏ, trong năm thọ là chung cả mình, người, cấu uế và thanh tịnh; trong bảugiác chi chỉ là vô lậu, đều có khác với hỷ ở phẩm này.

Hỏi: Chỉ tạo vô đắc tùy hỷ hay cũng tạo hữu đắc tùy hỷ ư?

Đáp: Ban đầu hành Bồ-tát chưa kham nổi tu tập quán không đắc, chỉ tác hữu đắc tùy hỷ mà còn hơn người nghe trái tai.

Phẩm chia làm hai: Hỏi và đáp. Hỏi có văn xuôi và kệ. Di-lặc nêu hỏi: Tùy hỷ hồi hướng là pháp môn Bồ-tát nên đại sĩ vì chúng sanh nêu ra câu hỏi. Sở dĩ chính nói sau khi Phật diệt độ: Vì chính đời không gặp Phật nên chúng sanh vọng tìm bờ tự bật. Phật đáp cũng có hai: Đầu là văn xuôi kệ là kệ tụng. Văn xuôi có hai:

1) Chính là nói tùy hỷ công đức, đáp Di-lặc hỏi.

2) Nói rộng về bốn người còn lại sở đắc công đức.

Nêu tặng người tùy hỷ có ba:

1) Thông nêu công đức năm mươi người tùy hỷ.

2) Chọn người thứ năm mươi sau cùng nêu hai thí tài pháp để so sánh lượng.

3) Nói sau so sánh đầu.

Nói đầu càng hơn trước lại chia làm ba:

1) là nói người tùy hỷ.

2) “Nghe kinh này tùy hỷ rồi”: là nói nghe pháp tùy hỷ.

3) “Từ trong pháp hội ra đến chỗ khác v.v...”: là nói chuyển giáo, tùy hỷ là tự hành, chuyển giáo là hóa tha.

“Các người đó nghe rồi...”: là nói người tự hành hóa tha. “Người khác nghe rồi v.v...”: là nói người tự hành hóa tha. “Xoay vần như thế đến người thứ năm mươi.” Trên nói lược ba người, nay từ bốn người trở lên đến năm mươi. “A Đạt Đa v.v...”: là nói so sánh lượng của người thứ năm mươi. Trên thì nói tùy hỷ, nay ở đây nói công đức thì gọi là phẩm nêu ai việc:

1) Tùy hỷ.

2) Công đức.

Lại chia bốn phần:

1) Hứa nói răn bảo lắng nghe.

2) “Nếu bốn trăm muôn ức v.v...”: Chính là nói tài pháp thí để hỏi Di-lặc.

3) Di-lặc vâng đáp.

4) Đức Phật so sánh lượng.

Trước nói về tài thí. Nói pháp thí. Trong phần nói về tài thí trước nói ruộng phước, kế nói thí chủ. Nói sáu đường nêu bốn loài, luận Tạp Tâm chép: sáu đường chỉ cho nhiếp chánh sanh không nhiếp trung ấm nhiếp sanh bất tận, nay muốn nhiếp sanh tận, cho nên nói bốn sanh. Trời và địa ngục hoàn toàn hóa sanh, ngạ quỷ có thai hóa sanh, nhân súc sanh đủ bốn loài. Nói sáu đường: khai hiệp khác nhau, hoặc hiệp làm một gọi là phần đoạn sanh tử, hoặc chia làm hai tức hai đường thiện ác, hoặc chia làm ba, có chỗ gọi là ba cõi, lại chia làm năm, y kinh Chánh Pháp Niệm nói Tu-la có hai: Hoặc quỷ hoặc súc sanh nên không có đường riêng. Theo Kinh Già-đà thì Tu-la gồm quỷ, súc sanh và trời thuộc về ba đường nên không có đạo riêng y kinh này thì nói sáu đường. Luận Trí Độ chép: ba thứ địa ngục gọi là lạnh, nóng, đen tối. ba thứ súc sanh là đất, nước, hư không. Ba thứ quỷ: Nga quỷ, quỷ ăn đồ bất tịnh, thần quỷ. Theo các kinh nói hai thứ địa ngục:

1) Chánh địa ngục ở bên biển lớn.

2) Biên địa ngục ở giữa các núi.

Chánh địa ngục có một trăm ba mươi sáu chỗ. Y Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Súc sanh có ba mươi bốn ức chủng loại, đủ có tứ sanh tứ thực: Nga quỷ có hai:

1) Ở loài người.

2) Ở cõi quỷ.

Diêm-phù-đề xuống dưới năm trăm do tuần là nước của ngạ quỷ, chủng loại riêng có ba mươi sáu. Bắt đầu từ ngạ quỷ thân bị nấu cho đến ngạ quỷ thân bị đốt. Có hình không hình là sáu đường cùng bốn sanh gồm nhiếp nghĩa là một môn nhiếp chúng sanh tức là thú cùng sanh, nay dùng hai môn gồm nhiếp gọi là có hình không hình. Kế là nhiếp ba môn gọi là hữu tướng vô tướng phi hữu tướng, phi vô tướng; kế bốn môn nhiếp, không chân, hai chân, bốn chân nhiều chân đều là tăng số pháp môn dùng để nhiếp sanh.

“Có người cầu phước...”: là nói về thí chủ. “Mà nghĩ rằng...”: Nói pháp thí gồm có ba câu:

1) Trước nói ý pháp thí.

2) “Liền nhóm chúng sanh đó v.v...”: chính là nói pháp thí.

3) “Đồng thời đều chứng đắc...”: Nói được lợi ích. Hai câu trước là pháp thí nay nói ruộng phước.

“Ngài Di-lặc bạch Phật v.v...:” Nói Di-lặc vâng đáp. “Đức Phật

bảo v.v...”: Chính là nói so sánh lượng hai thí: Thời gian dài tu hành sâu rộng sở dĩ không bằng tùy hỷ, vì tài thí là nhân thế gian, pháp thí chỉ đắc Nhị thừa, tùy hỷ siêu phàm vượt Thánh chắc sẽ thành Phật cho nên tùy hỷ là hơn. Như lửa đóm đóm trong khắp mười phương không bằng ánh sáng một mặt trời, loài dã can khắp cả đại thiên không bằng một con Sư tử. luận Trí Độ chép: Ba ngàn cỏ cây không bằng một cây Như ý. Lại tội phước từ sự trái và thuận lý sanh thế gian, nhị thừa gốc lành cách xa lý nên phước ít, tùy hỷ cách lý gần nên phước nhiều. Thiện có ba phẩm: Tài thí là nhân thế gian gọi là hạ phẩm, pháp thí khiến đắc Nhị thừa gọi là trung phẩm, tùy hỷ thành Phật gọi là thượng phẩm.

“A Dật Đa! Người thứ năm mươi như v.v...”: là dùng sau so sánh đầu. Có người chép: Người đầu tiên hơn, người sau cùng kém. Người thứ nhất trước nghe Phật nói pháp, kế năm mươi người nghe pháp tùy hỷ tức là năm mươi vị gọi là Thập địa, bốn mươi tâm, người thứ năm mươi là Thập tín sơ tâm, người đầu là Thập địa tâm cuối cho nên người sau không bằng người đầu. Nay nói về không đúng, nghe kinh hơn kém trước sau bất định, nay tạm theo một cách giải thích là người đầu gần gũi nghe nên phước hơn người sau nghe truyền lại nên phước kém.

Lại “A Dật Đa v.v...:” nói rộng bốn người còn lại: Di-lặc chỉ lược hỏi tùy hỷ, Đức Phật đáp rộng. Luận Trí Độ giải thích trong phẩm Vãng Sanh chép: Thân Tử lược hỏi mà Phật đáp rộng, như người nghèo xin chút ít vật dụng người giàu bố thí nhiều.

Hỏi: Phẩm nêu đủ về công đức năm người vì sao riêng đề phẩm Tùy hỷ?

Đáp: Tùy hỷ là đầu tiên trong năm người cho nên nói nghiêng lệch. lại phẩm này dùng nói riêng danh, phẩm Pháp Sư dưới từ thông thọ xưng hai danh tránh nhau nên nêu xen lẫn.

Người thứ nhất đi đến nghe pháp nên được quả báo sanh lên cõi trời, nếu đến bên cạnh nghe pháp thì rõ ràng được báo phước vô biên. Trong ba phẩm, nếu người hạ phẩm cất chân đi đều có xe voi ngựa đưa đi, người trung phẩm được đi xe bảy báu, người thượng phẩm lên cõi trời. Người thứ hai chỉ chọn phần tòa một bên nên được quả báo ba đời làm vua, nếu đến bên nghe pháp thì phước vô cùng. Người thứ ba chính chọn khuyên người nghe Pháp Hoa được bốn thứ báo:

1) Khuyên người nghe kinh đó chính là bạn lành cho nên sau được báo gặp bạn lành, nên nói cùng Bồ-tát Đà-la-ni sanh chung một chỗ.

2) Nên khuyên người nghe pháp trước người thọ giáo chỉ chốc lát nghe pháp phát sanh trí tuệ sau lại được quả báo trí tuệ, cho nên Kinh

nói lợi căn trí tuệ.

3) Dùng miệng nghiệp khuyên người nghe pháp mầu nhiệm người kia sanh tín chánh giải cho nên miệng không hôi hám được quả báo xinh đẹp khôi ngô.

4) Khuyên người nghe kinh người ấy là bạn lành đời đời thường được thấy Phật nghe pháp tín nhận dạy bảo. Người thứ tư, “huống chi nhất tâm nghe”: người ấy phước báo cao quý không thể nói hết.

Kệ có mười tám hàng tụng năm người trước chia làm năm biệt nhưng không thứ lớp: Chín hàng đầu tụng người thứ nhất. Kế năm hàng tụng người thứ tư. Sở dĩ tụng vượt đến người thứ tư là do người thứ tư cùng người đầu đều là nói rộng công đức cho nên tụng một chỗ. Ba người còn lại nói lược nên tụng một chỗ, lại tùy hỷ là vì người khác nói pháp. Thứ tư khuyến người khác nghe pháp đều là vì người khác, nghĩ ý nương nhau thành cho nên tụng một chỗ. Kế hai bài tụng người thứ hai, kế một bài tụng người thứ ba, đây đã là đi đến và phân tòa khiến ngồi, nghĩa loại liên tục nên liên kế tụng một hàng, sau tụng người thứ năm. Trước thứ một giải thích văn xuôi có ba, nay chín hàng tụng đủ, một bài rưỡi đầu tụng thứ một. “Người sau cùng v.v...” sáu hàng rưỡi tụng thứ hai nêu hai bố thí so sánh, kế một bài tụng thứ ba nêu sau so sánh đầu.

PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI CHÍN

Sở dĩ có phẩm này là vì:

1) Xa là từ phẩm Pháp Sư mà có, Phẩm Pháp Sư nói lược hai đời đệ tử hai đời Pháp sư, phẩm Tùy Hỷ đã nói rộng công đức hai đời đệ tử, nay kể nói công đức hai đời Pháp sư.

2) Gần từ cuối phẩm Phân Biệt Công Đức nói về ba phẩm người:

a) Hạ phẩm gọi là tùy hỷ người; Phẩm tùy hỷ đã nói rộng công đức kia.

b) Nay kể nói rộng hai phẩm người còn lại cho nên có phẩm này.

c) Trên phẩm Tùy hỷ lẫn lộn nói về hai thứ công đức thế gian xuất thế gian, như nương cung trời và tòa chuyển luân gọi là công đức thế gian, tùy hỷ chuyển giáo sau được thành Phật là công đức xuất thế gian, phẩm này chỉ nêu công đức xuất thế gian, do sáu căn thanh tịnh ở ba cõi không có nên gọi là xuất thế gian. Căn cứ địa vị nói về: Trước là địa vị đệ tử Thập tín, nay là địa vị các sư ba Hiền. Căn cứ người: Phẩm trước nói về năm người, phẩm này cũng nói về năm người.

Phẩm đây nói về Sư mở rộng pháp được công đức sáu căn thanh tịnh để khuyến khích người trì kinh, phẩm chia làm hai:

1) Nói chung năm hạng Pháp Sư đắc sáu ngàn công đức.

2) Biệt giải thích đối thường tinh tấn.

a) Tùy duyên thích nghi.

b) Người này trì kinh rồi đắc quả báo sáu căn thanh tịnh cho nên lại đối.

b) Muốn được tịnh căn ắt phải tinh tấn, nhân danh nói nghĩa cho nên đối. “Sáu ngàn công đức”: Bồ-tát hành thiện không ra ngoài ba nghiệp v.v...: Thân ba miệng bốn ý ba hiệp thành mười thiện: một thiện là đầu chín thiện còn lại trang nghiêm, mười thiện ấy xen lẫn trang nghiêm thành một trăm thiện. Tự hành một trăm thiện dạy người khác hành một trăm thiện, người khen ngợi một trăm thiện, pháp khen ngợi một trăm thiện, hiệp làm bốn trăm thiện. Căn cứ năm hạng Pháp Sư mỗi hạng đều đủ bốn trăm thành hai ngàn thiện, hai ngàn thiện này lại có phẩm thượng trung hạ cho nên thành sáu ngàn. Có người nói Bồ-tát hành Thập thiện, một thiện cũng dùng chín thiện trang nghiêm cho nên thành mười thiện, mười thiện liền thành một trăm thiện, tự hành một trăm thiện dạy người hành một trăm thiện, khen ngợi pháp làm một trăm thiện khen ngợi người làm một trăm hiệp thành bốn trăm, bốn trăm đây có thượng trung hạ phẩm thành một ngàn hai trăm, hàng ba căn trì kinh

dụng thẳng đầy đủ đắc ba phẩm nên có một ngàn hai trăm, còn ba căn trì kinh dụng kém chỉ đắc trung hạ hai phẩm nên có tám trăm. Có người chép: Căn cứ một trăm phước mà luận, kinh này có một trăm phước tướng trang nghiêm, phẩm Dược vương trang dụ, thì biết sáu căn đều đầy đủ một trăm phước, mỗi một phước đều có một trăm thiện trang nghiêm thành một ngàn công đức, một căn một ngàn thì thành sáu ngàn. Nhưng ba căn đối với việc mở rộng kinh công đức cao quý thì nhiều, ba thứ còn lại đã kém nên ít. Nói về năm thứ pháp Sư làm nhân cho nên được sáu ngàn công đức. Kinh Phổ Hiền Quán nói về sám hối tội của sáu căn nên được sáu căn thanh tịnh, nhưng sám hối có hai pháp: Đầu tiên đối mười phương sanh thân Phật căn cứ trong sự sám hối tội sáu căn cho nên nói từ vô thủy đến nay sáu căn tạo tác ba chướng nay đều sám hối. Kế đối với pháp thân Phật y thật tướng sám hối quán sáu căn là nhân duyên sanh xưa nay vắng lặng; đầy đủ hai thứ sám hối này nên sáu căn thanh tịnh.

Hỏi: Thực hành hai thứ sám hối này sáu căn mới thanh tịnh vì sao kinh này nói năm hạng Pháp Sư đắc sáu căn thanh tịnh ư?

Đáp: Quán thật tướng của thân sám hối tức là trì kinh này cho nên không trái nhau.

“Các người thiện nam tử v.v...” là khai riêng sáu căn thanh tịnh mỗi căn đều có văn xuôi và kệ tụng. Mắt do cha mẹ sanh ra. Luận Pháp Hoa chép: người phạm phu nhờ năng lực kinh nên được dụng căn cao quý chưa nhập Sơ địa, nếu nhập Sơ địa thì bỏ xả thân phần đoạn trong ba cõi thì không dùng mắt của cha mẹ sanh. Ngài Long Thọ phân rõ hai nhãn cũng vậy. Nhu thuận nhãn gọi là nhục thân, vô sanh nhãn tức là pháp thân, cũng gọi là pháp tánh sanh thân. Kinh này nói nhục nhãn là nhu thuận nhãn.

Hỏi: Mắt chỉ nên thấy sắc vì sao lại nói thấy nghiệp nhân duyên quả báo?

Người Tiểu thừa nói nhục nhãn chỉ thấy sắc pháp, thiên nhãn thông: do thiên nhãn làm phương tiện cho nên phát thiên nhãn trí năng biết các việc sanh tử đời vị lai.

Luận Pháp Hoa chép: Sáu căn thanh tịnh, trong mỗi căn đầy đủ sáu dụng vì vậy gọi là nhãn căn cũng biết nghiệp hành và quả báo.

Hỏi: sáu căn vì sao được dùng lẫn nhau?

Đáp: Ngộ sáu căn tức là thật tướng, thật tướng tức là pháp thân cho nên sáu căn vô ngại, do đó nên được dùng lẫn nhau.

Hỏi: Căn đầy đủ công đức nhiều ít khác nhau vì sao đồng thấy

Tam thiên ư?

Đáp: Như đèn tụy lớn nhỏ đồng chiếu một nhà.

Hỏi: Vì sao chỉ thấy ba ma trời không thấy nhiều ư?

Đáp: luận Trí Độ chép: Ngoài cõi Tam thiên có phong luân trái với nhân cho nên không thể thấy.

Hỏi: Đã có thể thấy Tam thiên vì sao không gọi là thiên nhãn ư?

Đáp: Vì chẳng tu thiên đặc tịnh sắc nhập vào mắt, lại chẳng sanh báo ở cõi trời kia cho nên không gọi là thiên nhãn.

Hỏi: thiên nhãn của Nhị thừa thấy Tam thiên có gì sai khác với nay?

Đáp: Nhị thừa chỉ thấy cõi nước Tam thiên, nay y thật tướng sám hối và sức trì kinh đặc nhãn căn thấy Chư Phật và Bồ-tát từ đất vọt lên và tháp báu cho nên khác với Nhị thừa.

Hỏi: Phổ Hiền Quán chép: Sám hối tội sáu căn nay nói trì kinh có gì khác nhau không?

Đáp: Nhất thừa tức thật tướng nên trì kinh tức là sám hối, sám hối tức trì kinh.

Núi Di Lô: Trung hoa gọi là Cao Sơn, lại nói Quang Sơn. Tu-di Sơn: Hán dịch là An minh Sơn cũng gọi là Hảo cao sơn.

Kế giải thích nhĩ căn, văn xuôi chia là ba:

- 1) Nói chung năm hạng pháp Sư làm nhân.
- 2) Được một ngàn hai trăm công đức nhĩ căn: là nói quả.
- 3) Dùng tai thanh tịnh đó: Biệt khen ngợi dụng của nhĩ căn.

Đó là nói về công đức, có ba, câu: câu đầu nói chung Thanh văn. “Tiếng voi v.v...” Là nói riêng tiếng nghe. “Tóm lại...” Là tổng kết tiếng nghe. “Nói mà không hư nhĩ căn:” Muốn nghe thì tùy ý nghe được tự tại cho nên không hoại. Lại người trì kinh ngộ pháp vắng lặng tuy nghe mà không hề nghe cho nên nói là lại hoại.

Hỏi: Nhĩ làm sao hơn nhãn được một ngàn hai trăm công đức?

Đáp: Người không có mắt thì không chướng ngại tự hành hóa tha, đối với người điếc thiếu hai nghĩa này cho nên nhĩ hơn nhãn.

Kế giải thích tý căn. Văn xuôi cũng hai: Đầu nêu năm hạng pháp Sư làm nhân, kế nói quả công đức. Trong quả cũng có ba: chung, riêng, kết. Trong riêng có hai: Trước nói người được hương trong ba cõi. Kế “mùi hương Thanh văn” là người nghe mùi hương của người ngoài ba cõi. Trong cõi Dục có hai: Người mùi hương trong loài người, kế mùi cõi trời. Trong loài người có ba: Người mùi phi chúng sanh, kế mùi chúng sanh. “Và cỏ cây v.v...:” Hiệp người hai mùi hương. Trong các tầng trời

cõi Dục cũng có hai mùi hương của chúng sanh và phi chúng sanh, cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng có hai mùi hương, tìm vẫn dễ biết. Trên nghe tiếng loạn nay không loạn tức xen lẫn hiển. Nói xa nghe mùi, hỏi: Tiểu thừa có ba chếp:

1) Luận Bà-sa chếp: trong ba căn hiệp biết, đó là tị thiệt thân, trong ba căn liã biết đó là nhãn nhĩ ý. Tạp Tâm chếp: Trong hai căn lý biết, ý không nên liã hợp.

Luận Thành chếp: Nhãn chỉ ly mà không hợp, tị thiệt thân hợp mà không liã, nhĩ căn vừa hiệp vừa liã, nghe tiếng bên ngoài là liã nghe tiếng gọi bên tai là hợp, ý căn chẳng liã chẳng hợp nay vì sao nói tị xa nghe mùi hương ư?

Đáp: Xưa giải thích: trách nhiệm căn thường dùng thì như ba giải thích trên nay nương theo lực kinh nên tử có thể ngửi mùi từ xa. Luận Pháp Hoa chếp: một căn đủ sáu dụng mà nói mũi xa nghe mùi hương, đây thì biết cảnh thắng dụng, tị căn biết nên đây ý nói tị căn đã đầy đủ sáu dụng, sao lại không ngửi được mùi xa ư! Bởi Bồ-tát không sáu mà sáu quyền trí khéo dụng, nếu sáu mà không sáu tức không hề dụng, không sáu mà sáu gọi là thật phương tiện, sáu mà không sáu là phương tiện thật, người trì kinh đã ngộ kinh này đầy đủ hai tuệ nên có thể như. Phổ Hiền Quán ý cũng vậy. Biết sáu tức thật tướng nên biết sáu thường không sáu, ngộ thật tướng tức sáu căn nên không sáu mà thường sáu, nên sáu không sáu đều vô ngại, đây là ngộ hữu vô vô ngại. Lại căn cứ trong hữu, sáu căn tự vô ngại có thể một căn làm sáu dụng, sáu căn làm một dụng. Hoa Nghiêm chếp: Nhãn nhập Tam-muội nhĩ xuất chánh thọ quán nhãn vô sanh, vô tự tánh, nói không vắng lặng vô sở hữu tức chứng minh kia.

Hỏi: Tỳ-đàm chếp: Cõi trên không có hương vị nay vì sao nói ngửi hương ở cõi Phạm ư?

Đáp: Phạm Thế có hương thơm nhờ nhiệm người Tiểu thừa năng lực yếu không thể biết nên nói không có hương. Đại Sĩ lợi căn không bờ bến nên nói ngửi mùi hương cõi Phạm.

Hỏi: Luận Thành chếp: vàng bạc không có hương, Kim cương không có vị vì sao kệ nói tạng báo giấu trong đất nghe mùi biết chỗ nào ư?

Đáp: có người chếp: Luận nói không là không có hương thô nay nói nhỏ nhiệm. Có người chếp: Đây là chấp thể vật cho nên có hương, chất vàng bạc thì không có mùi hương, như gió không có màu sắc. Phẩm Quán Âm chếp: Nếu phong tùy theo chỗ thổi cho nên được tên này, nay

cũng.

Nay nói đồng trên phá nghĩa của Tỳ-đàm, Tiểu thừa độn căn không biết hương trời kia, đại sĩ thì biết. Hoa Tu mạn na Hán dịch Hảo ý hoa. Xa Đề hoa hương Hán dịch Sanh cũng dịch là thật. Ba la la hoa Hán dịch là Trọng. Ba-lợi-chất-đa-la: Ba-lợi Hán dịch là Hộ, Chất-đa-la dịch là các thứ. Câu bệ đà la: Hán dịch là Đại du hý, địa địa phá. Chiêm bạc hoa hương (mùi bông chiêm bạc): Hán dịch là Hoàng hoa thọ, cũng dịch là Kim sắc hoa.

Trong công đức thiệt căn đắc hai thứ quả: Đắc quả thượng vị nghĩa là các vật thô nhám đến thiệt căn thì đều biến thành thượng vị. Đây có hai nghĩa:

1) Như cõi trời thức ăn dở biến thành thượng vị, như ngọc quý thức ăn ngon trái lại thành đồ bất tịnh.

2) Trong cổ họng Phật có suối cam lộ hòa tất cả thức ăn đều thành cam lộ, nay người trì kinh tùy phần cũng có.

Hỏi: Thiệt có thể biết vị dở, vị chưa đến lưỡi thì đều biến thành thượng vị, tại có thể nghe các tiếng xấu vì sao không biến thành tiếng tốt?

Đáp: Điều xen lẫn thông suốt. Tai đã nghe tất cả tiếng hay dở, tốt xấu, lưỡi cũng chọn lọc thông thạo riêng biệt tất cả vị chỉ xen lẫn khen ngợi! Lại nữa, người khác không thể xa nghe tiếng nay khen ngợi sức trì kinh có thể nghe xa các người không đắc thượng vị, khen ngợi người trì kinh sức có thể đắc thượng vị. Lại tiếng không lợi ích cho thân nên không cần biến, vị chánh giúp cho thể chất nên cần phải biến. Trong thức ăn đầy đủ các vị trần, trần đã biến thì thức ăn cứng nếu đựng vào thì cũng thành mềm, cho đến màu đỏ biến thành cơm trắng, nêu một lệ theo nhiều cũng. Lại vị chính lợi thân nên nói về biến, các thứ khác không chính lợi ích nên không nói về biến. “Người đó ở chỗ nào các Đức Phật đều hướng về phía đó nói pháp”: Người này đã trái hoặc hướng đến lý cho nên thường thấy được mặt Phật như chuyển hướng, còn nếu trái lý hướng về hoặc thì không thể thấy Phật, như trái với Phật, đây là giải thích trong thân căn đắc quả thân thanh tịnh: Như trên, vị căn đã xa ngửi mùi, thân căn cũng xa biết xúc chạm, nhưng nay không chọn nghĩa này, chỉ nói về tâm các người bất tịnh nên thân căn bất tịnh, người trì kinh tâm tịnh nên thân tịnh, như A-nan khuôn mặt như gương sáng, sắc tượng già trẻ đều hiện trong đó.

Kệ nói chỉ tự hiểu rõ, là người trì kinh riêng tự hiểu các người khác không trì kinh nên không thấy chỗ Bồ-tát thấy là giải thích trong ý

căn nói nghiêng về sau khi Như lai diệt độ nêu một loại. Nói về ý thanh tịnh đủ đặc bốn biện tài, nghe một câu một kệ gọi là Pháp biện, thông đạt Vô Lượng Nghĩa gọi là Nghĩa biện, năng giảng nói một câu một kệ gọi là Từ biện, mà nói “một tháng bốn tháng. Một năm”: một tháng là đầu trong mười hai tháng, bốn tháng là một trong bốn thời, một năm là thời cuối cùng, nói lược ba thời đầu, giữa, sau, “Tam Thiên đại thiên thế giới v.v...” là biết căn cơ, tức là Nhạo nói biện tài.

PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ-TÁT THỨ HAI MƯỜI

Sở dĩ có phẩm này gồm có bảy nghĩa:

1) Ba phẩm nói ba thứ công đức, hai phẩm trên nói hai công đức của phẩm hạ, trung đã rồi, nay kể nói công đức phẩm thượng.

2) Kinh này từ đầu đến cuối nói người tuyên dương trì tụng được ba đời công đức. Phẩm Phân Biệt Công Đức ban đầu nêu mười hai thứ lợi ích nghe kinh ngộ đạo được công đức đời hiện tại. Từ Phẩm Phân Biệt Công Đức đến phẩm Pháp Sư khen ngợi kinh này có thể sanh công đức cho chúng sanh đời vị lai, nay một phẩm này khen ngợi kinh có công năng sinh ra công đức chúng sanh đời quá khứ đây đều y cứ khi Phật còn tại thế, ở đây phân ba đời, lực kinh tuy nhiều mà cho không ngoài lợi ích ba đời.

3) Gần tức chứng minh phẩm Pháp Sư cho nên có: Trên tuy nói người trì kinh được sáu căn thanh tịnh mà chưa có việc ấy, nay dẫn đức Thích-ca bốn sanh tự thân chứng nghiệm. Chứng nghiệm: Là chánh chứng nghiệm sau khi Phật diệt độ người trì kinh này được sáu căn thanh tịnh, và khuyên chúng sanh đời vị lai trì kinh.

4) Trên nói quả sáu căn thanh tịnh nay trình bày nhân sáu căn thanh tịnh, muốn được căn tịnh phải như Bồ-tát Thường Bất Khinh nhất tâm nhẫn chịu các sự đánh đập lăng mạ vì chúng sanh mở rộng kinh thì hiện tại thân được các căn thanh tịnh.

5) Muốn nói chúng sanh đều có Phật tánh thành Nhất thừa cho nên nói phẩm này. Tất cả chúng sanh có Phật tánh không có các tánh khác cho nên chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác. Xưa nói kinh Pháp Hoa chỉ nói về người thiện có Phật tánh, kinh Niết-bàn nói người có tâm đều được thành Phật. Nay nêu phẩm này chính là nói người ác có Phật tánh. Phẩm Phương Tiện nêu một chút thiện đều thành Phật đạo thì biết tất cả người có tâm đều có Phật tánh đều thành Phật.

Hỏi: Chúng sanh này vì sao là những người ác ư?

Đáp: Tiểu thừa chấp chặt chống trái Đại thừa là người hủy báng Phương Đẳng, lại người chấp Tiểu không tin Đại thừa đối với Đại thừa không tin là người nhất xiển đề tức là người cực ác. Nghĩa có Phật tánh không khác với Niết-bàn.

6) Từ trước đến nay nói nghĩa thọ ký còn tự chưa hết, trên chỉ nói Phật thọ ký chưa nói Bồ-tát thọ ký thì người năng thọ ký chưa hết, trên chỉ thọ ký cho người thiện chưa thọ ký cho người á, do đó người được thọ ký chưa hết. Trên chỉ hiện tại thọ ký chưa nói về sau khi Phật diệt

độ cũng được thọ ký, tức là thời gian chưa hết, nay muốn nói về nghĩa của ba thứ hết cho nên nói phẩm này.

7) Hai phẩm trên kinh đã rộng khen ngợi phước người trì kinh khuyên vật nói về sự tu hành, nay kể rộng trình bày tội chê bai pháp chê bai người khuyên đời vị lai chớ tạo nghiệp ấy cho nên nói phẩm này.

- Thường Bất Khinh: Tất cả chúng sanh thường có Phật tánh cho nên nói các pháp xưa này tương tự vắng lặng, Đại sĩ quán được tâm này nên thường không khinh vật từ người mà nêu tên. Phẩm chia làm hai: trước văn xuôi kể kệ tụng.

Văn xuôi chia làm ba phần:

- 1) Nêu hai loại người tin và chê.
- 2) Dẫn quá khứ cùng chứng hai việc.
- 3) Cùng khen ngợi tức khen ngợi pháp khen người.

Phần một có hai:

1) Nêu người hủy báng mắc tội: “Bảo ngài Đắc Đại Thế v.v...:” Là nói lên Bồ-tát này biết pháp xưa nay tương thường vắng lặng có thể lực chánh quán, không bị kết hoặc trói buộc khiến người mở rộng kinh cũng phải học tập. Tức là hiển rõ Thường bất khinh đắc đại nhân lực không bị nhục chí do đánh mắng khiến người trì kinh học theo hạnh ấy. “Như trước đã chép:” là cuối phẩm Thí Dụ.

2) Đắc công đức như trước đã nói v.v...: Nói về người trì kinh được phước.

- “Đắc Đại Thế v.v...:” là nói việc quá khứ song chứng. Văn có hai:

- 1) Nêu lý do.
- 2) Chính là nói việc Thường bất khinh.

Trong lý do lại có hai:

- 1) Nói một Đức Phật ra đời.
- 2) Nói nhiều Đức Phật ra đời.

Đầu có bảy câu:

- 1) Nêu thời gian.
- 2) Có Phật hiệu là Oai Âm Vương: là nói hóa chủ.
- 3) Kiếp tên Ly suy: là Nêu tên kiếp.
- 4) Nước tên Đại Thành: là Nêu tên nước.
- 5) Đức Phật Oai Âm Vương kia: là nêu giáo môn. Nhân Ba Bồ-đề nói lục Ba-la-mật. Nhân: Là do. Vì giúp cho chúng sanh đắc Ba Bồ-đề, vì vậy nên Như lai nói sáu độ.

6) “Đắc Đại Thế v.v...:” là nói thọ mạng.

7) “Chánh pháp trú thế v.v...” là Nêu trú thế; “Chánh pháp tượng pháp sau khi diệt hết”... là nói nhiều Phật ra đời. Đầu tiên Đức Phật Oai Âm Vương v.v...: Chính là nói việc Thường Bất Khinh, lại chia hai:

1) Đầu tiên nêu hai người hành nhân.

2) Nêu hai người đắc quả.

Trong hành nhân gồm có năm cặp:

1) Nêu thời gian hành nhân, nghĩa là chánh pháp đã diệt ở trong đời tượng pháp có hai người tin và chê. Sở dĩ chỉ y cứ tượng pháp là muốn khuyên chúng sanh đời tượng pháp trì kinh cũng được các căn thanh tịnh, lại khuyên răn người thời tượng pháp chớ chê bai người chê bai pháp.

2) “Tỳ-kheo tăng thượng mạn...” cùng nêu hai người: trước nêu người ác, sau nêu người thiện.

3) “Đắc Đại Thế v.v...:” cùng nêu hai người hành nhân: trước nói người thiện hành nhân, đây Bồ-tát dùng ba nghiệp phá bệnh mở rộng kinh: Thân nghiệp lễ bái, miệng nghiệp khen ngợi. Sở dĩ thân cung kính vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là Phật đương lai, nay muốn cung kính vị Phật đương lai cho nên lễ bái, miệng khen ngợi cũng như vậy, do đều có Phật tánh sẽ được thành Phật cho nên khen ngợi Phật đương lai. Thân miệng đã có cung kính khen ngợi thì có trải qua ý nghiệp nên đầy đủ ba nghiệp mở rộng kinh Pháp Hoa. Luật dạy: Tỳ-kheo không lễ bái người thế tục, nay nói lễ bái chúng ấy là pháp đại tiểu có khác nhau. Như Kinh Niết-bàn chép: Người có hiểu biết pháp hoặc già hoặc trẻ thấy đều cung kính.

Hỏi: Lúc bấy giờ vì sao thực hành việc cung kính khen ngợi mở rộng Nhất thừa ư?

Đáp: Bất Khinh mở rộng kinh gồm có hai việc:

1) Mật nói.

2) Hiển nói.

Hành cung kính khen ngợi tức là thâmnói Nhất thừa, sau đắc nhãn căn thanh tịnh đầy đủ trí tuệ thân thông hiển nói Nhất thừa. Sở dĩ trước mật nói sau hiển nói là vì đời mật pháp người tăng thượng mạn ác mạnh, thiện yếu không thể nói ngay cho nên đầu chỉ được nói sơ lược qua, trong sơ lược chỉ nói thành Phật gọi là nghĩa hiển thật, chưa được bác bỏ Nhị thừa nên không mở cửa phương tiện.

“Rất kính quý ngài”: Là hiển chúng sanh có chánh nhân Phật tánh. Mà nói rất kính là vì đã có Phật tánh tức là Phật đương lai là rất cung kính cho nên nói rất. Lại chúng sanh có Phật tánh có nghĩa thậm thâm

cho nên nói rất kính. Hành đạo Bồ-tát: là nói duyên nhân Phật tánh, tuy có Phật tánh chủ yếu cần phải tu hành mới được thấy. “Sẽ được thành Phật”: là vốn có Phật tánh, nay lại hành nhân đủ nghĩa hai nhân duyên chánh cho nên được thành Phật. Nhưng kinh chép: Tất cả chúng sanh xưa nay là Phật, đối duyên nghĩa là chẳng phải Phật, như Trưởng giả thấy cùng tử là con mình mà cùng tử tự cho là khách chẳng phải con của Trưởng giả, cho nên hiện Phật đối duyên thành “sẽ”. Lại trong đây chưa kham nổi nói chúng sanh xưa nay là Phật chỉ được nói sẽ thành. Sau trong hiển nói mới được nói về Phật pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng tức là Phật. “Trong hàng bốn chúng...” là nói nhân hạnh của người ác. Tu Bồ-đề không khởi tránh luận với người nay sanh tức giận người cùng là Đại Tiểu thừa khác nhau hợp thời mà khuyên.

“Trải qua nhiều năm như v.v...” Cùng lặp lại nêu hai người hành nhân, nay trước nói người thiện hành nhân, trước chỉ hành nhân thiện, nay kể nói nhân ác. “Lúc nói lời đó:” Là nêu người ác hành nhân. “Chạy tránh đứng xa”...: cùng nói lại hành nhân, trên nói nhấn lời chê mắng, nay kể nhấn thân đánh đập. “Do ông thường nói lời đó...” Là tổng kết tên Thường Bất Khinh, tức nói nghĩa người ác hành nhân.

Hỏi: Thường Bất Khinh mở rộng kinh có gì khác với ba việc ở phẩm Pháp Sư?

Đáp: Thường Bất Khinh đầy đủ ba việc: Có tâm từ bi mới năng hành cung kính khen ngợi tức là vào nhà Như lai, nhấn nơi sự đánh mắng gọi là mặc áo Như lai. “Rất quý các ông”: Tức là biết các pháp tướng thường vắng lặng gọi là ngôi tòa Như lai.

Trải qua nhiều năm thường làm việc này tức là tâm không biếng nhác. Vì bốn chúng nói pháp lại tức là tứ hạnh an lạc, do biết có Phật tánh, Phật tánh tức là bậc nhất nghĩa Không gọi là hạnh vắng lặng, đã thực hành cung kính khen ngợi thì không kiêu mạn, nhấn chịu được đánh mắng tức đâu có tâm ganh ghét trải qua nhiều năm nhấn khổ mở rộng đạo thì đủ đại từ bi cho nên đầy có bốn hạnh. “Vị Tỳ-kheo đó lúc sắp chết...” là nói hai người đắc quả, trước nói người thiện đắc quả, kể nói người ác đắc quả. Người thiện đắc quả có hai: trước nói đắc quả, kể kết hợp xưa nay. Đắc tám thứ quả:

1) Quả nghe pháp năng trì: Trong đây nói hai mươi ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa tức kệ thủ lư.

2) “liền được nhãn căn thanh tịnh như trên v.v...:” Tức nói đắc quả các căn thanh tịnh “sáu căn thanh tịnh đó: là nói quả tuổi thọ lâu dài tức đại sĩ ấy đạt pháp không sanh diệt đâu có tâm còn mất, chỉ muốn vì vật

mở rộng kinh cho nên thị hiện có tuổi thọ lâu dài.

4) “Lúc đó các vị tăng thượng mạn v.v...” là nói quả người ác tin phục. “Đại thần thông lực:” Nghĩa là thân thị hiện thần thông lực. “Nhạo nói biện lực:” là miệng nghiệp nói pháp. “Đại thiện tịch lực:” Ý đặc thiên định.

5) “Lại giáo hóa v.v...” là nói người khéo trụ nơi đạo quả.

6) “Sau khi qua đời v.v...” là xả thân được quả Phật.

7) “Ở trong pháp chư Phật” Nêu đặc quả sáu căn thường thanh tịnh không sợ hãi.

Nay nói Thường Bất Khinh đặc quả thứ tám, căn cứ vị có ba:

a) đặc căn thanh tịnh nghĩa là quả nội Ba Hiền phàm.

b) Đặc căn thường thanh tịnh tức đặc Sơ địa trở lên, đặc vô sanh nhãn liễu ngộ tất cả pháp xưa nay vắng lặng cho nên các căn thường thanh tịnh.

c) Đặc quả Phật địa, trước chưa đặc các căn thanh tịnh thì gọi địa vị Thập tín mà mở rộng kinh nên người này đầy đủ năm mươi hai địa vị hiền Thánh.

8) “Đặc Đại thế v.v...” Nêu quả sẽ được thành Phật. Tám quả không ra ngoài ba báo: bốn quả đầu là hiện báo, kể một quả là sanh báo, ba quả sau là hậu báo.

“Đặc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao?” Là kết hợp xưa nay. Đặc Đại Thế! Thuở đó...: là nói người ác đặc quả cũng chia làm hai:

1) Chính là nói đặc quả.

2) Kết hợp xưa nay.

Trong đặc quả có hai:

1) Đặc quả ác.

2) Đặc quả thiện. Trước đặc quả ác sau đặc quả thiện: Do đánh mất Thường Bất Khinh nên đặc quả ác sau tin chịu thuận theo nên được quả thiện.

Hỏi: Kinh nói Chư Phật, Bồ-tát không vì chúng sanh gây nhân duyên phiền não vì sao lễ bái khen ngợi sanh nhân ác ư! Sau khiến bị quả khổ ư?

Đáp: có hai nghĩa:

1) Bốn chúng tăng thượng mạn ác đã thành tựu, ắt rơi vào địa ngục, nay lễ bái khen ngợi vì tạo nhân ra khỏi địa ngục duyên thành Phật chẳng sanh vào chỗ ác kia. Sở dĩ biết như vậy là do lúc Thường Bất Khinh chưa lễ lạy đã là tăng thượng mạn rồi. Lúc bấy giờ, đã chấp tiểu không tin Đại đó là người hủy báng Phương đẳng.

2) Như vị thầy thuốc ở đời trị bệnh có hai cách:

a) Cho thuốc tốt liền lành bệnh.

b) Cho thuốc đắng lúc đầu tuy không ưa thích mà sau chắc an vui. Chư Phật cũng vậy. Tự có đầu nói diệu pháp tức liền liễu ngộ, tự có ban đầu vì nói pháp tâm kia hủy báng rơi vào địa ngục, sau do điều thiện nầy chắc được giải thoát, nếu không vì nói thì không hy vọng giải thoát.

Hỏi: Phẩm Thí Dụ chép: Người chê bai kinh Pháp Hoa đọa vào ngục A tỳ trải qua vô số kiếp, sao nay chỉ nói ngàn kiếp ư?

Đáp: Bốn chúng nếu trực kế sanh chê bai thì như kia nói, nay nghe Bất Khinh mạnh vì kia nói, tuy hủy báng mà nhờ vào sức này nên chịu khổ thì nhẹ và sau được tin hiểu.

Hỏi: Bất Khinh gọi là hạnh thật hay hạnh quyền ư?

Đáp: Tích đã thọ lượng thì biết đó là hạnh quyền.

“Hết tội đó rồi v.v....” là nói đặc thiện. “Đắc Đại Thế! Nên biết v.v....” Là đoạn lớn khen ngợi giáo khuyên tu chia làm hai: trước khen ngợi kế khuyến. Trước khen ngợi giáo: Do năng lực kinh Pháp Hoa nên Thường Bất Khinh được hai thứ lợi ích:

1) Hết các tội kia là năng lực diệt ác.

2) Được sáu căn thanh tịnh cho đến thành Phật gọi là năng lực sanh thiện. Sở hóa bốn chúng cũng được hai lợi ích:

1) Do năng lực kinh chịu khổ nhẹ.

2) Được vượt khỏi địa ngục cho đến Bồ-đề bất thoái. “Vì vậy các Bồ-tát v.v...” là khuyên tu.

Văn kệ không tụng văn xuôi cùng nêu tin, chê chỉ tụng song chứng và khen ngợi khuyên tu, chia làm hai:

Mười lăm hàng rưỡi tụng tụng thứ nhất song chứng, bốn hàng còn lại tụng thứ hai khen ngợi giáo khuyên tu. Song chứng có hai:

1) Nói lý do.

2) Chính là nói việc Thường Bất Khinh, nay tụng đủ. Đầu một bài rưỡi tụng thứ nhất. Sau khi Phật diệt độ là tụng thứ hai.

Văn xuôi có hai:

1) Nói hành nhân.

2) Nói đặc quả, nay tụng đủ.

Trước bốn hàng tụng hai người hành nhân. “Tội Bồ-tát hết rồi v.v...” Mười hàng tụng đặc quả: Đầu năm hàng tụng người thiện đặc quả. “Khi ấy bốn bộ chúng..” năm hàng tụng người ác đặc quả. Khai thị dạy cho người khiến trụ trong Niết-bàn v.v... “Thường khiến hiểu

biết các pháp từ xưa nay tướng thường vắng lặng gọi đây là Pháp Hoa dạy đắc Niết-bàn. “Trải qua ức muôn kiếp v.v...” Là tụng khen ngợi giáo khuyên tu: hai bài kệ tụng khen ngợi giáo, do chúng sanh gieo giống Trung đạo gốc lành không hai đã thiếu ít, đối người kia vì khó nghe nên Phật cũng khó nói. hai bài tụng khuyến tu: Do khó nghe đã được nghe, khó nói đã được nói, nên kịp thời tu hành chớ sanh nghi.

PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC THỨ HAI MƯƠI MỐT

Môn khen ngợi lưu thông, có hai phần:

1. Ba phẩm trước phẩm này là chính là nói về khen ngợi pháp, khen ngợi người.

2. Nói Như lai hiện thần lực.

Sở dĩ ban đầu khen pháp khen người, sau đó hiện thần lực:

1) Là do trên đã khen pháp khen người, Chư Phật dùng đạo nhãn thấy mười phương hiện tại, vị lai nhiều kiếp, hai đời chúng sanh đều muốn giảng nói hành trì, do gốc lành này dẫn đến thành tựu Phật, cho nên Phật vui mừng hiện thần lực lớn.

2) Trên tuy là khen người khen pháp mà khuyên giảng nói thọ trì chưa hết, nay lại hiện thần lực, lại khen người khen pháp, khuyến khích mở rộng kinh, cho nên đoạn văn sau chép: Thần lực của Chư Phật vô lượng vô biên, dùng thần lực này ở trong vô lượng kiếp mà khen ngợi kinh thì công đức không thể cùng tận, cho nên hành giả phải thọ trì.

3) Thần lực này từ kinh này sanh ra, nếu muốn được quả báo ấy thì phải thọ trì kinh này.

4) Kế là nghĩa phẩm trên, trước tuy có dẫn việc quá khứ đắc sáu căn thanh tịnh, mà đại chúng lúc ấy tin chưa rõ ràng nên Như lai hiển bày rộng lên thần lực.

5) Kinh này trước sau gồm có ba hội, hội đầu trên núi Linh Thứu ở cõi uế, nói thừa phương tiện thừa chân thật. Hội thứ hai là ba lần biến cõi nước tám phương thành cõi tịnh để nói thân phương tiện thân chân thật. Hội thứ ba là từ phẩm Thần lực, mười phương thế giới thông đạt vô ngại đồng làm một cõi khiến chúng sanh mười phương đều nghe Pháp Hoa.

Chỗ của ba hội này là từ hẹp đến rộng, đại chúng cũng từ ít đến nhiều, phẩm này chia ra hai phần.

1) Các Bồ-tát nghe khen ngợi pháp khen ngợi người ở các phẩm trước liền phát nguyện mở rộng kinh.

2) Phật thấy các Bồ-tát phát nguyện mở rộng kinh tâm sanh vui mừng nên hiện thần lực lớn.

Các Bồ-tát từ đất vọt lên có hai ý:

1. Vì khai phát tuổi thọ tức bắt đầu từ điều thiện.

2. Phát nguyện truyền bá kinh khiến thiện đến cuối cùng Đại pháp chân chánh thanh tịnh, vì đối với Nhị thừa không ngay thẳng nên gọi là chân, hệ lụy chẳng có gì không hết nên gọi là tịnh, đức không gì không

tròn đầy nên gọi là đại.

“Lúc bấy giờ, đức Thế tôn v.v...”, đây là nói phần hiện thần lực, gồm có văn xuôi và kệ tụng văn xuôi chia làm hai, ban đầu là hiện thần lực, sau là khen ngợi pháp và khuyên tu. Phần hiện thần lực lại chia làm hai, ban đầu nói hiện thần lực, sau nói đại chúng lúc ấy thấy thần mà được lợi ích. Phần đầu lại chia ra hai ý, ban đầu nói ở trước đại chúng, sau chính là nói hiện thần lực lớn.

Sở dĩ ở trước đại chúng, là muốn đại chúng được lợi ích, cũng là muốn khen ngợi Phật có thần lực tự tại không có sợ hãi. Nói về hiện thần lực, ở trong ấy hiện năm món thần lực.

1) Hiện tướng lưỡi, biểu hiện nói hai thứ phương tiện, hai thứ chân thật không có luống dối. Luận Pháp Hoa chép: Đưa tướng lưỡi dài rộng là khiến nhớ nghĩ, tức là nhớ nghĩ lời Phật dạy không có luống dối.

2) Phát ra ánh sáng, là nói lên kinh này có thể diệt mê hoặc mà sanh hiểu biết, như ánh sáng xua tan tối tăm, các vật được thấy rõ, lại muốn cho kia đây thấy nhau.

Hỏi: Hai chỗ trước chỉ phóng một ánh sáng nơi hai đầu chân mày, nay vì sao phát ra ánh sáng từ tất cả chân lông mà chiếu khắp cả mười phương?

Đáp: Hai chỗ trên là biểu hiện chỉ có Nhất thừa và pháp thân không hai, cho nên chỉ phát ra một lần ánh sáng. Nay muốn truyền bá kinh này khiến chúng sanh trong hai đời đều được tin hiểu và thọ trì cho nên phát ra tất cả ánh sáng.

Phân thân của Phật cũng hiện ra hai điềm lành, là muốn nói lên cùng một pháp thân mà ứng tích như nhau, cho nên đồng hiện hai điềm lành. Lại nữa, đại chúng thấy nhiều Phật hiện thần lực thì tấm kính tin thêm sâu xa, nếu một vị Phật thì lời nói có thể không thật, nhưng cả Chư Phật mười phương lẽ nào luống dối sao, vì thế đồng hiện tướng lưỡi rộng dài.

“Đầy đủ cả trăm ngàn kiếp”, thần lực trong một lúc thì chưa đủ gọi là ít có, đủ tất cả trăm ngàn năm mới là đặc biệt kỳ diệu, cũng là nói lên pháp ở đời lâu cho nên thần lực hiện lâu dài.

Hỏi: Vì sao hoàn nhiếp tướng lưỡi mà không thấu ánh sáng?

Đáp: Biểu hiện việc nói pháp đã xong nên hoàn nhiếp tướng lưỡi, nhưng muốn khiến mười phương được thông suốt, kia đây thấy nhau nên không thấu ánh sáng lại. Kinh Niết-bàn thì biểu hiện chỗ làm đã xong nên thấu ánh sáng.

3&4. “Đồng thời cùng tăng hăng và búng ngón tay”: Xưa nói tăng

hắng là biểu hiện nói hai thứ phương tiện, hai thứ chân thật làm thích hợp ý Phật. Luận Pháp Hoa chép: Hiện tiếng tăng háng là khiến chúng sanh nghe nói kệ, nghe rồi thì đúng như thật tu hành, không có phóng dật. Búng ngón tay là biểu hiện giác ngộ chúng sanh, khiến người tu hành được giác ngộ.

5. Đất rung chuyển là cũng khiến chúng sanh giác ngộ, biết Phật nói pháp lại chỉ bày tướng vô thường khiến mau tu pháp này. Cũng là biểu hiện chúng sanh trong mười phương xa nghe hội này nói kinh Pháp Hoa, tùy hỷ cúng dường, nhờ vào gốc lành mà sau được thành Phật, cho nên đất rung chuyển. Theo ý Luận Pháp Hoa thì tướng lưỡi và tăng háng là thuộc về điền lành của miệng nghiệp, phát ra ánh sáng và búng ngón tay là thuộc điền lành của thân nghiệp, đất rung chuyển là điền lành của ý nghiệp. Trong văn kinh là nói theo thứ lớp, hai điền lành trước thuộc về sắc, hai điền lành kế theo thuộc về tiếng, bốn điền lành này gọi là điền lành chánh báo, đất rung chuyển là điền lành y báo.

Năm điền lành theo thứ lớp, tướng lưỡi là bậc giáo chủ nói pháp, cho nên hiện trước, nói pháp có dụng diệt hoặc sanh hiểu biết cũng khiến mười phương được thông đạt, kia đây cùng thấy nhau, cho nên kế đến là phát ra ánh sáng. Kia đây đã thấy nhau cho nên tăng háng khiến được nghe, khiến nghe là khiến giác ngộ cho nên búng ngón tay. Bốn điều này là hiện điền lành chánh báo đã rồi, kế đến hiện đất rung chuyển là điền lành y báo.

“Chúng sanh ở trong ấy” là nói chúng sanh mười phương thấy điền lành, trước có hiện điền lành hai chỗ là có nhiều lợi ích ở hội này, nay hiện năm thứ thần lực là có nhiều lợi ích cho mười phương, nên nói mười phương đều thấy, ở đây chia làm bốn:

1) Thấy hiện thần lực mà sanh vui mừng.

2) Chư thiên xướng nói khuyến khích tùy hỷ cúng dường, tức câu: “Tức thời chư thiên ở giữa hư không”.

3) Nói mười phương thuận theo, tức câu: “Các chúng sanh ấy nghe tiếng nói giữa hư không rồi chấp tay v.v...”.

4) Phật lại hiện hai món thần lực, tức câu: “Các vật rải xuống thí như mây nhóm”.

Tất cả đều thành màn báu là biểu hiện pháp thân không hai, như phần kinh sau nói. Thông đạt vô ngại như một cõi Phật, là nói lên giáo pháp không khác nhau như phần kinh trước nói, là biểu hiện mười phương đồng ngộ hai điều này.

“Lúc bấy giờ Phật bảo đại chúng bậc Bồ-tát thượng hạnh”, đây

là phần khen ngợi pháp và khuyên tu. Trong phần khen ngợi pháp lại chia bốn ý:

1) Tất cả pháp mà Như lai hiện có, tức là phần đầu kinh nói về thừa phương tiện, thừa chân thật.

2) Như lai có tất cả thần lực tự tại, tức là phần sau kinh nói về thân phương tiện, thân chân thật, thích ứng giáo hóa dài hoặc ngắn đó là thần lực tự tại.

3) Như lai có tất cả tạng bí yếu, hai thứ này bao gồm tất cả nghĩa, nên gọi là yếu, pháp mà thuở xưa chưa nói nên gọi là bí.

4) Như lai có tất cả việc sâu xa, thọ ký cho người trong năm thừa thành Phật thì gọi là việc sâu xa. Bốn ý này là theo thứ lớp, lại bao gồm hết ý nghĩa của một bộ kinh. Ý đầu là nói pháp nhân quả của Nhất thừa, thứ hai nói chỗ hiện thân thông của một bộ kinh, thứ ba nói nhân quả thân thông xưa chưa nói nên gọi là bí yếu, thứ tư thì như cách giải thích trên.

“Cho nên các thầy sau khi Như lai diệt độ, phải một lòng thọ trì v.v...”, đây là phần khuyến khích. Phần kệ lại chia làm hai:

1) Kệ tụng hiện thân thông.

2) Kệ tụng về khuyên tu.

Trong phần hiện năng lực thân thông chia làm ba phần:

1) Kệ tụng nói vì lợi ích của chúng sanh mười phương trong hiện tại mà hiện thân lực.

2) Hai bài kệ kệ chính là nói hiện thân lực.

3) Một bài kệ nói vì lợi ích cho chúng sanh ở đời vị lai nên hiện thân lực.

Vì phó chúc kinh này nên nói về khuyến khích tu, lại chia ra hai phần:

1) Khen ngợi.

2) Khuyên thọ trì.

Phần khen ngợi lại có bảy phần:

1) Hai hàng kệ đầu nói về công đức vô biên.

2) Một hàng kệ rưỡi nói được thấy Chư Phật.

3) Hai hàng kệ nói Chư Phật vui mừng.

4) Một hàng kệ nói không bao lâu sẽ được thành Phật.

5) Một hàng kệ rưỡi nói đắc bốn thứ vô ngại.

6) Một hàng kệ rưỡi nói đắc ý thú của kinh.

7) Một hàng kệ rưỡi nói diệt chướng hoặc sanh giải ngộ.

Người trì kinh Pháp Hoa thì có được bảy quả báo này, đây là phần

khuyên thọ trì, như văn chép: Sau khi ta diệt độ, nên thọ trì kinh này
v.v...”

PHẨM CHÚC LỤY THỨ HAI MƯƠI HAI

Trên đây đã nói về khen ngợi truyền bá kinh, nay nói về phó chúc truyền bá.

Hỏi: Tiểu thừa cho rằng Phật mãi vào cõi vô dư, không trở lại giáo hóa chúng sanh nên phải phó chúc. Kinh này nói pháp thân thường còn, có cảm thì có ứng, vì sao lại phải phó chúc?

Đáp: ở đây gồm có ba nhân duyên:

1) Đại chúng lúc ấy nghe Phật ân cần phó chúc thì tâm tôn trọng pháp sâu xa, ai nấy đều muốn thọ trì, giảng nói.

2) Phó chúc cho các Bồ-tát là khiến họ thực hành lợi mình và lợi tha.

3) Bồ-tát có nhân duyên nặng với chúng sanh, cho nên khiến Bồ-tát mở rộng kinh và hóa độ chúng sanh.

Văn này chia hai phần:

1) Phẩm này chính là nói về phó chúc.

2) Từ phẩm Dược Vương trở đi là vâng mệnh truyền bá. Nói chữ chúc lụy, chúc là phó chúc, lụy là dựa vào, chúc lụy có hai nghĩa:

1) Phó chúc pháp cho người, nghĩa là phó chúc pháp mẫu Đại thừa cho các Bồ-tát.

2) Dùng người phó chúc cho người, đem chúng sanh trong hai đời phó chúc cho Bồ-tát tứ y, như luận Kim cương Bát-nhã phó chúc Bồ-tát căn chưa thành thực cho Bồ-tát căn cơ thành thực, nay là đủ hai nghĩa này.

Luận Trí Độ chép: Bát-nhã chẳng phải là pháp bí mật nên phó chúc cho Thanh văn Pháp Hoa là pháp bí mật nên phó chúc cho Bồ-tát. Luận tự giải thích rằng: Bát-nhã chưa nói La-hán thành Phật, chỉ nói Bồ-tát thành Phật nên lời ấy dễ hiểu Thanh văn có thể thông suốt nên thích hợp phó chúc cho Thanh văn. Pháp Hoa nói A la hán thành Phật đối với giáo xưa là rất sâu, Thanh văn chưa hiểu nên phó chúc cho Bồ-tát, phẩm này có ba phần:

1. Đức Phật phó chúc.

2. Bồ-tát nhận lời phó chúc.

3. Nói việc nói kinh đã xong.

Phần đầu lại chia làm hai ý:

1. Đức Phật xoa đầu phó chúc mà nói hiện thần lực lớn. Có người nói đó là bảy thứ thần lực như phẩm trước nói, nhưng nay không đúng. Đức Thích-ca đưa cánh tay mấy thước đồng thời xoa khắp đảnh vô lượng

Bồ-tát số nhiều như cát bụi của ngàn thế giới, thần lực lớn này không có gì hơn đây.

“Mà nói lời này”, trước hiện thần lực lớn nghĩa là ý nghiệp phó chúc, dùng tay xoa đánh nghĩa là thân nghiệp phó chúc, nay miệng nghiệp phó chúc.

“Khó đắc Bồ-đề”, đây là khen ngợi pháp Bồ-đề khó đắc, muốn cho chúng sanh tôn trọng pháp. Kinh này nói về hai phương tiện hai chân thật, nay nói chung Bồ-đề tức là nhất chánh quán, chánh quán là ý tự tại, cho nên gọi là thừa, tức phần đầu của kinh. Có thể làm dài hoặc ngắn thích ứng giáo hóa, gọi là tuổi thọ, tức phần sau của kinh, nay nói chung Bồ-đề tức bao gồm hai phần.

2. Giải thích ý chúc lụy, tức câu: “Vì sao”, tức là chỉ bày phương cách truyền bá, gồm có ba cách:

a. Khiến trên học theo Chư Phật.

b. Khiến dưới biết căn tánh chúng sanh.

c. Đủ hai nghĩa này thì chẳng pháp nào không mở rộng, chẳng người nào không lợi ích, đó là báo ân Phật.

Như lai có đủ ba đức bên trong:

1. Có lòng từ bi lớn, thường ưa cứu khổ ban vui.

2. Không có bồn sển, không cất giấu pháp báu, hai thứ này là nghiệp công đức của Phật.

3. Không có sợ sệt, tức nghiệp trí tuệ.

Bên trong đủ ba đức này, bên ngoài ban cho chúng sanh ba thứ trí tuệ, trí tuệ của Phật là tuệ chiếu hữu, trí tuệ của Như lai là tuệ chiếu không. Trí tuệ tự nhiên là tùy ý biết hai thứ không và có, tức là vô công dụng tuệ. Ba thứ tuệ này bao gồm tất cả tuệ, kinh này tuy nói hai quyền hai thật mà ý là ở nhập tuệ Phật. Cho nên nói riêng. “Các ông cũng nên theo học pháp của Như lai”, trên là nói bên trong có ba đức, bên ngoài ban ba tuệ nay là khuyên Bồ-tát nên theo học.

“Chớ sanh tâm bồn sển”, bồn sển có năm thứ:

1. Bồn sển chỗ ở.

2. Bồn sển nhà.

3. Bồn sển bố thí.

4. Bồn sển khen ngợi.

5. Bồn sển pháp.

Bồn sển pháp thì có bảy lỗi:

1. Đời đời thường mù.

2. Đời đời ngu si.

3. Thường sanh vào nhà kẻ thù.
4. Mất đầu thai làm Thánh.
5. Phật ba đời oán trách.
6. Người lành xa lánh.
7. Không có việc ác nào không gây ra.

Do có bảy tội này nên Đức Phật riêng căn dặn đừng bỏn sẻn. “Ở đời vị lai nếu có người nào v.v...”, đây là khiến biết căn tánh chúng sanh, gồm có hai câu:

1. Nếu người có tâm lớn thì nên nói pháp đúng như thật.

2. Nếu có chúng sanh không tin Nhất thừa thì vì họ mà nói giáo pháp Ba thừa.

“Các ông nếu được như thế v.v...”, đây là nói nếu có thể học theo hai đức của Phật, biết hai căn cơ chúng sanh để mở rộng pháp lợi người, tức là đã báo ân Phật.

Hỏi: Trong văn chép: “Nếu có chúng sanh không tin nhận thì ở trong pháp khác của Như lai nên chỉ dạy cho họ”, nhưng ba tạng Tiểu thừa chẳng phải là sâu mâu, đại pháp tức là Đại thừa, vì sao lại riêng có pháp sâu mâu khác nữa?

Đáp: Phương Đẳng gồm có hai: một là Đại thừa, hai là nhất thừa, các pháp khác tức là Đại thừa.

Hỏi: Vì sao họ tin Đại thừa mà không tin Nhất thừa?

Đáp: Có hai hạng người tin Đại thừa mà không tin Nhất thừa.

1. Là Tiểu thừa tin kinh Đại phẩm. Kinh Đại phẩm tuy là Đại thừa mà chưa phước bỏ Tiểu thừa, cho nên Tiểu thừa tin Đại thừa là pháp Bồ-tát, tin Tiểu thừa tức là pháp Thanh văn.

2. Bồ-tát tân học cũng tin Kinh Đại phẩm, cho rằng Đại phẩm là nói pháp Bồ-tát, nói Đại phẩm là chỗ thực hành của chúng ta, chẳng phải chỗ thực hành của Nhị thừa.

Hỏi: Người Tiểu thừa đã không tin Nhất thừa, vì sao tin Đại thừa là kinh Đại phẩm?

Đáp: Kinh Đại phẩm là thâm khiến xả tiểu, thâm khiến tin đại, như trong phẩm Tín Giải trước mật Đại thừa có hai giáo pháp lợi mình lợi tha, cũng vì Bồ-tát tân học mà nói kinh Đại phẩm, thâm khiến tin một, thâm khiến xả ba.

“Lúc ấy, các vị Bồ-tát nghe Phật nói rồi”, đây là nói Bồ-tát nhận lời Phật phó chúc, cũng chia làm hai phần:

1. Bạch Phật nhận lời phó chúc.

2. Ba phen thuận theo ý chỉ.

Trong mỗi văn đều có đủ ba nghiệp nhận lời phó chúc, ban đầu trong tâm vui mừng là ý nghiệp, kế đến là thân nghiệp cung kính, sau cùng là miệng nghiệp thuận theo.

“Lúc bấy giờ, Đức Thích-ca v.v...” đây là nói việc nói kinh đã rồi, chia làm hai phần:

1. Đức Thích-ca khiến các Đức Phật phân thân ở mười phương đến đều trở về bốn quốc.

2. Đại chúng vui mừng.

Hỏi: Vì sao khiến phân thân Chư Phật trở về bốn quốc, riêng tháp Đa Bảo được hoàn như cũ?

Đáp: Có nghi nhiều dễ đứt cho nên khiến phân thân khắp nơi, “hoặc” thường diệt khó phá nên chỉ có Phật Đa Bảo dừng một chỗ. Như cũ tức là khiến đóng tháp lại mà chưa khiến trở về cõi tịnh. “Sau đó đại chúng vui mừng” như vậy.

Hỏi: Vì sao lại vui mừng?

Đáp: Từ đầu kinh cho đến phẩm Chúc Lụy là nói Phật có pháp sở thừa, người năng thừa đã rất ráo, cho nên đại chúng vui mừng. Phẩm Dược Vương sau là nói pháp sở thừa, người năng thừa của Bồ-tát, cho nên phẩm Chúc Lụy ở giữa.

PHẨM DƯỢC VƯƠNG BỒ-TÁT BỐN SỰ THỨ HAI MƯỜI BA

Từ đây trở xuống là thứ hai, các Bồ-tát đã vâng lời mở rộng kinh cho nên có phẩm Dược Vương và các phẩm sau. Trên đã nói kinh Pháp Hoa, nay nói người thực hành kinh Pháp Hoa có được quả báo để khuyến thọt truyền bá. Luận Trí Độ: Bà-nhã có hai môn:

1. Nói pháp là Bát-nhã.

2. Nói vị lai vãng sanh các Bồ-tát đồng với người thực hành Bà-nhã cũng vì đó mà nói Bà-nhã. Pháp Hoa cũng. Trước nay nói pháp là Pháp Hoa, nay nói đức hạnh của các Bồ-tát cũng là nói ở Pháp Hoa, cho nên Pháp Hoa có vô lượng môn khiến chúng sanh ngộ nhập.

Luận Nhập nhị môn giải thích nghĩa Đại thừa có hai ý:

1. Thừa của Chư Phật là bậc đại nhân nên gọi là đại.

2. Thừa của các Bồ-tát như ngài Di-lặc, Văn-thù cũng gọi là đại.

Đủ hai ý này thì ý nghĩa của thừa đã đầy đủ, kinh này nói Nhất thừa cũng như vậy, một là thừa của Chư Phật, hai là thừa của Bồ-tát. Từ đầu kinh cho đến phẩm Thần lực là nói pháp sở thừa và người năng thừa của Phật, chương này đã xong cho nên phó chúc. Từ phẩm này về sau là nói pháp sở thừa và người năng thừa của Bồ-tát, nhưng Ở trên là chia pháp sở thừa và người năng thừa thành hai đoạn, nay là hợp nói chung pháp sở thừa và người năng thừa, có sự khai hợp khác nhau là vì chuyển thế nói pháp.

Căn tánh của chúng sanh kết duyên khác nhau nhau, trên nói giáo hóa là đức Thích-ca kết duyên chúng sanh, việc này đã xong. Nay nói giáo hóa là Bồ-tát kết duyên chúng sanh, cho nên trong mỗi phẩm đều có ngộ đạo chứng nhập.

Kinh Tịnh Danh chép: “Bồ-tát thành Phật sự”. Trên là nói Chư Phật thành Phật sự đã rồi, nay nói Bồ-tát thành Phật sự.

Nói thiện tri thức gồm có hai hạng:

1. Chư Phật là thiện tri thức chân thật của chúng sanh, cho nên triệu tập phân thân và Phật Đa Bảo quá khứ.

2. Bồ-tát là thiện tri thức của chúng sanh, cho nên nói rộng về Bồ-tát, như trong phẩm Pháp Giới nói kinh Hoa Nghiêm xong thì đến phần truyền bá. Nói rộng các Bồ-tát tức là Thiện tài chân thiện tri thức, Pháp Hoa tức là Hoa Nghiêm, cho nên nói Pháp Hoa xong trong phần truyền bá cũng nói vô lượng Bồ-tát tuyên dương Nhất thừa, là thiện tri thức chân thật của chúng sanh.

Theo Luận Pháp Hoa thì hợp sáu phẩm sau kể từ phẩm này trở đi

xếp vào bốn chương.

1. Hai phẩm đầu là nói lực khổ hạnh mở rộng kinh, nghĩa là Dược Vương dùng thân mạng và tài vật để báo ân cúng dường, mở rộng kinh lợi người, giáo hóa chúng sanh. Bồ-tát Diệu Âm phân thân khắp sáu đường để mở rộng tuyên Nhất thừa, đây gọi là lực khổ hạnh.

2. Hai phẩm Quan Thế Âm và Đà-la-ni là nói năng lực hộ nạn mở rộng kinh, Quán Âm thì dùng người mà cứu hộ ách nạn, Đà-la-ni thì dùng pháp môn mà cứu hộ tại nạn, đây gọi là năng lực hộ nạn.

3. Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương thị hiện công đức cao quý, nghĩa là hai ngài Tịnh Tạng, Tịnh Nhân có công đức cao quý, có thể khiến cho vua cha bỏ tà quy chính, tức là thiện tri thức chân thật của chúng sanh, đây gọi là lực công đức cao quý.

4. Phẩm Phổ Hiền gọi là năng lực hộ pháp, nghĩa là ngài Phổ Hiền dùng thân lực lớn mở rộng kinh này khiến không có các nạn, cũng gọi là năng lực hộ pháp. Bốn chương này là có thứ lớp, năng lực khổ hạnh nghĩa là báo ân cúng dường, truyền bá kinh này, tức trên nói mở rộng đại pháp. Chỉ vì người chịu sự giáo hóa thường có các lưu nạn, người truyền bá phải cứu họ mới có thể thọ pháp, cho nên có chương thứ hai. Sở dĩ dưới cứu độ chúng sanh là do có công đức cao quý, tức là giải thích sự cứu vớt. Sở dĩ có thể mở rộng kinh là nhờ sự ủng hộ pháp, cho nên nêu chương hộ pháp là giải thích sự thành tựu mở rộng kinh, ý truyền bá là ở bốn chương này.

Phẩm này chia làm bốn chương.

1. Ngài Tú Vương Hoa hỏi Phật.
2. Đức Phật trả lời.
3. Đại chúng lúc ấy được lợi ích.
4. Phật Đa Bảo khen ngợi.

Trong phần Tú Vương Hoa hỏi Phật lại chia làm ba:

1. Hỏi chung.
2. Hỏi riêng về hạnh khổ.
3. Cầu Phật giải đáp.

Phật giải đáp gồm có hai ý:

1. Nói về nhân duyên quá khứ của ngài Dược Vương.
2. Khen ngợi giáo hóa người, người là người thực hành pháp, pháp là pháp thành tựu người, tức là một cặp về khen ngợi người khen ngợi pháp. Ý đầu lại chia làm hai:

1. Nói về lý do.
2. Chính là nói việc quá khứ của Dược Vương.

Trong phần lý do gồm có năm việc.

1. Thuở quá khứ có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như lai, đây là nói về bậc hóa chủ.

2. Phật ấy có tám mươi ức Bồ-tát, bảy mươi hai hằng sa chúng Thanh văn, đây nói về chúng đệ tử.

3. Đức Phật sống lâu bốn muôn hai nghìn kiếp, đây là nói về tuổi thọ của Phật.

4. Nước ấy không có người nữ, địa ngục, ngạ quỷ súc sanh, đây nói về cõi nước.

5. Trong nước không có các thứ dơ uế, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, đây nói sự thanh tịnh. “Các cây cách đài bằng một lần tên”, một lần tên bằng hai dặm. “Lúc bấy giờ Đức Phật ấy v.v...”, đây chính là nói việc quá khứ của ngài Dược Vương, chia làm bốn phần:

1. Nói kinh Pháp Hoa.

2. Nói về chứng ngộ, tức câu: “Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến ưa tu tập khổ hạnh v.v...”

3. Nói về báo ân cúng dường, tức câu: “Đặng Tam-muội rồi lòng vui mừng nghĩ rằng v.v...”

4. Kết hợp việc xưa và nay, tức câu: “Phật bảo Tú Vương Hoa, ý ông nghĩ sao v.v...”

Trong phần báo ân cúng dường lại chia hai phần:

1. Báo ân cúng dường ở thời hiện tại.

2. Báo ân cúng dường lúc chuyển thân, bởi thọ nhận ân sâu nặng cho nên phải báo đáp nhiều đời.

Trong phần đầu lại chia làm hai:

1. Cúng dường tài vật bên ngoài.

2. Cúng dường thân bên trong, là câu: “lúc từ Tam-muội xuất”. “Chất thơm Đâu lâu bà, Tất lực ca”, ngài La-thập nói các chất này là từ nước Long Thần, ở Trung hoa không có nên không dịch. “Ngài Nhất Thiết Chúng sanh Hỷ Kiến làm việc pháp cúng dường xong v.v...”, đây là nói chuyển thân cúng dường, lại chia hai phần:

1. Nói cúng dường lúc Phật còn tại thế.

2. Cúng dường sau khi Phật diệt độ.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Vì vua cha mà nói hai thứ chứng đắc ở Phật rồi báo ân, nói đây để giáo hóa vua cha.

2. Muốn đến chỗ Phật báo ân cúng dường.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Một bài kệ rưỡi nói nghe pháp được lợi ích.

2. Lúc nói kệ xong rồi là nói cúng dường được lợi ích “Chân ca la, Tần bà la, A súc bà, các bài kệ” Có người nói, ban đầu là bài kệ bốn câu, kế đến là bài kệ năm câu, sau là bài kệ bảy câu. Nay nói không đúng, văn này là có hai số:

1. Tám trăm ngàn muôn ức, bởi đây là số của cõi này, từ trăm tăng đến ức, từ na do tha trở lên đều là số của nước ngoài dùng, tức từ ức tăng lên nên có số là na do tha, không nên giải thích như trước. Ban đầu nói tám trăm ngàn muôn ức, là bao gồm từ trăm lên đến A súc bà v.v.... như thường gọi ba tăng kỳ. Ở chú thích kinh chép: Bởi đây là số của nước ngoài dùng, như Trung hoa gọi thập ức triệu. Chân Ca la, Pháp Hoa gọi là Hà tác, Tần bà la gọi là Mô Thí, A súc bà gọi là Bất động.

“Đại Vương, nay tôi nên cúng dường Đức Phật”, đây là nói về cúng dường, lại chia ra hai phần.

1. Nói cúng dường lúc Phật còn tại thế, tức như bài kệ nói. Từ đoạn văn này trở về trước là đủ ba nghiệp cúng dường, trước nói nhập Tam-muội rưỡi các thứ hoa hương là ý nghiệp cúng dường, kế xuất định thiêu thân là thân nghiệp cúng dường, nay nói bài kệ là miệng nghiệp cúng dường. Lại hợp ba nghiệp này làm thành hai cặp: ý nghiệp cúng dường là cúng dường tài vật, đốt thân là cúng dường nội thân. Miệng nghiệp cúng dường cũng có hai, đó là cung kính và khen ngợi, bốn thứ cúng dường này là việc báo ân.

2. Nói cúng dường sau khi Phật diệt độ, tức câu: “Lúc ấy ngài Nhất Thiết Chúng sanh Hỷ Kiến thấy Phật diệt độ”, lại chia làm ba phần:

Ngài Hỷ Kiến hỏi Đức Phật, tức là đầu mối để Phật nhập Niết-bàn.

Đức Như lai diệt độ, tức là Phật Nhật Nguyệt nói giờ nhập Niết-bàn đã đến, giờ đến tức là an trụ trong ba đức mà nhập Niết-bàn, giờ diệt độ đến tức là bỏ ứng thân quy về chân thân.

Chính là nói việc cúng dường, tức lúc ngài Nhất Thiết Chúng sanh thấy Phật diệt độ rồi, lại chia hai:

a. Cúng dường bằng tài vật.

b. Cúng dường bằng nội thân, tức là ngài Nhất Thiết Chúng sanh tự suy nghĩ đem thân cúng dường, lại chia ra năm phần:

Đốt tay cúng dường.

Khiến vô số đại chúng được lợi ích.

Các Bồ-tát và đại chúng sâu khổ.

Ngài Nhứt Thiết Chúng sanh phát thệ nguyện, thân trở lại như cũ.

Lúc ấy chiêu cảm các điềm lành.

“Phật bảo Tú Vương Hoa”, đây là nói phần kết xưa và nay, và cũng khuyên người đốt ngón tay cúng dường.

Hỏi: Theo luật kiết giới thì thiêu thân phạm tội Thâu lan giá, thiêu tay đắc tội Đột-cát-la. Vậy Bồ-tát này không phạm tội sao?

Đáp: Đây có thể là Bồ-tát tại gia, không kể vào phạm giới, nếu xuất gia mà thích ứng giáo hóa, như ngài Xá-lợi-phất và Tu Đạt cùng chở một xe mà không phạm tội.

Hỏi: Luận Trì Địa có mười thứ cúng dường, phẩm Dược Vương có đủ chăng?

Đáp: Mười thứ cúng dường gồm có:

- | | |
|---------------------|--------------------|
| 1. Thân cúng dường. | 6. Người khác làm. |
| 2. Chi đê. | 7. Tài vật. |
| 3. Hiện tiền | 8. Tâm cao quý. |
| 4. Không hiện tiền | 9. Không nhiễm ô. |
| 5. Tự làm | 10. Đạo đến mức. |

Hai phần cúng dường đầu đều có khác nhau, đối với thân Phật mà cúng dường gọi là thân cúng dường, cúng dường tháp miếu thờ Phật gọi là Chi đê cúng dường. Theo luật Tăng Kỳ thì tháp có Xá-lợi gọi là Tháp bà. không có Xá-lợi gọi là Chi đê.

Luận Trì Địa chép: bất luận là có hay không có Xá-lợi đều gọi là Chi đê. Luận Minh Liễu chép: Chi đê, Hán dịch là Tịnh xứ.

Hai phần cúng dường kế gọi là thời xứ, hiện tiền cúng dường là mặt đối diện trước thân Phật và Chi đê mà cúng dường; không hiện tiền cúng dường là không đối diện trước Phật và Chi đê mà rộng bày cúng dường. Nếu theo sự thì có ba ý, hai ý cúng dường như đã nói, ý thứ ba là cũng hiện tiền không hiện tiền cúng dường, hiện tiền cúng dường Phật và Chi đê và không hiện tiền cúng dường Phật và Chi đê. Ba thứ cúng dường nay đắc ba phẩm công đức, hiện tiền cúng dường được đại đại công đức, không hiện tiền cúng dường được đại đại công đức, do cảnh giới lớn rộng. Hiện tiền, không hiện tiền cúng dường thì được tối đại đại công đức. Hai phần nói về người cúng dường có khác nhau, theo sự thì chia làm ba:

1. Tự mình làm để cúng dường, nghĩa là tự thân cúng dường Phật và Chi đê.

2. Người khác làm để cúng dường, có ít tài vật mà không dám

biếng nhác nên dạy người khác làm để cúng dường.

3. Mình và người đồng cúng dường, tức kia đây xếp vào. Tự mình cúng dường được đại công đức, dạy người khác cúng dường được đại đại công đức, mình và người cùng cúng dường được tối đại đại công đức.

Hai thứ cúng dường thứ bảy và tám thì phân biệt về tâm và sự, đem tài vật của mình cúng dường gọi là tài vật cúng dường, gồm có ba thứ:

1. Tư cụ: là y phục, thức ăn.
2. Cung kính cụ: là dùng hương hoa cúng dường.
3. Trang nghiêm cụ: là tất cả vật báu.

Dùng tâm cao quý cúng dường thì gọi là cao quý cúng dường, tâm cao quý gồm có ba:

1. Chuyên tinh hiểu, tâm khéo hiểu bố thí, dọn bày các món cúng dường.
2. Tâm thuần tịnh tin Phật có đức sâu nặng mà dọn bày cúng dường.
3. Tâm hồi hướng cầu tâm Phật mà dọn bày cúng dường.

Hai thứ cúng dường sau là phân biệt về chỗ thực hành, xa lìa lỗi lầm gọi là không nhiễm ô mà cúng dường, không nhiễm ô có hai thứ:

1. Tâm không nhiễm ô: là xa lìa tất cả lỗi lầm.
2. Tài vật không nhiễm ô là ô xa lìa tài vật phi pháp. Thực hành cúng dường thuận theo đạo quả thì gọi là cúng dường đạo đến mức. Quả Phật là chỗ hướng đến, thực hành cúng dường có thể đến chỗ ấy nên gọi là đạo đến mức.

Kinh Duy Ma gọi là pháp cúng dường, luận Trì Địa gọi là hạnh cúng dường, ở đây có ba thứ:

1. Tài vật cúng dường là đạo đến mức.
2. Tùy hỷ cúng dường là đạo đến mức.
3. Tu hành cúng dường là đạo đến mức.

Đối với Phật đã có đủ mười thứ cúng dường, thì với Pháp với Tăng cũng hơi giống như vậy, Dược Vương cũng có đủ mười thứ cúng dường.

“Nếu có người cúng dường Phật bảy thứ báu” đây là phần khen ngợi giáo pháp chia làm hai phần:

1. Khen ngợi chung toàn bộ kinh.
2. Khen ngợi riêng phẩm Dược Vương.

Phần khen ngợi chung chia làm bốn phần:

1. Khen so sánh lượng.

2. Khen giáo pháp là bậc nhất.
3. Khen kinh có công năng dứt ác.
4. Khen kinh có công năng sanh thiện.

Phần khen giáo pháp gồm có mười thí dụ, từ thí dụ về biển, núi, cho đến Chư Phật, tức là từ thấp đến cao, mười thí dụ thì khác nhau, hợp thành năm cặp là: núi và biển, mặt trăng và mặt trời, cõi người và cõi trời, phàm và Thánh, Phật và Bồ-tát “Kinh này có thể cứu tất cả chúng sanh”, đây là khen ngợi kinh công năng dứt ác.

“Nếu có người nghe kinh này v.v...”, đây là khen ngợi kinh có công năng sanh điều thiện.

“Nếu có người nghe phẩm Dược Vương v.v...”, đây là khen ngợi riêng một phẩm, gồm có bốn phần:

1. Khen ngợi chung nếu nghe phẩm này được vô lượng công đức.
2. Khen ngợi về sanh báo: “như có người nữ nào nghe phẩm này thì sau không còn thọ thân nữ”.

Hỏi: Nghe phẩm này thì không còn thọ thân nữ, nghe các phẩm khác thì thọ thân nữ ư?

Đáp: Các phẩm đều không thọ, nhưng nói về sự tương tự cho nên đặc nói riêng phẩm này, do người nữ thường ưa Thích-các thứ trang nghiêm ở thân mình, nay nói Bồ-tát xả thân, đốt tay là để phá bỏ sự tham đắm kia, do không sanh tham đắm nên xả thân người nữ.

3. Nói về hiện báo, nếu có người nghe kinh này mà tu hành, khi chết liền sanh về cõi An Lạc.

4. Về phó chúc, cũng nói nghe kinh được thành Phật tức là khen ngợi hậu báo nếu người bị bệnh nghe kinh này liền lành bệnh, chẳng già chẳng chết. Có người chép: Nghe kinh Pháp Hoa thì sống đến già mới chết, không có chết yểu. Nay theo luận Trí Độ chép: Không dứt trừ một trăm lẻ tám phiền não thì gọi là bệnh, được nghe kinh rồi, trừ hết phiền não này nên gọi là tiêu diệt. Không già là không khởi sáu mươi hai tà kiến, không mất tuệ mạng thì gọi là không chết. Rơi vào Nhị thừa cũng gọi là chết. Lại nghe kinh này thì biết già, bệnh, chết xưa nay vốn vắng lặng, vì vậy gọi là không già chết.

“Lúc Phật nói phẩm Dược Vương Bồ-tát xong v.v...”, đây là nói đại chúng được lợi ích.

“Đức Đa Bảo Như lai ở trong tháp báu v.v...”, đây là nói Phật Đa Bảo khen ngợi.

Trước tuy nói đóng cửa tháp mà nay còn khen ngợi, tức là ý nghĩa không diệt mất.

Giữa hạ, năm Ất Mùi, niên hiệu Vĩnh Nhân, từ miền nam Lạc Dương mà đến chùa Đông Đại, nhờ ân mở rộng mà học được tông Tam luận, nay khắc bản kinh Pháp Hoa nghĩa số thứ 11, cầu Phật pháp ngày càng sáng rõ, hơn hai ngàn năm truyền bá không thay đổi.

*Sa môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.*



PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 12

PHẨM DIỆU ÂM BỒ-TÁT THỨ HAI MƯƠI BỐN

Khổ hạnh mở rộng kinh gồm có hai phẩm, nay là phẩm thứ hai, trên nói nghe kinh được lợi ích, dùng thân mạng và tài vật để cúng dường báo ân, nay nói phân thân khắp sáu đường để truyền bá pháp Nhất thừa. Trước là nghiệp công đức, nay là nghiệp trí tuệ, trước chính là tự thực hành, nay thường nói giáo hóa bên ngoài, trên là nói việc quá khứ mở rộng kinh lợi ích chúng sanh, nay nói Bồ-tát hiện đức, truyền bá pháp thêm duyên. Từ phẩm này về sau thường là theo thứ lớp căn duyên, không cần y theo nghĩa sanh khởi.

Nói Diệu Âm: vị Bồ-tát này ở quá khứ đã dùng mười muôn thứ kỹ nhạc để cúng dường Phật, cho nên được âm thanh hay, do đó mà đặt tên. Kinh xưa gọi là Bồ-tát Sư Tử Hống, nay có thể hợp cả hai âm, tức dùng Diệu Âm làm sư tử hống. Lại, chúng sanh ưa nghe gọi là Diệu Âm, âm có thể nói lên lý, hàng phục chúng sanh nên gọi là sư tử hống, phẩm này gồm sáu chương:

1. Phật phát ra ánh sáng gọi Bồ-tát Diệu Âm.
2. Ngài Diệu Âm vâng lời mà đến.
3. Ngài Diệu Âm mở rộng kinh làm khuôn phép.
4. Nói lợi ích của phẩm này.
5. Việc xong ngài Diệu Âm trở về cõi nước mình.
6. Nói lại lợi ích của việc Ngài đến.

Phần Phật phát ra ánh sáng chia làm ba phần:

1. Phật phát ra ánh sáng chiếu khắp người có duyên.
2. Chiếu khắp cõi nước Tịnh Quang.
3. Chiếu soi thân ngài Diệu Âm.

Phần đầu lại chia làm hai ý:

1. Phát ra ánh sáng từ nhục kế.
2. Phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày.

Sở dĩ phóng hai ánh sáng này, là vì diệu lý của Nhất thừa vượt trên đánh có và không, cho nên phát ra ánh sáng từ nhục kế. Trí tột cùng không nghiêng lệch có thể phát chiếu Trung đạo, cho nên lại phát ra ánh sáng từ giữa hai đầu chân mày. Lại nữa, ánh sáng trên đánh tiêu biểu Nhất thừa là chỗ mà Thánh chúng tôn trọng ánh sáng từ giữa hai đầu chân mày là nói Nhất thừa không nghiêng lệch lý Trung đạo viên chánh. Phật muốn đem pháp này phó chúc cho ngài Diệu Âm, cho nên phóng hai thứ ánh sáng này để triệu tập. Phẩm trước có nói rằng Pháp Hoa là bậc nhất nên người trì kinh cũng là bậc nhất, nay biểu hiện ngài Diệu Âm có đức hạnh cao nên Phật phát ra ánh sáng trên đánh; biểu hiện ngài có sự hiểu biết chân chánh cho nên phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày.

Sở dĩ phát ra hai ánh sáng để biểu hiện ngoài Diệu Âm, là muốn đại chúng khởi tâm cung kính sâu xa với vị Bồ-tát này, lãnh thọ giáo pháp mà được lợi ích.

“Qua khỏi số cõi nước có thể giới tên Tịnh Quang v.v...”, đây là nói chiếu khắp cõi nước Tịnh Quang.

“Lúc ấy trong cõi nước đó có vị Bồ-tát tên là Diệu Âm”, đoạn này nói chiếu soi thân ngài Diệu Âm, chia làm ba phần:

1. Nêu tên.

2. Khen ngợi đức hạnh, là nói vị này từ lâu đã gieo trồng các cội công đức, do có đức cao quý này nên được Phật phát ra ánh sáng gọi đến, phần khen ngợi đức có hai:

a. Khen ngợi nhân quá khứ.

b. Khen ngợi đức hiện tại.

Phần khen ngợi nhân quá khứ lại chia làm hai:

Trồng các cội công đức.

Cúng dường gần gũi vô lượng Đức Phật. Phần khen ngợi đức hiện tại cũng chia hai phần:

Thành tựu trí tuệ sâu xa

Chứng đắc các Tam-muội. Trong phần Tam-muội chia ra hai ý:

1. Nói riêng từng Tam-muội.

2. Tổng kết môn Tam-muội.

“Đắc Tam-muội diệu tràng tướng”, nhập Tam-muội này là tối tôn bậc nhất trong các Tam-muội, thí như tướng quân được lá cờ là biểu hiện đại tướng.

“Pháp Hoa Tam-muội”, kinh Tam-muội Pháp Hoa chép: Nhưcây

nở hoa khiến cây đẹp đẽ, đặc Tam-muội này là nở hoa công đức trong các Tam-muội để tự trang nghiêm. Theo ý kinh này giải thích thì đối với Ba thừa, Nhất thừa đều tự tại, dài ngắn cũng vô ngại, nên gọi là Tam-muội Pháp Hoa.

“Tam-muội Tịnh đức”, là khiến các Tam-muội được thanh tịnh, như nấu quặng luyện vàng để được vàng ròng.

“Tam-muội Vô duyên”, tức là định diệt tận, đặc Tam-muội này thì đối với ba thọ không khởi duyên ba độc.

“Tam-muội Tú Vương hý”, đối với các Tam-muội thông đạt tự tại nên gọi là hý. Chẳng phải hý do ái kết.

“Tam-muội Trí ấn”: Bát-nhã là trí, tương ứng Tam-muội gọi là ấn, lại như người vào nước an ổn, có ấn mới được vào, không ấn thì không được vào, Bồ-tát đặc Tam-muội này thì sẽ nhập thật tướng.

“Tam-muội Giải nhứt thiết ngữ ngôn”, đặc Tam-muội này thì hiểu tiếng của chúng sanh mà vì đó nói pháp.

“Tập nhất thiết trí công đức Tam-muội”, Bồ-tát đặc Tam-muội này thì công đức đã đầy đủ.

“Tam-muội Thanh tịnh”, như có hạt ngọc báu Như ý làm sạch bụi bám, Tam-muội này làm sạch bụi bám các Tam-muội, bụi phiền não để trừ mà bụi Tam-muội khó dứt.

“Tam-muội Thần thông du hý”, nhập Tam-muội này có khả năng hiện tám tướng thành đạo.

“Tam-muội Tuệ cự”, như cầm đuốc đi đêm không rơi vào chỗ nguy hiểm.

“Tam-muội Trang nghiêm vương”, như Hằng hà sa cõi nước đều dùng bảy báu trang nghiêm mà Phật ở trong ấy, đặc Tam-muội này thì nhất thời có thể trang nghiêm các công đức. Lại quán sát trang nghiêm này là “không”, chẳng có gì, ở nơi hai trang nghiêm không và có đều được tự tại nên gọi là vương.

“Tam-muội Tịnh quang minh vương”, nhập Tam-muội này thì có thể phát ra ánh sáng khiến tâm các chúng sanh được thanh tịnh.

“Tam-muội Tịnh tạng”, nhập Tam-muội này có công năng làm thanh tịnh các tạng công đức.

“Tam-muội Bất cộng”, đây không thể phân biệt hai thừa.

“Tam-muội Nhật triền”, như Thiên tử mặt trời nung vào cung điện mặt trời mà chiếu khắp chúng sanh rồi trở lại như cũ. Xưa gọi Tam-muội Nhật luân.

Tổng kết môn Tam-muội; tức câu: “Được trăm ngàn muôn ức

Hằng hà sa các đại Tam-muội như thế.”

Nói ánh sáng chiếu trên thân ngài Diệu Âm, tức câu: “Ánh sáng của đức Thích-ca soi đến thân vị Bồ-tát đó”.

“Ngài Diệu Âm bạch đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí đây là nói ngài Diệu Âm vâng lời mà đến, lại chia hai ý:

1. Nói ý muốn đến.
2. Nói Ngài từ cõi nước kia đến.

Ý đầu có 10 câu:

1. Nói ngài Diệu Âm hỏi Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí ý muốn đến cõi Ta bà.

2. Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí căn dặn, lại chia làm ba:

- a. Nói chung lời căn dặn chớ xem thường nước Ta bà.
- b. Giải thích lời căn dặn, tức nói cõi Ta bà thân hình kém nhỏ mà thân ông cao lớn, đó là sự cao quý của cõi tịnh.
- c. Tổng kết lời căn dặn, lời nói chớ sanh tâm thấp kém.

Hỏi: Trước có nói phần đầu kinh là nói ở cõi uế, phần sau kinh là nói ở cõi tịnh, lúc ngài Diệu Âm đến chính là đạo đi nơi cõi tịnh, vì sao phải căn dặn?

Đáp: Kinh này trước sau nói về cõi có ba điều khác nhau:

- a. Phần đầu kinh là nói ở cõi uế.
- b. Phần sau kinh là nói ở cõi tịnh.
- c. Từ phẩm Dược vương trở đi là nói tại cõi uế. Làm sao biết? Do khi triệu tập phân thân thì biến thành cõi tịnh, phân thân đã trở về bốn quốc thì cõi tịnh biến trở lại thành uế, lúc ngài Diệu Âm đến chính là đạo đi nơi cõi năm trước cho nên Phật căn dặn.

3. Ngài Diệu Âm vâng lời, tức câu: “Bồ-tát Diệu Âm bạch Phật rằng”, ngài Diệu Âm đã nương Phật lực cho nên đến để mở rộng kinh lợi ích chúng sanh, há lại sanh ý tưởng thấp kém, cho nên vâng lời Phật dạy.

4. “Lúc ấy ngài Diệu Âm v.v...”, đây là nói trước hiện điềm lành là muốn khai phát điều sau. Sở dĩ hiện điềm lành ở cõi này là muốn chúng sanh cõi này sanh tâm tôn kính.

“Hóa thành hoa sen”, tức muốn dùng hoa sen làm tòa ngồi và biểu hiện ngài Diệu âm mở rộng kinh Diệu pháp liên hoa.

“Hóa thành tám muôn bốn nghìn hoa sen báu”, là muốn biểu hiện tám muôn bốn nghìn tòa của Bồ-tát, cũng là biểu hiện tám muôn bốn ngàn pháp tạng đều nhập Nhất thừa diệu pháp hoa.

“Lá bằng bạc trắng”, tức nói lên kinh này có tựa đề là bạch Liên

Hoa, mở ra hai phương tiện, hai chân thật, tức ý nghĩa của tám muôn bốn ngàn pháp tạng đều được minh bạch.

“Đài bằng báu Chân thức ca”, Hán dịch là anh vũ, báu này giống như mỏ của chim Anh vũ mà có màu đỏ.

5. Ngài Văn-thù hỏi lý do điềm lành.

6. Đức Phật trả lời ý hiện điềm lành.

7. Ngài Văn-thù hỏi về đức hạnh của Bồ-tát Diệu Âm, ở đây gồm có ba câu hỏi:

a. Hỏi Bồ-tát ấy gieo trồng cội lành gì.

b. Hỏi ngài tu công đức gì, hai câu hỏi này thuộc về nhân quả khứ.

c. Hỏi ngài thực hành Tam-muội gì, câu hỏi này thuộc quả chứng đắc ở hiện tại.

“Cúi xin Đức Thế tôn v.v...”, đây là xin Phật cho thấy ngài Diệu Âm.

8. Phật Thích-ca suy cử Phật Đa Bảo nhận lời xin cầu mà chưa trả lời ba câu hỏi trước, đoạn sau có Bồ-tát Hoa Đức hỏi lại ba câu ấy Phật mới giải thích. Sở dĩ suy cử Phật Đa Bảo đó là thuận theo việc của thế gian, lễ nghi ở thế gian thì suy tôn người hiền, kính bậc trưởng lão, Đa Bảo là vị Phật thành Phật đã lâu, cho nên Đức Thích-ca suy cử, cũng muốn nói lên đức Đa Bảo không diệt nên có thể hiện hình Diệu Âm.

9. Phật Đa Bảo gọi ngài Diệu Âm đến tức đáp lời xin của ngài Văn-thù.

10. Nói ngài Diệu Âm đến.

Lại chia thành 10 chương:

1. Lúc ấy ngài Diệu Âm ẩn mật ở cõi nước kia.

2. Cùng với tám muôn bốn ngàn Bồ-tát đến cõi Ta bà, tức là cùng quyến thuộc đến.

3. Các nước trải qua 6 điềm rung chuyển, đây là hiện điềm lành.

4. Diện mạo ngài tốt đẹp, tức là khen ngợi ngài Diệu Âm.

“Thân Na La Diên” ngài Chân-đế chép: Na la dịch là người, chữ Diên là sanh bốn. Phạm Vương là tổ phụ của chúng sanh nên gọi là sanh bốn.

Ngài La-thập chép: Lực sĩ cõi trời gọi là na la diên, thân khô ngô mạnh mẽ, luận Câu xá chép: nắm giữ phong luân của thế giới đại thiên gọi là Na-la-diên, cũng gọi là đại lực.

5. Ngài vào trong đài bảy báu, đây là nói ngài Diệu Âm bay lên hư không mà đến.

“cách đất bằng bảy cây đa la”, cây đa la giống như cây Tôn lư ở nước Trung hoa, một cây đa la cách đất bằng bảy thước.

6. Đến rồi cúng dường hỏi thăm Đức Phật, tức là hiện phép tắc của Phật.

7. Bạch Phật rằng Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí hỏi thăm Thế tôn v.v...”, tức là nói phụng tuyên Thánh chỉ, đây có ba phần:

a. Hỏi thăm đức Thích-ca.

b. Hỏi chúng sanh có dễ độ chăng.

c. Hỏi đức Đa bảo diệt độ từ lâu có đến nghe pháp chăng.

8. Ngài Diệu Âm bạch Phật rằng muốn thấy Phật Đa Bảo.

9. Đức Thích-ca nói với Phật Đa Bảo rằng Diệu Âm muốn ra mắt Phật.

10. Phật Đa Bảo khen ngợi ngài Diệu Âm.

Từ chỗ hỏi thăm Đức Phật, đều là nói lên Phật Đa Bảo không diệt độ, bác bỏ sự chấp vô thường của phàm phu Nhị thừa.

“Bấy giờ, Bồ-tát Hoa Đức bạch Phật rằng v.v...”, đoạn này nói ngài Diệu Âm mở rộng kinh, chương trước là nói người mở rộng kinh đã rồi, tức là một cặp về người và pháp. Trên là nói quả báo của ngài Diệu Âm, nay là nói nhân đời trước của ngài, tức là một cặp về nhân và quả, đây là nói lên đức hạnh của Ngài Diệu Âm trong hai đời, lại chia làm hai phần:

1. Hỏi đáp về sức thần thông của Ngài Diệu Âm.

2. Hỏi đáp về Tam-muội của Ngài Diệu Âm.

Thần lực là trí tuệ, Tam-muội là định, đây là nói lược về định tuệ của Bồ-tát. Lại nữa, thần lực là quả, Tam-muội là nhân, do nhân Tam-muội nên có thể hiện thần lực. Sở dĩ trước nói quả sau nói nhân, là do ngài Diệu Âm hiện thần lực mà đến nên trước hỏi về thần lực. Hai câu hỏi này của Bồ-tát Hoa Đức là trùng với ba câu hỏi trước của ngài Văn-thù, do ở trên đức Thích-ca chưa trả lời nên nay lặp lại mà hỏi, câu hỏi đầu có hai ý:

1. Hỏi về nhân của thần lực.

2. Hỏi về quả của thần lực, tức nói ngài có thần lực này. Gốc lành và công đức có khác nhau, gốc lành là trước, công đức là sau, cho nên câu hỏi chia làm hai: Trong phần đáp cũng chia làm hai:

1. Trả lời câu hỏi về nhân

2. Trả lời câu hỏi về quả của thần lực.

Trong phần trả lời về nhân lại chia làm hai ý:

1. Trả lời câu hỏi ngài Diệu Âm gieo trồng gốc lành gì, đây chia

ra sáu phần khác nhau.

- a. Nói Đức Phật mà ngài Diệu Âm gieo trồng gốc lành.
- b. Nói tên nước là nơi để gieo trồng gốc lành
- c. Nói tên của kiếp là thời gian gieo trồng gốc lành.
- d. Nói ngài Diệu Âm gieo trồng gốc lành.
- e. Do nhân duyên này mà đắc quả như thế. Là kết phần trả lời.
- f. Kết hợp việc xưa và nay là một người.

2. Trả lời câu hỏi ngài tu công đức gì, tức nói Ngài Diệu Âm đã từng gần gũi cúng dường vô lượng Đức Phật.

“Hoa Đức! Ông chỉ thấy Bồ-tát Diệu Âm thân hình ở tại đây v.v...”, đây là trả lời câu hỏi về quả của thần lực, gồm có hai phần:

1. Khen ngợi ngài Diệu Âm mở rộng kinh ở cõi này.
2. Khen ngợi ngài Diệu Âm truyền bá pháp khắp mười phương.

Phần đầu lại có ba nghĩa:

1. Nêu chung mở rộng kinh.
2. Giải thích rộng.
3. Kết lời khen ngợi

“Hoặc hiện thân Phạm Vương v.v...? đây là phần giải thích rộng, chia làm năm loại.

1. Hiện thân trời
2. Hiện thân người
3. Hiện thân tám bộ chúng
4. Cứu độ tám nạn
5. Ở hậu cung biến thành người nữ mà nói kinh này.

Trong phần hiện thân trời có hai cặp đối nhau, Phạm vương và Đế-thích là thuộc ở đầu cõi Dục, cõi Sắc; Tự tại và Đại tự Tại là thuộc ở sau hai cõi trời, bốn vị này là vua, hai vị sau là thần: Thiên đại tướng quân là thần của Phạm Vương ở cõi trời Phạm Phụ, Tỳ-sa-môn là thần của Đế-thích.

Trong phần hiện thân người cũng có hai cặp đối nhau, hai vị đầu là vua tức vua Chuyển luân và Tiểu vương. Hai vị kế là người bề tôi, tức Trưởng giả và cư sĩ. Lại chia làm bốn loại:

1. Bốn loại đầu thuộc thân cao sang
2. Bốn loại kế là người thọ giới Phật.
3. Bốn loại là hiện thân phụ nữ.
4. Hai loại hiện thân đồng chân và sau là hiện thân tám bộ

chúng.

“Bao nhiêu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v...”, đây là khen ngợi

ngài cứu độ tám nạn. Không nói pháp là bởi tám nạn này có khổ nặng và chướng sâu dày nên chỉ nói cứu vớt.

“Cho đến ở hậu cung biến thành người nữ v.v...” đây là nói cứu độ loại thứ năm.

“Bồ-tát Diệu Âm này có khả năng cứu độ chúng sanh v.v...”, đây là tổng kết lời khen ngợi, lại chia hai phần:

1. Khen ngợi chúng giáo hóa có lợi ích.
2. Khen ngợi người có khả năng giáo hóa không có tổn giảm.

“Vị Bồ-tát này dùng trí tuệ soi sáng cõi Ta bà”, đây là khen ngợi ngài Diệu Âm mở rộng kinh khắp mười phương, gồm có ba phần:

1. Khen ngợi chung.
2. Khen ngợi riêng.
3. Kết thúc khen ngợi

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Khen ngợi có lợi ích cho chúng sanh ở một cõi.
2. Khen ngợi mở rộng kinh có ích khắp mười phương

Phần khen ngợi riêng cũng chia làm hai: tức từ câu: “Nếu đáng dùng thân...”

1. Hiện các thân hình để độ chúng sanh.
2. Hiện thân diệt độ để độ chúng sanh.

“Bồ-tát Hoa Đức, Diệu Âm trọn nên sức thần thông trí tuệ”, đây là tổng kết lời khen ngợi, thần thông là hiện các thân hình, trí tuệ là nói pháp.

Trong một cõi mà hiện rộng các thân phàm phu, trong mười phương lược hiện thân Thánh, đây muốn nói phàm bậc Thánh, rộng lược đều hiện. Trước nói hiện thân phàm phu có năm loại, nay hiện thân Thánh cũng có năm thân: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật và thân diệt độ.

Hỏi: Trước nói hiện năm loại thân phàm là nói kinh Pháp Hoa, nay sao chỉ gọi là nói pháp?

Đáp: Chữ nói pháp là dùng chung, ở đây muốn dùng cả riêng và chung nên nói như vậy. Trên chính là nói mở rộng kinh Pháp Hoa nên nói Nhất thừa, nếu có chúng sanh không tin pháp Nhất thừa thì nói pháp năm thừa, cũng như trong phẩm Chúc Lụy Phật khiến Bồ-tát biết căn cơ lớn nhỏ.

Phẩm này nói từ phàm đến Thánh cho nên trước hiện thân phàm, sau hiện thân Thánh, trong phẩm Quán Âm thì trước nói thân Thánh, sau nói thân phàm, tức là từ cao đến thấp. Lại nữa, phẩm Diệu Âm trước

một sau ba, phẩm Quan Âm thì trước ba sau một.

“Bấy giờ Bồ-tát Hoa Đức bạch Phật rằng v.v...”, đây là hỏi về Tam-muội của ngài Diệu Âm, cũng có trước hỏi sau đáp:

“Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát v.v...”, đây là nói đại chúng ở hai cõi đều được lợi ích

“Khi ngài Diệu Âm cúng dường Phật Thích-ca và tháp Phật Đa bảo rồi v.v...”, đây là nói việc làm đã rồi, ngài Diệu Âm trở về cõi nước của mình. Đây là cõi uế nên Phật Tịnh Hoa Tú vương Trí có hỏi thăm Phật Thích-ca, kia là cõi tịnh nên Phật Thích-ca không hỏi thăm.

“Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát lai vãng này v.v...”, đây là nói lại việc lợi ích lúc Ngài đến.

Hỏi: Thấy Bồ-tát lai vãng, nhưng lấy gì để đắc pháp vô sanh nhãn?

Đáp: Người lợi căn thì ngộ Bồ-tát không đến mà đến, cho nên đến mà không có chỗ đến, không đi mà đi cho nên đi mà không có chỗ đi, tức nhập thật tướng, cho nên đắc vô sanh.

Hỏi: Vô sanh pháp nhãn, khắp hiện sắc thân và Pháp Hoa Ba Muội có gì khác nhau?

Đáp: Tâm không chỗ nương giống như hư không, không sanh tâm động niệm nên gọi là Vô sanh pháp nhãn. Tuy không mà có, tùy ý tự tại hiện thân nơi nơi tức là Tam-muội phổ hiện sắc thân, ba thừa Nhất thừa khai và hợp không có sự mê đắm tức là Tam-muội Pháp Hoa.

PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ MÔN THỨ HAI MƯƠI LĂM

Hai phẩm trên là nói về khổ hạnh mở rộng kinh có nghiệp công đức và nghiệp trí tuệ, có phẩm Dược vương và phẩm Diệu Âm. Nay nói phần hộ nạn mở rộng kinh. Ban đầu nói người hộ nạn mở rộng kinh, sau nói pháp hộ nạn mở rộng kinh cũng gồm có hai phẩm. Lại theo thứ lớp căn duyên, trên hội Linh Sơn có tám muôn bốn ngàn người hợp nghe phẩm Quán Âm mà phát tâm Bồ-đề cho nên nói phẩm này, cõi nước mười phương và chúng sanh có duyên ở đời sau được lợi ích nên nói phẩm này. Phẩm này chia chương đoạn không đều nhau, nay phân thành bốn cặp: nêu lên, giải thích, khen ngợi và lợi ích.

1. Nói về, Quán Âm lấy danh, Phổ môn làm đức, vì thế cùng nêu danh và đức, người cao quý lấy lý có danh có đức, cho nên nêu tên là phẩm Quán Âm Phổ môn.

2. Giải thích, ban đầu hỏi đáp là giải thích tên Quán Thế Âm, sau hỏi đáp là giải thích đức của Quán Thế Âm.

3. Khen ngợi, Bồ-tát Trì Địa khen ngợi rằng nếu nghe danh đức này thì công đức vô biên.

4. Lợi ích, tám muôn bốn ngàn người nghe danh đức này đều phát đạo tâm.

Bốn điều này là theo thứ lớp, trước nói lược sau giải thích rộng, nói và giải thích đã xong thì danh và đức đều hiển sáng cho nên Bồ-tát khen ngợi, khen ngợi xong thì người nghe kính ngưỡng cho nên đều phát đạo tâm. Phần nói rõ gồm có mười cặp ý đối nhau:

1. Nêu người và pháp, Quán Âm là người, Phổ môn là pháp, người và pháp là ý nghĩa nhân duyên, không có người thì không ai điều khiển pháp, chẳng có pháp thì không thể thành tựu người, cho nên trước nói người điều khiển pháp, sau nói pháp thành tựu người, đây là một cặp về người và pháp.

2. Quán Thế âm tức là pháp thân, khổ môn là ứng thân, trước dùng pháp thân quán xét căn cơ, sau hiện ứng thân để độ sanh, đây là một cặp về chân thân và ứng thân.

3. Quán Âm là ý nghiệp của Bồ-tát, Phổ môn là thân nghiệp và miệng nghiệp, trước dùng ý nghiệp quán xét, sau dùng thân nghiệp hiện thân thông, miệng nghiệp nói pháp, đây là một cặp trong và ngoài.

4. Quán Âm là đại bi cứu khổ, Phổ môn là đại từ ban vui, cho nên phần sau giải thích Quán Âm nghĩa là cứu khổ, Phổ môn là nói lên công

đức ban vui. Chúng sanh sở hóa chỉ có khổ không có vui, Bồ-tát năng hóa có đại từ đại bi, đây là một cặp về từ và bi.

5. Bồ-tát có hai thứ thân, thân Dược Thọ Vương và thân Như ý châu vương, thân Dược Thọ Vương thì gốc rễ, cành, lá, đều trị lành các bệnh, Bồ-tát cũng như vậy, ba nghiệp đều có thể cứu chúng sanh. Thân Như ý châu vương thì như báu ma ni, có thể ban tất cả điều vui, Bồ-tát cũng như vậy, hễ ai thấy nghe đều được lợi ích. Giải thích danh hiệu Quán Thế Âm là khen ngợi thân Dược Thọ Vương, giải thích tên Phổ Môn là nói thân Như ý châu vương, đây là một cặp về hai thân.

6. Giải thích danh hiệu Quán Âm là nói lên nghĩa chúng sanh có cảm, nêu Phổ môn là nói Bồ-tát có ứng, ban đầu cảm chẳng phải không ứng, sau ứng chẳng phải không cảm. Nhưng ban đầu nói ứng để thành cảm, sau nói cảm để thành ứng, đây là một cặp về cảm và ứng.

7. Nêu danh hiệu Quán Âm là khen ngợi Bồ-tát có thể ban sự vui cho chúng sanh ở thế gian, nêu tên Phổ môn là nói lên nghĩa Bồ-tát có thể ban cho chúng sanh sự vui ra đời gian, cho nên đoạn văn trước nói tiêu trừ bảy nạn, tròn đầy hai cầu nguyện, tức ban sự vui thế gian. Sau nói ba mươi ba thân, mười chín lần nói pháp đều được độ, tức ban sự vui xuất thế gian, đây đều là nói chung, chẳng phải nói riêng. Trước ban vui thế gian, sau ban vui xuất thế gian, đây là thứ lớp của pháp môn, tức là một cặp về thế gian, xuất thế gian.

8. Nêu Quán Âm là nói về thần thông, do quán xét âm thanh của chúng sanh tức là thiên nhĩ thông, nói Phổ môn tức thị hiện. Trong sáu thần thông thì có ba thứ là thần thông chẳng phải là thị hiện, đó là thiên nhĩ, thiên nhãn và túc mạng. Ba thứ vừa là thần thông, vừa là thị hiện, đó là tha tâm, thần túc và lậu tận. Lậu tận thì nói pháp, thần túc thì chuyển biến, tha tâm thì biết căn cơ, tức dùng sự khiến người tin nghiệm nên gọi là thị hiện, đây là một cặp về thần thông và thị hiện.

9. Nêu danh hiệu Quán Âm là nói lợi ích thâm, nêu Phổ môn là nói lợi ích hiển, sau hiện thân nói pháp nên gọi là hiển, trước không hiện thân nói pháp mà có thể khiến chúng sanh khỏi ách nạn nên gọi là lợi ích thâm. Bồ-tát cứu chúng sanh không ngoài hai nghĩa hiển và mật, tức là một cặp về mật và hiển.

10. Nêu Quán Âm là nói danh hiệu của Bồ-tát, nói Phổ môn là nói lên đức của Bồ-tát, đây là một cặp về tên và đức.

Phẩm này tuy ý nghĩa có đủ mười cặp mà nay dùng tên và đức làm chính, như kinh Đại Phẩm cũng dùng hai môn để nói Bà-nhã là nói ý nghĩa danh hiệu Bồ-tát và nói chỗ thực hành của Bồ-tát. Ý nghĩa danh

hiệu Bồ-tát là giải thích chữ Bồ-tát Ma-ha-tát, chữ này có Vô Lượng Nghĩa, cho nên lấy đây nói Bà-nhã. Nói chỗ thực hành của Bồ-tát là giải thích khen ngợi Đại thừa, nên lấy đây nói Bà-nhã.

Vấn này cũng như vậy, khen ngợi giải thích ý nghĩa chữ Quán Âm tức là nói Pháp Hoa, khen ngợi giải thích đức của Quán Âm cũng là nói Pháp Hoa.

Hỏi: Đây so với Bà-nhã có gì khác?

Đáp: Bà-nhã giải thích chung ý nghĩa tên và chỗ thực hành. Bồ-tát Ma-ha-tát là chữ chung cho nên giải thích chung tên. Kinh này giải thích chữ Quán Âm là giải thích tên riêng, Bà-nhã giải thích chung chỗ thực hành của các Bồ-tát, kinh này giải thích riêng đức ba mật của Quán Âm. Lại, Bà-nhã là giải thích chung về lợi mình lợi tha, nay chỉ giải thích môn hóa tha. Bà-nhã có đủ hai môn tuệ để giải thích, nay chỉ nói môn phương tiện để giải thích.

Nói danh hiệu Quán Âm, nước ngoài gọi là A-lê-gia-bà-lâu-cát-đề-thuế, Hán dịch là Quán Thế Âm, Bồ-tát thì có nhiều tên, nay theo phẩm này trong phần Phật trả lời lần nói lược ba tên; Quán Thế Âm, Quán Thế Ý và Quán Thế Thân. Bạc Thánh thì không có tên, nhưng vì chúng sanh mà đặt tên, là muốn chúng sanh phát sanh ba nghiệp thiện. Đặt tên Quán Thế Âm là khiến chúng sanh xưng tên sanh miệng nghiệp thiện, đặt tên Quán Thế Ý là khiến chúng sanh nhớ nghĩ sanh ý nghiệp thiện, đặt tên Quán Thế Thân là khiến chúng sanh lễ bái cung kính sanh thân nghiệp thiện, do phát sanh đầy đủ ba nghiệp thiện nên đặt ba tên này.

Hỏi: Đã đủ ba tên, sao chỉ gọi là Quán Thế Âm?

Đáp: Ba tên thì đề không thể ghi đầy đủ, cho nên chỉ nêu một tên. Tên Quán Thế ý chỉ sanh ý nghiệp thiện, tên Quán thế thân là sanh thân nghiệp và ý nghiệp thiện, do ý nghĩa sanh thiện bị hạn cục nên không nêu. Nếu miệng nghiệp xưng danh thì phải đầy đủ ba nghiệp, do sanh thiện nhiều cho nên đặt tên Quán Thế âm. Ý nghiệp là nhớ nghĩ, thân nghiệp thì lễ bái, chỉ là lợi mình mà chưa được lợi tha cho nên không đặt hai tên về thân và ý. Miệng xưng Quán Âm thì có đủ cả lợi mình lợi tha cho nên đặt tên Quán Thế âm. Cõi nước Ta bà dùng âm thanh thành Phật sự, ý nghĩa đã hiển rõ nên đặt tên Quán Thế Âm. Các nghĩa khác không đúng nên không gọi. Tên Quán Âm là có hạnh nguyện. Thuở quá khứ gặp Phật Không Vương Quán Thế âm phát nguyện lấy tên Quán Thế Âm, nay y theo nguyện mà đặt tên. Lại nữa, thuở quá khứ Quán Âm ở cõi này thực hành đạo Bồ-tát, do đó được tên gọi Quán Âm, hai

tên kia thiếu hai ý nghĩa này cho nên không nêu. Lại có kinh chép: Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, tên này đầy đủ cả ba nghiệp, đối với danh nghĩa là tối thắng. Lại có kinh chép: Bồ-tát Quán Thế Âm, hoặc có thể dịch là không đúng. Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát này trụ trong hành quang minh của pháp môn đại từ, do đó mà đặt tên là Quán Thế Âm. Lại, Bồ-tát này trụ trong Tam-muội Phổ môn quang minh, từ pháp môn sở trụ mà đặt tên. Sau lại chép: Ban sự vô úy, tên này là bao gồm chung, từ công dụng mà xưng tên.

Gọi là Quán Thế Âm: Quán là trí năng quán, Thế âm là cảnh sở quán, hợp trí và cảnh nên đề tên là Quán Thế âm. Quán đủ ba quán, cảnh đủ ba cảnh, đủ ba cảnh tức là chúng sanh phát ra tiếng là ở cổ, lưỡi, răng hòa hợp mà có tiếng, nghĩa là nhân duyên thanh, gọi là thế đế. Nhân duyên sanh pháp tức là tánh vắng lặng gọi là Chân-đế; cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa Trung đạo, tức là phi tục phi chân, Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Một âm thanh mà đầy đủ ba đế, Bồ-tát quán ba đế này tức là ba thứ quán.

Quán là ứng của Bồ-tát, Thế Âm là chiêu cảm của miệng nghiệp chúng sanh, cảm ứng đầy đủ nên đặt tên là Quán Thế Âm.

Hỏi: Vì sao gọi là Thế âm?

Đáp: Vì trong ba thứ thế gian thuộc chúng sanh thế gian.

Sách ngoài chép: Dùng tiếng thành văn gọi đó là âm, Phật pháp không phân biệt âm và thanh, như Tạng Tâm chép: Thanh có ba loại:

1. Do thọ âm thanh bốn đại, gọi là âm thanh chúng sanh

2. Do không thọ âm thanh bốn đại, gọi là âm thanh phi chúng sanh.

3. Do đầy đủ âm thanh, như người hợp với vật bên ngoài cùng phát ra tiếng, như là đánh chuông v.v... Nghĩa Thế âm có thể chung hai loại còn lại trong ba loại thanh này.

Gọi là Phổ môn, Phổ dùng biến khắp làm nghĩa, môn là khai thông không ngưng trệ. Lại môn là pháp môn, như kinh Hoa Nghiêm chép: Quán Âm trụ ở pháp môn đại từ, lại có thể thông đạo khiến chúng sanh ngộ nhập nên gọi là môn. Ý nghĩa chữ Phổ có ba:

1. Tha tâm phổ, nghĩa là không suy nghĩ mà biết cùng tận pháp giới.

2. Thần thông phổ, nghĩa là không động mà thích ứng mười phương hiện tiền.

3. Nói pháp phổ, không lời mà có thể trình bày, tiếng giáo pháp vang khắp tám hướng.

“Bấy giờ ngài Vô Tận Ý, v.v...”, đây là giải thích cả hai, trước hỏi đáp về tên ngài Quán Âm, sau là hỏi đáp giải thích đức của Quán Âm. Phần hỏi đáp đầu gồm có hai phần. Phần hỏi có ba câu:

1. Người năng hỏi.
2. Phép tắc hỏi.
3. Chánh hỏi.

Phần đáp cũng có ba câu, người năng hỏi tức là ý nghiệp, phép tắc hỏi là thân nghiệp, chánh hỏi là miệng nghiệp, ba chương hợp lại gồm có mười câu.

“Lúc bấy giờ”, đây là nói về thời gian, do trong chúng có tám muôn bốn ngàn người thích ứng được phát tâm, cho nên ứng thời mà hỏi.

“Bồ- Vô tận ý tát”, đây là người năng hỏi, gồm có tên riêng và tên chung. Nước ngoài gọi là A Sai mật, Hán dịch là Vô Tận ý. Kinh Đại Tập chép: Lúc ban đầu phát tâm đã không thể cùng tận, hướng chỉ là trí tuệ, thần thông, từ bi, nói pháp, mà có thể cùng tận hay sao?

Chánh ý mà nói thì chúng sanh vô tận nên lòng đại bi vô cùng, vì thế nói Bồ-tát Vô Tận Ý là tên chung. Kinh Đại Tập chép: Người ấy là Phổ hiền Như lai, Đại sĩ nhất sanh bổ xứ ở thế giới phương Đông, nếu nói theo nguồn gốc thì chính là thầy của Chư Phật mười phương, những người được Ngài hóa độ đều đã thành Phật.

“Liên từ chỗ ngồi đứng dậy v.v...” đây là phép tắc để hỏi, gồm có ba câu:

1. Nói từ chỗ ngồi đứng dậy, Hiếu kinh chép: Tăng tử rời khỏi chỗ ngồi làm lễ thưa rằng; thưa hỏi thì đứng dậy.

2. vén áo bày vai phải: Sách ngoài chép: lao nhọc mà không vén y, trong giáo pháp khi hỏi đạo thì vén y bày vai, đây là do phong tục không giống nhau. Các nước khác để đầu trần mà làm lễ, Trung hoa thì đội mũ là cung kính.

3. Chắp tay hướng vì Phật, bày vai là biểu hiện thân cung kính, chắp tay là biểu hiện tâm chuyên nhất, như bàn tay vốn là ở hai chỗ nay hợp thành một, tâm vốn theo các duyên nay kiềm chế mà không tán loạn, tâm đã vắng lặng khó thấy, cho nên mượn việc bên ngoài để nói lên tâm bên trong.

“Mà bạch Phật rằng v.v...” đây là phần chánh hỏi, gồm có bốn câu; ban đầu thưa là kiểm soát miệng nghiệp, bạch Thế tôn là chánh thức nói, gồm có ba:

1. “Thế tôn”, đây là nêu tôn hiệu, tức là biểu hiện đức của người

năng đáp, nếu không phải đức Thế tôn thì không ai có thể giải thích sự nghi ngờ này, sắp trình bày điều nghi cho nên nêu người chủ giải nghi.

2. “Bồ-tát Quán Thế âm”, đây là chỗ nghi về người.

3. “Vì sao?”, đây là lời nghi, nhân là nguyên nhân, duyên là dựa vào, vì sao có tên này. Tên gồm có hai thứ là có nhân duyên và không có nhân duyên. Như ngài Xá-lợi-phất do mẹ mà có tên, Ngài Mục-liên do dòng họ, đây là có nhân duyên. Đề La Bà Di thật không ăn dầu mà ép gọi tên là ăn Dầu, đây là không có nhân duyên. Nay là chưa biết tên Quán Thế âm chẳng biết có nhân duyên hay không cho nên hỏi. Có nhân duyên mà đặt tên gồm có bốn thứ:

1. Từ chỗ đến mà đặt tên, như sanh về cõi trời nên gọi là trời.
2. Từ hình tướng mà đặt tên, như thân có tướng lạ, do đó mà đặt tên.

3. Từ lỗi mà đặt tên, như trộm cướp v.v...

4. Từ đức mà đặt tên, như các Hiền Thánh.

Nay chưa biết do vì sao có tên Quán Thế Âm.

Hỏi: Vì sao Vô Tận ý hỏi tên Bồ-tát Quán Thế âm?

Đáp: Ba nghiệp của Bồ-tát đều là lợi duyên, do trong chúng có tám muôn bốn ngàn người thích ứng nghe tên được lợi ích, cho nên ngài Vô Tận Ý hỏi. Cũng muốn chúng sanh khổ não ở đời vị lai nghe tên được thoát khổ cho nên hỏi, cũng muốn nói lên đức của Bồ-tát Quán Thế âm, tức là nói kinh Pháp Hoa, Quán Thế Âm là người năng thừa, đức của ba luân là pháp sở thừa. Hỏi về danh và đức tức đầy đủ cả năng thừa và sở thừa, vì thế nói pháp Nhất thừa.

Hạng người kiêu mạn thường cậy mình mà lãng nhục người khác, nay muốn nói lên ngài Vô Tận Ý không ỷ tôn quý cho nên hỏi về đức hạnh của người. Lại chúng sanh ganh ghét thường che giấu đức của người khác mà lại hay phơi bày chỗ xấu của người khác, pháp của Bồ-tát thì che giấu lỗi và nói lên đức của người khác, đây là khiến chúng sanh bắt chước học theo cho nên hỏi. Lại chỉ bày có điều nghi chưa rõ, tất cả Bồ-tát đều quán xét âm thanh ở thế gian, nay do nhân duyên gì mà chỉ riêng ngài tên Quán Thế âm. Lại Chư Phật ba đời là phát lời nói có hai cách:

1. Tự khai mở, như phẩm đầu Phật từ Tam-muội ra không ai hỏi mà tự nói.

2. Do người khác, tức đợi ngài Vô tận Ý hỏi rồi mới nói.

Phật trả lời có bốn trường hợp:

1. Giải thích danh hiệu Quán Thế âm

2. Khuyên trì danh hiệu.
3. Nói so sánh về công đức trì danh.
4. Tổng kết khen ngợi.

Do hỏi về tên cho nên trước phải giải thích tên, giải thích tên có lợi ích rộng nên khuyên trì danh hiệu. Trì danh hiệu một vị Bồ-tát này có phước đức bằng trì danh hiệu nhiều Bồ-tát cho nên khuyên trì.

Phần đầu lại chia làm ba:

1. Giải thích danh hiệu Quán Thế Âm
2. Giải thích danh hiệu Quán Thế ý
3. Giải thích danh hiệu Quán Thế Thân

Trong mỗi câu đều giải thích trước, sau kết lời khen ngợi, tức ba lần giải thích, ba lần khen ngợi. Vô Tận Ý chỉ hỏi một tên mà Đức Phật trả lời nhiều, tức là hỏi lược mà đáp rộng như trên đã giải thích. Giải thích đầy đủ ba tên là muốn nói lên cảnh sở quán tròn đầy, quán năng chiếu đầy đủ. Cảnh không ngoài ba nghiệp nên chỉ quán ba nghiệp, vì thế lập ba tên, cảnh sở quán có đủ ba nghiệp, mà Bồ-tát năng quán chỉ có ý nghiệp.

Lại lập ba tên là để có chúng sanh xưng danh mà được độ, có chúng sanh riêng không thể nói, nhưng có tâm năng niệm, tự có chúng sanh miệng không thể nói tâm lại tán loạn không thể nhớ nghĩ nhưng dùng thân lễ bái. Chúng sanh thì kiêng cử khác nhau cho nên phải đặt nhiều tên.

Trong phần giải thích danh hiệu Quán Thế âm thì có hai phần là đáp lược và đáp rộng, trước lược sau rộng là vì giải nghĩa. Trước gọi là đáp chung, sau gọi là đáp riêng; đáp chung tức gọi là cứu hết khổ của chúng sanh trong ba đường sáu đường, đáp riêng tức nói chỉ cứu khổ ở cõi Dục, trong cõi Dục thì thường là cứu loài người bị khổ, trong loài người khổ thì thường là cứu khổ ở Diêm-phù-đề, các phương khác thì không có những nạn vua quan, cướp bóc v.v... Trước đáp chung, sau đáp riêng là muốn nói lên nghĩa cảm ứng đã chu toàn, vì thế chia làm hai.

“Người thiện nam”, kinh Hoa Nghiêm gọi là Phật tử, các kinh khác thường gọi là người thiện nam, do có ý nghĩa nối kế nên gọi là tử, có tài năng gánh vác nên gọi là nam, thực hành có lợi cho người, phù hợp với lý, cảm được điều vui nên gọi là thiện.

“Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh”, đây là chánh đáp lời hỏi, gồm có bốn câu phân thành hai cặp.

1. Chúng sanh chịu các khổ não, đây là duyên cảm. Tức là ý của xưng danh.

2. Nghe Bồ-tát Quán Thế âm này một lòng xưng danh: đây là thể của cảm.

3. Bồ-tát Quán Thế âm tức thời xem xét âm thanh kia.

4. Điều được giải thoát, tức nói ý nghĩa của ứng. Hai điều trước là cảm, hai câu sau là ứng, tức là một cặp cảm và ứng. Hai câu trước là cảm, tức m thanh thế gian, hai câu sau là ứng, tức giải thích ý nghĩa quán. Đủ hai cặp này gọi là Quán Thế âm, để đáp lời hỏi của Vô Tận ý.

“Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh”, đây là nói chúng sanh chịu khổ rất nhiều. Nói chữ ức, Trung hoa dùng muôn muôn làm một ức. Luận Trí Độ chép: ngàn muôn làm một ức, đây do phong tục khác nhau.

“Chịu các khổ, não”, đây là nói về sự khổ chẳng phải một loại, khổ là tám khổ, cũng có vô lượng khổ, não là chín não, cũng có vô lượng não.

“Nghe Bồ-tát Quán Thế âm này”, đây là nói về xưng danh, tức là thể của cảm, nghĩa là lúc chưa chịu khổ đã từng nghe danh hiệu Bồ-tát, hoặc nghe từ kinh quyển, hoặc từ người truyền lại.

“Nhất tâm xưng danh”, nghĩa là ngày nay đang chịu khổ mà cầu cứu xưng danh. Nói nhất tâm là vì giải thích sự nghi vậy, nếu có xưng danh mà không được giải thoát là do không nhất tâm.

“Quán Bồ-tát Thế Âm tức thời xem xét âm thanh kia”, đây là nói quán xét căn cơ, tức là ứng duyên. Có người chấp văn này là thuộc ở trên, mà pháp sư Hưng Hoàng lại bổ túc thêm một chữ Bồ-tát Quán Thế Âm. Nay cũng là đủ không mất, nhưng văn này thuộc phần dưới. Làm sao biết? Bởi trên đã nói nghe danh hiệu Quán Thế âm này, lại nói nhất tâm xưng danh, đã nói tên rồi, cho nên câu sau là thuộc phần dưới, nói về ứng của Quán Âm.

“Điều được giải thoát”, đây chính là nói về ứng, tức là thoát khỏi khổ.

Hỏi: Vì sao xưng danh có người thoát khổ, có người không thoát khổ?

Đáp: Như trên đã nói, do có nhất tâm và không nhất tâm nên có thoát khổ và không thoát khổ. Có người thoát khổ được lợi ích thì ngài cứu độ, có người thoát khổ không được lợi ích thì Ngài không cứu. Cùng kết duyên với Bồ-tát Quán Âm thì có nhiều ít, duyên mỏng thiện ít nên không thoát khổ, duyên dày thiện nhiều thì được thoát khổ. Nghiệp của chúng sanh thì có nhất định và bất định, bất định thì có thể cứu, nhưng

nhất định thì không thể cứu. Nói chữ định gồm có bốn ý:

1. Tâm gây ra tội nặng, gây ra rồi tâm không hổ thẹn.
2. Che giấu
3. Làm rồi lại làm nữa.
4. Khởi nguyện giúp đỡ.

Vì thế nhất định có quả báo, không thể cứu giúp.

Hỏi: Nếu không thể cứu giúp thì xưng danh không có lợi ích hay sao?

Đáp: Nay tuy không có lợi ích nhưng làm nhân cho đời sau.

“Nếu có người trì tụng danh hiệu”, đây là nói riêng cứu nạn để giải thích danh hiệu Quán Âm, gồm có bảy nạn:

1. Cứu tai nạn về lửa.
2. Cứu tai nạn về nước.
3. Cứu tai nạn về gió bão.
4. Cứu tai nạn về bị hình phạt giết hại.
5. Cứu tai nạn La-sát.
6. Cứu tai nạn bị giam cầm.
7. Cứu tai nạn về cướp bóc.

Đây đều là điều nguy cấp trong các tai nạn, cho nên trình bày sơ lược, ngoài ra còn có tật bệnh, cọp sói, sấm sét, lạc vào đường hiểm, xin xem trong kinh Quán Âm đều có chép đủ. Bảy nạn này chia hai ý:

1. Ba loại đầu là nạn về vô tình.
2. Bốn loại sau là nạn về hữu tình.

Hai ý này là bao gồm hết tất cả nạn. Nạn về vô tình thường không thể cứu được cho nên khó tránh khỏi, đoạn sau có nói. Lại nữa, nạn vô tình là ba tai nạn lớn, vừa rộng vừa dài, dài nên có thể đến cõi Tam thiên, rộng nên cả thế giới đại thiên đều hư hoại, vì thế trước nói nạn hữu tình không đúng. Quỷ nạn là: Giả sử đầy cả tam thiên không đến cõi trên. Nạn hữu tình thì ngắn lại hẹp, đoạn sau có nói đến, trong hai nạn này mỗi nạn lại có ba nạn, ba nạn vô tình là lửa, gió, nước, ba nạn hữu tình là mạng, thân, tài vật.

Nạn vô tình có hai thứ theo thứ lớp là:

Từ nhanh đến chậm; theo ba tai thì từ nhỏ đến lớn.

Nạn hữu tình thì từ nặng đến nhẹ cho nên trước nói mạng, sau nói tài vật. Và từ khó đến dễ, tức nạn về mạng khó thoát, nạn tài vật thì dễ thoát. Phần nói về nạn vô tình chia làm hai:

1. Nói cứu ba nạn.
2. Lời kết về danh hiệu Quán Âm.

Trong mỗi nạn ứng có bốn phần:

1. Gặp nạn
2. Xưng danh hiệu
3. Quán xét căn cơ
4. Thoát khỏi tai nạn

Hai câu đầu là giải thích nghĩa Thế âm để nói về cảnh, hai câu sau là giải thích nghĩa quán để nói về trí. Lại hai câu đầu là nói về cảm, hai câu sau nói về ứng, nhưng trước sau cùng hiện khác nhau, nay ăn chia làm bốn:

1. Trì danh hiệu
2. Gặp tai nạn
3. Thoát khỏi nạn
4. Kết thân lực

Hỏi: Trên nói trước gặp nạn sau xưng danh, nay vì sao nói trước trì danh sau gặp nạn?

Đáp: Việc lửa là gặp, nếu thân ở trong lửa mới xưng danh hiệu thì thân đã bị tan rồi, cho nên trước nói trì danh, sau nói gặp nạn. Những việc ứng nghiệm chẳng phải một, như chuyện Hội Khế, Cao Sĩ, Tạ Thuần tự Khánh Chử. Ngô Quận, Trường Ảnh, Huyền Lăng Đãng v.v... đều chép trong sách Quán Âm Nghiệm Ký, đều nói về việc lửa cháy.

Xưa có người Tây Vực ở trong mái nhà tranh, bỗng gặp người hàng xóm bị cháy nhà. Người Tây Vực này lại ở dưới gió, liền tụng niệm Quán Âm khiến những ngôi nhà ở xung quanh cháy hết mà nhà tranh đó không bị cháy. Bấy giờ có những người trẻ tuổi không tin việc này, mấy đêm liền ném đuốc lửa lên nhà người ấy, ba lần ném thì ba lần đều tắt.

Hỏi: Xưng danh vì sao được thoát nạn lửa?

Đáp: Do thần lực của Bồ-tát khiến lửa tự tắt, hoặc hồi chuyển thế gió khiến lửa không thiêu đốt, hoặc dẫn người nạn ra khỏi chỗ lửa, hoặc rưới mưa khiến lửa tắt, hoặc lửa tự nhiên không thiêu đốt, hoặc dùng vật khác để ngăn lửa, hoặc khiến đắc thiên định, không, Tam-muội tùy theo căn cơ thích hợp.

Hỏi: Vì sao nói dầu nhảy vào lửa lớn, lửa không thể thiêu?

Đáp: Nếu chưa nhảy vào lửa mà xưng danh được thoát, hoặc sẽ cho rằng không có thần lực của Quán Âm, nay nhảy vào lửa mà không đốt cháy thì biết đó là năng lực của Bồ-tát.

Hỏi: Lửa nhỏ cũng có thể thiêu người, vì sao phải nói là lửa lớn?

Đáp: Hoặc có người cho rằng lửa nhỏ không thể thiêu, hoặc cho

rằng do năng lực của cấm chú nên khiến lửa nhỏ không thiêu, nay nói vào lửa lớn không bị thiêu tức biết đó là năng lực của Bồ-tát.

Kế nói về nạn nước có ba ý là gặp nạn, xưng danh hiệu và được chỗ cạn. Hai ý trước là nói về âm thanh ở thế gian để nói về cấm, ý sau là giải thích nghĩa quán để nói về ứng. Nước lớn mới có thể làm hại, nhỏ thì không thể hại, cho nên trước nói lửa gấp, sau nói nước chậm.

Hỏi: Nói nạn lửa thì trước trì danh sau gặp nạn, sao nạn nước thì trước gặp nạn sau trì danh.

Đáp: Chạm lửa thì hại người cho nên trước phải trì danh, nước thì không đúng. Có người trước trì danh sau gặp nạn, có người trước gặp nạn sau xưng danh, cả hai đều được cứu.

“Nếu có trăm ngàn muôn ức chúng sanh”, đây là nói về nạn gió bão. Sở dĩ biết gió đây là nạn bởi y theo thứ lớp ba tai là lửa, nước, gió. Do gió thổi ghe thuyền trôi tấp vào cỏi nước quỷ La-sát, cho nên lửa có thể đốt là nạn, nước có thể làm chìm là nạn, gió có thể thổi là nạn, văn này chia hai phần:

1. Nói âm thanh ở thế gian để nói về cấm.
2. Giải thích ý nghĩa chữ Quán để nói về ứng.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Gặp nạn
2. Xưng danh

Gặp nạn lại chia làm hai phần:

1. Nói chuyện gặp nạn
2. Chánh gặp nạn

“Nếu có vô lượng”, tức nói người gặp nạn chẳng phải một người.

“Vì tìm bảy thứ báu”, đây là nói nguyên nhân gặp nạn, bảy thứ báu có nhiều chỗ nói khác nhau. Kinh Niết-bàn nói bảy báu là: voi trắng, xe vàng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ, chủ binh, đây là bảy thứ báu của vua Chuyển Luân, những người khác không có.

Kinh Hằng Thủy nói thế gian có bảy báu là: Vàng, Bạc, San hô, Ngọc trắng, Xa cừ, Minh nguyệt, ma ni.

Phật pháp cũng có bảy báu là: Bốn quả vị La-hán, Bồ-tát, Bích chi và Phật.

Luận Trí Độ quyển 16 nói về bảy báu là: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, ân hầu.

Kinh này nói vật báu thứ bảy là hổ phách, chân châu chẳng phải nằm trong số bảy báu nên nói câu: các thứ báu.

Phẩm Hiện Thập báu chép: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân

châu, mai khô. Có kinh chép: chánh báu có bảy thứ, tạp báu có một trăm hai mươi thứ.

“Giả sử gió đen thổi ghe thuyền kia”, đây chính là nói gặp nạn. Theo kinh Hoa Nghiêm nói có mười thứ gió, theo kinh Nhân vương nói có năm màu gió, là gió xanh, gió đỏ, gió đen v.v... Luận Thành Thật nói gió không màu sắc, lại nói trong gió hoặc có nhiều xúc mà không hương, hoặc có hương, xúc mà không có sắc vị.

Có người nói sắc gió đen, việc này không đúng, gió này làm nhân cho sắc đen, chẳng phải sắc đen. Nay nói gió đen là do trước khi khởi gió thì có mây đen nên nói gió đen nên nói gió đen. Lại nói rằng lúc gió này sắp khởi thì trên biển có khí đen, vì thế lấy đây làm tên. Lại chép: Thổi cát đen trên bờ biển nên gọi là gió đen.

“Thổi ghe thuyền kia”, sách chép rằng: từ đất này trở về Tây gọi chữ thuyền, từ đây trở về Đông gọi là ghe.

“Thổi trôi tấp vào nước quý La-sát”, do sức gió khiến trôi vào nước quý, chẳng phải nạn quý.

“Trong ấy nếu có người xưng danh hiệu”, đây là nói phần xưng danh, như người cùng thuyền vui buồn thì nên đều xưng danh, nhưng nói mỗi người xưng danh là nói lên tâm đồng nhau, nói một người xưng danh mà mọi người thoát nạn, là nói lên Bồ-tát có thần lực lớn.

“Thời các người đó đều được thoát nạn”, đây là giải thích nghĩa quán xét để nói về ứng.

“Do nhân duyên này”, đây nói về nạn vô tình xong nên tổng kết để đáp lời hỏi trên.

“Nếu lại có người”, đây là nói về nạn hữu tình, so với trước là nạn lớn trên đất liền. Sở dĩ trong ba tai nạn không có địa tai mà có địa nạn, đất do chế ngự mà thành nạn, không chế ngự thì chẳng có nạn. Tai thì tùy ý mà khởi, không cần người chế ngự cho nên không có địa tai. Lại cõi Tứ thiên không có tai họa bên trong cho nên bên ngoài không có địa tai, nay có người chế ngự cho nên có địa nạn, so với ở sau là nạn hữu tình. Hợp bốn nạn làm ba phần, như trên đã giải thích. Hai loại đầu nói nạn về thân mạng, do mạng là quan trọng cho nên nói trước, nước, lửa, gió đều là hại mạng, đây kể với văn trên cho nên trước nói nạn về mạng. Trong phần nạn về mạng thì trước là người sau là quý, bởi nạn về người thì thấy rõ, nạn về quý thì ẩn kín, cho nên nói từ hiển đến ẩn. Lại kể phần nạn lửa, nước, gió, kể nói đến đất, cho nên trước nói người sau nói quý.

“Dầu là có người hoặc có tội”, đây là nói về thân nạn, xiềng xích

trối buộc thân nên gọi là thân nạn. Bàn nói về ba đời thì đều có tội, mà trong kinh nói hoặc không tội, là do hiện tại không làm nên nói không mà thôi. Kinh chép: Có chín thứ đại hoạn, cũng do hiện tại không làm nên nói hoạn. Nếu không tội mà chịu khổ là không nhân mà có quả, thì việc này không đúng.

“Nếu trong cõi Tam thiên đại thiên đầy kẻ cướp bóc”, đây là nói về tài vật nạn. Trong kinh nói mang theo nhiều của báu cho nên biết là tài vật nạn, trước giải thích nghĩa Thế Âm để nói về cảm, sau giải thích nghĩa Quán để nói về ứng. Phần đầu chia làm hai là gặp nạn và xưng danh hiệu.

“Trong ấy có một người xưng rằng”, đây là nói phần xưng danh hiệu, ban đầu là khuyên xưng danh, sau là mọi người vâng lời mà xưng danh. Phần khuyên xưng danh chia làm bốn:

1. Dặn dò
2. Khuyên bảo
3. Giải thích lời dặn
4. Giải thích lời khuyên.

“Các vị phải nhất tâm xưng danh”, đây là khuyên bảo

“Vị Bồ-tát đó hay thí pháp vô úy cho chúng sanh”, đây là giải thích lời dặn chớ nên sợ sệt. “Nếu các vị xưng danh...” là giải thích lời khuyên.

“Các người buồn nghe rồi”, đây là nói vâng lời mà xưng danh.

“Vì xưng danh hiệu ấy”, đây là giải thích nghĩa Quán xét để nói về ứng.

“Vô tận ý v.v...” trước đã giải thích tên nay là khen ngợi danh đức.

“Nếu có chúng sanh nặng về dâm dục v.v...”, đây giải thích về Quán Thế ý.

Trong tâm thường niệm danh hiệu, do quán sát ý nghĩa nên được lia ba độc, cho nên đây là giải thích Quán thế Ý,

Hỏi: Vì sao giải thích tên Quán thế Ý mà nói dứt ba độc?

Đáp: Dứt hoặc thì thân miệng cần có ý.

Trên là nói cứu quả khổ nay là cứu nhân khổ, trên là cứu thân nạn, nay là cứu tâm nạn, trên là cứu nạn nhục thân, nay là cứu nạn pháp thân, trên là cứu nạn thế gian, nay là cứu nạn xuất thế gian, trên là cứu nghiệp chướng báo chướng, nay là cứu giúp chướng phiền não, trên là cứu nạn một đời, nay là cứu nạn ba đời, trên là cứu nạn trong loài người, nay là cứu nạn trong ba cõi, trên là người thực hành cạn, nay là người

thực hành sâu, trên là tam cứu nạn, nay là cứu nạn lâu dài. Văn này chia làm hai:

1. Giải thích tên Quán Thế Ý
2. Khen ngợi danh hiệu và khuyên chúng nhĩ rằng nhớ.

Nói cứu ba độc chia làm ba thứ khác nhau là tham, sân, si, trong mỗi câu đều trước giải thích nghĩa thế ý để nói về cảm, sau giải thích nghĩa quán để nói về ứng, như câu: liền được lìa dục.

Hỏi: Niệm Quán Thế âm vì sao lìa được ba độc?

Đáp: Do thường niệm khiến ba độc không khởi lên, thường niệm về thật tướng và pháp thân của Quán Âm tức sanh quán như thật, cho nên được diệt ba độc.

Lại, đây là Tam-muội niệm Phật, Tam-muội niệm Phật thì có thể đối trị tất cả chướng. Lại do thường niệm nên Quán Âm hiện thân vì họ nói pháp khiến ba độc không khởi. Lại do thường niệm nên Quán Âm có thể chuyển cảnh hiện tiền, như cõi trời Tịnh cư che khắp các thể nữ vì là bất tịnh.

“Nếu có người nữ muốn cầu con trai”, đây là giải thích tên Quán Thế Thân. Lại trên là cứu nạn có bảy nạn là thân nạn, ba độc là tâm nạn, nay là cứu nạn Vô. Cứu nạn vô gồm có hai thứ, là không có con trai và không có con gái. Trên là đại bi cứu khổ, nay là đại từ ban vui, trên là cùng chúng sanh thực hành quả, nay có thể làm tròn đầy nguyện quả của chúng sanh. Hành có hai hạnh, nguyện cũng có hai nguyện.

Hỏi: Giải thích ba tên có thứ lớp gì?

Đáp: Bảy nạn là khổ nặng cho nên nêu trước, kể nói ba độc làm tâm phiền não, không có con trai con gái là việc cầu mong không gặp nên nói sau cùng.

Hỏi: Vì sao gặp bảy nạn thì xưng danh, có ba độc thì thường niệm, không con trai con gái thì cúng dường lễ bái.

Đáp: bảy nạn là việc gấp, thời gian ngắn không rảnh để lễ bái cúng dường, cũng không kịp để tĩnh tâm nhiếp niệm nên chỉ xưng danh hiệu. Ba độc thì thời gian dài lại khó dứt, phải có đạo đối trị nên thường niệm danh hiệu. Không con trai con gái mà cầu nguyện là khác với hai loại trên nên lễ bái cúng dường. Lại nữa, danh hiệu Quán Âm đầy đủ hạnh nguyện nên ban đầu khiến xưng danh, hai tên khác có hạnh mà không nguyện tức nêu ở sau, trong hai tên này thì ý là gốc, thân là ngọn, lại có thứ lớp, trước là giải thích danh hiệu, sau là khen ngợi danh hiệu.

Hỏi: Không có con trai con gái gá thác sanh làm người cho nên

hiện thân đồng nam đồng nữ, lại nghiệp của mẹ và con tuy là có duyên đời trước mà không quyết định, nay có sức tu phước nên khiến người tốt gá sanh.

Hỏi: Vì sao nói con trai có phước đức trí tuệ, con gái có tướng xinh đẹp?

Đáp: Người nam có một trăm hạnh mà trí là đầu, người nữ có bảy đức thì dung nhan đứng đầu.

Văn này trước nói nghĩa thân thế gian để nói về cảm, sau giải thích nghĩa Quán để nói về ứng.

“Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì”, đây giải thích ba danh hiệu đã xong nên kết lời khuyên thọ trì.

“Nếu có người thọ trì danh tự”, đây là nói phần công đức trì danh, chia làm bốn phần:

1. Nói sự thực hành trì danh nhiều và hỏi Vô Tận Ý về công đức
2. Đáp lời Thế tôn hỏi
3. Chính là nói về so sánh công đức
4. Kết lời khen ngợi trì danh hiệu.

Sở dĩ có phần này vì lúc ấy đại chúng nghi ngờ rằng:

Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm có công đức này, nhưng thọ trì danh hiệu khác có được như vậy không?

Vì thế nói so sánh công đức hơn kém, thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng sa Bồ-tát có công đức bằng với thọ trì một danh hiệu Quán Âm, nhưng trì nhiều danh hiệu thì khó, trì một danh hiệu là dễ, đây muốn giải thích khuyên trì danh hiệu nên so sánh nói công đức. Phật hỏi gồm ba ý:

1. Nói trì nhiều danh hiệu
2. Nói trọn đời cúng dường là thời gian lâu dài.
3. Nói các thứ cúng dường tức cúng dường rộng.

“Phật dạy: nếu có người thọ trì”, đây chính là nói về so sánh công đức, lại có hai phần:

1. Nói ba việc về thọ trì danh hiệu Quán Âm là trì danh ít, thời gian ngắn và cúng dường hẹp.

2. Nói về so sánh công đức tức câu: “thời phước của hai người...”

Hỏi: So sánh có bảy loại:

1. Phạm không bằng Thánh, như kinh Đại Phẩm chép: Dạy một người đấng Sơ quả thì hơn dạy người ở cả Diêm-phù-đề thực hành mười điều lành.

2. Ít không bằng nhiều, như người Nhị thừa không bằng Bồ-tát.

3. Cạn không bằng sâu, như thực hành cạn không bằng sâu
4. Nhân không bằng quả, như Bồ-tát không bằng Phật
5. Có sở đắc chẳng bằng không có sở đắc, như sáu độ thế gian không bằng sáu độ xuất thế gian.
6. Ngọn không bằng gốc, như năm độ tuy là không có sở đắc mà cuối cùng không bằng Bà-nhã, bởi Bà-nhã là gốc.
7. Vô duyên không bằng có duyên, như Phật giáo hóa Tu-bạt-đà-la không bằng ngài A nan.

Ở đây thuộc loại so sánh nào?

Đáp: Có người chép: sáu mươi hai ức Bồ-tát là nhân. Quán Âm vị là cổ Phật, tức là nhân không bằng quả. Thử hỏi tất cả nhân đã không bằng quả, chẳng lẽ mười hai ức Bồ-tát bằng các quả sao?

Có người nói sáu mươi hai ức Bồ-tát là thực hành cạn, Quán Âm là thực hành sâu, thử hỏi: kinh không nói sáu mươi hai ức Bồ-tát là thực hành cạn, Quán Âm là thực hành sâu lại hành cạn không thể bằng sâu thì sao sáu mươi hai ức Bồ-tát lại bằng Quán Âm như văn kinh.

Có người chép: Quán Âm là giáo chủ, sáu mươi hai ức Bồ-tát là Thánh chúng, vì là thánh chúng nên không bằng giáo chủ. Nạn rằng: vì là thánh chúng nên không bằng, không phải chỉ sáu mươi hai ức không bằng mà tất cả thánh chúng cũng không bằng. Nay nói sáu mươi hai ức Bồ-tát và Quán Âm là ngang bằng về địa vị và chỗ thực hành, nhưng nói chỗ không bằng, thì các kinh nói có hai thứ:

1. Bình đẳng, như ngài Diệu Âm được Tam-muội phổ hiện sắc thân, tám muôn bốn ngàn Bồ-tát cũng được như vậy, tức ngài Diệu Âm và Bồ-tát là bình đẳng, cúng dường và trì danh đều bình đẳng không khác.

2. Không bình đẳng, sáu mươi hai ức Bồ-tát thật là ngang bằng với Quán Âm, nay muốn mọi người tôn trọng ngài Quán Âm, nên ở chỗ bình đẳng mà nói không bình đẳng. Cũng như khen ngợi Chư Phật nói kinh, lễ bái Phật Bảo Quang Minh chỉ diệt được tội trong sáu mươi mốt kiếp sanh tử, lễ Phật Câu-lưu Tôn diệt được tội trong vô lượng kiếp.

Kinh Thiên Phật Nhân Duyên chép: Lễ Phật Thường Bảo Tràng Ứng Ni Quang diệt được tội trong bảy trăm muôn a tăng kỳ kiếp, lễ Phật Hoan Hỷ Trang Nghiêm Bảo Vương diệt được tội trong năm trăm muôn a tăng kỳ kiếp. Đây là chỉ bày môn không bình đẳng cho nên khiến chúng sanh tâm cao thấp, nếu thật bình đẳng mà nói bình đẳng thì chúng sanh không khởi tâm tôn trọng nghiêng về ngài Quán Âm.

Luận Pháp Hoa chép: Thọ trì danh hiệu Quán Âm và thọ trì sáu

mười hai ức Hằng sa danh hiệu Chư Phật.

Luận chép: Phật đều là Bồ-tát địa Đẳng giác, đã gọi là Đẳng giác, tức là Đẳng giác Phật.

Luận chép: Phước đức bình đẳng có hai nghĩa:

1. Tín lực
2. Biết rốt ráo

Tín lực có hai loại:

1. Cầu thân mình như Quán Âm tự tại không khác, do tin rốt ráo.
2. Sanh tâm cung kính Quán Âm, như Ngài có công đức, ở đây cũng như vậy, rốt ráo mà được.

Biết rốt ráo tức là quyết định biết pháp giới, Pháp giới gọi là pháp tánh, pháp tánh kia nhập Sơ địa, Bồ-tát có khả năng chứng nhập. Tất cả Chư Phật và Bồ-tát đều là bình đẳng thân, bình đẳng thân là pháp thân chân như, cho nên công đức thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa Phật cũng bằng thọ trì danh hiệu ngài Quán Âm. Đại ý luận này nói bình đẳng không hai, nói về môn vô sai khác, ban đầu là tín không hai, sau là ngộ không hai, cùng với sự giải thích trước là không trái nhau.

“Vô tận ý, thọ trì danh hiệu v.v...”, đây là kết lời khen ngợi.

“Bồ-tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng”, đây là giải thích Phổ môn, nói về đức của Quán Âm. Trên tuy là khen ngợi ngài Quán Âm có khả năng cứu khổ ban vui, nhưng không biết lấy gì để cứu độ, vì thế nay giải thích rằng: Mỗi nạn hoặc dùng thân nghiệp thần thông mà cứu độ, hoặc dùng miệng nghiệp nói pháp để cứu độ, hoặc dùng ý nghiệp thâm cứu độ, đây cũng có trước hỏi sau đáp, hỏi có ba ý:

1. Nêu người hỏi
2. Chánh hỏi tức bạch Phật
3. Nói Bồ-tát Quán Thế Âm tức là người để hỏi, cũng có ba câu:
 1. Đạo đi trong cõi Ta bà như thế nào, đây là hỏi về thân nghiệp.
 2. Vì chúng sanh nói pháp ra sao, đây là hỏi về miệng nghiệp.
 3. Năng lực phương tiện như thế nào, đây hỏi về ý nghiệp, “Phật bảo Vô tận Ý v.v...” đây là lời đáp có ba câu:
 1. Chánh đáp, nói về đức của ba luân
 2. Khuyến khích cúng dường
 3. Tổng kết lời khen ngợi.

Ban đầu chính là đáp ba câu hỏi nên nói về đức của ba luân, đã có đức cao quý tức là ruộng phước cho nên phải cúng dường. Nói đức của ba luân tức là thí chủ, nói về cúng dường là nói lên ruộng phước, ruộng phước, thí chủ đã rõ ràng cho nên tổng kết lời khen ngợi.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Nói riêng về thị hiện ba mươi ba thân và mười chín lần nói pháp

2. Tổng kết tất cả thân giáo và phương tiện.

Phần một lại chia làm ba:

1. Phương tiện hiện thân bậc Thánh

2. Phương tiện hiện thân phàm

3. Phương tiện hiện thân phi phàm phu, phi Thánh.

Hiện thân bậc Thánh là nói bậc Thánh Ba thừa, tức ba thân khác nhau, trong mỗi lần đều đáp đủ ba câu hỏi. Vì đó nói pháp tức trả lời về miệng nghiệp, đáng dùng thân gì tức trả lời về ý nghiệp, tức hiện thân ấy đó là trả lời về thân nghiệp. Trên là từ hiển đến ẩn nên nói thân, miệng, ý, nay là từ gốc đến ngọn nên nói ý, thân, miệng, trước là ý nghiệp biết căn cơ, kế là hiện thân và sau là nói pháp.

Hỏi: Kinh này gom ba thừa về một, sao một lại chỉ bày ba thừa?

Đáp: Tuy nói gom ba về một mà không mất ý chia một làm ba, từ đầu kinh đến đây là nói phần chính là nói, nghĩa là gom dụng về thể, cho nên nói gom ba về một. Nay nói về phần truyền bá là từ thể khởi dụng, cho nên ở một nói ba.

Hỏi: Phẩm Diệu Âm có thân Bồ-tát, nay sao không có?

Đáp: Kia không nói nghĩa ba thừa cho nên có thân Bồ-tát, nay muốn nói về ba thừa, thân Bồ-tát là nhiếp nhập Phật thừa cho nên không nói.

Hỏi: Quán Âm là Phật hiện thân hay chẳng phải Phật?

Đáp: Kinh nói khác nhau nhau, kinh Quán Âm Tam-muội chép: Quán Âm thành Phật trước Ta, tên là Chánh Pháp Minh Như lai, ta là đệ tử tu khổ hạnh. Lại chép: Ta và Quán Âm đồng thời thành chánh giác. Kinh Quán Âm Thọ Ký chép: Quán Âm ở chỗ Phật Kim Quang Du Hý mới phát đạo tâm, vua nước ấy tên là Oai đức Vương. Oai đức vương nhập thiền định bỗng có hai đồng tử xuất hiện ở hai bên, vua xuất định hỏi tên họ, hai đồng tử nói bài kệ để đáp. Ban đầu nói đệ nhất nghĩa đáp là không tên, sau nói về thế đế là đáp có tên. Sau khi Phật Di-đà diệt độ, thế giới mãi vang pháp âm không dứt, đê-m Đức Phật nhập diệt thì ngài Quán Âm bỏ xứ, thế giới đổi tên là Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, Phật hiệu là Phổ Quang Công đức Sơn Vương. Đại Thế chí cùng Bồ xứ với Quán Âm, Phật hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương. Phật Kim Quang Sư tử và Phật Di đà đều có ba thừa, hai Phật sau chỉ có thừa Bồ-tát, người nào nghe được danh hiệu hai vị Phật này

thì được chuyển thân nữ, tiêu hết tội sanh tử trong bốn mươi kiếp.

Hỏi: Ngài Quán Âm vì sao lại có duyên ở cõi này?

Đáp: Kinh Hoàng Mãnh Hải Tuệ chép: Xưa ở cõi Diêm-phù-đề có vị vua tên là Thiện Thủ, có năm trăm người con, người thứ nhất tên là Thiện Quang gặp Phật Không Vương Quán Âm mà phát mười nguyện lớn:

1. Nguyện đắc tất cả pháp
2. Nguyện được thuyên Bà-nhã
3. Nguyện gặp gió trí tuệ
4. Nguyện được phương tiện khéo léo
5. Nguyện độ tất cả mọi người
6. Nguyện khiến tất cả vượt khỏi biển khổ.
7. Nguyện được đầy đủ giới định.
8. Nguyện lên núi Niết-bàn.
9. Nguyện gặp nhà vô vi
10. Nguyện đồng tánh thân pháp, đều tôn Quán Âm đại bi làm

đầu.

Quán Thế Âm phát nguyện rằng: Nguyện tôi đời sau thành Phật danh hiệu là Quán Thế Âm, nếu người nào xưng danh hiệu tôi ba lần mà tôi không đến cứu thì không được thân sắc mẫu nhiệm, người trì nguyện này là thanh tịnh, trang nghiêm, do ngài thực hành đạo Bồ-tát ở cõi này nên gọi là có duyên với ở đây.

Hỏi Trong văn kinh chép: mà vì đó nói pháp, đây là pháp gì?

Đáp: Nói pháp thì không nhất định, gồm có bốn loại:

1. Một thân nói một pháp môn.
2. Một thân nói tất cả pháp môn
3. Tất cả thân nói một pháp môn
4. Tất cả thân nói tất cả pháp môn.

Trong kinh Hoa Nghiêm thiện tri thức chỉ nói một pháp môn, nay ngài Quán Thế Âm hiện tất cả thân nói tất cả pháp môn.

“Người đáng dùng thân Phạm Vương”, đây là nói phương tiện hiện thân phàm phu, lại chia làm ba phần đó là trời, người và các loại. Trời gồm có ba cặp:

1. Hai vị trời đầu ở cõi Dục và cõi Sắc.
2. Hai vị trời sau cùng ở cõi Dục và cõi Sắc.
3. Hai vị thần ở cõi Dục và cõi Sắc.

Tuy có ba cặp mà không ngoài địa vị vua và bề tôi. Có người chép: Thiên đại tướng quân là lực sĩ cõi trời, như loại Kiên-Thất-Bà,

Na-la-diên.

Có người nói loại quỷ thân, như đại tướng Kim Quang Minh, Tán chỉ, đại tướng Tán chỉ thuộc Tỳ-sa-môn, ý này xuất xứ từ kinh Đại Tập.

Có người nói là trời Vi-đà, trời Tỳ Nữ. Trời Tỳ-sa-môn là thiên vương ở phương Bắc, Hán dịch là Đa Văn, thường hộ trì đạo tràng của Phật và thường nghe nói pháp nên gọi là Đa Văn.

“Người đáng dùng thân Tiểu Vương v.v...” đây là nói phương tiện hiện thân người, cũng chia hai phần:

1. Thị hiện thân vua

2. Thị hiện thân bề tôi

Trong phần bề tôi có bốn hạng:

1. Thị hiện thân tài giỏi

2. Thị hiện thân bốn chúng

3. Thị hiện thân phụ nữ

4. Thị hiện thân đồng chân.

Cư sĩ có hai hạng là cư sĩ ở nhà và cư sĩ có tiền tài, như trong văn kinh chép.

Bà-la-môn, Hán dịch là Ngoại ý, cũng dịch là Tịnh Hạnh. Kế đến là thị hiện thân tám bộ chúng.

Hỏi: Vì sao thọ thân rồng, v.v... mà không đắc đạo?

Đáp: Có bốn câu về thừa nhanh giới chậm

1. Thừa chậm giới gấp, sanh ở cõi trời không đắc đạo.

2. Thừa gấp giới chậm, sanh cõi quỷ, rồng mà được đắc đạo.

3. Thừa và giới đều gấp, sanh cõi trời, người, mà được đắc đạo.

4. Thừa và giới đều chậm, sanh ở các cõi không được đắc đạo

“Đáng dùng thân thần Kim cương”, đây là thị hiện thân phi phạm phi thánh. Đã là quỷ thân thuộc bốn cõi trời nên gọi là phi thánh, thật là Phật Lô Chí nên gọi là thân phi phạm. Lô Chí Hán dịch là Phật Đề khốc, riêng trong nửa kiếp hiện độ chúng sanh.

“Vô Tận Ý v.v...”, đây là tổng kết khen ngợi

“Cho nên các ông phải một lòng cúng dường”, đây là nói phần khuyến cúng dường, gồm có sáu phần:

1. Khuyến khích cúng dường.

2. Vâng theo lời dạy.

3. Quán Âm không nhận vật cúng dường.

4. Ngài Vô Tận ý lại xin cầu.

5. Phật dạy Quán Âm nhận vật cúng dường.

6. Quán Âm nhận xong lại dâng lên hai Đức Thế tôn.

Hỏi: Vô Tận Ý là Bồ-tát xuất gia, vì sao có chuỗi ngọc anh lạc?

Đáp: Tuy là người xuất gia mà không câu chấp Tiểu thừa, cũng nói rằng đây là Bồ-tát tại gia. Kinh Niết-bàn chép: Nhập chỗ vô cúng, đây là Bồ-tát tại gia ở phương khác, vốn chẳng phải ở cõi Ta ba nên không đem đến cúng. Mà nói pháp thí, tức là bố thí đúng pháp, vì pháp mà bố thí, lại thông đạt tài và pháp chẳng hai.

Quán Âm không thọ nhận là có ba ý:

1. Muốn thí chủ sanh tâm ân cần tôn trọng.
2. Muốn nhường lên hai đức Thế tôn.
3. Chỉ bày hạnh ít muốn biết đủ.

Sau nói Quán Âm thọ nhận là trên để thuận ý chỉ của Phật, dưới thương xót tất cả chúng sanh.

Quán Âm chia vật cúng dường làm hai phần là muốn cho thí chủ được thêm phước đức. Nêu hai đức Thế tôn là chỉ bày sanh diệt bình đẳng không hai, đức Thích-ca hiện tại là trí, Phật Đa Bảo Niết-bàn là đoạn, nói trí và đoạn là ruộng phước. “Vô Tận Ý! Quán Thế Âm có sức thần như thế, trước nói về thí chủ và ruộng phước đã rồi, nay là tổng kết khen ngợi.

“Bấy giờ Bồ-tát Trì Địa”, đây là nói phần cùng khen ngợi, văn chia ba phần:

1. Nói người khen ngợi: Trì Địa tức là địa năng trì, nên gọi là Trì Địa, do vị này được Tam-muội nên lấy đó làm tên.
2. Phép tắc khen ngợi, tức từ chỗ ngồi đứng dậy.
3. Chánh khen ngợi, “tức đến trước Phật bạch rằng”, ngài Trì Địa ngồi cách xa Phật, nay đến gần trước Phật nên nói là trước Phật bạch rằng.

“Phẩm Bồ-tát Quán Thế Âm nghiệp tự tại”, tức trùng với tên ban đầu đã nêu, do ba nghiệp tự tại nên gọi là nghiệp tự tại.

“Phổ môn thị hiện sức thần thông”, tức trùng với đức của ba luân phổ môn.

“Phải biết công đức người này chẳng ít”, đây là chánh khen ngợi.

“Phật nói phẩm Phổ môn này rồi”, đây nói phần lợi ích, đầu tiên nói người được lợi ích.

“Đều phát tâm vô đẳng đẳng”, đây chính là nói được lợi ích. Phật đạo thì không gì so sánh bằng, chỉ có Phật và hột là ngang nhau nên gọi đạo này là vô đẳng đẳng, vì thế gọi Phật là vô đẳng đẳng. Lại nói

rằng: vô đẳng đẳng, Phật có hai nghĩa: dưới có chỗ khác, trên có chỗ bằng nhau, dưới có chỗ khác gọi là vô đẳng, trên có chỗ bằng nhau gọi là vô đẳng đẳng. Do Phật gọi là vô đẳng đẳng, nay phát tâm Phật nên nói rằng: phát tâm Vô đẳng đẳng.

PHẨM ĐÀ-LA-NI THỨ HAI MƯƠI SÁU

Hai phẩm Hộ nạn mở rộng kinh, một là người hộ nạn, như phẩm Quán Âm đã nói, nay muốn nói thần chú là pháp hộ nạn nên có phẩm này, ở trên nói mỗi Bồ-tát đều có mở rộng đạo lợi sanh riêng, phẩm này nói mọi người nói thần chú, nghĩa là có nhiều người cùng mở rộng kinh lợi ích chúng sanh. Nói Pháp Hoa có đủ loại môn, hoặc pháp hoặc người, hoặc hiển, hoặc mật. Như trên nói nhân quả tức đúng theo nói pháp kinh Pháp Hoa, nói đức hạnh của các Bồ-tát tức theo người nói Pháp Hoa, đầy đủ cả người và pháp tức là hiển hiện môn nói Pháp Hoa, nay nói thần chú tức là môn bí mật nói Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao biết thần chú là Pháp Hoa?

Đáp: Cuối phẩm chép: Nghe thần chú này đắc Vô sanh nhẫn, há chẳng phải Nhất thừa ư!

Hỏi: Chỉ là một Pháp Hoa sao nói nhiều loại danh tự?

Đáp: Tuy là một kinh Pháp Hoa, mà tùy theo chúng sanh có chỗ ngộ khác nhau, cho nên nói nhiều tên. Như Luận chép: Bà-nhã là một pháp, Phật nói nhiều thứ tên. Lại chép: Bà-nhã ở tâm Thanh văn gọi là Đạo Phẩm, ở tâm Bồ-tát gọi là Đà-la-ni, ở tâm Phật gọi là Tát-bà nhã, cho nên biết Đà-la-ni tức Bà-nhã, Bà-nhã tức nhất thừa.

Hỏi: Ở tâm Thanh văn sao gọi là Đạo Phẩm? Ở tâm Bồ-tát sao gọi là Đà-la-ni?

Đáp: Luận chép: Đạo Phẩm chỉ là hướng đến Niết-bàn, Thanh văn chỉ chán ghét sanh tử, ưa thích Niết-bàn, cho nên ở tâm Thanh văn gọi là Đạo phẩm, trong pháp Thanh văn không nói Đà-la-ni.

Bồ-tát muốn trì khắp tất cả hạnh, khiến thân không mất, muôn kiếp đạo đi, cho nên ở tâm Bồ-tát gọi là Đà-la-ni. Đà-la-ni thì có vô lượng môn, nay là chú Đà-la-ni, cho nên nêu chung để lấy riêng.

Hỏi: Chú là vật gì?

Đáp: Chư Phật và Bồ-tát nói pháp có hai thứ là hiển rõ và bí mật, chú là pháp bí mật. Như người thế gian có hai thứ pháp là hiển hiện theo tục nên cũng có hai thứ pháp.

Có người chép: Nói về chú không ngoài ba nghĩa:

1. Nói quả cùng cực, đức cao quý, hoặc là nhân muôn hạnh, cho nên khiến người nghe phát tâm.

2. Nói danh tự Ba bảo, hoặc là tên riêng của Chư Phật và Bồ-tát, hoặc tên của quỷ thần có sức mạnh, kêu gọi các tên này khiến Ma-da nghe liền kinh sợ lui sụt.

3. Nói các pháp lý sâu xa vô tướng, khiến người nghe ngộ đạo đắc Vô sanh nhẫn.

Hỏi: Trong các kinh sao không dịch thần chú?

Đáp: Chú là bao gồm nhiều lời, ở Trung quốc không có vật nào phỏng theo để ịch, nếu dịch thì không hết nghĩa, lại mất đi lực dụng. Như pháp cấm chú thì ở Trung quốc phải y theo lời chú mà đọc, thì sẽ có thần nghiệm, không được dịch ra tiếng bản xứ mà nói.

Hỏi: Vì sao đức Đà-la-ni khiến người không quên?

Đáp: Ở đây có sáu ý:

1. Do quá khứ tu tập đã được.
2. Do chú thuật mà được.
3. Do uống thuốc mà được, như là chư tiên.
4. Nhân hiện tại tu tập mà được.
5. Do thiền định mà được.
6. Do thâm nhập thật tướng mà được.

Hỏi: Đà-la-ni và Tam-muội có gì khác nhau?

Đáp: Tam-muội thường dùng định đứng đầu, Đà-la-ni dùng niệm làm chính. Tam-muội chỉ có tâm tương ứng, Đà-la-ni thì hoặc tâm tương ứng, hoặc tâm không tương ứng. Mới tu gọi là Tam-muội, Tu-lâu gọi là tổng trì Đà-la-ni, như tu tập không đổi gọi là tánh. Tam-muội là gốc, Tam-muội hợp với thật tướng, phát sanh công đức gọi là tổng trì, như bình đất dùng lửa nung mới đựng nước được. Tam-muội lúc chuyển thân hoặc có thoái mất, trì chú Đà-la-ni thì không mất.

Hỏi: Tu tập nhân gì mà được trì Đà-la-ni?

Đáp: Có bốn thứ nhân để được trì:

1. Không có ái dục.
2. Không ganh ghét.
3. Bố thí không hối hận.
4. Ưu thích pháp.

Hỏi: Vì sao trì chú trừ được tai họa?

Đáp: Trong tất cả pháp mỗi pháp đều có tăng thượng, như lực nước tăng thượng diệt được lửa, lửa tăng thượng thì khô nước. Nay năng lực thần chú có thể trừ các điều ác cũng vậy. Ác có hai loại:

1. Ác hữu tình, như ác quỷ v.v...
2. Ác vô tình, như gió bão, mưa lũ v.v..., các nạn trong nạn ngoài đều được gọi là ác.

Luận Địa trì nói có bốn thứ trì:

1. Pháp trì, là Văn tuệ.

2. Nghĩa trì, là Tư tuệ.
3. Chú trì, do thiên khởi chú là Tu tuệ.
4. Nhẫn trì, là nhập chứng là Hành tuệ.

Về bốn địa vị trí này Luận Địa trì chép: Nghe nghĩa chú người ở ba địa trước thành tựu, chắc chắn bất thoái, đắc trước lúc ấy thì bất định, nhẫn trì khởi tức tự hiểu hành địa, thành tựu Sơ địa. Phẩm này chia làm ba phần:

1. Đối với ngài Dược Vương mà nói kinh có phước đức nhiều.
2. Mọi người nói chú ủng hộ người trì kinh.
3. Đại chúng được lợi ích.

Phần đầu lại chia làm hai, trước hỏi và sau đáp:

Sở dĩ nói kinh có phước đức nhiều là gồm có hai nghĩa.

1. Khiến người ưa thích phước mà trì kinh.
2. Nói trì kinh phước nhiều cho nên kể nói chú để ủng hộ.

“Lúc bấy giờ, Bồ-tát Dược Vương”, đoạn này nói về năm người nói chú, Dược Vương và Đồng Thí là hai Bồ-tát, thiên vương Tỳ-sa-môn và thiên vương Trì Quốc là hai vị cõi trời, sau là quỷ thần.

Dược Vương nói chú gồm năm phần:

1. Xin Phật cho nói.
2. Chính là nói chú.
3. Kể về người nói chú này, tức là sáu mươi hai ức hằng sa Phật.
4. Nói lực dụng của chú.
5. Đức Thích-ca khen ngợi.

“Án nhĩ”, chú này không thể dịch như trước đã nói, nhưng người đọc tụng nghe chú sẽ hoang mang không hiểu rồi không lưu tâm, nay y theo kinh chánh Pháp Hoa mà dịch nghĩa tương tự, thường là nói về hạt tướng của pháp bí mật.

“Án nhĩ”, Hán dịch là Kỳ Di. “Mạn nhĩ”, Hán dịch là Sở Tư. “Ma Nễ”, Hán dịch là Ý Niệm. “Ma ma nễ”, Hán dịch là Vô Ý. “Chỉ Lệ”, dịch là Vĩnh cửu. “Già lê đệ”, dịch là sở hành phụng tu. “Xa mế”, dịch là tịch nhiên. “Xa lý đa vĩ”, dịch là đàm bạc. “Chuyên đế”, dịch là Chí mặc. “Mục đế”, dịch là giải thoát. Mục đa lý dịch là tế độ. Sa lý dịch là bình đẳng. A vĩ sa lý dịch là vô gia. Tang lý dịch là an hòa. Sa lý dịch là Phổ bình. Xoa duệ dịch là tận. A xoa duệ dịch là vô tận. A kỳ nhị dịch là mạc thoát. Chuyên đế dịch là Huyền mặc, Xa lý dịch là đàm nhiên. Đà-la-ni dịch là tổng trì. A lư đà Bà-sa ky đá tỳ xoa nhị, dịch là quán sát. Nễ tỳ thế dịch là quang diệu. A tiện đa la nễ lý thế, dịch là có chỗ nương dựa bên trong. A đàn dá ba lệ thâu địa, dịch là rốt ráo thanh tịnh. Âu cứu

lệ dịch là không có hầm hố. Mâu cứu lệ dịch là không có cao thấp. A la lệ, dịch là không có hồi chuyển. Ba la đệ dịch là chỗ châu toàn. Thủ ca sai dịch là mất thanh tịnh. A ba ma ba lý dịch là Đẳng vô sở đẳng.

Phật đà tỳ kiết lợi diệt đế, dịch là giác đã vượt qua. Đạt-ma-ba-lợi-sai-đế, dịch là quán sát pháp. Tăng-già-niết-cù-sa-ni, dịch là hợp chúng. Bà-xá-bà-xá thâm địa dịch là vô âm. Mạn-đá-lã-dịch là sự nói về ràng. Mạn-đá-la-xoa-dạ-đa, dịch là mà nhớ đừng đủ. Bưu-lâu-đa dịch là tận trừ tiết hạn. Bưu-lâu-đa-kiêu-xá lược dịch là tuyên dương âm hưởng. Ác-xoa-lã-dịch là hiểu rõ các tiếng. Ác-xoa-dã-đa-dã dịch là hiểu văn tự. A-ma-lư dịch là không có cùng tận. A-ma-nhã dịch là mãi không có thể lực. Na đa dạ dịch là không hề nhớ nghĩ gì.

Kế nói ngài Đông Thích Nói chú chia làm ba phần:

1. Nói ý nghĩa nói chú.
2. Chính là nói chú.

3. Nói về người nói chú, là hằng sa Đức Phật. “La-sát”, Hán dịch là đáng sợ. Kiết giá dịch là quý khởi thi. Cưu-bàn-trà, dịch là quý chán ghét cũng gọi là quý Đông qua (quả dưa), Phú-đơn-na dịch là quý khởi bệnh.

“Tọa lệ”, dịch là sáng chói. Ma ha tọa lệ dịch là ánh sáng lớn. Ưc chỉ dịch là sáng rực. Mục chỉ dịch là giảng nói. A lê dịch là thuận đến. A la bà đệ dịch là phú chương. Niết lệ đệ dịch là vui vẻ. Niết lệ đa bà đệ, dịch là thích thú. Y trí nữ dịch là dừng lại. Vị trí nữ dịch là lập chế. Chỉ trí nữ dịch là mãi trụ. Niết lệ trì nữ dịch là không hợp. Niết lệ đa bà đệ dịch là không nhóm hợp.

Kế nói Tỳ-sa-môn nói chú cũng có ba phần:

1. Nói ý nói chú.
2. Chính là nói chú.
3. Kết luận ý nói chú, lại phát thệ nguyện ủng hộ.

“A lê”, dịch là phú hữu. Na lê dịch là điều hý. Nâu na lê dịch là vô lý. A na lư dịch là vô lượng. Na lý dịch là vô phú. Câu na lý dịch là hà phú.

Thiên Vương Trì Quốc nói chú cũng có ba phần:

1. Nói ý nói chú.
2. Chính là nói chú.

3. Nói về người nói chú, tức bốn mươi hai ức Đức Phật. “A-dà-nễ-dà-nễ”, dịch là vô số. Cù-lợi dịch là hữu số. Càn-đà-lợi dịch là diệu hắc. Chiên-đà-lệ dịch là trì hương. Ma-đăng-kỳ dịch là hung chú thường cầu lê dịch là đại thể. Phù lâu sa nỉ dịch là thiên khí thuận thuật. Át-đề

dịch là bạo ngôn chí hữu.

La-sát nữ nói chú gồm bốn phần:

1. Nói ý nói chú.
2. Chính là nói chú.
3. Phát thệ ủng hộ người trì chú.
4. Đức Phật khen ngợi.

Các La-sát tên là: Lam-Bà, Hán dịch là trói buộc. Tỳ-Lam-Bà dịch là lìa trói buộc. Khúc-xỉ dịch là thí tích. Hoa-Xỉ dịch là thí hoa. Hắc-Xỉ dịch là thí hắc. Đa Phát. Dịch là bị phát. Vô-Yếm-Túc dịch là vô trước. Trì-anh-lạc dịch là Trì-hoa. Cao Đế dịch là Hà-sở. Đoạt nhất thiết chúng sanh tinh khí, trong tâm chúng sanh có bảy giọt nước lớn, lấy một giọt hai giọt khiến người đau đầu, lấy ba giọt khiến tâm người mê loạn, lấy bốn, năm giọt thì chết.

La-sát nữ nói chú rằng: “Y đề lý”, Hán dịch là ư thị. Y đề dẫn dịch là ở kia. Y đề lý dịch là ở đó. A đề lý dịch là ở dân. Y đề lý dịch là cùng cực. Nê-lý dịch là vô ngã. Nê-lý dịch là không có tôi. Nê-lý dịch là vô thân. Nê-lý dịch là không có chỗ. Nê-lý dịch là đều đồng. Lâu hê dịch là đã sanh khởi. Lâu hê dịch là đã sanh. Lâu hê dịch là đã thành. Lâu hê dịch là không trụ. Đa hê dịch là nhi lập. Đa hê dịch là cũng trụ. Đa hê dịch là than thở. Đâu hê dịch là cũng không. Đâu hê dịch là tiêu trừ bệnh đầu không được hại thêm.

“Tỳ đà la” Hán dịch là quý sắc xanh, Kiên Đà dịch là quý sắc đỏ. Ô ma lạc già dịch là quỷ ăn tinh khí của người, cũng gọi là đại sát. A bạt ma la dịch là quỷ hình ảnh không áo giáp, kinh chú thích là quỷ chuyển gân.

“Như nhánh cây A-lê”, nhánh cây này rơi xuống đất thì gãy thành bảy đoạn, dụ cho ai làm nã loạn người nói pháp thì đầu vỡ thành bảy phần. Chánh Pháp Hoa dịch là “gãy cây hoa lê”.

PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỐN SỰ THỨ HAI MƯỜI BẢY

Theo luận là phần thứ ba nói về năng lực công đức tốt đẹp thời quá khứ, có thể xoay chuyển tà kiến của cha khiến cha phát tâm mà được thọ ký, tức là năng lực thiện tri thức mở rộng kinh Pháp Hoa; ngoài ra còn thuật lại ngài Dược Vương mở rộng kinh ở phẩm này. Trong phần truyền bá của kinh Pháp Hoa có bốn chỗ nói về ngài Dược Vương.

1. Phẩm Pháp Sư, Phật nhân nói với Dược Vương để bảo tám muôn đại sĩ, nói đệ tử trong hai đời, pháp sư trong hai đời là khen người, khen pháp. Chỉ bày phương pháp Mở rộng kinh.

2. Phẩm Dược Vương, nói về duyên quá khứ của ngài Dược Vương, do kinh Pháp Hoa mà được ngộ sau đó dùng thân mạng và tài vật để cúng dường báo ân, đây là nói hoằng pháp lợi người.

3. Phẩm Đà-la-ni, nói về công đức trì kinh, ngài Dược Vương nói chú ủng hộ pháp sư.

4. Phẩm này khen ngợi Dược Vương là thiện tri thức của chúng sanh, có khả năng làm cho vua cha bỏ tà về chánh, được thọ ký thành Phật.

Phần thứ hai và thứ tư là nói về việc quá khứ của ngài Dược Vương, phần thứ nhất và thứ ba là nói việc hiện tại của ngài Dược Vương.

Sở dĩ nói riêng việc trong hai đời của ngài Dược Vương, là do ngài có nhân duyên nhiều đối với kinh Pháp Hoa, cho nên chủ trì nói về truyền bá cũng là thích hợp căn duyên. Đúng ra là nói phẩm Dược Vương bốn sự, nhưng tránh trùng tên phẩm trên nên đặt tên theo người được giáo hóa cho nên nói là phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương bốn sự, Sở dĩ vua Diệu Trang Nghiêm và Tịnh Tạng Tịnh Nhân làm cha con với nhau, do đời quá khứ có bốn người đồng học vào trong núi tu đạo. Một người vào thành thị khát thực để cung cấp cho ba người, giữa đường gặp vị vua vinh hoa giàu sang bèn nghĩ rằng: Trong lúc chưa đắc đạo nên hưởng sự vui hấp dẫn này không phải là sung sướng sao? Sau đó ba người đắc đạo còn một người làm vua, ba người muốn độ thoát vị vua mà tự nghĩ rằng: Sự thân ái trong thiên hạ không gì bằng vợ con, vì thế một người làm vợ, hai người làm con để cùng giáo hóa nhà vua, do nhân duyên ấy mà đời nay quyện thuộc với nhau, phẩm chia hai phần:

1. Nói về lý do.
2. Chính là nói việc quá khứ.

Phần đầu lại chia làm năm đoạn:

1. Nói thời gian quá khứ, tức vô lượng A Tăng kỳ kiếp.
2. Nói về hóa chủ, tức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí.
3. Nói về cõi nước, tức tên Quang Minh Trang Nghiêm.
4. Nói tên kiếp ấy, tức là Hỷ Kiến.
5. Nói tên cha và con, như trong văn dễ biết.

“Lúc bấy giờ, Đức Phật kia”, đây chính là nói việc quá khứ, gồm có hai phần:

1. Hai con giáo hóa cha khiến bỏ tà về chánh, phát sanh tâm tin.
2. Hai con giáo hóa cha khiến thấy Phật nghe pháp, được sự ngộ giải.

Thiện tri thức chỉ có hai năng lực này, nhờ hai năng lực này mà sanh hai luân. Ban đầu con dùng thần thông luân giáo hóa cha khiến sanh tín, sau là Phật dùng nói pháp luân giáo hóa nhà vua khiến được ngộ. Lại nữa, giáo hóa cha sanh tín là Bồ-tát làm thiện tri thức cho chúng sanh, giáo hóa nhà vua khiến được ngộ là Phật làm thiện tri thức chân thật của chúng sinh.

Chương đầu gồm có mười câu:

1. Đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí nói kinh.
2. Hai người con khuyên mẹ đến gặp Phật.
3. Mẹ khuyên hai con giáo hóa vua cha.
4. Hai con tự than chổn mình sanh.
5. Mẹ khiến các con nên nghĩ thương ha.
6. Hai con giáo hóa cha.
7. Vua cha nhận sự giáo hóa.
8. Vua cha bằng lòng đi đến chỗ Phật.
9. Hai con cầu xin xuất gia.
10. Mẹ bằng lòng cho con xuất gia, đọc văn kinh sẽ biết.

“Bấy giờ hai người con thưa cha mẹ rằng v.v...”, đây là nói giáo hóa vua cha khiến được ngộ giải, chia làm mười chương:

1. Khuyên cha mẹ cùng đến chỗ Phật.
2. Cha mẹ nhận lời đến chỗ Phật, tức vua Diệu Trang Nghiêm cùng các quan, phu nhân Tịnh Đức cùng các thể nữ đồng đến chỗ Phật.
3. Đức Phật nói pháp cho vua nghe, chỉ dạy cho được lợi ích.
4. Vua nghe pháp được ngộ giải.
5. Đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí thọ ký cho nhà vua.
6. Vua cùng quyến thuộc xuất gia được lợi ích, và vua khen ngợi hai người con là thiện tri thức.

7. Đức Phật thuật lại lời khen ngợi hai người con.

8. Vua Diệu Trang Nghiêm khen Phật xong làm lễ mà ra, đây chia làm bốn trường hợp:

- a. Khen Phật.
- b. Khen pháp.
- c. Phát nguyện không sanh tâm ác.
- d. Lạy Phật mà ra.

9. Kết hợp việc xưa và nay, tức nhà vua là Bồ-tát Hoa Đức, phu nhân là Bồ-tát Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng, hai người con là Bồ-tát Dược Vương, Dược Thượng, tất cả đều đang ở trước Phật.

10. Đại chúng nghe phẩm này rồi liền đăc đạo, tức “pháp nhãn thanh tịnh”

Pháp nhãn thanh tịnh có hai thứ:

1. Tiểu thừa là Sơ quả.
2. Đại thừa là Sơ địa.

Đây là khó biết, nhưng các kinh thường nói pháp nhãn thanh tịnh là Tiểu thừa, mà nghe Đại thừa ngộ quả Tiểu thừa, là do người độn căn tuy nghe pháp Đại thừa mà không có phương tiện khéo léo cho nên chỉ chứng quả Tiểu thừa.

Chứng quả Tiểu thừa gồm có hai dạng:

1. Vốn là người học Đại thừa, nhưng nghe nói Đại thừa lại thoái ái tâm nên chứng quả Tiểu thừa, như sáu mươi Bồ-tát trong kinh Đại phẩm.

2. Vốn là người học Tiểu thừa, khi nghe nói Đại thừa thì chứng quả Tiểu thừa.

PHẨM PHỔ HIỀN KHUYẾN PHÁT THỨ HAI MƯƠI TÁM

Luận Pháp Hoa chép: Phẩm này là phần thứ tư nói về hộ pháp truyền bá, cho nên đoạn văn sau chép: “Con nay dùng sức thần thông giữ gìn kinh này sau khi Như lai diệt độ, làm cho lưu thông rộng khắp chẳng để ứt mất”, câu này đủ làm chứng. Lại nữa, lúc ấy đại chúng đáng nghe nói việc ngài Phổ Hiền đặc đạo nên có phẩm này. Lại, thực hành Nhất thừa tức thực hành hạnh Phổ Hiền, cho nên ngài Phổ Hiền đến khuyến phát. Người trì tụng kinh này đã là thực hành hạnh Phổ Hiền, hạnh tương ứng với Phổ Hiền, tức cảm được ngài Phổ Hiền đến dạy cách sám hối sáu căn thanh tịnh, thấy được Chư Phật mười phương và diệt năm tội nghịch, mười điều ác..., như kinh Phổ Hiền có nói.

Kinh Hoa Nghiêm có bảy chỗ tám hội thì ngài Phổ Hiền, Văn-thù là thiện ở trước, trong phần truyền bá ở phẩm Nhập Pháp Giới thì hai vị Bồ-tát này là thiện ở sau. Sở dĩ hai vị Bồ-tát là thiện trước sau của kinh ấy, bởi hạnh Phổ Hiền là rốt ráo, nguyện Văn-thù là đầy đủ, cho nên Phổ Hiền nói lên hạnh đầy đủ, Văn-thù là nói lên nguyện tròn đầy. Vì thế đối với các Bồ-tát là rốt ráo đầy đủ, nói lên Hoa Nghiêm là pháp môn tròn đầy. Nay nói kinh Pháp Hoa cũng nói ngài Văn-thù khai mở ở đầu, ngài Phổ Hiền truyền bá ở sau, cũng nói lên Pháp Hoa là pháp môn rốt ráo.

Sở dĩ hai kinh đều nói hai vị Bồ-tát này, là muốn nói lên Hoa Nghiêm tức là Pháp Hoa, vì Bồ-tát trực vãng nói khiến nhập tuệ Phật nên gọi là Hoa Nghiêm; vì bỏ tiểu nhập đại Bồ-tát nói khiến nhập tuệ Phật nên gọi là Pháp Hoa. Nhưng con người thì căn tánh có lợi độn, thời gian thì có trước sau, cho nên tên của hai giáo có khác biệt, nhưng nói về bình đẳng đại tuệ thanh tịnh thì một đạo không có khác nhau, vì thế hai kinh đều nói về hai vị Bồ-tát này.

Phổ Hiền, tiếng Phạm là Ba mạn đa bát đà la. Ba mạn đa, Hán dịch là Phổ, bát đà la dịch là Hiền, cũng gọi là Biến Cát. Biến là Phổ, Cát là Hiền. Sở dĩ nói Phổ Hiền, bởi vị này có các pháp môn, như Quán Âm gọi tên chung là pháp môn từ bi. Nay gọi là pháp môn phổ biến, chữ Phổ có hai nghĩa.

1. Pháp thân phổ biến tất cả nơi, cho nên gồm chung pháp thân Phật trong ba đời đều là pháp thân Phổ Hiền, như kinh Hoa Nghiêm chép: Thân tướng Phổ Hiền cũng như hư không, y theo như như mà không y theo cõi Phật.

2. Ứng thân phổ, phổ ứng khắp mười phương mà làm tất cả phương tiện, cho nên ứng thân mười phương Chư Phật ba đời đều là Phổ Hiền ứng thân đều là Phổ Hiền ứng dụng, cho nên luận Trí Độ chép: không thể nói trú xứ của Phổ Hiền, nếu muốn nói tức là trụ trong tất cả thế giới.

Chú thích kinh rằng: Giáo hóa cùng khắp nên gọi là Phổ, kê cận sát bậc Thánh nên gọi là Hiền, khuyến là khích lệ, phát là phát khởi. Dùng các việc cao quý để khuyến khích người phát khởi tâm trì kinh gọi là khuyến phát. Theo đoạn văn sau thì Phổ Hiền dùng bảy việc khuyến phát:

1. Hỏi bốn pháp để khuyến phát.
2. Hiện tướng lành để khuyến phát.
3. Nói thần chú để khuyến phát.
4. Dùng thần lực truyền bá kinh để khuyến phát.
5. Khen ngợi trì kinh để khuyến phát.
6. Nói quả báo trì kinh để khuyến phát.
7. Ứng hộ pháp để khuyến phát.

Phẩm này chia làm năm đoạn:

1. Ngài Phổ Hiền đến hỏi Phật sau khi Như lai diệt độ làm thế nào có thể được kinh Pháp Hoa.

2. Đức Phật trả lời phải thành tựu bốn pháp.

3. Phổ Hiền phát nguyện ủng hộ người trì kinh, giữ gìn Pháp Hoa.

4. Đức Phật khen ngợi.

5. Chúng lúc ấy được ngộ đạo.

Đoạn đầu lại chia năm phần:

1. Nói ngài Phổ Hiền từ phương khác đến.

2. Hiện thần lực.

3. Quyển thuộc hiện thần lực.

4. Đến Ta bà rồi tôn trọng cung kính Phật.

5. Chính thức hỏi Phật.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm chép: Thân tướng Phổ Hiền cũng như hư không, y theo như như mà không y theo cõi Phật, nay vì sao nói từ phương Đông đến?

Đáp: Kinh Tịnh Danh khen thân Phật rằng: không ở một phương, cũng không lìa một phương nào, do lìa ba cõi nên nói không ở tại phương, chẳng có cảm nào không ứng nên nói không lìa phương. Nay do cảm ở phương Đông nên thấy ở phương Đông, nếu cảm ở phương Tây thì thấy

ở phương Tây. Sở dĩ có đến đi, là do Hoa Nghiêm nói về pháp thân, kinh này nói về thị hiện, cho nên không trái nhau.

Kinh Phổ Hiền Quán chép: Thân Phổ Hiền vô lượng vô biên, muốn đến cõi này thì nhập thân thông tự tại rút thân khiến nhỏ lại, cho nên từ phương Đông mà đến phương Tây.

“Các nước đi qua khắp đều rung chuyển”, đây là hiển bày năng lực thân thông.

“Lại cùng vô số các đại chúng”, đây là cùng quyến thuộc đều hiện thân thông.

“Đến núi Kỳ Xà quật ở cõi Ta bà”, đây là đến rồi tu pháp cúng kính.

“Bạch Phật rằng”, đây là hỏi Phật. Ban đầu nói lý do đến, nói cúi mong đức Thế tôn là ý xin hỏi, làm sao được kinh Pháp Hoa này, đây là nói giải ngộ tức là được.

“Phật bảo Bồ-tát Phổ Hiền”, đây là Phật trả lời, gồm có ba câu, đó là nêu lên, giải thích và kết ý. Trong phần giải thích là giải thích là nói về bốn pháp:

1. Bên ngoài được các Đức Phật hộ niệm: hộ là khiến điều ác không xâm hại, niệm là khiến gốc lành thành tựu.

2. Bên trong trồng các cội công đức: ban đầu phát khởi một niệm không hai, chánh quán là cội của các điều thiện, do đắc quán hạnh này tương ứng với Phật nên được Phật hộ niệm.

3. Vào trong nhóm chánh định, nhóm có ba thứ:

a. Nhóm tà định là sẽ vào địa ngục.

b. Nhóm chánh định, là sẽ được giải thoát.

c. Trung gian giữa hai nhóm gọi là nhóm bất định. Nói về địa vị thì xưa giải thích là nội phạm phu tánh chủng Bồ-tát đắc sanh không giải, gọi là nhóm định, nay là tâm thứ sáu trong Thập tín tức Bất thoái, cũng gọi là nhập nhóm định.

4. Phát tâm cứu tất cả chúng sanh, như Kim Cáng Bát-nhã nói về bốn thứ tâm:

a. Tâm rộng lớn: do độ khắp chúng sanh.

b. Tâm bậc nhất: do cùng chúng sanh vui đại Niết-bàn.

c. Tâm thường: do thường không lìa tâm này.

d. Tâm không điên đảo: do biết chúng sanh xưa nay thường vắng lặng.

Phật trả lời bốn pháp là có thứ lớp, ban đầu là duyên bên ngoài, kế là nhân bên trong, nghĩa là một cặp về nhân và duyên. Pháp thứ ba

nói về địa vị, thứ tư về thực hành, nghĩa là một cặp về địa vị và thực hành.

“Bấy giờ ngài Phổ Hiền”, đây nói ngài Phổ Hiền phát nguyện giữ gìn, văn gồm hai phần:

1. Ngài Phổ Hiền che chở người để khuyến phát.
2. Giữ gìn pháp để khuyến phát.

Trong phần che chở người lại chia làm hai:

1. Nói rộng các việc khuyến phát.
2. Kết thúc lời khuyên trì kinh.

Phần đầu lại chia làm bốn đoạn:

1. Che chở nạn khuyến phát.
2. Hiện thân sanh thiện khuyến phát.
3. Khen ngợi tự thực hành khuyến phát.
4. Nêu quả báo khuyến phát.

Bốn phần này là nói lược nhân thực hành diệt ác sanh thiện được quả báo để khuyến phát.

Ban đầu nói che chở nạn như trừ các tai họa khiến được an ổn, người trì kinh hoặc đi hoặc đứng v.v..., ngài Phổ Hiền đều cõi voi trắng đến đó hiện thân để an ủi và cúng dường, tức là hiện thân sanh thiện khuyến phát.

Trong đây gồm có ba cảm ba ứng:

1. Do đọc tụng Pháp Hoa nên cảm được ngài Phổ Hiền hiện thân đến an ủi tâm người đó và cúng dường kinh pháp.

2. Do suy nghĩ kinh này mà cảm được ngài Phổ Hiền đến trao cho văn cú, khiến được lợi ích tổng trì.

3. Dạy người ấy thực hành pháp, tức giải thích nghĩa cảm được thấy ngài Phổ Hiền nói ở trên.

Ban đầu do nhân đọc tụng kinh Pháp Hoa nên thấy ngài Phổ Hiền đến. Luận Trí Độ chép: Có vị Tỳ-kheo đọc kinh Pháp Hoa, một vị vua thấy một người sắc vàng cõi voi trắng đến đứng trước người ấy mà nghe kinh Pháp Hoa.

Sở dĩ cõi voi trắng 6 ngà là có hai nghĩa:

1. Nói nghi thức của Bồ-tát.

2. Muốn dùng thú linh thiêng để hàng phục ma độc. Kinh Phổ Hiền Quán chép: Sáu ngà là biểu hiện sáu độ, bốn chân là biểu hiện bốn như ý túc, bảy chi vững trên đất là biểu hiện bảy chi.

Kinh chép: Người cõi Diêm-phù-đề có ba chương sâu nặng nên Bồ-tát dùng năng lực trí tuệ hóa cõi voi trắng, voi có sáu ngà, bảy chi

vững trên đất, dưới bảy chi sanh ra bảy hoa sen, sắc voi trắng tinh, pha lê hay núi tuyết cũng không sánh bằng, thân voi dài bốn trăm năm mươi do tuần, cao bốn trăm do tuần, trên đầu sáu ngà có sáu ao nước, trong mỗi ao có bốn hoa sen, trong mỗi hoa sen có một ngọc nữ, trong tay hóa ra năm thứ không hầu, có năm trăm thứ nhạc khí cùng làm quyến thuộc với không hầu. Trước mũi voi có hoa, trong hoa có hóa Phật và hóa Bồ-tát, phát ra ánh sáng sắc vàng chiếu trên đảnh voi và hóa thành đài vàng. Trên đầu voi có ba người hóa hiện, một người cầm kim luân, một người cầm hạt châu ma ni và một người cầm chày Kim cương. Khi đưa chày lên thì voi nổi lên giữa hư không cách đất bảy thước và hiện ra ấn văn, trong ấn văn có ngàn căm, đầy đủ cả vành, trục, trong mỗi vành xe có một hoa sen, trên hoa sen lại có một voi hóa hiện, như vậy đưa chân lên bỏ chân xuống sanh ra bảy ngàn voi để làm quyến thuộc. Tùy theo voi lớn đi mà hóa Phật phát ra ánh sáng cho đến trên lưng voi hóa thành cái yên bằng vàng, bốn mặt có bảy cột báu làm thành đài vàng, trong đài có hoa bảy báu, trăm thứ báu làm tua, có ngọc ma ni lớn làm đài, ngài Phổ Hiền ngồi trên ấy, thân màu ngọc trắng có năm mươi thứ ánh sáng, trong mỗi ánh sáng có năm mươi màu sắc làm thành ánh sáng trên đảnh, các lỗ chân lông nơi thân đều phát ra ánh sáng vàng, trên đầu ánh sáng vàng có vô lượng hóa Phật và hóa Bồ-tát, trời mưa hoa báu trước chân voi đi, voi liền mở miệng có các ngọc nữ đàn ca múa hát, âm thanh ấy thanh tao ca ngợi đạo nhất thừa, mọi người thấy rồi liền vui mừng đảnh lễ, như trong kinh Phổ Hiền Quán nói rộng.

“Nếu người ấy ngồi”, đây nói lúc ngồi suy nghĩ kinh này thì ngài Phổ Hiền đến.

“Triền Đà-la-ni”, được tổng trì này nên biết hết pháp của Chư Phật và Bồ-tát trong mười phương nói, đều có thể nhớ nghĩ, do hiểu một pháp môn là hiểu tất cả nên gọi là triền.

“Pháp âm phương tiện Đà-la-ni”, là hiểu tất cả môn phương tiện của Chư Phật, như người thừa.

“Thế tôn! Nếu đời sau trong năm trăm năm đời vẫn đục”, đây là chỉ bày pháp thực hành, theo kinh Phổ Hiền Quán thì pháp thực hành có năm bậc:

1. Trong hai mươi mốt ngày thì thấy ngài Phổ Hiền đến.
2. Trong bốn mươi chín ngày thấy ngài Phổ Hiền đến.
3. Trong một đời được thấy.
4. Trong hai đời được thấy.
5. Trong ba đời mới được thấy.

Nay chỉ nói bậc đầu tiên tức hai mươi một ngày là có thể thấy.

Hỏi: Tu phương pháp gì?

Đáp: Nay theo kinh Phổ Hiền Quán nói lược sáu pháp:

1. Tại chỗ tĩnh lặng, trang nghiêm đọa tràng, đốt hương, rải hoa v.v...

2. Tắm gội trong thân mặc áo sạch sẽ.

3. Sáu thời lễ bái Phật mười phương, pháp thân Phật trùm khắp mọi nơi chốn, ứng thân Phật ở cõi tịnh, hóa thân Phật ở cõi uế. Sáu thời dốc lòng lễ bái, đối trước Phật mười phương và ngài Phổ Hiền mà sám hối tội lỗi sáu căn, tử vô tử đến nay trong mỗi căn đều sanh ra sáu thứ phiền não, thấy sắc đẹp mà sanh tham, thấy sắc xấu mà nổi sân, thấy sắc không đẹp không xấu mà khởi si, thấy sắc khởi đoạn, thường, thành các tà kiến ngoại đạo, thấy có và không rơi vào nhị thừa, thấy sắc mà khởi tâm có sở đắc thành ra chướng phiền não. Do khởi sáu thứ phiền não này mà khởi nghiệp kết, không thể ra khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não, chướng ngại tâm Bồ-đề, chướng ngại đọa Bồ-tát và cả quả Phật. Một căn đã như vậy, năm căn kia cũng như vậy, do đây mà tự quả trách khởi tâm xấu hổ sâu xa, đối với mỗi căn và ba lỗi nên tự trình bày trước Phật mười phương và ngài Phổ Hiền, xin Chư Phật Bồ-tát từ bi kế nhận lời sám hối, và xin tất cả chúng sanh trong sáu đường nhận lời sám hối này.

4. Ở chỗ yên tĩnh mà xin Phật Thích-ca làm hòa thượng, ngài Văn-thù làm A Xà-lê, ngài Di-lặc làm giáo thọ sư, ba vị này là Phật ba đời, Thích-ca là Phật hiện tại, Văn-thù là Phật quá khứ, Di-lặc là Phật vị lai, cho nên xin ba vị thầy. Kế đến xin Phật mười phương làm chứng, Bồ-tát mười phương làm bạn lành, xin ngài Phổ Hiền làm vị sám hối chủ. Ở trước sáu vị thầy này mà tự thọ ba pháp quy y, thọ xong tự thọ ba giới: Từ thân này cho đến đời vị lai thề dứt tất cả việc ác, từ thân này cho đến hết đời vị lai thề tu tất cả thiện, từ thân này cho đến hết đời vị lai thề độ tất cả chúng sanh. Ba pháp quy y và ba giới này là bao gồm hết tất cả pháp.

5. Ngày đêm đọc tụng kinh điển Đại thừa.

6. Ngồi ngay thẳng suy nghĩ pháp bậc nhất nghĩa không sâu xa, thấu hiểu sáu căn như huyễn như mộng từ nhân duyên mà sanh, nhân duyên sanh tức là tướng vắng lặng, tướng vắng lặng tức là thật tướng, thật tướng tức là pháp thân. Lúc quán như vậy thì niệm niệm thấy pháp thân Phật mười phương và Bồ-tát Phổ Hiền, trong khoảng búng ngón tay mà có thể diệt tội sanh tử trong trăm muôn ức A tăng kỳ kiếp.

Hỏi: Trước nói rằng sau năm trăm năm, nay nói rằng đời sau, sau năm trăm năm thì có gì khác?

Đáp: Thời chánh pháp có năm trăm năm, thời tượng pháp có một ngàn năm, vậy đoạn văn trước là nói khi chánh pháp diệt bắt đầu vào năm trăm năm thời tượng pháp. Đoạn văn ở đây là năm trăm năm sau trong thời tượng pháp, tức là hai lần sau cho nên nói đời sau, sau năm trăm năm.

Ngài Phổ Hiền nói thân chú để khuyến phát: “A đàn địa”, Hán dịch là vô ngã. Đàn đà bà địa, dịch là trừ ngã. Đàn đà bà đế, dịch là phương tiện. Đàn đà cứu xá lệ, dịch là tân nhân hòa trừ. Đàn đà tu đà lệ, dịch là rất mềm mại. Tu đà lệ dịch là mềm yếu. Tu đà la bà để dịch là cú kiến. Phật đà ba châu yên nể, dịch là Chư Phật hồi. Tát-bà Đà-la-ni a bà đa ni, dịch là chư tổng trì. Tát-bà Bà-sa a bà đa ni, dịch là hành chúng nói. Tu a bà đa ni, dịch là cái hồi chuyển. Tăng già bà lý xoa ni, dịch là tận tập hội. Tăng già niết Già-đà ni, dịch là trừ các đường. A tăng kỳ dịch là vô ương số. Tăng già bà đà địa, dịch là kế chư cú. Đế lệ A noạ tăng già đầu lược, dịch là thế. A la đế ba la đế dịch là số lượng ba đời. Tát-bà tăng già tam ma địa già-lan địa, dịch là vượt hữu vi. Tát-bà đạt ma tu ba lợi sát đế, dịch là học các pháp. Tát-bà tát đoả lâu đà kiêu xá lược nâu già địa, dịch là hiểu âm thanh chúng sanh. Tân a tỳ kiết lợi địa đế, dịch là sư tử vui đùa.

“Nếu kinh Pháp Hoa lưu hành”, đây là nói tự thực hành khuyến phát.

“Nếu chỉ biên chép”, đây nêu quả báo tốt để khuyến phát.

“Cho nên người trí phải một lòng”, đây là lời kết thúc khuyến phát.

“Bấy giờ đức Thích-ca”, đây là nói đức Thích-ca khen ngợi, gồm có hai đoạn:

1. Khen ngợi người che chở giữ gìn kinh.

2. Khen ngợi người thọ trì đọc tụng.

Đầu tiên khen ngợi người che chở có hai việc:

1. Khen ngợi giữ gìn người đọc tụng.

2. Khen ngợi giữ gìn pháp, tức có thể thực hành nguyện thân thông để giữ gìn kinh này.

“Phổ Hiền, nếu có người thọ trì đọc tụng”, đây là khen ngợi người được giữ gìn, gồm có năm phần:

1. Được Phật hộ niệm.

2. Xa lìa các việc ác.

3. Đời sau có quả báo gặp Phật.
4. Hiện tại có quả báo.
5. Kết lời khen ngợi.

“Lúc Phật nói phẩm Phổ Hiền khuyến phát này”.

Phần này nói đại chúng được lợi ích gồm hai đoạn:

1. Nói được lợi ích.
2. Đại chúng vui mừng làm lễ mà lui ra.

Từ niên hiệu Vĩnh Nhân năm đầu, cho đến năm thứ ba, trước sau gồm ba năm mà in xong tập Pháp Hoa nghĩa số mười hai quyển.

Theo lời giảng của tông sư Trường Thiên mà trộm thảo luận, do đây nhóm hợp các số cũ khắp hai miền Nam Bắc, san định lại để lựa chọn, lược bớt những lời mới hoặc văn chữ lộn xộn, cũng như văn từ lầm lẫn, giả như có bản đời Tống, thì đâu có lời văn thêm thắt điểm tô như vậy? Còn e rằng trí ngu muội tầm thường mà toan xét văn của bậc anh hiền, nghe tiếng ngài Mã Minh, Long Thọ mở rộng kinh điển ở Ngũ Thiên, quán tám bất chánh riêng sáng rõ ở Chấn Lân, Đề Bà, La-hầu tuôn mưa pháp ở ba quốc, mà nay đợi hoa pháp mầu hưng thịnh ở Kim Lăng, từ đó để hàng phục Nho gia mà chuyên mở rộng tông này. Những miền xa xôi tuy là quen với giáo pháp này nhưng thời đại thuộc Mạt pháp, mong cầu không có người, muốn biên chép không có chỗ.

Than ôi! Từ thuở xưa Thiên Hoàng chế ngự vũ trụ cho đến thời đại ngày nay là hơn bảy trăm năm nối nhau, chỉ truyền cương yếu của tông mà sắp lộn lộn trong ba luận, chương số không khắc in một bản.

Tổ Khánh tôi may mắn gặp nạn, gặp Đại thừa, hổ thẹn nghe điều khó, nghe mở rộng tông phong tự như trên đỉnh núi tuyết. Kẻ sĩ vì nửa bài kệ mà quên thân, cũng như Hương thành Tát đỏa cầu Bát-nhã, chảy máu mà mong được kết duyên sớm, đồng chí huynh đệ đạo, tục sớm cỡi xe mầu nhiệm Đại thừa chẳng phải một chẳng phải ba, mau đến nơi thành báu chẳng gần chẳng xa. Quyển này là do nữ đàn việt Thanh Nguyên phát tâm. Lại nghịch tu mà hiển như, diệu lý mà thông đạt đến ân bảy đời, mình và người, cùng chúng sanh trong ba cõi đâu có khác nhau! Khai phát sự phá tà hiển chánh, mà siêu phàm nhập Thánh.

Sa môn Đô Can Duyên

Tổ Khánh kính ghi ghi lời bạt.

